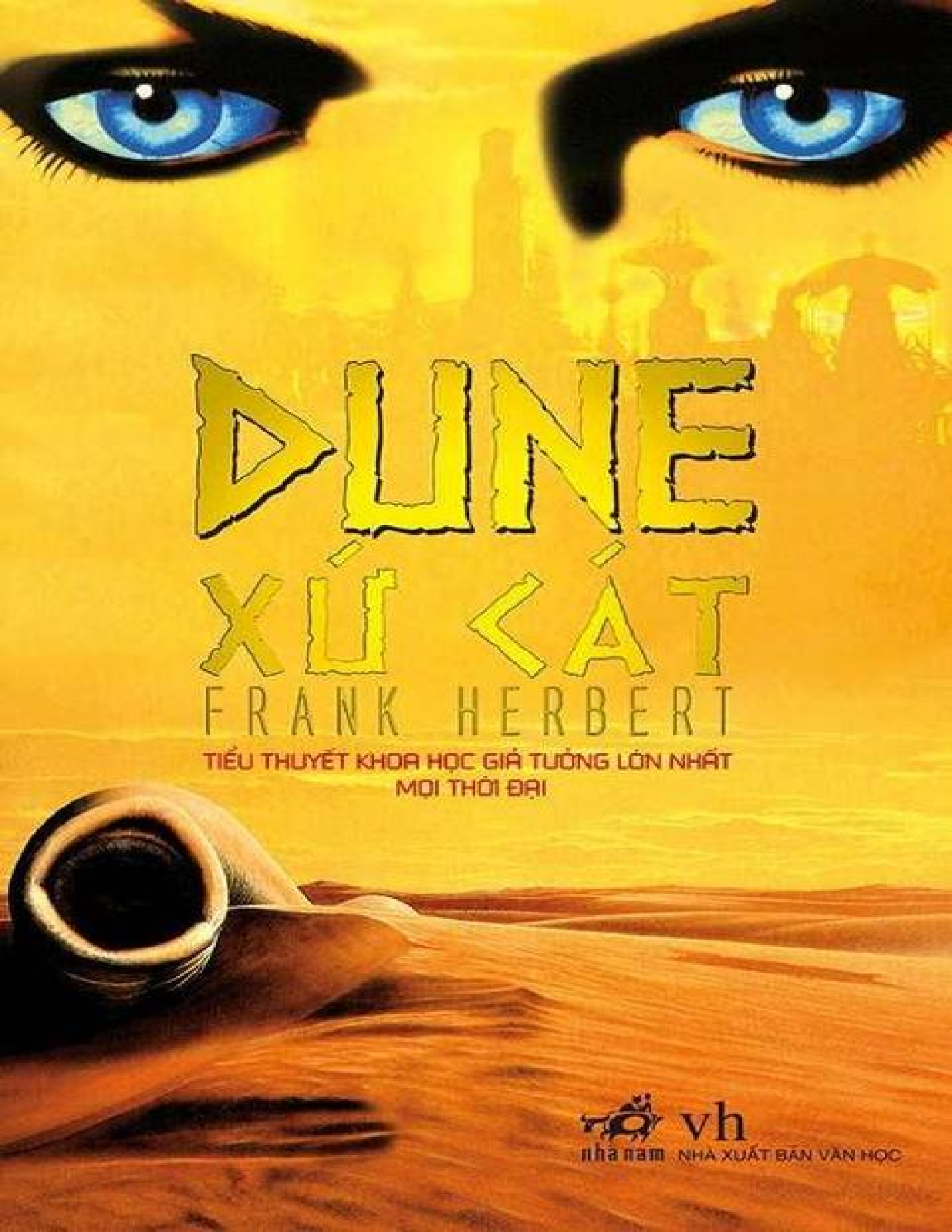




DUNE

XỨ KÁT

FRANK HERBERT

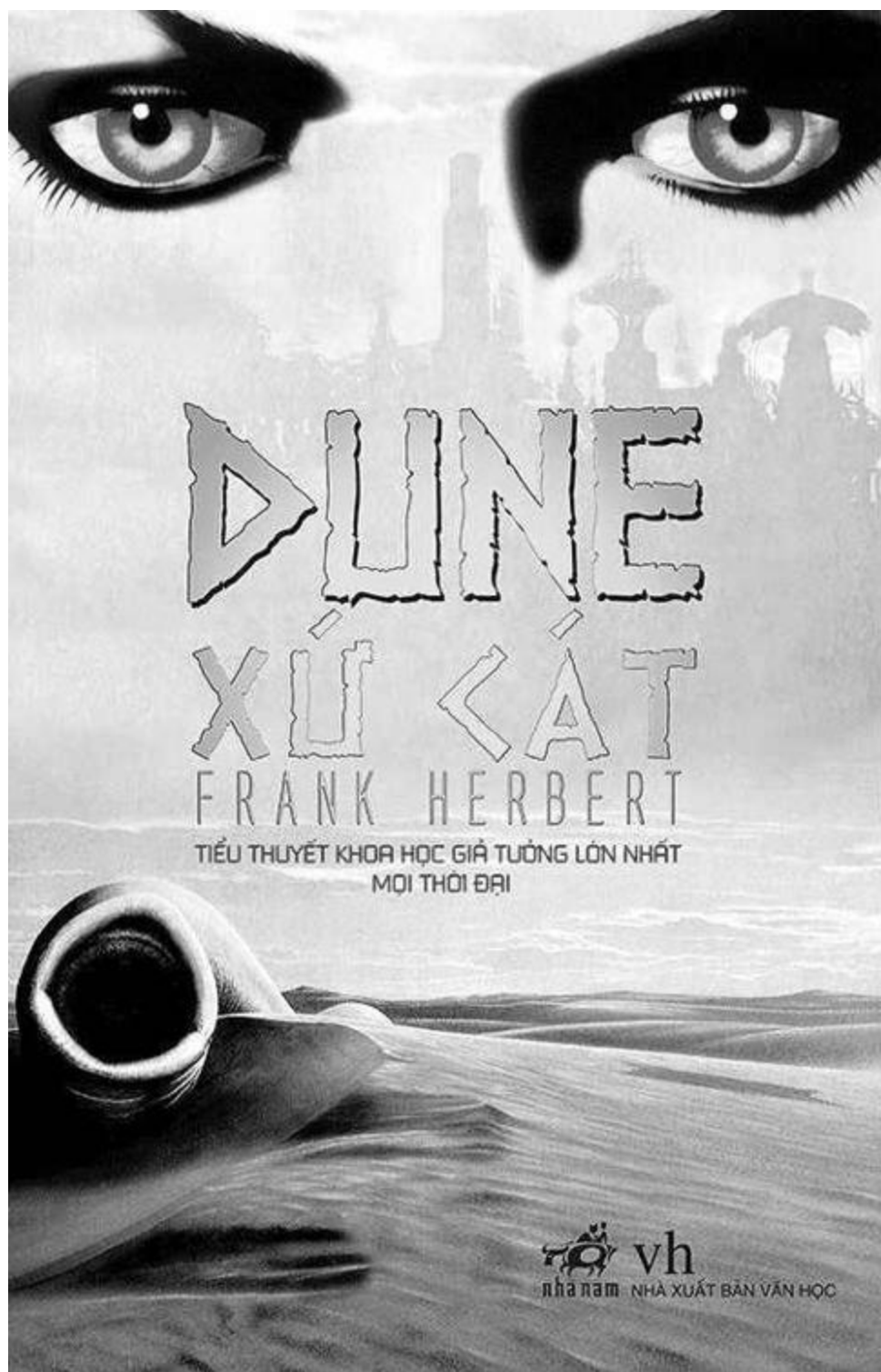
TIỂU THUYẾT KHOA HỌC GIẢ TƯỢNG LỚN NHẤT
MỌI THỜI ĐẠI



nhà nam

vh

NHA XUẤT BẢN VĂN HỌC



DUNE

XỨ CÁT

FRANK HERBERT

TIỂU THUYẾT KHOA HỌC GIẢ TƯỢNG LỚN NHẤT
MỌI THỜI ĐẠI



nhà văn

NHA XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tên sách: **Xứ Cát**

Tác giả: **Frank Herbert**

Thể loại: **Kỳ ảo, Tiểu thuyết, Văn học phương Tây**

Dịch giả: **Trần Tiễn Cao Đăng**

Thư viện ebook **SachMoi.net**

Giới thiệu:

Một thời điểm rất xa trong tương lai...

Từ đời này sang đời khác, người *Fremen* trên hành tinh sa mạc lưu truyền lời tiên tri về một đấng cứu tinh sẽ dẫn dắt họ giành lấy tự do đích thực...

Từ thế hệ này sang thế hệ khác, những nữ phù thủy *Bene Gesserit* mỗi mồn chờ đợi sự xuất hiện của một *B.G.* nam giới duy nhất, người có thể vượt qua mọi giới hạn không gian - thời gian...

Là *Lisal al-Gaib* của người *Fremen*, là *Kwisatz Haderach* của học viện *Bene Gesserit*, chàng công tước trẻ tuổi *Paul Atreides* đã làm tất cả những gì có thể để thay đổi định mệnh đó. Cha bị giết chết, mẹ bị cho là kẻ phản bội, gia tộc bị tàn sát, bản thân bị săn đuổi đến đường cùng, *Paul* đơn độc dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu sinh tử, không hề biết rằng mỗi hành động của mình sẽ góp phần quyết định vận mệnh của cả thiên hà. Sa mạc *Arrakis* khắc nghiệt tưởng như sẽ là nơi chôn vùi vĩnh viễn vinh quang của gia tộc *Atreides*, nhưng hóa ra lại thành điểm khởi đầu cho một huyền thoại mới...

Là một trong những cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng bán chạy nhất mọi thời đại, *Xứ Cát* không chỉ là lựa chọn đối với những tín đồ của *Chúa nhẫn*, *Chiến tranh giữa các vì sao*... mà còn chinh phục độc giả đủ mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp và sở thích bởi sự đa dạng và phức tạp của con người và không gian trong truyện, bởi sự tinh tế trong xây dựng tâm lý, bởi sự hấp dẫn, căng thẳng và bất ngờ của cốt truyện, bởi sự độc đáo và thú vị của khối lượng kiến thức khổng lồ cũng như bởi sự hấp dẫn trong những tư tưởng về tôn giáo, về tự do, về tình yêu, về sự sống và cái chết...

Nhận định

Độc nhất vô nhị... Không gì có thể sánh nổi, ngoại trừ *Chúa nhẫn*.

Arthur C. Clarke

Có lẽ khó khăn lớn nhất khi đọc quyển sách này chính là phải đặt nó xuống.

Classic Sci-Fi

“Bức tranh toàn cảnh về một xã hội ngoài hành tinh hoàn thiện và chi tiết hơn bất kỳ tác giả nào trong lĩnh vực này từng dựng được... Một câu chuyện lôi cuốn vừa bởi hành động vừa bởi tầm nhìn triết học.”

Washington Post Book World

Mời các bạn đón đọc *Xứ Cát* của tác giả *Frank Herbert*.

Giới thiệu

Một thời điểm rất xa trong tương lai...

Từ đời này sang đời khác, người Fremen trên hành tinh sa mạc lưu truyền lời tiên tri về một đấng cứu tinh sẽ dẫn dắt họ giành lấy tự do đích thực...

Từ thế hệ này sang thế hệ khác, những nữ phù thủy Bene Gesserit mỗi mòn chờ đợi sự xuất hiện của một B.G. nam giới duy nhất, người có thể vượt qua mọi giới hạn không gian - thời gian...

Là Lisal al-Gaib của người Fremen, là Kwisatz Haderach của học viện Bene Gesserit, chàng công tước trẻ tuổi Paul Atreides đã làm tất cả những gì có thể để thay đổi định mệnh đó. Cha bị giết chết, mẹ bị cho là kẻ phản bội, gia tộc bị tàn sát, bản thân bị săn đuổi đến đường cùng, Paul đơn độc dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu sinh tử, không hề biết rằng mỗi hành động của mình sẽ góp phần quyết định vận mệnh của cả thiên hà. Sa mạc Arrakis khắc nghiệt tưởng như sẽ là nơi chôn vùi vĩnh viễn vinh quang của gia tộc Atreides, nhưng hóa ra lại thành điểm khởi đầu cho một huyền thoại mới...

Là một trong những cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng bán chạy nhất mọi thời đại, *Xứ Cát* không chỉ là lựa chọn đối với những tín đồ của *Chúa nhẫn*, *Chiến tranh giữa các vì sao*... mà còn chinh phục độc giả đủ mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp và sở thích bởi sự đa dạng và phức tạp của con người và không gian trong truyện, bởi sự tinh tế trong xây dựng tâm lý, bởi sự hấp dẫn, căng thẳng và bất ngờ của cốt truyện, bởi sự độc đáo và thú vị của khối lượng kiến thức khổng lồ cũng như bởi sự hấp dẫn trong những tư tưởng về tôn giáo, về tự do, về tình yêu, về sự sống và cái chết... Ngay sau khi ra đời, *Xứ Cát* đã nhanh chóng được giới phê bình nhiệt liệt chào đón, được trao giải Nebula dành cho tiểu thuyết khoa học giả tưởng hay nhất năm 1965, rồi năm sau lại đoạt giải Hugo. *Xứ Cát* đã được bán hàng triệu bản và trở thành tiểu thuyết khoa học giả tưởng bán chạy nhất mọi thời đại.

Cũng như J.J. Tolkien đã tạo ra cả một vũ trụ riêng, hoàn toàn khác biệt - Middleworld - cho Lord of the Ring đồ sộ của ông, Frank Herbert khai sinh cả một vũ trụ mênh mông, kỳ vĩ của riêng mình - Dune Universe - làm bối cảnh cho loạt truyện lừng danh Xứ Cát. Vũ trụ đó quá rộng lớn không thể nào tóm gọn trong khuôn khổ một bài viết, và thậm chí bản thuật ngữ mà chính ông cung cấp cho độc giả ở cuối Xứ Cát cũng còn xa mới gọi là đủ để có được một hình dung tạm gọi là khái quát về nó. Đọc Xứ Cát đòi hỏi một niềm đam mê thực sự, cũng như một cam kết nghiêm túc và lòng kiên nhẫn. Bạn đọc biết tiếng Anh có thể (và cần phải) tham khảo các nguồn như Wikipedia hầu tìm hiểu sâu hơn về Vũ trụ Dune, lĩnh hội và hân thưởng đầy đủ hơn kích thước đồ sộ và mức độ tinh vi khó lường của nó.

Xứ Cát đích thực là một tác phẩm kinh điển của văn chương khoa học giả tưởng, và, về thực chất, là một cuốn sách kinh điển của văn chương.

- *“Một trong những tượng đài tiêu thuyết khoa học giả tưởng hiện đại” - Chicago Tribune*

- *“Nơi đây có thứ dành cho tất cả những ai yêu thích tiêu thuyết khoa học giả tưởng” - Publishers Weekly*

- *“Độc nhất vô nhị... không chỉ có thể sánh nổi, ngoại trừ Chúa nhẩn” - Arthur C. Clarke*

- *“Mạnh mẽ, hấp dẫn, và tài tình bậc nhất” - Robert A. Heinlein*

Mục lục

Những lời ca ngợi dành cho DUNE CHRONICLES

Đôi lời giới thiệu về tác giả

Đôi lời của dịch giả

Quyển Một: XỨ CÁT

Quyển Hai: MUAD'DIB

Quyển Ba: NHÀ TIÊN TRI

Phụ lục

PHỤ LỤC I: HỆ SINH THÁI XỨ CÁT

PHỤ LỤC II: TÔN GIÁO XỨ CÁT

PHỤ LỤC III: TƯỜNG TRÌNH VỀ CÁC ĐỘNG CƠ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA BENE GESSERIT

PHỤ LỤC IV: NIÊN LỊCH EN-ASHRAF

Thuật ngữ của Đế quốc

Chú thích bản đồ

Những lời ca ngợi dành cho DUNE CHRONICLES

DUNE

“Một trong những tượng đài tiểu thuyết khoa học giả tưởng hiện đại.”

- *Chicago Tribune*

“Không gì sánh nổi, ngoại trừ Chúa nhẫn.”

- *Arthur C. Clarke*

DUNE MESSIAH

“Sáng chói... Có tất cả những gì Xứ Cát có, và có lẽ còn nhiều hơn nữa.”

- *Galaxy Magazine*

CHILDREN OF DUNE

“Sự kiện lớn.”

- *Los Angeles Times*

“Nơi đây có thứ dành cho tất cả những ai yêu thích khoa học giả tưởng.”

- *Publishers Weekly*

GOD EMPEROR OF DUNE

“Thức ăn bổ dưỡng... Món ăn đậm men say.”

- *Los Angeles Times*

“Chuyến viếng thăm thứ tư tới Arrakis xa xôi, hấp dẫn đến từng giây phút không khác gì ba lần trước... và hợp thời đến từng chi tiết.”

- *Time*

HERETICS OF DUNE

“Một phần vĩ đại của công trình tưởng tượng... ma lực không thể phủ nhận.”

- *Los Angeles Herald Examiner*

“Cuốn hút và thú vị... Mỗi chi tiết đều hấp dẫn, nhưng lại được che giấu dưới sự bí ẩn và chủ nghĩa thần bí.”

- *The Milwaukee Journal*

“Chinh phục lòng người... sự bổ sung giá trị cho seri có sức sống bền bỉ và được yêu thích một cách xứng đáng này.”

- *The New York Times*

“Bức tranh toàn cảnh về một xã hội ngoài hành tinh hoàn thiện và chi tiết hơn bất kỳ tác giả nào trong lĩnh vực này từng dựng được... Một câu chuyện lôi cuốn vừa bởi hành động vừa bởi tầm nhìn triết học.”

- *Washington Post Book World*

Đôi lời giới thiệu về tác giả



Franklin Patrick Herbert, Jr. là nhà văn khoa học giả tưởng lừng danh người Mỹ, vừa được giới phê bình ca ngợi vừa rất thành công về mặt doanh thu. Ông sinh ngày 8/10/1920 ở Tacoma, bang Washington. Ông bắt đầu làm báo ngay từ năm 19 tuổi và theo đuổi công việc này gần trọn cuộc đời. Ngoài làm báo, chụp ảnh, phát thanh viên, Herbert còn làm cả những nghề như thợ lặn bắt hàu, chuyên viên hướng dẫn kỹ năng sống sót trong rừng rậm, những nghề không mấy liên quan đến văn chương. Tuy nhiên, dấu cho cái tiểu sử “cần lao, thực tế, gần-mặt-đất” này có thể khiến nhiều người liên tưởng đến trường hợp Raymond Carver - cũng chật vật đủ nghề để sống còn: gác cổng, thợ cưa... - song có lẽ không có gì khác nhau đến vậy giữa thế giới văn chương của hai tác gia đều cùng kiệt xuất đó. Cũng lạ - tuy nghĩ kỹ thì không lạ - rằng một con người từng lăn lộn với cõi thực tại như vậy rồi ra sẽ sống chết với một thế giới hoàn toàn khác, do chính mình tạo ra, một cách trọn vẹn đến vậy.

Năm 1947, Frank Herbert gửi truyện ngắn khoa học giả tưởng đầu tiên của mình là Looking for Something cho tạp chí Startling Stories. Sự nghiệp tiểu thuyết của ông khởi đầu với việc ấn hành cuốn Rồng ở biển (The Dragon in the Sea) năm 1955. Cuốn sách đã tiên báo những cuộc xung đột trên toàn cầu trong việc tiêu thụ và sản xuất dầu lửa.

Herbert bắt đầu nghiên cứu để viết Xứ Cát năm 1959. Thời gian này, ông “chịu ơn” Beverly, người vợ tâm đầu ý hợp đã tận tụy gánh vác trách nhiệm là lao động chính nuôi gia đình trong suốt thập niên 1960 để ông có thể dành thời gian và tâm lực cho viết lách. Về sau, trong một cuộc trả lời phỏng vấn, Herbert cho biết ý tưởng về cuốn tiểu thuyết hình thành vào thời gian ông được tòa soạn giao viết một bài nói về những cồn cát ở Oregon Dunes gần Florence, bang Oregon, nhưng rồi cuộc ông đâm ra mê đắm vào đề tài đó và thu thập quá nhiều tư liệu so với mức cần thiết cho một bài báo. Dù ông không hoàn thành bài báo này nhưng chính nó là hạt nhân cho những ý tưởng rồi ra sẽ dẫn tới Xứ Cát.

Herbert dành gần mười năm nghiên cứu và viết mới hoàn thành Xứ Cát, quá lâu so với truyện khoa học giả tưởng “thị trường” thời đó. Đầu tiên tác phẩm được đăng nhiều kỳ trên tạp chí Analog, chia thành hai phần (Dune World - Thế giới Xứ Cát và Prophet of Dune - Nhà tiên tri Xứ Cát) vào năm 1963 và 1965. Tuy nhiên, khi Herbert nghĩ đến việc xuất bản thành sách, thử thách mà Xứ Cát phải vượt qua mới thật cam go: bị gần hai mươi nhà xuất bản từ chối trước khi cuối cùng có một nhà xuất bản nhỏ “liều” chấp nhận!

Năm 1972, Herbert thôi làm báo mà dành trọn thời gian cho văn chương. Trong thập niên 1970 và 80, ông giành được thành công đáng kể về thương mại. Ông viết nhiều sách, đồng thời quảng bá các ý tưởng của mình về sinh thái học và triết học. Ông viết tiếp bộ trường thiên Xứ Cát và một loạt tác phẩm đáng kể khác như The Dosadi Experiment, The Godmakers, The White Plague, The Jesus Incident và The Lazarus Effect...

Herbert qua đời ngày 11/2/1986 do một cơn tắc mạch phổi trong khi đang hồi phục sau một ca mổ ung thư tuyến tụy, thọ 65 tuổi.

Frank Herbert dùng tiểu thuyết khoa học giả tưởng để khai phá những ý tưởng phức tạp của mình xoay quanh triết học, tôn giáo, tâm lý học, chính trị và sinh thái học, và chính vì đọc sách của ông, nhiều người đã trở nên hứng thú với các lĩnh vực này. Nỗi thôi thúc sâu xa trong tác phẩm của Herbert chính là mối quan tâm đối với vấn đề sự sống còn và tiến hóa của con người.

Herbert có lẽ là nhà văn khoa học giả tưởng đầu tiên quảng bá những ý tưởng sâu sắc về sinh thái và vấn đề tư duy có hệ thống. Ông nhấn mạnh rằng con người cần phải biết suy nghĩ vừa có hệ thống vừa dài hạn. Ông cũng là một trong những người tiên phong trong việc hình dung viễn cảnh những khả năng phát triển hết sức mạnh mẽ của loài người, với những loại cá nhân đầy năng lực và cũng đầy ghê gớm như Mentat và Bene Gesserit. Đối với ông, nhân loại là một kho chứa những khả năng hầu như vô tận, cả tốt lẫn xấu, và sáng tác của ông là một cuộc hành trình vô tận hầu như thiếu hiểu nó.

Rất nhiều độc giả đắm ra hăm mộ Herbert đến độ có thể gọi là cuồng tín, coi ông như một chuyên gia có thẩm quyền tối hậu trong những vấn đề ông tâm đắc. Sự sùng bái đó khiến Herbert đôi khi tự hỏi phải chăng ông đang trở thành một thứ thần tượng, điều mà bản thân ông kiên quyết chống - như ta thấy trong Xứ Cát, cái viễn cảnh mình sẽ trở thành thần tượng tuyệt đối của một dân tộc, dù mình có muốn hay không, sẽ là nỗi ám ảnh và cơn ác mộng khôn nguôi đối với nhân vật chính như thế nào.

Xứ Cát là một công trình đồ sộ đến nỗi dường như cuộc đời và tâm lực của một con người là không thể đủ cho nó. Cho nên, hơn mười năm sau khi ông mất, con trai ông, Brian Herbert và một tác giả khác là Kevin Anderson, đã bắt tay kế tục sự nghiệp của ông. Một phần dựa vào các ghi chú, đề cương, bản thảo rời rạc của ông để lại, họ đã viết thêm những cuốn khác bổ sung vào trường thiên Xứ Cát, mở rộng và khai phá thêm nữa cái thế giới xa xăm và bí ẩn, vừa giống vừa khác biệt đó.

Người dịch

Đôi lời của dịch giả

Xứ Cát (Dune) là một cuốn sách hấp dẫn, đồng thời uyên áo và phức tạp. Đọc xứ Cát có nghĩa là tự thách thức mình thám hiểm một thế giới, một vũ trụ mới mẻ, bí ẩn, thu hút, kỳ tuyệt, cuộc phiêu lưu sẽ đem lại niềm vui sướng và thỏa mãn lớn lao cho những ai đủ nhẫn nại theo nó đến cùng.

Bộ tiểu thuyết trường thiên xứ Cát, hay Dune saga như sách báo nước ngoài vẫn gọi, lấy bối cảnh một thời rất xa trong tương lai và diễn ra trong hơn một ngàn năm, động chạm đến những vấn đề cốt tử như sự sống còn của loài người, sự tiến hóa, sinh thái, và sự giao thoa giữa tôn giáo, chính trị và quyền lực.

Thể loại khoa học giả tưởng vẫn thường bị một số người trong giới học thuật-phê bình hàn lâm coi là “genre literature”, hiểu theo nghĩa nào đó là văn chương hạng hai, không đủ tư cách ngồi chung chiếu với “great literature”, văn chương “lớn” hay “ng nghiêm túc”. Tuy nhiên, ở xứ Cát, tầm cỡ, chiều sâu, mức độ phức tạp của những chiêm nghiệm siêu hình và tư duy mang tính bản thể luận về con người và vũ trụ, những mối băn khoăn và dự tưởng vừa hào sảng vừa đầy lo âu về tương lai nhân loại, và nhiều, nhiều nữa, tất cả khiến cho người dịch không thể không hoài nghi vào cung cách phân loại võ đoán và nông cạn của các nhà hàn lâm tự phong kia.

Cũng như J.J. Tolkien đã tạo ra cả một vũ trụ riêng, hoàn toàn khác biệt - Middleworld - cho Lord of the Ring đồ sộ của ông, Frank Herbert khai sinh cả một vũ trụ mênh mông, kỳ vĩ của riêng mình - Dune Universe - làm bối cảnh cho loạt truyện lừng danh xứ Cát. Vũ trụ đó quá rộng lớn không thể nào tóm gọn trong khuôn khổ một bài viết, và thậm chí bản thuật ngữ mà chính ông cung cấp cho độc giả ở cuối xứ Cát cũng còn xa mới gọi là đủ để có được một hình dung tạm gọi là khái quát về nó. Đọc xứ Cát đòi hỏi một niềm đam mê thực sự, cũng như một cam kết nghiêm túc và lòng kiên nhẫn. Bạn đọc biết ngoại ngữ có thể (và cần phải) tham

khảo các nguồn như Wikipedia hầu tìm hiểu sâu hơn về Vũ trụ Dune, linh hội và hân thưởng đầy đủ hơn kích thước đồ sộ và mức độ tinh vi khó lường của nó.

Xứ Cát đích thực là một tác phẩm kinh điển của văn chương khoa học giả tưởng, và, trên thực chất, là một cuốn sách kinh điển của văn chương.

Bạn đã làm một việc rất đáng làm khi quyết định bắt đầu đọc cuốn sách này, dù chỉ là để biết trí tưởng tượng của con người có thể giàu có và rộng lớn đến đâu, và con người có thể làm được những gì một khi đã quyết liệt thực hiện đến cùng dự án sáng tạo “không giống ai” của mình, với niềm đam mê khôn cùng, ý thức sáng rõ về vị trí của mình trong thế giới, và với lòng quả cảm.

Tôi muốn tỏ lòng cảm ơn chân thành đến vợ yêu quý của tôi, người đã luôn hỗ trợ tôi về mặt tinh thần, cũng như tất cả các biên tập viên đã hết sức hết lòng làm việc để cùng tôi mang lại bản Xứ Cát bằng tiếng Việt tốt nhất trong khả năng có thể.

Người dịch

Quyển Một: XỨ CÁT

Lúc khởi đầu là thời điểm cần phải cực kỳ cẩn trọng, sao cho mọi cân đều chính xác. Điều này mỗi nữ tu của dòng Bene Gesserit đều biết. Do vậy, để bắt đầu nghiên cứu về cuộc đời Muad'Dib, trước hết hãy cẩn trọng đặt Người vào đúng thời đại của Người: sinh vào năm 57 dưới thời trị vì của Hoàng đế Padishah Shaddam Đệ Tứ. Và hãy đặc biệt cẩn trọng đặt Muad'Dib vào đúng nơi vốn là xứ sở của Người: hành tinh Arrakis. Chớ bị đánh lừa bởi việc Người ra đời ở Caladan và sống mười lăm năm đầu đời ở đây. Arrakis, hành tinh được biết đến dưới cái tên Xứ Cát, mãi mãi là mảnh đất quê hương Người.

- trích “Sách về Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Trong tuần lễ trước khi họ khởi hành đi Arrakis, khi tình trạng nhốn nháo lẫn lộn đã trở nên điên cuồng đến mức gần như không chịu nổi, một bà già đến thăm mẹ của cậu bé tên Paul.

Đó là một đêm ấm áp ở lâu đài Caladan; cái đồng đá cổ xưa từng là nơi cư ngụ của suốt hai mươi sáu thế hệ gia đình Asteides mang cảm giác toát mồ hôi lạnh mà nó thường có mỗi khi tiết trời thay đổi.

Bà lão được dẫn vào theo cửa phụ, đi dọc hành lang có mái vòm kế bên phòng Paul, và được phép đứng ngắm cậu bé một lát trong khi cậu nằm trên giường.

Dưới ánh sáng tù mù của ngọn đèn treo móc sát sàn nhà, cậu bé đang thức nhìn thấy bóng một người đàn bà to lớn đứng ở cửa phòng cậu, trước mẹ cậu một bước. Bà lão giống hệt một bóng ma phù thủy - mớ tóc như đám mạng nhện rối rùi, mũ trùm đầu che kín khuôn mặt, cặp mắt như hai viên kim cương lấp lánh.

“Thằng bé có hơi nhỏ con so với tuổi của nó không, Jessica?” bà lão hỏi. Giọng bà ta khò khè, đặc giọng mũi, giống hệt tiếng đàn baliset lạc điệu.

Mẹ Paul trả lời bằng giọng trầm êm ái: “Người nhà Atreides vốn trưởng thành muộn so với chúng bạn, thưa Mẹ Chí tôn.”

“Ta có nghe thế, có nghe thế,” bà lão khò khè. “Nhưng thằng bé cũng mười lăm tuổi rồi.”

“Vâng, thưa Đức bà.”

“Nó đang thức và nghe chúng ta nói chuyện,” bà lão nói. “Thằng ranh con quý quyết.” Bà ta cười tùm tùm. “Nhưng người của hoàng tộc cần phải quý quyết. Nếu nó thực sự là Kwisatz Haderach... ừm...”

Nằm giữa hai cái bóng hắt lên giường, Paul khẽ ti hí mắt. Hai hình bầu dục sáng quắc - đôi mắt của bà lão - dường như giãn ra và bùng sáng khi nhìn chăm chăm vào cậu bé.

“Ngủ ngon nhé, thằng ranh con quý quyết,” bà lão nói. “Ngày mai người sẽ phải huy động tất cả khả năng người có để gặp gom jabbar của ta đấy.”

Rồi bà ta quay đi, đẩy mẹ cậu bé ra ngoài và đóng sập cửa lại.

Paul nằm không ngủ, băn khoăn: *Gom jabbar là cái gì vậy?*

Trong tất cả sự xáo trộn diễn ra suốt thời kỳ biến động này, bà lão là điều kỳ lạ nhất cậu từng thấy.

Mẹ Chí tôn.

Lại còn cái kiểu bà ta gọi Jessica mẹ cậu như gọi một người hầu gái bình thường chứ không đúng với địa vị của bà - một Lệnh bà Bene Gesserit, tì thiếp của Công tước và là mẹ của người thừa kế tước Công.

Liệu gom jabbar có phải là một cái gì đó ở Arrakis mà ta phải biết trước khi gia đình ta đến đó không? cậu thầm hỏi.

Cậu nói to những từ lạ lùng của bà ta: *Gom jabbar... Kwisatz Haderach*.

Có quá nhiều thứ phải học. Arrakis là một hành tinh khác Caladan đến nỗi trí óc Paul quay cuồng với những kiến thức mới. *Arrakis - Xứ Cát - Hành tinh Sa mạc*.

Thufir Hawat, Thủ lĩnh đội Sát thủ của cha cậu giải thích: kẻ thù không đội trời chung của họ, bọn Harkonnen, đã sống ở Arrakis tám mươi năm, chiếm giữ hành tinh này làm bán thái ấp, ký hợp đồng với Công ty CHOAM để khai thác melange, loại hương được có khả năng duy trì tuổi thọ. Bây giờ bọn Harkonnen đã ra đi nhường chỗ cho Gia tộc Atreides đến tiếp quản Arrakis làm thái ấp - đây có vẻ như một chiến thắng của Công tước Leto. Tuy nhiên, Hawat đã nói, cái sự có vẻ này chứa đựng hiểm họa chết người, vì Công tước Leto là người được các Đại Gia tộc trong Landsraad ái mộ.

“Một người được ái mộ sẽ làm dấy lên lòng ghen tị của những kẻ có quyền lực,” Hawat nói.

Arrakis - Xứ cát - Hành tinh Sa mạc.

Paul thiếp đi, mơ thấy một cái hang ở Arrakeen, những con người yên lặng di chuyển vòng quanh cậu trong ánh sáng mờ mờ của những quả đèn cầu. Không khí thật trang nghiêm và khi lắng nghe một âm thanh yếu ớt - tiếng nước chảy tí tách - tí tách - tí tách, cậu cảm thấy nơi đây giống như thánh đường vậy. Ngay cả khi chìm trong giấc mơ, Paul vẫn biết cậu sẽ nhớ về nó khi tỉnh giấc. Cậu luôn nhớ những giấc mơ là điềm báo.

Giấc mơ tan dần.

Paul tỉnh giấc, nhận ra mình đang nằm trên giường ấm nệm êm - suy nghĩ... suy nghĩ. Ở lâu đài Caladan này, cậu không có trò chơi hay bạn cùng lứa tuổi, nên có lẽ khi phải tạm biệt nó thì cũng chẳng đáng buồn. Bác sĩ Yueh, thầy giáo của cậu, đã nói bóng gió rằng hệ thống giai cấp faufreluches ở Arrakis không được duy trì nghiêm ngặt. Hành tinh này che chở cho những người sống ở rìa sa mạc vốn không có vị caid hoặc bashar

nào cai quản: cái giống người sống vật vờ trên cát gọi là Fremen, không được thống kê theo Bộ Điều tra Dân số Hoàng gia.

Arrakis - Xứ Cát - Hành tinh Sa mạc.

Paul cảm nhận được sự căng thẳng của chính mình, bèn quyết định thực hành một trong những bài tập thân-trí mà mẹ đã dạy cậu. Ba hơi thở nhanh khởi đầu các phản ứng: cậu chìm vào nhận thức được thả trôi... tập trung vào ý thức... giãn nở động mạch chủ... tránh sự phân tâm của ý thức... ý thức theo lựa chọn... máu được làm giàu và nhanh chóng tràn đầy các vùng quá tải... người ta *không chỉ dựa vào bản năng để giành được tự do - an toàn - thức ăn*... ý thức động vật không vượt ra ngoài khoảnh khắc hiện tại cũng không vươn đến cái ý nghĩ rằng nạn nhân của nó có thể bị tuyệt chủng... con vật hủy diệt mà không tạo sinh... lạc thú của con vật gần với cấp độ cảm giác mà tránh những gì dựa trên tri giác... con người cần một mạng lưới nền để qua đó nhìn thấy vũ trụ của y... ý thức tập trung theo lựa chọn, điều này tạo thành mạng lưới của mi... tính chỉnh thể của thể xác theo dòng máu-thần kinh phù hợp với nhận thức sâu xa nhất về các nhu cầu của tế bào... mọi sự vật/tế bào/thực thể đều vô thường... hãy nỗ lực đạt tới dòng chảy thường hằng ở bên trong...

Bài học ấy cứ chuyển vần, chuyển vần, vần chuyển mãi trong nhận thức được thả trôi của Paul.

Khi bình minh hắt ánh vàng vào ngưỡng cửa sổ phòng Paul, cậu có thể cảm nhận được nó qua mí mắt đang khép của mình, cậu mở mắt, nghe thấy tiếng ồn ào hối hả đã trở lại trong lâu đài, nhìn thấy những xà nhà trang trí hoa văn quen thuộc trên trần phòng ngủ.

Cửa phòng mở ra và mẹ cậu ngó vào trong, mái tóc màu đồng được cột lên đỉnh đầu bằng một sợi ruy băng màu đen, khuôn mặt hình trái xoan vô cảm và đôi mắt xanh nghiêm nghị.

“Con dậy rồi à,” nàng nói. “Con ngủ ngon chứ?”

“Ngon ạ.”

Cậu quan sát chiều cao của mẹ, nhận thấy một chút căng thẳng toát ra từ hai vai khi mẹ chọn quần áo cho cậu từ các giá để đồ trong phòng. Người khác thì hẳn đã không nhận ra sự căng thẳng này, nhưng mẹ đã huấn luyện cậu theo Phương pháp Bene Gesserit - quan sát từ những chi tiết nhỏ nhất nhất. Mẹ quay lại, mang cho cậu chiếc áo lễ phục. Chiếc áo có phù hiệu chim ưng Atreides màu đỏ trên túi ngực.

“Mặc quần áo nhanh lên,” nàng nói. “Mẹ Chí tôn đang chờ.”

“Con từng mơ thấy bà ấy rồi,” Paul nói. “Bà ấy là ai vậy?”

“Bà là cô giáo của mẹ ở trường Bene Gesserit. Bây giờ, bà là Người Nói Sự thật của Hoàng đế. Paul này...” Nàng ngập ngừng. “Con phải kể với bà ấy về các giấc mơ của con.”

“Con sẽ kể. Có phải vì bà ấy mà chúng ta chiếm được Arrakis không?”

“Chúng ta không *chiếm* Arrakis.” Jessica khẽ phúi bụi trên một chiếc quần, treo nó cùng áo vest lên giá quần áo cạnh giường. “Đừng để Mẹ Chí tôn phải chờ.”

Paul ngồi dậy, ôm đầu gối. “Gom jabbar là cái gì vậy?”

Lại một lần nữa, nhờ sự huấn luyện của mẹ, Paul nhận thấy rõ ràng sự ngắc ngứ hầu như vô hình của mẹ, một dấu hiệu lo lắng mà cậu cảm thấy dường như là nỗi sợ hãi.

Jessica tiến về phía cửa sổ, kéo rộng tấm rèm, dăm dăm nhìn vượt qua vườn cây ăn quả bên sông về phía núi Syubi. “Con sẽ biết về... gom jabbar, chẳng lâu nữa đâu,” nàng nói.

Cậu nhận thấy nỗi sợ hãi trong giọng mẹ và tự hỏi tại sao.

Jessica nói mà không quay đầu lại. “Mẹ Chí tôn đang đợi trong phòng khách. Con hãy nhanh lên.”

Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam ngồi trên chiếc ghế trang trí bằng thảm nhìn hai mẹ con cậu bé tiến lại gần. Cửa sổ ở hai bên trái phải của bà nhìn xuống khúc quanh phía Nam của dòng sông và những vùng đất nông nghiệp màu mỡ do gia đình Atreides sở hữu, nhưng Mẹ Chí tôn chẳng ngó ngang gì đến khung cảnh ấy. Sáng nay bà ta đã cảm thấy tuổi già của mình, nên bà ta bức bối không ít. Bà ta quy trách nhiệm cho chuyện du hành không gian và việc hợp tác cùng cái Hiệp hội Không gian đáng nguyên rủa với cái kiểu lén lút lút lút của họ. Nhưng đây là sứ mạng đòi hỏi đích thân một Bene Gesserit Thấu thị phải quan tâm tới. Ngay cả Người Nói Sự thật của Hoàng đế Padishah cũng không thể trốn tránh trách nhiệm đó khi nghĩa vụ yêu cầu.

Quý tha ma bắt cái đồ Jessica ấy! Mẹ Chí tôn nghĩ. Giá như nó sinh cho chúng ta một đứa con gái theo đúng mệnh lệnh thì đâu đến nỗi!

Còn cách chiếc ghế ba bước chân thì Jessica dừng lại, khẽ nhún đầu gối cúi chào, tay trái chạm nhẹ vào mép váy. Paul hơi cúi người theo đúng kiểu học được từ thầy dạy khiêu vũ của cậu - cách chào được sử dụng “khi không chắc chắn về vai vế của người khác.”

Những sắc thái trong cách chào hỏi của Paul không qua khỏi mắt Mẹ Chí tôn. Bà nói: “Nó là người thận trọng đấy, Jessica ạ.”

Jessica đưa tay nắm vai Paul, siết chặt. Trong khoảng thời gian một nhịp tim, gan bàn tay nàng run lên vì sợ hãi. Rồi nàng cố gắng tự chủ. “Cháu nó được dạy dỗ như thế, thưa Đức bà.”

Mẹ sợ cái gì nhỉ? Paul tự hỏi.

Bà lão quan sát Paul bằng một cái nhìn thâm tóm tắt cả trong khoảnh khắc: khuôn mặt trái xoan giống Jessica, nhưng xương cốt mạnh mẽ... mái tóc: thừa hưởng màu đen nhánh của Công tước nhưng lông mày lại giống ông ngoại, người không thể gọi tên ra, và cái mũi mỏng khinh khinh kia; hình dáng đôi mắt xanh lục luôn nhìn trực diện: giống hết Lão Công tước, người ông nội quá cố.

Hừ, từng có một người hiểu rõ sức mạnh của vẻ anh minh dũng lược, ngay cả khi đã chết, Mẹ Chí tôn nghĩ.

“Dạy dỗ là một chuyện,” bà ta nói, “còn tố chất lại là chuyện khác. Rồi chúng ta sẽ thấy.” Đôi mắt già nua của bà ta phóng một cái nhìn hà khắc vào Jessica. “Hãy để chúng ta lại với nhau. Ta ra lệnh cho người thực tập phép thiển định bình an.”

Jessica thả tay khỏi vai Paul. “Bẩm Mẹ Chí tôn, con...”

“Này Jessica, người biết đó là mệnh lệnh phải thực hiện.”

Paul ngược nhìn mẹ, bối rối.

Jessica vươn thẳng người. “Thưa vâng... tất nhiên rồi.”

Paul lại nhìn Mẹ Chí tôn. Cử chỉ lễ phép và nỗi kính sợ thấy rõ của mẹ cậu đối với bà lão này nhắc nhở cậu phải cẩn thận. Thế nhưng cậu vẫn thấy vừa lo lắng vừa giận dữ trước nỗi sợ hãi mà cậu có cảm giác đang tỏa ra từ mẹ.

“Paul...” Jessica hít thở sâu. “... thử thách mà con sắp nhận này... nó rất quan trọng đối với mẹ.”

“Thử thách ư?” Cậu ngược nhìn mẹ.

“Hãy nhớ rằng con là con trai Công tước,” Jessica nói. Nàng xoay người sải bước ra khỏi phòng trong tiếng váy sột soạt khô khốc. Cánh cửa đóng chặt lại sau lưng nàng.

Paul đối diện với bà lão, kiềm chế sự giận dữ. “Ai dám đuổi Lệnh bà Jessica như thế bà là một người hầu gái?”

Một cái cười khẩy nơi khóe miệng nhăn nheo: “Lệnh bà Jessica *từng* là hầu gái của ta trong suốt mười bốn năm ở trường, cậu nhóc ạ.” Bà ta gạt đầu. “Và cũng là cô hầu tốt nữa. Giờ thì *người* lại đây!”

Mệnh lệnh đưa ra nhanh chóng và bất ngờ như một nhát roi quất vào cậu. Chưa kịp nghĩ gì thì Paul nhận ra mình đã tuân theo nó. *Dùng Giọng nói để điều khiển mình*, cậu nghĩ. Cậu dừng lại khi bà ta ra hiệu, đứng cạnh đầu gối bà ta.

“Thấy cái này không?” bà ta hỏi. Bà ta nhấc từ những nếp gấp áo choàng lên một hộp kim loại hình lập phương màu xanh lục mỗi cạnh chừng mười lăm phân. Bà ta xoay chiếc hộp và Paul nhìn thấy một mặt đã mở sẵn - tối om và đáng sợ một cách kỳ lạ. Không có chút ánh sáng nào lọt vào khoảng tối đen mờ hoác đó.

“Đút tay phải vào trong hộp,” bà ta ra lệnh.

Nỗi sợ hãi vụt xuyên qua Paul. Cậu định lùi lại, nhưng bà lão nói: “Người vâng lời mẹ như thế này đây hả?”

Cậu nhìn lên đôi mắt sáng quắc như mắt chim.

Chậm chậm, cảm thấy sự ép buộc và không tài nào cưỡng lại được, Paul đút tay vào trong hộp. Đầu tiên cậu cảm thấy lạnh khi bóng tối phủ quanh tay cậu, rồi chất kim loại trơn tuột áp vào các ngón tay và một cảm giác kiến bò như thể tay cậu tê dại.

Khuôn mặt bà lão toát lên vẻ hung tợn như của loài thú dữ. Bà ta nhấc tay phải ra khỏi cái hộp và giết sát bàn tay vào một bên cổ Paul. Cậu nhìn thấy ánh kim loại ở tay bà ta và định quay đầu về phía nó.

“Đứng yên đấy!” bà ta quát kinh.

Lại dùng Giọng nói! Cậu chuyển sự chú ý quay trở lại khuôn mặt bà ta.

“Ta giữ gom jabbar ở cổ người,” bà ta nói. “Gom jabbar, kẻ thù siêu việt. Nó là cái kim có một giọt thuốc độc ở mũi. Ái chà chà! Chớ có lùi lại kéo người sẽ cảm thấy chất độc đấy.”

Paul cố gắng nuốt nước bọt trong cổ họng khô khốc. Cậu không thể rời

mắt khỏi khuôn mặt già nua nhăn nheo, đôi mắt lấp lánh, bộ nướu nhợt nhạt bao quanh hàm răng kim loại màu bạc lóe sáng khi bà ta nói.

“Con trai của Công tước *hẳn phải* biết về chất độc,” bà ta nói. “Cái kiểu của thời đại chúng ta là thế, phải không nào? Musky, để đầu độc đồ uống của người. Aumas, để đầu độc thức ăn của người. Chất độc phát tác nhanh, chất độc phát tác chậm và loại phát tác trung bình. Còn đây là loại mới dành cho người: gom jabbar. Nó chỉ dùng để giết thú vật.”

Niềm kiêu hãnh đã chiến thắng nỗi sợ hãi của Paul. “Bà dám ám chỉ con trai Công tước là một con vật sao?” cậu hỏi.

“Thì cứ coi như ta cho rằng người có thể là con người,” bà ta nói. “Đứng yên! Ta cảnh cáo trước là đừng có cố gắng giật lùi lại. Ta già rồi nhưng tay ta vẫn có thể đâm cái kim này vào cổ người trước khi người thoát khỏi ta đấy.”

“Bà là ai?” cậu thì thầm. “Làm thế nào bà lừa được mẹ tôi bỏ tôi lại một mình với bà? Có phải bà thuộc bọn Harkonnen không?”

“Bọn Harkonnen? Chúa ơi, ồ không! Giờ thì im lặng nào.” Một ngón tay khô héo chạm vào cổ cậu và cậu cố gắng kiềm chế sự thôi thúc mạnh mẽ muốn lao ra ngoài.

“Tốt,” bà ta nói. “Người đã vượt qua thử thách thứ nhất. Bây giờ đến phần còn lại: nếu rút tay ra khỏi hộp, người sẽ chết. Đây là quy tắc duy nhất. Giữ nguyên tay trong hộp thì sống. Rút ra thì chết.”

Paul hít một hơi thở sâu để kiềm chế cơn run. “Nếu ta gọi ra ngoài kia, chỉ trong vài giây bọn người hầu sẽ xông vào và bà sẽ chết.”

“Bọn người hầu sẽ không qua được mẹ người đang đứng canh gác ngoài cửa. Cứ tin thế đi. Mẹ người đã vượt qua thử thách này. Bây giờ đến lượt người. Hãy lấy đó làm vinh dự. Chúng ta hiếm khi thực hiện thử thách này với một cậu bé.”

Tính hiếu kỳ làm nỗi sợ hãi của Paul giảm xuống mức có thể kiểm soát

được. Cậu nhận ra sự thật trong giọng bà lão, không thể phủ nhận sự thật ấy. Nếu mẹ cậu đứng canh gác ở phía ngoài... nếu đây thực sự là một thử thách... Và dù cho nó là gì đi nữa thì cậu cũng biết mình đã vướng vào nó, đã bị bàn tay đặt ở cổ khổng chế: cái gom jabbar. Cậu nhớ lại cách đối phó ghi trong Kinh cầu nguyện Chống Nỗi sợ mà mẹ đã dạy ngoài những nghi thức Bene Gesserit.

“Ta không được sợ hãi. Sợ hãi giết chết tâm trí. Sợ hãi là cái chết nhỏ mang đến sự phá hủy hoàn toàn. Ta sẽ đối mặt với nỗi sợ. Ta sẽ để nó đi khắp người ta và xuyên qua ta. Rồi khi nó đã đi qua, ta sẽ xoay con mắt bên trong để nhìn đường đi của nó. Ở những nơi nỗi sợ đi qua chẳng còn gì cả. Chỉ còn lại chính ta.”

Cậu cảm thấy điềm tĩnh trở lại, liền nói: “Tiếp tục đi, bà lão.”

“Bà lão!” bà ta cúi kính. “Người can đảm đấy, không thể phủ nhận điều đó. Được thôi, rồi chúng ta sẽ thấy, sirra.” Bà ta cúi sát người, hạ giọng xuống gần như chỉ còn là tiếng thì thầm. “Người sẽ cảm thấy đau đớn ở bàn tay đứt trong chiếc hộp này. Đau đớn. Nhưng! Chỉ cần người rút tay ra là ta sẽ đâm gom jabbar vào cổ người - cái chết sẽ đến mau lẹ như đầu rơi dưới lưỡi rìu đao phủ. Hề người rút tay ra là gom jabbar sẽ đâm vào người. Hiểu không?”

“Cái gì ở trong hộp vậy?”

“Sự đau đớn.”

Cậu thấy cảm giác ran ran ở tay tăng dần, mím nhẹ môi. *Thế này mà là thử thách sao?* cậu tự hỏi. Cảm giác ran ran trở thành cơn ngứa.

Bà lão nói: “Người đã nghe kể về những con vật tự cắn đứt chân mình để thoát khỏi bẫy rồi chứ? Đó là mảnh lối của loài vật. Con người thì sẽ ở nguyên trong bẫy, chịu đựng nỗi đau, giả chết để có thể giết kẻ đặt bẫy và thủ tiêu mối đe dọa cho đồng loại hẳn.”

Sự ngứa ngáy biến thành cảm giác bỏng rát mơ hồ. “Tại sao bà làm việc này?” cậu hỏi.

“Để xác định liệu người có phải con người không. Im lặng đi.”

Paul nắm chặt tay trái thành một quả đấm khi cái cảm giác bỏng rát tăng lên ở tay phải. Nó từ từ tăng lên: nóng dần, nóng dần, nóng... nóng dần lên. Cậu cảm thấy móng tay của bàn tay đang tự do bấm vào gan bàn tay đau nhói. Cậu cố gắng gập các ngón tay phải đang bị thiêu đốt lại, nhưng chúng không cử động được.

“Nóng quá,” cậu thì thầm.

“Im lặng!”

Cơn đau lan đến tận cánh tay. Mồ hôi toát ra trên trán cậu. Mọi đường gân thớ thịt kêu gào cậu rút tay ra khỏi cái hố nóng bỏng... nhưng... còn gom jabbar. Không quay đầu lại, cậu cố gắng đưa mắt nhìn cây kim khổng khiếp treo lơ lửng bên cổ. Cậu cảm thấy mình đang thở hổn hển bèn cố gắng thở chậm lại nhưng không thể.

Đau!

Thế giới của cậu trở nên trống rỗng ngoại trừ bàn tay đang đắm chìm trong nỗi đau đớn cực độ, cái khuôn mặt già nua cách cậu vài phân đang nhìn chòng chọc vào cậu.

Hai môi cậu khô nứt đến nỗi khó mà tách được chúng ra.

Nóng như thiêu! Nóng như thiêu!

Cậu tưởng như có thể cảm thấy được làn da quần lại sém đen trên bàn tay quần quai đau đớn kia, lớp thịt giòn tan rồi rơi xuống cho đến khi chỉ còn trơ lại những cái xương đen như than.

Nó đã dừng lại!

Như thể một cái công tắc được tắt đi, cơn đau đã dừng lại.

Paul cảm thấy tay phải run lên, mồ hôi đầm đìa khắp người.

“Đủ rồi,” bà lão lầm bầm. “Kull wahad! Chưa từng có đứa con gái nào chịu đựng được đến mức này. Ta đã thực sự mong người thua cuộc.” Bà ta ngả người ra phía sau, rút gom jabbar ra khỏi cổ cậu.

“Rút tay ra khỏi hộp rồi nhìn đi, cậu bé.”

Cậu nén cơn run do nỗi đau gây ra, nhìn chằm chằm vào khoảng không tối om nơi bàn tay cậu dường như tự nó muốn tiếp tục ở yên trong đó. Ký ức về nỗi đau đốn ngăn chặn mọi cử động. Lý trí bảo cậu rằng khi rút ra khỏi hộp thì tay cậu chỉ còn là cái chòm cụt đen thui.

“Làm đi!” bà ta cáu kỉnh.

Cậu giật tay ra khỏi hộp, nhìn trân trối vào nó đầy kinh ngạc. Không có một dấu vết nào. Không có dấu hiệu của sự đau đốn trên da thịt. Cậu đưa tay lên, xoay xoay, gập các ngón tay lại.

“Đau đốn do phản ứng của thần kinh,” bà nói. “Ta không thể đi loanh quanh gây thương tật cho những người tiềm năng. Dẫu vậy, có những người sẵn sàng trả giá để biết được bí mật của chiếc hộp này.” Bà ta đút nhanh nó vào những nếp gấp áo choàng.

“Nhưng còn cơn đau...” cậu nói.

“Cơn đau,” bà ta khịt mũi. “Một con người có thể không thèm đếm xỉa đến bất cứ dây thần kinh nào trong cơ thể.”

Paul thấy tay trái đau nhức bèn duỗi các ngón tay này giờ nắm chặt, rồi nhìn bốn vết lằn đỏ như máu ở những chỗ móng tay bấm vào gan bàn tay. Cậu thả tay xuống, nhìn bà lão: “Bà từng làm việc này với mẹ tôi à?”

“Người đã bao giờ sàng cát qua một cái giần chưa?” bà ta hỏi.

Câu hỏi đột ngột lạc ra ngoài chủ đề của bà lão khiến đầu óc cậu choáng

váng, đẩy nó lên một nhận thức cao hơn. *Sàng cát qua giần*. Cậu gật đầu.

“Bene Gesserit chúng ta sàng lọc mọi người để tìm ra những con người thực thụ.”

Cậu đưa tay phải lên, hồi tưởng về cơn đau. “Và tất cả chỉ có thể thôi sao - sự đau đớn?”

“Ta đã quan sát người trong cơn đau, cậu bé ạ. Đau đớn chỉ đơn thuần là cái trục của bài thử thách này. Mẹ người đã chỉ cho người những cách thức quan sát của chúng ta. Ta nhận thấy ở người dấu hiệu sự dạy dỗ của mẹ người. Thử thách của chúng ta là cơn khủng hoảng và khả năng quan sát.”

Cậu thấy sự xác quyết trong giọng bà ta, liền nói: “Đó là sự thật!”

Bà ta nhìn cậu chăm chăm. *Nó cảm nhận được sự thật! Nó có thể là người đó không? Nó có thể thực sự là người đó sao?* Bà ta thôi kích động, tự nhắc nhở mình: “*Hy vọng làm mờ khả năng quan sát.*”

“Người biết khi nào người ta tin vào những điều họ nói,” bà ta nói.

“Tôi biết.”

Trong giọng nói của cậu toát ra sự hài hòa của năng lực được xác nhận qua thử thách lặp đi lặp lại. Bà ta nhận thấy điều đó, liền nói: “Có lẽ người là Kwisatz Haderach. Ngồi xuống đi, anh bạn nhỏ, ngồi bên chân ta đây này.”

“Tôi thích đứng hơn.”

“Mẹ người đã từng ngồi bên chân ta.”

“Tôi không phải là mẹ tôi.”

“Người không ưa bọn ta, nhỉ?” Bà ta nhìn về phía cửa, gọi với ra ngoài:

“Jessica!”

Cánh cửa bật mở và Jessica đứng đó nhìn trừng trừng vào phòng. Vẻ cứng rắn tan chảy khi nàng nhìn thấy Paul. Nàng gượng cười.

“Jessica, đã có lúc nào người ngừng ghét ta chưa?” bà lão hỏi.

“Con vừa yêu vừa ghét Mẹ,” Jessica nói. “Ghét - là vì những đau đớn mà con không bao giờ quên. Yêu - là...”

“Chỉ là điều sơ đẳng,” bà lão nói, nhưng giọng bà thật nhẹ nhàng. “Giờ người có thể vào được rồi, nhưng giữ im lặng đấy. Đóng cửa lại và lưu ý không để ai làm gián đoạn chúng ta.”

Jessica bước vào phòng, đóng cửa lại rồi đứng quay lưng về phía cửa. *Con trai ta còn sống*, nàng nghĩ. *Con trai ta còn sống và là... con người. Ta biết nó là người... nhưng... nó còn sống. Giờ thì ta có thể tiếp tục sống rồi.* Cánh cửa tì vào lưng nàng có vẻ rắn chắc và có thực. Mọi thứ trong phòng thật gần gũi và ép mạnh vào các giác quan của nàng.

Con trai ta vẫn sống.

Paul nhìn mẹ. *Mẹ đã nói sự thật.* Cậu muốn rời khỏi đây một mình và suy nghĩ thông suốt về trải nghiệm này, nhưng cậu biết nếu chưa được phép thì cậu không thể đi được. Bà lão này có quyền lực đối với cậu. *Họ đã nói sự thật.* Mẹ cậu đã trải qua thử thách này. Chắc hẳn nó phải có mục đích kinh khủng... cơn đau và nỗi sợ hãi thật khủng khiếp. Cậu hiểu những mục đích kinh khủng. Chúng nhằm đến những điều hầu như bất khả. Chúng là cái không thể thiếu của chính chúng. Paul cảm thấy mình đã bị tiêm nhiễm cái mục đích kinh khủng này. Nhưng cậu vẫn chưa hiểu cái mục đích kinh khủng này là gì.

“Một ngày nào đó, cậu bé ạ,” bà lão nói, “ngay cả người cũng có thể phải đứng ngoài cửa như thế. Việc này cần phải làm nhiều đấy.”

Paul nhìn xuống bàn tay đã nếm trải nỗi đau, rồi ngược nhìn Mẹ Chí tôn. Trong giọng nói của bà chứa đựng một sự khác biệt so với bất cứ giọng

nói nào khác cậu từng nghe. Những từ ngữ có đường viền sáng rực. Chúng thật sắc sảo. Cậu cảm thấy bất cứ câu hỏi nào cậu có thể đặt ra cho bà sẽ đều đem lại một câu trả lời có khả năng nâng cậu lên khỏi thế giới thể xác mà hướng về một cái gì đó vĩ đại hơn.

“Tại sao bà thử thách để tìm con người?” cậu hỏi.

“Để người được tự do.”

“Tự do ư?”

“Đã có thời con người chuyển giao sự tư duy của họ sang máy móc với hy vọng điều đó cho họ tự do. Nhưng nó lại chỉ cho phép những người khác cùng với máy móc biến họ thành nô lệ.”

“Người không được tạo ra một cỗ máy giống như trí óc con người,” Paul trích dẫn.

“Trích thẳng từ Thánh chiến Butler và Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam,” bà lão nói. “Nhưng Kinh thánh Màu Cam lẽ ra phải nói là: ‘Người không được tạo ra một cỗ máy giả mạo trí óc *loài người*.’ Người đã nghiên cứu vị Mentat phục vụ Gia tộc người chưa?”

“Tôi đã học hỏi cùng Thufir Hawat.”

“Cuộc Nổi dậy Lớn đã lấy đi một chỗ dựa,” bà ta nói. “Điều đó bắt buộc trí tuệ *loài người* phải phát triển. Trường học được mở ra để đào tạo năng lực *của loài người*.”

“Có phải các trường Bene Gesserit không?”

Bà lão gật đầu. “Trong số các ngôi trường cổ xưa này, chúng ta còn giữ lại được hai trường chính: Bene Gesserit và Hiệp hội Không gian. Hiệp hội, theo chúng ta nghĩ, chú trọng vào toán học gần như thuần túy. Bene Gesserit thì thực hiện một chức năng khác.”

“Chính trị,” cậu bé nói.

“Kull wahad!” bà lão nói. Bà ta nghiêm khắc liếc nhìn Jessica.

“Con không nói với nó, thưa Mẹ Chí tôn,” Jessica nói.

Mẹ Chí tôn chuyển sự chú ý sang Paul. “Chỉ bằng rất ít manh mối mà người đã đoán được thì giỏi đấy,” bà ta nói. “Đúng là chính trị. Trường Bene Gesserit nguyên thủy được dẫn dắt bởi những người vốn nhận ra rằng cần phải có một sợi chỉ xuyên suốt trong các vấn đề của loài người. Họ thấy không thể có được sự xuyên suốt như vậy nếu không tách biệt loài người với loài vật - nhằm mục đích gây giống.”

Lời nói của bà lão đột nhiên mất đi sự sắc sảo đặc biệt đối với Paul. Cậu cảm thấy một sự xúc phạm đối với cái mà mẹ cậu gọi là *bản năng công chính* của cậu. Không phải là Mẹ Chí tôn nói dối cậu. Hiển nhiên là bà ta tin vào những điều mình nói. Nó là một cái gì đó sâu xa hơn, một cái gì đó ràng buộc với mục đích kinh khủng của cậu.

Cậu nói: “Nhưng mẹ tôi bảo nhiều Bene Gesserit của các trường không biết gì về tổ tông của họ.”

“Các dòng giống di truyền luôn được ghi lại trong hồ sơ của chúng ta,” bà ta nói. “Mẹ người biết rằng hoặc cô ta thuộc dòng dõi Bene Gesserit hoặc dòng giống của cô ta tự nó có thể được thừa nhận.”

“Thế tại sao mẹ tôi không biết cha mẹ mình là ai?”

“Một số người biết... Nhiều người không biết. Chẳng hạn, bọn ta lẽ ra đã từng muốn cho cô ta giao phối với một người họ hàng gần để đạt được một số đặc tính di truyền trội. Bọn ta có nhiều lý do.”

Lại một lần nữa, Paul cảm thấy sự xúc phạm đối với sự công chính. Cậu nói: “Chính bà đã thực hiện việc đó nhiều lần.”

Mẹ Chí tôn nhìn cậu chăm chăm, tự hỏi: *Có phải ta nghe thấy sự chỉ trích trong giọng nó không?* “Chúng ta mang một gánh nặng lớn,” bà ta nói.

Paul cảm thấy cậu đang càng lúc càng vượt ra khỏi cú sốc của bài thử thách. Cậu chĩa cái nhìn chăm chăm đầy dò xét vào bà ta mà nói: “Bà nói có thể tôi là... Kwisatz Haderach. Đó là gì vậy, một gom jabbar mang dạng người sao?”

“Paul,” Jessica nói. “Con không được nói giọng đó với...”

“Ta sẽ xử lý việc này, Jessica,” bà lão nói. “Nào, cậu bé, người muốn biết về thuốc của Người Nói Sự thật phải không?”

“Bà uống thuốc này để nâng cao năng lực phát hiện lời nói dối,” cậu nói. “Mẹ tôi nói vậy.”

“Người đã bao giờ thấy trạng thái xuất thần truy sự thật chưa?”

Cậu bé lắc đầu. “Chưa.”

“Đây là loại thuốc nguy hiểm,” bà ta nói, “nhưng nó giúp nhìn thấu bên trong. Khi một Người Nói Sự thật uống thuốc này, cô ta có thể nhìn thấy nhiều chỗ trong ký ức của cô ta - trong ký ức của thân xác cô ta. Bọn ta nhìn thấu suốt rất nhiều con đường trong quá khứ... nhưng chỉ là những con đường của đàn bà.” Giọng bà ta đượm buồn. “Thế đó, có một nơi mà không Người Nói Sự thật nào thấy được. Bọn ta bị nơi ấy cự tuyệt, bị nó làm cho khiếp sợ. Người ta nói sẽ có ngày có một người đàn ông đến và nhờ thuốc này mà tìm ra con mắt bên trong của y. Người đó sẽ nhìn thấy nơi mà bọn ta không thể tới - trong cả quá khứ của đàn ông lẫn đàn bà.”

“Kwisatz Haderach của bà phải không?”

“Đúng, người có thể ở nhiều nơi cùng một lúc: chính là Kwisatz Haderach. Rất nhiều đàn ông đã thử thuốc này... rất nhiều, nhưng không ai thành công cả.”

“Họ đã thử và thất bại, tất cả bọn họ sao?”

“Ồ, không.” Bà ta lắc đầu. “Họ đã thử và đã chết.”

Cố hiệu Muad'Dib mà không hiểu các kẻ thù không đội trời chung của Người, nhà Harkonnen, thì cũng chẳng khác gì cố thấy Sự thật mà không biết gì về Đối trá. Đó chính là cố nhìn thấy Ánh sáng mà không biết gì về Bóng tối. Điều đó là không thể.

- trích “Sách về Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Đó là một quả địa cầu chạm nổi, một phần chìm trong bóng tối, quay tròn dưới lực đẩy của một bàn tay mập mập đeo đầy nhẫn sáng chói. Quả cầu nằm trên cái giá lệch đặt ở một bức tường trong căn phòng không cửa sổ nơi những bức tường còn lại phô ra một tác phẩm chắp vá gồm những cuộn giấy sặc sỡ, sách phim, băng và cuộn phim. Ánh sáng từ những quả cầu vàng treo trong các trường nâng di động tràn ngập căn phòng.

Một cái bàn hình ellipsoid có mặt bằng gỗ elacca hóa thạch màu hồng ngọc bích kê ở chính giữa phòng. Những chiếc ghế có dây treo hình con giun quay quanh bàn, hai chiếc đã có người ngồi. Người thứ nhất là chàng thanh niên tóc sẫm màu cỡ mười sáu tuổi, khuôn mặt tròn với đôi mắt u sầu. Còn lại là một người đàn ông mảnh khảnh, vóc thấp, khuôn mặt mang nét đàn bà.

Cả chàng thanh niên và người đàn ông đều nhìn chăm chăm vào quả cầu và vào người đàn ông xoay quả cầu đang đứng khuất một nửa trong bóng tối.

Từ bên cạnh quả cầu phát ra tiếng cười khùng khục. Một giọng nam trầm vang lên nối theo tiếng cười: “Nó đây, Piter - cái bầy người lớn nhất trong lịch sử. Và gã Công tước đang từ từ chui đầu vào rọ. Đây chẳng phải một chiêu tuyệt diệu mà ta, Nam tước Vladimir Harkonnen, tạo ra sao?”

“Chắc chắn rồi, thưa Nam tước,” người đàn ông nói. Anh ta có chất giọng nam cao du dương, êm ái.

Bàn tay múp míp hạ xuống quả cầu, giữ cho nó ngừng xoay. Giờ thì mọi con mắt trong phòng có thể tập trung vào bề mặt bất động đó và nhận ra nó thuộc kiểu cầu được sản xuất cho những nhà sưu tập giàu sang hoặc các Thống đốc hành tinh của Đế quốc. Nó mang dấu ấn của ngành thủ công Đế quốc. Các đường kinh độ và vĩ độ được khảm bằng dây bạch kim mảnh như sợi tóc. Những điểm địa cực được dát kim cương thượng hạng màu trắng sữa.

Bàn tay múp míp di chuyển, lần theo những chi tiết trên bề mặt quả cầu. “Xin mời các vị quan sát,” giọng nam trầm cất lên. “Quan sát kỹ vào, Piter, cả cháu nữa, Feyd-Rautha, cháu yêu quý của ta: từ 60 độ Bắc đến 70 độ Nam - những đường lượn sóng tinh xảo này. Còn màu sắc của chúng: không gọi cho các vị nhớ đến những viên kẹo caramen ngọt ngào sao? Và không nơi nào các vị nhìn thấy màu xanh của hồ, sông hay biển. Còn những điểm địa cực đáng yêu này - quá nhỏ. Ai có thể nhầm lẫn về nơi này được chứ? Arrakis! Thực sự là có một không hai. Bối cảnh tuyệt vời cho một chiến thắng vô song.”

Piter mỉm cười. “Và thử nghĩ xem, thưa Nam tước: Hoàng đế Padishah tin rằng ông ta đã trao hành tinh hương được của ngài cho Công tước. Thật chua xót làm sao.”

“Đó không phải một lời tuyên bố vô lý đâu,” Nam tước cất giọng trầm trầm. “Người nói điều này để làm rối trí Feyd-Rautha trẻ tuổi, nhưng không cần phải làm cháu ta rối trí đâu.”

Chàng trai có bộ mặt u sầu cựa quậy trong ghế, vuốt phẳng một nếp nhăn trên chiếc áo bó màu đen đang mặc. Cậu ngồi thẳng lên khi nghe thấy một tiếng gõ dè dặt vọng ra từ cánh cửa ở bức tường sau lưng.

Piter đứng lên khỏi ghế, bước ngang qua căn phòng tiến về phía cửa, mở hé ra chỉ đủ rộng để nhận một cuộn thư. Anh ta đóng cửa, trải cuộn thư ra đọc lướt qua. Anh ta cười khùng khục. Cười thêm lần nữa.

“Sao hả?” Nam tước hỏi.

“Thằng ngốc trả lời chúng ta, thưa Nam tước!”

“Một gã Atreides có bao giờ từ chối cơ hội bày tỏ thái độ thiện chí không?” Nam tước hỏi. “Thế ông ta nói gì?”

“Ông ta thật quá bất lịch sự, thưa Nam tước. Gọi ngài là ‘Harkonnen’ - không ‘Đức ông và Anh họ kính mến,’ không tước vị, không gì cả.”

“Đó là một cái tên hay,” Nam tước gầm gừ, giọng ngài lộ rõ sự nôn nóng. “Thế ngài Leto thân mến nói gì?”

“Ông ta nói: ‘Đề nghị gặp mặt của ngài bị từ chối. Tôi vẫn thường xuyên gặp phải sự phản trắc của ngài, điều này thì ai cũng biết.’ ”

“Còn gì nữa?” Nam tước hỏi.

“Ông ta nói: ‘Luật kanly vẫn có những người hăm dọa trong Đế chế.’ Ông ta ký tên: ‘Công tước Leto của Arrakis.’ ” Piter bật cười. “Của Arrakis! Ủi chà chà! Nghe hay quá nhỉ!”

“Im đi, Piter,” Nam tước nói, và tiếng cười ngưng bật như thể bị tắt bằng một cái công tắc. “Kanly hả?” Nam tước hỏi. “Mối thù truyền kiếp, hử? Hẳn dùng cái từ cổ hay ho quá giàu truyền thống này để bảo đảm ta hiểu đúng ý hẳn đây.”

“Ngài đã đưa ra động thái hòa bình,” Piter nói. “Các nghi thức đã được tuân thủ.”

“Đối với một Mentat thì người nói nhiều quá đấy, Piter ạ,” Nam tước nói. Rồi ngài nghĩ: *Ta phải sớm thủ tiêu tên này thôi. Hẳn hầu như không còn ích lợi gì nữa rồi.* Nam tước đưa mắt về phía bên kia căn phòng, nhìn chằm chằm tay sát thủ Mentat của mình, thấy cái đặc điểm mà ai cũng chú ý đến đầu tiên ở anh ta: đôi mắt, đôi mắt ti hí u tối chỉ một màu xanh da trời, đôi mắt không có chút màu trắng nào.

Một nụ cười toe toét bất chợt hiện lên trên khuôn mặt Piter. Nó giống

như một cái mặt nạ đang nhăn nhó bên dưới đôi mắt trông như hai cái lỗ.
“Nhưng, thưa Nam tước! Chưa từng có sự trả thù nào đẹp hơn thế. Chỉ cần xem cái kế hoạch lừa đảo tinh vi nhất này: *buộc* Leto đổi Caladan lấy Xứ Cát - và không có lựa chọn nào khác vì Hoàng đế ra lệnh như thế. Ngài thật khôi hài lắm Nam tước ạ!”

Bằng giọng lạnh lùng, Nam tước nói: “Người có cái mồm giảo hoạt lắm Piter ạ.”

“Nhưng tôi đang sung sướng, thưa Nam tước. Trong khi ngài... ngài bị chạm lòng ghen tị.”

“Piter!”

“Ái chà chà, Nam tước! Chẳng phải thật đáng tiếc khi ngài không có khả năng tự nghĩ ra kế hoạch tuyệt vời này sao?”

“Một ngày nào đó ta sẽ bóp chết người, Piter.”

“Chắc chắn rồi, thưa Nam tước. *Enfin!* Nhưng một hành động tử tế thì không bao giờ uống phí, phải không?”

“Người vừa nhai verite hay semuta đấy à, Piter?”

“Sự thật mà không gây sợ hãi thì khiến ngài Nam tước ngạc nhiên,” Piter nói. Khuôn mặt anh ta cau lại thành bức biếm họa một cái mặt nạ đang nhăn nhó. “A ha! Nhưng ngài thấy đó, thưa Nam tước, là một Mentat thì tôi biết khi nào ngài sẽ cử đao phủ tới. Chừng nào tôi vẫn có ích thì ngài sẽ còn hoãn việc đó lại. Hành động sớm hơn sẽ lãng phí và tôi vẫn còn có ích lắm. Tôi biết ngài đã học được gì từ hành tinh Xứ Cát xinh đẹp kia - không lãng phí. Đúng thế không, Nam tước?”

Nam tước vẫn nhìn Piter chăm chăm.

Feyd-Rautha ngọ nguậy trên ghế. *Những tên khờ suốt ngày cãi lộn này!* cậu nghĩ. Ông bác của ta cứ lần nào nói chuyện với Mentat của bác ấy là

y như rằng lại cãi nhau. Họ tưởng ta không có gì để làm ngoài việc nghe họ cãi nhau chắc?

“Feyd,” Nam tước nói. “Khi mời cháu đến đây, bác đã dặn cháu hãy lắng nghe và học hỏi. Cháu đang học hỏi đấy chứ?”

“Vâng ạ, thưa Bá phụ,” Feyd cẩn thận giữ giọng khúm núm.

“Đôi khi ta thấy kinh ngạc về Piter,” Nam tước nói. “Ta gây ra sự đau đớn vì cần thiết phải làm như vậy, nhưng anh ta... ta thể là anh ta cảm thấy hết sức thích thú với điều đó. Về phía ta, ta cảm thấy tội nghiệp cho ngài Công tước Leto đáng thương. Bác sĩ Yueh sẽ sớm phản bội ông ta thôi, và điều đó sẽ khiến cả dòng họ Atreides diệt vong. Nhưng chắc chắn Leto sẽ biết bàn tay ai đã điều khiển tay bác sĩ để bảo này... và việc biết được chuyện đó sẽ là một điều khủng khiếp.”

“Vậy tại sao ngài không ra lệnh cho tay bác sĩ đâm một nhát dao vào giữa các dễ xương sườn của ông ta, một cách lặng lẽ và hiệu quả?” Piter hỏi. “Ngài nói đến sự thương hại, nhưng...”

“Công tước *phải* biết khi ta kết thúc cuộc đời hắn,” Nam tước nói. “Và các Đại gia tộc khác cũng phải biết chuyện này. Điều đó sẽ khiến bọn chúng chùn lại. Ta sẽ có thêm một chút không gian để hành động. Hoàn cảnh buộc ta làm như vậy, nhưng đâu nhất thiết là ta thích thế.”

“Không gian để hành động,” Piter châm chọc. “Hoàng đế đã để mắt đến ngài rồi, thưa Nam tước. Ngài hành động quá liều lĩnh. Một ngày nào đó Hoàng đế sẽ phái một hoặc hai lữ đoàn Sardaukar xuống Giedi Prime này và thể là ngài Nam tước Valadimir Harkonnen tiêu đời.”

“Người thích nhìn cảnh đó lắm, phải không, Piter?” Nam tước hỏi. “Người thích nhìn Quân đoàn Sardaukar cướp bóc các thành phố của ta và vơ vét lâu đài này. Người thực sự thích thế lắm.”

“Nam tước có cần phải hỏi không?” Piter thì thầm.

“Lẽ ra người nên là một Bashar của Quân đoàn,” Nam tước nói. “Người

quá hứng thú với máu me, đau đớn. Có thể ta đã quá vội khi hứa hẹn về chiến lợi phẩm của Arrakis.”

Piter bước năm bước ông ẹo đến là kỳ khô vào trong phòng, đứng khựng lại sau Feyd-Rautha. Căn phòng chìm trong bầu không khí căng thẳng ngột ngạt, và chàng trai trẻ ngược nhìn Piter với nét cau mày lo lắng.

“Chớ có đùa với Piter, Nam tước ạ,” Piter nói. “Ngài đã hứa trao Lệnh bà Jessica cho tôi. Ngài đã hứa trao cô ấy cho tôi.”

“Để làm gì, Piter?” Nam tước hỏi. “Để hành hạ à?”

Piter nhìn ngài chăm chăm, kéo dài sự im lặng.

Feyd-Rautha dịch chiếc ghế treo của mình sang một bên, nói:

“Thưa Bá phụ, cháu có phải ở lại không? Bá phụ nói người sẽ...”

“Feyd-Rautha yêu quý của ta sốt ruột rồi,” Nam tước nói. Ngài di chuyển trong vùng tối cạnh quả cầu. “Hãy kiên nhẫn, Feyd.” Rồi ngài lại hướng sự chú ý về phía vị Mentat. “Thế còn Tiểu Công tước, cậu bé Paul thì sao, hử Piter thân mến?”

“Cái bấy sẽ mang nó đến cho ngài, thưa Nam tước,” Piter nói khẽ.

“Đó không phải câu hỏi của ta,” Nam tước nói. “Người nhớ lại đi, người đã tiên đoán mụ phù thủy Bene Gesserit này sẽ sinh cho Công tước một đứa con gái. Người sai rồi, nhỉ, Mentat?”

“Tôi không hay phạm sai lầm, thưa Nam tước,” Piter nói, và lần đầu tiên trong giọng anh ta toát lên sự sợ hãi. “Cho tôi nói thế này: Tôi không hay phạm sai lầm. Chính ngài cũng biết các Bene Gesserit hầu như chỉ sinh toàn con gái. Ngay cả Hoàng hậu cũng chỉ sinh con gái.”

“Thưa Bá phụ,” Feyd-Rautha nói, “Bá phụ đã nói ở đây có thứ quan trọng dành cho cháu...”

“Nghe thằng cháu của ta kìa,” Nam tước nói. “Nó khao khát được cai trị lãnh địa nam tước của ta, thế nhưng đến chính mình nó còn chưa điều khiển được.” Nam tước cựa quậy bên cạnh quả cầu, một cái bóng giữa những cái bóng. “Sao hả, Feyd-Rautha Harkonnen, ta triệu cháu đến đây là hy vọng dạy cho cháu một chút khôn ngoan. Cháu đã quan sát Mentat tài giỏi của chúng ta chưa? Lẽ ra cháu phải học được một điều gì đó từ cuộc tranh cãi này mới phải.”

“Nhưng, thưa Bá phụ...”

“Một Mentat rất có năng lực, Piter, cháu sẽ nói thế phải không, Feyd?”

“Vâng, nhưng...”

“Chà chà! Quả thực là *nhưng*! Nhưng anh ta dùng quá nhiều hương dục, ăn nó cứ như ăn kẹo vậy. Nhìn mắt anh ta xem! Có lẽ anh ta xuất thân từ bọn công nhân Arrakeen cũng nên. Có năng lực, Piter, *nhưng* anh ta vẫn dễ xúc động, dễ dùng dùng nổi giận. Có năng lực, Piter, *nhưng* anh ta vẫn có thể phạm sai lầm.”

Piter khẽ nói, giọng âm trầm: “Có phải ngài gọi tôi đến đây để làm giảm năng lực của tôi bằng sự chỉ trích không, Nam tước?”

“Làm giảm năng lực của người á? Người biết ta quá mà, Piter. Ta chỉ muốn cho cháu ta biết những hạn chế của Mentat thôi.”

“Ngài đang đào tạo người thay thế tôi đấy à?” Piter hỏi.

“Thay thế *người*? Tại sao chứ, Piter, ta có thể tìm ở đâu ra một Mentat khác xảo quyệt và nham hiểm như người đây?”

“Ở chính cái chỗ ngài tìm thấy tôi ấy, Nam tước ạ.”

“Có thể ta sẽ tìm ở đó,” Nam tước trầm ngâm. “Thời gian gần đây dường như người có chút dao động. Và người ăn hương dục mới khiếp làm sao!”

“Những sở thích của tôi quá tốn kém phải không, Nam tước? Ngài cảm thấy khó chịu về chúng phải không?”

“Piter thân mến, sở thích của người trói buộc người vào ta. Làm sao ta khó chịu với chúng được? Ta chỉ muốn cháu ta quan sát điều này ở người thôi.”

“Thì tôi đang để lộ ra đấy thôi,” Piter nói. “Tôi sẽ nhảy múa chứ? Tôi sẽ trình diễn những chức năng khác nhau của tôi cho Feyd-Rautha xuất chúng...”

“Đúng thế,” Nam tước nói. “Người đang để lộ ra. Giờ thì im lặng đi.” Ngài liếc Feyd-Rautha, chú ý đôi môi thẳng cháu, nét đầy đặn và cái vẻ trề ra của nó, một đặc điểm di truyền của dòng họ Harkonnen, bây giờ hơi mím lại thích thú. “Đây là một Mentat, Feyd ạ. Nó được đào tạo và huấn luyện để thực hiện những nhiệm vụ nhất định. Tuy nhiên ta không thể bỏ qua sự thật là nó được bọc trong thân thể con người. Một hạn chế nghiêm trọng, thế đấy. Đôi khi ta nghĩ người cổ đại với những cỗ máy biết tư duy của họ đã có được ý kiến đúng đắn đấy.”

“Chúng chỉ là đồ chơi so với tôi,” Piter hầm hè. “Ngài, chính ngài, Nam tước, có thể làm tốt hơn những cỗ máy đó.”

“Có thể,” Nam tước nói. “Chà, thế đấy...” Ngài hít một hơi thật sâu rồi thở phào ra. “Bây giờ, Piter, hãy phác thảo cho cháu ta những nét chính trong chiến dịch chống Gia tộc Atreides của chúng ta. Hãy làm chức năng của một Mentat đi, xin mời.”

“Nam tước, tôi đã cảnh báo ngài không nên phó thác thông tin này cho một người quá trẻ như vậy. Những quan sát của tôi về...”

“Ta là kẻ phán xét chuyện này,” Nam tước nói. “Ta ra lệnh cho người, Mentat. Hãy thực hiện một trong những chức năng của người.”

“Thì đành vậy,” Piter nói. Anh ta duỗi thẳng người, lấy dáng vẻ nghiêm trang kỳ cục - như thể một chiếc mặt nạ khác, nhưng lần này nó che kín

toàn bộ thân thể anh ta. “Vài hôm nữa, khi tới Ngày Chuẩn, toàn bộ gia đình Công tước Leto sẽ lên tàu của Hiệp hội Không gian để đến Arrakis. Tàu của Hiệp hội sẽ thả họ xuống thành phố Arrakeen chứ không phải ở thành phố Carthag của chúng ta. Chắc hẳn Mentat của Công tước, Thufir Hawat, sẽ kết luận một cách hợp lý rằng ở Arrakeen thì dễ tự vệ hơn.”

“Nghe cho cẩn thận đấy, Feyd,” Nam tước nói. “Hãy quan sát những kế hoạch trong kế hoạch trong kế hoạch.”

Feyd-Rautha gật đầu, nghĩ: *Thế này mới đúng chứ. Cuối cùng thì lão quái vật cũng cho mình biết những chuyện bí mật. Chắc hẳn ông ta thực sự có ý định để mình làm người thừa kế.*

“Có một số khả năng rất ít cơ hội xảy ra,” Piter nói. “Tôi nói ngắn gọn là Gia tộc Atreides sẽ đến Arrakis. Tuy nhiên chúng ta không được bỏ qua khả năng Công tước đã ký hợp đồng với Hiệp hội để đưa ông ta đến một nơi an toàn nằm ngoài Hệ thống. Trong hoàn cảnh tương tự, những Gia tộc khác đã làm phản, mang theo nguyên tử cùng tấm chắn của gia đình rồi lẫn trốn bên ngoài Đế quốc.”

“Công tước là người quá kiêu ngạo nên sẽ không làm thế,” Nam tước nói.

“Nó là một khả năng,” Piter nói. “Tuy nhiên kết quả cuối cùng dành cho bọn ta vẫn sẽ như vậy.”

“Không, không như vậy được!” Nam tước gầm gừ. “Ta phải cho hẳn ta chết và dòng dõi của hẳn ta tuyệt diệt.”

“Khả năng đó cao đấy,” Piter nói. “Khi một Gia tộc sắp làm phản, chúng ắt sẽ để lộ ra những sự chuẩn bị nào đó. Gã Công tước này xem ra chẳng làm gì như thế cả.”

“Thì thế,” Nam tước thở dài. “Nói tiếp đi, Piter.”

“Ở Arrakeen,” Piter nói, “Công tước và gia đình sẽ ở tại Phủ Thống sứ, đạo gần đây nơi này là nhà của vợ chồng Bá tước Fenring.”

“Ngài Đại sứ Cho Bọn Buôn lậu,” Nam tước cười tủm tỉm.

“Đại sứ cho cái gì cơ?” Feyd-Rautha hỏi.

“Bác của anh đùa đấy,” Piter nói. “Ông ấy gọi Bá tước Fenring là Đại sứ Cho Bọn Buôn lậu, ám chỉ việc Hoàng đế quan tâm đến các hoạt động buôn lậu ở Arrakis.”

Feyd-Rautha hướng cái nhìn chăm chăm khó hiểu vào ông bác. “Tại sao?”

“Đừng ngu ngốc như thế, Feyd,” Nam tước cau kỉnh. “Chừng nào Hiệp hội còn thực sự nằm ngoài tầm kiểm soát của Hoàng đế thì làm sao mà khác được cơ chứ? Nếu không thì bọn gián điệp và sát thủ có thể đi đây đi đó bằng cách nào hử?”

Miệng Feyd-Rautha mấp máy không thành tiếng “Ô-ô-ô.”

“Chúng ta đã thu xếp mấy trò nghi binh ở Phủ Thống sứ,” Piter nói. “Sẽ có một vụ mưu sát người thừa kế Atreides - một vụ mưu sát có thể thành công.”

“Piter,” Nam tước nói giọng trầm sâu, “người ám chỉ...”

“Tôi ám chỉ đến những rủi ro có thể xảy ra,” Piter nói. “Và vụ mưu sát phải có vẻ hợp lý.”

“Chà! Nhưng thằng bé có tấm thân non trẻ dễ thương làm sao,” Nam tước nói. “Tất nhiên, thằng bé còn có khả năng nguy hiểm hơn cha nó... với những thứ đã được bà mẹ phù thủy kia dạy dỗ. Mụ đàn bà đáng nguyền rủa! Nào, thôi được rồi, tiếp tục đi Piter.”

“Hawat sẽ đoán được chúng ta đã gài gián điệp vào chỗ ông ta,” Piter nói. “Kẻ tình nghi hiển nhiên là bác sĩ Yueh, gã này đúng là gián điệp của chúng ta thật. Nhưng Hawat mới điều tra ra tay bác sĩ của chúng ta đã tốt nghiệp trường Suk với hàm Tối thượng Y pháp - được cho là đủ an toàn

để phụng sự thậm chí cả Hoàng đế. Tối thượng Y pháp được đánh giá cực cao. Người ta cho rằng không thể phế bỏ công phu tối thượng này trừ phi giết chết chính chủ thể. Tuy nhiên, như có người từng nhận xét, nếu được cho đúng cái đòn bẩy cần thiết, ta có thể dịch chuyển cả một hành tinh. Chúng ta đã tìm ra cái đòn bẩy dịch chuyển được tay bác sĩ.”

“Bằng cách nào?” Feyd-Rautha hỏi. Cậu thấy đây là một chủ đề hấp dẫn. *Tất cả mọi người* đều biết không thể nào phế bỏ được Tối thượng Y pháp!

“Để lúc khác,” Nam tước nói. “Tiếp tục đi, Piter.”

“Thay vì dùng Yueh,” Piter nói, “chúng ta sẽ lôi một kẻ khả nghi vô cùng đáng chú ý chắn ngang đường Hawat. Chính sự liều lĩnh của kẻ khả nghi này sẽ khiến Hawat chú ý đến cô ta.”

“Cô ta?” Feyd-Rautha hỏi.

“Chính là Lệnh bà Jessica,” Nam tước nói.

“Điều đó chẳng tuyệt vời sao?” Piter hỏi. “Tâm trí Hawat sẽ bị vụ này choán ngợp đến nỗi làm suy yếu chức năng Mentat của ông ta. Thậm chí ông ta còn có thể tìm cách giết Lệnh bà Jessica nữa.” Piter cau mày, rồi tiếp tục: “Nhưng tôi không nghĩ ông ta sẽ được phép làm việc này.”

“Người không muốn y giết Jessica, nhỉ?” Nam tước hỏi.

“Đừng làm tôi rối trí,” Piter nói. “Trong lúc Hawat bận rộn với Lệnh bà Jessica, chúng ta sẽ đẩy sự chú ý của y đi xa hơn nữa bằng các cuộc nổi loạn ở vài thành phố có quân đội đồn trú và những chỗ kiểu như thế. Những cuộc nổi loạn này sẽ bị đàn áp. Công tước sẽ phải tin rằng ông ta đang được an toàn. Sau đó, khi thời cơ chín muồi, chúng ta sẽ đánh tín hiệu cho Yueh và tiến vào với lực lượng chủ lực của chúng ta... chà...”

“Tiếp tục đi, nói hết cho cháu ta đi,” Nam tước nói.

“Chúng ta sẽ tiến vào với sự tăng cường từ hai quân đoàn Sardaukar cải

trang mặc đồng phục Harkonnen.”

“Sardaukar!” Feyd-Rautha thì thào. Tâm trí cậu tập trung vào đội quân đáng sợ của Hoàng đế, những kẻ giết người không ghê tay, những tên lính cuồng tín của Hoàng đế Padishah.

“Cháu thấy ta tin tưởng cháu như thế nào rồi đấy, Feyd,” Nam tước nói. “Không một chút xíu thông tin nào trong này được phép lọt đến tai Đại Gia tộc khác, nếu không Landsraad có thể liên minh chống lại Hoàng gia và chúng đó sẽ hỗn loạn.”

“Điểm chính là thế này,” Piter nói, “khi gia tộc Harkonnen bị lợi dụng để làm những công việc bẩn thỉu cho Hoàng gia, chúng ta đã giành được một lợi thế đích thực. Đó là một lợi thế nguy hiểm, chắc chắn như vậy, nhưng nếu sử dụng một cách cẩn trọng, nó sẽ mang lại cho Gia tộc Harkonnen nhiều của cải hơn bất cứ Gia tộc nào khác trong Đế quốc.”

“Cháu không thể hình dung được sự giàu sang đó lớn đến mức nào đâu, Feyd ạ,” Nam tước nói. “Nó vượt quá sức tưởng tượng nông cuồng nhất của cháu. Đầu tiên, chúng ta sẽ có một chức giám đốc không thể bãi miễn trong công ty CHOAM.”

Feyd-Rauth gật đầu. Giàu sang chính là vấn đề. CHOAM là chìa khóa dẫn đến sự giàu sang, mỗi Gia tộc có dòng dõi quý tộc đều hốt từ các kết bạc của công ty bất cứ thứ gì có thể hốt được nhờ quyền lực của giám đốc. Những giám đốc CHOAM này - họ là bằng chứng thực tế cho quyền lực chính trị trong Đế quốc - tùy theo sự thăng trầm của số phiếu bầu mà có thể nay về tay gia tộc này mai về tay gia tộc khác thuộc Landsraad trong khi nó tự cân bằng với Hoàng đế và những người ủng hộ ông ta.

“Có thể Công tước Leto sẽ cố chạy trốn đến chỗ lữ căn bã Fremen mới nổi dọc rìa sa mạc,” Piter nói. “Hoặc có thể ông ta cố gắng gửi gia đình đến cái chỗ tưởng là an toàn đó. Nhưng con đường đó bị một mật vụ của Hoàng đế - nhà sinh thái học hành tinh - chặn lại. Có lẽ ngài nhớ ông ta đấy - Kynes.”

“Feyd nhớ ông ta,” Nam tước nói. “Trình bày tiếp đi.”

“Ngài nhỏ dãi không được duyên dáng lắm, thưa Nam tước,” Piter nói.

“Trình bày tiếp đi, ta ra lệnh cho người!” Nam tước găm lên.

Piter nhún vai. “Nếu mọi chuyện diễn ra theo đúng kế hoạch,” anh ta nói, “Gia tộc Harkonnen sẽ có một thái ấp phụ ở Arrakis trong một Năm Chuẩn. Bác của anh sẽ được ban thái ấp đó. Đại diện cá nhân của ông ấy sẽ cai trị Arrakis.”

“Lại thêm nhiều lợi nhuận,” Feyd-Rautha nói.

“Quả thực thế,” Nam tước nói. Và ngài nghĩ: *Thế cũng công bằng thôi. Chúng ta là những người đã thuần phục Arrakis... ngoại trừ mấy tên Fremen lai giống ẩn trốn ở rìa sa mạc... và dăm tay buôn lậu để bảo bám lấy cái hành tinh này cũng chặt gần như bọn công nhân bản địa.*

“Và các Đại gia tộc sẽ biết ngài Nam tước đã tiêu diệt Atreides,” Piter nói. “Họ sẽ biết điều đó.”

“Họ sẽ biết,” Nam tước thì thào.

“Điều thú vị nhất,” Piter nói, “là Công tước cũng sẽ biết. Bây giờ chắc ông ta đã biết rồi. Có thể ông ta đã ngửi ra cái bẫy.”

“Đúng là Công tước có biết,” Nam tước nói, giọng thoáng buồn. “Hắn không thể không biết... thật đáng tiếc.”

Nam tước lùi ra xa khỏi quả cầu Arrakis. Khi ngài hiện ra từ bóng tối, hình dáng ngài lớn phồng lên - béo ục ịch, béo vô biên. Và với những chỗ phình rất khó thấy bên dưới các nếp gấp của bộ áo choàng sẫm màu, có thể nhận ra toàn bộ khối mỡ này được nâng lên một phần nhờ bộ dây treo di động gắn vào thịt ngài. Trọng lượng thực tế của ngài có thể đến hai trăm ki lô gam Chuẩn, nhưng đôi chân lại không thể mang quá năm chục kí.

“Ta đói rồi,” Nam tước nói giọng trầm sâu, ngài lấy bàn tay đeo đầy nhẫn

cọ cọ cặp môi trề, nhìn chằm chằm Feyd-Rautha qua cặp mắt sùm sụp mồi. “Bảo chúng nó mang thức ăn ra đây, cháu yêu. Chúng ta sẽ ăn trước khi nghỉ ngơi.”

Thánh Alia Con Dao đã nói: “Mẹ Chí tôn phải kết hợp những mưu chước quyền rũ của một kỹ nữ hạng sang với sự uy nghiêm không thể động tới của một thánh nữ đồng trinh, duy trì các thuộc tính đó ở thể thường xuyên căng thẳng chừng nào sức mạnh tuổi trẻ của Người còn kham được. Bởi khi tuổi xuân và nhan sắc đã qua, Người sẽ nhận ra rằng cái nơi-ở-giữa đó, từng một thời bị sự căng thẳng chiếm lĩnh, nay đã trở thành suối nguồn của sự khéo léo và thủ đoạn.”

- trích “Muad’Dib, Ghi chú gia đình” của Công chúa Irulan

“Sao hả, Jessica, người vừa lẩm bẩm cái gì thế?” Mẹ Chí tôn hỏi.

Đó là trước lúc hoàng hôn tại lâu đài Caladan vào ngày thử thách cậu bé Paul. Hai người đàn bà ở một mình trong phòng khách của Jessica còn Paul đợi tại Buồng Thiền định cách âm ở kế bên.

Jessica đứng đối diện với cửa sổ phía Nam. Nàng nhìn nhưng cũng lại không nhìn thấy hoàng hôn đang phủ màu sắc lên cánh đồng và dòng sông. Nàng nghe nhưng cũng lại không nghe thấy câu hỏi của Mẹ Chí tôn.

Đã từng có một thử thách khác - rất nhiều năm về trước. Một cô bé gầy nhom có mái tóc màu đồng, cơ thể bị hành hạ bởi những cơn đầy hơi của tuổi dậy thì, bước vào phòng làm việc của Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam, Tổng quản Tối cao của trường Bene Gesserit ở Wallach IX. Jessica nhìn xuống bàn tay phải, gập ngón tay, hồi tưởng lại cơn đau, nỗi kinh hoàng, sự tức giận.

“Paul tội nghiệp,” nàng thì thầm.

“Ta đang hỏi người đấy, Jessica!” Giọng bà lão cáu gắt, riết róng.

“Sao cơ? À...” Jessica bứt sự chú ý ra khỏi quá khứ, quay về phía Mẹ Chí tôn lúc này đang ngồi quay lưng vào bức tường đá nằm giữa hai cửa sổ hướng Tây. “Mẹ Chí tôn muốn con nói gì ạ?”

“Ta muốn người nói cái gì à? Ta muốn người nói cái gì à?” Giọng nói già nua mang âm điệu nhại lại một cách tàn nhẫn.

“Thì con đã có một đứa con trai!” Jessica nổi cáu. Nàng biết nàng bị bà ta chủ tâm khích cho giận dữ thế này.

“Người ta đã bảo người chỉ sinh con gái cho nhà Atreides.”

“Nó rất có ý nghĩa đối với ông ấy,” Jessica biện hộ.

“Và người, với cái thói tự phụ của mình, lại cho rằng người có thể sinh hạ được Kwisatz Haderach!”

Jessica hất cằm lên. “Con cảm thấy có khả năng.”

“Người chỉ nghĩ đến chuyện Công tước mong mỗi có con trai,” bà lão cáu kỉnh. “Mà mong mỗi của ông ta thì chẳng liên quan gì đến chuyện này hết. Một đứa con gái dòng họ Atreides thì đã có thể cưới người thừa kế của dòng họ Harkonnen và hàn gắn mối bất hòa. Người đã làm cho vấn đề trở nên phức tạp vô phương cứu chữa. Giờ thì có lẽ chúng ta sẽ mất cả hai dòng máu.”

“Không phải Mẹ không bao giờ sai,” Jessica nói. Nàng bất chấp cái nhìn chòng chọc từ đôi mắt già nua.

Ngay sau đó, bà lão lầu bầu: “Cái gì đã làm thì cũng là đã làm rồi.”

“Con đã thế sẽ không bao giờ hối hận về quyết định của mình,” Jessica nói.

“Cao quý quá nhỉ,” Mẹ Chí tôn châm chọc. “Không hối hận. Chúng ta sẽ thấy khi người là một kẻ chạy trốn bị người ta treo giá cái đầu và mọi bàn tay con người quay ra chống lại người, sẵn lòng mạng sống của người và của con người.”

Jessica tái cả người. “Không có lựa chọn nào khác sao?”

“Lựa chọn khác? Một Bene Gesserit mà cũng hỏi vậy sao?”

“Con chỉ hỏi về những gì Mẹ Chí tôn nhìn thấy trong tương lai bằng năng lực ưu việt của người.”

“Ta nhìn thấy trong tương lai những cái ta đã nhìn thấy trong quá khứ. Người biết rõ những phi vụ của chúng ta thường theo khuôn mẫu nào mà, Jessica. Dòng giống loài người biết rõ tỷ lệ chết và lo sợ sự di truyền sẽ bị ngừng lại. Nó nằm trong dòng máu - sự thôi thúc trộn lẫn các giống di truyền mà không trừ tính trước. Đế quốc, công ty CHOAM, tất cả các Đại gia tộc, họ chỉ là những mẫu nhỏ nổi lên bên trên đường đi của dòng chảy đó.”

“CHOAM,” Jessica lẩm bẩm. “Con cho là họ đã quyết định cách chia lại chiến lợi phẩm ở Arrakis rồi.”

“CHOAM có là gì ngoài cái chong chóng gió trong thời đại chúng ta đâu,” bà lão nói. “Giờ đây Hoàng đế và bạn bè của ông ta đang nắm giữ 59,65% số phiếu bầu cho chức giám đốc của CHOAM. Họ chắc chắn nghĩ thấy mùi lợi nhuận, và có thể khi những người khác cũng nghĩ thấy các lợi nhuận đó thì sức mạnh biểu quyết của ông ta sẽ tăng lên. Đó là mẫu hình lịch sử, con ạ.”

“Đó chắc chắn là cái con cần bây giờ đây,” Jessica nói. “Xét lại lịch sử.”

“Đừng khôì hài nữa, con gái! Người cũng biết rõ như ta những thế lực nào bao quanh chúng ta. Chúng ta có một nền văn minh tam điểm: Hoàng gia được giữ cân bằng với Liên minh các Đại Gia tộc Landsraad, và giữa họ là Hiệp hội với sự độc quyền đáng nguyên rủa trong việc vận chuyển liên hành tinh. Trong chính trị, thế kiềng ba chân là loại cấu trúc lỏng lẻo nhất. Chẳng cần tính đến sự phức tạp của nền văn hóa thương mại phong kiến vốn quay lưng lại với hầu hết mọi ngành khoa học thì nó cũng đủ tệ lắm rồi.”

Jessica chưa chát nói: “Những mẫu nhỏ trên đường đi của dòng chảy - và

đây là một mẫu, là Công tước Leto, còn mẫu nữa là con trai ông ấy, mẫu nữa là...”

“Ôi, im ngay đi, con gái. Khi bước vào chuyện này, người đã biết rõ mình sẽ phải đi trên cái làn ranh mỏng manh như thế nào.”

“ ‘Con là Bene Gesserit: Con chỉ tồn tại để phụng sự,’ ” Jessica trích dẫn.

“Chính xác,” bà lão nói. “Và bây giờ tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng là ngăn không để chuyện này bùng lên thành đám cháy hủy diệt tất cả, cứu vãn những gì còn cứu được từ những dòng máu chính yếu.”

Jessica nhắm mắt, cảm giác những giọt lệ đang ứa ra dưới hàng mi. Nàng nén nỗi run sợ bên trong, nỗi run sợ bên ngoài, hơi thở không đều, mạch đập rời rạc, gan bàn tay đầm mồ hôi. Ngay sau đó, nàng nói: “Con sẽ trả giá cho sai lầm của chính mình.”

“Và con trai người sẽ trả giá cùng người.”

“Con sẽ bảo vệ nó bằng tất cả khả năng của mình.”

“Bảo vệ!” bà lão cau kỉnh. “Người biết rõ như thế là mềm yếu! Cứ chăm chăm bảo vệ con trai người đi, Jessica, rồi thì nó sẽ chẳng đủ khôn lớn để mà hoàn thành bất kỳ sứ mệnh nào.”

Jessica quay đi, nhìn bóng tối dày đặc bên ngoài cửa sổ. “Cái hành tinh Arrakis này, có thật là nó kinh khủng đến thế không?”

“Đủ tệ, nhưng không phải quá tệ. Missionaria Protectiva đã có mặt ở đó và phần nào làm nó dịu đi.” Mẹ Chí tôn đứng dậy, vượt thẳng một nếp áo. “Gọi thằng bé vào đây. Ta phải đi ngay.”

“Mẹ phải đi ngay sao?”

Giọng bà lão nhẹ nhàng. “Jessica, con gái, ta ước gì có thể thế chỗ con và gánh lấy nỗi đau khổ cho con. Nhưng mỗi chúng ta phải đi trên con đường của chính mình.”

“Con biết.”

“Con thân thiết với ta như bất cứ đứa con gái nào của ta, nhưng ta không thể cho phép điều đó làm cản trở công việc.”

“Con hiểu... sự cần thiết.”

“Những cái con làm, Jessica, và tại sao con làm như vậy - chúng ta đều hiểu. Nhưng vì muốn tốt cho con nên ta buộc lòng phải nói với con rằng ít có cơ hội con trai con sẽ trở thành Bene Gesserit Toàn Thống. Con không được cho phép mình hy vọng quá nhiều.”

Jessica gạt những giọt lệ nơi khóe mắt. Đó là một cử chỉ giận dữ. “Mẹ làm con cảm thấy mình lại giống như một đứa trẻ vậy - ôn lại bài học đầu tiên.” Nàng buộc mình thốt ra: “‘Loài người không bao giờ được phục tùng loài vật.’ ” Một tiếng nấc khan làm cả người nàng run lên. Nàng nói nhỏ: “Con đã từng rất cô độc.”

“Nó nên là một trong những thử thách,” bà lão nói. “Hầu hết con người luôn luôn cô độc. Giờ thì gọi thằng bé đến đây đi. Nó đã có một ngày dài đầy sợ hãi. Nhưng nó đã có thời gian để suy nghĩ và nhớ lại, giờ ta phải hỏi những câu hỏi khác về những giấc mơ của nó.”

Jessica gạt đầu, đi về phía Phòng Thiền định, mở cửa ra. “Paul, vào đây con.”

Paul bước vào với vẻ chậm chạp bướng bỉnh. Cậu nhìn mẹ chòng chọc như thể mẹ là một người xa lạ. Đôi mắt cậu tràn ngập ánh nhìn cảnh giác khi cậu liếc Mẹ Chí tôn, nhưng lần này cậu gạt đầu chào bà, kiểu gạt đầu đối với người ngang hàng. Cậu nghe thấy tiếng mẹ đóng cánh cửa sau lưng mình.

“Chàng trai,” bà lão nói, “chúng ta quay trở về với chuyện những giấc mơ nào.”

“Bà muốn gì?”

“Đêm nào người cũng mơ phải không?”

“Không phải những giấc mơ đáng nhớ. Tôi có thể nhớ mọi giấc mơ, nhưng có cái đáng nhớ có cái không.”

“Làm sao người biết được sự khác nhau đó?”

“Tôi biết thế thôi.”

Bà lão liếc nhìn Jessica, rồi quay lại Paul. “Thế tối hôm qua người đã mơ thấy gì? Nó có đáng nhớ không?”

“Có.” Paul nhắm mắt. “Tôi mơ thấy một cái hang lớn... và nước... một cô gái ở đó - rất gầy, có đôi mắt to. Mắt của cô ấy chỉ có một màu xanh nước biển, không có chút màu trắng nào. Tôi nói chuyện với cô ấy và kể cho cô ấy nghe về bà, về cuộc gặp Mẹ Chí tôn ở Caladan.” Paul mở mắt.

“Và những chuyện người kể cho cô gái lạ mặt này về cuộc gặp gỡ với ta, hôm nay chúng có xảy ra không?”

Paul suy nghĩ, rồi nói: “Có. Tôi nói với cô gái ấy rằng bà đã đến và đóng một con dấu của sự xa lạ lên người tôi.”

“Con dấu của sự xa lạ,” bà lão thì thào, một lần nữa liếc nhanh về phía Jessica, rồi lại hướng sự chú ý vào Paul. “Bây giờ hãy nói thật cho ta biết, Paul, người có thường mơ về những chuyện mà sau này sẽ xảy ra đúng như trong mơ không?”

“Có. Và trước đây tôi đã mơ thấy cô gái đó rồi.”

“Ồ? Người biết cô ta à?”

“Tôi sẽ biết cô ấy.”

“Kể cho ta về cô ấy đi.”

Một lần nữa, Paul nhắm mắt. “Chúng tôi ở trong một nơi chật hẹp được che chắn bằng những tảng đá lớn. Nó gần như tối thui, nhưng nóng nực và qua khe hở giữa những tảng đá, tôi có thể nhìn thấy những dải cát ở bên ngoài. Chúng tôi đang... chờ đợi điều gì đó... chờ cho tôi đi gặp vài người. Cô ấy sợ hãi nhưng cố giấu không để tôi biết, còn tôi thì thấy phấn khích. Cô ấy nói: ‘Kể em nghe về nước của hành tinh quê hương anh đi, Usul.’ ” Paul mở mắt. “Điều đó chẳng lạ sao? Quê hương tôi là Caladan. Tôi chưa từng nghe đến một hành tinh nào có tên là Usul cả.”

“Giấc mơ còn gì nữa không?” Jessica giục.

“Còn. Nhưng có thể cô ấy gọi tôi là Usul,” Paul nói. “Tôi mới chợt nghĩ ra điều này.” Lại một lần nữa, cậu nhắm mắt. “Cô ấy bảo tôi kể về nước. Tôi nắm tay cô ấy. Tôi nói tôi sẽ đọc một bài thơ cho cô ấy. Và tôi đọc thơ, nhưng tôi phải giải thích vài từ ngữ - ví dụ như bãi biển, sóng, rong biển và mòng biển.”

“Bài thơ nào?” Mẹ Chí tôn hỏi.

Paul mở mắt. “Nó chỉ là một trong những bài thơ mà Gurney Halleck thường ngâm trong lúc buồn.”

Sau lưng Paul, Jessica bắt đầu ngâm:

“Ta nhớ làn khói mặn mà từ ngọn lửa nơi bãi biển

Nhớ bóng mát dưới những cây thông -

Vững chãi, thẳng tắp... và bất động -

Lũ mòng biển đậu trên chỏm đất,

Màu trắng trên xanh...

Ngọn gió xuyên qua những cây thông

Chao đưa những cái bóng;

Lũ mòng biển rải cánh

Bay lên

Bầu trời ngợp tiếng rít.

Và ta nghe tiếng gió

Thổi qua bãi biển

Và sóng vỗ,

Rồi ta thấy ngọn lửa của chúng ta

Đã làm rong biển kia cháy sém.”

“Chính là bài thơ đó,” Paul nói.

Bà lão nhìn Paul chằm chằm, rồi nói: “Chàng trai, với tư cách là Tổng quản trường Bene Gesserit, ta đang tìm kiếm Kwisatz Haderach, người đàn ông quả thật có thể trở thành một thành viên của chúng ta. Mẹ ngươi nhìn thấy khả năng này ở ngươi, nhưng cô ta nhìn với con mắt của người mẹ. Có thể ta cũng nhìn thấy, nhưng không nhiều hơn.”

Bà ta im lặng và Paul nhận ra bà ta muốn cậu nói. Cậu chờ bà ta mở miệng.

Ngay sau đó, bà ta nói: “Tùy ý ngươi thôi. Ngươi là người có năng lực; điều này ta công nhận.”

“Bây giờ tôi đi được rồi chứ?” cậu bé hỏi.

“Con không muốn nghe xem Mẹ Chí tôn có thể kể gì cho con về Kwisatz Haderach sao?” Jessica hỏi.

“Bà ấy nói những người thử nó đều đã chết.”

“Nhưng ta có thể giúp người bằng một vài gợi ý về lý do khiến họ thất bại,” Mẹ Chí tôn nói.

Bà ta nói là vài gợi ý, Paul nghĩ. Bà ta không thực sự biết bất cứ điều gì. Cậu nói: “Vậy thì bà gợi ý đi.”

“Để rồi chịu họa vì ta sao?” Bà ta nở nụ cười châm biếm, những nếp nhăn chổng chéo trên khuôn mặt già nua. “Rất tốt: ‘Cái đề ra luật lệ.’ ”

Cậu kinh ngạc: bà ta đang nói về những điều quá sơ đẳng đến mức như sự căng thẳng bên trong nghĩa. Bà ta tưởng mẹ cậu chẳng dạy được gì cho cậu sao?

“Đó là gợi ý ư?” cậu hỏi.

“Chúng ta không ở đây để lời qua tiếng lại hay tranh cãi về nghĩa của chúng,” bà lão nói. “Cây liễu thuận theo gió mà lớn lên để rồi đến một ngày nó phát triển thành nhiều cây liễu - một bức tường cản gió. Đó là mục đích của cây liễu.”

Paul nhìn bà ta chằm chằm. Bà ta nói *mục đích* và cậu cảm thấy cái từ đó đập mạnh vào cậu, lại làm cậu bị tiêm nhiễm cái mục đích kinh khủng. Cậu bất thành linh nổi giận với bà ta: mụ phù thủy già xấu xí ngu ngốc với cái miệng toàn những lời nhạt thếch.

“Bà nghĩ tôi có thể là vị Kwisatz Haderach đó,” cậu nói. “Bà nói về tôi, nhưng bà chẳng nói một lời nào về chuyện chúng ta có thể làm gì để giúp cha tôi. Tôi đã nghe bà nói chuyện với mẹ tôi. Bà nói như thể cha tôi đã chết. Thật may, ông ấy chưa chết!”

“Nếu có thể làm được gì cho ông ấy thì bọn ta đã làm rồi,” bà lão lầu bàu. “Người thì bọn ta có thể cứu được. Không chắc lắm nhưng có thể. Còn cha người thì, không gì cứu được. Khi người học được cách chấp nhận

điều đó như một thực tế, ấy là người đã học được một bài học Bene Gesserit *thực sự*.”

Paul nhận ra những lời nói này khiến mẹ cậu choáng váng như thế nào. Cậu giận dữ nhìn bà lão. Sao bà ta có thể nói một điều như thế về cha cậu cơ chứ? Cái gì khiến bà ta chắc chắn như thế? Tâm trí cậu sôi sục cảm giác oán giận.

Mẹ Chí tôn nhìn Jessica. “Người đã dạy dỗ nó theo Phương pháp - ta nhận ra dấu hiệu của điều đó. Nếu ở vào địa vị người thì ta cũng làm thế, mặc cho quỷ sứ tha mấy cái Luật kia đi.”

Jessica gật đầu.

“Giờ thì ta cảnh báo người,” bà lão nói, “phớt lờ trình tự đào tạo thông thường đi. Sự an toàn của thằng bé phụ thuộc vào Giọng nói. Nó đã có một khởi đầu tốt với Giọng nói, nhưng cả hai ta đều biết nó cần nhiều hơn thế... cần ghê gớm.” Bà ta lại gần Paul, nhìn cậu chăm chăm. “Tạm biệt, con người trẻ tuổi. Ta hy vọng cậu làm được điều đó. Nhưng nếu cậu không làm được - tốt thôi, bọn ta sẽ vẫn thành công.”

Bà ta lại nhìn Jessica. Họ trao cho nhau một thoáng nhìn thấu hiểu. Rồi bà lão bước nhanh ra khỏi phòng, áo choàng kêu sột soạt, không liếc mắt lại thêm một lần nào nữa. Căn phòng và những chủ nhân của nó đã bị bỏ ra ngoài suy nghĩ của bà ta.

Nhưng Jessica đã thoáng nhìn thấy gương mặt Mẹ Chí tôn khi bà ta quay đi. Có nước mắt trên gò má nhăn nheo. Những giọt nước mắt ấy gây xao xuyến hơn bất cứ lời nói hay dấu hiệu gì được trao đổi giữa hai người trong ngày hôm nay.

Các người đã biết ở Caladan Muad'Dib không có bạn chơi cùng lứa tuổi. Nguy hiểm quá lớn. Nhưng Muad'Dib lại có những vị thầy đồng thời là người bạn tuyệt vời. Đó là Gurney Halleck, một chiến binh - người hát rong. Các người sẽ hát một số bài hát của Gurney trong khi đọc tiếp cuốn sách này. Đó là Thufir Hawat, vị Mentat già nua Thủ lĩnh Sát thủ, người khiến cả Hoàng đế Padishah cũng phải khiếp sợ trong lòng. Đó là Duncan Idaho, Kiếm sư xuất thân từ gia tộc Ginaz; Bác sĩ Wellington Yueh, một cái tên bị bôi đen vì sự phản bội nhưng sáng ngời kiến thức; Lệnh bà Jessica, người đã dạy dỗ con trai mình theo Phương pháp Bene Gesserit, và - tất nhiên - Công tước Leto, người mà từ lâu những phẩm chất làm cha của ông đã không được người ta biết tới.

- trích “Chuyện thời thơ ấu của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Thufir Hawat lên vào phòng tập luyện của lâu đài Caladan, đóng cửa thật khế. Ông đứng đó một lát, cảm thấy mình già nua, mệt mỏi và dạn dày vì bão táp. Vết chém ở chân trái mà ông dính phải hồi còn phục vụ Lão Công tước trở nên đau nhức.

Đến giờ là ba thế hệ rồi, ông nghĩ.

Ông nhìn chằm chằm khắp căn phòng rộng rãi sáng sủa tràn ngập ánh nắng ban trưa tuôn xuống qua những ô cửa sổ trên trần, thấy cậu bé ngồi quay lưng ra cửa, mãi mê với đồng giấy tờ và bản đồ trải la liệt khắp mặt bàn hình chữ L.

Không biết ta đã phải nhắc cậu bé không được ngồi quay lưng ra cửa bao nhiêu lần rồi? Hawat hắng giọng.

Paul vẫn cúi cúi nghiên nghiên cứu cứu.

Một bóng mây bay qua khung cửa sổ trên trần. Hawat lại hắng giọng.

Paul vươn thẳng người, nói mà không quay lại: “Ta biết rồi. Ta đang quay lưng ra cửa.”

Hawat nén cười, sải bước ngang qua căn phòng.

Paul ngược nhìn ông già tóc hoa râm đứng ở góc bàn. Đôi mắt Hawat tựa hai hồ nước lấp lánh tinh anh trên khuôn mặt u tối và hằn sâu những nếp nhăn của ông.

“Ta nghe thấy tiếng thầy đi dọc hành lang,” Paul nói. “Ta cũng nghe thấy tiếng thầy mở cửa.”

“Những âm thanh ấy người khác cũng có thể giả được.”

“Ta phân biệt được.”

Cậu bé có khả năng đó, Hawat nghĩ. Tất nhiên bà mẹ phù thủy của cậu dạy dỗ cậu rất cẩn thận. Ta băn khoăn không biết cái trường học quý báu của cô ta nghĩ gì về chuyện này? Có thể đó là nguyên nhân khiến họ cử vị Tổng quản Tối cao già nua đến đây - vụt roi để khép Lệnh bà Jessica yêu quý của chúng ta vào khuôn phép.

Hawat kéo chiếc ghế bên cạnh Paul về phía mình, ngồi xuống quay mặt ra cửa. Ông làm việc đó một cách có chủ ý, ngả lưng ra phía sau và quan sát căn phòng. Ông đột nhiên cảm thấy nó trở thành một nơi kỳ quặc, một chốn xa lạ vì hầu hết đồ đạc đều đã được chuyển đến Arrakis. Còn lại một cái bàn tập luyện, tấm gương chắn với các lăng kính pha lê đứng lặng yên, cái hình nộm làm mục tiêu bên cạnh nó được độn và vá vúi, trông như người bộ binh già khom bị thương tật và bầm dập trong chiến trận.

Ấy là ta đó, Hawat nghĩ.

“Thufir, thầy đang nghĩ gì vậy?” Paul hỏi.

Hawat nhìn cậu bé. “Ta đang nghĩ là tất cả chúng ta sẽ sớm rời khỏi đây và có lẽ không bao giờ còn trông thấy nơi này nữa.”

“Điều đó làm thầy buồn sao?”

“Buồn ư? Vớ vẩn! Chia tay người thân mới đáng phải buồn. Nơi ở chỉ là nơi ở.” Ông liếc nhìn những tấm bản đồ trên bàn. “Arrakis chỉ là một nơi ở khác.”

“Có phải cha ta bảo thầy đến kiểm tra ta không?”

Hawat cau mặt - cậu bé quả là có con mắt quan sát. Ông gật đầu. “Con nghĩ rằng nếu ông ấy thân chinh đến thì sẽ hay hơn, nhưng con phải biết là ông ấy rất bận. Ông ấy sẽ đến sau.”

“Ta đang nghiên cứu những cơn bão ở Arrakis.”

“Những cơn bão. Ta hiểu.”

“Xem chừng chúng khá nguy hiểm.”

“Dùng từ ấy thì nhẹ quá đấy: *nguy hiểm*. Những cơn bão đó mạnh dần lên trên suốt sáu, bảy ngàn cây số đồng bằng, hút bất cứ thứ gì tăng thêm sức công phá - lực coriolis, các cơn bão khác, bất cứ thứ gì mang trong nó dù chỉ một chút xíu năng lượng. Chúng có thể di chuyển với tốc độ 700km/giờ, cuốn theo bất cứ cái gì lơ lửng trên đường đi của chúng - cát, bụi, mọi thứ. Chúng có thể róc thịt khỏi xương và chẻ xương thành từng mảnh vụn.”

“Tại sao họ không có hệ thống điều khiển thời tiết?”

“Arrakis có nhiều vấn đề phức tạp, giá cả thì cao hơn, rồi còn chuyện bảo trì và những thứ tương tự nữa. Bọn Hiệp hội muốn bán hệ thống điều khiển vệ tinh với giá cắt cổ trong khi Gia tộc của phụ thân con lại không thuộc hàng những gia tộc cực giàu. Con biết điều đó mà.”

“Thầy đã nhìn thấy người Fremen bao giờ chưa?”

Hôm nay trí óc của thằng bé hoạt động như tên bắn vậy, Hawat nghĩ.

“Rất có thể ta đã nhìn thấy họ,” ông nói. “Khó mà phân biệt được họ với

những người sống ở địa hào và vùng đầm lầy. Tất cả bọn họ đều mặc áo choàng rộng thùng thình. Ở khoảng cách gần, người họ bốc mùi đến thấu trời. Cái mùi đó tỏa ra từ những bộ quần áo họ mặc - có tên là ‘sa phục’ - chúng giữ lại nước từ chính cơ thể họ.”

Paul nuốt nước bọt, đột ngột nhận ra miệng mình ẩm ướt và nhớ đến một giấc mơ về cơn khát. Cậu cảm thấy buồn trước việc những người đó có lẽ quá thiếu nước đến độ họ phải tái chế hơi ẩm của cơ thể mình. “Nước ở đó phải quý lắm,” cậu nói.

Hawat gật đầu, nghĩ: *Có thể ta đang làm điều đó, giải thích rõ ràng cho cậu bé về tầm quan trọng của hành tinh này với vai trò là một kẻ thù. Thật điên rồ nếu dẫn bước đến đó mà không ghi nhớ lời cảnh báo này trong tâm trí.*

Paul nhìn lên ô cửa trên trần, biết rằng trời đã bắt đầu mưa. Cậu thấy sự ướt át đang lan tỏa trên lớp siêu kính màu xám. “Nước”, cậu nói.

“Con sẽ được biết về mối quan tâm sâu sắc đối với nước,” Hawat nói. “Với tư cách con trai Công tước, con sẽ không bao giờ thiếu nước, nhưng con sẽ thấy sức ép của sự khát ở khắp xung quanh con.”

Paul đưa lưỡi liếm môi, nhớ lại cái ngày cách đây một tuần và cuộc thử thách của Mẹ Chí tôn. Cả bà ta cũng đã nói về sự đói nước.

“Người sẽ biết về những bình nguyên tang tóc,” bà ta nói, “về những sa mạc trơ trụi, những vùng đất hoang nơi không có gì sống được ngoài hương dục và loài sâu cát. Người sẽ đổi màu hốc mắt để giảm bớt ánh chói chang của mặt trời. Nơi trú ẩn sẽ có nghĩa là một cái lỗ kín gió và khuất tầm nhìn. Người sẽ phải đi bộ chứ không có tàu chim, không xe mặt đất hay cũng không có con vật nào cho người cưỡi”.

Và Paul bị lôi cuốn vì giọng nói của bà ta - trầm bổng và run run - hơn là vì những lời bà ta nói.

“Khi người sống trên Arrakis,” bà ta nói, “khala, đất đai trơ trụi. Các vầng trăng sẽ là bạn người, mặt trời là kẻ thù của người.”

Paul cảm thấy mẹ đã rời khỏi vị trí gác cửa đến bên cậu. Nàng nhìn Mẹ Chí tôn hỏi: “Mẹ không thấy chút hy vọng nào sao, thưa Mẹ Chí tôn?”

“Cho người cha thì không.” Và bà lão vẫy tay ra hiệu cho Jessica im lặng, rồi nhìn xuống Paul. “Hãy khắc ghi điều này vào trí nhớ, hỡi chàng trai: Một thế giới được chống đỡ bằng bốn thứ...” Bà ta giơ bốn ngón tay có những đốt to sụ lên, “... hiểu biết của kẻ thông thái, công lý của kẻ vĩ đại, lời cầu nguyện của kẻ công chính và chí can trường của kẻ dũng. Nhưng tất cả những thứ đó chẳng là gì...” Bà ta gập các ngón tay lại thành quả đấm, “... nếu không có một người trị vì biết thuật cai trị. Hãy lấy điều đó làm khoa học về truyền thống của người!”

Một tuần lễ đã qua kể từ ngày gặp Mẹ Chí tôn. Mãi đến bây giờ cậu mới bắt đầu hiểu đầy đủ ý nghĩa điều bà ta nói. Lúc này, ngồi trong phòng tập luyện cùng Thufir Hawat, Paul cảm thấy một nỗi sợ đến nhói tim. Cậu nhìn vẻ mặt nghiêm trang rồi bời của vị Mentat.

“Con đã để tâm trí đi đâu vậy?” Hawat hỏi.

“Thầy đã gặp Mẹ Chí tôn chưa?”

“Người Nói Sự thật, cái mũ phù thủy đến từ Đế quốc á?” Mắt Hawat sinh động hẳn lên vì thích thú. “Ta đã gặp mũ rồi.”

“Bà ta...” Paul ngập ngừng, nhận ra mình không thể kể cho Hawat nghe về cuộc thử thách. Sự ức chế quá sâu sắc.

“Sao hả? Bà ta đã làm gì?”

Paul hít hai hơi thở sâu. “Bà ta nói một chuyện.” Cậu nhắm mắt, cố nhớ lại những lời Mẹ Chí tôn nói, và khi cậu lên tiếng, giọng cậu bất giác nhuốm phần nào giọng điệu của bà lão: “‘Người, Paul Atreides, hậu duệ của các vị quân vương, con trai một Công tước, người phải học cách cai trị. Đó là điều mà chưa một tổ tiên nào của người từng học.’” Paul mở mắt, nói: “Câu nói đó khiến ta nổi giận, và ta bảo rằng cha ta cai trị cả một hành tinh. Vậy là bà ta nói: ‘Ông ta đang đánh mất nó’. Ta liền nói

cha ta sắp có một hành tinh giàu có hơn. Thì bà ta nói: ‘Ông ta cũng sẽ mất nốt nó.’ Vậy là ta muốn chạy đi cảnh báo cho cha, nhưng bà ta liền nói cha ta đã được cảnh báo rồi - từ thầy, từ mẹ ta, từ nhiều người.”

“Đúng vậy,” Hawat lẩm bẩm.

“Thế tại sao chúng ta lại đi?” Paul hỏi.

“Bởi Hoàng đế ra lệnh vậy. Và bởi vì vẫn còn hy vọng, cho dù mục gián điệp-phù thủy kia có nói gì đi nữa. Cái nguồn suối thông thái già khòm ấy còn phun ra cái gì khác không?”

Paul nhìn xuống bàn tay phải của cậu đang siết lại thành nắm đấm dưới bàn. Chậm rãi, cậu ra lệnh cho các cơ thư giãn. *Bà ta đã điều khiển ta bằng cách nào đó, cậu nghĩ. Bằng cách nào?*

“Bà ta bảo ta nói cho bà ta nghe cai trị nghĩa là gì,” Paul nói. “Và ta nói cai trị nghĩa là ra lệnh. Bà ta liền nói, có những cái ta đã học nhưng bây giờ cần phải quên đi.”

Ở điểm ấy thì mục ta nói đúng lắm, Hawat nghĩ. Ông gật đầu ra hiệu cho Paul tiếp tục.

“Bà ta nói một nhà cai trị phải học cách thuyết phục chứ không phải ép buộc. Bà ta nói, nhà cai trị phải bày bàn cà phê ngon nhất để thu hút những người giỏi nhất.”

“Mục ta cho rằng cha của con đã thu hút những người như Duncan và Gurney bằng cách nào chứ?” Hawat hỏi.

Paul nhún vai. “Thế rồi bà ta nói một nhà cai trị tốt phải học được ngôn ngữ của thế giới của anh ta, mà mỗi thế giới thì có một ngôn ngữ khác nhau. Ta cho rằng ý bà ta là người ta không nói tiếng Galach trên Arrakis, nhưng bà ta lại nói khác hẳn. Bà ta nói bà ta muốn nhắc đến ngôn ngữ của đá và những thứ đang phát triển, cái ngôn ngữ mà nếu chỉ dùng tai thì sẽ không nghe thấy được. Ta liền nói đó là cái mà bác sĩ Yueh gọi là Bí ẩn của Sự sống.”

Hawat cười tủm tỉm. “Nói thế có hợp ý bà ta không?”

“Ta nghĩ bà ta điên rồi. Bà ta nói bí ẩn của sự sống không phải một bài toán cần giải, mà là một thực tại cần trải nghiệm. Ta liền nhắc lại Luật Thứ nhất của Mentat cho bà ta nghe: ‘Không thể thấu hiểu một quá trình bằng cách bắt nó ngừng lại. Sự thấu hiểu phải di động cùng dòng chảy của quá trình đó, phải hòa vào nó và chảy cùng nó.’ Hình như câu nói đã làm bà ta hài lòng.”

Có vẻ như cậu ta đang vượt qua được điều đó, Hawat nghĩ, nhưng mụ phù thủy già kia đã khiến cậu ta khiếp sợ. Tại sao mụ ta làm thế?

“Thufir này,” Paul nói, “liệu Arrakis có tệ như bà ta nói không?”

“Làm gì có chuyện tệ đến thế,” Hawat nói và gượng cười. “Đám Fremen kia chẳng hạn; cái dân sa mạc sống ngoài vòng pháp luật ấy. Chỉ cần phân tích sơ bộ thôi ta cũng có thể cho con biết, những người ấy đông hơn, đông hơn rất nhiều so với Đế quốc thường nghĩ. Người ta sống ở đấy, con ạ: rất nhiều người, và...” Hawat đặt một ngón tay gân guốc lên bên cạnh mắt, “... họ căm thù bọn Harkonnen đến tận xương tủy. Con không được hờ một lời nào về chuyện này đâu đấy nhé, cậu bé. Ta nói cho con chỉ vì ta là trợ thủ cho cha con thôi.”

“Cha đã nói với ta về Salusa Secundus,” Paul nói. “Thầy biết không, Thufir, nó nghe rất giống Arrakis... có thể không tệ đến mức ấy, nhưng rất giống.”

“Chúng ta không thực sự biết Salusa Secundus hiện nay ra sao,” Hawat nói. “Chúng ta chỉ biết về tình hình của nó từ lâu lắm rồi... gần như biết. Song những gì ta biết... về điểm ấy thì con nói đúng.”

“Người Fremen sẽ giúp chúng ta chứ?”

“Cũng có thể.” Hawat đứng dậy. “Hôm nay ta lên đường đến Arrakis. Trong lúc đó thì con hãy bảo trọng vì một lão già vốn yêu quý con, được chứ hả? Hãy đến đây như một cậu bé ngoan và ngồi quay mặt ra cửa đi

nào. Không phải ta nghĩ có mối nguy hiểm nào đó trong lâu đài này; đó chẳng qua chỉ là một thói quen mà ta muốn con phải tập dần.”

Paul đứng dậy, đi vòng qua chiếc bàn. “Thầy đi hôm nay sao?”

“Hôm nay, còn con sẽ đi vào ngày mai. Lần gặp gỡ tiếp theo của thầy trò ta sẽ là tại mảnh đất trên thế giới mới của con.” Ông nắm chặt bắp tay phải của Paul. “Hãy để tay dao của con thật uyển chuyển, nhé? Còn tấm khiên của con thật chắc chắn.” Ông thả tay, vỗ nhẹ vào vai Paul rồi xoay người đi nhanh ra cửa.

“Thufir!” Paul gọi.

Hawat quay lại, đứng ở ngưỡng cửa mở.

“Đừng ngồi quay lưng ra bất kỳ cánh cửa nào,” Paul nói.

Một nụ cười rạng rỡ bùng lên trên khuôn mặt già nua nhăn nheo. “Ta sẽ không ngồi như vậy đâu, cậu bé. Cứ tin đi.” Và ông đi ra, khẽ khàng khép cánh cửa lại sau lưng.

Paul ngồi xuống chỗ Hawat vừa ngồi, sắp xếp đồng giấy tờ. *Ở đây thêm một ngày nữa*, cậu nghĩ. Cậu nhìn quanh phòng. *Chúng ta đang ra đi*. Ý nghĩ về sự ra đi đột ngột hiện lên rõ mồn một hơn bao giờ hết. Cậu hồi tưởng lại một câu chuyện khác mà bà lão đã nói về việc thế giới là tổng hòa của nhiều thứ - con người, cát bụi, những thứ đang phát triển, những mặt trăng, những con nước, những mặt trời - cái tổng không ai biết, được gọi là *tự nhiên*, một bản tổng kết mơ hồ không có chút cảm thức nào về *hiện tại*. Cậu tự hỏi: *Hiện tại là cái gì?*

Cánh cửa trước mặt Paul mở bung ra và một người đàn ông xấu xí lặc lè bước vào, tay bê cả lô vũ khí.

“Này, Gurney Halleck,” Paul gọi, “Thầy là thầy giáo mới dạy về vũ khí đấy à?”

Halleck đá một gót chân đóng cánh cửa lại. “Ta biết con thích ta đến để

chơi game hơn,” ông nói. Ông quét mắt khắp phòng, nhận thấy người của Hawat đã đến đây và đã kiểm tra kỹ lưỡng để bảo đảm nó an toàn đối với người thừa kế của Công tước. Những ký hiệu mã hóa tinh vi nhan nhản xung quanh.

Paul quan sát người đàn ông xấu xí đang lắc lư kia lùi lại, mang theo đồng vũ khí nặng trĩu chuyển hướng về phía bàn tập luyện, cậu nhìn cây đàn baliset chín dây đeo trên vai Gurney với chiếc móng gảy cài vào những dây đàn gần đầu cần phím.

Halleck thả vũ khí xuống bàn tập, xếp chúng thẳng hàng - nòng kiếm, dao găm, đoản kiếm hai lưỡi, súng bắn phi tiêu, thắt lưng đeo khiên. Vết sẹo ở quai hàm do bị quất roi nho mưng nhàn nhúm lại khi ông xoay cổ, ném một nụ cười ngang qua phòng.

“VẬY là con thậm chí còn không chào ta đấy, đồ tiểu quỷ,” Halleck nói. “Mà con đã cắm cái ngạnh nào vào lão già Hawat thế? Lúc ở hành lang, ông ta phóng qua ta cứ như một người đang chạy đến đám tang của kẻ thù vậy.”

Paul toét miệng cười. Trong tất cả số cận vệ của cha mình, cậu thích Gurney Halleck nhất, hiểu được tính tình và sự tinh quái của ông, sự *hài hước* của ông, và nghĩ về ông với tư cách một người bạn hơn là một thanh kiếm được thuê.

Halleck tháo cây đàn baliset ra khỏi vai rồi bắt đầu gảy. “Nếu người không nói, thế nghĩa là người không nói,” ông thốt lên.

Paul đứng dậy, tiến lên phía trước, kêu to: “Được rồi, Gurney, có phải chúng ta đang chuẩn bị chơi nhạc trong giờ học chiến đấu không?”

“Hôm nay mà nói thế với người lớn tuổi thì thật hỗn xược đấy,” Halleck nói. Ông thử một dây trên nhạc cụ, gặt đầu.

“Duncan Idaho đâu?” Paul hỏi. “Chẳng phải anh ta có nhiệm vụ dạy ta về các loại vũ khí sao?”

“Duncan đã dẫn đầu đoàn người đi Arrakis đợt hai rồi,” Halleck nói. “Con chỉ còn lại có mỗi lão già Gurney tội nghiệp vừa chinh chiến trở về và đang háo hức được chơi nhạc này thôi.” Ông gảy một dây đàn khác, lắng nghe, mỉm cười. “Và hội đồng đã quyết định rằng con là một chiến binh tồi nên tốt nhất chúng ta sẽ dạy con chơi nhạc để con không phí phạm cả đời mình.”

“VẬY thì tốt hơn có lẽ thầy nên hát tặng ta một bài,” Paul nói. “Ta muốn biết chắc làm thế nào ta *không* phí phạm cả đời mình.”

“Ha-ha-ha!” Gurney cười to và phổ nhạc bài “Các cô gái Galacia,” chiếc móng gảy ẩn hiện lơ mờ trên các dây đàn khi ông hát:

“Ôi-i-i-i, các cô gái Galacia

Sẽ làm thế vì ngọc,

Còn Arrakeen vì nước!

Nhưng nếu bạn muốn đàn bà

Như lửa ngục ngục cháy

Thử một nường con gái Caladan xem!”

“Cái tay xấu xí thế kia cùng với móng gảy mà chơi được như thế thì cũng không tệ,” Paul nói, “nhưng nếu mẹ ta nghe thầy hát một bài tục tĩu như thế trong lâu đài, bà ấy sẽ găm tai thầy lên tường bên ngoài để trang trí đấy.”

Gurney kéo tai trái lên. “Dùng cái này mà trang trí thì cũng xấu nốt, nó đã bị thâm tím quá nhiều do phải kê vào lỗ khóa lắng nghe một cậu bé mà ta quen biết luyện tập vài bài hát lạ trên cây baliset của mình.”

“VÌ thế mà thầy đã quên mất tìm thấy cát trên giường mình là thế nào,”

Paul nói. Cậu kéo một chiếc thắt lưng đeo tẩm chần từ trên bàn, cài chặt quanh eo. “Nào, giao đấu thôi!”

Halleck mở to mắt làm ra vẻ ngạc nhiên. “Ái chà chà! Chính bàn tay xấu xa của con khiêu chiến đấy nhé! Hôm nay thì tự bảo vệ mình đi, cậu bé - bảo vệ mình đi.” Ông chộp lấy thanh kiếm mỏng, chém vào không khí. “Ta là quý sứ, chiến đấu để trả thù đây!”

Paul nâng thanh kiếm lên, uốn cong bằng cả hai tay, đứng theo thế aguile, một chân đặt lên trước. Cậu để tư thế của mình ra bộ uy nghiêm nhại theo bác sĩ Yueh.

“Cha ta cử đến cho ta một tay dạy về vũ khí mới dần dần làm sao chứ,” Paul nói. “Tay Gurney Halleck dần dần này đã quên bém bài học đầu tiên cho một người giao chiến được trang bị vũ khí và tẩm chần bảo vệ rồi.” Paul bấm đánh tách chiếc nút lực nơi thắt lưng, cảm thấy trên trán và sau lưng mình cái gờn gợn ran ran của trường bảo vệ, những âm thanh bên ngoài trở nên vô âm sắc, cái vô âm sắc đặc trưng khi bị lọc qua tẩm chần. “Trong cuộc giao chiến có dùng tẩm chần, để phòng thủ người ta di chuyển nhanh, để tấn công người ta di chuyển chậm,” Paul nói. “Đòn công trực diện có mục đích duy nhất là nhử đối phương hành động sai lầm, lừa hấn vào đòn công hiểm. Tẩm chần gạt được cú đánh nhanh, dính phải đoạn kiếm chậm.” Paul chộp thanh kiếm mỏng, ra một đòn nhử nhanh rồi rút kiếm về để thọc một nhát chậm nhưng đúng lúc vào chỗ hớ hênh trên tẩm chần của đối phương.

Halleck quan sát hành động của cậu, xoay người đứng vào phút chót để mũi kiếm cùn sượt qua ngực ông. “Nhanh lắm, giỏi lắm,” ông nói. “Nhưng con đã để lộ người quá nhiều, coi chừng bị một cú phản đòn lén lút bằng một lưỡi dao con đấy.”

Paul lùi lại, thất vọng.

“Lẽ ra ta phải đét dít con vì sự bất cẩn đó,” Halleck nói. Ông nhắc một thanh đoản kiếm tuốt trần ở trên bàn, giơ nó lên. “Nếu trong tay kẻ thù, cái này có thể làm con đổ máu đấy! Con là một học trò xuất sắc, không ai vượt qua được, nhưng ta đã cảnh cáo con là dù có đấu chơi đi nữa con

cũng không được để một ai trong đội bảo vệ của con nắm cái chết trong tay hẳn.”

“Chắc hôm nay ta không có tâm trạng chiến đấu,” Paul nói.

“*Tâm trạng?*” Giọng Halleck để lộ sự giận dữ ngay cả khi đã qua bộ lọc của tấm chắn. “Tâm trạng thì liên quan quái gì chứ? Con chiến đấu khi cần phải chiến đấu, tâm trạng tâm triết chẳng là cái gì hết! Tâm trạng là thứ chỉ dành cho những kẻ đáng khinh đang làm tình hoặc chơi baliset mà thôi. Nó không dành cho chiến đấu.”

“Ta xin lỗi, Gurney.”

“Con không thực sự hối lỗi!”

Halleck kích hoạt tấm chắn của mình, cúi xuống, tay trái chìa đoản kiếm hai lưỡi ra phía trước, tay phải giơ cao thanh kiếm mỏng. “Giờ thì ta nói con hãy tự vệ đi, nói thật đấy!” Ông nhảy vọt sang một bên, sau đó tiến lên phía trước, giận dữ tấn công dồn dập.

Paul ngả về phía sau, đỡ đòn. Cậu cảm thấy trường bảo vệ kêu răng rắc khi đường viền hai tấm chắn chạm nhau rồi đẩy nhau ra, có cảm giác ran ran khi dòng điện tiếp xúc dọc theo da cậu. *Cái gì đã nhĩm vào Gurney vậy? Cậu tự hỏi. Ông ấy không giả bộ đánh như thế!* Paul lắc tay trái, thả con dao găm đựng trong chiếc bao ở cổ tay rơi vào lòng bàn tay.

“Con thấy phải cần thêm một lưỡi dao nữa, hả?” Halleck lầu bàu.

Đây có phải sự phản bội không? Paul tự hỏi. *Gurney thì chắc chắn không!*

Họ đánh nhau khắp quanh phòng - đâm và đỡ, nhử và phản công đòn nhử. Không khí trong những màn bong bóng bảo vệ trở nên nặng mùi bởi nhu cầu hít thở của hai người đã khiến sự trao đổi chậm chạp dọc mép rào chắn không kịp bổ sung không khí. Sau mỗi lần va chạm mới của các tấm chắn, mùi ôzôn càng thêm nồng nặc.

Paul tiếp tục lùi lại, nhưng lúc này cậu chủ ý rút lui về phía bàn tập. *Nếu nhử được ông ấy lại gần bàn, ta sẽ trình diễn cho ông ấy xem một đòn gài bẫy*, Paul nghĩ. *Thêm một bước nữa nào, Gurney.*

Halleck tiến một bước.

Paul hướng gươm đỡ phía dưới, xoay người, nhìn thấy thanh kiếm mỏng của Halleck chạm vào mép bàn. Paul ném người sang một bên, thọc gươm lên cao và lia dao găm qua đường viền cổ áo của Halleck. Paul dùng mũi dao khi nó chỉ cách động mạch cổ của Halleck vốn vẹn hai xăng ti mét.

“Đây là cái thầy tìm kiếm phải không?” Paul thì thầm.

“Nhìn xuống đi, cậu bé,” Gurney hỗn hển.

Paul làm theo, thấy thanh đoản kiếm hai lưỡi của Halleck đâm dưới mép bàn, mũi dao gần như chạm vào háng Paul.

“Lẽ ra chúng ta đã chết cùng nhau,” Halleck nói. “Nhưng ta thừa nhận là khi bị dồn ép thì con đánh có tốt hơn một chút. Dường như con bắt đầu có *tâm trạng* rồi đấy.” Và ông toét miệng cười như chó sói, vết sẹo vì roi nho mực lồi lên dọc quai hàm.

“Xem cái cách thầy xông vào ta kìa,” Paul nói. “Thầy thực sự muốn lấy máu ta sao?”

Halleck thu thanh đoản kiếm hai lưỡi lại, đứng thẳng lên. “Nếu con đánh dưới khả năng của mình một chút thôi thì ta đã rạch cho con một đường đẹp mắt, một vết sẹo mà con sẽ nhớ đời. Ta sẽ không để đứa học trò ta cứng nhất thất bại trước tên Harkonnen đầu tiên tình cờ xuất hiện đâu.”

Paul cho tấm chắn của mình ngừng hoạt động, tựa vào bàn, nín thở. “Ta đáng bị như thế, Gurney ạ. Nhưng nếu thầy làm đau ta thì cha ta sẽ nổi giận đó. Ta sẽ không để thầy bị trừng phạt vì lỗi của ta.”

“Về chuyện đó thì cả ta cũng có lỗi,” Halleck nói. “Và con không cần bận tâm về một hai cái sẹo lành phải khi tập luyện. May cho con là con có rất ít sẹo. Còn về cha con, Công tước sẽ chỉ trừng phạt ta nếu ta không thể làm cho con trở thành một chiến sĩ hạng nhất. Và lẽ ra ta đã thất bại nếu không giải thích được cho con sự sai trái trong cái thứ *tâm trạng* mà con vừa đột ngột có được kia”.

Paul thẳng người lên, dứt trả dao găm vào chiếc bao ở cổ tay.

“Ở đây chúng ta không hẳn là chỉ đánh chơi đâu,” Halleck nói.

Paul gật đầu. Cậu cảm thấy ngạc nhiên trước sự nghiêm trang ít thấy trong cung cách của Halleck và vẻ tập trung đầy cảnh tỉnh ở ông. Cậu nhìn vết sẹo vì roi nho mực màu củ cải trên quai hàm ông, nhớ lại câu chuyện kể rằng vết sẹo đó do Rabban Thú dữ ở một khu nô lệ Harkonnen trên hành tinh Giedi Prime để lại. Và đột nhiên Paul thấy xấu hổ vì đã nghi ngờ Halleck dù chỉ trong một khoảnh khắc. Rồi Paul chợt nảy ra ý nghĩ rằng vết sẹo của Halleck đã được tạo ra kèm theo sự đau đớn - một sự đau đớn có lẽ cũng dữ dội như nỗi đau do Mẹ Chí tôn gây ra. Cậu gật ý nghĩ này sang một bên; nó làm thế giới của họ trở nên lạnh lẽo.

“Con nghĩ hôm nay con muốn chơi vài trò vui,” Paul nói. “Thời gian gần đây toàn thấy những chuyện quan trọng.”

Halleck quay đi để giấu cảm xúc của mình. Đôi mắt ông bùng cháy một điều gì đó. Có một nỗi đau trong ông - giống như một vết bỏng, tất cả những gì còn lại của một quá khứ đã mất nào đó mà Thời gian đã tước khỏi ông.

Cậu bé này phải gánh lấy tuổi trưởng thành sớm biết bao, Halleck nghĩ. Cậu phải đọc quá sớm cái bản mẫu đó trong tâm trí, bản giao kèo về sự cần trọng tàn bạo đó, để đi đến điều cần thiết vào dòng cần thiết: “Hãy liệt kê họ hàng thân thiết nhất của bạn.”

Halleck nói mà không quay đầu lại: “Ta cảm nhận được trò vui trong con,

cậu bé, và ta không thích gì hơn là được tham gia trò vui đó. Nhưng không thể chơi thêm hơn nữa. Ngày mai chúng ta đi Arrakis rồi. Arrakis là có thật. Bọn Harkonnen là có thật.”

Paul giữ thẳng đứng thanh kiếm mỏng, cho lưỡi kiếm chạm vào trán.

Halleck quay người, nhận ra kiểu chào, liền gật đầu đáp lại.

Ông ra hiệu về phía người nộm dùng để luyện tập. “Bây giờ chúng ta sẽ luyện để nâng cao khả năng chọn thời điểm của con. Hãy để ta xem con đánh nhau với cái vật nguy hiểm này. Ta sẽ điều khiển nó từ đằng kia, ở chỗ ta có thể nhìn bao quát trận đánh. Và ta báo trước cho con biết, hôm nay ta sẽ thử những đòn phản công mới đấy. Nếu là kẻ thù thực sự thì sẽ không cảnh báo cho con như thế này đâu.”

Paul kéo căng ngón chân để làm thư giãn các cơ. Cậu cảm thấy nghiêm túc hơn khi bất ngờ nhận ra cuộc sống của mình đã trở nên đầy ắp những thay đổi mau lẹ. Cậu đi về phía người nộm, ấn mũi kiếm vào cái nút trên ngực nó và cảm nhận được trường bảo vệ đẩy lưỡi kiếm của cậu ra.

“*En garde!*” Halleck hô to, và người nộm tấn công dồn dập.

Paul kích hoạt tấm chắn bảo vệ, tránh đòn và phản công.

Halleck vừa quan sát vừa dùng tay thao tác trên bộ điều khiển. Trí óc ông như chia ra làm hai: nửa này tỉnh táo nghĩ ra những chiêu thức cần thiết cho trận đấu tập, nửa kia lan man trong tiếng vo vo như của lũ ruồi.

Ta là một cây ăn quả được uốn nắn tốt, ông nghĩ. Đây những cảm xúc và khả năng được trui rèn cẩn thận, tất cả được ghép lên mình ta - và ta cứ mang chúng mãi để ai đó đến mà hái chúng.

Vì lý do nào đó, ông nhớ lại em gái mình, khuôn mặt tình nghịch của bà hiện rõ mồn một trong tâm trí ông. Nhưng giờ đây bà đã chết, trong một nhà nghỉ dành cho quân đội Harkonnen. Xưa kia bà yêu hoa păng xê... hay hoa cúc nhỉ? Ông không nhớ được. Ông cảm thấy buồn bực vì không nhớ được.

Paul đỡ một đòn tạt chậm của tên người nộm, vung tay trái ra đòn *entretisser*.

Cái đồ quỷ nhỏ sáng dạ này! Halleck vừa chăm chú theo dõi những cử động đan xen của tay cậu bé vừa nghĩ. Cậu ta đã tự mình rèn luyện và nghiên cứu. Đây không phải phong cách của Duncan, và chắc chắn không phải do mình dạy.

Ý nghĩ này chỉ làm tăng thêm nỗi buồn trong lòng Halleck. *Mình nhểm tâm trạng rồi*, ông nghĩ. Và ông bắt đầu tự hỏi về Paul, liệu cậu bé có bao giờ lắng nghe một cách đầy sợ hãi cái gỏi mình giần giật trong đêm tối hay không.

“Nếu những điều ước là cá thì ai cũng đều quăng lưới,” ông lầm bầm.

Đó là cách nói của mẹ ông và ông luôn dùng đến nó mỗi khi cảm thấy cái màn đen của ngày mai bao phủ lên người mình. Rồi ông nghĩ, câu này nghe mới kỳ quặc làm sao nếu đem đến một hành tinh vốn chưa bao giờ biết đến biển cả hay cá mú.

YUEH (yü), Wellington (welling-tun), 10.082 - 10.191 Năm Chuẩn; bác sĩ trường Suk (tốt nghiệp 10.112 Năm Chuẩn), vợ: Wanna Marcus, Bene Gesserit (10.092 - 10.186? Năm Chuẩn), chủ yếu được nhắc tới với tư cách kẻ phản bội Công tước Leto Atreides (Xem: Tiểu sử, Phụ lục VII [Tối thượng Y pháp] và Kẻ phản bội).

- trích “TỪ ĐIỂN Muad'Dib” CỦA Công chúa Irulan

Mặc dù nghe thấy bác sĩ Yueh đi vào phòng tập, nhận ra bước chân thông thả cứng nhắc của ông ta, Paul vẫn đuổi người nằm sắp trên chiếc bàn tập luyện nơi người xoa bóp đã để cậu lại. Cậu cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm sau buổi tập cường độ cao với Gurney Halleck.

“Trông con có vẻ thoải mái,” Yueh nói bằng chất giọng cao, bình thản của ông.

Paul ngẩng đầu, thấy cái dáng cứng đờ của người đàn ông đứng cách cậu vài bước, liếc nhìn bộ quần áo màu đen nhàu nhĩ, cái đầu vuông vức với đôi môi đỏ tía và bộ ria rử xuống, hình xăm kim cương của Tối thượng Y pháp trên trán ông, mái tóc đen dài giắt vào chiếc vòng bạc của Trường Suk đeo nơi vai trái.

“Con sẽ rất vui nếu biết hôm nay chúng ta không có thì giờ học hành như thường lệ,” Yueh nói. “Cha con sẽ đến ngay bây giờ.”

Paul ngồi dậy.

“Tuy nhiên, ta đã thu xếp để con xem một cuốn sách phim và học một vài bài trên đường đến Arrakis.”

“Ồ.”

Paul bắt đầu mặc quần áo. Cậu cảm thấy phần khích vì cha cậu đang tới. Từ khi Hoàng đế hạ lệnh tiếp quản thái ấp Arrakis, hai cha con có quá ít thời gian ở bên nhau.

Yueh vừa đi về phía chiếc bàn hình chữ L vừa nghĩ: *Mấy tháng gần đây thẳng bé mới lớn nhanh làm sao. Thật lãng phí. Ôi, một sự lãng phí đáng buồn.* Ông tự nhắc nhở mình: *Ta không được dao động. Ta làm việc này là để đảm bảo Wanna của ta không bị lũ Harkonnen độc ác hành hạ nữa.*

Paul đến ngồi cùng ông ở bàn, cài cúc áo vest. “Con sẽ học gì trên đường đi?”

“À-à-à-à, những dạng sống kiểu trái đất ở Arrakis. Có vẻ như hành tinh này đã mở rộng tay tiếp nhận một số dạng sống kiểu trái đất. Không rõ bằng cách nào. Khi đến đó, ta phải tìm nhà sinh thái học hành tinh - tiến sĩ Kynes - và đề nghị được giúp ông ta nghiên cứu.”

Và Yueh nghĩ: *Ta đang nói gì vậy? Ta chơi trò giả nhân giả nghĩa ngay với chính mình sao.*

“Sẽ có gì đó về người Fremen chứ?” Paul hỏi.

“Người Fremen?” Yueh gõ gõ ngón tay lên bàn, bắt gặp ánh mắt Paul đang nhìn chằm chằm vào hành động bồn chồn đó, liền rút tay lại.

“Có lẽ thầy nắm được điều gì đó về toàn bộ dân cư Arrakeen,” Paul nói.

“Có chứ, chắc chắn rồi,” Yueh nói. “Về dân cư, họ thường được chia ra làm hai loại: người Fremen là một nhóm, còn nhóm kia gồm những người sống trong địa hào, vùng đầm lầy, và khu đất trũng. Có vài cuộc hôn nhân khác chủng tộc, ta nghe nói thế. Đàn bà vùng đầm lầy và khu đất trũng thích lấy chồng người Fremen; còn đàn ông xứ họ thích lấy vợ là người Fremen. Họ có một câu nói: ‘Lịch lãm đến từ thành phố; thông thái đến từ sa mạc.’ ”

“Thầy có ảnh của họ không?”

“Ta sẽ xem có thể cho con biết được gì nào. Đặc điểm thú vị nhất, tất nhiên là mắt họ - toàn màu xanh nước biển, không có chút màu trắng nào.”

“Do đột biến à?”

“Không phải; nó liên quan đến sự bão hòa chất melange trong máu họ.”

“Hẳn người Fremen phải gan dạ lắm mới sống ở rìa sa mạc.”

“Theo thông tin thu thập được, họ làm thơ tặng những con dao của mình,” Yueh nói. “Đàn bà hung dữ chẳng khác gì đàn ông. Thậm chí bọn trẻ Fremen cũng dữ tợn và nguy hiểm. Con sẽ không được phép giao tiếp với họ đâu, ta dám nói như thế.”

Paul chăm chăm nhìn Yueh, tìm thấy trong đôi lời kể sơ sài về người Fremen đó một sức mạnh ngôn từ đã thu hút toàn bộ sự chú ý của cậu. *Nếu thu phục được giống dân này làm đồng minh thì hay biết mấy!*

“Thế còn sâu thì sao?” Paul hỏi.

“Cái gì?”

“Ta muốn tìm hiểu kỹ hơn về sâu cát.”

“À-à-à, chắc chắn rồi. Ta có cuốn sách phim về một tiêu bản nhỏ, chỉ dài 110 mét, đường kính 22 mét. Người ta phát hiện ra nó ở vùng phía Bắc. Các nhà chứng đáng tin cậy cũng đã ghi chép về những con sâu dài hơn 400 mét, và có lý do để tin rằng có những con còn lớn hơn cả thế.”

Paul liếc xuống tấm bản đồ sử dụng phép chiếu hình nón về vùng phía Bắc Arrakeen đang trải rộng trên mặt bàn. “Vành đai sa mạc và những vùng Cực Nam được đánh dấu là không thể ở được. Có phải do sâu không?”

“Cả bão nữa.”

“Nhưng chỗ nào cũng có thể được cải tạo để làm nơi ở.”

“Nếu khả thi về mặt kinh tế,” Yueh nói. “Arrakis có nhiều hiểm họa làm

hao tiền tốn của.” Ông vuốt thẳng chòm râu. “Cha con sắp đến đây. Trước khi đi, ta có món quà dành cho con, một thứ ta đã tình cờ tìm được trong khi gói ghém đồ đạc.” Ông đặt một vật lên bàn, giữa hai người - màu đen, hình chữ nhật, không lớn hơn đầu ngón tay cái Paul.

Paul nhìn nó. Yueh nhận thấy cậu bé không với lấy món đồ, thầm nghĩ: *Thằng bé mới thật trọng làm sao.*

“Nó là một cuốn Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam rất cổ dành cho người du hành không gian. Không phải sách phim, mà thật ra được in trên giấy làm bằng sợi. Nó có bộ phận phóng đại và hệ thống điện tích tĩnh điện.” Ông nhắc nó lên, giải thích. “Quyển sách được đóng lại nhờ điện tích, điện tích tạo ra lực hút giữa các trang sách và hai bìa sách có khóa lò xo. Con ấn vào mép, thế, và những trang con chọn sẽ đẩy lẫn nhau làm quyển sách mở ra.”

“Sách nhỏ quá.”

“Nhưng dày tới 1800 trang cơ đấy. Con ấn vào mép sách - thế này, thế... cứ mỗi lần ấn thì điện tích lại chuyển đến trang sau trong khi con đọc. Đừng bao giờ chạm ngón tay vào trang sách. Giấy bằng sợi mỏng lắm.” Ông đóng quyển sách lại, đưa cho Paul. “Con thử đi.”

Yueh nhìn Paul tập thao tác trên trang sách mà nghĩ: *Ta xoa dịu lương tâm của mình. Ta trao cho cậu bé sự cáo chung của tôn giáo trước khi phản bội cậu. Làm vậy ta có thể tự bảo mình rằng cậu bé đã đi đến một nơi mà ta không thể đến.*

“Chắc hẳn quyển sách này được làm ra trước khi có sách phim,” Paul nói.

“Nó khá cổ rồi. Hãy coi nó là bí mật giữa chúng ta, nhé? Cha mẹ con sẽ nghĩ nó có giá trị quá lớn với một người còn trẻ thế.”

Yueh nghĩ: *Mẹ cậu bé chắc hẳn sẽ muốn biết động cơ của ta.*

“Được rồi...” Paul đóng sách lại, cầm trong tay. “Nếu nó có giá trị đến thế...”

“Con hãy thỏa mãn mong muốn của một lão già đi,” Yueh nói. “Nó được trao cho ta khi ta còn rất trẻ.” Và ông nghĩ: *Ta phải nắm bắt được tâm lý cũng như tính tham lam của cậu ta.* “Hãy mở đến trang 467 Kalima - trong đó viết: ‘Mọi sự sống đều bắt đầu từ nước.’ Có một vết khía mảnh hình chữ V ở mép bìa sách để đánh dấu trang này.”

Paul sờ vào bìa sách, phát hiện hai vết khía, một vết nông hơn vết kia. Cậu ấn vào vết nông hơn và quyển sách mở rộng trong lòng bàn tay cậu, bộ phận phóng đại của nó trượt vào trang này.

“Đọc to lên,” Yueh nói.

Paul đưa lưỡi liếm môi, đọc: “Hãy nghĩ đến sự thật rằng người điếc thì không thể nghe thấy. Vậy, đâu là cái tật điếc mà chẳng phải tất cả chúng ta đều có? Chúng ta thiếu những giác quan gì để đến nỗi không nhìn hay nghe thấy cái thế giới khác bao quanh chúng ta? Có cái gì ở quanh chúng ta mà chúng ta không thể...”

“Dừng lại!” Yueh quát.

Paul sửng lại, nhìn ông trân trối.

Yueh nhắm mắt, đấu tranh để lấy lại bình tĩnh. *Sự trố trêu nào khiến cuốn sách mở đúng đoạn tâm đắc nhất của Wanna vợ ta?* Ông mở mắt, thấy Paul đang trân trân nhìn ông.

“Có chuyện gì sao?” Paul hỏi.

“Ta xin lỗi,” Yueh nói. “Đó là... đoạn mà người vợ đã chết của ta tâm đắc nhất. Đó không phải đoạn ta muốn con đọc. Nó gợi lên những kỷ niệm... đau thương.”

“Có hai vết khía,” Paul nói.

Tất nhiên, Yueh nghĩ. *Wanna đã đánh dấu đoạn cô ấy thích. Ngón tay cậu*

bé nháy cảm hơn ngón tay ta và đã tìm ra chỗ cô ấy đánh dấu. Đó là một sự ngẫu nhiên, không hơn.

“Con có thể thấy quyển sách này khá thú vị,” Yueh nói. “Nó chứa nhiều sự thật lịch sử cũng như triết lý đạo đức hay ho.”

Paul nhìn xuống quyển sách tí hon trong lòng bàn tay - một vật mới nhỏ làm sao. Vậy mà, nó chứa một bí ẩn... một điều gì đó đã xảy ra trong lúc cậu đọc nó. Cậu cảm thấy một điều gì đó khuấy động cái mục đích kinh khủng của cậu.

“Vài phút nữa cha con sẽ đến đây,” Yueh nói. “Cất cuốn sách này đi, khi nào rảnh thì đọc.”

Paul ấn vào mép sách theo hướng dẫn của Yueh. Quyển sách tự đóng lại. Cậu nhét nó vào trong áo. Mỗi một lúc sau khi Yueh quát cậu, Paul vẫn sợ ông sẽ đòi lại cuốn sách.

“Ta cảm ơn thầy về món quà, Bác sĩ Yueh,” Paul nói, lời nói trang trọng. “Nó sẽ là bí mật giữa hai ta. Nếu thầy muốn ta tặng một món quà để tỏ lòng quý mến, xin thầy đừng ngại nói.”

“Ta... không cần gì cả,” Yueh nói.

Và ông nghĩ: *Tại sao ta đứng ở đây để tra tấn mình? Và tra tấn cậu bé tội nghiệp này... mặc dù cậu bé không biết điều đó. Ôi! Bấy thú dữ Harkonnen khốn khiếp! Tại sao bọn chúng chọn ta để làm cái việc ghê tởm này cho chúng?*

Chúng ta tiếp cận việc nghiên cứu về cha của Muad'Dib như thế nào? Công tước Leto Atreides, một người nồng ấm khác thường và lạnh lùng cũng khác thường. Tuy nhiên, rất nhiều sự thật đã mở ra con đường tiếp cận vị Công tước này: tình yêu vĩnh cửu dành cho quý bà Bene Gesserit của ông; những giấc mơ ông gìn giữ cho đứa con trai; sự nhất tâm tận tụy của những người phụng sự ông. Ta thấy ông ở đó - một người bị Số phận giăng bẫy, một dáng hình cô độc với ánh sáng lu mờ bên cạnh hào quang của đứa con trai. Thế nhưng, người ta phải đặt câu hỏi: Cậu bé là cái gì ngoài sự tiếp nối người cha?

- trích “Muad'Dib, Ghi chú về gia đình” của Công chúa Irulan

Paul nhìn cha đi vào phòng tập, thấy đội cận vệ đứng gác bên ngoài. Một cận vệ đóng cửa lại. Như thường lệ, Paul cảm thấy sự *hiện diện* của cha cậu, một người đang hoàn toàn ở đây.

Ngài Công tước có dáng người cao, da màu ô liu. Khuôn mặt mỏng với những góc cạnh thô ráp chỉ được sưởi ấm nhờ đôi mắt xám sâu. Ông mặc đồng phục làm việc màu đen gắn phù hiệu con chim ưng đỏ trên ngực. Một thắt lưng đeo khiến mạ bạc đã hoen gỉ do sử dụng nhiều quần quanh cái eo thon của ông.

Công tước nói: “Tập luyện vất vả chứ, con?”

Ông đến bên chiếc bàn hình chữ L, liếc đám giấy tờ trên đó, quét cái nhìn khắp phòng rồi quay lại nhìn Paul. Ông cảm thấy mệt mỏi, tràn đầy nỗi đau bởi không được tỏ ra mệt mỏi. *Trên đường đến Arrakis ta phải tận dụng mọi cơ hội để nghỉ ngơi*, ông nghĩ. *Ở Arrakis sẽ không có chuyện nghỉ ngơi.*

“Không vất vả lắm ạ,” Paul nói. “Mọi thứ rất...” Cậu nhún vai.

“Được lắm. Rất tốt, mai chúng ta sẽ lên đường. Mọi thứ sẽ trở nên tốt đẹp khi chúng ta định cư trên vùng đất mới, bỏ tất cả sự xáo trộn này lại đằng sau.”

Paul gật đầu, bất ngờ bị xâm chiếm bởi ký ức về lời của Mẹ Chí tôn: “... còn người cha, không gì cứu được.”

“Thưa cha,” Paul nói, “Arrakis có nguy hiểm như mọi người nói không?”

Công tước buộc mình phải tỏ ra tự nhiên, ngồi xuống góc bàn, mỉm cười. Trong đầu ông hiện ra cả một khuôn mẫu cho cuộc nói chuyện này - cái kiểu nói chuyện mà ông hay dùng để xoa tan sự hoang mang của thuộc hạ trước một trận đánh. Cái khuôn mẫu này chưa được cất thành lời thì đã đóng băng lại khi phải đương đầu với ý nghĩ duy nhất:

Đây là con trai ta.

“Sẽ nguy hiểm,” ông thừa nhận.

“Hawat nói với con là chúng ta có một kế hoạch đối với người Fremen,” Paul nói. Và cậu tự hỏi: *Tại sao ta không nói với cha những điều bà lão nói? Làm cách nào mà bà ta niêm kín được lưỡi ta?*

Công tước nhận thấy nỗi buồn bực của cậu con trai, liền nói: “Như thường lệ, Hawat nhìn ra cơ hội cốt yếu. Nhưng còn nhiều hơn nữa. Ta còn nhìn thấy bọn Combine Honnete Ober Advancer Mercantiles - Công ty CHOAM ấy. Bằng việc trao Arrakis cho ta, Hoàng thượng buộc phải trao cho chúng ta một chức giám đốc trong Công ty CHOAM... một món lợi tinh vi.”

“CHOAM kiểm soát hương được,” Paul nói.

“Và Arrakis cùng hương được của nó là con đường lớn dẫn chúng ta vào CHOAM,” Công tước nói. “CHOAM còn có nhiều thứ nữa ngoài melange.”

“Mẹ Chí tôn có cảnh báo cha không?” Paul buột miệng. Cậu siết chặt nắm tay, cảm thấy lòng bàn tay trơn tuột vì mồ hôi. Cần phải *gắng sức* biết bao để đưa ra câu hỏi đó.

“Hawat nói với ta bà ấy đã làm con phát hoảng bởi những lời cảnh báo về Arrakis,” Công tước nói. “Đừng để những nỗi sợ hãi của một người đàn bà che phủ tâm trí con. Không người đàn bà nào muốn người thân của mình gặp nguy hiểm. Bàn tay ở phía sau những lời cảnh báo này là của mẹ con. Hãy coi đây là biểu hiện tình yêu của mẹ dành cho cha con mình.”

“Thế mẹ có biết về người Fremen không?”

“Có, và còn biết rất nhiều điều khác nữa.”

“Gì cơ ạ?”

Công tước nghĩ: *Sự thật có thể còn tồi tệ hơn thằng bé tưởng tượng, nhưng thực tại dù nguy hiểm thì vẫn có giá trị nếu thằng bé đã được huấn luyện để đối phó với nó. Và có một nơi mà ở đó không cái gì được chừa lại cho con ta - đương đầu với thực tại nguy hiểm. Dù vậy, ta vẫn phải làm cho chuyện này nhẹ nhõm đi một chút; thằng bé vẫn còn nhỏ.*

“Ít có sản phẩm nào thoát khỏi tầm tay của CHOAM,” Công tước nói. “Gỗ mới đốn, lửa, ngựa, bò, gỗ xẻ, phân thú, cá mập, da cá voi - từ thứ tầm thường nhất cho đến những của lạ phương xa... ngay cả gạo pundi kém phẩm chất từ Caladan của chúng ta. Bất cứ thứ gì Hiệp hội cũng vận chuyển, tác phẩm nghệ thuật của Ecaz, máy móc của Richesse và Ix. Nhưng tất cả đều lu mờ trước melange. Chỉ một nhúm hương được là mua được một ngôi nhà ở Tupile. Không thể sản xuất hương được mà chỉ có thể khai thác nó ở Arrakis. Nó là thứ có một không hai và quả thực có đặc tính kéo dài tuổi thọ.”

“Và bây giờ chúng ta kiểm soát nó?”

“Ở mức độ nào đó. Nhưng điều quan trọng là phải tính đến tất cả các Gia tộc đang ăn theo lợi nhuận của CHOAM. Và hãy nghĩ đến việc một phần rất lớn số lợi nhuận này phụ thuộc vào độc một sản phẩm - hương được. Thử tưởng tượng xem điều gì sẽ xảy ra nếu có một cái gì đó làm giảm sản lượng hương được.”

“Bất cứ ai dự trữ melange đều sẽ nhanh chóng kiếm được khối tiền,” Paul nói. “Những người khác sẽ bị cho ra rìa.”

Công tước tự cho phép mình được mãn nguyện một cách tàn nhẫn trong chốc lát, vừa nhìn cậu con trai vừa nghĩ: cái nhận xét đó mới sắc sảo, mới *đầy học vấn* làm sao chứ. Ông gật đầu: “Bọn Harkonnen đã tích trữ hương được trên hai mươi năm rồi.”

“Bọn họ định làm giảm sản lượng hương được và cha sẽ phải chịu trách nhiệm.”

“Họ muốn cái tên Atreides không được ai ngưỡng mộ nữa,” Công tước nói. “Hãy nghĩ về các gia tộc Landsraad vốn trông cậy ở cha như một người có ít nhiều khả năng lãnh đạo - người phát ngôn không chính thức của họ. Thử nghĩ xem họ sẽ phản ứng thế nào nếu cha chịu trách nhiệm về việc thu nhập của họ giảm sút nghiêm trọng. Nói gì đi nữa, lợi nhuận cá nhân là trên hết. Cái Đại Hiệp định chết giẫm! Anh không được để cho bất cứ ai làm hao tổn lợi nhuận của anh!” Miệng Công tước méo xệch đi trong một nụ cười cay nghiệt. “Họ sẽ ngoảnh mặt làm ngơ, bất kể người ta làm *cái gì* với cha đi nữa.”

“Ngay cả khi chúng ta bị tấn công bằng nguyên tử sao?”

“Không trắng trợn đến thế đâu. Sẽ không ai *công khai* coi thường Hiệp định. Nhưng ngoài điều đó ra thì hầu như làm gì cũng được... thậm chí có thể cả một trận đòn và đầu độc ít đất đai.”

“Thế thì tại sao chúng ta vẫn dấn thân vào?”

“Paul!” Công tước cau mày nhìn con. “Biết cái bẫy ở đâu, đó là bước đầu tiên để tránh nó. Nó giống như cuộc đấu tay đôi vậy, con trai ạ, chỉ có điều là trên quy mô lớn - một đòn nghi binh trong một đòn nghi binh trong một đòn nghi binh... cứ thế dường như bất tận. Nhiệm vụ là tháo gỡ nó ra. Biết bọn Harkonnen đang tích trữ melange, chúng ta hãy hỏi một câu khác: Còn ai tích trữ nữa? Đó là danh sách kẻ thù của chúng ta.”

“Ai?”

“Một số Gia tộc mà chúng ta biết là chẳng thân thiện gì và một số mà chúng ta vẫn cho là thân thiện. Tạm thời chúng ta không cần xét tới họ vì còn một người khác quan trọng hơn gấp bội: Hoàng đế Padishah kính mến của chúng ta.”

Paul cố nuốt nước bọt trong cái cổ họng đột nhiên khô khốc. “Cha không thể triệu tập Landsraad, vạch trần...”

“Để kẻ thù biết chúng ta nắm được bàn tay nào đang cầm dao ư? Ái chà, bây giờ, Paul ạ, bây giờ chúng ta thấy con dao. Nhưng ai mà biết rồi nó có thể được chuyển sang tay ai nữa chứ? Nếu chúng ta đưa chuyện này ra trước Landsraad, nó sẽ chỉ tạo ra một đám mây hỗn loạn mà thôi. Hoàng đế sẽ phủ nhận điều đó. Ai nói trái được ý ngài? Cái duy nhất chúng ta đạt được là chút ít thời gian trong khi phải liều lĩnh gây nên hỗn loạn. Thế rồi đòn tấn công kế tiếp sẽ từ đâu đến?”

“Có thể tất cả các Gia tộc sẽ bắt đầu tích trữ hương được.”

“Các kẻ thù của chúng ta đã xuất phát trước... chúng đi trước quá xa đến nỗi không cách gì vượt được.”

“Hoàng đế.” Paul nói. “Điều đó có nghĩa là Sardaukar.”

“Cải trang bằng cách ăn mặc như bọn Harkonnen, chắc chắn vậy,” Công tước nói. “Nhưng dù sao thì vẫn là những chiến binh cuồng tín.”

“Làm sao người Fremen giúp ta chống bọn Harkonnen được?”

“Hawat đã nói với con về Salusa Secundus chưa?”

“Hành tinh giam giữ phạm nhân của Hoàng đế phải không cha? Chưa ạ.”

“Nếu nó không chỉ là một hành tinh giam giữ phạm nhân thì sao, hử Paul?”

Có một câu hỏi về Quân đoàn Hoàng gia Sardaukar mà con chưa từng nghe ai hỏi: Họ từ đâu đến?”

“Từ hành tinh giam giữ phạm nhân?”

“Họ đến từ một nơi nào đó.”

“Nhưng còn quân yểm trợ mà Hoàng đế yêu cầu từ...”

“Đó là điều người ta muốn chúng ta tin: rằng họ chỉ là quân đội của Hoàng đế, tinh nhuệ và được đào tạo từ khi còn trẻ. Có những lúc con nghe người ta thì thầm về các chuyên viên huấn luyện của Hoàng đế, nhưng thế cân bằng của nền văn minh chúng ta vẫn là như vậy: một bên là lực lượng quân sự của các Đại gia tộc Landsraad, còn bên kia là Sardaukar và các đội quân yểm trợ của họ. Và các đội quân yểm trợ của họ, Paul ạ. Sardaukar thì vẫn là Sardaukar.”

“Nhưng mọi báo cáo về Salusa Secundus đều nói rằng S.S. là địa ngục trần gian!”

“Nhất định rồi. Nhưng nếu con muốn đào tạo những người mình đồng da sắt, mạnh mẽ và hung bạo, thì con sẽ buộc họ phải ở trong điều kiện môi trường nào đây?”

“Làm sao cha chiếm được lòng trung thành của những người như thế?”

“Có những cách đã cho thấy là đúng đắn: lợi dụng sự hiểu biết nhất định về sức mạnh vượt trội của họ, bầu không khí thần bí của giao ước bí mật, tinh thần đồng cam cộng khổ. Có thể chiếm được chứ. Người ta đã làm được thế ở nhiều nơi, trong nhiều thời đại rồi.”

Paul gật đầu, tập trung chú ý vào khuôn mặt cha. Cậu cảm thấy có một bí mật nào đó sắp được tiết lộ.

“Nghĩ đến Arrakis xem,” Công tước nói. “Nếu con ra khỏi các thành phố và làng mạc của lính đồn trú thì nơi đấy cũng kinh khủng chẳng khác gì Salusa Secundus.”

Paul mở to mắt. “Người Fremen!”

“Ồ đó, chúng ta có tiềm năng xây dựng được một đội quân dũng mãnh và đáng sợ chẳng kém gì Sardaukar. Cần phải kiên nhẫn khai thác họ một cách bí mật, và phải đổ tiền đổ của để trang bị cho họ tới nơi tới chốn. Nhưng người Fremen có sẵn đó... mà tiền của nhờ hương được thì cũng sẵn đó. Giờ thì con hiểu tại sao chúng ta vẫn tới Arrakis dù biết nơi đó có cạm bẫy rồi đấy.”

“Bọn Harkonnen không biết về người Fremen sao?”

“Bọn Harkonnen cười nhạo người Fremen, săn đuổi họ để giải trí, thậm chí chưa bao giờ buồn đếm xem họ có bao nhiêu người. Chúng ta biết chính sách của nhà Harkonnen đối với cư dân hành tinh mà - chỉ càng ít tiền để nuôi họ thì càng tốt.”

Những sợi kim loại trong biểu tượng chim ưng trên ngực cha cậu sáng lên lấp lánh khi Công tước đổi tư thế. “Con hiểu chứ?”

“Ngay lúc này chúng ta đang đàm phán với người Fremen,” Paul nói.

“Ta đã cử một đoàn sứ giả do Duncan Idaho dẫn đầu,” Công tước nói. “Duncan, một con người kiêu ngạo và tàn nhẫn, nhưng yêu lẽ phải. Cha nghĩ người Fremen sẽ thích anh ta. Nếu chúng ta gặp may, họ sẽ đánh giá chúng ta thông qua Duncan: Duncan, con người phẩm hạnh.”

“Duncan, con người phẩm hạnh,” Paul nói, “và Gurney, con người dũng cảm.”

“Con đặt tên cho họ hay lắm,” Công tước nói.

Và Paul nghĩ: *Gurney là một trong những người Mẹ Chí tôn nhắc đến, một người bảo vệ các thế giới - “... đức can trường của những người dũng cảm”.*

“Gurney bảo cha hôm nay con đã tập dùng vũ khí rất tốt,” Công tước nói.

“Ông ấy không nói với con như vậy.”

Công tước cười to. “Cha cho rằng Gurney là người kiêu lời khen. Ông ấy bảo con có một nhận thức tinh vi - nguyên văn lời ông ấy nói - về sự khác biệt giữa cạnh một lưỡi gươm và mũi nhọn của nó.”

“Gurney bảo giết người bằng mũi nhọn chẳng có gì là nghệ thuật hết; nếu giết thì phải dùng cạnh lưỡi gươm.”

“Gurney vốn lẳng mạn mà,” Công tước cau mày. Cái đề tài giết chóc do con trai ông khởi xướng đột nhiên khiến ông buồn bực. “Cha ước gì con không bao giờ phải giết người... nhưng nếu cần, con muốn dùng cách nào cũng được, dù bằng mũi hay cạnh.” Ông nhìn lên cửa sổ trên trần, nơi mưa đang gõ nhịp.

Nhìn theo hướng ánh mắt chăm chú của cha, Paul nghĩ đến bầu trời ướt át ngoài kia - một thứ mà Arrakis không bao giờ có, theo tất cả những gì cậu biết - và ý nghĩ về những bầu trời dẫn tâm trí cậu đến với không gian vũ trụ xa xa. “Tàu của Hiệp hội có lớn thật không ạ?” cậu hỏi.

Công tước nhìn cậu. “Đây sẽ là lần đầu tiên con rời khỏi hành tinh,” ông nói. “Phải, tàu lớn lắm. Chúng ta sẽ đi trên một chiếc Đại thương thuyền bởi vì đường xa. Đại thương thuyền thì lớn thật. Toàn bộ tàu chiến và tàu vận chuyển quân dụng của chúng ta chất vào cũng chỉ chiếm một góc nhỏ trong khoang của nó - chúng ta sẽ chỉ là một phần nhỏ trong số hành khách hàng hóa của nó thôi.”

“Và chúng ta sẽ không thể rời khỏi các tàu chiến của mình sao?”

“Đó là một phần cái giá con phải trả cho Lực lượng An ninh của Hiệp hội. Có thể có tàu của bọn Harkonnen ngay cạnh chúng ta và chúng ta không việc gì phải sợ chúng. Bọn Harkonnen chẳng đại gì gây hại đến quyền ưu tiên vận chuyển của mình.”

“Con sẽ quan sát trên màn hình, thử xem có thấy được người nào của Hiệp hội không.”

“Con không thấy được đâu. Ngay cả đại diện của họ cũng chưa bao giờ tận mắt thấy họ. Hiệp hội ra sức bảo vệ sự riêng tư của họ cũng như khư khư giữ sự độc quyền của họ vậy. Đừng làm bất cứ điều gì gây nguy hiểm cho đặc quyền vận chuyển của chúng ta, Paul ạ.”

“Cha có nghĩ họ tránh mặt là vì họ đã bị đột biến và không còn giống... con người nữa không?”

“Ai biết được?” Công tước nhún vai. “Đó là một bí ẩn mà chưa chắc chúng ta giải được. Chúng ta có những vấn đề cấp bách hơn, trong số đó: là con.”

“Con?”

“Mẹ con muốn cha là người cho con biết, con ạ. Con thấy đấy, con có thể có năng lực Mentat.”

Paul nhìn cha chằm chằm, không thể nói gì trong một lát, rồi cậu lên tiếng: “Mentat? Con ư? Nhưng con...”

“Hawat đồng ý, con ạ. Đó là sự thật.”

“Nhưng con tưởng huấn luyện Mentat thì phải bắt đầu từ bé, và không được cho chủ thể biết bởi vì nó có thể hạn chế cái...” Cậu đột ngột ngừng nói, toàn bộ các sự kiện quá khứ đang dồn về đều tập trung vào một con tính chợt lóe lên. “Con hiểu,” cậu nói.

“Rồi sẽ đến một ngày Mentat tiềm năng phải biết được người ta đang làm gì,” Công tước nói. “Người ta sẽ không thể làm điều đó với anh ta nữa. Bản thân Mentat sẽ phải góp phần vào việc lựa chọn tiếp tục hay thôi đào tạo. Một số người có thể tiếp tục; một số người khác thì không có khả năng. Chỉ Mentat tiềm năng mới có thể biết chắc về bản thân mình.”

Paul xoa cằm. Tất cả những bài huấn luyện đặc biệt do Hawat và mẹ cậu hướng dẫn - thuật ghi nhớ, tập trung ý thức, điều khiển cơ bắp và

mài sắc độ nhạy cảm, nghiên cứu về ngôn ngữ và các sắc thái trong giọng nói - tất cả chúng đều nhằm mục đích đánh thức một vùng trí tuệ mới trong tâm trí cậu.

“Một ngày nào đó con sẽ trở thành Công tước, Con trai,” cha cậu nói. “Một Công tước Mentat thì sẽ thực sự đáng sợ. Bây giờ con đã quyết định được chưa... hay con cần thêm thời gian?”

Cậu trả lời không chút ngập ngừng: “Con sẽ tiếp tục đào tạo.”

“Thực sự đáng sợ,” Công tước thì thầm, và Paul nhìn thấy một nụ cười ngạo nghễ trên mặt cha. Nụ cười làm Paul choáng váng: nó mang đến vẻ chết chóc trên khuôn mặt gầy gò của Công tước. Paul nhắm mắt, cảm thấy cái mục đích kinh khủng lại trỗi dậy trong cậu. *Có thể trở thành Mentat chính là cái mục đích kinh khủng đó, cậu nghĩ.*

Nhưng ngay cả khi cậu tập trung vào ý nghĩ này, vùng ý thức mới của cậu vẫn từ chối tiếp nhận nó.

Nhờ Lệnh bà Jessica và Arrakis, cái hệ thống Bene Gesserit chuyên thông qua Missionaria Protectiva để gieo những truyền thuyết ăn sâu bén rễ đã đơm hoa kết trái trồn vẹn. Từ lâu người ta đã hiểu rõ sự khôn ngoan trong việc gieo khắp vũ trụ đã biết một mẫu hình tiên tri nhằm bảo vệ người của B.G, nhưng chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy một điếu kiện nào khắc nghiệt đến thế với sự kết đôi lý tưởng hơn thế giữa con người và sự chuẩn bị. Những truyền thuyết tiên tri đã vận vào Arrakis đến cả những danh hiệu đã được người ta chấp nhận (bao gồm Mẹ Chí tôn, canto và respondu, và hầu hết Shari-a panoplia propheticus). Và giờ đây người ta thường công nhận rằng những năng lực tiềm tàng của Lệnh bà Jessica đã bị đánh giá quá thấp.

**- trích từ “Phân tích: Khủng hoảng Arrakeen” của Công chúa Irulan
(Lưu hành nội bộ: hồ sơ B.G. số AR-81088587)**

Khắp nơi quanh Lệnh bà Jessica - chất đồng bốn góc đại sảnh ở Arrakeen, ngổn ngang trong các khoảng trống - là những đồ đạc được đóng gói vốn gắn bó với cuộc sống của họ: nào thùng, nào rương, nào hộp, nào hòm - một vài món đã mở một phần. Nàng có thể nghe thấy tiếng những người bốc vác của tàu Hiệp hội đặt thêm thùng đồ nữa xuống cổng.

Jessica đứng giữa sảnh. Nàng chậm chậm quay người, ngược nhìn khắp lượt các bức chạm khắc khuất trong bóng tối, những vết nứt và hốc của sổ ăn sâu vào tường. Căn phòng khổng lồ lỗi thời này gợi nàng nhớ đến Đại sảnh của Nữ tu tại trường Bene Gesserit. Nhưng ở trường, Đại sảnh gây hiệu ứng ấm áp. Ở đây, tất cả đều bằng đá lạnh lẽo.

Một kiến trúc sư nào đó đã tìm đến tận những thời xa xưa để thiết kế những bức tường có trụ ốp và rèm thảm màu này, nàng nghĩ. Trần nhà uốn cong cách nàng hai tầng lầu, có những xà ngang lớn mà nàng tin chắc đã được chuyển đến Arrakis này bằng tàu vũ trụ với chi phí cắt cổ. Không hành tinh nào trong hệ này mọc được cây để dựng nên những thanh xà như thế - trừ phi những thanh xà này giả gỗ.

Nàng nghĩ là không.

Nơi này từng là văn phòng chính phủ vào thời Đế chế Cũ. Hồi đó thì chi phí không phải vấn đề quan trọng lắm. Đó là trước thời Harkonnen với siêu đô thị mới Carthag của họ - một nơi rẻ tiền nhếch nhác cách khoảng hai trăm ki lô mét về phía Đông Bắc, bên kia Đất Gầy. Leto đã khôn ngoan chọn nơi này để đặt trụ sở nội các của ông. Tên của nó, Arrakeen, có âm thanh nghe rất hay, đậm chất truyền thống. Và đây là thành phố nhỏ hơn, dễ thanh lọc và bảo vệ hơn.

Lại vọng đến tiếng dờ dờ loảng xoảng ở cổng. Jessica thở dài.

Tựa vào chiếc hộp bìa cứng bên phải nàng là bức chân dung phụ thân Công tước. Sợi dây thừng để buộc rủ xuống từ bức tranh như một món đồ trang trí bị sờn. Tay trái Jessica vẫn nắm chặt một đoạn dây. Bên cạnh bức tranh là một cái đầu bò màu đen đặt trên cái giá bóng loáng. Cái đầu là một hòn đảo tối đen nằm giữa biển giấy đỏ. Chiếc đĩa đựng nó nằm ngang trên sàn nhà, và cái mõm bóng loáng của con bò chìa lên trần nhà như thể con vật sắp rống lên thách thức trong căn phòng dễ dội tiếng này.

Jessica tự hỏi sức ép nào đã khiến nàng mở hai vật này ra đầu tiên - cái đầu và bức tranh. Nàng biết có gì đó mang tính biểu tượng trong hành động ấy. Kể từ cái ngày người của Công tước mua nàng ra khỏi trường Bene Gesserit, chưa bao giờ nàng cảm thấy sợ hãi và thiếu tự tin vào bản thân đến vậy.

Cái đầu và bức tranh.

Chúng khiến nàng càng thêm rối trí. Nàng rùng mình, liếc nhìn những ô cửa sổ cao hé mở ở trên đầu. Mới đầu giờ chiều, nhưng ở vùng này bầu trời trông đã tối và lạnh lẽo - tối hơn nhiều so với bầu trời xanh ẩm áp ở Caladan. Trong nàng nhói lên nỗi nhớ nhà da diết.

Quá xa rồi, Caladan.

“Chúng ta ở đây rồi!”

Đó là giọng Công tước Leto.

Nàng quay lại, nhìn ông sải bước từ hành lang có mái vòm vào phòng ăn lớn. Bộ đồng phục làm việc màu đen gắn phù hiệu chim ưng đỏ trên ngực ông trông bụi bặm và nhàu nhĩ.

“Ta tưởng nàng bị lạc trong cái nơi gổm ghiếc này rồi,” ông nói.

“Ngôi nhà này thật lạnh lẽo,” nàng nói. Nàng nhìn vóc dáng cao lớn của ông, nhìn nước da sẫm màu luôn làm nàng nghĩ đến những rừng ô liu và ánh nắng vàng trên mặt nước xanh. Có khói gỗ trong đôi mắt xám, nhưng khuôn mặt mang vẻ chết chóc: mỏng, đầy những góc và cạnh sắc.

Một nỗi sợ hãi bất thành hình siết chặt ngực nàng. Ông đã trở thành người hung tợn, một người đầy quyền lực kể từ khi nhượng bộ trước mệnh lệnh của Hoàng đế.

“Toàn bộ thành phố này gây cảm giác thật lạnh lẽo,” nàng nói.

“Nó là một thành phố đồn trú nhỏ bẩn thỉu, bụi bặm,” ông đồng ý. “Nhưng chúng ta sẽ thay đổi nó.” Ông nhìn khắp gian sảnh. “Đây là các phòng sinh hoạt chung trong dịp lễ. Ta vừa ngó qua các phòng cho gia đình ở chái phía Nam. Nom chúng đẹp hơn nhiều.” Ông tiến lại gần, chạm vào tay nàng, ngưỡng mộ dáng vẻ uy nghi của nàng.

Một lần nữa, ông bắn khoả về tổ tiên bí mật của nàng - có thể là một Gia tộc phản loạn chăng? Thuộc dòng hoàng tộc nào đó bị giam trong ngục thất chăng? Trông nàng còn quyền quý vua chúa hơn cả chính hoàng thân quốc thích.

Dưới sức ép từ cái nhìn chăm chú của ông, nàng quay mặt đi, để lộ nét mặt nhìn nghiêng. Ông nhận thấy không có một nét đặc biệt riêng lẻ nào làm vẻ đẹp của nàng nổi bật hẳn lên. Khuôn mặt trái xoan dưới búi tóc màu đồng bóng mượt. Đôi mắt nàng to, xanh trong như bầu trời Caladan

buổi sáng. Cái mũi nhỏ, miệng rộng và tươi thắm. Dáng người nàng đẹp và thanh tú: cao, với những đường cong mảnh dẻ.

Ông nhớ rằng các nữ tu ở trường đã gọi nàng là gầy trơ xương, những người mua nàng về đã kể với ông như vậy. Nhưng sự mô tả đó quá đơn giản hóa. Nàng đã mang lại cho dòng họ Atreides một vẻ đẹp vương giả. Ông rất mừng là Paul có vẻ ngoài giống nàng.

“Paul đâu?” ông hỏi.

“Chắc nó đang học với thầy Yueh ở phòng nào đó.”

“Có thể ở chái phía Nam,” ông nói. “Ta nghĩ đã nghe thấy tiếng Yueh, nhưng ta không có thời gian vào xem.” Ông liếc nhìn nàng, ngập ngừng. “Ta chỉ đến đây để treo chìa khóa lâu đài Caladan vào phòng ăn thôi.”

Nàng nín thở, kìm nén sự thôi thúc được vươn tay ra chạm vào ông. Treo chìa khóa - có một sự dứt khoát trong hành động đó. Nhưng không phải lúc cũng như không phải chỗ để an ủi. “Khi chúng ta vào đây em có nhìn thấy cờ của chúng ta treo trên tòa nhà,” nàng nói.

Ông liếc nhìn bức chân dung cha mình. “Nàng định treo nó ở đâu?”

“Chỗ nào đó trong phòng này.”

“Không.” Từ đó vang lên dứt khoát và không cảm xúc, cho nàng biết nàng có thể dùng thủ đoạn để thuyết phục, nhưng tranh cãi công khai là vô ích. Tuy vậy, nàng vẫn cố thử, cho dù hành động đó chỉ nhắc nhở chính nàng rằng nàng sẽ không dùng thủ đoạn với ông được.

“Tướng công,” nàng nói, “Chỉ cần ông...”

“Câu trả lời vẫn là không. Hầu như chuyện gì ta cũng đều chiều theo ý nàng một cách đáng xấu hổ, nhưng việc này thì không. Ta vừa ở phòng ăn lớn nơi có...”

“Tướng công! Xin làm ơn.”

“Phải lựa chọn giữa khả năng tiêu hóa của nàng và thanh danh của tổ tiên ta, em yêu dấu ạ,” ông nói. “Họ sẽ treo trong phòng ăn.”

Nàng thở dài. “Vâng, thưa Tướng công.”

“Nàng có thể tiếp tục thói quen ăn uống trong phòng riêng bất cứ khi nào có thể. Ta sẽ chỉ yêu cầu nàng ngồi vào vị trí thích hợp trong những dịp trang trọng thôi.”

“Cảm ơn Tướng công.”

“Và đừng đối xử lạnh nhạt khách sáo với ta! Hãy biết ơn vì ta không bao giờ cưới nàng, em yêu dấu. Không thì *nghĩa vụ* của nàng sẽ là bữa ăn nào cũng phải ngồi ở bàn cùng ta đấy.”

Nàng giữ gương mặt bất động, gật đầu.

“Hawat đã đặt thiết bị phát hiện chất độc trên khắp bàn ăn,” ông nói. “Có một thiết bị cầm tay trong phòng nàng đấy.”

“Ông đã lường trước việc này... sự bất đồng,” nàng nói.

“Em yêu, ta cũng nghĩ cách làm cho nàng được thoải mái. Ta vừa tuyển thêm vài người hầu. Họ là dân địa phương, nhưng Hawat đã xác minh nhân thân họ rồi - tất cả là người Fremen. Họ sẽ làm việc ở đây cho đến khi người của ta hoàn thành xong những nhiệm vụ khác.”

“Thế có ai xuất thân từ đây mà thực sự đáng tin cậy không?”

“Bất cứ ai căm thù bọn Harkonnen. Thậm chí có lẽ nàng sẽ muốn giữ người quản gia trưởng: Shadout Mapes.”

“Shadout,” Jessica nói. “Một cái tên Fremen?”

“Ta nghe nói nó có nghĩa là ‘người mức giếng’, cái nghĩa đó mang những ẩn ý khá quan trọng. Có thể nàng không có ấn tượng rằng bà ta thuộc tít

người hầu, tuy nhiên Hawat đánh giá bà ta khá cao dựa trên báo cáo của Duncan. Họ tin rằng bà ta muốn làm người phục vụ - đặc biệt là muốn phục vụ nàng.”

“Em?”

“Người Fremen đã biết nàng là Bene Gesserit,” ông nói. “Ở đây có nhiều truyền thuyết về Bene Gesserit.”

Missionaria Protectiva, Jessica nghĩ. *Không nơi nào thoát khỏi họ.*

“Điều này có nghĩa là Duncan đã thành công?” nàng hỏi. “Người Fremen sẽ là đồng minh của chúng ta?”

“Chẳng có gì chắc chắn cả,” ông nói. “Họ muốn theo dõi chúng ta một thời gian, Duncan tin vậy. Tuy nhiên, họ đã hứa sẽ ngừng cướp bóc những ngôi làng xa xôi hẻo lánh của chúng ta trong thời gian thỏa ước ngừng bắn có hiệu lực. Đó là một lợi ích quan trọng hơn về bề ngoài của nó. Hawat nói với ta người Fremen là cái gai cắm sâu trong sườn bọn Harkonnen và quy mô những cuộc cướp bóc của họ là một bí mật được che giấu cẩn thận. Hoàng đế có nhận ra sự vô hiệu quả của quân đội nhà Harkonnen thì cũng chẳng ích gì.”

“Một quần gia Fremen,” Jessica trầm ngâm suy nghĩ, quay lại chủ đề về Shadout Mapes. “Bà ta hẳn có đôi mắt toàn màu xanh.”

“Đừng để vẻ bề ngoài của những người này đánh lừa nàng,” ông nói. “Trong con người họ có một sức mạnh khó lường, một sinh lực mãnh liệt. Ta nghĩ họ là tất cả những gì chúng ta cần.”

“Đó là một canh bạc nguy hiểm,” cô nói.

“Chúng ta sẽ không bàn đến chuyện này nữa,” ông nói.

Nàng gượng cười. “Chúng ta đã thỏa thuận, chắc chắn vậy.” Nàng thực hiện một bài tập tĩnh tâm nhanh - hai hơi thở sâu, suy nghĩ theo nghi thức, rồi hỏi: “Khi em sắp xếp các phòng, ông có yêu cầu gì đặc biệt không?”

“Một ngày nào đó nàng phải dạy ta cách nàng làm điều đó,” ông nói, “cái cách nàng gạt mọi lo lắng sang một bên để quay trở lại những vấn đề thực tế. Hẳn đó là một khả năng của Bene Gesserit.”

“Đó là một khả năng của đàn bà,” nàng nói.

Ông mỉm cười. “Tốt, về việc phân chia các phòng: hãy bảo đảm rằng ta có một văn phòng lớn kế bên khu phòng ngủ. Ở đây sẽ có nhiều công việc giấy tờ hơn so với tại Caladan. Một phòng bảo vệ, tất nhiên rồi. Vậy là đủ. Đừng lo lắng về an ninh của ngôi nhà. Người của Hawat đã được bố trí để bảo vệ cẩn mật rồi.”

“Em tin chắc họ đã làm thế.”

Ông liếc đồng hồ đeo tay. “Và có lẽ nàng cũng nhận thấy tất cả đồng hồ của chúng ta cần phải được chỉnh lại theo giờ địa phương Arrakeen. Ta vừa chỉ định một kỹ thuật viên chăm lo việc này. Anh ta sẽ có mặt ở đây ngay thôi.” Ông gạt sợi tóc trên trán nàng ra phía sau. “Ta phải quay lại sân đáp tàu bây giờ. Tàu con thoi thứ hai chở quân dự phòng của ta sẽ hạ cánh bất cứ lúc nào.”

“Hawat không đón họ được sao, thưa Tướng công? Em trông ông mệt mỏi rồi.”

“Thufir xuất sắc thậm chí còn bận hơn cả ta. Nàng biết hành tinh này đầy rẫy mưu mô quỷ quyệt của nhà Harkonnen mà. Bên cạnh đó, ta phải cố gắng thuyết phục những người khai thác hương được có tay nghề đừng bỏ đi. Họ có quyền lựa chọn, nàng biết đấy, cùng với sự thay đổi của thái ấp - và không tài nào mua chuộc cái gã hành tinh học được Hoàng đế và Landsraad bổ nhiệm làm Phán quan phụ trách Thay đổi. Ông ta cho phép họ chọn lựa. Tám trăm tay thợ lành nghề chờ được ra đi trên tàu hương được, rồi còn một tàu vũ trụ chở hàng của Hiệp hội luôn chờ sẵn.”

“Tướng công...” Nàng không nói hết câu, ngập ngừng.

“Sao?”

Không ai có thể thuyết phục ông ấy ngừng việc cố gắng làm cho hành tinh này trở nên an toàn đối với chúng ta, nàng nghĩ. Và ta không thể dùng thủ đoạn với ông ấy.

“Vậy ông muốn ăn tối vào lúc nào?” nàng hỏi.

Đó không phải là điều cô ấy định nói, ông nghĩ. Ái chà, Jessica của ta, ước gì chúng ta đang ở một nơi khác, bất kỳ nơi nào cách xa cái chốn kinh khủng này - một mình, chỉ có hai ta, không lo lắng gì.

“Ta sẽ ăn cùng sĩ quan ở sân đáp tàu,” ông nói. “Đừng đợi ta quá muộn. Và... à, ta sẽ gửi một xe bảo vệ cho Paul. Ta muốn thằng bé tham dự cuộc họp hoạch định chiến lược của chúng ta.”

Ông hắng giọng như thể để nói thêm điều gì khác, rồi, không hề báo trước, ông quay người sải bước, tiến về phía cổng, nơi nàng có thể nghe tiếng nhiều thùng đồ nữa đang được dỡ xuống. Chỉ nghe tiếng ông vang lên một lần ở đó, giọng ra lệnh và khinh khỉnh, cách nói quen thuộc của ông đối với người hầu những khi vội vã: “Lệnh bà Jessica đang ở trong phòng lớn. Vào đấy gặp Lệnh bà ngay.”

Cửa phía ngoài đóng sập.

Jessica quay đi, đối diện với bức chân dung cha của Leto. Một họa sĩ lừng danh, Albe, đã vẽ nó vào những năm giữa đời của Lão Công tước. Trong tranh, ông mặc trang phục đấu bò tốt với chiếc áo choàng không tay đỏ tươi phất phới trên tay trái. Khuôn mặt trông trẻ trung, hầu như không già hơn Leto bây giờ, cũng cái nét mặt chim ưng đó, cũng cái nhìn chòng chọc màu xám đỏ. Nàng siết chặt nắm tay đang để ở hai bên sườn, nhìn trừng trừng vào bức tranh.

“Đồ khốn kiếp! Đồ khốn kiếp! Đồ khốn kiếp!” nàng thì thầm.

“Người có yêu cầu gì không, thưa Người Có Dòng dõi Tôn quý?”

Đó là giọng phụ nữ, nhỏ nhẹ và mỏng mảnh.

Jessica quay phắt lại, nhìn chăm chăm vào người đàn bà tóc hoa râm người đầy u buồn, mặc chiếc váy thụng quái gở với màu nâu của hàng tội tở. Trông bà ta nhăn nheo khô héo như bất kỳ kẻ nào trong đám thường dân đứng chào đón họ dọc con đường từ sân đáp tàu đi ra vào sáng hôm đó. Mỗi người dân địa phương mình đã gặp ở hành tinh này, Jessica nghĩ, đều giống như quả mận khô, thiếu dinh dưỡng. Vậy mà Leto nói họ rất khỏe mạnh và đầy sức sống. Lại còn đôi mắt, tất nhiên rồi - cái thứ màu nước xanh thăm thẳm, sâu hun hút không chút màu trắng ấy - che giấu suy nghĩ, đầy bí ẩn. Jessica buộc mình không nhìn chăm chăm bà ta nữa.

Người đàn bà gật đầu kiêu ngạo, nói: “Mọi người gọi tôi là Shadout Mapes, thưa Người Có Dòng dõi Tôn quý. Người có yêu cầu gì không?”

“Người có thể gọi ta là ‘Lệnh bà’,” Jessica nói. “Ta không phải người có dòng dõi quý tộc. Ta là thiếp của Công tước Leto.”

Lại cái gật đầu kỳ lạ đó, và người đàn bà chăm chú nhìn Jessica rồi hỏi một câu tình quái. “Như vậy là còn một người vợ nữa?”

“Không có ai cả, và cũng chưa từng có. Ta là... người bạn đời duy nhất của Công tước, là mẹ của người thừa kế được chỉ định.”

Ngay khi đang nói, Jessica vẫn cười thầm trước niềm kiêu hãnh ẩn sau lời lẽ của nàng. *Thánh Augustine đã nói gì nhỉ?* nàng tự hỏi. “*Tâm trí ra lệnh cho thế xác và thế xác tuân theo. Tâm trí ra lệnh cho chính nó thì gặp phải sự kháng cự.*” Đúng thế -ta vừa gặp thêm một sự kháng cự nữa. *Ta có thể dùng một nơi trú ẩn yên tĩnh riêng biệt.*

Một tiếng rao lạ lung vang lên từ con đường bên ngoài nhà. Nó cứ lặp đi lặp lại: “Soo-soo-Sook! Soo-soo-Sook!” Rồi: “Ikhut-eigh! Ikhut-eigh!” Và lại: “Soo-soo-Sook! Soo-soo-Sook!”

“Cái gì đấy?” Jessica hỏi. “Sáng nay khi ngồi xe trên phố, ta đã nghe thấy âm thanh này vài lần.”

“Chỉ là người bán nước thôi, thưa Lệnh bà. Nhưng bà không phải bận tâm đến những người như bọn họ. Bể ở đây chứa năm mươi ngàn lít nước và luôn luôn đầy.” Bà ta liếc xuống áo váy mình. “Thưa Lệnh bà, bà có biết tại sao ở đây thậm chí tôi không phải mặc sa phục không?” Bà ta cười khúc khích. “Thế mà tôi cũng chưa chết nữa!”

Jessica lưỡng lự, muốn hỏi han người đàn bà Fremen này, nàng cần thông tin để đưa đường chỉ lối cho nàng. Nhưng mang lại trật tự cho tình trạng lộn xộn trong lâu đài này thì cấp bách hơn. Dù vậy, nàng vẫn thấy bứt rứt bởi ý nghĩ rằng ở đây, nước là tiêu chuẩn quan trọng để chứng tỏ sự giàu có.

“Chồng ta đã cho ta biết tên bà, Shadout,” Jessica nói. “Ta nhận ra từ này. Nó là một từ rất cổ.”

“Lệnh bà biết những ngôn ngữ cổ à?” Mapes hỏi, và bà ta chờ đợi với sự chăm chú kỳ cục.

“Ngôn ngữ là bài học đầu tiên của Bene Gesserit,” Jessica nói. “Ta biết ngôn ngữ Bhotani Jib và Chakobsa, tất cả những ngôn ngữ đi sẵn.”

Mapes gật đầu. “Đúng như trong truyền thuyết.”

Jessica băn khoăn: *Tại sao ta phải vờ vịt thế này?* Nhưng các phương pháp của Bene Gesserit vốn xảo quyệt và đầy thuyết phục.

“Ta biết những Điều Tối tăm và những phương pháp của Mẹ Vĩ đại,” Jessica nói. Nàng còn đọc được từ hành vi và diện mạo của Mapes những dấu hiệu rõ ràng hơn, những biểu hiện nho nhỏ để lộ điều gì đó. “Miseces prejia,” nàng nói bằng ngôn ngữ Chakobsa. “Andral t’re pera! Trada cik buscakri miseces perakri...”

Mapes lùi lại một bước, dáng điệu như muốn bỏ chạy.

“Ta biết nhiều chuyện,” Jessica nói. “Ta biết người vừa sinh con, người vừa mất những người thân thích, người phải ẩn trốn trong lo sợ, ta biết

người đã có một hành động hung bạo và sẽ còn tỏ ra hung bạo hơn thế nữa. Ta biết nhiều chuyện.”

Mapes khẽ nói: “Tôi không có ý xúc phạm, thưa Lệnh bà.”

“Người nói về truyền thuyết và tìm câu trả lời,” Jessica nói. “Hãy thận trọng với những câu trả lời người có thể tìm thấy. Ta biết trước khi đến đây người đã chuẩn bị sẵn cho bạo lực, mang vũ khí trong áo lót của người.”

“Thưa Lệnh bà, tôi...”

“Có một chút khả năng là người có thể lấy máu ta.” Jessica nói. “Nhưng nếu làm như vậy người sẽ gây tàn hại nhiều hơn cả những gì mà mọi nỗi sợ điên dại nhất của người có thể tưởng tượng ra. Có những điều còn tồi tệ hơn cả cái chết, người biết đấy - ngay đối với cả một dân tộc.”

“Thưa Lệnh bà!” Mapes cầu xin. Trông bà ta như thể sắp ngã khuỵu xuống. “Thứ vũ khí này là món quà dành cho bà nếu bà chứng tỏ được bà là Đấng Tối Cao.”

“Và là phương tiện để giết ta nếu ta không chứng tỏ được điều đó,” Jessica nói. Nàng chờ đợi với vẻ thư giãn bề ngoài vốn giúp cho những ai được huấn luyện theo Bene Gesserit có thể khiến đối phương khiếp sợ khi giao chiến.

Giờ chúng ta xem quyết định cuối cùng sẽ nghiêng về bên nào đây, nàng nghĩ.

Chậm chạp, Mapes đưa tay vào trong cổ áo, rút ra một vỏ bao sẫm màu. Một chiếc cán đen với những rãnh sâu khớp với ngón tay thò ra ngoài bao. Một tay cầm vỏ, một tay cầm cán, bà ta rút lưỡi dao màu trắng sữa ra, giờ lên. Lưỡi dao dường như tỏa sáng, lấp lánh thứ ánh sáng của riêng nó. Nó có lưỡi kép giống thanh đoản kiếm hai lưỡi, lưỡi dao dài khoảng hai mươi phân.

“Bà biết cái này không, thưa Lệnh bà?” Mapes hỏi.

Nó chỉ có thể là một thứ, Jessica biết vậy, con dao pha lê của Arrakis trong truyền thuyết, lưỡi dao chưa từng được mang ra khỏi hành tinh này mà chỉ được biết đến qua đồn thổi và những lời truyền miệng vu vơ.

“Nó là dao pha lê,” nàng nói.

“Đừng nói năng khinh suất,” Mapes nói. “Lệnh bà biết ý nghĩa của nó không?”

Và Jessica nghĩ: *Đó là một câu hỏi hệ trọng. Đây chính là lý do người Fremen này chấp nhận hầu hạ ta, chỉ để hỏi một câu này. Câu trả lời của ta có thể làm cho bạo lực đến sớm hơn hoặc... sẽ là cái gì? Bà ta tìm kiếm một câu trả lời từ ta: ý nghĩa của con dao. Bà ta được mọi người gọi là Shadout theo ngôn ngữ Chakobsa. Con dao, đó là “Ngài tạo ra Cái chết” theo tiếng Chakobsa. Bà ta đang trở nên bồn chồn. Ta phải trả lời ngay. Trì hoãn cũng nguy hiểm chẳng khác một câu trả lời sai.*

Jessica nói: “Nó là một Ngài tạo.”

“Ồi chu cha!” Mapes rên rỉ. Âm thanh đó chứa cả sự đau buồn lẫn phần khởi. Bà ta run rẩy dữ dội đến nỗi mũi dao hắt những mảnh sáng phản chiếu lấp lánh khắp căn phòng.

Jessica chờ đợi, bình tĩnh. Nàng định nói con dao là *Ngài tạo ra cái chết* rồi thêm vào cái từ cổ kia, nhưng mọi giác quan đã lập tức cảnh báo nàng; tất cả những bài huấn luyện sâu xa về sự cảnh giác đã giúp nàng bóc trần ý nghĩa trong các cơ giật cơ rất đổi ngẫu nhiên.

Cái từ then chốt là... *Ngài tạo*.

Ngài tạo? Ngài tạo.

Dù vậy, Mapes vẫn nắm con dao trong tư thế sẵn sàng sử dụng.

Jessica nói: “Có phải người nghĩ rằng ta, người biết những bí ẩn của Mẹ Vĩ đại, lại không biết về Ngài tạo ư?”

Mapes hạ dao xuống. “Thưa Lệnh bà, khi một người đã sống cùng lời tiên tri trong một thời gian dài đến thế thì khoảnh khắc thiên khai là một cú sốc.”

Jessica nghĩ về lời tiên tri - Shari-a và toàn bộ panoplia propheticus, một Bene Gesserit của nhánh Missionaria Protectiva rơi xuống đây từ hàng bao thế kỷ trước - đã chết từ lâu, không nghi ngờ gì nữa, nhưng mục đích của bà ta đã hoàn thành: những truyền thuyết che chở đã khắc sâu trong những con người này, để đợi cái ngày một Bene Gesserit cần tới nó.

Vậy đây, ngày ấy đã đến.

Mapes dứt con dao vào vỏ, nói: “Đây là lưỡi dao bất định, thưa Lệnh bà. Xin hãy giữ nó ở bên người. Nếu để xa cơ thể người hơn một tuần thì nó sẽ tự phân hủy. Nó là của bà, một chiếc răng của *shai-hulud*, chừng nào bà còn sống.”

Jessica giơ bàn tay phải ra, mạo hiểm chơi một canh bạc: “Mapes, người đã tra dao vào vỏ khi nó chưa vấy máu.”

Mapes thở hỗn hển, thả con dao đã được nhét trong vỏ vào tay Jessica, giật cái áo lót màu nâu ra, rên lên: “Xin hãy lấy nước sự sống của tôi!”

Jessica rút dao ra khỏi vỏ. Nó mới sáng làm sao! Nàng chĩa mũi dao về phía Mapes, nhận thấy bà ta bị bao trùm trong một nỗi sợ hãi còn lớn hơn cả sự hoảng loạn trước cái chết. *Mũi dao có tẩm độc không?* Jessica phân vân. Nàng ghéch mũi dao, dùng cạnh dao khía một vết thật nhẹ lên phía trên ngực trái Mapes. Máu đặc sệt ứa ra, nhưng ngừng chảy hầu như ngay lập tức. *Đông máu cực nhanh*, Jessica nghĩ. *Một đột biến làm cơ thể giữ được hơi ấm?*

Nàng tra dao vào vỏ rồi nói: “Cài cúc áo lại, Mapes.”

Mapes run rẩy làm theo. Đôi mắt không có lòng trắng nhìn chăm chặp vào Jessica. “Bà là người của chúng tôi,” bà ta lẩm bẩm. “Bà là Đấng Tối Cao.”

Lại có tiếng dõ hàng vọng từ cổng vào. Nhanh như cắt, Mapes chớp lấy con dao vừa được tra vỏ, giấu vào người Jessica. “Kẻ nào nhìn thấy con dao này đều phải được tẩy uế, nếu không thì phải chết!” Bà ta gầm gừ. “Bà *biết* điều đó, thưa Lệnh bà.”

Giờ thì ta biết rồi, Jessica nghĩ.

Đám người bốc dõ hàng bỏ đi, không xâm nhập vào Đại sảnh.

Mapes trấn tĩnh lại, nói: “Những ai đã nhìn thấy con dao pha lê mà không được tẩy uế thì sẽ không thể sống mà rời khỏi Arrakis. Đừng bao giờ quên điều đó, thưa Lệnh bà. Bà đã được giao phó một con dao pha lê.” Bà ta hít một hơi thở sâu. “Giờ thì vật này phải đi theo con đường của nó. Không thể hối thúc nó.” Bà ta liếc nhìn những chiếc hộp chất đống và hàng hóa linh kính xung quanh họ. “Và có bao nhiêu việc để làm trong thời gian chúng ta ở đây.”

Jessica do dự. *Vật này phải đi theo con đường của nó*. Đó là một câu đặc trưng trong vô vàn lời niệm chú của Missionaria Protectiva - *Mẹ Chí tôn đang đến để giải phóng người*.

Nhưng ta không phải Mẹ Chí tôn, Jessica nghĩ. Rồi nàng lại nghĩ: *Mẹ Vĩ đại! Bọn họ đã cấm người đó ở đây! Chỗ này ắt là một nơi ghê tởm!*

Bằng giọng tự nhiên, Mapes nói: “Bà muốn tôi làm gì trước tiên, thưa Lệnh bà?”

Bản năng cảnh báo Jessica hãy trả lời cho hợp với cái giọng bình thường đó. Nàng nói: “Bức tranh Lão Công tước đằng kia kia, phải treo nó ở một phía phòng ăn. Cái đầu bò thì đặt ở bức tường đối diện bức tranh.”

Mapes đi về phía cái đầu bò. “Phải là con thú to đến cỡ nào mới mang

được cái đầu như thế,” bà ta nói. Bà cúi gập người xuống. “Trước tiên tôi phải lau cho sạch đã, phải không, thưa Lệnh bà?”

“Không.”

“Nhưng có vết bẩn đóng trên sừng nó.”

“Đó không phải vết bẩn, Mapes ạ. Đó là máu của phụ thân Công tước. Người ta đã phun chất hãm màu trong suốt lên đôi sừng suốt nhiều giờ sau khi con thú này giết chết Lão Công tước.”

Mapes đứng thẳng lên. “À, ra thế!” bà ta nói.

“Chỉ là máu thôi,” Jessica nói. “Lại là máu khô nữa chứ. Gọi thêm vài người tới treo những vật này lên ngay đi. Những thứ ghê tởm này nặng đấy.”

“Bà nghĩ vết máu này làm tôi khó chịu sao?” Mapes hỏi. “Tôi là người sa mạc và từng nhìn thấy nhiều máu rồi.”

“Ta... nhận thấy rõ điều này,” Jessica nói.

“Trong đó có cả máu của chính tôi nữa,” Mapes nói. “Nhiều hơn là máu Lệnh bà đã lấy ra từ vết thương nhẹ bà gây ra cho tôi.”

“Người muốn ta rạch sâu hơn?”

“Ồ, không! Nước của cơ thể chỉ vừa đủ dùng, thật lãng phí nếu để nó phun ra không khí nhiều quá. Lệnh bà làm thế là đúng lắm.”

Còn Jessica, vốn để ý đến lời nói và thái độ, đã nắm bắt được những hàm ý sâu hơn trong cụm từ “nước của cơ thể”. Một lần nữa nàng cảm thấy nặng trĩu khi nghĩ đến tầm quan trọng của nước ở Arrakis.

“Trong hai món đồ xinh xắn này, tôi sẽ treo cái nào lên phía nào của phòng ăn lớn đây?” Mapes hỏi.

Lúc nào cũng là người thực tế, cái bà Mapes này, Jessica nghĩ. Nàng nói: “Tự mình quyết định đi, Mapes. Với ta, chẳng nào cũng thế thôi.”

“Sẽ như ý bà, thưa Lệnh bà.” Mapes cúi xuống, bắt đầu dỡ lớp giấy bọc và dây bện ra khỏi cái đầu. “Mày đã giết một lão công tước, phải không?” bà ta ngâm nga.

“Ta gọi một người khuân hàng đến giúp người nhé?” Jessica hỏi.

“Tôi tự xoay xở được, thưa bà chủ.”

Đúng thế, bà ta sẽ tự xoay xở được, Jessica nghĩ. Đó là đặc tính của người Fremmen này: nỗ lực tự xoay xở.

Jessica cảm thấy chiếc vỏ dao lạnh lẽo dưới lớp áo lót, nghĩ đến cái chuỗi dài mưu đồ Bene Gesserit đã rèn thêm một mắt xích ở đây. Vì mưu đồ đó, nàng đã sống sót qua thời khắc nguy hiểm chết người này. “Không thể hối thúc nó,” Mapes đã nói thế. Nhưng người ta vẫn đang liều lĩnh lao vào nơi này, khiến Jessica tràn ngập một linh cảm chẳng lành. Mọi chuẩn bị của Missionaria Protectiva hay sự kiểm tra đầy vẻ nghi ngờ của Hawat đối với cái đồng đá xây kiểu lâu đài này đều không thể xua tan cảm giác đó.

“Khi nào treo những thứ đó xong thì người mở mấy hộp này ra,” Jessica nói. “Trong đám người chuyển hàng ở cổng có một người có tất cả chìa khóa và biết chỗ để những thứ này. Lấy chìa khóa và danh sách từ anh ta. Nếu có vấn đề gì thì đến hỏi ta ở chái nhà phía Nam.”

“Sẽ theo đúng ý bà, thưa Lệnh bà,” Mapes nói.

Jessica quay đi, nghĩ: *Hawat có thể coi cái Phủ thống sứ này là chỗ an toàn, nhưng nơi đây có gì đó không ổn. Ta có thể cảm thấy điều đó.*

Jessica đột ngột cảm thấy khao khát muốn gặp con trai. Nàng bắt đầu đi về phía ô cửa vòm cung dẫn vào hành lang thông với phòng ăn và những

chái nhà dành cho gia đình. Nàng đi càng lúc càng nhanh cho đến khi gần như chạy.

Đằng sau nàng, Mapes ngừng dỡ đám giấy bọc chiếc đầu bò, nhìn vào cái lưng đang xa dần. “Bà ấy đúng là Đấng Tối Cao,” bà ta thì thầm. “Tội nghiệp.”

“Yueh! Yueh! Yueh!” điệp khúc vang lên. “Một triệu cái chết cũng chưa đủ với Yueh!”

- trích “Chuyện thuở thiếu thời của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Cánh cửa khép hờ, và Jessica bước qua cửa vào căn phòng có tường màu vàng. Phía bên trái nàng là một chiếc sofa thấp bọc da đen và hai tủ sách rỗng, một chai nước treo lơ lửng, những mặt phình ra đầy bụi bám. Bên phải nàng là một cánh cửa khác, thêm nhiều tủ sách rỗng, một cái bàn từ Caladan và ba chiếc ghế. Bác sĩ Yueh đứng bên cửa sổ ngay trước mặt nàng, quay lưng lại phía nàng, dăm dăm nhìn ra thế giới bên ngoài.

Jessica khẽ tiến thêm một bước vào phòng.

Nàng nhìn thấy áo của Yueh nhăn nhúm, một vết bẩn màu trắng gần khuỷu tay trái như thể ông đã tì vào phấn viết. Nhìn từ đằng sau trông ông giống một cái que khăng khiu trong bộ y phục màu đen quá rộng, một bức biếm họa trong tư thế sẵn sàng chuyển động dưới sự giật dây điều khiển của nghệ sĩ rối. Chỉ có khối đầu vuông với mái tóc dài đen như mun giắt vào chiếc vòng bạc trường Suk ở vai là còn có vẻ sống động - nó xoay nhẹ theo những chuyển động bên ngoài.

Nàng lại nhìn khắp căn phòng, không thấy dấu hiệu nào của con trai, nhưng nàng biết cánh cửa khép kín bên phải nàng dẫn vào một phòng ngủ nhỏ mà Paul tỏ ra rất thích.

“Xin chào, Bác sĩ Yueh,” nàng nói. “Paul đâu?”

Ông gật đầu như thể với cái gì đó ngoài cửa sổ, trả lời một cách lơ đãng mà không quay lại: “Con trai bà mệt, Jessica ạ. Ta đã cho nó vào phòng bên cạnh ngủ rồi.”

Bất ngờ, ông cứng đờ người, rồi quay phắt lại, bộ ria rung rung trên đôi môi màu tía. “Hãy thứ lỗi cho tôi, thưa Lệnh bà! Những ý nghĩ của tôi đã đi quá xa... Tôi... không có ý suồng sã.”

Nàng mỉm cười, đưa bàn tay phải ra. Trong một thoáng, nàng e rằng ông có thể quỳ xuống. “Wellington, xin ông.”

“Gọi tên bà như thế... tôi...”

“Chúng ta biết nhau đã sáu năm rồi,” nàng nói. “Sau một khoảng thời gian dài như thế, lẽ ra giữa chúng ta nên chấm dứt những nghi thức đi - ở chỗ riêng tư.”

Yueh đánh bạo khẽ mỉm cười, nghĩ: *Ta tin nó đã phát huy tác dụng. Giờ thì cô ấy sẽ cho rằng bất cứ điều gì khác thường trong thái độ của ta chỉ là do ta lúng túng thôi. Cô ấy sẽ không tìm những lý do sâu xa hơn khi đã tin là mình biết câu trả lời rồi.*

“Ta e rằng mình đã tỏ ra lơ đãng,” ông nói. “Bất cứ lúc nào ta... đặc biệt cảm thấy rất tiếc cho Lệnh bà, ta e rằng ta nghĩ về Lệnh bà như... ồ, Jessica.”

“Tiếc cho tôi ư? Về cái gì?”

Yueh nhún vai. Từ lâu rồi, ông thấy rõ năng khiếu Nói Sự thật ở Jessica không trọn vẹn như ở Wanna, vợ ông. Dù vậy, ông luôn dùng sự thật với Jessica bất cứ lúc nào có thể. Như thế là an toàn nhất.

“Nàng thấy nơi này rồi đấy, Jessica... của ta.” Ông nói vấp cái tên, rồi cứ thế tiếp luôn: “Quá cần cỗi, khác xa Caladan. Và dân chúng nữa chứ! Ở đây, những người đàn bà mà chúng ta đã đi qua trên đường đang khóc than sau tấm mạng che mặt. Cái kiểu họ nhìn chúng ta kìa.”

Nàng khoanh tay trước ngực, ôm lấy chính mình, cảm thấy con dao pha lê ở đó, một con dao rèn từ răng sâu cát, nếu điều người ta nói là sự thật. “Chỉ là vì với họ chúng ta là những người xa lạ - một dân tộc khác, những tập quán khác. Bọn họ chỉ biết về Harkonnen thôi.” Nàng nhìn qua ông ra ngoài cửa sổ. “Ông đang nhìn gì ngoài kia vậy?”

Ông quay lại phía cửa sổ: “Dân chúng.”

Jessica bước đến cạnh ông, nhìn về bên trái, phía ngôi nhà đã thu hút sự chú ý của Yueh. Ở đó có một hàng hai mươi cây chà là, đất dưới gốc cần cỗi, được quét dọn sạch sẽ. Một hàng rào ngăn chúng với con đường nơi những người mặc áo choàng dài đang đi lại. Jessica phát hiện ra có một thứ ánh sáng lung linh yếu ớt trong không khí giữa nàng và những người dân - một tấm chắn bảo vệ ngôi nhà - và tiếp tục quan sát đám người qua lại, tự hỏi tại sao Yueh thấy họ hấp dẫn đến vậy.

Cái mẫu hình hiện ra và nàng đặt tay lên má. Cái cách đám người qua lại nhìn hàng cây chà là kia! Nàng nhìn thấy vẻ ghen tị, sự căm hờn nào đó... thậm chí cả cảm giác hy vọng. Mỗi người nhìn hàng cây với vẻ mặt không thay đổi.

“Lệnh bà có biết họ đang nghĩ gì không?” Yueh hỏi.

“Ông tự cho mình đọc được ý nghĩ sao?” nàng hỏi.

“Những ý nghĩ đó à,” ông nói. “Họ nhìn hàng cây đó mà nghĩ: ‘Ấy là một trăm người dân ta đấy.’ Đó chính là điều họ nghĩ.”

Nàng hướng cái cau mày khó hiểu về phía ông. “Sao kia?”

“Vấn đề là những cây chà là này,” ông nói. “Một cây chà là cần bốn mươi lít nước mỗi ngày. Nhưng một người chỉ cần tám lít nước. Do đó, một cây tương đương với năm người. Ngoài đó có hai mươi cây - tương đương một trăm người.”

“Nhưng trong số đó có những người nhìn hàng cây với vẻ hy vọng.”

“Họ chỉ hy vọng vài cây chà là sẽ chết, ngoại trừ lúc trái mùa.”

“Chúng ta nhìn nơi này với con mắt quá chỉ trích,” nàng nói. “Ở đây hy vọng cũng nhiều như nguy hiểm. Hương được *có thể* làm chúng ta trở nên giàu có. Với một ngân khố đầy ắp, chúng ta có thể biến hành tinh này thành bất cứ thứ gì chúng ta muốn.”

Nàng lặng lẽ cười chính mình: *Ta đang cố gắng thuyết phục ai đây?* Tiếng cười bật ra khỏi sự kiềm chế của nàng, nghe sắc nhọn, không chút hài hước. “Nhưng ông không thể mua sự an toàn,” nàng nói.

Yueh quay đi tránh đối mặt với nàng. *Giá mà có thể ghét những người này thay vì yêu mến họ!* Trong dáng vẻ của Jessica, xét trên nhiều phương diện, nàng giống Wanna của ông. Tuy nhiên ý nghĩ đó mang tính khắc nghiệt của chính nó, làm ông cứng rắn hơn với mục đích của mình. Những phương pháp của bọn Harkonnen tàn độc thật xảo quyệt. Wanna có thể chưa chết. Ông cần phải chắc chắn.

“Đừng lo lắng cho chúng tôi, Wellington,” Jessica nói. “Vấn đề đó là của chúng tôi, không phải của ông.”

Cô ấy nghĩ ta lo lắng cho cô ấy! Ông chớp mắt ngăn dòng lệ. Và ta lo lắng cho cô ấy chứ, tất nhiên rồi. Nhưng ta phải đứng trước lão Nam tước xấu xa đó sau khi đã làm tròn việc của lão, và nắm lấy cơ hội duy nhất mà ta có để tấn công lão đúng lúc lão dễ bị đánh bại nhất - khoảnh khắc lão đang hể hả vì chiến thắng!

Ông thở dài.

“Nếu tôi ghé vào phòng Paul thì có làm phiền nó không?” nàng hỏi.

“Hoàn toàn không. Tôi cho cậu ấy uống thuốc an thần rồi.”

“Nó thích nghi tốt với sự thay đổi chứ?”

“Tốt, chỉ có điều hơi quá mệt. Cậu ấy bị kích động, nhưng trong hoàn cảnh này thì có đứa trẻ mười lăm tuổi nào mà không thế cơ chứ?” Ông đi về phía cửa, mở ra. “Cậu ấy ở trong này.”

Jessica bước theo sau, ghé mắt nhòm vào một căn phòng tối.

Paul nằm trên chiếc giường hẹp, một tay để dưới chiếc chăn mỏng, tay

kia vắt qua đầu. Các bức rèm dát gỗ mỏng ở cửa sổ cạnh giường hắt những cái bóng lơ mờ ngang qua khuôn mặt và tấm chăn.

Jessica nhìn con, nhìn dáng trái xoan của khuôn mặt, giống mặt nàng biết bao. Nhưng mái tóc là của Công tước - rối bù, đen như than. Hàng mi dài che đôi mắt màu vàng chanh. Jessica mỉm cười, cảm thấy nỗi sợ của mình vơi đi. Đột nhiên nàng nghĩ đến dấu vết di truyền trong những đường nét của con trai - đôi mắt và khuôn mặt mang nét của nàng, song những nét sắc nhọn của người cha đang lộ ra qua cái hình dáng đó như sự trưởng thành hé lộ ra từ tuổi thơ ấu.

Nàng nghĩ đến những đường nét của cậu bé như nghĩ về một sự chùng cất tinh diệu từ các mẫu hình ngẫu nhiên - những chuỗi ngẫu nhiên vô tận gặp nhau ở điểm kết nối này. Ý nghĩ đó khiến nàng những muốn quỳ xuống bên giường ôm lấy con, nhưng sự có mặt của Yueh khiến nàng kìm mình lại. Nàng lùi lại, nhẹ nhàng đóng cửa phòng.

Yueh đã quay lại phía cửa sổ, không chịu đựng nổi khi nhìn cung cách Jessica ngắm con trai. *Tại sao Wanna chẳng để đứa con nào cho ta?* ông tự hỏi. *Là bác sĩ, ta biết chẳng có lý do nào về mặt sinh lý ngăn cản điều đó. Liệu có lý do nào từ phía Bene Gesserit chẳng? Có lẽ cô ấy đã được lệnh phải phụng sự cho một mục đích khác chẳng? Mục đích đó có thể là gì? Cô ấy yêu ta, điều đó thì chắc chắn.*

Lần đầu tiên, ông nảy ra ý nghĩ có thể ông là một phần của một cái mẫu hình thật rắc rối và phức tạp mà trí óc ông không nắm bắt nổi.

Jessica dừng lại bên cạnh ông, nói: “Một đứa trẻ đang ngủ trông mới tự do thư thái biết bao.”

Ông nói một cách máy móc: “Giả như người lớn cũng có thể nghỉ ngơi như thế.”

“Phải.”

“Chúng ta đã đánh mất điều đó ở đâu?” ông lẩm bẩm.

Nàng liếc ông, nhận thấy cái giọng điệu kỳ quặc đó, nhưng tâm trí vẫn đổ vào Paul, nghĩ về những khó khăn gian khổ mới trong việc huấn luyện cậu bé ở nơi này, nghĩ về những khác biệt trong cuộc sống hiện tại của cậu - rất khác biệt so với cuộc sống họ đã dành cho cậu trước kia.

“Chúng ta, quả thực, đánh mất một cái gì đó,” nàng nói.

Nàng liếc mắt qua bên phải, nhìn con dốc với những bụi cây lúp xúp xanh xám gió đập tới bời - lá đầy bụi, cành khô co quắp. Bầu trời tối mịt treo trên con dốc như một vết mực, ánh sáng màu trắng sữa của mặt trời Arrakeen làm cho khung cảnh đó nhuốm đầy ánh sáng bạc - ánh sáng giống như con dao pha lê giấu trong áo lót của nàng.

“Bầu trời tối quá,” nàng nói.

“Một phần là do thiếu độ ẩm,” ông nói.

“Nước!” nàng cau kinh. “Ở cái xứ này quay đi đâu thì rồi cũng bị vướng vào chuyện thiếu nước!”

“Đó là điều bí ẩn ghê gớm của Arrakis,” ông nói.

“Tại sao có quá ít nước vậy? Ở đây có đá núi lửa. Có cả tá nguồn năng lượng mà tôi có thể kể tên. Có băng ở địa cực. Người ta nói không thể khoan trong sa mạc được - thiết bị chưa lắp đặt xong thì bão cát và triều cát đã phá hủy mất rồi, ấy là nếu trước đó chúng ta chưa bị bộn sâu cát tóe. Dù thế nào thì họ cũng chưa bao giờ tìm thấy dấu vết của nước ở đó. Nhưng điều bí ẩn, Wellington à, điều thực sự bí ẩn là ở đây người ta đã từng khoan giếng trong những vùng đất thấp và vùng trũng. Ông đã đọc về những điều này chứ?”

“Đầu tiên nước chảy nhỏ giọt, sau đó thì chẳng giọt nào nữa,” ông nói.

“Nhưng, Wellington à, đó chính là điều bí ẩn. Nước từng có ở đó. Nó đã khô cạn đi. Và không bao giờ có nước lại nữa. Rồi một lỗ khác ở không

xa những vị trí đào này thì cũng cho cùng kết quả: nước chảy nhỏ giọt rồi ngừng hẳn. Chưa từng có ai muốn tìm hiểu điều này à?”

“Kỳ lạ thật,” ông nói. “Lệnh bà nghi ngờ đó là do một sinh vật nào gây ra sao? Nếu đúng vậy thì liệu điều đó có thể hiện ở một số mẫu vật tiêu biểu không?”

“Thể hiện cái gì đây? Một loài cây lạ ư... hay một loài động vật? Ai có thể nhận ra nó chứ?” Nàng quay về phía con dốc. “Nước ngừng hẳn. Cái gì đó đã chặn nước lại. Đó là mối nghi ngờ của tôi.”

“Có thể người ta đã biết lý do,” ông nói. “Bọn Harkonnen bùng bít rất nhiều nguồn thông tin về Arrakis. Có thể họ có lý do để im chuyện này đi.”

“Lý do gì?” nàng hỏi. “Lại còn hơi ẩm trong không khí nữa chứ. Hơi ít, tất nhiên rồi, nhưng vẫn có. Đó là nguồn nước chính ở đây, lấy từ các bão gió và thiết bị thu sương. Chúng từ đâu đến?”

“Từ các điểm địa cực chẳng?”

“Không khí lạnh đưa đến một chút độ ẩm, Wellington ạ. Ở đây đằng sau bức màn ngụy trang của Harkonnen có những chuyện đáng được điều tra kỹ, và không phải mọi chuyện này đều liên quan trực tiếp đến hương được đâu.”

“Quả thực chúng ta ở đằng sau bức màn ngụy trang của bọn Harkonnen,” ông nói. “Có thể chúng ta sẽ...” Ông ngừng lại, nhận ra cái nhìn của nàng hướng vào ông đột ngột trở nên chăm chú. “Có vấn đề gì sao?”

“Cách ông nói chữ ‘Harkonnen’,” nàng nói. “Khi nhắc đến cái tên đáng ghét này, ngay cả Công tước của tôi cũng không có cái giọng nặng trĩu căm thù đến thế. Tôi không biết là ông lại có những lý do cá nhân để căm thù bọn chúng, Wellington ạ.”

Mẹ Vĩ đại ơi! ông nghĩ. Ta vừa khơi gợi sự nghi ngờ của cô ấy! Giờ thì ta

phải sử dụng tất cả thủ thuật mà Wanna đã dạy ta. Chỉ có một giải pháp duy nhất: nói sự thật trong chừng mực ta có thể.

Ông nói: “Lệnh bà không biết rằng vợ tôi, Wanna...” Ông nhún vai, không thể nói qua cơn co thắt thành lồng ngực. Rồi ông nói tiếp: “Họ...” Những lời nói không thể bật ra. Ông cảm thấy hoang mang, nhắm chặt hai mắt, trải nghiệm sự đau đớn cực độ trong lồng ngực và nỗi đau ở một nơi nào đó nữa cho đến khi một bàn tay chạm nhẹ vào cánh tay ông.

“Hãy thứ lỗi cho tôi,” Jessica nói. “Tôi không có ý gọi lại vết thương cũ.” Và nàng nghĩ: *Lũ thú vật ấy! Vợ ông ta là Bene Gesserit - dấu hiệu có trên khắp người ông ta. Và hiển nhiên là bọn Harkonnen đã giết cô ấy. Thêm một nạn nhân khốn khổ ràng buộc với Atreides vì một chereh thù hận.*

“Tôi xin lỗi,” ông nói. “Tôi không thể nói về chuyện này được.” Ông mở mắt, chìm đắm vào nhận thức bên trong về nỗi đau. Ít nhất, đó cũng là sự thật.

Jessica quan sát ông, ngắm hai gò má cao góc cạnh, cặp đồng tử sẫm màu của đôi mắt hình quả hạnh, nước da màu bơ, chòm râu xồm xụi rủ xuống như một cái khung cong ôm lấy đôi môi màu tía và chiếc cằm nhọn. Nàng nhận thấy những vết nhăn trên má và trán ông là những đường hằn không chỉ của tuổi tác mà còn của nỗi đau buồn. Một sự thương cảm sâu sắc trỗi lên nàng.

“Wellington, tôi xin lỗi vì chúng tôi đã đưa ông vào chỗ nguy hiểm này,” nàng nói.

“Tôi tự nguyện đến đây,” ông nói. Và điều đó cũng là sự thật.

“Nhưng toàn bộ hành tinh này là cái bẫy của bọn Harkonnen. Ông phải biết điều đó chứ.”

“Để bắt được Công tước Leto thì một cái bẫy chưa đủ đâu,” ông nói. Và điều đó cũng là sự thật.

“Có lẽ tôi nên tin tưởng ông ấy hơn,” nàng nói. “Ông ấy là một nhà chiến

thuật tài ba.”

“Chúng ta đã bị nhổ khỏi cội rễ,” ông nói. “Đó là lý do khiến chúng ta bứt rứt không yên.”

“Và giết chết cái cây đã bị nhổ rễ thì thật dễ làm sao,” nàng nói. “Đặc biệt là khi ông cắm nó xuống một mảnh đất thù nghịch.”

“Chúng ta có chắc đây là mảnh đất thù nghịch không?”

“Đã có những cuộc nổi loạn vì nước khi người ta biết Công tước đang cho thêm biết bao nhiêu người vào làm cư dân xứ này,” nàng nói. “Chúng chỉ dừng lại khi mọi người biết ta đang lấp đặt các bẫy gió và bình ngưng tụ mới để chăm lo cho số người kia.”

“Có nhiều nước để hỗ trợ cuộc sống của mọi người nơi đây,” ông nói. “Mọi người biết rằng nếu lượng nước hạn chế mà số người đến uống lại đông hơn thì giá nước sẽ tăng và những người quá nghèo sẽ chết. Nhưng Công tước đã tìm ra cách tháo gỡ vấn đề này. Các cuộc nổi dậy kia không có nghĩa là người ta luôn thù địch với ông ấy.”

“Còn đội bảo vệ,” cô nói. “Bảo vệ ở khắp nơi. Cả các lá chắn bảo vệ nữa. Nhìn đâu ông cũng thấy cái bóng mờ mờ của chúng. Ở Caladan chúng ta có phải sống theo kiểu này đâu.”

“Hãy cho hành tinh này một cơ hội,” ông nói.

Nhưng Jessica vẫn chăm chăm nhìn ra ngoài cửa sổ với vẻ khó chịu. “Tôi ngửi thấy mùi chết chóc ở nơi này,” nàng nói. “Hawat cử đến đây cả một tiểu đoàn đặc vụ tiên phong. Đội bảo vệ vòng ngoài này là người của ông ấy. Đám nhân viên vận chuyển hàng cũng là người của ông ấy. Ngân khố vừa bị thâm hụt những số tiền lớn một cách khó hiểu. Lượng tiền này chỉ có thể nói lên một điều: đút lót cho những cấp cao.” Nàng lắc đầu. “Thufir Hawat đến đâu, sự chết chóc và lừa gạt theo sau đến đó.”

“Lệnh bà nói xấu ông ấy đấy à.”

“Nói xấu? Tôi đang ca ngợi ông ấy thì có. Lúc này thì sự chết chóc và lừa gạt là hy vọng duy nhất của chúng ta. Tôi chỉ không tự lừa dối mình về những phương pháp của Thufir thôi.”

“Lệnh bà nên... giữ cho mình bận rộn,” ông nói. “Không để mình có thời gian cho những u sầu đó...”

“Bận rộn ư! Cái gì đã lấy đi hầu hết thời gian của tôi hả Wellington? Tôi là thư ký cho Công tước - và bận rộn đến nỗi mỗi ngày tôi lại biết thêm những chuyện mới để lo sợ... những chuyện mà ngay cả ông ấy cũng không ngờ là tôi biết.” Nàng mím môi, nói khẽ: “Nhiều khi tôi tự hỏi nền tảng huấn luyện Bene Gesserit của tôi đóng vai trò như thế nào trong việc ông ấy chọn tôi.”

“Lệnh bà muốn nói gì thế?” Ông nhận ra mình bị cuốn vào trong cái giọng giễu cợt kia, trong cái vẻ chua xót mà ông chưa bao giờ thấy nàng lộ ra.

“Ông không nghĩ rằng một thư ký ràng buộc với một người bằng tình yêu thì sẽ an toàn hơn rất nhiều sao, Wellington?” nàng hỏi.

“Đó là một ý nghĩ không thích hợp, Jessica ạ.”

Lời khiển trách bật ra từ môi ông một cách tự nhiên. Không thể nghi ngờ gì về chuyện Công tước cảm nhận thế nào về người thiếp của ông. Chỉ cần quan sát ông khi ông đưa mắt nhìn theo nàng là đủ hiểu.

Nàng thở dài: “Ông nói đúng. Không thích hợp.”

Lại một lần nữa nàng ôm lấy người mình, ép con dao pha lê trong vỏ tì vào da thịt và nghĩ về cái nhiệm vụ chưa hoàn thành mà nó đại diện.

“Sẽ sớm có đổ máu thôi,” nàng nói. “Bọn Harkonnen sẽ không dừng lại chừng nào chúng chưa chết hoặc Công tước chưa bị tiêu diệt. Tay Nam tước không thể quên rằng Leto là một vị hoàng thân quốc thích - dù khoảng cách như thế nào cũng chẳng hề gì - trong khi các tước vị

Harkonnen có được đều là nhờ túi tiền của CHOAM. Nhưng cái chất độc ở trong hũ, sâu thẳm trong tâm trí hũ, là việc hũ biết rằng sau Trận chiến Corrin, một người nhà Atreides đã khiến một người nhà Harkonnen bị trục xuất vì tỏ ra hèn nhát.”

“Mối thù xưa,” Yueh lẩm bẩm. Trong một thoáng ông cảm thấy nhói lên cảm hận. Cái mối thù xưa này đã bẫy ông vào lưới của nó, giết chết Wanna của ông, hay - tồi tệ hơn cả - để bọn Harkonnen tra tấn cô ấy chừng nào chồng cô chưa tuân theo lệnh chúng. Mối thù xưa đó đã cho ông vào bẫy và những người này chính là một phần của hành vi hiểm độc kia. Điều trở trêu là sự chết chóc đó sẽ đến để nở rộ ở đây, trên xứ Arrakis này, nơi duy nhất trong vũ trụ chứa nguồn melange, nơi kéo dài sự sống, nơi ban sức khỏe.

“Ông đang nghĩ gì thế?” nàng hỏi.

“Tôi đang nghĩ rằng trong thời điểm hiện tại, cứ một đề ca gam hương được thì đem lại sáu trăm hai mươi ngàn solari trên thị trường mở. Đó là cả một tài sản có thể mua được rất nhiều thứ.”

“Tính tham lam cũng lan sang ngay cả ông rồi sao, Wellington?”

“Không phải tính tham lam.”

“Thế thì là cái gì?”

Ông nhún vai. “Sự phù phiếm.” Ông liếc nhanh nàng. “Lệnh bà có nhớ lần đầu tiên nếm hương được không?”

“Nó có vị giống như quế.”

“Nhưng lần sau không bao giờ giống lần trước,” ông nói. “Nó giống như cuộc sống - mỗi lần Lệnh bà nếm, nó lại mang một khuôn mặt khác. Một số người cho rằng hương được tạo ra phản ứng đối với mùi vị đã biết. Cơ thể ta, do biết điều gì tốt cho nó, tiếp nhận mùi vị này như một thứ mang lại niềm vui thú - phơn phơ nhẹ nhàng. Và, cũng như cuộc sống, cái hương vị đó không bao giờ được tổng hợp một cách thực sự.”

“Tôi nghĩ giá như chúng ta trở thành kẻ phản loạn, tự đặt mình ra ngoài vòng cương tỏa của Đế quốc thì có lẽ khôn ngoan hơn,” nàng nói.

Ông thấy nàng không lắng nghe ông; tập trung vào những lời nàng nói, ông tự hỏi: *Đúng - tại sao cô ấy không bắt ông ta làm việc này chứ? Cô ấy có thể bắt ông ta làm gần như bất cứ chuyện gì.*

Ông nói nhanh vì đây là sự thật và để thay đổi chủ đề: “Lệnh bà có nghĩ là tôi trơ tráo không... Jessica, nếu tôi hỏi một câu riêng tư?”

Nàng tựa vào mép cửa sổ trong một cảm giác bứt rứt không thể giải thích. “Tất nhiên là không rồi. Ông là... bạn tôi mà.”

“Tại sao Lệnh bà không buộc Công tước cưới bà?”

Nàng xoay người, ngẩng cao đầu, nhìn giận dữ. “Buộc ông ấy cưới tôi? Nhưng...”

“Lẽ ra tôi không nên hỏi,” ông nói.

“Không.” Nàng nhún vai. “Có một lý do thích đáng về chính trị - chừng nào Công tước còn chưa cưới vợ, một vài Đại gia tộc vẫn có thể hy vọng vào sự liên minh. Và...” Nàng thở dài. “... nếu ông thúc đẩy mọi người, buộc họ tuân theo ý muốn của ông thì điều đó sẽ khiến ông có thái độ hoài nghi đối với nhân loại. Nó làm giảm giá trị của tất cả những gì nó chạm vào. Nếu tôi buộc ông ấy làm... điều này, thì đó sẽ không phải là hành động của ông ấy.”

“Có lẽ Wenna của ta cũng nói như vậy,” ông lẩm bẩm. Và điều này cũng là sự thật. Ông đưa tay lên miệng, nuốt nước bọt thật mạnh. Ông chưa bao giờ đến gần nguy cơ buột miệng nói ra, thú nhận vai trò bí mật của ông đến thế.

Jessica nói, phá vỡ khoảnh khắc im lặng. “Bên cạnh đó, Wellington ạ, Công tước thực sự là hai con người. Một người tôi rất yêu. Ông ấy quyến rũ, hóm hỉnh, chu đáo... dịu dàng - tất cả những gì một người đàn

bà có thể ao ước. Nhưng người kia thì... lạnh lùng, nhẫn tâm, khắt khe, ích kỷ - thô bạo và tàn nhẫn như cơn gió mùa đông. Đó là người đàn ông mà cha ông ấy đã nhào nặn.” Mặt nàng méo xệch. “Giá như lão già đó chết quách đi ngay khi Công tước mới chào đời!”

Trong khoảng tĩnh lặng trùm xuống giữa họ, có thể nghe thấy một làn gió nhẹ từ hệ thống thông gió lướt trên những tấm màn che.

Ngay sau đó, nàng hít một hơi sâu, nói: “Leto nói đúng - những phòng này đẹp hơn phòng ở các khu khác trong ngôi nhà.” Nàng quay người, nhìn đăm đăm khắp căn phòng. “Nếu ông thứ lỗi cho tôi, Wellington, tôi muốn nhìn kỹ hơn mái nhà này trước khi tôi phân chỗ ở.”

Ông gật đầu. “Tất nhiên rồi.” Rồi ông nghĩ: *Giá như có cách nào đó để có thể không làm điều mình phải làm này.*

Jessica buông tay xuống, đi về phía cánh cửa dẫn ra hành lang, đứng ở đó một lát, do dự, rồi rời khỏi phòng. *Nãy giờ nói chuyện với ta ông ấy luôn giấu giếm một chuyện gì đó, kìm lại một điều gì đó, nàng nghĩ. Để tránh cho ta bị tổn thương, không còn nghi ngờ gì nữa. Ông ấy là người tốt. Nàng lại do dự, suýt nữa đã quay lại để chất vấn Yueh và lôi ra ánh sáng điều ông che giấu. Nhưng như thế chỉ làm cho ông ấy hổ thẹn, làm ông ấy hoảng sợ khi biết ông ấy dễ bị người ta đọc thấu tâm can đến thế nào. Ta nên tin tưởng bạn bè hơn.*

Nhiều người từng lưu ý thấy Muad'Dib đã học hỏi những điều thiết yếu về Arrakis nhanh chóng đến thế nào. Bene Gesserit dĩ nhiên biết rõ sự nhanh chóng đó dựa trên cái gì. Với những người khác, chúng ta có thể nói rằng Muad'Dib học hỏi nhanh là bởi điều đầu tiên Người được huấn luyện là cách học. Và bài học đầu tiên là về niềm tin căn bản rằng Người có thể học. Thật đáng kinh ngạc khi biết có bao nhiêu người không tin rằng họ có thể học, và bao nhiêu người khác nữa tin rằng học là việc khó. Muad'Dib biết mỗi trải nghiệm đều mang bài học của nó.

- trích “Lòng nhân của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Paul nằm trên giường giả vờ ngủ. Thật dễ dàng giấu viên thuốc ngủ của bác sĩ Yueh trong lòng bàn tay, rồi giả đồ như đã uống. Paul nén cười. Thậm chí mẹ cậu cũng tin là cậu ngủ rồi. Cậu những muốn bật dậy xin phép mẹ cho đi thám hiểm ngôi nhà, nhưng cậu nhận ra mẹ sẽ không chấp nhận. Mọi thứ vẫn còn quá lộn xộn. Không. Cách này là tốt nhất.

Nếu lên ra khỏi phòng mà không xin phép thì thế là mình không vâng lời rồi. Và mình sẽ ở lại trong nhà, nó là chỗ an toàn.

Cậu nghe mẹ và Yueh nói chuyện trong phòng bên. Lời họ nói không rõ lắm - chuyện gì đó về hương được... bọn Harkonnen. Cuộc nói chuyện lúc to, lúc nhỏ.

Paul hướng sự chú ý vào tấm ván chạm trổ ở đầu giường - một tấm ván đầu giường giả gắn lên tường để che giấu bộ điều khiển các chức năng trong căn phòng. Trên mặt gỗ khắc hình một con cá đang tung mình, phía dưới là những con sóng dày màu nâu. Cậu biết nếu cậu ấn vào con mắt nhìn thấy được của con cá thì đèn treo trong phòng sẽ bật lên. Một trong những con sóng, khi xoay lại, sẽ điều khiển hệ thống thông gió. Con sóng khác thì thay đổi nhiệt độ.

Paul nhẹ nhàng ngồi dậy trên giường. Bên trái cậu là một tủ sách cao dựa vào tường. Dịch nó sang bên thì để lộ ra căn buồng nhỏ với những ngăn

kéo xếp dọc một bên tường. Tay nắm trên cánh cửa dẫn ra đại sảnh được làm theo mẫu của chiếc cần gạt trên tàu chim.

Dường như người ta thiết kế căn phòng này nhằm cám dỗ cậu.

Căn phòng và hành tinh này.

Cậu nghĩ đến cuốn sách phim Yueh đã đưa cho cậu xem - “Arrakis: Trạm kiểm tra thực vật sa mạc của Hoàng đế.” Đó là một cuốn sách cũ xuất hiện từ trước khi người ta khám phá ra hương dục. Những cái tên vụt qua tâm trí Paul, mỗi cái tên kèm hình minh họa đã được khắc ghi vào óc nhờ xung trợ giúp trí nhớ của cuốn sách: *cây tử kinh, bụi burro, cây chà là, cỏ roi ngựa cát, cây anh thảo, cây xương rồng lưỡi quỳ, bụi hương trầm, cây khói, cây bụi creosote... cáo xám sa mạc, chim ưng sa mạc, chuột căng gu ru...*

Những cái tên và những bức tranh, những cái tên và những bức tranh từ quá khứ xa xăm, khi loài người còn sống trên Trái đất - nhiều cái tên hiện nay không thể tìm thấy ở nơi nào khác trong vũ trụ ngoại trừ tại đây, trên xứ Arrakis này.

Có biết bao điều mới mẻ để tìm hiểu - hương dục.

Và sâu cát.

Có tiếng đóng cửa ở phòng bên. Paul nghe thấy tiếng chân mẹ đi dọc đại sảnh. Cậu biết bác sĩ Yueh sẽ tìm cái gì đó để đọc và ở nguyên trong phòng.

Giờ là lúc thám hiểm rồi.

Paul tụt xuống giường, đi về phía cánh cửa sau tủ sách thông với căn buồng bí mật. Cậu dừng bước khi nghe thấy tiếng động đằng sau, rồi quay lại. Tấm ván chạm trổ ở đầu giường đang đổ xuống ngay chỗ cậu vừa ngủ. Paul cứng đờ người, và sự bất động đã cứu sống cậu.

Từ phía sau tấm ván chuôi ra một tiểu ma đao nhỏ xíu dài không quá năm

xăng ti mét. Ngay lập tức Paul nhận ra nó - một thứ ám khí thông dụng mà tất cả bọn trẻ con mang dòng máu hoàng gia đều phải học từ khi còn nhỏ. Nó là một miếng kim loại đen nhánh, được ai đó dẫn đường bằng tay và mắt từ khoảng cách gần. Nó có thể rúc vào trong cơ thể đối tượng đang di động, đào một đường hầm dọc các dây thần kinh, đi đến đâu là nghiền thịt đến đó để tìm cơ quan nội tạng trọng yếu gần nhất.

Tiểu ma đao bay lên, lượn qua lượn lại trong phòng.

Trong đầu Paul lóe lên kiến thức liên quan đến thứ vũ khí này, những mặt hạn chế của nó: trường treo bị nén của nó làm méo tầm nhìn của con mắt truyền tín hiệu. Do không có gì để phản chiếu mục tiêu ngoài ánh sáng từ mù trong phòng, người điều khiển chỉ còn biết dựa vào chuyển động - bất cứ thứ gì chuyển động. Lá chắn bảo vệ có thể làm chậm tiểu ma đao, để cậu có thời gian phá hủy nó, nhưng Paul lại để lá chắn bảo vệ trên giường. Súng lazer có thể bắn hạ chúng, nhưng loại súng này quá đắt và khét tiếng là khó chịu trong việc bảo dưỡng - và lại luôn có nguy cơ xảy ra phản ứng nổ nếu chùm tia lazer cắt vào tấm chắn nóng. Dòng họ Atreides tin tưởng vào lá chắn hộ thân và sự thông minh mưu trí của mình.

Lúc này, Paul giữ cho cơ thể gần như bất động hoàn toàn, cậu biết mình chỉ có thể dựa vào mưu trí để đối phó với mối nguy hiểm này.

Tiểu ma đao bay lên cao thêm nửa mét nữa. Nó dập dờn di động tới lui lục soát căn phòng, dưới ánh sáng bị chẻ ra từng phiến hắt xuống từ rèm cửa sổ.

Mình phải cố tóm được nó, cậu nghĩ. Trường treo sẽ làm đáy của nó bị trơn. Mình phải tóm cho chặt.

Tiểu ma đao hạ xuống nửa mét, lượn sang kiểm tra bên trái, vòng lại quanh giường. Có thể nghe thấy một tiếng vo ve nho nhỏ phát ra từ nó.

Ai đang điều khiển vật đó vậy? Paul tự hỏi. Phải là ai đó ở gần đây. Mình có thể kêu lên gọi Yueh, nhưng nó sẽ lấy mạng ông ấy ngay khi cửa mở.

Sau lưng Paul, cánh cửa dẫn ra đại sảnh kêu cọt kẹt. Có tiếng gõ nhẹ vang lên ở đó. Cửa mở.

Tiểu ma đao sượt qua đầu cậu, lao như tên bắn về phía chuyển động.

Bàn tay phải Paul vung ra, hạ xuống, tóm lấy cái vật giết người đó. Nó kêu vo vo, vắn vẹo trong tay cậu, nhưng các cơ của cậu đã khóa chặt lấy nó trong tuyệt vọng. Với một cú xoay người dữ dội, cậu lấy hết sức bình sinh giáng phần mũi của vật đó vào mặt cửa bằng kim loại. Cậu cảm thấy tiếng kêu răng rắc của nó trong khi con mắt trên đầu mũi vỡ ra từng mảnh và tiểu ma đao chết cứng trong tay cậu.

Nhưng cậu vẫn giữ chặt nó - cho chắc ăn.

Mắt Paul ngược lên, bắt gặp cái nhìn chăm chăm chỉ một màu xanh của Shadout Mapes.

“Cha cậu chủ cửa người đến đón cậu,” bà nói. “Có người đang chờ trong đại sảnh để hộ tống cậu.”

Paul gật đầu, đôi mắt và ý thức của cậu tập trung vào người đàn bà kỳ quặc mặc bộ áo váy màu nâu giống như bao tải mà tôi tớ thường mặc. Lúc này, bà ta đang nhìn vật được nắm chặt trong tay cậu.

“Tôi đã nghe kể về những thứ như thế này,” bà ta nói. “Lẽ ra nó đã giết tôi, phải thế không?”

Cậu phải nuốt nước miếng rồi mới nói được. “Ta... là mục tiêu của nó.”

“Nhưng nó đang lao vào tôi.”

“Vì bà đang di chuyển.” Rồi cậu tự hỏi: *Người này là ai?*

“Vậy là cậu đã cứu sống tôi,” bà ta nói.

“Tôi cứu cả hai chúng ta.”

“Hình như cậu có thể mặc cho nó lao vào tôi, để thoát khỏi nó,” bà ta nói.

“Bà là ai?” cậu hỏi.

“Shadout Mapes, quản gia.”

“Làm sao bà biết tôi ở đâu mà tìm?”

“Mẹ cậu nói cho tôi biết. Tôi gặp bà chủ ở cầu thang dẫn tới phòng huyền thuật ở cuối đại sảnh.” Bà ta chỉ về bên phải. “Người của cha cậu vẫn đang đợi.”

Họ chắc là người của Hawat, cậu nghĩ. Chúng ta phải tìm cho ra người điểu khiển thứ vũ khí này.

“Hãy đến chỗ người của cha ta,” cậu nói. “Bảo họ ta vừa tóm được một tiểu ma đạo trong nhà, bọn họ hãy tỏa ra tìm kẻ điểu khiển nó. Bảo họ ngay lập tức phong tỏa ngôi nhà và tất cả đường đi lối lại. Họ sẽ biết phải làm như thế nào. Người điểu khiển ma đạo chắc chắn là một người lạ giữa chúng ta.”

Rồi cậu băn khoăn: *Có thể là người này không?* Nhưng cậu biết không phải. Con dao vẫn đang có người điểu khiển khi bà ta bước vào.

“Trước khi tôi làm theo mệnh lệnh của cậu, thưa cậu chủ,” Mapes nói, “tôi phải làm sáng tỏ vấn đề giữa chúng ta. Cậu vừa đặt lên tôi một gánh nặng nước mà tôi không chắc mình có muốn gánh vác không. Nhưng người Fremen chúng tôi có nợ thì phải trả, dù nợ đen hay nợ trắng. Và chúng tôi biết trong số người của cậu có kẻ phản bội. Hẳn là ai, chúng tôi không thể nói, nhưng chúng tôi khá chắc chắn về hẳn. Có lẽ đó là bàn tay đã dẫn đường cho thứ vũ khí cắt thiet kia.”

Paul im lặng tiếp nhận điều này: *một kẻ phản bội*. Cậu chưa kịp nói, người đàn bà kỳ quặc đã quay phắt lại và chạy trở ra phía cửa.

Cậu định gọi bà ta lại, nhưng đáng điếu của người đàn bà này cho cậu

biết bà ta sẽ bực tức nếu cậu làm thế. Bà ta đã nói với cậu điều bà ta biết và bây giờ bà đang thi hành *mệnh lệnh* của cậu. Một lúc nữa thôi, ngôi nhà sẽ đông nghịt người của Hawat.

Tâm trí cậu nghĩ đến những phần khác trong cuộc nói chuyện kỳ lạ này: *phòng huyền thuật*. Cậu nhìn sang trái, nơi bà ta đã chỉ. *Người Fremen chúng tôi*. Vậy đó là một người Fremen. Cậu dừng lại để xung ghi nhớ kịp lưu giữ đường nét khuôn mặt bà ta trong trí nhớ cậu - nét mặt nhăn nhoe khô héo, sắc mặt sạm nâu, đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh, không có chút màu trắng nào. Cậu dán nhãn vào: *Shadout Mapes*.

Vẫn nắm chặt con tiểu ma đao đã bị tiêu diệt, Paul quay vào phòng, đưa tay trái túm lấy chiếc thắt lưng đeo khiên ở trên giường, quàng quanh eo rồi vừa bấm khóa vừa chạy ngược ra khỏi phòng, lao về đại sảnh bên trái.

Bà ta nói mẹ cậu vừa ở đâu đó cuối đại sảnh này - cầu thang... một *phòng huyền thuật*.

Lệnh bà Jessica có gì để giúp bà chống đỡ trong lúc gian nan? Hãy suy ngẫm kỹ về câu ngạn ngữ Bene Gesserit này, rồi có thể các người sẽ hiểu: “Con đường nào cũng vậy, nếu đi theo đến cùng thì nó sẽ chẳng dẫn đến đâu. Chỉ cần trèo lên núi một chút thôi là đủ kiếm chúng nó đúng là ngọn núi. Từ đỉnh núi, người không thể nhìn thấy núi.”

- trích: “Muad’Dib, Những ghi chú gia đình” của Công chúa Irulan

Cuối chái nhà phía Nam, Jessica thấy một cầu thang kim loại hình xoắn ốc dẫn tới một cánh cửa hình bầu dục. Nàng liếc đại sảnh phía sau, rồi lại nhìn lên cánh cửa.

Hình bầu dục ư? nàng tự hỏi. Cửa trong nhà mà hình dáng thế thì lạ thật.

Qua khung cửa sổ bên dưới chiếc cầu thang hình xoắn ốc, nàng có thể nhìn thấy vầng mặt trời màu trắng khổng lồ của Arrakis đang ngả về chiều. Những bóng râm dài hắt xuống đại sảnh. Nàng chuyển sự chú ý tới cầu thang. Ánh sáng chếch chói rục soi rõ những mẫu đất khô trên hoa văn trang trí bằng kim loại của các bậc thang.

Jessica đặt tay lên tay vịn, bắt đầu trèo lên cầu thang. Cái tay vịn nghe lạnh lẽo dưới lòng bàn tay đang trượt dần lên cửa nàng. Nàng dừng lại trước cánh cửa, nhận thấy nó không có tay nắm, nhưng trên bề mặt có một vết lõm mờ nhạt ở chỗ lẽ ra phải có nắm đấm cửa.

Chắc chắn không phải khóa mã tay, nàng thầm nghĩ. Khóa mã tay thì phải khóa lại bằng hình dạng bàn tay và đường chỉ tay của một người nào đó. Nhưng trông nó rất giống một cái khóa mã tay. Và có những cách để mở được bất cứ khóa mã tay nào - theo như nàng đã học được ở trường.

Jessica liếc về phía sau để chắc chắn không bị ai quan sát, rồi đặt lòng bàn tay tì vào vết lõm trên cửa. Lực ép nhẹ nhàng hết mức để làm thay đổi đường vân tay - một vòng xoay cổ tay, thêm một vòng xoay nữa, lòng bàn tay vịn nhẹ trượt trên bề mặt khóa.

Nàng cảm thấy có tiếng cách.

Nhưng có tiếng bước chân vội vã trong đại sảnh bên dưới. Jessica rút tay ra khỏi cửa, quay lại, thấy Mapes đi tới chân cầu thang.

“Có mấy người trong đại sảnh nói họ được Công tước cử đến để hộ tống cậu chủ Paul đi,” Mapes nói. “Họ có con dấu của Công tước và đội bảo vệ đã nhận dạng họ.” Bà ta liếc nhanh cánh cửa rồi lại nhìn Jessica.

Cái bà Mapes này thật cẩn thận, Jessica nghĩ. Đó là một tín hiệu tốt.

“Cậu chủ ở phòng thứ năm tính từ đầu này đại sảnh, trong phòng ngủ nhỏ ấy,” Jessica nói. “Nếu khó đánh thức nó thì hãy gọi bác sĩ Yueh ở phòng bên cạnh. Có lẽ phải cần đến một phát súng mới gọi được Paul dậy.”

Lại một lần nữa, Mapes ném cái nhìn chòng chọc đầy xoi mói vào cánh cửa bầu dục, và Jessica có cảm tưởng như nàng đã nhận thấy sự căm ghét trên mặt bà ta. Trước khi Jessica kịp hỏi về cánh cửa và những gì nó che giấu bên trong, Mapes đã quay người lại, vội vàng đi dọc theo đại sảnh.

Hawat đã kiểm chứng nơi này, Jessica nghĩ. Ở đây không thể có bất cứ thứ gì quá kinh khủng được.

Nàng đẩy cánh cửa. Nó dịch vào phía trong, mở ra một căn phòng nhỏ có thêm cánh cửa bầu dục nữa ở phía đối diện. Cánh cửa này có tay nắm kiểu bánh xe.

Khóa khí! Jessica nghĩ. Nàng liếc xuống, thấy một thanh chốt cửa rơi trên sàn căn phòng nhỏ. Thanh chốt mang con dấu riêng của Hawat. Cửa này được để mở, giữ bằng thanh chốt, nàng nghĩ. Chắc ai đó đã tình cờ làm rơi thanh chốt mà không nhận ra cửa ngoài được khóa bằng khóa mã tay.

Nàng bước qua ngưỡng cửa vào căn phòng nhỏ.

Sao trong nhà lại dùng khóa khí? nàng tự hỏi. Và nàng đột nhiên nghĩ tới những sinh vật ngoại lai bị cô lập trong những bầu khí hậu đặc biệt.

Khí hậu đặc biệt!

Mấy chữ đó thật hợp với Arrakis, nơi ngay cả những loài cây có sức chịu hạn giỏi nhất từ những hành tinh khác tới cũng cần phải tưới nước.

Cánh cửa sau lưng nàng bắt đầu khép lại. Nàng tóm lấy nó rồi dùng cây gậy Hawat bỏ lại chống cánh cửa để nó mở ra cho chắc. Nàng lại đối diện với cánh cửa trong khóa bằng bánh xe, giờ thì nàng đã thấy những dòng chữ mờ nhạt được khắc trên mặt kim loại phía trên tay nắm. Nàng nhận ra đó là những câu bằng tiếng Galach:

“Hỡi Con Người! Đây là một phần đẹp đẽ trong sự Sáng tạo của Thượng đế; cho nên, hãy đứng trước nó mà học cách yêu sự hoàn hảo của Bằng hữu Tối thượng của Người.”

Jessica tì sức nặng thân mình lên cái bánh xe. Nó quay sang trái và cánh cửa trong mở ra. Một làn gió nhẹ mơn man má nàng, vuốt ve mái tóc nàng. Nàng cảm thấy sự thay đổi trong không khí, một mùi vị phong phú hơn. Nàng mở toang cửa, ánh mắt hướng vào một nhà kính trồng cây rộng lớn tràn ngập nắng vàng.

Mặt trời vàng ư? nàng tự hỏi. Rồi nàng nghĩ ra: *Kính lọc!*

Nàng bước qua ngưỡng cửa, và cánh cửa đóng lại phía sau.

“Một nhà kính như ở hành tinh có nước”, nàng thì thào.

Những loài cây trồng trong chậu và cây xén thấp có mặt khắp nơi. Nàng nhận ra cây mimosa, cây mộc qua đang trổ hoa, cây sondagi, cây bách hương ra hoa màu xanh lục, cây akarso sọc xanh trắng... hoa hồng...

Cả hoa hồng nữa!

Nàng cúi xuống hít hương thơm của một khóm hoa khổng lồ màu hồng phấn, vươn thẳng người dậy nhìn khắp gian phòng.

Những tiếng động đều đặn xâm nhập vào các giác quan của nàng.

Nàng rẽ một vùng cành lá rậm rạp, nhìn về giữa phòng. Ở đó có một đài phun nước nhỏ, thấp, trên miệng được khía rãnh. Âm thanh đều đều đó là tiếng một vòng cung nước cứ cuộn lên rồi tẽ ra, đổ sầm sập xuống một cái bát bằng kim loại.

Jessica tiến hành nhanh thủ tục thanh lọc giác quan, bắt đầu xem xét cẩn thận chu vi căn phòng. Nó rộng cỡ mười mét vuông. Xét vị trí của nó nằm trên một đầu đại sảnh, cũng như xét những khác biệt tinh tế trong kết cấu, nàng đoán người ta xây thêm nó lên trên nóc chái nhà này sau khi tòa nhà chính đã được hoàn tất từ lâu.

Nàng dừng lại tại ranh giới phía Nam của căn phòng, trước tấm kính lọc rộng mênh mông, chăm chú nhìn xung quanh. Mọi khoảng không gian trong phòng đều chật ních những loại cây ngoại lai thường được trồng ở những vùng khí hậu ẩm ướt. Có cái gì đó kêu xào xạc trong nhà kính. Nàng căng thẳng, rồi thoáng nhìn thấy một servok định giờ đơn giản có ống dẫn và các nhánh vòi. Một cái vòi nâng lên, phun ra một làn bụi nước làm má nàng hơi ướt. Chiếc vòi thụt vào và nàng nhìn cái vừa được tưới nước: một cây dương xỉ.

Nước ở khắp nơi trong căn phòng này - trên một hành tinh mà nước là thứ quý giá nhất trong cuộc sống. Sự lãng phí nước quá rõ ràng này làm náo động tâm can tĩnh lặng của nàng.

Nàng đưa mắt nhìn vầng mặt trời nhuốm vàng qua kính lọc, treo thấp lè tè sát đường chân trời lờ mờ, bên trên những vách đá vốn là một phần của những khối đá cực lớn được gọi là Tường Chấn.

Kính lọc, nàng nghĩ. Để biến mặt trời trắng thành cái gì đó dịu hơn và quen thuộc hơn. Ai có thể là người xây lên một nơi như thế này? Leto chăng? Thật giống cách ông ấy thường làm mình ngạc nhiên với một món

quà như thế, nhưng ông ấy làm gì có thời gian. Vả lại ông ấy còn bận rộn với những vấn đề quan trọng hơn.

Nàng nhớ lại bản báo cáo cho biết nhiều ngôi nhà ở Arrakeen phải đóng kín mọi cửa chính và cửa sổ bằng khóa khí để bảo quản và tái chế độ ẩm trong nhà. Leto nói rằng chủ nhân của ngôi nhà này cố ý không thèm đếm xỉa đến sự phồng xa đó, mọi cửa chính và cửa sổ trong nhà đóng lại chỉ để chống thứ bụi có mặt khắp nơi kia, bằng cách đó họ tuyên bố về quyền lực và sự giàu sang của họ.

Nhưng căn phòng này là hiện thân cho một lời tuyên bố còn hùng hồn hơn cả việc không cần đóng kín cửa ngoài để giữ nước. Theo ước lượng của nàng, căn phòng lạc thú này tiêu thụ lượng nước đủ dùng cho một ngàn người ở Arrakis - có khi còn nhiều hơn.

Jessica tiến đến cửa sổ, tiếp tục quan sát căn phòng. Sự di chuyển này đã giúp nàng phát hiện ra bên cạnh đài phun nước có một mặt phẳng bằng kim loại cao ngang tầm một chiếc bàn, và nàng thoáng nhìn thấy trên đó là tờ giấy trắng cùng chiếc bút trầm bị một cái lá hình cánh quạt nhô ra che khuất một phần. Nàng đến bên bàn, nhận ra ký hiệu của Hawat trên đó, liền xem thông điệp được viết trên tờ giấy:

“KÍNH GỬI LỆNH BÀ JESSICA -

Cầu mong sao nơi này sẽ đem đến cho Lệnh bà nhiều niềm vui như nó đã đem lại cho tôi. Xin hãy coi căn phòng này như lời truyền đạt một bài học mà chúng ta đã học từ cùng những người thầy: Việc ở gần kề một thứ đáng thèm muốn sẽ xúi giục ta làm những điều vượt quá sự cho phép. Nguy hiểm nằm trên con đường đó.

Thân quý chào bà,

Phu nhân Margot Fenring”

Jessica gật đầu, nhớ lại Leto từng nhắc đến người được Hoàng đế ủy nhiệm ở đây trước kia là Bá tước Fenring. Nhưng thông điệp ẩn giấu trong bức thư ngắn buộc nàng phải chú ý ngay lập tức, nó được diễn đạt

sao cho nàng biết người viết là một Bene Gesserit khác. Một ý nghĩ cay đắng vụt xuất hiện trong đầu Jessica: *Bá tước đã cưới Phu nhân của ông ta.*

Ngay khi ý nghĩ này lóe lên trong đầu, nàng cúi xuống để tìm cho ra cái thông điệp đầy ẩn ý này. Nó phải ở đó. Bức thư này chứa cụm mật mã mà bất cứ Bene Gesserit nào không bị Lệnh Huấn thị của Trường ràng buộc đều được yêu cầu chuyển cho Bene Gesserit khác khi tình thế đòi hỏi: “Nguy hiểm nằm trên con đường đó.”

Jessica sờ vào mặt sau bức thư, chà xát mặt giấy để tìm những chấm mật mã. Không có gì. Nàng tìm kiếm cả ở mép giấy. Không có gì. Nàng đặt lại tờ giấy vào nơi đã tìm thấy nó, cảm thấy sự cấp bách.

Có điều gì trong vị trí của tờ giấy này chăng? nàng tự hỏi.

Nhưng Hawat đã kiểm tra khắp căn phòng, chắc chắn ông ta đã làm dịch chuyển tờ giấy. Nàng nhìn chiếc lá trên tờ giấy. Chiếc lá! Nàng lướt một ngón tay dọc theo mặt dưới lá, dọc theo mép, dọc theo cuống lá. Nó đây rồi! Ngón tay nàng phát hiện ra những chấm mật mã khó nhận thấy, và đọc liền một mạch:

“Con trai bà và Công tước đang gặp nguy hiểm. Một phòng ngủ đã được thiết kế để thu hút con trai bà. Bọn H đã cài vào đó những cái bẫy chết người có thể bị phát hiện, giữ lại một cái không thể tìm ra.” Jessica cố nén sự thôi thúc muốn chạy về gặp Paul; phải nắm được toàn bộ thông điệp. Ngón tay nàng lướt trên những dấu chấm: “Tôi không biết chính xác mối nguy hiểm ấy thuộc loại gì, nhưng nó có liên quan gì đó đến chiếc giường. Mối đe dọa đối với Công tước của bà liên quan đến sự ly khai của một người bạn hoặc một người phụ tá thân cận. Xin thứ lỗi vì tôi không thể nói nhiều hơn. Tôi chỉ biết chút ít vì Bá tước của tôi không làm việc cho bọn H. Vội vã, MF.”

Jessica gạt chiếc lá sang một bên, xoay người để chạy về tìm Paul. Ngay lúc đó, cánh cửa khóa khí bật mở. Paul nhảy qua cửa, tay phải giữ vật gì đó, đóng sầm cánh cửa đằng sau lại. Cậu nhìn thấy mẹ, len qua đám lá

đến bên mẹ, liếc đài phun nước, rồi nhúng cả bàn tay lẫn vật bị nắm chặt trong đó xuống dòng nước đang chảy.

“Paul!” Nàng tóm lấy vai con, nhìn chăm chăm vào bàn tay cậu. “Cái gì thế?”

Cậu nói giọng bình thường, nhưng nàng nắm bắt được sự cố gắng ẩn sau giọng nói: “Tiểu ma dao. Con tóm được nó ở trong phòng và đã đập vỡ mũi nó, nhưng con muốn thật chắc ăn. Nước sẽ phá hủy nó hoàn toàn.”

“Nhấn nó xuống!” nàng ra lệnh.

Cậu làm theo lời mẹ.

Ngay sau đó, nàng nói: “Buông tay ra. Cứ để nó chìm trong nước.”

Cậu rút tay ra, vẩy nước khỏi tay, nhìn chăm chăm chiếc bát kim loại im lìm trong đài phun nước. Jessica bẻ một thân cây, chọc chọc vào con ma dao trông như chết rồi.

Nó đã chết thật.

Nàng thả thân cây vào nước, nhìn Paul. Mắt cậu quan sát căn phòng với sự tập trung cao độ mà nàng đã nhận ra - Phương pháp B.G.

“Nơi này có thể che giấu bất cứ thứ gì,” cậu nói.

“Mẹ có lý do để tin là nó an toàn,” nàng nói.

“Phòng con người ta cũng cho là an toàn. Hawat đã nói...”

“Nó là một tiểu ma dao,” nàng nhắc nhở cậu. “Như thế nghĩa là có ai đó trong ngôi nhà này điều khiển nó. Những tia điều khiển ma dao có tầm hoạt động hạn chế. Có thể nó được bí mật đưa vào đây sau khi Hawat đã kiểm tra.”

Nhưng nàng nghĩ đến thông điệp của chiếc lá: “...sự ly khai của một người bạn hoặc một phụ tá thân cận.” Không phải Hawat, chắc chắn thế. Ôi, chắc chắn không phải Hawat.

“Lúc này, người của Hawat đang lục soát ngôi nhà,” cậu nói. “Con tiểu ma đao suýt nữa đã lấy mạng bà lão đó khi bà ta đến đánh thức con.”

“Shadout Mapes,” Jessica nói, nhớ lại cuộc chạm trán ở cầu thang. “Cha con ra lệnh triệu tập...”

“Việc đó cứ để đấy đã,” Paul nói. “Tại sao mẹ nghĩ căn phòng này an toàn?”

Nàng chỉ vào bức thư ngắn, giải thích nó.

Cậu bớt căng thẳng một chút.

Nhưng trong thâm tâm, Jessica vẫn thấy căng thẳng, nàng nghĩ: *Tiểu ma đao! Ôi Đức mẹ nhân từ!* Phải vận hết vốn liếng đã được đào tạo, Jessica mới có thể ngăn cơn run rẩy cuồng loạn.

Paul nói một cách giản dị: “Tất nhiên đó là do bọn Harkonnen. Chúng ta sẽ phải tiêu diệt chúng.”

Có tiếng gõ vang lên ở cánh cửa khóa khí - tiếng gõ theo mật mã của người thuộc quân đoàn Hawat.

“Mời vào,” Paul nói.

Cánh cửa mở rộng và một người đàn ông dáng người cao mặc đồng phục Atreides có gắn phù hiệu riêng của quân đoàn Hawat trên mũ lách vào phòng. “Cậu đây rồi, thưa cậu chủ,” anh ta nói. “Bà quản gia nói có thể cậu ở đây.” Anh ta đưa mắt nhìn khắp phòng. “Chúng tôi tìm thấy một ụ đá hình tháp trong hầm chứa và tóm được một gã trong đó. Hẳn ta có bằng điều khiển tiểu ma đao.”

“Ta muốn tham gia thẩm vấn hãn,” Jessica nói.

“Xin thứ lỗi, thưa Lệnh bà. Chúng tôi đã đánh hãn trọng thương khi bắt hãn. Hãn chết rồi.”

“Không có gì để nhận dạng tên đó sao?” nàng hỏi.

“Chúng tôi vẫn chưa tìm thấy gì, thưa Lệnh bà.”

“Liệu hãn có phải dân Arrakeen bản địa không?” Paul hỏi.

Jessica gật đầu tỏ ý tán thành sự sắc sảo trong câu hỏi.

“Hãn ta hao hao giống dân bản địa,” anh ta nói. “Theo quan sát bên ngoài thì hãn đã làm cái ụ hình tháp đó quăng hơn một tháng trước rồi cứ để đó chờ chúng ta đến. Hôm qua khi chúng tôi kiểm tra thì đá và vữa ở chỗ hãn đột nhập vào hầm chứa vẫn không suy suyển gì. Tôi xin lấy danh dự mình bảo đảm cho điều đó.”

“Không ai nghi ngờ sự cẩn trọng của anh đâu,” Jessica nói.

“Tôi thì có, thưa Lệnh bà. Lẽ ra chúng tôi đã phải sử dụng máy dò âm ở đó.”

“Ta cho rằng hiện giờ các anh đang làm việc đó,” Paul nói.

“Vâng, thưa cậu chủ.”

“Hãy chuyển lời đến cha ta rằng chúng ta sẽ đến muộn.”

“Ngay lập tức, thưa cậu chủ.” Anh ta nhìn Jessica. “Hawat đã có lệnh là trong những tình thế như hiện thời, cậu chủ cần phải được bảo vệ ở một nơi an toàn.” Một lần nữa, mắt anh ta đảo khắp phòng. “Nơi này là gì vậy?”

“Ta có lý do để tin rằng chỗ này an toàn,” nàng nói. “Cả Hawat lẫn ta đã

kiểm tra rồi.”

“Thế thì tôi sẽ cử người canh gác ở đây, thưa Lệnh bà, cho tới khi chúng tôi kiểm tra xong toàn bộ ngôi nhà một lần nữa.” Anh ta cúi người, đưa tay chạm vành mũ để chào Paul rồi đi ra, kéo cánh cửa đóng lại sau lưng.

Paul lên tiếng, phá vỡ sự im lặng đột ngột: “Có lẽ sau đây chúng ta nên tự đi kiểm tra toàn bộ ngôi nhà thì hơn chẳng? Mắt mẹ có thể thấy những thứ kẻ khác bỏ sót.”

“Chái nhà này là nơi duy nhất mẹ chưa kiểm tra,” nàng nói. “Mẹ để nó lại sau cùng bởi vì...”

“Bởi vì cá nhân Hawat cũng chú ý đến nó,” cậu nói.

Nàng ném về phía cậu một cái nhìn nhanh dò hỏi.

“Con không tin Hawat sao?” nàng hỏi.

“Không phải, nhưng ông ấy già rồi... ông ấy phải làm việc quá nhiều. Chúng ta có thể gánh bớt một phần gánh nặng của ông ấy.”

“Điều đó chỉ làm ông ấy xấu hổ và gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của ông ấy thôi,” nàng nói. “Sau khi ông ấy đã biết về vụ việc này rồi thì ngay cả một con côn trùng bay lạc cũng không thể léo hánh vào đây được. Ông ấy sẽ xấu hổ vì...”

“Chúng ta phải tiến hành biện pháp riêng của mình,” cậu nói.

“Hawat đã phụng sự suốt ba thế hệ Atreides một cách đầy phẩm giá,” nàng nói. “Ông ấy xứng đáng với mọi sự tôn trọng và tín nhiệm của chúng ta... thậm chí còn hơn gấp nhiều lần.”

Paul nói: “Khi cha con phiền muộn vì điều gì đó mẹ đã làm, cha thường nói ‘*Bene Gesserit!*’ như một lời nguyên rủa.”

“Mẹ thì có gì để cha con phiền muộn chứ?”

“Mỗi khi mẹ tranh cãi với cha.”

“Này Paul, con không phải là cha con.”

Và Paul nghĩ: *Chuyện này sẽ làm mẹ lo lắng, nhưng mình phải cho mẹ biết bà Mapes đó đã nói trong chúng ta có kẻ phản bội.*

“Con đang ngập ngừng gì vậy?” Jessica hỏi. “Con có hay thế đâu, Paul?”

Cậu nhún vai, thuật lại cuộc trao đổi với Mapes.

Và Jessica nghĩ đến thông điệp trên chiếc lá. Nàng đi đến một quyết định đột ngột, chỉ cho Paul xem chiếc lá, nói cho cậu biết về bức thông điệp.

“Cha con phải biết chuyện này ngay tức khắc,” cậu nói. “Con sẽ ký âm lại bằng mật mã rồi gửi đi.”

“Không,” nàng nói. “Con hãy đợi đến khi có thể gặp riêng cha. Chuyện này càng ít người biết càng tốt.”

“Ý mẹ là chúng ta không nên tin ai cả sao?”

“Có một khả năng khác,” nàng nói. “Có thể thông điệp này được gửi đến cho chúng ta một cách cố ý. Những người trao nó cho chúng ta có thể tin nó là sự thật, nhưng cũng có thể mục đích duy nhất là để chúng ta nhận được thông điệp đó.”

Khuôn mặt Paul vẫn giữ vẻ ưu tư. “Để gieo sự bất tín và hoài nghi trong hàng ngũ chúng ta, làm chúng ta yếu đi bằng cách đó,” cậu nói.

“Con phải nói riêng cho cha con, và phải lưu ý cha về điểm này,” nàng nói.

“Con hiểu.”

Nàng quay về phía lớp kính lọc cao, nhìn chăm chăm về phía Tây Nam nơi

mặt trời Arrakis đang lặn - một quả cầu vàng trên những vách đá.

Paul quay về phía nàng, nói: “Con cũng không nghĩ là Hawat. Liệu có thể là Yueh không?”

“Ông ấy không phải người phụ tá hay bạn đồng hành,” nàng nói. “Và mẹ có thể cam đoan với con, ông ấy căm thù nhà Harkonnen cũng sâu đậm chẳng khác chúng ta.”

Paul hướng sự chú ý về những vách đá, suy nghĩ: *Cũng không thể là Gurney... hoặc Duncan. Có thể là một trong những phụ tá cấp dưới chăng? Không thể. Tất cả bọn họ đều xuất thân từ những dòng họ đã trung thành với gia đình ta bao đời nay rồi - vì lý do chính đáng.*

Jessica day trán, cảm nhận được sự mệt mỏi của chính mình. *Quá nhiều mối nguy hiểm ở đây!* Nàng nhìn ra khung cảnh được lớp kính lọc nhuộm vàng rực, quan sát nó. Đất đai của Công tước trải dài đến tận kho dự trữ có hàng rào cao bao quanh - những dãy hầm chứa hương được trong khu vực này cùng những tháp canh đứng xung quanh trên đôi chân cà kheo trông giống như hàng đàn nhện giật mình hoảng hốt. Nàng có thể nhìn thấy ít nhất hai mươi kho dự trữ vươn xa đến tận những vách núi Tường Chấn - những bể chứa nối nhau, lổm ngổm khắp vùng lòng chảo.

Mặt trời qua kính lọc chầm chậm lặn xuống dưới chân trời. Sao đã mọc. Nàng thấy một ngôi sao sáng nằm rất thấp phía chân trời, nhấp nháy với một nhịp điệu rõ ràng, chính xác - một ánh sáng lập lòe run rẩy: nhấp nháy-nhấp nháy-nhấp nháy-nhấp nháy-nhấp nháy. . .

Paul đang cựa quậy bên cạnh nàng trong căn phòng mờ tối.

Nhưng Jessica vẫn tập trung vào ngôi sao sáng đơn lẻ kia, nhận ra nó quá thấp, chắc hẳn nó phải xuất phát từ những vách đá Tường Chấn.

Ai đó đang đánh tín hiệu!

Nàng cố gắng đọc thông điệp đó, nhưng nó không thuộc loại mật mã nào nàng từng được học.

Những ánh sáng khác bắt đầu xuất hiện trên mặt đất bằng bên dưới vách núi: những chấm vàng nhỏ cách quãng nổi bật trong bóng tối xanh nước biển. Rồi một ánh sáng ở bên trái họ trở nên sáng hơn, bắt đầu nhấp nháy đáp lại ánh sáng trên vách núi - rất nhanh: lóe bùng lên, le lói, nhấp nháy!

Rồi tắt.

Ngôi sao giả trên vách núi cũng tắt ngay lập tức.

Những tín hiệu... và chúng khiến nàng đầy ắp linh cảm.

Tại sao họ lại dùng ánh sáng để truyền tín hiệu qua vùng lòng chảo? nàng tự hỏi. Tại sao họ không thể dùng mạng truyền thông?

Câu trả lời rất hiển nhiên: Nhất định là lúc này các đặc vụ của Công tước Leto đã khóa mạng truyền thông lại. Tín hiệu ánh sáng chỉ có thể mang một ý nghĩa duy nhất: kẻ thù của họ - những mật vụ của Harkonnen - đang gửi tin tức cho nhau.

Có tiếng gõ ở cánh cửa bên cạnh họ và giọng nhân viên của Hawat vang lên: “Mọi thứ đã sẵn sàng, thưa cậu chủ... và Lệnh bà. Đã đến lúc đưa cậu chủ đi gặp cha rồi.”

Người ta nói Công tước Leto đã tự che mắt mình trước những hiểm họa của Arrakis, rằng ông đã lơ đãng mà đi xuống hố sâu. Liệu có hợp lý hơn chẳng nếu cho rằng ông đã sống quá lâu trong sự cùng nguy cực khốn nên đã phán đoán sai lầm một thay đổi trong cường độ của nó? Hay liệu có thể nào ông đã cố tình hy sinh bản thân để con trai ông có thể tìm được một cuộc sống tốt đẹp hơn? Mọi bằng chứng đều cho thấy Công tước là người không dễ bị lừa bịp.

- trích “Muad’Dib: Ghi chú gia đình” của Công chúa Irulan

Công tước Leto Atréides tựa vào lan can của tháp chỉ huy hạ cánh bên ngoài Arrakeen. Mặt trăng thứ nhất của đêm, một đồng xu bạc dẹt, treo lơ lửng trên đường chân trời phía Nam. Bên dưới nó, những vách núi Tường Chấn lờm chờm sáng lên như dải băng khô xuyên qua màn bụi. Phía trái ông, những ánh đèn của Arrakeen rực sáng trong sương mù - vàng... trắng... xanh.

Ông nghĩ đến bản cáo thị có chữ ký của ông đang được niêm yết khắp từ đầu đến cuối những nơi dân cư đông đúc của hành tinh này: “Hoàng đế Padishah uy nghiêm đã giao cho ta nhiệm vụ cai quản hành tinh này và chấm dứt mọi tranh cãi.”

Cái nghi thức mang tính lễ nghi này gợi lên trong ông cảm giác cô đơn. Ai là kẻ bị lừa phỉnh bởi sự tuân thủ luật pháp ngu ngốc đó chứ? Tất nhiên không phải người Fremen rồi. Cũng không phải các Tiểu Gia tộc vốn đang kiểm soát nền thương mại nội địa của Arrakis... và hầu như tất cả đều là tay sai của Harkonnen.

Bọn chúng vừa toan lấy mạng con ta!

Thật khó mà kìm nén được cơn giận này.

Ông nhìn thấy ánh đèn của một chiếc xe đang từ hướng Arrakeen chạy tới sân đáp tàu. Ông hy vọng chính là đội bảo vệ và đoàn hộ tống đang

đưa Paul đến. Sự chậm trễ này thật khó chịu mặc dù ông biết đó là do sự cần trọng của người phụ tá của Hawat.

Bọn chúng vừa toan lấy mạng con ta!

Ông lắc đầu để tống khứ những ý nghĩ giận dữ này đi, nhìn trở lại phía sân đáp tàu nơi năm chiếc trong số các tàu chiến của ông được bố trí quanh mép sân giống như những người lính bảo vệ làm bằng đá nguyên khối.

Chậm trễ vì cần trọng thì vẫn tốt hơn là...

Viên phụ tá đó là một người giỏi, ông tự nhắc mình. Một nhân vật nổi bật vì sự tiến bộ, lòng trung thành tuyệt đối.

“Hoàng đế Padishah uy nghiêm...”

Giá như cư dân cái thành phố đồn trú điều tàn này có thể nhìn thấy bức thư riêng mà Hoàng đế gửi cho “Công tước Cao quý” của ngài - những ám chỉ đầy khinh thị về những người đàn ông đàn bà che mặt: “...nhưng người ta còn có thể chờ đợi gì khác ở cái lũ người man rợ mà giấc mơ tha thiết nhất của chúng là được sống bên ngoài vòng an ninh có trật tự kỷ cương của chế độ faufreluches?”

Trong khoảnh khắc này, Công tước cảm thấy giấc mơ tha thiết nhất của ông là chấm dứt mọi phân biệt giai cấp và không bao giờ nghĩ đến cái trật tự chết giẫm đó nữa. Ông ngược mắt qua màn bụi nhìn những ngôi sao không nhấp nháy, thầm nghĩ: *Quay xung quanh một trong những ánh sáng nhỏ đó chính là Caladan... nhưng mình sẽ không bao giờ thấy lại quê hương nữa.* Niềm khao khát được về Caladan biến thành cơn đau bất ngờ trong ngực ông. Ông cảm thấy cơn đau không xuất phát từ bên trong con người ông, mà nó đã từ Caladan vươn đến bên ông. Ông không thể thuyết phục mình gọi cái mảnh đất hoang khô cằn Arrakis này là quê hương được, và ông không tin có khi nào đó mình lại làm được điều này.

Ta phải che giấu cảm xúc của mình, ông nghĩ. Vì lợi ích của thằng bé. Nếu nó cần một mái nhà thì đây chính là nhà của nó. Ta có thể nghĩ đến

Arrakis như một địa ngục mà ta đã tới trước khi chết, nhưng thằng bé phải tìm thấy ở nơi đây thứ sẽ truyền cho nó nhiệt huyết và khát vọng. Ất phải có thứ gì đó.

Một làn sóng tự thương cảm - mà ông lập tức xem thường và bác bỏ - lướt qua ông, và bởi lý do nào đó ông chợt nhớ lại hai câu trong bài thơ Gurney Halleck thường ngâm:

“Phổi ta nếm bầu không khí của Thời gian

Thổi qua cát đỏ...”

Thế đấy, Gurney sẽ tìm thấy cả đồng cát đỏ ở nơi này, Công tước nghĩ. Phía bên kia những vách đá trông như phủ băng dưới ánh trắng đó là sa mạc trung tâm - đá trơ trụi, cồn cát, bụi bay tứ phía, một vùng hoang vu khô cằn không có tên trên bản đồ, với những nhúm người Fremen sống đây đó dọc theo rìa hay có thể rải rác trong sa mạc. Nếu có bất kỳ thứ gì có thể mua một tương lai cho dòng họ Atreides thì duy chỉ người Fremen là làm được điều đó.

Với điều kiện là bọn Harkonnen chưa tìm ra cách tiêm nhiễm được ngay cả người Fremen bằng những mưu đồ hiểm độc của chúng.

Bọn chúng vừa toan lấy mạng con ta!

Tiếng kim loại rin rít nạo xuống sân đáp truyền đến tận tháp chỉ huy, làm rung lan can dưới cánh tay ông. Những cửa chớp dùng hơi rơi xuống trước mặt ông, chặn mất tầm nhìn.

Tàu con thoi đang hạ cánh, ông nghĩ. *Đã đến lúc đi xuống bắt tay vào việc*. Ông quay ra cầu thang sau lưng, đi xuống phòng họp lớn, cố gắng giữ bình tĩnh trong khi xuống cầu thang, chuẩn bị nét mặt cho cuộc chạm trán sắp tới.

Bọn chúng vừa toan lấy mạng con ta!

Khi ông tới căn phòng có mái vòm màu vàng thì đám người từ ngoài sân

đáp tàu đang sùng sục đi vào. Họ đeo túi không gian trên vai, hò hét ầm ĩ giống như đám sinh viên vừa nghỉ lễ trở về.

“Nè! Cảm thấy cái đó dưới cằm chứ hả? Lực hấp dẫn đó chú mày ạ.”
“Cái hành tinh này lực hấp dẫn là bao nhiêu G ấy nhỉ? Nghe nặng gớm.”
“Theo sách thì chín phần mười G.”

Những lời bộp chộp trao qua đổi lại tràn ngập căn phòng lớn.

“Các cậu có nhìn kỹ cái chồn khỉ ho cò gáy này trên đường hạ cánh không? Cái đồng hồ của được cho là có ở đây nằm đâu hết rồi nhỉ?” “Bọn Harkonnen ôm theo rồi!” “Cho tao vùi nước nóng và cái giường êm đi!”
“Mày chưa nghe thủng à, thằng ngu? Ở đây đếch có vùi sen vùi siếc nào hết. Lấy cát mà cọ cái bàn tọa của mày đi!” “Này! Có thể nào chứ! Công tước!”

Khi Công tước từ cầu thang bước vào, căn phòng đột nhiên im bật.

Gurney Halleck sải bước đến đầu đám người, một vai đeo túi, tay kia nắm chặt cần cây đàn baliset chín dây. Bàn tay ông có những ngón dài, hai ngón cái to bự, đôi bàn tay đầy những cử động tinh vi để gảy lên thứ âm nhạc tinh tế từ cây đàn baliset.

Công tước nhìn Halleck, khâm phục cái con người xấu xí này, chú ý đến đôi mắt như mảnh thủy tinh với ánh lấp lánh của một trí tuệ hoang dã. Đây là con người sống bên ngoài faufreluches tuy vẫn tuân theo mọi quy tắc của nó. Paul đã gọi ông ta là gì nhỉ? “*Gurney, con người dũng cảm.*”

Mái tóc vàng hoe của Halleck ngang dọc lưa thưa giữa những mảng trơ trụi trên đầu ông. Cái miệng rộng méo đi thành một nụ cười nhếch nhem khoái hoạt, còn vết sẹo vì roi nhô mưng khía qua đường viền hàm dưới dường như chuyển động với sự sống của chính nó. Toàn bộ phong thái ông là phong thái của một năng lực hiên ngang và bình thản. Ông tiến đến phía Công tước, cúi chào.

“Gurney,” Công tước nói.

“Thưa Chúa công.” Ông giơ cây đàn baliset ra hiệu về phía những người trong phòng. “Đây là những người cuối cùng. Tôi muốn đến đây ngay trong đợt đầu tiên, nhưng...”

“Vẫn còn vài tên Harkonnen dành cho ông đấy,” Công tước nói. “Đi với tôi sang chỗ chúng ta có thể nói chuyện được nào, Gurney.”

“Xin tuân lệnh, thưa Chúa công.”

Họ vào trong một hốc tường cạnh cây làm nước có rãnh dạng ruột gà trong lúc mọi người bồn chồn đi lại trong căn phòng lớn. Halleck thả cái túi vào một góc, tay vẫn giữ chặt chiếc đàn baliset.

“Ông có thể để cho Hawat bao nhiêu người?” Công tước hỏi.

“Thufir có chuyện gì sao, thưa Chúa công?”

“Ông ấy chỉ mất hai đặc vụ, nhưng nhóm tiền trạm đã đem lại cho chúng ta một phòng tuyến rất tuyệt trên toàn bộ cơ cấu Harkonnen ở đây. Nếu di chuyển nhanh, chúng ta có thể giành được ít nhiều an toàn và khoảng thời gian nghỉ ngơi cần thiết. Ông ấy muốn ông có thể gửi được bao nhiêu quân thì gửi hết bấy nhiêu - những người sẽ không chùn bước trước một trận đấu dao nhỏ nhỏ.”

“Tôi có thể để cho ông ấy ba trăm người giỏi nhất của tôi,” Halleck nói. “Tôi phải gửi họ đến đâu?”

“Đến cổng chính. Một mật vụ của Hawat đang đợi ở đó để đưa họ đi.”

“Tôi sẽ điều động ngay chứ, thưa Chúa công?”

“Để lát nữa. Chúng ta có một vấn đề khác. Sĩ quan chỉ huy sân đáp tàu sẽ viện cớ để giữ tàu con thoi lại cho đến rạng đông. Đại thương thuyền của Hiệp hội chở chúng ta đến đây đang bận, và chiếc tàu con thoi đã được sắp xếp để tiếp xúc với một tàu hàng đang nhận một lô hàng hương dược.”

“Hương được của chúng ta sao, thưa Chúa công?”

“Hương được của chúng ta. Nhưng tàu con thoi cũng sẽ chở một số người sẵn hương được của chế độ cũ. Họ quyết định thôi việc vì sự thay đổi thái ấp và Phán quan của Sự thay đổi đã chấp thuận. Trong số họ có khoảng tám trăm thợ lành nghề, Gurney ạ. Trước khi tàu con thoi rời đi, ông phải thuyết phục được vài người về đầu quân cho chúng ta.”

“Phải thuyết phục tha thiết đến mức nào, thưa Chúa công?”

“Ta muốn họ sẵn lòng hợp tác, Gurney ạ. Những người này có kinh nghiệm và kỹ năng mà chúng ta cần. Việc họ ra đi cho thấy họ không phải một bộ phận trong guồng máy Harkonnen. Hawat tin rằng có thể có một vài kẻ xấu được cài vào trong nhóm, nhưng ông ấy thì đến từng cái bóng cũng nhìn ra thành sát thủ.”

“Trước kia Thufir đã tìm thấy nhiều cái bóng rất nặng ký, thưa Chúa công.”

“Và cũng có những cái bóng ông ấy không tìm thấy. Nhưng ta nghĩ, cài mật thám vào cái đám đông đang rục rịch ra đi kia thì hơi quá giàu trí tưởng tượng so với bọn Harkonnen.”

“Có thể, thưa Chúa công. Những người này hiện ở đâu?”

“Dưới kia, trong một phòng đợi. Ta nghĩ ông nên xuống dưới đó chơi một hai điệu nhạc để làm dịu đầu óc họ, sau đó hãy tạo sức ép. Ông có thể đề nghị những vị trí hấp dẫn cho những người đủ tiêu chuẩn. Trả cho họ mức lương cao hơn hai mươi phần trăm so với mức họ nhận được thời Harkonnen.”

“Không nhiều hơn được sao, thưa Chúa công? Tôi biết thang lương của bọn Harkonnen. Và đối với những người trong túi sẵn có tiền trợ cấp thôi việc mà lại có máu thích đi du lịch như đám này... vậy đấy, thưa Chúa công, hai mươi phần trăm có vẻ khó mà đủ hấp dẫn để giữ chân họ lại.”

Leto sốt ruột nói: “VẬY ông hãy sử dụng quyền tự quyết trong những trường hợp đặc biệt đi. Chỉ cần nhớ rằng ngân khố của chúng ta không phải là vô tận. Nếu có thể thì hãy giữ nó ở mức hai mươi phần trăm thôi. Chúng ta đặc biệt cần lái xe hương được, chuyên viên thời tiết, người xử cát - bất cứ ai có kinh nghiệm về cát.”

“Tôi hiểu, thưa Chúa công. ‘Tất cả bọn họ sẽ đến vì bạo lực: khuôn mặt họ sẽ ngổn ngấu như ngọn gió Đông, và họ sẽ bắt tù binh nhiều như cát.’ ”

“Trích dẫn sinh động lắm,” Công tước nói. “Hãy giao đội của ông cho một phụ tá. Bảo anh ta cho quân lính tập luyện một chút về kỷ luật nước, rồi cấp giường cho họ ngủ đêm trong trại lính gần bãi đáp. Nhân viên sân đáp tàu sẽ hướng dẫn họ. Và đừng quên gửi quân cho Hawat đấy.”

“Ba trăm quân tinh nhuệ nhất, thưa Chúa công.” Ông nhấc túi lên. “Khi hoàn thành công việc, tôi sẽ báo cáo lại cho ngài ở đâu?”

“Ta vừa tiếp quản một phòng hội đồng ở vị trí chỉ huy tại đây. Chúng ta sẽ đặt ban tham mưu ở đó. Ta muốn sắp xếp trật tự điều binh mới ở hành tinh này, trong đó các đội giáp sắt sẽ ra đi đầu tiên.”

Đang định quay đi thì Halleck dừng lại, nhìn vào mắt Leto. “Ngài tính trước cả *chuyện đó* cơ à, thưa Chúa công? Tôi cứ tưởng ở đây đã có Phán quan Phụ trách Thay đổi rồi.”

“Cả trận chiến công khai lẫn điều bí mật,” Công tước nói. “Máu sẽ tràn ngập khắp nơi đây trước khi chúng ta qua được đận này.”

“ ‘Và nước mà người lấy từ dòng sông này sẽ biến thành máu trên mảnh đất khô cằn này,’ ” Halleck trích dẫn.

Công tước thở dài. “Quay về nhanh nhé, Gurney.”

“Rất tốt, thưa Chúa công.” Vết sẹo roi nho mực toạc ra theo cái cười toe

toét của ông. ““Chú ý, như con lửa hoang trên sa mạc, ta thẳng tiến thực hiện nhiệm vụ của mình.” Ông xoay người, sải bước đến giữa phòng, dừng lại để truyền mệnh lệnh rồi vội vã len qua đám người trong phòng.

Leto lắc đầu khi nhìn theo tấm lưng đang xa dần. Halleck là một chuỗi ngạc nhiên liên tục - một cái đầu đầy ắp những bài hát, lời trích dẫn, những từ ngữ văn hoa... và một trái tim sát thủ mỗi khi có chuyện liên quan với bọn Harkonnen.

Ngay sau đó, Leto thông thả đi chéo qua căn phòng đến chỗ thang máy, đáp trả sự chào hỏi của quân sĩ bằng cái vẫy tay tự nhiên. Nhận ra một người phụ trách tuyên truyền, ông dừng lại trao cho anh ta một thông điệp để chuyển đến thuộc hạ của mình qua các kênh truyền: những người mang theo vợ sẽ muốn biết vợ mình có an toàn không và đang ở đâu. Những người khác sẽ muốn biết rằng cư dân ở đây dường như đàn bà nhiều hơn đàn ông.

Công tước vỗ vào cánh tay người tuyên truyền, một cử chỉ ngụ ý rằng thông điệp trên có quyền ưu tiên hàng đầu phải được thông báo ngay lập tức, rồi tiếp tục băng qua gian phòng. Ông gật đầu với mọi người, mỉm cười, trao đổi vài lời nhận xét hài hước với một cấp dưới.

Người chỉ huy lúc nào cũng phải có vẻ tự tin, ông nghĩ. Toàn bộ cái niềm tin kia cưỡi trên vai ta trong khi ta ngồi trên cái ghế đầy những lời ra tiếng vào mà không bao giờ để lộ ra điều đó.

Ông thở phào nhẹ nhõm khi thang máy nuốt lấy ông và ông có thể quay người đối mặt với những cánh cửa vô cảm.

Bọn chúng vừa toan lấy mạng con ta!

Trên lối ra của sân đáp tàu Arrakeen có một dòng chữ được khắc thô thiển như thế bằng một dụng cụ tồi, dòng chữ mà Muad'Dib đã nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Người nhìn thấy nó ngay đêm đầu tiên đến Arrakis, khi được đưa đến đồn chỉ huy của Công tước để tham gia cuộc họp toàn thể ban tham mưu đầu tiên của phụ thân người. Lời lẽ trong dòng chữ đó là lời cầu xin đối với những người rời khỏi Arrakis, song những lời mang ý nghĩa u ám đó đã đập vào mắt một cậu bé vừa thoát khỏi cái chết trong đường tơ kẽ tóc. Dòng chữ viết: “Ôi các người, nếu biết được chúng tôi đang phải hứng chịu những gì ở chốn này, xin đừng quên chúng tôi trong lời cầu nguyện của các người.”

- trích “Sổ tay của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

“Toàn bộ lý thuyết về chiến tranh là sự mạo hiểm có tính toán,” Công tước nói, “nhưng khi đi đến chỗ mạo hiểm gia đình của chính ta, thì cái yếu tố tính toán đã bị nhấn chìm trong... những cái khác.”

Ông biết mình không kiềm chế được cơn tức giận như lẽ ra phải thế, và ông quay người, sải bước theo chiều dài chiếc bàn dài rồi lại quay trở lại.

Trong phòng họp ở sân đáp tàu chỉ có Công tước và Paul. Đó là một căn phòng có vẻ trống trải, đồ đạc chỉ có chiếc bàn dài, mấy cái ghế ba chân kiểu cổ xếp xung quanh, một tấm bản đồ và chiếc máy chiếu đặt ở một đầu bàn. Paul ngồi bên bàn gần chiếc bản đồ. Cậu kể cho cha nghe vụ tiểu ma đạo và tường trình về việc một tên phản bội đã đe dọa cậu.

Công tước ngắt ngang lời Paul, dấm tay xuống bàn: “Hawat đã bảo ta rằng ngôi nhà này an toàn kia mà!”

Paul nói ngập ngừng: “Con cũng giận - lúc đầu ấy. Và con đã đổ lỗi cho Hawat. Nhưng mỗi đe dọa đó đến từ ngoài ngôi nhà này. Nó đơn giản, rõ ràng, và trực tiếp. Và nếu không nhờ sự huấn luyện của cha và nhiều

người khác - trong đó có Hawat - thì mỗi đe dọa đó hẳn đã lấy được mạng con rồi.”

“Con đang bệnh vực ông ấy đấy à?” Công tước hỏi.

“Vâng.”

“Ông ấy già rồi. Thế đấy. Ông ấy lẽ ra...”

“Ông ấy thông thái và giàu kinh nghiệm,” Paul nói. “Cha có thể nhắc lại bao nhiêu lỗi lầm của Hawat nào?”

“Lẽ ra cha mới là người bệnh vực ông ấy,” Công tước nói. “Không phải con.”

Paul mỉm cười.

Leto ngồi xuống chỗ đầu bàn, đặt một bàn tay lên tay con trai. “Hồi này con đã... trưởng thành rồi, con ạ.” Ông nhấc tay lên. “Cha rất mừng vì điều đó.” Ông đáp lại nụ cười của đứa con. “Hawat sẽ tự trừng phạt mình. Về chuyện này, ông ấy sẽ dành cho mình một cơn giận dữ với bản thân còn lớn hơn những gì cả hai cha con ta có thể cùng trút lên ông ấy.”

Paul liếc về phía những ô cửa sổ tối sẫm bên kia tấm bản đồ, nhìn vào màn đêm tối đen. Ánh sáng trong phòng được phản chiếu từ lan can ban công bên ngoài. Cậu nhìn thấy sự chuyển động và nhận ra hình dáng một người bảo vệ trong đồng phục Atreides. Paul quay lại nhìn bức tường trắng sau lưng cha, rồi nhìn xuống mặt bàn sáng loáng, nhìn hai bàn tay mình đang siết lại thành nắm đấm trên đó.

Cánh cửa đối diện Công tước mở sầm ra. Thufir Hawat sải bước qua cửa, trông ông già sòm và khô cứng hơn bao giờ hết. Ông đi từng bước dọc theo chiếc bàn, dừng lại đứng nghiêm trước mặt Leto.

“Thưa Chúa công,” ông lên tiếng, nói với một điểm trên đầu Leto, “Tôi biết tôi đã làm ngài thất vọng đến thế nào. Điều cần thiết bây giờ là tôi xin từ...”

“Ồ, ngồi xuống đi và đừng có hành động như một tên ngốc thế,” Công tước nói. Ông vẫy tay chỉ về chiếc ghế phía bên kia bàn đối diện Paul. “Nếu ông phạm lỗi, thì lỗi ấy là ông đã đánh giá bọn Harkonnen *quá cao*. Cái đầu ngu ngốc của bọn chúng chỉ nghĩ ra được cái âm mưu đơn giản đến thế thôi. Chúng ta đã không tính đến những âm mưu đơn giản. Và con ta đã đặc biệt lưu ý ta rằng nó an toàn thoát khỏi âm mưu này phần lớn là nhờ công dạy dỗ của ông. Về điểm đó thì ông đã không thất bại!” Ông vỗ nhẹ vào lưng chiếc ghế trống. “Ta nói rồi, ngồi xuống đi!”

Hawat hạ người xuống ghế. “Nhưng...”

“Ta sẽ không nghe thêm gì về việc ấy nữa,” Công tước nói. “Vụ đó qua rồi. Chúng ta còn những việc cấp bách hơn. Những người khác đâu rồi?”

“Tôi bảo họ đợi bên ngoài trong lúc tôi...”

“Gọi họ vào đi.”

Hawat nhìn vào mắt Công tước. “Thưa Ngài, tôi...”

“Ta biết ai là những người bạn thực sự, Thufir ạ,” Công tước nói. “Gọi những người khác vào đây.”

Hawat nuốt nước bọt. “Ngay lập tức, thưa Chúa công.” Ông xoay người trong chiếc ghế, gọi với ra ngoài cánh cửa đang mở: “Gurney, đưa họ vào đi.”

Halleck dẫn hàng quân vào phòng, những sĩ quan tham mưu trông vẻ nghiêm trang, theo sau là các chuyên gia và đội sĩ quan phụ tá trẻ hơn, từ họ toát lên một không khí háo hức. Tiếng kéo lê chân ghế vang dội quanh phòng khi những người này lấy chỗ ngồi. Mùi thơm của chất kích thích rachag phảng phất dưới bàn.

“Ai muốn uống thì có cả cà phê đấy,” Công tước nói.

Ông nhìn mọi người, suy nghĩ: *Họ là một đội giỏi. Với cái kiểu chiến*

tranh này thì người ta có thể làm tồi hơn thế nhiều. Ông chờ đợi trong lúc phòng kế bên mang cà phê vào phục vụ mọi người, để ý thấy nét mặt mỗi trên vài gương mặt.

Ngay sau đó, ông đeo cái mặt nạ điềm tĩnh vào, đứng lên, gõ tay lên bàn ra lệnh cho họ chú ý.

“Nào, thưa quý vị,” ông nói, “nền văn minh của chúng ta dường như ngập quá sâu vào thói quen đi xâm lược đến nỗi chúng ta thậm chí không thể tuân theo một mệnh lệnh đơn giản của Đế chế mà những lễ thói cũ lại không tự dừng xuất hiện.”

Những tiếng cười khùng khục khô khan vang lên xung quanh bàn, và Paul nhận ra cha cậu đã nói đúng vấn đề bằng đúng cái giọng phù hợp để nâng cao tinh thần mọi người ở đây. Thậm chí thoáng một mỗi trong giọng của ông cũng phù hợp nốt.

“Tôi nghĩ đầu tiên chúng ta nên biết liệu Thufir có thêm được gì vào bản báo cáo về người Fremen không?” Công tước nói. “Thufir?”

Hawat liếc nhìn lên. “Tôi sẽ đi vào một số vấn đề kinh tế sau bản báo cáo tổng hợp, thưa Ngài, nhưng tôi có thể nói ngay là càng lúc người Fremen càng chứng tỏ họ là những đồng minh chúng ta cần. Bây giờ họ đang đợi xem liệu có thể tin tưởng chúng ta không, nhưng họ có vẻ xử sự rất thoáng. Họ vừa gửi cho chúng ta một món quà - những bộ sa phục do họ sản xuất... bản đồ một số vùng sa mạc bao quanh các đồn lũy mà bọn Harkonnen bỏ lại...” Ông liếc xuống bàn. “Những báo cáo tình báo của họ hoàn toàn đáng tin cậy và đã giúp chúng ta rất nhiều trong việc đàm phán với Phán quan Phụ trách Thay đổi. Họ cũng vừa gửi vài món phụ - nữ trang cho Lệnh bà Jessica, rượu hương được, đường phèn, thuốc. Người của tôi đang xử lý lô hàng đó. Có vẻ như không có gì gian trá cả.”

“Ông thích những người này, phải không Thufir?” một người ngồi ở bàn hỏi.

Hawat quay lại đối mặt với người hỏi. “Duncan Idaho nói rằng họ là những người đáng ngưỡng mộ.”

Paul liếc cha, quay lại nhìn Hawat, rồi đánh bạo hỏi: “Thầy có thông tin gì mới về việc có bao nhiêu người Fremen không?”

Hawat nhìn Paul. “Từ việc chế biến thực phẩm và các bằng chứng khác, Idaho ước tính khu liên hợp hang động mà anh ấy đến thăm có khoảng vài chục ngàn người cả thảy. Thủ lĩnh của họ nói rằng ông ta cai trị một sietch gồm hai ngàn gia đình. Chúng ta có lý do để tin rằng có một số lượng cộng đồng hang lớn đến thế. Tất cả bọn họ dường như đều dâng lòng trung thành cho một người có tên là Liet.”

“Tin này thì mới đây,” Leto nói.

“Đó có thể là một sai sót về phần tôi, thưa Chúa công. Có nhiều điều để tin rằng có thể ông Liet này là một ông thánh của dân địa phương.”

Một người khác ở bàn hắng giọng hỏi: “Có chắc là họ giao thiệp với bọn buôn lậu không?”

“Một đoàn buôn lậu đã rời cái hang này trong lúc Idaho ở đó, mang theo một lượng lớn hương dược. Họ sử dụng thú dữ để thổ hàng và cho biết họ đã phải trải qua một cuộc hành trình mười tám ngày ròng rã.”

“Dường như bọn buôn lậu đã tăng cường hoạt động gấp đôi trong thời buổi hỗn loạn này,” Công tước nói. “Việc này đáng để suy xét cẩn thận đây. Chúng ta không nên quá lo lắng về những tàu chiến không được cấp phép đang hoạt động bên ngoài hành tinh chúng ta - chuyện đó thì bao giờ bọn họ chẳng làm. Nhưng để họ hoàn toàn nằm ngoài tầm theo dõi của chúng ta - việc này cũng không tốt.”

“Ngài có phương án rồi đúng không, thưa Chúa công?” Hawat hỏi.

Công tước nhìn Halleck. “Gurney, ta muốn ông dẫn đầu một phái đoàn, làm đại sứ nếu ông muốn, để tiếp xúc với những thương gia lừng mọn này. Bảo với họ là ta sẽ phớt lờ chuyện làm ăn của họ với điều kiện họ nộp cho ta một khoản thuế nhỏ. Về điểm này Hawat đã ước tính rằng khoản tiền mà xưa nay họ phải bỏ ra để đút lót và nuôi thêm quân chiến

đấu hầu có thể hoạt động được cũng đã lớn gấp bốn lần khoản thuế này.”

“Điều gì sẽ xảy ra nếu Hoàng đế nghe phong thanh chuyện này?” Halleck hỏi. “Ông ấy cố sống cố chết bảo vệ nguồn lợi nhuận trong công ty CHOAM của mình, thưa Chúa công.”

Leto mỉm cười. “Chúng ta sẽ công khai gửi toàn bộ tiền thuế vào ngân hàng dưới cái tên Shaddam IV và sẽ khấu trừ hợp pháp các khoản chi phí hỗ trợ thu thuế của chúng ta. Cứ để bọn Harkonnen đấu tranh chống lại việc đó! Và chúng ta sẽ làm phá sản thêm ít nhiều dân địa phương đã vớ bẫm dưới chế độ Harkonnen. Không còn việc đút lót nữa!”

Một nụ cười toe toét làm biến dạng khuôn mặt Halleck. “Chà chà, thưa Chúa công, một cú đả kích ra trò đấy. Giá mà tôi có thể thấy gương mặt lão Nam tước khi lão biết chuyện này.”

Công tước quay sang Hawat. “Thufir, ông đã có những bản kê khai tài chính mà ông nói là có thể mua được chưa?”

“Có rồi, thưa Chúa công. Ngay lúc này người của tôi vẫn đang nghiên cứu chi tiết. Tuy nhiên tôi đã đọc lướt qua, và có thể đưa ra một con số xấp xỉ đầu tiên.”

“Vậy thì nêu ra đi.”

“Cứ ba trăm ba mươi Ngày Chuẩn, bọn Harkonnen lại lấy mười tỷ solari ra khỏi đây.”

Những tiếng thở hỗn hển cố nén lan khắp bàn. Ngay những sĩ quan phụ tá trẻ hơn, những người vừa để lộ nỗi buồn chán, cũng ngồi thẳng hơn và mở to mắt nhìn nhau.

Halleck lẩm bẩm: “‘Bởi bọn chúng sẽ hút vô vàn biển cả và châu báu ẩn dưới cát.’ ”

“Các vị thấy đấy,” Leto nói. “Ở đây còn có ai ngây thơ tin rằng chỉ đơn

thuần vì Hoàng đế ra lệnh mà bọn Harkonnen đã lẳng lặng thu dọn đồ đạc ra đi, bỏ lại tất cả?”

Mọi cái đầu đều lắc, họ xì xào tán đồng.

“Chuyện này thì chúng ta sẽ phải giải quyết bằng mũi gươm thôi,” Leto nói. Ông quay sang Hawat. “Giờ thì đến lúc nghe báo cáo về chuyện thiết bị rồi. Bọn chúng để lại cho chúng ta bao nhiêu con bọ cát, xưởng khai thác, nhà máy hương được và máy móc hỗ trợ?”

“Toàn bộ các thiết bị, theo như bản kê khai tài sản của Đế quốc đã được Phán quan Phụ trách Thay đổi kiểm tra, thừa Chúa công,” Hawat nói. Ông ra hiệu cho một sĩ quan phụ tá đưa cho ông một tập hồ sơ, đặt trên bàn trước mặt rồi mở ra. “Người ta bỏ qua không nhắc tới rằng chưa tới phân nửa số bọ cát còn hoạt động được, rằng chỉ chừng một phần ba trong số đó có tàu thồ để mang chúng tới các bãi chứa hương được - rằng tất cả những gì bọn Harkonnen để lại cho chúng ta đều sắp sửa gãy đôi và vỡ ra từng mảnh. Nếu đưa vào sử dụng được phân nửa số thiết bị cũng đã là may mắn cho chúng ta lắm rồi, và sẽ còn may hơn nếu sáu tháng nữa một phần tư trong số đó vẫn còn hoạt động.”

“Cũng không khác nhiều so với những gì chúng ta chờ đợi,” Leto nói. “Dự đoán chính xác về thiết bị cơ bản thì thế nào?”

Hawat liếc vào tập hồ sơ. “Khoảng chín trăm ba mươi xưởng khai thác sẽ được gửi trong vài ngày nữa. Khoảng sáu ngàn hai trăm năm mươi tàu chim để khảo sát, săn tìm hương được và quan sát khí tượng... tàu thồ thì xấp xỉ một ngàn.”

Halleck nói: “Nếu tiến hành đàm phán lại với Hiệp hội để xin phép đưa một tàu chiến lên quỹ đạo làm vệ tinh khí tượng thì liệu có rẻ hơn không?”

Công tước nhìn Hawat. “Không có gì mới về chuyện đó hả, Thufir?”

“Giờ thì chúng ta phải tìm cách khác,” Hawat nói. “Đại diện của Hiệp hội không thực sự đàm phán với chúng ta. Hẳn ta nói huych toẹt ra - như một

Mentat nói với một Mentat khác - rằng giá cả nằm ngoài tầm với của chúng ta và sẽ cứ như vậy dù tầm với của chúng ta có dài ra đến đâu đi nữa. Nhiệm vụ của chúng ta là tìm hiểu tại sao trước khi gặp lại hãn.”

Một sĩ quan phụ tá của Halleck ngồi ở cuối bàn cửa mình trên ghế, thốt lên gay gắt: “Chẳng có công lý nào trong chuyện này cả!”

“Công lý ư?” Công tước nhìn người đó. “Ai đòi công lý vậy? Tự chúng ta làm ra công lý của riêng mình. Chúng ta làm ra nó trên Arrakis này - thắng hay là chết. Ông có hối tiếc đã đánh bạc số phận mình với chúng tôi không, thưa ông?”

Người đó nhìn chằm chằm vào Công tước, rồi nói: “Không, thưa Ngài. Ông không còn đường quay lại và tôi chẳng thể làm gì khác ngoài đi theo ông. Xin tha thứ cho sự lỗ lòi, nhưng...” anh ta nhún vai, “ắt hẳn tất cả chúng ta ai cũng có đôi khi cảm thấy cảm phẫn.”

“Nỗi cảm phẫn thì ta hiểu,” Công tước nói. “Nhưng chúng ta đừng nói năng cảm phẫn về chuyện công lý chừng nào ta vẫn còn đôi tay và tự do để sử dụng đôi tay. Còn ai trong các vị đang nung nấu nỗi cảm phẫn không? Nếu có thì hãy nói ra. Đây là cuộc họp thân mật, ai cũng có thể nói lên cảm nghĩ của mình.”

Halleck cửa mình, nói: “thưa Chúa công, tôi nghĩ vấn đề bức bối là chúng ta không có người tình nguyện từ phía các Đại Gia tộc khác. Họ gọi Ngài là ‘Leto Công chính’ và hứa hẹn mãi mãi duy trì tình bằng hữu, nhưng chỉ chừng nào việc đó không khiến họ phải mất bất cứ thứ gì.”

“Họ còn chưa biết ai sẽ thắng trong cuộc trao đổi này,” Công tước nói. “Hầu hết các Gia tộc đã vớ bở nhờ chấp nhận ít rủi ro. Thật ra cũng không thể buộc tội họ về chuyện đó; chỉ có thể coi khinh họ thôi.” Ông nhìn Hawat. “Chúng ta đang bàn chuyện thiết bị. Ông có thể trình bày vài ví dụ để mọi người làm quen với các máy móc này không?”

Hawat gật đầu, ra hiệu cho một sĩ quan phụ tá đang ở cạnh chiếc máy chiếu.

Một hình chiếu ba chiều xuất hiện phía trên mặt bàn, nằm ở chừng một phần ba khoảng cách tính từ điểm đặt máy đến chỗ Công tước ngồi. Vài người ngồi xa hơn dọc chiếc bàn đứng dậy để nhìn cho rõ.

Paul cúi người về phía trước, nhìn chăm chăm vào chiếc máy.

Xét theo tỉ lệ so với những hình người nhỏ xíu đứng xung quanh cỗ máy trong hình chiếu, cỗ máy dài khoảng một trăm hai mươi mét, rộng bốn mươi mét. Nhìn chung nó là một vật thể dài, giống như con bọ, di chuyển trên những bộ xích rộng hoạt động độc lập.

“Đây là một xưởng khai thác,” Hawat nói. “Chúng tôi chọn một xưởng đã được sửa chữa tốt để làm hình chiếu. Còn có một bộ thiết bị gàu xúc đã đến đây cùng với nhóm đầu tiên các nhà sinh thái học của Đế quốc, thế mà nó vẫn chạy được... mặc dù tôi không biết làm cách nào... hoặc tại sao.”

“Nếu đó là cái mà người ta gọi là ‘Maria Khú đế’ thì nó phải vào viện bảo tàng rồi mới phải,” một sĩ quan phụ tá nói. “Chắc là bọn Harkonnen coi việc trông nom nó như một sự trừng phạt, một mối đe dọa treo lơ lửng trên đầu công nhân của chúng. Hãy làm ăn cho đàng hoàng, nếu không sẽ bị giao nhiệm vụ chăm sóc Maria Khú đế.”

Những tiếng cười khùng khục vang lên quanh bàn.

Paul giữ mình tách ra khỏi sự hài hước, cậu tập trung chú ý vào hình chiếu và vào câu hỏi đã choán hết tâm trí cậu. Cậu chỉ vào hình ảnh trên bàn, nói: “Thầy Thufir, có những con sâu cát đủ lớn để nuốt chửng toàn bộ cái xưởng này phải không ạ?”

Sự im lặng nhanh chóng bao trùm lên chiếc bàn. Công tước rửa thầm, rồi nghĩ: *Không - ở đây họ phải đối mặt với thực tế.*

“Ở sâu trong sa mạc có những con sâu cát có thể nuốt toàn bộ cái xưởng này chỉ trong một miếng,” Hawat nói. “Trên chỗ này, gần Tường Chấn,

nơi sản xuất hầu hết hương được, có cả đồng sâu cát có thể làm hỏng và ngẫu nhiên cái xương này tùy thích.”

“Tại sao chúng ta không chặn chúng lại?” Paul hỏi.

“Theo báo cáo của Idaho,” Hawat nói, “những tấm chắn gây nguy hiểm trong sa mạc. Một tấm chắn có kích thước bằng thân người sẽ thu hút tất cả bọn sâu cát ở chu vi hàng trăm mét. Có vẻ như tấm chắn sẽ khiến chúng điên cuồng giết chóc. Người Fremen đã nói với chúng ta về việc này và không có lý do gì để nghi ngờ họ. Idaho không nhìn thấy ở sietch có dấu vết gì của tấm chắn hết.”

“Không chút gì sao?” Paul hỏi.

“Che giấu những thứ kiểu như thế giữa vài ngàn người không phải chuyện dễ,” Hawat nói. “Idaho được tự do ra vào mọi chỗ trong sietch. Anh ta không nhìn thấy tấm chắn nào cũng như không thấy bất cứ dấu hiệu nào cho thấy họ có sử dụng tấm chắn.”

“Thật là một vấn đề nan giải,” Công tước nói.

“Chắc chắn bọn Harkonnen đã sử dụng nhiều tấm chắn ở đây,” Hawat nói. “Bọn chúng thì ở làng đồn trú nào cũng có trạm sửa chữa, và các báo cáo của chúng cho thấy chúng phải chi rất nhiều để thay thế và cung cấp phụ tùng cho tấm chắn.”

“Liệu người Fremen có cách nào để vô hiệu hóa tấm chắn không?” Paul hỏi.

“Có vẻ là không,” Hawat nói. “Dĩ nhiên về nguyên tắc thì có thể - người ta cho rằng một phản điện tích tĩnh có kích thước cỡ shire thì có thể làm chuyện đó, nhưng chưa ai tiến hành thử nghiệm được cả.”

“Trước đây chúng ta đã nghe nói về chuyện đó rồi,” Halleck nói. “Bọn buôn lậu giao thiệp mật thiết với người Fremen cho nên nếu có một thiết bị như vậy thật thì hẳn chúng đã mua rồi. Và cũng chẳng ai ngăn cản chúng bán nó ra ngoài hành tinh này.”

“Ta không thích một câu hỏi hệ trọng đến thế mà lại chưa có lời đáp,” Leto nói. “Thufir, ta muốn ông dành ưu tiên số một để giải quyết vấn đề này.”

“Chúng tôi đang tiến hành việc đó, thưa Chúa công.” Hawat hắng giọng. “À-à, Idaho có nói điều này: anh ta bảo rằng không thể nhầm lẫn về thái độ của người Fremen đối với tấm chắn. Anh ta nói hầu như tất cả bọn họ đều rất thích thú về chúng.”

Công tước cau mày rồi nói: “Chủ đề thảo luận là thiết bị khai thác hương được.”

Hawat ra hiệu cho viên sĩ quan phụ tá ở cạnh máy chiếu.

Hình ảnh ba chiều của xưởng khai thác được thay thế bằng hình chiếu của một thiết bị có cánh, xung quanh là những hình người nhỏ tí xíu. “Đây là một chiếc tàu thồ,” Hawat nói. “Về cơ bản nó là một tàu chim lớn, chức năng độc nhất là chuyển một xưởng khai thác đến những vùng cát giàu hương được, sau đó thì giải thoát cho nhà xưởng khi sâu cát xuất hiện. Bọn sâu cát thì luôn luôn xuất hiện. Thu hoạch hương được là một quá trình tiến vào và thoát ra càng nhiều càng tốt.”

“Thật quá phù hợp với nguyên tắc ứng xử của bọn Harkonnen,” Công tước nói.

Tiếng cười ồ lên thật đột ngột và quá lớn.

Một chiếc tàu chim thay thế chiếc tàu thồ trong hình ảnh ba chiều.

“Những chiếc tàu chim này là loại khá thông thường,” Hawat nói. “Nếu có những điều chỉnh lớn thì phạm vi hoạt động của chúng sẽ xa hơn. Người ta đã bổ sung thêm biện pháp bảo vệ bằng cách hàn kín những phần thiết yếu để chống lại cát và bụi. Chỉ khoảng một phần ba mươi được trang bị tấm chắn - có lẽ nếu loại bỏ trọng lượng của bộ phát trường chắn thì tầm hoạt động của tàu sẽ tăng lên.”

“Ta không thích việc cắt giảm tấm chắn này,” Công tước lẩm bẩm. Và ông nghĩ: *Liệu có phải đây là bí mật của bọn Harkonnen không? Phải chăng như vậy nghĩa là chúng ta thậm chí sẽ không thể thoát khỏi đây trên những chiếc tàu chiến được trang bị tấm chắn nếu mọi chuyện đều bất lợi cho chúng ta?* Ông lắc đầu quầy quậy để rũ bỏ những ý nghĩ như vậy, rồi nói: “Hãy chuyển sang các dự toán thực tế nào. Lợi nhuận của ta sẽ là bao nhiêu?”

Hawat lật hai trang trong cuốn sổ của ông. “Sau khi đánh giá các sửa chữa và thiết bị có thể vận hành, chúng tôi đã có được ước tính đầu tiên về chi phí hoạt động. Lẽ đương nhiên con số này được tính toán dựa trên số liệu đã khấu hao để cho mức lãi an toàn nhất.” Ông nhắm mắt, đi vào trạng thái nửa nhập định của một Mentat, miệng nói: “Dưới thời Harkonnen, phí bảo dưỡng và lương được giữ ở mức mười bốn phần trăm. Chúng ta sẽ may mắn nếu ban đầu giữ được ở mức ba mươi phần trăm. Nếu tính tới khoản tái đầu tư và các nhân tố tăng trưởng, kể cả phần trăm cho CHOAM và chi phí quân sự, mức lãi của chúng ta sẽ bị giảm xuống rất thấp, chỉ khoảng sáu, bảy phần trăm cho tới chừng nào chúng ta thay được các thiết bị đã quá cũ kỹ. Đến lúc đó chúng ta có thể tăng mức lãi lên mười hai hay mười ba phần trăm, như lẽ ra phải thế.” Ông mở mắt. “Trừ phi Công tước muốn áp dụng những phương pháp của nhà Harkonnen.”

“Chúng ta đang cố nhằm tới một nền tảng vững chắc và lâu bền cho hành tinh này,” Công tước nói. “Chúng ta phải duy trì tỷ lệ người dân hạnh phúc ở mức cao - nhất là người Fremen.”

“Nhất là người Fremen,” Hawat tán đồng.

“Hồi ở Caladan, chúng ta có uy thế là nhờ sức mạnh trên biển và trên không. Còn ở đây, chúng ta phải phát triển cái mà tôi muốn gọi là sức mạnh *sa mạc*. Nó có thể bao hàm sức mạnh không quân, nhưng cũng có thể không. Tôi muốn quý vị lưu ý tới việc thiếu lá chắn cho tàu chim.” Ông lắc đầu. “Bọn Harkonnen trước đây sử dụng người tuyển từ ngoài hành tinh để đảm trách một số vị trí chủ chốt của chúng. Còn ta thì không

dám. Nếu không thì cứ mỗi đợt người mới thể nào cũng sẽ có dăm ba thằng nội gián gây chia rẽ.”

“Vậy thì ta sẽ buộc phải hài lòng với mức lãi thấp hơn nhiều và sản lượng ít hơn,” Hawat nói. “Sản lượng của chúng ta trong hai mùa đầu sẽ giảm còn một phần ba so với mức bình quân của bọn Harkonnen.”

“Đúng là như thế,” Công tước nói, “đúng như chúng ta mong đợi. Chúng ta sẽ phải hành động nhanh với người Fremen. Ta muốn có năm tiểu đoàn đầy đủ lính Fremen trước khi CHOAM tiến hành kiểm tra sổ sách lần đầu tiên.”

“Không còn nhiều thời gian cho việc đó nữa đâu, thưa Chúa công,” Hawat nói.

“Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa, các vị biết rõ rồi đấy. Ngay khi có cơ hội, bọn chúng sẽ có mặt ở đây với quân Sardaukar giả trang thành Harkonnen. Ông nghĩ bọn chúng sẽ chuyển đến đây bao nhiêu quân hỗ Thufir?”

“Bốn hoặc năm tiểu đoàn cả thảy, thưa Chúa công. Không nhiều hơn, chi phí vận chuyển quân của Hiệp hội thế nào thì mọi người cũng biết đấy.”

“Sau đó năm tiểu đoàn Fremen cộng với lực lượng của chúng ta phải hành động ngay. Chúng ta sẽ cho vài tên tù nhân Sardaukar điều hành trước mũi Hội đồng Landsraad và mọi chuyện sẽ khác hẳn - lợi nhuận hoặc không lợi nhuận.”

“Chúng ta sẽ làm hết sức mình, thưa Chúa công.”

Paul nhìn cha, rồi quay lại Hawat, đột nhiên nhận ra tuổi tác của vị Mentat này, ý thức được rằng ông lão đã phục vụ ba thế hệ nhà Atreides. *Tuổi già*. Nó hiện lên trong ánh sáng ướm át của đôi mắt nâu, trong gò má khô sạm và nứt nẻ vì khí hậu ở những nơi xa lạ, trong đường cong của hai vai và trong đôi môi mỏng có màu đỏ của nước ép sapho đã bị biến màu.

Quá nhiều việc phụ thuộc vào ông già này, Paul nghĩ.

“Hiện chúng ta đang trong một cuộc chiến tranh sát thủ,” Công tước nói, “nhưng nó chưa đạt tới quy mô trọn vẹn. Thufir, tình hình bộ máy Harkonnen ở đây thế nào rồi?”

“Chúng ta vừa loại trừ hai trăm năm mươi chín người chủ chốt của bọn chúng, thừa Chúa công. Còn lại không quá ba phòng giam Harkonnen - có lẽ một trăm người cả thảy.”

“Những tên Harkonnen mà ông trừ khử,” Công tước nói, “bọn chúng thuộc tầng lớp giàu có phải không?”

“Hầu hết đều lắm tiền nhiều của, thừa Chúa công - thuộc tầng lớp doanh nhân.”

“Ta muốn ông hãy làm giả chứng thư tuyên thệ trung thành có chữ ký của từng tên một,” Công tước nói. “Gửi năm bản sao cho Phán quan Phụ trách Thay đổi. Ta sẽ có lý do hợp pháp rằng chúng đã thề trung thành một cách giả dối. Hãy tịch thu tài sản của chúng, tịch thu mọi thứ, đuổi gia đình chúng đi, lột mũ áo chúng. Và hãy bảo đảm là Hoàng Đế có được mười phần trăm tài sản của chúng. Phải hoàn toàn hợp pháp đấy.”

Thufir mỉm cười, để lộ hàm răng nhuộm đỏ dưới đôi môi màu đỏ son. “Một động thái xứng đáng với tổ tiên Ngài, thừa Chúa công. Điều này khiến tôi thấy hổ thẹn vì đã không nghĩ ra nó trước tiên.”

Halleck cau mày nhìn sang phía bên kia bàn, bắt gặp vẻ giận dữ sâu xa trên mặt Paul. Những người khác vừa cười vừa gật gù.

Thật sai lầm. Paul nghĩ. Việc này chỉ khiến những người khác đấu tranh dữ dội hơn thôi. Bọn họ chẳng thu được gì từ việc đầu hàng.

Cậu biết cái quy ước bất thành văn tự-do-vô-giới-hạn vốn chi phối luật kanly, nhưng đây là một kiểu hành động có thể tiêu diệt họ ngay cả khi nó trao cho họ chiến thắng.

“ ‘Ta là một người lạ trên mảnh đất lạ,’ ” Halleck trích dẫn.

Paul nhìn ông chăm chăm, nhận ra lời trích dẫn từ Kinh thánh Màu Cam, bản khảo: *Phải chăng cả Gurney cũng muốn chấm dứt những mưu mô xảo quyệt?*

Công tước liếc nhìn bóng đêm bên ngoài cửa sổ, rồi nhìn Halleck. “Gurney, trong số những thợ cát đó ông thuyết phục được bao nhiêu người ở lại với chúng ta?”

“Hai trăm tám mươi sáu người tất cả, thưa Chúa công. Tôi nghĩ năm được họ là chúng ta có thể tự cho mình may mắn rồi. Tất cả bọn họ đều thuộc hạng lành nghề.”

“Không nhiều hơn sao?” Công tước mím môi, rồi nói: “Được rồi, chuyển lời này đến...”

Tiếng ồn ào ngoài cửa ngắt lời ông. Duncan Idaho len qua đội bảo vệ trước cửa, đi vội vã dọc theo bàn và cúi xuống tai Công tước.

Leto phẩy tay ra hiệu cho anh ta lùi lại, nói: “Nói to lên, Duncan. Anh có thể thấy đây là ban tham mưu chiến lược.”

Paul quan sát Idaho, chú ý những chuyển động như mèo và cái phản xạ mau lẹ đã giúp anh thành một thầy dạy vũ khí khó ganh đua đến thế. Khuôn mặt tròn đen sạm của Idaho quay về phía Paul, đôi mắt của người trông hang động không để lộ chút dấu hiệu quen biết nào, nhưng Paul nhận ra chiếc mặt nạ trầm tĩnh phủ ngoài sự kích động.

Idaho đưa mắt dọc chiếc bàn, nói: “Chúng tôi vừa bắt được một nhóm lính đánh thuê Harkonnen giả trang thành người Fremen. Chính người Fremen đã cử một người liên lạc đến để cảnh báo cho chúng ta về nhóm giả mạo này. Tuy nhiên, trong cuộc tấn công, chúng tôi thấy bọn Harkonnen đã phục kích người liên lạc - khiến anh ta bị trọng thương. Chúng tôi đang trên đường đưa anh ta về đây khám bác sĩ thì anh ta chết. Tôi đã thấy tình trạng nguy kịch của anh ta và dừng lại ngay để làm

những gì có thể. Tôi bắt gặp anh ta đang cố gắng ném một cái gì đó đi.” Idaho liếc xuống Leto. “Một con dao, thưa Chúa công, một con dao thuộc loại ngài chưa bao giờ nhìn thấy.”

“Dao pha lê à?” có người hỏi.

“Không nghi ngờ gì,” Idaho nói. “Màu trắng sữa, dường như tỏa sáng, lấp lánh thứ ánh sáng của riêng nó.” Anh cho tay vào trong áo, rút ra một chiếc vỏ màu đen có tay cầm hình sống gợn.

“Hãy giữ dao trong vỏ!”

Một giọng nói cất lên từ cánh cửa mở phía cuối phòng, một giọng nói to, ngân vang làm mọi người đứng cả lên, nhìn chăm chăm.

Một người cao lớn, mặc áo choàng dài đứng bên cửa, bị chặn lại bởi những lưỡi gươm bắt chéo nhau của đội bảo vệ. Chiếc áo choàng màu nâu vàng phủ kín ông ta, chỉ trừ một kẽ hở giữa mũ trùm đầu và mạng che mặt màu đen để lộ đôi mắt toàn màu xanh nước biển - bên trong không có chút màu trắng nào.

“Để ông ta vào,” Idaho nói khẽ.

“Cho người đó qua đi,” Công tước nói.

Đội bảo vệ lưỡng lự, sau đó hạ thấp lưỡi kiếm xuống.

“Đây là Stilgar, thủ lĩnh của sietch mà tôi đã đến thăm, chỉ huy của những người đã cảnh báo chúng ta về nhóm giả trang,” Idaho nói.

“Xin chào mừng ngài,” Leto nói. “Tại sao chúng tôi không nên rút con dao này ra khỏi vỏ?”

Stilgar liếc Idaho, nói: “Ông đã quan sát phong tục về sự thanh sạch và danh dự của chúng tôi. Tôi sẽ cho phép ông nhìn thấy lưỡi dao của người mà ông đã giúp đỡ.” Ông ta nhìn lướt qua những người khác trong phòng.

“Nhưng tôi không biết những người này. Ông sẽ để họ làm ô uế một thứ vũ khí danh dự sao?”

“Ta là Công tước Leto,” Công tước nói. “Ông sẽ cho phép ta nhìn thấy lưỡi dao này chứ?”

“Tôi sẽ cho phép ông có quyền rút dao ra khỏi vỏ,” Stilgar nói, và ngay khi tiếng thì thầm phản đối vang lên quanh bàn, ông giơ bàn tay đen sạm, gầy guộc, gân guốc lên. “Tôi xin nhắc quý vị, đây là lưỡi dao của một người đã giúp đỡ quý vị.”

Trong sự im lặng chờ đợi, Paul quan sát người đàn ông, cảm thấy một vầng uy lực tỏa ra từ ông ta. Ông ta là một thủ lĩnh - một thủ lĩnh *Fremen*.

Một người ngồi quăng giũa bàn phía đối diện với Paul lẩm bẩm: “Hắn ta là ai mà lại bảo chúng ta rằng chúng ta có quyền gì với không có quyền gì ở Arrakis chứ?”

“Người ta nói Công tước Leto cai trị theo sự đồng thuận của những người bị trị,” người *Fremen* nói. “Do đó tôi phải nói cho ông biết lễ thói của chúng tôi: những ai đã nhìn thấy dao pha lê đều phải mang một trách nhiệm nào đó.” Ông ta ném một cái liếc nhìn u tối sang Idaho. “Họ thuộc về chúng tôi. Có thể họ sẽ không bao giờ được rời khỏi Arrakis nếu chúng tôi không cho phép.”

Halleck và vài người khác bắt đầu đứng dậy, nét giận dữ hiện rõ trên mặt. Halleck nói: “Công tước Leto mới là người quyết định được hay không...”

“Xin hãy đợi đã,” Leto nói, và chính sự ôn hòa trong giọng ông đã kiềm chế họ lại. *Không thể để chuyện này vượt ra ngoài tầm kiểm soát*, ông nghĩ. Ông nói với người *Fremen*: “Thưa Ngài, tôi tôn kính và trân trọng phẩm giá cá nhân của bất cứ người nào tôn trọng phẩm giá của tôi. Quả thật tôi hàm ơn quý vị. Và tôi *luôn luôn* trả các món nợ của mình. Nếu theo tập quán của quý vị con dao này vẫn nằm trong vỏ ở đây, thì lệnh - của chính tôi - sẽ được ban truyền y như thế. Và nếu có bất kỳ cách nào

khác để chúng tôi tỏ lòng tôn kính đối với người đã chết vì phụng sự chúng tôi, Ngài chỉ việc nói ra.”

Người Fremen nhìn Công tước chăm chăm, rồi từ từ kéo mạng che mặt sang bên, để lộ chiếc mũi mảnh và cái miệng có cặp môi dày, lọt thỏm giữa bộ râu đen nhánh. Một cách chủ tâm, ông ta cúi xuống phía cuối bàn, nhổ nước bọt lên mặt bàn sáng bóng.

Khi những người ngồi quanh bàn đứng phắt dậy, giọng Idaho vang khắp phòng: “Bình tĩnh.”

Trong cái yên lặng đột ngột đầy sôi sục, Idaho nói: “Chúng tôi cảm ơn Ngài, Stilgar, về món quà hơi ẩm cơ thể của Ngài. Chúng tôi xin nhận nó theo đúng tinh thần mà nó đã được trao.” Và Idaho nhổ nước bọt lên bàn trước mặt Công tước.

Quay về phía Công tước, anh ta nói: “Xin hãy nhớ nước quý giá đến nhường nào ở xứ này, thưa Chúa công. Đó là dấu hiệu tỏ lòng tôn kính.”

Leto ngả người vào ghế, bắt gặp ánh mắt Paul, một nụ cười phiến muộn trên mặt con trai ông, cảm thấy sự căng thẳng quanh bàn giảm dần khi thuộc hạ của ông bắt đầu hiểu ra sự tình.

Người Fremen nhìn Idaho nói: “Duncan Idaho, ông đã cân nhắc cẩn thận khi ở sietch của tôi rồi. Liệu có giao ước nào về lòng trung thành của ông đối với Công tước không?”

“Ông ta đang mời tôi gia nhập lực lượng của ông ta, thưa Chúa công,” Idaho nói.

“Ông ta chấp nhận một lòng trung thành hai mang sao?” Leto hỏi.

“Ông có muốn tôi đi cùng ông ta không, Công tước?”

“Chuyện này tôi muốn anh tự quyết định lấy,” Leto nói, và ông không kìm nổi sự khẩn nài trong giọng mình.

Idaho quan sát người Fremen. “Ông sẽ cho phép tôi làm theo các điều kiện này chứ Stilgar? Sẽ có những lúc tôi cần phải quay về phục vụ Công tước.”

“Ông giỏi chiến đấu và đã làm hết sức mình vì người bạn của chúng ta,” Stilgar nói. Ông nhìn Leto. “Thôi thì hãy thế này: Người đàn ông Idaho giữ lại con dao pha lê mà anh ta đang cầm như một biểu hiện cho lòng trung thành của anh ta đối với chúng tôi. Tất nhiên anh ta phải được làm cho tinh khiết và nghi lễ phải được tiến hành, nhưng điều này có thể thực hiện được. Anh ta sẽ vừa là người Fremen vừa là lính của Atreides. Có một tiền lệ cho việc này: Liet cũng phục vụ cho hai chủ.”

“Thế nào Duncan?” Công tước hỏi.

“Tôi hiểu, thưa Chúa công,” Idaho nói.

“VẬY thì điều này được tán thành,” Leto nói.

“Nước của anh là của chúng ta, Duncan Idaho,” Stilgar nói. “Thân thể của người bạn chúng ta vẫn ở bên Công tước. Nước của anh ta là nước Atreides. Đó là giao ước giữa chúng ta.”

Leto thở dài, liếc Hawat, bắt gặp ánh nhìn của vị Mentat già nua. Hawat gật đầu, nét mặt tỏ ý hài lòng.

“Tôi sẽ đợi ở dưới trong lúc Idaho chào tạm biệt bạn bè,” Stilgar nói. “Turok là tên người bạn đã chết của chúng ta. Xin hãy nhớ điều đó khi đến lúc giải thoát cho linh hồn anh ấy. Quý vị là bạn của Turok.”

Stilgar bắt đầu quay ra.

“Ông không ở lại một lúc nữa sao?” Leto hỏi.

Người Fremen quay lại, hất khăn che mặt vào đúng chỗ bằng một động tác tự nhiên, điều chỉnh cái gì đó ở bên dưới nó. Paul thoáng thấy cái gì đó

trông giống một cái ống mỏng trước khi chiếc khăn che mặt phủ vào đúng vị trí.

“Có lý do nào để tôi ở lại không?” người Fremen hỏi.

“Chúng tôi muốn thể hiện lòng kính trọng đối với ngài,” Công tước nói.

“Sự kính trọng đòi hỏi tôi nên sớm có mặt ở nơi khác,” người Fremen nói. Ông liếc nhìn Idaho lần nữa, quay người, rồi sải bước đi qua đội bảo vệ canh cửa.

“Nếu những người Fremen khác tương xứng với ông ta thì chúng ta sẽ hỗ trợ nhau rất tốt đấy,” Leto nói.

Idaho nói bằng giọng khô khốc: “Ông ta là mẫu điển hình đó, thưa Chúa công.”

“Anh hiểu điều anh phải làm chứ Duncan?”

“Tôi là đại sứ mà ngài cử sang chỗ người Fremen, thưa Chúa công.”

“Trông đợi cả vào anh đấy, Duncan ạ. Chúng ta sẽ cần ít nhất năm tiểu đoàn người Fremen trước khi bọn Sardaukar bất ngờ tấn công chúng ta.”

“Về chuyện này sẽ cần làm vài việc, thưa Chúa công. Fremen là nhóm người rất độc lập.” Idaho ngập ngừng, rồi nói: “Và, thưa Ngài, còn một chuyện nữa. Một tên trong đám lính đánh thuê mà chúng ta hạ gục đã cố gắng lấy lưỡi dao này từ người bạn Fremen đã chết. Tên lính đánh thuê này nói, gia tộc Harkonnen sẽ thưởng một triệu solari cho bất cứ ai mang về cho họ dù chỉ một con dao pha lê.”

Leto ngược cầm lên, vẻ ngạc nhiên rõ rệt. “Tại sao bọn chúng lại muốn một trong những con dao đó đến thế?”

“Con dao được mài từ răng sâu cát; nó là dấu hiệu của người Fremen, thưa Chúa công. Có nó, một người mắt xanh có thể xâm nhập vào bất cứ

sietch nào trên xứ này. Bọn họ sẽ hỏi tôi trừ phi họ nhận ra tôi. Tôi không giống người Fremen. Nhưng...”

“Piter de Vries,” Công tước nói.

“Một con người xảo trá gian tà, thưa Chúa công,” Hawat tiếp.

Idaho rút nhanh con dao nằm trong vỏ vào dưới bộ quân phục.

“Bảo vệ con dao đấy,” Công tước nói.

“Tôi hiểu, thưa Ngài.” Anh ta vỗ nhẹ vào thiết bị thu phát tín hiệu trên bộ dây lưng. “Tôi sẽ báo cáo về trong thời gian sớm nhất. Thufir có mã liên lạc của tôi. Hãy sử dụng ngôn ngữ chiến trận.” Anh ta chào tạm biệt rồi quay người vội vã đi theo người Fremen.

Họ nghe tiếng bước chân anh ta nện thành thịch xuôi theo hành lang.

Leto và Hawat nhìn nhau tỏ vẻ đầy thất vọng. Họ mỉm cười.

“Chúng ta có nhiều việc phải làm, thưa Chúa công,” Halleck nói.

“Còn ta sẽ tách ông ra khỏi công việc của ông,” Leto nói.

“Tôi có báo cáo về những căn cứ tiền tiêu,” Hawat nói. “Tôi sẽ trình bày vào lúc khác chứ, thưa Chúa công?”

“Có mất nhiều thời gian không?”

“Không thể trình bày tóm tắt được. Người Fremen kháo nhau rằng có hơn hai trăm căn cứ tiền tiêu xây dựng trên Arrakis này trong suốt thời kỳ Trăm Kiểm tra Thực vật Sa mạc. Nghe nói tất cả đều đã bị bỏ hoang, nhưng có nhiều báo cáo nói chúng được bật kín trước khi bị bỏ hoang.”

“Trong đó có thiết bị chứ?” Leto hỏi.

“Theo những báo cáo tôi lấy từ Duncan.”

“Chúng nằm ở đâu?” Halleck hỏi.

“Câu trả lời cho câu hỏi đó luôn luôn là: ‘Liet biết’,” Hawat nói.

“Thượng đế biết,” Leto lẩm bẩm.

“Có thể không, thưa Chúa công,” Hawat nói. “Ngài đã nghe ông Stilgar này nói đến cái tên đó. Có thể ông ta đang ám chỉ một người có thực chẳng?”

“Phục vụ hai chủ,” Halleck nói. “Nghe như một trích dẫn tôn giáo.”

“Và ông nên biết,” Công tước nói.

Halleck mỉm cười.

“Vị Phán quan Phụ trách Thay đổi này,” Leto nói, “nhà sinh thái học của Đế chế - Kynes... ông ta không biết những căn cứ đó ở đâu sao?”

“Thưa Chúa công,” Hawat cảnh báo, “vị Kynes này là bấy tôi trung thành của Đế quốc.”

“Nhưng ông ta đang ở xa Hoàng đế,” Leto nói. “Ta muốn những căn cứ này. Chắc hẳn chúng chứa rất nhiều vật liệu mà chúng ta có thể tận dụng để sửa chữa các thiết bị đang hoạt động của chúng ta.”

“Công tước!” Hawat nói. “Xét về phương diện pháp lý, những căn cứ này vẫn thuộc thái ấp của Hoàng đế.”

“Khí hậu vùng này đủ khắc nghiệt để có thể phá hủy bất cứ thứ gì,” Công tước nói. “Lúc nào chúng ta cũng có thể đổ lỗi cho khí hậu. Hãy đi tìm vị Kynes đem về đây và ít nhất cũng cố tìm ra liệu những căn cứ này có thật hay không.”

“ ‘... Trưng dụng chúng là nguy hiểm’,” Hawat nói. “Duncan đã nói rõ một điều: các căn cứ đó hay ý nghĩ về chúng có tầm quan trọng sâu xa nào đó

đối với người Fremen. Chúng ta có thể sẽ khiến người Fremen xa lánh nếu chiếm lấy các căn cứ đó.”

Paul nhìn gương mặt những người xung quanh, quan sát mức độ cảm xúc của họ trong khi họ nghe từng lời nói. Có vẻ như họ bị xáo động dữ dội vì quan điểm của cha cậu.

“Hãy lắng nghe ông ta, thưa Cha,” Paul nói khẽ. “Ông ấy sẽ nói sự thật.”

“Thưa Chúa công,” Hawat nói, “những căn cứ đó có thể cho ta vật liệu để sửa chữa từng thiết bị mà nhà Harkonnen để lại cho ta, tuy nhiên chúng vẫn nằm ngoài tầm tay vì những lý do chiến lược. Nếu không tìm hiểu kỹ hơn mà lại hành động ngay thì thật thiếu suy nghĩ. Vị Kynes này được Đế quốc trao toàn quyền hành động. Chúng ta không được quên điều này. Còn người Fremen thì tuân theo ông ấy.”

“Nếu vậy hành động nhẹ nhàng thôi,” Công tước nói. “Ta chỉ muốn biết liệu những căn cứ đó có tồn tại không thôi.”

“Sẽ theo ý ngài, thưa Chúa công.” Hawat ngồi xuống phía sau, cúp mắt xuống.

“Vậy thì tốt rồi,” Công tước nói. “Chúng ta biết chúng ta có cái gì ở phía trước - công việc. Chúng ta đã được huấn luyện để làm việc. Chúng ta có vài kinh nghiệm trong việc này. Chúng ta biết phần thưởng là gì và những lựa chọn thì cũng khá rõ rồi. Mỗi người trong các vị có nhiệm vụ của mình.” Ông nhìn Halleck. “Gurney, hãy xem xét tình hình tàu buôn lậu trước tiên.”

“ ‘Tôi sẽ đi đến chỗ những người nổi loạn sống trên mảnh đất khô cằn này,’ ” Halleck ngâm nga.

“Một ngày nào đó ta sẽ tóm được gã kia khi không có một câu trích dẫn nào và chừng đó ông ta chẳng khác nào không mặc áo quần vậy,” Công tước nói.

Những tiếng cười kìm nén vang khắp bàn, nhưng Paul nhận thấy sự

gượng gạo trong những tiếng cười đó.

Công tước quay sang Hawat. “Hãy thiết lập thêm một trạm chỉ huy để liên lạc và truyền tin ngay trên sàn này, Thufir. Khi nào mọi thứ đã sẵn sàng thì ta muốn gặp ông.”

Hawat đứng dậy, liếc nhìn quanh phòng như thể tìm sự ủng hộ. Ông quay đi, dẫn đoàn người ra khỏi phòng. Những người khác lục tục đứng dậy, kéo ghế kèn kẹt trên sàn, tụm lại thành từng nhóm nhỏ đầy vẻ bối rối.

Mọi chuyện kết thúc trong cơn bối rối, Paul nghĩ trong khi nhìn theo lưng những người cuối cùng rời khỏi phòng. Từ trước đến nay, cuộc họp Ban tham mưu luôn kết thúc trong bầu không khí đầy quyết đoán. Nhưng cuộc họp này thì cứ dường như thấm lậu ra ngoài, bị bào mòn bởi chính sự bất quyết, bất tự tin của nó, đã vậy còn thêm một cuộc tranh cãi nữa.

Lần đầu tiên Paul tự cho phép mình nghĩ đến khả năng thực tế là họ sẽ thất bại - không nghĩ về nó vì sợ hãi hay vì những lời cảnh báo chẳng hạn như của Mẹ Chí tôn, mà đối mặt với khả năng đó bởi cách đánh giá của chính cậu về tình thế.

Cha ta thật liều lĩnh, cậu nghĩ. Mọi chuyện sẽ không diễn ra tốt đẹp chút nào cho chúng ta.

Còn Hawat - Paul nhớ lại vị Mentat già đã hành động thế nào trong suốt cuộc họp - sự lưỡng lự khó thấy, những dấu hiệu bồn chồn lo lắng.

Hawat rất băn khoăn lo lắng về chuyện gì đó.

“Tốt nhất là con hãy nghỉ lại đây cho hết đêm, Con trai,” Công tước nói. “Dù sao thì cũng sắp bình minh rồi. Ta sẽ báo cho mẹ con biết.” Ông bước đi, chậm rãi, cương quyết. “Tại sao con không kê mấy cái ghế lại với nhau rồi nằm nghỉ một lát nhỉ.”

“Con không mệt lắm, thưa cha.”

“Cứ làm như con muốn.”

Công tước chấp tay sau lưng, bắt đầu đi đi lại lại dọc chiều dài chiếc bàn.

Giống như một con thú bị giam cầm, Paul nghĩ.

“Cha sẽ thảo luận với Hawat về khả năng có kẻ phản bội trong hàng ngũ chúng ta chứ?” Paul hỏi.

Công tước đứng lại phía bên bàn đối diện con trai, nói với những khung cửa sổ tối đen. “Chúng ta đã tranh luận về khả năng đó nhiều lần rồi.”

“Bà già đó có vẻ rất tin chắc về những điều mình nói,” Paul nói. “Còn lời phán truyền mà Mẹ...”

“Các biện pháp phòng ngừa đã được tiến hành,” Công tước nói. Ông nhìn quanh phòng, và Paul để ý thấy mắt ông như mắt con thú dữ bị săn đuổi... “Hãy ở lại đây. Có vài vấn đề về các trạm chỉ huy mà ta muốn thảo luận với Thufir.” Ông quay người, sải bước ra khỏi phòng, khẽ gật đầu với đội gác cửa.

Paul nhìn chăm chăm vào chỗ cha cậu vừa đứng. Cái khoảng không trống rỗng ngay cả khi Công tước chưa rời phòng. Cậu nhớ lại lời cảnh báo của bà lão: “... còn người cha, không cách gì cứu được.”

Vào cái ngày đầu tiên đó khi Muad'Dib cùng gia đình ngồi xe đi qua những con phố của Arrakeen, vài người dân ven đường đã nhớ lại những truyền thuyết và lời tiên tri, liến đánh liều hò reo: “Mahdi!” Nhưng tiếng hét của họ là một sự hoài nghi hơn là lời tuyên bố, vì cho đến lúc này họ chỉ có thể hy vọng cậu là người mà lời tiên tri nói là Lisan al-Gaib, Giọng nói Từ Thế giới Bên ngoài. Họ cũng tập trung chú ý đến người mẹ, bởi vì họ nghe nói bà là một Bene Gesserit và họ thấy hiển nhiên là bà giống như một Lisan al-Gaib khác.

- trích “Sách về Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Công tước tìm thấy Thufir Hawat đang ở một mình trong góc căn phòng mà người gác cửa chỉ cho ông. Có tiếng mọi người đang xếp đặt thiết bị liên lạc trong phòng kế bên, nhưng nơi này khá yên tĩnh. Công tước đưa mắt nhìn quanh khi Hawat hiện ra từ chiếc bàn bừa bộn giấy. Đó là một căn phòng có tường bao màu xanh, ngoài chiếc bàn ra còn có ba chiếc ghế treo mà chữ “H” nghĩa là Harkonnen trên đó vừa được người ta vùi vàng xóa đi, để lại một mảng màu nhem nhuốc.

“Những chiếc ghế này tuy lỏng lẻo nhưng cũng khá an toàn,” Hawat nói. “Paul đâu rồi, thưa Chúa công?”

“Ta để nó lại phòng họp. Ta hy vọng nó sẽ được nghỉ ngơi chút ít nếu không có ta ở đó làm nó sao lãng.”

Hawat gật đầu, đi về phía cửa dẫn sang phòng kế bên, đóng lại, tách ra khỏi tiếng ồn của tia lửa điện và tiếng nhiễu tín hiệu.

“Thufir này,” Leto nói, “Những kho dự trữ hương dược của Đế quốc và Harkonnen khiến ta chú ý.”

“Là sao, thưa Chúa công?”

Công tước mím môi. “Những nhà kho ấy rất dễ phá hủy.” Ông đưa một tay lên khi Hawat định nói. “Bỏ qua kho dự trữ của Hoàng đế đi. Nếu bọn

Harkonnen bị rắc rối thì ông ta sẽ ngấm vui sướng đấy. Và liệu tay Nam tước có thể tỏ ra chống đối nếu có cái gì đó bị phá hủy mà hẳn ta không thể công khai thừa nhận nó là của mình không?”

Hawat lắc đầu. “Chúng ta có rất ít người rảnh rỗi, thưa Chúa công.”

“Hãy dùng người của Idaho. Có lẽ vài người Fremen sẽ thích một cuộc du ngoạn ngoài hành tinh. Một cuộc đột kích trên Giedi Prime - có những lợi thế chiến lược đối với một trò nghi binh như thế, Thufir ạ.”

“Xin làm theo lời ngài, thưa Chúa công.” Hawat quay đi, và Công tước nhận thấy dấu hiệu bồn chồn lo lắng của ông già này, liền nghĩ: *Có thể ông ấy ngờ rằng ta không tin ông ấy. Ông ấy phải biết rằng ta có báo cáo mật về những tên phản bội. Thế đấy- tốt nhất là ngay lập tức làm lắng dịu nỗi sợ hãi của ông ấy.*

“Thufir này,” ông nói, “vì ông là một trong số rất ít người ta có thể tin tưởng tuyệt đối, có một vấn đề khác cần thảo luận. Cả hai ta đều biết phải luôn canh phòng nghiêm ngặt như thế nào để ngăn chặn những tên phản bội len lỏi vào lực lượng của chúng ta... nhưng ta có hai bản báo cáo mới.”

Hawat quay lại, nhìn ông chăm chăm.

Leto kể lại những chuyện Paul đã kể cho ông nghe.

Đáng lẽ phải làm cho vị Mentat tập trung cao độ thì bản báo cáo lại chỉ làm tăng thêm sự lo âu của Hawat.

Leto quan sát ông, rồi nói ngay: “Ông đang che giấu chuyện gì đó, ông bạn già. Lẽ ra tôi đã phải nghi ngờ khi thấy ông lo lắng đến vậy trong suốt cuộc họp Ban tham mưu. Có vấn đề gì mà lại quá gay gắt đến mức ông không thể trút ra trước đông đủ bàn họp như vậy?”

Đôi môi nhuộm màu sapho của Hawat mím lại nghiêm nghị, thành một đường thẳng với những nếp nhăn nhỏ xíu châu vào chúng. Khi ông nói,

chúng vẫn giữ nguyên những nếp nhăn cứng nhắc: “Thưa Chúa công, tôi không rõ phải bắt đầu chuyện này như thế nào.”

“Chúng ta đã cùng nhau trải qua nhiều nỗi đau, Thufir,” Công tước nói. “Ông biết ông có thể đề cập đến *bất cứ* chuyện gì với tôi mà.”

Hawat vẫn nhìn ông chằm chằm, suy nghĩ: *Đây là lý do ta thích ông ấy nhất. Đây là một người đáng trọng, người xứng đáng với tất cả lòng trung thành và sự phục vụ của ta. Tại sao ta phải làm tổn thương ông ấy?*

“Thế nào?” Leto hỏi gặng.

Hawat nhún vai. “Nó là một mẫu thư nhỏ. Chúng tôi lấy nó từ người liên lạc Harkonnen. Bức thư gửi cho một đặc vụ có tên là Pardee. Chúng tôi có lý do chính đáng để tin rằng Pardee là người đứng đầu tổ chức bí mật Harkonnen ở đây. Bức thư - nó có thể mang tầm quan trọng lớn lao mà cũng có thể không. Nó dễ bị hiểu theo nhiều cách khác nhau.”

“Nội dung tế nhị của bức thư này là gì?”

“Một mẫu thư thôi, thưa Ngài. Không hoàn chỉnh. Nó được viết trên phim minimic có kèm viên nang tự hủy thông thường. Chúng tôi đã làm ngưng tác động bằng axit ngay trước lúc bức thư sắp bị xóa sạch, chỉ còn lại một mẫu nhỏ. Tuy nhiên cái mẫu còn lại đó lại gợi mở nhiều điều.”

“Sao?”

Hawat xoa môi. “Nó nói: ‘... eto sẽ không bao giờ nghi ngờ, và khi cú đòn ập xuống ông ta từ bàn tay yêu dấu, chỉ một đòn ấy thôi cũng đủ hạ gục ông ta.’ Bức thư có đóng dấu của chính Nam tước và tôi vừa xác nhận con dấu đó.”

“Sự nghi ngờ của ông rất rõ ràng,” Công tước nói, và giọng ông bất ngờ trở nên lạnh lẽo.

“Tôi thà chặt tay mình đi còn hơn là làm Ngài tổn thương,” Hawat nói.

“thưa Chúa công, giá như...”

“Lệnh bà Jessica,” Leto nói, và ông cảm thấy cơn tức giận bùng bùng thiêu đốt ông. “Ông không thể moi được sự thật từ tên Pardee này à?”

“Thật không may, khi chúng tôi chặn được gã đưa thư thì tên Pardee không còn sống nữa. Tôi tin chắc gã đưa thư đó chẳng biết hắn đang mang cái gì đâu.”

“Ta hiểu.”

Leto lắc đầu, nghĩ: *“Thật là một mẩu chuyện nhơ nhớp. Chẳng có gì đúng trong đấy cả. Ta hiểu người phụ nữ của ta.”*

“Thưa Chúa công, liệu...”

“Không!” Công tước quát lên. “Có một sai lầm ở đây...”

“Chúng ta không thể phớt lờ chuyện này, thưa Ngài.”

“Cô ấy đã ở với ta mười sáu năm trời! Có vô số cơ hội để... Chính ông đã điều tra ngôi trường và người phụ nữ ấy!”

Hawat chua chát nói: “Người ta cũng biết xưa nay từng có những chuyện mà tôi không phát hiện ra.”

“Không thể như thế được, ta nói cho ông biết! Bọn Harkonnen muốn tiêu diệt dòng họ Atreides - cũng có nghĩa là Paul. Bọn chúng đã thử một lần rồi. Có thể nào một người đàn bà lại âm mưu sát hại chính con trai mình?”

“Có thể cô ấy không âm mưu sát hại con mình. Và vụ tấn công ngày hôm qua có thể là một sự giả vờ khôn khéo.”

“Không thể là giả vờ được.”

“Thưa Chúa công, cô ấy không được người ta cho biết cha mẹ mình là ai,

nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu cô ấy biết? Điều gì sẽ xảy ra nếu cô ấy là một đứa trẻ mồ côi, hay nói cách khác là bị một người trong họ Atreides làm cho mồ côi?”

“Lẽ ra cô ấy phải hành động từ lâu rồi mới phải. Chết độc trong đồ uống của ta... con dao găm nhỏ trong đêm. Ai có cơ hội tốt hơn đây?”

“Bọn Harkonnen định *hủy hoại* Ngài, thưa Chúa công. Mục đích của bọn chúng không chỉ là giết người thôi đâu. Có một loạt những khác biệt tinh tế trong kanly. Đây có thể là cả một tác phẩm nghệ thuật trong số những mối thù máu.”

Đôi vai Công tước sụp xuống. Ông nhắm mắt, trông già nua và mệt mỏi. *Không thể thế được*, ông nghĩ. *Người phụ nữ ấy đã mở cánh cửa trái tim của cô ấy cho ta.*

“Có cách nào hủy hoại ta hay hơn cách gieo sự nghi ngờ vào người đàn bà ta yêu?” ông hỏi.

“Tôi vừa nghĩ ra một cách giải thích,” Hawat nói. “Tuy nhiên...”

Công tước mở mắt, nhìn chằm chằm vào Hawat mà nghĩ: *Cứ mặc cho ông ấy nghi ngờ. Nghi ngờ là nghề của ông ấy, không phải của ta. Có lẽ nếu ta tỏ vẻ tin vào chuyện này, điều đó sẽ khiến một người khác sơ suất.*

“Ông nghĩ ra điều gì?” Công tước thì thầm.

“Từ bây giờ sẽ giám sát liên tục, thưa Chúa công. Cô ấy sẽ bị canh chừng mọi nơi mọi lúc. Tôi sẽ bảo đảm thực hiện việc này một cách kín đáo. Idaho là lựa chọn lý tưởng cho công việc này. Có lẽ quãng một tuần nữa chúng ta có thể đưa anh ấy về. Có một thanh niên đang được huấn luyện trong đơn vị của Idaho có thể là người lý tưởng để chúng ta cử đến chỗ người Fremen thay cho Idaho. Anh ta là người có khiếu ngoại giao.”

“Đừng gây nguy hiểm cho vị trí chắc chắn của chúng ta bên người Fremen.”

“Tất nhiên là không rồi, thưa Chúa công.”

“Thế còn Paul thì sao?”

“Có lẽ chúng ta nên cảnh báo bác sĩ Yueh.”

Leto quay lưng lại Hawat. “Ta giao việc này vào tay ông.”

“Tôi sẽ hành động thật thận trọng, thưa Chúa công.”

Ít nhất ta còn có thể hy vọng vào điều đó, Leto nghĩ. Ông nói: “Bây giờ ta sẽ đi dạo, nếu ông cần gặp ta, ta chỉ quanh quẩn gần đây thôi. Đội bảo vệ có thể...”

“Thưa Chúa công, trước khi ngài đi, tôi có một đoạn phim mà ngài nên xem. Đó là bản phân tích gần đúng đầu tiên về tôn giáo Fremen. Ngài chắc hẳn còn nhớ ngài đã yêu cầu tôi báo cáo về chuyện này.”

Công tước dừng bước, ông nói mà không quay lại. “Việc này không để sau được sao?”

“Tất nhiên là không rồi, thưa Chúa công. Ngài đã hỏi họ hét cái gì vậy. Đó là ‘Mahdi!’ Họ hướng cái từ này vào cậu chủ trẻ. Khi họ...”

“Vào Paul ư?”

“Đúng vậy, thưa Chúa công. Ở nơi này họ có một truyền thuyết, một lời tiên tri, rằng một thủ lĩnh, người con của một Bene Gesserit, sẽ đến với họ để dẫn dắt họ giành lấy tự do đích thực. Chuyện này theo đúng khuôn mẫu quen thuộc về đấng cứu tinh.”

“Họ nghĩ Paul là đấng... đấng...”

“Họ chỉ hy vọng thôi, thưa ngài.” Hawat đưa ra một chiếc hộp đựng trích đoạn phim.

Công tước cầm lấy, nhét vào túi. “Ta sẽ xem sau.”

“Tất nhiên rồi, thưa Chúa công.”

“Bây giờ, ta cần thời gian để... suy nghĩ.”

“Vâng, thưa Chúa công.”

Công tước thở dài sườn sượt, sải bước qua cánh cửa. Ông rẽ phải xuống đại sảnh, bắt đầu đi dạo, tay chấp sau lưng, chẳng mấy quan tâm mình đang ở đâu. Có các hành lang, cầu thang, ban công, tiền sảnh... những người cúi chào và đứng về một phía nhường lối cho ông.

Cuối cùng ông quay lại phòng họp, nhận thấy căn phòng chìm trong bóng tối và Paul đang nằm ngủ trên bàn, đắp áo choàng của một người bảo vệ, một chiếc túi đựng đồ lặt vặt kê làm gối. Công tước bước thật nhẹ dọc căn phòng rồi đi ra ngoài ban công nhìn xuống sân đáp. Một người bảo vệ đứng ở góc ban công, nhận ra Công tước nhờ ánh sáng yếu ớt phản chiếu từ sân đáp, liền vội vã đứng nghiêm.

“Nghỉ!” Công tước thì thầm. Ông dựa vào thành lan can bằng kim loại lạnh lẽo.

Sự im lặng trước lúc rạng đông bao trùm vùng lòng chảo sa mạc. Ông ngược mắt lên. Ngay trên đầu ông, dải ngôi sao như chiếc khăn choàng lấp lánh những đồng xu bạc phủ trùm lên màu xanh đen. Ở dưới thấp nơi chân trời phía Nam, mặt trăng thứ hai của đêm ló ra qua màn bụi mỏng - một mặt trăng hoài nghi nhìn ông với ánh sáng đầy ngờ vực.

Trong khi Công tước ngấm nhìn, mặt trăng lặn xuống dưới những vách đá Tường Chấn, rắc ánh sáng bạc như sương giá lên mặt đá, và trong bóng đêm đột nhiên đen đặc, ông cảm thấy ớn lạnh. Ông rùng mình.

Cơn giận dữ vụt qua ông.

Đây sẽ là lần cuối bọn Harkonnen cản trở, săn đuổi và lòng sục ta, ông

nghĩ. *Bọn chúng là một đống phân với cái não trạng của tay lý trưởng nhà quê. Ở đây ta sẽ gây dựng chỗ đứng cho mình!* Và ông nghĩ với chút đau buồn: *Ta phải thống trị bằng mắt và móng vuốt - như con chim ưng ở giữa những con chim bé hơn.* Vô tình bàn tay ông chạm nhẹ vào huy hiệu con chim ưng trên ngực áo.

Phía Đông, bóng tối ngả sang màu xám nhạt, rồi thành màu trắng đục như vỏ ốc làm các ngôi sao mờ dần. Bình minh từ từ lộ dạng báo hiệu một ngày mới, dần tỏa sáng ngang qua đường chân trời nhấp nhô.

Một khung cảnh thật đẹp, thu hút toàn bộ sự chú ý của ông.

Có vài thứ giống nhau khôn tả, ông nghĩ.

Ông chưa bao giờ tưởng tượng ra ở nơi đây có bất cứ thứ gì có thể đẹp như đường chân trời đỏ lỏm chỏm và những vách núi màu tía, màu hoàng thổ đỏ. Phía ngoài sân đáp nơi màn sương đêm mờ nhạt đã mang lại sự sống và thúc cho hạt giống của Arrakis sớm đâm chồi, ông nhìn thấy những vùng nước lớn ngập tràn hoa đỏ, và chạy ngang qua chúng là một vết tím rõ mồn một... như những dấu chân của người khổng lồ.

“Thật là một buổi sáng tươi đẹp, thưa Chúa công,” người bảo vệ nói.

“Đúng thế, thật tươi đẹp.”

Công tước gật đầu nghĩ: *Có lẽ hành tinh này có thể đơm hoa kết trái. Nó có thể là một mái ấm cho con trai ta.*

Rồi ông thấy những bóng người đi vào những cánh đồng hoa, dùng các thiết bị lạ lùng giống như chiếc hái mà quét qua quét lại - những người gom sương.

Ở đây nước quý giá đến mức thậm chí sương cũng phải gom lại.

Và nó có thể là một nơi chẳng dễ chịu gì, Công tước nghĩ.

Có lẽ không khoảnh khắc bùng nổ nào đáng sợ hơn khoảnh khắc ta khám phá ra rằng cha ta là một con người - với xương thịt con người.”

- trích “Tuyển dụ ngôn của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Công tước nói: “Paul này, cha đang làm một việc đáng ghét, nhưng cha buộc phải làm.” Ông đứng gần chiếc máy dò độc được xách tay đã được mang vào phòng họp từ lúc họ ăn sáng. Những cánh tay cảm biến của chiếc máy treo mềm oặt phía trên bàn, khiến Paul liên tưởng tới mấy con sâu kỳ lạ vừa mới chết.

Công tước hướng sự chú ý vào sân đáp tàu ngoài cửa sổ và đám bụi mù mịt tương phản với bầu trời sớm mai.

Trước mặt Paul có một máy xem phim đèn chiếu chứa đoạn phim ngắn về những phong tục tôn giáo Fremen. Một trong những chuyên gia của Hawat đã biên soạn nó và Paul nhận thấy chính cậu cũng bối rối vì nó có nhắc tới cậu.

“*Mahdi!*”

“*Lisan al-Gaib!*”

Cậu có thể nhắm mắt mà nhớ lại tiếng hò hét của đám đông. *Vậy ra đó chính là cái họ hy vọng*, cậu nghĩ. Và cậu nhớ lại điều Mẹ Chí tôn đã nói: Kwisatz Haderach. Những ký ức đó khơi dậy cảm xúc của cậu về cái mục đích kinh khủng, trù lên thế giới xa lạ này những cảm giác quen thuộc mà cậu không thể hiểu.

“Một việc đáng ghét,” Công tước nói.

“Cha muốn nói gì vậy, thưa cha?”

Leto quay lại nhìn con. “Vì bọn Harkonnen tưởng có thể đánh lừa được

cha bằng cách làm cha nghi ngờ mẹ con. Bọn chúng không biết ta đã sớm nghi ngờ chính mình.”

“Con không hiểu, thưa cha.”

Leto lại nhìn ra ngoài cửa sổ. Mặt trời trắng đã đi được một phần tư đoạn đường buổi sáng. Ánh sáng trắng ngà soi rõ những đám bụi sôi sục tràn vào các hẻm núi cụt đạn cài với Tường Chấn.

Chầm chậm, nói thật khẽ để kiểm chế cơn giận, Công tước giải thích cho Paul về bức thư bí ẩn.

“Giá mà cha nghi ngờ con thì tốt hơn,” Paul nói.

“Chắc bọn chúng nghĩ là đã thành công,” Công tước nói. “Chắc bọn chúng tưởng cha là kẻ ngu ngốc lắm. Chúng ta phải làm cho nó giống như thật vậy. Ngay cả mẹ con cũng không được phép biết sự giả vờ này.”

“Nhưng, thưa cha! Tại sao ạ?”

“Mẹ con không được phản ứng bằng cách hành động. Ôi, mẹ con có khả năng đưa ra hành động quan trọng nhất... nhưng có quá nhiều điều tùy thuộc vào hành động đó. Ta hy vọng sẽ phát hiện ra tên phản bội. Nên ta phải ra vẻ như đã hoàn toàn bị đánh lừa. Cách này ắt làm mẹ con tổn thương, nhưng là để cô ấy không phải chịu tổn thương lớn hơn.”

“Tại sao cha lại cho con biết, thưa Cha? Có thể con sẽ để lộ chuyện này.”

“Trong chuyện này bọn chúng sẽ không canh chừng con,” Công tước nói. “Con hãy giữ bí mật. Con phải làm thế.” Ông đi ra chỗ cửa sổ, nói mà không quay lại. “Làm theo cách này thì nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra với cha, con có thể kể sự thật cho mẹ con - rằng ta không bao giờ nghi ngờ mẹ con, dù là trong chốc lát. Ta muốn mẹ con biết điều đó.”

Paul nhận ra những suy nghĩ chết chóc trong lời nói của cha, cậu nói

nhanh: “Sẽ không có chuyện gì xảy ra với cha. Cái...”

“Đừng nói nữa, Con trai.”

Paul nhìn chằm chằm vào lưng cha, nhận ra sự mệt mỏi trong tư thế của cổ, đường nét của đôi vai và những cử động chậm chạp của ông.

“Cha chỉ mệt thôi, thưa Cha.”

“Ta có mệt,” Công tước đồng ý. “Ta mệt mỏi về tinh thần. Có lẽ rất cuộc sự suy thoái đáng buồn của các Đại Gia tộc đã làm ta u uất. Thế mà trước đây chúng ta thật hùng mạnh biết bao.”

Paul nói trong sự giận dữ: “Gia tộc của chúng ta không suy thoái!”

“Không ư?”

Công tước quay lại, đối diện với con trai, đôi mắt nghiêm khắc lộ rõ quầng thâm, miệng nhếch lên vẻ hoài nghi. “Lẽ ra ta nên cưới mẹ con, để mẹ con trở thành Công tước Phu nhân. Nhưng... tình trạng chưa vợ của ta mang đến cho một số Gia tộc niềm hy vọng rằng họ vẫn có thể kết thông gia với ta nhờ những đứa con gái đủ tuổi kết hôn của họ.” Ông nhún vai. “Vì vậy, ta...”

“Mẹ đã giải thích chuyện này với con.”

“Không gì chiếm được lòng trung thành dành cho một thủ lĩnh hơn đáng về anh hùng đảm lược,” Công tước nói. “Vì vậy, ta đang rèn luyện đáng về anh hùng đảm lược.”

“Cha chỉ huy rất cừ,” Paul xác nhận. “Cha cai trị rất giỏi. Mọi người tự nguyện đi theo cha và họ yêu cha.”

“Lực lượng tuyên truyền của ta là một trong những đơn vị xuất sắc nhất.” Công tước nói. Ông lại quay người nhìn ra lòng chảo. “Ở Arrakis này, tiềm năng dành cho chúng ta lớn hơn nhiều so với dự tính của Đế quốc. Tuy nhiên có những lúc ta nghĩ nếu chúng ta chạy trốn, trở thành kẻ

phản loạn thì sẽ tốt hơn. Thỉnh thoảng ta ước chúng ta có thể hòa mình vào mọi người, không ai biết ta là ai, bớt phơi bày ra...”

“Cha!”

“Phải, ta mệt mỏi rồi,” Công tước nói. “Con có biết chúng ta đang sử dụng bã hương được làm nguyên liệu thô và đã có nhà máy sản xuất giấy phim của chính chúng ta không?”

“Sao cơ?”

“Chúng ta không được để thiếu giấy phim,” Công tước nói. “Nếu không, làm sao ta có thể làm cho từng làng mạc, từng thành phố tràn ngập thông tin của chúng ta? Người dân phải biết cha cai trị họ giỏi đến thế nào. Làm sao họ biết nếu chúng ta không nói cho họ?”

“Cha nên nghỉ một chút,” Paul nói.

Một lần nữa, Công tước nhìn thẳng vào mặt con trai. “Arrakis còn có một lợi thế nữa mà cha hầu như đã quên mất không nhắc tới. Thứ gì ở xứ này cũng đều có hương được. Con hít lấy hương được và ăn nó gần như từ tất cả mọi thứ. Và cha phát hiện ra rằng điều này đã đem đến một sự miễn dịch tự nhiên nào đó đối với một số độc được phổ biến nhất có tên trong Sổ tay Sát thủ. Và cái nhu cầu theo dõi sát sao mỗi một giọt nước khiến cho mọi ngành sản xuất thực phẩm - cấy men bia, trồng cây trong nước, chemavit, tất tần tật - đều bị giám sát nghiêm ngặt. Chúng không thể giết sạch các bộ phận dân cư đông đúc của chúng ta bằng chất độc, và chúng ta cũng không thể bị tấn công theo cách này. Arrakis khiến chúng ta biết phân biệt phải trái và hành xử đúng đắn.”

Paul định nói, nhưng Công tước đã chặn lại để nói tiếp: “Cha phải có một ai đó để nói những chuyện này, Con ạ.” Ông thở dài, nhìn lại quang cảnh khô cằn mà giờ đây đến cả hoa cũng đã chết - bị giẫm nát dưới chân những người gop sương, héo rũ dưới mặt trời sớm mai.

“Ở Caladan, chúng ta cai trị bằng sức mạnh của không khí và biển,” Công tước nói. “Còn ở đây, chúng ta phải quờ quạng tìm kiếm sức mạnh

sa mạc. Con phải tiếp tục việc này, Paul ạ. Con sẽ ra sao nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra với cha? Con sẽ không phải một Gia tộc phản loạn, mà là một Gia tộc du kích - chạy trốn, bị săn đuổi.”

Paul mò mẫm tìm lời, nhưng không tìm được câu nào để nói. Cậu chưa bao giờ thấy cha nản lòng đến thế.

“Để giữ Arrakis,” Công tước nói, “người ta phải đối mặt với những quyết định có thể khiến họ phải trả giá bằng chính lòng tự trọng của mình.” Ông chỉ ra ngoài cửa sổ tới chỗ ngọn cờ Atreides xanh đen treo lả lướt trên một cây cột ở rìa sân đáp. “Cái ngọn cờ danh giá kia có thể dẫn đến nhiều chuyện xấu xa.”

Paul nuốt khan. Những lời của cha cậu thật vô nghĩa, một cảm thức về định mệnh khiến cậu nghe trống rỗng trong lồng ngực.

Công tước lấy một viên thuốc chống mệt mỏi từ trong túi ra rồi nuốt luôn không uống nước. “Sức mạnh và nỗi sợ hãi,” ông nói. “Những công cụ của thuật trị quốc. Ta phải ra lệnh cho họ chú trọng hơn đến việc đào tạo thuật du kích cho con. Cái đoạn phim ở đằng kia - bọn họ gọi con là ‘Mahdi’ - ‘Lisan al-Gaib’ - con có thể lợi dụng nó, như một phương sách cuối cùng.”

Paul nhìn cha chăm chú, quan sát đôi vai cha thẳng hơn lên khi viên thuốc phát huy tác dụng, nhưng nhớ lại những lời nói đầy sợ hãi và hoài nghi.

“Nhà sinh thái học đang nắm giữ cái gì vậy?” Công tước thì thầm. “Ta đã bảo Thufir sớm đưa ông ta đến đây.”

Một hôm, cha ta, Hoàng đế Padishah, cầm lấy tay ta, và theo những cách mà mẹ đã dạy ta, ta cảm thấy cha đang bối rối. Cha dẫn ta xuống Sảnh Chân dung nơi có bức chân ngà ảnh của Công tước Leto Atreides. Ta chú ý đến sự giống nhau đặc biệt giữa họ - cha ta và người đàn ông trong tranh - cả hai đều có gương mặt gầy, tao nhã, đôi mắt lạnh lẽo nổi bật trên những đường nét sắc nhọn. “Này Công chúa con,” cha ta nói, “ta muốn con trưởng thành hơn vào thời điểm người đàn ông này chọn vợ.” Hồi đó cha ta bảy mươi một tuổi nhưng trông ông không già hơn người đàn ông trong ảnh, còn ta mới mười bốn tuổi, tuy nhiên ta vẫn nhớ ngay lúc ấy mình đã suy đoán rằng cha ta thậm chí ước Công tước là con ông, và ông căm ghét những lý do chính trị cần thiết đã khiến họ thành kẻ thù.

- trích “Trong Gia tộc cha ta” của Công chúa Irulan

Cuộc chạm trán đầu tiên giữa Tiến sĩ Kynes và những người mà ông được lệnh phải phản bội đã khiến ông sửng sốt. Ông tự hào rằng mình là một nhà khoa học mà đối với ông truyền thuyết chẳng qua là các đầu mối thú vị chỉ dẫn tới những cội nguồn văn hóa. Tuy nhiên cậu bé khớp với lời tiên tri cổ một cách quá ư chính xác. Nó có “đôi mắt dò hỏi”, và cái kiểu cách “vừa thẳng thắn vừa kín đáo”.

Tất nhiên lời tiên tri vẫn có chỗ mơ hồ, nó không nói rõ Mẹ Tạo hóa sẽ mang Nhà tiên tri theo với Người hay sẽ tạo ra Nhà tiên tri trên sân khấu. Tuy nhiên, có một sự tương ứng kỳ quặc giữa lời tiên tri với những người này.

Họ gặp nhau vào giữa buổi sáng bên ngoài tòa nhà hành chính của sân đáp tàu. Một chiếc tàu chim chẳng có gì đáng chú ý đậu gần đấy, kêu vo vo ở chế độ trực chiến giống như con sâu buồn ngủ. Một vệ sĩ Atreides đứng cạnh nó, gươm tuốt trần, lá chắn bảo vệ gây nhiều loạn nhẹ bầu không khí quanh anh ta.

Kynes nhếch mép cười trước cái mẫu hình lá chắn đó, ông nghĩ: *Ở điếm này thì Arrakis có một sự ngạc nhiên dành cho họ đây!*

Nhà sinh thái học giơ tay ra hiệu cho đội bảo vệ Fremen của ông rút lui. Ông sải bước về phía lối vào tòa nhà - một cái lỗ tối om trên mặt đá phủ nhựa. *Quá lộ liễu, cái tòa nhà bằng đá nguyên khối này, ông nghĩ. Thật không phù hợp cho một sào huyệt.*

Những chuyển động ở lối vào thu hút sự chú ý của ông. Ông dừng lại, tranh thủ lúc này để chỉnh áo choàng và bộ sa phục nơi vai trái.

Cánh cửa ra vào mở rộng ra. Đội bảo vệ Atreides xuất hiện nhanh như chớp, tất cả đều trang bị vũ khí đến tận răng - nào là súng bắn phi tiêu chậm, nào gươm, nào tấm chắn. Từ đằng sau họ một người đàn ông cao lớn bước ra, nét mặt chim ưng, da và tóc sẫm màu. Ông ta mặc áo choàng jubba có phù hiệu Atreides trên ngực, và cái cách ông ta mặc nó đã tiết lộ rằng ông ta không quen với loại quần áo này. Nó dính sát vào hai bên ống quần bộ sa phục, thiếu sự nhịp nhàng đu đưa theo bước chân.

Đi bên cạnh người đàn ông là một thiếu niên có mái tóc sẫm màu giống ông ta, nhưng khuôn mặt tròn hơn. Cậu thiếu niên có vẻ nhỏ con so với cái tầm mười lăm mà Kynes biết vốn là tuổi cậu. Nhưng thân hình trẻ trung đó mang dáng vẻ chỉ huy, toát lên sự tự tin đỉnh đặc, như thể cậu ta nhìn và thấu hiểu mọi chuyện xung quanh trong khi những người khác thì không. Cậu mặc áo choàng cùng kiểu với áo người cha, tuy nhiên sự thoải mái ung dung khiến người ta nghĩ cậu bé đó vẫn luôn mặc những kiểu quần áo như thế.

“Mahdi sẽ ý thức về những thứ mà người khác không thể nhìn thấy,” lời tiên tri nói.

Kynes lắc đầu, tự nhủ: *Bọn họ chỉ là con người thôi.*

Đến cùng hai người này, cũng mặc quần áo sa mạc giống họ, còn có một người mà Kynes nhận ra - Gurney Halleck. Kynes hít một hơi sâu để làm lắng dịu nỗi oán giận dành cho Halleck, người đã chỉ dẫn tường tận cho ông biết phải *cư xử* như thế nào đối với Công tước và người thừa kế tước Công.

“Ông có thể gọi Công tước là ‘thưa Chúa công’ hoặc ‘Thưa Ngài’. ‘Tôn ông’ cũng được, nhưng cách xưng hô này thường dùng trong những trường hợp trang trọng hơn. Cậu con trai thì có thể gọi là ‘Thiếu chủ’ hoặc ‘Công tử’. Công tước là người khoan dung, nhưng ngài không cho phép có chút suồng sã nào.”

Và Kynes nghĩ trong lúc quan sát nhóm người tiến lại gần: *Họ sẽ sớm biết trên Arrakis ai mới là chủ. Ra lệnh lão Mentat kia tra vấn ta suốt cả nửa đêm ư? Trông chờ ta dẫn họ đi khảo sát mở khai thác hương được ư?*

Ý nghĩa trong những câu hỏi của Hawat bám riết lấy Kynes. Họ muốn các căn cứ của Đế quốc. Và rõ ràng họ biết về các căn cứ đó nhờ Idaho.

Ta sẽ buộc Stilgar gửi đầu Idaho đến cho lão Công tước này, Kynes tự nhủ.

Nhóm người của Công tước chỉ còn cách vài bước, những đôi chân xỏ boots sa mạc nghiêng lạo xạo trên cát.

Kynes cúi mình. “Xin kính chào Công tước.”

Trong khi tiến lại gần người đàn ông đứng đơn độc bên chiếc tàu chim, Leto quan sát ông ta: cao, gầy, áo choàng sa mạc rộng lưng thùng, mặc sa phục, đi boots cổ thấp. Mũ trùm đầu của người đàn ông lật ra sau, khăn che mặt lơ lửng một bên mũ, để lộ mái tóc hung dài, bộ râu lơ thơ. Đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh khó dò hỏi dưới hàng lông mày rậm. Phần còn lại của những vết biến màu tối thẫm làm hoen bầm hốc mắt ông ta.

“Ông là nhà sinh thái học,” Công tước nói.

“Ở đây chúng tôi thích cái từ cổ xưa này hơn, thưa Chúa công,” Kenes nói. “Nhà hành tinh học.”

“Cứ xưng hô như ông muốn,” Công tước nói. Ông nhìn xuống Paul. “Này con, đây là Phán quan Phụ trách Thay đổi, người phân xử các cuộc tranh

cãi, ở đây ông ấy chịu trách nhiệm trông coi việc tuân thủ các tục lệ trong khi chúng ta tiếp quản thái ấp này.” Ông nhìn Kynes. “Đây là con trai ta.”

“Chào Thiếu chủ,” Kynes nói.

“Ông là người Fremen à?” Paul hỏi.

Kynes mỉm cười. “Cả sietch và làng mạc đều thừa nhận tôi, thưa Thiếu chủ. Nhưng tôi là người phục vụ Hoàng đế, nhà hành tinh học Hoàng gia.”

Paul gật đầu, cảm thấy ấn tượng sâu sắc trước vẻ mạnh mẽ của người đàn ông này. Halleck đã chỉ cho Paul thấy Kynes từ ô cửa sổ trên cao của tòa nhà hành chính: “Người đàn ông đứng dưới kia cùng đội hộ tống người Fremen - người đang đi về phía tàu chim ấy.”

Paul đã quan sát Kynes bằng ống nhòm một lúc, lưu ý nét mặt nghiêm nghị, khuôn miệng ngay ngắn, vầng trán cao. Halleck đã ghé vào tai Paul nói: “Một gã kỳ quặc. Có một cách nói chính xác - cắt ra mà không để lại một vết xơ nào ở mép - sắc như dao cạo.”

Còn Công tước đứng đằng sau họ nói: “Một mẫu người khoa học.”

Giờ đây, chỉ đứng cách người đàn ông vài bước chân, Paul cảm nhận được uy lực trong con người Kynes, sức ảnh hưởng của cá nhân ông ta, như thể ông ta mang trong mình dòng máu hoàng gia, là một nhà chỉ huy bẩm sinh.

“Ta biết bọn ta phải cảm ơn ông về những bộ sa phục và áo choàng mà ông gửi tặng,” Công tước nói.

“Tôi hy vọng là chúng vừa vặn, thưa Chúa công,” Kynes nói. “Người Fremen đã cắt may sát nhất theo số đo mà người của Ngài, ông Halleck đây, đã đưa cho tôi.”

“Ta đã quan tâm khi ông nói ông không thể đưa bọn ta vào sa mạc trừ phi bọn ta mặc những quần áo này,” Công tước nói. “Ta có thể mang theo

nhiều nước. Bọn ta không có ý định đi lâu ngày và sẽ có lực lượng không quân yểm trợ - là đội hộ tống mà ông thấy đang ở ngay trên đầu đấy. Chưa chắc bọn ta sẽ buộc phải hạ cánh.”

Kynes nhìn ông chằm chằm, quan sát cái thân hình chứa đầy nước đó. Ông ta lạnh lùng nói: “Ngài đừng bao giờ nói về khả năng này nọ trên Arrakis. Hãy chỉ nói về xác suất những điều có thể xảy ra.”

Halleck cứng rắn. “Phải xưng hô với Công tước là Thưa Chúa công hoặc Thưa Ngài!”

Leto dùng tay ra hiệu cho Halleck dừng lại bằng tín hiệu riêng giữa họ, rồi nói: “Ở đây cách xưng hô này còn xa lạ, Gurney. Chúng ta phải chiếu cố cho ông ấy.”

“Thưa vâng.”

“Bọn ta mang ơn ông, Tiến sỹ Kynes,” Leto nói. “Bọn ta sẽ ghi nhớ về những bộ quần áo này và về sự quan tâm đối với sức khỏe của bọn ta.”

Bất chợt bị thôi thúc từ bên trong, Paul nhớ lại câu trích dẫn trong Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam, bèn nói: “‘Món quà là phúc lành của dòng sông’.”

Những lời đó vang lên trong bầu không khí tĩnh lặng. Đang ngồi nghỉ ngơi, đội hộ tống Fremen mà Kynes cho nán lại trong bóng râm của tòa nhà hành chính liền bật dậy, thì thầm trong tâm trạng phấn khích thấy rõ. Một người kêu lên: “Lisan al-Gaib!”

Kynes quay người, đưa tay làm một tín hiệu cắt ngang cộc lốc, xua đội bảo vệ đi. Họ lùi lại, càu nhàu rồi bước ra xa, đi vòng quanh tòa nhà.

“Thật thú vị,” Leto nói.

Kynes hướng cái nhìn chằm chằm nghiêm nghị vào Công tước và Paul rồi nói: “Hầu hết dân sa mạc bản địa ở đây là một lũ mê tín. Đừng chú ý đến họ. Họ không gây hại gì cả.” Nhưng ông nghĩ về những lời trong truyền

thuyết: “Họ sẽ chào đón Người bằng những Từ Thiên và món quà của Người sẽ là một phúc lành.”

Sự đánh giá của Leto về Kynes - một phần dựa trên bản báo cáo miêng ngắn gọn (thận trọng và đầy nghi ngờ) của Hawat - bất giác trở nên hoàn toàn sáng tỏ: kẻ này *quả thực* là người Fremen. Kynes đến cùng đội hộ tống người Fremen, điều đó chỉ có thể hiểu rằng người Fremen đang thử nghiệm quyền tự do họ mới có trong việc ra vào những khu vực đô thị - nhưng có vẻ nó là một đội hộ tống danh dự. Và xét theo cung cách hành xử thì Kynes là người cao ngạo, quen tự quyết, miêng lưỡi và thái độ của ông ta chỉ được kiểm soát bởi sự nghi ngờ của chính ông ta. Câu hỏi của Paul thẳng thắn và thích đáng.

Kynes đã trở thành như người bản xứ.

“Chúng ta đi thôi chứ, thưa Chúa công?” Halleck hỏi.

Công tước gật đầu. “Ta sẽ bay trên tàu chim của ta. Kynes có thể ngồi cùng ta ở ghế trước để chỉ đường cho ta. Ông và Paul ngồi ghế sau.”

“Xin đợi một lát,” Kynes nói. “Nếu ngài cho phép, thưa Ngài, tôi phải kiểm tra độ an toàn của bộ quần áo ngài mặc.”

Công tước định nói, nhưng Kynes chặn lại: “Tôi quan tâm đến xương thịt của chính tôi cũng như của ngài... thưa Chúa công. Tôi biết rõ cổ họng ai sẽ bị xẻ toạc ra nếu có sự chẳng lành xảy ra với cha con ngài trong lúc hai người nằm trong sự chăm sóc của tôi.”

Công tước cau mày nghĩ: *Thời điểm này mới tể nhị làm sao! Nếu ta từ chối thì có thể xúc phạm ông ta. Trong khi đây có thể là một người có giá trị với ta đến mức không thể lường hết. Tuy nhiên... có nên để ông ta vào trong tấm chắn của ta, chạm vào người ta khi ta biết quá ít về ông ta không?*

Những suy nghĩ vụt qua đầu ông cùng với quyết định bám theo sát gót. “Bọn ta ở trong tay ông,” Công tước nói. Ông bước lên, phanh áo choàng ra, thấy Halleck kiễng chân lên, trong tư thế sẵn sàng đầy cảnh giác,

nhưng vẫn không rời vị trí. “Nếu ông có lòng tốt như thế,” Công tước nói, “ta sẽ rất cảm kích nếu được nghe lời giảng giải về bộ quần áo này từ một người sống gần bó mật thiết với nó.”

“Tất nhiên rồi,” Kynes nói. Ông đưa tay xuống dưới tấm áo choàng, sờ lên những miếng xi trên vai bộ sa phục, vừa nói vừa kiểm tra bộ quần áo. “Về cơ bản nó là một micro-sandwich - một bộ lọc và hệ thống trao đổi nhiệt hiệu suất cao.” Ông chỉnh những miếng xi ở vai áo. “Lớp tiếp xúc với da có những lỗ nhỏ li ti. Mồ hôi thoát qua đó, làm mát cơ thể... quá trình làm bay hơi gần như bình thường. Hai lớp kế tiếp...” Kynes kéo căng ngực áo cho vừa vặn, “... gồm những sợi dây nhỏ trao đổi nhiệt và kết tủa muối. Muối được tái chế.”

Công tước nhấc hai tay lên khi Kynes ra hiệu, rồi nói: “Thú vị thật.”

“Hãy thở sâu,” Kynes nói.

Công tước làm theo.

Kynes quan sát những tấm xi dưới nách, điều chỉnh một tấm. “Những chuyển động của cơ thể, đặc biệt khi thở,” ông nói, “cùng một số hoạt động thẩm lọc cung cấp lực bơm.” Ông nói lỏng ngực áo ra một chút. “Nước tái chế luân chuyển đến các túi hứng, ngài hút nước từ túi hứng thông qua chiếc ống này, chỗ cái kẹp ở cổ áo.”

Công tước cúi cầm xuống sát ngực để nhìn phần đầu của ống hút. “Thật hiệu quả và tiện lợi,” ông nói. “Một công trình xuất sắc.”

Kynes quỳ xuống, quan sát những tấm xi ở ống quần. “Nước tiểu và phân được xử lý trong những miếng lót đùi,” ông nói rồi đứng lên, sờ bộ phận điều chỉnh cổ áo, nhấc một miếng vành cổ rời ở đó lên. “Giữa sa mạc rộng lớn không có gì che chắn, ngài hãy bật bộ lọc này ngang qua mặt, cái ống này nằm trong lỗ mũi có những đầu ống để đảm bảo vừa khít. Hơi thở đi vào qua bộ lọc ở miệng, đi ra qua ống ở mũi. Với một bộ quần áo Fremen loại tốt, trong một ngày ngài sẽ không mất nhiều hơn một ngậm độ ẩm - ngay cả khi ngài bị mắc kẹt trong Erg Lớn.”

“Một ngậm một ngày,” Công tước nói.

Kynes ấn ngón tay vào miếng đệm trán của bộ quần áo rồi nói: “Cái này có thể hơi cọ vào da. Nếu nó làm ngài khó chịu, xin hãy bảo tôi. Tôi có thể đệm thêm vào cho chặt hơn một chút.”

“Cám ơn ông,” Công tước nói. Ông cử động hai vai dưới lớp áo trong lúc Kynes bước lùi lại, nhận thấy bây giờ chiếc áo đã có vẻ vừa hơn - khít hơn và ít gây khó chịu hơn.

Kynes quay sang Paul. “Nào, hãy để ta ngắm cho cháu, cậu bé.”

Một người được đấy, nhưng ông ta sẽ phải học cách xưng hô đúng mực với cha con ta, Công tước nghĩ.

Paul đứng yên khi Kynes kiểm tra kỹ bộ sa phục. Có một cảm giác kỳ lạ khi mặc bộ quần áo có bề mặt trơn mượt, nhiều nếp gấp này. Trong trạng thái tiên ý thức của cậu, cậu biết chắc chắn mình chưa từng mặc sa phục bao giờ. Thế nhưng, dưới sự hướng dẫn vụng về của Gurney, mỗi thao tác điều chỉnh những bộ phận gắn vào bộ quần áo của cậu đều dường như thật tự nhiên, theo bản năng. Khi cậu siết ngực áo để tác dụng bơm từ hoạt động thở đạt được mức tối đa, cậu hiểu những gì cậu làm và tại sao phải làm thế. Khi chỉnh cổ áo và những miếng đệm trán cho chặt, cậu biết làm thế là để ngăn ngừa những vết rộp da do cọ xát.

Kynes thẳng người lên, lùi lại đằng sau với vẻ bối rối.

“Trước đây cháu đã mặc sa phục rồi à?” ông hỏi.

“Đây là lần đầu tiên.”

“Vậy có ai đó đã giúp cháu điều chỉnh nó?”

“Không ạ.”

“Đôi bốt sa mạc của cháu được cài theo lối xỏ chân ở mắt cá. Ai dạy

cháu làm như thế?”

“Đó là... có vẻ làm như thế là đúng.”

“Chắc chắn là đúng rồi.”

Và Kynes xoa má, nghĩ về câu truyền thuyết: *“Cậu bé sẽ biết những phương pháp của người như thế cậu ta sinh ra là đã biết chúng rồi.”*

“Chúng ta thật lãng phí thời gian,” Công tước nói. Ông ra hiệu về phía chiếc tàu chìm đang đợi, rồi ông dẫn đường, gật đầu đáp lễ với đội bảo vệ chào mình. Ông trèo lên tàu, thắt dây an toàn, kiểm tra các bộ điều khiển và thiết bị. Chiếc tàu kêu cọt két khi những người khác trèo lên.

Kynes thắt dây an toàn, tập trung vào sự thoải mái tiện nghi của chiếc tàu bay - sự xa hoa êm ái của đệm bọc màu xanh xám, những thiết bị bóng loáng, cảm nhận về không khí trong phổi được lọc và làm sạch khi cửa đóng lại và quạt thông khí quay vù vù sinh động.

Thật êm ái! ông nghĩ.

“Tất cả đã sẵn sàng, thưa Chúa công,” Halleck nói.

Leto nấp điện cho các cánh, cảm thấy chúng khum lại và đập xuống - một lần, hai lần. Họ được đưa lên độ cao mười mét, bộ cánh hơi dang thẳng ra, và động cơ rít lên đẩy họ lao vút lên trời gần như theo đường thẳng đứng.

“Về hướng Đông Nam bên trên Tường Chấn,” Kynes nói. “Đó là nơi tôi đã bảo sa chủ của ông tập trung thiết bị.”

“Được rồi.”

Công tước chao nghiêng lao vào giữa nhóm tàu yểm trợ. Các tàu kia di chuyển vào vị trí bảo vệ trong khi bay về phía Đông Nam.

“Việc thiết kế và sản xuất những bộ sa phục này cho ta thấy một sự tinh

vi cao độ,” Công tước nói.

“Một ngày nào đó tôi có thể chỉ cho ngài xem một xưởng sản xuất của sietch,” Kynes nói.

“Ta sẽ thấy rất thú vị,” Công tước nói. “Ta nhận thấy những bộ sa phục đó cũng được sản xuất trong một vài thành phố đồn trú.”

“Hàng nhái chất lượng thấp mà thôi,” Kynes nói. “Bất cứ người Xứ Cát nào coi trọng làn da đều mặc quần áo do người Fremen sản xuất.”

“Và loại quần áo này giúp người ta chỉ lãng phí nước ở mức một hớp một ngày?”

“Hoàn toàn thích hợp, trán ngài được bịt chặt, mọi bộ phận đều được niêm kín một cách hợp lệ, lượng nước thất thoát chủ yếu là qua lòng bàn tay ngài,” Kynes nói. “Ngài có thể đeo găng tay đồng bộ nếu không sử dụng đôi tay vào những việc quan trọng, nhưng hầu hết người Fremen ngoài sa mạc đều chà xát tay bằng chất dịch tiết ra từ lá loài cây bụi creosote. Nó ngăn sự đổ mồ hôi.”

Công tước liếc mắt sang bên trái nhìn khung cảnh gập ghềnh của Tường Chấn - những kẽ nứt sâu của đá bị làm biến dạng, những mảng màu nâu vàng bị cắt ngang bởi các đường đen của đứt đoạn địa chất. Trông như thể có người nào đó thả mảnh đất này rơi từ trên không trung xuống và để mặc nó vỡ tan ở đó.

Họ bay qua một vùng trũng nông, nhìn thấy rõ một đường cát xám từ hẻm núi hướng ra phía Nam kéo tới, vắt ngang lòng chảo. Cát kéo thành từng vệt giống như ngón tay đan vào khu đất trũng - một vùng châu thổ khô cằn in rõ lên khối đá màu sẫm.

Kynes ngồi dịch về phía sau, nghĩ về cái thân hình chứa đầy nước mà ông đã cảm thấy bên dưới sa phục. Bọn họ mang thắt lưng đeo tấm chắn trên áo choàng, súng bắn phi tiêu giắt ở thắt lưng, bộ thu phát tín hiệu khẩn cấp to cỡ đồng xu trên dây gai nhỏ vòng quanh cổ. Hai cha con Công tước đều mang dao đứt trong vỏ giấu nơi cổ tay, vỏ dao có vẻ mòn nhiều.

Những người này gây cho Kynes ấn tượng về một sự kết hợp kỳ lạ giữa sức mạnh vũ trang và sự mềm dẻo. Họ có một tư thế đỉnh đạc, khác hẳn bọn Harkonnen.

“Khi báo cáo với Hoàng đế về sự thay đổi chính quyền ở đây, ông sẽ nói rằng bọn ta đã tuân theo các tục lệ chứ?” Leto hỏi. Ông liếc nhìn Kynes, rồi quay trở lại lộ trình trước mặt.

“Nhà Harkonnen ra đi; ngài đến,” Kynes nói.

“Và mọi thứ diễn ra đúng cách chứ?” Leto hỏi.

Một thoáng căng thẳng ngấn ngủi hiện lên trong nét căng cơ dọc quai hàm Kynes. “Là nhà hành tinh học và Phán quan Phụ trách Thay đổi, tôi là một thần dân ngay thẳng của Đế quốc... thưa Chúa công.”

Công tước mỉm cười cứng rắn. “Nhưng cả hai chúng ta đều hiểu rõ thực tại.”

“Tôi xin nhắc nhở ngài rằng Hoàng đế ủng hộ công việc của tôi.”

“Thực thế sao? Thế công việc của ông là gì vậy?”

Trong sự im lặng ngấn ngủi, Paul nghĩ: *Cha đang ép Kynes quá đáng.* Paul liếc Halleck, nhưng người chiến binh hát rong đang nhìn chăm chăm quang cảnh cần cỗi bên ngoài.

Kynes nói kiên quyết: “Tất nhiên ngài ám chỉ công việc của tôi với tư cách nhà hành tinh học.”

“Đúng thế.”

“Chủ yếu là nghiên cứu động thực vật ở vùng khô hạn... vài công việc địa chất - khoan và nghiên cứu lõi hành tinh. Ngài không bao giờ có thể thực sự hiểu thấu các khả năng của cả một hành tinh.”

“Ông cũng nghiên cứu tỉ mỉ về hương dục?”

Kynes quay lại, và Paul để ý thấy nét dứt khoát hiện trên má ông.

“Một câu hỏi tò mò, thưa Chúa công.”

“Này Kynes, hãy nhớ rằng nơi này giờ đây là thái ấp của ta. Những phương thức của ta khác với của bọn Harkonnen. Ta không quan tâm liệu ông có nghiên cứu hương được hay không, miễn là ta được chia sẻ những gì ông khám phá.” Ông liếc sang nhà hành tinh học. “Bọn Harkonnen không khuyến khích việc nghiên cứu về hương được, phải không?”

Kynes nhìn lại ông, không nói gì.

“Ông có thể trả lời thẳng thắn mà không cần lo sợ cho làn da của ông,” Công tước nói.

“Triều đình quả thật cách xa rồi,” Kynes lẩm bẩm. Và ông nghĩ: *Cái kẻ xâm lược ứ đầy nước này trông đợi điếu gì? Hẳn nghĩ ta ngu ngốc đến mức đứng vào hàng ngũ của hắn chắc?*

Công tước cười tủm tỉm, chú ý vào lộ trình. “Ta nhận ra âm điệu gay gắt trong giọng nói của ông, thưa ông. Bọn ta lặn lội đến đây cùng một lũ những tên sát thủ thuần phục, đúng không nào? Và bọn ta mong đợi ông nhận ra ngay là bọn ta khác xa với bọn Harkonnen hay sao?”

“Tôi đã thấy lời tuyên truyền mà ngài cho tràn ngập các sietch và thị trấn,” Kynes nói. “‘Hãy yêu quý Ngài Công tước tài giỏi tử tế!’ Quân đoàn của ngài...”

“Có ngay đây!” Halleck quát. Ông lập tức thôi nhìn ra ngoài cửa sổ, chồm về phía trước.

Paul đặt tay lên vai Halleck.

“Gurney!” Công tước nói. Ông liếc về phía sau. “Người này đã sống một thời gian dài dưới chế độ Harkonnen.”

Halleck ngồi lùi lại. “Vú em.”

“Vị Hawat của ngài thật tế nhị,” Kynes nói, “nhưng mục đích của anh ta cũng khá rõ ràng.”

“Vậy thì ông sẽ mở những căn cứ đó ra cho bọn ta chứ?” Công tước hỏi.

Kynes sảng giọng: “Chúng thuộc quyền sở hữu của Hoàng đế.”

“Nhưng chúng không được sử dụng.”

“Chúng có thể được sử dụng.”

“Hoàng đế có đồng tình không?”

Kynes ném cái nhìn trừng trừng nghiêm khắc vào Công tước. “Arrakis có thể là vườn Địa đàng nếu kẻ cai trị biết quan tâm đến những việc khác chứ không chỉ lui cui đào bới tìm hương được!”

Ông ta không trả lời câu hỏi của ta, Công tước nghĩ. Rồi ông nói: “Cái hành tinh này trở thành Địa đàng bằng cách nào nếu thiếu tiền đây?”

“Tiền là cái gì,” Kynes hỏi, “nếu nó không mua được những sự giúp đỡ mà ngài cần?”

Chà chà, thế đấy! Công tước nghĩ. Rồi ông nói: “Chúng ta sẽ tranh luận vấn đề này vào dịp khác. Ngay lúc này thì ta nghĩ chúng ta sắp tới mép Tường Chấn rồi. Ta sẽ tiếp tục đi theo hướng này chứ?”

“Vẫn hướng này,” Kynes thì thầm.

Paul nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên dưới họ, khu đất nhấp nhô bắt đầu dựng đứng lên thành những nếp gấp lộn xộn kéo về phía một bình nguyên đá khô cằn và một thềm đá hình lưỡi dao. Qua khỏi thềm đá, những nếp gấp hình móng tay của các đụn cát diễu hành về phía chân trời, đây đó ở đằng xa có một vết mờ xỉn, một vết sẫm hơn cho biết đó là một cái gì đó

không phải cát. Có thể là đá lộ thiên. Trong bầu không khí nóng đến mù mịt cả đầu óc này, Paul không thể biết chắc được.

“Dưới đó có loài thực vật nào không?” Paul hỏi.

“Một vài,” Kynes nói. “Sinh đới của vùng này phần lớn là những thứ mà chúng tôi gọi là bọ ăn cỏ nước bé nhỏ - được thích nghi để đột kích nhau giành độ ẩm, nuốt lấy nuốt để một chút sương còn sót lại. Vài khu vực của sa mạc tràn ngập sự sống. Nhưng tất cả bọ chúng đã học được cách sống còn dưới những điều kiện khắc nghiệt như thế. Nếu *cậu* bị mắc kẹt ở dưới đây, cậu sẽ phải sống theo cách đó nếu không cậu sẽ chết.”

“Ông định nói là phải ăn cỏ nước của nhau?” Paul hỏi. Lối nghĩ ấy đã xúc phạm cậu, giọng nói của cậu lộ rõ cảm xúc đó.

“Phải thế thôi,” Kynes nói, “nhưng đó không hẳn là ý tôi muốn nói. Mọi người thấy đấy, khí hậu của tôi đòi hỏi người ta phải có thái độ đặc biệt đối với nước. Người ta có ý thức về nước mọi nơi mọi lúc. Người ta không lãng phí bất cứ thứ gì chứa hơi ẩm.”

Và Công tước nghĩ: “... *khí hậu của tôi!*”

“Vòng về hướng Nam lệch thêm hai độ nữa, thưa Chúa công,” Kynes nói. “Có một ngọn gió thổi từ hướng Tây đến.”

Công tước gật đầu. Ông đã nhìn thấy bụi nâu cuộn cuộn ở đằng kia. Ông chao một vòng, để ý thấy cánh cửa các tàu hộ tống phản chiếu màu cam sữa từ ánh sáng khúc xạ của bụi khi họ quay đầu để theo kịp ông.

“Lái như thế sẽ tránh được rìa bão,” Kynes nói.

“Đám cát đó hẳn là rất nguy hiểm nếu ta bay vào trong,” Paul nói. “Nó cắt được những kim loại bền nhất thật sao?”

“Ở độ cao này thì không phải cát mà là bụi,” Kynes nói. “Hiểm họa ở đây là mất tầm nhìn, nhiễu loạn, đường hút khí bị tắc.”

“Hôm nay chúng ta sẽ nhìn thấy mỡ hương được thực sự à?” Paul hỏi.

“Rất có khả năng,” Kynes nói.

Paul ngồi lùi lại. Cậu đã sử dụng những câu hỏi và siêu ý thức để làm điều mẹ cậu gọi là “vào sổ” con người này. Giờ thì cậu đã có Kynes - âm điệu của giọng nói, từng chi tiết của nét mặt và điệu bộ. Một nếp gấp không tự nhiên của ống tay áo choàng bên trái tiết lộ rằng ông ta có một con dao nằm trong vỏ giấu ở cánh tay. Chỗ thắt lưng phồng ra lạ thường. Người ta nói dân sa mạc thường đeo một mảnh vải dài làm thắt lưng và nhét vào đó những món đồ nhỏ cần thiết. Có lẽ những chỗ cộm lên kia là do một dây thắt lưng như thế - chắc chắn không phải do giấu thắt lưng đeo tẩm chần. Một chiếc ghim đồng chạm trổ hình giống như con thỏ rừng cài trên cổ áo choàng của Kynes. Một chiếc ghim khác nhỏ hơn có hình tương tự cài nơi góc chiếc mũ trùm đầu được lật ra đằng sau, rũ xuống hai vai.

Halleck vặn vẹo người trên ghế bên cạnh Paul, vươn người ra phía sau để lấy chiếc đàn baliset ra khỏi ngăn sau. Kynes nhìn quanh khi Halleck lên dây đàn, rồi lại hướng sự chú ý vào lộ trình bay.

“Cậu muốn nghe gì, cậu chủ?” Halleck hỏi.

“Tùy thầy chọn, Gurney,” Paul nói.

Halleck ghé tai xuống sát miếng gỗ tăng âm, vừa gảy đàn vừa khẽ hát:

“Cha ông chúng con uống dịch tần bì trong sa mạc,

Ở những nơi thiêu đốt có cơn lốc thổi.

Ôi Chúa công, xin hãy bảo vệ chúng con khỏi chốn khủng khiếp kia!

Bảo vệ chúng con... ôi ôi ôi, bảo vệ chúng con

Khỏi mảnh đất cháy khát cần khô.”

Kynes liếc Công tước, nói: “Ngài du hành với một đội hộ tống đầy đủ mà gọn nhẹ thật, thưa Chúa công. Tất cả họ đều nhiều tài đến thế sao?”

“Gurney hả?” Công tước tẩm tẩm. “Gurney là người độc nhất vô nhị. Ta thích ông ấy đi cùng ta là do cặp mắt ông ấy. Đôi mắt ông ấy hiếm khi bỏ sót cái gì.”

Nhà hành tinh học cau mày.

Không bỏ lỡ nhịp trong điệu hát, Halleck ngắt lời:

“Tôi như một con cú sa mạc, ô!

À á! tôi như một con cú sa ma...a...ạc!”

Công tước với tay xuống, nhặt chiếc micro từ bảng thiết bị, bật lên rồi nói: “Chỉ huy gọi Hộ tống Gemma. Vật thể đang bay hướng chín giờ, Khu B. Các anh có nhận dạng được không?”

“Chỉ là một con chim thôi,” Kynes nói và thêm vào: “Mắt ngài tinh thật.”

Loa phóng thanh kêu tanh tách, rồi sau đó: “Đội hộ tống Gemma. Vật thể được nghiên cứu dưới sự khuếch đại đầy đủ. Nó là một con chim lớn.”

Paul nhìn theo hướng đã xác định, thấy một đốm nhỏ phía xa: một chấm nhỏ chuyển động liên tục, và nhận ra cha cậu hẳn căng thẳng đến thế nào. Mọi giác quan đều ở trạng thái cảnh giác cao độ.

“Ta không biết có những con chim lớn đến thế từ xa bay vào sa mạc,” Công tước nói.

“Có khả năng đó là chim đại bàng,” Kynes nói. “Rất nhiều sinh vật đã thích nghi với nơi này.”

Chiếc tàu chim lướt bên trên vùng đá trơ trụi. Paul nhìn xuống từ độ cao hai ngàn mét, thấy cái bóng gấp nếp của chiếc tàu và đội hộ tống. Mặt

đất bên dưới họ dường như bằng phẳng, song những nếp gấp của cái bóng nói lên điều khác hẳn.

“Đã từng có ai đi ra khỏi sa mạc chưa?” Công tước hỏi.

Halleck ngừng chơi nhạc. Ông ngả người về phía trước để đón câu trả lời.

“Từ sâu trong sa mạc thì không,” Kynes nói. “Đã vài lần có người đi ra từ vùng thứ hai. Họ sống sót nhờ vượt những vùng núi đá mà sâu cát ít khi lui tới.”

Âm sắc trong giọng nói của Kynes làm Paul chú ý. Cậu cảm thấy giác quan của mình trở nên cảnh giác theo đúng cách chúng đã được huấn luyện.

“À, sâu cát,” Công tước nói. “Một lúc nào đó chắc ta sẽ nhìn thấy một con.”

“Hôm nay ông có thể nhìn thấy,” Kynes nói. “Ở đâu có hương dước, ở đó có sâu cát.”

“Luôn luôn sao?” Halleck hỏi.

“Luôn luôn.”

“Có mối quan hệ giữa hương dước và sâu cát à?” Công tước hỏi.

Kynes quay lại, và Paul nhìn thấy môi ông ta mím lại khi nói. “Bọn chúng bảo vệ *những vùng cát* có hương dước. Mỗi con sâu cát có một... lãnh thổ. Vì với hương dước... ai biết được? Những mẫu sâu cát mà chúng tôi đã nghiên cứu khiến chúng tôi ngờ rằng có những sự trao đổi hóa học phức tạp bên trong chúng. Chúng tôi tìm thấy dấu vết của axit clohydric trong các ống dẫn của chúng, nhiều dạng axit phức tạp hơn ở những chỗ khác. Tôi sẽ đưa cho các vị xem công trình nghiên cứu của tôi về vấn đề này.”

“Không dùng tấm chắn để bảo vệ được sao?” Công tước hỏi.

“Tấm chắn á!” Kynes cười nhếch mép. “Kích hoạt tấm chắn trong vùng sâu cát là ngài bít luôn đường sống của mình đó. Bọn sâu cát phốt lờ những tuyến phòng ngự, chúng đi vòng quanh từ xa để tấn công tấm chắn. Không người nào đeo tấm chắn mà sống sót được trước sự tấn công như thế.”

“Người ta bắt sâu cát bằng cách nào?”

“Cú giật điện áp cao chém đứt từng khúc tròn là cách giết và bảo quản sâu cát duy nhất mà người ta biết,” Kynes nói. “Chất nổ có thể khiến chúng choáng váng và cắt chúng đứt ra, nhưng mỗi khúc tròn lại có cuộc sống riêng. Trừ vũ khí nguyên tử ra, tôi biết không một chất nổ nào đủ mạnh để phá hủy hoàn toàn một con sâu cát lớn. Chúng sống dai một cách đáng kinh ngạc.”

“Tại sao không thử tiêu diệt chúng hoàn toàn?” Paul hỏi.

“Quá đắt,” Kynes nói. “Có quá nhiều khu vực nên không kham nổi.”

Paul ngả người vào trong góc. Năng lực khám phá sự thật của cậu, ý thức về sắc thái giọng nói, cho cậu biết Kynes đang nói dối và chỉ chia sẻ một nửa sự thật. Cậu nghĩ: *Nếu có mối quan hệ giữa hương được và sâu cát, thì đó là giết sâu cát sẽ phá hủy luôn hương được.*

“Sẽ không ai phải rời sa mạc sớm,” Công tước nói. “Hãy cài bộ thu phát nhỏ này vào cổ, nhờ vậy nếu ai gặp sự cố thì sẽ có người đến cứu. Tất cả thợ của chúng ta sẽ được đeo chúng ngay bây giờ. Chúng ta đang cài đặt một dịch vụ giải cứu đặc biệt.”

“Rất đáng khen,” Kynes nói.

“Giọng của ông cho thấy ông không đồng tình,” Công tước nói.

“Đồng tình? Tất nhiên là tôi đồng tình, nhưng thiết bị đó không có ích

lắm đâu. Tĩnh điện từ những cơn bão cát che chắn rất nhiều tín hiệu. Bộ thu phát sẽ bị chập mạch. Ngài biết là trước đây người ta cũng đã thử dùng ở đây rồi. Điều kiện ở Arrakis rất khắc nghiệt đối với thiết bị. Và nếu một con sâu cát săn đuổi ngài thì sẽ không có nhiều thời gian đâu. Thông thường, ngài có không quá mười lăm hoặc hai mươi phút.”

“Ông muốn khuyên ta điều gì?” Công tước hỏi.

“Ngài hỏi lời khuyên của tôi là gì à?”

“Đúng vậy, với tư cách nhà hành tinh học.”

“Ngài sẽ làm theo lời khuyên của tôi chứ?”

“Nếu ta thấy hợp lý.”

“Rất tốt, thưa Chúa công. Đừng bao giờ đi một mình.”

Công tước chuyển sự chú ý ra khỏi bộ điều khiển. “Chỉ thế thôi sao?”

“Chỉ thế thôi. Đừng bao giờ đi một mình.”

“Điều gì sẽ xảy ra nếu người ta bị tách khỏi đội vì bão và lực ép?” Halleck hỏi. “Không thể làm bất cứ điều gì sao?”

“*Bất cứ điều gì cũng sẽ choán quá nhiều không gian,*” Kynes nói.

“Nếu là ông thì ông sẽ làm gì?” Paul hỏi.

Kynes quay người nhìn chằm chằm vào cậu bé một cách nghiêm khắc, rồi lại chuyển sự chú ý về phía Công tước. “Tôi sẽ chú ý giữ gìn bộ sa phục nguyên vẹn. Nếu đang ở bên ngoài vùng sâu cát hoặc trong vùng đá, tôi sẽ ở lại tàu. Nếu đã bước xuống một vùng cát trống trải, tôi sẽ chạy ra xa tàu càng nhanh càng tốt. Cỡ một nghìn mét là khá ổn. Sau đó tôi sẽ trốn trong áo choàng. Sâu cát sẽ ăn chiếc tàu, song nó có thể bỏ quên tôi.”

“Sau đó thì sao?” Halleck hỏi.

Kynes nhún vai. “Chờ đến khi sâu cát đi khỏi.”

“Chỉ thế thôi sao?” Paul hỏi.

“Khi sâu cát đã rời đi, người ta có thể ra khỏi chỗ trốn,” Kynes nói. “Các vị phải đi thật khẽ, tránh cát trống, trùng cát có sa triều - đi về phía vùng đá gần nhất. Có rất nhiều vùng như thế. Làm thế các vị sẽ thoát.”

“Cát trống?” Halleck hỏi.

“Là cát ở thể kết chặt lại,” Kynes nói. “Ngay cả bước chân nhẹ nhất cũng khiến nó phát ra tiếng động như tiếng trống. Bọn sâu cát luôn di chuyển đến nơi đó.”

“Thế còn trùng cát có sa triều?” Công tước hỏi.

“Một số chỗ lún trong sa mạc bị bụi tràn vào trong suốt nhiều thế kỷ. Có vài chỗ lún lớn đến nỗi chúng phân thành nhiều dòng và nhiều ngọn triều. Ai không thận trọng mà bước vào đấy là sẽ bị nuốt chửng.”

Halleck ngồi lùi về phía sau, lại tiếp tục gảy đàn. Ngay sau đó, ông hát:

“Thú hoang sa mạc rình sẵn đó,

Đợi những người vô tội đi qua.

À...í...a, đừng có nhử những vị thần sa mạc,

Vì e bạn tìm một mộ bia cô độc

Những hiểm nguy của...”

Ông chợt ngừng hát, cúi người ra phía trước. “Phía trước có mây bụi, thưa Chúa công.”

“Ta thấy rồi, Gurney.”

“Đó là cái chúng ta tìm kiếm,” Kynes nói.

Paul ngồi thẳng người lên quan sát hướng trước mặt, cậu nhìn thấy một đám mây vàng dâng lên cuộn cuộn ở dưới thấp trên bề mặt sa mạc, cách tàu hơn ba mươi ki lô mét về phía trước.

“Một trong các con bộ khai thác của ngài,” Kynes nói. “Nó nằm trên bề mặt kia, thế có nghĩa là trên hương được. Đám mây là cát thải cuộn lên khi hương được đã được lấy ra bằng lực ly tâm. Không có đám mây nào khác giống nó.”

“Phía trên nó có tàu lượn,” Công tước nói.

“Tôi thấy hai... ba... bốn tàu cảnh vệ,” Kynes nói. “Họ đang chờ vết sâu cát.”

“Vết sâu cát?” Công tước hỏi.

“Một gợn cát di chuyển về phía con bộ khai thác. Họ cũng sẽ đặt những máy dò địa chấn trong khu vực đó. Lũ sâu cát thỉnh thoảng lại trườn quá sâu làm nổi lên gợn cát.” Kynes liếc ngang liếc dọc khắp bầu trời. “Lẽ ra phải có một chiếc tàu thồ bay vòng quanh, nhưng tôi không nhìn thấy.”

“Bọn sâu cát luôn luôn xuất hiện chứ?” Halleck hỏi.

“Luôn luôn.”

Paul cúi người ra phía trước, chạm vào vai Kynes. “Mỗi con sâu cát chiếm cứ một vùng đất rộng cỡ nào?”

Kynes cau mày. Cậu bé đặt những câu hỏi như người trưởng thành.

“Tùy kích thước của từng con sâu cát.”

“Dao động trong khoảng nào?” Công tước hỏi.

“Những con lớn có thể kiểm soát một vùng rộng cỡ ba, bốn trăm ki lô mét vuông. Những con nhỏ...” Ông bỏ lửng câu nói khi Công tước nhấn phanh tàu. Con tàu giật nảy lên khi bộ phận đuôi của nó kêu xì xì rồi im lặng. Những mẫu cánh cụt vươn dài ra, khum thành hình chén trong không khí. Máy bay trở thành một tàu chim hoàn chỉnh khi Công tước lái nó chao nghiêng, vừa giữ cho bộ cánh vổ nhẹ nhàng vừa chỉ tay trái về hướng Đông cách xa bộ khai thác hương được.

“Kia có phải vết sâu cát không?”

Kynes nghiêng người sang chỗ Công tước nhìn vào điểm đó.

Paul và Halleck xúm lại, nhìn về cùng một hướng, và Paul để ý thấy đội hộ tống do động tác đột ngột của tàu chỉ huy nên đã vọt lên phía trước, nhưng bây giờ họ đang quành trở lại. Bộ khai thác hương được nằm phía trước họ, cách vài ba ki lô mét.

Ở chỗ Công tước chỉ, các cồn cát hình lưỡi liềm lan tỏa những gợn sóng tối thẫm về phía chân trời, một cái gò di động kéo dài - một sóng cát dồi lên có đỉnh - như đường thẳng cắt ngang qua chúng, trải dài về phía xa. Nó gợi Paul nhớ đến đường đi của một con cá lớn làm nước xáo động khi bơi ngay dưới mặt nước.

“Sâu cát,” Kynes nói. “Một con lớn.” Ông ngả người ra sau, chộp lấy chiếc micro trên bảng điều khiển, chọn một tần số mới. Liếc về phía bản đồ hệ thống đường dây trên những con lăn bên trên đầu họ, ông nói vào micro: “Gọi con bộ ở Delta Ajax chín. Cảnh báo vết sâu cát. Con bộ ở Delta Ajax chín. Cảnh báo vết sâu cát. Xin đáp lại.” Ông chờ đợi.

Loa trên bảng điều khiển phát ra những tiếng lách cách do nhiễu khí quyển, sau đó có một giọng nói: “Ai gọi Delta Ajax chín? Hết.”

“Họ có vẻ khá bình tĩnh,” Halleck nói.

Kynes nói vào micro: “Phi đội ngoài danh sách - cách phía Bắc và phía Đông của các anh khoảng ba ki lô mét. Vết sâu cát đang tiến về phía vị trí

các anh, theo ước lượng sẽ tiếp xúc với nó trong khoảng hai mươi lăm phút nữa.”

Một giọng nói trầm sâu phát ra từ loa: “Đây là Chỉ huy Tàu cảnh vệ. Xác nhận đã trông thấy. Sẵn sàng cho tình thế khó khăn khi đụng độ.” Ngừng một lát, rồi lại tiếp: “Đụng độ trong khoảng hai mươi trừ sáu phút nữa. Đó là ước lượng rất sát. Ai ở trên phi đội ngoài danh sách đó? Hết.”

Halleck tắt thiết bị rồi lao vào giữa Kynes và Công tước. “Đây có phải tần số hoạt động hợp thức không, Kynes?”

“Đúng. Có chuyện gì à?”

“Ai đang nghe chúng ta nói?”

“Chỉ có nhóm thợ trong vùng này. Giảm độ nhiễu xuống đi.”

Loa lại kêu lách cách, rồi: “Đây là Delta Ajax chín. Ai sẽ nhận được tiền thưởng vì phát hiện ra cái vết đó? Hết.”

Halleck liếc Công tước.

Kynes nói: “Căn cứ vào khối lượng hương được, có một khoản tiền thưởng dành cho bất cứ người nào đưa ra cảnh báo đầu tiên về sâu cát. Họ muốn biết...”

“Nói cho họ biết ai là người đầu tiên phát hiện dấu vết của con sâu cát này,” Halleck nói.

Công tước gật đầu.

Kynes ngáp ngừng, rồi cầm micro lên: “Tàu cảnh vệ xác nhận là Công tước Leto Atreides. Công tước Leto Atreides. Hết.”

Giọng nói phát ra từ loa đều đều và hơi méo vì đột ngột xuất hiện nhiều khí quyển: “Chúng tôi biết và cảm ơn.”

“Giờ thì hãy bảo họ chia nhau số tiền thưởng đó,” Halleck ra lệnh. “Bảo họ Công tước muốn thế.”

Kynes hít một hơi sâu rồi nói: “Công tước muốn các anh chia tiền thưởng cho mọi người trong nhóm. Các anh nghe thấy không? Hết.”

“Chúng tôi xác nhận và xin cảm ơn,” giọng trong loa phát ra.

Công tước nói: “Ta quên chưa nói là Gurney rất có năng khiếu trong những mối quan hệ công chúng.”

Kynes hướng cái cau mày khó hiểu về phía Halleck.

“Việc này tỏ rõ cho nhóm người đó biết rằng Công tước quan tâm đến sự an toàn của họ,” Halleck nói. “Tin tức sẽ lan truyền. Nó có mặt trên đài tần số hoạt động - bọn gián điệp Harkonnen không có khả năng nghe được.” Ông nhìn lướt qua đội yểm trợ bên ngoài. “Chúng ta là một đội khá mạnh. Một sự mạo hiểm tốt.”

Công tước chao nghiêng tàu, hướng về phía đám mây cát đang phun lên từ chỗ con bọ khai thác. “Bây giờ điều gì sẽ xảy ra?”

“Có một chiếc tàu thổ đầu đó gần đây,” Kynes nói. “Nó sẽ đến cầu con bọ đi.”

“Nếu tàu thổ bị hỏng thì sao?” Halleck hỏi.

“Sẽ mất vài thiết bị,” Kynes nói. “Hãy bay sát bên trên con bọ, thưa Chúa công; ngài sẽ thấy chuyện này thú vị đấy.”

Công tước quắc mắt, bận rộn với những bộ điều khiển khi họ bay vào bầu khí quyển hỗn loạn bên trên con bọ.

Paul nhìn xuống, thấy cát vẫn phun ra từ con vật khổng lồ làm bằng chất dẻo và kim loại ở bên dưới họ. Trông nó giống như một con bọ cánh cứng lớn màu xanh và nâu vàng có nhiều băng chuyền trên những cánh

tay tỏa ra khắp xung quanh. Cậu nhìn thấy một cái đầu vòi khổng lồ hình phễu lộn ngược thọc vào trong bãi cát sẫm màu phía trước nó.

“Xét theo màu sắc thì lớp đất này có hàm lượng hương được cao,” Kynes nói. “Họ sẽ tiếp tục làm việc đến phút cuối.”

Công tước nạp thêm năng lượng cho các cánh, làm chúng cứng hơn để hạ tàu chếch xuống và lượn tròn thâm thấp bên trên con bọ. Một cái liếc mắt về phía trái và phía phải cho thấy đội yểm trợ vẫn giữ vững độ cao và đang lượn tròn trên đầu.

Paul quan sát đám mây vàng phun ra từ những miệng vòi con bọ, nhìn ngang qua sa mạc về phía vết sâu cát đang tới gần.

“Chúng ta không nghe thấy họ gọi tàu thồ sao?” Halleck hỏi.

“Họ thường bay trên một tần số khác,” Kynes nói.

“Chúng ta không có hai tàu thồ trực chiến cho mỗi con bọ sao?” Công tước hỏi. “Có hai mươi sáu người trên cái máy dưới kia, chưa nói đến giá trị của thiết bị.”

Kynes nói: “Người ta không có đủ...”

Ông bỏ lửng câu nói khi chiếc loa phát ra giọng giận dữ: “Có ai thấy chiếc tàu thồ không? Nó không trả lời.”

Chiếc loa phát ra tiếng lách cách do méo tạp âm, bị một tín hiệu đột ngột át đi, sau đó thì im lặng, rồi giọng nói đầu tiên cất lên: “Lần lượt báo cáo! Hết.”

“Đây là Chỉ huy Tàu cảnh vệ. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy thì chiếc tàu thồ ở khá cao, đang vòng về phía Tây Bắc. Giờ thì tôi không thấy. Hết.”

“Tàu cảnh vệ một: không thấy. Hết.”

“Tàu cảnh vệ hai: không thấy. Hết.”

“Tàu cảnh vệ ba: không thấy. Hết.”

Im lặng.

Công tước nhìn xuống. Bóng con tàu của ông đang vượt qua con bộ. “Chỉ có bốn Tàu cảnh vệ, đúng không?”

“Chính xác,” Kynes nói.

“Toán chúng ta có năm tàu,” Công tước nói. “Tàu của chúng ta lớn hơn. Ta có thể chứa thêm mỗi tàu ba người. Máy tàu cảnh vệ của họ thì phải chở thêm được mỗi chiếc hai người.”

Paul nhẩm tính rồi nói: “Còn sót ba người.”

“Tại sao họ không có hai tàu thồ cho mỗi con bộ hả?” Công tước quát âm lên.

“Người ta không có đủ thiết bị bổ sung,” Kynes nói.

“Lại càng thêm lý do để ta nên bảo vệ những gì ta đang có!”

“Cái tàu thồ đó đi đâu mới được chứ?” Halleck hỏi.

“Có lẽ nó buộc phải hạ cánh xuống nơi nào đó ngoài tầm nhìn,” Kynes nói.

Công tước chộp lấy micro, ngón tay cái ngấp ngừng trên công tắc. “Làm sao họ để lạc mất con tàu đó được chứ?”

“Họ mãi chú ý vào mặt đất để tìm vết sâu cát,” Kynes nói.

Công tước bật công tắc, nói vào micro: “Công tước đây. Chúng tôi đang bay xuống để đưa nhóm Delta Ajax chín đi. Yêu cầu tất cả Tàu cảnh vệ tuân theo. Đội Tàu cảnh vệ hạ cánh xuống mặt phía Đông. Chúng tôi sẽ phụ trách phía Tây. Hết.” Ông với tay xuống dưới, ấn tần số chỉ huy

riêng của ông, nhắc lại mệnh lệnh cho đội tàu yểm trợ, rồi đưa micro lại cho Kynes.

Kynes trở lại tần số hoạt động và một giọng nói như nổ tung ra từ chiếc loa: "... gần đầy hương được rồi! Chúng tôi lấy gần đầy hương được rồi! Chúng tôi không thể rời chỗ đó vì con sâu cát khốn khiếp! Hết."

"Hương được khốn khiếp!" Công tước quát lên. Ông lại chộp lấy micro nói: "Hương được thì bao giờ chúng ta cũng có thể lấy thêm. Đội tàu của chúng tôi chứa được tất cả các anh trừ ba người. Hãy bốc thăm hoặc quyết định kiểu gì cũng được, để xem ai sẽ đi. Nhưng các anh phải đi, đó là lệnh!" Ông đập mạnh micro vào tay Kynes, lăm bằm: "Xin lỗi," khi Kynes lắc lắc một ngón tay bị đau.

"Còn bao nhiêu thời gian?" Paul hỏi.

"Chín phút," Kynes đáp.

Công tước nói: "Tàu này mạnh hơn các tàu khác. Nếu chúng ta cất cánh bằng phản lực với độ mở ba phần tư các cánh thì có thể nhét thêm một người nữa."

"Cát ấy mềm lắm," Kynes nói.

"Nếu thêm bốn người trên tàu mà cất cánh bằng phản lực thì e làm gãy cánh mất, thưa Chúa công," Halleck nói.

"Tàu này thì không," Công tước nói. Ông quay trở lại bảng điều khiển khi chiếc tàu lượn ngay sát con bọ. Những chiếc cánh cụp xuống khiến tàu khựng lại, vụng về trượt ngang cách cổ máy không quá hai mươi mét.

Con bọ giờ đã im bật, cát không còn phụt ra từ các vòi phun. Chỉ có một tiếng ùng ục cơ khí khe khẽ phát ra từ nó, càng nghe rõ hơn khi Công tước mở cửa tàu ra.

Ngay lập tức, mùi quế - nồng nặc, cay xè - xộc vào mũi họ.

Với tiếng vỗ cánh âm ỉ, các tàu cánh vệ lượn xuống mặt cát phía bên kia con bọt. Đội yểm trợ của Công tước thì sà xuống đỡ thành hàng cùng tàu của ông.

Paul nhìn xuống khai thác bên ngoài, nhận thấy khi đứng bên cạnh nó tất cả các tàu chim đều hóa ra nhỏ bé biết bao - những con muỗi mắt bên cạnh một con bọt chiến binh.

“Gurney, ông và Paul ném cái ghế sau kia ra ngoài đi,” Công tước nói. Ông dùng tay quay cho các cánh tàu mở ra ba phần tư, định góc cho chúng, kiểm tra các bộ điều khiển phụ phản lực. “Họ làm cái quái gì mà không chịu ra khỏi cái máy đó chứ?”

“Họ hy vọng tàu thồ sẽ xuất hiện,” Kynes nói. “Họ vẫn còn vài phút nữa.” Ông liếc về phía Đông.

Tất cả mọi người đều quay nhìn về một hướng, không thấy vết sâu cát, nhưng bầu không khí trĩu nặng cảm giác lo lắng.

Công tước cầm micro, bấm tần số chỉ huy rồi nói: “Hai tàu ném máy phát tầm chắn bảo vệ ra. Theo thứ tự. Làm thế mỗi tàu sẽ chở thêm được một người. Chúng ta không thể để lại bất kỳ người nào cho con quái vật đó.” Ông trở lại tần số hoạt động, quát lên: “Được rồi, nhóm Delta Ajax chín! Ra ngoài! Ngay bây giờ! Đây là lệnh của Công tước! Hai người một, nếu không ta sẽ dùng súng laze cắt con bọt đó ra thành từng khúc đấy!”

Một cánh cửa sập kêu đánh tách rồi mở ra gần mặt trước con bọt, một cánh nữa đằng sau, một cánh nữa trên đỉnh. Đám người nhào ra, trượt rồi bò xuống mặt cát. Ra cuối cùng là một người cao lớn mặc chiếc áo choàng lao động vá víu. Anh ta nhảy xuống bằng chùy rồi xuống cát.

Công tước treo micro lên bằng điều khiển, lao ra ngoài bậu cánh hét to: “Mỗi tàu hai người.”

Người mặc áo choàng vá víu liền tách người trong đội mình thành từng

cặp hai người, đẩy họ về phía các tàu đang đợi ở phía bên kia.

“Bốn người lên đây!” Công tước hét lên. “Bốn người lên tàu đằng sau!” Ông chỉ tay vào một tàu hộ tống ngay phía sau ông. Các vệ sĩ vừa vãn chiếc máy phát tẩm chắn ra khỏi tàu. “Bốn người nữa lên tàu đằng kia!” Ông chỉ vào một chiếc tàu hộ tống khác đã ném máy phát đi. “Những tàu khác mỗi chiếc ba người! Chạy nhanh lên, cái đám thợ cát này!”

Người đàn ông cao lớn đếm xong số người trong đội mình, liền đi băng qua cát, theo sau là ba người nữa.

“Tôi nghe thấy tiếng sâu cát, nhưng không nhìn thấy nó,” Kynes nói.

Khi đó những người khác cũng nghe thấy - tiếng trượt cộ vào cát, từ xa vọng lại và mỗi lúc một to hơn.

“Làm ăn kiểu gì mà lôm côm quá thế,” Công tước lầu bầu.

Đội tàu bắt đầu vỗ cánh rời khỏi mặt cát. Nó gọi Công tước nhớ về cái lần trong khu rừng nhiệt đới ở hành tinh quê hương ông, cái gì đó thành linh xuất hiện trong một khoảng rừng trống, và lũ chim ăn thịt thối bay vù lên từ xác một con bò rừng.

Những người thợ khai thác hương được trèo lên hông tàu, bắt đầu bò vào phía sau Công tước. Halleck giúp kéo họ vào ghế sau.

“Vào đây, các cậu bé!” ông cúi kính. “Hai người một!”

Paul bị những người thợ đâm mồ hôi dồn vào một góc, cậu ngửi thấy mồ hôi túa ra vì khiếp sợ, nhìn thấy hai người trong số họ chĩnh lại cổ áo bộ sa phục quá xộc xệch. Cậu ghi thông tin này vào bộ nhớ để dành cho hành động sau này. Cha cậu sẽ phải ra lệnh siết chặt kỷ luật về sa phục hơn. Những người này có khuynh hướng trở nên cẩu thả nếu ta không giám sát những việc như thế.

Người thợ cuối cùng hỗn hển bước vào ghế sau, nói. “Sâu cát! Nó gần như xuất hiện cạnh chúng tôi rồi! Đồ trời đánh thánh vật!”

Công tước dịch vào trong ghế, cau mày nói: “Theo ước lượng ban đầu chúng ta vẫn còn gần ba phút nữa trước khi đụng độ. Đúng không, Kynes?” Ông đóng cửa chỗ mình lại, kiểm tra.

“Gần đúng, thưa Chúa công,” Kynes nói, và ông nghĩ: *Tay công tước này đúng là người đi êm tĩnh.*

“Tất cả đều an toàn, thưa Chúa công,” Halleck nói.

Công tước gạt đầu, nhìn chiếc tàu hộ tống cuối cùng cất cánh. Ông điều chỉnh bộ phận đánh lửa, nhìn lướt qua các cánh và thiết bị thêm một lần nữa, ấn chuỗi nút kích hoạt động cơ phản lực.

Con tàu cất cánh đẩy Công tước và Kynes lún sâu vào trong ghế, ép cả những người ngồi ghế sau. Kynes quan sát cung cách Công tước xử lý bộ điều khiển - nhẹ nhàng, chắc chắn. Bây giờ con tàu đã thực sự cất cánh, còn Công tước quan sát các thiết bị, đưa mắt nhìn các cánh ở phía trái và phía phải.

“Tàu nặng quá, thưa Chúa công,” Halleck nói.

“Vẫn vừa sức chứa của con tàu này,” Công tước nói. “Ông không thực sự nghĩ rằng ta dám mạo hiểm chở lượng hàng này, phải không Gurney?”

Halleck cười toét miệng nói: “Không hề dù chỉ một chút, thưa Ngài.”

Công tước cho tàu chao nghiêng theo một đường vòng dài nhàn nhã, cất lên cao phía trên con bộ.

Paul chen vào một góc cạnh cửa sổ, nhìn chăm chăm xuống cỗ máy im lìm trên cát. Vết sâu cát đột ngột bị cắt ngang cách con bộ bốn trăm mét. Lúc này xung quanh con bộ hình như có sự nhiễu động trong cát.

“Bây giờ con sâu cát đang ở dưới con bộ,” Kynes nói. “Mọi người sắp được chứng kiến một sự kiện ít ai được thấy.”

Lúc này bụi đã che mờ lớp cát quanh con bọt. Cỗ máy to lớn bắt đầu nghiêng sang bên phải. Một xoáy cát khổng lồ bắt đầu định hình ở đó, bên phải con bọt. Nó di chuyển càng lúc càng nhanh hơn. Cát và bụi mù mịt trong không gian hàng trăm mét xung quanh.

Rồi họ nhìn thấy nó!

Một cái lỗ to xuất hiện trên cát. Ánh mặt trời lóe lên từ những cái răng giống như nan hoa màu trắng lấp lánh bên trong lỗ. Paul ước lượng đường kính của cái lỗ chỉ ít cũng gấp hai lần chiều dài con bọt. Cậu quan sát cỗ máy trượt vào cái lỗ đang mở hoác kia trong làn sóng cát bụi cuộn cuộn. Cái lỗ hút nó xuống.

“Chúa ơi, con quái vật kinh khủng quá!” người ngồi cạnh Paul thì thầm.

“Chén sạch hương được của chúng ta!” người khác lầu bầu.

“Ai đó sẽ phải trả giá cho chuyện này,” Công tước nói. “Ta hứa như thế.”

Dựa vào vẻ kiên quyết tốt độ trong giọng nói của cha, Paul cảm thấy một sự tức giận sâu sắc. Cậu nhận ra mình cũng chia sẻ điều đó. Đây đúng là sự lãng phí vô đạo đức!

Trong sự im lặng nối theo đó, họ nghe Kynes nói.

“Chúa phù hộ cho Ngài Tạo và nước của Ngài,” Kynes thì thầm. “Chúa phù hộ cho việc đến và đi của Ngài. Cầu cho chuyến đi của Ngài tẩy sạch thế giới này. Cầu cho Ngài gìn giữ thế giới này cho thần dân Ngài.”

“Ông đang nói gì thế?” Công tước hỏi.

Nhưng Kynes lại im lặng.

Paul liếc đám người đang xúm xít quanh cậu. Họ nhìn chằm chằm sợ sệt vào gáy Kynes. Một người trong bọn họ thì thầm: “Liet”.

Kynes quay người, quắc mắt giận dữ. Người đó lùi lại, bối rối.

Một người khác trong số những người được cứu thoát bắt đầu ho - ho khan khù khụ. Ngay sau đó, anh ta hỗn hển: “Quý tha ma bắt cái xó địa ngục này đi!”

Người đàn ông Xứ Cát dáng cao lớn, người cuối cùng rời khỏi con bọ, nói: “Im đi, Coss. Cậu càng nói thì chỉ càng ho dữ hơn thôi.” Ông ta ngọ nguậy giữa đám người cho đến khi có thể nhìn xuyên qua họ tới gáy của Công tước. “Ngài là Công tước Leto, chắc chắn vậy rồi,” ông ta nói. “Xin gửi đến Ngài lời cảm tạ chân thành vì đã cứu mạng chúng tôi. Chúng tôi đã sắp tận số ở chỗ đó thì vừa hay ngài tới.”

“Im lặng, anh kia, để cho Công tước lái tàu,” Halleck càu nhàu.

Paul liếc Halleck. Cậu cũng đã nhìn thấy những nếp nhăn căng thẳng ở góc quai hàm cha. Mọi người đều bước thật khẽ mỗi khi Công tước đang trong cơn giận dữ.

Leto bắt đầu đưa tàu chậm chậm thoát khỏi đường bay vòng tròn rộng trong thế chao nghiêng, dừng lại khi thấy dấu hiệu di chuyển mới trên cát. Con sâu cát đã rúc xuống thật sâu và bây giờ, gần chỗ con bọ đã đứng ban nãy, có thể nhìn thấy hai dáng người đang di chuyển từ chỗ cát lún ra xa về hướng Bắc. Họ dường như lướt trên mặt cát, gần như không làm bốc bụi lên khiến lộ ra dấu vết họ đi.

“Ai ở dưới đó?” Công tước quát lên.

“Hai gã đến dự cho vui, thưa Cung tước,” người Xứ Cát nói.

“Tại sao không nghe nói gì đến họ?”

“Bọn họ đã liều thì tự chịu lấy thôi, thưa Cung tước,” người Xứ Cát nói.

“Thưa Chúa công,” Kynes nói, “những người này biết rõ, trong vùng có

sâu cát, dù có làm gì để cứu những người mắc kẹt trên sa mạc đi nữa thì cũng chẳng ích gì lắm.”

“Chúng ta sẽ gửi một tàu từ căn cứ đến giúp họ!” Công tước cúi kính.

“Xin theo ý ngài, thưa Tướng công,” Kynes nói. “Nhưng có khả năng khi tàu đến được đây thì chẳng còn ai để cứu nữa.”

“Dù thế nào thì chúng ta sẽ vẫn gửi một tàu đến,” Công tước nói.

“Họ ở phía bên phải gần chỗ con sâu tới,” Paul nói. “Họ sẽ thoát ra bằng cách nào đây?”

“Mép hố lún xuống khiến người ta dễ bị nhầm lẫn về khoảng cách,” Kynes nói.

“Ngài đang lãng phí nhiên liệu ở đây, thưa Chúa công,” Halleck đánh bạo nói.

“Ừ, Gurney.”

Công tước lái tàu vòng về phía Tường Chấn. Đội hộ tống đang vòng vòng tại vị trí canh vệ trên cao bèn hạ xuống, chiếm giữ những vị trí bên trên và hai bên tàu Công tước.

Paul suy nghĩ về những gì người Xứ Cát và Kynes đã nói. Cậu cảm thấy những sự thật nửa vời, những lời nói dối không thể nhầm lẫn. Rõ ràng những người ở trên bãi cát đó đã lướt đi trên mặt đất, di chuyển theo một cách hiển nhiên là được tính toán sao cho không thu hút con sâu trời lên từ trong lòng cát.

Người Fremen! Paul nghĩ. Còn ai khác có thể tự tin trên cát như thế? Còn ai khác có thể ung dung làm chủ tình huống ngay cả khi bị bỏ ngoài sự quan tâm lo lắng của mọi người - bởi họ không coi đó là nguy hiểm? Họ biết cách sống ở đây! Họ biết cách đánh lừa sâu cát!

“Người Fremen đang làm gì trên con bộ đó vậy?” Paul hỏi.

Kynes quay phắt lại.

Người Xứ Cát cao lớn trở mặt nhìn Paul - màu xanh trong màu xanh trong màu xanh. “Cậu bé này là ai?” ông ta hỏi.

Halleck bước lại đứng chắn giữa người Xứ Cát và Paul rồi nói: “Đây là Paul Atreides, người thừa kế của Công tước.”

“Sao cậu ta lại bảo có người Fremen trên con bộ của chúng ta?” ông ta hỏi.

“Họ khớp với miêu tả,” Paul nói.

Kynes khịt khịt mũi. “Cậu không thể nói đó là người Fremen chỉ bằng cách nhìn vào họ!” Ông ta nhìn người Xứ Cát. “Ông. Ông nói đi, những người đó là ai?”

“Bạn của một trong mấy người kia,” người Xứ Cát nói. “Chỉ là những người bạn từ một thị trấn muốn nhìn thấy cát chứa hương được.”

Kynes quay đi. “Người Fremen!”

Nhưng ông đang nhớ về câu trong truyền thuyết: “*Lisan al-Gaib sẽ nhìn thấu mọi ngón bịp.*”

“Giờ thì họ chết rồi, chắc chắn thế, cậu Cung tử à,” người Xứ Cát nói. “Chúng ta không nên nói xấu về họ.”

Nhưng Paul nhận thấy sự lừa dối trong giọng họ, cảm thấy cái mối đe dọa vốn khiến Halleck lấy tư thế bảo vệ theo bản năng.

Paul nói khô khốc: “Chết ở một nơi như thế thì kinh khủng quá.”

Kynes nói, không quay đầu lại: “Một khi Thượng đế đã quyết định cho một kẻ phải chết ở một nơi cụ thể, Người sẽ khiến cho những mong muốn của anh ta dẫn đường cho anh ta đến đó.”

Leto quay người nhìn chăm chăm nghiêm khắc vào Kynes.

Và Kynes, cũng nhìn chăm chăm đáp lại, thấy lo lắng vì một thực tế mà ông quan sát được ở đây: *Vị Công tước này quan tâm đến nhóm thợ hơn là đến hương được. Ông ta dám mạo hiểm mạng sống của mình và của con trai để cứu những người này. Ông ta cho qua việc mất con bộ khai thác hương được chỉ bằng một cử chỉ. Mối đe dọa đối với tính mạng của nhóm thợ làm ông ta nổi cơn thịnh nộ. Một lãnh tụ như thế xứng đáng với lòng trung thành cuồn cuộn. Khó mà đánh bại được ông ta.*

Ngược lại với ý chí và tất cả những chỉ trích trước đây của mình, Kynes thú nhận với chính mình: *Ta thích vị Công tước này.*

Sự cao sang là một trải nghiệm ngắn ngủi. Nó không bao giờ kiên định. Nó phụ thuộc một phần vào trí tưởng tượng sáng tạo thần thoại của loài người. Kẻ đang trải nghiệm sự cao sang phải cảm nhận được câu chuyện thần thoại mà anh ta góp mặt. Anh ta phải phản chiếu lại cái được chiếu lên anh ta. Và anh ta phải có ý thức mạnh mẽ về sự nhạo báng. Đây là điều cỏi bỏ sự ràng buộc giữa anh ta với niềm tin vào những tham vọng của anh ta. Sự nhạo báng là tất cả những gì cho phép anh ta chuyển động trong chính anh ta. Nếu không có tính cách này, ngay cả sự cao sang chốc lát cũng sẽ hủy diệt một con người.

- trích “Tuyển dụ ngôn của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Trong phòng ăn ở tòa nhà lớn Arrakeen, những ngọn đèn treo đã được thấp sáng trên nền bóng tối xuống nhanh. Chúng tỏa ánh vàng rực rỡ lên cái đầu bò màu đen có đôi sừng dính máu và lên bức tranh sơn dầu lấp lánh mờ tối vẽ chân dung Lão Công tước.

Bên dưới hai tấm bùa may mắn này, chiếc khăn trải bàn bằng vải lanh trắng sáng lên quanh ánh phản chiếu từ những đồ dùng bằng bạc bóng loáng của gia đình Atreides được sắp xếp một cách chuẩn xác dọc chiếc bàn lớn - những bộ đồ ăn như các quần đảo nhỏ đứng đợi bên những cốc pha lê, mỗi bộ đặt ngay ngắn phía trước một ghế ngồi bằng gỗ nặng. Chiếc đèn treo nhiều ngọn kiểu cổ nằm ở chính giữa bàn vẫn chưa được thấp, dây treo của nó xoắn lên trên, khuấy vào bóng tối nơi giấu máy dò độc được.

Dừng lại nơi khung cửa để kiểm tra công tác chuẩn bị, Công tước nghĩ về cái máy dò chất độc, về việc nó có tầm quan trọng thế nào trong xã hội của ông.

Tất cả thuộc cùng một mẫu hình, ông nghĩ. Người ta có thể thăm dò chúng ta bằng ngôn ngữ của chúng ta - những mô tả tinh tế và chính xác về các biện pháp thi hành cái chết phản phúc. Tối nay một kẻ nào đó sẽ thử dùng chaumurky - chất độc cho vào đồ uống? Hay sẽ dùng chaumas - chất độc cho vào thức ăn?

Ông lắc đầu.

Bên cạnh mỗi cái đĩa trên chiếc bàn dài là một bình nước. Công tước ước tính lượng nước này có thể đủ cho một gia đình nghèo khó ở Arrakeen dùng trong hơn một năm.

Ngay sát khung cửa nơi ông đứng là những cái chậu rửa lớn ốp đá vàng và xanh lục được trang trí công phu. Chậu nào cũng đều có giá để khăn lau. Đây là một phong tục, người quản gia đã giải thích như thế, dành cho khách khi bước vào, họ sẽ nhúng tay đầy kiêu cách vào chậu, đổ vài chén nước lên sàn, lấy khăn lau tay rồi ném khăn vào vũng nước đang lan rộng ở cửa. Sau bữa tối, đám ăn xin lại tụ tập bên ngoài, vắt những chiếc khăn ấy để lấy nước.

Đúng là đặc trưng của thái ấp Harkonnen, Công tước nghĩ. Mọi sự đê hèn của linh hồn đều có thể được hình thành. Ông hít một hơi sâu, cảm thấy cơn giận dữ thít lấy dạ dày.

“Cái phong tục này chấm dứt ở đây!” ông gầm gừ.

Ông thấy một người đàn bà giúp việc - một trong những người xương xẩu già nua mà viên quản gia đã giới thiệu - đang lảng vảng gần khung cửa phòng bếp đối diện với ông. Công tước giơ cao bàn tay ra hiệu. Bà ta rời khỏi góc khuất, tất tả chạy vòng qua bàn đến chỗ ông, và ông ghi nhớ khuôn mặt thô kệch, đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh.

“Tướng công cần gì ạ?” Bà ta cúi đầu, hai mắt được che khuất.

Ông ra hiệu. “Chuyển chậu và khăn lau đi.”

“Nhưng... thưa Người Có Dòng dõi Tôn quý...” Bà ta nhìn lên, miệng há hốc.

“Ta biết đây là phong tục!” ông quát lên. “Mang mấy cái chậu này ra cửa trước. Từ lúc chúng ta bắt đầu dùng bữa cho đến khi ăn xong, mỗi người ăn may đến đây sẽ được nhận một cốc nước đầy. Rõ chưa?”

Khuôn mặt thô kệch của bà ta hiện lên những cảm xúc đan xen nhau: mất hết tinh thần, giận dữ...

Bằng sự thấu suốt bất ngờ, Leto nhận ra chắc hẳn bà ta đã dự định bán nước vắt ra từ những chiếc khăn bị giẫm chân lên, kiếm vài đồng xu từ những người khốn khổ tới đứng đợi ở cửa. Có thể đó cũng là một tục lệ.

Mặt tối sầm lại, ông gầm gừ: “Ta sẽ cử người gác để kiểm tra việc thi hành mệnh lệnh của ta.”

Ông quay người, sai bước đi lộn lại dọc hành lang dẫn tới Đại sảnh. Những kỷ niệm dồn dập ủa về trong đầu ông như những tiếng thầm thì từ một bà già rưng hết răng. Ông nhớ về nguồn nước bát ngát và những con sóng - những tháng ngày trên đồng cỏ chứ không phải ở xứ cát - những mùa hè rực rỡ đã vụt qua ông như lá trong cơn bão.

Tất cả đã qua rồi.

Ta đang già đi, ông nghĩ. Ta đã cảm thấy bàn tay lạnh lẽo của thần chết. Và trong cái gì chứ? Lòng tham của một mụ già.

Trong Đại sảnh, Lệnh bà Jessica đứng trước lò sưởi giữa một nhóm người hỗn tạp. Một ngọn lửa ấm áp lách tách trong lò, hắt những tia sáng màu cam lên đồ trang sức gắn đá quý, dải đăng ten và những nếp vải đắt tiền. Trong nhóm người đó, ông nhận ra một nhà sản xuất sa phục đến từ vùng Carthag, một nhà nhập khẩu thiết bị điện tử, một nhà nhập khẩu nước, chủ nhân căn biệt thự mùa hè tọa lạc gần xưởng của ông trên vùng địa cực, một đại diện của Ngân hàng Hiệp hội (trông gầy còm và lãnh đạm), một nhà phân phối phụ tùng thay thế cho máy khoan khai thác hương dược, một người đàn bà có khuôn mặt mỏng cay nghiệt, nghe nói dịch vụ hộ tống các vị khách từ hành tinh khác của bà ta chỉ là vỏ bọc cho nhiều hoạt động buôn lậu, gián điệp và tổng tiền.

Hầu hết nhóm đàn bà trong tiền sảnh đều như được đúc từ một khuôn đặc trưng - dùng để trang trí, được sản xuất một cách chính xác, một sự pha trộn kỳ quặc giữa vừa gợi dục vừa không thể đụng tới.

Ngay cả khi không ở vị trí bà chủ, Jessica vẫn nổi bật giữa đám người, ông nghĩ. Nàng không đeo đồ trang sức và chọn những màu ấm áp - chiếc váy dài mang màu lửa bập bùng, dây buộc tóc màu nâu đất cột quanh mái tóc màu đồng.

Ông nhận ra nàng ăn mặc như thế để mắng khéo ông, một sự khiể trách trước thái độ lạnh nhạt giả tạo gần đây của ông. Nàng ý thức rõ rằng ông thích nàng trong những sắc thái này hơn cả - rằng ông thấy nàng như âm thanh xào xạc của những màu nồng ấm.

Đứng gần đó là Duncan Idaho, giống với người ngoài hơn là thành viên của nhóm, mặc đồng phục lấp lánh, khuôn mặt vô cảm khó dò, mái tóc xoắn đen chải chuốt. Anh được triệu về từ chỗ người Fremen và đã nhận lệnh của Hawat - “Núp dưới lý do bảo vệ Lệnh bà Jessica, anh phải phong bế và giám sát chặt chẽ cô ta.”

Công tước nhìn lướt khắp phòng.

Paul đang đứng trong góc Đại sảnh, một nhóm thanh niên Arrakeen giàu có nịnh hót vây quanh cậu, cách xa đấy là ba sĩ quan của Quân đội Gia tộc. Công tước đặc biệt chú ý đến các thiếu nữ. Cả một đám mỗi béo bở dành cho kẻ thừa kế của Công tước. Nhưng Paul đối xử bình đẳng với tất cả mọi người bằng một vẻ cao nhã dè dặt.

Thằng bé sẽ mang cái tước hiệu này một cách xuất sắc, Công tước nghĩ, rồi bất ngờ rùng mình nhận ra đó là một ý nghĩ chết chóc nữa.

Paul thấy cha đứng ở khung cửa, bèn tránh ánh mắt ông. Cậu nhìn từng nhóm khách đứng rải rác khắp phòng, nhìn những bàn tay đầy đá quý cầm đồ uống (và sự kiểm tra kín đáo bằng những máy dò độc được bé xúi đặt ở xa). Nhìn vào tất cả những khuôn mặt đang huyền thuyên đó, bất giác Paul cảm thấy khó chịu. Đó là những chiếc mặt nạ rẻ tiền che đậy những suy nghĩ ung nhọt - những giọng nói quàng quạc để át đi sự im lặng âm ỉ trong mỗi lồng ngực.

Ta đang trong tâm trạng cáu kỉnh, cậu nghĩ, rồi tự hỏi Gurney sẽ nói gì

về chuyện đó.

Cậu biết nguồn gốc gây ra tâm trạng này. Cậu không muốn có mặt trong buổi lễ, nhưng cha nhất định bắt cậu phải có mặt. “Con có một chỗ đứng - một vị trí đáng giữ gìn. Con đủ trưởng thành để làm việc này. Con sắp trở thành một người đàn ông thực thụ rồi.”

Paul thấy cha xuất hiện nơi khung cửa, kiểm tra kỹ căn phòng rồi bước tới nhóm người vây quanh Lệnh bà Jessica.

Leto tới bên nhóm người đúng lúc nhà nhập khẩu nước hỏi: “Có thật là Công tước sắp nhập hệ thống điều khiển thời tiết không?”

Từ sau lưng người đàn ông này, Công tước nói: “Chúng tôi chưa nghĩ xa đến thế, thưa ngài.”

Người đàn ông quay lại, lộ ra khuôn mặt tròn hòa nhã, làn da sạm đen. “À... à, ngài Công tước,” ông ta nói. “Chúng tôi không thấy ngài.”

Công tước Leto liếc nhìn Jessica. “Một chuyện nên làm.” Ông lại hướng sự chú ý vào nhà nhập khẩu nước, giải thích về chuyện ông đã ra lệnh chuyển những chậu rửa đi, rồi nói thêm: “Về phần tôi, cái phong tục cũ này sẽ chấm dứt tại đây.”

“Đây là mệnh lệnh của Công tước, đúng không thưa Ngài?” ông ta hỏi.

“Ta dành câu trả lời đó cho chính ông... à... cho lương tâm của ông,” Công tước nói. Ông quay đi, nhận thấy Kynes đi tới chỗ nhóm người này.

Một người phụ nữ trong nhóm nói: “Tôi nghĩ đó là một hành động thật hào phóng - phân phát nước cho...” Có ai đó nhắc bà ta im lặng.

Công tước nhìn Kynes, nhận thấy nhà hành tinh học mặc bộ đồng phục màu nâu sẫm kiểu cũ có huy hiệu Công chức Đế quốc trên vai áo và một giọt lệ bằng vàng nhỏ xíu chỉ cấp bậc trên cổ áo.

Nhà nhập khẩu nước hỏi bằng giọng tức giận: “Phải chăng Công tước

ngụ ý chỉ trích phong tục của chúng tôi?”

“Phong tục này đã thay đổi,” Leto nói. Ông gật đầu với Kynes, để ý nét cau mày trên mặt Jessica, và suy nghĩ: *Nét cau mày không hợp với cô ấy, nhưng nó sẽ làm tăng những lời đồn về xích mích giữa chúng ta.*

“Nếu Công tước cho phép,” nhà nhập khẩu nước nói, “tôi muốn hỏi thêm về những phong tục.”

Leto nhận thấy âm điệu ngọt xớt đột ngột trong giọng ông ta, để ý đến bầu không khí im lặng đầy thận trọng của nhóm người này và những cái đầu ở khắp phòng bắt đầu quay về phía họ.

“Sắp đến giờ ăn tối rồi thì phải?” Jessica hỏi.

“Nhưng vị khách của chúng ta có vài câu hỏi,” Leto nói. Ông nhìn nhà nhập khẩu nước, quan sát người đàn ông với khuôn mặt tròn, mắt to cùng đôi môi dày ấy, và nhớ lại bản ghi nhớ của Hawat: “... và nhà nhập khẩu nước này là một người đáng quan sát - Lingar Bewt, hãy nhớ cái tên này. Bọn Harkonnen sử dụng ông ta nhưng không bao giờ hoàn toàn khống chế được ông ta.”

“Những phong tục về nước rất thú vị,” Bewt nói, một nụ cười nở trên khuôn mặt. “Tôi thật tò mò không biết ngài có dự định gì với căn phòng kính trong ngôi nhà này. Ngài có định tiếp tục khoe nó cho dân chúng không... thưa Tước công?”

Leto nén giận, nhìn ông ta chằm chằm. Những ý nghĩ chạy rần rật qua đầu ông. Phải cả gan lắm mới dám thách thức ông trong chính lâu đài của ông, đặc biệt khi giờ đây họ đã có chữ ký của Bewt trên bản giao ước trung thành. Để dám làm vậy thì cũng phải biết rõ quyền lực cá nhân của mình nữa. Quả thực, ở đây nước là quyền lực. Nếu những chỗ chứa nước bị đặt mìn, ví dụ vậy, sẵn sàng bị phá hủy bằng một hiệu lệnh... Trông hẳn có vẻ dám làm chuyện ấy lắm. Phá hủy những nơi chứa nước là có thể tiêu diệt ngon lành Arrakis. Rất có thể đó là cây gậy mà gã Bewt này đã giơ trên đầu bọn Harkonnen.

“Tướng công của tôi, ngài Công tước, và tôi có những dự định khác cho nhà kính của chúng tôi,” Jessica nói. Nàng mỉm cười với Leto. “Chúng tôi định giữ nó lại, tất nhiên rồi, nhưng chỉ theo ủy thác của dân chúng Arrakis. Ước mơ của chúng tôi là một ngày nào đó, khí hậu ở Arrakis có thể được cải thiện thích đáng để ở bất kỳ chỗ nào ngoài trời, những loại thực vật như thế cũng phát triển được.”

Chúa phù hộ cho cô ấy! Leto nghĩ. Hãy để tên nhập khẩu nước của chúng ta nghiến ngấm điếu đó.

“Sự quan tâm của ông đối với nước và hệ thống điều chỉnh thời tiết là điều hiển nhiên,” Công tước nói. “Tôi khuyên ông nên đa dạng hóa ngành kinh doanh của mình. Một ngày kia, nước sẽ không còn là mặt hàng quý hiếm ở Arrakis nữa.”

Rồi ông nghĩ: *Hawat phải nỗ lực gấp đôi trong việc thâm nhập vào tổ chức của gã Bewt này. Và chúng ta phải lập tức chuẩn bị những nơi chứa nước dự phòng. Không thể để một tên nào cầm gậy vung sẵn trên đầu ta được!*

Bewt gật đầu, mặt vẫn tươi cười. “Một giấc mơ đáng khen ngợi, thưa Tướng công.” Ông ta lùi lại một bước.

Nét biểu cảm trên gương mặt Kynes thu hút sự chú ý của Công tước Leto. Người đàn ông đó đang nhìn Jessica chăm chăm. Ông ta dường như hoàn toàn biến đổi - giống như một gã đang yêu... hoặc đang đắm vào trạng thái thôi miên sùng đạo.

Những suy nghĩ của Kynes rốt cuộc đã bị những lời tiên tri lẫn át: “*Và họ sẽ chia sẻ giấc mơ quý giá nhất của người.*” Ông ta nói thẳng với Jessica: “Lệnh bà sẽ đưa ra cách rút ngắn con đường đó chứ?”

“À, Tiến sĩ Kynes,” nhà nhập khẩu nước nói. “Ông đã rời khỏi chuyến lang thang cùng đám dân Fremen của ông để đến đây đấy à. Ông mới lịch thiệp làm sao.”

Kynes ném một cái liếc khó dò về phía Bewt mà nói: “Trong sa mạc, người ta nói, sở hữu một lượng lớn nước có thể khiến con người đâm bất cẩn mà chuốc họa vào thân.”

“Trong sa mạc người ta có rất nhiều câu nói lạ,” Bewt nói, nhưng giọng ông ta lộ rõ sự khó chịu.

Jessica bước đến bên Leto, quàng tay xuống dưới cánh tay ông để lấy thêm chút thời gian trấn tĩnh bản thân. Kynes đã nói: “... cách rút ngắn con đường.” Trong ngôn ngữ cổ, cụm từ này được dịch ra là “Kwisatz Haderach.” Câu hỏi kỳ quặc của nhà hành tinh học dường như không được những người khác chú ý, và lúc này Kynes đang cúi xuống một trong những bà phu nhân, lắng nghe giọng nói khẽ khàng làm dáng của bà ta.

Kwisatz Haderach, Jessica nghĩ. Phải chăng Missionaria Protectiva của chúng ta cũng gieo rắc cái truyền thuyết đó ở đây? Ý nghĩ này thối bùng niềm hy vọng thầm kín của nàng về Paul. Chẳng bé có thể là Kwisatz Haderach. Chẳng bé có thể.

Vị đại diện Ngân hàng Hiệp hội đã bắt đầu đàm luận với nhà nhập khẩu nước, và giọng của Bewt cất cao hẳn lên giữa tiếng rì rầm nói chuyện vừa được khơi trở lại: “Rất nhiều người từng mưu toan thay đổi Arrakis.”

Công tước thấy những từ ấy dường như chìa vào Kynes, thỉnh thoảng thúc mạnh vào nhà hành tinh học khiến ông ta thẳng người lên, rời khỏi người đàn bà đang ve vãn ông.

Trong bầu không khí im lặng đột ngột, một người lính của Gia tộc mặc đồng phục kỵ binh hắng giọng phía sau Công tước Leto rồi nói: “Bữa tối đã sẵn sàng, thưa Tước công.”

Công tước hướng cái nhìn dò hỏi vào Jessica.

“Theo phong tục ở đây, chủ nhà và phu nhân sẽ đi sau các vị khách tới

bàn,” nàng nói rồi mỉm cười: “Chúng ta cũng thay đổi phong tục này chứ, thưa Tướng công?”

Ông nói lạnh lùng: “Có vẻ đó là một phong tục hay. Tạm thời chúng ta cứ làm theo.”

Cần phải duy trì cái ảo tưởng rằng ta nghi ngờ cô ấy phản bội, ông nghĩ. Ông liếc nhìn những vị khách dàn thành hàng ngang đi qua họ. Ai trong số các người tin vào điều dối trá này?

Cảm nhận được sự xa cách của ông, Jessica thấy bồn khoăn như nàng vẫn thường bồn khoăn trong suốt tuần qua. Ông ấy cư xử giống như một người đang đấu tranh với chính mình, nàng nghĩ. Có phải vì ta đã hành động quá nhanh trong việc tổ chức bữa tiệc tối nay? Tuy nhiên, ông ấy biết tầm quan trọng của việc chúng ta bắt đầu cho sĩ quan và người thân tín của chúng ta hòa đồng với dân địa phương trên bình diện xã hội. Chúng ta là các bậc phụ mẫu, đại diện cho tất cả bọn họ. Không gì có thể khắc sâu điều đó vững chắc hơn là kiểu hòa đồng xã hội này.

Công tước Leto nhìn dòng khách khứa đi qua, nhớ lại lời Thufir Hawat đã nói khi được biết về chuyện này: “Thưa Ngài! Tôi không cho phép việc đó!”

Một nụ cười tàn nhẫn thoáng hiện trên miệng Công tước. Cái cảnh này đã diễn ra vậy đó. Khi Công tước vẫn cương quyết tham dự bữa tiệc này, Hawat lắc đầu. “Tôi có linh cảm rất xấu về chuyện này, thưa Tướng công,” ông nói. “Mọi chuyện ở Arrakis diễn ra quá nhanh. Điều đó không giống bọn Harkonnen. Không giống chút nào cả.”

Paul đi ngang qua cha, hộ tống một thiếu nữ cao hơn cậu nửa cái đầu. Cậu cúi kính liếc về phía cha, gật đầu tán thành điều thiếu nữ nói.

“Cha cô bé sản xuất sa phục,” Jessica nói. “Em nghe nói chỉ một kẻ ngốc mới bị người ta bắt gặp ở vùng sa mạc sâu trong khi đang mặc sa phục của tay này.”

“Người đàn ông có bộ mặt đầy sẹo ở phía trước Paul là ai?” Công tước

hỏi. “Ta không nhớ ông ấy.”

“Một vị khách cuối cùng thêm vào danh sách khách mời,” nàng thì thầm. “Gurney đã sắp xếp việc mời ông ta. Một tay buôn lậu.”

“Gurney sắp xếp ư?”

“Theo yêu cầu của em. Việc này cũng đã được thông báo rõ ràng cho Hawat biết, mặc dù em nghĩ Hawat vẫn có chút cứng nhắc trong chuyện này. Tay buôn lậu này là Tuek, Esmar Tuek. Ông ta rất có quyền lực trong giới buôn lậu. Ở đây ai cũng biết tiếng ông ta. Ông ta đã tham dự bữa tối tại nhiều gia đình rồi.”

“Tại sao ông ta có mặt ở đây?”

“Ở đây ai cũng sẽ hỏi câu đó,” nàng nói. “Chỉ nội sự có mặt của Tuek cũng gieo rắc nghi ngờ rồi. Ông ta còn khiến người ta lưu ý đến việc Tướng công đã sẵn sàng thực thi các mệnh lệnh chống tệ nạn hối lộ của Tướng công - bằng cách buộc ngay cả đám buôn lậu cũng phải tuân theo. Có vẻ như đây là điểm mà Hawat rất tâm đắc.”

“Ta không chắc là *ta* thích chuyện này.” Ông gật đầu với một cặp đi ngang qua, thấy chỉ còn vài vị khách đi trước hai vợ chồng. “Sao nàng không mời vài người Fremen?”

“Có Kynes rồi mà,” nàng nói.

“Đúng, có Kynes rồi,” ông nói. “Nàng còn thu xếp sự ngạc nhiên nho nhỏ nào dành cho ta không?” Ông dẫn nàng bước vào hàng, nối theo đoàn người.

“Mọi chuyện khác đều theo thông lệ,” nàng nói.

Rồi nàng nghĩ: *Tướng công của em, lẽ nào ngài không thể nhận ra rằng tay buôn lậu này nắm quyền kiểm soát những con tàu nhanh, rằng người ta có thể hối lộ hắn? Chúng ta phải có một đường thoát, một cửa thoát hiểm để ra khỏi Arrakis nếu mọi việc khác của ta ở đây đều thất bại.*

Khi họ bước vào phòng ăn, nàng thả tay ra để Công tước Leto kéo ghế ngồi cho nàng. Ông sải bước về chỗ ngồi của mình ở đầu bàn. Một người lính kéo ghế cho ông. Những người khác ngồi vào chỗ trong tiếng vài vốc sột soạt, tiếng chân ghế cọ xuống sàn nhà, nhưng Công tước vẫn đứng. Ông đưa tay ra hiệu, và những người lính của gia tộc vận đồng phục bộ binh đang ở quanh bàn bèn lùi lại, đứng nghiêm.

Bầu không khí im lặng lo lắng bao trùm khắp căn phòng.

Jessica nhìn xuôi chiều dài chiếc bàn, thấy khóe miệng Công tước Leto khẽ run lên, gò má ông đỏ bừng lên vì tức giận. *Điều gì khiến ông ấy tức giận?* nàng tự hỏi. *Chắc chắn không phải do mình mời tay buôn lậu.*

“Có vài người thắc mắc về chuyện tôi thay đổi phong tục chầu rửa tay,” Công tước Leto nói. “Đó là cách để tôi nói cho các vị biết rằng sẽ có nhiều thứ thay đổi.”

Bầu không khí im lặng ngượng nghịu bao trùm bàn tiệc.

Họ nghĩ ông ấy say, Jessica nghĩ.

Công tước Leto nâng cốc nước lên, giữ nó ở tầm cao nơi các ngọn đèn treo chiếu những chùm tia sáng phản xạ vào. “Như một hiệp sĩ của Đế quốc, tôi nâng cốc chúc mừng quý vị,” ông nói.

Những người khác cầm cốc của mình, mọi cặp mắt dồn vào Công tước. Không khí đột nhiên im lặng, một chiếc đèn treo khẽ đu đưa theo cơn gió nhẹ từ phía hành lang bếp thổi vào. Những cái bóng chập chờn lướt qua khuôn mặt chim ưng của Công tước.

“Tôi ở đây và tôi vẫn ở đây!” ông quát lên.

Khách khứa chậm chạp đưa cốc lên miệng - dừng lại khi Công tước vẫn đưa tay lên cao. “Lời chúc mừng của tôi là một trong những câu châm ngôn tâm đắc của chúng tôi: ‘Làm ăn tạo nên tiến bộ! Mọi nơi phát lộc phát tài!’ ”

Ông nhấp từng ngụm nước.

Những người khác làm theo ông. Họ liếc nhìn nhau dò hỏi.

“Gurney!” Công tước gọi.

Từ hốc tường cuối phòng nơi Công tước Leto ngồi, vang lên giọng Halleck. “Tôi đây, thưa Công tước.”

“Chơi một điệu nhạc đi, Gurney.”

Một hợp âm thứ của cây đàn baliset cất lên từ hốc tường. Gia nhân bắt đầu đặt những đĩa thức ăn lên bàn khi Công tước ra hiệu - thịt thỏ sa mạc nướng rưới nước sốt cepeda, aplomage sirian, chukka trồng trong nhà kính, cà phê pha melange (mùi quế ngào ngạt của hương được thoang thoảng khắp bàn tiệc), món pot-a-oie chính cống với rượu Caladan sủi tăm.

Thế nhưng, Công tước vẫn đứng.

Trong lúc khách khứa chờ đợi, bị giằng xé giữa một đằng là những đĩa thức ăn trước mặt với một đằng là vị Công tước vẫn đang đứng, Công tước Leto nói: “Thời xưa, nhiệm vụ của chủ nhà là tiếp đãi khách khứa bằng năng khiếu của mình.” Các đốt ngón tay của ông ngả sang màu trắng, ông siết cốc nước trong tay quá chặt. “Tôi không biết hát, nhưng tôi xin đọc cho quý vị lời bài hát của Gurney. Hãy coi đó như một lời chúc nữa - một lời chúc gửi đến tất cả những ai đã hy sinh khi đưa chúng tôi đến được vị trí này.”

Tiếng xôn xao bàn tán vang khắp bàn.

Jessica cụp mắt xuống, liếc những người ngồi gần nàng nhất - nhà nhập khẩu nước mặt tròn xoay và vợ ông ta, vị đại diện Ngân hàng Hiệp hội nhợt nhạt khắc khổ (trông ông ta giống một người nộm với bộ mặt đang huyết sáo, đôi mắt nhìn xoáy vào Công tước Leto), tay Tuek mặt sọc thô kệch, đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh nhìn xuống.

“Bạn hồi, hãy duyệt cuộc diễu hành của những chiến binh đã khuất,” Công tước ngâm nga. “Còn kể gì gánh nặng nỗi đau cùng với công danh. Cũng như chúng ta, cổ cồn ánh bạc họ mang. Bạn hồi, duyệt đi, duyệt cuộc diễu hành, Của những chiến binh tự thuở nào đã khuất. Cám dỗ lợi danh cùng họ qua đi hết. Mỗi khắc qua không còn vờ vịt mưu gian. Bạn hồi, hãy duyệt đi, duyệt cuộc diễu hành, của những chiến binh tự thuở nào đã khuất. Khi với nụ cười méo xệch thời của ta đã hết, chúng ta cũng sẽ bỏ lại đằng sau cám dỗ công danh.”

Công tước ngân dài ở câu cuối, tu một hơi cốc nước rồi dẫn mạnh cốc xuống bàn. Nước sánh ra ngoài miệng cốc rơi xuống khăn trải bàn.

Những người khác uống trong bầu không khí im lặng ngưng đọng.

Công tước lại nâng cốc, lần này ông đổ hết nửa chỗ nước còn lại xuống sàn nhà, biết rằng những người ngồi quanh bàn cũng phải làm tương tự.

Jessica là người đầu tiên làm theo ông.

Bầu không khí như đông cứng lại trong chốc lát trước khi những người khác bắt đầu đổ cốc nước của họ. Jessica nhìn Paul, ngồi cạnh cha mình, đang chăm chú quan sát phản ứng của mọi người xung quanh. Nàng nhận thấy chính mình cũng bị hút vào những biểu lộ trong cử chỉ của các vị khách - đặc biệt là ở phụ nữ. Đây là nước sạch, uống được, chứ không phải thứ bị vớt bỏ trong cái khăn ướt sũng. Sự miễn cưỡng không muốn đổ nước đi lộ ra trong những bàn tay run rẩy, những phản ứng chần chừ, tiếng cười bồn chồn... và sự phục tùng rầm rập do tình thế bắt buộc. Một phụ nữ đánh rơi chiếc cốc, nhìn sang hướng khác khi chồng bà ta nhặt cốc lên.

Tuy nhiên, Kynes thu hút sự chú ý của nàng mạnh nhất. Nhà hành tinh học do dự, rồi đổ cốc nước vào một vật chứa bên dưới áo khoác. Ông mỉm cười với Jessica khi bắt gặp nàng đang nhìn mình, nâng chiếc cốc trống lên với nàng như một lời chúc mừng lặng lẽ. Dường như ông không hề lúng túng trước hành động của mình.

Điệu nhạc của Halleck vẫn lả lướt khắp phòng, nhưng nó đã ra khỏi điệu thứ, giờ đây nó du dương và sống động như thể ông đang cố gắng vực tâm trạng mọi người lên.

“Bắt đầu bữa tối thôi,” Công tước nói, rồi ngồi vào ghế.

Ông ấy tức giận và không chắc chắn, Jessica nghĩ. Việc mất con bọ khai thác hương được kia khiến ông ấy tổn thương sâu sắc hơn bình thường. Phải có một cái gì đó lớn hơn sự mất mát ấy. Ông ấy cư xử giống như một kẻ tuyệt vọng. Nàng nhắc nữa lên, hy vọng cử chỉ này che giấu được nỗi cay đắng bất ngờ trong lòng nàng. Sao lại không chứ? Ông ấy đang tuyệt vọng.

Bữa tối diễn ra, ban đầu thì chậm chạp, sau đó càng lúc càng náo nhiệt. Nhà sản xuất sa phục ca tụng rượu và đầu bếp của Jessica.

“Chúng tôi đưa cả hai từ Caladan đến,” nàng nói.

“Tuyệt vời!” ông ta nói, nhấp một ngụm chukka. “Quá tuyệt vời! Không pha chút hương được nào. Người ta đã phát chán việc pha hương được vào mọi thứ.”

Vị đại diện Ngân hàng Hiệp hội nhìn sang phía Kynes. “Tiến sĩ Kynes, tôi được biết lại thêm một con bọ khai thác rơi vào miệng sâu cát.”

“Tin tức lan nhanh thật,” Công tước nói.

“Thế ra chuyện đó là thật à?” vị đại diện ngân hàng hỏi, hướng sự chú ý vào Công tước Leto.

“Tất nhiên là thật!” Công tước cau mày. “Cái tàu thồ khí gió ấy biến đi đâu mất. Lẽ ra không thể có chuyện mất tích với những thứ to như thế được!”

“Khi sâu cát xuất hiện, không gì có thể cứu được con bọ,” Kynes nói.

“Lẽ ra không thể có chuyện đó!” Công tước lặp lại.

“Không ai nhìn thấy tàu thồ bỏ đi sao?” vị đại diện hỏi.

“Các tàu cảnh vệ mãi dán mắt vào cát,” Kynes nói. “Họ chủ yếu chú tâm vào vết sâu cát. Một tàu thồ thường có bốn người - hai phi công, hai thợ máy. Nếu một hoặc thậm chí hai người trong nhóm nhận lương từ những kẻ thù của Công tước...”

“Ái chà chà, tôi hiểu,” vị đại diện nói. “Còn ông, với tư cách là Phán quan Phụ trách Thay đổi, ông nghi ngờ chuyện này?”

“Tôi sẽ phải cân nhắc quan điểm của mình một cách cẩn thận,” Kynes nói, “và chắc chắn tôi sẽ không bàn luận nó ở bàn tiệc.” Và ông nghĩ: *Cái tên nhột nhọt xương xẩu kia! Hẳn biết đây là loại vi phạm mà ta đã nhận được chỉ thị phải phớt lờ.*

Vị đại diện ngân hàng mỉm cười, lại tập trung vào các món ăn.

Jessica ngồi nhớ lại một bài thuyết trình nàng từng nghe ở trường Bene Gesserit. Chủ đề là hoạt động gián điệp và phản gián. Người thuyết trình là một Mẹ Chí tôn đáng người tròn trĩnh, khuôn mặt tươi tắn, giọng nói vui vẻ của bà tương phản khác thường với chủ đề.

Một điểm cần chú ý ở bất cứ trường đào tạo gián điệp và/hoặc phản gián nào là, mọi học viên đều có kiểu phản ứng cơ bản giống nhau. Trong các trường này, bất kỳ môn học nào cũng đều in đậm dấu ấn của mình, mô hình của mình lên các học viên của nó. Cái mô hình đó có thể dễ dàng phân tích và dự đoán được.

“Vậy thì, mọi nhân viên mật vụ sẽ có những mẫu hình mang tính động cơ giống nhau. Nghĩa là: sẽ có những loại động cơ nhất định giống nhau mặc dù thuộc những trường phái khác nhau hay có mục đích đối lập nhau. Trước hết các em phải học cách tách bạch yếu tố này ra để phân tích - đầu tiên, thông qua các mẫu hình chất vấn tiết lộ định hướng bên trong của người chất vấn; thứ hai, bằng việc theo dõi chặt chẽ định

hướng ngôn ngữ-tư duy của người được phân tích. Các em sẽ thấy việc xác định ngôn ngữ gốc của các đối tượng là khá đơn giản; tất nhiên rồi, cả hai đều dựa vào sự chuyển điều của giọng nói và vào kiểu nói.”

Lúc này, ngồi trong bàn tiệc cùng con trai, Công tước và khách khứa, lắng nghe vị đại diện Ngân hàng Hiệp hội, Jessica cảm thấy ớn lạnh vì ý thức một điều: người này là đặc vụ Harkonnen. Y có kiểu nói của người Giedi Prime - che đậy tinh vi, nhưng vẫn bị phơi trần trước ý thức được huấn luyện của nàng như thể y tự loan báo về chính mình.

Phải chăng điều này có nghĩa là chính Hiệp hội đã liên kết với những bên chống lại Gia tộc Atreides? nàng tự hỏi. Suy nghĩ đó làm nàng choáng váng, và nàng che đậy cảm xúc của mình bằng cách gọi một đĩa thức ăn mới, đồng thời vẫn lắng nghe, chờ kẻ kia để lộ mục đích của mình. Y sẽ hướng cuộc trao đổi tiếp theo vào một chuyện gì đó có vẻ vô hại, nhưng lồng vào đó là những ngụ ý đáng ngại, nàng thầm nghĩ. Đó là mẫu hình của y.

Vị đại diện ngân hàng nuốt thức ăn, nhấp một ngụm rượu, mỉm cười khi nghe người phụ nữ ngồi bên phải nói gì đó. Trong phút chốc có vẻ như ông ta đang chú ý lắng nghe người đàn ông ngồi phía cuối bàn giải thích với Công tước rằng các thực vật Arrakeen bản xứ không có gai.

“Tôi rất thích ngắm những đàn chim ở Arrakis,” vị đại diện Ngân hàng nói, hướng câu nói vào Jessica. “Toàn bộ chim của chúng ta là những loài ăn xác chết, tất nhiên rồi, và rất nhiều con sống mà không cần đến nước, chúng trở thành kẻ uống máu rồi.”

Con gái nhà sản xuất sa phục ngồi giữa hai cha con Paul ở đầu bàn phía bên kia, nhăn khuôn mặt xinh đẹp tỏ vẻ khó chịu rồi nói: “Này, Soo-Soo, ông nói toàn những chuyện nghe kinh quá.”

Vị đại diện ngân hàng mỉm cười. “Người ta gọi tôi là Soo-Soo vì tôi là cố vấn tài chính cho Hiệp hội Người Bán Nước.” Khi Jessica nhìn ông ta chăm chăm mà không bình luận gì, ông ta nói thêm: “Vì tiếng rao của những người bán nước - ‘Soo-Soo-Sook!’ ” Rồi ông ta bắt chước tiếng rao giống đến nỗi nhiều người ngồi quanh bàn phải bật cười.

Jessica nhận ra giọng điệu khoe khoang của ông ta, nhưng nàng thấy rõ thiếu nữ kia đã nói đầy gợi ý - kể tung người hứng. Cô ta đã đưa ra cái cớ để vị đại diện ngân hàng vin vào đó mà nói những lời vừa rồi. Nàng liếc Lingar Bewt. Ông trùm nước đang quắc mắt tức giận, cố tập trung vào bữa tối. Điều đó khiến nàng hiểu được ngụ ý của vị đại diện ngân hàng: *“Chính tôi cũng nắm giữ nguồn quyền lực tối thượng trên Arrakis - nước.”*

Paul để ý thấy sự giả dối trong giọng nói người bạn cặp đôi của mình, nhận ra mẹ cậu đang lắng nghe cuộc trò chuyện đó bằng sự chăm chú cao độ của một Bene Gesserit. Cảm thấy bị thôi thúc, cậu quyết định chơi một đòn chặn đầu, kéo dài cuộc đối thoại. Cậu tập trung vào vị đại diện ngân hàng.

“Thưa ngài, có phải ngài định nói những con chim này là kẻ ăn thịt đồng loại?”

“Đó là một câu hỏi kỳ quặc, thưa Thiếu chủ,” vị đại diện ngân hàng nói. “Tôi chỉ nói những con chim đó uống máu mà thôi. Đó không nhất thiết là máu đồng loại chúng, phải không?”

“Đấy *không phải* câu hỏi kỳ quặc,” Paul nói, và Jessica nhận thấy kiểu đối đáp sắc sảo mà nàng đã dạy lộ ra trong giọng nói của cậu. “Hầu hết những người có học đều biết, sự cạnh tranh tiềm năng xấu xa nhất đối với bất cứ kẻ non yếu nào có thể đến từ chính đồng loại của nó.” Cậu chủ tâm xiên một miếng thức ăn trong đĩa của cô bạn. “Người ta đang ăn trong cùng một bát. Người ta có những nhu cầu cơ bản giống nhau.”

Vị đại diện ngân hàng cứng người lại, quắc mắt nhìn Công tước.

“Chớ có phạm sai lầm mà xem con tôi như đứa trẻ,” Công tước nói. Rồi ông mỉm cười.

Jessica nhìn lướt qua bàn tiệc, thấy Bewt đã tươi tỉnh trở lại, cả Kynes và tay buôn lậu Tuek đều toét miệng cười hề hả.

“Đó là quy luật sinh thái học,” Kynes nói, “Thiếu chủ có vẻ hiểu quy luật này khá rõ. Cuộc đấu tranh giữa những nguyên tố sống là cuộc đấu tranh giải phóng năng lượng trong một hệ thống. Máu là một nguồn năng lượng hữu hiệu.”

Vị đại diện ngân hàng đặt nĩa xuống, nói giọng giận dữ: “Người ta nói bọn Fremen cần bã uống máu những đồng loại đã chết.”

Kynes lắc đầu, nói bằng giọng giảng giải: “Không phải máu, thưa ngài. Nhưng tất cả nước trong cơ thể một người tốt cuộc thì cũng thuộc về dân tộc của anh ta - thuộc về bộ tộc của anh ta. Đó là điều cần thiết khi ông sống gần Bình nguyên Lớn. Ở đó mọi thứ nước đều quý giá, và trong cơ thể con người thì nước chiếm chừng bảy mươi phần trăm trọng lượng. Người chết chắc chắn là không cần lượng nước đó nữa.”

Vị đại diện ngân hàng đặt cả hai tay lên bàn cạnh đĩa thức ăn, và Jessica nghĩ ông ta sẽ đẩy ghế về phía sau, dùng dùng bỏ đi trong cơn thịnh nộ.

Kynes nhìn Jessica. “Xin Lệnh bà thứ lỗi cho tôi vì đã trình bày chi tiết một vấn đề khó nghe đến thế tại bàn tiệc, nhưng Lệnh bà đang nghe người ta kể sai sự thật, và cần phải làm cho rõ việc đó.”

“Ông sống với người Fremen lâu đến nỗi mất hết nhạy cảm rồi,” vị đại diện ngân hàng nói the thé.

Kynes bình tĩnh nhìn ông ta, quan sát gương mặt nhợt nhạt đang run lên. “Ông đang thách thức tôi đấy à, thưa ông?”

Vị đại diện ngân hàng cứng người lại. Ông ta nuốt nước bọt rồi nói khó nhọc: “Tất nhiên là không rồi. Tôi sẽ không xúc phạm đến chủ nhà và phu nhân như vậy.”

Jessica nghe thấy sự sợ hãi trong giọng ông ta, nhìn thấy nó trên gương mặt, trong hơi thở, trong mạch đập thái dương của ông ta. Người này khiếp sợ Kynes!

“Hai vị chủ nhà của chúng ta có khả năng tự quyết định đâu là lúc họ bị xúc phạm,” Kynes nói. “Họ là những người can đảm biết thế nào là bảo vệ thanh danh. Tất cả chúng ta có thể xác nhận lòng can đảm của họ trên cái thực tế là họ có mặt ở đây... trong lúc này... ở Arrakis.”

Jessica nhận thấy Công tước Leto thích thú chuyện này. Hầu hết những người khác thì không. Mọi người quanh bàn đều ngồi trong tư thế sẵn sàng lĩnh đi, tay thu lại giấu dưới bàn. Hai ngoại lệ đáng chú ý là Bewt, kẻ đang công khai mỉm cười trước thái độ bối rối của vị đại diện ngân hàng, và tay buôn lậu Tuek, kẻ dường như vẫn đang quan sát xem Kynes phản ứng thế nào. Jessica nhận thấy Paul đang nhìn Kynes với vẻ ngưỡng mộ.

“Thế nào?” Kynes nói.

“Tôi không có ý xúc phạm,” vị đại diện ngân hàng lẩm bẩm. “Nếu tôi làm ông méch lòng, xin hãy nhận lời xin lỗi của tôi.”

“Sẵn sàng xin lỗi thì cũng sẵn sàng chấp nhận,” Kynes nói. Ông mỉm cười với Jessica, lại tiếp tục ăn như không có chuyện gì xảy ra.

Jessica thấy tay buôn lậu cũng có vẻ thư giãn. Nàng ghi nhận một điều: tự này tới giờ kẻ này luôn tỏ vẻ như mình là một trợ thủ sẵn sàng xông tới giúp đỡ Kynes. Có một sự đồng khí tương cầu nào đó giữa Kynes và Tuek.

Leto vừa nhích một chiếc nĩa vừa nhìn Kynes suy đoán. Cung cách của nhà sinh thái học cho thấy ông ta đã thay đổi thái độ đối với Gia tộc Atreides. Trong chuyến bay trên sa mạc, Kynes có vẻ lạnh nhạt hơn.

Jessica ra hiệu để người ta tiếp thêm thức ăn và đồ uống. Gia nhân xuất hiện mang theo món *langues de lapins de garenne* - đi kèm rượu vang đỏ và nước sốt bằng men nấm.

Dần dần, cuộc đàm đạo quanh bàn ăn lại tiếp tục, nhưng Jessica nghe thấy trong đó có sự bối rối, mong manh, nhìn thấy vị đại diện ngân hàng

lặng thinh ngồi ăn, vẻ sừng sải. *Kynes hẳn có thể giết chết gã này mà không chút đắn đo*, nàng nghĩ. Và nàng nhận ra trong cung cách của Kynes có cái vẻ tự nhiên, thoải mái như không đối với chuyện giết người. Ông ta là một kẻ giết người bẩm sinh, và nàng đoán đó là một tính cách của người Fremen.

Jessica quay sang nhà sản xuất sa phức bên tay trái, nói: “Tôi liên tục bị sưng sốt trước tầm quan trọng của nước trên Arrakis.”

“Quan trọng lắm,” ông ta tán thành. “Món này là gì vậy? Ngon quá.”

“Lưỡi thỏ hoang rưới nước xốt đặc biệt,” nàng nói. “Một công thức rất xưa.”

“Tôi phải kiểm cho ra công thức này mới được,” ông ta nói.

Nàng gật đầu. “Tôi sẽ lo liệu để ông có nó.”

Kynes nhìn Jessica nói: “Người mới đến Arrakis thường đánh giá thấp tầm quan trọng của nước ở nơi này. Bà thấy đấy, bà đang phải đối mặt với Luật về Cái Tối thiểu.”

Qua giọng Kynes, nàng cảm thấy ông ta có ý thử mình, liền nói: “Sự tăng trưởng bị giới hạn vì những thứ thiết yếu chỉ hiện diện với số lượng tối thiểu. Và, theo lẽ tự nhiên, điều kiện ít thuận lợi nhất sẽ kiểm soát tốc độ tăng trưởng.”

“Hiếm khi gặp được người thuộc một Đại Gia tộc mà lại hiểu biết những vấn đề sinh thái học,” Kynes nói. “Nước là điều kiện ít thuận lợi nhất đối với sự sống ở Arrakis. Và hãy nhớ rằng bản thân *sự tăng trưởng* cũng có thể sinh ra những điều kiện bất lợi nếu nó không được chăm chút với sự cẩn trọng tối đa.”

Jessica cảm thấy có một thông điệp ẩn giấu trong lời lẽ của Kynes, nhưng biết rằng mình đã không nắm được nó. “Sự tăng trưởng,” nàng nói. “Có phải ý ông là, nếu như dưới điều kiện thuận lợi hơn, Arrakis có

thể có một vòng luân chuyển nước có trật tự để duy trì sự sống con người?”

“Không thể!” ông trùm nước quát lên.

Jessica hướng sự chú ý sang Bewt. “Không thể?”

“Trên Arrakis thì không thể,” ông ta nói. “Đừng nghe cái gã mơ hão đó. Mọi bằng chứng thí nghiệm đều chống lại hắn ta.”

Kynes nhìn Bewt, và Jessica nhận thấy những cuộc trò chuyện quanh bàn đã ngừng lại bởi mọi người tập trung vào cuộc trao đổi mới này.

“Bằng chứng thí nghiệm có xu hướng làm chúng ta không nhìn thấy một điều rất đơn giản,” Kynes nói. “Đó là: ở đây chúng ta phải đối mặt với những vấn đề vốn dĩ phát sinh và hiện hữu ở ngoài trời, nơi động thực vật đang sống cuộc sống bình thường của chúng.”

“Bình thường á!” Bewt khịt mũi. “Chẳng có gì ở Arrakis là bình thường hết.”

“Hoàn toàn ngược lại,” Kynes nói. “Có thể thiết lập một số sự hài hòa nhất định ở đây, theo những chuỗi tự cung tự cấp. Chỉ cần ta hiểu rõ những giới hạn của hành tinh này cùng những sức ép nó phải chịu.”

“Chẳng bao giờ làm được đâu,” Bewt nói.

Công tước đột ngột phát hiện ra đâu là lúc thái độ của Kynes thay đổi - khi Jessica nói đến chuyện duy trì những cây trồng trong nhà kính theo sự ủy thác của Arrakis.

“Để thiết lập một hệ thống tự cung tự cấp thì phải có những gì, Tiến sĩ Kynes?” Leto hỏi.

“Nếu ta có thể cho ba phần trăm yếu tố cây xanh trên Arrakis tham gia vào việc hình thành các hợp chất cacbon làm thực phẩm, ấy là ta đã khởi động hệ thống tuần hoàn,” Kynes nói.

“Nước là vấn đề duy nhất sao?” Công tước hỏi. Ông cảm nhận được sự phẫn khích của Kynes, cảm thấy mình cũng bị cuốn theo.

“Nước là vấn đề nan giải hơn bất cứ vấn đề nào,” Kynes nói. “Hành tinh này có nhiều ô xy nhưng lại không có những thứ thường kèm theo nó - đời sống thực vật rộng khắp và những nguồn đi ô xít các bon dồi dào từ những hiện tượng như núi lửa. Ở đây có nhiều trao đổi hóa học bất thường trên những vùng bề mặt rộng lớn.”

“Ông có dự án thí điểm nào không?” Công tước hỏi.

“Chúng tôi đã có một thời gian dài xây dựng Hiệu ứng Tansley, - những thử nghiệm mang tính nghiệp dư theo từng nhóm nhỏ mà hiện nay, ngành khoa học của tôi có thể rút ra từ đó những cơ sở lập luận có thể chấp nhận được,” Kynes nói.

“Không đủ nước,” Bewt nói. “Chỉ là không đủ nước thôi.”

“Ngài Bewt là chuyên gia về nước,” Kynes nói. Ông mỉm cười, quay lại với bữa ăn.

Công tước ra hiệu một cách gay gắt bằng tay phải, quát lên: “Không! Ta cần một câu trả lời! Có đủ nước hay không, Tiến sĩ Kynes?”

Kynes nhìn chằm chằm vào đĩa của mình.

Jessica quan sát biểu hiện cảm xúc trên mặt ông. *Ông ta tự giấu mình giỏi lắm*, nàng nghĩ, nhưng giờ nàng đã nắm được thóp ông ta và đọc được rằng ông ta hối tiếc những lời vừa nói.

“Có đủ nước không?” Công tước hỏi.

“Cái đó thì... có thể,” Kynes nói.

Ông ta vờ như không chắc chắn! Jessica nghĩ.

Với khả năng cảm nhận sự thật giờ đã trở nên sâu sắc hơn, Paul nắm bắt được cái động cơ ẩn bên trong, phải vận hết công phu rèn luyện mới che giấu được nỗi phẫn khích của mình. *Có đủ nước! Nhưng Kynes không muốn người ta biết chuyện đó.*

“Nhà hành tinh học của chúng ta có nhiều giấc mơ thú vị,” Bewt nói. “Ông ta mơ cùng bọn người Fremen - về những điều tiên báo và các nhà tiên tri.”

Những tiếng tắc lưỡi vang lên ở vài nơi quanh bàn. Jessica để ý - đó là tay buôn lậu, con gái nhà sản xuất sa phục, Duncan Idaho, người đàn bà có kẻ hộ tống bí ẩn.

Tối nay, ở nơi này, những sự căng thẳng được phân bố thật kỳ lạ, Jessica nghĩ. Có quá nhiều chuyện xảy ra mà ta không biết được. Ta phải phát triển những nguồn thông tin mới.

Công tước chuyển cái nhìn từ Kynes sang Bewt rồi Jessica. Ông cảm thấy thất vọng kỳ lạ, như thể có một điều sống còn nào đó vừa sụt qua ông ngay ở đây. “*Có thể,*” ông lẩm bẩm.

Kynes nói nhanh: “Có lẽ chúng ta nên thảo luận chuyện này vào dịp khác, thưa Tướng công. Có quá nhiều...”

Nhà hành tinh học bỏ lửng câu nói khi một binh sĩ mặc quân phục Atreides vội vã bước vào qua cửa dành cho người phục vụ. Được vệ sĩ cho phép, anh ta tiến lại bên Công tước, cúi xuống nói nhỏ vào tai ông.

Jessica nhận ra trên chiếc mũ lưỡi trai dấu hiệu cho thấy anh ta thuộc lực lượng của Hawat, liền cố nén nỗi lo lắng. Nàng quay sang người đi cùng nhà sản xuất sa phục - một người đàn bà bé nhỏ tóc đen khuôn mặt búp bê, mắt có rẽ quạt.

“Bà hầu như không đụng tới thức ăn, thưa bà,” Jessica nói. “Tôi có thể gọi riêng cho bà món gì đó không?”

Người đàn bà nhìn sang nhà sản xuất sa phục rồi mới nói: “Tôi không đói lắm.”

Đột nhiên, Công tước đứng dậy cạnh người lính, nói bằng giọng khắc nghiệt như mỗi khi ông ra lệnh: “Mọi người cứ ngồi đi nhé. Các vị sẽ phải tha lỗi cho tôi, nhưng có một chuyện xảy ra buộc tôi phải đích thân lưu tâm tới.” Ông bước sang một bên. “Paul, tiếp khách thay cha nhé.”

Paul đứng dậy, vừa muốn hỏi tại sao cha phải đi, vừa biết rằng cậu phải đóng vai trò này với cung cách đường hoàng. Cậu vòng tới chỗ ghế của cha, ngồi xuống đó.

Công tước quay lại chỗ hốc tường nơi Halleck đứng, nói: “Gurney, đến ngồi vào chỗ của Paul nhé. Chúng ta không được để số lẻ ở đây. Khi nào bữa tiệc kết thúc, có thể ta sẽ cần anh đưa Paul đến vùng C.P. Đợi ta gọi.”

Halleck từ hốc tường tiến ra, mặc quân phục, dáng lưng gù xấu xí của ông dường như lạc lõng giữa khung cảnh sáng ngời lộng lẫy. Ông tựa cây đàn baliset vào tường, tiến về phía chiếc ghế của Paul ban nãy, ngồi xuống.

“Không có gì đáng lo đâu,” Công tước nói, “nhưng tôi phải yêu cầu các vị không ai rời khỏi đây chừng nào vệ sĩ nhà chúng tôi chưa thông báo an toàn. Các vị sẽ tuyệt đối an tâm chừng nào quý vị ở lại đây, còn chúng tôi sẽ giải quyết rắc rối nho nhỏ này rất chóng thôi.”

Paul nắm được những từ mã hóa trong thông điệp của cha - *vệ sĩ-an toàn-an tâm-nhanh chóng*. Vấn đề là sự an toàn chứ không phải là bạo lực. Cậu thấy mẹ cũng đọc được thông điệp đó. Cả hai nhẹ cả người.

Công tước gật đầu nhanh rồi quay người sải bước qua cửa dành cho phục vụ, người lính theo sau ông.

Paul nói: “Xin mọi người tiếp tục dùng bữa đi. Tôi tin rằng Tiến sĩ Kynes đang bàn dở về chuyện nước.”

“Chúng ta có thể thảo luận chuyện đó lần khác không?” Kynes hỏi.

“Tất nhiên rồi,” Paul nói.

Jessica tự hào nhận thấy sự đường hoàng, vẻ đĩnh đạc tự tin như người trưởng thành ở con trai nàng.

Vị đại diện ngân hàng nhấc cốc nước lên, dùng nó ra hiệu về phía Bewt. “Không ai trong chúng ta đây có thể bì với ngài Lingar Bewt về những lời hoa mỹ. Hầu như người ta có thể cho rằng ông ta mong muốn có được địa vị Đại Gia tộc. Nào, ngài Bewt, nâng cốc chúc mừng chúng tôi đi nào. Có lẽ ông có dăm ba minh triết nào đó dành cho cậu bé mà người ta phải cư xử như người lớn đây.”

Jessica siết chặt bàn tay phải thành nắm đấm dưới mặt bàn. Nàng nhận thấy Halleck ra hiệu bằng tay cho Idaho, thấy binh lính của gia tộc đang đứng dọc các bức tường liền tiến vào vị trí cảnh giác tối đa.

Bewt ném một cái nhìn độc địa về phía vị đại diện ngân hàng.

Paul liếc sang Halleck, ghi nhận vị trí phòng thủ của các vệ sĩ, nhìn vị đại diện ngân hàng cho đến khi ông này hạ cốc nước xuống. Cậu nói: “Có lần, ở Caladan, ta nhìn thấy xác một ngư dân chết đuối được người ta phát hiện. Ông ta...”

“Chết đuối?” Đó là giọng của con gái nhà sản xuất sa phức.

Paul ngập ngừng, rồi nói: “Phải. Bị chìm trong nước đến khi chết. Chết đuối.”

“Chết thế thì hay thật,” cô ta lẩm bẩm.

Nụ cười của Paul trở nên lạnh lùng. Cậu quay lại nói với vị đại diện ngân hàng. “Điều thú vị ở người này là các vết thương trên vai ông ta - do đôi bốt có vuốt của một ngư dân khác gây ra. Ngư dân này là một trong số mấy người trên chiếc thuyền - đó là một cái tàu dùng để đi lại trên

nước - bị đắm... chìm xuống dưới mặt nước. Một ngư dân tham gia vớt xác nói rằng anh ta đã mấy lần nhìn thấy những dấu vết giống như các vết thương của người này. Chúng có nghĩa là một ngư dân đang chết đuối khác đã cố đứng lên vai anh bạn khốn khổ này hòng vươn được lên trên mặt nước - vươn tới được không khí.”

“Tại sao lại thú vị chứ?” vị đại diện ngân hàng hỏi.

“Thú vị là bởi một điều cha ta quan sát được vào lúc đó. Ông nói, có thể thông cảm cho một người đang chết đuối phải trèo lên vai ta để tự cứu mạng mình - trừ khi ta thấy điều đó xảy ra trong phòng vẽ.” Paul ngập ngừng vừa đủ lâu để vị đại diện ngân hàng cảm thấy điểm quan trọng nhất sắp được nói ra, rồi tiếp: “Và, ta phải nói thêm, trừ khi ta thấy nó ở bàn ăn.”

Một sự nín lặng đột ngột bao trùm bàn ăn.

Thật liều lĩnh quá, Jessica nghĩ. Tay đại diện ngân hàng này có đủ vai vế để thách đấu với con trai ta. Nàng thấy Idaho chuyển sang thế sẵn sàng lập tức hành động. Lính của Gia tộc đề phòng cao độ. Gurney Halleck không rời mắt khỏi những người đối diện ông.

“Hô-hô-hô-hô-hô!” Đó là tay buôn lậu, Tuek, đầu ngật ra phía sau mà cười sằng sặc, hoàn toàn không quan tâm kẻ khác nghĩ gì.

Những nụ cười bồn chồn xuất hiện quanh bàn.

Bewt toét miệng cười.

Vị đại diện ngân hàng đã đẩy ghế ra phía sau, trừng trừng nhìn Paul.

Kynes nói: “Trêu chọc người nhà Atreides thì tự chuốc vạ vào thân.”

“Có phải phong tục nhà Atreides là xúc phạm khách không?” vị đại diện ngân hàng hỏi.

Paul chưa kịp trả lời thì Jessica đã cúi về phía trước nói: “Thưa ngài!” Và

nàng nghĩ: *Chúng ta phải học được trò chơi của cái tên Harkonnen này. Có phải hẳn tới đây để thử Paul không? Hẳn có được ai giúp không?*

“Con tôi trình ra một bộ quần áo cỡ bình thường nhưng ông lại cho rằng nó được cắt may dành riêng cho ông sao?” Jessica hỏi. “Phát hiện mới hấp dẫn làm sao chứ.” Nàng luồn một tay xuống chân tìm con dao pha lê nhét trong chiếc vỏ bằng da bê.

Vị đại diện ngân hàng quay sang nhìn Jessica giận dữ. Những ánh mắt rời khỏi Paul, và nàng nhận thấy cậu thận trọng lùi khỏi bàn để có không gian giao chiến. Cậu đã tập trung vào từ mã: *bộ quần áo*. “*Sẵn sàng chiến đấu.*”

Kynes hướng cái nhìn suy đoán vào Jessica, kín đáo ra hiệu bằng tay cho Tuek.

Tay buôn lậu vừa lão đảo đứng dậy vừa nâng cốc. “Tôi sẽ nâng cốc chúc mừng cậu,” ông ta nói. “Chúc mừng cậu Paul Atreides trẻ tuổi, đáng vẻ là cậu bé nhưng hành xử như người lớn.”

Tại sao họ lại can thiệp vào? Jessica tự hỏi.

Giờ thì vị đại diện ngân hàng lại nhìn Kynes chòng chọc, và Jessica thấy nổi khiếp sợ trở lại trên gương mặt ông ta.

Mọi người quanh bàn tiệc bắt đầu có phản ứng.

Kynes dẫn đi đâu, mọi người sẽ theo tới đó, Jessica nghĩ. Ông ta đã nói với chúng ta là ông ta ủng hộ Paul. Vậy bí mật trong sức mạnh của ông ta nằm ở đâu? Không thể ở cái chức vụ Phán quan Phụ trách Thay đổi. Chức ấy chỉ là tạm thời. Tất nhiên cũng không phải vì ông ta là quan chức nhà nước.

Nàng buông tay khỏi cán dao, nâng cốc về phía Kynes, và ông cũng nâng cốc đáp lại.

Chỉ có Paul và vị đại diện ngân hàng - (Soo-Soo! Cái biệt hiệu mới ngu

ngốc làm sao chứ! Jessica nghĩ) - vẫn tay không. Vị đại diện ngân hàng vẫn dán mắt vào Kynes. Paul nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn của mình.

Ta đang hành xử một cách đúng đắn, Paul nghĩ. *Tại sao bọn họ lại xía vào?* Cậu kín đáo liếc những vị khách nam giới ngồi gần cậu nhất. Sẵn sàng cho bạo lực ư? Vì ai? Tất nhiên không vì tay đại diện ngân hàng đó rồi.

Halleck ngọ nguậy, nói như thể không nhằm đến một người nào cụ thể, hướng câu nói lên trên đầu các vị khách ngồi đối diện ông: “Trong xã hội của chúng ta, người ta không nên dễ bị méch lòng. Đó thường là hành động tự sát.” Ông nhìn con gái nhà sản xuất sa phục ngồi bên cạnh. “Quý cô có nghĩ thế không, thưa cô?”

“Ồ, có. Có chứ. Tôi thực sự nghĩ thế,” cô ta nói. “Có quá nhiều bạo lực. Nó làm tôi phát ốm. Và rất nhiều khi chẳng ai có ý xúc phạm ai nhưng người ta vẫn chết. Như thế thì thật vô nghĩa.”

“Quả đúng là vô nghĩa,” Halleck nói.

Jessica quan sát sự giả vờ gần như hoàn hảo của cô gái, thấy rõ: *Cô bé đầu rỗng tuếch này không phải một cô bé đầu rỗng tuếch*. Rồi nàng nhận thấy cái khuôn mẫu của mối đe dọa này và hiểu rằng Halleck cũng đã phát hiện ra nó. Bọn chúng định dùng mỹ nhân kế như Paul. Jessica nhẹ cả người. Có lẽ con trai nàng là người đầu tiên nhận ra điều đó - cậu bé đã được dạy dỗ để không bỏ sót nước cờ thí quân quá lộ liễu này.

Kynes nói với vị đại diện ngân hàng: “Không có một lời xin lỗi khác sao?”

Vị đại diện ngân hàng nhe răng cười với Jessica vẻ khố sở, nói: “Thưa Lệnh bà, tôi e rằng tôi đã uống quá nhiều rượu rồi. Lệnh bà đã bày rượu mạnh trên bàn tiệc mà tôi thì lại không quen uống loại này.”

Jessica nghe thấy sự chua cay ẩn dưới giọng điệu của ông ta, liền ngọt ngào nói: “Khi những người lạ mặt gặp nhau, họ nên chiều cố cho nhau những khác biệt về tập quán và giáo dục.”

“Cám ơn Lệnh bà,” ông ta nói.

Người đồng hành tóc đen của nhà sản xuất sa phục cúi người về phía Jessica nói: “Công tước nói ở đây chúng tôi được an toàn. Tôi hy vọng điều đó không có nghĩa là lại có thêm giao chiến.”

Bà ta đã được chỉ thị dẫn dắt câu chuyện theo hướng này, Jessica nghĩ.

“Có khả năng đây chỉ là vấn đề nhỏ thôi,” Jessica nói. “Nhưng trong những lúc như thế này, có quá nhiều chi tiết cần Công tước phải đích thân chú ý đến. Chùng nào hận thù còn tiếp diễn giữa Atreides và Harkonnen thì chùng đó chúng tôi có cẩn thận mấy cũng không thừa. Công tước đã thể tuân theo đúng luật kanly. Tất nhiên ngài sẽ không để một đặc vụ Harkonnen nào sống sót trên Arrakis.” Nàng liếc vị đại diện Ngân hàng Hiệp hội. “Và đương nhiên Hiệp hội ủng hộ Công tước trong chuyện này.” Nàng chuyển sự chú ý sang Kynes. “Không phải thế sao, Tiến sĩ Kynes?”

“Đúng là như thế,” Kynes nói.

Nhà sản xuất sa phục khẽ kéo người đồng hành của mình lùi lại. Bà ta nhìn ông rồi nói: “Tôi nghĩ bây giờ mình sẽ ăn gì đó. Tôi muốn một ít thịt chim mà ban nãy Lệnh bà đã cho dọn ra.”

Jessica ra hiệu cho một người hầu, rồi quay sang vị đại diện ngân hàng: “Còn ngài, thưa ngài, ban nãy ngài đang nói dở về lũ chim và thói quen của chúng. Tôi thấy có rất nhiều chuyện thú vị về Arrakis. Hãy kể cho tôi nghe, hương được được tìm thấy ở đâu? Có phải những người tìm kiếm phải đi sâu vào trong sa mạc?”

“Ồ, không đâu, thưa Lệnh bà,” ông ta nói. “Người ta biết rất ít về vùng sa mạc sâu. Và hầu như chẳng biết gì về các khu vực phía Nam cả.”

“Có chuyện kể rằng người ta tìm thấy một Mạch Hương được Mẹ rất lớn trong những vùng xa xôi hẻo lánh phía Nam,” Kynes nói, “nhưng tôi ngờ rằng đó chỉ là chuyện người ta tưởng tượng ra để đặt lời cho một

bài hát. Thỉnh thoảng có vài người săn hương được liều lĩnh thâm nhập vào vùng rìa vành đai trung tâm, nhưng điều đó cực kỳ nguy hiểm - tàu thì lái không vững được, bão thì thường xuyên. Càng hoạt động cách xa các căn cứ ở Tường Chấn thì thương vong càng tăng vọt. Chẳng ích lợi gì nếu mạo hiểm đi quá xa về hướng Nam. Có thể nếu chúng ta có một vệ tinh khí tượng...”

Bewt nhìn lên, miệng ngồm ngoàm thức ăn, nói: “Nghe đồn người Fremen đã đi đến đó, rằng họ đến bất cứ chỗ nào, thậm chí cả những vùng phía Nam, đang tìm cho ra những vùng thấm và vũng nhấp.”

“Vùng thấm và vũng nhấp?” Jessica hỏi.

Kynes nói nhanh: “Toàn đồn tâm bậy, thưa Lệnh bà. Ở những hành tinh khác thì có nghe thế, nhưng ở Arrakis thì không. Vùng thấm là một nơi nước thấm tới bề mặt hoặc gần bề mặt đủ để có thể tìm ra bằng cách đào bới dựa theo một số dấu hiệu nhất định. Vũng nhấp là một kiểu vùng thấm nước mà ở đó người ta có thể hút nước qua một cái ống hút... ấy là người ta nói thế.”

Có sự dối trá trong lời nói của ông ta, Jessica nghĩ.

Tại sao ông ta nói dối? Paul tự hỏi.

“Thật thú vị,” Jessica nói. Và nàng nghĩ. “*Người ta nói...*” Ở đây họ dùng lối diễn đạt mới lạ lùng làm sao chứ. Giá mà họ biết kiểu diễn đạt đó làm lộ ra rằng họ toàn dựa vào những điều mê tín.

“Tôi nghe nói ngài có một câu châm ngôn: sự tinh tế xuất phát từ thành phố, sự thông thái xuất phát từ sa mạc,” Paul nói.

“Có rất nhiều câu châm ngôn ở Arrakis,” Kynes nói.

Jessica chưa kịp nêu câu hỏi mới thì một người hầu đã cúi xuống đưa cho nàng một bức thư. Nàng mở thư ra, thấy chữ viết tay và những ký hiệu mã hóa của Công tước, liền đọc lướt qua.

“Tất cả quý vị sẽ vui mừng khi biết rằng Công tước của chúng ta gửi đến những tin tức giúp mọi người an tâm,” nàng nói. “Vấn đề khiến Công tước phải rời bàn tiệc đã được giải quyết ổn thỏa. Chiếc tàu thồ mất tích đã được tìm thấy. Một gián điệp Harkonnen trong phi đội đã khống chế những người khác và lái tàu đến căn cứ của dân buôn lậu với hy vọng bán được con tàu ở đó. Cả phi đội và con tàu đã được trao trả cho lực lượng của chúng ta.” Nàng gật đầu với Tuek.

Tay buôn lậu gật đầu đáp trả.

Jessica gấp bức thư lại, cất vào tay áo.

“Tôi rất vui mừng vì đã không xảy ra một cuộc chiến mở rộng,” vị đại diện ngân hàng nói. “Dân chúng hy vọng gia tộc Atreides sẽ mang lại hòa bình và phồn vinh.”

“Đặc biệt là phồn vinh,” Bewt nói.

“Chúng ta sẽ dùng món tráng miệng bây giờ chứ?” Jessica hỏi. “Tôi đã bảo bếp trưởng chuẩn bị món bánh ngọt Caladan: gạo pongi rưới sốt dolsa.”

“Nghe tuyệt thật,” nhà sản xuất sa phục nói. “Tôi có thể xin công thức không?”

“Bất cứ công thức món ăn nào ngài thích,” Jessica nói, cho ông ta vào sổ để nói lại với Hawat sau. Nhà sản xuất sa phục là một kẻ bon chen nhỏ bé đáng sợ và có thể mua chuộc được.

Những lời xì xào lại tiếp tục vang lên xung quanh nàng: “Thớ vãi mới mịn làm sao...” “Ông ta đang cho người dát khung để xứng với viên ngọc...” “Chúng ta phải cố tăng sản lượng quý sau...”

Jessica nhìn chằm chằm xuống đĩa, nghĩ về phần mã hóa trong bức thư của Leto: *Bọn Harkonnen đã cố chuyển về một lô súng laze. Chúng ta đã bắt được chúng. Chuyện này có thể có nghĩa là bọn chúng đã thành công*

với những lô hàng khác. Rõ ràng chúng không trông mong gì lắm vào những tấm chắn. Hãy chuẩn bị để phòng thích đáng.

Jessica tập trung tâm trí vào súng laze, lấy làm ngạc nhiên. Những tia đứt đoạn nóng đến mức sáng trắng có thể cắt xuyên qua bất cứ loại vật chất nào người ta từng biết tới, chỉ cần loại vật chất đó không được che chắn. Việc cả súng laze lẫn tấm chắn sẽ nổ tung do phản hồi từ tấm chắn không làm bọn Harkonnen lo ngại. Tại sao? Cú nổ tấm chắn-súng laze là một biến số nguy hiểm, có thể chứa sức công phá lớn hơn cả nguyên tử, lại cũng có thể chỉ giết chết người cầm súng và mục tiêu được che chắn của anh ta.

Những điều chưa biết ở đây khiến tâm trí nàng bứt rứt không yên.

Paul nói: “Tôi chưa bao giờ nghi ngờ việc chúng ta sẽ tìm thấy tàu thồ. Một khi cha tôi đích thân giải quyết vấn đề gì thì nhất định ông sẽ giải quyết được. Đây là một thực tế mà bọn Harkonnen đang bắt đầu nhận ra.”

Thằng bé đang khoe khoang, Jessica nghĩ. Nó không nên khoe khoang. Tối nay người nào sẽ phải ngủ trong hầm sâu dưới lòng đất để đề phòng súng laze thì không có quyền khoe khoang như thế.

“Không có lối thoát nào - chúng ta trả giá cho sự bạo lực của tổ tiên mình.”

- trích “Tuyển dụ ngôn của Muad'Dib” của công chúa Irulan

Jessica nghe thấy tiếng huyền não trong đại sảnh, liền bật chiếc đèn cạnh giường ngủ lên. Đồng hồ đặt ở đó không được điều chỉnh chính xác theo giờ địa phương nên nàng phải trừ đi hai mươi một phút để xác định lúc này vào khoảng hai giờ sáng.

Tiếng huyền não âm ỉ và đứt quãng.

Có phải bọn Harkonnen tấn công không? nàng tự hỏi.

Nàng tụt xuống giường, kiểm tra các màn hình giám sát để xem mọi thành viên gia đình đang ở đâu. Màn hình cho thấy Paul đang ngủ trong căn phòng dưới hầm sâu nơi họ đã vùi vàng biến thành phòng ngủ cho cậu. Tiếng ồn hiển nhiên không thể lọt vào chỗ cậu. Chẳng có ai trong phòng Công tước, giường của ông vẫn phẳng phiu. Chẳng lẽ ông vẫn ở ngoài sân đáp C.P.?

Tuy nhiên không có màn hình nào hiển thị hình ảnh phía trước tòa nhà.

Jessica đứng giữa phòng lắng nghe.

Có một tiếng la hét, một giọng nghe đứt quãng. Nàng nghe thấy ai đó gọi bác sĩ Yueh. Jessica tìm áo choàng, khoác lên vai, xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà, dùng dây da buộc con dao pha lê vào chân.

Giọng nói lại gọi Yueh.

Jessica buộc áo choàng quanh người, bước vào hành lang lớn. Sau đó một ý nghĩ ập đến: *Nếu Leto bị thương thì sao?*

Hành lang dường như trải dài vô tận dưới đôi chân đang chạy vội vã của

nàng. Nàng rẽ qua cái khung vòm cuối hành lang, lao qua phòng ăn xuống lối dẫn ra Đại sảnh, thấy nơi này được thấp sáng rực rỡ, tất cả đèn treo phát sáng ở cường độ mạnh nhất.

Ở phía bên phải gần cửa trước, nàng thấy hai người lính đang kẹp Duncan Idaho ở giữa. Đầu anh ta gục về phía trước, và bầu không khí im lặng đột ngột bao trùm toàn cảnh, chỉ nghe thấy tiếng hỗn hển.

Một người lính nói với Idaho giọng cáo buộc: “Thấy anh đã làm cái gì chưa? Anh đánh thức Lệnh bà Jessica rồi đấy.”

Những tấm rèm lớn bay phất phơ sau lưng mấy người này, chứng tỏ cửa trước vẫn mở. Không có dấu vết của Công tước hay Yueh. Mapes đứng một bên lạnh lùng nhìn Idaho chằm chằm. Bà ta mặc áo choàng dài màu nâu có đường viền ngoằn ngoèo. Chân bà ta xỏ đôi boots sa mạc chưa kịp buộc dây.

“VẬY là tôi đánh thức Lệnh bà Jessica dậy rồi,” Idaho lầm bầm. Anh ta ngước mặt lên trần nhà, rống lên: “Kiếm của ta vậy máu lần đầu tiên ở Grumman!”

Mẹ Vĩ đại ơi! Anh ta say rồi! Jessica nghĩ.

Khuôn mặt tròn đen sạm của Idaho rúm lại thành một nét nhăn nhó. Mái tóc xoắn tít như bộ lông một con dê đen của anh ta dính đầy vết bẩn. Vết rách nham nhở trên quần phục để lộ chiếc áo sơ mi anh ta đã mặc trong bữa tiệc vừa rồi.

Jessica tiến lại phía anh ta.

Một trong hai người lính gật đầu chào nàng nhưng vẫn không thả Idaho ra. “Chúng tôi không biết làm gì với anh ta, thưa Lệnh bà. Anh ta gây ồn trước tòa nhà, mãi không chịu đi vào trong. Chúng tôi e rằng dân địa phương có thể đi ngang qua nhìn thấy anh ta. Việc đó không nên chút nào. Đem lại tiếng xấu cho chúng ta ở đây.”

“Anh ta vừa ở đâu?” Jessica hỏi.

“Anh ta hộ tống một trong các quý nương về nhà sau bữa tối, thưa Lệnh bà. Hawat ra lệnh như thế.”

“Quý nương nào thế?”

“Một trong những quý nương đi kèm một quý ông. Lệnh bà hiểu chứ ạ?” Anh ta liếc Mapes rồi hạ giọng xuống. “Bọn họ luôn gọi Idaho trong những công việc giám sát đặc biệt các quý nương.”

Jessica nghĩ: *Bọn họ là thế đấy. Nhưng sao anh ta lại say?*

Nàng cau mày, quay về phía Mapes. “Mapes, mang lại đây một thứ đồ uống kích thích. Ta đề nghị cafein. Có lẽ nên pha thêm chút hương được.”

Mapes nhún vai, đi về phía bếp. Đôi bốt sa mạc không buộc dây của bà ta nên thỉnh thoảng xuống nền đá.

Idaho lúc lắc cái đầu ngật ngưỡng để ngoái nhìn về phía Jessica. “Đã gi...i...ết hơn ba tr...ăm người ch...o Công tước,” anh ta lầm bầm. “Ai muốn bi...ết tại sao t...a ở đây? Không t...hể sống dưới mặt đất ở đây được. Kh...ông thể sống tr...ên mặt đất ở đây được. Đây là chỗ quái nào vậy, h...ử...?”

Một tiếng động phát ra từ cửa bên dẫn vào đại sảnh thu hút sự chú ý của Jessica. Nàng quay lại, thấy Yueh đang tiến về phía họ, bộ dụng cụ y khoa đu đưa trong tay trái. Ông đóng bộ chỉnh tề, có vẻ nhột nhột, kiệt sức. Hình xăm kim cương nổi bật trên trán.

“Ông bác sĩ t...ài ba!” Idaho kêu lên. “Ông s...ao rồi, bác sĩ? Người của thuốc và b...ăng nẹp?” Anh ta lơ đãng quay về phía Jessica. “Đ...ịnh biến t...ôi thành thằng xuẩn h...ử?”

Jessica cau mày, vẫn im lặng, tự hỏi: *Tại sao Idaho lại say đến thế? Anh ta bị đánh thuốc chằng?*

“Quá nhiều bia pha hương d...ược,” Idaho nói, cố gắng thẳng người lên.

Mapes đã quay lại với cốc cà phê nghi ngút khói trên tay, dừng lại ngập ngừng sau lưng Yueh. Bà ta nhìn Jessica, nàng lắc đầu.

Yueh đặt bộ đồ nghề xuống sàn nhà, gật đầu chào Jessica rồi nói: “Bia pha hương được hử?”

“Thứ khí gió tuyệt nh...ất ta từng nếm,” Idaho nói. Anh cố gắng đứng nghiêm. “Kiếm của tôi vấy máu lần đầu tiên ở Grumman! Đã giết một tên Harkon... Harkon... đã giết... h...ấn v...ì Công... tước.”

Yueh quay lại, nhìn chiếc cốc trên tay Mapes. “Cái gì đây?”

“Cafein,” Jessica nói.

Yueh cầm lấy cốc, đưa về phía Idaho. “Uống đi, cậu bé.”

“Không muốn...n uống thêm c...hút nào nữa.”

“Ta bảo, uống đi!”

Đầu Idaho lắc lư về phía Yueh, anh ta loạng choạng tiến lên phía trước một bước, kéo hai người bảo vệ theo. “Tôi chán trò h...ầu hạ cái Đế quốc Vũ trụ này l...ắm rồi, bác sĩ ạ. Ch...ỉ một lần thôi, chúng ta sẽ làm việc này theo cách c... tôi.”

“Sau khi anh uống cái này đã,” Yueh nói. “Chỉ là cafein thôi mà.”

“Ngớ ngẩn... như mọi thứ kh...ác ở n...ơi này! Cái m...ặt trời khí gió này sao sáng quá dz...ậy. Ch...ẳng cái dzì đúng màu sắc cả. Mọi thứ đều kh...ác lạ hay...”

“Được rồi, bây giờ khuya rồi,” Yueh nói. Ông nói ôn tồn. “Ngoan ngoãn uống cái này đi nào. Anh sẽ thấy dễ chịu hơn đấy.”

“Khô...ông muốn thấy dễ chịu hơn!”

“Chúng ta không thể tranh cãi với anh ta cả đêm được,” Jessica nói. Nàng nghĩ: *Vụ này thì phải xử bằng liệu pháp sốc thôi.*

“Lệnh bà không cần phải ở lại đây đâu, thưa Lệnh bà,” Yueh nói. “Tôi có thể giải quyết chuyện này.”

Jessica lắc đầu. Nàng bước lên trước, vỗ bôm bốp vào má Idaho.

Anh ta loạng choạng lùi lại cùng hai người lính, nhìn nàng giận dữ.

“Đây không phải cách cư xử trong nhà Công tước,” nàng nói. Nàng giật chiếc cốc trên tay Yueh làm sánh ra một phần, gí vào gần miệng Idaho. “Giờ thì uống cái này đi! Đó là lệnh!”

Idaho thành linh giật người thẳng lên, quắc mắt nhìn nàng. Anh ta nói chậm, phát âm một cách cẩn thận và chuẩn xác: “Tôi không nhận lệnh của một tên gián điệp Harkonnen khốn kiếp.”

Yueh cứng đờ người, rồi quay phắt lại đối mặt với Jessica.

Mặt nàng tái nhợt, nhưng nàng đang gặt gù. Mọi chuyện đã sáng tỏ - những ý nghĩa đứt quãng mà nàng nhận thấy trong các câu nói và hành động xung quanh suốt mấy ngày qua bây giờ đã có thể diễn giải được. Nàng thấy mình bị bóp nghẹt bởi nỗi tức giận quá lớn khó lòng kiềm chế. Nàng phải vận dụng đến phần sâu xa nhất trong vốn liếng Bene Gesserit của mình để lắng dịu nhịp đập và điều hòa hơi thở. Thậm chí sau đó nàng vẫn cảm thấy mình rung lên bần bật vì giận dữ.

Họ luôn giao cho Idaho công việc giám sát các quý nương!

Nàng liếc Yueh. Vị bác sĩ cụp mắt xuống.

“Ông biết chuyện này phải không?” nàng gặng hỏi.

“Tôi... có nghe tin đồn, thưa Lệnh bà. Nhưng tôi không muốn chất thêm gánh nặng cho Lệnh bà.”

“Hawat!” nàng cúi kính. “Ta muốn Thufir Hawat đến gặp ta ngay lập tức!”

“Nhưng, thưa Lệnh bà...”

“Ngay lập tức!”

Chính là Hawat, nàng nghĩ. Sự nghi ngờ như thế, nếu đến từ bất cứ ai khác thì cũng sẽ bị gạt bỏ ngay tức khắc.

Jessica nhìn xuống chiếc cốc trong tay, bất ngờ hất nước cà phê vào mặt Idaho. “Nhốt anh ta vào một trong những phòng khách ở chái Đông,” nàng ra lệnh. “Để anh ta ngủ cho già bìa.”

Hai người lính nhìn nàng không vui. Một người đánh bạo: “Có lẽ chúng ta nên đưa anh ta đến chỗ khác, thưa Lệnh bà. Chúng ta có thể...”

“Anh ta có bốn phạm phải ở đây!” Jessica cúi kính. “Anh ta có nhiệm vụ ở đây.” Giọng nàng đầm vẻ cay đắng. “Anh ta rất giỏi theo dõi các quý nương.”

Người lính nuốt nước bọt.

“Người biết Công tước ở đâu không?” nàng hỏi.

“Ngài đang ở sở chỉ huy, thưa Lệnh bà.”

“Hawat ở cùng ông ấy à?”

“Hawat đang trong thành phố, thưa Lệnh bà.”

“Người phải đưa Hawat về gặp ta ngay lập tức,” Jessica nói. “Ta sẽ ở trong phòng khách đợi ông ta.”

“Nhưng, thưa Lệnh bà...”

“Nếu cần, ta sẽ gọi cho Công tước,” nàng nói. “Ta hy vọng không cần phải làm thế. Ta không muốn quấy rầy ông ấy vì chuyện này.”

“Vâng, thưa Lệnh bà.”

Jessica ấn chiếc cốc không vào tay Mapes, bắt gặp cái nhìn dò hỏi từ đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh. “Mapes, người có thể quay về giường ngủ được rồi.”

“Lệnh bà có chắc là sẽ không cần đến tôi nữa không?”

Jessica mỉm cười dứt khoát. “Ta chắc.”

“Có lẽ nên để chuyện này đến ngày mai,” Yueh nói. “Tôi có thể đưa cho Lệnh bà một viên thuốc an thần và...”

“Ông quay về phòng mình đi, để tôi xử lý chuyện này theo cách của tôi,” nàng nói. Nàng vỗ vào tay ông để giảm bớt sự gay gắt trong mệnh lệnh của mình. “Đây là cách duy nhất.”

Thình lình, ngẩng cao đầu, nàng quay người hiên ngang bước xuyên qua ngôi nhà về khu phòng của mình. Những bức tường lạnh lẽo... những hành lang... một cánh cửa quen thuộc... Nàng giật cánh cửa mở tung ra, sải bước vào trong, rồi đóng sầm cánh cửa sau lưng. Jessica đứng đó nhìn chằm chằm những ô cửa sổ bị tấm chắn che kín trong phòng khách của nàng. *Hawat! Có thể ông ta là người mà bọn Harkonnen đã mua chuộc chăng? Rồi chúng ta sẽ biết.*

Jessica tiến về phía chiếc ghế bành sâu lòng kiểu cổ được bọc bằng da schlag có thêu hoa văn trang trí, dịch cái ghế vào vị trí tiện quan sát cửa ra vào. Nàng đột ngột cảm nhận rất rõ con dao pha lê nằm trong vỏ buộc ở chân. Nàng tháo vỏ ra và buộc vào cánh tay, kiểm tra cách nó rơi. Một lần nữa, nàng nhìn lướt khắp căn phòng, ghi nhớ chính xác mọi thứ để phòng bất cứ tình huống khẩn cấp nào: cái ghế dài ở gần góc phòng, những chiếc ghế tựa xếp dọc tường, hai cái bàn thấp, cây đàn tam thập lục có giá đỡ đứng bên cánh cửa dẫn vào phòng ngủ của nàng.

Dây đèn treo phát ra ánh sáng màu hồng nhợt nhạt. Nàng chỉnh ánh sáng xuống mức tối mờ mờ, ngồi xuống ghế bành, vỗ vỗ vào lớp vỏ bọc, nhân cơ hội này thưởng thức cái nặng nề vương giả của nó.

Giờ thì, ông ta cứ việc đến đi, nàng nghĩ. Chúng ta sẽ thấy cái chúng ta sẽ thấy. Và nàng tự chuẩn bị tư thế chờ đợi theo kiểu Bene Gesserit, tích lũy sự nhẫn nại, giữ gìn sức lực.

Sớm hơn nàng mong đợi, một tiếng gõ cửa vang lên và Hawat đi vào theo lệnh nàng.

Nàng quan sát ông ta mà vẫn không rời khỏi ghế, nhận thấy trong các cử động của ông ta sự rạn vỡ của cái sinh lực phải nhờ đến thuốc hỗ trợ, thấy rõ sự mệt mỏi ẩn bên dưới vẻ ngoài đó. Đôi mắt già nua ướm át của Hawat sáng lấp lánh. Làn da thô kệch dường như vàng nhợt dưới ánh đèn trong phòng, và có một vết bẩn to, ướm trên tay áo giấu con dao.

Nàng ngửi thấy mùi máu ở đó.

Jessica chỉ vào một chiếc ghế tựa, nói: “Mang cái ghế đó đến ngồi đối diện với tôi.”

Hawat cúi người, tuân theo mệnh lệnh. *Cái thằng ngu say rượu Idaho này!* ông nghĩ. Ông quan sát khuôn mặt Jessica, tự hỏi ông có thể cứu vãn tình cảnh này như thế nào đây.

“Lẽ ra cần phải xua tan sự nghi ngờ giữa chúng ta từ lâu rồi mới phải,” Jessica nói.

“Điều gì khiến Lệnh bà bận tâm vậy?” ông ngồi xuống, đặt tay lên đầu gối.

“Đừng có đóng kịch với tôi!” nàng cau kỉnh. “Nếu Yueh không nói cho ông biết tại sao tôi triệu ông đến, thì hẳn một trong những tên gián điệp của ông trong nhà tôi đã nói với ông rồi. Ít nhất thì chúng ta cũng sẽ thành thật với nhau chứ?”

“Xin tùy ý Lệnh bà.”

“Đầu tiên, ông hãy trả lời một câu hỏi,” nàng nói. “Có phải ông là đặc vụ Harkonnen không?”

Hawat lao nửa người ra khỏi ghế, mặt tối sầm vì giận dữ, hỏi: “Lệnh bà dám xúc phạm tôi như thế sao?”

“Ngồi xuống,” nàng nói. “Ông đã xúc phạm tôi như thế mà.”

Chậm chậm, ông lại hạ người xuống ghế.

Còn Jessica, đọc được trên khuôn mặt này những dấu hiệu mà nàng đã biết quá rõ, bèn cho phép mình hít một hơi thở sâu. *Không phải Hawat.*

“Giờ thì tôi đã biết ông vẫn trung thành với Công tước,” nàng nói. “Vì thế, tôi sẵn sàng tha thứ cho sự lăng mạ mà ông dành cho tôi.”

“Có điều gì cần tha thứ sao?”

Jessica quắc mắt giận dữ, bắn khoả: *Ta có nên chơi lá bài chủ của mình? Ta có nên cho ông ta biết ta đã mang trong mình con gái của Công tước được vài tuần? Không... chính Leto cũng không biết chuyện này. Chuyện này chỉ làm rối rắm thêm cuộc sống của ông ấy, làm ông ấy xao lãng giữa lúc cần phải tập trung vào sự sống còn của chúng ta. Chưa phải lúc nói chuyện này.*

“Một Người Nói Sự thật hẳn sẽ xử lý được việc này,” nàng nói, “nhưng chúng ta không có Người Nói Sự thật đủ tiêu chuẩn của Hội đồng Tối cao.”

“Đúng như Lệnh bà nói. Chúng ta không có Người Nói Sự thật nào.”

“Có kẻ phản bội trong đội ngũ chúng ta không?” nàng hỏi. “Tôi đã quan sát người của chúng ta cực kỳ cẩn thận. Ai có thể là kẻ phản bội? Không phải Gurney. Chắc chắn cũng không phải Duncan. Các trợ thủ của họ

không đứng ở vị trí đủ tầm chiến lược nên không đáng xét. Không phải ông, Thufir. Không thể là Paul. Tôi *biết* rõ không phải tôi. Bác sĩ Yueh thì sao? Tôi có nên triệu ông ta đến kiểm tra không?”

“Lệnh bà biết đó là một hành động vô ích,” Hawat nói. “Ông ta được Trường Cao cấp đào tạo. *Điều* đó tôi biết chắc chắn.”

“Ấy là chưa kể vợ ông ta là một Bene Gesserit bị bọn Harkonnen giết chết,” Jessica nói.

“VẬY ra chuyện xảy đến với cô ấy là thế đó,” Hawat nói.

“Ông không thấy sự căm thù trong giọng ông ta mỗi khi ông ta nhắc đến tên Harkonnen sao?”

“Lệnh bà biết tôi không có tai mà,” Hawat nói.

“Cái gì khiến sự nghi ngờ hèn hạ này chụp vào tôi?” nàng hỏi.

Hawat cau mày. “Lệnh bà đặt kẻ phụng sự Lệnh bà vào thế thiên nan vạn nan. Tôi trung thành với Công tước trước tiên.”

“Tôi sẵn lòng tha thứ rất nhiều điều bởi lòng trung thành đó,” nàng nói.

“Và tôi phải hỏi lại lần nữa: Có điều gì cần tha thứ sao?”

“Ông bí rồi à?” nàng hỏi.

Ông nhún vai.

“VẬY chúng ta hãy thảo luận một chút về vấn đề khác nhé,” nàng nói. “Duncan Idaho, một chiến binh đáng ngưỡng mộ có khả năng bảo vệ và giám sát thật đáng trọng. Tối nay, anh ta đã sa vào cái được gọi là bia hương dục. Tôi được nghe báo cáo rằng còn có những người khác trong hàng ngũ chúng ta bị cái thức uống pha chế này làm cho mụ mị đầu óc. Chuyện đó đúng không?”

“Lệnh bà có các báo cáo rồi đấy thôi, thưa Lệnh bà.”

“Ta biết thế. Ông không coi chuyện say sưa này là một triệu chứng sao Thufir?”

“Lệnh bà nói thật khó hiểu.”

“Hãy vận dụng khả năng Mentat của ông đi!” nàng cúi kính. “Vấn đề của Duncan và những người khác là gì vậy? Tôi có thể nói cho ông biết trong bốn từ thôi - không có gia đình.”

Ông chọc một ngón tay xuống nền nhà. “Arrakis là quê nhà của họ.”

“Arrakis là nơi xa lạ! Caladan mới là quê nhà của họ, nhưng chúng ta đã buộc họ phải rời bỏ nó. Họ không có gia đình. Họ sợ Công tước đang bỏ rơi họ.”

Ông cứng người lại. “Những lời như thế nếu từ miệng một trong những người đó thì sẽ là cái cớ để...”

“Ôi, thôi đi, Thufir. Đối với một bác sĩ, chẩn đoán bệnh chính xác là hành vi phản bội hay là chủ bại? Tôi chỉ muốn chữa bệnh thôi.”

“Công tước trao cho tôi phụ trách những vấn đề như thế.”

“Nhưng ông hiểu là tôi có một vài mối quan tâm tự nhiên đối với sự tiến triển của căn bệnh này,” nàng nói. “Và có lẽ ông sẽ công nhận rằng tôi có chút khả năng trong những việc này.”

Ta có phải làm ông ấy sốc mạnh không? nàng tự hỏi. Ông ấy cần thức tỉnh - một cái gì đó bứt ông ấy ra khỏi lễ thói hằng ngày.

“Có thể có rất nhiều cách giải thích cho mối quan tâm của Lệnh bà,” Hawat nói. Ông nhún vai.

“Như vậy là ông đã kết tội tôi?”

“Tất nhiên là không, thưa Lệnh bà. Nhưng trong tình hình này thì tôi không thể cho phép mình có *bất kỳ* sự khinh suất nào.”

“Một mối đe dọa đối với con trai tôi đã qua mặt ông ngay ở đây, trong tòa nhà này,” nàng nói. “VẬY ai đã khinh suất đây?”

Khuôn mặt ông tối sầm lại. “Tôi đã đệ đơn từ chức lên Công tước rồi.”

“Thế ông đã đệ đơn lên tôi... hay Paul chưa?”

Giờ thì sự tức giận của ông đã lộ hẳn ra ngoài, hiển hiện trong hơi thở gấp gáp, trong hai cánh mũi phập phồng, trong cái nhìn chăm chăm kiên định. Nàng nhìn thấy mạch đập trên thái dương ông.

“Tôi là người của Công tước,” ông nói, cắn rừi từng chữ.

“Không có kẻ phản bội nào cả,” nàng nói. “Mối đe dọa này là cái gì đó khác. Có thể nó liên quan tới súng laser. Có thể bọn chúng sẽ mạo hiểm giấu vài khẩu súng laser có cơ cấu định giờ nhằm vào những tấm chắn bảo vệ ngôi nhà. Có thể bọn chúng sẽ...”

“Sau khi vụ nổ xảy ra thì ai có thể nói chắc liệu đó có phải vụ nổ nguyên tử hay không?” ông hỏi. “Không, thưa Lệnh bà. Bọn chúng sẽ không mạo hiểm với bất cứ thứ gì bất hợp pháp *đến thế*. Phóng xạ tồn tại rất lâu. Bằng chứng rất khó xóa. Không. Bọn chúng sẽ tuân theo *hầu hết* các quy định. Phải có một tên phản bội.”

“Ông là người của Công tước mà,” nàng châm chọc. “Ông có tiêu diệt ông ấy trong khi nỗ lực bảo vệ ông ấy không?”

Hawat hít một hơi sâu rồi nói: “Nếu Lệnh bà trong sạch, xin Lệnh bà hãy nhận lời xin lỗi hèn mọn của tôi.”

“Nhìn ông xem, Thufir,” nàng nói. “Con người sống tốt nhất khi mỗi người đều có chỗ đứng của mình, khi mỗi người đều biết anh ta ở vị trí nào trong bối cảnh chung. Tiêu diệt chỗ đứng là tiêu diệt con người.

Trong số tất cả những người yêu mến Công tước thì ông và tôi, Thufir ạ, được đặt ở vị trí lý tưởng nhất để tiêu diệt chỗ đứng của nhau. Chẳng lẽ tôi không thể hàng đêm thì thầm vào tai Công tước những mối nghi ngờ về ông sao? Khi nào Công tước dễ bị tác động nhất bởi những lời thì thầm như thế hử Thufir? Tôi có phải chỉ rõ hơn cho ông không?”

“Lệnh bà đe dọa tôi?” ông gầm gừ.

“Thực sự không. Tôi chỉ đơn thuần trở cho ông thấy rằng có ai đó đang tấn công chúng ta thông qua cách tổ chức cuộc sống căn bản của chúng ta. Đó là một âm mưu thông minh, hiểm độc. Tôi đề nghị nên vô hiệu hóa sự tấn công này bằng cách sắp xếp lại cuộc sống sao cho không có kẽ hở nào để những ngạnh lưỡi câu như thế có thể móc vào được.”

“Lệnh bà buộc tội tôi về những lời thì thầm nghi ngờ vô căn cứ?”

“Vô căn cứ, đúng thế.”

“Lệnh bà có đáp lại chúng bằng những lời thì thầm của chính người không?”

“Cuộc sống của ông được tạo thành từ những lời thì thầm, cuộc sống của tôi không thế, Thufir ạ.”

“Nếu vậy phải chăng Lệnh bà nghi ngờ khả năng của tôi?”

Nàng thở dài. “Thufir, tôi muốn ông xem lại thái độ kích động của mình khi thảo luận vấn đề này. Con người *tự nhiên* là một động vật không có logic. Việc ông xem xét mọi chuyện bằng đầu óc logic là *không* tự nhiên, nhưng vẫn buộc phải tiếp tục làm thế vì tính hữu ích của nó. Ông là hiện thân của logic - một Mentat. Tuy nhiên, cách giải quyết vấn đề của ông là những nguyên lý trừu tượng; nói thực lòng, chúng được đưa ra bên ngoài ông, tại đó những nguyên lý ấy phải được nghiên cứu, đảo qua lại, xem xét từ mọi phía.”

“Lệnh bà cho là bây giờ cần phải dạy tôi về nghề nghiệp của tôi nữa sao?” ông hỏi, chẳng cần che giấu sự khinh bỉ trong giọng nói.

“Bất cứ cái gì bên ngoài bản thân ông, ông cũng đều có thể nhìn và áp logic của ông vào,” nàng nói. “Nhưng con người có đặc điểm là khi vấp phải vấn đề riêng tư thì những chuyện mang tính cá nhân sâu sắc nhất ấy chính là những chuyện khó đưa ra xem xét tỉ mỉ theo logic nhất. Chúng ta thường hay nhầm lẫn lung tung, đổ lỗi cho mọi thứ, ngoại trừ cái điều có thực và sâu kín thật ra đang cắn rứt chúng ta.”

“Lệnh bà đang chủ tâm cố làm tôi suy giảm niềm tin đối với khả năng Mentat của tôi,” ông nói giọng the thé. “Nếu phát hiện được trong đội ngũ chúng ta có kẻ toan làm theo cách đó để phá hoại bất cứ thứ vũ khí nào khác trong kho vũ khí của chúng ta, tôi sẽ không do dự tố cáo và tiêu diệt hẳn.”

“Những Mentat giỏi nhất đều có sự lưu tâm hợp lý đến nhân tố sai số trong tính toán của họ,” nàng nói.

“Tôi chưa bao giờ nói khác!”

“Vậy thì hãy chuyên tâm vào những triệu chứng mà cả hai ta đều thấy: tình trạng say rượu trong đội ngũ, những cuộc cãi vã - họ ngồi lê đôi mách và rỉ tai nhau những lời đồn thiếu suy nghĩ về Arrakis; họ phớt lờ cả điều sơ đẳng nhất...”

“Chỉ toàn chuyện vớ vẩn không đâu,” ông nói. “Đừng cố đánh lạc hướng chú ý của tôi bằng cách làm một vấn đề đơn giản trở thành có vẻ khó hiểu.”

Nàng chăm chăm nhìn ông, nghĩ về đám thuộc hạ của Công tước, những người cùng nằm gai nếm mật trong trại lính cho đến khi ta có thể gần như ngửi thấy mùi chất nổ ở đó, giống mùi chất cách ly khét. *Họ đang trở nên giống những người trong truyền thuyết tiền-Hiệp hội, nàng nghĩ: Giống như thuộc hạ của người tìm sao quá cố, Ampoliros - chán ghét những khẩu súng của họ - mãi mãi tìm kiếm, mãi mãi chuẩn bị sẵn sàng và mãi mãi không sẵn sàng.*

“Tại sao ông không bao giờ tận dụng triệt để khả năng của tôi nhằm

giúp ông phụng sự Công tước?” nàng hỏi. “Phải chăng ông sợ bị tranh giành vị trí *của ông*?”

Ông nhìn nàng trừng trừng, đôi mắt già nua rực sáng. “Tôi biết một số thứ người ta huấn luyện cho đám Bene Gesserit...” Ông bỏ dở câu nói, quắc mắt giận dữ.

“Tiếp tục đi, cứ nói đi,” nàng nói. “Đám Bene Gesserit *phù thủy*.”

“Tôi biết một số thứ người ta đã *thực sự* huấn luyện cho Lệnh bà,” ông nói. “Tôi đã nhìn thấy nó toát ra từ Paul. Tôi không bị đánh lừa bởi những gì trường của Lệnh bà tuyên bố trước bàn dân thiên hạ: người sống chỉ để phụng sự.”

Cú sốc này phải rất dữ dội và ông ấy gần như sẵn sàng đón nhận nó, nàng nghĩ.

“Ông đã chăm chú lắng nghe tôi nói trong Hội đồng,” nàng nói, “tuy nhiên ông ít khi chú ý đến lời khuyên của tôi. Tại sao vậy?”

“Tôi không tin những động cơ Bene Gesserit của Lệnh bà,” ông nói. “Lệnh bà cho rằng mình có thể nhìn thấu một người đàn ông; Lệnh bà *cho rằng* mình có thể khiến một người đàn ông làm chính xác những gì Lệnh bà...”

“Ông là một *tên ngốc* tội nghiệp, Thufir ạ!” nàng nổi giận.

Ông quắc mắt giận dữ, dịch người vào trong ghế.

“Dù ông có nghe tin đồn gì về trường của chúng tôi đi nữa,” nàng nói, “thì sự thật vĩ đại hơn rất nhiều. Nếu tôi muốn tiêu diệt Công tước... hay ông, hay bất cứ người nào trong tầm tay tôi thì ông sẽ không thể ngăn cản tôi được.”

Nàng nghĩ: *Tại sao ta lại để lòng kiêu hãnh dẫn dắt ta phát ngôn ra những lời như thế? Đây không phải cách ta đã được dạy dỗ. Đây không phải cách gây sốc cho ông ấy.*

Hawat luồn bàn tay xuống dưới áo nơi ông giấu khẩu súng nhỏ xíu bắn phi tiêu tẩm độc. *Cô ta không đeo tấm chắn bảo vệ, ông nghĩ. Phải chăng đây chỉ là lời cô ta huênh hoang? Ta có thể giết chết cô ta ngay bây giờ... nhưng, ôi chao, nếu ta sai thì hậu quả sẽ như thế nào.*

Jessica nhìn thấy cử chỉ lần tay vào túi của ông, bèn nói: “Chúng ta hãy cầu cho giữa hai ta không bao giờ phải dùng đến bạo lực.”

“Một lời cầu nguyện thích hợp,” ông đồng ý.

“Trong lúc ấy, căn bệnh vẫn đang lan ra giữa chúng ta,” nàng nói. “Tôi phải hỏi lại ông: Không phải sẽ hợp lý hơn nếu cho rằng bọn Harkonnen đã gieo rắc mối nghi ngờ này để hai chúng ta đối địch nhau sao?”

“Có vẻ như chúng ta lại rơi vào bế tắc rồi,” ông nói.

Nàng thở dài nghĩ: *Ông ta gần như sẵn sàng đón nhận nó.*

“Công tước và tôi là các bậc phụ mẫu đại diện cho dân chúng,” nàng nói. “Vị trí ấy...”

“Ông ấy không cưới Lệnh bà,” Hawat nói.

Nàng cố giữ bình tĩnh, suy nghĩ: *Một cú phản công xuất sắc.*

“Nhưng ông ấy sẽ không cưới ai khác,” nàng nói. “Chừng nào tôi còn sống. Và chúng tôi là những người đại diện, như tôi vừa nói. Phá vỡ cái trật tự tự nhiên này trong công việc của chúng tôi, làm chúng tôi náo động, rối trí, lúng túng - còn mục tiêu nào hấp dẫn bọn Harkonnen hơn thế?”

Ông cảm nhận được nàng đang dẫn dắt câu chuyện tới đâu, và lòng mày ông cau lại giận dữ.

“Công tước ư?” nàng hỏi. “Một mục tiêu hấp dẫn, đúng thế, nhưng không ai, có chăng là ngoại trừ Paul, được bảo vệ tốt hơn ông ấy. Tôi ư?”

Tôi là cái đích ngon lành cho chúng, chắc chắn rồi, nhưng chúng phải biết rằng một Bene Gesserit luôn là cái đích khó xơi. Có một mục tiêu tốt hơn; một người mà nghĩa vụ của y tất yếu tạo ra một điểm mù lớn. Người mà đối với y sự nghi ngờ cũng tự nhiên như việc hít thở vậy. Một người vốn xây dựng toàn bộ cuộc sống của y trên những lời bóng gió và điều bí ẩn.” Nàng chỉ tay phải về phía ông ta. “Ông!”

Hawat dợm nhảy ra khỏi ghế.

“Tôi không cho phép ông đi, Thufir!” nàng nổi nóng.

Vị Mentat già gần như ngã phịch xuống ghế, các cơ bắp nhanh chóng phản lại ông.

Nàng mỉm cười chẳng lấy gì làm vui vẻ.

“Bây giờ ông đã biết người ta *thực sự* huấn luyện chúng tôi cái gì rồi đấy,” nàng nói.

Hawat cố nuốt nước bọt trong cổ họng khô khốc. Mệnh lệnh của cô ta thật dứt khoát, uy nghiêm như của một bà hoàng - được thốt ra bằng cái âm điệu và cách nói mà ông nhận ra mình hoàn toàn không cưỡng lại được. Thân thể ông tuân theo lệnh của cô ta trước khi ông kịp nghĩ. Không gì ngăn cản được hành động đáp lại vừa rồi của ông - logic không, cơn giận sôi sục cũng không... không gì cả. Làm được như thế chứng tỏ cô ta hiểu sâu sắc, thấu tận tâm can con người bị cô ta điều khiển theo cách đó, một cấp độ điều khiển mà có nằm mơ ông cũng không hình dung nổi.

“Tôi đã nói trước với ông là chúng ta nên hiểu nhau,” nàng nói. “Tôi muốn nói là *ông* nên hiểu *tôi*. Tôi thì đã hiểu ông rồi. Và giờ thì tôi nói cho ông biết, lòng trung thành của ông đối với Công tước là tất cả những gì đảm bảo sự an toàn của ông khi đối mặt tôi.”

Ông nhìn nàng chằm chằm rồi liếm môi.

“Nếu tôi muốn một con rồi thì Công tước đã cưới tôi rồi,” nàng nói.

“Thậm chí ông ấy có thể nghĩ rằng ông ấy hoàn toàn tự nguyện làm thế.”

Hawat cúi đầu, nhìn lên qua hàng mi thưa thớt. Chỉ có sự điều khiển cứng rắn nhất mới kìm được ông không gọi đội bảo vệ. Sự điều khiển... và bây giờ là mối nghi ngờ mà người đàn bà này có thể không cho phép. Ông sờn gai ốc khi nhớ lại cô ta đã điều khiển ông như thế nào. Trong khoảnh khắc do dự đó, cô ta hẳn đã có thể rút vũ khí ra mà giết chết ông!

Phải chăng ai cũng có cái điếm mù này? ông tự hỏi. *Ai trong chúng ta có thể bị ra lệnh hành động trước khi anh ta có thể kháng cự?* Ý nghĩ này làm ông choáng váng. *Ai có thể ngăn cản một người có sức mạnh như thế?*

“Ông vừa mới thoáng thấy quả đấm trong găng tay Bene Gesserit,” nàng nói. “Ít ai thoáng thấy nó mà còn sống được. Những gì tôi vừa làm chỉ là chuyện khá đơn giản đối với chúng tôi. Ông chưa thấy toàn bộ kho vũ khí của tôi đâu. Hãy nghĩ về điều đó đi.”

“Tại sao Lệnh bà không ra ngoài tiêu diệt những kẻ thù của Công tước?” ông hỏi.

“Ông muốn tôi tiêu diệt cái gì?” nàng hỏi. “Lẽ nào ông muốn tôi biến Công tước thành người yếu đuối, khiến ông ấy mãi mãi dựa vào tôi?”

“Nhưng, với sức mạnh như thế...”

“Sức mạnh là con dao hai lưỡi, Thufir ạ,” nàng nói. “Ông nghĩ: ‘Có khó gì để cô ta biến thành công cụ đâm vào chỗ hiểm của kẻ thù.’ Đúng thế, Thufir, thậm chí đâm vào chỗ hiểm của ông. Tuy nhiên tôi sẽ đạt được gì đây? Nếu có đủ số Bene Gesserit làm như thế thì chẳng phải sẽ khiến tất cả Bene Gesserit bị nghi ngờ sao? Chúng tôi không muốn thế, Thufir ạ. Chúng tôi không mong tiêu diệt chính mình.” Nàng gật đầu. “Chúng tôi thực sự sống chỉ để phụng sự.”

“Tôi không thể trả lời Lệnh bà,” ông nói. “Lệnh bà biết tôi không thể trả lời.”

“Ông không được kể cho bất kỳ ai về bất cứ chuyện gì đã xảy ra ở đây,” nàng nói. “Tôi hiểu ông, Thufir.”

“Thưa Lệnh bà...” Lại một lần nữa vị Mentat già cố gắng nuốt nước bọt trong cổ họng khô khốc.

Rồi ông nghĩ: *Cô ấy có sức mạnh to lớn, đúng thế. Nhưng lẽ nào điểu đó sẽ không biến cô ấy thành một công cụ còn kinh khủng hơn cho bọn Harkonnen?*

“Công tước có thể bị tiêu diệt bởi bạn bè cũng nhanh chẳng kém gì bởi kẻ thù,” nàng nói. “Tôi tin giờ đây ông sẽ hiểu ngọn nguồn của sự nghi ngờ này và quăng nó đi.”

“Nếu nó chứng tỏ được là vô căn cứ,” ông nói.

“Nếu,” nàng chế nhạo.

“Nếu,” ông nói.

“Ông là kẻ ngoan cố,” nàng nói.

“Cẩn thận,” ông nói, “và có ý thức về nhân tố sai số.”

“Vậy tôi sẽ đưa ra câu hỏi khác: Nếu như ông đứng trước một người khác, nếu như ông bị trói và bất lực còn người đó kề dao vào cổ ông, thế nhưng hẳn lại kiềm chế không giết ông mà cởi trói cho ông rồi đưa dao cho ông muốn làm gì tùy ý, thì theo ông như thế có nghĩa gì?”

Nàng nhắc mình khỏi ghế, xoay lưng lại phía ông. “Giờ ông đi được rồi, Thufir.”

Vị Mentat già đứng dậy, ngấp ngừng, bàn tay lần về phía cái vũ khí chết người giấu dưới áo choàng. Ông nhớ đến sân đấu bò và phụ thân Công tước (con người anh hùng đảm lược, dù có những nhược điểm nào đi nữa), và một ngày trên trường đấu cách đây đã lâu: Con thú dữ màu đen

tuyền đứng đó, đầu cúi thấp, bất động và lúng túng. Lão Công tước đã quay lưng lại trước cặp sừng nó, ném mũ một cách khoa trương qua một cánh tay, trong khi tiếng hoan hô từ khán đài dội xuống như mưa.

Ta là con bò còn cô ta là đấu sĩ, Hawat nghĩ. Ông rút tay lại khỏi món vũ khí, liếc nhìn mồ hôi lấp lánh trong lòng bàn tay trống không.

Và ông biết rằng dù các sự kiện tồi tệ có chứng tỏ điều gì đi nữa thì ông sẽ không bao giờ quên khoảnh khắc này, cũng sẽ không mất đi cái cảm giác khâm phục lớn lao đối với Lệnh bà Jessica.

Lặng lẽ, ông quay người rời khỏi phòng.

Jessica hạ ánh mắt khỏi những hình phản chiếu trên cửa sổ, quay người, nhìn chăm chăm vào cánh cửa đóng.

“Giờ thì chúng ta sẽ thấy một vài hành động thích đáng,” nàng thì thầm.

Mi có vật lộn với những giấc mơ chẳng?

Mi có hài lòng với những cái bóng chẳng?

Mi có di chuyển trong một thứ giấc ngủ không?

Thời gian chuội đi.

Đời mi bị đánh cắp.

Mi lần lữa với những điếu vại vĩnh.

Nạn nhân sự ngu xuẩn của chính mi.

- Bài ca truy điệu Jamis trên Bình nguyên Tang lễ, trích “Những bài hát của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Công tước Leto đứng trong tiền sảnh nhà mình, đọc kỹ một bức thư ngắn dưới ánh sáng từ ngọn đèn treo độc nhất. Còn mấy giờ nữa trời mới sáng,

và ông cảm nhận rõ sự mỗi một của mình. Một người đưa tin Fremen vừa đem mẫu thư này đưa cho lính gác vòng ngoài, đúng lúc Công tước từ đồn chỉ huy trở về.

Mẫu thư viết: “Một bùng khói vào ban ngày, một cột lửa vào ban đêm.”

Không có chữ ký.

Thế có nghĩa là gì? ông tự hỏi.

Người đưa tin đã bỏ đi không cần đợi câu trả lời nên ông cũng không kịp hỏi gì. Anh ta biến vào bóng tối như một cái bóng bằng khói vậy.

Công tước Leto vừa nhét mảnh giấy vào túi áo choàng vừa nghĩ sẽ đưa nó cho Hawat xem sau. Ông gạt một lọn tóc khỏi trán, thở dài sườn sượt. Những viên thuốc chống mệt mỏi bắt đầu giảm tác dụng. Đã hai ngày trôi qua kể từ bữa tiệc tối đó, và tính từ lần ông được ngủ gần đây nhất thì còn lâu hơn thế.

Tất cả những khó khăn về quân sự còn chưa đủ, lại thêm cuộc họp lắm phiền nhiễu náo với Hawat, rồi còn bản báo cáo về cuộc gặp giữa ông ta và Jessica nữa.

Ta có nên đánh thức Jessica không? ông tự hỏi. Chẳng có lý do gì để chơi trò bí mật với cô ấy thêm nữa. Hay là có nhỉ?

Trời đánh thánh vật cái thằng Duncan Idaho ấy!

Ông lắc đầu. *Không, không phải Duncan. Ta đã sai khi không nói thật mọi chuyện với Jessica ngay từ đầu. Ta phải làm điếu đó ngay bây giờ, trước khi có thêm nhiều tổn thất nữa.*

Quyết định đó làm ông thấy dễ chịu hơn, và ông vội vàng đi từ tiền sảnh vào Đại Sảnh, dọc theo các hành lang về phía chái nhà dành riêng cho gia đình.

Ông dừng lại tại chỗ ngoặt nơi các hành lang nhánh tách ra dẫn về khu

vực dành cho gia nhân. Một tiếng thút thít kỳ lạ vang lên từ đâu đó cuối hành lang của gia nhân. Công tước Leto đặt tay trái lên nút khởi động trên chiếc thắt lưng đeo tẩm chắn, luồn con dao ngấn vào bàn tay phải. Con dao truyền cho ông cảm giác an tâm. Âm thanh kỳ lạ đó khiến toàn thân ông ớn lạnh.

Nhẹ nhàng, Công tước lần theo hành lang gia nhân, vừa đi vừa thăm rủa cái ánh sáng tù mù. Ở đoạn này những cây đèn treo cực nhỏ bố trí cách nhau đến tám mét, lại vắn xuống mức nhỏ nhất. Những bức tường đá đen thẫm nuốt chửng mất ánh sáng.

Một vệt xám xịt kéo dài trên sàn nhà lộ ra khỏi vùng tranh tối tranh sáng trước mặt.

Công tước Leto ngẩn ngừ, suýt nữa đã kích hoạt tẩm chắn, nhưng kìm lại vì điều đó sẽ hạn chế cử động cũng như khả năng nghe của ông... và bởi chuyển hàng súng laze vừa bị tóm đã khiến lòng ông đầy nghi hoặc.

Im lìm, ông tiến tới vệt xám, nhận ra đó là một hình người, một người đàn ông úp mặt xuống sàn đá. Dao lăm lăm trong tay, Công tước Leto lấy chân lật ngửa người đàn ông lên, cúi xuống trong ánh sáng mờ mờ để nhìn mặt anh ta. Đó là Tuek, tay buôn lậu, phía ngực dưới có một vết ướm. Cặp mắt không còn sinh khí nhìn trừng trừng bằng màu tối đen trống rỗng. Công tước Leto sờ vào vết ướm - còn ấm.

Làm sao người này lại chết ở đây được? Công tước Leto tự hỏi. *Ai đã giết y?*

Ở chỗ này, tiếng thút thít nghe to hơn. Nó vang lại từ phía trước, cuối hành lang nhánh dẫn tới căn phòng trung tâm nơi họ vừa lắp đặt máy phát tẩm chắn chính cho ngôi nhà.

Tay đặt trên nút khởi động tẩm chắn, con dao trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, Công tước men theo cái xác, rón rén đi dọc hành lang, ghé nhìn vào góc quanh dẫn đến phòng đặt máy phát tẩm chắn.

Một vệt xám khác nằm dài trên sàn cách ông mấy bước, và ông nhận ra

ngay lập tức đây là nguồn phát ra tiếng động. Cái hình thù đó vừa hỗn hển lấp bắp vừa bò về phía ông, chậm chạp, đau đớn.

Cổ trần trụi trước cơn sợ hãi khiến ông đột ngột rúm người lại, Công tước Leto lao vào hành lang, cúi xuống bên thân hình đang bò lết đó. Đó là Mapes, bà quản gia người Fremen, tóc xõa xươi trùm quanh mặt, quần áo rách tả tơi. Một vết sẫm mờ sáng chạy dài từ lưng đến sườn bà ta. Ông chạm tay vào vai người quản gia và bà ta liền tì cùi chỏ nhôm dậy, đầu ghéch lên nhìn ông, đôi mắt chỉ là một vùng bóng đen trống rỗng.

“T... công,” bà ta hỗn hển. “Đã giết... lính gác... cử... gọi... Tuek... thoát... Lệnh bà... T... công... T... công... Ở đây... không...” Bà ta ngã vật về phía trước, đầu đập mạnh xuống sàn đá.

Công tước Leto sờ thái dương bà ta để nghe mạch. Mạch không đập nữa. Ông nhìn vết máu: bà ta bị đâm từ phía sau. Ai? Trí óc ông làm việc như điên. Có phải bà ta muốn nói ai đó đã giết một lính gác? Còn Tuek - có phải Jessica đã cho người gọi ông ta tới? Tại sao?

Ông bắt đầu đứng dậy. Giác quan thứ sáu cảnh báo ông. Ông phóng vụt tay về phía nút khởi động tấm chắn - quá muộn rồi. Một cú chấn động làm cả người ông tê bại, đánh bật tay ông sang một bên. Ông thấy đau ở tay, thấy một mũi phi tiêu từ tay áo thò ra, cảm thấy cơn tê liệt từ chỗ đó lan dần lên phần trên cánh tay. Phải nỗ lực ghê gớm lắm ông mới ngẩng được đầu lên nhìn dọc hành lang.

Yueh đứng trong khung cửa mở rộng của căn phòng để máy phát tấm chắn. Mặt ông ta phản chiếu màu vàng tỏa ra từ ngọn đèn treo duy nhất, sáng hơn, nằm phía trên cánh cửa. Căn phòng sau lưng ông ta lặng ngắt như tờ - không nghe thấy tiếng máy phát.

Yueh! Leto nghĩ. Hắn đã phá hủy các máy phát tấm chắn của tòa nhà! Chúng ta đang phơi mình trần trụi!

Yueh bắt đầu bước về phía ông, vừa đi vừa rút khẩu súng phóng phi tiêu vào túi.

Công tước Leto nhận ra mình vẫn nói được, bèn hỗn hển: “Yueh! Sao lại thế?” Rồi cơn tê liệt lan tới chân ông và ông trượt xuống sàn, lưng tì vào bức tường đá.

Khuôn mặt Yueh nhuốm vẻ u sầu khi ông ta cúi xuống, đặt tay lên trán Công tước Leto. Công tước nhận ra mình vẫn cảm nhận được cái động chạm ấy, nhưng nó xa xăm... mờ nhạt.

“Thuốc trên mũi phi tiêu là loại có chọn lọc,” Yueh nói. “Ngài vẫn nói được, nhưng tôi khuyên ngài đừng nói.” Ông ta liếc dọc hành lang, rồi lại cúi xuống bên Công tước Leto, rút cái phi tiêu ra ném sang một bên. Tiếng mũi phi tiêu chạm sàn đá lạnh canh vang đến tai Công tước vừa yếu ớt vừa xa xăm.

Không thể là Yueh được, Công tước Leto nghĩ. Ông ta đã đạt tới Tối thượng Y Pháp kia mà.

“Sao lại thế?” Leto thì thầm.

“Tôi xin lỗi, thưa Công tước kính mến, nhưng có những chuyện còn đòi hỏi hơn thế này nhiều.” Ông ta chạm tay vào vết xăm hình kim cương trên trán. “Chính tôi cũng thấy lạ - ý thức lửa của tôi bị vô hiệu hóa - nhưng tôi muốn giết một người. Phải, tôi thực sự muốn giết một người. Để làm được việc đó tôi sẽ không chùn tay trước bất cứ điều gì.”

Ông ta nhìn xuống Công tước. “Ồ, không phải Ngài đâu, Công tước thân mến. Nam tước Harkonnen kia. Tôi muốn giết Nam tước.”

“Nam... Ở Har...”

“Xin Ngài im lặng cho, ngài Công tước tội nghiệp. Ngài không có nhiều thì giờ đâu. Cái răng giả mà tôi đặt vào miệng Ngài sau cú ngã ở Narcal ấy, cái răng đó phải được thay. Chỉ lát nữa thôi, tôi sẽ làm Ngài mất ý thức rồi thay cái răng đó.” Ông ta xòe tay ra, nhìn chăm chăm cái gì đó trong lòng bàn tay. “Một bản sao chính xác, phần lõi được tạo hình cực tinh vi, như một sợi thần kinh. Không thể phát hiện ra nó bằng máy dò thông

thường, thậm chí có dùng máy quét nhanh đi nữa. Nhưng nếu Ngài cần mạnh, vỏ của nó sẽ vỡ. Chùng đó, khi Ngài thở mạnh ra, Ngài sẽ khiến không khí quanh Ngài tràn ngập khí độc - chất độc chết người mạnh nhất.”

Công tước Leto nhìn lên Yueh, thấy sự điên rồ trong mắt người đàn ông này, thấy mồ hôi rịn ra nơi lông mày và cằm ông ta.

“Đằng nào thì Ngài cũng chết, ngài Công tước tội nghiệp,” Yueh nói. “Nhưng trước khi chết Ngài sẽ được tiếp cận Nam tước. Lão ta sẽ tin rằng Ngài đã bị thuốc làm cho tê liệt đến nỗi dù có cố đến đâu Ngài cũng không tấn công lão được. Và quả thật Ngài sẽ bị đánh thuốc, lại bị trói nữa. Nhưng tấn công thì có thể bằng những hình thức lạ thường. Và Ngài rồi sẽ nhớ đến cái răng. *Cái răng*, Công tước Leto Atreides ạ. Ngài sẽ nhớ đến cái răng.”

Tên bác sĩ cúi xuống càng lúc càng gần, cho đến khi mặt ông ta cùng bộ ria dài rủ xuống lấp kín cả tầm nhìn mỗi lúc một hẹp hơn của Công tước Leto.

“Cái răng,” Yueh lầm bầm.

“Tại sao?” Công tước Leto thì thầm.

Yueh quỳ một chân xuống cạnh Công tước. “Tôi đã ký với Nam tước một giao kèo quý dữ. Và tôi phải biết chắc rằng lão ta đã làm tròn phần của lão. Khi tôi gặp lão, tôi sẽ biết. Khi tôi nhìn Nam tước, chùng đó tôi sẽ biết. Nhưng tôi sẽ không bao giờ gặp được hắn nếu không phải trả giá. Ngài chính là cái giá đó, Công tước tội nghiệp của tôi ạ. Và khi gặp lão tôi sẽ biết. Wanna tội nghiệp của tôi đã dạy tôi nhiều điều, và một trong số đó là thấy rõ sự thật chắc chắn đến đâu khi sức ép lớn. Không phải lúc nào tôi cũng làm được vậy, nhưng khi tôi gặp Nam tước thì tôi sẽ biết.”

Leto cố nhìn xuống cái răng trong tay Yueh. Ông có cảm tưởng như mọi chuyện đang diễn ra trong một cơn ác mộng - chuyện này không thể xảy ra được.

Đôi môi đỏ tía của Yueh nhếch lên nhần nhó. “Tôi sẽ không tiếp cận Nam tước ở khoảng cách đủ gần được, nếu không thì tôi đã tự làm rồi. Không. Tôi sẽ bị giữ lại ở một khoảng cách an toàn. Nhưng Công tước thì... chào ôi! Ngài, món vũ khí hay ho của tôi! Lão ta sẽ muốn ngài ở gần lão - để hả hê nhìn Ngài, để huênh hoang chút đỉnh.”

Công tước Leto nhận ra mình gần như bị một cơ bên hàm trái của Yueh thôi miên. Cái cơ đó vận vẹo mỗi khi ông ta nói.

Yueh cúi xuống gần hơn. “Và Ngài, Ngài Công tước tốt bụng của tôi, Ngài Công tước quý báu của tôi, Ngài phải nhớ cái răng này.” Ông ta giơ cái răng kẹp giữa ngón cái và ngón trỏ lên. “Nó sẽ là tất cả những gì còn lại với Ngài.”

Miệng Leto mấp máy mà không thốt được gì, rồi ông nói: “Từ chối.”

“Ồ, không! Ngài không được từ chối. Bởi vì, để đáp lại sự giúp đỡ nho nhỏ này, tôi đang làm một chuyện cho Ngài. Tôi sẽ bảo vệ con trai và người đàn bà của Ngài. Không ai khác làm được việc này. Họ có thể được đưa đến một nơi mà không tên Harkonnen nào có thể với tới họ được.”

“Bảo vệ họ... bằng... cách nào?” Công tước thều thào.

“Bằng cách làm ra vẻ họ đã chết, bằng cách bí mật cho họ trà trộn vào những người hể nghe thấy tên Harkonnen là rút dao ra, những người căm thù bọn Harkonnen tận xương tận tủy đến nỗi sẽ đốt cái ghế bọn Harkonnen đã ngồi, sẽ rắc muối lên con đường bọn Harkonnen đã đi.” Ông ta chạm vào hàm Leto. “Ngài có cảm thấy gì ở hàm không?”

Công tước nhận ra mình không trả lời nổi nữa. Ông cảm thấy một cái giật mạnh xa xăm, nhìn bàn tay Yueh giơ lên mang theo chiếc nhẫn có dấu ấn riêng của công tước.

“Dành cho Paul,” Yueh nói. “Ngài sẽ ngất xỉu ngay lập tức. Tạm biệt,

Công tước tội nghiệp của tôi. Lần sau gặp lại chúng ta sẽ không có thời gian trò chuyện đâu.”

Cảm giác mát lạnh xa xăm từ hàm Leto chạy lên phía trên, lan qua hai má ông. Hành lang mờ tối thu hẹp lại thành một điểm nhỏ trong đó cặp môi đỏ tía của Yueh nằm ở trung tâm.

“Hãy nhớ chiếc răng này!” Yueh rít lên. “Chiếc răng này!”

Cần phải có ngành khoa học của sự bất mãn. Người ta cần những thời khắc cam go và sự đàn áp để phát triển sức mạnh tâm linh.

- trích “Tuyển Dụ ngôn của Muad’Dib” của Công tước Irulan

Jessica tỉnh giấc trong bóng tối, linh cảm thấy điều gì đó trong bầu không khí tĩnh lặng xung quanh nàng. Nàng không hiểu nổi tại sao tâm trí và thân thể nàng lại uể oải đến vậy. Cảm giác sợ hãi đến gai cả da chạy dọc các dây thần kinh của nàng. Nàng định ngồi dậy bật đèn lên, nhưng có cái gì đó cản nàng lại.

Miệng nàng cảm thấy... kỳ lạ.

Thùm-thùm-thùm-thùm!

Đó là một âm thanh đều đều tẻ ngắt, vô hướng trong bóng tối. Ở nơi nào đó.

Khoảnh khắc chờ đợi được gói kín bằng thời gian, với những chuyển động sột soạt nghe như tiếng gậy tiếng kim.

Nàng bắt đầu cảm nhận về thân thể mình, dần nhận ra cổ tay cổ chân bị trói, miệng bị vật gì bịt kín. Nàng nằm nghiêng một bên, tay bị trói quặt ra sau. Nàng kiểm tra những chỗ bị trói, nhận ra tay và chân bị trói bằng dây krimskell, nút trói sẽ thít chặt hơn nếu nàng giật ra.

Giờ thì nàng đã nhớ.

Đã có sự chuyển động trong bóng tối phòng ngủ của nàng, một cái gì ướt và hăng nồng đập vào mặt nàng, ấn vào miệng nàng, những bàn tay giữ chặt lấy nàng. Nàng đã thở hỗn hển - trong một hơi hít vào trong - nàng cảm thấy mùi thuốc mê trong cái vật ẩm ướt đó. Sự tỉnh táo rời xa nàng, nhấn nàng vào vực sâu sợ hãi đen ngòm.

Nó đã xảy ra, nàng nghĩ. Đánh bại một Bene Gesserit mới đơn giản làm

sao. Chỉ cần một sự phản bội. Hawat nói đúng.

Nàng buộc mình không được giật dây trói.

Đây không phải phòng ngủ của mình, nàng nghĩ. Chúng đã đưa mình vào chỗ khác.

Chậm chậm, nàng lấy lại bình tĩnh.

Nàng bắt đầu nhận thấy mùi mồ hôi hăng nồng của chính mình trộn lẫn với chất dịch hóa học tiết ra vì sợ hãi.

Paul đâu rồi? nàng tự hỏi. Con ta - bọn chúng đã làm gì thằng bé?

Bình tĩnh.

Nàng ép mình lấy lại bình tĩnh, dùng những cách thức cổ xưa.

Nhưng nỗi khiếp sợ vẫn ở rất gần.

Leto sao rồi? Ông ở đâu, Leto?

Nàng cảm thấy bóng tối nhạt dần. Bắt đầu từ những cái bóng. Những hình thù tách ra, trở thành những mẫu nhận thức mới sắc nhọn. Màu trắng. Một khe hở dưới cánh cửa.

Mình đang nằm trên sàn nhà.

Người ta đang đi lại. Nàng cảm thấy điều đó qua nền nhà.

Jessica nén ký ức về cơn khiếp sợ lại: *Mình phải giữ bình tĩnh, cảnh giác, sẵn sàng. Mình có thể chỉ có một cơ hội.* Một lần nữa, nàng buộc mình phải bình tĩnh.

Nhịp đập thành thịch của tim nàng bình thường trở lại, định hình được thời gian. Nàng nhắm tịt. *Mình đã bất tỉnh chừng một giờ.* Nàng nhắm mắt, tập trung ý thức vào những bước chân đang tới gần.

Bốn người.

Nàng đếm sự khác nhau trong những bước chân của họ.

Ta phải vờ như vẫn bất tỉnh. Nàng thả lỏng người trên mặt sàn lạnh lẽo, kiểm tra sự săn sàng của cơ thể, nghe tiếng cửa mở, cảm thấy một luồng sáng mạnh xuyên qua mí mắt.

Bàn chân tới gần: có ai đó đứng phía trên nàng.

“Người tỉnh rồi,” một giọng nam trầm cất lên. “Đừng giả vờ nữa.”

Nàng mở mắt.

Nam tước Vladimir Harkonnen đứng phía trên nàng. Nhìn xung quanh, nàng nhận ra căn phòng nhỏ dưới hầm nơi Paul đã ngủ, liền nhìn vào chiếc giường con của Paul ở bên cạnh - trống không. Những người lính mang đèn treo vào phòng, đặt rải rác gần cánh cửa để ngủ. Có ánh sáng rực ở hành lang ngoài kia làm nàng chói mắt.

Nàng ngược nhìn Nam tước. Ông ta mặc áo choàng không tay màu vàng, phồng ra ở chỗ dây treo di động. Hai cái má núc ních như hai ụ thịt bên dưới đôi mắt đen như nhện.

“Thuốc đã được định giờ,” ông ta trầm giọng. “Bọn ta biết lúc nào người thoát khỏi ảnh hưởng của thuốc.”

Sao lại thế được? nàng tự hỏi. *Họ phải biết chính xác trọng lượng của ta, sự trao đổi chất trong cơ thể ta... Yueh!*

“Thật đáng tiếc là vẫn phải bịt miệng người,” Nam tước nói. “Chứ nếu không thì chúng ta đã có thể trò chuyện thú vị.”

Yueh là người duy nhất có thể biết những điều này, nàng nghĩ. Bằng cách nào?

Nam tước liếc về cánh cửa phía sau. “Vào đi, Piter.”

Trước đây nàng chưa bao giờ gặp người đàn ông vừa bước vào đứng cạnh Nam tước, nhưng nàng biết khuôn mặt này - và người đàn ông này: *Piter de Vries, một Mentat - Sát thủ*. Nàng quan sát anh ta - nét mặt chìm ửng, đôi mắt màu mực xanh như ám chỉ anh ta là dân Arrakis bản địa, nhưng sự tinh tế trong cử động và phong thái mách bảo nàng rằng không phải vậy. Thịt của anh ta thì chứa quá nhiều nước. Anh ta cao, nhưng mảnh khảnh, và ở anh ta có cái gì đó gợi lên sự ảo lả.

“Thật tiếc khi chúng ta không thể nói chuyện với nhau, Lệnh bà Jessica thân mến,” Nam tước nói. “Tuy nhiên, tôi biết rõ những năng lực của Lệnh bà rồi.” Ông ta liếc tay Mentat. “Không phải thế sao, Piter?”

“Đúng như ngài nói, thưa Nam tước,” gã này nói.

Một giọng nam cao. Nó làm nàng lạnh sống lưng. Nàng chưa bao giờ nghe giọng nói nào ớn lạnh đến thế. Đối với một người được Bene Gesserit huấn luyện, thì giọng nói này đang thét lên: *Kẻ giết người!*

“Tôi có một sự ngạc nhiên dành cho Piter,” Nam tước nói. “Anh ta nghĩ mình đến đây để nhận phần thưởng - là cô đấy, thưa Lệnh bà Jessica. Nhưng tôi muốn giải thích một điều: anh ta không thực sự muốn cô đâu.”

“Ông định chơi tôi hử Nam tước?” Piter hỏi, rồi mỉm cười.

Thấy nụ cười đó, Jessica tự hỏi tại sao Nam tước không vội vàng lên tiếng tự bảo vệ mình trước gã Piter này. Nhưng rồi nàng tự cải chính. Nam tước không thể nhận ra nụ cười đó. Ông ta không được Huấn luyện.

“Trong nhiều khía cạnh, Piter khá ngây thơ,” Nam tước nói. “Anh ta không tự thừa nhận Lệnh bà là kẻ nguy hiểm chết người đến nhường nào, thưa Lệnh bà Jessica. Tôi đã chỉ ra cho anh ta thấy, nhưng đó là một sự mạo hiểm ngu xuẩn.” Nam tước mỉm cười với Piter, khuôn mặt anh ta

đã trở thành một chiếc mặt nạ chờ đợi. “Tôi biết điều Piter thực sự muốn. Piter muốn quyền lực.”

“Ngài đã hứa là tôi có thể có cô ấy,” Piter nói. Giọng nam cao đã mất đi chút ít sự lạnh lùng vốn có.

Jessica nghe được thanh điệu mầu chốt trong giọng nói của y, tự cho phép trong lòng run bắn lên. *Làm sao Nam tước lại có thể tạo ra con thú như vậy từ một Mentat?*

“Ta sẽ cho người lựa chọn, Piter ạ,” Nam tước nói.

“Lựa chọn gì?”

Nam tước bật những ngón tay mập mập kêu tanh tách. “Người đàn bà này và sự lưu đày ra khỏi Đế quốc, hoặc địa vị Công tước Atreides ở Arrakis để trị vì theo cách người thấy phù hợp nhân danh ta.”

Jessica nhìn đôi mắt nhện của Nam tước đang quan sát Piter.

“Ở đây người có thể là Công tước trong mọi chuyện trừ cái tên,” Nam tước nói.

Phải chăng Leto của ta đã chết? Jessica tự hỏi. Nàng cảm thấy một tiếng than khóc lặng lẽ bắt đầu vang lên từ nơi nào đó trong tâm trí mình.

Nam tước vẫn chú ý vào tên Mentat. “Hãy hiểu bản thân mình đi, Piter. Người muốn cô ta vì cô ta là người đàn bà của Công tước, là biểu tượng cho quyền lực của ông ta - xinh đẹp, có năng lực, được huấn luyện tinh vi cho vai trò của mình. Nhưng một địa vị Công tước trọn vẹn, Piter ạ! Nó còn hơn là một biểu tượng; nó là điều có thực. Có nó người có thể có vô khối đàn bà... và còn hơn thế nữa.”

“Ngài không đùa với Piter đấy chứ?”

Nam tước quay người với vẻ nhẹ nhàng như đang múa có được nhờ bộ dây treo. “Đùa? Ta sao? Hãy nhớ - Ta đang loại bỏ thằng bé. Người đã

nghe tên phản bội nói về những gì thằng bé được huấn luyện. Bọn chúng, cả mẹ lẫn con - đều nguy hiểm như nhau.” Nam tước mỉm cười. “Bây giờ ta phải đi rồi. Ta sẽ phái đến đây một tay bảo vệ đã được ta dành sẵn cho lúc này. Hẳn ta điếc đặc. Hẳn được lệnh đưa người đi chặng đầu tiên trong chuyến lưu đày của người. Hẳn sẽ đánh bại mọi đàn bà này nếu thấy cô ta điều khiển được người. Hẳn sẽ không cho phép người tháo băng bịt miệng cho cô ta chửi ầm ỹ người chưa ra khỏi Arrakis. Nếu người quyết định không ra đi... hẳn sẽ có những mệnh lệnh khác.”

“Ngài không phải đi,” Piter nói. “Tôi đã quyết định.”

“Ái chà chà!” Nam tước cười như nắc nẻ. “Quyết định nhanh như thế thì chỉ có thể có một ý thôi.”

“Tôi sẽ chọn địa vị Công tước,” Piter nói.

Còn Jessica nghĩ: *Chẳng lẽ Piter không biết Nam tước đang nói dối anh ta sao? Nhưng - làm sao anh ta biết được? Anh ta là một Mentat biến chất.*

Nam tước liếc xuống Jessica. “Chẳng quá ngạc nhiên khi ta hiểu Piter quá rõ phải không? Ta đã đánh cuộc với Chỉ huy Quân đội của ta rằng Piter sẽ chọn thế. Hà hà! Rất tuyệt, giờ thì ta đi đây. Chuyện này tuyệt hơn nhiều. Ái chà chà, quá ư là tuyệt. Cô hiểu không, Lệnh bà Jessica? Ta chẳng thù oán gì cô cả. Chẳng qua cần phải làm thế mà thôi. Cách này quá tuyệt. Đúng thế. Và *trên thực tế*, ta đã không ra lệnh tiêu diệt cô. Khi người ta hỏi đã có chuyện gì xảy ra với cô, ta có thể nhún vai coi như chẳng biết gì một cách hoàn toàn chân thật.”

“Vậy là ngài đùn nó lại cho tôi?” Piter hỏi.

“Tay bảo vệ mà ta phái đến sẽ nhận lệnh của người,” Nam tước nói. “Mọi công việc cần làm, ta để cho người.” Ông ta nhìn Piter chăm chăm. “Đúng thế. Ở đây, bàn tay ta sẽ không dính chút máu nào. Đó là quyết định của người. Đúng thế. Ta không biết chút gì về việc này cả. Đợi đến

khi ta đi khỏi thì hãy làm bất cứ cái gì người phải làm. Đúng thế. Ô... à, ừ. Ừ. Tốt.”

“Ông ta sợ sự chất vấn của một Người Nói Sự thật, Jessica nghĩ. Ai? Ái chà, tất nhiên là Mẹ Chí tôn Gaius Helen rồi! Nếu ông ta biết ông ta phải đối mặt với những câu hỏi của Mẹ Chí tôn thì chắc chắn là Hoàng đế có nhúng tay vào vụ này rồi. Ôi chao, ngài Công tước tội nghiệp!”

Đưa mắt nhìn Jessica lần cuối, Nam tước quay gót, đi ra ngoài cửa. Nàng đưa mắt nhìn theo ông ta, suy nghĩ: *Đúng như Mẹ Chí tôn đã cảnh báo - một kẻ thù quá nguy hiểm.*

Hai tên lính Harkonnen đi vào. Một người nữa - mặt hăn là cái mặt nạ chẳng chịt sọc - đi theo sau, đứng ở ngưỡng cửa lăm lăm khẩu súng lazer.

Gã điếc đó đây, Jessica nghĩ trong khi quan sát gương mặt sọc. Nam tước biết ta có thể sử dụng Giọng nói đối với bất kỳ người nào khác.

Mặt Sọc nhìn Piter. “Chúng ta có một thằng bé trong ổ rơm bên ngoài. Ý ông thế nào?”

Piter nói với Jessica. “Tôi đã nghĩ tới việc ràng buộc Lệnh bà bằng sự đe dọa đến con trai của Lệnh bà, nhưng tôi đã bắt đầu nhận ra làm vậy không ăn thua. Tôi đã để cảm tính che mờ lý trí. Một cách giải quyết tồi đối với một Mentat.” Y nhìn hai tên lính vào trước, rồi quay ra để tên điếc có thể đọc được môi y: “Đưa họ vào sa mạc như tên phản bội đã gợi ý làm với cậu bé. Kế hoạch của ông ta được đấy. Bọn sâu cát sẽ thủ tiêu mọi bằng chứng. Không bao giờ được để cho thi thể họ bị phát hiện.”

“Ông không muốn tự tay giết họ sao?” Mặt Sọc hỏi.

Hắn ta đọc môi, Jessica nghĩ.

“Tôi theo gương Nam tước,” Piter nói. “Đưa họ đến nơi tên phản bội đã nói đi.”

Jessica nghe thấy sự điều khiển chói tai của một Mentat trong giọng Piter, thầm nghĩ: *Anh ta cũng sợ Người Nói Sự thật.*

Piter nhún vai, quay gót, đi qua ngưỡng cửa. Y dừng lại ngập ngừng ở đó, và Jessica tưởng y sẽ quay nhìn nàng lần cuối, nhưng y đi ra mà không quay lại.

“Tao thì tao đếch khoái phải đối mặt với Người Nói Sự thật sau cái việc đêm nay một tẹo nào,” Mặt Sẹo nói.

“Mày thì chắc chả đời nào đâm đầu vào cái mụ khòm phù thủy ấy đâu,” một trong hai tên lính kia nói. Hắn đi vòng về phía đầu Jessica, cúi xuống người nàng. “Cứ xớ rớ tán dóc ở đây thì chả bao giờ xong việc được. Túm lấy chân mụ ta rồi...”

“Sao không giết quách ở đây cho xong?” Mặt Sẹo hỏi.

“Rầy rà quá,” tên đầu tiên nói. “Trừ phi mày muốn siết cổ chúng. Tao thì tao khoái làm cho nhẹ nhàng êm thấm. Ném chúng vào sa mạc như tên phản bội kia nói, rạch vài đường để lại dấu vết cho lũ sâu. Rồi thì chẳng còn gì để mà dọn dẹp nữa.”

“Rồi... thôi được, chắc mày đúng đấy,” Mặt Sẹo nói.

Jessica lắng nghe chúng nói chuyện, quan sát, ghi nhớ. Nhưng cái băng bịt miệng đã khóa Giọng nói của nàng, hơn nữa lại có một tên điếc đặc canh chừng.

Mặt Sẹo sút súng vào bao, túm chân nàng. Bọn chúng nâng nàng lên như nâng bao gạo, cẩn thận khiêng nàng qua cửa rồi ẩy nàng vào một ổ rơm được nâng lên bằng lực treo, bên trong đã có một người bị trói khác. Khi chúng xoay người nàng để nàng nằm lọt cái ổ rơm, nàng nhìn thấy khuôn mặt người nằm trong ổ rơm cùng mình - Paul! Cậu bị trói, nhưng không bị bịt miệng. Mặt cậu cách mặt nàng không quá mười xăng ti mét, hai mắt nhắm nghiền, hơi thở đều đặn.

Có phải thằng bé bị đánh thuốc không? nàng tự hỏi.

Bọn lính nâng Ổ rơm lên, và hai mắt Paul hơi ti hí - hai khe mắt tối đen nhìn nàng chăm chăm.

Thằng bé không được thử dùng Giọng nói! nàng cầu nguyện. Cái tên điếc đặc đó!

Mắt Paul vẫn nhắm.

Cậu đang luyện bài tập thở-ý thức, giữ tâm trí bình tĩnh, lắng nghe bọn bắt giam mình. Tên điếc này là một trở ngại, nhưng Paul kiên chế nổi thất vọng. Bài tập giữ bình tĩnh kiểu Bene Gesserit mà mẹ đã dạy giúp cậu cân bằng, sẵn sàng tận dụng bất cứ cơ hội nào.

Paul cho phép mình ti hí một mắt nhắm khuôn mặt mẹ. Mẹ có vẻ không sao. Tuy nhiên lại bị bịt miệng.

Cậu tự hỏi ai có thể bắt mẹ. Việc cậu bị bắt thì khá đơn giản - lên giường sau khi uống viên thuốc theo đơn của Yueh, khi thức dậy thì thấy mình đã bị trói trong ổ rơm này rồi. Có lẽ chuyện xảy ra với mẹ cậu cũng tương tự như thế. Logic mách bảo tên phản bội là Yueh, nhưng ông ta đã trì hoãn quyết định cuối cùng. Không thể hiểu được chuyện này - một bác sĩ trường Suk là tên phản bội.

Chiếc ổ rơm hơi nghiêng khi bọn lính Harkonnen cẩn thận khiêng nó qua ngưỡng cửa đi vào đêm tối đầy sao. Một cái phao-dây treo kêu sột soạt khi cọ vào ngưỡng cửa. Rồi cả bọn đã ở trên bãi cát, chân sục vào trong cát. Một cánh cửa chiếc tàu chim hiện ra lơ mờ trên đầu, che lấp những ngôi sao. Chiếc ổ rơm được đặt xuống mặt đất.

Paul điều chỉnh hai mắt cho quen với ánh sáng lơ mờ. Cậu nhận ra tên điếc khi hần mở cửa tàu, nhìn vào trong dưới ánh sáng tù mù xanh lục từ bảng thiết bị chiếu ra.

“Bọn ta phải dùng cái tàu này á?” hần ta hỏi rồi quay lại nhìn vào môi

đồng bọn.

“Tên phản bội nói nó đã được cải tiến để phục vụ trong sa mạc,” một tên khác đáp.

Mặt Sẹo gật đầu. “Nhưng nó là loại dùng để liên lạc vật vãnh mà. Trong ấy chỉ đủ chỗ cho chúng và hai người trong bọn ta thôi.”

“Hai người là đủ,” tên chở ổ rơm nói, hấn tiến đến gần và dùng môi nói chuyện với tên điếc. “Từ bây giờ thì hai chúng tao có thể lo vụ này được rồi, Kinet à.”

“Nam tước đã dặn tao là phải chắc chắn về chuyện gì sẽ xảy ra với hai đứa nó,” Mặt Sẹo nói.

“Sao mà cứ lo ngay ngáy thế hả?” một tên lính khác ở phía sau tên chở ổ rơm hỏi.

“Cô ta là một phù thủy Bene Gesserit,” tên điếc trả lời. “Bọn chúng có nhiều khả năng.”

“Ái chà chà...” Tên khiêng ổ rơm nắm tay thành quả đấm nơi tai. “Một trong số bọn chúng hả? Biết thế nghĩa là gì rồi.”

Tên lính sau lưng hấn càu nhàu. “Cô ta sẽ sớm bị sâu cát ăn thịt thôi. Đừng nghĩ rằng một mụ phù thủy Bene Gesserit thì mạnh hơn một trong những con sâu cát to đùng đó. Phải không, Czigo?” Hấn huých khuỷu tay vào tên khiêng ổ rơm.

“Ờ, đúng,” tên khiêng ổ rơm nói. Hấn quay lại với cái ổ rơm, nắm hai vai Jessica. “Đi nào, Kinet. Mà có thể đi theo nếu muốn biết chắc chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Mày thật tử tế khi mời tao đấy, Czigo,” Mặt Sẹo nói.

Jessica cảm thấy mình bị nâng lên, bóng cái cánh đang quay tròn - những ngôi sao. Bọn chúng đẩy nàng vào phía đuôi tàu chim, kiểm tra sợi dây

krimskell của nàng, sau đó trói nàng bằng dây da. Paul bị ấn xuống cạnh nàng, bị trói chặt cứng, và nàng để ý thấy cậu bé bị trói bằng dây thừng bình thường.

Tên mặt sẹo hay tên điếc mà bọn chúng gọi là Kinet chiếm một chỗ ở đằng trước. Tên khiêng ổ rơm được gọi là Czigo thì đi loanh quanh rồi chiếm một chỗ khác ở đằng trước.

Kinet đóng cửa, cúi xuống bộ điều khiển. Con tàu bắt đầu nhấc mình, cánh gập lại, lao vút về phía Nam bên trên Tường Chấn. Czigo vỗ vai người bạn đi cùng, nói: “Sao mà không quay lại canh chừng hai đứa chúng nó đi?”

“Mày biết rõ đường chứ?” Kinet nhìn môi Czigo.

“Tao nghe tên phản bội nói cũng chăm chú như mày vậy.”

Kinet xoay ghế ngồi của mình. Jessica nhìn thấy ánh sao phản chiếu trên khẩu súng trong tay hắn. Bên trong tàu bốn phía đều có ánh đèn, dường như tập trung đủ độ sáng khi nàng điều chỉnh mắt, nhưng gương mặt sẹo của tên lính vẫn lơ mờ. Jessica kiểm tra đai an toàn của nàng, thấy nó lỏng lẻo. Nàng cảm thấy sự thô ráp của dây trói bằng da cọ vào tay trái, nhận ra nó sắp đứt, chỉ cần giật mạnh một cái là tung ra.

Có ai đó trên con tàu đã sắp đặt việc này cho mẹ con ta? nàng tự hỏi. *Ai vậy?* Chầm chậm, nàng vặn vẹo đôi chân bị trói để tách ra khỏi chân Paul.

“Lãng phí một người đàn bà xinh đẹp như thế này chẳng phải là đáng tiếc lắm sao,” Mặt Sẹo nói. “Mày đã bao giờ có loại quý tộc cao cấp thế này chưa?” Hắn quay lại nhìn tên phi công.

“Bene Gesserit không hẳn là quý tộc cao cấp,” tên phi công nói.

“Nhưng nhìn bọn họ ả nào cũng cao quý hết.”

Hắn có thể nhìn ta đủ rõ, Jessica nghĩ. Nàng co đôi chân bị trói lên trên

ghế, thu mình lại như quả bóng, nhìn Mặt Sọo chăm chăm.

“Cô ả quả đẹp thực,” Kinet nói. Hấn ta liếm môi. “Đúng là tiếc thật.” Hấn nhìn Czigo.

“Mày đang nghĩ cái mà tao nghĩ là mày đang nghĩ phải không?” tên phi công hỏi.

“Ai mà biết được?” tên lính hỏi. “Sau đây ...” Hấn nhún vai. “Tao chưa làm cái trò ấy với bọn quý tộc bao giờ. Có thể sẽ chẳng bao giờ có được cơ hội như thế này nữa.”

“Mi cứ thử đặt tay lên mẹ ta xem...” Paul nghiêng răng kèn kẹt. Cậu giận dữ nhìn Mặt Sọo.

“Ê!” tay phi công phá lên cười. “Con sói con sữa kìa. Nhưng có cần được đâu.”

Còn Jessica nghĩ: *Paul đang cất giọng quá cao. Tuy vậy có thể có tác dụng.*

Họ bay trong im lặng.

Bọn ngốc tội nghiệp này, Jessica nghĩ, vừa quan sát đám lính vừa nghĩ lại những lời Nam tước nói. Bọn chúng sẽ bị giết ngay khi báo cáo đã hoàn thành nhiệm vụ. Nam tước không muốn có nhân chứng.

Con tàu chao nghiêng trên mép phía Nam Tường Chấn, và Jessica nhìn thấy phía dưới họ một dải cát bị che khuất khỏi ánh trăng.

“Đến đây là đủ xa rồi,” tên phi công nói. “Tên phản bội bảo đưa bọn chúng đến bất cứ dải cát nào gần Tường Chấn.” Hấn lái con tàu hạ xuống những đụn cát, chúi thấp dần rồi khựng lại trên bề mặt sa mạc.

Jessica thấy Paul bắt đầu hít thở nhịp nhàng luyện bài tập giữ bình tĩnh. Cậu nhắm mắt, mở mắt. Jessica nhìn con chăm chăm, không thể giúp gì

được cho con. Thằng bé vẫn chưa làm chủ được Giọng nói, nàng nghĩ, nếu nó thất bại...

Con tàu khẽ lắc lư khi đáp xuống dải cát, và khi nhìn lại phía Bắc đầu kia Tường Chấn, Jessica thấy bóng một đôi cánh ở đó, khuất ngoài tầm nhìn.

Có người đang đi theo chúng ta! nàng nghĩ. Ai? Rồi tự trả lời: *Những kẻ do Nam tước cất đặt theo dõi cặp lái tàu này. Và rồi sẽ lại có những kẻ đi theo dõi những kẻ theo dõi này.*

Czigo tắt cánh quạt. Bầu không khí im lặng bao trùm lên họ.

Jessica quay đầu. Qua ô cửa sổ phía Mặt Sợ, nàng có thể nhìn thấy ánh trăng đang lên tỏa sáng bàng bạc, một gờ đá trông như phủ sương giá vươn mình trên sa mạc. Sóng cát cuộn cuộn chạy thành vệt xung quanh nó.

Paul hăng giọng.

Tên phi công nói: “Bây giờ chứ, Kinet?”

“Tao không biết, Czigo ạ.”

Czigo quay sang nói: “Ái chà chà, nhìn xem.” Hắn ta vươn tay nắm lấy váy Jessica.

“Tháo băng bịt miệng ra,” Paul ra lệnh.

Jessica cảm thấy những từ ngữ lăn tròn trong không khí. Thanh điệu, âm sắc đều tuyệt vời - có tính cưỡng bách, lạnh lạnh. Nếu thấp xuống chút nữa thì chuẩn hơn, nhưng nó vẫn có thể rơi đúng vào phổ âm thanh của bọn lính này.

Czigo đưa tay lên dải băng bịt miệng Jessica, tháo nút buộc ra.

“Dừng lại!” Kinet ra lệnh.

“Ôi chào, cảm ơn đi,” Czigo nói. “Tay cô ta bị trói rồi mà.” Hấn gỡ cái nút và dải băng rơi xuống. Mắt hấn rực sáng trong khi ngắm nghía Jessica.

Kinet đặt tay lên cánh tay tên phi công. “Nhìn đi, Czigo, đâu cần...”

Jessica xoay cổ, khắc gờm miệng ra. Nàng điều chỉnh giọng ở mức thấp, âm điệu thật tình cảm. “Quý ngài ạ! Không cần phải đánh nhau vì tôi.” Cùng lúc ấy, nàng quỳ quỵ nhằm cầu xin sự giúp đỡ của Kinet.

Nàng thấy chúng ngày càng căng thẳng, biết rằng trong khoảnh khắc này chúng đã bị thuyết phục là cần phải đánh nhau vì nàng. Sự bất đồng của chúng chẳng cần lý do nào khác. Trong tâm trí chúng, chúng đang đánh nhau vì nàng.

Nàng ngẩng mặt lên sao cho ánh sáng từ các thiết bị chiếu vào, để chắc chắn Kinet đọc được môi nàng, rồi nói: “Các anh không được bất hòa.” Bọn chúng dịch ra xa nhau hơn, nhìn nhau đầy cảnh giác. “Có người đàn bà nào đáng để các anh đánh nhau không?” nàng hỏi.

Bằng việc thốt ra những lời đó, bằng việc có mặt ở đây, nàng khiến mình trở nên cực kỳ xứng đáng cho bọn chúng đánh nhau.

Paul mím chặt môi, buộc mình giữ im lặng. Cậu đã may mắn thành công khi sử dụng Giọng nói. Bây giờ - mọi chuyện phụ thuộc vào mẹ, người giàu kinh nghiệm hơn cậu nhiều.

“Ừ nhỉ,” Mặt Sẹo nói. “Đâu cần đánh nhau...”

Tay hấn lao nhanh như chớp về phía cổ tên phi công. Cú ra đòn bị đáp trả bởi một ánh kim loại lóe lên đâm vào tay Mặt Sẹo và sẵn đà ập luôn vào ngực hấn.

Mặt Sẹo rên rỉ, nghiêng về phía sau dựa vào cánh cửa.

“Mày tưởng tao là thằng ngốc không biết cái trò bịp bợm ấy chắc,” Czigo

nói. Hấn lật tay lại, làm lộ ra con dao sáng lấp lánh phản chiếu ánh trăng.

“Giờ thì tới lượt con sói con,” hấn nói rồi cúi về phía Paul.

“Đâu cần phải làm thế,” Jessica thì thầm.

Czigo do dự.

“Anh không thích tôi hợp tác hơn sao?” Jessica hỏi. “Hãy cho thằng bé một cơ hội.” Nàng nhếch mép khinh bỉ. “Một cơ hội nho nhỏ để nó ra khỏi đây, đến bãi cát kia. Hãy cho nó cơ hội đó, rồi thì...” Nàng mỉm cười. “Anh có thể thấy mình sẽ được đền ơn xứng đáng.”

Czigo liếc sang trái, sang phải, rồi lại hướng sự chú ý vào Jessica. “Tôi có nghe nói về những chuyện có thể xảy ra với một người trong sa mạc,” hấn nói. “Có khi thằng bé thấy con dao còn tử tế chán.”

“Chẳng lẽ tôi đòi hỏi thế là quá nhiều sao?” Jessica van vãn.

“Cô đang cố lừa tôi,” Czigo thì thầm.

“Tôi không muốn thấy con mình chết,” Jessica nói. “Như thế là lừa gạt sao?”

Czigo lùi lại, huých khuỷu tay vào then cửa. Hấn túm lấy Paul, lôi cậu qua chiếc ghế, đẩy cậu vắt nửa người ra ngoài cánh cửa, tay lăm lăm con dao. “Mày sẽ làm gì, con sói con, nếu tao cắt dây trói cho mày?”

“Nó sẽ rời nơi này ngay lập tức rồi đi về phía những khối đá kia,” Jessica nói.

“Mày sẽ làm thế chứ, sói con?” Czigo hỏi.

Giọng của Paul gay gắt một cách thích đáng. “Phải.”

Con dao hạ xuống, cắt dây trói ở chân cậu. Paul cảm thấy bàn tay sau lưng ẩy mạnh cậu xuống cát, bèn giả vờ lảo đảo tì vào khung cửa để lấy

điễm tựa, quay người như muốn giữ thăng bằng, rồi bất ngờ tung cú đá bằng chân phải.

Ngón chân được ngấm đích cực kỳ chính xác, không uống công cậu rèn luyện suốt gần ấy năm dài, như thể tất cả sự tập luyện đó đều tập trung cho lúc này đây. Gần như tất cả các cơ của thân thể cậu đều phối hợp theo sự sắp đặt của nó. Mũi chân đá trúng vào phần mềm bụng Czigo ngay dưới xương ức, dội một lực kinh khủng lên gan, xuyên qua cơ hoành ép nát tâm thất phải của hắn.

Tên lính kêu ùng ục rồi đổ ập về phía sau, lộn nhào qua mấy chiếc ghế. Không thể sử dụng đôi tay, Paul theo đà rơi xuống cát, lộn một vòng để lấy thêm lực giúp cậu đứng lên chỉ bằng một động tác. Cậu chui trở lại buồng lái, tìm thấy con dao, dùng răng giữ nó trong lúc mẹ cậu cà dây trói vào lưỡi dao. Nàng lấy dao cắt dây trói tay cho cậu.

“Mẹ có thể điều khiển được hắn,” nàng nói. “Lẽ ra hắn đã cắt dây trói cho mẹ rồi. Con làm thế thật liều lĩnh một cách ngu ngốc.”

“Con nhìn thấy sơ hở và đã tận dụng nó,” cậu nói.

Nàng nghe thấy sự điều khiển chói tai trong giọng cậu, liền nói: “Ký hiệu của gia tộc Yueh được viết trên trần buồng lái này.”

Cậu ngước lên, nhìn cái biểu tượng xoắn xít.

“Chúng ta ra ngoài xem xét con tàu này nào,” nàng nói. “Có một chiếc bọc dưới ghế phi công. Mẹ cảm thấy nó khi chúng ta bước vào đây.”

“Bom ư?”

“Không chắc. Ở đây có gì đó rất lạ.”

Paul nhảy xuống cát, Jessica theo sau. Nàng quay lại, với tay lấy cái bọc lạ ở dưới ghế, nhìn thấy chân Czigo sát mặt mình, cảm thấy sự ẩm ướt trên cái bọc khi nàng lôi nó ra, nhận ra sự ẩm ướt này là máu tay phi công.

Thật lãng phí hơi ấm, nàng nghĩ, biết rằng đây là cách nghĩ của dân Arrakeen.

Paul đưa mắt ra xung quanh, nhìn vách đá nhô lên khỏi sa mạc giống như một bãi biển hiện ra từ biển cả, những vách núi cao dốc đứng do gió đẽo nên tạo thành một hàng rào ở xa xa. Cậu quay lại khi mẹ nhắc cái bọc ra khỏi con tàu, thấy mẹ nhìn chăm chăm qua những đụn cát về phía Tường Chấn. Cậu đưa mắt theo, nhìn thấy cái đã thu hút sự chú ý của mẹ, thấy một con tàu đang lao về phía họ, và nhận ra họ không có thời gian lòi những cái xác ra khỏi con tàu rồi chạy trốn.

“Chạy đi, Paul!” Jessica hét lên. “Bọn Harkonnen đó!”

Arrakis truyền dạy thái độ của con dao - chặt đứt cái không hoàn chỉnh và nói:

“Giờ thì nó hoàn chỉnh rồi, vì nó được kết thúc ở đây.”

- trích “Tuyển dụ ngôn của Muad'Dib” của công chúa Irulan

Một người mặc quân phục Harkonnen lao thốc vào, dừng lại ở cuối sảnh, nhìn Yueh chăm chăm, chỉ liếc qua đã ghi nhận hết: cái xác của Mapes, hình dáng Công tước nằm sõng soài, Yueh đang đứng đó. Tay phải người đàn ông kia cầm khẩu súng lazer. Từ người hấn toát lên một vẻ tàn bạo bẩm sinh, một cảm giác về sự hung bạo và tự tin khiến Yueh rùng mình.

Sardaukar, Yueh nghĩ. Căn cứ theo bề ngoài, hấn là một Bashar. Có lẽ chính Hoàng đế phái hấn đến đây để giám sát mọi chuyện. Dù trong trang phục nào đi nữa thì vẫn không có gì che đậy được thân thế của họ.

“Ông là Yueh,” gã đàn ông nói. Hấn nhìn với vẻ suy đoán cái vòng trường Suk trên tóc vị bác sĩ, nhìn chăm chăm vào vết xăm hình kim cương, rồi bắt gặp đôi mắt Yueh.

“Tôi là Yueh,” bác sĩ nói.

“Ông có thể thư giãn, Yueh ạ,” hấn nói. “Khi ông vô hiệu hóa những tấm chắn bảo vệ ngôi nhà thì chúng tôi đã tiến vào ngay rồi. Mọi chuyện ở đây vẫn trong tầm kiểm soát. Công tước đây à?”

“Đây là Công tước.”

“Chết rồi sao?”

“Chỉ bất tỉnh thôi. Tôi nghĩ anh nên trói ông ta lại.”

“Ông làm gì những kẻ kia rồi?” Hấn liếc xuống tiền sảnh nơi thi thể

Mapes nằm đó.

“Thật đáng tiếc,” Yueh lẩm bẩm.

“Tiếc!” tên Sardaukar nhếch mép cười. Hắn tiến lên phía trước, nhìn xuống Leto. “Vậy ra Công tước Đỏ vĩ đại đây.”

Nếu ta có nghi ngờ gì về thân thế của tên này, thì câu nói đó cũng đã xóa sạch rồi, Yueh nghĩ. Chỉ Hoàng đế mới gọi Atreides là Công tước Đỏ.

Tên Sardaukar với tay xuống, cắt cái biểu tượng chim ưng đỏ trên đồng phục của Leto. “Một vật kỷ niệm nhỏ,” hắn nói. “Cái nhẫn có dấu riêng của Công tước đâu?”

“Ông ấy không mang trong người,” Yueh nói.

“Ta thấy rồi!” tên Sardaukar cau kỉnh.

Yueh cứng người lại, nuốt nước bọt. Nếu họ ép ta, đưa ta đến gặp Người Nói Sự thật, họ sẽ phát hiện ra chuyện chiếc nhẫn, chuyện con tàu mà ta đã chuẩn bị - mọi chuyện sẽ hỏng bét.

“Thỉnh thoảng Công tước gửi chiếc nhẫn cho người đưa thư như một vật để đảm bảo mệnh lệnh do chính ông ban ra,” Yueh nói.

“Chắc hẳn là những tên đưa thư được tin cậy lắm,” tên Sardaukar lẩm bẩm.

“Anh không trối ông ấy sao?” Yueh đánh bạo hỏi.

“Ông ta sẽ bất tỉnh trong bao lâu?”

“Khoảng hai giờ. Tôi không định được chính xác lượng thuốc cho ông ấy như với mẹ đàn bà và thằng bé.”

Tên Sardaukar dùng ngón chân ấy ấy vào người Công tước. “Dù ông ta có

tỉnh thì cũng chẳng có gì phải sợ cả. Khi nào thì mẹ đàn bà và thằng bé đó tỉnh lại?”

“Khoảng mười phút nữa.”

“Sớm vậy sao?”

“Tôi nghe nói Nam tước sẽ tới đây ngay sau thuộc hạ của ông ấy.”

“Ông ấy sẽ đến ngay. Ông chờ ở ngoài đi, Yueh.” Hãn nhìn Yueh nghiêm khắc. “Ngay bây giờ!”

Yueh liếc Leto. “Thế còn...”

“Ông ta sẽ được giao cho Nam tước, bị trói gô như miếng thịt quay trong lò nướng.” Lại một lần nữa, tên Sardaukar nhìn hình xăm kim cương trên trán Yueh. “Ông biết đấy; ông sẽ đủ an toàn khi ở trong hành lang. Chúng ta không còn thời gian để tán dóc nữa đâu, tên phản bội ạ. Tôi nghe thấy tiếng những người khác đang đến rồi.”

Tên phản bội, Yueh nghĩ. Ông hạ thấp cái nhìn, hẩy vào người tên Sardaukar trong khi bỏ đi, biết rằng ông đang ném trước cái từ mà lịch sử sẽ ghi lại về ông: *Yueh, tên phản bội*.

Ông đi qua thêm nhiều xác chết trên đường tiến về phía cổng trước, vừa đi vừa liếc chúng, sợ rằng một trong những xác đó có thể là Paul hoặc Jessica. Tất cả xác chết đều là lính của gia tộc hoặc mặc đồng phục Harkonnen.

Bọn lính Harkonnen cảnh giác nhìn ông chằm chằm khi ông từ cổng trước hiện ra, đi vào bóng đêm được soi sáng bằng ánh lửa. Hàng cây chà là dọc đường đã bị đốt cháy để soi sáng cho ngôi nhà. Cột khói màu đen từ đám mồi đốt cây bốc lên trên xuyên qua những ngọn lửa màu cam.

“Tên phản bội đấy,” có tiếng ai đó nói.

“Hãn là Nam tước muốn gặp mày sớm đấy,” một người khác nói.

Ta phải tới được con tàu, Yueh nghĩ. Ta phải đặt ấn Công tước vào nơi Paul sẽ tìm thấy được. Một nỗi sợ hãi xâm chiếm ông: Nếu Idaho nghi ngờ ta hoặc trở nên nóng vội - nếu anh ta không đợi mà lại đi đến đúng nơi ta đã bảo anh ta - thì Jessica và Paul sẽ không tránh khỏi bị chém giết. Đến cái sự giảm nhẹ nhỏ nhoi nhất cho hành động của ta cũng sẽ không thực hiện được.

Tên lính Harkonnen thả tay ông ra, nói: “Đừng đợi đằng kia, tránh đường ra.”

Bất ngờ, Yueh nhận thấy mình như kẻ vút đi ở cái nơi hủy diệt này, không được dành cho bất cứ cái gì, không được nhận thậm chí đến một chút thương hại nhỏ nhoi nhất. *Idaho không được thất bại!*

Một tên lính khác va mạnh vào ông, quát lên: “Này ông kia, tránh xa đường ra!”

Ngay cả khi lợi dụng được ta, chúng vẫn khinh thường ta. Yueh nghĩ. Ông thẳng người lên khi bị đẩy sang một bên, lấy lại chút tư thế đường hoàng của mình.

“Đợi Nam tước đến!” một tên sĩ quan cúi kính nói.

Yueh gật đầu, đi dạo dọc con đường trước nhà với vẻ tự nhiên được kiểm soát, rẽ ở góc đường rồi bước vào bóng tối ngoài tầm soi sáng của hàng cây đang cháy. Mỗi bước đi lộ rõ sự lo lắng, Yueh vội vã tiến về phía sân sau dưới phòng kính nơi con tàu đang đợi - con tàu đã được bố trí ở đó để đưa hai mẹ con Paul đi.

Một tên lính gác đứng bên cánh cửa đang mở ở phía sau nhà, tập trung chú ý vào tiền sảnh được chiếu sáng và những tên lính đang đóng mở cửa sầm sập ở đó, tìm kiếm hết phòng này sang phòng khác.

Bọn chúng mới tự tin làm sao chứ!

Yueh theo sát những cái bóng, di chuyển vòng quanh con tàu, khẽ khàng

mở cánh cửa ở phía khuất tầm mắt tên lính. Ông lặn tay dưới hàng ghế trước nơi ông giấu bộ Fremkit, nhấc nắp lên, đút cái ấn công tước vào. Ông sờ vào nếp nhăn của tờ giấy hương được, bức thư ông đã viết, ấn cái nhẫn vào tờ giấy. Ông rút tay ra, đóng cái gói lại.

Yueh nhẹ nhàng đóng cửa tàu, quay trở lại góc đường rồi đi vòng về phía hàng cây đang cháy.

Giờ thì xong rồi, ông nghĩ.

Một lần nữa, ông lại bước vào vùng ánh sáng của hàng cây rực cháy. Ông kéo áo choàng vòng quanh người, nhìn chằm chằm những ngọn lửa. Ta sẽ sớm biết thôi. *Ta sẽ sớm gặp tên Nam tước và ta sẽ biết. Còn Nam tước - hẳn sẽ chạm trán một chiếc răng nho nhỏ.*

Có một truyền thuyết kể rằng, vào lúc Công tước Leto Atreides qua đời, một ngôi sao băng vụt qua bầu trời bên trên cung điện của dòng họ ông ở Caladan.

- Công chúa Irulan: “Lời nói đầu Chuyện thuở thiếu thời của Muad'Dib”

Nam tước Vladimir Harkonnen đứng bên cửa sổ con tàu đậu trên mặt đất mà ngài dùng làm sở chỉ huy. Bên ngoài khung cửa ngài thấy màn đêm Arrakeen sáng rực ánh lửa. Ngài tập trung chú ý vào Tường Chắn ở phía xa, nơi thứ vũ khí bí mật của ngài đang làm nhiệm vụ.

Pháo dùng thuốc nổ.

Những khẩu súng găm dần vào mấy cái hang nơi các chiến binh của Công tước đã rút vào làm nơi cố thủ cuối cùng. Những đốm sáng màu cam chậm rãi lóe lên từng đợt, cứ mỗi khoảnh khắc bùng sáng ngẩn ngủi đó thì đá và bụi lại rơi như mưa - và đám thuộc hạ của Công tước đang bị cô lập cho chết đói, bị mắc kẹt như những con thú ở trong hang.

Nam tước có thể cảm thấy tiếng nhai ồn ã ở phía xa - một tiếng trống

dội đến tai ngài xuyên qua lớp kim loại của con tàu: *Tùng... tùng*. Rồi thì: *Ừng-ùng!*

Ai mà nghĩ đến chuyện trở lại dùng pháo vào cái thời tấm chắn bảo vệ này cơ chứ? Ý nghĩ đó là một tiếng cười thầm trong tâm trí ngài. Nhưng có thể đoán được thuộc hạ của Công tước sẽ chạy về phía mấy cái hang đó. Và Hoàng đế sẽ đánh giá cao sự thông minh của ta trong việc bảo tồn mạng sống cho lực lượng chung của chúng ta.

Ngài điều chỉnh một trong những dây treo nhỏ nâng đỡ thân hình béo ị của ngài chống lại sức hút của trọng lực. Một nụ cười làm miệng ngài nhăn nhúm, kéo giãn những nếp nhăn của cái cằm xị.

Thật đáng tiếc khi phải lãng phí những chiến binh tài giỏi như chiến binh của Công tước, ngài nghĩ. Ngài toét miệng rộng hơn, cười chính bản thân mình. Tiếc nuối cũng có thể là tàn nhẫn! Ngài gật đầu. Theo định nghĩa, thất bại nghĩa là có thể bị tiêu diệt. Toàn bộ vũ trụ này nằm sẵn đó, rộng cửa đón người nào có khả năng đưa ra những quyết định sáng suốt. Những con thỏ chần chừ bất quyết thì phải bị phơi trần, buộc phải chạy về hang. Nếu không thì có thể kiểm soát và nuôi dưỡng chúng bằng cách nào đây? Ngài tưởng tượng những chiến binh của mình như bầy ong đánh tan tác lũ thỏ. Rồi ngài nghĩ: Khi người ta có đủ số ong làm việc cho mình thì tiếng vo ve hân hoan của chúng nghe mới ngọt ngào thay...

Cánh cửa sau lưng ngài mở ra. Nam tước quan sát hình phản chiếu trên cửa sổ tối đen trước khi quay lại.

Piter de Vries tiến vào khoang, theo sau là Umman Kudu, đội trưởng đội cận vệ của Nam tước. Ngay ngoài cửa có bóng người chuyển động, những gương mặt cừu non của đội vệ sĩ, cái nét mặt mà họ cẩn thận biến thành để bảo trước Umman Kudu.

Nam tước quay lại.

Piter chạm ngón tay lên món tóc mái, chào theo kiểu chế nhạo của anh ta. “Tin tốt đây, thưa Tướng công. Sardaukar vừa đưa Công tước về.”

“Tất nhiên rồi,” Nam tước trầm giọng.

Ngài quan sát cái mặt nạ tàn ác u ám trên khuôn mặt đàn bà của Piter. Còn đôi mắt: hai cái khe tối của đôi mắt xanh biếc màu-xanh-trong-màu-xanh.

Ta phải sớm loại bỏ tên này thôi. Nam tước nghĩ. Hắn gần như không còn chút ích lợi nào với ta nữa, hắn sắp trở thành mối đe dọa vô cùng nguy hiểm cho ta rồi. Tuy nhiên, trước hết hắn phải làm cho dân chúng Arrakis căm thù hắn. Rồi thì, họ sẽ chào đón đứa cháu Feyd-Rautha yêu quý của ta như một vị cứu tinh.

Nam tước chuyển sự chú ý sang tay đội trưởng - Umman Kudu: những đường nét như lưỡi kéo của các cơ hàm, cái cằm giống như mũi giày ống - một kẻ có thể tin cậy được vì những thói tật xấu xa của hắn ai cũng biết.

“Trước hết, tên phản bội đã trao Công tước cho ta đang ở đâu?” Nam tước hỏi. “Ta phải trao phần thưởng cho kẻ phản bội đó.”

Piter ngọ nguậy một ngón chân, ra hiệu cho tên bảo vệ bên ngoài.

Có chuyển động màu đen thoáng qua ở đó và Yueh bước qua cửa. Cử động của ông cứng nhắc, như có kẻ giật dây. Bộ ria mép rủ xuống cạnh đôi môi màu tía. Chỉ đôi mắt già nua là còn có vẻ sống động. Yueh tiến vào ba bước rồi dừng lại khi Piter ra hiệu, đứng đó nhìn Nam tước chăm chăm qua khoảng không gian trống trải.

“Chà chà, xin chào bác sĩ Yueh.”

“Kính chào Chúa công Harkonnen.”

“Ta nghe nói ông vừa trao Công tước cho bọn ta.”

“Phần của tôi trong giao kèo, thưa Chúa công.”

Nam tước nhìn Piter.

Piter gật đầu.

Nam tước lại nhìn Yueh. “Giao kèo hả? Ta...” Ngài thốt lên: “Ta phải làm gì đáp trả đây?”

“Trí nhớ ông tốt lắm mà, Chúa công Harkonnen.”

Và Yueh cho phép mình suy nghĩ, lắng nghe sự im lặng ồn ào của những chiếc đồng hồ trong tâm trí ông. Ông đã nhận ra sự phản bội phảng phất trong thái độ của Nam tước. Wanna chết thật rồi - đã đi xa ngoài tầm với của chúng rồi. Nếu không thì bọn chúng sẽ vẫn dùng cô ấy như một cái kim kẹp chặt vị bác sĩ mềm yếu. Thái độ của Nam tước cho thấy không còn sự kim kẹp nữa; chuyện đó đã kết thúc.

“Ta phải làm gì?” Nam tước hỏi.

“Ngài đã hứa sẽ giải thoát cho Wanna của tôi khỏi đau đớn.”

Nam tước gật đầu. “Ồ, đúng vậy. Giờ thì ta nhớ rồi. Ta đã hứa thế. Đó là lời hứa của ta. Đó là cách chúng ta khuất phục Tối thượng Y Pháp. Ông không thể cam chịu đứng nhìn mụ phù thủy Bene Gesserit của ông khom lưng quỳ gối trong những cỗ máy khuếch đại đau đớn của Piter. Được rồi, Nam tước Vladimir Harkonnen luôn giữ lời. Ta đã nói sẽ giải thoát cô ta khỏi đau đớn và cho phép ông gặp cô ta. Cũng được thôi.” Ngài vẫy tay ra hiệu cho Piter.

Đôi mắt xanh của Piter phát ra một cái nhìn đờ đẫn. Chuyển động của y bất chợt uyển chuyển như mèo. Con dao trong tay y lóe lên như cái vuốt khi đâm vào lưng Yueh.

Ông già cứng người lại, mắt vẫn không rời Nam tước.

“Vậy thì đến gặp cô ta đi!” Nam tước thốt lên.

Yueh đứng đó, người lắc lư. Ông cẩn thận mấp máy môi thật chuẩn xác, giọng ông vang lên với âm điệu nhịp nhàng kỳ lạ: “Ngài... tước... ngài...”

thắng... tôi. Ngài... tưởng... tôi... không... biết... cái... tôi... phải... trả... giá... cho... Wanna... của... tôi.”

Ông đổ xuống. Không cong lại hay mềm người ra. Hệt như một cái cây đổ xuống.

“Vậy thì đến gặp cô ta đi,” Nam tước nhắc lại. Nhưng câu nói của ngài như một tiếng vọng yếu ớt.

Yueh đã làm dấy lên trong ngài một linh tính xấu. Ngài quắc mắt nhìn sang Piter, nhìn y lau lưỡi dao vào một mảnh vải, quan sát vẻ mãn nguyện ướt rượt trong đôi mắt xanh ấy.

Vậy là hẳn tự tay giết hẳn như thế đấy, Nam tước nghĩ. Hiếu thế cũng được.

“Hẳn đã trao Công tước cho chúng ta hả?” Nam tước hỏi.

“Tất nhiên là vậy, thưa Tướng công,” Piter nói.

“Vậy đưa ông ta vào đây!”

Piter liếc tay đội trưởng, gã này tuân lệnh lao đi.

Nam tước nhìn xuống Yueh. Theo cách ông ta ngã xuống, người ta có thể ngờ rằng người ông ta không có xương mà thay vào đó là gỗ sồi.

“Ta chẳng đời nào tin một tên phản bội,” Nam tước nói. “Dù đó là tên phản bội do ta tạo ra.”

Ngài liếc ô cửa sổ bị bóng đêm bao phủ. Nam tước biết cái túi tĩnh lặng tối om ngoài kia là của ngài. Không còn tiếng pháo nổ vào những cái hang trong Tường Chấn nữa; những cái bẫy hang kia đã bị bịt kín. Khá đột ngột, tâm trí Nam tước có thể hình dung ra không gì đẹp hơn sự trống rỗng tuyệt đối của màu đen kia. Trừ phi là màu trắng trong màu đen. Màu trắng kim loại trong màu đen. Màu trắng sứ.

Nhưng vẫn có cảm giác nghi ngờ.

Lão bác sĩ ngu ngốc có ý gì? Tất nhiên, chắc hẳn ông ta biết cuối cùng sẽ có chuyện gì xảy ra với mình. Nhưng còn việc nghĩ rằng ông ta đã bị đánh bại nữa: “*Ngài tưởng ngài thắng tôi.*”

Ông ta có ý gì đây?

Công tước Leto Atreides bước qua cánh cửa. Hai tay ông bị trói bằng xích, khuôn mặt chim đại bàng nhằng nhịt vết bẩn. Bộ đồng phục rách ở chỗ ai đó xé toạc ra để lấy chiếc phù hiệu. Vài mảnh áo rách phất phơ nơi thắt lưng ở chỗ ai đó đã giật chiếc thắt lưng đeo tẩm chất nhưng không chịu tháo những dây nịt đồng phục ra trước. Ánh mắt Công tước mờ dần như mất trí.

“Chà...à...a,” Nam tước nói. Ngài ngáp ngừng, hít một hơi sâu. Ngài biết mình đã nói quá to. Cái giây phút vốn được mừng rỡ từ bao lâu nay đã mất đi chút hương vị của nó.

Quý tha ma bắt đời đời kiếp kiếp tay bác sĩ đáng nguyên rủa đó!

“Tôi tin là ngài Công tước kính mến đã bị đánh thuốc,” Piter nói. “Đó là cách Yueh đã làm để bắt ông ấy giao cho chúng ta.” Piter quay sang Công tước. “Ngài không bị đánh thuốc chứ, Công tước kính mến của tôi?”

Giọng y vang xa. Công tước Leto có thể cảm thấy những dây xích, cơn đau nhức của các cơ, đôi môi nứt nẻ, hai má như thiêu đốt, vị khô của cơ khát cháy cổ thì thâm vào trong miệng ông. Song những âm thanh nghe lơ mơ, chìm dưới một chiếc chăn bông. Ông chỉ nhìn thấy những hình dáng mờ ảo qua chiếc chăn.

“Mụ đàn bà và thằng bé thế nào rồi hở Piter?” Nam tước hỏi. “Vẫn chưa có tin gì sao?”

Piter liếm môi.

“Người đã nghe thấy chuyện gì rồi!” Nam tước cúi kính. “Chuyện gì hả?”

Piter liếc tay đội trưởng, rồi nhìn Nam tước. “Nhóm người mà chúng ta cử đi thi hành nhiệm vụ, thưa Tướng công, họ... à... đã... à... được tìm thấy.”

“Được rồi, bọn chúng báo cáo mọi chuyện theo đúng ý chúng ta chứ?”

“Họ chết rồi, thưa Tướng công.”

“Tất nhiên là chúng chết rồi! Điều ta muốn biết là...”

“Khi được tìm thấy thì họ đã chết rồi, thưa Tướng công.”

Mặt Nam tước tím bầm lại. “Còn mụ đàn bà và thằng bé?”

“Không có dấu vết, thưa Tướng công, nhưng ở chỗ đó có một con sâu cát. Nó xuất hiện khi chúng ta đang kiểm tra hiện trường. Có thể mọi chuyện đúng như chúng ta mong đợi - một vụ tai nạn. Có khả năng...”

“Chúng ta không bàn về những khả năng, Piter ạ. Thế còn con tàu thất lạc thì sao? Nó không gọi lên điều gì cho Mentat của ta sao?”

“Rõ ràng một thuộc hạ của Công tước đã bỏ trốn với nó, thưa Tướng công. Hẳn giết chết phi công rồi trốn thoát.”

“Tên thuộc hạ nào?”

“Đó là một vụ giết người thầm lặng, nhanh gọn, thưa Tướng công. Có thể là Hawat hoặc Halleck. Có thể là Idaho. Hoặc bất cứ tên sĩ quan cao cấp nào.”

“Lại là những khả năng,” Nam tước càu nhàu. Ngài liếc cái dáng vẻ lắc lư vì bị đánh thuốc của Công tước.

“Tình hình được kiểm soát rồi, thưa Tướng công,” Piter nói.

“Không, không phải vậy! Gã hành tinh học ngu ngốc ấy đâu rồi? Cái gã Kynes này đâu rồi?”

“Chúng tôi đã có tin tức về nơi ở của hắn và hắn sẽ bị triệu về đây thôi, thưa Tướng công.”

“Ta không thích cách bọn thuộc hạ của Hoàng đế giúp đỡ chúng ta,” Nam tước làu bàu.

Những câu nói xuyên qua tấm chăn bông, nhưng có vài từ thiêu đốt tâm trí Công tước Leto. *Mụ đàn bà và thằng bé - không có dấu vết*. Paul và Jessica đã trốn thoát. Còn số phận của Hawat, Halleck và Idaho vẫn chưa biết thế nào. Vẫn còn hy vọng.

“Chiếc nhẫn có dấu ấn Công tước đâu?” Nam tước hỏi. “Ngón tay ông ta chẳng có gì hết.”

“Tên Sardaukar nói không thấy nó trong người ông ta khi ông ta bị bắt, thưa Tướng công,” tay đội trưởng nói.

“Người giết tên bác sĩ sớm quá,” Nam tước nói. “Đó là một sai lầm. Lẽ ra người phải báo cho ta biết trước, Piter ạ. Người hành động quá hấp tấp đối với lợi ích làm ăn của chúng ta đấy.” Ngài quắc mắt giận dữ. “Những khả năng ư!”

Cái suy nghĩ đó lơ lửng như một đợt sóng hình sin trong tâm trí Công tước Leto: *Paul và Jessica đã trốn thoát!* Còn một điều khác trong trí nhớ của ông: một thỏa thuận. Ông có thể gần như nhớ ra nó.

Cái răng!

Giờ thì ông đã nhớ phần nào về nó: *Một viên thuốc chứa khí độc trong hình dạng chiếc răng giả.*

Ai đó đã bảo ông ghi nhớ chiếc răng đó. Chiếc răng trong miệng ông. Ông có thể cảm thấy hình thù của nó bằng lưỡi. Ông chỉ phải làm mỗi một việc là cắn mạnh vào nó.

Vẫn chưa phải lúc!

Ai đó đã dặn ông phải đợi cho đến khi ông ở gần Nam tước. Ai đã dặn ông? Ông không thể nhớ ra.

“Ông ta sẽ ở trong trạng thái bị đánh thuốc như thế này trong bao lâu nữa?” Nam tước hỏi.

“Có thể là một giờ, thưa Tướng công.”

“Lại có thể,” Nam tước càu nhàu. Ngài lại quay ra khung cửa sổ đen đặc bóng đêm. “Ta đói rồi.”

Kia là Nam tước, cái hình thù xám xịt lờ mờ đó, Công tước Leto nghĩ. Hình thù đó nhảy múa tối lui, lắc lư theo chuyển động của căn phòng. Còn căn phòng trải rộng ra rồi thu hẹp lại. Nó sáng lên rồi lại tối đi. Nó chìm trong bóng tối rồi mờ dần.

Thời gian trở thành một chuỗi tầng tầng lớp lớp đối với Công tước. Ông trôi giạt qua chúng. *Ta phải đợi.*

Có một chiếc bàn. Leto nhìn thấy chiếc bàn khá rõ. Và một gã béo ú, tròn quay ngồi bên kia bàn, đồ ăn thừa ở trước mặt y. Leto cảm thấy mình đang ngồi trên một chiếc ghế đối diện gã béo, cảm thấy những dây xích, những sợi dây trói thân thể đang tê tê của ông vào chiếc ghế. Ông ý thức được một khoảng thời gian đã trôi qua, nhưng không biết đích xác bao lâu.

“Tôi chắc ông ta đang tỉnh, thưa Nam tước.”

Giọng nói ngọt xớt. Đó là của Piter.

“Ta cũng thấy vậy, Piter ạ.”

Giọng trầm sâu: Nam tước.

Công tước Leto cảm thấy mọi vật xung quanh rõ dần lên. Chiếc ghế ông ngồi trở nên vững chãi hơn, các dây trói cửa rất hơn.

Bây giờ thì ông thấy rõ Nam tước. Công tước Leto quan sát cử động của đôi tay Nam tước: những cái động chạm không dừng được - vào mép một chiếc đĩa, tay cầm của một cái thìa, một ngón tay lẩn theo nếp gấp ở hàm dưới.

Công tước Leto quan sát bàn tay chuyển động, bị nó thôi miên.

“Ngài có thể nghe thấy tôi nói, Công tước Leto,” Nam tước nói. “Tôi biết ngài nghe thấy tôi nói. Chúng tôi muốn ngài cho biết phải tìm thiếp của ngài và con trai hai người ở đâu.”

Công tước Leto không bỏ sót dấu hiệu nào, nhưng câu hỏi ấy làm ông thêm bình tĩnh. *Vậy là đúng rồi: Bọn chúng không bắt được Paul và Jessica.*

“Chúng ta không chơi trò trẻ con,” Nam tước nói giọng trầm sâu. “Điều đó ngài phải biết.” Ngài cúi người về phía Công tước Leto, quan sát gương mặt Công tước. Điều làm Nam tước khó chịu là không thể giải quyết chuyện này một cách riêng tư, chỉ hai người với nhau. Để kẻ khác nhìn thấy hoàng thân quốc thích trong tình cảnh rắc rối như thế này - nó sẽ tạo ra một tiền lệ xấu.

Công tước Leto cảm thấy sức khỏe dần phục hồi. Và bây giờ, ký ức về chiếc răng giả đã hiện rõ trong đầu ông như một tháp chuông nổi lên trên một khung cảnh bằng phẳng. Viên thuốc có hình dây thần kinh nằm trong cái răng giả đó - khí độc - ông đã nhớ ra ai đặt thứ vũ khí chết người đó vào miệng mình.

Yueh.

Cái ký ức mù mờ do bị đánh thuốc về hình ảnh một xác chết mềm oặt được kéo ngang qua ông trong căn phòng này, nó cứ như hơi nước lơ lửng trong tâm trí ông. Ông biết đó là xác Yueh.

“Ngài có nghe thấy âm thanh đó không, Công tước Leto?” Nam tước hỏi.

Công tước Leto dần dần nhận ra một âm thanh nghe như tiếng ếch kêu, tiếng rên rỉ của ai đó phải chịu đau đớn cực độ.

“Chúng tôi bắt được một thuộc hạ của ông giả trang thành người Fremen,” Nam tước nói. “Chúng tôi phát hiện ra sự giả trang này khá dễ dàng: dựa vào đôi mắt, ông biết đấy. Hẳn khẳng khẳng nói mình là gián điệp được cài vào đám người Fremen. Tôi đã sống một thời gian trên hành tinh này, cậu em họ thân mến ạ. Người ta không do thám cái lỗ cặn bã rách rưới sống trên sa mạc đó. Hãy nói cho tôi biết, ông đã mua chuộc sự giúp đỡ của chúng đúng không? Ông đã gửi mụ đàn bà và con ông đến chỗ chúng đúng không?”

Công tước Leto cảm thấy nổi lo sợ thít chặt lồng ngực. *Nếu Yueh đưa hai mẹ con đến chỗ nhóm người sa mạc... bọn chúng sẽ không ngừng tìm kiếm cho đến khi tìm thấy họ.*

“Nói đi, nào,” Nam tước nói. “Chúng tôi không có nhiều thời gian đâu và cơn đau sẽ đến rất nhanh đấy. Xin đừng bắt tôi phải làm thế với ông, Công tước đáng kính ạ.” Nam tước ngược nhìn Piter, lúc này đang đứng cạnh vai Công tước. “Ở đây Piter không có đủ bộ công cụ tra tấn, nhưng tôi chắc anh ta có thể tùy cơ ứng biến.”

“Thỉnh thoảng sự tùy cơ ứng biến lại là tốt nhất, thưa Nam tước.”

Cái giọng nói nịnh bợ ngọt xớt đó! Công tước Leto nghe thấy nó bên tai mình.

“Ông đã vạch kế hoạch cho tình huống khẩn cấp,” Nam tước nói. “Mụ đàn bà của ông và thằng bé đó được đưa đến đâu?” Ngài nhìn tay Công tước Leto. “Nhãn của ông mất rồi. Có phải thằng bé giữ nó không?”

Nam tước ngước lên, nhìn chăm chăm vào mắt Công tước Leto.

“Ông không trả lời,” ngài nói. “Ông muốn ép tôi phải làm một việc mà tôi không muốn sao? Piter sẽ sử dụng những phương pháp trực tiếp, đơn giản. Tôi đồng ý rằng đôi khi chúng là những phương pháp tốt nhất thật, nhưng chẳng hay ho gì nếu ông phải chịu những thứ như thế.”

“Có thể là mỡ nóng tưới lên lưng, hay lên mí mắt,” Piter nói. “Có thể lên các vị trí khác trên cơ thể. Nó đặc biệt hiệu quả khi đối tượng không biết vị trí tưới mỡ tiếp theo là ở đâu. Đây là một phương pháp hay, và hình dạng những vết mủ trắng hếu trên làn da trần có một nét đẹp riêng, phải không Nam tước?”

“Cực đẹp,” Nam tước nói, giọng có vẻ cáu kỉnh.

Những ngón tay hết chạm thứ này đến thứ khác kia! Công tước Leto quan sát những bàn tay chuối mẫn, những chiếc nhẫn lấp lánh trên hai bàn tay múp míp như tay trẻ con - chúng buộc phải luôn di chuyển.

Những âm thanh đau đớn từ cánh cửa sau lưng ông vọng tới căn rút thần kinh Công tước. *Chúng bắt được ai vậy?* ông tự hỏi. *Idaho chăng?*

“Tin tôi đi, em họ thân mến ơi,” Nam tước nói. “Tôi không muốn cơ sự lại ra thế này đâu.”

“Ngài đang nghĩ đến những sứ giả thần kinh chạy hộc tốc để cầu xin cứu giúp nhưng rồi sẽ chẳng nhận được gì,” Piter nói. “Trong việc này có cả một nghệ thuật, ngài biết đó.”

“Anh là một nghệ sĩ siêu quần bạt chúng,” Nam tước găm gù. “Giờ thì làm ơn im đi cho.”

Công tước Leto đột nhiên nhớ lại một điều Gurney Halleck từng nói khi thấy một bức ảnh của Nam tước: “*Và tôi đứng trên bờ cát biển khơi, thấy một con thú dữ từ dưới biển trồi lên... trên những cái đầu của nó là cái tên báng bố.*”

“Chúng ta đang phí thì giờ, Nam tước ạ,” Piter nói.

“Có lẽ vậy.”

Nam tước gật đầu. “Ông biết không, Leto thân mến, rốt cuộc rồi ông cũng sẽ cho chúng tôi biết họ ở đâu. Có một mức độ đau đớn sẽ mua được ông thôi.”

Ắt là hắn nói đúng, Công tước Leto nghĩ. Nếu không có cái răng... và nếu không có chuyện mình thực sự không biết họ đang ở đâu.

Nam tước nhặt một miếng thịt lên, nhét vào mồm, nhai chậm rãi, nuốt. *Ta phải thử chiêu mới*, ngài nghĩ.

“Hãy quan sát con người quý báu này, người phủ nhận rằng mình là kẻ để cho thuê,” Nam tước nói. “Quan sát hắn đi, Piter.”

Và Nam tước nghĩ: *Phải! Nhìn hắn ở kia xem, cái kẻ tin rằng hắn không thể bị mua chuộc này. Nhìn hắn bị giam ở đó xem, toàn thân bị chia thành hàng triệu mảnh rồi bán dần bán dần từng giọt một trong từng giây cuộc đời hắn! Nếu bây giờ túm lấy hắn mà lắc thì sẽ chỉ nghe kêu lạch cạch bên trong thôi. Bị rút hết rồi! Bán ráo trọi rồi! Giờ thì hắn chết theo kiểu nào cũng có khác gì nhau?*

Âm thanh như tiếng ếch kêu ở đằng sau đã ngừng.

Nam tước thấy Umman Kudu, đội trưởng cận vệ, xuất hiện nơi khung cửa phía bên kia phòng, lắc đầu. Kẻ bị bắt đã không cung cấp thông tin cần thiết. Lại một thất bại nữa. Đã đến lúc thôi chần chừ với tên Công tước xuẩn ngốc này, cái thằng ngốc điên rồ ngu dại không nhận ra được có bao nhiêu địa ngục đang ở kề bên hắn - chỉ cách xa bằng độ dày một sợi thần kinh.

Ý nghĩ này làm Nam tước dịu lại, át đi nỗi giận dữ của ngài không muốn buộc một người thuộc hoàng gia phải chịu đau đớn. Ngài đột nhiên thấy mình như một bác sĩ giải phẫu đang tiến hành những cuộc mổ xẻ vô

tận bằng chiếc kéo mềm - cắt bỏ mặt nạ khỏi những tên xuẩn ngốc, đặng làm phôi ra cái địa ngục bên dưới.

Rất một bầy thỏ đế!

Lại còn cái kiểu chúng co rúm lại khi thấy con thú ăn thịt nữa!

Công tước Leto nhìn ngang qua bàn, tự hỏi tại sao ông vẫn đợi. Cái răng sẽ nhanh chóng kết thúc toàn bộ chuyện này. Thế nhưng, phần lớn cuộc đời này từng tốt đẹp. Ông nhận ra mình đang nhớ lại một con diều ăng ten lơ lửng trên bầu trời Caladan xanh như vỏ sò, Paul thì cười như nắc nẻ khi nhìn thấy nó. Và ông nhớ lại cảnh mặt trời mọc ở Arrakis này - những tảng đá nhuộm màu của Tường Chấn dịu màu hắt đi dưới làn sương bụi.

“Tệ quá,” Nam tước lầm bầm. Ngài đẩy người lui ra khỏi bàn, nhẹ nhàng đứng dậy trong bộ đai treo rồi do dự khi thấy một thoáng thay đổi ở Công tước. Ngài nhìn Công tước hít một hơi thở sâu, nhìn cái hàm cứng lại, nhìn nếp gợn của một cơ xuất hiện ở đó khi Công tước mím chặt miệng lại.

Hắn mới sợ ta làm sao chứ! Nam tước nghĩ.

Kinh hoàng vì sợ Nam tước có thể thoát khỏi mình, Công tước Leto cắn mạnh lên cái răng bọc viên thuốc, cảm thấy nó vỡ ra. Ông há miệng, hà ra ngoài làn hơi nhức nhối mà cái vị của nó ông có thể cảm thấy khi nó hình thành trên lưỡi. Nam tước dần trở nên nhỏ lại, chỉ còn là một hình bóng giữa đường hầm càng lúc càng hẹp hơn. Công tước Leto nghe thấy tiếng thở gấp gấp bên tai ông - kẻ có giọng ngọt xớt: Piter.

Cả hắn cũng dính!

“Piter! Có chuyện gì vậy?”

Cái giọng trầm đục đục đó nghe thật xa xăm.

Công tước Leto cảm thấy những hồi ức quay cuồng trong tâm trí ông -

những tiếng làu bàu già khộm của những bà lão không răng. Căn phòng, chiếc bàn, Nam tước, một cặp mắt khiếp đảm - đôi mắt ấy, màu xanh trong màu xanh - tất cả nén chặt lại quanh ông thành một thể đối xứng nát vụn.

Có một gã đàn ông với cái cằm giống như mũi chiếc ủng cao cổ, một gã người-đồ chơi đang ngã. Tên người - đồ chơi có cái mũi gãy vẹo sang trái: một cái máy đếm nhịp vĩnh viễn bắt được điểm xuất phát của một ngón hất lên. Công tước Leto nghe tiếng bát đĩa vỡ - thật xa xăm - một tiếng ầm ĩ trong tai ông. Tâm trí ông là một chiếc thùng không đáy, tóm giữ mọi thứ. Mọi thứ từng có mặt: mọi tiếng la, mọi tiếng thì thầm, mọi... im lặng.

Một ý nghĩ còn lại với ông. Công tước Leto nhìn thấy nó trong ánh sáng không hình dạng trên những tia màu đen: *Cái ngày do xác thịt tạo thành và cái xác thịt do ngày tạo thành.* Ý nghĩ đó khiến ông chợt cảm nhận một sự toàn vẹn mà ông biết mình sẽ không bao giờ lý giải được.

Im lặng.

Nam tước đứng xoay lưng về phía cánh cửa mật, lối thoát riêng của ngài phía sau bàn. Ngài đã đóng sầm nó lại trước một căn phòng đầy người chết. Giác quan ngài ghi nhận những tên vệ sĩ bâu lại nhưng nhúc quanh ngài. *Mình có hít nó vào không?* ngài tự hỏi. *Dù nó là cái gì đi nữa, liệu mình có dính phải như bọn họ không?*

Những tiếng động trở lại với ngài... cùng lý trí. Ngài nghe tiếng ai đó quát tháo ra lệnh - mặt nạ chống khí độc... giữ cửa đóng... bật quạt gió lên.

Bọn khác ngã xuống rất nhanh, ngài nghĩ. Mình thì vẫn đứng. Mình vẫn thở. Đồ chết tiệt tàn nhẫn! Suýt chút nữa thì!

Giờ thì ngài có thể phân tích chuyện xảy ra. Tấm chắn của ngài đã được kích hoạt, vụn nhỏ thôi nhưng vẫn đủ để làm chậm sự trao đổi phân tử ngang qua trường chắn. Và ngài đã đẩy mình ra xa bàn... rồi thì tiếng thở gấp kinh hoàng của Piter đã khiến tên đội trưởng cận vệ lao tới và lãnh đủ.

Sự tình cờ và lời cảnh báo trong tiếng thở gấp của một người hấp hối, những cái đó đã cứu mạng ngài.

Nam tước không cảm thấy thương hại cho Piter. Thằng ngốc đó đã tự đẩy mình vào chỗ chết. Lại còn thằng đội trưởng thậm ngu kia nữa! Nó bảo đã kiểm tra tất cả mọi người trước khi đưa đến gặp Nam tước! Làm sao gã Công tước lại có thể...? Không hề có cảnh báo gì. Kể cả từ cái máy dò độc được trên bàn cũng không nốt - mãi đến khi quá muộn. Làm sao lại thế chứ?

Thôi được, giờ thì cũng không quan trọng, Nam tước nghĩ, vững tâm trở lại. Tay đội trưởng cận vệ mới sẽ bắt đầu từ chỗ tìm câu trả lời cho các câu hỏi này.

Ngài dần nhận ra có nhiều hoạt động hơn ở dưới hành lang, quanh cái góc nơi có cánh cửa khác dẫn vào căn phòng chết chóc. Nam tước ép mình qua khỏi cánh cửa riêng của ngài, quan sát những tên tôi tớ xung quanh. Chúng đứng im lặng, nhìn ngài chăm chăm, chờ phản ứng của Nam tước.

Nam tước có tức giận không?

Và Nam tước nhận ra từ khi ngài lao ra khỏi căn phòng khủng khiếp kia cho đến giờ chỉ mới mấy giây trôi qua.

Vài tên lính chìa vũ khí vào cánh cửa. Vài tên hướng sự hung bạo về phía hành lang trống kéo dài đến góc bên phải nơi có tiếng ồn ào.

Một người sai bước về phía cái góc đó, mặt nạ chống khí độc lủng lẳng được giữ lại nhờ đám dây buộc ở cổ, mắt anh ta nhìn chăm chú vào những chiếc máy dò độc được xếp thành hàng phía trên đầu dọc hành lang này. Tóc anh ta màu vàng, gương mặt tẻ nhạt với đôi mắt xanh. Những nếp nhăn tỏa ra từ cái miệng có cặp môi dày. Trông anh ta giống như một sinh vật dưới nước bị đặt nhầm chỗ giữa những kẻ đi trên mặt đất.

Nam tước nhìn chăm chăm vào người đàn ông đang tới gần, nhớ ra tên anh ta: Nefud. Iakin Nefud. Một hạ sĩ trong đội bảo vệ. Nefud là kẻ nghiện semuta, một sự kết hợp giữa âm nhạc và thuốc tác động lên tầng ý thức sâu nhất. Thông tin đó thật hữu ích.

Anh ta dừng lại trước mặt Nam tước rồi cúi chào. “Hành lang thông thoáng rồi, thưa Chúa công. Tôi quan sát từ bên ngoài và nhận thấy đó chắc chắn là hơi độc. Những bộ thông gió trong phòng ngài đang hút không khí từ ngoài hành lang vào.” Anh ta liếc lên một máy dò độc được trên đầu Nam tước. “Không loại chất độc nào mà không bị nó phát hiện. Bây giờ căn phòng được dọn sạch rồi. Ngài có yêu cầu gì không?”

Nam tước nhận ra giọng tay thuộc hạ - anh ta chính là người đã quát tháo ra lệnh. *Tay hạ sĩ này làm việc hiệu quả đấy*, ngài nghĩ.

“Những người trong đó chết cả rồi à?” Nam tước hỏi.

“Vâng, thưa Tướng công.”

Được rồi, chúng ta phải chỉnh đốn lại thôi, Nam tước nghĩ.

“Đầu tiên ta chúc mừng người, Nefud,” ngài nói. “Người là đội trưởng mới của đội cận vệ. Ta hy vọng người sẽ khắc sâu trong tim bài học rút ra từ cái chết của người tiền nhiệm.”

Nam tước quan sát thái độ của tay hạ sĩ vừa được thăng chức khi hẳn càng lúc càng có ý thức về chuyện này. Nefud biết anh ta sẽ lại không bao giờ thiếu semuta nữa.

Nefud gật đầu. “Chúa công biết là tôi sẵn sàng hiến thân vì sự an toàn của ngài.”

“Tốt. Giờ thì bàn đến công việc. Ta ngờ là tay Công tước có cái gì đó ở trong miệng. Người hãy tìm ra đó là cái gì, sử dụng như thế nào, ai đã giúp ông ta gài nó vào miệng. Người hãy chuẩn bị mọi biện pháp đề phòng...”

Ngài bỏ dở câu nói, chuỗi ý nghĩ của ngài bị gián đoạn bởi tiếng ồn ào trong hành lang sau lưng - đội vệ sĩ đứng ở cửa thang máy dẫn từ tầng dưới tàu lên đang cố gắng cản một viên đại tá Bashar cao lớn vừa hiện ra từ thang máy.

Nam tước không sao nhớ được khuôn mặt viên đại tá: gương mặt mỏng với cái miệng giống một vết rạch trên da thuộc, hai chấm mực đen thay cho đôi mắt.

“Bỏ tay ra khỏi người ta ngay, cái lũ ăn xác chết chúng mày!” viên đại tá gầm lên, xô những tên lính dật sang một bên.

Chà chà, một tên Sardaukar, Nam tước nghĩ.

Viên đại tá Bashar sải bước về phía Nam tước. Đôi mắt Nam tước nheo thành hai đường kẻ đầy e ngại. Bọn sĩ quan Sardaukar luôn làm ngài lo lắng. Tất cả bọn chúng đều có vẻ giống những người thân thuộc của Công tước... vị Công tước đã chết. Lại còn thái độ của chúng đối với Nam tước nữa!

Viên đại tá Bashar đứng lại trước mặt Nam tước cách ngài nửa bước, tay chống hông. Tên vệ sĩ đứng sau lưng ngài rúm lại, điệu bộ bồn chồn không biết làm gì.

Nam tước để ý thấy tên Sardaukar không chào hỏi mình, vẻ khinh bỉ toát ra trong thái độ của hắn, và sự lo lắng của ngài tăng dần. Chỉ có một quân đoàn Sardaukar địa phương - mười lữ đoàn - tăng cường cho những quân đoàn Harkonnen, nhưng Nam tước không tự lừa phỉnh mình. Một quân đoàn Sardaukar đó hoàn toàn có khả năng chống lại và đánh bại quân Harkonnen.

“Này Nam tước, hãy bảo thuộc hạ của ông thôi ngay việc ngăn cản tôi gặp ông đi,” tên Sardaukar gầm gừ. “Thuộc hạ của tôi đã trao Công tước Atreides cho ông trước khi tôi có thể thảo luận với ông về số phận của Công tước. Chúng ta sẽ thảo luận về chuyện đó ngay bây giờ.”

Ta không được để mất thể diện trước mặt thuộc hạ của ta, Nam tước nghĩ.

“Thế nào?” Đó là một từ được điều khiển một cách lạnh lùng, và Nam tước cảm thấy kiêu hãnh về nó.

“Hoàng đế giao cho tôi nhiệm vụ phải tìm hiểu để biết chắc chắn người họ hàng của ngài chết êm ả mà không phải chịu đau đớn gì,” viên đại tá Bashar nói.

“Hoàng đế cũng chỉ thị cho ta như thế,” Nam tước nói dối. “Anh nghĩ ta không tuân lệnh sao?”

“Tôi sẽ báo cáo lên Hoàng đế những gì chính mắt mình thấy,” tên Sardaukar nói.

“Công tước chết rồi,” Nam tước cúi kính, rồi ngài phẩy tay đuổi tên Sardaukar đi.

Viên đại tá Bashar vẫn đứng đối mặt với Nam tước. Không một chút cử động nào của mắt hay các cơ cho thấy hắn biết mình đã bị đuổi đi.

“Như thế nào?” hắn giận dữ hỏi.

Thật quá lắm! Nam tước nghĩ. *Hỏi gì mà lắm thế.*

“Tự mình giết mình, nếu anh phải biết,” Nam tước nói. “Ông ta bị nhiễm độc.”

“Tôi muốn nhìn xác ông ta ngay bây giờ,” viên đại tá Bashar nói.

Nam tước ngược mắt lên trần nhà giả vờ tức giận trong khi óc ngài dồn dập suy nghĩ. *Khốn khiếp thật! Tên Sardaukar với đôi mắt sắc sảo kia sẽ quan sát căn phòng trước khi có thứ gì được thay đổi!*

“Ngay bây giờ,” tên Sardaukar lầu bàu. “Tôi muốn tận mắt nhìn xác Công

tước.”

Nam tước nhận ra không cách gì ngăn được chuyện này. Tên Sardaukar sẽ thấy tất cả. Hắn sẽ biết Công tước đã giết chết vài tên Harkonnen... rằng Nam tước thoát chết gần như chỉ trong gang tấc. Bằng chứng là những thứ còn lại của bữa tối trên bàn ăn, và ngài Công tước đã chết ở phía bên kia bàn cùng với sự hủy diệt xung quanh ông ta.

Không thể ngăn được chuyện đó.

“Tôi không muốn bị trì hoãn,” viên đại tá cáu kỉnh.

“Không ai trì hoãn anh cả,” Nam tước nói, nhìn chăm chăm vào đôi mắt như thủy tinh núi lửa của tên Sardaukar. “Tôi không giấu Hoàng đế chuyện gì.” Ngài gật đầu với Nefud. “Đại tá Bashar sẽ xem xét mọi thứ ngay bây giờ. Dẫn anh ta vào qua cửa người đứng, Nefud.”

“Lối này, thưa ngài,” Nefud nói.

Chậm rãi, xác lảo, tên Sardaukar đi vòng qua Nam tước, lách qua đám vệ sĩ để vào phòng.

Thật không thể chịu được, Nam tước nghĩ. Bây giờ thì Hoàng đế sẽ biết ta phạm sai lầm như thế nào. Ngài sẽ coi đây là một biểu hiện của sự yếu kém.

Và ngài đau khổ khi nhận ra Hoàng đế và quân Sardaukar của Ngài đều giống nhau, cùng khinh bỉ sự yếu kém. Nam tước bặm môi, tự an ủi rằng ít nhất Hoàng đế cũng không biết chuyện Atreides tấn công Giedi Prime, phá hủy những kho trữ hương được của Harkonnen ở đó.

Trời đánh thánh vật tên Công tước láu cá này!

Nam tước quan sát những cái lưng đang rời xa - tên Sardaukar kiêu ngạo, tên Nefud chắc nịch làm việc hiệu quả.

Chúng ta phải chỉnh đốn lại, Nam tước nghĩ. Ta sẽ phải cho Rabban lên

cai quản cái hành tinh khốn khiếp này ngay lập tức. Không cần dè dặt nữa. Ta phải để dành dòng máu Harkonnen của chính ta cho việc đặt Arrakis vào tình thế thích hợp buộc phải chấp nhận Feyd-Rautha. Tên Piter quý tha ma bắt! Hắn tự giết mình trước khi ta tính tới chuyện đó.

Nam tước thở dài.

Ta phải lập tức gửi thư tới Tleielax để tìm một Mentat mới. Chắc chắn bọn chúng có một người mới sẵn sàng dành cho ta ngay bây giờ.

Một vệ sĩ đứng cạnh ngài hắng giọng.

Nam tước quay về phía anh ta. “Ta đói rồi.”

“Vâng, thưa Chúa công.”

“Ta muốn được giải trí trong lúc các người dọn dẹp sạch sẽ căn phòng đó và xem xét những bí mật của nó cho ta,” Nam tước nói giọng trầm sâu.

Tên lính cụp mắt xuống. “Chúa công muốn loại giải trí nào?”

“Ta sẽ ở trong phòng ngủ,” Nam tước nói. “Đưa thằng bé chúng ta mua ở Gamont đến gặp ta, thằng bé có đôi mắt đáng yêu ấy. Hãy cho nó uống thuốc. Ta không thích đấu vật.”

“Vâng, thưa Chúa công.”

Nam tước quay đi, bắt đầu tiến về phía phòng ngủ bằng dáng đi nhún nhảy nhờ có bộ dây treo nâng đỡ. *Đúng rồi, ngài nghĩ. Thằng bé có đôi mắt đáng yêu, trông rất giống cậu chủ nhỏ Paul Atreides.*

Ôi bi ển Caladan,

Ôi thần dân của Công tước Leto -

Thành lũy của Leto sụp đổ rồi,

Mãi mãi...

- trích “Những bài hát về Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Paul cảm thấy toàn bộ những việc xảy ra trước đây, mọi sự kiện trước đêm nay, đã trở thành cát cuộn tròn trong đồng hồ cát. Cậu ôm gối ngồi gần mẹ trong căn lều nhỏ bằng vải và nhựa dẻo - một cái lều sa mạc - lấy từ cái bọc trên con tàu, cũng như bộ quần áo Fremen họ đang mặc.

Paul không còn nghi ngờ gì về chuyện ai đã đặt bộ công cụ Fremen vào đó và sắp đặt lộ trình của con tàu đưa hai mẹ con cậu đi.

Yueh.

Vị bác sĩ phản bội đã trực tiếp gửi họ cho Duncan Idaho.

Paul nhìn chăm chăm qua phần vách trong suốt của căn lều về phía những khối đá đổ bóng dưới ánh trăng bao quanh nơi này - nơi Idaho giấu họ.

Phải lẫn trốn như một đứa trẻ trong khi bây giờ ta là Công tước, Paul nghĩ. Cậu cảm thấy ý nghĩ đó xúc phạm đến lòng tự ái của cậu, nhưng không thể phủ nhận rằng họ đang hành động sáng suốt.

Đêm nay có một điều gì đó xảy ra trong ý thức cậu - cậu nhìn thấy mọi tình huống và sự kiện xung quanh mình một cách thật rõ ràng, sắc nét. Cậu cảm thấy không thể chặn cái dòng dữ liệu đang chảy dồn dập vào trong tâm trí cậu hay sự chính xác đến lạnh lùng khi mỗi một điều mới được thêm vào vốn hiểu biết của cậu và sự tính toán được đặt vào giữa ý thức cậu. Đó là năng lực Mentat và còn hơn thế nữa.

Paul nghĩ lại khoảnh khắc giận dữ bất lực khi con tàu lặn từ trong bóng đêm bổ nhào về phía họ, chúi xuống như một con chim ưng khổng lồ trên sa mạc với tiếng gió rít qua đôi cánh. Khi đó, điều Paul nghĩ đến đã xảy ra. Con tàu trượt đi rồi chệch hướng đâm qua một đụn cát về phía những người đang chạy - mẹ và cậu. Paul nhớ lại mùi lưu huỳnh khét lẹt xộc vào mũi họ khi con tàu miết trên cát.

Cậu biết mẹ đã quay lại, cứ ngỡ sẽ nhìn thấy một khẩu súng lazer trong tay bọn lính Harkonnen, nhưng rồi mẹ nhận ra Duncan Idaho nhào người ra ngoài cánh cửa tàu đang mở mà hét: “Nhanh lên! Có vết sâu cát ở phía Nam hai người đó!”

Nhưng Paul đã biết ai lái con tàu ngay khi cậu quay người lại. Dựa vào những chi tiết cực nhỏ trong cách nó bay, cú va chạm mạnh khi hạ cánh - những manh mối nhỏ đến mức ngay mẹ cậu cũng không phát hiện ra - đã cho Paul biết *chính xác* ai ngồi bên bảng điều khiển con tàu.

Ngồi phía bên kia lều đối diện Paul, Jessica cựa quậy nói: “Chỉ có thể có một cách giải thích. Bọn Harkonnen giam giữ vợ Yueh. Ông ấy căm thù bọn Harkonnen! Mẹ không thể nhầm được. Con đã đọc bức thư ngắn của ông ấy. Nhưng tại sao ông ấy lại cứu mẹ con mình thoát khỏi vụ tàn sát đó?”

Bây giờ mẹ mới nhìn ra điều đó, mà cũng chỉ nhìn được đến thế, Paul nghĩ. Ý nghĩ này là một cú sốc. Cậu đã tình cờ biết sự thật này trong khi đọc bức thư ngắn có kèm ấn công tước trong cái bọc.

“Đừng cố gắng tha thứ cho thầy,” Yueh viết. “Thầy không muốn con tha thứ cho thầy. Thầy đã có đủ gánh nặng rồi. Việc thầy làm không hề có ác ý và thầy cũng không hy vọng người khác hiểu cho mình. Đó là thử thách tối hậu, thử thách cuối cùng của thầy. Thầy trao cho con ấn công tước Atreides như một bằng chứng cho thấy những gì thầy viết là sự thật. Khi con đọc bức thư này, Công tước Leto hẳn đã chết rồi. Nhưng ta đảm bảo rằng ông ấy không chết một mình, kẻ mà chúng ta căm thù hơn tất cả những kẻ khác cũng sẽ phải chết cùng ông ấy. Con hãy lấy điều đó làm an ủi.”

Bức thư không có địa chỉ hay chữ ký, nhưng nét chữ nguệch ngoạc quen thuộc thì không thể nhầm được - thư của Yueh.

Nhớ lại bức thư, Paul lại trải qua cảm giác đau đớn trong khoảnh khắc đó - một điều rõ nét và kỳ lạ dường như xảy ra bên ngoài tinh thần mình mãi mà cậu vừa mới có. Cậu đọc được thông tin cha mình đã chết, biết sự thật từ những câu chữ, nhưng cậu cảm thấy chúng chẳng là gì ngoài một dữ liệu khác được nhập vào tâm trí cậu để sử dụng.

Mình yêu cha, Paul nghĩ, cậu biết đó là sự thật. Mình nên khóc than thương tiếc cha. Mình nên cảm thấy một điều gì đó.

Nhưng cậu chẳng cảm thấy gì ngoài trừ: *Đây là một sự kiện quan trọng.*

Đó là một trong tất cả những sự kiện khác.

Suốt khoảng thời gian đó tâm trí cậu đang tiếp nhận thêm những ấn tượng của giác quan, đang ngoại suy, tính toán.

Paul nhớ lại lời Halleck: *“Tâm trạng chỉ dành cho những kẻ đáng khinh hoặc khi làm tình. Con chiến đấu khi cần phải chiến đấu, chẳng liên quan gì đến tâm trạng cả.”*

Có thể chính là điều đó, Paul nghĩ. Ta sẽ khóc thương cho cha sau... khi đúng thời điểm.

Nhưng cậu cảm thấy tâm trí mình không ngừng tính toán với sự chính xác lạnh lùng. Cậu cảm thấy cái ý thức mới của mình mới chỉ bắt đầu, rằng nó đang lớn lên. Trong con người cậu tràn ngập cái ý thức về mục đích kinh khủng mà cậu đã trải qua lần đầu tiên trong cuộc thử thách với Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam. Bàn tay phải - bàn tay ghi nhận nỗi đau - ngứa râm ran, sau đó là đau đớn.

Phải chăng sự thử thách ấy là để chúng tỏ ai là Kwisatz Haderach của bọn họ? cậu tự hỏi.

“Có lúc mẹ nghĩ Hawat lại làm chúng ta thất vọng lần nữa,” Jessica nói. “Mẹ đã nghĩ có thể Yueh không phải bác sĩ tốt nghiệp trường Suk.”

“Chúng ta từng nghĩ ông ấy là thế nào thì ông ấy chính là như thế... và còn hơn thế nữa,” Paul nói. Và cậu nghĩ: *Tại sao mẹ nhận ra những điều này chậm vậy?* Cậu nói, “Nếu Idaho không đến được chỗ Kynes, chúng ta sẽ...”

“Anh ta không phải hy vọng duy nhất của chúng ta,” mẹ cậu nói.

“Đó không phải ý kiến của con,” Paul tiếp.

Nàng nghe thấy sự đánh thép trong giọng con, ý thức về quyền chỉ huy trong đó, nàng nhìn cậu chăm chăm qua bóng tối xám xịt của căn lều. Paul là một cái bóng trên nền những khối đá khoác ánh trắng trông như một lớp băng giá khi nhìn xuyên qua vách lều trong suốt.

“Trong đám thuộc hạ của cha con sẽ có người trốn thoát được,” nàng nói. “Chúng ta phải tập hợp họ lại, tìm...”

“Chúng ta phải dựa vào chính mình,” cậu nói. “Mỗi quan tâm trước mắt của chúng ta là vũ khí nguyên tử của Gia tộc. Chúng ta phải giành lấy chúng trước khi bọn Harkonnen có thể mò ra.”

“Bọn chúng sẽ không tìm thấy,” nàng nói, “những vũ khí đó được giấu rất kỹ.”

“Không thể trông vào vận may.”

Nàng nghĩ: *Tổng tiền bằng vũ khí nguyên tử của gia tộc, dùng nó như là mối đe dọa đối với hành tinh này cùng hương được của nó - thẳng bé nghĩ thế đấy. Nhưng nếu vậy thẳng bé chỉ còn hy vọng duy nhất là trốn thoát bằng cách giấu tên rổi sống ngoài vòng pháp luật.*

Những lời mẹ nói đã gợi lên một chuỗi suy nghĩ khác trong Paul - mối quan tâm của một Công tước đối với tất cả những người họ đã mất trong

đêm nay. Những người thân thuộc là sức mạnh đích thực của Gia tộc, Paul nghĩ. Cậu nhớ lại lời Hawat: *“Chia tay người thân mới đáng phải buồn; nơi ở chỉ là nơi ở.”*

“Bọn chúng sử dụng lính Sardaukar,” Jessica nói. “Chúng ta phải đợi cho đến khi quân Sardaukar rút lui.”

“Bọn chúng nghĩ chúng ta mắc kẹt giữa sa mạc và quân Sardaukar,” Paul nói. “Bọn chúng định tiêu diệt tận gốc rễ gia tộc Atreides không để người nào sống sót. Đừng hy vọng ai đó trốn thoát được.”

“Bọn chúng không thể cứ tiếp tục liều lĩnh bày sự can thiệp của Hoàng đế trong chuyện này được.”

“Bọn chúng không thể ư?”

“Vài người của chúng ta chắc chắn thoát được.”

“Những ai chứ?”

Jessica quay đi, hoảng sợ trước nỗi cay đắng cùng cực trong giọng con, lắng nghe sự đánh giá chính xác về những khả năng có thể xảy ra. Nàng cảm thấy đầu óc nó đã vượt xa nàng, trong một số khía cạnh nó hiểu rõ hơn nàng. Nàng đã giúp huấn luyện thằng bé để nó đạt được trí tuệ như ngày nay, nhưng giờ đây nàng nhận ra mình sợ nó. Những suy nghĩ của nàng quay trở lại, tìm về nơi ẩn náu đã mất của Công tước, và những giọt lệ thiêu đốt mắt nàng.

Mọi việc phải diễn ra theo đúng chiều hướng này, Leto ạ, nàng nghĩ. “Khoảnh khắc cho tình yêu, khoảnh khắc cho nỗi tiếc thương.” Nàng đặt tay lên bụng, tập trung ý thức vào cái mầm sống ở đó. *Ta đang mang thai đứa con gái của dòng họ Atreides đúng như mệnh lệnh, nhưng Mẹ Chí tôn sai rồi: một đứa con gái cũng không cứu được Leto của ta. Đứa bé này là mạng sống duy nhất đang vươn tới tương lai giữa bốn bề chết chóc. Ta thụ thai theo bản năng chứ không phải do phục thù.*

“Hãy thử lại máy thu tin tức,” Paul nói.

Trí óc thằng bé hoạt động liên tục bất kể chúng ta có cố thế nào hòng ngăn nó lại, nàng nghĩ.

Jessica tìm thấy cái máy thu bé xíu mà Idaho để lại cho họ, bật công tắc lên. Một ánh sáng màu xanh rực lên trên bề mặt thiết bị. Có tiếng rít nhỏ phát ra từ loa. Nàng giảm âm lượng xuống, dò tìm qua các dải tần số. Một giọng nói dùng ngôn ngữ chiến trận Atreides vang lên trong lều.

“... quay lại tập hợp tại dải đất hẹp trên đỉnh núi. Fedor báo rằng không còn ai sống sót ở Carthag và Ngân hàng Hiệp hội vừa bị cướp phá.”

Carthag! Jessica nghĩ. Đó là căn cứ của bọn Harkonnen.

“Bọn chúng là lính Sardaukar,” giọng nói cất lên. “Coi chừng lính Sardaukar mặc đồng phục Atreides. Bọn chúng...”

Có tiếng hét trong loa, sau đó thì im lặng.

“Thử dò dải tần số khác xem,” Paul nói.

“Con có hiểu ý nghĩa những câu vừa nghe không?” Jessica hỏi.

“Con đã nghĩ là chúng sẽ làm thế. Bọn chúng muốn Hiệp hội kết tội chúng ta phá hoại ngân hàng của họ. Một khi Hiệp hội cũng chống lại chúng ta thì chúng ta không còn đường thoát ở Arrakis. Hãy thử những dải tần số khác xem.”

Nàng cân nhắc lời nói của cậu: *Con đã nghĩ là chúng sẽ làm thế.* Chuyện gì đã xảy ra với thằng bé? Chầm chậm, Jessica quay lại với chiếc máy thu. Khi nàng dịch chuyển thanh trượt dò kênh, họ bắt gặp những khoảnh khắc ác liệt thông qua vài lời chập vọt lên bằng ngôn ngữ chiến trận Atreides: “... ngã về phía sau ...” “... cố gắng tập hợp lại ở...” “... bị bắt trong một hang động ở...”

Và không nghi ngờ gì nữa, tràn ngập các kênh khác là những lời bô lô ba la chứa đựng niềm hân hoan chiến thắng của bọn Harkonnen. Những

mệnh lệnh rõ ràng, những bản tin chiến trận. Tuy những câu nói đút quăng không trọn nghĩa khiến Jessica khó mà ghi nhận và hiểu được ngôn ngữ này, nhưng âm điệu thì quá rõ.

Bọn Harkonnen đã thắng.

Paul lắc cái bọc ở bên cạnh, nghe thấy tiếng nước óc ách trong hai cái bình literjon. Cậu hít một hơi sâu, ngước mắt qua vách lều trong suốt nhìn vách đá dựng đứng nổi bật dưới những vì sao. Tay trái cậu sờ vào miếng van bịt ở cửa trước căn lều.

“Trời sắp sáng rồi,” cậu nói. “Chúng ta có thể đợi Idaho suốt cả ngày, nhưng không thể đợi thêm một đêm nữa. Trong sa mạc, người ta phải di chuyển vào ban đêm, nghỉ ngơi trong bóng râm vào ban ngày.”

Những tri thức mà Jessica đã tiếp nhận từ trước tự động hiện lên trong tâm trí nàng: *Nếu không có sa phục, một người ngồi trong bóng râm trên sa mạc cần năm lít nước mỗi ngày để duy trì trọng lượng cơ thể.* Nàng cảm thấy bề mặt mềm mại trơn mượt của bộ sa phục cọ vào cơ thể, nghĩ đến việc cuộc sống của họ phụ thuộc đến mức nào vào những bộ quần áo này.

“Nếu chúng ta rời khỏi đây, Idaho không thể tìm thấy chúng ta,” nàng nói.

“Có nhiều cách để buộc bất cứ kẻ nào cũng phải nói,” cậu nói. “Nếu đến sáng mà Idaho không trở về, chúng ta phải tính đến khả năng anh ta đã bị bắt. Mẹ nghĩ anh ta có thể chịu đựng được trong bao lâu?”

Câu trả lời đã quá rõ, và nàng ngồi im lặng.

Paul mở nắp bọc, lấy ra một quyển sách bé xiu có phím sáng và bộ khuếch đại. Những chữ cái màu xanh và cam trong các trang sách nhảy múa trước mặt cậu: “bình đựng nước, lều sa mạc, mũ năng lượng, recath, ống thông hơi cát, ống nhòm, bộ dụng cụ sa phục, súng lục baradye, sơ đồ sink, phích lọc, cặn la bàn, móc bắt sâu cát, dùi gọi, bộ công cụ Fremen, cột lửa...”

Rất nhiều thứ giúp con người sống sót trên sa mạc.

Ngay sau đó, cậu đặt quyển sách sang một bên trên nền căn lều.

“Chúng ta có thể đi đâu?” Jessica hỏi.

“Cha đã nói về *sức mạnh sa mạc*,” Paul nói. “Bọn Harkonnen không thể cai trị hành tinh này nếu không có nó. Bọn chúng chưa và sẽ không bao giờ cai trị được hành tinh này. Ngay cả khi chúng có mười ngàn quân đoàn Sardaukar trong tay.”

“Paul, con không thể nghĩ rằng...”

“Chúng ta có tất cả bằng chứng trong tay,” cậu nói. “Ngay tại đây, trong căn lều này - chính căn lều này, cái bọc này và những thứ trong đó, những bộ sa phục này. Chúng ta biết Hiệp hội muốn bán vệ tinh thời tiết với giá cắt cổ. Chúng ta biết...”

“Vệ tinh thời tiết thì liên quan gì chứ?” nàng hỏi. “Chúng không có khả năng...” Nàng bỏ dở câu nói.

Paul cảm thấy khả năng phán đoán siêu nhanh trong đầu cậu đang đọc phản ứng của mẹ, tính toán dựa trên những chi tiết nhỏ nhất. “Giờ thì mẹ thấy rồi đấy,” cậu nói. “Các vệ tinh quan sát địa hình ở dưới kia. Trong sa mạc sâu có nhiều thứ không bị kiểm tra thường xuyên.”

“Con đang ám chỉ rằng chính Hiệp hội kiểm soát hành tinh này?”

Nàng hiểu quá chậm.

“Không!” cậu nói. “Là người Fremen! Họ đang trả tiền cho Hiệp hội để mua sự riêng tư, trả bằng loại tiền mà bất kỳ ai có sức mạnh sa mạc đều có - hương được. Đây không chỉ là một câu trả lời thuộc phép tính xấp xỉ bậc hai; đó là tính toán tuyến tính. Mẹ tin nó đi.”

“Paul,” Jessica nói, “con vẫn chưa phải là Mentat; con không thể biết

chắc chắn...”

“Con sẽ không bao giờ là Mentat,” cậu nói. “Con là một cái gì đó khác... một người bất thường.”

“Paul! Sao con có thể nói như thế...”

“Hãy để con một mình!”

Cậu quay đi, nhìn ra ngoài bóng đêm. *Tại sao mình không thể khóc thương?* cậu tự hỏi. Cậu cảm thấy mọi đường gân thối thịt trong mình đều khao khát sự giải thoát này, nhưng mãi mãi bị cậu từ chối.

Jessica chưa bao giờ nghe thấy nỗi đau đớn nhường ấy trong giọng nói con trai. Nàng muốn đến bên con, ôm con vào lòng, an ủi, giúp đỡ con - nhưng nàng cảm thấy nàng không thể làm gì được. Nó phải tự mình giải quyết vấn đề này.

Cái phím sáng của cuốn sách chỉ dẫn sử dụng bộ công cụ Fremmen nằm trên nền lều đập vào mắt nàng. Nàng nhấc cuốn sách lên, liếc vào trang bìa rồi đọc: “Sách về ‘Sa mạc thân thiện’, nơi tràn đầy sự sống. Ở đây có ayat và burhan của cuộc sống. Hãy tin tưởng, và al-Lat sẽ không bao giờ thiêu cháy bạn.”

Nội dung giống Sách Azhar, nàng nghĩ, nhớ lại các nghiên cứu của mình về Những Bí mật Vĩ đại. Từng có một Người Vận dụng Tôn giáo sống trên Arrakis chăng?

Paul lấy cặn la bàn trong bọc ra, vặn lại rồi nói: “Hãy xem những loại công cụ Fremmen có ứng dụng đặc biệt này. Độ tinh vi không gì sánh được. Phải công nhận thế. Nền văn hóa đã chế tạo ra những thứ này để lộ những chiều sâu mà không ai có thể hoài nghi.”

Ngập ngừng, vẫn lo lắng vì sự gay gắt trong giọng điệu của con, Jessica lại quay ra đọc sách, nghiên cứu hình minh họa một chòm sao trên bầu trời Arrakeen: “Muad’Dib: Con chuột”, và để ý thấy cái đuôi chỉ về phương Bắc.

Trong bóng tối căn lều, Paul nhìn chăm chăm vào những cử động lơ mơ của mẹ dưới ánh sáng phát ra từ cái phím sáng trên cuốn sách. *Bây giờ là lúc thực hiện ước muốn của cha, cậu nghĩ. Ngay bây giờ ta phải trao cho mẹ thông điệp của cha trong lúc mẹ có thời gian khóc than. Nếu sau này mới khóc than thì sẽ rất phiền hà.* Cậu nhận ra mình bị sốc vì cái logic chính xác này.

“Thưa mẹ,” cậu nói.

“Gì thế con?”

Nàng thấy giọng nói của con có sự thay đổi, cảm thấy trong lòng buốt giá khi nghe lời con nói. Nàng chưa từng thấy sự điều khiển khắc nghiệt đến thế.

“Cha chết rồi,” cậu nói.

Nàng tìm kiếm trong bản thân mình sự móc nối giữa sự kiện này với sự kiện nọ rồi với sự kiện kia - phương pháp đánh giá dữ liệu của Bene Gesserit - và nó đã xuất hiện trong nàng: cảm giác về sự mất mát khủng khiếp.

Jessica gật đầu, không nói lên lời.

“Một lần cha đã giao cho con nhiệm vụ truyền đạt cho mẹ một thông điệp nếu có bất kỳ chuyện gì xảy ra với cha,” Paul nói. “Cha lo mẹ có thể nghĩ là cha nghi ngờ mẹ.”

Sự nghi ngờ vô ích đó, nàng nghĩ.

“Cha muốn mẹ biết rằng cha không bao giờ nghi ngờ mẹ,” Paul nói, giải thích về mưu mẹo của cha, rồi nói thêm: “Cha muốn mẹ biết rằng lúc nào cha cũng tuyệt đối tin tưởng mẹ, luôn yêu thương mẹ. Cha nói chẳng thà nghi ngờ chính bản thân mình còn hơn và cha có một điều ân hận, rằng cha chưa bao giờ đưa mẹ lên làm Công tước Phụ nhân.”

Nàng quệt hàng nước mắt chảy xuống má, thầm nghĩ: *Sự lãng phí nước trong cơ thể mới ngu ngốc làm sao chứ!* Nhưng nàng biết ý nghĩ này thật ra là gì - cố gắng chuyển nỗi thương tiếc thành sự tức giận. *Leto, Leto của em*, nàng nghĩ. *Chúng ta làm những điều quá ư khủng khiếp với những người chúng ta yêu thương!* Bằng một động tác mạnh mẽ, nàng tắt cái phím sáng trên cuốn sách nhỏ.

Người nàng rung lên trong tiếng nức nở.

Paul cảm nhận được nỗi đau của mẹ qua tiếng khóc và thấy trong lòng trống rỗng. *Ta không đau buồn*, cậu nghĩ. *Tại sao? Tại sao?* Cậu cảm thấy việc mình không có khả năng đau buồn là một lỗi lầm khủng khiếp.

“Một thời có được và một thời đánh mất,” Jessica nghĩ, trích dẫn cho chính mình từ Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam. *“Một thời gìn giữ và một thời vứt bỏ; một thời yêu và một thời hận; một thời chiến tranh và một thời hòa bình.”*

Tâm trí Paul tiếp tục hoạt động với sự chính xác lạnh lùng. Cậu thấy những con đường phía trước họ trên cái hành tinh thù địch này. Không có ngay cả một chiếc van an toàn của giấc mơ, cậu tập trung vào nhận thức tiên tri, nhìn nó như một ước tính về những tương lai có nhiều khả năng xảy ra nhất của mình, nhưng còn có một điều gì đó nữa, một mép vực bí ẩn - như thể tâm trí cậu chìm vào một tầng vô thời gian nào đó và lấy mẫu những ngọn gió của tương lai.

Đột ngột, như thể cậu đã tìm thấy chiếc chìa khóa cần thiết, tâm trí Paul leo lên một mức nữa trong nhận thức. Cậu cảm thấy mình bám chặt vào cái mức mới này, bám chặt vào một chỗ dựa bấp bênh mà nhìn quanh bốn phía. Như thể cậu đang hiện hữu trong một địa cầu có những con đường tỏa ra mọi hướng... tuy nhiên cũng chỉ gần đúng với cảm giác ấy thôi.

Cậu nhớ lại đã có lần nhìn thấy một chiếc khăn mỏng đang bay trong gió, và lúc này cậu cảm nhận được tương lai như thể nó đang quần quanh một bề mặt nào đó cũng lượn sóng và bất định giống như bề mặt chiếc khăn bay trong gió.

Cậu nhìn thấy mọi người.

Cậu cảm thấy cái nóng cái lạnh của những khả năng không tính được.

Cậu biết những cái tên và địa điểm, trải qua vô số xúc cảm, xem xét lại dữ liệu của vô vàn vết nứt chưa ai dò. Có thời gian để thăm dò, kiểm tra và nếm thử, nhưng không có thời gian để tạo hình hài.

Cả khung cảnh đó là một chuỗi những sự kiện có khả năng xảy ra từ quá khứ xa xăm nhất đến tương lai xa xăm nhất - từ sự kiện nhiều khả năng xảy ra nhất đến sự kiện ít khả năng xảy ra nhất. Cậu thấy cái chết của chính mình theo vô số cách. Cậu thấy những hành tinh mới, những nền văn hóa mới.

Con người.

Con người.

Cậu nhìn thấy họ đông đến nỗi không thể liệt kê cho hết, tuy nhiên tâm trí cậu vẫn lập danh mục họ.

Thậm chí cả người của Hiệp hội.

Và cậu nghĩ: *Hiệp hội - hẳn sẽ là một giải pháp cho chúng ta, họ chấp nhận sự khác thường của ta như một thứ giá trị cao quen thuộc, luôn luôn kèm theo một nguồn cung ổn định thứ hương được mà giờ đây là cần thiết.*

Thế nhưng, sống trọn đời trong cái tâm-trí-mò-mẫm-về-phía-trước-xuyên-quanhững-tương-lai-có-khả-năng-xảy-ra vốn đưa đường chỉ lối cho những con tàu vũ trụ bay vùn vụt, ý nghĩ phải sống như thế làm cậu hoảng sợ. Mặc dù đó từng là một giải pháp. Và trong sự gặp gỡ cái *tương lai có khả năng xảy ra* bao gồm người của Hiệp hội, cậu nhận ra sự khác thường của chính mình.

Ta có một khả năng nhìn khác. Ta thấy một loại địa hình khác: những con

đường sẵn có.

Nhận thức đó làm cậu vừa yên tâm vừa lo lắng - có quá nhiều nơi trên loại địa hình khác đó chìm vào hoặc vượt quá tầm nhìn của cậu.

Nhẹ nhàng như khi đến, cảm giác đó chuội khỏi cậu, và cậu nhận ra toàn bộ những gì cậu vừa trải qua đó chỉ diễn ra trong khoảng thời gian tương đương với độ dài của một nhịp tim.

Tuy nhiên, ý thức cá nhân của chính cậu đã được lật đi lật lại, được làm sáng tỏ theo một cách khủng khiếp. Cậu nhìn chăm chăm xung quanh.

Bóng đêm vẫn bao trùm căn lều nằm trong nơi ẩn trốn có đá bao quanh này. Cậu vẫn nghe thấy tiếng khóc than của mẹ.

Cậu vẫn cảm thấy sự thiếu vắng nỗi thương tiếc trong chính mình... vùng trống rỗng này nằm ở đâu đó tách ra khỏi tâm trí cậu, cái tâm trí vẫn tiếp tục hoạt động với tốc độ bất biến - xử lý dữ liệu, đánh giá, tính toán, nêu những câu trả lời theo kiểu gì đó giống như cách thức của Mentat.

Và giờ cậu thấy mình có một nguồn dữ liệu dồi dào mà từ trước tới nay ít có trí tuệ nào như vậy từng chứa đựng được. Nhưng điều này không giúp cậu chịu đựng vùng trống trong mình dễ dàng hơn. Cậu cảm thấy phải phá hủy một cái gì đó. Như thể một cái đồng hồ hẹn giờ cho một quả bom đã được cài đặt kêu tích tắc bên trong cậu. Nó tiếp tục công việc của mình bất kể cậu muốn hay không. Nó ghi lại những sắc thái khác nhau nhỏ xíu xung quanh cậu - sự thay đổi rất nhỏ trong độ ẩm, sự hạ thấp chút xíu của nhiệt độ, bước tiến của một con sâu bò ngang qua nóc căn lều, sự hé rạng uy nghi của bình minh trên mảnh trời rạng ánh sao mà cậu có thể nhìn qua vách lều trong suốt.

Cậu không chịu đựng nổi sự trống rỗng này. Dù biết cái đồng hồ đếm giờ đã được đưa vào chuyển động như thế nào thì cũng vậy thôi. Cậu có thể nhìn vào quá khứ của chính mình và quan sát sự khởi đầu của nó - sự huấn luyện, mài giũa năng lực, sự thúc ép tinh vi của những phương pháp rèn luyện phức tạp, ngay cả việc tiếp xúc với Kinh thánh Toàn Nhân loại

Màu Cam tại một thời điểm hệ trọng... và, cuối cùng, một lượng lớn hương được đưa vào người. Và cậu có thể nhìn về phía trước - theo hướng kinh khủng nhất - để thấy cái nơi mà toàn bộ điều này dẫn tới.

Ta là một quái vật! cậu nghĩ. *Một người khác thường!*

“Không,” cậu nói. Sau đó: “Không. Không! KHÔNG!”

Cậu nhận ra mình đang đâm tay lên nền căn lều. (Cái phần không thể mủi lòng trong cậu ghi nhận điều này như một dữ liệu xúc cảm thú vị và đưa nó vào tính toán.)

“Paul!”

Mẹ ngồi bên cạnh, nắm tay cậu, khuôn mặt mẹ như một đốm màu xám nhìn cậu chăm chú. “Paul, có chuyện gì thế?”

“Mẹ!” cậu nói.

“Mẹ đây, Paul,” nàng nói. “Mọi chuyện ổn rồi.”

“Mẹ đã làm gì với con?” cậu gặng hỏi.

Trong sự thối suốt bất ngờ, nàng cảm nhận được một vài nguồn gốc trong câu hỏi, bèn nói: “Ta đã sinh ra con.”

Dựa vào bản năng cũng như vốn kiến thức tinh tế của mình, nàng biết đó là câu trả lời chính xác để cậu bình tĩnh trở lại. Cậu cảm thấy đôi bàn tay mẹ nắm lấy mình, chú ý vào đường nét mờ mờ trên khuôn mặt mẹ. (Một vài dấu vết di truyền trên cấu trúc khuôn mặt mẹ được cậu ghi nhận theo cách mới bằng cái tâm trí tuôn trào như nước chảy của cậu, những manh mối nhập vào nguồn dữ liệu khác, và một câu trả lời-tổng kết cuối cùng nằm ở phía trước.)

“Hãy buông con ra,” cậu nói.

Nàng nghe thấy sự cứng cỏi trong giọng nói của con, bèn nghe theo. “Con

có muốn kể cho mẹ nghe có chuyện gì với con không, Paul?”

“Khi huấn luyện con thì mẹ có biết mẹ đang làm gì không?” cậu hỏi.

Không còn chút trẻ con nào trong giọng thằng bé, nàng nghĩ. Nàng nói: “Mẹ hy vọng điều mà bất cứ người mẹ nào cũng hy vọng - rằng con sẽ trở thành... người ưu tú, thật khác biệt.”

“Khác biệt?”

Nàng nghe thấy sự cay đắng trong giọng con, liền nói: “Paul, mẹ...”

“Mẹ không muốn một đứa con trai!” cậu nói. “Mẹ muốn một Kwisatz Haderach! Mẹ muốn một Bene Gesserit nam!”

Nàng giật mình vì sự cay đắng của con. “Nhưng Paul à...”

“Mẹ đã bao giờ hỏi ý kiến cha con về việc này chưa?”

Nàng nói dịu dàng do nỗi buồn vừa quay trở lại. “Dù con là gì đi chăng nữa, Paul ạ, đặc tính di truyền mà con được thừa hưởng từ cha cũng nhiều như những gì con có được từ mẹ.”

“Nhưng sự huấn luyện kia thì không,” cậu nói. “Không phải những cái đã... đánh thức... người đang ngủ.”

“Người đang ngủ?”

“Nó nằm ở đây.” Cậu đặt tay lên đầu rồi lên ngực. “Bên trong con. Nó đang tiếp tục trỗi dậy, trỗi dậy, trỗi dậy...”

“Paul!”

Nàng nghe thấy sự kích động đang mài sắc giọng cậu.

“Hãy nghe con,” cậu nói. “Mẹ đã muốn Mẹ Chí tôn nghe về những giấc

mơ của con: Bây giờ mẹ hãy lắng nghe trên cương vị bà ấy. Con vừa có một giấc mơ *đánh thức*. Mẹ biết tại sao không?”

“Con phải trấn tĩnh lại,” nàng nói. “Nếu có...”

“Hương được,” cậu nói. “Nó có trong mọi thứ ở đây - trong không khí, trong đất, trong thức ăn, cái hương được *chống lão hóa*. Nó giống như thuốc của Người Nói Sự thật. Nó là chất độc!”

Nàng cứng đờ người.

Cậu hạ giọng xuống và lặp lại: “Một chất độc - rất tinh vi, rất xảo quyệt... không thể đảo ngược. Thậm chí nó không giết ta trừ phi ta ngừng uống nó. Chúng ta không thể rời Arrakis trừ phi mang theo một phần của Arrakis.”

Cái *thực thể* khủng khiếp trong giọng nói của cậu không cho phép ai tranh cãi.

“Mẹ và hương được,” Paul nói. “Hương được làm thay đổi bất kỳ ai ăn nó nhiều quá, nhưng nhờ mẹ, con có thể đưa sự thay đổi này vào ý thức. Con không để nó lại trong vô thức nơi sự nhiễu loạn của nó có thể bị che mờ đi. Con có thể *nhìn thấy* nó.”

“Paul, con...”

“Con *nhìn thấy* nó!” cậu nhắc lại.

Nàng nghe thấy sự điên cuồng trong giọng con mà không biết phải làm gì.

Nhưng cậu lại nói, và nàng nghe thấy sự điều khiển cứng rắn trở về với cậu: “Chúng ta bị đánh bầy ở đây.”

Chúng ta bị đánh bầy ở đây, nàng đồng ý.

Nàng thừa nhận sự thật trong lời con. Không sức ép nào từ phía Bene Gesserit, không thủ đoạn hay mưu mẹo nào có thể nhổ bật họ thoát hẳn

Arrakis: hương được là chất gây nghiện. Khi tâm trí nàng còn chưa kịp ý thức về điều này thì cơ thể nàng đã nhận ra nó từ lâu rồi.

Vậy chúng ta sống nốt cuộc đời mình ở đây, trên hành tinh địa ngục này, nàng nghĩ. Nơi này được chuẩn bị sẵn cho chúng ta, nếu chúng ta có thể tránh khỏi bọn Harkonnen. Và không còn nghi ngờ gì về con đường của ta: con lừa cái đang bảo vệ một dòng dõi huyết thống quan trọng cho Kế hoạch Bene Gesserit.

“Con phải kể cho mẹ nghe về giấc mơ thức tỉnh của con,” Paul nói. (Lúc này giọng cậu xúc động cao độ.) “Để chắc chắn mẹ thừa nhận điều con nói, điều đầu tiên con nói với mẹ là con biết mẹ sẽ sinh một bé gái, em gái con, trên Arrakis này.”

Jessica tì tay xuống nền lều, dựa lưng vào bức tường vải bập bồng để xoa dịu nỗi sợ hãi vừa nhói lên. Nàng biết mình chưa để lộ dấu hiệu gì cho thấy đã mang thai. Chỉ có sự huấn luyện Bene Gesserit mới giúp nàng nhận ra những dấu hiệu mờ nhạt đầu tiên trong cơ thể, biết rằng cái bào thai mới chỉ được vài tuần.

“Chỉ để phụng sự,” Jessica thì thầm, bám chặt vào câu khẩu hiệu của Bene Gesserit: “Chúng ta sống chỉ để phụng sự.”

“Chúng ta sẽ tìm thấy nơi cư ngụ giữa những người Fremen,” Paul nói, “Nơi mà Missionari Protectiva của mẹ đã mua cho chúng ta một nơi ẩn náu.”

Họ đã chuẩn bị sẵn cho chúng ta một con đường trong sa mạc, Jessica tự nhủ. Nhưng làm thế nào mà thằng bé biết về Missionari Protectiva? Nàng nhận thấy càng ngày càng khó kìm nén nỗi sợ trước sự khác thường đến choáng ngợp của Paul.

Cậu quan sát dáng hình u tối của Jessica, nhìn thấy nỗi sợ hãi và mọi phản ứng của nàng bằng nhận thức mới của mình, như thể mẹ được vẽ lên trong ánh sáng chói lòa. Cậu bắt đầu cảm thấy thương hại mẹ.

“Mọi chuyện có thể xảy ra ở đây, con không thể bắt đầu kể cho mẹ

được,” cậu nói. “Thậm chí con không thể bắt đầu nói với chính mình, mặc dù con vừa nhìn thấy chúng. Cái *cảm giác* về tương lai này - đường như con không điều khiển được nó. Chuyện này chỉ vừa mới xảy ra. Ở cái tương lai gần nhất - cứ cho là một năm - con có thể nhìn thấy vài... một *con đường* rộng như đại lộ Trung tâm ở Caladan. Có vài nơi con không nhìn thấy... những nơi bị che phủ... như thể chúng ẩn đằng sau một quả đồi,” (và cậu lại nghĩ về bề mặt chiếc khăn đang bay) “... và có những đường phân nhánh...”

Cậu rơi vào im lặng khi ký ức về việc *nhìn thấy* đó choán đầy trong cậu. Không giấc mơ tiên tri nào, không sự từng trải cuộc sống nào chuẩn bị đủ cho cậu có thể tiếp nhận cái toàn thể tính khi những tấm màn che phủ kia bị xé toạc để lộ ra thời gian trần trụi.

Nhớ lại những điều mình vừa trải qua, cậu nhận ra cái mục đích kinh khủng của chính mình - sức ép của cuộc đời cậu trải dài như một cái bong bóng đang phồng ra... thời gian lùi lại trước khi nó...

Jessica lần tìm bộ điều khiển phím sáng của căn lều, kích hoạt nó.

Ánh sáng xanh lơ mờ đẩy lùi những cái bóng, làm dịu nỗi sợ hãi của nàng. Nàng nhìn khuôn mặt Paul, đôi mắt cậu - cái nhìn chăm chăm vào nội tâm. Nàng biết trước đây mình đã thấy cái nhìn như thế ở đâu: được vẽ trong những bộ hồ sơ về các thảm họa - trên những gương mặt trẻ thơ vừa trải qua sự đói khát hoặc bị tổn thương ghê gớm. Đôi mắt giống như hai cái hố, miệng như một đường thẳng, má hõm vào.

Đó là cái nhìn của nhận thức kinh khủng, nàng nghĩ, của một người buộc phải biết về cái chết của chính mình.

Cậu bé thực sự không còn trẻ con nữa.

Ý nghĩa nằm dưới những lời cậu nói bắt đầu xâm nhập tâm trí nàng, gạt mọi điều khác sang một bên. Paul có thể nhìn thấy phía trước, nhìn thấy con đường thoát thân cho hai mẹ con.

“Có một con đường tránh được bọn Harkonnen,” nàng nói.

“Bọn Harkonnen!” cậu nhếch mép khinh bỉ. “Tổng cái bọn méo mó ấy ra khỏi đầu mẹ đi.” Cậu nhìn mẹ chằm chằm, quan sát đường nét khuôn mặt mẹ dưới ánh sáng của phím sáng. Những đường nét làm lộ tâm trạng nàng.

Nàng nói: “Con không nên nhắc đến người khác như những người thiếu...”

“Đừng quá tin chắc là mẹ biết vạch ra giới hạn ở đâu,” cậu nói. “Chúng ta mang theo quá khứ. Và, thừa mẹ của con, có một điều mẹ không biết và nên biết - *chúng ta* là Harkonnen.”

Tâm trí nàng làm một chuyện kinh khủng: nó xóa sạch mọi thứ như thể nó cần khóa lại mọi cảm giác. Nhưng giọng Paul vẫn tiếp tục với nhịp độ không thể dao động, lôi kéo nàng theo nó.

“Lần sau khi tìm thấy một chiếc gương, mẹ hãy quan sát khuôn mặt mình - còn bây giờ thì hãy quan sát khuôn mặt con đi. Nếu mẹ không tự bịt mắt mình thì những dấu vết sờ sờ ra đó. Nhìn tay con xem, nhìn bộ xương của con xem. Nếu không có cái nào thuyết phục được mẹ, thì mẹ hãy ghi nhớ lời con. Con vừa đi vào tương lai, con vừa xem một hồ sơ, con vừa nhìn thấy một nơi, con có tất cả dữ liệu. Chúng ta là Harkonnen.”

“Một... chi phản loạn của dòng họ,” nàng nói. “Là như thế phải không? Một người họ hàng Harkonnen đã...”

“Mẹ chính là con gái của Nam tước,” cậu nói, và quan sát cách nàng ép tay vào miệng. “Thời trẻ Nam tước khá phóng túng, và một lần ông ta tự cho phép mình bị quyến rũ. Nhưng đó là vì mục đích di truyền của Bene Gesserit, và bởi một trong những Bene Gesserit *các người*.”

Cái kiểu cậu nói chữ *các người* đập vào nàng như một cái tát. Nhưng nó bắt tâm trí nàng phải hoạt động và nàng không thể phủ nhận lời cậu nói. Giờ đây rất nhiều đoạn kết còn để trống của ý nghĩa trong quá khứ nàng đã vươn ra và nối kết với nhau. Đứa con gái mà Bene Gesserit muốn, nó

không phải để chấm dứt mối hận thù giữa Atreides với Harkonnen, mà là để cố định hệ số di truyền nào đó trong huyết thống của họ. Là cái gì? Nàng mò mẫm tìm câu trả lời.

Như thể nhìn thấu tâm trí nàng, Paul nói: “Họ nghĩ họ sắp tóm được con. Nhưng con không phải cái họ trông đợi, và con đã tới trước thời điểm của con. Và họ không biết điều đó.”

Jessica ép tay vào miệng.

Mẹ Vĩ đại ơi! Thằng bé là Kwisatz Haderach!

Nàng cảm thấy mình bị phơi ra trần trụi trước cậu, nhận ra cậu nhìn nàng bằng con mắt mà trước nó chẳng mấy điều có thể giấu giếm được. Và chính điều đó, nàng biết, là nguyên nhân sâu xa nỗi sợ của nàng.

“Mẹ đang nghĩ con là Kwisatz Haderach,” cậu nói. “Hãy gạt điều đó ra khỏi đầu mẹ đi. Con là một cái gì đó bất ngờ.”

Ta phải cố báo chuyện này với một trong các trường, nàng nghĩ. Chỉ số cặp đôi có thể cho biết đã xảy ra chuyện gì.

“Đến khi họ biết về con thì đã quá muộn rồi,” cậu nói.

Nàng cố gắng chuyển hướng chú ý của cậu, hạ thấp tay xuống, nói: “Chúng ta sẽ tìm được một nơi ở giữa những người Fremen chứ?”

“Người Fremen có một câu châm ngôn mà họ tin là của Shai-hulud, Lão phụ Vĩnh hằng,” cậu tiếp. “Họ nói: ‘Hãy chuẩn bị để đánh giá đúng cái mà người gặp.’ ”

Và cậu nghĩ: *Đúng thế, mẹ của con - giữa những người Fremen. Mắt mẹ sẽ chuyển thành màu xanh và mẹ sẽ có một cục chai cạnh chiếc mũi đáng yêu kéo dài từ cái ống lọc đến bộ sa phục của mẹ... và mẹ sẽ sinh em gái con: Thánh Alia Con Dao.*

“Nếu con không phải Kwisatz Haderach,” Jessica nói, “thì con là...”

“Mẹ không thể biết được,” cậu nói. “Mẹ sẽ không tin chừng nào mẹ chưa thấy nó.”

Và cậu nghĩ: *Ta là một hạt giống.*

Cậu bất ngờ nhận thấy mảnh đất mình rơi xuống mới màu mỡ làm sao, và, cùng với nhận thức này, cái mục đích kinh khủng choán đầy tâm trí cậu, len lỏi qua cái vùng trống rỗng ở trong đó, đe dọa làm cậu nghẹn lời vì đau buồn.

Cậu đã nhìn thấy hai ngã chính dọc theo con đường phía trước - ở một ngã cậu đương đầu với tên quý già Nam tước và nói: “Xin chào, ông ngoại.” Cậu phát ốm khi nghĩ về con đường này và điều gì đợi cậu trên đó.

Ngã kia chứa đựng những vùng tăm tối xám xịt kéo dài ngoai trừ những đỉnh điểm bạo lực. Cậu đã nhìn thấy một thứ tôn giáo chiến binh ở đó, một ngọn lửa lan tràn vũ trụ với ngọn cờ xanh đen Atreides bay phất phới ở hàng đầu những đoàn quân cuồng tín say rượu hương được. Gurney Halleck và vài thuộc hạ khác của cha cậu - một dúm người tội nghiệp - đi giữa đám chiến binh, tất cả bọn họ nổi bật bởi biểu tượng chim ưng lấy từ chiếc hòm đựng đầu lâu cha cậu.

“Con không thể đi vào đường này,” cậu lẩm bẩm. “Đó là điều mà những mục phù thủy già ở ngôi trường của mẹ thực sự muốn.”

“Mẹ không hiểu con, Paul ạ,” mẹ cậu nói.

Cậu vẫn im lặng, đang suy nghĩ như cái hạt giống vốn chính là cậu, suy nghĩ bằng cái ý thức giống nòi mà cậu đã trải nghiệm lần đầu tiên như là cái mục đích kinh khủng. Cậu nhận thấy mình không còn căm thù Bene Gesserit hay Hoàng đế hay thậm chí là bọn Harkonnen nữa. Tất cả bọn họ đều bị cuốn hút vào nhu cầu của giống nòi họ, nhu cầu làm mới lại di sản gen đang phân tán khắp nơi của mình, để lai ghép, trộn lẫn và ngâm dòng máu họ vào một nguồn gen mới dồi dào. Và giống nòi chỉ biết duy nhất một phương pháp đáng tin cậy để làm việc này - cái phương pháp

cổ xưa, cái phương pháp chắc chắn, đã thử nghiệm thành công, vốn dễ dàng đánh thắng mọi thứ trên con đường của nó: thánh chiến.

Chắc chắn ta không thể chọn con đường này, cậu nghĩ.

Nhưng cậu lại nhìn thấy trong con mắt của tâm trí mình chiếc hòm đựng đầu lâu của cha cùng cảnh bạo lực với lá cờ hai màu đen xanh bay phất phới ở giữa.

Lo lắng khi thấy con im lặng, Jessica hắng giọng nói. “VẬY thì... người Fremen sẽ cho chúng ta chỗ trú ẩn?”

Cậu ngược lên, đưa mắt ngang qua căn lều được soi chiếu bằng ánh sáng xanh, nhìn chằm chằm vào đường nét quý tộc bẩm sinh trên khuôn mặt mẹ. “Đúng thế,” cậu nói. “Đó là một trong những giải pháp.” Cậu gật đầu. “Đúng. Họ sẽ gọi con là... Muad'Dib, ‘Người Chỉ Đường’. Đúng... đó là cái tên họ sẽ dùng để gọi con.”

Và cậu nhắm mắt, thầm nghĩ: *Cha thân yêu, bây giờ con có thể khóc thương cha được rồi. Rồi cậu cảm thấy những giọt nước mắt chảy xuống má.*

Quyển Hai: MUAD'DIB

Khi Hoàng đế Padishah cha ta biết tin Công tước Leto đã chết và chết như thế nào, ông nổi cơn thịnh nộ trước nay chưa từng thấy. Ông đổ lỗi cho mẹ ta và cái hiệp ước buộc ông đặt một Bene Gesserit lên ngai vàng. Ông đổ lỗi cho Hiệp hội và tên quý già Nam tước. Ông đổ lỗi cho mọi người xung quanh ông, thậm chí không ngoại trừ cả ta, vì ông nói ta là một mụ phù thủy như hết thấy các mụ phù thủy khác. Và khi ta cố an ủi ông, khi ta nói chuyện đó được thì hành theo đúng quy luật tự bảo tồn cổ xưa, cái quy luật mà đến cả những người cai trị từ thời xa xưa nhất cũng phải trung thành, thì ông cười ta khinh bỉ và hỏi ta có nghĩ ông là kẻ yếu đuối không. Vậy là ta nhận ra cơn giận dữ của ông bị khuấy động không phải bởi mối quan tâm đến cái chết của Công tước mà bởi điều cái chết đó muốn nhắc nhở với tất cả hoàng tộc. Khi nhìn lại sự việc, ta nghĩ có thể cha ta cũng phần nào có năng lực tiên tri, bởi vì nhất định dòng dõi của ông và của Muad'Dib có cùng một tổ tiên.

- “Trong Gia tộc cha ta” của Công chúa Irulan

“Giờ thì Harkonnen sẽ giết Harkonnen,” Paul thì thầm. Cậu đã thức giấc ngay trước khi bóng đêm đổ xuống, ngồi dậy trong căn lều kín mít tối om. Trong khi nói, cậu nghe thấy tiếng cửa quây mớ hồ của mẹ vọng ra từ bức tường đối diện, chỗ mẹ dựa vào ngủ.

Paul liếc nhìn chiếc máy dò ở bên cạnh trên nền lều, quan sát bộ phim được chiếu sáng nhờ những ống phốt pho.

“Trời sắp tối rồi,” mẹ cậu nói. “Sao con không bỏ những mảnh ngăn ánh sáng của căn lều ra?”

Paul nhận ra hơi thở của mẹ đã khác đi vài nhịp, rằng mẹ đã nằm im lặng trong bóng tối cho đến khi chắc chắn cậu đã thức giấc.

“Bỏ những mảnh đó ra cũng chẳng ích gì,” cậu nói. “Vừa có một cơn

bão. Cát bao phủ lều. Con sẽ dọn dẹp để chúng ta sớm ra khỏi đây.”

“Vẫn không có dấu hiệu gì của Duncan à?”

“Không.”

Paul lơ đãng cạo vào ấn Công tước trên ngón tay cái, toàn thân cậu run lên vì cơn giận dữ đột ngột đối với cái tình chất của hành tinh này, nó đã giúp bọn chúng giết cha cậu.

“Mẹ nghe thấy bão bắt đầu nổi lên,” Jessica nói.

Sự trống rỗng, không đòi hỏi trong lời của nàng giúp cậu trấn tĩnh phần nào. Tâm trí cậu tập trung vào cơn bão khi cậu nhìn thấy nó bắt đầu nổi lên qua tấm vách trong suốt của căn lều - những dòng cát nhỏ giọt lạnh lẽo tạt qua vùng trũng, sau đó những dòng nhỏ và đuôi cát tạo thành những luồng cày trên nền trời. Cậu nhìn lên đỉnh khối đá, thấy nó thay đổi hình dạng dưới luồng gió, biến thành một cái nệm thấp có màu vàng đậm như pho mát. Một dòng cát màu cà ri mờ đục luồn qua cái khe hình phễu tuôn vào khu vực trũng chỗ họ dựng lều, làm tối sầm cả bầu trời, sau đó che phủ toàn bộ ánh sáng khi chiếc lều bị cát vùi lấp.

Rồi phần trước căn lều kêu cọt két khi hứng chịu áp lực - im lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng khò khè yếu ớt như ống thổi phát ra từ cái ống thông hơi của họ đang bơm không khí từ trên bề mặt xuống.

“Thử lại máy thu xem,” Jessica nói.

“Không dùng được,” cậu nói.

Cậu tìm ống dẫn nước của bộ sa phục trong chiếc kệp nằm ở cổ, hút một ngụm ấm áp vào miệng, và nghĩ rằng ở đây cậu thực sự bắt đầu sống đúng theo cách của dân Arrakeen - sống nhờ hơi ẩm tái chế từ chính hơi thở và cơ thể mình. Nước nhạt thếch chán ngắt, nhưng làm dịu cổ họng.

Jessica nghe tiếng Paul uống nước, cảm thấy sự trơn mượt của bộ sa

phục bám vào cơ thể, nhưng nàng từ chối chấp nhận cơn khát của mình. Việc chấp nhận cơn khát sẽ buộc nàng ý thức đầy đủ về những nhu cầu khủng khiếp ở Arrakis, nơi họ phải bảo vệ ngay cả những lượng hơi ẩm cực nhỏ, dành dùm vài giọt hơi ẩm trong những chiếc túi hứng của căn lều, bực bội khi lãng phí một hơi thở ra ngoài không khí.

Buông mình trôi vào giấc ngủ thì dễ hơn nhiều.

Nhưng nàng đã có một giấc mơ trong giấc ngủ ngày, và rùng mình khi nhớ về nó. Trong mơ, nàng giữ đôi bàn tay bên dưới dòng cát nơi một cái tên đã được viết ra: *Công tước Leto Atrides*. Cái tên mờ đi theo cát và nàng di chuyển để khôi phục nó, nhưng chữ cái cuối cùng chưa kịp bắt đầu thì chữ đầu tiên đã bị lấp mất.

Cát không ngừng trôi.

Giấc mơ của nàng biến thành tiếng kêu khóc: càng lúc càng to. Tiếng kêu khóc kỳ cục đó - một phần tâm trí nàng nhận ra âm thanh này là giọng nói của chính nàng khi nàng còn bé tí, chỉ lớn hơn đứa bé sơ sinh một chút. Một người đàn bà không nhìn thấy rõ trong trí nhớ đang rời đi.

Người mẹ mà ta không được biết, Jessica nghĩ. Người Bene Gesserit đã sinh ra ta và trao ta cho các Nữ tu vì bà được lệnh phải làm thế. Liệu bà có vui mừng khi thoát khỏi một đứa trẻ Harkonnen không?

“Nơi để tấn công bọn họ là trong hương dược,” Paul nói.

Sao thằng bé lại có thể nghĩ về việc tấn công tại một thời điểm như lúc này? Nàng tự hỏi.

“Cả một hành tinh chứa đầy hương dược,” nàng nói, “con có thể tấn công bọn chúng bằng cách nào đây?”

Nàng nghe cậu cựa quậy, nghe thấy tiếng chiếc ba lô bị kéo lê trên nền lều.

“Trên Caladan là sức mạnh của biển và sức mạnh không trung,” cậu nói.

“Ở đây, đó là *sức mạnh sa mạc*. Người Fremen chính là chìa khóa.”

Giọng cậu phát ra gần chiếc van bịt cửa. Bằng sự huấn luyện Bene Gesserit, nàng cảm thấy trong giọng cậu có sự gay gắt nhưng không cương quyết đối với nàng.

Suốt đời nó đã được huấn luyện phải căm thù Harkonnen, nàng nghĩ. Giờ đây, nó nhận ra nó là Harkonnen... vì ta. Thằng bé biết quá ít về ta! Ta là người đàn bà duy nhất của Công tước. Ta chấp nhận sự sống và những giá trị của nó thậm chí bất chấp mệnh lệnh Bene Gesserit.

Phím sáng của căn lều bùng sáng dưới tay Paul, tỏa ánh xanh rực rỡ tràn ngập vùng không gian hình vòm của căn lều. Paul cúi xuống cái van bịt cửa, điều chỉnh mũ trùm đầu bộ sa phục để thích ứng với vùng sa mạc trống - trán được bịt kín, miệng gắn bộ lọc đầu vào đó, phích cắm vào mũi được điều chỉnh. Chỉ có đôi mắt đen là để hở: một khoảng hẹp của khuôn mặt hướng về phía nàng một lần rồi quay đi.

“Mẹ hãy tự bảo vệ mình để con mở cửa,” cậu nói, giọng nghe không rõ dưới bộ lọc.

Jessica đưa bộ lọc lên miệng, bắt đầu điều chỉnh chiếc mũ khi thấy Paul mở miếng bịt căn lều.

Cát rít lên chói tai khi cậu mở van bịt cửa và những hạt cát kêu xì xì chảy tràn vào lều trước khi cậu có thể ngăn lại bằng dụng cụ nén cát. Một cái hố to dần lên trong bức tường cát khi dụng cụ nén gom cát lại. Cậu trườn ra ngoài, và tai nàng dõi theo quá trình cậu tiến lên bề mặt cát.

Chúng ta sẽ tìm thấy cái gì ngoài đó? nàng tự hỏi. Quân đoàn Harkonnen và Sardaukar là những mối nguy chúng ta có thể nghĩ tới. Nhưng còn những mối nguy nào mà chúng ta không biết đây?

Nàng nghĩ về cái dụng cụ nén cát và những thiết bị kỳ lạ khác trong ba lô. Mỗi món đồ trong những thứ dụng cụ đó đột nhiên hiện rõ trong tâm trí nàng như dấu hiệu của những mối hiểm nguy bí ẩn.

Sau đó nàng cảm thấy một luồng gió nóng từ cát trên bề mặt phả vào hai má, chỗ bị lộ ra phía trên bộ lọc.

“Đưa ba lô lên đây.” Đó là giọng Paul, nghe nhỏ và thận trọng.

Nàng di chuyển theo lời Paul, lắng nghe tiếng nước óc ách trong hai chiếc bình khi nàng đẩy mạnh chiếc ba lô ngang nền căn lều. Nàng nhìn lên, thấy hình dáng Paul nổi bật dưới những vì sao.

“Con ở đây,” cậu nói và với tay xuống, kéo chiếc ba lô lên bề mặt.

Lúc này nàng chỉ nhìn thấy một vòng tròn sao. Chúng giống như những đầu vũ khí phát sáng nhắm vào nàng. Một vệt sao băng bay ngang qua vùng tối trên đầu. Đối với nàng những ngôi sao băng đó giống như lời cảnh báo, giống những đường vằn vện trên mình con hổ, giống các thanh màu tối tỏa ánh dạ quang làm máu nàng như sánh lại. Và nàng cảm thấy sự giá lạnh của cái giải thưởng trao cho ai lấy được đầu hai mẹ con.

“Nhanh lên,” Paul nói. “Con muốn gấp lều lại.”

Một cơn mưa cát từ bề mặt đổ xuống tay trái nàng. *Tay ta có thể giữ được bao nhiêu cát?* nàng tự hỏi.

“Có cần con giúp không?” Paul hỏi.

“Không.”

Nàng nuốt khan, trượt vào trong hốc, cảm thấy cát tĩnh điện lao xạo dưới tay. Paul với xuống, nắm lấy cánh tay mẹ. Nàng đứng bên cạnh con trên một vùng sa mạc bằng phẳng phơ mình dưới ánh sao, chăm chú nhìn xung quanh. Cát gần như lấp đầy vùng trũng nơi họ trú ẩn, chỉ chừa ra một đường viền mờ mờ của khối đá bao quanh. Nàng thăm dò vùng bóng tối xa hơn bằng những giác quan được huấn luyện.

Có tiếng động của những loài thú nhỏ.

Những con chim.

Cát đổ ập xuống và có tiếng kêu yếu ớt của những loài sinh vật ở trong cát.

Paul gấp gọn lều, đặt trở lại vào phía trên chiếc hốc.

Ánh sao thế chỗ bóng đêm chỉ vừa đủ để khiến mỗi cái bóng đều có vẻ đầy hung hiểm. Nàng nhìn những vùng bóng tối.

Màu đen là trí nhớ mù lòa, nàng nghĩ. Ta lắng nghe tiếng sữa của bầu chó săn, nghe tiếng la hét của những người săn đuổi tổ tiên ta trong một quá khứ xa xưa đến nỗi chỉ những tế bào nguyên thủy nhất của ta là còn nhớ được. Đôi tai lắng nghe. Lỗ mũi đánh hơi.

Ngay sau đó, Paul đến đứng cạnh mẹ rồi nói: “Duncan nói với con rằng nếu bị bắt, anh ấy có thể chịu đựng... lâu chừng này. Chúng ta phải rời khỏi đây ngay.” Cậu đeo ba lô lên vai, đi đến mép thấp của vùng trũng, trèo lên một cái gờ nhìn xuống sa mạc trơ trụi.

Jessica tự động theo sau, nhận thấy bây giờ nàng đang sống trong quỹ đạo của con trai.

Đến bây giờ, nỗi thương tiếc của ta nặng hơn cả cát của nhiều biển cả, nàng nghĩ. Cái thế giới này đã rút cạn của ta mọi thứ ngoại trừ cái mục đích cổ xưa nhất: cuộc sống của ngày mai. Bây giờ ta sống vì Công tước bé nhỏ và đứa con gái chưa chào đời.

Nàng cảm thấy cát kéo chân nàng lại khi trèo lên đứng cạnh Paul.

Cậu nhìn về phía Bắc qua dãy đá lớn, quan sát một vách núi dựng đứng ở đằng xa.

Hình bóng vách núi đằng xa trông như một chiến hạm cổ xưa trên biển cả nổi bật dưới những vì sao. Tiếng rít dài của nó cất lên trên một làn sóng vô hình với những âm tiết của cái ăng ten bu mê rang, những ống

khói cong về phía sau theo hình cung, phần đuôi chiến hạm trôi lên có hình pi.

Một ánh sáng màu cam bùng lên trên vách đá và một đường màu tía rực rỡ cắt xuống phía ánh sáng cam.

Thêm một đường màu tía khác!

Thêm một ánh sáng màu cam bùng lên!

Trông giống như một trận thủy chiến thời xưa, giống ánh lửa đạn pháo, và họ nhìn chăm chăm vào đó.

“Những cột lửa,” Paul thì thầm.

Một vòng tròn mắt đỏ nhô lên trên vách đá phía xa. Những vạch màu tía tạo thành đường viền trên bầu trời.

“Vòi phụt lửa và súng laze,” Jessica nói.

Mặt trăng đầu tiên đỏ ửng màu phấn hoa của Arrakis nhô lên trên đường chân trời phía trái và họ nhìn thấy ở đó có vệt bão - một dải chuyển động trên sa mạc.

“Chắc đó là những tàu Harkonnen đang săn lùng chúng ta,” Paul nói. “Cái kiểu chúng cắt sa mạc ra từng mảnh... như thể chúng muốn nghiền nát cho bằng được bất cứ thứ gì ở đó... giống như mẹ nghiền nát một tổ côn trùng.”

“Hoặc một sào huyết Atreides,” Jessica nói.

“Chúng ta phải kiểm chỗ ẩn nấp,” Paul nói. “Chúng ta sẽ đi về phía Nam và men theo đá. Nếu bọn chúng bắt gặp hai mẹ con ta trong vùng trống...” Cậu quay người, xốc lại ba lô trên vai. “Bọn chúng sẽ giết chết bất cứ thứ gì chuyển động.”

Cậu vừa bước thêm một bước dọc theo gờ đá thì, ngay lúc đó, nghe thấy

tiếng xì xì khe khẽ của những con tàu đang lướt đi, nhìn thấy những cái bóng tàu tối sẫm bên trên họ.

Một lần cha nói với ta rằng lòng tôn trọng sự thật đang tiến gần tới chỗ trở thành nền tảng của mọi giáo lý. “Không đi đâu gì có thể hiện ra từ con số không,” Người nói. Đây là suy nghĩ thâm sâu nếu người ta hiểu được “sự thật” có thể không ổn định đến thế nào.

- trích “Đàm luận với Muad’Dib” của Công chúa Irulan

“Tôi luôn luôn tự hào vì mình có thể nhìn nhận vấn đề theo đúng bản chất của chúng,” Thufir Hawat nói. “Đó là một lời nguyện khi trở thành Mentat. Anh không thể ngừng phân tích dữ liệu.”

Khi ông nói, gương mặt già nua thô kệch có vẻ điềm tĩnh trong ánh sáng mờ mờ trước lúc rạng đông. Đôi môi nhuộm màu sapho mím lại thành một đường thẳng với những nếp nhăn tỏa ra phía trên.

Một người mặc áo choàng im lặng ngồi chồm hổm trên cát đối diện Hawat, hình như lời Hawat nói không làm ông ta nhúc nhích.

Hai người ngồi xổm bên dưới vòm đá trông xuống một vùng đất thấp rộng lớn. Bình minh đang lan rộng trên những vách núi lởm chởm phía bên kia lòng chảo, phủ màu hồng lên mọi vật. Bên dưới vòm đá không khí rất lạnh, một cái lạnh khô thấu xương còn lại từ ban đêm. Ngay trước lúc bình minh vừa có một cơn gió ấm áp nhưng bây giờ thì gió cũng lạnh rồi. Hawat có thể nghe thấy từ phía sau tiếng răng đánh vào nhau lập cập của những chiến binh còn lại trong đội quân của ông.

Người đàn ông ngồi xổm đối diện Hawat là một người Fremen đã vượt qua vùng đất thấp trong tia sáng đầu tiên của bình minh giả tạo, lướt nhanh trên cát, lặn vào những đụn cát, gần như không để ai nhìn thấy chuyển động của ông ta.

Người Fremen chìa một ngón tay xuống dải cát ở giữa họ, vẽ một hình lên trên. Trông hình vẽ giống chiếc bát có một mũi tên từ trong bay ra. “Có rất nhiều đội tuần tra của bọn Harkonnen,” ông ta nói. Ông ta nhắc

ngón tay, chỉ lên phía những vách núi mà Hawat và đám thuộc hạ đã đi xuống.

Hawat gật đầu.

Rất nhiều đội tuấn tra. Đúng thế.

Nhưng ông vẫn không hiểu người Fremen này muốn gì và việc này làm ông khổ sở. Người ta cho rằng sự huấn luyện Mentat trao cho một người khả năng hiểu rõ những động cơ.

Đây là đêm tồi tệ nhất trong đời Hawat. Ông đang ở Tsimpo, một thị trấn đồn trú, một khu đệm cho thành phố thủ đô trước đây - Carthag, thì bắt đầu nhận được những bản báo cáo về cuộc tấn công. Đầu tiên, ông nghĩ: *Đó là một cuộc đột kích. Bọn Harkonnen đang thử nghiệm.*

Nhưng báo cáo nối tiếp báo cáo - ngày càng dồn dập hơn.

Hai quân đoàn đổ bộ vào Carthag.

Năm quân đoàn - năm mươi lữ đoàn! - tấn công căn cứ chính của Công tước tại Arrakeen.

Một quân đoàn ở Arsunt.

Hai chiến đoàn ở Đá Vụn.

Sau đó các báo cáo ngày càng chi tiết hơn - có quân Sardaukar của Hoàng đế trong lực lượng tấn công - có khả năng là hai quân đoàn Sardaukar. Và có thể thấy rõ bọn xâm lược biết chính xác phải gửi bao nhiêu quân đến đâu. Chính xác! Thật là tính toán như thần.

Cơn thịnh nộ điên cuồng của Hawat đã dâng lên tới mức đe dọa chức năng ôn hòa của năng lực Mentat. Quy mô của cuộc tấn công giáng vào tâm trí ông như một cú đòn thô bạo giáng vào thể xác ông.

Lúc này, trốn dưới một đồng đá sa mạc, ông gật đầu với chính mình,

quấn chặt chiếc áo choàng nát tươm, bị chém rách tả tơi quanh mình như để né tránh những cái bóng lạnh lẽo.

Quy mô của cuộc tấn công.

Ông vẫn luôn cho rằng kẻ thù sẽ thuê ngắn hạn một chiếc tàu hàng của Hiệp hội để tiến hành những cuộc đột kích thăm dò. Đó là nước cờ thí tốt khá thông thường trong kiểu chiến tranh Gia tộc với Gia tộc này. Các tàu hàng đều đậu hạ và cất cánh trên Arrakis để vận chuyển hương được cho Gia tộc Atreides. Hawat đã tiên liệu các biện pháp chống trả những cuộc đột kích hù dọa từ những con tàu chở hương được giả mạo. Nếu chúng có thực sự tấn công thì cùng lắm cũng chỉ mười lữ đoàn.

Nhưng đã có tới hơn hai nghìn tàu chiến hạ cánh xuống Arrakis ở lần thông kê cuối cùng - không chỉ có tàu hàng mà cả tàu chiến, tàu do thám, tàu thiết giáp, tàu nghiên, tàu chở quân, tàu trút...

Có nhiều hơn một trăm lữ đoàn - những mười quân đoàn!

Toàn bộ thu nhập từ hương được của Arrakis trong năm mươi năm có thể chỉ đủ để trả giá cho một sự liều lĩnh đến thế.

Có thể lắm chứ.

Ta đã đánh giá quá thấp những gì tên Nam tước sẵn sàng bỏ ra cho cuộc tấn công, Hawat nghĩ. Ta đã làm Công tước thất vọng.

Lại còn chuyện tên phản bội nữa.

Ta sẽ sống đủ lâu để nhìn thấy mục ta bị bóp cổ! ông nghĩ. *Lẽ ra ta nên giết mục phù thủy Bene Gesserit đó ngay khi có cơ hội.* Trong tâm trí ông không còn gì nghi ngờ về danh tính kẻ phản bội - Lệnh bà Jessica. Mục ta khớp với tất cả những sự việc xảy ra.

“Gurney Halleck, thuộc hạ của ông, và một nhóm trong đội quân của ông ta vẫn an toàn cùng với những người bạn buôn lậu của chúng ta,” người Fremen nói.

“Tốt.”

Vậy là Gurney sẽ thoát khỏi cái hành tinh địa ngục này. Chúng ta sẽ không chết hết.

Hawat liếc đám thuộc hạ ở đằng sau. Mới đêm qua ông hãy còn ba trăm thuộc hạ giỏi nhất. Giờ thì số đó chỉ còn lại hai mươi người, một nửa bị thương. Lúc này vài người đã ngủ, người đứng, kẻ dựa vào vách đá, kẻ nằm ườn trên cát dưới tảng đá. Chiếc tàu cuối cùng của họ, chiếc tàu họ đã sử dụng như thiết bị hiệu ứng đất chõ những người bị thương, thì đã hỏng từ trước rặng đông. Họ đã cắt nó ra bằng súng laze rồi giấu các mảnh vỡ đi, sau đó thì lên đường đến nơi ẩn trốn tại rìa vùng trũng này.

Hawat chỉ biết đại khái về vị trí của họ - cách Arrakeen khoảng hai trăm ki lô mét về phía Đông Nam. Những con đường giao thông chính giữa các cộng đồng sietch ở Tường Chắn nằm đâu đó phía Nam họ.

Người Fremen đối diện Hawat lật mũ trùm đầu và mũ sa phục ra đằng sau để lộ mái tóc và chòm râu màu cát. Tóc ông ta chải hất ra sau, phô ra cái trán cao và hẹp. Ông ta có đôi mắt toàn màu xanh do chế độ ăn nhiều hương dược, đôi mắt khiến người đối diện khó đoán được suy nghĩ hay cảm xúc của ông ta. Một bên râu và ria mép bị vấy bẩn, tóc ở đó rối lại do sức ép của cái ống hứng cong từ các phích cắm mũi dẫn ra.

Người đàn ông tháo các phích cắm, điều chỉnh lại. Ông ta xoa lên vết sẹo cạnh mũi.

“Nếu tối nay ông đi qua sink ở đây,” người Fremen nói, “ông không được dùng những tấm chắn bảo vệ. Có một chỗ nứt trong bức tường...” Ông ta xoay người bằng gót chân, chỉ về phía Nam. “... ở đó, có cát lộ thiên chảy xuống erg. Những tấm chắn bảo vệ sẽ thu hút một...”, ông ta ngập ngừng, “... con sâu cát. Bọn sâu cát không thường tới đây, nhưng cứ kích hoạt tấm chắn là sẽ có con mò đến.”

Ông ta nói sâu cát, Hawat nghĩ. Ông ta định nói về một điều khác. Là cái gì? Ông ta muốn nói gì với chúng ta?

Hawat thở dài.

Ông không thể nhớ nổi mình đã bao giờ mệt mỗi thế này chưa. Cơ bắp ông mệt lử đến nỗi những viên thuốc trợ lực cũng không thể làm chúng thư giãn.

Lũ Sardaukar đáng nguy hiểm rửa!

Với nỗi cay đắng tự buộc tội mình, ông đối mặt với ý nghĩ về những tên lính cuồng tín và sự phản bội của Đế quốc mà bọn chúng là hiện thân. Cách đánh giá dữ liệu kiểu Mentat của ông nói với ông rằng ông chẳng có mấy cơ hội trưng những bằng chứng về sự phản bội này ra trước Hội đồng Cấp cao Landsraad, nơi công lý có thể được thực thi.

“Ông có muốn đến chỗ những người buôn lậu không?” người Fremen hỏi.

“Có thể đến đó sao?”

“Đường đến đó rất dài.”

“Người Fremen không thích nói từ không,” một lần Idaho đã nói với ông như thế.

Hawat nói: “Ông vẫn chưa cho tôi biết liệu người của ông có giúp được những người bị thương của tôi hay không.”

“Họ bị thương.”

Lần nào cũng cái câu trả lời chết tiệt ấy!

“Chúng tôi biết họ bị thương!” Hawat cau kỉnh. “Chuyện đó không...”

“Yên lặng đi nào, ông bạn,” người Fremen cảnh cáo. “Những người bị thương của ông nói gì? Trong bọn họ, ai có thể nhận ra nhóm của ông thiếu nước không?”

“Chúng ta không bàn về nước,” Hawat nói. “Chúng ta...”

“Tôi không thể hiểu sự do dự của ông,” người Fremen nói. “Họ là bạn ông, thành viên trong nhóm của ông. Ông có nước không?”

“Không đủ.”

Người Fremen chỉ vào quần phục của Hawat, làn da lộ ra dưới lớp áo. “Ông bị mắc kẹt trong sietch mà không mang theo sa phục. Ông phải đưa ra một quyết định nước, ông ạ.”

“Chúng tôi có thể thuê ông giúp không?”

Người Fremen nhún vai. “Ông không có nước.” Ông ta liếc nhóm người đằng sau Hawat. “Ông sẽ dành cho tôi mấy người trong số người bị thương của ông?”

Hawat im lặng, nhìn ông ta chăm chăm. Là một Mentat, ông có thể thấy sự giao tiếp giữa họ thật lệch pha. Ở đây những âm thanh trong lời nói không được kết nối theo một thể thức bình thường.

“Tôi là Thufir Hawat,” ông nói. “Tôi có thể phát ngôn thay Công tước. Bây giờ tôi sẽ đưa ra cam kết dành cho sự giúp đỡ của ông. Tôi muốn một hình thức giúp đỡ hạn chế, bảo tồn lực lượng của tôi chỉ cần trong khoảng thời gian đủ dài để tôi giết một kẻ phản bội, mục ta nghĩ không ai báo thù mục được.”

“Ông muốn tôi đứng về phía ông trong một mối thù truyền kiếp?”

“Cái mối thù truyền kiếp đó tôi sẽ tự tay xử lý. Tôi muốn được rảnh trách nhiệm với những người bị thương để có thể giải quyết chuyện này.”

Người Fremen giận dữ. “Ông có thể chịu trách nhiệm về những người bị thương của mình như thế nào đây? Họ chịu trách nhiệm về chính mình.

Chúng ta đang bàn về chuyện nước, Thufir Hawat. Phải chăng ông muốn tôi miễn cho ông việc tự mình quyết định?”

Người đàn ông đặt tay lên vũ khí giấu dưới áo choàng.

Hawat căng thẳng, băn khoăn: *Có sự phản bội nào ở đây không?*

“Ông sợ gì?” người Fremen hỏi.

Bọn người này và cái tính thẳng thắn đến mức khiến người ta phải bối rối của họ! Hawat nói thận trọng: “Người ta treo giải thưởng cho cái đầu của tôi.”

“Ái chà chà.” Người Fremen bỏ tay ra khỏi vũ khí. “Ông nghĩ chúng tôi có sự tham nhũng của đế quốc La Mã phương Đông. Ông không hiểu chúng tôi. Bọn Harkonnen không có đủ nước để mua dù chỉ một đứa bé nhỏ nhất của chúng tôi đâu.”

Nhưng bọn chúng có tiền thuê Hiệp hội vận chuyển hơn hai nghìn tàu chiến, Hawat nghĩ. Và cái mức giá đó vẫn làm ông choáng váng.

“Cả hai chúng ta đều chiến đấu chống bọn Harkonnen,” Hawat nói. “Chẳng lẽ chúng ta không nên chia sẻ những vấn đề và cách giải quyết vấn đề đang tranh luận sao?”

“Chúng ta đang chia sẻ đây,” người Fremen nói. “Tôi vừa trông thấy ông đánh nhau với bọn Harkonnen. Ông giỏi lắm. Có nhiều lúc tôi sẽ rất cảm kích nếu có được cánh tay của ông ở bên cạnh.”

“Hãy nói cánh tay của tôi có thể giúp ông ở đâu,” Hawat nói.

“Ai biết được?” người Fremen hỏi. “Quân đội Harkonnen có mặt khắp nơi. Nhưng ông vẫn chưa đưa ra quyết định nước hoặc trao nó cho những người bị thương.”

Ta phải thận trọng, Hawat tự nghĩ. *Ở đây có điếu gì đó ta chưa hiểu.*

Hawat nói: “Ông sẽ chỉ cho tôi con đường của ông, con đường Arrakeen chứ?”

“Suy nghĩ của người lạ,” người Fremen nói, giọng toát lên vẻ chế nhạo. Ông ta chỉ về phía Tây Bắc bên kia đỉnh núi. “Tối qua chúng tôi đã theo dõi ông đi qua vùng cát.” Ông ta hạ cánh tay xuống. “Ông để quân của mình đi trên bề mặt trơn trượt của những đụn cát. Thật tệ. Ông không có sa phục, không có nước. Ông sẽ không trụ lâu được.”

“Tối những con đường ở Arrakis không dễ dàng,” Hawat nói.

“Đúng thế. Nhưng chúng ta vừa giết bọn Harkonnen.”

“Ông làm gì với những người bị thương của mình?” Hawat hỏi.

“Chẳng lẽ một người không biết khi nào anh ta đáng được cứu ư?” người Fremen hỏi. “Những người bị thương của ông biết ông không có nước.” Ông ta nghiêng đầu, ngược sang một bên nhìn chếch vào Hawat. “Rõ ràng đây là thời điểm ra quyết định nước. Cả những người bị thương lẫn người không bị thương phải hướng về tương lai cả nhóm.”

Tương lai cả nhóm, Hawat nghĩ. Nhóm người Atreides. Có một ý nghĩa ở trong đó. Ông buộc mình hỏi câu hỏi mà ông đang trốn tránh.

“Ông có tin gì về Công tước hay con trai ngài không?”

Đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh nhìn chằm chằm vào Hawat. “Tin gì?”

“Số phận của họ!” Hawat cáu kỉnh.

“Mọi người đều chung một số phận,” người Fremen nói. “Người ta nói Công tước của ông đã tiếp nhận số phận ngài. Còn Lisan al-Gaib con trai ngài thì nằm trong tay Liet. Liet không nói gì cả.”

Ta đã biết câu trả lời mà không cần hỏi, Hawat nghĩ.

Ông liếc đám thuộc hạ ở phía sau. Lúc này tất cả bọn họ đều thức. Họ đã lắng nghe. Họ đang nhìn chăm chăm qua dải cát với nét mặt cho thấy họ hiểu rất rõ: không có đường cho họ quay trở về Caladan, còn bây giờ thì Arrakis cũng không còn nữa.

Hawat quay lại người Fremen. “Ông có biết tin gì về Duncan Idaho không?”

“Anh ta đang ở trong ngôi nhà lớn khi tấm chắn bảo vệ bị ngắt,” người Fremen nói. “Tôi chỉ nghe được có vậy... không hơn.”

Mụ ta đã ngắt tấm chắn bảo vệ và cho bọn Harkonnen vào, ông nghĩ. Ta là người luôn ngồi quay lưng ra cửa. Làm sao mụ có thể làm chuyện đó khi nó cũng có nghĩa là chống lại chính con cửa mình? Nhưng... ai mà biết một mụ phù thủy Bene Gesserit suy nghĩ thế nào chứ... nếu người ta có thể gọi đó là suy nghĩ?

Hawat cố nuốt nước bọt trong cổ họng khô khốc. “Khi nào ông sẽ biết tin tức về thằng bé?”

“Chúng tôi không biết gì nhiều về những chuyện xảy ra ở Arrakeen,” người Fremen nói. Ông ta nhún vai. “Ai biết được?”

“Ông có cách nào tìm ra không?”

“Có thể.” Người Fremen xoa xoa chiếc sẹo cạnh mũi. “Hãy cho tôi biết, Thufir Hawat, ông có kiến thức về những vũ khí hạng nặng bọn Harkonnen đã sử dụng chứ?”

Trọng pháo, Hawat cay đắng nghĩ. Ai mà đoán được bọn chúng lại sử dụng pháo trong thời đại tấm chắn này cơ chứ?

“Ông muốn nói loại pháo chúng đã sử dụng làm lính của chúng tôi mắc kẹt ở trong hang,” Hawat nói. “Tôi có kiến thức... lý thuyết về những vũ khí nổ như thế.”

“Bất cứ kẻ nào rút lui vào một cái hang chỉ có một lối vào thì đều đáng chết,” người Fremen nói.

“Tại sao ông hỏi về những vũ khí hạng nặng?”

“Liet muốn có chúng.”

Liệu đó có phải điều ông ta muốn tìm hiểu từ bọn ta? Hawat băn khoăn. Ông nói: “Có phải ông đến đây để tìm kiếm thông tin về những khẩu súng lớn?”

“Liet muốn có một trong các vũ khí hạng nặng.”

“Thì các anh cứ đi mà lấy một cái,” Hawat châm chọc.

“Có chứ,” người Fremen nói. “Chúng tôi lấy một cái rồi. Chúng tôi giấu nó ở nơi mà Stilgar có thể nghiên cứu cho Liet và Liet có thể đích thân xem xét nó nếu ông ấy muốn. Nhưng tôi không nghĩ là ông ấy sẽ muốn xem: vũ khí này không phải thứ tốt. Kiểu dáng tồi đối với Arrakis.”

“Các anh... lấy một cái rồi?” Hawat hỏi.

“Một trận chiến thật tuyệt,” người Fremen nói. “Chúng tôi chỉ mất hai thuộc hạ nhưng lại làm hơn một trăm người bọn chúng phải đổ nước.”

Quanh khẩu pháo nào cũng có bọn Sardaukar, Hawat thầm nghĩ. *Cái gã điên xứ sa mạc này nói ráo hoảnh về chuyện chỉ mất hai thuộc hạ trong cuộc chiến với bọn Sardaukar!*

“Giá như không có những kẻ khác chiến đấu bên cạnh bọn Harkonnen thì chúng tôi đã không mất hai người,” người Fremen nói. “Vài tên trong số chúng là những chiến binh cừ khôi.”

Một thuộc hạ của Hawat khập khiễng tiến lên, nhìn xuống người Fremen đang ngồi xổm trên cát. “Ông đang nói về quân Sardaukar phải không?”

“Ông ta đang nói về quân Sardaukar,” Hawat nói.

“Sardaukar!” người Fremen nói, dường như trong giọng toát lên niềm vui sướng. “Chà chà, thì ra bọn chúng là Sardaukar! Đây thực sự là một đêm tuyệt vời. Sardaukar. Quân đoàn nào vậy? Ông có biết không?”

“Chúng tôi... không biết,” Hawat nói.

“Sardaukar,” người Fremen trầm ngâm. “Tuy nhiên bọn chúng mặc trang phục Harkonnen. Điều đó không lạ sao?”

“Hoàng đế không muốn người ta biết ngài đang chống lại một Đại Gia tộc,” Hawat nói.

“Nhưng ông biết bọn chúng là Sardaukar.”

“Tôi là ai chứ?” Hawat chua chát hỏi.

“Ông là Thufir Hawat,” ông ta nói thân nhiên. “Được rồi, sớm muộn gì chúng tôi cũng sẽ biết thôi. Chúng tôi vừa gửi ba tên tù binh Sardaukar cho người của Liet thăm tra.”

Sĩ quan phụ tá của Hawat nói chậm rãi, vẻ hoài nghi lộ rõ trong từng lời: “Ông... *bắt được* quân Sardaukar?”

“Chỉ ba tên thôi,” người Fremen nói. “Bọn chúng đánh nhau cũng cừ.”

Giá như chúng ta có thời gian để liên kết với những người Fremen này, Hawat nghĩ. Đó là một lời than vãn chua chát trong đầu ông. Mẹ Vĩ đại ơi, giá như chúng ta có thể huấn luyện và trang bị vũ khí cho họ thì chúng ta đã có một lực lượng chiến binh cừ khôi đến cỡ nào!

“Có lẽ ông đang trì hoãn vì lo lắng cho Lisan al-Gaib,” người Fremen nói. “Nếu cậu bé thực sự là Lisan al-Gaib thì không gì có thể hại cậu ta. Đừng mất công suy nghĩ về một vấn đề chưa được chứng minh.”

“Tôi phục vụ... Lisan al-Gaib,” Hawat nói. “An toàn tính mạng của Người là mối quan tâm của tôi. Tôi nguyện xả thân mình vì điều đó.”

“Ông nguyện xả thân vì nước của Lisan al-Gaib?”

Hawat liếc sang tay sĩ quan phụ tá, anh ta vẫn đang nhìn chăm chăm vào người Fremen, rồi ông hướng về phía dáng người đang ngồi xổm. “Vì nước của Người, đúng thế.”

“Ông muốn quay trở về Arrakeen, đến nơi có nước của Người?”

“Đến... đúng thế, đến nơi có nước của Người.”

“Tại sao ông không nói ngay từ đầu đó là một vấn đề nước?” Người Fremen đứng lên, gấn chặt phích cắm vào mũi.

Hawat hất đầu ra hiệu cho sĩ quan phụ tá quay lại chỗ đám quân. Viên sĩ quan mệt mỏi nhún vai tuân lệnh. Hawat nghe thấy trong đám thuộc hạ có tiếng rì rầm bàn tán.

Người Fremen nói: “Luôn có một con đường đi đến nước.”

Đằng sau Hawat, một thuộc hạ chửi thề. Viên sĩ quan gọi: “Thufir! Arkie chết rồi.”

Người Fremen đặt một nắm tay lên tai. “Giao kèo nước! Đó là một dấu hiệu!”

Ông ta chăm chú nhìn Hawat. “Chúng tôi có một nơi tiếp nhận nước ở gần đây. Tôi gọi người của mình nhé?”

Viên sĩ quan quay lại đứng cạnh Hawat rồi nói: “Thufir ạ, có hai thuộc hạ để vợ lại Arrakeen. Họ... Ồ, ông biết chuyện đó là như thế nào tại một thời điểm như lúc này đây.”

Người Fremen vẫn để nắm tay ở tai. “Đây có phải một giao kèo nước

không Thufir Hawat?” ông ta hỏi.

Đầu óc Hawat làm việc liên tục như đang chạy đua. Lúc này ông đã cảm nhận được cái ngụ ý trong lời nói của người Fremen, nhưng ông sợ đám thuộc hạ mệt mỏi đứng dưới vòm đá sẽ phản ứng khi họ hiểu ra ngụ ý này.

“Một giao kèo nước,” Hawat nói.

“Hãy để người của chúng tôi tham gia,” người Fremen nói, hạ thấp nắm tay xuống.

Như thế đó là một tín hiệu, có bốn người vừa trượt vừa thả người xuống từ những tảng đá phía trên đầu họ. Họ lao xuống dưới vòm đá, cuộn người chết vào một chiếc áo choàng rộng thùng thình, kéo anh ta lên rồi bắt đầu vác cái xác chạy dọc theo bức tường đá về bên phải. Bụi cuốn mù mịt theo những bước chạy của họ.

Sự việc kết thúc trước khi đám thuộc hạ mệt mỏi của Hawat kịp trấn tĩnh. Nhóm người đó chạy một vòng trên vách đá, mang theo cái xác thông xuống như cái bao bọc trong chiếc áo choàng.

Một thuộc hạ của Hawat kêu lên: “Bọn họ mang Arkie đi đâu thế? Anh ta...”

“Họ mang anh ta đi... chôn,” Hawat nói.

“Người Fremen không chôn người chết!” anh ta quát lên. “Đừng có cố lừa bịp chúng tôi, Thufir. Chúng tôi biết họ đang làm cái gì. Arkie là người của...”

“Thiên đường chắc chắn dành cho người nào hy sinh vì phục vụ Lisan al-Gaib,” người Fremen nói. “Nếu các anh đang phục vụ chính Lisan al-Gaib như các anh vừa nói, thì tại sao phải cất tiếng khóc thương? Ký ức về người hy sinh cho mục đích cao cả này sẽ sống mãi chừng nào trí nhớ của con người còn tồn tại.”

Nhưng đám thuộc hạ của Hawat vẫn tiến lên, khuôn mặt giận dữ. Một người lính đoạt được khẩu súng lazer. Anh ta bắt đầu rút súng ra.

“Đứng nguyên tại chỗ!” Hawat quát. Ông cố nén nổi mệt mỏi đang siết chặt các cơ bắp. “Những người này kính trọng người chết của chúng ta. Tập quán khác nhau nhưng ý nghĩa giống nhau.”

“Bọn họ sẽ lọc xác Arkie ra để lấy nước,” người lính cầm súng gầm gừ.

“Có phải thuộc hạ của ông muốn tham dự buổi lễ?” người Fremen hỏi.

Thậm chí ông ta không nhìn ra vấn đề, Hawat nghĩ. Cái ngây thơ của người Fremen thật đáng sợ.

“Bọn họ lo lắng cho người bạn đáng kính,” Hawat nói.

“Chúng tôi sẽ đối xử với bạn các người bằng lòng tôn kính như đối xử với chính người của chúng tôi,” người Fremen nói. “Đây là giao kèo nước. Chúng tôi hiểu những nghi thức này. Xương thịt của một người là của chính anh ta; còn nước thì thuộc về bộ tộc anh ta.”

Hawat vội nói khi người lính cầm súng tiến thêm bước nữa. “Bây giờ thì ông sẽ giúp đỡ những người bị thương chứ?”

“Điều đã cam kết thì chẳng ai thắc mắc,” người Fremen nói. “Chúng tôi sẽ làm cho các vị điều mà một bộ tộc làm cho thành viên của chính họ. Đầu tiên, chúng tôi phải cho các vị mặc quần áo thích hợp và chăm lo những nhu cầu thiết yếu.”

Người lính cầm khẩu súng lazer ngáp ngừng.

Viên sĩ quan phụ tá của Hawat nói: “Chúng ta mua sự giúp đỡ của họ bằng... nước của Arkie phải không?”

“Không phải mua,” Hawat nói. “Chúng ta gia nhập những người này.”

“Tập quán khác nhau,” một thuộc hạ lầm bầm.

Hawat thở phào nhẹ nhõm.

“Và họ sẽ giúp chúng ta đến Arrakeen chứ?”

“Chúng tôi sẽ giết bọn Harkonnen,” người Fremen nói. Ông ta cười toe toét. “Và cả quân Sardaukar nữa.” Ông ta lùi lại, khum tay thành hình chén bên cạnh hai tai và nghiêng đầu về đằng sau lắng nghe. Ngay sau đó, ông ta hạ thấp tay xuống rồi nói: “Có tàu đến. Hãy trốn dưới tảng đá kia, ngồi yên đó.”

Hawat ra hiệu và đám thuộc hạ tuân lệnh.

Người Fremen nắm lấy cánh tay Hawat, ép ông quay lại phía sau với những người khác. “Chúng tôi sẽ đánh trận này,” ông ta nói. Ông ta lần xuống dưới chiếc áo choàng, rút ra một chiếc lồng nhỏ, lấy ra một con vật. Hawat nhận ra một con dơi nhỏ xíu. Con dơi quay đầu lại, và Hawat nhìn thấy một đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh.

Người Fremen vuốt ve con dơi, nựng nịu nó, hát khe khẽ với nó. Ông ta uốn cong đầu con vật lên trên, cho một giọt nước bọt từ miệng ông rơi xuống cái miệng đang chĩa lên của nó. Con dơi giang cánh nhưng vẫn đậu trên bàn tay để mở cửa người Fremen. Ông ta lấy một chiếc ống bé xíu, gài vào bên đầu con dơi rồi nói liên tục một hồi vào chiếc ống; sau đó ông ta nâng con vật lên cao, tung nó lên trời.

Con dơi bổ nhào xuống cạnh vách đá rồi mất hút khỏi tầm nhìn.

Người Fremen gập chiếc lồng lại, nhét vào dưới áo choàng. Lại một lần nữa, ông ta cúi đầu nghe ngóng. “Bọn chúng lùng sục khắp vùng cao,” ông ta nói. “Chả biết bọn chúng tìm kiếm ai ở đó.”

“Chúng biết chúng tôi rút lui theo hướng này,” Hawat nói.

“Đừng bao giờ cho rằng mình là đối tượng duy nhất của một cuộc săn

lùng,” người Fremen nói. “Hãy quan sát phía khác của vùng trũng. Ông sẽ thấy một thứ.”

Thời gian dần trôi.

Vài thuộc hạ của Hawat ngọ nguậy, thì thầm.

“Im lặng như những con thú đang sợ hãi đi,” người Fremen rít lên.

Hawat nhận ra có sự chuyển động gần vách đá đối diện - những vệt mờ màu nâu vàng trên nền nâu vàng bay vụt qua.

“Người bạn nhỏ của tôi mang tin đi đấy,” người Fremen nói. “Nó là một người đưa tin giỏi - ngày cũng như đêm. Tôi sẽ rất buồn nếu để mất nó.”

Con vật bay qua vùng sink rồi mờ dần. Trên toàn bộ dải cát rộng cỡ bốn đến năm ki lô mét tuyệt không có gì khác ngoài trừ sức ép ngày một tăng của cái nóng ban ngày - những cột không khí đi lên mờ mờ.

“Giờ thì hãy im lặng tuyệt đối,” người Fremen thì thầm.

Một hàng người hiện ra từ một kẽ nứt trong vách đá đối diện, lê bước tiến thẳng ngang qua sink. Với Hawat, họ có vẻ là người Fremen, nhưng là một nhóm người vụng về đến kỳ quặc. Ông đếm được sáu người nặng nề lê bước trên những đụn cát.

Có tiếng kêu “túc túc” của cánh tàu chim vọng từ trên cao phía bên phải nhóm Hawat. Con tàu bay đến bức tường đá bên trên họ - một con tàu của Gia tộc Atreides được trang trí màu sắc chiến trận Harkonnen. Con tàu bổ nhào về phía toán người đang đi qua sink.

Toán người đứng lại trên đỉnh một đụn cát, vẫy tay.

Con tàu lượn một vòng trên đầu họ theo một đường cong hẹp, rồi quay lại bãi đáp phủ bụi ở phía trước đám người Fremen. Từ con tàu có năm người đi xuống, và Hawat nhìn thấy ánh lấp lánh mờ mờ ngăn bụi của

những tấm chắn bảo vệ, và, dựa vào cách di chuyển của họ, cái vẻ thiện chiến rắn chắc của quân Sardaukar.

“Chà chà! Bọn chúng dùng những tấm chắn ngu ngốc,” người Fremen bên cạnh Hawat khẽ nói bằng giọng giận dữ. Ông ta liếc về phía bức tường trơ trụi phía Nam sink.

“Bọn chúng là Sardaukar,” Hawat thì thầm.

“Tốt.”

Bọn Sardaukar dàn thành hàng rào nửa vòng tròn, tiến đến gần nhóm người Fremen đang đứng đợi. Ánh mặt trời lấp lánh trên những thanh kiếm bọn chúng cầm lăm lăm trên tay. Đám người Fremen đứng sát bên nhau, nhìn bề ngoài có vẻ thờ ơ.

Bất ngờ, một toán người Fremen đội cát trời dậy xung quanh hai nhóm. Họ tiến lại phía chiếc tàu, sau đó thì vào trong tàu. Nơi nhóm Fremen và quân Sardaukar gặp nhau tại đỉnh đụn cát, cát bụi tung lên mù mịt che khuất phần nào cuộc giao tranh dữ dội.

Ngay sau đó, bụi lắng xuống. Chỉ có người Fremen vẫn còn đứng.

“Bọn chúng chỉ để lại ba người trên tàu,” người Fremen bên cạnh Hawat nói. “Thật là may. Tôi không nghĩ là chúng tôi phải làm hỏng con tàu trong khi chiếm lấy nó.”

Đằng sau Hawat, một thuộc hạ thì thầm: “Những tên đó là Sardaukar!”

“Ông có để ý thấy chúng đánh nhau cừ thế nào không?” người Fremen hỏi.

Hawat hít một hơi sâu. Ông ngửi thấy mùi bụi bị thiêu đốt xung quanh mình, cảm thấy sức nóng, độ khô hanh. Bằng một giọng nói cũng khô như thế, ông nói: “Đúng thế. Quả thực bọn chúng chiến đấu rất cừ.”

Con tàu bị người Fremen chiếm võ cánh mềm mại như chim, vừa nâng

mình thẳng lên trên vừa gấp cánh vào rồi bay vút về phía Nam.

Thì ra những người Fremen này cũng điểu khiển được tàu, Hawat nghĩ.

Trên đụn cát phía xa, một người Fremen vẫy một mảnh vải hình vuông màu xanh: một lần... hai lần.

“Chúng đến nữa đấy!” người Fremen bên cạnh Hawat quát. “Hãy sẵn sàng. Tôi cứ hy vọng chúng ta sẽ ra khỏi đây mà không có thêm phiền phức nào nữa.”

Phiền phức! Hawat nghĩ.

Ông thấy ở phía Tây có thêm hai con tàu nữa từ trên cao bổ nhào xuống một vùng cát nơi đột nhiên không còn bóng dáng người Fremen nào nữa. Chỉ còn tám mảng màu xanh - tám thi thể lính Sardaukar mặc trang phục Harkonnen - vẫn nằm lại trên khung cảnh khốc liệt đó.

Một con tàu khác lướt đi trên bức tường đá bên trên Hawat. Ông thành công hít vào một hơi khi thấy con tàu - một tàu chở quân lớn. Nó bay chậm, dang rộng cánh với cái vẻ nặng nề vì chở quá đầy, như một con chim khổng lồ trên đường về tổ.

Ở đằng xa, một tia sáng của súng laze có hình ngón tay màu đỏ tía bật ra từ một trong các con tàu đang bổ xuống. Nó quét ngang mặt cát, làm hằn lên một lần bụi rõ mồn một.

“Lũ hèn!” người Fremen bên cạnh Hawat nói giọng the thé.

Chiếc tàu chở quân chao xuống về phía khoảng cát có những cái xác mặc đồ xanh. Những chiếc cánh của nó trườn ra hết cỡ, bắt đầu động tác khum xuống để đổ gấp xuống.

Hawat chú ý tới một ánh mặt trời lóe sáng trên kim loại ở phía Nam, một con tàu chim đang chúi xuống đó bằng động tác bổ nhào mạnh mẽ, cánh gấp khít lại hai bên sườn, những tia lửa nó phụt ra trở thành một luồng sáng màu vàng nổi bật trên nền trời xám sẫm như bạc. Nó lao như tên

bắn về phía chiếc tàu chở quân vốn không được che chắn vì đang trong phạm vi hoạt động của súng lazer. Con tàu đang bổ xuống kia lao thẳng vào chiếc tàu chở quân.

Một tiếng gầm tóe lửa làm rung động vùng lòng chảo. Đá đổ rầm rầm từ những vách đá khắp xung quanh. Một cột lửa màu đỏ cam phụt thẳng lên trời từ trắng cát nơi tàu chở quân và các tàu chim hộ tống vừa ở đó - mọi thứ chìm trong lửa.

Chính người Fremen đã cất cánh trên con tàu chim bị chiếm ấy, Hawat nghĩ. Anh ta chủ ý hy sinh để hạ chiếc tàu chở quân kia. Mẹ Vĩ đại ơi! Những người Fremen này thật ra là gì vậy chứ?

“Một cuộc trao đổi hợp lý,” người Fremen bên cạnh Hawat nói. “Trên tàu đó ắt phải có tới ba trăm người. Giờ thì chúng ta phải đi lấy nước của họ và lập kế hoạch chiếm một tàu khác.” Ông ta bắt đầu ra khỏi nơi họ trú ẩn này giờ dưới bóng những tảng đá.

Một cơn mưa những bộ đồng phục màu xanh dương nhô lên trên bức tường đá trước mặt ông, rơi xuống với tốc độ chậm chậm của trường hấp dẫn treo thấp. Trong khoảnh khắc chớp nhoáng ấy, Hawat vẫn đủ thì giờ nhận ra đó là quân Sardaukar, những khuôn mặt rắn đanh chìm trong cơn điên cuồng chiến trận, nhận ra chúng không có tấm chắn bảo vệ và tên nào cũng tay cầm dao, tay cầm súng bắn phi tiêu.

Một con dao ném ra cắm thẳng vào hông người Fremen bên cạnh Hawat khiến ông ta bật lộn ra sau, mặt bẻ quặt xuống đất. Hawat chỉ vừa rút dao ra thì cái màn đen của một phi tiêu tẩm độc đã quật ông ngã gục.

Muad'Dib thực sự có thể thấy trước Tương lai, nhưng chúng ta phải hiểu những giới hạn của năng lực đó. Chẳng hạn hãy nghĩ đến thị giác. Chúng ta có mắt, tuy nhiên không thể thấy gì nếu thiếu ánh sáng. Nếu đứng ở đáy thung lũng, ta không thể nhìn vượt ra ngoài thung lũng. Cũng vậy, Muad'Dib không thể lúc nào cũng lựa chọn cách nhìn xuyên qua địa hình bí ẩn. Người bảo chúng tôi rằng chỉ cần một quyết định tiên tri mơ hồ, có lẽ chẳng qua chỉ là lựa chọn từ này chứ không phải từ khác, cũng có thể thay đổi toàn bộ diện mạo của tương lai. Người bảo chúng tôi: “Khả năng nhìn vượt thời gian là rộng lớn, nhưng khi ta đã xuyên qua nó, thời gian sẽ trở thành cánh cửa hẹp.” Và Người luôn đấu tranh chống lại sự cám dỗ lựa chọn một hướng đi an toàn, sáng sủa; Người cảnh báo: “Con đường đó chỉ càng dẫn dắt vào ngõ cụt.”

- trích “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

Khi những chiếc tàu chim từ trong bóng đêm bay ra lướt trên đầu họ, Paul chộp tay mẹ, nói nhanh: “Đừng động đây!”

Rồi cậu thấy chiếc tàu dẫn đầu dưới ánh trăng, thấy cách nó cụp cánh vào để hãm tốc độ nhằm hạ cánh, thấy sự quyết đoán liều lĩnh của đôi tay điều khiển.

“Idaho đây,” cậu thở phào.

Chiếc tàu cùng đoàn hộ tống hạ xuống vùng lòng chảo như một bầy chim về tổ. Bụi chưa lắng xuống thì Idaho đã ở bên ngoài tàu và chạy về phía họ. Hai đáng người mặc áo choàng Fremen theo sau anh ta. Paul nhận ra một người: vị Kynes đáng người cao, có bộ râu màu cát.

“Lỗi này!” Kynes gọi rồi quay sang trái.

Đằng sau Kynes, những người Fremen khác đang ném vãi trùn lên các con tàu. Đoàn tàu biến thành một dãy đụn cát thấp.

Idaho trượt tới trước mặt Paul rồi dừng lại, giơ tay chào. “Bẩm Chúa

công, người Fremen có một nơi trú ẩn tạm thời gần đây, ở đó ta có thể...”

“Còn đằng kia thì sao?”

Paul trở về quang cảnh ác liệt phía trên vách đá đằng xa - những luồng lửa, những tia laze màu tía quất ngang sa mạc.

Một nụ cười hiếm hoi thấp thoáng trên khuôn mặt tròn, điềm tĩnh của Idaho. “Bẩm Chúa công, tôi đã để lại cho họ một ít...”

Ánh sáng trắng chói lòa ngập tràn sa mạc - sáng như mặt trời, tạc bóng họ như lên nền gờ đá. Bằng một động tác chớp nhoáng, một tay nắm tay Paul, tay kia nắm vai Jessica, Idaho lôi họ rời khỏi thềm đá xuống sâu trong lòng chảo. Họ ngã sóng soài trên cát khi một tiếng nổ gầm vang như sấm trên đầu. Sóng xung kích của nó khiến đá từ gờ đá nơi họ vừa đứng rơi lả tả.

Idaho ngồi dậy, phủi cát khỏi người.

“Không phải nguyên tử của gia tộc ta,” Jessica nói. “Tôi nghĩ...”

“Các anh đã đặt một tấm chắn ở đằng đó,” Paul nói.

“Một tấm chắn lớn được kích hoạt với sức mạnh tối đa,” Idaho nói. “Một tia súng laze chạm phải nó và...” Anh ta nhún vai.

“Phản ứng tổng hợp hạ nguyên tử,” Jessica nói. “Đó là một vũ khí nguy hiểm.”

“Không phải vũ khí, thưa Lệnh bà, mà là công cụ bảo vệ. Lần sau thì đồ cặn bã đó sẽ phải nghĩ hai lần trước khi dùng súng laze.”

Những người Fremen bước ra từ các tàu chim dừng lại phía trên họ. Một người thấp giọng đề nghị: “Chúng ta nên tìm chỗ ẩn núp, các bạn ạ.”

Paul đứng dậy trong khi Idaho giúp Jessica đứng lên.

“Cú nổ đó nhất định sẽ khiến nhiều người chú ý, thưa Chúa công,” Idaho nói.

Chúa công, Paul nghĩ.

Cái từ đó nghe thật kỳ lạ khi người ta dùng để xưng hô với cậu. Xưa nay Chúa công luôn là cha cậu.

Cậu cảm thấy bị năng lực tiên tri của mình tác động trong một khoảnh khắc, cảm nhận chính mình bị nhiễm cái ý thức giống nòi hoang dã đang khiến vũ trụ loài người tiến tới chỗ hỗn loạn. Thị kiến đó khiến cậu rúng động, và cậu để mặc cho Idaho dẫn đi dọc mép lòng chảo đến một chỗ đá nhô ra. Những người Fremen ở đó đang dùng dụng cụ nén mở một lối đi sâu xuống cát.

“Tôi mang ba lô hộ ngài nhé, thưa Chúa công?” Idaho hỏi.

“Không nặng đâu Duncan ạ,” Paul nói.

“Ngài không có tấm chắn hộ thân,” Idaho nói. “Ngài muốn dùng tấm của tôi không?” Anh liếc nhìn vách đá đằng xa. “Có lẽ chúng sẽ không bắn súng laze nữa đâu.”

“Cứ giữ tấm chắn của anh đi, Duncan. Cánh tay phải của anh đủ làm tấm chắn cho ta rồi.”

Jessica nhận thấy lời khen đó có hiệu quả như thế nào, thấy Idaho nhích lại gần Paul hơn, và nàng nghĩ: *Trong đám người này, con ta nhận được một bàn tay chắc chắn biết bao.*

Người Fremen dịch tảng đá chắn ra để lộ lối đi dẫn xuống một khu liên hợp hầm tự nhiên của sa mạc. Một bụi cây ngụy trang được trang bị tại lối vào.

“Đường này,” một người Fremen nói, dẫn cả đoàn bước xuống những bậc đá vào trong bóng tối.

Đằng sau họ, bụi cây ngụy trang che mờ ánh trăng. Một ánh sáng xanh lơ mờ hiện ra ở phía trước, làm lộ ra những bậc đá và tường đá, một lối rẽ về phía trái. Lúc này những người Fremen mặc áo choàng đứng khắp xung quanh họ, xúm xít đi xuống dưới. Họ vòng qua góc rẽ, nhận thấy một lối đi xiên xuống khác. Nó dẫn vào một khoang hang gỗ ghề.

Kynes đứng trước họ, mũ trùm đầu hất ra đằng sau. Cổ áo sa phục lấp lánh trong ánh sáng xanh. Mái tóc dài và bộ râu rối bù. Đôi mắt chỉ một màu xanh là hai cái hốc tối ngòm dưới hàng lông mày rậm.

Trong khoảnh khắc chạm trán, Kynes tự hỏi: *Tại sao ta lại giúp đỡ những người này? Đây là việc nguy hiểm nhất ta từng làm. Nó có thể khiến ta chết cùng họ.*

Rồi ông nhìn trực diện Paul, quan sát cậu bé vừa đảm nhận vai trò người trưởng thành, cậu ta đang che giấu nỗi đau thương, đang đè nén mọi thứ ngoại trừ cái địa vị phải được tiếp nhận trong lúc này - địa vị công tước. Và trong khoảnh khắc đó Kynes nhận ra địa vị công tước vẫn đang tồn tại và chỉ tồn tại vì cậu bé này - và đây không phải chuyện có thể khinh suất.

Jessica nhìn lướt qua khoang hang động, ghi nó vào giác quan theo phương pháp Bene Gesserit - một phòng thí nghiệm, một khu vực dân sự đầy những góc và hình vuông kiểu cổ.

“Đây là một trong những Trạm Nghiên cứu Sinh thái học Đế quốc mà cha tôi từng ao ước có để làm căn cứ tiên phong,” Paul nói.

Cha cậu bé từng muốn! Kynes nghĩ.

Lại một lần nữa Kynes tự hỏi: *Ta có ngu ngốc không khi giúp đỡ những kẻ trốn chạy này? Tại sao ta lại giúp họ? Giờ mà muốn bắt giữ họ để mua lòng tin của bọn Harkonnen thì thật quá dễ dàng.*

Paul theo gương mẹ, nghiên cứu kỹ căn phòng, nhìn thấy chiếc bàn làm việc đặt ở một bên, những bức tường đá cái nào cũng giống cái nào.

Dụng cụ xếp thành hàng trên chiếc ghế dài - những phím phát sáng, các gridex plane bằng dây kim loại với những cái vòi thủy tinh có rãnh thò ra. Mùi ô zôn tràn ngập nơi này.

Vài người Fremen rẽ vào một góc khuất trong khoang và những âm thanh mới bắt đầu vang lên ở đó - máy móc kêu khục khặc, những dây cua roa và bộ đa truyền động xoay tròn rít lên the thé.

Paul nhìn về phía cuối căn phòng, thấy có những chiếc lồng nhốt các con thú nhỏ xếp thành chồng tựa vào tường.

“Cậu vừa nhận ra chính xác nơi này,” Kynes nói. “Cậu sẽ làm gì với một nơi như thế này, Paul Atreides?”

“Cải tạo hành tinh này cho phù hợp với con người,” Paul nói.

Có lẽ đó chính là lý do ta giúp họ, Kynes nghĩ.

Tiếng máy móc đột ngột nhỏ dần rồi im hẳn. Thay vào đó là tiếng loài vật kêu chín chít nho nhỏ từ phía những chiếc lồng. Tiếng kêu ngừng lại đột ngột như thể trong cơn bối rối.

Paul lại chú ý vào những chiếc lồng, nhận ra giống vật ở trong đó là những con dơi cánh nâu. Một máng ăn tự động kéo dài từ tường bên ngang qua những chiếc lồng.

Một người Fremen hiện ra từ chỗ khuất trong khoang, nói với Kynes: “Thưa Liet, máy phát trường không hoạt động. Tôi không thể che giấu chúng ta khỏi các máy dò.”

“Anh có sửa được không?” Kynes hỏi.

“Không sửa nhanh được. Những bộ phận...” Người Fremen nhún vai.

“Được rồi,” Kynes nói. “Vậy chúng ta sẽ làm mà không cần máy móc. Lấy một cái bơm tay để bơm khí ra ngoài bề mặt.”

“Tôi làm ngay đây.” Người Fremen vội vã đi ra.

Kynes lại quay sang Paul. “Cậu đã đưa ra một câu trả lời xuất sắc.”

Jessica chú ý đến âm thanh trầm sâu dễ chịu trong giọng Kynes. Đó là giọng nói *hoàng gia*, vốn chỉ quen ra lệnh. Và nàng cũng không quên người ta đã nhắc đến ông ta như là Liet. Liet là bản ngã thứ hai của người Fremen này, một gương mặt khác của nhà hành tinh học để bảo này.

“Chúng tôi rất biết ơn các ông đã giúp đỡ, Tiến sĩ Kynes ạ,” nàng nói.

“Hừm, chúng ta cứ chờ xem,” Kynes nói. Ông gật đầu với một thuộc hạ. “Mang cà phê hương được vào phòng tôi, Shamir.”

“Có ngay, thưa Liet,” tay thuộc hạ nói.

Kynes chỉ vào một lối đi hình vòm mở ra từ vách khoang. “Quý vị vui lòng qua bên này chứ?”

Jessica cho phép mình gật đầu một cách vương giả trước khi chấp nhận. Nàng thấy Paul vẫy tay ra hiệu cho Idaho, bảo anh ta cắt đặt đội bảo vệ ở đây.

Lối đi này xuống sâu hai bước, dẫn tới cánh cửa nặng trĩu mở vào một căn phòng hình vuông được những quả đèn cầu màu vàng chiếu sáng. Jessica lướt tay qua cánh cửa khi đi vào, giật mình nhận ra cửa làm bằng thép dẻo.

Paul bước ba bước vào căn phòng, thả ba lô xuống sàn nhà. Cậu nghe thấy tiếng cửa đóng lại đằng sau mình, quan sát căn phòng - mỗi cạnh khoảng tám mét, tường bằng đá tự nhiên, màu cà ri, bị chia cắt bởi những chiếc tủ kim loại xếp thành hàng phía bên phải họ. Một chiếc bàn thấp có mặt kính màu trắng sữa đầy những hình bong bóng màu vàng chiếm cứ giữa căn phòng. Bốn chiếc ghế treo vòng quanh bàn.

Kynes đi vòng qua Paul, kéo một ghế cho Jessica. Nàng ngồi xuống, để ý cách con trai mình quan sát căn phòng.

Paul vẫn đứng thêm khoảng một nháy mắt nữa. Một cái gì đó không bình thường thoang thoảng trong luồng không khí của căn phòng nói với cậu rằng có một lối ra bí mật phía bên phải họ, sau dãy tủ.

“Cậu cũng ngồi xuống chứ, Paul Atreides?” Kynes hỏi.

Ông ta thật cẩn thận khi tránh nhấc đến tước vị của ta, Paul nghĩ. Nhưng cậu chấp nhận chiếc ghế, vẫn im lặng trong lúc Kynes ngồi xuống.

“Cậu cảm thấy Arrakis có thể là một thiên đường,” Kynes nói. “Tuy nhiên, như cậu thấy đây, Đế quốc chỉ phái đến đây những kẻ đam mê chém mướn được huấn luyện, những kẻ săn lùng hương dục!”

Paul giơ ngón tay cái đeo chiếc nhẫn có ấn công tước lên. “Ông có nhìn thấy chiếc nhẫn này không?”

“Có.”

“Ông có biết ý nghĩa của nó không?”

Jessica quay phắt lại nhìn chăm chăm vào con trai.

“Cha cậu đang nằm chết trong đống đổ nát của Arrakeen,” Kynes nói. “Nói theo nghĩa chính xác thì bây giờ cậu là Công tước.”

“Tôi là một người lính của Đế quốc,” Paul nói, *“nói theo nghĩa chính xác là một kẻ đam mê chém mướn.”*

Khuôn mặt Kynes tối sầm lại. “Ngay cả khi quân Sardaukar của Hoàng đế đứng trên xác cha cậu sao?”

“Quân Sardaukar là một chuyện, còn nguồn gốc quyền lực hợp pháp của tôi là chuyện khác,” Paul nói.

“Arrakis có cách thức riêng để xác định ai là người mặc chiếc áo quyền lực,” Kynes nói.

Và Jessica quay lại nhìn Kynes, thầm nghĩ: *Trong con người này có một sự sắt đá mà không ai có thể làm mất đi độ cứng... và chúng ta cần sự sắt đá. Paul đang làm một việc nguy hiểm.*

Paul nói: “Quân Sardaukar trên Arrakis là một thước đo cho thấy Hoàng đế kính mến của chúng ta sợ cha tôi như thế nào. Bây giờ, *chính tôi* sẽ khiến cho Hoàng đế Padishah có những lý do để sợ...”

“Cậu bé,” Kynes nói, “có những chuyện mà cậu không...”

“Ông hãy gọi tôi là Chúa công hoặc Tướng công,” Paul nói.

Thật nhẹ nhàng, Jessica nghĩ.

Kynes nhìn Paul chăm chăm, và Jessica để ý thấy vẻ ngưỡng mộ trên khuôn mặt của nhà hành tinh học, thoáng chút hóm hỉnh ở đó.

“Vâng, thưa Chúa công,” Kynes nói.

“Ta là người khiến Hoàng đế phải lo lắng,” Paul nói. “Ta là người khiến tất cả những ai muốn chia chác Arrakis như là chiến lợi phẩm phải lo lắng. Chừng nào ta còn sống, nhất định ta vẫn tiếp tục là nỗi lo ấy, cái nỗi lo siết chặt cổ họng họ khiến họ tắc thở cho đến chết!”

“Toàn lời sưng,” Kynes nói.

Paul nhìn ông ta chăm chăm. Ngay sau đó, Paul nói: “Ở đây các người có một truyền thuyết về Lisan al-Gaib, Giọng nói Từ Thế giới Bên Ngoài, người sẽ dẫn dắt dân Fremen tới thiên đường. Thuộc hạ của ông có...”

“Thật mê tín!” Kynes nói.

“Có thể mê tín,” Paul đồng ý. “Mà cũng có thể không. Đôi khi sự mê tín

có những gốc rễ kỳ lạ và những cành nhánh còn kỳ lạ hơn,” Paul nói.

“Ngài có một kế hoạch,” Kynes nói. “Điều này quá rõ ràng... *thưa Chúa công.*”

“Người Fremen của ông có thể cung cấp cho tôi bằng chứng xác thực rằng quân Sardaukar ở đây mặc đồng phục Harkonnen không?”

“Có thể lắm.”

“Hoàng đế sẽ đặt một tên Harkonnen vào chiếc ghế quyền lực ở đây,” Paul nói. “Thậm chí có thể là Rabban Thú dữ. Cứ mặc kệ ông ta. Một khi Hoàng đế đã nhúng tay vào đến mức không còn thoát tội được thì cứ để ông ta đối mặt với Dự luật Đặc biệt có thể được đưa ra trước Landsraad. Hãy để ông ta trả lời ở đó, nơi mà...”

“Paul!” Jessica nói.

“Cứ cho là Hội đồng Cấp cao Landsraad tiếp nhận vụ kiện của ngài đi nữa,” Kynes nói, “việc đó chỉ có thể dẫn đến một kết quả: chiến tranh tổng lực giữa Đế quốc và các Đại Gia tộc.”

“Hỗn loạn,” Jessica nói.

“Nhưng ta sẽ trình vụ kiện lên Hoàng đế,” Paul nói, “và trao cho ông ta một giải pháp khác ngoài sự hỗn loạn.”

Jessica nói khô khốc: “Tổng tiền?”

“Một trong những công cụ của thuật trị quốc, như chính mẹ từng nói,” Paul nói, và Jessica nghe thấy sự gay gắt trong giọng cậu. “Hoàng đế không có con trai mà chỉ có con gái.”

“Con nhắm đến ngai vàng ư?” Jessica hỏi.

“Hoàng đế sẽ không mạo hiểm đẩy Đế quốc vào cảnh tan hoang do

chiến tranh toàn diện,” Paul nói. “Những hành tinh bị tàn phá, đâu đâu cũng toàn là hỗn loạn - ông ta sẽ không mạo hiểm như thế.”

“Cái Chúa công đề xuất là một canh bạc mạo hiểm,” Kynes nói.

“Các Đại Gia tộc trong Landsraad sợ gì nhất nào?” Paul hỏi. “Họ sợ nhất những gì đang xảy ra ở đây, ngay lúc này, trên Arrakis - quân Sardaukar đang ngấm tĩa bọn họ từng người, từng người một. Chính vì vậy mới có Landsraad. Đây là chất keo gắn kết của Đại Hiệp định. Chỉ liên minh lại thì bọn họ mới ngang tài ngang sức với quân đội của Đế quốc.”

“Nhưng họ...”

“Đây là điều họ sợ,” Paul nói. “Arrakis sẽ toàn tiếng khóc than. Mỗi người trong bọn họ sẽ nhìn thấy chính mình trong cha ta - bị tách khỏi nhóm và bị giết.”

Kynes nói với Jessica: “Kế hoạch của Chúa công sẽ hiệu quả chứ?”

“Tôi không phải Mentat,” Jessica nói.

“Nhưng Lệnh bà là Bene Gesserit.”

Nàng nhìn chằm chằm thăm dò ông ta, rồi nói: “Kế hoạch của nó có điểm hay và điểm dở... bất kỳ kế hoạch nào cũng đều vậy cả. Kế hoạch thành công hay không tùy thuộc vào sự thực thi cũng chẳng kém gì so với tùy thuộc vào cái ý tưởng xây nên nó.”

“ ‘Luật pháp là môn khoa học tối hậu,’ ” Paul trích dẫn. “Trên cửa phòng Hoàng đế ghi như vậy. Ta dự định cho ông ta thấy luật pháp.”

“Tôi thì không chắc mình có thể tin cậy ở con người đã nảy ra cái kế hoạch này,” Kynes nói. “Arrakis có kế hoạch riêng mà chúng tôi...”

“Khi đã ngồi lên ngai vàng, ta có thể vẫy tay một cái là biến Arrakis thành thiên đường,” Paul nói. “Đây là cái đồng bạc ta sẽ trả cho sự ủng hộ của ông.”

Kynes cứng người lại. “Lòng trung thành của tôi không phải để mua bán, *thưa Chúa công.*”

Paul nhìn chằm chằm Kynes ở phía bên kia bàn, bắt gặp cái nhìn lạnh giá của đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh, sẫm soi khuôn mặt râu ria và phong thái uy quyền đó. Một nụ cười gằn xuất hiện trên môi Paul, cậu đáp: “Nói hay lắm. Ta xin lỗi.”

Kynes bắt gặp ánh mắt Paul, và nói ngay: “Chưa một gã Harkonnen nào chịu thừa nhận sai lầm. Có lẽ ngài không như họ, Atreides ạ.”

“Đó có thể là một sai lầm trong cách giáo dục của họ,” Paul nói. “Ông nói ông không phải kẻ để mua hay bán, nhưng ta tin ta có cái đồng bạc mà ông sẽ nhận. Để đổi lấy lòng trung thành của ông, ta trao lòng trung thành của ta cho ông... trọn vẹn.”

Con ta có sự trung thực của nhà Atreides, Jessica nghĩ. Nó có cái phẩm giá đặc biệt, gần như hồn nhiên đó, và điều này thực sự là một sức mạnh to lớn biết bao.

Nàng thấy lời Paul nói đã khiến Kynes rúng động.

“Thật vớ vẩn,” Kynes nói. “Ngài chỉ là một đứa trẻ và...”

“Ta là Công tước,” Paul nói. “Ta là người của gia tộc Atreides. Chưa người Atreides nào cam kết như vậy rồi lại nuốt lời.”

Kynes nuốt nước bọt.

“Khi ta nói ‘một cách trọn vẹn’, ý ta muốn nói là hoàn toàn không so đo tính toán. Ta sẽ hy sinh tính mạng vì ông.”

“Chúa công!” Kynes nói, và dù chữ đó khó khăn lắm mới bật ra được, nhưng Jessica nhận thấy giờ đây không phải ông đang nói với một cậu bé mười lăm tuổi mà với một người trưởng thành, một người trên. Giờ thì Kynes thực sự muốn nói lên từ đó với đầy đủ ý nghĩa của nó.

Trong khoảnh khắc này ông ta sẽ dâng mạng sống cho Paul, nàng nghĩ. Làm sao nhà Atreides có được điểu đó nhanh chóng đến thế, dễ dàng đến thế?

“Tôi hiểu ý Chúa công,” Kynes nói. “Nhưng bọn Harkon...”

Cánh cửa sau lưng Paul mở sầm ra. Cậu quay phắt lại thì thấy cảnh hỗn chiến quay cuồng - tiếng la hét, sắt thép chạm nhau chan chát, những khuôn mặt trắng bệch như sáp nhả nhó trong hành lang.

Cùng với mẹ bên cạnh, Paul lao về phía cửa, thấy Idaho đứng chắn hành lang, cặp mắt ngầu máu của anh hiện rõ mồn một qua tấm chắn mờ, những bàn tay móng vuốt không chạm được vào anh, những lưỡi thép hình vòng cung bổ một cách vô ích vào tấm chắn. Cái mồi lửa màu cam của một súng phi tiêu bị tấm chắn đẩy bật ra. Lưỡi gươm của Idaho đâm xuyên qua tất cả, vung lên loang loáng, nhuộm ra máu đỏ.

Rồi Kynes đến bên Paul và họ dùng sức nặng thân mình tấn chặt cửa.

Paul còn kịp thoáng thấy Idaho lần cuối, thấy anh đương đầu với một bầy lốc nhốc những bộ đồng phục Harkonnen - dáng đứng loạng choạng giật cục đầy kiêu chế của anh, mái tóc như lông dê đen nhánh với cái chết đỏ lờm bùng nổ trên đó. Rồi cửa đóng lại và có tiếng tách khi Kynes cài then cửa.

“Có vẻ như tôi đã quyết định rồi,” Kynes nói.

“Có ai đó đã phát hiện ra thiết bị của ông trước khi nó ngừng hoạt động,” Paul nói. Cậu kéo mẹ tránh xa cánh cửa, nhìn thấy nỗi tuyệt vọng trong mắt mẹ.

“Lẽ ra tôi nên ngờ là có chuyện không hay khi cà phê không được mang tới,” Kynes nói.

“Ông có một lối thoát hiểm ra khỏi đây,” Paul nói. “Chúng ta sẽ sử dụng nó chứ?”

Kynes hít một hơi sâu rồi nói: “Cánh cửa này có thể chống đỡ được mọi sức công phá ít nhất là trong hai mươi phút, chỉ cần không có súng laze.”

“Bọn chúng sẽ không sử dụng súng laze vì sợ chúng ta đặt sấn tấm chắn bảo vệ ở phía bên này,” Paul nói.

“Bọn chúng là quân Sardaukar mặc đồng phục Harkonnen,” Jessica thì thầm.

Giờ thì họ có thể nghe thấy tiếng phá cửa, những tiếng nện nhịp nhàng.

Kynes chỉ vào dây tử tủa vào bức tường bên tay phải rồi nói: “Lối này.” Ông bước tới cái tử đầu tiên, mở một ngăn kéo, khéo léo điều chỉnh tay cầm bên trong. Toàn bộ vách của những chiếc tử mở ra để lộ một miệng hầm tối om. “Cánh cửa này cũng làm bằng thép dẻo,” Kynes nói.

“Ông chuẩn bị thật chu đáo,” Jessica nói.

“Chúng tôi sống dưới thời Harkonnen tám mươi năm rồi,” Kynes nói. Ông hướng họ đi vào trong bóng tối rồi đóng cửa lại.

Trong vùng tối đột ngột, Jessica nhìn thấy một mũi tên tỏa sáng trên nền đường hầm trước mặt nàng.

Giọng Kynes phát ra đằng sau họ: “Chúng ta sẽ tách nhau ra ở đây. Bức tường này rất chắc chắn. Nó sẽ trụ vững trong ít nhất một tiếng đồng hồ. Hãy đi theo những mũi tên giống mũi tên trên nền kia. Chúng sẽ chỉ đường đi cho hai người. Chúng xuyên qua mê cung tới một cửa thoát hiểm khác, ở đó tôi đã giấu sẵn một con tàu chim. Tối nay sẽ có một cơn bão đi qua vùng sa mạc. Hy vọng duy nhất của hai người là chạy theo cơn bão đó, bỏ nhào vào đỉnh của nó, lướt đi cùng nó. Người của tôi đã lái như thế trong những con tàu đánh cắp. Nếu các vị giữ cho tàu ở vị trí cao trong cơn bão, các vị sẽ sống sót.”

“Thế còn ông?” Paul hỏi.

“Tôi sẽ cố trốn bằng đường khác. Nếu tôi bị bắt... ừ thì, tôi vẫn là nhà hành tinh học của Đế quốc. Tôi có thể nói tôi bị các vị bắt giữ.”

Chạy trốn như những kẻ nhát gan, Paul nghĩ. Nhưng ta còn có thể lựa chọn cách sống nào khác nếu muốn trả thù cho cha đây? Cậu quay người đối mặt với cánh cửa.

Jessica nghe thấy con chuyển động, bèn nói: “Duncan chết rồi, Paul à. Con đã nhìn thấy cậu ấy bị thương. Con chẳng thể làm gì cho cậu ấy.”

“Sẽ có ngày con bắt chúng phải trả giá cho tất cả bọn họ,” Paul nói.

“Nếu giờ các vị không nhanh lên thì sẽ chẳng có chuyện đó đâu,” Kynes nói.

Paul cảm thấy tay ông ta đặt trên vai cậu.

“Chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu hử Kynes?” Paul hỏi.

“Tôi sẽ cử người Fremen đi tìm các vị. Đường đi của cơn bão đã rõ. Giờ thì nhanh lên, Mẹ Vĩ đại sẽ ban cho các vị tốc độ và may mắn.”

Họ nghe thấy ông ra đi, có tiếng chuyển động trong bóng tối.

Jessica tìm thấy tay Paul, nhẹ nhàng kéo cậu. “Hai mẹ con mình không được rời nhau,” nàng nói.

“Vâng.”

Cậu theo mẹ đi qua mũi tên đầu tiên, thấy nó chuyển sang màu đen khi họ chạm vào. Một mũi tên khác dẫn đường cho họ ở phía trước.

Họ bước qua, thấy nó tự tắt, rồi lại thấy một mũi tên khác ở phía trước.

Lúc này họ đang chạy.

Những sơ đồ trong những sơ đồ nằm trong những sơ đồ trong sơ đồ, Jessica nghĩ. Bây giờ liệu chúng ta có trở thành một phần trong kế hoạch của ai đó khác không?

Các mũi tên chỉ đường cho họ vòng qua những chỗ ngoặt, qua những lối đi chỉ hiện ra mờ mờ dưới ánh sáng yếu ớt. Con đường của họ có đoạn dốc xuống rồi lại dốc lên, lên nữa. Cuối cùng họ tới dãy bậc thang, vòng qua một góc rồi bị chặn lại bởi một bức tường phát sáng ở giữa có tay nắm màu tối.

Paul ấn vào tay nắm.

Bức tường xoay ra xa họ. Ánh sáng rực rỡ làm lộ ra một cái hang lớn đổ vào đá, giữa hang có một con tàu nằm phủ phục. Phía bên kia tàu chim là một bức tường màu xám bằng phẳng có ký hiệu chỉ cánh cửa hiện ra mờ.

“Kynes đi đâu vậy?” Jessica hỏi.

“Ông ấy làm điều mà bất cứ chỉ huy quân du kích tài giỏi nào đều nên làm,” Paul nói. “Ông ấy tách chúng ta thành hai nhóm và sắp đặt sao cho nếu bị bắt thì ông ấy cũng không thể tiết lộ chúng ta ở đâu. Ông ấy thực sự không biết.”

Paul dẫn nàng vào trong phòng, để ý thấy chân của họ làm tung bụi trên sàn nhà.

“Phòng này không có người từ rất lâu rồi,” cậu nói.

“Ông ấy có vẻ tin chắc rằng người Fremen sẽ tìm được chúng ta,” nàng nói.

“Con cũng tin như thế.”

Paul thả tay mẹ, đi đến chiếc cửa bên trái con tàu, mở cửa, buộc chặt ba lô vào ghế sau. “Vị trí tàu này được che kín,” cậu nói. “Bảng thiết bị có

bộ điều khiển cửa từ xa, bộ điều khiển ánh sáng. Tám mươi năm sống dưới thời Harkonnen đã dạy họ biết cẩn thận.”

Jessica dựa vào phía bên kia con tàu, nín thở.

“Bọn Harkonnen sẽ phái một đội quân càn quét toàn bộ vùng này,” nàng nói. “Chúng chẳng ngu đâu.” Nàng cân nhắc cảm nhận phương hướng của mình, chỉ về bên phải. “Cơn bão chúng ta sẽ gặp nằm trên đường đó.”

Paul gật đầu, đấu tranh với sự miễn cưỡng đột ngột không muốn di chuyển. Cậu biết nguyên nhân vì sao, nhưng nhận ra có biết thì cũng chẳng giúp gì được. Ở nơi nào đó trong đêm nay cậu đã đi qua một chuỗi kết nối những quyết định để tiến sâu vào một vùng không biết. Cậu biết rõ khu vực-thời gian bao quanh họ, nhưng cái ngay-ở-đây-trong-lúc-này thì lại như một vùng bí ẩn. Như thể cậu đã nhìn thấy chính mình ở đằng xa vừa đi xuống một thung lũng, khuất khỏi tầm nhìn. Trong vô vàn con đường từ thung lũng đó đi lên, vài con đường có thể đưa Paul Atreides trở lại tầm nhìn, nhưng nhiều đường khác thì không.

“Chúng ta càng chân chừ thì chúng càng chuẩn bị tốt hơn,” Jessica nói.

“Mẹ vào trong đi, thắt dây an toàn chặt vào,” Paul nói.

Cậu vào trong tàu cùng mẹ, vẫn vật lộn với ý nghĩ rằng đây là một vị trí mù, bất cứ thị kiến tiên tri nào cũng không nhìn thấy được. Rồi cậu đột ngột choáng váng nhận ra cậu đang ngày càng dựa vào trí nhớ tiên tri, và riêng trong tình huống khẩn cấp này, điều đó đã làm cậu yếu đi.

“Nếu bạn chỉ dựa vào mắt mình, các giác quan khác sẽ yếu đi.” Đó là một châm ngôn Bene Gesserit. Giờ thì cậu vận câu nói này vào hoàn cảnh của mình, tự hứa sẽ không bao giờ lại rơi vào cái bẫy đó... nếu cậu sống sót qua đận này.

Paul thắt chặt dây an toàn, nhìn sang thấy mẹ đã thắt dây rồi, bèn kiểm tra con tàu. Các cánh trải rộng tối đa trong trạng thái nghỉ, những gân cánh bằng kim loại mảnh duỗi thẳng. Cậu chạm vào thanh điều khiển thu

cánh, quan sát những chiếc cánh thu ngắn lại để cất cánh nhờ sức đẩy động cơ theo cách mà Gurney Halleck đã dạy cậu. Công tắc khởi động di chuyển dễ dàng. Bộ phím trên bảng thiết bị bật sáng khi động cơ phản lực được khởi động. Tua bin bắt đầu kêu xì xì khe khẽ.

“Mẹ sẵn sàng chưa?” cậu hỏi.

“Rồi.”

Cậu ấn vào bộ điều khiển hệ thống đèn từ xa.

Bóng tối trùm lên họ.

Khi cậu nhả bộ điều khiển cửa từ xa ra, bàn tay cậu là một cái bóng tương phản với những phím sáng. Có tiếng rít phía trên đầu họ. Một dòng cát kêu xào xạc phá vỡ bầu không khí yên lặng. Một làn gió nhẹ lướt qua má Paul. Cậu đóng cửa máy bay lại, cảm thấy một áp suất đột ngột.

Khi bức tường-cửa phòng mở ra, họ thấy một khuôn trời rộng tràn ngập những vì sao chiếu sáng mờ mờ qua lớp bụi. Ánh sao soi rõ một thềm đá phía bên ngoài, trông như những gợn cát.

Paul ấn xuống chuỗi công tắc phát sáng trên bảng điều khiển. Các cánh hạ xuống về phía sau, đưa con tàu rời khỏi nơi ẩn nấp. Nguồn lực trào ra từ các động cơ phản lực khi cánh tàu thu lại trong tư thế cất cánh.

Jessica lướt nhẹ tay trên bộ điều khiển kép, cảm thấy sự chắc chắn trong những cử động của con trai. Nàng lo lắng, song cũng lại thấy hồ hởi. *Bây giờ, những gì mọi người đã huấn luyện cho Paul là hy vọng duy nhất của chúng ta, nàng nghĩ. Cả tuổi trẻ và sự nhanh nhẹn của thằng bé nữa.*

Paul nạp thêm điện cho động cơ phản lực. Con tàu nghiêng đi khiến họ lún xuống ghế ngồi khi một bức tường tối sẫm nhô lên nổi bật dưới những vì sao ở phía trước. Cậu tiếp thêm điện cho con tàu, điều khiển các cánh dài thêm ra. Thêm một lần đập cánh mạnh nữa, rồi chiếc tàu chim vọt lên bay qua những khối đá, qua những góc cạnh và ụ cát phủ

sương bạc dưới ánh sao. Mặt trăng thứ hai ửng đỏ phủ bụi hiện ra trên đường chân trời bên phải họ, định rõ đường đi của bão.

Tay Paul nhảy múa trên bộ điều khiển. Những chiếc cánh cụp vào khiến tàu chìm trông như con bọ cánh cứng. Lực hấp dẫn đè lên thân thể họ khi con tàu chao nghiêng một vòng.

“Phía sau chúng ta có các luồng lửa!” Jessica nói.

“Con thấy rồi.”

Cậu đóng sập công tắc điện về phía trước.

Con tàu nhảy chồm lên như con thú đang sợ hãi, lao về phía Tây Nam theo hướng cơn bão rồi lượn một vòng rộng trên sa mạc. Ở khoảng cách gần, Paul nhìn thấy những cái bóng rải rác như muốn nói rằng các dãy đá đến đây là hết, hệ thống hang động đang chìm xuống dưới những đụn cát. Những cái bóng hình móng tay trải dài bên dưới trong ánh trăng - những đụn cát thu nhỏ dần vào nhau.

Và phía trên đường chân trời nhô lên một vùng bằng phẳng rộng lớn - ấy là cơn bão, giống như bức tường nổi bật dưới những vì sao.

Có cái gì đó va mạnh vào tàu.

“Vỡ tàu vỡ!” Jessica thở hổn hển. “Bọn chúng đang sử dụng loại vũ khí phóng đạn nào đó.”

Nàng thấy nụ cười toe toét bất ngờ hiện trên khuôn mặt Paul. “Có vẻ như bọn chúng tránh dùng súng lazer,” cậu nói.

“Nhưng chúng ta không có tấm chắn!”

“Chúng có biết điều đó không?”

Con tàu lại lắc mạnh.

Paul quay người nhìn về phía sau. “Hình như bọn chúng chỉ có một tàu bay đủ nhanh để có thể đuổi kịp chúng ta.”

Cậu chú ý vào đường đi, quan sát bức tường bão dâng lên cao dần phía trước họ. Nó mờ mờ hiện ra, sừng sững như một khối rắn hữu hình.

“Máy phóng, tên lửa, tất cả những vũ khí cổ xưa đó - nó là thứ mà chúng ta sẽ trao cho người Fremen,” Paul thì thầm.

“Cơn bão,” Jessica nói. “Con đổi hướng bay không tốt hơn sao?”

“Thế còn con tàu đằng sau chúng ta?”

“Nó đang dừng lại.”

“VẬY THÌ!”

Paul thu cánh, chao hắt con tàu sang bên trái, lượn vào bức tường bão trông như thể đang sôi chậm chậm, cảm thấy má cậu bị kéo theo lực hấp dẫn.

Họ gần như trượt vào một đám mây bụi bay chậm chậm, đám bụi ngày càng dày đặc cho đến khi che mờ cả sa mạc lẫn mặt trăng. Con tàu trở thành một tiếng thì thầm của bóng tối nằm dài theo phương ngang, chỉ được soi chiếu nhờ ánh sáng xanh phát ra từ bảng điều khiển.

Những lời cảnh báo về các cơn bão như thế lướt nhanh như chớp qua tâm trí Jessica - rằng chúng cắt kim loại như cắt bơ, khoét vào thịt sâu đến tận xương và gặm dần vào xương. Nàng cảm thấy cú va chạm của cơn cuồng phong phủ kín bụi. Nó xoáy họ quay mòng mòng trong khi Paul đánh vật với bộ điều khiển. Nàng thấy con liên tục thay đổi mức điện, cảm thấy con tàu hết trời lên lại thành linh sục xuống. Vỏ kim loại xung quanh họ kêu xì xì và rung lên bần bật.

“Cát đó!” Jessica kêu lên.

Nàng thấy cậu lắc đầu phủ nhận dưới ánh sáng phát ra từ bảng điều khiển. “Ở độ cao này thì không có nhiều cát lắm.”

Nhưng nàng có thể cảm thấy họ đang càng lúc càng lún sâu vào vòng xoáy của cơn bão.

Paul chỉnh cho các cánh sail dài tối đa để bay vút lên, nghe thấy chúng kêu cọt két khi bị căng ra hết mức. Cậu dán mắt vào những thiết bị, lướt đi theo bản năng, vật lộn để giành lấy độ cao.

Âm thanh trên đường bay của họ giảm dần.

Con tàu bắt đầu lộn tròn về phía trái, Paul tập trung vào quả cầu phát sáng bên trong cung tròn chỉ độ cao, nỗ lực lái con tàu trở lại hướng nằm ngang.

Jessica có cảm giác kỳ lạ rằng họ vẫn đang đứng yên tại chỗ, tất cả sự chuyển động là của bên ngoài. Một màu nâu vàng mờ ảo tràn tới đập vào cửa sổ, một tiếng kêu xì xì ùng ục nhắc nhở nàng về những sức mạnh thiên nhiên xung quanh họ.

Tốc độ gió cỡ từ bảy trăm đến tám trăm ki lô mét một giờ, nàng nghĩ. Nỗi lo lắng do hoóc môn adrenalin gây ra giày vò nàng. Mình không được hoảng sợ, nàng thầm nhủ rồi nói to những lời trong kính cầu nguyện Bene Gesserit. Sợ hãi giết chết tâm trí.

Chậm chậm, những năm dài khổ luyện của nàng chiếm được ưu thế.

Sự bình tĩnh quay trở lại.

“Chúng ta leo lên lưng cọp rồi,” Paul thì thầm. “Chúng ta không thể bay xuống, không thể hạ cánh... và con e chúng ta không thể bay vọt lên cao thoát khỏi cơn bão. Chúng ta phải lái tàu vượt qua nó thôi.”

Nàng mất hết bình tĩnh. Jessica cảm thấy rằng đánh vào nhau lập cập,

bèn cắn chặt răng lại. Rồi nàng nghe thấy giọng Paul, khẽ khàng và tự chủ, đang đọc kinh cầu nguyện:

“Sợ hãi giết chết tâm trí. Sự hãi là cái chết nhỏ mang đến sự phá hủy hoàn toàn. Ta sẽ đối mặt với nỗi sợ. Ta sẽ để nó đi khắp người ta và xuyên qua ta. Rồi khi nó đã đi qua, ta sẽ xoay con mắt bên trong để nhìn đường đi của nó. Ở những nơi nỗi sợ đi qua chẳng còn gì cả. Chỉ còn lại chính ta.”

Người ta khinh thường cái gì? Đọc phần này các người sẽ thực sự biết.

- trích “Sách về Muad’Dib” của Công chúa Irulan

“Bọn chúng chết cả rồi, thưa Nam tước,” tay đội trưởng đội cận vệ Iakin Nefud nói. “Cả mụ đàn bà và thằng bé chắc chắn đều chết rồi.”

Nam tước Vladimir Harkonnen ngồi dậy trên bộ dây treo dùng làm giường ngủ trong khu phòng riêng của ngài. Bên ngoài khu phòng đó và bao quanh ngài, giống như một quả trứng có nhiều vỏ, là con tàu vũ trụ mà ngài đã đậu trên Arrakis. Tuy nhiên, trong khu phòng của ngài, vỏ kim loại xì xì của con tàu được ngụy trang bằng những bức tường, đệm vải và đồ mỹ thuật quý hiếm.

“Chuyện này là chắc chắn,” tay đội trưởng nói. “Bọn chúng chết rồi.”

Nam tước xoay tấm thân phì nộn trong bộ dây treo, tập trung chú ý vào bức tường ebaline một cậu bé đang nhảy trong hốc tường phía bên kia phòng. Ngài đã tỉnh ngủ. Ngài chỉnh lại cho thẳng cái dây treo có lót đệm bên dưới những ngấn cổ núng nính, nhìn chằm chằm ngang qua quả đèn cầu đơn trong phòng ngủ về phía ngưỡng cửa, nơi đội trưởng Nefud đang đứng, bị tấm chắn năm lớp chặn lại.

“Chắc chắn bọn chúng chết rồi, thưa Nam tước,” tay thuộc hạ nhắc lại.

Nam tước để ý thấy vẻ dờ dẫm vì semuta trong mắt Nefud. Rõ ràng khi tiếp nhận bản báo cáo này tay thuộc hạ đang chìm sâu vào trạng thái mê ly do dùng thuốc, và chỉ dừng lại uống thuốc giải ngay trước khi lao đến đây.

“Tôi có một báo cáo đầy đủ,” Nefud nói.

Hãy để hấn ta vãi mồi hôi một chút, Nam tước nghĩ. Người ta phải luôn

luôn giữ những công cụ của thuật trị quốc sao cho thật sắc nhọn và luôn sẵn sàng. Sức mạnh và nỗi sợ - sắc nhọn và sẵn sàng.

“Người có nhìn thấy thi thể họ không?” Nam tước lầu bầu.

Nefud ngáp ngừng.

“Thế nào?”

“Bẩm Chúa công... quân ta nhìn thấy chúng lao bổ vào cơn bão cát... sức gió trên tám trăm ki lô mét. Không gì có thể sống sót trước một cơn bão như thế, thưa Chúa công. Không gì hết! Một tàu của chúng ta đã vỡ tan tành trong lúc đuổi theo chúng.”

Nam tước nhìn Nefud chăm chăm, để ý thấy sự co giật vì lo lắng trong đường thẳng như cắt kéo nơi cơ hàm của tay thuộc hạ, chuyển động của chiếc cằm khi Nefud nuốt nước bọt.

“Người có nhìn thấy thi thể họ không?” Nam tước hỏi.

“Bẩm Chúa công...”

“Thế người khua giáp loảng xoảng chạy đến đây làm gì hả?” Nam tước gầm lên. “Nói với ta một điều là chắc chắn trong khi thực tế là chưa chắc chắn? Người nghĩ ta sẽ khen ngợi người vì sự ngu ngốc này, rồi còn thăng chức cho người nữa chắc?”

Mặt Nefud chuyển sang màu trắng nhợt.

Nhìn con gà này đi, Nam tước nghĩ. Vây quanh ta toàn những cục đất vô dụng như thế đấy. Nếu ta tung cát trước mặt tên này và bảo đó là ngũ cốc, hẳn sẽ mồi ngay cho xem.

“Vây ra tên Idaho dẫn đường cho chúng ta tới chỗ bọn chúng hử?” Nam tước hỏi.

“Đúng thế, thưa Chúa công!”

Nhìn cách hấn thoát ra câu trả lời kia, Nam tước nghĩ. Ngài hỏi: “Bọn chúng đang cố chạy trốn đến chỗ người Fremen hả?”

“Vâng, thưa Chúa công.”

“Còn gì ngoài bản... báo cáo này?”

“Tay chuyên gia hành tinh học của Đế quốc, Kynes, có dính líu đến vụ này, thưa Chúa công. Idaho đã câu kết với tay Kynes này trong những tình huống khó hiểu... Thậm chí tôi có thể nói là tình huống đáng ngờ.”

“Như thế nào?”

“Bọn chúng... à, cùng bay đến một nơi trong sa mạc, rõ ràng đó là chỗ thằng bé và mẹ nó đang ẩn trốn. Trong sự kích động khi đang săn đuổi, vài người trong nhóm chúng ta rơi vào một vụ nổ tầm chắn-súng lazer.”

“Chúng ta thiệt hại bao nhiêu?”

“Tôi... à, vẫn chưa rõ, thưa Chúa công.”

Hấn đang nói dối, Nam tước nghĩ. Vụ này chắc phải khá tệ.

“Gã Kynes này là tay sai của Đế quốc,” Nam tước nói. “Ông ta đang chơi trò hai mang chắt?”

“Tôi cá cả thanh danh của mình là đúng như vậy đấy, thưa Chúa công.”

Thanh danh của hấn!

“Giết ông ta đi,” Nam tước nói.

“Bẩm Chúa công! Kynes là nhà hành tinh học của Đế quốc, phục vụ chính Hoàng đế...”

“Vậy thì hãy làm nó giống như một vụ tai nạn!”

“Bẩm Chúa công, quân Sardaukar cũng đi cùng lính của ta trong cuộc chinh phục sào huyệt tay Fremen này. Lúc này họ đang canh giữ Kynes.”

“Tách ông ta ra khỏi bọn chúng. Cứ nói là ta muốn hỏi cung ông ta.”

“Nếu họ phản đối thì sao?”

“Họ sẽ không phản đối nếu người xử lý đúng cách.”

Nefud nuốt nước bọt. “Vâng, thưa Chúa công.”

“Ông ta phải chết,” Nam tước nói giọng trầm sâu. “Ông ta đã cố gắng giúp đỡ kẻ thù của ta.”

Nefud đổi chân.

“Gì nữa?”

“Thưa Tướng công, quân Sardaukar đang canh giữ... hai người có thể khiến ngài quan tâm. Họ vừa tóm được Thủ lĩnh Sát thủ của Công tước.”

“Hawat? Thufir Hawat?”

“Chính mắt tôi nhìn thấy tên tù binh đó, thưa Chúa công. Đó là Hawat.”

“Ta không tin là có thể xảy ra chuyện này!”

“Họ nói ông ta bị đánh gục bởi một súng phi tiêu, thưa Chúa công. Trong sa mạc thì ông ta không thể sử dụng khiên chắn. Ông ta gần như không bị thương tổn gì. Nếu chúng ta tóm được ông ta, ông ta sẽ cho ta một trò giải trí tuyệt hảo đây.”

“Người đang nói đến một Mentat đó,” Nam tước càu nhàu. “Người ta không lãng phí một Mentat. Ông ta đã nói gì chưa? Ông ta nói gì về thất bại của mình? Có thể ông ta biết quy mô của... nhưng không.”

“Ông ta chỉ nói đủ để cho thấy ông ta tin Lệnh bà Jessica là kẻ phản bội, thưa Chúa công.”

“Ái chà chà.”

Nam tước ngồi lùi lại, suy nghĩ; rồi ngài nói: “Người có chắc không? Có phải sự giận dữ của ông ta nhắm vào Lệnh bà Jessica không?”

“Ông ta nói thế trước mặt tôi, thưa Chúa công.”

“Vậy thì hãy để ông ta nghĩ rằng cô ta vẫn còn sống.”

“Nhưng, thưa Chúa công...”

“Im lặng nào. Ta muốn Hawat được đối xử tử tế. Không được cho ông ta biết gì về tay bác sĩ quá cố Yueh, kẻ phản bội thực sự. Hãy bảo họ nói rằng bác sĩ Yueh đã chết trong khi bảo vệ Công tước. Theo nghĩa nào đấy thì thậm chí điều này có thể là sự thật. Thay vào đó, chúng ta sẽ cung cấp chứng cứ để ông ta nghi ngờ Lệnh bà Jessica.”

“Thưa chúa công, tôi không...”

“Cách kiểm soát và điều khiển một Mentat, Nefud ạ, là thông qua tin tức ông ta thu được. Tin tức sai sẽ dẫn đến kết quả sai.”

“Vâng, thưa Chúa công, nhưng...”

“Hawat có đói không? Có khát không?”

“Bẩm Chúa công, Hawat vẫn nằm trong tay quân Sardaukar!”

“Đúng thế. Quả thực là vậy. Nhưng quân Sardaukar sẽ nóng lòng muốn moi tin tức từ ông ta chẳng kém gì ta đâu. Ta để ý thấy một điều về những đồng minh của chúng ta, Nefud ạ. Bọn họ không xảo quyệt lắm... về chính trị. Ta tin chắc đây là một chuyện có chủ ý; Hoàng đế muốn như

thế. Đúng. Ta tin vậy. Người hãy nhắc nhở tay chỉ huy quân Sardaukar rằng ta vốn có tiếng trong việc moi tin từ những đối tượng khó bảo.”

Nefud có vẻ không hài lòng. “Vâng, thưa Chúa công.”

“Người hãy nói với tay chỉ huy quân Sardaukar rằng ta muốn hỏi cung cả Hawat lẫn Kynes cùng một lúc, kích người này chống lại người kia. Tay chỉ huy có thể hiểu rõ điều đó, ta nghĩ vậy.”

“Vâng, thưa Chúa công.”

“Và một khi chúng nằm trong tay chúng ta...” Nam tước gật đầu.

“Bẩm Chúa công, quân Sardaukar sẽ muốn cử một quan sát viên ngồi cùng ngài trong bất kỳ... cuộc hỏi cung nào.”

“Ta đảm bảo chúng ta có thể dựng lên một tình huống khẩn cấp để đánh lạc hướng bất cứ kẻ quan sát không mời mà đến nào, Nefud ạ.”

“Tôi hiểu, thưa Chúa công. Đó là khi Kynes có thể gặp tai nạn.”

“Cả Kynes và Hawat đều sẽ gặp tai nạn, Nefud. Nhưng chỉ có Kynes là gặp nạn thực sự thôi. Còn Hawat thì ta muốn có hấn. Đúng thế. Hà hà, đúng thế.”

Nefud chớp mắt, nuốt nước bọt. Anh ta có vẻ muốn hỏi một câu nữa, nhưng rồi vẫn im lặng.

“Mang cho Hawat cả đồ ăn và nước uống,” Nam tước nói. “Đối đãi ông ta bằng lòng tốt, bằng sự cảm thông. Cho vào nước uống của ông ta một ít chất độc còn lại do tên Piter de Vries quá cố chế ra. Và anh hãy lo sao cho thuốc giải độc trở thành một phần thực đơn hàng ngày của Hawat... trừ phi ta nói khác.”

“Thuốc giải, đúng thế.” Nefud lắc đầu. “Nhưng...”

“Đừng ngu ngốc nữa, Nefud. Công tước suýt nữa đã giết chết ta bằng

một cái răng chứa thuốc độc. Cái khí độc ông ấy phun vào ta đã tước đi của ta một trong những Mentat giá trị nhất, Piter. Ta cần người thay thế.”

“Hawat sao?”

“Hawat.”

“Nhưng...”

“Người định nói rằng Hawat hoàn toàn trung thành với Atreides. Đúng thế, nhưng Atreides đã diệt vong. Chúng ta sẽ cố giành được sự ủng hộ của ông ta. Chúng ta phải thuyết phục ông ta rằng ông ta không có lỗi trong cái chết của Công tước. Tất cả là do mụ phù thủy Bene Gesserit đó. Ông ta đã có một chủ nhân kém cỏi, một kẻ để cho cảm xúc che mờ lý trí. Các Mentat ngưỡng mộ khả năng tính toán không bị cảm xúc chi phối, Nefud ạ. Chúng ta sẽ giành được sự ủng hộ của tay Mentat ghê gớm này.”

“Thật không may là Hawat lại có một chủ nhân kém tài thao lược, không thể nâng một Mentat lên những đỉnh cao siêu phàm về tư duy luận lý vốn là quyền của Mentat. Hawat sẽ nhìn thấy trong chuyện này một yếu tố sự thật nào đó. Công tước không có đủ những gián điệp tài năng nhất để cung cấp thông tin cần thiết cho Mentat của ông ta.” Nam tước nhìn Nefud chăm chăm. “Chúng ta đừng bao giờ đánh lừa chính mình, Nefud ạ. Sự thật là vũ khí hữu dụng. Chúng ta biết chúng ta đánh gục Atreides bằng cách nào. Hawat cũng biết. Chúng ta làm được việc đó bằng sự giàu có.”

“Bằng sự giàu có. Đúng vậy, thưa Chúa công.”

“Chúng ta sẽ cố giành sự ủng hộ của Hawat,” Nam tước nói. “Chúng ta sẽ giấu ông ta khỏi bọn Sardaukar. Và để dự phòng... chúng ta thôi cho uống thuốc giải độc. Không có cách nào khử hết chất độc còn lại. Và Nefud này, cần làm cho Hawat không bao giờ nghi ngờ. Không được để máy dò độc được phát hiện ra thuốc giải. Hawat có thể kiểm tra cẩn thận đồ ăn nếu ông ta muốn nhưng vẫn không phát hiện ra chút dấu vết nào của chất độc.”

Nefud mở to mắt về thấu hiểu.

“Sự vắng mặt của một thứ cũng có thể gây chết người như sự có mặt của nó,” Nam tước nói. “Thiếu không khí, hử? Hay thiếu nước? Sự vắng mặt của bất cứ thứ gì khác mà chúng ta nghiệm.” Nam tước gật đầu. “Người hiểu ý ta chứ, Nefud?”

Nefud nuốt nước bọt. “Vâng, thưa Chúa công.”

“VẬY thì bận rộn với công việc đi. Đi tìm tên chỉ huy bọn Sardaukar mà bắt đầu hành động như chúng ta đã bàn.”

“Tôi xin thi hành ngay lập tức, thưa Chúa công.” Nefud cúi chào rồi quay người vội vã đi ra.

Hawat bên cạnh ta! Nam tước nghĩ. Bọn Sardaukar sẽ trao hãn cho ta. Nếu có nghi thì chúng cũng sẽ chỉ nghi rằng ta muốn tiêu diệt tên Mentat này. Và ta sẽ xác nhận nghi ngờ này! Một lũ ngốc! Một trong những Mentat ghê gớm nhất trong lịch sử, một Mentat được huấn luyện để giết người, vậy mà bọn chúng sẽ ném hãn cho ta giống như thứ đồ chơi ngớ ngẩn bị hỏng. Ta sẽ cho chúng thấy món đồ chơi như thế có thể dùng vào việc gì.

Nam tước lần tay xuống dưới tấm vải bên cạnh chiếc giường treo, ấn nút gọi thẳng cháu Rabban. Ngài ngồi lùi lại, mỉm cười.

Thế là tất cả bọn Atreides đã chết!

Tên đội trưởng ngu ngốc đã đúng, tất nhiên rồi. Chắc chắn không gì có thể sống sót trên đường đi của một cơn bão cát dữ dội ở Arrakis. Không một con tàu nào... hay người ở trong đó. Mụ đàn bà và thằng bé đã chết. Đồ đút lót đặt đúng nơi, phí tổn không thể tưởng tượng nổi để mang lực lượng quân đội vô cùng hùng mạnh đổ bộ xuống một hành tinh... toàn bộ những bản báo cáo quý quyết được xử lý để thích ứng với riêng đôi tai Hoàng đế, toàn bộ mưu đồ được tính toán kỹ lưỡng cuối cùng cũng thành công tốt đẹp.

Sức mạnh và nỗi sợ - nỗi sợ và sức mạnh!

Nam tước có thể nhìn thấy con đường trước mặt ngài. Một ngày nào đó, một người Harkonnen sẽ trở thành Hoàng đế. Không phải chính ngài, cũng không phải dòng dõi của ngài. Nhưng là một người Harkonnen. Không phải tên Rabban ngài vừa cho gọi, tất nhiên rồi. Mà là em của Rabban, Feyd-Rautha trẻ tuổi. Thằng bé có sự sắc sảo mà Nam tước thích... một sự tàn bạo.

Một trang thiếu niên đáng yêu, Nam tước nghĩ. Một, hai năm nữa thôi, cứ cho là khi thằng bé mười bảy tuổi, ta sẽ biết chắc nó có đúng là công cụ cần thiết để Gia tộc Harkonnen giành lấy ngai vàng hay không.

“Thưa Nam tước.”

Người đứng bên ngoài trường tắm chắn tại cửa phòng ngủ Nam tước có vóc người thấp, khuôn mặt và thân hình tròn quay, mang những nét di truyền của dòng họ Harkonnen: mắt hẹp, đôi vai vồng lên. Tuy cơ thể to béo của anh ta cũng có phần rắn chắc, nhưng rõ là một ngày nào đó anh ta sẽ cần đến bộ dây treo di động để mang cái trọng lượng quá cỡ của mình.

Một kẻ đầu óc ngu si tứ chi phát triển, Nam tước nghĩ. Cháu của ta sẽ không phải Mentat... không phải một Piter de Vries, mà có thể đúng hơn là một cái gì đó dùng cho công việc tay chân. Nếu ta cho nó tự do hành động, nó sẽ nghiền nát mọi thứ trên đường đi của nó. Ái chà chà, nó sẽ bị người ta căm thù đến mức nào trên Arrakis này!

“Rabban yêu quý,” Nam tước nói. Ngài ngắt trường tắm chắn ở cửa, nhưng vẫn giữ tấm chắn hộ thân của mình ở mức mạnh nhất, biết rằng có thể thấy rõ ánh sáng mờ mờ của tấm chắn phía trên quả đèn cầu bên cạnh giường.

“Bác cho gọi cháu,” Rabban nói. Anh ta bước vào phòng, đảo mắt liếc qua sự nhiễu loạn không khí của tấm chắn hộ thân, định tìm một chiếc ghế dây treo nhưng chẳng có.

“Đứng lại gần đây để ta có thể dễ dàng nhìn thấy cháu,” Nam tước nói.

Rabban tiến thêm một bước, nghĩ bụng cái lão già chết tiệt này đã chủ tâm cho dỡ hết ghế treo để bắt khách phải đứng.

“Bọn Atreides chết rồi,” Nam tước nói. “Những tên cuối cùng. Đó là lý do ta gọi cháu đến Arrakis. Hành tinh này lại thuộc về cháu.”

Rabban chớp mắt. “Nhưng cháu nghĩ bác sẽ đi điều Piter de Vries tới...”

“Piter cũng chết rồi.”

“Piter ư?”

“Piter.”

Nam tước kích hoạt lại trường tấm chắn ở cửa, điều chỉnh cho nó ngăn mọi sự xâm nhập bằng năng lượng.

“Cuối cùng thì bác cũng chán hẳn ta rồi à?” Rabban hỏi.

Giọng anh ta vang lên đều đều nhạt nhẽo trong căn phòng được che chắn khỏi năng lượng.

“Ta sẽ chỉ nói với cháu chuyện này một lần thôi,” Nam tước nói giọng trầm sâu. “Cháu bóng gió rằng ta đã tiêu diệt Piter như người ta phá hủy một thứ đồ không đáng giá.” Ngài bật tanh tách ngón tay núc ních. “Phải thế không, hử? Ta không ngu ngốc đến thế đâu, cháu ạ. Lần sau nếu cháu còn dám ám chỉ bằng lời hay bằng hành động rằng ta ngu ngốc như thế thì ta sẽ không cư xử lịch thiệp đâu.”

Nỗi sợ hãi hiện ra trong cái nheo mắt của Rabban. Anh ta biết trong một vài giới hạn nhất định, tên Nam tước già này sẽ chống lại gia đình tới mức nào. Hiếm khi ông ta dồn họ đến chỗ chết trừ phi cực kỳ có lợi hoặc bị khiêu khích quá đáng. Nhưng sự trừng phạt dành cho người trong gia đình có thể rất đau đớn.

“Hãy tha thứ cho cháu, thưa Nam tước,” Rabban nói. Anh ta cụp hẳn mắt xuống, vừa che giấu sự tức giận vừa tỏ ra khúm núm.

“Cháu không phỉnh được ta đâu, Rabban,” Nam tước nói.

Rabban vẫn cụp mắt xuống, nuốt nước bọt.

“Ta rút ra một điểm,” Nam tước nói. “Chớ bao giờ tiêu diệt một người khi chưa cân nhắc kỹ, con đường mà toàn bộ thái ấp có thể làm chuyện này là thông qua *quy trình luật pháp thích hợp*. Hãy luôn luôn làm chuyện này vì một mục đích tối quan trọng - và *biết rõ mục đích của cháu!*”

Nỗi tức giận trong Rabban lên tiếng: “Nhưng bác đã tiêu diệt tên phản bội, Yueh! Tối qua khi đến đây cháu thấy người ta đang mang xác ông ấy ra ngoài.”

Rabban chăm chăm nhìn ông bác, đột nhiên cảm thấy lo sợ khi nghe những từ ngữ mình vừa thốt ra.

Nhưng Nam tước mỉm cười. “Ta rất cẩn thận với những thứ vũ khí nguy hiểm,” ngài nói. “Bác sĩ Yueh là một tên phản bội. Hẳn đã trao Công tước cho ta.” Nam tước dồn sức mạnh vào giọng nói. “*Ta* mua chuộc được một tên bác sĩ của trường Suk! *Trường Nội tại!* Cháu rõ không, cậu bé? Nhưng đó là một loại vũ khí ghê gớm không thể vút lẩn vút lóc được. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ta tiêu diệt hẳn.”

“Thế Hoàng đế có biết chuyện bác mua chuộc một tay bác sĩ Suk không?”

Một câu hỏi sắc sảo, Nam tước nghĩ. *Liệu ta có đánh giá sai về thằng cháu này?*

“Hoàng đế vẫn chưa biết,” Nam tước nói. “Nhưng quân Sardaukar chắc chắn sẽ bẩm báo chuyện này với ông ta. Tuy nhiên, trước khi điều đó xảy ra ta sẽ chuyển báo cáo của chính ta tới tay Hoàng đế thông qua các kênh của công ty CHOAM. Ta sẽ giải thích rằng ta đã *may mắn* phát hiện

ra một bác sĩ giả vờ đạt tới Tối thượng Y pháp. Một bác sĩ giả mạo, cháu hiểu không? Bởi mọi người *biết* rõ họ không thể chống lại Tối thượng Y pháp của một trường Suk, việc này sẽ được chấp nhận.”

“À, thì ra thế, cháu hiểu,” Rabban thì thầm.

Còn Nam tước nghĩ: *Quả thực, tao hy vọng là mày hiểu. Tao hy vọng mày hiểu tầm quan trọng sống còn của việc giữ kín chuyện này.* Nam tước chột bần khoản. *Tại sao ta làm chuyện đó? Tại sao ta lại khoe khoang với thằng cháu ngốc nghếch này - thằng cháu mà ta phải lợi dụng và loại bỏ?* Nam tước cảm thấy giận chính mình. Ngài cảm thấy đã để lộ bí mật.

“Phải giữ kín chuyện này,” Rabban nói. “Cháu hiểu.”

Nam tước thở dài. “Lần này, ta cho cháu chỉ thị khác về Arrakis, cháu ạ. Khi cháu cai trị nơi này lần trước, ta còn kìm chặt cháu. Lần này, ta chỉ có một yêu cầu.”

“Là gì ạ, thưa Chúa công?”

“Thu nhập.”

“Thu nhập?”

“Rabban, cháu có biết chúng ta đã tiêu tốn bao nhiêu để mang theo một lực lượng quân đội đông như thế chống lại Atreides? Thậm chí liệu cháu có ý niệm mơ hồ nào về mức phí Hiệp hội đòi hỏi để vận chuyển binh lính cho chúng ta không?”

“Hẳn là đắt phải không?”

“Đắt!”

Nam tước vung cánh tay múp míp về phía Rabban. “Nếu cháu vắt kiệt Arrakis trong vòng sáu mươi năm thì số tiền thu được cũng chỉ đủ hoàn lại cho chúng ta mà thôi!”

Rabban mở miệng rồi ngậm lại mà không nói gì.

“Đắt ư,” Nam tước chế nhạo. “Sự độc quyền vận chuyển trong không gian của cái Hiệp hội đáng nguyên rủa đó có lẽ đã làm chúng ta phá sản nếu ta không lên kế hoạch chuẩn bị cho mức phí tổn này từ rất lâu rồi. Cháu nên biết, Rabban ạ, rằng *chúng ta* phải chịu toàn bộ gánh nặng này. Thậm chí chúng ta còn phải trả phí vận chuyển quân Sardaukar nữa.”

Và không phải lần đầu tiên, Nam tước tự hỏi liệu có bao giờ người ta có thể lách qua được Hiệp hội không. Bọn chúng thật quý quyết - ban đầu chỉ đòi một mức phí đủ cho người ta không phản đối, đợi đến khi đã nắm chắc họ trong tay thì chúng có thể thoải mái ép họ phải trả tiền, trả hoài, trả mãi.

Bọn chúng luôn luôn đòi mức phí cắt cổ trong những công việc mạo hiểm liên quan đến quân đội. “Để bù vào rủi ro,” những tay đại diện ngọt xớt của Hiệp hội giải thích như vậy. Và cứ ta gài được một mật vụ vào cơ cấu Ngân hàng Hiệp hội để làm chó canh thì chúng lại gài hai mật vụ vào hệ thống của ta.

Thật không thể chịu nổi!

“Vậy thì thu nhập,” Rabban nói.

Nam tước hạ cánh tay xuống, nắm lại thành quả đấm. “Cháu phải vất kiệt.”

“Và cháu có thể làm bất cứ điều gì cháu muốn miễn là vất kiệt được Arrakis?”

“Bất cứ điều gì.”

“Thế còn những khẩu pháo bác đưa vào,” Rabban nói. “Cháu có thể...”

“Ta đang chuyển chúng đi,” Nam tước nói.

“Nhưng bác...”

“Cháu không cần những đồ chơi như thế. Pháo là một cách tàn đặc biệt mà giờ không còn hữu ích nữa. Chúng ta cần kim loại. Pháo không chống lại được tấm chắn, Rabban ạ. Nó chỉ là thứ gây bất ngờ thôi. Có thể đoán trước được quân của Công tước sẽ rút lui vào những hang đá trên cái hành tinh đáng tởm này. Pháo của chúng ta chỉ nhốt chúng lại thôi.”

“Bọn Fremen không dùng tấm chắn.”

“Nếu muốn cháu có thể giữ lại vài khẩu súng lazer.”

“Vâng, thưa Chúa công. Và cháu được tự do hành động.”

“Miễn là cháu vất kiệt cái hành tinh này.”

Rabban cười hả hê. “Cháu hiểu thấu đáo rồi, thưa Chúa công.”

“Cháu chẳng hiểu cái gì thấu đáo cả,” Nam tước càu nhàu. “Chúng ta hãy làm sáng tỏ chuyện đó ngay từ ban đầu. Cái mà cháu *phải* hiểu thấu đáo là thi hành mệnh lệnh của ta như thế nào. Cháu có bao giờ chột nẩy ra ý nghĩ là có ít nhất năm triệu người trên cái hành tinh này không?”

“Thế Chúa công quên rằng cháu từng là Quan nhiếp chính siridar ở đây rồi à? Và nếu Chúa công tha thứ cho cháu, thì cháu xin được nói là số lượng ước đoán của Người có lẽ hơi thấp đấy. Để tính được số dân rải rác giữa các sink và pan như kiểu họ sống ở đây thì khó đấy. Và nếu bác xét đến người Fremen...”

“Bọn Fremen không đáng để xét!”

“Thứ lỗi cho cháu, thưa Chúa công, nhưng quân Sardaukar lại nghĩ khác.”

Nam tước ngáp ngừng, nhìn chăm chăm thẳng cháu. “Cháu biết chuyện gì à?”

“Khi cháu đến đây vào tối qua thì Chúa công đã đi nghỉ rồi. Cháu... à, đã mạo phép tiếp xúc với vài tên phụ tá từ... ừm, trước đó. Bọn chúng đóng vai trò là quân thám báo cho quân Sardaukar. Bọn chúng báo cáo rằng một toán người Fremen đã phục kích quân Sardaukar tại một nơi nào đó nằm ở phía Đông Nam căn cứ này và tiêu diệt hoàn toàn bọn chúng.”

“Tiêu diệt hoàn toàn quân Sardaukar ư?”

“Vâng, thưa Chúa công.”

“Không thể nào!”

Rabban nhún vai.

“Người Fremen đánh thắng quân Sardaukar,” Nam tước chế nhạo.

“Cháu chỉ thuật lại những gì họ báo cáo với cháu,” Rabban nói. “Nghe nói nhóm người Fremen này đã bắt được tên Thufir Hawat đáng gờm của Công tước.”

“Chà chà!”

Nam tước gật đầu, mỉm cười.

“Cháu tin lời họ,” Rabban nói. “Bác không biết bọn Fremen phiến toái thế nào đâu.”

“Có thể, nhưng nhóm người này không phải người Fremen như mấy tay phụ tá của cháu thường thấy. Chắc bọn chúng là quân Atreides do Hawat huấn luyện và giả trang thành người Fremen. Đó là câu trả lời hợp lý duy nhất!”

Một lần nữa, Rabban nhún vai. “À thì, quân Sardaukar nghĩ bọn chúng là người Fremen. Quân Sardaukar đã bắt đầu chiến dịch truy quét tất cả người Fremen rồi.”

“Tuyệt!”

“Nhưng...”

“Chuyện đó sẽ khiến bọn Sardaukar bận rộn. Và chúng ta sẽ sớm giành được Hawat thôi. Ta biết như thế! Ta có thể cảm thấy như thế! Hà, rồi cũng đến cái ngày này! Quân Sardaukar thì sẵn lòng vài nhóm người sa mạc vô dụng trong khi chúng ta giành được chiến lợi phẩm thực sự!”

“Bẩm Chúa công...” Rabban ngập ngừng, cau mày. “Cháu luôn luôn cảm thấy chúng ta đánh giá thấp người Fremmen, cả về số lượng và về...”

“Bỏ qua bọn chúng đi, cậu bé! Chúng chỉ là một đám ô hợp. Thị trấn, thành phố và làng mạc đông dân mới là mối quan tâm của chúng ta. Có rất đông dân ở đó, nhỉ?”

“Rất đông, thưa Chúa công.”

“Họ làm ta lo lắng, Rabban ạ.”

“Làm bác lo lắng ư?”

“Ồ... chín mươi phần trăm bọn họ không làm ta bận tâm. Nhưng luôn có một số rất ít... các Tiểu Gia tộc và những bọn kiểu vậy, những kẻ đầy tham vọng có thể cố làm một chuyện nguy hiểm. Nếu một trong bọn chúng thoát khỏi Arrakis với một câu chuyện chẳng mấy hay ho về những điều xảy ra ở đây thì ta sẽ không hài lòng chút nào. Liệu cháu có biết ta sẽ không hài lòng đến mức nào không?”

Rabban nuốt nước bọt.

“Cháu phải tính ngay đến việc bắt ở mỗi Tiểu Gia tộc một con tin,” Nam tước nói. “Trong chừng mực bất cứ ai ngoài Arrakis đều phải biết, đây là một cuộc chiến đường đường chính chính giữa Gia tộc này với Gia tộc nọ. Quân Sardaukar không dính dáng vào chuyện này, cháu hiểu chứ? Công tước đã được miễn tội chết và bị lưu đầy, nhưng ông ta đã chết

trong một tai nạn đáng tiếc trước khi kịp thi hành hình phạt. Mặc dù ông ta sắp thi hành. Chuyện là như thế. Và với bất cứ lời đồn nào rằng có quân Sardaukar ở đây, người ta sẽ phải cười vào nó.”

“Vì Hoàng đế muốn như thế,” Rabban nói.

“Vì Hoàng đế muốn như thế.”

“Thế còn những tay buôn lậu?”

“Chẳng ai tin bọn buôn lậu, Rabban ạ. Bọn chúng được dung túng, nhưng không được tin tưởng. Dù sao đi nữa, cháu hãy rải của đút lót trong vùng này... và tiến hành những biện pháp khác mà ta chắc là cháu có thể nghĩ ra.”

“Vâng, thưa Chúa công.”

“VẬY thì, Rabban này, có hai thứ cần lưu ý ở Arrakis: thu nhập và nắm đấm tàn nhẫn. Ở đây cháu không được thể hiện lòng nhân từ. Hãy nghĩ về bọn người dân dõn này đúng như bản chất của chúng - bọn nô lệ luôn ganh tị với chủ và chỉ chờ cơ hội làm phản. Cháu không được đối xử với chúng bằng lòng nhân từ và trặc ẩn dù chỉ một chút xíu.”

“Người ta có thể tiêu diệt toàn bộ một hành tinh không?” Rabban hỏi.

“Tiêu diệt ư?” Nam tước quay ngoắt đầu ngạc nhiên. “Ai nói gì về chuyện tiêu diệt sao?”

“À, cháu đoán là bác sẽ đưa vào một kho dự trữ mới và...”

“Ta nói là *vắt kiết*, cháu à, không phải tiêu diệt. Đừng lãng phí số dân đó, mà chỉ lái họ vào sự phục tùng tuyệt đối thôi. Cháu phải là con thú ăn thịt, cậu bé ạ.” Ngài mỉm cười, trên khuôn mặt phì nộn có má lúm đồng tiền hiện lên một nét trẻ thơ. “Một con thú ăn thịt không bao giờ dừng lại. Không có lòng nhân từ. Không bao giờ dừng lại. Lòng nhân từ chỉ là thứ hão huyền. Nó có thể bị đánh bại bởi cái dạ dày réo ùng ục trong cơn đói, hay cái cổ họng khô khốc gào thét trong cơn khát. Cháu phải luôn luôn ở

trong tình trạng đói và khát.” Nam tước vuốt ve những chỗ phúng phính phì nộn của ngài bên dưới những sợi dây treo. “Giống như ta vậy.”

“Cháu hiểu, thưa Chúa công.”

Rabban đảo mắt sang trái rồi sang phải.

“Vậy thì mọi chuyện đã sáng tỏ, phải không cháu?”

“Trừ một điều, thưa bác: nhà hành tinh học, Kynes.”

“À, ừ, Kynes.”

“Ông ta là thuộc hạ của Hoàng đế, thưa Chúa công. Ông ta có thể đến và đi khi ông ta muốn. Ông ta rất thân thiết với người Fremen... đã cưới một người Fremen.”

“Kynes sẽ chết lúc hoàng hôn ngày mai.”

“Giết một tay sai của Hoàng gia là việc nguy hiểm, thưa bác.”

“Cháu nghĩ như thế nào khi ta đi xa đến mức này nhanh đến thế?” Nam tước hỏi. Giọng ngài khẽ khàng, đầy những tính từ không được diễn thành lời: “Bên cạnh đó, cháu không cần phải sợ Kynes sẽ rời Arrakis. Cháu quên rằng ông ta là người nghiện hương được à.”

“Tất nhiên rồi!”

“Kẻ nào đã biết thì chẳng làm gì gây nguy hiểm đến nguồn dự trữ của chúng đâu,” Nam tước nói. “Chắc chắn Kynes phải biết.”

“Cháu quên mất,” Rabban nói.

Họ nhìn nhau chăm chăm, im lặng.

Ngay sau đó, Nam tước nói: “Nhân đây, cháu hãy coi việc làm ra nguồn hàng cho chính ta là một trong những mối quan tâm cần ưu tiên hàng đầu.

Ta có nguồn dự trữ khá khá những món bí mật, nhưng cuộc đột kích cảm tử của bọn lính Công tước đã lấy đi gần hết những thứ chúng ta dự trữ để bán.”

Rabban gật đầu. “Vâng, thưa Chúa công.”

Nam tước tươi tỉnh hẳn lên. “Nào, sáng mai cháu hãy tập hợp những tên còn lại trong tổ chức tại đây và hãy nói với họ: Hoàng đế Padishah Uy nghi của chúng ta giao cho ta nhiệm vụ chiếm lấy hành tinh này và chấm dứt tất cả bàn cãi.”

“Cháu hiểu, thưa Chúa công.”

“Lần này thì ta chắc là cháu hiểu. Chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn vào ngày mai. Bây giờ, hãy để ta ngủ tiếp.”

Nam tước ngắt tấm chăn cửa, dõi theo người cháu cho đến khi anh ta khuất khỏi tầm nhìn.

Đúng là đầu rỗng tuếch, Nam tước nghĩ. Đầu óc ngu si tứ chi phát triển. Người dân sẽ chỉ còn là đồng bầy nhầy đẫm máu khi nó đã dùng xong bọn họ rồi. Đến lúc đó, khi ta cử Feyd-Rautha tới cưỡi bỏ gánh nặng cho bọn họ, họ sẽ tung hô vị cứu tinh của mình. Feyd-Rautha yêu quý. Feyd-Rautha nhân từ, con người giàu lòng trắc ẩn cứu họ thoát khỏi tên bạo chúa. Feyd-Rautha, một vị cứu tinh xứng đáng để mọi người đi theo và chết vì Người. Lúc đó thằng bé sẽ biết phải đàn áp bằng cách không trừng phạt như thế nào. Ta chắc chắn nó đúng là người chúng ta cần. Nó sẽ học được. Và một thằng bé đáng yêu như thế. Quả thực là thằng bé rất đáng yêu.

Ở tuổi mười lăm, Người đã học được sự im lặng.

- trích “Chuyện thuở thiếu thời của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Trong khi đánh vật với các bộ phận điều khiển của chiếc tàu chim, Paul dần dần nhận thức được mình đang phân loại những lực đan bện vào nhau của cơn bão, trí tuệ còn hơn cả Mentat của cậu tính toán dựa trên những chi tiết cực nhỏ. Cậu cảm nhận được những vùng hoạt động của bụi, những đám bụi cuộn cuộn, sự trộn lẫn những luồng khí xoáy, một con lốc xoáy ngẫu nhiên.

Buồng lái con tàu là một căn buồng giận dữ được chiếu rọi bởi ánh sáng xanh lục của bảng điều khiển. Dòng chảy màu nâu vàng của bụi cát bên ngoài có vẻ như chỗ nào cũng giống chỗ nào, song giác quan nội tại của cậu bắt đầu nhìn xuyên qua bức màn bụi đó.

Ta phải tìm ra đúng con lốc xoáy, cậu nghĩ.

Từ này đến giờ cũng khá lâu rồi, cậu đã cảm thấy sức mạnh của cơn bão đang giảm dần, nhưng nó vẫn làm họ rung chuyển. Cậu chờ một luồng khí xoáy khác.

Cơn lốc xoáy bắt đầu như một đám cuộn cuộn đột khởi khiến toàn bộ con tàu rung lên càn cạch. Paul cưỡng lại mọi nỗi sợ để nghiêng tàu về bên trái.

Jessica nhìn thấy động tác điều luyện đó trên quả cầu chỉ độ cao.

“Paul!” nàng thét lên.

Cơn lốc xoáy khiến họ quay mòng mòng, tròn trành, chao đảo. Nó nhấc bổng con tàu lên như một mẫu vỏ bào trên mạch nước phun, bắn con tàu phọt ra ngoài - một hạt bụi có cánh lọt thỏm trong lòng đám bụi xoáy tròn được ánh trăng thứ hai soi sáng.

Paul nhìn xuống, trông thấy cột gió nóng hiện rõ hình thù nhờ bụi vừa mới nuốt chửng họ, trông thấy cơn bão đang tàn kéo về phía xa như một con sông cạn kéo vào sa mạc - cái chuyển động màu xám dưới ánh trắng càng lúc càng nhỏ dần trong khi họ cười trên dòng khí đi lên.

“Mình thoát khỏi nó rồi,” Jessica thì thầm.

Paul vừa xoay tàu tránh bụi bằng động tác chúi xuống nhịp nhàng vừa quan sát bầu trời đêm.

“Chúng ta thoát khỏi chúng rồi,” cậu nói.

Jessica cảm thấy tim đập thành thịch. Nàng buộc mình phải bình tĩnh, nhìn về phía cơn bão đang yếu dần. Cảm giác về thời gian của nàng cho biết họ đã bay trong khối hỗn hợp các lực cơ bản đó suốt gần bốn tiếng đồng hồ, nhưng một phần tâm trí nàng thì ước tính quãng thời gian đó lâu bằng cả đời người. Nàng thấy mình như được sinh ra lần nữa.

Nó giống như lời kinh vậy, nàng nghĩ. Chúng ta đã đối mặt nó và không cưỡng lại. Cơn bão đã đi ngang qua chúng ta và quanh chúng ta. Nó đã qua, còn chúng ta thì ở lại.

“Con không thích âm thanh phát ra từ chuyển động của cánh tàu,” Paul nói. “Chỗ đấy có hỏng hóc gì đó rồi.”

Cậu cảm thấy cái âm thanh kèn kẹt khó nghe, cảm thấy sự tổn thương của con tàu qua đôi tay cậu đặt trên bàn điều khiển. Họ đã ra khỏi cơn bão, nhưng vẫn chưa vào trọn vẹn trong phạm vi thị kiến tiên tri của cậu. Thế nhưng họ đã thoát, và Paul cảm thấy chính mình run rẩy khi tiến đến gần một sự khởi thị.

Cậu rùng mình.

Cảm giác đó đầy sức hút nhưng cũng thật đáng sợ, và cậu nhận ra mình đang chìm đắm trong câu hỏi điều gì đã gây nên cái nhận thức khiến cậu run rẩy đó. Cậu cảm thấy một phần là do cái thực đơn giàu hương được

ở Arrakis. Nhưng cậu nghĩ một phần của nó có thể là lời kinh Bene Gesserit, như thể những lời đó có sức mạnh riêng.

“Ta sẽ không sợ...”

Nhân và quả: cậu vẫn sống bất chấp những thế lực hiểm ác, và cậu thấy mình đang đứng thẳng bằng ở sát mép sự nhận thức về bản thân mà nếu thiếu thần lực của lời kinh kia thì đã không thể nào có được.

Những lời từ Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam vang vọng qua ký ức cậu: *“Chúng ta thiếu những giác quan gì để đến nỗi không nhìn hay nghe thấy cái thế giới khác bao quanh chúng ta?”*

“Quanh đây toàn đá,” Jessica nói.

Paul tập trung vào việc hạ cánh con tàu, lắc đầu cho tỉnh táo. Cậu nhìn vào nơi mẹ chỉ, thấy những khối đá đen trũi lô nhô trên mặt cát phía trước về bên phải. Cậu cảm thấy gió quanh hai mắt cá chân, cảm thấy bụi khuấy động trong phòng lái. Có một lỗ thủng ở đâu đó, không chỉ là do cơn bão.

“Tốt nhất là ta nhảy xuống cát,” Jessica nói. “Cánh tàu có thể sẽ không hãm hoàn toàn được.”

Cậu gật đầu chỉ về phía trước nơi những mỏm đá bị cát bào mòn nhô lên dưới ánh trăng bên trên những đụn cát. “Con sẽ hạ xuống gần các tảng đá kia. Mẹ kiểm tra đai an toàn đi.”

Nàng làm theo, thầm nghĩ: *Chúng ta có nước, có sa mạc. Nếu tìm được thức ăn, chúng ta có thể sống được một thời gian dài trên sa mạc này. Người Fremen sống ở đây. Những gì họ làm được, ta cũng làm được.*

“Ngay khi dừng lại thì chúng ta phải lập tức chạy đến những tảng đá kia,” Paul nói. “Con sẽ mang ba lô.”

“Chạy tới...” Nàng im bật, gật đầu. “Sâu cát.”

“Sâu là bạn của chúng ta,” cậu chỉnh nòng. “Chúng sẽ nuốt chiếc tàu này. Sẽ không còn bằng chứng nào cho thấy ta hạ cánh ở đâu.”

Tư duy của nó mới chính xác làm sao, nòng nghĩ.

Họ xuống thấp hơn... thấp nữa...

Họ có cảm giác đang lao vùn vụt - bóng những đụn cát mờ đi, những tảng đá trôi lên như những hòn đảo. Con tàu chạm vào đỉnh một đụn cát khiến nó tròn trĩnh đôi chút, trượt qua một thung lũng cát, lại chạm vào một đụn cát nữa.

Nó đang giảm tốc độ bằng cách cho tàu tiếp xúc với cát, Jessica nghĩ, và cho phép mình khôi phục năng lực của con trai.

“Chuẩn bị mẹ nhé!” Paul cảnh báo.

Cậu kéo cần hãm cánh, đầu tiên nhẹ, rồi càng lúc càng mạnh. Cậu cảm thấy hai cánh khum thành hình chén, tỷ lệ chiều dài so với bề ngang của chúng giảm càng lúc càng nhanh. Gió gào rít qua các lông tơ và lông vũ gồi lên nhau của những phiến cánh.

Đột ngột, chỉ với một chút lắc lư cỡ con đỉ cảnh báo, chiếc cánh trái, vốn đã bị bão làm yếu đi, quật hẳn lên trên hất vào phía trong, đâm sầm dọc hông tàu. Tàu trượt ngang qua đỉnh một đụn cát, lật về bên trái. Nó đổ nhào xuống mặt bên kia đụn cát, chúi mũi vào sâu trong đụn cát bên cạnh giữa cơ man nào là cát đổ như thác. Tàu dừng, trụ trên sườn chiếc cánh gãy, còn cánh phải chĩa thẳng lên những vì sao.

Paul vùng ra khỏi bộ đai an toàn, lao lên phía trên ngang qua mẹ, giật mạnh cửa tàu ra. Cát tuôn ào ào vào buồng lái xung quanh họ, mang theo mùi đá lửa cháy khô khốc. Cậu chộp lấy ba lô nơi ghế sau, thấy mẹ đã tháo đai an toàn. Nàng đặt chân lên sườn chiếc ghế bên tay phải, chui ra ngoài leo lên lớp vỏ bằng kim loại của chiếc tàu. Paul theo sau, túm đai chiếc ba lô lôi xềnh xệch.

“Chạy!” cậu ra lệnh.

Cậu chỉ lên mặt đụn cát và hướng về phía xa xa, nơi họ có thể thấy một ngọn tháp đá bị những luồng gió cát dữ dội tiện ngang.

Jessica nhảy ra khỏi tàu rồi chạy, vừa trườn vừa trượt lên đụn cát. Nàng nghe tiếng Paul hỗn hển bám theo sau. Họ trèo lên một gờ cát uốn cong chạy về phía các tảng đá.

“Men theo gờ cát,” Paul ra lệnh. “Thế sẽ nhanh hơn.”

Họ ì ạch đi về phía dãy đá, cát níu chặt chân họ.

Một âm thanh mới bắt đầu in vào nhận thức của họ: một tiếng thì thầm bị chặn lại, một tiếng xì xì, một tiếng trườn nghe kín mít.

“Sâu đấy,” Paul nói.

Tiếng động to dần.

“Nhanh lên!” Paul thở hỗn hển.

Bãi đá đầu tiên, như một bãi biển đâm xuyên từ cát, chỉ còn cách họ không quá mười mét thì họ nghe thấy tiếng kim loại kêu răng rắc và vỡ vụn sau lưng.

Paul chuyển ba lô sang tay phải, nắm chặt mấy cái quai đeo. Nó đập đập vào sườn trong khi cậu chạy. Tay kia cậu nắm lấy tay mẹ. Họ trèo lên tảng đá nhô cao, vượt qua một cái rãnh ngoằn ngoèo do gió tạc nên, leo tới một bề mặt rải rác đá cuội. Hơi thở trở nên khô khốc và hỗn hển trong họng họ.

“Mẹ không chạy xa hơn được,” Jessica thở hồng hộc.

Paul dừng lại, đẩy mẹ vào một khe đá, rồi quay lại nhìn xuống sa mạc. Một cái gò đi động chạy song song với hòn đảo đá nơi họ đứng - những

gợn cát, những làn sóng cát được trăng soi sáng, một cái hang đèn dưới đất vồng lên gần như ngang tầm mắt Paul cách chừng một ki lô mét. Những đụn cát bị san phẳng trên đường đi của nó uốn cong đi - một hình thòng lọng ngăn cắt ngang khoảnh sa mạc nơi họ đã bỏ lại con tàu hỏng.

Nơi con sâu cát vừa đi qua không còn dấu vết nào của con tàu.

Cái ụ trông như một cái hang đèn dưới đất đó di chuyển ra phía ngoài hướng vào sa mạc, lại vòng trở về cắt ngang qua đường đi của chính nó, vừa đi vừa tìm kiếm.

“Nó to hơn tàu không gian của Hiệp hội,” Paul thì thầm. “Con nghe nói ở sâu trong sa mạc thì sâu cát to hơn, nhưng con không biết là... lại to đến thế.”

“Mẹ cũng vậy,” Jessica thở ra.

Một lần nữa, con vật quay mình rời khỏi những tảng đá, giờ thì nó tăng tốc lao về phía chân trời, vẽ thành một đường vòng cung. Họ lắng nghe cho đến khi tiếng di chuyển của nó khuất hẳn trong âm thanh xao động của cát xung quanh họ.

Paul hít một hơi dài, nhìn lên vách đá dựng đứng như đóng băng dưới ánh trăng, và đọc một đoạn trích từ Kitab al-Ibar: “Hãy đi vào ban đêm, còn suốt ban ngày thì nghỉ ngơi trong bóng đen.” Cậu nhìn mẹ. “Chúng ta vẫn còn vài giờ ban đêm nữa. Mẹ đi tiếp được không?”

“Đợi chút xíu thôi.”

Paul bước ra bãi đá, khoác ba lô lên vai rồi điều chỉnh quai đeo. Cậu đứng một lát, cựa la bàn cầm trên tay.

“Bất cứ khi nào mẹ sẵn sàng,” cậu nói.

Nàng len ra khỏi khe đá, cảm thấy sức lực đã hồi phục. “Hướng nào?”

“Gờ đá dẫn đi đâu, ta đi đấy.” Cậu chỉ tay.

“Vào sâu trong sa mạc,” nàng nói.

“Sa mạc của người Fremen,” Paul thì thầm.

Và cậu dừng lời, rúng động vì nhớ lại hình ảnh rõ mồn một của một thị kiến tiên tri cậu từng trải qua ở Caladan. Cậu đã nhìn thấy sa mạc này. Nhưng *bối cảnh* của thị kiến kia thì hơi khác, giống như một hình ảnh thị giác đã biến mất vào trong ý thức cậu, được trí nhớ hấp thu, và giờ đây không thể phục hiện một cách hoàn hảo khi được phóng chiếu lên khung cảnh thực. Cái thị kiến đó dường như đã dịch chuyển và đến gần cậu từ một góc độ khác trong khi cậu thì vẫn đứng bất động.

Trong thị kiến đó thì Idaho có mặt bên chúng ta, cậu nhớ lại. Nhưng Idaho giờ đã chết.

“Con có biết đi theo đường nào không?” Jessica hỏi, hiểu lầm sự ngập ngừng của con.

“Không,” cậu nói, “Nhưng dù sao ta sẽ vẫn cứ đi.”

Cậu chỉnh lại tư thế hai vai sao cho khoác ba lô chắc chắn hơn, đi lên một cái rãnh do cát đổ trong khối đá. Cái rãnh dẫn vào một mặt phẳng đá tràn ngập ánh trắng có những cái gờ bị gió mài phẳng nhô xa về phía Nam.

Paul tiến tới cái gờ đầu tiên, trèo lên. Jessica theo sau.

Ngay lập tức nàng nhận ra việc di chuyển đã trở thành vấn đề tức thời và cụ thể - những hốc cát giữa các khối đá làm họ chậm lại, những gờ đá bị gió đổ lởm chởm cắt vào tay họ, sự cản trở ép họ phải lựa chọn: đi thẳng hay đi vòng? Cái địa hình này ép người ta phải tuân theo những nhịp điệu của chính nó. Họ chỉ nói khi cần thiết và nói bằng giọng khàn khàn do phải ráng sức.

“Cẩn thận - cái gờ này có cát trơn đấy.”

“Mẹ để ý đấy, đừng để đập đầu vào cái vòm này.”

“Dừng lại dưới cái đỉnh này thôi; mặt trăng ở sau lưng sẽ soi rõ di chuyển của chúng ta nên ai ở ngoài đó cũng nhìn thấy.”

Paul đứng lại trong một hốc đá, tì ba lô vào cái gờ hẹp.

Jessica đứng dựa bên cạnh con, cảm ơn khoảnh khắc nghỉ ngơi này. Nghe thấy tiếng Paul kéo chiếc áo choàng sa phục của cậu, nàng nhấm nháp nước tái chế của chính mình. Vị nước hơi mặn, và nàng nhớ lại nước ở Caladan - một vòi phun nước vươn cao ôm trọn một cung trời, một nguồn độ ẩm dồi dào như thế nhưng lại chẳng được để ý... mà chỉ được chú ý đến bởi hình dạng, hoặc sự phản chiếu, hoặc âm thanh của nó khi nàng đứng lại bên cạnh nó.

Dừng lại, nàng nghĩ. Để nghỉ ngơi... thực sự nghỉ ngơi.

Nàng chợt nảy ra ý nghĩ rằng lòng khoan dung là khả năng dừng lại, dù chỉ trong chốc lát. Ở đâu không thể có sự dừng lại, ở đó không có lòng khoan dung.

Paul đẩy người ra xa gờ đá, quay người rồi trèo lên một bề mặt nghiêng. Jessica thở dài đi theo con.

Họ trượt xuống một thềm đá rộng bao quanh một mặt đá dốc đứng. Lại một lần nữa, họ rơi vào nhịp điệu chuyển động rời rạc qua vùng đất gập ghềnh này.

Jessica cảm thấy bóng đêm bị thống trị bởi những cấp độ nhỏ bé của các loại vật chất dưới chân tay họ - những hòn cuội hay sỏi hạt đậu, mảnh đá rơi hoặc cát hạt đậu, cát hoặc đá mặt, bụi thô hay bụi mịn như bột.

Lớp bụi mịn làm tắc bộ lọc ở mũi, phải thổi ra. Cát hạt đậu và sỏi hạt đậu lăn trên bề mặt cứng và có thể khiến những người không cẩn thận bị ngã. Đá rơi khiến người ta bị thương.

Và những vùng cát nhỏ có mặt khắp nơi làm chậm bước chân họ.

Paul đột ngột dừng lại trên một thềm đá, giúp mẹ đứng vững trở lại khi mẹ vấp vào cậu.

Cậu chỉ về phía trái, và khi nhìn theo hướng tay con, nàng nhận ra họ đang đứng tại đỉnh một vách đá, bên dưới khoảng hai trăm mét là sa mạc trải dài như một đại dương tĩnh lặng. Nó nằm đó, trập trùng những con sóng màu bạc như ánh trăng - bóng của các góc cạnh trôi từ từ vào những đường cong, và ở đằng xa, nó nổi lên tới tận một vách đá dựng đứng khác mờ mờ màu xám như sương mù.

“Sa mạc trơ trụi,” nàng nói.

“Một vùng rộng lớn phải đi qua,” Paul nói, giọng nghệt lại do bộ lọc chắn ngang mặt.

Jessica liếc sang trái rồi sang phải - chẳng có gì ở phía dưới ngoại trừ cát.

Paul nhìn thẳng về phía trước qua những đụn cát trơ trụi, dõi theo chuyển động của những cái bóng trong đường đi của mặt trăng. “Từ bên này sang tới bên kia cỡ chừng ba, bốn ki lô mét,” cậu nói.

“Sâu cát,” nàng nói.

“Chắc chắn.”

Nàng tập trung vào tình trạng mệt lử, vào các cơ đau nhức làm mờ cảm giác của mình. “Chúng ta nghỉ ngơi ăn uống chứ?”

Paul tháo ba lô ra, ngồi xuống tựa vào nó. Jessica tì một tay lên vai cậu trong khi từ từ ngồi xuống tảng đá bên cạnh Paul. Nàng cảm thấy cậu xoay người lại khi nàng đã yên vị, nghe tiếng cậu quờ quạng trong chiếc ba lô.

“Đây rồi,” cậu nói.

Tay cậu cảm nhận được sự khô nẻ của tay mẹ khi cậu ấn hai viên thuốc tăng lực vào lòng bàn tay nàng.

Nàng miễn cưỡng nuốt thuốc cùng với một ngụm nước từ chiếc ống của bộ sa phục.

“Uống hết nước của mẹ đi,” Paul nói. “Chân lý là: nơi giữ gìn nước của bạn tốt nhất chính là cơ thể bạn. Nó giúp cho sức lực mẹ tăng lên. Mẹ khỏe lên. Hãy tin vào bộ sa phục của mẹ.”

Nàng làm theo, uống cạn nước trong túi hứng của mình, cảm thấy sức lực quay trở lại. Rồi nàng nghĩ, thật yên bình biết bao cái khoảnh khắc một nhóc này của họ, và nàng nhớ lại một lần đã nghe chiến binh hát rong Gurney Halleck nói, “Một mẫu thức ăn khô cùng sự tĩnh lặng còn tốt hơn là một gia tộc chống chất hy sinh và xung đột.”

Jessica nhắc lại câu đó cho Paul nghe.

“Gurney là như vậy đấy,” cậu nói.

Nàng hiểu được âm điệu trong giọng cậu, cách cậu nói khi một người nào đó chết, và thậm chí: *Gurney đáng thương có thể đã chết*. Những người thân cận trong Gia tộc Atreides hoặc đã chết hoặc bị bắt, hoặc cũng như họ, đang lạc lối trong cõi trụi không nước này.

“Gurney luôn có câu trích dẫn đúng đắn,” Paul nói. “Lúc này con có thể nghe thấy ông ấy nói: ‘Và ta sẽ làm những con sông khô cạn, bán vùng đất này vào tay những kẻ xấu xa: và ta sẽ khiến vùng đất đó bị tàn phá, cùng tất cả những gì trong đó, bằng bàn tay kẻ lạ.’ ”

Jessica nhắm mắt, nhận thấy mình sắp rơi nước mắt vì sự bi ai thống thiết trong giọng con.

Ngay sau đó, Paul nói: “Mẹ... cảm thấy thế nào?”

Nàng nhận ra câu hỏi hướng trực tiếp vào việc nàng mang thai nên nói:

“Nhiều tháng nữa em gái con vẫn chưa ra đời. Mẹ vẫn cảm thấy... cơ thể chịu đựng được.”

Nàng nghĩ: *Ta nói với con trai nghe mới nghi thức và cũng nhắc làm sao!* Thế rồi, bởi phương pháp Bene Gesserit là tìm bên trong mình câu trả lời cho một điều kỳ quặc như thế, nàng tìm kiếm và nhận thấy nguồn gốc cách trả lời nghi thức của nàng: *Mình sợ con trai; mình sợ sự kỳ lạ của nó; mình sợ điểu nó có thể nhìn thấy ở phía trước, điểu nó có thể nói với mình.*

Paul kéo mũ trùm đầu sụp xuống hai mắt, lắng nghe những âm thanh của đêm giống như tiếng sâu bọ rì rầm. Phổi cậu nạp đầy sự tĩnh lặng của chính cậu. Mũi cậu ngửi ngáy. Cậu gãi mũi, tháo bộ lọc ra và nhận ra càng lúc càng rõ mùi quế nồng nặc.

“Gần đây có nguồn melange hương được,” cậu nói.

Một cơn gió nhẹ mơn man má cậu, làm những nếp áo choàng phồng lên. Nhưng cơn gió này không mang theo mối đe dọa của bão; cậu có thể cảm thấy sự khác biệt đó.

“Sắp bình minh,” cậu nói.

Jessica gạt đầu.

“Có một con đường an toàn vượt qua vùng cát trơ trụi kia,” Paul nói. “Người Fremen đã làm ra con đường đó.”

“Thế còn lỗ sâu cát?”

“Nếu chúng ta cắm một cây dùi gỏi lấy từ bộ Fremkit xuống dãy đá ở đây, nó sẽ giữ chân sâu cát một thời gian,” Paul nói.

Nàng nhìn vào khoảng sa mạc phủ ánh trăng trải dài từ nơi họ đứng tới chỗ vách đá đối diện. “Đủ thời gian đi được bốn ki lô mét chứ?”

“Có thể. Và nếu chúng ta băng qua chỗ đó mà chỉ tạo ra những âm thanh

tự nhiên, loại âm thanh không thu hút sự chú ý của sâu cát...

Paul vừa quan sát sa mạc trơ trụi vừa lục tìm trong trí nhớ tiên tri, nghiên cứu những ám chỉ bí ẩn về dùi gỏi và móc bắt Ngài tạo trong quyển sách hướng dẫn sử dụng bộ Fremkit đi kèm chiếc ba lô của họ. Cậu thấy thật kỳ quặc khi tất cả những gì cậu cảm thấy là nỗi khiếp sợ lan tỏa mỗi khi nghĩ về sâu cát. Cậu biết, như thể nó nằm ngay tại rìa ý thức cậu, rằng sâu cát đáng được kính trọng chứ không đáng sợ... nếu như... nếu như...

Cậu lắc đầu.

“Phải là âm thanh không có nhịp điệu,” Jessica nói.

“Gì ạ? Ồ. Vâng. Nếu chúng ta ngừng bước... thỉnh thoảng chính cát phải chảy xuống. Sâu cát không thể điều tra từng âm thanh nhỏ. Tuy nhiên chúng ta nên nghỉ ngơi đầy đủ trước khi thử làm thế.”

Cậu nhìn sang phía bức tường đá đối diện, quan sát bước tiến của thời gian trong những bóng trắng thẳng đứng ở đó. “Một giờ nữa sẽ tới bình minh.”

“Ban ngày chúng ta sẽ ở đâu?” nàng hỏi.

Paul quay sang trái, chỉ tay. “Vách núi cong về phía Bắc ở đằng kia. Qua cách nó bị gió đổ, mẹ có thể nhận ra đó là mặt đón gió. Ở đó sẽ có kẽ nứt, những kẽ nứt sâu.”

“Chúng ta bắt đầu ngay bây giờ chẳng tốt hơn sao?” nàng hỏi.

Cậu đứng, rồi giúp nàng đứng lên. “Mẹ nghỉ ngơi đủ chưa? Có trèo xuống được không? Con muốn đến càng gần nền sa mạc càng tốt trước khi chúng ta cắm trại.”

“Đủ rồi.” Nàng gạt đầu ra hiệu cậu dẫn đường.

Cậu ngấp ngừng, sau đó nhấc ba lô khoác lên vai rồi quay người đi dọc theo vách đá.

Giá như chúng ta có dây treo, Jessica nghĩ. Được vậy thì nhẩy xuống đó sẽ trở nên đơn giản. Nhưng có thể dây treo cũng là thứ nên tránh dùng trong sa mạc trơ trụi. Có thể chúng sẽ thu hút sâu cát giống như cách thu hút của tấm chắn.

Họ đến một dãy thềm đá hạ thấp dần xuống, và bên kia dãy thềm đá họ thấy một khe nứt chạy dọc theo mặt trước, ánh trăng soi rõ đường nét bên ngoài của nó.

Paul dẫn đường xuống, đi cẩn thận nhưng vội vàng, vì rõ là ánh trăng sắp tàn. Họ luồn lách đi xuống, tiến vào thế giới của những bóng tối ngày càng đen đặc hơn. Những hình thù đá không rõ rệt leo tới tận các vì sao xung quanh họ. Khe nứt thu hẹp lại dần còn rộng cỡ mười mét tại đỉnh một dốc cát xám lơ mờ dẫn vào bóng tối hun hút.

“Có xuống dưới được không?” Jessica hỏi.

“Chắc là được.”

Cậu đưa một chân thăm dò bề mặt.

“Mình có thể trượt xuống,” cậu nói. “Con sẽ trượt trước. Mẹ hãy đợi cho đến khi nghe thấy con dừng lại.”

“Cẩn thận,” nàng nói.

Cậu bước tới chỗ đỉnh dốc rồi trượt, trôi trên bề mặt êm ái của nó, xuống tới một nền cát nén chặt gần như bằng phẳng. Nơi này nằm sâu bên trong những bức tường đá.

Có âm thanh cát trượt đằng sau cậu. Cậu cố gắng nhìn lên con dốc trong bóng tối hun hút, gần như bị dòng thác cát quật ngã xuống. Âm thanh cát trượt nhỏ dần rồi im lặng.

“Mẹ ơi?” cậu gọi.

Không có tiếng trả lời.

“Mẹ ơi?”

Cậu bỏ ba lô ra, lao lên con dốc, cậu bò, đào bới, ném cát giống như người điên. “Mẹ!” cậu thở hổn hển. “Mẹ ơi, mẹ ở đâu?”

Một dòng thác cát nữa đổ ập xuống, vùi cậu đến tận hông, cậu vịn mạnh người thoát ra khỏi nó.

Mẹ bị mắc kẹt trong cơn lở cát, cậu nghĩ. Bị chôn trong đó. Mình phải bình tĩnh và hành động cẩn thận. Mẹ sẽ không bị ngạt thở ngay. Mẹ sẽ thiết lập trạng thái treo bindu để giảm nhu cầu ô xy. Mẹ biết mình sẽ đào bới tìm kiếm mẹ.

Bằng phương pháp Bene Gesserit mẹ đã dạy, Paul làm dịu nhịp tim đang đập dữ dội, làm cho tâm trí mình giống như một phiến đá trống mà vài khoảnh khắc vừa trôi qua có thể tự ghi lên đó. Từng sự dịch chuyển nhỏ, từng khúc cua trên đường trượt cát tái hiện lại trong trí nhớ cậu, chuyển động với một tầm vóc nội tại lớn lao tương phản với khoảng thời gian thực rất nhỏ của giây mà cậu cần để nhớ lại tất cả.

Ngay sau đó, Paul đi xiên lên con dốc, thăm dò cẩn thận cho tới khi tìm thấy tường của khe nứt, một đường cong ngoài của đá ở đó. Cậu bắt đầu đào, gạt cát ra thật cẩn thận để không khơi nên một cơn lở cát nữa. Một miếng vải hiện ra dưới tay cậu. Cậu lần theo nó, tìm thấy một cánh tay. Nhẹ nhàng, cậu lần theo cánh tay, làm lộ ra khuôn mặt mẹ.

“Mẹ có nghe thấy con nói không?” cậu thì thầm.

Không có tiếng trả lời.

Cậu đào nhanh hơn, giải phóng hai vai mẹ. Nàng mềm rũ dưới tay cậu, nhưng cậu phát hiện một nhịp tim đập yếu ớt.

Treo bindu, cậu thầm nhủ.

Cậu gạt sạch cát ra khỏi thắt lưng mẹ, xốc hai tay mẹ qua vai mình rồi kéo mẹ xuống con dốc, đầu tiên chạy từ từ, sau đó cậu kéo mẹ với tốc độ nhanh hết mức, cảm thấy cát sụt xuống ở phía trên. Cậu kéo mẹ nhanh hơn, nhanh hơn nữa, thở hổn hển trong sự nỗ lực cùng cực, vật lộn để giữ thăng bằng. Sau đó cậu xuống tới nền cứng của khe nứt, xốc mẹ lên vai mà lão đảo chạy thục mạng trong khi toàn bộ con dốc cát sụp xuống kèm theo tiếng xì xì ầm ỉ, vang vọng và được khuếch đại lên trong các bức tường đá.

Cậu dừng lại ở cuối khe nứt, chỗ này nhìn xuống những đụn cát sa mạc phía dưới xếp hàng hàng lớp lớp như hành quân, cách họ chừng ba mươi mét. Nhẹ nhàng, cậu hạ dần mẹ xuống cát, thốt ra câu nói để đưa nàng ra khỏi trạng thái giữ nguyên thế.

Nàng từ từ tỉnh dậy, hít những hơi thở sâu hơn, sâu hơn nữa.

“Mẹ biết con sẽ tìm ra mẹ,” nàng thì thầm.

Cậu quay lại nhìn lên khe nứt. “Nếu con không tìm ra mẹ thì hẳn đã tốt hơn.”

“Paul!”

“Con làm mất ba lô rồi,” cậu nói. “Nó bị chôn dưới... ít nhất hàng tấn cát.”

“Mất mọi thứ rồi sao?”

“Nước dự trữ, lều sa mạc - mọi thứ.” Cậu sờ vào túi. “Con vẫn còn cặn la bàn.” Cậu sờ rầm chiếc khăn buộc quanh thắt lưng. “Dao và ống nhòm. Chúng ta có thể quan sát tốt xung quanh nơi chúng ta sẽ chết này.”

Lúc này, mặt trời đã mọc lên trên chân trời ở đâu đó về phía trái, bên ngoài điểm cuối cùng của khe nứt. Những màu sắc lung linh trong cát bốc lên trên sa mạc trở trụi. Một đàn chim đồng thanh cất tiếng hót từ chỗ ẩn nấp giữa các khối đá.

Nhưng Jessica chỉ thấy sự tuyệt vọng trên mặt Paul. Nàng mài sắc giọng mình bằng vẻ khinh thường, nói: “Đây có phải cách con đã được dạy không?”

“Mẹ không hiểu à?” cậu hỏi. “Mọi thứ chúng ta cần để sống sót được ở nơi này giờ nằm dưới cát hết rồi.”

“Con đã tìm thấy mẹ,” nàng nói, lúc này giọng nàng thật êm ái, vừa phải.

Paul ngồi xổm xuống gót chân.

Ngay sau đó, cậu nhìn lên khe nứt tại con dốc mới, quan sát nó, chú ý trạng thái xấp của cát.

“Nếu như cố định được một khoảnh dốc nhỏ và mặt phía trên của một cái hố đào vào trong cát, chúng ta có thể mở đường thông tới cái ba lô. Nước có thể làm cát bất động, nhưng chúng ta không đủ nước để...” Cậu dừng lại rồi nói tiếp: “Sủi bọt.”

Jessica im lặng vì sợ làm xáo động chức năng siêu tính toán trong đầu cậu.

Paul nhìn những đụn cát trống trải, tìm kiếm bằng lỗ mũi cũng như bằng mắt, tìm phương hướng, sau đó tập trung chú ý vào một vùng cát tối om bên dưới họ.

“Hương được,” cậu nói. “Nó có tính kiềm cao. Con có cặn la bàn. Túi năng lượng của nó chứa a xít-ba zơ.”

Jessica ngồi thẳng lên dựa vào khối đá.

Paul không để ý gì đến mẹ, cậu đứng bật dậy, đi xuống bề mặt được gió nén chặt trải dài từ điểm cuối của khe nứt tới nền sa mạc.

Nàng quan sát cách cậu đi, sự ngắt nhịp di chuyển của cậu - bước... dừng... bước-bước... trượt... dừng...

Cậu đi không theo một nhịp điệu nào, không để cho một con sâu cát cướp bóc có thể nghĩ rằng một cái gì đó không thuộc sa mạc đang di chuyển ở đây.

Paul đi tới vùng hương dục, xúc một vốc hương dục cho vào nếp áo choàng rồi quay trở lại khe nứt. Cậu đổ hương dục lên khoảng cát trước mặt Jessica, ngồi xổm xuống bắt đầu dùng mũi dao gỡ vỏ cặn la bàn. Mặt la bàn tróc ra. Cậu tháo khăn thắt lưng, trải các bộ phận của la bàn lên khăn, nhấc túi năng lượng ra. Tiếp theo cậu tháo bộ phận chỉ hướng của la bàn ra, để lại một khoang rỗng trong lòng thiết bị, lõm xuống như lòng đĩa.

“Con cần nước,” Jessica nói.

Paul lấy túi hứng từ cổ ra, hút một ngụm đầy, trún nước vào khoang lõm đó.

Nếu việc này thất bại thì thật lãng phí nước, Jessica nghĩ. Nhưng nếu đã vậy thì dù sao chuyện ấy cũng đâu còn quan trọng nữa.

Paul dùng dao cắt túi năng lượng, đổ các tinh thể trong túi vào nước. Chúng sủi bọt nhẹ rồi lắng xuống.

Mắt Jessica hút vào chuyển động bên trên họ. Nàng ngước lên, thấy một đàn chim ưng đậu dọc theo mép khe nứt. Chúng đậu trên đó, nhìn chăm chăm vào chỗ nước để ngỏ.

Mẹ Vĩ đại ơi! nàng nghĩ. Thậm chí ở khoảng cách xa đến thế lũ chim cũng có thể cảm thấy nước.

Paul lắp lại vỏ chiếc cặn la bàn, nhưng không lắp nút tái khởi động, để chừa một lỗ nhỏ dẫn chất lỏng vào. Một tay cầm chiếc la bàn đã hoạt động trở lại, tay kia đầy một vốc hương dục, Paul trở lại chỗ khe nứt, quan sát vị trí của con dắc. Áo choàng của cậu hơi phồng lên do không có dây buộc thắt lưng. Cậu gắng sức đi qua đoạn đường đầy cát lên tới con dắc, đá bật những lạch cát nhỏ, bụi tung lên mù mịt.

Ngay sau đó, cậu dừng lại, đổ một lượng nhỏ hương được vào la bàn, lắc hộp thiết bị.

Bọt xanh sùi ra ngoài lỗ trống nơi lẽ ra là nút tái khởi động. Paul vẩy bọt xuống con dốc, tạo ra một con đê thấp ở đó, bắt đầu đá tung lớp cát bên dưới nó, vẩy thêm nhiều bọt nữa để giữ cố định bề mặt cát.

Jessica đi tới vị trí bên dưới cậu, gọi với lên: “Mẹ có thể giúp gì không?”

“Mẹ lên đây đào đi,” cậu nói. “Mình phải đào chừng ba mét. Chắc không xa lắm đâu.” Khi cậu nói, bọt trong thiết bị ngừng sùi ra.

“Nhanh lên,” Paul nói. “Không thể biết lớp bọt này sẽ cố định được cát trong bao lâu.”

Jessica bò lên cạnh Paul trong lúc cậu rắc một lượng nhỏ hương được vào cái lỗ, lắc lắc cặn la bàn. Lại một lần nữa, bọt sùi ra ngoài lỗ.

Trong khi Paul tạo hàng rào bọt, Jessica đào bằng tay, hất mạnh cát xuống con dốc. “Đào sâu bao nhiêu?” nàng thở hổn hển.

“Cỡ ba mét,” cậu nói. “Con chỉ có thể tính xấp xỉ vị trí đó. Chúng ta có thể phải nói rộng hố này ra.” Cậu bước sang một bên, trượt vào lớp cát êm xốp. “Mẹ hãy đào xiên về phía sau. Đừng đào thẳng xuống.”

Jessica làm theo.

Chậm chậm, cái lỗ được khoét dần xuống, sâu tới mức ngang với nền của vùng lòng chảo mà vẫn không thấy dấu vết chiếc ba lô.

Có lẽ mình tính sai chăng? Paul tự hỏi. Ngay từ ban đầu mình đã hoang mang sợ hãi và đó là nguyên nhân của sai lầm này. Điều đó làm hỏng khả năng của mình sao?

Cậu nhìn cặn la bàn. Còn chưa đầy sáu mươi gam a xít.

Jessica đứng thẳng người lên trong hố, quệt một bàn tay nhuốm bột qua má. Mắt nàng gặp mắt Paul.

“Bề mặt phía trên,” Paul nói. “Nào, nhẹ nhàng thôi.” Cậu thêm một nhúm hương được vào lỗ, vẩy bột sủi ra vào mặt cát quanh hai tay Jessica trong khi nàng bắt đầu khoét một mặt thẳng đứng vào vách xiên phía trên của hố. Khi quờ tay đến lần thứ hai, nàng chạm phải một vật rắn. Từ từ, nàng lần ra chiều dọc của quai đeo ba lô có khóa bằng nhựa dẻo.

“Đừng di chuyển nó,” Paul nói, giọng cậu gần như thì thầm.

“Mình hết bột rồi.”

Jessica giữ quai đeo ba lô trong một tay, ngược nhìn cậu.

Paul ném chiếc cạp la bàn rỗng xuống nền lòng chảo rồi nói: “Đưa tay kia của mẹ cho con. Bây giờ mẹ hãy nghe thật kỹ nhé. Con sẽ kéo mẹ sang một bên và trượt về phía đáy dốc. Đừng để quai đeo ba lô tuột ra. Cát từ đỉnh sẽ không tràn xuống nhiều lắm. Con dốc này đã được cố định. Con sẽ tập trung giữ cho đầu mẹ không bị cát phủ. Một khi hố này đầy, chúng ta có thể đào mẹ ra và kéo ba lô lên.”

“Mẹ hiểu,” nàng nói.

“Mẹ sẵn sàng chưa?”

“Sẵn sàng rồi.” Nàng căng các ngón tay nắm chặt quai đeo ba lô.

Chỉ bằng một động tác kéo, Paul đã lôi được nửa người nàng ra khỏi hố, giữ đầu nàng ngẩng cao khi hàng rào bột vỡ ra và cát tràn xuống. Khi cát lắng xuống, Jessica vẫn bị chôn đến thắt lưng, tay trái và vai vẫn vùi dưới cát, cầm nàng tì trên một nếp áo choàng của Paul. Vai nàng nhúc nhích do lực căng đè lên nó.

“Mẹ vẫn cầm quai ba lô,” nàng nói.

Paul từ từ dùng tay đào lớp cát bên cạnh nàng, tìm thấy cái quai. “Mình làm cùng nhau nhé,” cậu nói. “Kéo bằng lực không đổi. Không được làm đứt quai.”

Khi họ kéo ba lô lên, cát tràn xuống nhiều hơn. Khi quai ba lô lên đến bề mặt, Paul dừng lại, giải phóng mẹ thoát khỏi cát. Họ cùng kéo chiếc ba lô xuống dưới con dốc và ra khỏi cái bẫy đó.

Họ đứng trên nền khe nứt trong vài phút, giữ chặt cái ba lô giữa hai người.

Paul nhìn mẹ. Bọt làm bẩn mặt và áo nàng. Cát đóng thành mảng trên người nàng khi bọt khô đi. Trông nàng như một cái bia cho những quả bóng bằng cát ướt màu xanh.

“Trông mẹ nhếch nhác quá,” cậu nói.

“Con cũng có đẹp để gì cho cam,” nàng nói.

Họ phá lên cười, rồi nghiêm túc trở lại.

“Lẽ ra không được để chuyện đó xảy ra,” Paul nói. “Con thật bất cẩn.”

Nàng nhún vai, cảm thấy cát đóng cục rơi từ áo xuống.

“Con sẽ dựng lều,” cậu nói. “Mẹ nên cởi áo choàng ra giữ cho sạch.” Cậu quay đi, túm lấy ba lô.

Jessica gật đầu, đột nhiên nàng cảm thấy quá mệt mỏi không trả lời nổi nữa.

“Trong đá có các lỗ cắm,” Paul nói. “Có ai đó đã từng dựng lều ở đây.”

Sao lại không chú? Nàng nghĩ khi phúi bụi chiếc áo choàng. Đây là một nơi thích hợp - nằm sâu trong những bức tường đá, đối diện với một vách đá khác cách đây chừng bốn ki lô mét - đủ cao phía trên sa mạc để

tránh sâu cát, nhưng cũng đủ gần để đến được dễ dàng trước một cuộc hành trình.

Nàng quay lại, nhận thấy Paul đã dựng lều lên, mái vòm bán cầu có nhiều gong của căn lều hòa lẫn với những bức tường đá của khe nứt. Paul bước qua mẹ, nâng ống nhòm lên. Cậu xoay nhanh ống nhòm để điều chỉnh áp lực bên trong, chỉnh tiêu điểm của các thấu kính dầu vào vách núi màu nâu vàng phía xa đang vươn lên trong ánh sáng sớm mai trải dài khắp vùng cát mênh mông.

Jessica quan sát khi cậu chăm chú nghiên cứu khung cảnh hồng hoang đó, mắt dõi vào những dòng cát và những hẻm núi.

“Có những cái gì đó đang lớn dần lên đằng kia,” cậu nói.

Jessica tìm thấy ống nhòm dự phòng trong ba lô cạnh căn lều, nàng lại gần chỗ Paul.

“Ở đằng kia,” cậu nói, một tay giữ ống nhòm, tay kia chỉ về phía đó.

Nàng nhìn theo hướng cậu chỉ.

“Xương rồng,” nàng nói. “Bụi xương rồng khẳng khiu.”

“Có thể có người ở gần đó,” Paul nói.

“Có thể chỗ đó là tàn tích của một trạm kiểm tra thực vật học,” nàng cảnh báo.

“Nơi đó nằm khá xa về hướng Nam trong sa mạc,” cậu nói. Cậu hạ thấp ống nhòm xuống, xoa xoa vào chỗ dưới vách ngăn bộ lọc, cảm thấy môi mình mới khô và nứt nẻ làm sao, cảm thấy vị khô của cơn khát trong miệng.

“Con có cảm giác đó là nơi ở của người Fremen,” cậu nói.

“Có chắc chắn là người Fremen sẽ cư xử thân thiện không?” nàng hỏi.

“Kynes đã hứa là họ sẽ giúp.”

Nhưng bọn người trong sa mạc này đang tuyệt vọng, nàng nghĩ. Hôm nay chính mình cũng trải qua một chút cảm giác đó. Những kẻ tuyệt vọng có thể giết hai mẹ con ta để lấy nước.

Nàng nhắm mắt, và trong tâm trí nàng gợi lên một khung cảnh ở Caladan trái ngược với mảnh đất khô cằn này. Một lần, trước khi Paul ra đời, nàng và Công tước Leto đi du ngoạn Caladan. Họ bay qua những khu rừng nhiệt đới phương Nam, bay qua những đám lá đại lao xao và những cánh đồng lúa vùng châu thổ. Và họ thấy những đàn kiến trong cây cỏ - những đoàn người gánh hàng bằng đòn gánh được nâng lên nhờ các dây treo. Và trên những quãng biển có những con thuyền buồm ba thân trông như cánh hoa trắng.

Tất cả đã qua rồi.

Jessica mở mắt đối diện với sự yên tĩnh của sa mạc, với hơi nóng ban ngày đang càng lúc càng tăng. Sức nóng ghê gớm không ngừng tăng lên bắt đầu tạo ra một luồng không khí run rẩy bốc lên trên vùng cát mênh mông. Bề mặt khối đá ở phía đối diện họ trông giống một vật nhìn qua lớp kính rẻ tiền.

Cát tràn ra, giăng một tấm màn ngăn chắn ngang đầu thông ra ngoài cửa khe nứt. Cát trở nên bở ra nhờ làn gió nhẹ buổi sáng, bởi những con chim ưng bắt đầu bay khỏi đỉnh vách núi, liên tục xì xì xuống dưới. Khi dòng thác cát đã qua đi, nàng vẫn còn nghe thấy tiếng xì xì của nó. Tiếng kêu ngày càng to hơn, cái âm thanh chỉ cần nghe một lần sẽ không bao giờ quên.

“Sâu cát,” Paul thì thầm.

Nó đến từ bên phải họ, với một vẻ uy nghi hăm dọa không thể phớt lờ. Một ụ cát gồ lên như một cái hang đùn từ dưới đất ngoằn ngoèo cắt qua những đụn cát nằm trong phạm vi tầm nhìn của họ. Ụ cát nhô lên ở đằng trước, rẽ bụi sang hai bên như một mũi tàu rẽ nước.

Âm thanh giảm đi, tắt lịm.

“Con thấy tàu không gian còn nhỏ hơn nó,” Paul thì thầm.

Nàng gật đầu, tiếp tục nhìn chăm chăm qua sa mạc. Nơi con sâu cát đi qua để lại một vết lõm như muống trên người. Nó kéo dài dằng dặc chừng như bất tận trước mắt họ, mời gọi họ đến dưới đường chân trời sụp ngang xuống theo đường đi của nó.

“Khi nghỉ ngơi, chúng ta nên tiếp tục các bài tập của con,” Jessica nói.

Cậu nén một cơn giận bất chợt rồi nói: “Mẹ, mẹ không nghĩ rằng chúng ta vẫn có thể hành động dù thiếu...”

“Hôm nay con đã hoang mang sợ hãi,” nàng nói. “Có thể con biết tâm trí và sự làm chủ hệ thần kinh của con rõ hơn mẹ, nhưng con vẫn chưa học được nhiều về hệ cơ-prana của thân thể con. Đôi khi cơ thể tự làm những việc của riêng nó, Paul ạ, và mẹ có thể dạy con điều này. Con phải học điều khiển mọi cơ, mọi đường gân thớ thịt trong cơ thể. Con cần tập dượt lại đôi tay. Chúng ta sẽ bắt đầu với các cơ ngón tay, dây chằng lòng bàn tay và độ nhạy cảm đầu ngón tay.” Nàng quay đi. “Bây giờ thì lại đây, vào trong lều.”

Cậu gập các ngón bàn tay trái lại, quan sát mẹ bò qua van bịt cửa lều, biết rằng cậu không thể làm mẹ thay đổi quyết định... rằng cậu phải đồng ý.

Dù người ta đã làm gì với ta đi nữa, ta cũng đã dự phần vào nó, cậu nghĩ.

Tập dượt lại bàn tay!

Cậu nhìn bàn tay mình. Nó dường như không tương xứng xiết bao khi đo với những sinh vật như con sâu cát đó.

Chúng ta đến từ Caladan - một thế giới thiên đường cho dạng sống của chúng ta. Trên Caladan không có nhu cầu xây dựng một thiên đường vật chất hay thiên đường của tâm trí - chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ thực tại bao quanh chúng ta. Và cái giá chúng ta phải trả là cái giá người ta luôn trả để có được một chốn thiên đường trong cuộc sống này - chúng ta trở nên yếu đuối, chúng ta đánh mất sự sắc bén của mình.

- trích “Muad’Dib: Những cuộc trò chuyện” của Công chúa Irulan

“VẬY RA ông là Gurney Halleck vĩ đại đấy,” người đàn ông nói.

Halleck đứng nhìn chằm chằm qua căn phòng làm việc hình tròn nằm trong hang về phía tay buôn lậu ngồi sau một chiếc bàn kim loại. Tay buôn lậu mặc áo choàng Fremen và có đôi mắt phơn phớt xanh cho biết hẳn dùng thêm các thực phẩm có xuất xứ bên ngoài hành tinh này trong thực đơn của mình. Phòng làm việc của hắn to gấp đôi trung tâm điều khiển chính của một tàu không gian - các phương tiện liên lạc và màn hình quan sát nằm dọc theo hình cong ba mươi độ của bức tường, có những cái gờ nổi liền vào đó dùng để chiến đấu và bắn từ xa, và chiếc bàn làm thành chỗ nhô ra của bức tường - một phần của đường cong còn lại.

“Tôi là Staban Tuek, con của Esmar Tuek,” tay buôn lậu nói.

“VẬY RA ông là người tôi phải chịu ơn vì những gì ông đã giúp đỡ chúng tôi,” Halleck nói.

“Ái chà chà, lòng biết ơn,” tay buôn lậu nói. “Mời ngồi.”

Một chiếc ghế có lưng tựa tròn, loại dùng trong tàu không gian, hiện ra từ bức tường gần các màn hình và Halleck thở dài ngồi lên ghế, cảm thấy kiệt sức. Lúc này ông có thể thấy hình phản chiếu của chính mình trên bề mặt sẫm màu bên cạnh tay buôn lậu, và ông cau có nhìn những nét mệt mỏi trên khuôn mặt đầy vết sưng tấy của mình. Vết sẹo vì cây nho mực dọc quai hàm méo xệch khi ông cau có.

Halleck quay đi không nhìn ảnh phản chiếu của mình nữa mà nhìn chăm chăm vào Tuek. Giờ thì ông đã thấy những đường nét di truyền trên khuôn mặt tay buôn lậu - đôi lông mày rậm gồ lên của người cha, gò má và mũi trông như bằng đá.

“Thuộc hạ của tôi nói cha ông đã chết dưới tay bọn Harkonnen,” Halleck nói.

“Bị bọn Harkonnen giết hoặc bị tên phản bội trong hàng ngũ của ông giết,” Tuek nói.

Nỗi tức giận chiến thắng cơn mệt mỏi của Halleck. Ông thẳng người lên nói: “Ông có thể nói tên kẻ phản bội không?”

“Chúng tôi không chắc.”

“Thufir Hawat nghi ngờ Lệnh bà Jessica.”

“À à, mụ phù thủy Bene Gesserit... có thể lắm. Nhưng bây giờ Hawat bị bọn Harkonnen bắt giữ rồi.”

“Tôi có nghe nói,” Halleck hít một hơi sâu. “Có vẻ như sắp tới chúng ta sẽ phải giết thêm nhiều mạng nữa đây.”

“Chúng tôi sẽ không làm gì để thu hút sự chú ý về phía mình,” Tuek nói.

Halleck cứng người lại. “Nhưng...”

“Ông cùng những thuộc hạ vừa được chúng tôi cứu có thể thoải mái ẩn náu ở chỗ chúng tôi,” Tuek nói. “Ông nói về lòng biết ơn. Rất tốt; hãy làm việc để trả ơn cho chúng tôi. Chúng tôi luôn sử dụng những người xuất sắc. Tuy nhiên chúng tôi sẽ tiêu diệt ông ngay nếu ông có bất kỳ hành động chống đối công khai nào dù là nhỏ nhất đối với người Harkonnen.”

“Nhưng bọn chúng đã giết chết cha ông, thưa ông!”

“Có thể. Và nếu đúng như vậy, tôi sẽ cho ông biết câu trả lời của cha tôi dành cho những người hành động mà không suy nghĩ: ‘Đá nặng và cát cũng nặng; nhưng sự phẫn nộ của một kẻ ngu ngốc thì còn nặng hơn cả đá và cát.’ ”

“VẬY ông muốn nói là không làm gì sao?” Halleck chậm chọc.

“Ông không nghe thấy tôi nói như thế. Tôi chỉ nói tôi sẽ bảo vệ hợp đồng của chúng tôi với Hiệp hội. Hiệp hội yêu cầu chúng tôi chơi một trò chơi thận trọng. Có những cách khác để tiêu diệt kẻ thù.”

“Ái chà chà.”

“Ái chà, thực vậy đấy. Nếu ông định tìm kiếm mụ phù thủy đó thì cứ việc. Nhưng tôi xin cảnh báo rằng có thể ông đã quá chậm... và dù thế nào đi nữa, chúng tôi không chắc mụ ta chính là người mà ông muốn.”

“Hawat ít khi sai.”

“Ông ta cho phép mình rơi vào tay bọn Harkonnen.”

“Ông nghĩ ông ta là tên phản bội?”

Tuek nhún vai. “Nói vậy thì sách vở quá. Chúng tôi nghĩ mụ phù thủy đã chết. Chỉ ít bọn Harkonnen cũng tin như thế.”

“Dường như ông biết rất nhiều về bọn Harkonnen.”

“Những ám chỉ và suy đoán... những tin đồn và linh cảm.”

“Chúng tôi có bảy mươi tư người,” Halleck nói. “Nếu thật sự muốn chúng tôi gia nhập lực lượng của ông, ông phải tin chắc Công tước đã chết.”

“Người ta đã thấy xác Công tước.”

“Còn cậu bé, cậu chủ Paul bé bỏng thì sao?” Halleck cố nuốt nước bọt, cố hống nghẹn lại.

“Theo tin tức cuối cùng chúng tôi nhận được thì cậu bé bị mất tích cùng bà mẹ trong cơn bão sa mạc. Có khả năng thậm chí đến xương của họ cũng không tìm thấy.”

“Vây là mụ phù thủy chết rồi... cả hai cùng chết.”

Tuek gật đầu. “Và nghe nói Rabban Thú dữ sẽ một lần nữa ngồi vào chiếc ghế quyền lực ở Xứ cát này.”

“Bá tước Rabban vùng Lankiveil?”

“Đúng thế.”

Mất một lúc Halleck mới dần được cơn thịnh nộ chực bùng lên, đe dọa làm ông mất tự chủ. Ông nói trong hơi thở hỗn hển: “Tôi có lý do chống lại Rabban. Hắn còn nợ tôi sinh mạng của gia đình tôi...” Ông xoa xoa vết sẹo dọc quai hàm. “... và cả cái này...”

“Người ta không mạo hiểm mọi thứ để tính sổ quá sớm một món nợ,” Tuek nói. Ông ta cau mày, quan sát sự chuyển động của các cơ dọc quai hàm Halleck, sự vô cảm bất ngờ trong đôi mắt khép hờ của con người này.

“Tôi hiểu... tôi hiểu,” Halleck hít một hơi sâu.

“Ông và thuộc hạ của ông có thể thoát ra khỏi Arrakis bằng cách phục vụ chúng tôi. Có rất nhiều nơi...”

“Tôi giải phóng thuộc hạ của tôi thoát khỏi bất cứ ràng buộc nào với tôi; họ có thể tự lựa chọn. Chừng nào Rabban còn ở đây, tôi còn ở lại.”

“Với tính khí của ông, tôi không chắc chúng tôi muốn ông ở lại.”

Halleck nhìn tay buôn lậu chăm chăm. “Ông nghi ngờ lời tôi?”

“Khô-ô-ông...”

“Ông đã cứu tôi thoát khỏi bọn Harkonnen. Tôi trao lòng trung thành cho Công tước Leto cũng không vì lý do nào hơn. Tôi sẽ ở lại Arrakis - với ông... hoặc với người Fremen.”

“Một suy nghĩ dù được nói ra hay không thì cũng là một điều có thực, nó có sức mạnh,” Tuek nói. “Ông có thể nhận ra lần ranh giữa sự sống và cái chết ở người Fremen là quá rõ, quá nhanh.”

Halleck nhắm mắt lại một lát, cảm thấy ngày càng kiệt sức. “Chúa công, người dẫn dắt chúng ta qua những vùng sa mạc và hỏa ngục, giờ Người ở đâu?” ông lẩm bẩm.

“Hành động chậm thôi, rồi ngày trả thù của ông sẽ đến,” Tuek nói. “Tốc độ là phương sách của Shaitan. Hãy làm dịu sự đau buồn của ông - chúng tôi có những trò giải trí dành cho nó; có ba thứ xoa dịu trái tim - nước, cỏ xanh, nhan sắc đàn bà.”

Halleck mở mắt. “Tôi thích máu của Rabban Harkonnen chảy dưới chân tôi hơn.” Ông nhìn Tuek chăm chú. “Ông nghĩ cái ngày đó sẽ tới sao?”

“Tôi chẳng dính dáng gì mấy tới chuyện ông sẽ gặp ngày mai như thế nào, Gurney Halleck ạ. Tôi chỉ có thể giúp ông gặp ngày hôm nay.”

“Vậy thì tôi chấp nhận sự giúp đỡ đó và ở lại cho đến cái ngày ông bảo tôi trả thù cho cha ông, cho tất cả những người...”

“Hãy nghe tôi, *hỡi người chiến binh*,” Tuek nói. Ông ta cúi người về phía trước trên chiếc bàn, vai ngang tầm với tai, mắt nhìn chăm chú. Gương mặt tay buôn lậu đột ngột trông như đá bị nắng mưa làm biến dạng. “Nước của cha tôi, chính tôi sẽ mua lại nó, bằng lưỡi kiếm của tôi.”

Halleck nhìn chằm chằm đáp lại Tuek. Trong khoảnh khắc đó, tay buôn lậu làm ông nhớ đến Công tước Leto: một vị lãnh tụ, một con người dũng cảm, tin tưởng vào quan điểm và cách giải quyết của chính ông. Ông ta giống Công tước... hồi trước Arrakis.

“Ông có muốn lưỡi kiếm của tôi bên cạnh ông không?” Halleck hỏi.

Tuek ngồi xuống, thư giãn, im lặng quan sát Halleck.

“Ông có nghĩ về tôi như là một *chiến binh* không?” Halleck hỏi dồn.

“Trong nhóm phụ tá của Công tước ông là người duy nhất trốn thoát được ,” Tuek nói. “Kẻ thù của ông quá mạnh, thế mà ông đã chiến đấu một mất một còn với hắn... Ông đã đánh bại hắn theo cách chúng tôi đánh bại Arrakis.”

“Gì cơ?”

“Chúng tôi bắt buộc dĩ phải chấp nhận sống ở đây, Gurney Halleck ạ,” Tuek nói. “Arrakis là kẻ thù của chúng tôi.”

“Một kẻ thù trong lúc này, phải thế không?”

“Đúng thế.”

“Đó có phải là cách hiểu của người Fremen?”

“Có thể.”

“Ông nói tôi có thể thấy rằng sống với người Fremen là quá gian khổ. Họ sống trong sa mạc, giữa vùng trơ trụi, có phải lý do đó không?”

“Ai mà biết được người Fremen sống ở đâu? Với chúng tôi, Cao nguyên Trung tâm là vùng đất không người. Nhưng tôi muốn nói thêm về...”

“Tôi nghe nói Hiệp hội hiểm khi cho tàu chở hương được bay vào sa

mạc,” Halleck nói. “Nhưng người ta đồn rằng có thể nhìn thấy vài khóm cây cỏ ở đây đó nếu ta biết nhìn vào đâu.”

“Tin đồn!” Tuek chế nhạo. “Bây giờ ông muốn lựa chọn giữa tôi và người Fremen sao? Chúng tôi có một phạm vi an toàn, có sietch khoét vào trong đá và các vùng trũng lòng chảo được giấu kín của chính chúng tôi. Chúng tôi sống cuộc sống của người văn minh. Bọn Fremen là vài nhóm người khố rách áo ôm mà *chúng tôi* dùng làm kẻ săn lùng hương được.”

“Nhưng họ có thể giết bọn Harkonnen.”

“Thế ông muốn biết kết quả ra sao không? Thậm chí ngay lúc này họ đang bị săn lùng chẳng khác gì bầy thú - bằng súng lazer, bởi vì họ không có tấm chắn. Bọn họ đang bị tiêu diệt. Tại sao ư? Bởi vì họ giết bọn Harkonnen.”

“Họ giết bọn Harkonnen ư?” Halleck hỏi.

“Ông có ý gì?”

“Ông không nghe nói là có thể có quân Sardaukar bên cạnh quân Harkonnen sao?”

“Lại tin đồn.”

“Nhưng một cuộc tàn sát, điều đó không giống bọn Harkonnen chút nào. Tàn sát thì thật quá lãng phí.”

“Tôi tin vào cái chính mắt tôi nhìn thấy,” Tuek nói. “Lựa chọn đi, hỡi chiến binh. Tôi hay người Fremen. Tôi hứa sẽ cho ông nơi ẩn trốn và cơ hội hút dòng máu mà hai ta đều muốn. Chắc chắn thế. Người Fremen sẽ chỉ đem lại cho ông cuộc sống của kẻ bị săn đuổi.”

Halleck do dự, nhận thấy sự sáng suốt và đồng cảm trong lời nói của Tuek, tuy nhiên ông vẫn cảm thấy bứt rứt mà không giải thích được tại sao.

“Hãy tin tưởng vào khả năng của chính ông,” Tuek nói. “Quyết định của ai đã đưa quân của ông qua cuộc chiến này? Của ông. Hãy quyết định đi.”

“Hắn vậy rồi,” Halleck nói. “Có chắc là Công tước và con trai ngài đã chết?”

“Bọn Harkonnen tin vậy. Về những chuyện như thế, tôi có khuynh hướng tin bọn Harkonnen.” Một nụ cười tàn nhẫn thoáng trên môi Tuek. “Nhưng đó hầu như là sự tin cậy duy nhất tôi dành cho chúng.”

“Vậy thì chắc hẳn là thế,” Halleck nhắc lại. Ông đưa bàn tay phải ra, lòng bàn tay hướng lên trên, ngón cái gập hẳn lại theo một cử chỉ truyền thống: “Tôi trao cho ông thanh kiếm của tôi.”

“Chấp thuận.”

“Ông có muốn tôi thuyết phục thuộc hạ của tôi không?”

“Ông sẽ để họ tự quyết định chứ?”

“Họ đã theo tôi đến tận đây, nhưng hầu hết họ sinh ra ở Caladan. Arrakis không giống như họ nghĩ. Ở đây, họ đánh mất mọi thứ ngoại trừ sinh mạng họ. Bây giờ tôi thích họ tự quyết định lấy hơn.”

“Giờ không phải lúc để ông dao động,” Tuek nói. “Họ đã theo ông đến tận bây giờ rồi.”

“Ông cần họ, phải thế không?”

“Chúng tôi luôn biết sử dụng những chiến binh có kinh nghiệm... những lúc thế này lại càng cần hơn bao giờ hết.”

“Ông đã chấp nhận thanh kiếm của tôi. Ông có muốn tôi thuyết phục họ không?”

“Tôi nghĩ họ sẽ theo ông, Gurney Halleck ạ.”

“Hy vọng là thế.”

“Thực vậy mà.”

“Vậy tôi có thể đưa ra quyết định của chính tôi trong chuyện này?”

“Quyết định của chính ông.”

Halleck đẩy người ra khỏi chiếc ghế có lưng tựa tròn, cảm thấy sức khỏe dự trữ của ông chẳng còn lại bao nhiêu, thậm chí với cử động nhỏ đến thế cũng cần gắng sức. “Giờ tôi sẽ đi xem họ nghỉ ngơi ăn ở thế nào,” ông nói.

“Hãy bàn bạc với sĩ quan hậu cần của tôi,” Tuek nói. “Tên anh ta là Drisq. Nói với anh ta, tôi muốn ông được đối xử lịch thiệp hết mức. Tôi sẽ tham gia cùng ông ngay sau đó. Trước tiên tôi phải đi xem xét lượng hàng hương được đang đợi chất lên tàu đã.”

“Mọi nơi phát lộc phát tài,” Halleck nói.

“Mọi nơi,” Tuek nói. “Thời buổi loạn lạc là cơ hội hiếm thấy cho công việc làm ăn của chúng ta.”

Halleck gật đầu, nghe thấy tiếng rì rầm yếu ớt và cảm thấy không khí di chuyển khi cánh cửa khóa mở ra bên cạnh ông. Ông quay người, cúi đầu đi qua cửa, ra khỏi phòng.

Ông nhận ra mình vừa bước vào phòng họp nơi ông cùng thuộc hạ đã được các sĩ quan phụ tá của Tuek dẫn qua. Đó là một khu vực dài, khá hẹp găm vào đá tự nhiên, bề mặt nhẵn thín của nó cho thấy người ta đã dùng thiết bị cắt đá bằng laze. Trần nhà vươn cao đủ để duy trì đường cong trụ đỡ tự nhiên của đá và cho phép những luồng đối lưu không khí bên trong. Những giá vũ khí và tủ có khóa sắp thành hàng dọc các bức tường.

Halleck ghi nhận với một chút hãnh diện rằng thuộc hạ của ông người

nào còn đứng vững được thì đều đang đứng - không nghỉ ngơi cho dù kiệt sức và thất bại. Các bác sĩ của dân buôn lậu đang đi lại giữa họ để chăm sóc người bị thương. Các trường hợp phải nằm cáng được tập hợp ở khu vực phía dưới, bên trái, mỗi người bị thương đều có một người bạn Atreides.

Cách huấn luyện Atreides - *“Chúng ta chăm sóc cho chính chúng ta!”* - Halleck nhận thấy điều đó giống như một lối đá tự nhiên bên trong họ.

Một trong các sĩ quan của Halleck tiến về phía trước mang theo cây đàn baliset chín dây của Halleck đã được lấy ra khỏi hộp. Viên sĩ quan cúi chào rồi nói: “Thưa ngài, các bác sĩ ở đây nói Mattai không có hy vọng qua khỏi. Ở đây họ không có ngân hàng xương và ngân hàng bộ phận thay thế - chỉ có thuốc dành cho chốt tiền tiêu. Họ nói Mattai không thể qua khỏi, và anh ấy có một yêu cầu với ngài.”

“Gì thế?”

Viên sĩ quan chìa cây đàn baliset về phía trước. “Mattai muốn nghe một bài hát để ra đi thanh thản, thưa ngài. Anh ấy nói ngài biết bài đó... anh ấy vẫn hay yêu cầu ngài chơi bài đó.” Viên sĩ quan nuốt nước bọt. “Đó là bài có tựa đề ‘Người đàn bà của tôi’, thưa ngài. Nếu ngài...”

“Tôi hiểu.” Halleck cầm cây đàn baliset, rút móng gảy ra khỏi cái móc trên bàn phím. Ông gảy một hợp âm êm ái, nhận ra có ai đó đã so dây. Mắt ông bỗng rớt, nhưng ông gạt nó ra khỏi suy nghĩ trong khi chậm rãi bước về phía trước, vừa đi vừa gảy một điệu nhạc, ép mình nở một nụ cười tự nhiên.

Vài thuộc hạ của ông và một bác sĩ của dân buôn lậu cúi xuống một trong những chiếc cáng. Một trong những thuộc hạ bắt đầu hát khe khẽ khi Halleck đi tới, anh ta bắt được nhịp dễ dàng do đã quen bài hát từ lâu:

“Người tình tôi đứng bên cửa sổ,

Những đường cong hằn trên lớp kính vuông.

Những cánh tay nâng... uốn... gấp cong,

Trên nền hoàng hôn rực vàng, đỏ ối.

Đến với tôi, người hỡi...

Đến với tôi, đôi tay ấm nồng người con gái tôi yêu.

Cho tôi...

Cho tôi, đôi tay ấm nồng người con gái tôi yêu.”

Người hát ngừng lời, chìa một cánh tay băng bó ra vuốt mắt người nằm trên cát.

Halleck vừa gảy một hợp âm êm ái cuối cùng trên đàn baliset vừa nghĩ:
Giờ thì chúng ta có bảy mươi ba người.

Đối với nhiều người, cuộc sống gia đình của Hoàng gia Creche thật khó hiểu, nhưng ta sẽ cố gắng đưa ra cho mọi người một cái nhìn khái quát về nó. Cha ta chỉ có một người bạn thực sự, ta nghĩ thế. Đó là Bá tước Hasimir Fenring, thái giám di truyền và là một trong những chiến binh đáng gờm nhất trong Đế quốc. Vị Bá tước này, một con người vóc dáng bé nhỏ xấu xí nhưng cực kỳ lanh lợi, một ngày kia đã đưa một tì thiếp-nô lệ đến gặp cha ta, và mẹ đã phái ta thăm dò tin tức cuộc gặp này. Tất cả bọn ta đều do thám cha, coi đó là để tự bảo vệ mình. Dĩ nhiên, theo giao kèo giữa Bene Gesserit và Hiệp hội, một trong các tì thiếp-nô lệ của cha ta không thể sinh cho cha ta một Người Kế vị Hoàng gia, nhưng các mưu đồ thì vẫn liên tục tiếp diễn và vô cùng thâm khốc như nhau. Mẹ ta và mấy chị em ta trở nên lão luyện trong việc né tránh các thiết bị tinh vi gây chết người. Nói thế này nghe có vẻ xấu xa, nhưng ta hoàn toàn không chắc là cha ta vô tội trong tất cả những mưu đồ đó. Hoàng gia không giống như các gia đình khác. Thế rồi xuất hiện người tì thiếp-nô lệ mới, tóc đỏ giống cha ta, thật yêu kiều tha thướt. Cô ta có những cơ bắp của một vũ công, và rõ ràng từng được huấn luyện cả thuật quyến rũ tinh thần. Cha ta nhìn ngắm cô ta thật lâu trong lúc cô ta khỏa thân tạo dáng trước mặt ông. Cuối cùng ông nói: “Nàng quá đẹp. Chúng ta sẽ gìn giữ nàng như một món quà.” Các người không thể tưởng tượng nổi sự gìn giữ này gây ra cho Hoàng gia Creche nỗi kinh hoàng đến nhường nào đâu. Rốt cuộc, sự khôn khéo và tự chủ là mối nguy hiểm chết người đe dọa tất cả bọn ta.

- trích “Trong Gia tộc cha ta” của Công chúa Irulan

Paul đứng bên ngoài căn lều trong buổi chiều tà. Khe nứt nơi cậu dựng lều nằm trong bóng tối đen đặc. Cậu nhìn chăm chú qua vùng cát trống vào vách đá phía xa, tự hỏi liệu mình có nên đánh thức mẹ dậy không, mẹ cậu đang ngủ trong lều.

Lớp lớp những con sóng cát trải dài ra xa nơi trú ẩn của họ. Cách xa mặt trời đang lặn, những đụn cát phô ra những cái bóng như được phết tối đen, trông giống những mảnh bóng đêm.

Và sự bằng phẳng.

Tâm trí cậu tìm kiếm một cái gì nhô cao lên trong khung cảnh đó. Nhưng không có một chiều cao thuyết phục nào hiện ra trong bầu không khí nóng đến mù mịt đầu óc và đường chân trời kia - không bông hoa hay vật gì khẽ lay động để đánh dấu đường đi của gió... chỉ có những đụn cát và vách núi phía xa bên dưới bầu trời xanh bạc bóng loáng.

Điều gì xảy ra nếu ở bên kia không có một trong những trạm kiểm tra bị bỏ hoang? cậu tự hỏi. Điều gì xảy ra nếu cũng không có người Fremen nào, và những thực vật chúng ta nhìn thấy chỉ là sự ngẫu nhiên?

Trong căn lều, Jessica đã tỉnh giấc, nàng xoay lưng lại nhìn Paul qua vách lều trong suốt. Cậu đứng quay lưng về phía nàng, và có gì đó trong tư thế con gợn nàng nhớ về cha nó. Nàng cảm thấy nỗi đau buồn dâng lên cuộn cuộn, liền quay đi.

Ngay sau đó nàng điều chỉnh lại bộ sa phục, uống nước từ chiếc túi hứng của căn lều cho tỉnh người, rồi đi ra ngoài đứng co duỗi gân cốt cho tỉnh táo.

Paul nói mà không quay lại: “Con thích sự yên tĩnh ở đây.”

Tâm trí tự chuẩn bị để thích nghi với môi trường của nó, nàng nghĩ. Và nàng nhớ lại một châm ngôn Bene Gesserit: “Trong tình trạng căng thẳng tâm trí có thể đi theo hướng này hoặc hướng kia - về phía tích cực hay tiêu cực: hoạt động hoặc không hoạt động. Hãy tưởng tượng nó như một cán cân hai cực, tại đầu tiêu cực là vô thức còn ở đầu tích cực là siêu ý thức. Trong trạng thái căng thẳng, tâm trí nghiêng về bên nào là việc chịu tác động mạnh mẽ của sự huấn luyện.”

“Có thể có một cuộc sống tốt đẹp ở đây,” Paul nói.

Nàng cố gắng nhìn sa mạc qua đôi mắt cậu, cố gắng ôm trọn tất cả sự khắc nghiệt mà hành tinh này chấp nhận như chuyện thường tình, tự hỏi Paul đã thoáng thấy những tương lai nào có thể xảy ra. *Người ta có thể ở*

một mình ngoài kia, nàng nghĩ, mà không lo sợ có ai đó đằng sau, không lo sợ có người săn lùng mình.

Nàng bước qua Paul, nâng ống nhòm lên, điều chỉnh thấu kính đầu rồi quan sát vách núi dốc đứng đối diện. Đúng vậy, xương rồng trong các lạch cát và vài loại cây có gai khác... một thảm cỏ thấp tè, màu xanh vàng trong những bóng mát.

“Con sẽ dỡ trại,” Paul nói.

Jessica gạt đầu, đi tới miệng khe nứt nơi nàng có thể nhìn bao quát khắp sa mạc, vặn ống nhòm về phía trái. Một vùng lòng chảo muối trắng chói lòa ở đó, các gờ của nó trộn màu nâu vàng xỉn - một cánh đồng trắng ngoài kia, nơi màu trắng là cái chết. Nhưng vùng lòng chảo này lại nói một điều khác: *nước*. Có đôi lần nước đã chảy qua cái màu trắng chói lòa đó. Nàng hạ ống nhòm xuống, điều chỉnh áo choàng, lắng nghe trong chốc lát tiếng Paul di chuyển.

Mặt trời lặn xuống thấp hơn. Những cái bóng trải dài ngang vùng lòng chảo muối. Những dải màu sắc lộn xộn lan khắp đường chân trời lúc xế chiều. Màu sắc tụ lại thành hình một ngón chân tối đen thăm dò mặt cát. Những cái bóng màu than trải dài, và bóng đêm phủ xuống dày đặc che kín sa mạc.

Những vì sao!

Nàng nhìn chúng chăm chú, cảm thấy những cử động của Paul khi cậu tới gần. Đêm sa mạc tụ vào ở phía trên với cảm giác dâng lên hướng về các vì sao. Gánh nặng của ngày hôm nay lùi xa dần. Có chút gió nhẹ lướt qua mặt nàng.

“Mặt trăng đầu tiên sắp mọc rồi,” Paul nói. “Ba lô đã sẵn sàng. Con vừa cầm đèn gọi xuống rồi.”

Chúng ta có thể vĩnh viễn mất tích trong cái hành tinh địa ngục này, nàng nghĩ. Và không ai biết.

Gió đêm thổi những làn cát xát qua mặt nàng, mang theo mùi quế: một trận mưa mùi thơm trong bóng đêm.

“Người mùi đó kìa,” Paul nói.

“Thậm chí qua bộ lọc mẹ cũng người thấy,” nàng nói. “Nồng nặc. Nhưng nó có mua được nước không?” Nàng chỉ tay về phía vùng lòng chảo. “Ở đó không có ánh sáng nhân tạo.”

“Chắc hẳn người Fremen ẩn náu trong một sietch đằng sau những khối đá đó,” cậu nói.

Một khung cửa bạc nhô lên trên đường chân trời bên phải họ: mặt trăng đầu tiên. Nó mọc lên cao, đi vào tầm nhìn, có một vùng bình nguyên hình bàn tay trên bề mặt nó. Jessica quan sát dải cát trắng bạc phô ra dưới ánh trăng.

“Con cầm dùi gọi xuống phần sâu nhất của khe nứt rồi,” Paul nói. “Khi con đốt bắc dùi gọi, chúng ta có khoảng ba mươi phút.”

“Ba mươi phút ư?”

“Trước khi nó bắt đầu gọi... một... con sâu cát đến.”

“Ồ. Mẹ sẵn sàng đi rồi.”

Cậu trượt ra xa mẹ, và nàng nghe thấy tiếng cậu đi lên phía khe nứt.

Đêm tối là một đường hầm, nàng nghĩ, một cái hố dẫn vào ngày mai... nếu chúng ta còn có ngày mai. Nàng lắc đầu. Tại sao ta phải nghĩ tiêu cực vậy? Ta được huấn luyện tốt hơn thế cơ mà!

Paul quay trở lại, nhắc ba lô lên, dẫn đường xuống đụn cát trải dài đầu tiên, cậu dừng lại ở đó lắng nghe khi mẹ đi tới đằng sau. Cậu nghe tiếng bước chân mẹ nhẹ nhàng và những dòng âm thanh lạnh lùng của từng hạt cát - mặt mã của riêng sa mạc báo hiệu mức độ an toàn của nó.

“Chúng ta phải đi sao cho không tạo thành nhịp điệu,” Paul nói và huy động trí nhớ về những người đi trên cát... cả trí nhớ tiên tri lẫn trí nhớ thực.

“Quan sát xem con đi như thế nào nhé,” cậu nói. “Đây là cách người Fremmen đi trên cát.”

Cậu bước lên bề mặt đón gió của cồn cát, men theo đường cong của nó, di chuyển chậm chạp.

Jessica quan sát cậu đi trong mười bước rồi bám theo sau, đi đúng kiểu của cậu. Nàng nhận thấy sự khôn ngoan trong cách đi này: họ phải tạo ra âm thanh giống tiếng dịch chuyển tự nhiên của cát... giống như gió. Nhưng các cơ bắp phản đối cách đi rời rạc không tự nhiên này: Bước... lên... lên... bước... bước... nghỉ... lên... bước...

Thời gian như kéo dài ra xung quanh họ. Bề mặt đá phía trước dường như chẳng hề gần lại hơn. Khối đá đằng sau vẫn lừng lững trên cao.

“Thùng! Thùng! Thùng! Thùng!”

Đó là tiếng gõ trống ở vách đá sau lưng.

“Tiếng dùi gọi!” Paul thì thầm.

Tiếng dùi gọi vẫn tiếp tục nện và họ thấy thật khó tránh khỏi chuyện vô tình đi theo nhịp điệu của nó.

“Thùng... thùng... thùng... thùng...”

Họ di chuyển trong một vùng trũng hình chiếc bát sáng ánh trắng bị tiếng trống trống rỗng hoác đó đâm thủng. Bước xuống rồi đi lên bằng qua những đụn cát đang chảy tràn ra: bước... lên... nghỉ... bước... Bằng qua cát hạt đậu lăn tròn dưới chân: lên... nghỉ... bước...

Và suốt thời gian đó tai họ đóng lên tìm kiếm một tiếng kêu xì xì đặc

biệt.

Cái âm thanh đó, khi nó đến, ban đầu khẽ đến nỗi bị kiêu đi kéo lê chân của họ che lấp mất. Nhưng nó to dần lên... to hơn, to hơn nữa... thoát ra khỏi hướng Tây.

“Thùng... thùng... thùng... thùng...” tiếng dùi gọi nện.

Tiếng xì xì tiến tới lan qua bóng đêm đằng sau họ. Hai mẹ con quay đầu lại trong khi chân vẫn bước, nhìn thấy một con sâu cát nhô lên như một cái gò đang đuổi theo họ.

“Cứ đi tiếp,” Paul thì thầm. “Đừng quay lại nhìn.”

Một âm thanh dữ dội chói tai nổ tung lên từ bóng những tảng đá mà họ đã đi qua. Đó là tiếng đá lở rào rào.

“Cứ đi tiếp,” Paul thì thầm.

Cậu nhận ra họ đã tới một vùng không có chút dấu hiệu gì đặc biệt, nơi hai mặt đá - một đằng trước một đằng sau - dường như cách họ những đoạn bằng nhau.

Và sau lưng họ vẫn là âm thanh đó, vẫn tiếng quất, tiếng húc đá điên cuồng thống trị đêm tối đó.

Họ tiếp tục đi, đi mãi... Các cơ bắp tiến tới trạng thái nhức nhối máy móc dường như lan tỏa vô hạn, nhưng Paul thấy vách đá vẫy gọi phía trước họ đã nâng lên cao hơn.

Jessica di chuyển không chút tập trung, nhận thức được chỉ nhờ sức ép của ý chí mà nàng mới tiếp tục đi. Sự khô khốc nhức nhối trong miệng, nhưng các âm thanh đằng sau xua đuổi mọi hy vọng dừng lại để nhấp một ngụm nước từ chiếc túi hứng của bộ sa phục.

“Thùng... Thùng...”

Sự điên cuồng lại phục hồi, bùng lên từ vách núi phía xa, át tiếng dùi gọi.

Im lặng!

“Nhanh nữa,” Paul thì thầm.

Nàng gật đầu, biết rằng cậu không nhìn thấy cử chỉ đó, nhưng cần làm thế để nói với chính nàng rằng nhất thiết phải đòi hỏi sự nỗ lực nhiều hơn nữa từ các cơ bắp đã phải cố gắng đến giới hạn cuối cùng - cách di chuyển không tự nhiên...

Bề mặt an toàn của núi đá phía trước họ vươn lên tận các vì sao, và Paul nhìn thấy một mặt phẳng cát trải dài dưới chân núi. Cậu bước lên thảm cát, sẩy chân suýt ngã vì mệt mỏi, đứng thẳng lên được nhờ một chân vô tình đẩy về phía trước.

Tiếng gầm vang dội làm cát xung quanh họ rung chuyển.

Paul lao đảo bước sang bên hai bước.

“Bùm! Bùm!”

“Cát trống!” Jessica nói khẽ.

Paul lấy lại được thăng bằng. Cậu đảo mắt nhìn qua vùng cát xung quanh họ, cái vách đá có lẽ cách đây chừng hai trăm mét.

Đằng sau họ, cậu nghe thấy tiếng xì xì - giống cơn gió, giống như một vùng nước xiết ở nơi không có nước.

“Chạy đi!” Jessica hét lên. “Paul, chạy đi!”

Họ chạy.

Tiếng trống âm vang dưới chân họ. Rồi họ ra khỏi vùng cát trống và tiến vào vùng sỏi hạt đậu. Trong chốc lát, việc chạy giúp các cơ bắp của họ

giảm bớt sự đau nhức do phải đi theo kiểu lạ lùng không nhịp điệu. Đây là hành động có thể bị nhận ra. Đây là nhịp điệu. Nhưng cát và sỏi làm chậm bước chân họ. Và tiếng xì xì tới gần cửa con sâu cát là âm thanh báo tổ đang lớn lên quanh họ.

Jessica vấp ngã khuỵu gối xuống. Tất cả những gì nàng có thể nghĩ đến là sự mệt mỏi, là cái âm thanh đó và nỗi khiếp sợ.

Paul kéo mẹ lên.

Họ nắm tay nhau mãi miết chạy.

Một chiếc cọc mỏng mảnh hiện ra từ dải cát phía trước họ. Họ vượt qua, nhìn thấy một chiếc cọc khác.

Tâm trí Jessica bỏ qua việc ghi nhớ các cọc cho đến khi họ đã chạy qua chúng.

Có một chiếc cọc khác, bề mặt bị gió đẽo đăm thẳng lên trời từ một chỗ nứt trên núi đá.

Một chiếc khác.

Đá!

Nàng cảm thấy nó qua bàn chân, sự va chạm với bề mặt không gây cản trở, được tiếp thêm sức mạnh mới từ những bước chạy vững vàng hơn.

Một khe nứt sâu vươn cái bóng thẳng đứng hướng lên trên của nó vào trong vách đá trước mặt họ. Họ chạy hết tốc lực đến đó, len vào cái khe hẹp.

Đằng sau họ, tiếng trườn của sâu cát ngừng lại.

Jessica và Paul quay đầu lại, nhìn ra ngoài sa mạc.

Ở nơi những cồn cát bắt đầu, có lẽ cách chừng năm mươi mét dưới chân

một bãi đá, một đường cong xám bạc từ sa mạc trời lên, làm tỏa ra những con sông cát và bụi đổ xuống tứ phía như thác. Nó vươn cao hơn, thành một cái miệng khổng lồ đang lòng kiếm. Đó là một cái hố tròn đen ngòm, mép hố lấp lánh dưới ánh trăng.

Cái miệng trườn như con rắn về phía khe nứt hẹp nơi Paul và Jessica đang nép vào nhau. Mùi quế nồng nặc trong lỗ mũi họ. Ánh trăng lóe lên từ những chiếc răng pha lê.

Cái miệng khổng lồ lắc tới lắc lui.

Paul nín thở.

Jessica ngồi xổm xuống nhìn chăm chăm.

Nàng phải tập trung cao độ vào sự huấn luyện Bene Gesserit để kiềm chế nỗi khiếp sợ bản năng, nén nỗi sợ từ ký ức giống nòi đe dọa choán đầy tâm trí nàng.

Paul cảm thấy phẫn chấn. Trong một khoảnh khắc nào đó vừa qua, cậu đã đi qua rào chắn thời gian để tiến vào địa hạt chưa từng biết. Cậu có thể cảm thấy bóng tối ở phía trước, nhưng đôi mắt bên trong của cậu chẳng nhìn thấy gì. Như thể một bước chân nào đó của cậu đã khiến cậu rơi xuống một cái giếng... hoặc vào vùng lõm của một ngọn sóng nơi không thể nhìn thấy tương lai. Khung cảnh đó đã trải qua một sự dịch chuyển lớn lao.

Thay vì làm cậu hoảng sợ, cái cảm giác về bóng tối-thời gian buộc các giác quan khác của cậu tăng tốc đến chóng mặt. Cậu nhận ra mình đang ghi nhớ tất cả vẻ ngoài của con vật vừa nhô lên từ cát tìm kiếm cậu. Miệng nó có đường kính cỡ tám mươi mét... những chiếc răng pha lê có hình cong của dao pha lê sáng lấp lánh quanh miệng... hơi thở như ống bễ nồng nặc mùi quế, phảng phất mùi an đề hít... mùi a xít...

Con sâu cát che kín ánh trăng khi nó lướt qua những khối đá bên trên họ. Một cơn mưa cát và đá nhỏ đổ xuống khe nứt hẹp nơi họ ẩn trốn.

Paul cùng mẹ len vào sâu hơn.

Quế!

Mùi quế tràn qua họ.

Con sâu cát làm gì với hương được, melange? cậu tự hỏi. Và cậu nhớ lại Liet-Kynes đã để lộ việc ông ta cố tình che đậy mối liên hệ giữa sâu cát với hương được.

“Bùm...mmmm!”

Nó giống như một tràng sấm rền khô khốc vọng đến từ đằng xa phía bên phải họ.

Lại “Bùm...mmmm!”

Con sâu cát chui lại vào cát, nằm ở đó trong giây lát, hàm răng pha lê của nó hắt ánh trắng sáng lóe.

“Thùng! Thùng! Thùng! Thùng!”

Một cái dùi gọi khác! Paul nghĩ.

Lại một lần nữa tiếng trống vang lên đằng xa bên phải họ.

Con sâu cát lắc mạnh. Nó rúc vào cát sâu hơn nữa. Chỉ có đường cong phía trên của cái miệng vẫn giống như nửa miệng chuông, đường cong của một đường hầm nhô cao bên trên những cồn cát.

Cát kêu xào xạo.

Con vật rúc xuống sâu hơn, lùi lại, quay đi. Nó trở thành một gờ cát nhô cao, uốn mình bò qua một chỗ trũng hình yên ngựa giữa các cồn cát.

Paul bước ra ngoài khe nứt, quan sát ngọn sóng cát lùi xa dần bằng qua sa

mặc tiến về phía cái dùi gọi mới đang mời gọi.

Jessica theo sau cậu, lắng nghe: “Thùng... Thùng... Thùng... Thùng... Thùng...”

Ngay sau đó tiếng trống ngừng.

Paul tìm chiếc ống trong bộ sa phục, nhấp một ngụm nước tái chế.

Jessica chăm chú nhìn hành động của con, nhưng tâm trí nàng cảm thấy trống rỗng trong nỗi mệt mỏi và trạng thái khủng hoảng sau nỗi khiếp sợ. “Có chắc là nó đã đi rồi không?” nàng thì thầm.

“Có người gọi nó,” Paul nói. “Người Fremen.”

Nàng cảm thấy đã lại sức. “Nó to quá!”

“Không to bằng con sâu cát đã nuốt tàu của chúng ta.”

“Con có chắc đó là người Fremen?”

“Họ dùng dùi gọi.”

“Tại sao họ giúp chúng ta?”

“Có thể không phải họ đang giúp chúng ta. Có thể họ chỉ gọi sâu cát thôi.”

“Tại sao?”

Câu trả lời nằm lơ lửng tại rìa ý thức của cậu, nhưng từ chối xuất hiện. Cậu có một thị kiến trong tâm trí về một cái gì đó liên quan tới những cây gậy có ngạnh ngắn trong ba lô của họ - những “móc bắt Ngài tạo.”

“Sao họ lại gọi sâu cát?” Jessica hỏi.

Một chút sợ hãi thoáng qua tâm trí cậu, và cậu ép mình quay đi không

nhìn mẹ mà nhìn lên vách đá. “Tốt hơn chúng ta nên tìm đường lên trên đó trước khi trời hửng sáng.” Cậu chỉ tay. “Những chiếc cọc đó chúng ta đã đi qua - còn nhiều cái nữa.”

Nàng nhìn theo hướng tay cậu chỉ, nhìn thấy những chiếc cọc - những vật đánh dấu bị gió cào xước, nhận ra bóng của một cái gờ hẹp ngoằn ngoèo dẫn lên khe nứt ở trên cao.

“Họ đánh dấu đường lên vách đá,” Paul nói. Cậu chỉnh lại tư thế vai sao cho khoác ba lô thật thoải mái, đi tới chân gờ và bắt đầu trèo lên.

Jessica đợi một lát, nghỉ ngơi, hồi phục lại sức lực; rồi đi theo cậu.

Họ trèo lên, đi theo những chiếc cọc dẫn đường cho đến khi cái gờ thu nhỏ lại tới một cái mép hẹp ở miệng một khe nứt tối om.

Paul nghiêng đầu nhìn vào nơi tối om này. Cậu có thể cảm thấy chân mình đứng bấp bênh trên cái gờ mỏng manh, nên buộc mình phải thật cẩn thận. Cậu chỉ nhìn thấy bóng tối như mực trong khe nứt. Bóng tối trải dài hun hút, vươn lên tận những vì sao trên đỉnh núi. Đôi tai cậu tìm kiếm, nhưng chỉ thấy những âm thanh mà cậu có thể đoán trước - một tiếng cát chảy rất nhỏ, tiếng côn trùng rừ rừ, tiếng sột soạt của một con vật nhỏ đang chạy qua. Cậu lấy một chân thăm dò bóng tối trong khe nứt, nhận thấy có đá dưới bề mặt phủ đá mặt. Từ từ, cậu nhích từng bước quanh khúc cong, ra hiệu cho mẹ đi theo. Cậu túm chặt mép áo choàng lưng thùng của mẹ, giúp nàng đi vòng qua.

Họ ngược mắt nhìn lên ánh sao được đóng khung bởi hai mép đá. Paul nhìn thấy mẹ bên cạnh cậu giống như một chuyển động xám đục. “Giá như chúng ta có thể liêu bật đèn lên,” cậu thì thầm.

“Chúng ta còn có các giác quan khác chứ không chỉ mắt,” nàng nói.

Paul trượt một chân lên trước, dồn trọng lượng lên đó, thăm dò bằng chân kia, gặp một vật cản. Cậu nhấc chân, thấy một bậc thang, bèn bước lên. Cậu vói tay ra sau, chạm vào cánh tay mẹ, kéo mạnh áo choàng giúp mẹ bước theo cậu.

Một bậc nữa.

“Con nghĩ nó dẫn lên đỉnh núi,” cậu thì thầm.

Những bậc thang thấp và bằng phẳng, Jessica nghĩ. Chắc chắn do con người để ra.

Nàng theo sau cái bóng chuyển động mờ của Paul, cảm thấy rõ ràng từng bậc thang. Những bức tường đá hẹp lại dần đến khi vai nàng gần như chạm vào chúng. Những bậc thang kết thúc ở một khe núi hẹp dài chừng hai mươi mét, nền bằng phẳng, thông với một vùng lòng chảo nông sáng ánh trăng.

Paul bước vào mép vùng lòng chảo, thì thầm: “Đẹp quá.”

Jessica đứng đằng sau cách cậu một bước chân, chỉ có thể nhìn hút vào nó mà im lặng đồng ý.

Bất chấp sự mệt mỏi, cảm giác khó chịu do những ống nối lẫn phích cắm ở lỗ mũi và sự tù túng của bộ sa phục, bất chấp nỗi sợ hãi và sự đau đớn đang khát khao kêu gào đòi nghỉ ngơi, vẻ đẹp vùng lòng chảo choán đầy các giác quan nàng, buộc nàng dừng lại ngắm nhìn.

“Giống như chốn thiên bồng,” Paul thì thầm.

Jessica gật đầu.

Trải dài phía trước nàng là vùng sa mạc bao la - những bụi cây, cây xương rồng, những lùm lá tí xíu - tất cả run rẩy dưới ánh trăng. Những bức tường bao ở bên trái nàng thì tối đen, bên phải thì sáng ánh trăng như thể phủ sương giá.

“Chắc hẳn đây là nơi ở của người Fremen,” Paul nói.

“Phải có người thì nhiều loại thực vật như thế này mới sống sót được,” nàng đồng ý. Nàng mở nắp chiếc ống nối với túi hứng của bộ sa phục,

nhắm nháp từng ngụm nước. Vị nước ấm áp, hăng hăng, nhạt nhẽo trôi xuống cổ. Nàng thấy nước làm mình tỉnh cả người. Khi nàng đóng nắp ống lại thì nó nghiêng vào những vụn cát nghe xào xạo.

Có sự chuyển động làm Paul chú ý - phía bên phải, trên nền vùng lòng chảo uốn cong bên dưới họ. Cậu nhìn chăm chú xuyên qua những bụi cây khô và cỏ dại vào một trảng cát phẳng hình nêm tràn ngập ánh trắng, có tiếng nháy lò cò, *bồm bộp* khe khẽ ở dưới đó.

“Chuột!” cậu thì thầm.

Bộp - bộp - bộp! Bọn chuột xuất hiện, nhảy vào vùng bóng tối rồi lại ra khỏi đó.

Có một cái gì đó lặng lẽ lướt qua mắt họ mà rơi vào giữa lũ chuột. Rồi vang lên tiếng rít yếu ớt, tiếng vỗ cánh, và một con chim màu xám trông như bóng ma bay vụt lên ngang qua vùng lòng chảo, móng vuốt quắp một cái bóng nhỏ, tối đen.

Chúng ta cần sự nhắc nhở đó, Jessica nghĩ.

Paul tiếp tục nhìn chăm chú vào vùng lòng chảo. Cậu hít vào, ngửi thấy mùi cây ngải đắng thơm ngát như giọng nữ trầm êm ái cất lên trong đêm tối. Loại chim ăn thịt này - cậu nghĩ về nó như một cá tính của sa mạc. Nó đã mang đến vùng lòng chảo này sự tỉnh mịch đến nỗi gần như có thể nghe thấy tiếng ánh trắng màu xanh sữa trôi lững lờ qua cây xương rồng đứng gác và bụi cây sơn đầy gai nhọn. Có tiếng ngân nga khe khẽ của ánh sáng, hài hòa, giản dị và thuần khiết; giản dị thuần khiết hơn bất kỳ loại âm nhạc nào trong vũ trụ của cậu.

“Tốt hơn là ta nên tìm một nơi để dựng lều,” cậu nói. “Ngày mai ta có thể thử tìm những người Fremen đã...”

“Ở đây, hầu hết những kẻ không mời mà đến đều hối tiếc khi tìm thấy người Fremen!”

Một giọng đàn ông nặng trĩu cắt ngang lời cậu, phá tan khoảnh khắc

yên tĩnh này. Giọng nói phát ra từ phía trên bên phải họ.

“Đừng chạy, hồi những kẻ xâm phạm,” giọng nói vang lên khi Paul rút lui vào hẻm núi. “Nếu chạy, các người sẽ chỉ lãng phí nước trong cơ thể thôi.”

Bọn họ muốn nước từ thịt chúng ta! Jessica nghĩ. Cơ bắp của nàng gạt tất cả sự mệt mỏi sang một bên, bước vào trạng thái sẵn sàng hoạt động tối đa mà không để lộ ra ngoài chút gì. Nàng xác định vị trí phát ra giọng nói, thầm nghĩ: *Thật lén lút! Mình không nghe thấy hẳn ta.* Và nàng nhận ra chủ nhân giọng nói đó chỉ tự cho phép mình gây ra những âm thanh nhỏ, những âm thanh tự nhiên của sa mạc.

Một giọng nói khác phát ra từ mép vùng lòng chảo phía bên trái họ. “Làm nhanh lên, Stil. Lấy nước của bọn họ rồi đi thôi. Chúng ta chỉ còn chút ít thời gian trước khi trời hừng sáng.”

Vốn phản ứng kém hơn mẹ trong tình huống khẩn cấp, Paul cảm thấy chán nản đến nỗi cứng đờ người và cố gắng rút lui, đến nỗi cậu làm mờ những khả năng của mình do nỗi hoang mang trong chốc lát. Bây giờ cậu ép mình làm theo những gì mẹ đã dạy: thư giãn thực sự, sau đó đi vào trạng thái giống như thư giãn, sau đó vào trạng thái các cơ sẵn lại như ngọn roi sẵn sàng quất mạnh theo mọi hướng.

Cậu vẫn cảm thấy cái rì rào của nỗi sợ hãi bên trong mình và biết nguồn gốc của nó. Đây là thời điểm mù, cậu chẳng thấy tương lai nào hết... và họ bị kẹt giữa những người Fremmen man rợ mà mối quan tâm duy nhất của bọn họ là nước chứa trong thịt của hai cơ thể không che chắn.

Vậy là, bản phóng tác tôn giáo Fremen này là nguồn gốc của cái gì ở đây được chúng ta công nhận là “Những Cột trụ của Vũ trụ”, mà các Qizara Tafwid của nó có mặt giữa chúng ta với những dấu hiệu, bằng chứng và lời tiên tri. Họ mang lại cho Arrakeen chúng ta sự hợp nhất bí ẩn mà vẻ đẹp sâu thẳm của nó được tiêu biểu bởi âm nhạc sôi động xây dựng trên hình thức cổ xưa, nhưng in vào trí não một sự thức tỉnh mới. Ai là kẻ chưa từng nghe và bị tác động sâu sắc bởi “Bài thánh ca của Ông già”?

Ta sẽ bước qua sa mạc

Ảo ảnh sa mạc dập dờn như đoàn quân các thiên thần.

Thèm muốn vinh quang, khát đòi nguy hiểm,

Ta lang thang tới những chân trời al-Kulab,

Dõi theo những ngọn núi mực thời gian

Nó tìm ta và đòi khát ta.

Và ta thấy bầy chim sẽ thoát đến gần,

Táo bạo hơn cả con sói đang lao tới.

Chúng đậu kín trên cây tuổi trẻ của ta

Ta lắng nghe đàn chim trên những cành ta

Chúng bắt lấy ta bằng mỏ và móng vuốt!

- trích “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

Người đàn ông trườn qua đỉnh cồn cát. Ông là một hạt cát mắc kẹt trong ánh nắng chói chang ban trưa. Khoác trên người độc những mảnh xác xơ

còn lại của chiếc áo choàng jubba, làn da ông trần trụi dưới cái nóng xuyên qua những mảnh vải rách tươm. Mũ trùm đầu đã bị xé toạc khỏi áo choàng, nhưng người đàn ông đã gấp một chiếc khăn xếp từ những mảnh quần áo rách. Những lọn tóc màu cát thò ra từ chiếc khăn, tiếp màu với bộ râu lơ thơ và cặp lông mày rậm. Bên dưới đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh, phần còn lại của một vết màu sẫm kéo dài xuống má. Một vết lõm mờ xỉn kéo qua ria mép và bộ râu chỉ ra nơi ống nối của bộ sa phục đánh dấu đường đi của nó từ mũi đến túi húng.

Người đàn ông dừng lại khi qua được một nửa đỉnh cồn cát, hai cánh tay duỗi xuống mặt dốc dưới hướng gió. Máu vón thành cục trên lưng, cánh tay và chân. Những mảng cát xám vàng bám vào các vết thương. Chầm chậm, ông thu hai tay xuống dưới người, đẩy mình nhô dậy, đứng nghiêng ngả ở đó. Và thậm chí trong cái hành động gần như là ngẫu nhiên này vẫn còn dấu vết của sự di chuyển chính xác xưa kia.

“Ta là Liet-Kynes,” ông nói, hướng về phía đường chân trời trống rỗng, và giọng ông là bức biếm họa khàn khàn của cái sức mạnh từng nổi tiếng một thời. “Ta là nhà sinh thái hành tinh của Hoàng đế,” ông thì thầm, “nhà sinh thái hành tinh của Arrakis. Ta là người cai quản vùng đất này.”

Ông vấp chân, ngã sang một bên dọc bề mặt cứng phía đón gió của cồn cát. Hai bàn tay ông yếu ớt sục vào trong cát.

Ta là người cai quản vùng đất này, ông nghĩ.

Ông nhận ra mình đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, nhận ra chính ông nên chui sâu xuống cát, tìm kiếm tầng lót tương đối mát mẻ và để nó phủ lên người ông. Nhưng ông vẫn ngửi thấy cái mùi đậm đặc, khá ngọt ngào của quặng tiền hương được nằm đâu đó dưới lớp cát này. Ông biết rõ mối nguy hiểm nằm trong điều đó hơn bất kỳ người Fremen nào. Nếu ông ngửi thấy được mùi quặng tiền hương được thì có nghĩa là các luồng khí nằm sâu dưới lớp cát này đang gần đạt tới mức áp suất nổ. Ông phải nhanh chóng rời khỏi nơi này.

Tay ông yếu ớt quờ quạng dọc bề mặt cồn cát.

Một suy nghĩ vụt qua đầu ông - rõ ràng, dứt khoát: *Sự giàu có thực sự của một hành tinh nằm ở phong cảnh của nó, ở việc chúng ta dự phần thế nào vào cái nguồn gốc cơ bản đó của nền văn minh - nông nghiệp.*

Rồi ông nghĩ thật kỳ lạ rằng tâm trí một khi đã gắn chặt quá lâu vào một con đường độc nhất thì không thể thoát ra khỏi con đường đó. Lính Harkonnen đã để ông ở lại đây, không có nước hay sa phục, chúng nghĩ rằng một con sâu cát sẽ thanh toán ông nếu sa mạc không làm điều đó. Bọn chúng đã nghĩ thật khoái chí nếu để ông sống rồi phải chịu cảnh chết dần chết mòn dưới bàn tay vô tình của hành tinh ông.

Bọn Harkonnen luôn luôn thấy khó mà giết được người Fremen, ông nghĩ. Chúng ta thường không chết dễ dàng. Giờ thì ta sẽ chết... Ta sẽ sớm chết thôi... nhưng ta không thể thôi là một nhà sinh thái học.

“Chức năng cao nhất của sinh thái học là hiểu những hậu quả.”

Giọng nói làm ông choáng váng vì ông nhận ra nó và biết chủ nhân của giọng nói đó đã chết. Đây là giọng của cha ông, nhà hành tinh học đã ở đây trước ông - cha ông chết lâu rồi, trong một vụ sập hầm ở vùng Lòng chảo Thạch cao.

“Con đã đắm đầu vào tình thế khá là khó khăn ở đây rồi đấy, con ạ,” cha ông nói. “Lẽ ra con nên biết những hậu quả khi cố gắng giúp đỡ đứa con của vị Công tước đó.”

Ta mê sảng rồi, Kynes nghĩ.

Giọng nói dường như phát ra từ bên phải ông. Kynes kéo lê mặt mình trên cát, quay đầu nhìn theo hướng đó - chẳng có gì ngoài một đường cong trải dài của cồn cát đang nhảy múa với những con quỳ nóng rẫy dưới ánh sáng chói lòa của mặt trời.

“Càng có nhiều sự sống bên trong một hệ thống thì càng có nhiều chỗ thích hợp dành cho sự sống,” cha Kynes nói. Và giờ giọng nói phát ra từ bên trái, đằng sau ông.

Tại sao cha di chuyển vòng quanh? Kynes tự hỏi. Cha không muốn mình nhìn thấy sao?

“Sự sống cải thiện khả năng duy trì sự sống của môi trường,” cha ông nói. “Sự sống làm cho các dưỡng chất thiết yếu trở nên có sẵn hơn. Nó hợp nhất thêm nhiều năng lượng vào hệ thống thông qua sự tương tác hóa học to lớn từ cơ thể này đến cơ thể khác.”

Tại sao cha cứ nhai đi nhai lại cùng một chủ đề? Kynes tự hỏi. Mình biết điếu này từ khi chưa tới mười tuổi kia.

Những con chim ưng sa mạc, những kẻ ăn xác chết trên vùng đất này như hầu hết các loài hoang dã, bắt đầu lượn tròn trên đầu ông. Kynes thấy một cái bóng bay qua gần tay ông, buộc đầu ông ngoái ra xa hơn để nhìn lên phía trên. Đàn chim là một mảng lơ mơ trên nền trời xanh bạc - những vết nhòe nổi lốm đốm phía xa lơ lửng trên đầu ông.

“Chúng ta là những nhà nghiên cứu đa ngành,” cha ông nói. “Con không thể vạch những đường thẳng rõ ràng bao quanh những vấn đề mang tầm vóc hành tinh. Nghiên cứu hành tinh là ngành khoa học cắt-cho-vừa.”

Cha đang cố nói gì với mình? Kynes băn khoăn. Phải chăng có một hậu quả nào đó mà mình không nhận ra?

Má ông lại sụt xuống lớp cát nóng, và ông ngửi thấy mùi đá cháy khét lẹt bên dưới những luồng khí tiền hương được. Từ một góc logic nào đó trong tâm trí ông hình thành một suy nghĩ: *Bọn chim ăn xác chết đó lượn trên đầu ta. Có thể vài tay thuộc hạ Fremen của ta sẽ nhìn thấy chúng và tới đây kiểm tra.*

“Đối với nhà hành tinh học đang làm việc, công cụ quan trọng nhất của anh ta là con người,” cha ông nói. “Con phải trau dồi sự hiểu biết về sinh thái học cho dân chúng. Đó là lý do cha tạo ra hình thức chú giải sinh thái học hoàn toàn mới mẻ này.”

Cha đang nói lại những điều cha đã nói với mình khi mình còn trẻ con,

Kynes nghĩ.

Ông bắt đầu cảm thấy mát mẻ, nhưng cái góc logic đó trong tâm trí ông nói với ông: *Mặt trời ở trên đầu. Ông không có sa phục và ông đang nóng; mặt trời đang thiêu đốt hơi ẩm bốc ra từ cơ thể ông.*

Những ngón tay ông quờ quạng yếu ớt trên cát.

Thậm chí bọn chúng không thể để lại cho ta dù chỉ là một bộ sa phục!

“Sự có mặt của hơi ẩm trong không khí giúp chống lại sự bốc hơi quá nhanh từ những cơ thể sống,” cha ông nói.

Tại sao cha cứ nói lại những điều hiển nhiên đó? Kynes tự hỏi.

Ông cố gắng nghĩ về hơi ẩm trong không khí - cỗ bao phủ cồn cát này... có nước ở nơi nào đó bên dưới ông, một qanat dài đầy ắp nước lộ ra dưới bầu trời chỉ có điều là ở trong tranh minh họa sách. Nước lộ thiên... nước tưới... phải tốn cỡ năm ngàn mét khối nước để tưới một héc ta đất trong mỗi vụ mùa, ông nhớ lại.

“Mục tiêu đầu tiên của chúng ta trên Arrakis là những vùng đồng cỏ”, cha ông nói. Chúng ta sẽ bắt đầu với những thảm cỏ nghèo nàn biến dị này. Khi đã giữ lại được hơi ẩm trong các thảm cỏ rồi, chúng ta sẽ tiếp tục với những cánh rừng vùng cao, sau đó là vài thiết bị chứa nước lộ thiên - ban đầu nhỏ thôi - và dọc theo những con đường có nhiều gió thổi sẽ đặt các bẫy gió và thiết bị thu sương nằm cách quãng nhau thành hàng để lấy lại cái mà gió đã cướp đi. Chúng ta phải tạo ra một sirocco - cơn gió ẩm - nhưng chúng ta vẫn mãi mãi cần đến những chiếc bẫy gió.”

Luôn luôn lên lớp ta, Kynes nghĩ. Tại sao cha không thôi đi? Cha không thấy mình đang chết đây sao?

“Con cũng sẽ chết,” cha ông nói, “nếu con không thoát ra khỏi cái bong bóng ngay lúc này đang hình thành sâu bên dưới con. Nó nằm ở đó và con biết nó. Con có thể ngửi thấy những luồng khí tiền hương được. Con

biết những Ngài tạo bé đang bắt đầu để mất chút nước của các ngài vào khối quặng đó.”

Cái ý nghĩ rằng bên dưới ông có nước khiến ông muốn điên lên. Bây giờ ông tưởng tượng ra nó - bị giam kín trong các vĩa đá rồi ong bởi những Ngài tạo bé nửa cây nửa thú thô kệch - và cái lỗ thủng mỏng manh đang phun một dòng nước cực kỳ trong trẻo, tinh khiết, lỏng, thật là dịu ngọt vào...

Khối quặng tiền hương được!

Ông hít vào, ngửi thấy rõ ràng cái mùi ngọt ngào đó. Bây giờ hương thơm xung quanh ông đậm đặc hơn lúc trước.

Kynes chống đầu gối nhồm dầy, lắng nghe tiếng chim rít lên, tiếng vỗ cánh vội vã.

Đây là vùng sa mạc chứa hương được, ông nghĩ. Chắc hẳn phải có người Fremen ở đây thậm chí là dưới ánh nắng ban ngày. Chắc chắn họ có thể nhìn thấy lũ chim và sẽ đến kiểm tra.

“Di chuyển qua cảnh quan là điều bắt buộc để loài vật có thể sống sót,” cha ông nói. “Các dân tộc du cư làm theo đúng sự bắt buộc này. Cách thức di chuyển thích ứng với các nhu cầu của cơ thể về nước, thức ăn, khoáng chất. Bây giờ chúng ta phải điều khiển sự di chuyển này, hướng nó vào những mục đích của chúng ta.”

“Im ngay, ông già,” Kynes càu nhàu.

“Chúng ta phải làm ở Arrakis một việc mà trước kia chưa ai từng thử làm cho toàn bộ một hành tinh,” cha ông nói. “Chúng ta phải sử dụng con người như một lực sinh thái hữu ích - lồng vào đó sự sống đã thích nghi giống như trên trái đất: đây một cái cây, đó một con vật, nọ một con người - để thay đổi chu trình nước, để xây dựng một kiểu phong cảnh mới.”

“Im đi!” Kynes rên lên.

“Chính cách di chuyển đã cho chúng ta manh mối đầu tiên dẫn tới mối quan hệ giữa sâu cát và hương được,” cha ông nói.

Một con sâu cát, Kynes nghĩ với niềm hy vọng dâng tràn. Một Ngài tạo chắc chắn sẽ xuất hiện khi bong bóng này nổ tung. Nhưng ta không có móc bắt sâu cát. Ta có thể cưỡi lên Ngài tạo lớn bằng cách nào đây nếu không có móc?

Ông có thể cảm thấy nỗi thất vọng đang làm cạn dần chút sức lực nhỏ nhoi còn lại trong mình. Nước ở gần đây thôi - chỉ khoảng một trăm mét bên dưới ông; một con sâu cát chắc chắn sẽ đến, nhưng chẳng có cách nào bắt được nó trên bề mặt và sử dụng nó.

Kynes ngã mạnh xuống mặt cát phía trước, trở về đúng chỗ lún nông mà những di chuyển của ông đã để lại rõ vết. Ông cảm thấy cát nóng cọ vào má trái, nhưng sự xúc động đã xa rồi.

“Môi trường ở Arrakeen tự làm cho nó trở thành một phần trong mẫu hình tiến hóa của các dạng sống tự nhiên,” cha ông nói. “Thật kỳ lạ biết bao khi có quá ít người từng ngẩng đầu lên khỏi đám hương được đủ lâu để tự hỏi do đâu sự cân bằng gần như lý tưởng giữa N_2 - O_2 - CO_2 lại được duy trì ở đây trong khi không hề có những vùng thực vật rộng lớn. Quyển năng lượng của hành tinh này nằm sờ sờ đó, nhìn là hiểu - một quá trình dữ dội, đúng vậy, nhưng dầu sao vẫn là một quá trình. Thiếu một mắt xích ở đó ư? Thì một cái gì đó sẽ bổ khuyết vào chỗ ấy. Khoa học vốn hình thành từ quá nhiều điều mà sau khi chúng được lý giải thì lại có vẻ thật hiển nhiên. Cha biết Ngài tạo bé có ở đó, sâu trong cát, rất lâu trước khi cha nhìn thấy nó.”

“Xin đừng lên lớp con nữa, thưa cha,” Kynes thì thầm.

Một con chim ưng đậu xuống trên cát gần bàn tay xoải rộng của ông. Kynes thấy nó gập cánh vào, nghiêng đầu chăm chăm nhìn ông. Ông vận hết tàn lực để kêu quạ quạ với nó. Con chim nháy lò cò ra xa hai bước, nhưng vẫn nhìn ông chăm chăm.

“Trước đây con người và các công trình của họ đã có thời là một căn bệnh trên bề mặt hành tinh của họ,” cha ông nói. “Thiên nhiên có xu hướng đền bù cho những căn bệnh, xóa bỏ hoặc thu tóm chúng, hợp nhất chúng vào hệ thống theo cách của riêng nó.”

Con chim ưng hạ thấp đầu xuống, sải cánh ra, rồi lại thu vào. Nó chuyển sự chú ý sang bàn tay mở rộng của ông.

Kynes nhận thấy ông chẳng còn chút sức lực nào mà kêu quạ quạ với nó.

“Cái hệ thống bao gồm tổng tiền và cướp phá lẫn nhau trong lịch sử chấm dứt ở đây trên Arrakis này,” cha ông nói. “Con không thể mãi mãi ăn cắp cái con cần mà không quan tâm đến những người đến sau. Các đặc trưng vật lý của một hành tinh được ghi trong hồ sơ chính trị và kinh tế của nó. Chúng ta có bộ hồ sơ đó ở trước mặt và con đường của chúng ta là rõ ràng.”

Cha không bao giờ ngừng lên lớp, Kynes nghĩ. Giảng giải, giảng giải, giảng giải - lúc nào cũng giảng giải.

Con chim ưng nhảy lên một bước xích lại gần bàn tay mở rộng của Kynes, đầu tiên quay đầu sang một bên, sau đó quay sang bên kia quan sát mảng thịt lộ ra.

“Arrakis là hành tinh chỉ có một nòi,” cha ông nói. “Chỉ một nòi thôi. Nó hỗ trợ một tầng lớp thống trị sống như mọi tầng lớp thống trị ở mọi thời vẫn sống trong khi, bên dưới họ, đa số người dân nửa nô lệ nửa người sống bằng những thứ còn thừa lại. Chính đám dân này và những cơn thừa canh cặn đó là thứ đáng cho chúng ta quan tâm. Chúng có giá trị lớn lao mà chúng ta không bao giờ có thể ngờ tới.”

“Con không thêm để ý đến cha đâu, cha ạ,” Kynes thì thầm. “Cha đi đi.”

Và ông nghĩ: *Chắc chắn phải có vài người Fremen của ta ở gần đây. Họ không thể không nhìn thấy lũ chim trên đầu ta. Họ sẽ đến kiểm tra dù chỉ để xem liệu có hơi ẩm nào ở đây không.*

“Đám dân Arrakis sẽ biết chúng ta làm việc là để cho mảnh đất này có nước chảy,” cha ông nói. “Tất cả bọn họ, tất nhiên rồi, sẽ chỉ hiểu một cách mơ hồ về cách chúng ta định làm điều đó. Nhiều người, do không hiểu cái bài toán tỉ lệ-khối lượng cấm, thậm chí có thể còn cho rằng chúng ta sẽ đưa nước từ một hành tinh nhiều nước nào đó đến. Cứ để họ muốn nghĩ sao thì nghĩ miễn là họ tin chúng ta.”

Chỉ một lát nữa thôi ta sẽ đứng dậy và nói cho cha biết ta nghĩ gì về ông ấy, Kynes nghĩ. Cứ đứng đó lên lớp ta khi mà lẽ ra nên giúp đỡ ta mới phải.

Con chim nhảy lò cò thêm một bước, lại gần bàn tay mở rộng của Kynes hơn. Thêm hai con chim ưng nữa hạ xuống cát đằng sau nó.

“Tôn giáo và luật pháp giữa đám dân của chúng ta phải là một và giống như nhau,” cha ông nói. “Mỗi hành động bất tuân phải là một tội lỗi và cần đến những hình phạt tôn giáo. Điều này sẽ có một lợi ích kép: họ vừa tuân lệnh hơn vừa dửng dưng hơn. Chúng ta không được trông cậy quá nhiều vào lòng dửng dưng của từng cá nhân, con biết đấy, mà nên trông cậy vào lòng dửng dưng của toàn bộ dân chúng.”

Bây giờ dân chúng của ta ở đâu khi ta cần họ nhất? Kynes nghĩ. Ông dồn hết sức, dịch bàn tay một khoảng bằng chiều rộng một ngón tay về phía con chim ưng gần nhất. Nó nhảy lùi vào giữa hai con kia, và cả ba con đứng trong thế sẵn sàng bay.

“Kế hoạch của chúng ta sẽ đạt đến tầm cỡ một hiện tượng thiên nhiên,” cha ông nói. “Sự sống của một hành tinh là kết cấu rộng lớn gồm nhiều thành tố gắn bó và có tương quan chặt chẽ. Những thay đổi của động thực vật sẽ được xác định trước tiên bởi các lực vật chất thô mà chúng ta điều khiển. Dầu vậy, khi những thay đổi do chúng ta gây ra đã định hình, tự chúng sẽ trở thành những lực có ảnh hưởng và tác động to lớn - và chúng ta sẽ phải đối phó với cả chúng nữa. Tuy vậy, hãy ghi nhớ rằng chúng ta chỉ cần kiểm soát được ba phần trăm bề mặt năng lượng này - chỉ ba phần trăm thôi - để cho toàn bộ cấu trúc này nghiêng về phía trở thành hệ tự cung tự cấp của chúng ta.”

Tại sao cha không giúp con? Kynes bần khoản. *Luôn luôn là như thế: khi con cần cha nhất thì cha lại làm con thất vọng.* Ông muốn quay đầu lại nhìn chăm chăm về hướng có giọng nói của cha, nhìn chăm chăm vào ông già ở phía dưới. Các cơ bắp từ chối làm theo yêu cầu của ông.

Kynes thấy con chim ưng di chuyển. Nó tiến đến gần tay ông, bước đi thận trọng trong khi hai bạn nó chờ đợi với vẻ thờ ơ giả tạo. Con chim ưng dừng lại, chỉ cách bàn tay ông một bước nhảy.

Tâm trí ông trở nên cực kỳ sáng tỏ. Ông bất ngờ nhìn ra một khả năng dành cho Arrakis mà cha ông chưa bao giờ nhìn ra. Những khả năng song hành với con đường khác đó ào ạt tràn qua ông.

“Không một thảm họa nào giáng xuống dân chúng của con có thể khủng khiếp hơn việc họ rơi vào tay một Người hùng,” cha ông nói.

Đang đọc tâm trí ta đây! Kynes nghĩ. *Tốt thôi... cứ để ông ấy đọc.*

Tin đã được gửi tới các làng sietch của ta, ông nghĩ. Không gì ngăn nổi chúng. Nếu con trai của Công tước còn sống, họ sẽ tìm ra cậu bé và bảo vệ cậu như ta ra lệnh. Họ có thể loại bỏ người đàn bà đó, mẹ của cậu ta, nhưng họ sẽ cứu cậu bé.

Con chim ưng nhảy lên một bước nữa, thu nhỏ khoảng cách giữa nó và tay ông. Nó nghiêng đầu quan sát mảng thịt trong bàn tay lật ngửa. Đột nhiên, nó thẳng người lên, vươn cao đầu, và với một tiếng rít cộc lốc nó lao vào không trung, chao nghiêng bay ra xa, hai bạn của nó theo sau.

Họ đã tới! Kynes nghĩ. *Người Fremen của ta đã tìm thấy ta!*

Rồi ông nghe thấy cát rung lên.

Người Fremen nào cũng biết cái âm thanh ấy, có thể ngay lập tức phân biệt được nó với tiếng động do sâu cát hay sinh vật sa mạc khác gây ra. Ở nơi nào đó bên dưới ông, khối quặng tiền hương được đã tích đủ nước và chất hữu cơ từ những Ngai tạo bé, đã đạt đến giai đoạn tới hạn

của sự tăng trưởng mạnh. Một bong bóng khí các bon níc khổng lồ đang hình thành sâu trong cát, trào lên trên trong “cú nổ” cực mạnh với một xoáy bụi ở trung tâm của nó. Nhờ đó những gì đã hình thành sâu dưới cát được trao đổi với bất kỳ thứ gì nằm trên bề mặt.

Lũ chim ưng lượn tròn phía trên đầu, kêu the thé đầy thất vọng. Chúng biết chuyện gì đang xảy ra. Bất kỳ sinh vật sa mạc nào cũng biết.

Ta là một sinh vật sa mạc, Kynes nghĩ. Cha hiểu con không, thưa cha? Con là một sinh vật sa mạc.

Ông cảm thấy cái bong bóng nâng ông lên, cảm thấy nó vỡ ra và xoáy bụi nhấn chìm ông, lôi ông xuống vùng tối đen mát mẻ. Trong một khoảnh khắc, cảm giác về sự mát mẻ và hơi ẩm làm ông cảm thấy sung sướng, nhẹ nhõm cả người. Rồi, trong khi hành tinh của ông giết ông, trong tâm trí Kynes chợt lóe lên ý nghĩ rằng cha ông và tất cả những nhà khoa học khác đều sai lầm, rằng các yếu tố cấu tạo bền vững nhất của vũ trụ là ngẫu nhiên và sai lầm.

Ngay cả lũ chim ưng cũng có thể hiểu rõ những thực tế này.

Tiên tri và khả năng tiên cảm - làm sao có thể kiểm chứng chúng khi đối mặt với những câu hỏi không được trả lời? Hãy xem: Có bao nhiêu phần là tiên tri thực sự trong lời tiên tri về “dạng sóng” (khi Muad'Dib nói đến hình ảnh-thị kiến của Người) còn bao nhiêu phần là do nhà tiên tri tự nhào nặn tương lai cho khớp với lời tiên tri? Thế còn sự hài hòa vốn có trong hành động tiên tri thì sao? Liệu nhà tiên tri nhìn thấy tương lai hay ông ta nhìn thấy một đường sức kháng nhỏ nhất, một khối nút hay đoạn đứt gãy mà ông ta có thể đập tan bằng lời nói hay quyết định, cũng như thợ cắt kim cương đập vỡ viên đá quý của mình bằng một cú đi dao?

- “Suỵn ngắm riêng tư về Muad'Dib” của Công chúa Irulan

“*Lấy nước của họ đi,*” gã đàn ông ban nãy đã gọi từ trong bóng đêm nói. Và Paul nén sợ, liếc nhìn mẹ. Đôi mắt được huấn luyện của cậu thấy mẹ ở trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu, các cơ bắp của mẹ đang chờ để bật ra.

“Thật tiếc là chúng ta phải tiêu diệt họ bằng tay,” giọng nói phía trên họ cất lên.

Đó là tên đã nói với chúng ta lúc đầu, Jessica nghĩ. Có ít nhất hai tên - một tên bên phải và một tên bên trái.

“Cignoro hrobosa sukares hin mange la pchagavas doi me kamavas na beslas lele hrobas!”

Gã đàn ông bên phải họ gọi vọng ra vùng lòng chảo.

Đối với Paul, những câu nói này chẳng mang ý nghĩa gì, nhưng dựa vào sự huấn luyện Bene Gesserit, Jessica nhận ra kiểu nói này. Đây là ngôn ngữ Chakobsa, một trong những ngôn ngữ đi săn cổ xưa, và gã đàn ông bên trên họ đang nói rằng có thể đây là những kẻ lạ mặt mà bọn họ đang tìm.

Trong sự tĩnh lặng đột ngột sau khi gã đàn ông phía bên phải ngừng lời, khuôn mặt tròn như bánh xe của mặt trăng thứ hai - màu xanh ngà nhạt - lăn mình trên núi đá ngang qua vùng lòng chảo, rực rỡ và mỗi lúc một sáng hơn.

Có tiếng trườn phát ra từ núi đá - bên trên và cả hai phía... những di chuyển tối đen dưới ánh trăng. Nhiều đáng người lướt qua những cái bóng.

Một đoàn quân! Paul nghĩ, bất chợt thấy đau nhói.

Một gã đàn ông cao lớn kín mít trong chiếc áo choàng bằng vải len rắn bước đến trước mặt Jessica. Tấm mànng ngăn miệng hắn bị gạt sang một bên nhằm nói cho rõ, để lộ bộ râu rậm dưới ánh trăng, nhưng khuôn mặt và đôi mắt ẩn dưới chiếc mũ trùm.

“Chúng ta gặp ai đây - thần hay người?” hắn ta hỏi.

Và Jessica nghe thấy sự đùa cợt thực sự trong giọng hắn, nàng cho phép

mình có đôi chút hy vọng. Đây là giọng nói ra lệnh, giọng nói đầu tiên đã làm họ giật mình khi nó bật ra từ đêm tối.

“Con người, tôi bảo đảm,” hắn ta nói.

Jessica cảm thấy hơn là nhìn thấy con dao giấu trong nếp áo choàng của hắn. Nàng thừa nhận trong nỗi ân hận chua xót rằng mình và Paul không có tấm chắn.

“Người cũng biết nói chứ?” hắn ta hỏi.

Jessica dồn toàn bộ vẻ kiêu ngạo vua chúa mà nàng có vào cử chỉ và giọng nói. Cần phải trả lời hắn ngay, nhưng nàng chưa nghe đủ giọng hắn để biết chắc rằng nàng đã nắm rõ văn hóa và điểm yếu của hắn.

“Kẻ nào tới chỗ chúng ta như những tên tội phạm chui ra từ bóng tối vậy?” nàng hỏi.

Cái đầu ẩn trong mũ áo choàng lộ ra sự căng thẳng khi xoay đột ngột, rồi đến sự thả lỏng dần dần để lộ nhiều điều. Hắn tự chủ rất tốt.

Paul đi ra xa mẹ để tách hai mẹ con thành những mục tiêu riêng biệt và giúp cho mỗi người có không gian hành động rộng hơn.

Chiếc đầu tròn mũ quay lại nhìn Paul di chuyển, lộ ra một phần mặt hình nêm dưới ánh trăng. Jessica nhìn thấy chiếc mũi nhọn, con mắt sáng lấp lánh - *sẫm màu, quá sẫm màu, không có chút màu trắng nào* - hàng lông mày rậm và bộ ria vểnh lên.

“Ra điều sói con đây,” hắn ta nói. “Nếu các người là những kẻ chạy trốn bọn Harkonnen, có thể các người sẽ được chúng ta chào đón. Thế nào, cậu bé?”

Những khả năng lướt qua đầu Paul: *Một trò bịp bợm? Hay sự thật?* Cần phải quyết định ngay lập tức.

“Tại sao các người lại chào đón những kẻ chạy trốn?” cậu hỏi.

“Một đứa trẻ suy nghĩ và nói năng như người trưởng thành,” gã đàn ông đáng cao nói. “Được rồi, để trả lời câu hỏi của cậu, hỡi wali chàng trai trẻ, ta là người không trả fai, cống vật nước, cho bọn Harkonnen. Đó là lý do có thể ta sẽ chào đón một kẻ chạy trốn.”

Hắn biết chúng ta là ai, Paul nghĩ. Có sự che giấu trong giọng nói của hắn.

“Tôi là Stilgar, người Fremen,” gã đàn ông đáng cao nói. “Điều đó có làm cho lưỡi cậu uốn nhanh hơn không, cậu bé?”

Chính là giọng nói đó, Paul nghĩ. Và cậu nhớ lại cuộc họp Hội đồng, với người đàn ông đang tìm kiếm thi thể một người bạn bị bọn Harkonnen giết.

“Tôi biết ông, Stilgar ạ,” Paul nói. “Tôi có mặt cùng cha tôi trong cuộc họp Hội đồng khi ông đến vì nước của bạn ông. Ông mang một thuộc hạ của cha tôi đi theo ông, đó là Duncan Idaho - một sự trao đổi những người bạn.”

“Và Idaho đã bỏ chúng tôi để quay về với Công tước của anh ta,” Stilgar nói.

Jessica nghe thấy sắc thái phẫn nộ trong giọng nói ông ta, giữ mình ở thế sẵn sàng tấn công.

Giọng nói từ những khối đá phía trên họ cất lên: “Chúng ta thật lãng phí thời gian ở đây, Stil ạ.”

“Đây là con trai Công tước,” Stilgar quát lên. “Chắc chắn cậu bé chính là người mà Liet dặn chúng ta tìm kiếm.”

“Nhưng... một đứa bé, Stil ạ.”

“Công tước là người trưởng thành và chàng trai này đã sử dụng dùi gỏi,” Stilgar nói. “Cậu ta gan dạ băng qua đường đi củashai-hulud.”

Và Jessica nhận ra ông ta đã loại nàng ra khỏi suy nghĩ. Có phải ông ta đã tuyên án rồi?

“Chúng ta không có thời gian kiểm tra đâu,” giọng nói phía trên họ phản kháng.

“Nhưng cậu bé có thể là Lisan al-Gaib,” Stilgar nói.

Ông ta đang tìm một điếm báo! Jessica nghĩ.

“Nhưng còn mục đàn bà,” giọng nói phía trên vang lên.

Jessica lại một lần nữa chuẩn bị sẵn sàng. Có mùi chết chóc trong giọng nói đó.

“Đúng vậy, mục đàn bà,” Stilgar nói. “Và nước của cô ta.”

“Ông biết luật lệ đó,” giọng nói từ những khối đá cất lên. “Những người không thể sống chung với sa mạc...”

“Yên lặng đi,” Stilgar nói. “Mỗi thời một khác.”

“Liet đã ra lệnh việc này à?” giọng nói từ những khối đá hỏi.

“Anh đã nghe giọng nói của cielago, Jamis ạ,” Stilgar nói. “Tại sao anh ép tôi?”

Jessica thầm nghĩ: *Cielago!* manh mối ngôn ngữ mở ra những con đường hiểu biết rộng lớn: đây là ngôn ngữ của Ilm và Fiqh, và cielago có nghĩa là *con dơi*, một loài động vật nhỏ, có vú, biết bay. *Giọng nói của cielago:* bọn họ đã nhận được một thông điệp distrans bảo họ tìm kiếm Paul và nàng.

“Tôi chỉ nhắc nhở ông về trách nhiệm của ông thôi, ông bạn Stilgar ạ,” giọng nói phía trên cất lên.

“Trách nhiệm của tôi là sức mạnh của bộ tộc,” Stilgar nói. “Đó là trách nhiệm duy nhất của tôi. Tôi không cần ai nhắc nhở tôi về điều đó. Người đàn ông-cậu bé này khiến tôi quan tâm. Cậu ta đầy thịt. Cậu ta đã sống trên rất nhiều nước. Cậu ta đã sống bên ngoài mặt trời cha. Cậu ta không có đôi mắt ibad. Tuy nhiên cậu ta không nói hay hành động giống như loại người yếu đuối vùng pan. Cha cậu ta cũng không. Điều này có thể giải thích thế nào đây?”

“Chúng ta không thể ở lại đây tranh cãi suốt đêm,” giọng nói từ chỗ các khối đá cất lên. “Nếu một nhóm tuần tra...”

“Tôi sẽ không nhắc anh im lặng lần nữa đâu, Jamis ạ,” Stilgar nói.

Người đàn ông bên trên họ im lặng, nhưng Jessica nghe thấy tiếng anh ta di chuyển, nhảy phóc qua một hẻm núi rồi buông mình xuống nền vùng lòng chảo bên trái họ.

“Giọng nói của cielago ám chỉ rằng đối với chúng ta việc bảo vệ hai người bọn họ là có giá trị,” Stilgar nói. “Tôi có thể nhìn thấy khả năng trong người đàn ông-cậu bé mạnh mẽ này: cậu ta còn trẻ và có thể học hỏi. Nhưng còn cô thì thế nào, thưa cô?” Ông ta nhìn Jessica chằm chằm.

Lúc này mình đã ghi vào đầu giọng nói và hình dáng của ông ta, Jessica nghĩ. Mình có thể đi đâu khiến ông ta bằng một từ, nhưng ông ta là người mạnh mẽ... nếu không bị yếu đi và vẫn có thể tự do hành động thì ông ta sẽ có giá trị hơn nhiều với chúng ta. Chúng ta sẽ thấy.

“Tôi là mẹ cậu bé này,” Jessica nói. “Theo một khía cạnh nào đó, cái sức mạnh mà ông khâm phục ở cậu bé là do tôi huấn luyện.”

“Sức mạnh của một người đàn bà có thể là vô hạn,” Stilgar nói. “Chắc hẳn nó nằm trong một Mẹ Chí tôn. Cô là Mẹ Chí tôn sao?”

Trong một lát, Jessica gạt những hàm ý trong câu hỏi sang một bên, trả lời chân thực, “Không.”

“Cô có được huấn luyện theo cách thức của sa mạc không?”

“Không, nhưng nhiều người cho rằng nền tảng huấn luyện của tôi là có giá trị.”

“Chúng tôi có những phán xét của riêng mình về giá trị,” Stilgar nói.

“Mỗi người đều có quyền có những phán xét của riêng mình,” nàng nói.

“Thật tốt là cô nhận ra lẽ phải,” Stilgar nói. “Chúng tôi không thể rề rà ở đây để kiểm tra cô, thưa cô. Cô có hiểu không? Chúng tôi không muốn cái bóng của cô ám chúng tôi. Tôi sẽ mang người đàn ông-cậu bé, con trai của cô đi, và cậu bé sẽ giành được sự ủng hộ của tôi, ẩn náu trong bộ tộc của tôi. Nhưng còn cô, thưa cô - cô có hiểu rằng chúng tôi làm vậy chẳng phải vì lợi ích của cá nhân ai? Đây là luật lệ, Istislah, vì quyền lợi chung. Như thế chưa đủ sao?”

Paul tiến về phía trước nửa bước. “Ông đang nói cái gì thế?”

Stilgar liếc nhanh về phía Paul, nhưng vẫn chú ý vào Jessica. “Trừ phi cô được huấn luyện kỹ lưỡng ngay từ bé để sống ở đây, còn nếu không, cô có thể mang sự phá hủy đến cho toàn thể một bộ tộc. Đó là luật lệ, và chúng tôi không thể đem theo một người vô dụng...”

Cử động đầu tiên của Jessica là sụp người xuống, giả vờ ngã trên mặt đất. Hành động này rõ là của một người yếu đuối từ hành tinh khác tới, và hiển nhiên làm trì hoãn phản ứng của đối phương. Nó mang lại cho nàng khoảng thời gian ngắn đủ để diễn giải một điều đã biết khi điều đó được phơi bày như một điều chưa biết. Nàng dịch người khi nhìn thấy vai phải của ông ta hạ xuống để lộ ra một vũ khí nằm trong những nếp áo choàng hướng vào vị trí mới của nàng. Một cú quay người, một đường chém từ cánh tay nàng, những chiếc áo choàng xoáy tít lẫn vào nhau, thế rồi nàng dựa vào đá trong khi đối phương bị kẹp chặt trước ngực nàng, hoàn toàn bất lực.

Cùng với chuyển động đầu tiên của mẹ, Paul lùi lại hai bước. Khi nàng

tấn công, cậu lao vào những cái bóng. Gã đàn ông có râu chần đường cậu đứng dậy, cúi nửa người né đòn, một tay cầm vũ khí đâm về phía trước. Paul thẳng tay đâm vào dưới xương ức hấn ta, nhảy sang một bên chặt vào đáy cổ của hắn, đoạt lấy vũ khí khi hắn ngã xuống.

Sau đó Paul lẫn vào trong những cái bóng, trườn lên phía trên giữa những khối đá, món vũ khí nhét vào khăn thắt lưng. Cậu đã nhận ra loại vũ khí này dù hình dạng của nó không quen thuộc - một loại vũ khí bắn phi tiêu tẩm độc, và nó nói lên nhiều điều về nơi này, thêm một manh mối nữa cho biết ở đây họ không sử dụng tấm chắn.

Bọn họ sẽ tập trung vào mẹ và gã Stilgar đó. Mẹ có thể xử lý được hắn ta. Ta phải đi đến một chỗ lợi thế an toàn, nơi ta có thể đe dọa chúng và cho mẹ thời gian trốn thoát.

Một loạt tiếng bật lách cách sắc nhọn vang lên từ vùng lòng chảo. Những mũi phi tiêu rít lên từ phía những khối đá bao quanh cậu. Một mũi chạm nhẹ vào áo choàng cậu. Cậu len vào một góc trong những khối đá, nhận thấy mình đang ở trong một khe nứt hẹp thẳng đứng, bèn bắt đầu dịch lần lần lên phía trên - lưng tì vào một vách khe nứt, chân tì vào vách kia - chậm chậm, yên lặng hết mức.

Tiếng gầm của Stilgar dội đến chỗ cậu: “Lùi lại, bọn chấy rận sâu bọ kia! Cô ta sẽ bẻ cổ ta nếu các người tới gần!”

Giọng nói bên ngoài vùng lòng chảo cất lên: “Thằng bé trốn thoát rồi, Stil. Chúng ta...”

“Tất nhiên là nó trốn rồi, đồ óc cát... hừm! Nhẹ thôi nào, thưa cô!”

“Bảo bọn họ ngừng săn đuổi con ta ngay,” Jessica nói.

“Họ ngừng rồi, thưa cô. Cậu bé đã thoát như cô dự định. Các vị thần thánh vĩ đại dưới trần gian ơi! Sao cô không nói cô là một người khác thường và là một chiến binh?”

“Bảo người của ông lùi lại,” Jessica nói. “Bảo họ đi vào khu vực lòng

chảo để tôi có thể nhìn thấy họ... và tốt hơn ông nên tin là tôi biết họ có bao nhiêu người.”

Nàng nghĩ: *Đây là khoảnh khắc nhay cằm, nhưng nếu tên này có đầu óc sắc sảo như ta nghĩ, chúng ta sẽ có cơ hội.*

Paul dịch lần lần lên phía trên, tìm thấy một cái rìa hẹp nơi cậu có thể ẩn mình, nhìn xuống vùng lòng chảo. Giọng Stilgar vọng lên chỗ cậu.

“Còn nếu tôi từ chối thì sao? Cô có thể... ừm! Hãy đi đi, thưa cô! Giờ thì chúng tôi không có ý hại cô đâu. Thánh thần ơi! Nếu cô có thể làm việc này ngay cả với người mạnh nhất của chúng tôi thì cô đáng giá gấp mười lần trọng lượng nước của cô.”

Bây giờ đến bài kiểm tra lý trí, Jessica nghĩ. Nàng nói: “Ông hỏi về Lisan al-Gaib.”

“Có thể cô chính là người trong truyền thuyết,” ông ta nói, “nhưng tôi sẽ tin điều đó khi nó được kiểm tra. Tất cả những gì tôi biết trong lúc này là cô tới đây với ngài Công tước ngu ngốc của cô... Á...ái! Này cô! Tôi không quan tâm cho dù cô có giết tôi! Ông ấy danh giá và dũng cảm, nhưng thật ngu ngốc khi tự đặt mình vào dưới nắm đấm của bọn Harkonnen!”

Im lặng.

Ngay sau đó Jessica nói: “Ông ấy không có lựa chọn nào khác, nhưng chúng ta sẽ không tranh cãi chuyện này. Bây giờ hãy bảo tên thuộc hạ đứng sau bụi cây đằng kia thôi ngay cái trò cố gắng chĩa vũ khí vào tôi đi, nếu không tôi sẽ xóa sổ vũ trụ của ông rồi sau đó xử lý hẩn ta.”

“Anh kia!” Stilgar gầm lên. “Làm như cô ta nói đi!”

“Nhưng, Stil...”

“Làm như cô ta nói, đồ sâu bọ, giun dế, đồ óc cát thần lẫn kia! Làm như

cô ta nói, không thì ta sẽ giúp cô ta chặt chân tay người! Người không thể nhận ra giá trị của người đàn bà này à?”

Tên thuộc hạ núp ở bụi cây thẳng người lên từ nơi ẩn nấp che khuất một phần người hắn, hạ vũ khí xuống.

“Anh ta tuân theo rồi,” Stilgar nói.

“Bây giờ hãy giải thích rõ với các thuộc hạ của ông rằng ông muốn gì ở tôi,” Jessica nói. “Tôi không muốn có người trẻ tuổi nóng nảy nào lại gây ra một sai lầm ngu ngốc.”

“Khi tiến vào thành phố và thị trấn, chúng tôi phải che giấu nguồn gốc của mình, hòa lẫn với bọn người sống ở pan và graben,” Stilgar nói. “Chúng tôi không mang theo vũ khí, vì dao pha lê là vật thiêng. Nhưng cô, cô có khả năng chiến đấu huyền thuật. Chúng tôi mới chỉ nghe nói về điều đó và còn nhiều người nghi ngờ, song người ta không thể nghi ngờ cái mình tận mắt chứng kiến. Cô đã khống chế được một người Fremen có vũ khí. Đây chính là thứ vũ khí mà có lực soát kỹ đến đâu cũng chẳng tìm ra.”

Có tiếng xôn xao trong vùng lòng chảo khi những lời của Stilgar vọng xuống dưới đó.

“Và nếu tôi đồng ý dạy ông... cách chiến đấu huyền thuật này thì sao?”

“Tôi sẽ ủng hộ cô như ủng hộ con trai cô.”

“Làm sao chúng tôi có thể tin lời hứa của ông là thành thực?”

Giọng Stilgar mất đi một chút sắc thái lập luận khôn khéo, nghe có vẻ hơi gay gắt: “Ở đây, thưa cô, chúng tôi không mang theo giấy làm giao kèo. Chúng tôi không đưa ra những lời hứa lúc chiều tối để rồi bội ước lúc rạng đông. Khi một người nói một điều gì, đó chính là giao kèo. Với tư cách thủ lĩnh, tôi đặt họ vào trong giao ước bằng lời nói của tôi. Hãy dạy chúng tôi cách chiến đấu huyền thuật này, rồi cô muốn nương náu ở

chỗ chúng tôi bao lâu tùy ý. Nước của cô sẽ trộn lẫn với nước của chúng tôi.”

“Ông có thể thay mặt cho tất cả người Fremen không?” Jessica hỏi.

“Trong thời điểm này, có thể là như vậy. Nhưng chỉ người anh trai Liet của tôi mới thay mặt cho tất cả người Fremen. Ở đây tôi chỉ hứa giữ bí mật. Người của tôi sẽ không nói về cô cho bất kỳ ai ở sietch khác. Bọn Harkonnen đã mang quân trở lại Xứ Cát và Công tước của cô đã chết. Người ta nói hai mẹ con cô đã chết trong trận bão Mẻ. Kể đi săn không tìm kiếm con mồi đã chết.”

Đúng là như thế cũng an toàn, Jessica nghĩ. Nhưng những người này có các mối liên lạc tốt, tin tức có thể được truyền đi.

“Tôi chấp nhận sự đền ơn mà ông trao cho chúng tôi,” nàng nói.

Stilgar vẫn im lặng, và nàng gần như có thể nhìn thấy những suy nghĩ quay mòng mòng trong đầu ông ta, cảm thấy những chuyển dịch của các cơ bắp ông ta dưới tay nàng.

Ngay sau đó ông ta nói: “Tôi sẽ nói một lần nữa: tôi vừa trao giao kèo-lời nói của bộ tộc này. Bây giờ người của tôi biết cô có giá trị thế nào với chúng tôi. Bọn Harkonnen có thể trao cho chúng tôi cái gì? Tự do ư? Hà hà! không, cô là taqwa, cái thu phục được chúng tôi hơn toàn bộ hương được trong kho của bọn Harkonnen.”

“Vậy tôi sẽ dạy ông cách chiến đấu của tôi,” Jessica nói, và nàng cảm thấy xúc cảm vô thức mãnh liệt mang tính lễ nghi trong lời của chính mình.

“Bây giờ cô sẽ thả tôi ra chứ?”

“Đúng thế,” Jessica nói. Nàng thả ông ta ra, bước sang một bên để nhìn rõ dải đất ven lòng chảo. *Đây là thử thách mashed*, nàng nghĩ. *Nhưng Paul phải biết về chúng cho dù mình có chết cho sự hiểu biết của thành bé.*

Trong sự yên lặng chờ đợi, Paul dịch lần lần về phía trước để nhìn rõ hơn chỗ mẹ đứng. Trong khi di chuyển, cậu nghe thấy tiếng thở nặng nề, rồi bỗng im ắng, ở phía trên đầu cậu trong khe nứt hẹp thẳng đứng, và cậu cảm thấy ở đó có một cái bóng mờ mờ nổi lên dưới ánh sao.

Giọng Stilgar từ vùng lòng chảo vọng đến: “Này đứa trên kia! Đừng săn lùng thẳng bé nữa. Nó xuống ngay bây giờ thôi.”

Giọng nói của một chàng trai hay một cô gái phát ra từ bóng tối trên đầu Paul: “Nhưng mà Still, cậu ta không thể...”

“Ta đã nói để nó đó, Chani! Đồ dòng giống thần lùn!”

Có tiếng thì thầm chửi rủa phát ra phía trên Paul và một giọng nói khe khẽ: “Gọi *ta* là dòng giống thần lùn à!” Nhưng cái bóng lùn lại thoát ra khỏi tầm nhìn của cậu.

Paul lại chú ý vào vùng lòng chảo, nhận ra chuyển động như một cái bóng màu xám của Stilgar bên cạnh mẹ cậu.

“Lại đây nào, anh em,” Stilgar gọi. Ông ta quay sang Jessica. “Còn giờ thì tôi sẽ hỏi cô, liệu *chúng* tôi có thể chắc chắn đến đâu rằng cô sẽ thực hiện phần giao kèo của cô? Cô là người sống giữa đồng giấy tờ và các giao kèo trống rỗng và những thứ...”

“Bene Gesserit chúng tôi giữ lời thề chẳng kém bất kỳ ai trong các ông đâu,” Jessica nói.

Bầu không khí im lặng kéo dài, rồi có nhiều tiếng xì xào: “Phù thủy Bene Gesserit!”

Paul rút vũ khí vừa đoạt được ra khỏi thắt lưng, nhắm vào cái bóng tối đen của Stilgar, nhưng Stilgar và đám thuộc hạ của ông ta vẫn đứng yên, nhìn Jessica chằm chằm.

“Đó *chính* là truyền thuyết,” ai đó nói.

“Nghe nói Shadout Mapes đã báo cáo về cô như vậy,” Stilgar nói. “Nhưng một chuyện hệ trọng đến thế thì cần phải kiểm tra. Nếu cô chính là Bene Gesserit trong truyền thuyết, Bene Gesserit có người con trai sẽ dẫn dắt chúng tôi tới thiên đường...” Ông ta nhún vai.

Jessica thở dài nghĩ: *Vậy ra Missionaria Protectiva của chúng ta thậm chí đã gieo những cái van an toàn tín ngưỡng lên khắp chốn địa ngục này. Chà, tốt thôi... nó sẽ có ích, và họ làm thế cũng chỉ nhằm mục đích ấy.*

Nàng nói: “Nhà tiên tri từng mang truyền thuyết này đến cho các ông, bà ta truyền lại nó theo sự trói buộc của karama và ijaz, sự huyền diệu và tính không thể bắt chước của lời tiên tri đó - điều này tôi biết. Ông có muốn một dấu hiệu không?”

Lỗ mũi ông ta phồng lên dưới ánh trăng. “Chúng tôi không thể chờ những nghi thức đó được nữa,” ông ta thì thầm.

Jessica nhớ lại một bản đồ mà Kynes đã chỉ cho nàng trong lúc sắp đặt những con đường chạy trốn khẩn cấp. Dường như chuyện đó đã từ rất lâu rồi. Trên bản đồ có một nơi tên là “Sietch Tabr”, bên cạnh là ghi chú: “Stilgar.”

“Có thể khi chúng ta tới Sietch Tabr,” nàng nói.

Tiết lộ này làm ông ta sửng sốt, và Jessica thầm nghĩ: *Giá như ông ta biết những mảnh lối mà chúng ta sử dụng! Chắc bà ta phải rất cừ, người đàn bà Bene Gesserit của Missionaria Protectiva ấy. Những người Fremmen này đã được huấn bị rất kỹ càng để tin tưởng chúng ta.*

Stilgar di chuyển khó nhọc. “Giờ thì chúng ta phải đi thôi.”

Nàng gật đầu, để ông ta biết chính nàng cho phép họ đi.

Ông ta nhìn lên vách đá gần như nằm ngay chỗ rìa đá nơi Paul nấp. “Này cậu kia: cậu có thể xuống đây được rồi.” Ông ta quay sang Jessica, nói bằng giọng hối tiếc: “Trong lúc leo trèo con trai cô gây tiếng ồn tới mức

khó tin. Cậu bé còn phải học nhiều, kéo rồi sẽ gây nguy hiểm cho tất cả chúng ta, nhưng cậu còn trẻ mà.”

“Chắc chắn chúng ta còn phải dạy nhau nhiều,” Jessica nói. “Trong lúc này, tốt nhất ông nên nghĩ đến việc đưa người của ông ra khỏi chỗ đó. Thằng con trai ồn ào của tôi đã khá thô bạo khi tước vũ khí anh ta đấy.”

Stilgar quay phắt lại, mũ trùm lông thông phía sau đầu. “Ở đâu?”

“Sau những bụi cây kia kìa,” nàng chỉ tay.

Stilgar vỗ nhẹ vào hai tên thuộc hạ. “Ra chỗ đó xem.” Ông ta liếc đám thuộc hạ của mình, nhận dạng họ. “Thiếu Jamis.” Ông quay sang Jessica. “Cả con sói của cô cũng biết cách chiến đấu huyền thuật.”

“Và ông sẽ thấy rằng con tôi chưa rời khỏi đó như ông ra lệnh đâu,” Jessica nói.

Hai thuộc hạ mà Stilgar cử đi đã quay lại, dìu theo ở giữa một người vừa loạng choạng vừa thở hổn hển. Stilgar khẽ liếc về phía họ rồi quay sang Jessica. “Con trai cô sẽ chỉ thi hành mệnh lệnh của cô, phải không? Tốt. Cậu ta biết kỷ luật đấy.”

“Paul, con xuống đây được rồi,” Jessica nói.

Paul đứng lên, hiện ra trong vùng ánh trăng phía trên khe nứt nơi cậu ẩn trốn, nhét lại món vũ khí Fremen vào trong đai thắt lưng. Khi cậu quay lại, một dáng người khác xuất hiện từ những khối đá trước mặt cậu.

Dưới ánh trăng và ánh phản chiếu từ khối đá xám, Paul nhìn thấy một dáng người nhỏ nhắn vận áo choàng Fremen, một gương mặt khuất bóng nhìn cậu chăm chú từ dưới chiếc mũ trùm, và một trong những họng súng bắn phi tiêu chĩa vào cậu từ một nếp áo choàng.

“Tôi là Chani, con gái Liet.”

Giọng nói du dương, nghe có vẻ vừa nói vừa cười.

“Lẽ ra tôi không được để cho anh làm hại người của tôi,” cô ta nói.

Paul nuốt nước bọt. Dáng người đứng trước mặt cậu quay về phía ánh trăng và cậu nhìn thấy một gương mặt nhỏ nhắn thanh tú, hai hố mắt đen sẫm. Sự thân thuộc của khuôn mặt đó, các đường nét nằm trong vô số cảnh tiên tri cậu đã nhìn thấy trước kia, nó làm Paul sửng sốt không nói lên lời. Cậu nhớ lại mình đã làm ra vẻ tự tin một cách đầy giận dữ khi mô tả gương-mặt-từ-một-giấc-mơ này với Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam rồi nói: “Ta sẽ gặp cô ấy.”

Và đây là gương mặt đó, nhưng không phải trong cuộc gặp mà cậu từng mơ thấy.

“Anh ồn ào như ngài shai-hulud trong cơn thịnh nộ,” cô gái nói. “Và anh lên đây bằng con đường khó đi nhất. Theo tôi nào, tôi sẽ chỉ cho anh con đường dễ xuống hơn.”

Cậu trườn ra ngoài khe nứt, theo sau chiếc áo choàng xoáy tít của cô gái, đi qua một khung cảnh gập ghềnh. Cô gái di chuyển như con linh dương, nhảy thoăn thoắt qua những khối đá. Paul cảm thấy máu nóng dồn lên mặt, thậm chí cảm ơn bóng tối.

Cô gái kia! Cô ấy giống như một cú chạm của số phận. Cậu cảm thấy mình như bị cuốn vào một cơn sóng, hòa điệu với một chuyển động nâng bổng toàn bộ cảm xúc của cậu.

Ngay sau đó họ đã đứng giữa nhóm người Fremen trên nền vùng lòng chảo.

Jessica gượng cười với Paul, nhưng nàng nói với Stilgar: “Đây sẽ là một sự trao đổi tốt những bài học. Tôi hy vọng ông và người của ông không tức giận vì sự thô bạo của chúng tôi. Điều đó dường như... cần thiết. Các ông suyt nữa đã... phạm sai lầm.”

“Giúp một người thoát khỏi sai lầm là một món quà của thiên đường,” Stilgar nói. Ông ta đưa tay trái chạm vào môi, tay kia rút vũ khí từ khăn

thắt lưng của Paul ra, ném nó cho một thuộc hạ. “Cậu bé, cậu sẽ có súng lục maula của chính mình khi cậu xứng đáng.”

Paul định nói, rồi lại ngập ngừng, nhớ lại lời mẹ dạy: “*Lúc bắt đầu là thời điếm cực kỳ nhậy cảm.*”

“Con trai tôi đã có những vũ khí nó cần,” Jessica nói. Nàng nhìn Stilgar chòng chọc, buộc ông ta phải nghĩ làm thế nào mà Paul đoạt được khẩu súng.

Stilgar liếc về phía tên thuộc hạ bị Paul đánh bại - Jamis. Anh ta đứng một bên, đầu cúi xuống, thở nặng nề. “Cô là một người khó tính,” Stilgar nói. Ông ta đưa bàn tay về phía một thuộc hạ, bật ngón tay. “Kushti bakka te.”

Lại ngôn ngữ Chakobsa, Jessica nghĩ.

Tên thuộc hạ ấn hai mảnh vải sáng màu hình vuông vào tay Stilgar. Stilgar luồn chúng qua các ngón tay, quấn một mảnh quanh cổ Jessica bên dưới mũ trùm của nàng, quấn mảnh kia quanh cổ Paul theo cùng một cách.

“Bây giờ hai người đã quấn khăn bakka,” ông nói. “Nếu chúng ta tách nhau ra, người khác nhìn vào đó sẽ nhận ra hai người thuộc sietch của Stilgar. Chúng ta sẽ nói về vũ khí vào dịp khác.”

Ông đi vào giữa nhóm thuộc hạ, duyệt quân, trao chiếc ba lô đựng bộ Fremkit của Paul cho một thuộc hạ mang.

Bakka, Jessica nghĩ, nhận ra thuật ngữ tín ngưỡng này: *bakka* - người khóc mướn. Nàng cảm nhận được biểu tượng chiếc khăn hợp nhất nhóm người này lại như thế nào. *Tại sao việc khóc mướn lại gắn kết họ với nhau?* nàng tự hỏi.

Stilgar đi tới chỗ cô gái đã làm Paul bối rối, nói: “Chani, bảo vệ người đàn ông-cậu bé này nhé. Đừng để cậu ta vướng vào rắc rối.”

Chani chạm vào tay Paul. “Đi nào, chàng trai-cậu bé.”

Paul giấu cơn giận trong giọng mình, cậu nói: “Tên tôi là Paul. Thật tốt nếu các vị...”

“Chúng tôi sẽ tặng anh một cái tên, chàng trai ạ,” Stilgar nói. “Trong mùa sát hạch mihna, ở bài kiểm tra aql.”

Bài kiểm tra lý trí, Jessica diễn dịch. Cái nhu cầu đột ngột cần khẳng định uy lực của Paul nhấn chìm mọi suy nghĩ khác, và nàng quát lên: “Con trai tôi đã trải qua thử thách với gom jabbar!”

Trong sự yên lặng sau đó, nàng biết nàng đã đánh trúng tim họ.

“Có nhiều điều chúng ta vẫn chưa biết về nhau,” Stilgar nói. “Nhưng chúng ta lần nữa quá lâu rồi. Không được để cho Mặt trời-Ban ngày tìm thấy chúng ta ở ngoài trời.” Ông ta qua chỗ tên thuộc hạ bị Paul đánh bại, nói, “Jamis, anh có đi được không?”

Một tiếng làu bàu trả lời ông ta. “Hắn làm tôi ngạc nhiên, vậy đấy. Đó chỉ là tai nạn thôi. Tôi vẫn đi được.”

“Không phải tai nạn,” Stilgar nói. “Tôi sẽ buộc anh phải chịu trách nhiệm với Chani về sự an toàn của chàng trai này, Jamis ạ. Những người này được tôi ủng hộ.”

Jessica nhìn chăm chăm người đàn ông đó, Jamis. Giọng anh ta chính là giọng của người núp trong những khối đá tranh cãi với Stilgar. Giọng anh ta chính là giọng nói nhuốm mùi chết chóc. Và Stilgar đã thấy cần phải gia tăng cường độ trong mệnh lệnh của mình với tay Jamis này.

Stilgar khẽ liếc mắt thăm dò đám thuộc hạ, ra hiệu cho hai người bước ra. “Larus và Farrukh, hai người hãy xóa các dấu vết của chúng ta. Làm sao để chúng ta rời đi không để lại chút dấu vết nào. Làm cẩn thận vào - chúng ta có kèm hai người chưa được huấn luyện.” Ông ta quay người,

giơ tay lên chỉ vào vùng lòng chảo. “Đi theo đội hình, có bảo vệ hai bên sườn - đi nào. Chúng ta phải tới Hang Đỉnh Núi trước khi trời sáng.”

Jessica bước tới cạnh Stilgar, đếm đầu người. Có bốn mươi người Fremen - cộng cả nàng và Paul thành bốn mươi hai. Và nàng nghĩ: *Họ đi như một đại đội vũ trang - kể cả cô gái, Chani.*

Paul chiếm một chỗ trong hàng đằng sau Chani. Cậu đã dần được cảm giác bực bội khi bị cô gái này quở thúc. Bây giờ trong tâm trí cậu là cái ký ức được gọi lại khi mẹ cậu quát lên: “Con trai tôi đã trải qua thử thách với gom jabbar!” Cậu thấy bàn tay mình ngứa râm ran khi nhớ lại cơn đau.

“Đi đến đâu thì quan sát kỹ đến đấy,” Chani nói khẽ. “Đừng chạm vào bụi cây, kéo rồi anh sẽ để lại một sợi chỉ làm lộ đường đi của chúng ta.”

Paul nuốt nước bọt, gật đầu.

Jessica lắng nghe những tiếng động của đoàn người, nghe tiếng bước chân của nàng và của Paul, ngạc nhiên trước cách di chuyển của người Fremen. Họ có bốn mươi người đi qua vùng lòng chảo tới đây mà chỉ gây ra những tiếng động rất tự nhiên đối với nơi này - những con thuyền ma, áo choàng của họ lướt êm ru qua những bóng đen. Đích đến của họ là Sietch Tabr - sietch của Stilgar.

Nàng chuyển hướng suy nghĩ vào cái từ nằm trong tâm trí: sietch. Đó là một từ Chakobsa, thứ ngôn ngữ đi săn cổ xưa, không hề thay đổi sau bao thế kỷ. Sietch: một nơi tụ họp những khi nguy hiểm. Những hàm ý sâu xa của từ này và của ngôn ngữ đó chỉ đang bắt đầu được nàng ghi vào đầu khi sự căng thẳng của cuộc chạm trán qua đi.

“Chúng ta đi rất tốt,” Stilgar nói. “Với đặc ân của Shai-hulud, chúng ta sẽ tới Hang Đỉnh Núi trước khi trời sáng.”

Jessica gật đầu, cố gắng giữ sức, cảm thấy nổi mệt mỏi khủng khiếp mà nàng đã ngăn không cho nó bén được vào nàng nhờ sức mạnh của ý chí... và, nàng thừa nhận: bằng sức mạnh của nỗi phấn khích cực độ. Tâm trí

nàng tập trung vào giá trị của đoàn người này, nhận ra những gì biểu lộ ở đây về văn hóa của người Fremen.

Tất cả họ, cả một nền văn hóa được huấn luyện theo kỷ luật quân đội, năng nghị. Thật là điều vô giá đối với một Công tước vô gia cư!

Người Fremen đạt được mức cao nhất trong cái phẩm chất mà người cổ đại gọi là “spannungsbogen” - sự trì hoãn tự áp đặt giữa lòng khao khát một cái gì đó với hành động vươn tay ra nhằm nắm được nó.

- trích “Sự hiển minh của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Họ tới Hang Đỉnh Núi lúc rạng đông, đi qua một khe nứt trong bức tường vùng lòng chảo, khe nứt hẹp đến nỗi họ phải xoay người sang một bên mới vượt qua được. Jessica thấy Stilgar phái những người lính đi làm việc gì đó trong ánh bình minh le lói, nhìn họ một lát khi họ bắt đầu trèo lên vách núi.

Paul ngược đầu lên trong khi đi, nhìn thấy mặt cắt phong cảnh hành tinh này nơi khe nứt hẹp mở hoác ra về phía bầu trời xanh xám.

Chani kéo áo choàng của cậu để giục đi nhanh hơn rồi nói: “Nhanh lên. Trời sáng rồi.”

“Những người trèo phía trên chúng ta, họ đang đi đâu vậy?” Paul thì thầm.

“Nhóm canh gác ban ngày đầu tiên,” cô nói. “Nhanh lên nào!”

Để lại một người canh gác bên ngoài, Paul nghĩ. Thật khôn ngoan. Nhưng nếu chúng ta chia thành từng nhóm để đi tới nơi này thì còn khôn ngoan hơn nữa. Ít có khả năng đánh mất toàn bộ lực lượng hơn. Cậu ngừng lại ở suy nghĩ này, nhận ra đây là lỗi nghĩ du kích, và cậu nhớ lại cha mình đã lo sợ rằng Atreides có thể trở thành một gia tộc du kích.

“Nhanh nữa,” Chani thì thầm.

Paul tăng tốc, lắng nghe tiếng áo choàng sột soạt đằng sau. Cậu nghĩ về

những câu chữ trong sirat trích từ Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam của Yueh.

“Thiên đường bên phải ta, Địa ngục bên trái ta, và Thần Chết phía sau ta.” Cậu lật đi lật lại câu trích dẫn trong tâm trí.

Họ vòng qua một góc nơi con đường nối rộng ra. Stilgar đứng sang một bên ra hiệu cho họ đi vào một miệng hang thấp mở ra ở góc bên phải.

“Nhanh lên!” ông nói khể. “Chúng ta sẽ giống như bầy thỏ trong lồng nếu bọn tuần tra bắt gặp chúng ta ở đây.”

Paul cúi người qua miệng hang, theo Chani đi vào một cái hang có ánh sáng xám yếu ớt phát ra từ một nơi nào đó trên đầu họ.

“Anh có thể đứng thẳng lên,” cô nói.

Cậu thẳng người lên, quan sát nơi này: một khu vực sâu rộng có trần vòm cung chỉ cao hơn tầm với của con người một chút. Đoàn người kéo dài xuyên qua những cái bóng. Paul thấy mẹ tiến sang một bên, thấy mẹ quan sát kỹ những người cùng đi. Và cậu để ý thấy dù ăn mặc giống hết người Fremen nhưng mẹ vẫn không thể trộn lẫn vào bọn họ. Cung cách mẹ đi đứng - thật là cả một dáng vẻ uy quyền, cao nhã.

“Tìm nơi nghỉ ngơi và tách ra khỏi con đường đi, chàng trai-cậu bé,” Chani nói. “Thức ăn đây.” Cô ấn hai mẩu thức ăn bọc lá vào tay cậu. Chúng sắc mùi hương được.

Stilgar đi tới phía sau Jessica, ra lệnh cho một nhóm người đứng bên trái. “Để cái van bịt cửa vào chỗ và đảm bảo độ ẩm an toàn.” Ông quay sang một người Fremen khác: “Leimil, thấp đèn cầu lên.” Ông nắm tay Jessica. “Tôi muốn chỉ cho cô cái này, người đàn bà huyền thuật ạ.” Ông dẫn nàng đi vòng qua một vách đá cong tiến về phía nguồn sáng.

Jessica nhận thấy mình đang nhìn ra một miệng hang rộng khác dẫn vào hang, một miệng hang nằm trên cao giữa bức tường đá thẳng đứng, nhìn ra một vùng lòng chảo khác rộng chừng mười, mười hai ki lô mét. Vùng

lòng chảo có những bức tường đá cao che chắn. Những lùm cây thưa thớt mọc rải rác xung quanh.

Trong khi nàng nhìn vùng lòng chảo màu xám dưới ánh rặng đông, mặt trời nhô lên trên vách núi xa xa chiếu sáng cả một vùng đá và cát màu nâu nhạt. Và nàng để ý thấy mặt trời Arrakis dường như nhảy thoát qua đường chân trời.

Đó là vì chúng ta muốn giữ nó lại, nàng nghĩ. Đêm an toàn hơn ngày. Thế rồi nỗi khao khát được nhìn thấy cầu vồng ở cái nơi không bao giờ nhìn thấy mưa này đột ngột xâm chiếm nàng. Mình phải nén những khao khát như thế này lại, nàng nghĩ. Khao khát thế này là mềm yếu. Ta không còn có thể cho phép mình mềm yếu nữa.

Stilgar nắm chặt cánh tay nàng, chỉ về phía vùng lòng chảo: “Ở đó! Ở đó cô sẽ nhìn thấy những tín đồ Druse đích thực.”

Nàng nhìn vào nơi ông chỉ, thấy những chuyển động: đám người trên nền vùng lòng chảo đang chạy tán loạn dưới ánh sáng ban ngày, tìm đến bóng râm của bức tường đá đối diện. Mặc dù ở xa nhưng chuyển động của bọn họ nhìn khá rõ trong bầu không khí quang đãng. Nàng rút ống nhòm từ dưới áo choàng ra, điều chỉnh thấu kính dầu để nhìn rõ đám người phía xa đó. Những chiếc khăn quàng dập dờn như một đàn bướm sặc sỡ đang bay.

“Đó là nhà chúng ta,” Stilgar nói. “Đêm nay chúng ta sẽ có mặt ở đó.” Ông nhìn đăm đăm ngang qua vùng lòng chảo, giật mạnh bộ ria. “Người của tôi ở lại bên ngoài làm việc rất muộn. Điều đó có nghĩa không có nhóm tuần tra nào. Tôi sẽ báo hiệu với họ sau, họ sẽ chuẩn bị đón chúng ta.”

“Người của ông có tính kỷ luật tốt,” Jessica nói. Nàng hạ ống nhòm xuống, thấy Stilgar đang nhìn họ.

“Họ tuân theo sự bảo toàn bộ tộc,” ông nói. “Đó là cách chúng tôi chọn ra một thủ lĩnh giữa những người của mình. Thủ lĩnh là người mạnh nhất, người đem lại nước và sự an toàn.” Ông chuyển sự chú ý sang khuôn mặt nàng.

Nàng đáp trả cái nhìn chăm chăm của ông, để ý thấy đôi mắt không có chút màu trắng, hai hốc mắt biến màu, râu ria đầy bụi viền quanh, đường dây của ống hứng nổi từ lỗ mũi vòng xuống bộ sa phục.

“Có phải tôi vừa làm tổn hại đến khả năng lãnh đạo của ông bằng việc đánh thẳng ông không, hử Stilgar?” nàng hỏi.

“Cô đã không làm tôi mất mặt,” ông nói.

“Điều quan trọng là một thủ lĩnh giữ được lòng kính trọng của quân lính,” nàng nói.

“Trong số những con rận cát đó không có kẻ nào tôi không thể điều khiển được,” Stilgar nói. “Khi cô thắng tôi, cô thắng tất cả chúng tôi. Bây giờ họ hy vọng học được từ cô... cách chiến đấu theo huyền thuật... và vài người tò mò muốn biết liệu cô có ý định làm tôi mất mặt không.”

Nàng cân nhắc gợi ý của ông. “Bằng cách đánh bại ông trong một trận đấu chính thức?”

Ông gật đầu. “Tôi khuyên cô nên phản đối việc này vì họ sẽ không theo cô đâu. Cô không phải là người vùng cát. Họ nhận ra điều này trong chuyến đi đêm qua.”

“Những người thực tế,” nàng nói.

“Chính xác lắm,” ông liếc vùng lòng chảo. “Chúng tôi biết mình cần gì. Nhưng giờ thì không có nhiều người suy nghĩ sâu xa một khi đã về gần tới nhà đến thế này. Chúng tôi xa nhà đã rất lâu rồi, để thu xếp việc giao hương được theo hạn ngạch của chúng tôi cho đám thương nhân tự do làm việc cho cái Hiệp hội đáng nguyên rủa... cầu sao cho cái bản mặt chúng đen đủi suốt đời.”

Jessica không quay đi nữa, nàng quay lại ngược lên nhìn khuôn mặt ông. “Hiệp hội ư? Họ liên quan gì đến hương được của các ông?”

“Đó là lệnh của Liet,” Stilgar nói. “Chúng tôi biết lý do, nhưng cái vị của nó làm chúng tôi chua chát. Chúng tôi đốt lốt Hiệp hội một lượng hương được khổng lồ để giữ cho bầu trời của chúng tôi không có vệ tinh nhân tạo và sao cho không ai do thám được chúng tôi làm gì với diện mạo của Arrakis.”

Nàng cân nhắc từng câu chữ của mình, nhớ lại Paul đã nói chắc hẳn đây là lý do khiến bầu trời Arrakeen không hề có vệ tinh. “Và các ông làm gì với diện mạo của Arrakis mà người ngoài không được phép nhìn thấy?”

“Chúng tôi thay đổi nó... chậm nhưng chắc chắn... biến đổi nó cho phù hợp với cuộc sống con người. Thế hệ chúng tôi sẽ không nhìn thấy điều đó, đời con chúng tôi không nhìn thấy, đời cháu chắt chúng tôi cũng không... nhưng ngày đó sẽ đến.” Đôi mắt che kín mít của ông nhìn khắp vùng lòng chảo. “Nước lộ thiên, cây xanh cao vút, con người đi lại tự do không cần sa phục.”

Thì ra đó là giấc mơ của vị Liet-Kynes này, nàng nghĩ. Và nàng nói: “Những khoản đốt lốt rất nguy hiểm; chúng có chiều hướng ngày một lớn.”

“Chúng ngày một lớn,” ông nói, “nhưng con đường chậm là con đường an toàn.”

Jessica quay đi, nhìn ra vùng lòng chảo, cố nhìn nó theo cách Stilgar đang nhìn trong trí tưởng tượng của ông. Nàng chỉ nhìn thấy những vệt màu tương mù tạc xám của những tảng đá phía xa và một chuyển động mờ mờ đột ngột dưới bầu trời bên trên những vách đá.

“Ái chà chà,” Stilgar nói.

Mới đầu nàng nghĩ chắc đó là tàu tuần tra, sau đó nàng nhận ra nó là một ảo ảnh - một khung cảnh khác lơ lửng trên nền cát sa mạc, một làn sóng cây cỏ gòn gợn ở phía xa, và ở khoảng giữa là một con sâu cát dài đang trườn trên bề mặt cùng với một thứ trông như áo choàng của người Fremen đu đưa trên lưng.

Ảo ảnh mờ dần.

“Cưỡi thì vẫn hay hơn,” Stilgar nói, “nhưng chúng ta không thể cho phép một Ngài tạo vào vùng lòng chảo này. Do đó tối nay chúng ta phải đi bộ tiếp.”

Ngài tạo - họ dùng từ này để chỉ sâu cát, nàng nghĩ.

Nàng đánh giá ẩn ý trong lời ông, câu ông nói rằng họ không thể *cho phép* một con sâu cát vào vùng lòng chảo này. Nàng biết mình đã nhìn thấy gì trong ảo ảnh đó - người Fremen cưỡi trên lưng một con sâu cát khổng lồ. Nàng phải hết sức kiềm chế để không lộ ra nỗi sửng sốt trước những hàm ý đó.

“Chúng ta phải quay về chỗ những người khác,” Stilgar nói. “Ngoài ra người của tôi có thể nghi ngờ tôi ve vãn cô. Vài kẻ đồ kỵ nói rằng tay tôi đã nếm trải vẻ yêu kiều của cô khi chúng ta đánh nhau tối qua trong Lòng chảo Tuono.”

“Thế này thì quá đủ rồi!” Jessica cáu kỉnh.

“Tôi không có ý làm méch lòng cô,” Stilgar nói, và giọng ông êm ái. “Đàn bà trong bộ tộc chúng tôi, không ai lấy họ làm vợ được một khi họ đã không thích... nhưng mà với cô...” Ông ta nhún vai. “... thậm chí người ta không yêu cầu làm theo tục lệ đó.”

“Ông hãy luôn ghi nhớ rằng tôi là phu nhân Công tước,” nàng nói, nhưng giọng đã bình tĩnh hơn.

“Tùy ý cô thôi,” ông nói. “Đã đến lúc ta phong kín lối vào này, để cho phép nói lỏng bộ sa phục. Hôm nay người của tôi cần nghỉ ngơi thoải mái. Hôm sau thì gia đình họ sẽ chỉ cho họ nghỉ ngơi chút ít thôi.”

Im lặng trùm lên họ.

Jessica nhìn chăm chú ra ngoài ánh sáng mặt trời. Nàng đã nghe thấy điều

đã nghe trong giọng Stilgar - lời dạm hỏi kín đáo chứ không chỉ là đề nghị *ủng hộ* nàng. Ông ta cần một người vợ chăng? Nàng nhận ra mình có thể bước vào nơi đó cùng ông ta. Đó là một cách để chấm dứt cuộc xung đột về cương vị chỉ huy bộ tộc - người đàn bà công khai sánh bước với người đàn ông.

Nhưng còn Paul thì sao? Lúc này ai có thể nói được những luật lệ dành cho cha mẹ nào đang chi phối ở đây? Và còn đứa con gái chưa ra đời mới vài tuần tuổi nữa? Con gái một vị Công tước đã chết sẽ ra sao đây? Và nàng cho phép mình hoàn toàn đối mặt với ý nghĩa của đứa trẻ đang lớn lên trong nàng, nhìn thấy những động cơ của chính nàng khi chấp nhận sự thụ thai này. Nàng biết đó là gì - nàng đã đầu hàng trước cái nỗ lực sâu xa mà loài sinh vật nào khi đối mặt với cái chết cũng đều có - nỗ lực tìm kiếm sự bất tử thông qua con cháu. Nỗ lực sinh sản của loài đã khuất phục họ.

Jessica liếc Stilgar, thấy ông đang quan sát nàng, bèn chờ đợi. *Một đứa con gái sinh ra ở đây, con của một người đàn bà lấy một người đàn ông như người này - số phận một đứa con gái như thế sẽ ra sao?* nàng tự hỏi. *Liệu ông ta có cố gắng hạn chế những đòi hỏi mà một Bene Gesserit phải tuân theo không?*

Stilgar hắng giọng, để lộ ra rằng ông hiểu một vài thắc mắc trong đầu nàng. “Đối với một thủ lĩnh, điều quan trọng là cái đã làm ông ta trở thành thủ lĩnh. Đó là những nhu cầu của dân tộc ông ta. Nếu cô dạy tôi những khả năng của cô, có thể một ngày kia một trong hai chúng ta phải thách đấu người kia. Tôi thích cách khác hơn.”

“Có vài cách khác nhau ư?” cô hỏi.

“Sayyadina,” ông nói. “Mẹ Chí tôn của chúng tôi già rồi.”

Mẹ Chí tôn của họ!

Nàng chưa kịp thăm dò điều này thì ông đã nói: “Tôi không hẳn là đưa ra đề nghị xin làm chồng cô. Ở đây chẳng có gì riêng tư cả, cô đẹp và đáng để người ta ao ước. Nhưng nếu cô trở thành một trong số những người

phụ nữ của tôi, điều đó có thể khiến vài chàng trai trẻ của tôi tin rằng tôi quá quan tâm đến lạc thú xác thịt mà không quan tâm thích đáng đến những nhu cầu của bộ tộc. Thậm chí ngay lúc này họ cũng đang lắng nghe và theo dõi chúng ta.”

Một người luôn cân nhắc trước khi ra quyết định, luôn suy nghĩ về những hậu quả, nàng nghĩ.

“Trong số các chàng trai của tôi có những người đã đến độ tuổi nông cuồng,” ông nói. “Suốt thời kỳ này phải xoa dịu họ. Tôi phải không cho họ có lý do to tát nào để thách thức tôi. Bởi vì tôi sẽ phải làm họ bị thương tật và giết họ. Đây không phải cách giải quyết đúng đắn của một thủ lĩnh nếu có thể tránh được điều đó trong danh dự. Một thủ lĩnh, cô biết đấy, là một trong những thứ phân biệt một bầy đàn với một dân tộc. Anh ta duy trì vị trí của những cá nhân. Nếu quá ít cá nhân thì một dân tộc lại trở thành một bầy đàn.”

Những lời ông nói, chiều sâu ý thức của chúng, cái thực tế rằng ông nói nhiều như thế với nàng cũng là để nói với những kẻ đang bí mật lắng nghe, những điều đó buộc nàng phải đánh giá lại ông.

Ông ta cũng có tâm cỡ đấy chứ, nàng nghĩ. Ông ta đã học ở đâu sự cân bằng nội tâm như thế?

“Cái luật yêu cầu chúng tôi lựa chọn thủ lĩnh theo hình thức đó là một luật công bằng,” Stilgar nói. “Nhưng không phải từ đó có thể suy ra rằng sự công bằng luôn luôn là điều mà một dân tộc cần tới. Cái chúng tôi thực sự cần là thời gian để phát triển và thịnh vượng, để sức mạnh của chúng tôi lan ra trên nhiều vùng đất hơn nữa.”

Tổ tiên của ông là ai? nàng tự hỏi. Từ đâu xuất hiện một dòng dõi như thế? Nàng nói: “Stilgar, tôi đã đánh giá thấp ông.”

“Đúng như tôi nghi ngờ,” ông nói.

“Mỗi người trong chúng ta hình như đều đánh giá thấp người kia,” nàng nói.

“Tôi muốn có một kết thúc cho chuyện này,” ông nói. “Tôi muốn có tình bạn với cô... và sự tin tưởng. Tôi muốn sự kính trọng chúng ta dành cho nhau lớn lên trong lồng ngực mà không cần đến quan hệ xác thật.”

“Tôi hiểu,” nàng nói.

“Cô có tin tưởng tôi không?”

“Tôi nhận thấy sự chân thật của ông.”

“Trong số chúng tôi,” ông nói, “các Sayyadina, tuy không phải là những thủ lĩnh chính thức, song họ nắm giữ một vị trí danh dự đặc biệt. Họ dạy dỗ. Họ duy trì sức mạnh của Thượng đế ở đây.” Ông chạm tay vào ngực.

Bây giờ ta phải thăm dò bí mật về Mẹ Chí tôn này, nàng nghĩ. Và nàng nói: “Ông nói về Mẹ Chí tôn của ông... và tôi đã từng nghe về truyền thuyết và lời tiên tri.”

“Người ta nói rằng một Bene Gesserit và con của cô ta nắm giữ chìa khóa đi tới tương lai của chúng tôi,” ông nói.

“Ông có tin tôi chính là người đó.”

Nàng quan sát khuôn mặt ông, thầm nghĩ: *Cây sậy non chết quá dễ. Những lúc khởi đầu là những khoảng thời gian vô cùng nguy hiểm.*

“Chúng tôi không biết,” ông nói.

Nàng gật đầu, nghĩ: *Ông ta là người đáng trọng. Ông ta muốn một dấu hiệu từ ta, nhưng ông ta sẽ không làm nghiêng định mệnh bằng việc nói cho ta biết cái dấu hiệu đó.*

Jessica quay đầu, nhìn chăm chăm xuống vùng lòng chảo về phía những cái bóng màu vàng, những cái bóng màu tía, luồng khí bụi chuyển động rung rung qua miệng hang. Sự thận trọng xảo trá bất chợt choán đầy tâm trí nàng. Nàng biết sự giả dối của Missionaria Protectiva, biết cần phải làm

thế nào để những kỹ xảo của truyền thuyết, của nỗi sợ hãi và của niềm hy vọng, thích nghi được với những nhu cầu khẩn cấp của nàng, nhưng nàng cảm nhận được những thay đổi mạnh mẽ ở đây... như thể có ai đó đã sống giữa những người Fremen này và lợi dụng ảnh hưởng sâu sắc của Missionaria Protectiva.

Stilgar hăng giọng.

Nàng cảm thấy ông đang sốt ruột, biết rằng ban ngày dịch chuyển phía trên đầu và mọi người đang đợi để phong kín miệng hang này. Về phần nàng, đây là lúc phải liều lĩnh, và nàng nhận ra cái mình cần: một dar al-hikman nào đó, một trường chuyên dịch nào đó nó sẽ trao cho nàng...

“Adab,” nàng thì thầm.

Tâm trí nàng như thể đang lật qua lật lại trong đầu nàng. Mạch đập nhanh hơn, nàng nhận ra cảm giác này. Trong tất cả sự huấn luyện Bene Gesserit của nàng không gì chứa đựng một dấu hiệu công nhận như thế. Nó chỉ có thể là adab, cái kí ức nghiệt ngã tự đến với ta. Nàng tự trao mình cho nó, cho phép mình tuôn ra những lời nói.

“Ibn qirtaiba,” nàng nói, “xa đến tận nơi bụi kết thúc.” Nàng đưa thẳng cánh tay từ trong áo choàng ra, thấy Stilgar mở to mắt. Nàng nghe thấy tiếng nhiều chiếc áo choàng sột soạt phía sau. “Tôi nhìn thấy một... người Fremen với quyển sách trích dẫn,” nàng nói chậm rãi bằng giọng nghiêm trang. “Ông đọc cho al-Lat, vầng mặt trời mà ông chống lại và khuất phục. Ông đọc cho Sadus của Trial nghe và đây là cái mà ông đọc:

“Những kẻ thù chúng ta như đám lá cỏ bị dập vùi

Bởi đứng ngay trên đường của cơn bão lớn.

Người không thấy Thượng Đế của chúng ta làm gì sao?

Những kẻ bày mưu chống lại chúng ta,

Ngài gửi bệnh dịch đến cho bọn chúng.

Chúng như lũ chim bị người thợ săn xua tán loạn.

Mưu đồ của chúng như những viên thuốc độc

Mọi cái mồm đều loại bỏ.”

Người nàng rung lên. Nàng thả tay xuống.

Sau lưng nàng, từ phía những cái bóng trong hang vang lên nhiều giọng nói thì thầm hưởng ứng: “Việc chúng làm đã bị đảo lộn.”

“Lửa Thượng đế ngự lên tim người,” nàng nói. Và nàng nghĩ: *Bây giờ thì đúng đường rồi.*

“Lửa Thượng đế sáng bừng lên,” có tiếng đáp lại.

Nàng gật đầu. “Những kẻ thù của người sẽ ngã xuống,” nàng nói.

“Bi-la kaifa,” họ trả lời.

Trong sự im lặng đột ngột, Stilgar cúi chào nàng. “Hỡi Sayyadina,” ông nói. “Nếu Shai-hulud chấp thuận, người có thể qua bên trong để trở thành một Mẹ Chí tôn.”

Qua bên trong, nàng nghĩ. Một cách diển đạt kỳ quặc. Nhưng phần còn lại của nó thì khá phù hợp với sự lừa dối đó. Và nàng cảm thấy một sự chua xót cay đắng về những gì mình đã làm. Missionaria Protectiva của chúng ta hiếm khi thất bại. Một nơi đã được chuẩn bị trước dành cho chúng ta trong chốn hoang vu này. Kinh cầu nguyện salat đã tạo ra nơi ẩn trốn cho chúng ta. Bây giờ... ta phải diển vai Auliya, Bạn Của Thượng đế... Sayyadina đối với đám người sống tách biệt chịu dấu ấn quá sâu sắc từ những lời tiên tri Bene Gesserit của chúng ta, thậm chí họ còn gọi các nữ tu trưởng của họ là Mẹ Chí tôn.

Paul đứng cạnh Chani trong bóng tối của hang trong. Cậu vẫn đang nhắm nháp chỗ thức ăn mà Chani đưa cho - thịt chim và ngũ cốc trộn mật

hương được bọc trong lá. Khi thưởng thức nó cậu nhận ra trước đây mình chưa bao giờ ăn tinh chất hương được cô đặc như thế, và cậu thoáng sợ hãi. Cậu biết cái tinh chất này có thể làm gì với cậu - sự *chuyển hóa hương được* đó từng đẩy tâm trí cậu vào nhận thức tiên tri.

“Bi-la kaifa,” Chani thì thầm.

Cậu nhìn cô, nhìn thấy nỗi kính sợ mà với nó người Fremen dường như chấp nhận những lời nói của mẹ cậu. Chỉ có người đàn ông tên gọi Jamis dường như bàng quan với nghi lễ này, anh ta đứng ở xa, khoanh tay trước ngực.

“Duy yakha hin mange,” Chani thì thầm. “Duy punra hin mange. Ta có hai mắt. Ta có hai chân.”

Và cô nhìn Paul chăm chăm, tỏ vẻ kinh ngạc.

Paul hít một hơi sâu, cố gắng làm lắng dịu cơn bão trong lòng. Những lời mẹ cậu nói đã nhằm đúng vào tác dụng của tinh chất hương được, và cậu cảm thấy giọng của mẹ lên bổng xuống trầm bên trong cậu như những cái bóng của một ngọn lửa lộ thiên. Thông qua những cái đó, cậu cảm thấy sự hoài nghi trong mẹ - cậu hiểu mẹ quá rõ mà! - nhưng không gì có thể dừng chuyện này lại một khi nó đã bắt đầu bằng một mẫu thức ăn.

Cái mục đích kinh khủng!

Cậu cảm thấy nó, cái ý thức dòng giống mà cậu không thể thoát ra. Có một sự rõ ràng sắc bén, sự chảy vào của dữ liệu, sự chính xác lạnh lùng của ý thức. Cậu ngồi xuống nền hang, tựa lưng vào đá, trao con người cậu cho nó. Ý thức chảy vào cái địa tầng vô thời gian đó nơi cậu có thể nhìn thấy thời gian, cảm thấy những con đường sẵn có, những luồng gió của tương lai... những luồng gió của quá khứ: thị kiến một mắt của quá khứ, thị kiến một mắt của hiện tại và thị kiến một mắt của tương lai - tất cả kết hợp lại thành một thị kiến ba mắt cho phép cậu nhìn thấy thời-gian-trở-thành-không-gian.

Cậu cảm thấy mối nguy hiểm của việc vượt quá chính mình và cậu phải bám vào ý thức của mình về hiện tại, cảm thấy sự chệch hướng lơ mơ của những gì đã trải qua, cái khoảnh khắc đang tuôn chảy, sự đông đặc liên tục của cái-đang-là để thành cái vĩnh-viễn-đã-là.

Trong khi níu lấy hiện tại, lần đầu tiên cậu cảm thấy ở khắp nơi, chuyển động đều lớn lao của thời gian đều bị phức tạp hóa bởi những dòng dịch chuyển, những sóng, những trôi lên, sụt xuống, giống như con sóng vỗ vào vách đá. Nó đem lại cho cậu một hiểu biết mới về khả năng tiên tri của cậu, và với một cảm giác sợ hãi tức thì, cậu nhận ra nguồn gốc của khoảng thời gian mù, nguồn gốc của sai số trong nó.

Cậu nhận ra việc nhìn thấy trước tương lai là một sự khai trí, nó hợp nhất những giới hạn của cái mà nó để lộ ra - cùng một lúc là nguồn gốc của sự chính xác và sai số có nghĩa. Một loại tính bất định Heisenberg can thiệp vào đây: sự tiêu tốn năng lượng làm bộc lộ điều cậu thấy, thay đổi điều cậu thấy.

Và điều cậu nhìn thấy là mối liên hệ thời gian trong cái hang này, sự sôi sục các khả năng tập trung ở đây, nơi mà ngay cả hành động nhỏ nhất - cái nháy mắt, một lời sơ suất, một hạt cát nhầm chỗ - cũng làm chuyển động một đòn bẩy khổng lồ bắc ngang qua vũ trụ đã biết. Cậu nhìn thấy bạo lực cùng với cái hệ quả chịu tác động của quá nhiều biến số đến nỗi cử động nhỏ nhất của cậu cũng gây ra những dịch chuyển lớn lao trong mẫu hình.

Cái thị kiến đó khiến cậu muốn đông cứng lại bất động, nhưng kể cả điều này cũng là một hành động kèm theo những hậu quả của nó.

Vô số con đường-hậu quả từ cái hang này trải dài ra, và trên hầu hết các con đường-hậu quả đó cậu nhìn thấy thi thể của chính mình với dòng máu chảy ra từ một vết thương rộng hoác bị dao đâm.

Cha ta, hoàng đế Padishah, tuy đã 72 tuổi nhưng trông không quá tuổi 35 khi ông lo liệu xong xuôi cái chết của Công tước Leto và trao Arrakis cho gia tộc Harkonnen. Hiếm khi ông xuất hiện trước công chúng mà ăn mặc

gì khác ngoài bộ đồng phục Sardaukar và mũ sắt Burseg màu đen với con sư tử bằng vàng - biểu tượng của Hoàng đế - trên chóp mũ. Bộ trang phục này là lời nhắc nhở thẳng thừng về phạm vi quyền lực của ông. Dù vậy, không phải lúc nào ông cũng vênh vang như thế. Khi muốn, ông có thể tỏa lộ sự duyên dáng và chân thật, nhưng về sau ta thường tự hỏi liệu ông có thật như vẻ ngoài của ông không. Nay thì ta nghĩ ông là một người luôn chiến đấu hòng thoát khỏi những thanh chắn của một chiếc lồng vô hình. Các người phải nhớ rằng ông là một hoàng đế, người đứng đầu trăm họ của một triều đại từng có lịch sử cực kỳ u tối. Nhưng bọn ta đã không cho ông có một người con trai hợp pháp. Đây chẳng phải là thất bại khủng khiếp nhất mà một nhà cai trị từng phải chịu sao? Mẹ ta đã tuân theo các Xơ Bề trên của bà trong khi Lệnh bà Jessica không tuân theo. Ai trong số hai người là kẻ mạnh hơn? Lịch sử đã trả lời rồi.

- “Trong Gia tộc cha ta” của Công chúa Irulan

Jessica tỉnh giấc trong bóng tối của hang, cảm thấy người Fremen đang chuyển động nhộn nhịp xung quanh nàng, ngửi thấy mùi sa phục chua loét. Giác quan nội tại của nàng về thời gian báo cho nàng biết chẳng mấy chốc trời sẽ tối, nhưng hang vẫn chìm trong màu đen, ngăn cách với sa mạc nhờ những tấm vải trùm bằng nhựa dùng để tóm bắt hơi ẩm từ cơ thể họ ở lại bên trong không gian này.

Nàng nhận ra nàng đã tự cho phép mình ngủ một giấc ngủ hoàn toàn thư giãn do quá mệt, điều đó cho thấy rằng một cách vô thức, nàng đã đánh giá rằng mình rất an toàn khi ở giữa đoàn người của Stilgar. Nàng xoay mình trên chiếc võng làm từ áo choàng của nàng, thả chân xuống nền đá, xỏ vào đôi ủng sa mạc.

Mình phải nhớ cài ủng theo kiểu xỏ chân để hỗ trợ hoạt động bơm của bộ sa phục, nàng nghĩ. Có quá nhiều thứ cần phải nhớ.

Nàng vẫn ngửi thấy mùi bữa sáng - những mẩu thịt chim và hạt bọc trong lá, cho thêm mật hương được - và chợt nghĩ ra rằng ở đây cách sử dụng thời gian đã được hoán đổi: đêm thì sinh hoạt, ngày thì nghỉ.

Đêm che kín, đêm an toàn hơn cả.

Nàng tháo chiếc áo dài ra khỏi các chốt gắn trên vách một hốc hang, lóng ngóng với nó một hồi trong bóng tối, mãi mới tìm được cổ áo để luồn vào.

Làm cách nào gửi thông điệp cho Bene Gesserit được? nàng tự hỏi. Chắc hẳn họ đã được báo tin về hai kẻ đi lạc ở thánh đường Arrakeen.

Những quả đèn cầu bật sáng từ sâu phía trong hang. Nàng thấy có nhiều người đang đi lại ở đó. Paul đi cùng họ, cậu đã thay quần áo, mũ trùm hất ngược ra sau để lộ những đường nét giống chim ưng của dòng dõi Atreides.

Cậu đã cư xử rất lạ từ trước khi họ nghỉ ngơi, nàng nghĩ. *Đã lui vào trong.* Cậu như người từ cõi chết trở về, vẫn chưa hoàn toàn nhận thức được mình đang trở về, mắt nửa nhắm nửa mở, trông đờ đẫn với cái nhìn nội tâm. Nó khiến nàng nghĩ tới lời cảnh báo của cậu về chế độ ăn uống có quá nhiều hương dư: *thứ gây nghiện.*

Liệu có phản ứng phụ không? Nàng tự hỏi. *Paul bảo thứ ấy có liên quan gì đó tới khả năng tiên tri của nó, nhưng thằng bé kín tiếng đến mức kỳ lạ về những gì nó thấy.*

Stilgar xuất hiện từ trong bóng tối bên phải nàng, tiến về phía nhóm người đang đi dưới những quả cầu sáng. Nàng để ý cách ông sờ râu, để ý cái nhìn cảnh giác không để sót điều gì của ông.

Một nỗi sợ hãi đột ngột choán lấy Jessica khi các giác quan của nàng thức tỉnh trước sự căng thẳng hiện rõ ở những người đang tụ tập quanh Paul - những cử động kiên quyết, tư thế theo nghi thức...

“Họ đã được sự đồng tình của ta!” Stilgar quát lớn.

Jessica nhận ra người mà Stilgar đang đối mặt - Jamis! Chừng đó thì nàng nhận ra cơn phẫn nộ ở Jamis - tư thế căng thẳng, cứng đờ của đôi vai anh ta.

Jamis, người mà Paul đã thắng! nàng nghĩ.

“Anh biết luật mà, Stilgar,” Jamis nói.

“Ai biết luật rõ hơn?” Stilgar hỏi, và Jessica nghe thấy âm sắc nhượng bộ trong giọng Stilgar, nhận ra nỗ lực muốn dàn xếp mọi chuyện êm đẹp.

“Tôi chọn chiến đấu,” Jamis gầm gừ.

Jessica vội vã băng ngang qua hang, túm lấy tay Stilgar. “Chuyện gì thế này?” nàng hỏi.

“Đó là luật amtal,” Stilgar nói. “Jamis đang đòi quyền kiểm chứng vai trò của mẹ con bà trong truyền thuyết.”

“Phải có người đấu cho bà ta,” Jamis nói. “Nếu người đấu cho bà ta thắng, nó sẽ chứng tỏ đó là sự thật. Nhưng nghe nói...” anh ta liếc khắp đám người, “... bà ta không cần tìm kẻ bảo vệ trong đám dân Fremen, như vậy chỉ có nghĩa là bà ta có mang theo kẻ bảo vệ của riêng mình.”

Anh ta nói đến chuyện đấu tay đôi với Paul! Jessica nghĩ.

Nàng buông tay Stilgar, tiến lên phía trước nửa bước. “Tôi luôn luôn là người bảo vệ chính tôi,” nàng nói. “Ý nghĩa đó đủ đơn giản để...”

“Bà không có quyền bảo chúng tôi phải làm gì,” Jamis cáu kỉnh. “Bà không có quyền, nếu bà không có bằng chứng nào khác ngoài những gì tôi đã thấy. Sáng qua chắc Stilgar đã cho bà biết phải nói thế nào rồi. Chắc ông ta đã nhét đầy vào óc bà những lời đường mật, và bà chắc đã nhắc lại như vẹt với chúng tôi, hòng khiến chúng tôi có cách giải quyết sai lầm.”

Ta có thể lấy mạng anh ta, Jessica nghĩ, nhưng điều đó có thể mâu thuẫn với cách họ diển giải về truyền thuyết. Và một lần nữa nàng tự hỏi việc làm của Missionaria Protectiva đã bị xuyên tạc đến thế nào trên hành tinh này.

Stilgar nhìn Jessica, nói khể khàng, nhưng bằng cái giọng sao cho những người đứng ở rìa ngoài cùng đám đông vẫn nghe rõ. “Jamis là người thù dai, thừa Sayyadina. Con trai bà đã thắng anh ta và...”

“Chẳng qua là ăn may thôi!” Jamis quát lên. “Đã có thể lực phù thủy ở lòng chảo Tuono và tôi sẽ chứng minh điều đó ngay bây giờ!”

“... và chính tôi cũng đã thắng anh ta,” Stilgar nói tiếp. “Bằng lời thách đấu tahaddi này anh ta cũng muốn trả đũa cả tôi nữa. Trong Jamis có quá nhiều bạo lực khiến anh ta chẳng bao giờ có thể trở thành một thủ lĩnh tốt - quá nhiều ghafla, quá nhiều vụng động. Miệng anh ta nói luật lệ, nhưng tim anh ta thuận theo sarfa, sự khước từ. Không, anh ta chẳng bao giờ thành một thủ lĩnh tốt được. Tôi giữ anh ta lâu đến vậy là vì anh ta hữu ích trong chiến đấu, vậy thôi, nhưng một khi để mặc cơn cuồng nộ khát máu này chiếm lĩnh mình thì anh ta sẽ là kẻ nguy hiểm cho xã hội của chính anh ta.”

“Stilgar-r-r-r!” Jamis gầm lên như sấm.

Và Jessica hiểu Stilgar đang muốn làm gì, ông ta muốn làm Jamis nổi cơn cuồng nộ, để lời thách đấu đừng nhắm vào Paul nữa.

Stilgar đối mặt với Jamis, và một lần nữa Jessica nghe thấy sự dịu dàng trấn an trong giọng oang oang như lệnh vỗ của ông. “Nó chỉ là thằng bé con thôi, Jamis ạ. Nó...”

“Ông đã gọi nó là một đấng nam nhi,” Jamis nói. “Mẹ nó *bảo* nó đã trải qua được gom jabbar. Nó đã đủ lông đủ cánh và có thừa mưa nước. Những người vận chuyển hành trang của họ bảo trong đó có các literjon nước! Hàng literjon kia đấy! Còn chúng ta, vừa nhác thấy túi hứng trông hơi lóng lánh như đọng sương là đã vội vàng hớp lấy hớp để rồi!”

Stilgar liếc nhìn Jessica. “Có đúng vậy không? Trong hành trang của bà có nước phải không?”

“Có.”

“Hàng literjon?”

“Hai literjon.”

“Bà định làm gì với số tài sản đó?”

Tài sản? nàng nghĩ. Nàng lắc đầu, cảm thấy sự lạnh lùng trong giọng ông ta.

“Lúc tôi ra đời, nước trên trời rơi xuống chảy tràn trên mặt đất và trong những dòng sông rộng,” nàng nói. “Có những đại dương toàn nước, rộng đến nỗi không thấy bờ bên kia. Tôi không được huấn luyện về kỷ luật nước của các người. Trước đây tôi chưa bao giờ phải nghĩ về nước theo kiểu này.”

Một tiếng thở dài hỗn hển dậy lên từ đám người xung quanh họ. “Nước từ trên trời rơi xuống... nước chảy tràn trên mặt đất.”

“Bà có biết rằng trong chúng tôi có những người đã không may đánh mất túi hứng và sẽ vô cùng khốn đốn trước khi chúng ta đến được Tabr đêm nay không?”

“Làm sao tôi biết được?” Jessica lắc đầu. “Nếu họ cần nước, hãy lấy nước trong hành lý của chúng tôi cho họ.”

“Có phải đó là ý đồ của bà khi mang thứ tài sản này không?”

“Tôi mang theo nó nhằm cứu lấy sự sống.”

“Vậy thì chúng tôi chấp nhận ân phúc của bà, thưa Sayyadina.”

“Các người không thể mua bọn ta bằng nước được đâu,” Jamis gầm gừ. “Mà anh cũng không thể buộc tôi nổi giận với anh, Stilgar. Tôi hiểu anh đang cố buộc tôi thách đấu với anh trước khi tôi chứng minh được những gì tôi đã nói.”

Stilgar đối mặt Jamis. “Anh quyết tâm buộc một đứa trẻ phải chấp nhận cuộc quyết đấu này sao, Jamis?” Giọng ông khể, độc địa.

“Phải có người đấu cho bà ta.”

“Cho dù bà ta có sự bảo đảm của tôi?”

“Tôi có luật amtal,” Jamis nói. “Đó là quyền của tôi.”

Stilgar gật đầu. “VẬY, nếu thằng bé không hạ thủ được anh thì sau đó anh sẽ phải nộp mình cho lưỡi dao của tôi. Và lần này tôi sẽ không chùn dao như lần trước đâu.”

“Ông không thể làm thế,” Jessica nói. “Paul chỉ mới...”

“Bà không được can thiệp, thưa Sayyadina,” Stilgar nói. “Ồ, tôi biết bà có thể lấy mạng tôi và do đó có thể lấy mạng bất cứ ai trong chúng tôi, song nếu tất cả chúng tôi hợp lại thì bà không thắng nổi chúng tôi đâu. Chuyện này phải thế; đó là luật amtal.”

Jessica nín lặng, nhìn chằm chằm vào ông trong ánh đèn cầu xanh lục, nhận thấy sự cứng rắn mãnh liệt đã chiếm lĩnh nét mặt ông. Nàng chuyển sự chú ý sang Jamis, nhận thấy vẻ hung tợn ngấm ngấm ở cặp lông mày anh ta, thầm nghĩ: *Lẽ ra mình phải thấy điếu này từ trước mới phải. Anh ta là kẻ ngấm ngấm nuôi những ý tưởng đen tối. Anh ta là loại người ít nói, loại người nung nấu nỗi căm uất trong lòng. Lẽ ra mình phải chuẩn bị từ trước mới phải.*

“Nếu các người hại con ta, các người sẽ phải gặp mặt ta: Bây giờ ta thách đấu các người. Ta sẽ chặt các người thành một mớ...”

“Mẹ,” Paul tiến lên phía trước, chạm vào tay áo bà. “Có lẽ nếu con giải thích với Jamis...”

“Giải thích á!” Jamis nhạo báng.

Paul im lặng, nhìn chằm chằm người đàn ông này. Cậu không sợ anh ta. Jamis cử động có vẻ vụng về, tối qua anh ta đã ngã quá dễ dàng khi họ chạm trán nhau trên cát. Nhưng Paul vẫn cảm thấy cái điểm kết nối sâu sắc của vô số khả năng trong hang động này, vẫn còn nhớ ảo cảnh tiên tri rằng chính cậu chết dưới một mũi dao. Trong cái ảo cảnh đó có quá ít đường cho cậu thoát...

Stilgar nói: “Sayyadina, giờ thì bà phải lùi lại chỗ...”

“Đừng có gọi mụ ta là Sayyadina nữa!” Jamis nói. “Điều đó chưa được chứng minh. Cứ cho là bà ta biết lời cầu nguyện. Thì đã sao? Chúng ta đây ngay cả trẻ con cũng biết cơ mà.”

Anh ta nói đũ rồi, Jessica nghĩ. Mình có chìa khóa để xử anh ta. Mình có thể làm anh ta bất động chỉ bằng một lời thôi. Nàng do dự. Nhưng làm tất cả bọn họ ngừng lại thì mình không thể.

“Chùng đó thì người sẽ phải chịu trách nhiệm với ta,” Jessica nói, nàng bắt giọng theo một thanh điệu xoắn trong đó có một tiếng the thé nhỏ và ở đoạn cuối thì có một cái móc. Jamis nhìn nàng trừng trừng, nổi khiếp đảm lộ rõ trên mặt.

“Ta sẽ dạy cho người biết thế nào là đau đớn cực độ,” nàng nói vẫn bằng giọng đó. “Hãy nhớ điều đó trong khi giao chiến. Người sẽ chịu một cơn đau đớn quằn quại mà so với nó thì gom jabbar vẫn là một hồi ức sung sướng. Người sẽ quằn quại với toàn bộ cái...”

“Mụ ta đang cố đọc thần chú để hại tôi,” Jamis thở hỗn hển. Anh ta siết chặt nắm tay phải kề vào cạnh tai. “Tôi yêu cầu buộc mụ ta im lặng.”

“Được rồi,” Stilgar nói. Ông ném cái nhìn cảnh cáo về phía Jessica. “Nếu bà còn nói nữa, thưa Sayyadina, chúng tôi sẽ biết đó là thuật phù thủy của bà và bà sẽ phải trả giá.” Ông gạt đầu ra hiệu cho nàng lùi lại.

Jessica cảm thấy có những bàn tay kéo nàng, giúp nàng lùi lại, và nàng cảm thấy những bàn tay đó không phải là không tử tế. Nàng nhận thấy

Paul đang bị tách khỏi đám đông, cô Chani khuôn mặt nhỏ nhắn vừa thì thầm vào tai cậu vừa gật đầu về phía Jamis.

Một vòng tròn hình thành chính giữa đám đông. Người ta đem thêm nhiều quả đèn cầu khác tới, tất cả được chuyển sang dải sóng màu vàng.

Jamis bước vào giữa vòng tròn, cởi tuột áo choàng ném cho ai đó trong đám đông. Anh ta đứng đó trong bộ sa phục bóng loáng màu xám đục khêu vào nhau, từng phần được đánh dấu vị trí bằng những nếp gấp, nếp chun. Trong một lát, anh ta cúi người, mồm kê vào một bên vai để uống nước từ một chiếc ống nối với túi hứng. Ngay sau đó anh ta thẳng người, từ từ cởi bộ đồ, bỏ nó ra khỏi người, cẩn thận đưa cho đám đông. Anh ta đứng đợi, toàn thân chỉ che dải vải buộc ngang thắt lưng và tấm vải nào đó bó chặt quanh hai bàn chân, bàn tay phải cầm một con dao pha lê.

Jessica thấy đứa trẻ-cô gái Chani đang giúp Paul, thấy cô ấn một con dao pha lê vào tay cậu, thấy cậu nhắc nó lên, kiểm tra sức nặng và thế cân bằng của nó. Và Jessica chợt nghĩ Paul đã được huấn luyện về prana và bindu, hệ thần kinh và hệ cơ - rằng cậu đã được dạy chiến đấu ở một ngôi trường chết chóc, thầy của cậu là những người như Duncan Idaho và Gurney Halleck, những người vốn ngay khi đang sống đã trở thành truyền thuyết. Cậu bé biết những phương pháp xảo quyết của Bene Gesserit, và trông cậu thật dễ dàng thích ứng với hoàn cảnh, thật tự tin.

Nhưng nó mới mười lăm tuổi đầu, nàng nghĩ. Nó lại không có tấm chắn. Mình phải dừng việc này lại. Bằng cách nào đó, phải có cách để... Nàng ngước lên, thấy Stilgar đang quan sát mình.

“Bà không dừng chuyện này được đâu,” ông nói. “Bà không được nói.”

Nàng đặt một tay lên miệng, thầm nghĩ: *Mình đã gieo nỗi sợ vào tâm trí Jamis. Nó sẽ làm hắn chậm lại chút nào đó... có thể. Giá như mình có thể cầu nguyện... thực sự cầu nguyện.*

Giờ thì Paul đứng một mình giữa vòng tròn, mặc chiếc quần giao đấu mà cậu đã mang dưới bộ sa phục. Cậu cầm dao pha lê trong tay phải, chân để trần trên mặt đá xào xạo cát. Idaho đã nhắc đi nhắc lại với cậu: “Nếu

còn hồ nghi về bề mặt nơi mình đứng thì để chân trần là hơn cả.” Và những lời chỉ dẫn của Chani vẫn còn hiển hiện phía trước ý thức cậu: “Sau một đòn đỡ, Jamis thường quay sang phải cùng con dao. Đó là một thói quen ở anh ta mà tất cả chúng tôi đều thấy. Và anh ta sẽ nhắm vào mắt đối phương, rình khoảnh khắc đối phương chớp mắt là chém ngay. Anh ta có thể giao chiến bằng cả hai tay, nên hãy dè chừng anh ta đổi dao từ tay này sang tay khác.”

Nhưng điều mạnh mẽ nhất, mạnh mẽ đến mức Paul cảm nhận được bằng toàn cơ thể, ấy là sự khổ luyện và cơ chế phản ứng thuần bản năng đã được nhồi nhét vào anh ta hết ngày này sang ngày khác, giờ này sang giờ khác trên sàn tập.

Những lời của Gurney Halleck vẫn còn đó cho cậu nhớ: *“Chiến binh giỏi dùng dao thì nghĩ đến mũi dao, lưỡi dao và đốc dao cùng một lúc. Mũi cũng có thể chém; lưỡi cũng có thể đâm; và đốc cũng có thể bẫy lưỡi dao của đối phương.”*

Paul liếc nhìn con dao pha lê. Không có đốc dao; chỉ có cái vòng tròn mảnh chạy quanh tay nắm, mép hơi nhô lên để bảo vệ bàn tay. Dầu vậy đi nữa, cậu nhận ra mình không biết ứng suất gãy của lưỡi dao này là bao nhiêu, thậm chí còn không biết liệu nó có thể gãy được hay không nữa.

Jessica bắt đầu rón rén đi về bên phải dọc theo vòng đấu, đối diện với Paul.

Paul cúi người, khi đó cậu mới nhận ra mình không có tấm chắn, mà cậu thì lại được huấn luyện để chiến đấu khi có trường bảo vệ tinh vi của tấm chắn bao quanh mình, được huấn luyện để phản ứng khi phòng thủ với tốc độ tối đa nhưng đòn tấn công thì phải được tính toán về thời gian, được kiểm soát sao cho đủ chậm để xuyên thủng tấm chắn của kẻ thù. Mặc dù thường xuyên được các thầy cảnh báo không được quá nệ vào việc tấm chắn nghiêm nhiên làm chậm tốc độ tấn công, cậu vẫn biết rằng thói quen giao chiến có tấm chắn đã thành một phần của cậu.

Jamis hô to lời thách đấu theo nghi thức: “Cầu cho con dao của mi sút mẻ và vỡ ra từng mảnh!”

Chùng đó thì con dao này sẽ gãy, Paul nghĩ.

Cậu tự cảnh báo mình rằng bản thân Jamis cũng không có tấm chắn, nhưng người này chưa hề được huấn luyện để dùng tấm chắn, không có những hạn chế của một chiến binh quen dùng tấm chắn.

Paul nhìn chòng chọc vào Jamis phía bên kia vòng giao đấu. Cơ thể người đàn ông trông như một cuộn roi bện thành từng gút trên một bộ xương khô. Dao pha lê của anh ta lấp lánh màu vàng sữa dưới ánh sáng những quả đèn cầu.

Nỗi sợ tràn qua người Paul. Đột nhiên cậu cảm thấy mình cô đơn, đứng trần truồng dưới ánh sáng vàng đùng đục giữa vòng người này. Linh giác đã cho cậu biết được vô vàn trải nghiệm, nói bóng gió về những dòng chảy mạnh nhất của tương lai và những chuỗi quyết định dẫn dắt các dòng chảy đó, nhưng đây là *thực tại-lúc này*. Đây là cái chết treo lơ lửng trên một con số vô tận những rủi ro cực tiểu.

Cậu nhận ra rằng bất cứ cái gì cũng có thể làm lệch chuyển tương lai ở đây. Ai đó húng hắng ho trong đám đông những kẻ quan sát, một sự sao nhãng. Một biến thiên trong độ sáng của một quả cầu, một bóng đen lừa dối.

Mình sợ, Paul tự nhủ.

Và cậu thận trọng đi vòng quanh sàn đấu, đối diện Jamis, lặng lẽ nhắc lại với chính mình lời khấn Bene Gesserit để chống lại nỗi sợ. “*Nỗi sợ hãi giết chết tâm trí...*” Nó như một làn nước mát dội lên người cậu. Cậu cảm thấy cơ bắp tự bung mở ra, trở nên cân bằng, sẵn sàng.

“Ta sẽ đút dao ta vào máu của mi,” Jamis gầm gừ. Và từ cuối cùng chưa dứt thì anh ta đã thành linh xông tới.

Jessica nhìn thấy động tác đó, cố nén một tiếng thét.

Ở vị trí nơi Jamis ra đòn giờ chỉ còn là không khí, còn Paul thì đứng sau

lưng anh ta, vừa gọn trong tầm tấn công trước tấm lưng trần của đối phương.

Đâm đi Paul! Đâm ngay! Jessica hét lên trong tâm tưởng.

Động tác của Paul được hãm chậm, uyển chuyển đẹp mắt, nhưng quá chậm khiến Jamis đủ thời giờ quay ngoắt lại, tung đòn đỡ và xoay sang phải.

Paul lùi lại, cúi thấp xuống. “Trước tiên mi phải tìm ra máu của ta đã,” cậu nói.

Jessica nhận ra khả năng tính toán thời gian của một chiến binh quen dùng tấm chắn ở con trai, và nàng chợt nghĩ ra rằng đó là con dao hai lưỡi. Những phản ứng của cậu là phản ứng của tuổi trẻ, được rèn luyện đến một đỉnh cao mà những người kia chưa bao giờ biết tới. Nhưng đòn tấn công cũng đã được rèn luyện, sao cho thích ứng với yêu cầu phải xuyên thủng tấm chắn. Nếu đòn tấn công quá nhanh, tấm chắn sẽ đẩy bật ra; nhưng một đòn phản công chậm rãi, đánh lừa thì lại lọt qua. Phải biết làm chủ tình thế và phải thủ đoạn thì mới xuyên được tấm chắn.

Paul có hiểu điều đó không? nàng tự hỏi. Nó phải hiểu!

Jamis lại tấn công, cặp mắt sẫm như màu mực sáng quắc, thân hình anh ta như một khối mờ màu vàng dưới những quả đèn cầu.

Và một lần nữa Paul chuội thoát nhanh như cắt, rồi phản công quá chậm.

Một lần nữa.

Lại một lần nữa.

Cứ mỗi lần, đòn phản công của Paul lại chậm một khoảnh khắc.

Và Jessica nhìn thấy một điều nàng hy vọng Jamis không thấy. Các phản ứng phòng thủ của Paul nhanh như chớp, nhưng lần nào chúng cũng

chuyển động theo đúng góc độ mà lẽ ra chúng phải theo nếu như có một tấm chắn làm chệch hướng phần nào đòn tấn công của Jamis.

“Con trai bà đang đùa với thằng ngu tội nghiệp đó à?” Stilgar hỏi. Jessica chưa kịp trả lời thì ông ta đã vẫy tay ra hiệu nàng im lặng. “Xin lỗi; bà phải giữ im lặng.”

Giờ thì hai thân hình trên nền đá vờn nhau theo vòng tròn; Jamis cầm dao chĩa ra xa phía trước, mũi hơi chếch lên; Paul cúi mình, dao giữ thấp.

Một lần nữa Jamis thành linh bố tới, lần này anh ta ngoặt sang phải nơi Paul đang né tránh.

Thay vì làm động tác giả rồi lùi thoát, Paul đâm trúng bàn tay cầm dao của đối phương bằng chót mũi dao của cậu. Rồi cậu bé lại thoát biến, lách sang bên trái nhờ lời cảnh báo của Chani.

Jamis lùi lại chính giữa vòng, xoa xoa bàn tay cầm dao. Máu từ vết thương rỏ xuống một lúc rồi ngừng lại. Mắt anh ta mở to nhìn chăm chăm - hai cái lỗ màu xanh đen - dò xét Paul với một vẻ đề phòng mà này giờ chưa có, dưới ánh đèn cầu đèn đục.

“À, tay kia bị thương rồi,” Stilgar lẩm bẩm.

Paul cúi mình trong tư thế sẵn sàng và, như đã được dạy phải làm sau khi khiến đối phương chảy máu lần đầu, cậu nói to: “Mi có đầu hàng không?”

“Ha!” Jamis thét.

Một tiếng thì thềm giận dữ dậy lên từ phía đám đông.

“Bình tĩnh!” Stilgar hô to. “Cậu bé không biết luật của chúng ta.” Rồi quay sang Paul, ông nói: “Trong cuộc thách đấu tahaddi thì không có chuyện đầu hàng. Nếu không qua được thử thách thì phải chết.”

Jessica thấy Paul khó nhọc nuốt nước bọt. Và nàng nghĩ: *Nó chưa bao giờ*

giết một ai như thế này... trong dòng máu nóng hồi của một trận so dao. Nó có làm được không?

Paul chậm chậm vòng sang phải, cách di chuyển của Jamis buộc cậu phải làm vậy. Cái hiểu biết tiên tri về những biến số thời gian sôi sục trong cái hang này lại bắt đầu làm rộn tâm trí cậu. Hiểu biết mới của cậu cho cậu biết rằng trong trận đánh này có quá nhiều quyết định bị nén quá nhanh đến nỗi khó lòng có một con đường phía trước nào hiện rõ.

Biến số này chồng lên biến số khác - chính vì vậy mà cái hang này nằm chênh ềnh như một khối búng nhùng không rõ nét trên đường đi của cậu. Nó như một tảng đá khổng lồ trong dòng lũ, tạo nên những xoáy nước trong dòng chảy xung quanh nó.

“Chấm dứt việc này đi, cậu trai,” Stilgar lẩm bẩm. “Đừng vờn hăn.”

Paul rón rén lùi xa hơn vào vòng đấu, dựa trên thế mạnh tốc độ của cậu.

Jamis lùi lại - giờ thì anh ta đã vụt nhận ra rằng đây không phải là một tên ẻo lả đến từ xứ khác trên sàn đấu tahaddi, con mối dễ xơi cho một con dao pha lê Fremen.

Jessica nhận thấy cái bóng của nỗi tuyệt vọng trên mặt người đàn ông. *Đây mới là lúc anh ta nguy hiểm nhất, nàng nghĩ. Giờ thì anh ta tuyệt vọng và có thể làm bất cứ điều gì. Anh ta hiểu đây không phải một đứa trẻ con cùng dòng giống với anh ta, mà là một cỗ máy chiến đấu bẩm sinh, ngay từ nhỏ đã được rèn luyện để chiến đấu. Giờ thì nỗi sợ mà ta gieo trong lòng anh ta đã bắt đầu đơm hoa kết quả.*

Và nàng nhận thấy trong chính mình lòng thương hại Jamis - song cảm xúc đó dịu đi bởi ý thức về mối nguy cấp thiết đối với con trai nàng.

Jamis có thể làm bất cứ điều gì... bất cứ điều gì không thể tiên đoán được, nàng tự nhủ. Nàng tự hỏi liệu Paul có thoáng thấy được cái tương lai này không, liệu cậu có đang sống lại trải nghiệm này không. Nhưng nàng nhận ra cách di chuyển của con trai, những giọt mồ hôi giống như hạt châu trên mặt và vai cậu, sự cảnh giác và thận trọng thấy rõ trong

những chuyển động tế vi của cơ bắp cậu. Và lần đầu tiên nàng nhận thấy - dù không hiểu - cái nhân tố bất định trong năng khiếu của Paul.

Giờ thì Paul đang dồn trận, cậu đi quanh vòng đấu nhưng không tấn công. Cậu đã nhận thấy nỗi sợ ở đối phương. Ký ức về giọng nói của Duncan Idaho tuôn qua ý thức Paul: *“Khi đối phương sợ ta, đó chính là lúc ta để cho nỗi sợ nắm quyền thống trị, để cho nỗi sợ có thời gian tác động đến ý. Hãy để nó biến thành cơn khiếp đảm. Kẻ đang khiếp đảm thì tự chiến đấu với chính ý. Cuối cùng, ý tấn công trong tuyệt vọng. Đó là khoảnh khắc nguy hiểm nhất, nhưng ta có thể hy vọng rằng kẻ đang khiếp đảm thường phạm sai lầm chí tử. Ở đây cậu chủ đang được huấn luyện để phát hiện ra những sai lầm đó và tận dụng chúng.”*

Đám đông trong hang bắt đầu xì xầm.

Họ cho rằng Paul đang đùa giỡn với Jamis, Jessica nghĩ. Họ nghĩ Paul đang tỏ ra tàn nhẫn một cách không cần thiết.

Nhưng nàng cũng cảm thấy sự phẫn khích ngấm ngấm của đám đông, sự khoái trá của họ khi theo dõi cảnh tượng đó. Và nàng có thể nhận ra sức ép đang dâng lên trong Jamis. Cái khoảnh khắc mà sức ép đó trở nên quá lớn khiến anh ta không chứa nổi đã trở nên rõ ràng đối với nàng cũng như với chính Jamis... hoặc với Paul.

Jamis nhảy lên cao, đánh nhử rồi xĩa xuống bằng tay phải, nhưng bàn tay trống rỗng. Con dao pha lê đã được chuyển sang tay trái anh ta.

Jessica thở gấp.

Nhưng Paul đã được Chani cảnh báo: *“Jamis có thể giao chiến bằng cả hai tay.”* Và chiều sâu của những gì cậu được huấn luyện cũng đã tình cờ bao hàm cả điều đó. *“Tập trung chú ý vào con dao chứ không phải bàn tay cầm dao.”* Gurney Halleck đã nói đi nói lại với cậu: *“Con dao nguy hiểm hơn bàn tay, và dao có thể nằm trong tay này hoặc tay kia.”*

Và Paul đã nhận ra sai lầm của Jamis: động tác chân của anh ta không tốt, nên sau cú nhảy hòng làm Paul rối trí và giấu việc đổi dao sang tay khác,

anh ta phải mất một khoảng dài bằng một nhịp tim để lấy lại thăng bằng.

Nếu không kể ánh đèn cầu màu vàng tù mù và cặp mắt thắm như mực của đám đông theo dõi, thì cảnh đó giống như trong một cử tập trên sàn huấn luyện. Tấm chắn không còn có ý nghĩa gì khi chuyển động của cơ thể có thể được dùng để chống lại chính cơ thể đó. Paul đổi tay cầm dao bằng một động tác khó thấy, thoát chuyển sang một bên và xĩa dao lên đúng vào chỗ ngực của Jamis đang hạ xuống, rồi lùi lại để quan sát đối phương gục ngã.

Jamis ngã xuống như một tấm giẻ rách rũ oặt, mặt chúi xuống, thở hắt một tiếng rồi xoay mặt lên về phía Paul, sau đó nằm bất động trên sàn đá. Cặp mắt không còn chút sinh khí của anh ta mở trừng trừng như hai hạt thủy tinh đen.

“Hạ thủ bằng mũi dao là thiếu nghệ thuật,” Idaho có lần đã nói với Paul, *“song chớ để điều đó làm chùn tay ta khi chỗ sơ hở tự nó lộ ra.”*

Đám đông ủa về phía trước, kín nghịt cả vòng đấu, đẩy bật Paul sang một bên. Họ vây đặc quanh Jamis, điên cuồng hỏi hả làm gì đó. Ngay sau đó, một nhóm trong số họ hối hả đi sâu vào trong hang, mang theo một vật nặng quấn kín trong chiếc áo dài.

Và không còn cái xác nào trên sàn đá nữa.

Jessica lao về phía con trai. Nàng cảm thấy mình đang bơi giữa một biển những tấm lưng vận áo choàng kín mít bốc mùi thật khủng khiếp, một đám đông yên lặng đến kỳ lạ.

Giờ mới là khoảnh khắc đáng sợ, nàng nghĩ. *Nó đã giết một người rõ ràng vượt trội nó về trí óc và cơ bắp. Không được để nó trở nên khoái trá với một chiến thắng như vậy.*

Nàng cố len qua những người cuối cùng của đám đông, bước vào một khoảng trống nhỏ nơi hai người Fremmen rậm râu đang giúp Paul mặc sa phục.

Jessica chăm chăm nhìn con trai. Mắt Paul ngời sáng. Cậu thở nặng nhọc, để yên cho người ta chăm sóc cơ thể cậu chứ không giúp họ.

“Cậu ta hạ Jamis, còn chính cậu ta một vết xước cũng không,” một trong hai người lẩm bẩm.

Chani đứng một bên, mắt chăm chú nhìn Paul. Jessica nhận ra sự háo hức của cô bé, niềm khâm phục hiện rõ trên khuôn mặt nhỏ nhắn xinh tươi của cô.

Chuyện này phải làm ngay bây giờ và phải làm nhanh, Jessica nghĩ.

Nàng dồn sự khinh bỉ tột cùng vào giọng nói và thái độ của mình, rồi nói:

“Đư...ư...ợ...c...c lắm, giờ đã giết người rồi thì con thấy thế nào?”

Paul cứng đờ toàn thân như bị roi quất. Cậu bắt gặp cái nhìn lạnh giá của mẹ, và mặt cậu tối sầm lại vì máu dồn lên. Một cách vô thức, cậu liếc về vị trí trên sàn hang nơi Jamis đã nằm.

Stilgar trở lại từ sâu trong hang nơi người ta mang xác Jamis vào, tiến về phía Jessica. Ông nói với Paul bằng giọng cay đắng, điềm tĩnh: “Khi đến lúc cậu thách đấu để kiểm tra burda của tôi, chớ nghĩ rằng cậu sẽ đùa với tôi như đã đùa với Jamis.”

Jessica cảm nhận được những lời của chính nàng và của Stilgar thấm sâu vào Paul ra sao, chúng đang có tác động ghê gớm đến thế nào đối với cậu. Sai lầm mà những người kia phạm phải, giờ thì nó đã phục vụ một mục đích. Nàng dò xét những khuôn mặt quanh mình như Paul đang làm, thấy những gì cậu thấy. Sự khâm phục, phải, nhưng cả nỗi sợ... và ở vài khuôn mặt - sự căm ghét. Nàng nhìn Stilgar, nhận thấy vẻ phục tùng số phận của ông, biết rằng ông cảm nhận thế nào về trận giao chiến vừa rồi.

Paul nhìn mẹ. “Mẹ biết đó là gì,” cậu nói.

Nàng nghe thấy sự điềm tĩnh trở lại và cảm giác hồi lỗi trong giọng cậu. Jessica lướt nhìn toàn bộ đám đông rồi nói: “Paul chưa bao giờ giết người với một lưỡi dao trần.”

Stilgar đối diện nàng, trên mặt lộ rõ sự ngờ vực.

“Tôi không đùa với anh ta,” Paul nói. Cậu tiến lên phía trước mẹ, vượt thẳng áo dài, liếc về phía vết thắm nơi máu của Jamis đổ xuống sàn. “Tôi không muốn giết anh ta.”

Jessica nhận thấy sự tin tưởng dần dần xuất hiện trong Stilgar, thấy sự nhẹ nhõm ở ông, trong cái động tác ông dứt dứt râu bằng bàn tay gân guốc. Nàng nghe thấy những tiếng xì xào lan khắp đám đông tỏ vẻ hiểu sự tình.

“Chính vì vậy cậu yêu cầu anh ta đầu hàng,” Stilgar nói. “Tôi hiểu. Cung cách của chúng tôi thì khác, nhưng rồi cậu sẽ hiểu ra ý nghĩa của nó. Tôi cho rằng chúng tôi đã thu nhận một con bọ cạp vào dân tộc chúng tôi.” Ông do dự, rồi nói: “Và tôi sẽ không gọi cậu là cậu bé nữa.”

Một tiếng nói cất lên từ trong đám đông: “Cần phải đặt tên, Stil ạ.”

Stilgar vừa gạt đầu vừa dứt dứt râu. “Tôi đã thấy sức mạnh bên trong anh... như sức mạnh dưới một cây cột.” Ông lại ngừng, rồi nói tiếp: “Anh sẽ được dân tôi gọi là Usul, nghĩa là đế cột. Đây là mật danh của anh, quân danh của anh. Chúng tôi, những người ở Sietch Tabr có thể dùng nó, nhưng không một ai khác được phép dùng... Usul.”

Tiếng xì xầm lan khắp đám đông. “Chọn hay lắm... người ấy... mạnh mẽ... sẽ đem may mắn cho chúng ta.” Và Jessica cảm nhận được thái độ chấp nhận, biết nàng đã được chấp nhận cùng với người bảo vệ nàng. Nàng thực sự là Sayyadina.

“Giờ thì *anh* muốn chúng tôi gọi anh một cách công khai bằng cái tên nào, cái tên dành cho người trưởng thành?” Stilgar hỏi.

Paul liếc mẹ, rồi lại nhìn sang Stilgar. Từng mẫu từng mẫu của khoảnh khắc này đã được ghi lại trong *ký ức* tiên tri của cậu, nhưng cậu cảm thấy những sự khác biệt như thể chúng là vật chất, một sức ép buộc cậu phải băng qua cánh cửa hẹp của hiện tại.

“Dân tộc ông gọi con chuột nhỏ, con chuột thường hay nhảy ấy, là gì?” Paul hỏi, nhớ lại cái động tác nhảy lò cò mà cậu đã thấy ở lòng chảo Tuono. Cậu dùng bàn tay mình họa nó.

Một tiếng cười khúc khích vang lên trong khắp đám đông.

“Chúng tôi gọi nó là muad’dib,” Stilgar nói.

Jessica thở gấp. Đó là cái tên Paul đã nói với nàng, bảo rằng người Fremen sẽ chấp nhận nó và dùng nó để gọi tên cậu. Nàng bất chợt cảm thấy sợ cho con trai và sợ chính con trai.

Paul nuốt nước bọt. Cậu cảm thấy mình đang đóng một vai mà cậu đã đóng đi đóng lại vô số lần trong tâm trí... nhưng... vẫn có những khác biệt. Cậu có thể thấy mình đang ngồi vắt vẻo trên một đỉnh cao chóng mặt, đã trải nghiệm nhiều và sở hữu một kho tri thức uyên thâm, nhưng bốn bề quanh cậu là vực thẳm.

Và một lần nữa cậu nhớ lại ảo cảnh những đoàn quân cuồng tín bước theo lá cờ xanh lục và đen của nhà Atreides, cướp bóc và đốt phá khắp cùng vũ trụ dưới cái tên nhà tiên tri Muad’Dib.

Điều đó không được phép xảy ra, cậu tự nhủ.

“Đó là cái tên anh muốn phải không, Muad’Dib?” Stilgar hỏi.

“Tôi là người của gia tộc Atreides,” Paul thì thầm, rồi nói to hơn: “Nếu tôi từ bỏ hoàn toàn cái tên mà cha tôi đã cho tôi thì thật không phải. Liệu quý vị có thể gọi tôi là Paul Muad’Dib không?”

“Anh là Paul Muad’Dib,” Stilgar nói.

Và Paul nghĩ: *Chuyện này không có trong những gì mình đã nhìn thấy trước. Mình đã làm khác đi.*

Nhưng cậu cảm thấy vực thẳm vẫn còn nguyên đó xung quanh cậu.

Một lần nữa tiếng thì thầm trả lời vang lên từ khắp đám đông, người này quay sang người nọ: “Hiền minh đi cùng sức mạnh... Không thể đòi gì hơn nữa... Nhất định là người theo truyền thuyết... Lisan al-Gaib... Lisan al-Gaib...”

“Tôi sẽ cho anh biết một điều về cái tên mới của anh,” Stilgar nói. “Tên anh chọn làm chúng tôi vui lòng. Muad'Dib hiểu tường tận những cung cách của sa mạc. Muad'Dib tự tạo ra nước cho mình. Muad'Dib trốn mặt trời và đi lại vào ban đêm khi trời mát mẻ. Muad'Dib mẫn đảm, nhún lên trên khắp xứ này. Muad'Dib được chúng tôi gọi là “thầy-của-các-cậu-trai”. Đó là một cái nền vững mạnh để trên đó anh xây dựng đời mình, hồi Paul Muad'Dib, hay Usul đối với chúng tôi. Chúng tôi đón chào anh.”

Stilgar đặt một tay lên trán Paul, rồi rút tay lại, ôm lấy Paul mà lẩm bẩm: “Usul.”

Khi Stilgar buông cậu ra, một người khác trong đám đông ôm lấy Paul, nhắc lại cái tên mới của cậu đối với cộng đồng này. Và Paul được chuyển từ người này qua người khác, ai cũng ôm cậu, những tiếng “Usul... Usul... Usul” được thốt lên bằng nhiều giọng, nhiều âm sắc. Giờ thì cậu đã có thể phân biệt vài người bằng tên riêng. Và lại có Chani, cô ôm cậu, áp chặt má vào má cậu và gọi tên cậu.

Ngay sau đó Paul lại đứng trước mặt Stilgar, ông nói: “Giờ thì anh là người của Ichwan Bedwine, người anh em của chúng ta.” Mặt ông đánh lại, và ông nói bằng giọng uy quyền. “Còn bây giờ, Paul Muad'Dib, hãy siết chặt bộ sa phục.” Ông nhìn sang Chani. “Này Chani! Mấy đầu ống thở của Paul Muad'Dib trông chẳng vừa tí nào! Hình như ta đã ra lệnh cho cô trông nom anh ta cơ mà!”

“Cháu không có số đo của Paul, bác Stil ạ!” cô nói. “Dĩ nhiên đó là bộ đồ

của Jamis, nhưng mà...”

“Đủ rồi!”

“VẬY thì cháu sẽ cho anh ấy một bộ của cháu,” cô nói. “Cháu chỉ cần một bộ cũng được, cho đến khi...”

“Không được,” Stilgar nói. “Ta biết người của ta có những bộ dự trữ. Đồ dự trữ đâu rồi? Chúng ta là một cộng đồng hay là một toán cướp đây?”

Từ trong đám đông có những bàn tay chìa ra những vật cứng, làm bằng sợi. Stilgar chọn bốn cái, đưa cho Chani. “Đem cho Usul và Sayyadina mặc thử.”

Một giọng cất lên từ cuối đám đông: “Còn nước thì sao hở Stil? Mấy literjon nước trong hành trang của họ thì sao?”

“Tôi biết nhu cầu của anh, Farok,” Stilgar nói. Ông nhìn sang Jessica. Nàng gật đầu.

“Mở một bình ra cho ai cần thì uống,” Stilgar nói. “Thầy quản nước... thầy quản nước đâu rồi? À, Shimoom, hãy lo đong đếm cho đều cái mọi người cần. Chỉ khi thật sự cần, không nhiều hơn. Nước này là tài sản Sayyadina ban cho và sẽ được hoàn lại trong sietch với mức giá khu vực trừ phí vận chuyển.”

“Khoản hoàn trả theo mức giá khu vực là bao nhiêu?” Jessica hỏi.

“Mười trên một,” Stilgar nói.

“Nhưng...”

“Đó là một quy luật thông minh, rồi bà sẽ hiểu,” Stilgar nói.

Tiếng áo choàng cọ nhau loạt soạt cho biết có chuyển động ở cuối đám đông bởi mọi người đang quay lại lấy nước.

Stilgar nhấc một tay lên, mọi người liền im lặng. “Về phần Jamis, chúng ta sẽ tổ chức tang lễ với đầy đủ nghi thức,” ông nói. “Jamis là bằng hữu của chúng ta, là huynh đệ của Ichwan Bedwine. Sẽ không có chuyện chúng ta ngoảnh đi mà không tỏ lòng kính trọng người đã xác minh vận mệnh của chúng ta bằng cách đem thân mình thách đấu tahaddi... Cầu cho nghi lễ... diễn ra lúc hoàng hôn, khi bóng tối phủ che anh ấy.”

Nghe những lời ấy, Paul nhận ra mình lại một lần nữa lao vào vực thẳm... thời gian mù. Không có quá khứ nào chiếm lĩnh tương lai trong tâm trí cậu... ngoại trừ... ngoại trừ... cậu vẫn còn cảm thấy lá cờ xanh đen của nhà Atreides đang vẫy gọi... đâu đó đằng trước... vẫn còn thấy những thanh gươm thánh chiến nhuốm máu và những đoàn quân cuồng tín.

Điều đó sẽ không xảy ra, cậu tự nhủ. Ta không thể để nó xảy ra.

Thượng đế tạo ra Arrakis để rèn giữa người trung tín.

- trích “Minh triết của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Trong im lặng của hang, Jessica nghe thấy tiếng cát loẹt xoẹt trên mặt đá khi mọi người đi lại, tiếng chim kêu xa xăm mà Stilgar có lần nói là tín hiệu của những người canh gác.

Những tấm chắn lớn bằng nhựa đã được dẹp khỏi cửa hang. Nàng có thể thấy những cái bóng của buổi chiều trôi ngang qua mép tảng đá trước mặt nàng và vùng lòng chảo trơ trụi ngoài kia. Nàng cảm thấy ánh sáng ban ngày đang rời bỏ họ, cảm thấy nó trong cái nóng khô rang cũng như trong những cái bóng. Nàng biết, ý thức được rèn luyện công phu của nàng chẳng bao lâu sẽ mang lại cho nàng cái mà những người Fremen kia hiển nhiên đang có - khả năng cảm nhận được ngay cả sự thay đổi nhỏ nhất trong độ ẩm không khí.

Họ phải thắt chặt bộ sa phục hối hả đến nhường nào một khi cửa hang đã mở!

Sâu trong hang, ai đó bắt đầu ngân nga:

“Ima trava okolo!

I korenja okolo!”

Jessica thầm dịch: *“Đây là tro! Còn đây là rế!”*

Tang lễ Jamis đang bắt đầu.

Nàng nhìn ra hoàng hôn Arrakeen, nhìn những tầng màu sắc chồng chất trên bầu trời. Đêm đang bắt đầu trút bóng lên các tảng đá đằng xa và những cồn cát.

Nhưng cái nóng vẫn dai dẳng.

Cái nóng buộc nàng phải nghĩ về nước, về điều nàng đã quan sát thấy rằng có thể toàn bộ dân tộc này đã được rèn luyện để chỉ khát ở một số thời điểm đã định.

Cơn khát.

Nàng nhớ lại những làn sóng đẫm ánh trắng trên Caladan hắt những tấm áo dài trắng phau lên mặt đá... và làn gió nặng hơi ẩm. Còn giờ đây, làn gió nhẹ lùa qua chiếc áo dài nàng mặc làm khô héo những mảng da má và da trán để lộ ra ngoài. Ống thở mới làm nàng ngứa ngáy, và nàng nhận ra mình không thể nào bớt chú ý đến chiếc ống nối chạy suốt từ mặt nàng xuống bộ quần áo để giữ lại và tái tạo phần nước ẩm trong hơi thở.

Riêng bộ quần áo đã là cả một phòng tắm hơi.

“Bà sẽ thấy bộ sa phục dễ chịu hơn một khi bà đã thích nghi với hàm lượng nước thấp hơn chứa trong cơ thể,” Stilgar đã nói.

Nàng biết ông nói đúng, nhưng hiểu biết ấy cũng chẳng làm cho cái khoảnh khắc này dễ chịu hơn. Nỗi ám ảnh vô thức về nước cứ đè nặng tâm trí nàng. *Không, nàng tự chữa, ấy là ám ảnh về hơi ẩm.*

Và đó là một vấn đề tế nhị hơn, sâu xa hơn.

Nàng nghe thấy những bước chân lại gần, quay lại thì thấy Paul từ sâu trong hang đang tiến đến, bị cô Chani khuôn mặt xinh xắn cầm tay mà lôi.

Lại một chuyện khác nữa, Jessica nghĩ. Cần phải cảnh báo Paul về chuyện đàn bà Fremen. Một phụ nữ sa mạc sẽ không thích hợp để làm vợ Công tước. Hầu thiếp thì được. Vợ thì không.

Rồi nàng lại tự hỏi: *Mình đã bị nhiễm những âm mưu của ông ấy rồi ư? Và nàng nhận ra mình đã được chuẩn bị tốt đến thế nào để thích ứng với hoàn cảnh. Mình có thể nghĩ đến nhu cầu thành thân của hoàng tộc mà không một lần xét tới việc chính mình là hầu thiếp. Nhưng... mình đã không chỉ là hầu thiếp.*

“Mẹ.”

Paul dừng lại trước mặt nàng. Chani đứng sát cạnh cùi chỏ cậu.

“Mẹ, mẹ biết họ đang làm gì đằng kia không?”

Jessica nhìn vào mảng tối cặp mắt cậu đang đăm đăm nhìn nàng từ sau chiếc mũ trùm. “Mẹ nghĩ là có.”

“Chani đã cho con xem... bởi con sẽ phải chứng kiến điều đó và... chính con phải cho phép người ta cân nước.”

Jessica nhìn Chani.

“Họ đang lấy lại nước của Jamis,” Chani nói, và giọng nói nhỏ nhẹ của cô phát ra từ đường mũi qua ống thở. “Lệ là vậy. Xác thật thuộc về người đã khuất, nhưng nước của anh ta thuộc về bộ tộc... trừ trường hợp chết trong chiến trận.”

“Họ bảo nước đó là của con,” Paul nói.

Jessica tự hỏi tại sao điều này lại đột nhiên khiến nàng cảnh giác đề phòng.

“Trong một trận giao chiến, nước thuộc về người chiến thắng,” Chani nói. “Đó là vì anh phải giao chiến ngoài trời, không mặc sa phục. Người thắng phải phục hồi lượng nước anh ta đã mất trong khi giao chiến.”

“Tôi không cần nước của anh ta,” Paul lẩm bẩm. Cậu cảm thấy mình là một phần trong số nhiều hình ảnh chuyển động cùng lúc theo cách rời rạc từng đoạn một, khiến con mắt bên trong bối rối. Cậu không biết chắc mình nên làm gì, nhưng có một điều cậu biết rõ: cậu không muốn nhận chỗ nước chùng cất từ xác của Jamis.

“Đó là... nước mà,” Chani nói.

Jessica kinh ngạc trước cung cách cô bé nói. “*Nước.*” Quá nhiều ý nghĩa trong một âm thanh giản dị. Một châm ngôn Bene Gesserit hiện ra trong tâm trí Jessica: “*Sự sống sót là khả năng bơi trong nước lạ.*” Và Jessica nghĩ: *Paul và ta, chúng ta phải tìm ra những dòng chảy, những mẫu hình trong những chỗ nước lạ này... nếu chúng ta muốn sống sót.*

“Con sẽ nhận phần nước đó,” Jessica nói.

Nàng nhận ra thanh điệu trong giọng mình. Nàng đã dùng chính âm sắc đó với Leto, khi bảo vị Công tước quá cố rằng ông sẽ nhận một khoản tiền lớn mà có người dâng tặng vì ông đã ủng hộ họ trong một vụ làm ăn đáng ngờ - bởi tiền là cái duy trì quyền lực của nhà Atreides.

Ở Arrakis, nước là tiền. Nàng thấy rõ điều đó.

Paul vẫn im lặng, ngay khi đó cậu biết cậu sẽ làm theo lệnh mẹ - không phải vì bà ra lệnh, mà vì giọng điệu của bà đã buộc cậu nhìn nhận lại tình thế. Từ chối phần nước đó có nghĩa là không tuân thủ tập quán của người Fremen.

Ngay lúc đó Paul nhớ lại những lời từ Kalima 4:67 trong cuốn Kinh thánh Màu Cam của Yueh. Cậu nói: “*Từ nước mà ra mọi sự sống.*”

Jessica nhìn cậu chằm chằm. *Nó học câu trích dẫn đó từ đâu vậy? nàng tự hỏi. Nó đã bao giờ học những huyền thuật đâu.*

“Người xưa đã nói thế,” Chani nói. “Giudichar mantene: Trong Shah-nama có viết, nước là tạo vật đầu tiên trong mọi tạo vật.”

Vì một lý do nào đó mà Jessica không sao lý giải được (và *điều này* còn khiến nàng bứt rứt hơn cả chính điều nàng cảm thấy), đột nhiên nàng rùng mình. Nàng quay mặt đi để tránh cơn bão rồi và cũng vừa kịp lúc để thấy hoàng hôn. Một vùng màu sắc như báo hiệu tai ương tràn khắp bầu trời khi vầng dương xuống dưới đường chân trời.

“Đến lúc rồi!”

Đó là giọng của Stilgar vang rền khắp hang. “Vũ khí của Jamis người đã bị giết. Jamis đã được Người, Shai-hulud, gọi đi; Shai-hulud, Đấng đã ra lệnh cho các tuần trăng ngày một khuyết và rớt cuộc thành như những nhành cây cong queo, héo úa.” Giọng Stilgar chùng xuống. “Chuyện xảy ra cho Jamis là vậy.”

Im lặng như tấm chăn trùm xuống cả hang.

Jessica nhìn thấy cái bóng xám của Stilgar di chuyển như một bóng ma trong phần tối của hang. Nàng lại nhìn ra ngoài lòng chảo, cảm thấy mát lạnh.

“Bằng hữu của Jamis hãy lại gần.” Stilgar nói.

Những người đàn ông di chuyển sau lưng Jessica, hạ một tấm màn che kín cửa hang. Một quả đèn cầu duy nhất được thắp trên trần sâu bên trong hang. Ánh sáng màu vàng của nó tỏa lên một dòng người đang tiến vào trong. Jessica nghe thấy tiếng áo sột soạt.

Chani tiến lên một bước như thể bị ánh đèn lôi đi.

Jessica ghé sát tai Paul, nói bằng mật ngữ gia đình: “Theo gương họ đi; họ làm gì mình làm nấy. Chỉ là một buổi lễ giản dị để xoa dịu vong linh Jamis mà thôi.”

Không chỉ vậy thôi đâu, Paul nghĩ. Và cậu cảm thấy một nỗi quặn thắt trong ý thức, như thể cậu đang cố nắm bắt một cái gì đang chuyển động để rồi buộc nó thôi chuyển động.

Chani nhẹ nhàng lùi lại bên Jessica, nắm tay nàng. “Đi nào, Sayyadina. Chúng ta phải ngồi cách nhau ra.”

Paul quan sát họ đi xa dần vào trong bóng tối, để lại cậu một mình. Cậu cảm thấy bị bỏ rơi.

Những người đàn ông vừa chằng tấm màn bước đến cạnh cậu.

“Đi nào, Usul.”

Cậu cho phép mình để người ta dẫn lối, để người ta đẩy cậu vào một vòng người vừa mới hình thành quanh Stilgar, ông ta đang đứng ngay dưới quả đèn cầu, bên cạnh một đồng lùm lùm, cong queo, cứng đờ trên nền đá, khuất dưới một tấm áo dài.

Đám đông cúi xuống khi Stilgar ra hiệu, những chiếc áo dài của họ kêu sột soạt theo sau cử động này. Paul vừa cúi xuống theo họ vừa quan sát Stilgar, lưu ý thấy quả đèn cầu trên đầu soi rõ hai hố mắt của ông, rọi sáng màu vải xanh ở cổ ông. Paul chuyển sự chú ý sang cái đồng phủ dưới chiếc áo dài cạnh chân Stilgar, nhận ra tay cầm một cây đàn baliset thò ra từ dưới mớ vải.

“Khi vầng trăng thứ nhất mọc, linh hồn rời bỏ nước của cơ thể,” Stilgar ngâm nga. “Người xưa nói vậy. Khi ta thấy vầng trăng thứ nhất mọc đêm nay, thì trăng sẽ gọi ai?”

“Jamis,” đám đông đáp lại.

Stilgar xoay tròn một vòng trên một gót chân, lướt nhìn khắp vòng người. “Tôi từng là bạn của Jamis,” ông nói. “Khi chiếc máy bay chim ưng sà xuống đầu chúng ta ở Lỗ-trong-Tảng-đá, chính Jamis đã cứu tôi thoát nạn.”

Ông cúi xuống bên cái đồng cạnh mình, nhấc chiếc áo dài ra. “Tôi nhận chiếc áo này với tư cách bằng hữu của Jamis - theo quyền của thủ lĩnh.” Ông vắt chiếc áo ngang qua một vai, thẳng người dậy.

Giờ thì Paul thấy rõ cái đồng lùm lùm được phơi bày ra kia gồm có những gì: màu xám nhạt lấp lánh của một bộ sa phục, một literjon méo mó, một chiếc khăn mà ở chính giữa là một cuốn sách nhỏ, tay cầm không lưỡi của một con dao pha lê, một vỏ dao rỗng, một chiếc cật la bàn, một chiếc distrans, một cây dùi gọi, một đồng móc kim loại cỡ số một, một lô những cái trông như những hòn đá nhỏ nằm trong một tấm vải, một búi lông vũ bó lại với nhau... và cây đàn baliset phơi ra cạnh chiếc túi gấp lại.

Vậy ra Jamis chơi đàn baliset, Paul nghĩ. Nhạc cụ này khiến Paul nhớ đến Gurney Halleck và tất cả những gì đã mất. Nhờ ký ức trước đây của cậu về tương lai, Paul biết rằng một vài tình thế ngẫu nhiên nào đó có thể mang lại cuộc gặp gỡ với Halleck, song những cuộc tái hợp đều ít ỏi và mơ hồ. Chúng làm cậu rối trí. Nhân tố bất định khiến cậu băn khoăn. Phải chăng vậy có nghĩa là một việc nào đó ta sẽ làm... một việc nào đó ta có thể sẽ làm, biết đâu sẽ hủy diệt Gurney... hoặc đưa ông ấy trở lại cuộc sống... hay là...

Paul nuốt nước bọt, lắc đầu.

Một lần nữa, Stilgar khom mình trên đồng đồ vật.

“Cho người đàn bà của Jamis và cho đội bảo vệ,” ông nói. Những hòn đá nhỏ và cuốn sách được cất vào nếp áo dài của ông.

“Quyền của thủ lĩnh,” đám đông ngân nga.

“Dấu hiệu để người ta phục vụ và phê cho Jamis,” Stilgar nói, rồi nhắc lên một chiếc đĩa dẹt bằng kim loại màu xanh lục. “Nó sẽ được trao cho Usul trong buổi lễ thích hợp khi chúng ta quay lại sietch.”

“Quyền của thủ lĩnh,” đám đông ngân nga.

Cuối cùng, ông cầm cán dao pha lê, thẳng người lên. “Dành cho bình nguyên tang lễ,” ông nói.

“Dành cho bình nguyên tang lễ,” đám đông ngân nga.

Đứng ở chỗ của mình giữa vòng người, đối diện Paul, Jessica gật đầu, nhận ra nguồn gốc xa xưa của nghi thức này, và nàng nghĩ: *Cuộc gặp gỡ giữa dốt nát và hiểu biết, giữa tàn bạo và văn hóa - nó bắt đầu trong sự tôn trọng mà chúng ta dành cho người đã khuất.* Nàng nhìn qua vòng người về phía Paul, tự hỏi: *Nó có nhận ra điếu đó không? Liệu nó có biết phải làm gì không?*

“Chúng ta là bạn của Jamis,” Stilgar nói. “Chúng ta không than khóc cho người đã khuất như một lũ garvarg.”

Một người râu xám đứng bên trái Paul đứng dậy. “Tôi từng là bạn của Jamis,” anh ta nói. Anh ta tiến về phía đồng đồ vật, cầm chiếc distrans lên. “Khi nước của chúng tôi xuống dưới mức tối thiểu hồi bị vây hãm ở Hai Con Chim, Jamis đã chia sẻ nước.” Anh ta quay lại chỗ của mình trong vòng người.

Liệu mình có phải nói mình là bạn của Jamis không? Paul tự hỏi. Họ có chờ đợi mình lấy một món gì đó từ đồng kia không? Cậu thấy những khuôn mặt quay về phía cậu rồi quay đi. Họ chờ đợi điếu đó!

Một người khác đối diện Paul đứng dậy, tiến lại chỗ chiếc túi, lấy chiếc cặn la bàn ra. “Tôi từng là bạn của Jamis,” anh ta nói. “Khi đội tuần tra bắt gặp chúng tôi ở Khúc-Quanh-Mỏm-Đá và tôi bị thương, Jamis đã đánh bật chúng đi, nhờ vậy những người bị thương mới được cứu thoát.” Anh ta quay lại chỗ của mình trong vòng người.

Một lần nữa, những khuôn mặt quay về phía Paul, và cậu thấy sự chờ đợi trên những khuôn mặt đó, bèn cụp mắt xuống. Một cùi chỏ hích vào cậu và một giọng nói rít lên: “Anh muốn mang sự hủy diệt đến cho chúng ta sao?”

Làm sao mình có thể nói mình là bạn của Jamis được? Paul tự hỏi.

Một dáng người khác đứng lên từ trong vòng người, chỗ đối diện Paul, và khi khuôn mặt bị mũ trùm che khuất hiện ra dưới ánh sáng, cậu nhận ra mẹ cậu. Nàng lấy một chiếc khăn từ chỗ đồng đồ vật. “Tôi từng là bạn của Jamis,” nàng nói. “Khi linh hồn của các linh hồn bên trong anh ấy nhận ra những đòi hỏi của chân lý, linh hồn ấy đã rút lui và tha mạng cho con tôi.” Nàng quay về chỗ.

Và Paul nhớ lại nỗi khinh miệt trong giọng nói của mẹ khi mẹ đối mặt cậu ngay sau trận chiến. “*Làm kẻ giết người thì thấy thế nào?*”

Một lần nữa, cậu thấy những khuôn mặt quay về phía cậu, cảm thấy nổi tức giận và e sợ trong đám đông. Một đoạn trong một cuốn sách phim mà mẹ từng cho cậu xem về “Sự tôn thờ người chết” thoáng qua tâm trí Paul. Cậu biết mình phải làm gì.

Chậm chậm, Paul đứng dậy.

Một tiếng thở dài lan khắp vòng người.

Càng tiến đến giữa vòng tròn, Paul càng cảm thấy *cái tôi* của mình thu nhỏ lại. Như thể cậu đã đánh mất một mảnh của chính mình và đang tìm nó ở đây. Cậu cúi xuống đồng vật tùy thân, nhấc cây baliset lên. Một dây đàn khẽ bật lên khi chạm vào một cái gì đó trong đồng đồ vật.

“Tôi từng là bạn của Jamis,” Paul thì thầm.

Cậu cảm thấy nước mắt nóng hổi trong mắt cậu, buộc mình nói to hơn. “Jamis đã dạy tôi... rằng... khi ta giết người... ta phải trả giá. Tôi ước gì mình đã quen biết Jamis nhiều hơn.”

Mò mẫm, cậu quay về chỗ của mình trong vòng người, ngồi bệt xuống nền đá.

Một giọng khẽ vang lên: “Anh ta nhỏ nước mắt!”

Lời đó được truyền đi khắp vòng người: “Usul trao hơi ấm cho người đã khuất.”

Cậu cảm thấy có những ngón tay chạm vào bờ má còn ướt của cậu, nghe thấy những tiếng thì thầm kính sợ.

Nghe thấy những giọng nói, Jessica nhận ra chiều sâu của điều người Fremes đang cảm nhận, hiểu rằng ở họ ắt phải có những cảm đoán kinh khủng đến nhường nào đối với việc để rơi nước mắt. Nàng tập trung chú ý vào câu: “*Anh ấy trao hơi ấm cho người đã khuất.*” Nước mắt, đó

là một món quà cho thế giới bóng tối. Không nghi ngờ gì nữa, nước mắt sẽ được tôn sùng.

Không gì trên hành tinh này có thể khắc sâu vào tâm trí nàng một cách mạnh mẽ đến thế về giá trị tối thượng của nước. Không phải những người bán nước dạo, không phải làn da khô héo của người dân bản xứ, không phải sa phục hay những quy định khắt khe của kỷ luật nước. Ở đây có một thứ tinh chất còn quý hơn mọi thứ, đó là bản thân sự sống và bên chặt quanh nó là biểu tượng, là nghi lễ.

Nước.

“Tôi đã sờ má anh ấy,” ai đó thì thầm. “Tôi cảm nhận được món quà.”

Ban đầu, những ngón tay sờ mặt Paul khiến cậu sợ. Cậu siết chặt chiếc cần lạnh giá của cây đàn baliset, cảm thấy những dây đàn miết chặt đến đau nhói vào lòng bàn tay cậu. Thế rồi cậu thấy những khuôn mặt phía trên những bàn tay mò mẫm đó - những đôi mắt mở to, kinh ngạc.

Ngay sau đó, những bàn tay rút lại. Tang lễ lại tiếp tục. Nhưng lúc này có một khoảng trống tĩnh tế xung quanh Paul, đám đông lùi lại, suy tôn cậu bằng một sự cách biệt đầy cung kính.

Tang lễ kết thúc bằng những lời ngân nga khe khẽ:

“Trăng tròn gọi anh...”

Anh sẽ nhìn thấy Shai-hulud;

Đêm đỏ ối, trời mờ tối.

Anh đã chết đẫm máu.

Chúng ta cầu nguyện trăng: mặt trăng tròn...

Rồi chúng ta sẽ lắm vận may,

Chúng ta tìm thứ gì sẽ tìm ra thứ đó

Ở vùng đất rắn.”

Bên chân Stilgar vẫn còn một cái túi căng phồng. Ông cúi xuống, đặt hai lòng bàn tay lên nó. Ai đó đến cạnh ông, cúi xuống bên cùi chỏ ông, và Paul nhận ra khuôn mặt Chani trong bóng tối chiếc mũ trùm.

“Jamis đã mang ba mươi ba phẩy bảy lít và ba trăm ba mươi phần sáu mươi dram nước của bộ tộc,” Chani nói. “Bây giờ ta ban phúc cho nó trước sự hiện diện của Sayyadina. Ekkeri-akairi, đây là nước, fillissin-follasy của Paul Muad'Dib! Kivi a-kavi, không bao giờ thêm nữa, nakalas! Nakelas! được đong đếm nữa, ukair-an! bởi những nhịp tim jan-jan-jan của Jamis, bằng hữu của chúng ta...”

Trong im lặng đột ngột và sâu thẳm, Chani quay lại, nhìn chăm chăm vào Paul. Ngay sau đó cô nói: “Nơi đâu tôi là lửa, người hãy là than. Nơi đâu tôi là sương, người hãy là nước.”

“Bi-lal kaifa,” đám đông ngân nga.

“Phần nước này trao cho Paul Muad'Dib,” Chani nói. “Hãy để anh ấy giữ gìn nó cho bộ tộc, bảo vệ nó, không để nó mất đi vì bất cẩn. Hãy để anh ấy hào phóng trao nó đi những lúc cần. Hãy để anh ấy trao lại nó vì lợi ích của bộ tộc khi thời khắc của anh ấy đến.”

“Bi-lal kaifa,” đám đông ngân nga.

Mình phải nhận chỗ nước đó, Paul nghĩ. Chậm chậm, cậu đứng dậy, tiến lại bên Chani. Stilgar lùi lại nhường chỗ cho cậu, nhẹ nhàng lấy cây baliset từ tay cậu.

“Quỳ xuống,” Chani nói.

Paul quỳ xuống.

Cô cầm tay cậu hướng về phía túi nước, để tay cậu sờ thấy bề mặt co giãn của túi. “Bộ tộc tin cây trao cho anh chỗ nước này,” cô nói. “Jamis đã ra đi, để nó lại. Hãy thanh thần nhận lấy.” Cô đứng dậy, kéo Paul đứng theo.

Stilgar trao lại cho cậu cây baliset, chìa ra một đồng vòng kim loại nhỏ trên một lòng bàn tay. Paul nhìn chúng, thấy có nhiều cỡ khác nhau, nhận thấy ánh đèn cầu phản chiếu trở lại từ chúng.

Chani cầm chiếc vòng lớn nhất, tròng vào một ngón tay. “Ba mươi lít,” cô nói. Rồi cô lần lượt cầm lên từng cái một, vừa chìa cho Paul xem vừa đếm: “Hai lít; một lít; bảy mươi vòng đếm nước, mỗi vòng là một dram; một vòng đếm nước ba trăm ba mươi phần sáu mươi dram. Tổng cộng là ba mươi ba phẩy bảy lít và ba trăm ba mươi phần sáu mươi dram.”

Cô chìa các chiếc vòng đeo trên ngón tay mình cho Paul thấy.

“Anh có nhận không?” Stilgar hỏi.

Paul nuốt nước bọt, gật đầu. “Có.”

“Sau này tôi sẽ chỉ cho anh cách buộc chúng vào khăn để chúng không khua lách cách làm anh bị lộ những lúc anh cần im lặng.” Cô chìa tay ra.

“Cô... giữ hộ tôi được không?” Paul hỏi.

Chani hoảng hốt quay lại nhìn Stilgar.

Ông ta mỉm cười nói: “Paul Muad’Dib, cũng là Usul, chưa biết tập quán của chúng ta, Chani ạ. Hãy giữ các vòng đếm nước của anh ấy, nhưng đừng cam kết gì cho tới khi chỉ cho anh ấy phải mang chúng bằng cách nào.” Cô gật đầu, rút một dải vải từ dưới chiếc áo choàng đang mặc ra, giắt vòng vào đó bằng những động tác đan xuống đan lên lắt léo, gần như một chút, rồi nhét tất cả vào trong thắt lưng dưới áo choàng.

Mình đã bỏ sót cái gì đó, Paul nghĩ. Cậu cảm thấy một không khí hài

hước xung quanh cậu, có sự bồn chột nào đó trong cái hài hước ấy, và tâm trí cậu bỗng kết nối tới một ký ức tiên tri: *trao vòng đếm nước cho một phụ nữ - nghi thức tán tỉnh*.

“Thầy quản nước,” Stilgar nói.

Đám đông đứng dậy, áo dài khua sột soạt. Hai người đàn ông bước ra, nhấc túi nước lên. Stilgar tháo đèn cầu trên trần xuống, cầm nó dẫn đường đi sâu vào trong lòng hang.

Paul bị đẩy vào đoàn người sau lưng Chani, lưu ý đến ánh sáng màu bơ trên những bức tường đá, những cái bóng nhảy múa, và cậu cảm thấy sự nâng đỡ linh hồn của đám đông hàm chứa trong một bầu không khí hồi hả chờ đợi.

Bị những bàn tay hăm hở lôi vào cuối đoàn người, bị vây tứ phía bởi những thân mình xô đẩy, Jessica cố nén một khoảnh khắc hoảng hốt. Nàng đã nhận ra từng phần rời rạc của nghi lễ, xác định được những mẫu nhỏ tiếng Chakobsa và Bhotani-jib trong những lời nói, và nàng biết cái sức mạnh hoang dã có thể nổ bùng ra từ những khoảnh khắc có vẻ như bình thường kia.

Jan-jan-jan, nàng nghĩ. *Đi-đi-đi*.

Nó giống như một trò chơi trẻ con đã đánh mất mọi sự kiểm chế trong bàn tay người lớn.

Stilgar dừng lại bên một bức tường đá màu vàng. Ông ấn lên một mẫu đá lồi ra, và bức tường lặng lẽ xoay vào trong, mở ra một vết nứt khác thường. Ông đi trước dẫn đường, băng qua một tấm lưới tối lỗ chỗ như tổ ong. Khi đi qua tấm lưới, Paul cảm thấy nó lùa một luồng không khí mát rượi lên người cậu.

Paul quay lại nhìn Chani vẻ dò hỏi, kéo tay cô. “Không khí đó nghe ấm,” cậu nói.

“Su...u...y...t...t”, cô thì thầm.

Nhưng một người sau lưng họ nói: “Đêm nay có nhiều hơi ẩm trong bầu. Đó là cách để Jamis bảo chúng ta rằng anh ấy hài lòng.”

Jessica đi qua cánh cửa bí mật, nghe nó đóng lại sau lưng nàng. Nàng nhận thấy người Fremen chậm bước lại lúc băng qua tấm lưới tổ ong, cảm nhận được sự ẩm ướt của không khí khi nàng đã sang tới phía bên kia.

Bầu gió! nàng nghĩ. Họ có một cái bầu gió giấu ở đâu đó trên mặt đất để lừa không khí xuống đây, đến những chỗ mát hơn, nhằm thu hơi ẩm trong không khí.

Họ đi qua một cánh cửa bằng đá khác phía trên có bức màn, và cửa đóng lại sau lưng họ. Luồng không khí sau lưng đem lại cảm giác ẩm ướt rõ rệt cho cả Jessica lẫn Paul.

Dẫn đầu đám đông, quả đèn cầu trong tay Stilgar thụt xuống thấp hơn tầm những đầu người đi trước Paul. Ngay sau đó cậu cảm thấy có những bậc thang dưới chân mình, quặt xuống về bên trái. Ánh sáng phản chiếu lại trên những cái đầu đội mũ trùm và trên chuyển động ngoằn ngoèo của đoàn người nối nhau xuống các bậc thang tròn ốc.

Jessica cảm thấy nỗi căng thẳng ngày càng tăng ở những người xung quanh nàng, áp lực của nỗi im lặng riết róng làm nhức nhối dây thần kinh của nàng.

Những bậc thang kết thúc khi đoàn người băng qua một cánh cửa thấp khác. Ánh đèn cầu giờ đây bị nuốt chửng trong một không gian rộng lớn có trần cao uốn cong.

Paul cảm thấy Chani đặt tay lên cánh tay cậu, nghe thấy tiếng nước chảy tí tách trong bầu không khí mát lạnh, cảm thấy một sự nín lặng tuyệt đối bao trùm lấy những người Fremen trước sự hiện diện đầy thánh thiêng của nước.

Mình đã thấy nơi này trong một giấc mơ, cậu nghĩ.

Ý nghĩ đó khiến cậu vừa an lòng vừa thất vọng. Ở đâu đó đằng trước cậu trên con đường này, những đoàn quân cuồng tín xẻ con đường đâm máu xuyên qua vũ trụ dưới tên cậu. Ngọn cờ xanh đen của nhà Atreides sẽ trở thành biểu tượng của nỗi kinh hoàng. Những binh đoàn hung bạo sẽ xung trận mồm thét vang: “Muad'Dib!”

Điều đó không thể xảy ra, cậu nghĩ. Mình không thể để nó xảy ra.

Nhưng cậu cảm thấy được cái ý thức dòng giống riết róng đòi hỏi bên trong cậu, cái mục đích kinh khủng của chính cậu, và cậu biết không một thứ nhỏ nhặt nào làm chệch hướng nỗi cái cỗ xe hủy diệt tàn khốc đó. Nó đang ngày càng nặng hơn, đà tiến càng mạnh mẽ hơn. Nếu cậu chết ngay trong khoảnh khắc này, vật đó sẽ cán qua mẹ và đưa em gái chưa chào đời của cậu. Không gì ngăn nổi vật đó, ngoại trừ cái chết của toàn bộ đám đông đang tụ tập ở đây, kể cả chính cậu và mẹ cậu.

Paul nhìn quanh, thấy đám đông giãn ra thành một hàng. Họ đẩy cậu lên phía trước về phía một hàng rào thấp tạc từ đá tự nhiên. Bên kia hàng rào, dưới ánh sáng quả đèn cầu trong tay Stilgar, Paul thấy một mặt nước tối thăm phảng lảng. Nó trải dài vào trong bóng tối - đen ngòm, sâu thăm - bức tường đằng xa chỉ hiện lên mờ mờ, có lẽ cách chừng một trăm mét.

Jessica cảm thấy làn da khô nẻ trên má và trán mình dễ chịu hẳn đi trước sự hiện diện của hơi ẩm. Hồ nước khá sâu; nàng cảm thấy được độ sâu của nó; và cố cưỡng lại mong muốn ngâm tay vào đó.

Một tiếng nước bắn tóe vang lên phía bên trái nàng. Nàng nhìn xuống hàng người Fremen mờ tỏ trong ánh sáng nhá nhem thì thấy Stilgar cùng Paul đứng bên cạnh và các thầy quản nước đang đổ chỗ nước họ mang theo xuống hồ qua một lưu lượng kế. Cái lưu lượng kế là một con mắt tròn màu xám trên mép hồ. Nàng thấy mũi tên lấp lánh của nó di động khi nước chảy qua, thấy mũi tên dừng lại ở mức ba mươi ba lít, bảy dram và ba trăm ba mươi phần sáu mươi dram.

Cực kỳ chính xác khi đếm nước, Jessica nghĩ. Và nàng lưu ý thấy vách máng dẫn nước của chiếc lưu lượng kế không giữ lại dấu vết nào của

hơi ẩm sau khi nước đi qua. Nước chảy ra khỏi những vách đá mà không cần tới áp lực bắt buộc. Nàng nhận ra một manh mối sâu xa về kỹ thuật của người Fremen ở sự kiện giản đơn này: họ là những kẻ cầu toàn.

Jessica tiến về phía hàng rào, đến bên cạnh Stilgar. Người ta nhường lối cho nàng một cách nhã nhặn tự nhiên. Nàng để ý thấy cái nhìn lãnh đạm trong mắt Paul, nhưng sự bí ẩn của cái hồ nước vĩ đại này đã choán hết ý nghĩ của nàng.

Stilgar nhìn nàng. “Trong chúng tôi có nhiều người cần nước,” ông nói, “nhưng họ chỉ tới đây mà không đựng tới nước. Bà có biết điều đó không?”

“Tôi tin điều đó,” nàng nói.

Ông nhìn cái hồ. “Chúng tôi có hơn ba mươi tám triệu đê ca lít ở đây,” ông nói. “Chúng tôi xây tường ngăn để ngăn ngừa các Ngài tạo bé, để giấu kỹ và bảo vệ nước này.”

“Cả một kho báu,” nàng nói.

Stilgar nhắc cao quả đèn cầu lên để nhìn thẳng vào mắt nàng. “Nó còn hơn cả kho báu nữa. Chúng tôi có hàng ngàn nơi trữ nước như vậy. Chỉ vài người trong chúng tôi biết hết những nơi ấy.” Ông ghéch đầu sang một bên. Quả đèn cầu hắt một ánh sáng mờ màu vàng qua mặt và râu ông. “Nghe thấy không?”

Họ lắng nghe.

Tiếng nước tí tách rõ từ bầu gió xuống ngự trị toàn không gian nơi đây. Jessica nhận thấy cả đám đông háo hức lắng nghe. Chỉ có Paul dường như ở đâu đó rất xa.

Với Paul, âm thanh đó như thể từng khoảnh khắc một đang tích tắc trôi qua. Cậu cảm thấy thời gian đang tuôn qua cậu, những khoảnh khắc không bao giờ tóm bắt lại được. Cậu cảm thấy cần phải quyết định, nhưng thấy mình bất lực không thể nhúc nhích.

“Nó được tính toán chi li chính xác,” Stilgar thì thầm. “Chúng tôi biết rõ mình cần bao nhiêu triệu đê ca lít. Chừng nào có đủ, chúng tôi sẽ thay đổi bộ mặt của Arrakis.”

Một tiếng thì thầm đáp lại từ phía đám đông: “Bi-lal kaifa!”

“Chúng tôi sẽ giam các đụn cát dưới những thảm cỏ,” Stilgar nói, giọng càng lúc càng mạnh mẽ. “Chúng tôi sẽ tưới nước vào đất nhờ cây cối - cây trên cao, cây dưới thấp.”

“Bi-lal kaifa,” đám đông ngân nga.

“Mỗi năm băng ở hai cực sẽ một lùi dần,” Stilgar nói.

“Bi-lal kaifa,” đám đông ngân nga.

“Chúng tôi sẽ biến Arrakis thành thế giới quê hương, có những thấu kính làm tan băng ở các cực, có những hồ nước ở vùng ôn đới, chỉ dành sa mạc sâu cho Ngài tạo và hương được của người.”

“Bi-lal kaifa.”

“Và không một ai còn phải đòi nước nữa. Nước sẽ có ê hề thỏa thích cho anh ta dưới giếng, dưới hồ ao, kênh rạch. Nước sẽ từ kênh dẫn nước tuôn ra tưới cho cây trái của chúng tôi. Nước sẽ luôn sẵn đó, ai cần thì lấy. Nước là của anh ta, chìa tay ra là có.”

“Bi-lal kaifa.”

Jessica cảm thấy cái nghi thức tôn giáo trong những lời đó, nhận thấy phần xạ kính sợ theo bản năng của chính mình. *Họ liên minh với tương lai*, nàng nghĩ. *Họ có ngọn núi của chính họ để trèo. Đây là giấc mơ của nhà khoa học... thế mà những con người giản dị này, những nhà nông này, lòng tràn ngập giấc mơ đó.*

Ý nghĩ của nàng quay lại Liet-Kynes, nhà sinh thái học hành tinh của

Hoàng đế, con người đã trở thành dân bản xứ ở đây - và nàng lấy làm lạ về ông ta. Đó là một giấc mơ xâm chiếm linh hồn con người, và nàng cảm thấy có bàn tay của nhà sinh thái học kia ở trong đó. Đó là một giấc mơ mà vì nó người ta có thể sẵn sàng chết. Đó là một thành tố khác trong những thành tố cơ bản mà nàng cảm thấy con trai nàng cần phải có: một dân tộc có chung một mục đích. Một dân tộc như vậy sẽ dễ thấm nhuần sự nhiệt thành và cuồng tín. Có thể sử dụng họ làm thanh gươm để giành lại cho Paul vị trí lẽ ra thuộc về cậu.

“Giờ chúng ta sẽ đi khỏi đây,” Stilgar nói, “và đợi đến khi vầng trăng đầu tiên mọc. Khi Jamis đã lên đường an toàn, chúng ta sẽ về nhà.”

Đám đông vừa xì xầm tỏ vẻ miễn cưỡng vừa theo chân ông, quay lưng lại phía hàng rào ngăn hồ nước, đi lên các bậc thang.

Và Paul, bước cạnh Chani, cảm thấy một khoảnh khắc có tầm quan trọng sống còn đã lướt qua cậu, cảm thấy cậu đã bỏ qua một quyết định hệ trọng và giờ đây cậu kẹt trong huyền thoại về chính mình. Cậu biết mình đã thấy nơi này trước đây, đã trải nghiệm nó trong một mảnh giấc mơ tiên tri từ hồi ở Caladan xa xôi, song các chi tiết về nơi đó thì hồi ấy cậu chưa nhìn thấy, mãi bây giờ, ở đây mới được thêm vào. Cậu cảm thấy một cảm giác kinh ngạc mới mẻ về những giới hạn của khả năng mình. Như thể cậu đang cưỡi trên con sóng thời gian, khi thì tụt xuống bụng sóng, khi thì trồi lên đỉnh sóng - tứ phía xung quanh cậu những con sóng khác dâng lên hạ xuống, phôi ra rồi lại giấu đi ngay những gì chúng mang trên bề mặt.

Qua tất cả những cái đó, cuộc thánh chiến điên cuồng vẫn lù lù trước mặt cậu, bạo lực và giết chóc. Nó như một doi đất sừng sững trên đỉnh sóng.

Đám người lũ lượt kéo qua cánh cửa sau cùng dẫn vào hang chính. Cánh cửa bị niêm phong. Đèn đã tắt hết, màn che được tháo khỏi cửa hang, để lộ màn đêm và những ngôi sao đã xuất hiện phía trên sa mạc.

Jessica tiến lại chỗ mép cửa hang khô khốc, nhìn lên những vì sao. Chúng trông thật gần, thật sắc nét. Nàng cảm thấy đám đông rục rịch quanh

mình, nghe thấy đâu đó cạnh nàng có tiếng lên dây đàn baliset, và giọng Paul ngân nga từng nốt. Trong giọng cậu có một nỗi u sầu mà nàng không thích.

Giọng Chani vang lên từ bóng tối dày đặc của hang: “Kể cho em nghe về nước ở quê hương anh đi, Paul Muad’Dib.”

Và giọng Paul: “Khi khác nhé, Chani. Tôi hứa.”

Buồn quá đỗi.

“Cây đàn tốt đấy,” Chani nói.

“Rất tốt,” Paul nói. “Theo em, nếu tôi dùng nó thì liệu Jamis có phiền lòng không?”

Nó nói về người đã khuất như thể anh ta vẫn đang sống, Jessica nghĩ. Ấn ý trong câu nói khiến nàng thấy bứt rứt.

Một giọng đàn ông cất lên: Thỉnh thoảng anh ta thích nhạc, Jamis ấy.

“VẬY thì hát em nghe một bài của anh đi,” Chani nói.

Cái giọng trẻ con-thiếu nữ kia có sức quyến rũ thật đàn bà, Jessica nghĩ. Mình phải cảnh cáo Paul về đám phụ nữ Fremes... mà phải nhanh lên.

“Đây là bài hát của một người bạn tôi,” Paul nói. “Chắc lúc này ông ấy chết rồi, ông ấy là Gurney. Ông ấy gọi đây là bài hát nguyện buổi chiều.”

Đám đông nín lặng, lắng nghe Paul cất giọng nam cao thiếu niên ngọt ngào, với tiếng cừu huyền cầm bập bùng, lạnh lút đềm theo:

“Đây là lúc nhìn rõ nhất những mẫu than âm ỉ

Mặt trời vàng biến mất trong bóng chiều chạng vạng.

Ôi cảm xúc điên cuồng, mùi xạ hương nồng nặc

Là bạn đời của nỗi nhớ nhung.”

Jessica cảm thấy cái âm nhạc bằng lời đó trong ngực mình - ngoại giáo và đầy những âm thanh khiến nàng ý thức về chính mình một cách đột ngột và mạnh mẽ, cảm thấy cơ thể mình và những nhu cầu của nó. Nàng lắng nghe với sự im lặng căng thẳng.

“Lễ cầu hôn lưu hương ngọc trai của bóng đêm...

Dành cho chúng ta!

Niềm vui nào lướt qua mau -

Sáng trong cặp mắt em...

Tình yêu đất hoa nào

Làm thắt tim ta...

Tình yêu đất hoa nào

Choán ngập lòng khao khát của ta.”

Và Jessica nghe thấy cái dư-âm-im-lặng kêu o o trong không khí cùng nốt nhạc cuối cùng. *Tại sao con ta hát một bản tình ca cho đứa trẻ-thiếu nữ đó?* nàng tự hỏi. Nàng đột nhiên thấy sợ. Nàng cảm thấy sự sống tuôn chảy quanh mình mà nàng không sao kiểm soát được. *Tại sao nó lại chọn bài ấy?* nàng tự hỏi. *Đôi khi bản năng cũng đúng. Tại sao nó làm vậy?*

Paul ngồi câm lặng trong bóng tối, một ý nghĩ nghiệt ngã duy nhất ngự trị trong ý thức cậu: *Mẹ ta là kẻ thù của ta. Bà không biết điểu đó, nhưng bà chính là như vậy. Bà đang mang lại cuộc thánh chiến. Bà sinh ra ta; bà huấn luyện ta. Bà là kẻ thù của ta.*

Ý niệm về sự tiến bộ vận hành như một cơ chế phòng vệ nhằm che chắn chúng ta trước những nỗi kinh hoàng của tương lai.

- trích “Tuyển Dụ ngôn của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Vào sinh nhật thứ mười bảy, Feyd-Rautha Harkonnen giết chết tay đấu sĩ-nô lệ thứ một trăm trong cuộc thi đấu của gia tộc. Có những vị khách từ triều đình - Bá tước Fenring cùng Phu nhân - đang có mặt ở hành tinh quê nhà Giedi Prime của gia tộc Harkonnen để chứng kiến sự kiện này, họ được mời dự khán cùng những nhân vật trọng yếu của gia tộc trong lô danh dự bằng vàng phía trên đấu trường hình tam giác.

Để tỏ lòng trân trọng đối với sự ra đời của vị chuẩn Nam tước và nhắc nhở mọi người trong gia tộc Harkonnen cũng như mọi thần dân rằng Feyd-Rautha là người thừa kế chính thức, hôm nay là ngày lễ trên toàn Giedi Prime. Vị Nam tước già đã ra chiếu chỉ cho phép người lao động từ kinh tuyến này đến kinh tuyến nọ được nghỉ làm; và tại thành phố chôn nhau cắt rốn của gia tộc Harko, người ta ra sức tạo ra ảo tưởng về sự vui vẻ hội hè: cờ bay phấp phới trên các tòa nhà, những bức tường dọc Đường Cung đình được phun sơn mới.

Nhưng bên ngoài con đường chính, Bá tước Fenring cùng phu nhân để ý thấy những đồng rác, những bức tường nâu xỉn sùi phẫn chiếu vào những vũng nước đen ngòm trên đường phố, và vẻ nháo nhác có gì đó như vụng trộm của người dân.

Trong thành lũy bọc tường xanh của Nam tước có sự hoàn hảo đến đáng sợ, nhưng Bá tước cùng phu nhân vẫn nhận ra cái giá phải trả để có được điều đó - đâu đâu cũng lính gác, đâu đâu cũng vũ khí, những vũ khí mang cái tia óng ánh đặc biệt mà con mắt sành sỏi sẽ nhận ra rằng chúng được sử dụng thường xuyên. Có những trạm kiểm soát để kiểm tra người qua kẻ lại từ khu vực này sang khu vực kia trong nội bộ lâu đài. Ngay các đầy tớ cũng để lộ ra họ đã được huấn luyện quân sự, qua cách họ đi, qua dáng dấp đôi vai họ... qua cái kiểu cặp mắt họ cứ không ngừng quan sát, quan sát, quan sát mãi.

“Áp lực đang đè nặng,” Bá tước thì thầm với phu nhân bằng thứ mật ngữ của họ. “Nam tước chỉ mới bắt đầu nhận ra cái giá hائلة ta phải trả để rũ bỏ Công tước Leto khỏi hائلة.”

“Lúc nào đó em phải kể lại cho anh truyền thuyết về phượng hoàng,” cô nói.

Họ đang ở trong sảnh lễ tân của lâu đài, đợi đi xem cuộc thi đấu của gia tộc. Sảnh không rộng lắm - có lẽ dài bốn mươi mét và rộng hai mươi mét - song các cây cột giả dọc hai bên tường có đầu cột vuốt thon đột ngột, trần nhà có hình vòm cung tinh tế, tạo ra ảo tưởng một không gian lớn hơn nhiều.

“Ái chà chà, Nam tước tới đây rồi,” Bá tước nói.

Nam tước đang đi dọc theo chiều dài của sảnh lễ tân, với cái dáng đi vừa êm lướt vừa lạch bạch chẳng giống ai do nhu cầu phải dẫn dắt cái trọng lượng được nâng bằng bộ đai treo. Xương hàm ngài bập bênh lên xuống; các bộ đai treo cứ đong đưa xộc xệch bên dưới tấm áo choàng màu cam. Tay ngài đeo đầy nhẫn lấp lánh, những viên ngọc opafire thêu vào bộ áo choàng sáng lên óng ánh.

Đi sát nách Nam tước là Feyd-Rautha. Mái tóc sẫm màu của cậu vẫn thành những lọn tóc quăn dày đặc trông vui mắt dường như không hợp với cặp mắt rầu rĩ. Cậu mặc áo choàng đen thắt ngang lưng ôm sát người, quần chật bó, dưới gấu quần hình như có đính chuông. Đôi giày đế mềm che kín hai bàn chân nhỏ.

Để ý tới tư thế của chàng trai trẻ và chuyển động chắc nịch của cơ bắp dưới tấm áo choàng, Phu nhân Fenring tự nhủ: *Đây là người sẽ không để mình bị béo.*

Nam tước dừng lại trước mặt họ, vừa nắm cánh tay Feyd-Rautha ra điều sở hữu vừa nói: “Đây là cháu tôi, chuẩn Nam tước Feyd-Rautha Harkonnen.” Rồi ngài quay bộ mặt bự bẫm như con nít về phía Feyd-Rautha mà nói: “Đây là vợ chồng Bá tước Fenring mà ta đã nói với cháu.”

Feyd-Rautha khẽ cúi đầu theo nghi thức. Cậu nhìn đắm đắm Phu nhân Fenring. Cô có mái tóc vàng óng, dáng người uyển chuyển, tấm thân hoàn hảo vận chiếc áo chấy dài bằng vải mộc - cách phục trang giản dị phù hợp khi không mang đồ trang sức. Đôi mắt xanh xám nhìn lại cậu. Cô có phong thái ung dung tự tại kiểu Bene Gesserit khiến chàng trai cảm thấy hơi xáo động.

“E-hè-è-è-è-è-m-m-m-m-m-m,” Bá tước nói. Ông ta ngắm Feyd-Rautha. “*Chính*, e-hè-è-è-è-m-m-m, chính là chàng trai trẻ này... e-hè-è-m-m-m... hỏi ông bạn thân mến?” Bá tước liếc nhìn Nam tước. “Nam tước thân mến, ông bảo ông đã nói cho *chính* bạn trẻ này nghe về chúng tôi sao? Ông đã nói gì?”

“Tôi đã nói với cháu tôi rằng Bá tước Fenring rất được Hoàng đế quý mến,” Nam tước nói. Và ngài nghĩ: *Lưu ý hẳn ta cho kỹ vào, Feyd! Một tên giết người mang cung cách một con thỏ - đấy chính là loại nguy hiểm nhất.*

“Dĩ nhiên rồi!” Bá tước nói, rồi mỉm cười với vợ.

Feyd-Rautha nhận thấy hành vi và lời nói của con người này gần như là xác xược. Chúng chỉ còn thiếu chút nữa là đi đến chỗ không úp mở khiến người ta dễ nhận ra. Chàng trai trẻ tập trung chú ý vào Bá tước: một người bé nhỏ, trông ẻo lả. Mặt choắt như mặt chồn, cặp mắt màu thẫm thì lại quá to. Hai bên thái dương có tóc bạc. Lại còn cử động của ông ta nữa - ông ta giơ một tay lên hoặc xoay đầu hướng này song khi nói thì lại xoay hướng khác. Khó mà theo dõi được.

“E-hè-è-è-è-è-m-m-m-m-m-m, ông hiếm khi nói năng được, e-hè-è-è-m-m-m... chính xác đến như thế,” Bá tước nói, mắt ngó qua vai Nam tước. “Tôi, ờ, xin chúc mừng ông về e-hè-è-m-m về sự hoàn hảo của ờ-ờ của người thừa kế của ông. Dưới ánh sáng của e-hè-è-m-m-m bậc trưởng thượng, có thể nói vậy.”

“Ngài thật tử tế,” Nam tước nói. Ngài cúi mình, nhưng Feyd-Rautha nhận thấy ánh mắt ngài không ăn nhập với cử chỉ lịch thiệp đó.

“Mỗi khi ông e-hè-è-m-m-m mĩa mai, có nghĩa là Ờ-Ờ ông đang e-hè-è-m-m-m nghĩ những điều sâu sắc,” Bá tước nói.

Hắn lại thế nữa, Feyd-Rautha nghĩ. Nghe cứ như hắn đang xúc phạm người ta, nhưng người ta chẳng thể nào thách đấu cho thỏa hận.

Nghe người này nói, Feyd-Rautha có cảm giác ai đó đang dúi đầu cậu vào bột nhào... e-hè-è-è-Ờ-Ờ-m-m-m-m! Feyd-Rautha chuyển sang chú mục vào Phu nhân Fenring.

“Chúng tôi à-Ờ đang chiếm quá nhiều thời gian của chàng trai trẻ này,” cô nói. “Tôi hiểu hôm nay cậu ấy sẽ phải ra đấu trường.”

So với một mỹ nhân trong hậu cung, cô ả thật đáng yêu! Feyd-Rautha nghĩ. Cậu nói: “Hôm nay tôi sẽ giết một mạng người cho Phu nhân. Tôi sẽ cung hiến điều đó cho Phu nhân trên đấu trường, nếu Phu nhân cho phép.”

Cô điềm tĩnh nhìn lại cậu dăm dăm, nhưng giọng cô như một nhát roi quất: “Ta không cho phép cậu.”

“Feyd!” Nam tước nói. Và ngài nghĩ: *Cái thằng ôn vật! Nó muốn lão Bá tước chết giẫm này thách đấu nó hay sao chứ?*

Nhưng Bá tước chỉ mỉm cười mà nói: “E-hè-è-è-è-è-m-m-m-m-m-m-m.”

“Đúng là cháu *phải* chuẩn bị cho trận đấu đi, Feyd,” Nam tước nói. “Cháu phải nghỉ ngơi, đừng làm những trò mạo hiểm ngu ngốc.”

Feyd-Rautha cúi chào, mặt sạm lại vì phẫn uất. “Cháu tin chắc mọi chuyện sẽ như Người mong muốn, thưa Bá phụ.” Cậu gật đầu với Bá tước Fenring. “Thưa Chúa công.” Với Phu nhân: “Thưa Phu nhân.” Và cậu xoay người, sải bước ra khỏi phòng lễ tân, gần như không thèm liếc sang đám Tiểu Gia tộc đang đứng gần cánh cửa đôi.

“Nó còn trẻ quá,” Nam tước thở dài.

“E-hè-è-è-è-è-m-ờ-ờ đúng vậy m-m-m-m-m,” Bá tước nói.

Và Phu nhân Fenring nghĩ: *Liệu đó có thể là chàng trai trẻ mà Mẹ Chí tôn muốn nói không? Có phải chính đó là dòng máu mà chúng ta phải bảo tồn?*

“Còn hơn một giờ nữa chúng ta mới phải ra đấu trường,” Nam tước nói. “Hắn bây giờ chúng ta có thể trò chuyện một chút, thưa Bá tước Fenring.” Ngài ngênh cái đầu đồ sộ sang bên phải. “Tình hình có nhiều tiến triển cần phải thảo luận.”

Và Nam tước nghĩ: *Giờ ta hãy xem thằng nhãi chạy việc vặt cho Hoàng đế sẽ làm cách nào để trình bày khúc chiết cái thông điệp hắn mang theo mà không dần dần tới mức nói toẹt ra ngay tắp lự.*

Bá tước nói với vợ: “E-hè-è-è-ờ-ờ-m-m-m-m-m, em cho à-ừ-m anh nói chuyện riêng với Nam tước được không, em yêu?”

“Mỗi một ngày, thậm chí có khi mỗi một giờ đều đem lại đổi thay,” cô nói. “E-hè-è-è-m-m-m.” Và cô mỉm cười ngọt ngào với Nam tước rồi quay đi. Bộ váy dài cô mặc kêu loạt xoạt, và cô bước đi bằng dáng điệu cao sang, lưng thẳng tắp, tiến về phía cánh cửa đôi ở cuối phòng.

Nam tước để ý thấy mọi cuộc chuyện trò của đám Tiểu Gia tộc đứng ở gần đó đều im bật khi cô lại gần, thấy những cặp mắt dõi theo cô. *Bene Gesserit!* Nam tước nghĩ. *Vũ trụ này sẽ tốt hơn nếu tổng khứ được hết bọn họ đi!*

“Có một nón lạng giữa hai cây cột ở đằng kia, bên trái chúng ta,” Nam tước nói. “Ta có thể trò chuyện ở đó mà không sợ ai nghe trộm.” Ngài lạch bạch dẫn đường về phía khu vực có giảm âm, cảm thấy những tiếng ồn của lâu đài trở nên dửng dưng, xa xăm.

Bá tước lại gần đứng cạnh Nam tước, và họ quay lưng lại, đối diện bức tường để không ai đọc được môi họ.

“Bọn ta không hài lòng về cái kiểu ông ra lệnh cho quân Sardaukar rời khỏi Arrakis,” Bá tước nói.

Nói thẳng thừng nhĩ! Nam tước nghĩ.

“Quân Sardaukar không thể nán lại thêm nữa, bằng không *những kẻ khác* sẽ biết Hoàng đế đã giúp đỡ tôi ra sao,” Nam tước nói.

“Nhưng thằng cháu Rabban của ông không có vẻ gì là đang nỗ lực ráo riết tìm giải pháp cho vấn đề bọn Fremen.”

“Hoàng đế muốn gì nào?” Nam tước hỏi. “Chỉ còn một nhóm Fremen sót lại trên Arrakis, không hơn. Sa mạc phía Nam không ở được. Sa mạc phía Bắc thì thường xuyên bị lính tuần của chúng tôi rà soát.”

“Ai bảo sa mạc phía Nam không ở được?”

“Chính nhà hành tinh học của ngài nói thế, Bá tước thân mến ạ.”

“Nhưng Tiến sĩ Kynes chết rồi.”

“À, vâng... thật không may.”

“Chúng tôi nhận được báo cáo từ một đội do thám bay trên khu vực phía Nam,” Bá tước nói. “Có bằng chứng là ở đó có cây cỏ mọc.”

“Vậy thì Hiệp hội đã chấp thuận quan sát từ trên không chưa?”

“Chuyện đó thì ông biết quá rồi còn gì, Nam tước. Về mặt pháp lý Hoàng đế không thể đặt trạm quan sát Arrakis được.”

“Tôi thì cũng không làm được,” Nam tước nói. “Đội bay do thám đó là ai vậy?”

“Một... tàu buôn lậu.”

“Ai đó nói dối ngài đấy, thưa Bá tước,” Nam tước nói. “Bọn buôn lậu không thể nào đi lại trên vùng phía Nam giỏi hơn người của Rabban được. Bao tố, nhiều động cát, lại còn bao nhiêu thứ nữa, ngài biết mà. Các dấu hiệu dẫn đường chưa lắp đặt xong thì đã bị giạt đổ mất rồi.”

“Chúng ta sẽ bàn về các loại hình nhiễu động vào khi khác,” Bá tước nói.

Ái chà chà, Nam tước nghĩ. “Vậy thì ngài thấy báo cáo của tôi có nhầm lẫn ư?” ngài hỏi.

“Khi ông tưởng tượng ra những sai lầm thì không thể có sự tự vệ nào,” Bá tước nói.

Hắn ta cố ý buộc mình phải giận sôi lên, Nam tước nghĩ. Ngài hít hai hơi dài để tự trấn tĩnh. Ngài ngửi thấy mồ hôi của chính mình, và khung bộ đai treo dưới áo choàng của ngài tự dừng làm ngài ngứa ngáy khó chịu.

“Hoàng đế không thể không vui về cái chết của bà hầu thiếp và thằng bé,” Nam tước nói. “Họ đã trốn vào sa mạc. Một trận bão đã xảy ra.”

“Phải, có quá nhiều sự ngẫu nhiên thuận lợi.” Bá tước tán thành.

“Tôi không thích giọng điệu ngài, thưa Bá tước,” Nam tước nói.

“Tức giận là một chuyện, bạo lực là chuyện khác,” Bá tước nói. “Để tôi cảnh cáo ông nhé: Nếu tôi gặp bất cứ sự cố không may nào ở đây, tất cả các Đại Gia tộc đều sẽ biết ông đã làm gì trên Arrakis. Từ lâu họ đã hoài nghi cái kiểu làm ăn của ông rồi.”

“Vụ làm ăn duy nhất gần đây mà tôi nhớ là chuyên chở vài binh đoàn Sardaukar đến Arrakis,” Nam tước nói.

“Ông nghĩ ông có thể cứ làm như vậy trên đầu Hoàng đế sao?”

“Tôi không hề nghĩ thế!”

Bá tước mỉm cười. “Người ta có thể tìm được những chỉ huy Sardaukar sẵn sàng thú nhận họ hành động không có lệnh trên bởi họ muốn đánh nhau với lũ khốn Fremmen nhà ông.”

“Nhiều người có thể nghi ngờ một lời thú nhận như vậy,” Nam tước nói, nhưng lời đe dọa đó khiến ngài choáng váng. *Bọn Sardaukar có kỷ luật đến thế thật sao?* ngài tự hỏi.

“Hoàng đế muốn cho kiểm toán sổ sách của ông,” Bá tước nói.

“Lúc nào cũng được.”

“Ông... ờ... không phản đối à?”

“Không. Ban giám đốc Công ty CHOAM của tôi sẽ chấp nhận sự kiểm tra nghiêm ngặt nhất.” Và ngài nghĩ: *Cứ để hắn đưa ra một lời buộc tội đối trá chống lại ta và để cho nó bị vạch trắn. Ta sẽ đứng đó, vững như bàn thạch mà nói: “Nhìn tôi xem, tôi đã bị vu oan giá họa.” Thế rồi cứ để hắn buộc tội ta lần nữa, thậm chí là buộc tội đúng. Các Đại Gia tộc sẽ không còn tin ở lời buộc tội thứ hai của một kẻ từng bị chứng minh là vu oan kẻ khác.*

“Nhất định sổ sách của các ông sẽ bị kiểm tra hết sức nghiêm ngặt,” Bá tước lẩm bẩm.

“Tại sao Hoàng đế lại quan tâm đến việc hủy diệt người Fremmen đến thế?” Nam tước hỏi.

“Ông muốn đổi chủ đề hử?” Bá tước nhún vai. “Ấy là bọn Sardaukar muốn, chứ không phải Hoàng đế muốn. Chúng cần phải thực tập việc giết người... với lại chúng rất ghét phải thấy một nhiệm vụ dang dở.”

Hắn nghĩ sẽ làm ta sợ bằng cách nhắc ta rằng hắn được những tên giết người khát máu ủng hộ sao? Nam tước tự hỏi.

“Xưa nay giết chóc ở mức độ nhất định luôn luôn là một phần quan trọng

của kinh doanh,” Nam tước nói, “nhưng phải vạch ra giới hạn ở đâu đó. Vẫn phải để lại ai đó để khai thác hương được chứ.”

Bá tước bật ra một tiếng cười lớn cộc lốc. “Ông nghĩ ông có thể điều khiển được lũ Fremen à?”

“Bọn chúng chưa bao giờ đủ đông để làm việc đó,” Nam tước nói. “Nhưng việc giết chóc đã khiến cho số dân còn lại của tôi ăn không ngon ngủ không yên. Nó đã lên đến mức khiến tôi phải cân nhắc một giải pháp khác để giải quyết vấn nạn Arrakis, Bá tước Fenring thân mến ạ. Và tôi phải thừa nhận rằng Hoàng đế xứng đáng được coi là người đã gợi cho tôi ý tưởng này.”

“Hư-ử-ử?”

“Ngài thấy đấy, Bá tước, tôi có hành tinh giam tù của Hoàng đế, Salusa Secundus, làm nguồn gợi ý cho tôi.”

Bá tước nhìn tròng tròng ông ta, mắt sáng quắc. “Giữa Arrakis với Salusa Secundus thì có thể có mối liên hệ nào chứ?”

Nam tước cảm thấy sự cảnh giác trong ánh mắt Bá tước, liền nói: “Chưa có mối liên hệ nào.”

“Chưa ư?”

“Ngài phải thừa nhận rằng đó hẳn là cách phát triển một lực lượng lao động đông đảo trên Arrakis - sử dụng nơi này làm một hành tinh giam tù.”

“Ông dự đoán số tù nhân sẽ tăng lên sao?”

“Đã có những cuộc bạo loạn,” Nam tước thừa nhận. “Tôi đã phải bóp chết chúng khá là tàn nhẫn, Fenring ạ. Nói gì thì nói, ngài biết cái giá tôi phải trả cho đám Hiệp hội chết giấm kia để họ chuyển quân đội chung của chúng ta đến Arrakis. Khoản tiền đó phải từ đâu đó mà ra chứ.”

“Tôi đề nghị ông không dùng Arrakis làm hành tinh giam tù nếu không

được Hoàng đế cho phép, Nam tước ạ.”

“Dĩ nhiên là không,” Nam tước nói, và ngài tự hỏi tại sao giọng của Bá tước bỗng dưng lạnh nhạt thế.

“Còn một chuyện khác,” Bá tước nói. “Chúng tôi được biết Mentat của Công tước Leto là Thufir Hawat không chết mà đang được ông dùng.”

“Tôi không thể cho phép mình bỏ phí ông ta,” Nam tước nói.

“Ông đã nói dối chỉ huy Sardaukar của chúng tôi rằng Hawat đã chết.”

“Chỉ là nói dối vô hại thôi, Bá tước kính mến. Tôi chẳng có bụng dạ nào đòi co đông dài với anh ta.”

“Hawat có phải kẻ phản bội thật không?”

“Ồ, lạy chúa, không! Chính tay bác sĩ phản trặc kia mới là kẻ phản bội.” Nam tước lau mồ hôi trên cổ. “Ngài phải hiểu, Fenring ạ, vừa rồi tôi không có Mentat. Ngài biết mà. Xưa nay tôi chưa bao giờ không có Mentat cả. Đó là điều tôi bắt rút hơn hết.”

“Làm cách nào ông khiến Hawat chuyển lời thề nguyện trung thành sang kẻ khác được?”

“Công tước của ông ta đã chết.” Nam tước gượng cười. “Chẳng có gì phải sợ Hawat cả, thưa Bá tước kính mến. Thịt tay Mentat đó đã bị cấy một độc được ngâm. Cứ mỗi bữa ăn chúng tôi lại cho một liều giải độc vào thức ăn của ông ta. Nếu không có thuốc giải, độc được sẽ phát tác và trong vòng vài ngày ông ta sẽ chết.”

“Đừng cho thuốc giải nữa,” Bá tước nói.

“Nhưng ông ta có ích!”

“Và ông ta biết quá nhiều điều mà những kẻ còn sống không nên biết.”

“Ngài đã nói Hoàng đế không sợ bị vạch mặt cơ mà.”

“Đừng đùa với tôi, Nam tước!”

“Khi nào tôi thấy có chỉ dụ mang dấu triện của Hoàng đế, tôi sẽ tuân theo,” Nam tước nói. “Nhưng ý thích bốc đồng của ngài thì tôi không phục tùng đâu.”

“Ông cho đó là ý thích bốc đồng sao?”

“Chứ còn sao nữa? Hoàng đế cũng nợ tôi mà, Fenring. Tôi đã giúp ông ta thoát khỏi tên Công tước rầy rà đó.”

“Nhờ một vài tên Sardaukar giúp đỡ.”

“Nếu không thì Hoàng đế tìm đâu ra một Gia tộc sẵn sàng cung cấp quân phục giả trang để giấu biến bàn tay ông ta trong vụ này?”

“Hoàng đế cũng tự hỏi mình y như vậy, Nam tước à, nhưng với sự nhấn giọng hơi khác.”

Nam tước ngắm soi Fenring, chú ý tới sự rắn chắc của các cơ hàm, sự cẩn thận tự chủ. “Ái chà chà,” Nam tước nói. “Tôi hy vọng Hoàng đế không tin rằng ông ta có thể hành động chống lại tôi một cách hoàn toàn bí mật.”

“Hoàng đế hy vọng sẽ không cần phải làm thế.”

“Hoàng đế không thể tin rằng tôi đe dọa ông ta,” Nam tước cho phép giọng mình nhuộm vẻ tức giận và đau khổ, ngài nghĩ: *Cứ để ông ta cứ xử bất công với ta về chuyện đó! Ta có thể tự đặt mình lên ngai vàng trong khi vẫn đắm ngực than van mình đã bị xử bất công đến thế nào.*

Giọng Bá tước trở nên khô khan và xa xôi khi ngài nói: “Hoàng đế tin ở những gì giác quan mách bảo người.”

“Hoàng đế có dám buộc tội tôi mưu phản trước mặt đông đủ Hội đồng Landsraad không?” Và Nam tước nín thở, hy vọng vào điều mình nói.

“Hoàng đế không cần phải *dám* mới làm bất cứ chuyện gì.”

Nam tước quay ngoắt thân hình trong bộ khung treo để giấu cảm xúc. *Chuyện ấy có thể xảy ra ngay trong đời ta!* ngài nghĩ. *Hoàng đế! Cứ để ông ta đối xử bất công với ta đi! Thế rồi - tham nhũng, áp bức, sự tập hợp của các Đại Gia tộc: họ sẽ lũ lượt tể tỵ dưới cờ của ta như bọn nhà nông học tốc tìm chỗ trú. Điều họ sợ hơn hết thấy là đoàn quân Sardaukar của Hoàng đế được tự tung tự tác lần lượt với từng Gia tộc một.*

“Hoàng đế chân thành mong rằng Người sẽ không bao giờ phải buộc ông tội mưu phản,” Bá tước nói.

Nam tước thấy khó lòng ngăn không để giọng mình nhuốm vẻ mỉa mai mà chỉ cho phép nó biểu lộ cảm giác bị tổn thương, nhưng ngài vẫn cố. “Tôi vẫn luôn là bấy tôi trung thành nhất. Những lời đó khiến tôi đau lòng đến không thể nói nên lời.”

“E-hè-è-è-è-è-m-m-m-m-m-m,” Bá tước nói.

Nam tước vẫn quay lưng lại Bá tước, gật đầu. Ngay sau đó ngài nói: “Đến lúc ra đấu trường rồi.”

“Ừ, đúng,” Bá tước nói.

Họ ra khỏi nón lặn, sánh bước về phía đám Tiểu Gia tộc đang đứng ở cuối phòng. Một tiếng chuông bắt đầu đổ chầm chậm đâu đó trong lâu đài - báo hiệu còn hai mươi phút nữa là đến giờ tập trung ở đấu trường.

“Các Tiểu Gia tộc chờ ông dẫn đường cho họ,” Bá tước vừa nói vừa gật đầu về phía đám người trước mặt.

Một câu hai nghĩa... một câu hai nghĩa, Nam tước nghĩ.

Ngài ngẩng lên nhìn những món bùa hộ mệnh mới đặt hai bên lối ra của phòng tiếp tân - chiếc đầu bò gắn trên giá và bức tranh sơn dầu vẽ Lão Công tước Atreides, phụ thân của Công tước Leto quá cố. Chúng khiến Nam tước tràn ngập một linh tính chẳng lành, và ngài tự hỏi những món bùa này đã khơi gợi trong Công tước Leto những ý nghĩ nào khi chúng còn treo trong đại sảnh ở Caladan rồi sau đó ở Arrakis - người cha anh tài dũng lược và đầu của con bò đã giết chết ông ta.

“Loài người chỉ có ừ-ừ một ừ-m-m môn khoa học,” Bá tước nói khi hai người đã tập hợp xong đám diễu hành gồm những kẻ theo chân họ và từ sảnh tiếp tân tiến vào phòng đợi, một không gian hẹp với những khung cửa sổ cao và sàn lát gạch có hoa văn màu trắng xen màu tía.

“Vậy khoa học đó là gì?” Nam tước hỏi.

“Đó là ừ-ừ-m-m khoa học về ờ-ờ sự bất mãn,” Bá tước nói.

Các Tiểu Gia tộc đi sau họ, bẽn lễn, xun xoe, phá lên cười bằng đúng giọng tỏ ra tâm đắc, nhưng cái âm thanh đó mang thanh điệu nghịch tai khi va chạm với tiếng động cơ phành phạch bất ngờ vọng đến tai họ khi đám tiểu đồng mở tung các cửa ngoài, để lộ một dãy xe dùng để chạy trên mặt đất, cờ hiệu bay phấp phất trong gió.

Nam tước cất cao giọng để át tiếng ồn đột ngột, ngài nói: “Tôi hy vọng ngài sẽ không bất mãn với màn trình diễn hôm nay của cháu tôi, Bá tước Fenring ạ.”

“Tôi à-ờ-ờ chỉ thấy ừ-ừ-m-m như à-ừ-m-m linh cảm một điều gì, đúng vậy,” Bá tước nói. “Bao giờ cũng vậy, trong một à-ờ biên bản luận tội, người ta ừ-ừ-m-m phải xét đến việc đâu là à-ờ nơi khởi tạo hồ sơ.”

Nam tước che giấu sự ngạc nhiên khiến ngài đột ngột đờ người ra bằng cách vấp vào bậc tam cấp đầu tiên dẫn từ lối ra xuống. *Biên bản luận tội! Đó là bản báo cáo về một tội ác chống lại Đế quốc!*

Nhưng Bá tước chỉ khẽ cười để câu đó có vẻ như một lời nói đùa, rồi vỗ

vỗ vào tay Nam tước.

Dù vậy, suốt trên đường đến đấu trường, Nam tước ngồi thụt vào giữa mớ đệm bọc sắt trên xe ngài, vừa ném những cái nhìn vụng trộm về phía vị Bá tước đang ngồi cạnh vừa tự hỏi tại sao *thằng chạy việc vặt* của Hoàng đế lại cho rằng cần phải đùa kiểu đó chứ không phải kiểu nào khác trước mặt các Tiểu Gia tộc. Rõ ràng Fenring chẳng mấy khi làm việc gì hăn cho rằng không cần thiết, hoặc dùng hai từ nếu hăn thấy một từ là đủ, hoặc tự giới hạn ở một nghĩa duy nhất trong một câu duy nhất.

Họ vừa ngồi vào lô bằng vàng phía trên đấu trường tam giác - kèn rúc om sòm, các tầng ở trên và xung quanh họ ken dày sự ồn ào huyền não của đám đông và những lá cờ hiệu bay phấp phới - thì câu trả lời cất lên đáp lại Nam tước.

“Nam tước thân mến,” Bá tước ghé sát tai ông ta, nói, “ông biết Hoàng đế chưa chính thức chuẩn y người thừa kế do ông chọn mà, phải không?”

Nam tước cảm thấy mình đột nhiên rơi vào giữa một cái nón lạng cá nhân sinh ra từ cơn choáng của chính ngài. Ngài nhìn Fenring chòng chọc, gần như không thấy Bá tước phu nhân đang băng qua đội cận vệ bên ngoài để đến nhập hội với họ trong lô bằng vàng.

“Chính vì vậy tôi mới ở đây hôm nay,” Bá tước nói. “Hoàng đế muốn tôi báo cáo về việc liệu ông có chọn người kế vị xứng đáng hay không. Để khiến con người thực ẩn dưới cái mặt nạ phải phôi bày thì chẳng có gì hơn đấu trường được, hử?”

“Hoàng đế đã hứa cho phép tôi tự do chọn người kế vị,” Nam tước nghiêng răng kèn kẹt.

“Để rồi xem,” Fenring nói rồi quay người lại đón phu nhân. Cô ngồi xuống, mỉm cười với Nam tước, rồi chú mục vào nền cát bên dưới nơi Feyd-Rautha vừa tiến ra, mặc áo gi lê và quần bó - tay phải mang găng đen cầm dao dài, còn tay trái mang găng trắng cầm dao ngắn.

“Màu trắng là độc dược, màu đen là tinh khiết,” Phu nhân Fenring nói.
“Phong tục thú vị thật, phải không anh yêu?”

“Ừ-hừ-ừ-m-m-m-m,” Bá tước nói.

Tiếng reo hò chào đón dậy lên từ các dãy khán đài dành cho gia tộc, và Feyd-Rautha dừng lại để đón nhận, ngẩng lên nhìn khắp lượt các khuôn mặt, nhận ra các anh chị em họ, các anh em cùng cha khác mẹ, họ hàng bên các bà tì thiếp và những họ hàng xa. Quá nhiều những cái miệng hồng hồng há ra lưỡi nhai liên hồi kỳ trận giữa cảnh chấp chờn quần áo và cờ xí đủ màu.

Ngay khi đó Feyd-Rautha chợt nghĩ, dù máu cậu hay máu tên đấu sĩ-nô lệ kia đổ xuống thì những hàng khuôn mặt ken dày kia cũng sẽ háo hức như nhau. Chẳng nghi ngờ gì về kết quả trận đấu này, dĩ nhiên. Sự nguy hiểm ở đây chỉ có hình thức chứ không mang thực chất, thế nhưng...

Feyd-Rautha giơ dao về phía mặt trời, cúi chào ba góc đấu trường theo lối cổ. Con dao ngắn trong bàn tay mang găng trắng (màu trắng là dấu hiệu cho biết có độc dược) được cho vào vỏ trước tiên. Rồi lưỡi dao dài trong bàn tay mang găng đen - lưỡi dao tinh khiết mà bây giờ thực ra không tinh khiết, cái vũ khí bí mật của cậu để biến ngày hôm nay thành một chiến thắng thuần túy của cá nhân cậu: lưỡi dao đen mới có độc.

Việc điều chỉnh tấm chắn bảo vệ cơ thể chỉ mất chút thời gian, và cậu ngừng lại để lĩnh hội cảm giác thít chặt vào trán, khiến cậu yên tâm rằng mình đã được bảo vệ đâu ra đó.

Khoảnh khắc này mang sự căng thẳng của riêng nó, và Feyd-Rautha kéo dài nó ra với bàn tay chắc nịch của một tay diễn trò lão luyện, gật đầu với các trợ thủ và chuyên viên đánh lạc hướng, kiểm tra thiết bị của họ bằng cái nhìn xét đoán - những sợi xiềng đặt đúng chỗ, các gai của nó sắc lẹm, lấp lánh, những cái ngạnh và móc có buộc những dải cờ đuôi nheo màu xanh nước biển bay phấp phới.

Feyd-Rautha ra hiệu cho các nhạc công.

Điệu hành khúc chậm bắt đầu, vang rền trịnh trọng theo lối xưa, và Feyd-Rautha dẫn đầu đoàn tùy tùng băng qua đấu trường để kính cẩn cúi chào dưới lô danh dự nơi ông bác của cậu ngồi. Cậu tóm lấy chiếc chìa khóa nghi lễ khi nó được ném xuống.

Âm nhạc ngừng.

Trong im lặng đột ngột, cậu lùi lại hai bước, nâng chìa khóa lên mà thét vang. “Tôi xin dâng sự thật này cho...” Và cậu ngừng lại, biết rằng ông bác sẽ nghĩ: *Rốt cuộc cái thằng ranh rồ dại sắp dâng cho Phu nhân Fenring và gây chuyện động trời đây!*

“... cho Bá phụ và người bảo trợ của tôi, Nam tước Vladimir Harkonnen!” Feyd-Rautha thét.

Và cậu vui sướng thấy ông bác thở dài.

Âm nhạc lại tiếp tục với hành khúc nhanh, và Feyd-Rautha dẫn bộ hạ rào bước ngang qua đấu trường về phía cánh cửa an toàn chỉ dành cho những ai đeo dải băng nhận diện theo đúng quy định. Feyd-Rautha tự hào rằng cậu chưa bao giờ dùng tới cửa an toàn và chẳng mấy khi cần tới các chuyên viên đánh lạc hướng đối thủ. Nhưng riêng hôm nay biết rằng cửa an toàn có đó thì cũng tốt - đôi khi những kế hoạch đặc biệt cũng hàm chứa những nguy cơ đặc biệt.

Một lần nữa, im lặng trùm xuống đấu trường.

Feyd-Rautha quay lại, đối mặt với cánh cửa lớn màu đỏ đối diện, nơi tay đấu sĩ sẽ xuất hiện.

Đấu sĩ đặc biệt.

Kế hoạch mà Thufir Hawat nghĩ ra đơn giản và rạch ròi đến đáng khâm phục, Feyd-Rautha nghĩ. Không nên phục thuốc cho tên nô lệ - làm vậy là nguy hiểm. Thay vào đó, người ta đã nhồi vào vô thức của y một từ khóa để làm các cơ của y tê liệt đúng vào khoảnh khắc quyết định. Feyd-

Rautha nhắm đi nhắm lại trong đầu cái từ sống còn ấy, thốt nó ra không thành tiếng: “Đồ cặn bã!” Với khán giả, dường như đó là một tên nô lệ không bị phục thuốc đã được thả vào đấu trường để giết vị chuẩn Nam tước. Và toàn bộ các bằng chứng được dàn xếp cẩn thận sẽ làm người ta hướng mọi chú ý đến lão chủ nô.

Một tiếng rì rầm khe khẽ phát ra từ những mô tơ phụ của cánh cửa đỏ khi chúng được lệnh mở cửa.

Feyd-Rautha tập trung toàn bộ ý thức vào cánh cửa. Khoảnh khắc đầu tiên này là khoảnh khắc hệ trọng. Dáng điệu của đấu sĩ lúc y xuất hiện sẽ cho kẻ có con mắt sành sỏi biết rất nhiều điều anh ta cần biết. Theo lẽ thì mọi đấu sĩ đều phải được phục sẵn thuốc elacca để khi bước vào đấu trường là lập tức vào tư thế chiến đấu, sẵn sàng giết chóc - nhưng bạn cũng phải quan sát y huơ dao ra sao, y xoay người phòng thủ thế nào, liệu y có thật sự ý thức được về khán giả đang ngồi trên khán đài không. Cách nghênh đầu của một tên nô lệ cũng cho ta biết được mẫu chốt sống còn để phản công và đánh nhử.

Cánh cửa đỏ mở toang ra.

Một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ lưng lững tiến ra, đầu cạo trọc, cặp mắt tối trũng sâu. Da y có màu cà rốt đúng như một người được cho uống thuốc elacca, nhưng Feyd-Rautha biết đó chỉ là màu sơn. Tên nô lệ mặc quần áo nịt màu xanh lục và thắt lưng đỏ cho biết y mang một nửa tấm chắn - mũi tên trên thắt lưng chỉ sang trái, cho biết phía bên trái của tên nô lệ được bảo vệ bằng tấm chắn. Y cầm dao theo kiểu cầm gươm, hơi chếch ra phía ngoài theo tư thế một chiến binh được rèn luyện kỹ. Chậm chậm, y tiến vào đấu trường, xoay phía thân mình được che chắn về phía Feyd-Rautha và nhóm người đứng nơi cửa an toàn.

“Tôi không ưa bộ dạng thằng này,” một trong những thuộc hạ cầm ngạnh của Feyd-Rautha nói. “Ngài có chắc là hắn bị phục thuốc không, thưa Thiếu chủ?”

“Hắn có màu cà rốt,” Feyd-Rautha nói.

“Nhưng hẳn đứng như một chiến binh,” một trợ thủ khác nói.

Feyd-Rautha tiến hai bước vào nền cát, quan sát kỹ tên nô lệ.

“Hẳn làm gì cánh tay hẳn vậy?” một trong những người chuyên đánh lạc hướng hỏi.

Feyd-Rautha chuyển sự chú ý sang vết trầy ứa máu ở cẳng tay trái của tên nô lệ, kéo dài dọc cánh tay xuống bàn tay như thể muốn trở vào một hình vẽ bằng máu trên mạn sườn trái của bộ đồ bó sát màu xanh lục - một hình thể ướm nhẩy ở đó: đường viền theo kiểu nghi thức hóa của một con chim ưng.

Chim ưng!

Feyd-Rautha nhìn lên cặp mắt trũng sâu tối sẫm, nhận thấy chúng nhìn cậu ta chăm chăm một cách tỉnh táo khác thường.

Đây là một trong những chiến binh của Công tước Leto mà chúng ta bắt được trên Arrakis, Feyd-Rautha nghĩ. Tay này không phải một đấu sĩ thường! Một cảm giác ớn lạnh chạy khắp người cậu, và cậu tự hỏi liệu Hawat có kế hoạch nào khác cho trận đấu này không - một đòn nhử bên trong đòn nhử trong đòn nhử. Và chỉ có kẻ chủ nô là được chuẩn bị sẵn sàng để hứng lấy trách nhiệm.

Trợ thủ chính của Feyd-Rautha thì thào vào tai cậu: “Tôi không ưa bộ dạng thằng này, Thiệu chủ ạ. Hãy để tôi cầm một, hai cái ngạnh vào tay hẳn để thử hẳn.”

“Ta sẽ tự cầm ngạnh lấy,” Feyd-Rautha nói. Cậu cầm một cặp mũi tên dài có móc từ tay viên trợ thủ, huơ lên để thử thế cân bằng của chúng. Những cái ngạnh đó cũng thường được tẩm độc - nhưng lần này thì không, và tay trợ thủ chính có thể mất mạng vì điều đó. Nhưng đây là chuyện nằm trong kế hoạch.

“Sau trận này Thiệu chủ sẽ là một người hùng,” Hawat đã nói. “Giết bọn

đấu sĩ hết người này đến người khác bất chấp có sự phản trắc. Tay chủ nô sẽ bị hành hình và thuộc hạ của Thiệu chủ sẽ thế chỗ y.”

Feyd-Rautha tiến thêm năm bước vào sàn đấu, kéo dài thời gian để nghiên cứu tên nô lệ. Cậu biết, các chuyên gia ngồi ở khán đài trên đầu cậu đã nhận ra có gì đó không ổn. Tên đấu sĩ đúng là có màu da như một kẻ đã bị phục thuốc, thế nhưng y đứng thẳng, không hề run. Những kẻ cuồng nhiệt lúc này hẳn đang thì thầm với nhau: “Xem cái kiểu hẳn đứng kìa. Lẽ ra hẳn phải kích động - hoặc tấn công hoặc thụt lùi mới phải chứ. Xem cái kiểu hẳn giữ sức kìa, cái kiểu hẳn đợi kìa. Đáng lẽ hẳn không được đợi.”

Feyd-Rautha cảm thấy sự phấn khích của chính cậu bắt đầu nhen nhóm. *Cứ mặc cho Hawat có mưu đồ phản trắc đi, cậu nghĩ. Ta có thể xử thẳng nô lệ này. Lần này chính con dao dài của ta mới tẩm thuốc độc chứ không phải con dao ngắn. Điều đó thì ngay cả Hawat cũng không biết.*

“Này, tên Harkonnen,” tên nô lệ hét. “Mi đã sẵn sàng chết chưa?”

Toàn đấu trường chết lặng. *Bọn nô lệ đâu phải kẻ thách đấu!*

Giờ thì Feyd-Rautha đã thấy rõ cặp mắt tên đấu sĩ, thấy sự dữ dần lạnh lẽo vì tuyệt vọng trong đó. Cậu lưu ý cách tên nô lệ đứng, vừa buông lỏng vừa sẵn sàng hành động, các cơ bắp sẵn sàng cho chiến thắng. Nguồn tin mật của Hawat đã chuyển thông tin của vị Mentat tới tên này: “*Mi sẽ có một cơ hội thực sự để giết chuẩn Nam tước.*” Cái mưu đồ họ vạch ra hẳn là đến mức như vậy đó.

Một nụ cười mím chặt vắt chéo qua môi Feyd-Rautha. Cậu nâng hai thanh giáo lên, nhìn thấy những kế hoạch của cậu sẽ thành công qua cách đứng của tên đấu sĩ.

“Tới đi, nào, tới đi!” tên nô lệ thách thức, và dẫn tới hai bước.

Giờ thì không một ai trên khán đài có thể nhầm được, Feyd-Rautha nghĩ.

Tên nô lệ này lẽ ra phải bị tê liệt một phần vì nỗi khiếp sợ do thuốc

elacca gây ra. Mỗi cử động của y lẽ ra phải cho thấy rằng tự trong thâm tâm y biết y chẳng có chút hy vọng gì - y không thể thắng được. Lẽ ra y phải bị nhồi nhét đầy những câu chuyện về các loại thuốc độc mà chuẩn Nam tước đã chọn tẩm vào lưỡi dao bên tay mang găng trắng của ngài. Chuẩn Nam tước không bao giờ cho y chết nhanh chóng; ngài khoái trá trong việc trưng ra những độc dược quý hiếm, ngài có thể đứng giữa đấu trường mà chỉ ra những hiệu ứng phụ thú vị của chúng trên một nạn nhân đang giãy chết. Sợ thì tên nô lệ có sợ, phải - nhưng khiếp đảm thì không.

Feyd-Rautha nâng cao những thanh giáo lên, gạt đầu theo cách gần như chào đối thủ.

Tên đấu sĩ xông tới.

Đòn nhử và đòn đỡ của y tốt ngang với bất cứ đòn nào Feyd-Rautha từng thấy. Một đòn tạt mạng sườn đúng lúc chỉ thiếu chút nữa là cắt đứt dây chằng cánh tay trái của chuẩn Nam tước.

Feyd-Rautha thoát vùng thoát, để lại một mũi tên có ngạnh trên cánh tay phải tên nô lệ, những cái móc nhọn cắm sâu vào thịt ở nơi mà nếu rút chúng ra thì tên nô lệ sẽ làm đứt dây chằng.

Một tiếng thở hắt ra vang lên đều nhịp từ phía các khán đài.

Âm thanh đó khiến Feyd-Rautha tràn ngập hân hoan.

Cậu biết giờ thì ông bác đang cảm thấy gì trong khi ngồi trên kia cạnh vợ chồng Bá tước Fenring, những quan sát viên do Triều đình cử tới. Không thể can thiệp gì vào trận đấu này. Các nghi thức phải được tôn trọng khi có người chứng kiến. Và Nam tước hẳn sẽ hiểu những gì xảy ra trên đấu trường chỉ theo một cách - mối đe dọa với chính ông ta.

Tên nô lệ lùi lại, ngậm con dao giữa hai hàm răng rồi quấn dải cờ đuôi nheo buộc mũi tên có ngạnh vào cánh tay. “Tao chả cảm thấy gì về cú kim châm của mày hết,” y thét. Rồi y lại chồm tới, dao trong tay, bên trái phô ra, người uốn về phía sau để tăng tối đa diện tích được che chắn bởi phân nửa tấm khiên.

Hành vi đó cũng không thoát khỏi mắt khán giả. Những tiếng kêu the thé vang lên từ các lô dành cho người trong gia tộc. Đám trợ thủ của Feyd-Rautha kêu to hỏi cậu có cần họ không.

Cậu phẩy tay bảo họ lùi về phía cửa an toàn.

Ta sẽ cho họ một màn trình diễn họ chưa bao giờ được thấy, Feyd-Rautha nghĩ. Không phải trò giết chóc dễ dàng nhẽo mà họ có thể ngả lưng vào ghế khoai chí thưởng thức phong cách đấu. Đây sẽ là thứ rút sạch ruột gan họ, khiến họ phải quặn mình đau đớn. Khi ta lên làm Nam tước họ sẽ nhớ cái ngày này và không ai trong số họ còn dám không sợ ta chính bởi cái ngày này.

Feyd-Rautha từ từ nhường bước trước đà tiến kiểu như con cua của tên đấu sĩ. Cát trên sàn đấu xào xạo dưới chân. Cậu nghe tiếng thở phì phò của tên nô lệ, ngửi thấy mùi mồ hôi của mình và mùi máu thoang thoảng trong không khí.

Bình tĩnh, chuẩn Nam tước lùi lại, quay sang phải, chiếc ngạnh nhọn thứ hai đã sẵn sàng. Tên nô lệ nhảy sang bên. Feyd-Rautha có vẻ như bị vấp, nghe thấy tiếng thét vang lên từ các khán đài.

Một lần nữa, tên nô lệ nhảy bổ tới.

Trời ạ, một chiến binh thật cừ khôi! Feyd-Rautha nghĩ trong khi nhảy sang bên để tránh. Chỉ nhờ sự nhanh nhẹn của tuổi trẻ mà cậu mới thoát chết, nhưng cậu cũng đã kịp cắm sâu cái ngạnh thứ hai vào cơ đen ta trên tay phải tên nô lệ.

Những tiếng reo hò đình tai nhức óc dậy lên từ các khán đài.

Giờ thì họ hoan hô ta, Feyd-Rautha nghĩ. Cậu nghe thấy sự cuồng nhiệt trong những giọng reo hò, đúng như Hawat nói. Trước nay họ chưa hề hoan hô một chiến binh của gia tộc mình như vậy bao giờ. Và cậu nghĩ với một sự kích động tàn nhẫn về một điều Hawat đã nói với cậu: “Một kẻ thù mà ta khâm phục thì dễ làm ta khiếp sợ hơn nhiều.”

Nhanh như cắt, Feyd-Rautha lùi về giữa đấu trường nơi mọi người đều thấy rõ. Cậu rút con dao dài ra, cúi mình đợi tên nô lệ đang tiến lại gần.

Tên nô lệ chỉ mất thời gian để buộc chặt cái ngạnh thứ hai vào cánh tay, rồi lại nhanh chóng sẵn tới.

Cứ để cả gia tộc thấy ta làm việc này, Feyd-Rautha nghĩ. Ta là kẻ thù của họ: cứ để họ nghĩ về ta như họ thấy lúc này.

Cậu rút con dao ngắn ra.

“Tao không sợ mày, đồ lợn Harkonnen,” tên đấu sĩ nói. “Những trò tra tấn của mày không thể làm đau một kẻ đã chết. Tao có thể chết vì lưỡi dao của chính tao trước khi một tên trợ thủ có thể đung ngón tay vào xác tao. Và tao sẽ buộc mày phải chết cạnh tao!”

Feyd-Rautha nghiêng rằng, giờ thì giờ con dao dài, con dao có độc được, ra. “Thử cái này xem,” cậu nói, rồi ra đòn nhử bằng con dao ngắn bên tay kia.

Tên nô lệ đổi tay cầm dao, xoay người lách vào giữa động tác gạt đỡ và đòn nhử của Feyd-Rautha hông túm lấy lưỡi dao ngắn của Feyd-Rautha - lưỡi dao trong bàn tay đeo găng trắng mà theo truyền thống là dao tẩm độc.

“Mày sẽ chết, thằng Harkonnen kia,” tên đấu sĩ hỗn hển nói.

Họ di chuyển sang một bên đấu trường. Khi tấm chắn của Feyd-Rautha chạm phải tấm chắn phân nửa của tên nô lệ, một ánh xanh lục lóe lên đánh dấu chỗ tiếp xúc. Không khí quanh họ sục mùi ô zôn từ trường bảo vệ.

“Chết bằng thuốc độc của chính mày đi!” tên nô lệ nghiêng rằng kèn kẹt.

Y bắt đầu ép bàn tay đeo găng trắng hướng vào trong, nhằm chuyển hướng lưỡi dao mà y cho là mang độc được.

Cứ để họ thấy trò này! Feyd-Rautha nghĩ. Cậu hạ lưỡi dao dài xuống, cảm thấy nó dính chặt một cách vô dụng vào mũi tên có ngạnh buộc chặt vào tay tên nô lệ.

Feyd-Rautha cảm thấy một khoảnh khắc tuyệt vọng. Cậu không hề nghĩ rằng những mũi tên có ngạnh sẽ có thể là lợi thế cho tên nô lệ. Thế nhưng nhờ chúng mà tên nô lệ có thêm một tấm chắn nữa. Lại còn sức lực của tên đấu sĩ này nữa chứ! Lưỡi dao ngắn bị ép hướng vào bên trong một cách không cưỡng được, và Feyd-Rautha tập trung tinh thần vào cái thực tế rằng người ta cũng có thể chết vì lưỡi dao không tấm độc.

“Đồ cặn bã!” Feyd-Rautha hỗn hển.

Khi nghe từ khóa, cơ bắp tên đấu sĩ tuân lời, lập tức chùng xuống. Chùng đó là đủ cho Feyd-Rautha. Cậu lùi lại, tạo khoảng cách giữa hai người vừa đủ cho lưỡi dao dài. Mũi dao tấm độc vung nhẹ, vạch một đường màu đỏ xuống ngực tên nô lệ. Độc được này gây hấp hối trong nháy mắt. Tên nô lệ rũ người, lao đảo ngã về phía sau.

Giờ thì cứ để gia tộc yêu quý của ta quan sát, Feyd-Rautha nghĩ. Cứ để họ nghĩ về thằng nô lệ này, kẻ đã cố đẩy lùi con dao mà y nghĩ là có tấm độc rồi dùng nó để hạ ta. Cứ để họ tự hỏi làm thế nào một tên đấu sĩ bước vào đấu trường này lại sẵn sàng mưu toan làm chuyện như thế được. Và cứ để họ luôn ý thức được rằng họ không thể nào biết chắc tay nào của ta mang độc được.

Feyd-Rautha đứng lặng thinh, quan sát những cử động giờ đã chậm lại của tên nô lệ. Y cử động trong một nhận-thức-ngắc-ngứ. Giờ đây trên mặt y có một thứ hiện lên rõ mồn một mà bất cứ ai quan sát cũng nhận ra. Cái chết được ghi rành rành ở đó. Tên nô lệ biết người ta đã làm điều đó với y, và y biết nó được làm như thế nào. Chính lưỡi dao tưởng không tấm độc là lưỡi dao tấm độc.

“Mày,” gã đàn ông rên rỉ.

Feyd-Rautha lùi lại nhường chỗ cho cái chết. Độc được gây tê liệt vẫn

chưa phát tác hoàn toàn, nhưng sự chậm chạp của tên nô lệ cho thấy nó đang phát tác.

Tên nô lệ lao đảo tiến về phía trước như bị lôi bằng một sợi dây - mỗi lần lê tới một bước. Mỗi bước là một bước duy nhất trong vũ trụ của y. Y vẫn nắm chặt dao, nhưng mũi dao run rẩy.

“Ngày nào đó... sẽ có người... trong số bọn tao... lấy mạng mày,” y hỗn hển.

Một nụ cười trề môi buồn bã làm miệng y méo xệch. Y ngồi xuống, vẹo về một bên, rồi cứng đờ lại và ngã vật ra xa Feyd-Rautha, mặt úp xuống đất.

Feyd-Rautha tiến tới giữa đấu trường lặng ngắt, kê một ngón chân dưới mình tên đấu sĩ, lật ngửa y lên để cho các khán đài thấy rõ cái khuôn mặt khi độc được bắt đầu phát tác làm các cơ xoắn vặn. Nhưng khi tên đấu sĩ đã lật ngửa ra rồi, mọi người lại thấy lưỡi dao của chính y thò ra từ ngực y.

Dẫu thất vọng, Feyd-Rautha vẫn phần nào đó thán phục tên nô lệ, thán phục y đã nỗ lực vượt qua cơn tê liệt để làm điều đó với chính y. Và cùng với sự thán phục, Feyd-Rautha cũng hiểu ra, đây *quả thật* là thứ mà cậu phải sợ.

Cái làm cho một người thường trở thành siêu nhân thì luôn đáng sợ.

Trong khi tập trung vào ý nghĩ này, Feyd-Rautha trở nên ý thức về tiếng ồn bùng ra từ các khán đài khắp xung quanh cậu. Người ta đang reo hò hoan hô tốt cùng cuồng nhiệt.

Feyd-Rautha quay lại, nhìn lên họ.

Tất cả mọi người hoan hô ngoại trừ Nam tước, ngài ngồi chống tay lên cằm mà đắm mình suy nghĩ - và vợ chồng Bá tước, cả hai đang chăm chăm nhìn xuống cậu ta, khuôn mặt giấu sau những nụ cười.

Bá tước Fenring quay sang phu nhân, nói: “À-ừ-ừ-ừ-m-m-m, chàng trai thật ừ-ừ-ừ-m-m-m tài ba, em nhỉ?”

“Những à-ờ-ờ phản ứng khớp thần kinh của cậu ta quá nhanh,” cô nói.

Nam tước nhìn cô, nhìn Bá tước, rồi quay sang chú mục vào đấu trường, thầm nghĩ: *Nếu kẻ nào đó có thể tiếp cận được một thứ gì đó của ta gần đến thế! Nỗi phần nộ bắt đầu thay cho nỗi sợ trong Nam tước. Đêm nay ta sẽ cho thằng chủ nô kia chết từ từ trên ngọn lửa liu riu... và nếu lão Bá tước này cùng phu nhân của hắn có nhúng tay vào...*

Cuộc trò chuyện trên lô của Nam tước là một chuyển động xa xăm đối với Feyd-Rautha, những giọng nói chìm đi trong tiếng gào đồng thanh kèm theo nhịp dậm chân từ khắp tứ phía dội xuống:

“Lấy đầu! Lấy đầu! Lấy đầu! Lấy đầu!”

Nam tước cau mày khi thấy cái kiểu Feyd-Rautha quay lại phía ngài. Lừ đừ uể oải, khó nhọc lắm mới dần được cơn phần nộ, Nam tước vẫy tay về phía chàng trai đang đứng trên đấu trường cạnh cái xác nằm ngửa chênh ềnh của tên nô lệ. *Tặng cái đầu cho thằng nhóc. Nó xứng đáng với phần thưởng đó vì đã vạch trần âm mưu của tên chủ nô.*

Feyd-Rautha nhìn thấy dấu hiệu tán đồng, liền nghĩ: *Họ nghĩ họ đang tôn vinh ta. Cứ để họ thấy ta nghĩ gì!*

Cậu thấy các trợ thủ tiến tới, tay cầm một con dao như kiểu chiếc cưa để làm nhiệm vụ của mình, liền vẫy tay ra hiệu họ lùi lại, vẫy tay lần nữa khi thấy họ do dự. *Họ nghĩ chỉ một cái đầu là đủ tôn vinh ta rồi đấy!* cậu nghĩ. Cậu cúi xuống, xếp hai tay tên đấu sĩ bắt treo quanh cán dao thò ra, rồi rút dao đặt vào trong hai bàn tay bất động.

Việc đó cậu làm chỉ trong nháy mắt, rồi cậu thẳng người dậy, gật đầu ra hiệu cho các trợ thủ. “Chôn tên nô lệ này đi, cứ để nguyên con dao trong tay gã,” cậu nói. “Gã xứng đáng giành được nó.”

Trên lô danh dự bằng vàng, Bá tước Fenring nghiêng người lại sát bên Nam tước mà nói: “Một nghĩa cử đẹp - ấy mới đích thị là anh hùng cái thế. Cháu của ông không chỉ có lòng can đảm mà còn có cả tác phong mã thượng.”

“Nó xúc phạm công chúng khi từ chối nhận cái đầu,” Nam tước lẩm bẩm.

“Hoàn toàn không,” Phu nhân Fenring nói. Cô ngoái đầu, nhìn lên những khán đài quanh họ.

Và Nam tước lưu ý đường nét cái cổ của cô ta - những chuyển động tinh tế thực sự đáng yêu của các cơ - như của một cậu bé.

“Họ thích những gì cháu ông đã làm,” cô nói.

Khi ý nghĩa trong cử chỉ của Feyd-Rautha thấm vào tận những hàng ghế xa nhất, khi đám đông thấy các trợ thủ cứ để nguyên xác tên đấu sĩ như vậy mang đi, Nam tước quan sát họ và nhận ra cô đã diễn giải đúng phản ứng của họ. Người ta đang trở nên cuồng loạn, vừa thụi nhau bôm bốp vừa giậm chân, la hét.

Nam tước nói với vẻ mệt mỏi: “Tôi sẽ ra lệnh mở đại yến. Ngài không thể cho người ta cứ thế về nhà trong khi họ bùng bùng năng lượng nhường kia mà không biết trút vào đâu. Họ phải thấy rằng tôi cũng phần khích như họ vậy.” Ngài đưa tay ra hiệu cho vệ sĩ, và một gia nhân đứng phía trên họ liền chúc đầu lá cờ đuôi nheo màu cam của gia tộc Harkonnen xuống rồi nhắc lên một lần, hai lần, ba lần - đấu hiệu sẽ có đại yến.

Feyd-Rautha băng ngang đấu trường, đến đứng bên dưới lô bằng vàng, vũ khí tra vào vỏ, hai tay thả hai bên. Vượt trên cơn cuồng thú không hề giảm bớt của đám đông, cậu hô to: “Đại yến sao, thưa Bá phụ?”

Tiếng ồn bắt đầu dịu xuống khi đám đông nhìn thấy họ đang trao đổi, liền chờ đợi.

“Vinh danh cháu, Feyd ạ!” Nam tước hô to xuống. Và một lần nữa, ngài ra lệnh cho hạ cờ đuôi nheo xuống rồi lại kéo lên để làm hiệu.

Phía bên kia đấu trường, hàng rào an toàn đã bị hạ xuống và đám thanh niên đang nhảy xuống sàn đấu, rầm rập chạy về phía Feyd-Rautha.

“Ông hạ lệnh cho hạ các tấm chắn an toàn sao, Nam tước?” Bá tước hỏi.

“Sẽ không ai làm hại thằng bé đâu,” Nam tước nói. “Nó là một người hùng.”

Những người đầu tiên trong đám đông đang ùn ùn chạy tới đã chạm tay được vào Feyd-Rautha, công kênh cậu lên vai, bắt đầu diễu quanh đấu trường.

“Đêm nay thì nó có thể đi qua những khu nghèo hèn nhất của Harko mà không mang vũ khí, tấm chắn cũng không,” Nam tước nói. “Người ta sẽ khoan dải nó tất tịt mọi thứ đồ ăn thức uống mà họ có miễn sao được nó ngồi cùng.”

Nam tước đẩy người ra khỏi ghế, dồn sức nặng cơ thể vào bộ dây treo. “Xin chur vị thứ lỗi. Có những việc mà đích thân tôi phải để mắt tới ngay bây giờ. Vệ sĩ sẽ tiễn chur vị về lâu đài.”

Bá tước đứng dậy cúi chào. “Nhất định rồi, Nam tước. Chúng tôi rất mong được dự buổi đại yến. Tôi chưa à-ờ-ờ-ờ chưa bao giờ dự một đại yến của nhà Harkonnen.”

“Phải,” Nam tước nói. “Đại yến.” Ngài quay đi, được các vệ sĩ vây quanh, bước ra khỏi lô bằng cửa riêng.

Một viên chỉ huy vệ sĩ cúi chào Bá tước Fenring. “Xin Chúa công ban lệnh.”

“Bọn ta sẽ à-ờ đợi cho đến khi ừ-ừ-ừ-m-m-m đám đông tối tệ nhất ừ-ừ-m-m-m đi qua đã,” Bá tước nói.

“Vâng, thưa Chúa công.” Tay vệ sĩ cúi chào rồi lùi lại ba bước.

Bá tước Fenring đối diện với vợ, lại dùng thứ ngôn ngữ mã hoá nghe như ậm ậm ừ ừ của riêng họ: “Dĩ nhiên là em thấy rồi chứ?”

Cũng bằng thứ ngôn ngữ ậm ậm ừ ừ đó, cô nói: “Gã trai biết tên đấu sĩ không bị phục thuốc. Đúng là có một khoảnh khắc hấn ta sợ, nhưng ngạc nhiên thì không.”

“Mọi chuyện được hoạch định cả rồi,” ông ta nói. “Rất một tấn tuồng.”

“Không nghi ngờ gì nữa.”

“Sặc mùi Hawat.”

“Đúng vậy,” cô nói.

“Ban này ta có yêu cầu Nam tước loại bỏ Hawat.”

“Thế là sai lầm, anh yêu ạ.”

“Giờ thì ta hiểu.”

“Chẳng bao lâu nữa nhà Harkonnen có thể sẽ có một Nam tước mới.”

“Nếu đó là kế hoạch của Hawat.”

“Việc đó cần phải kiểm tra, đúng thế.”

“Thằng nhóc sẽ dễ kiểm soát hơn.”

“Cho chúng ta... sau đêm nay,” cô nói.

“Em không thấy trước là sẽ khó mà quyến rũ được nó sao, con chim mẹ bé bỏng của ta?”

“Không, anh yêu ạ. Anh đã thấy nó nhìn em ra sao rồi còn gì.”

“Phải, và giờ thì ta có thể hiểu tại sao chúng ta phải có được dòng máu đó.”

“Quả vậy, và rõ ràng chúng ta phải nắm được thằng nhóc đó. Em sẽ cấy vào bản ngã sâu kín của nó những lời prana-bindu cần thiết để khuất phục nó.”

“Chúng ta sẽ đi càng sớm càng tốt - ngay khi nào em biết chắc,” y nói.

Cô nhún vai. “Bằng mọi cách. Em không muốn sinh con ở cái nơi kinh khủng này đâu.”

“Những gì chúng ta làm nhân danh nhân loại,” ông nói.

“Phần của anh thì dễ thôi,” cô nói.

“Có một vài định kiến cổ xưa mà ta phải vượt qua,” ông nói. “Chúng khá cơ bản đấy, em biết mà.”

“Anh tội nghiệp của em,” cô nói rồi vỗ má ông. “Anh biết đây là cách duy nhất để ta đảm bảo cứu được dòng máu đó.”

Ông nói bằng giọng khô khan: “Ta hiểu rõ chúng ta làm gì.”

“Chúng ta sẽ không thất bại,” cô nói.

“Tội lỗi khởi đầu như là cảm giác thất bại,” ông nhắc nhở.

“Sẽ không có tội lỗi gì hết,” cô nói. “Chỉ cần ràng buộc tâm linh gã Feyd-Rautha đó bằng thôi miên, có được đứa con của hắn trong dạ con em là chúng ta sẽ đi ngay.”

“Cái lão bá phụ ấy,” ông nói. “Em đã bao giờ thấy sự méo mó dị dạng đến thế chưa?”

“Ông ta khá hung tợn,” cô nói, “nhưng thằng cháu lớn lên có thể còn tệ hơn thế.”

“Nhờ chính cái lão bá phụ ấy. Nghĩ mà xem, lẽ ra thằng bé có thể ra người thế nào nếu như nó được dạy dỗ theo cách khác - với bộ luật của nhà Atreides dẫn dắt nó chẳng hạn.”

“Buồn thật,” cô nói.

“Giả như chúng ta có thể cứu cả cậu trai nhà Atreides lẫn cậu này. Từ những gì ta nghe được về cậu nhóc Paul ấy - một chàng trai thật đáng phục, sự thống hợp hài hòa giữa nòi giống và dạy dỗ.” Ông lắc đầu. “Nhưng chúng ta không nên phí phạm nỗi buồn cho những kẻ quý tộc bất hạnh.”

“Đó là một châm ngôn Bene Gesserit,” cô nói.

“Bọn em có châm ngôn cho mọi thứ!” ông xác nhận.

“Anh sẽ thích châm ngôn này,” cô nói. “Nó thế này: ‘Đừng coi người nào đó là đã chết chừng nào chưa thấy xác anh ta. Mà ngay cả khi đã thấy, người cũng có thể lằm.’ ”

Muad'Dib nói với chúng tôi trong “Khoảng thời gian suy ngẫm” rằng những va chạm đầu tiên của Người với hoàn cảnh ngặt nghèo ở Arrakeen là những khởi đầu thực sự trong việc học tập của Người. Người học cách cắm cột vào cát để dự báo thời tiết, học ngôn ngữ của những mũi kim gió chích vào da, học cách làm mũi mình có thể kêu xì xì với cơn ngứa do cát và học cách thu thập hơi ẩm quý báu xung quanh Người để giữ gìn và tái chế nó. Khi mắt Người đã nhuốm màu xanh Ibad, ấy là lúc Người đã học được phương pháp Chakobsa.

- Lời nói đầu của Stilgar cho “Muad'Dib, Con người” của Công chúa Irulan

Quân của Stilgar cùng hai kẻ đi lạc từ sa mạc quay về sietch, tiến ra khỏi

vùng lòng chảo trong ánh sáng đang lịm dần của vầng trăng thứ nhất. Những dáng người mặc áo choàng dài bước đi vội vã, cảm thấy trong mũi họ mùi của mái ấm gia đình. Đường viền màu xám của hoàng hôn sau lưng họ sáng rõ hơn hết ở hẻm núi vốn được dùng trong bộ lịch dựa theo đường chân trời của họ để đánh dấu thời điểm trung thu, tháng Caprock.

Những chiếc lá khô được bọn trẻ trong sietch gom dưới chân vách núi giờ lại bị gió xối tung vương vãi khắp nơi, song tiếng di chuyển của đoàn quân (ngoại trừ thi thoảng Paul và mẹ cậu bị vấp) không thể phân biệt được với những tiếng động tự nhiên của ban đêm.

Paul lau đám bụi bết lại vì mồ hôi trên trán, cảm thấy có ai kéo tay mình, rồi nghe tiếng Chani gắt lên: “Làm như em đã bảo ấy: kéo diềm mũ xuống trùm kín trán! Chỉ để hở mắt ra thôi. Anh đang phung phí hơi ấm đấy.”

Một giọng thì thầm sau lưng họ ra lệnh phải im lặng: “Sa mạc đang nghe các bạn đó!”

Một con chim kêu riu rít từ vách đá cao trên đầu họ.

Đoàn quân đứng lại, và Paul cảm nhận được sự căng thẳng đột ngột.

Có tiếng thùm thụp mơ hồ phát ra từ những vách đá, một tiếng động không to hơn tiếng chuột nhảy trong cát.

Một lần nữa, con chim kêu riu rít.

Một sự xao động lướt qua những hàng quân. Và một lần nữa, tiếng thùm thụp nghe như chuột nhảy lại len lỏi xuyên qua cát.

Một lần nữa, con chim kêu riu rít.

Đoàn quân tiếp tục leo vào một kẽ nứt giữa các vách đá, song lúc này những người Fremmen như nín thở, điều đó khiến Paul thận trọng, và cậu

nhận thấy có những cái nhìn vụng trộm ném về phía Chani, nhận thấy cô dường như rút lui, như thể tìm mình lại.

Giờ thì dưới chân có một tảng đá, những chiếc áo choàng xám sột soạt khe khẽ xung quanh họ, và Paul cảm thấy kỷ luật được nối lỏng, nhưng cái vẻ tĩnh-lặng-bên-trong ở Chani và những người khác thì vẫn còn đó. Cậu bước theo đoàn người như theo những cái bóng - những bước đi lên, rẽ, thêm nhiều bước nữa, vào một đường hầm, qua hai cánh cửa được niêm kín để giữ ấm rồi vào một hành lang hẹp có những quả đèn cầu chiếu sáng, hai bên là tường đá màu vàng, trần cũng bằng đá màu vàng.

Khắp xung quanh, Paul thấy những người Fremen trật mũ trùm đầu ra, tháo ống thở khỏi mũi rồi hít thở sâu. Ai đó thở dài. Paul tìm Chani, nhận ra cô không còn bên cậu nữa. Cậu bị vây kín giữa những thân hình chen chúc mặc áo choàng. Ai đó huých khuỷu tay cậu rồi nói: “Xin lỗi Usul. Đông quá đi mất! Bao giờ cũng vậy.”

Phía bên trái, khuôn mặt gầy rậm râu của một người tên là Farok quay về phía Paul. Hai hốc mắt bị đổi màu và màu xanh tối thẫm của cặp mắt dường như còn tối hơn dưới ánh đèn vàng. “Trật mũ trùm đầu ra đi, Usul,” Farok nói. “Anh về tới nhà rồi.” Và anh ta giúp Paul tháo móc cài mũ trùm, khuyhnh cùi chỏ ra hai bên để lấy chỗ.

Paul tháo ống thở ra, gạt màng ngăn che mũi sang một bên. Cái mùi của nơi này xộc vào mũi cậu: những thân thể lâu không tắm rửa, mùi ê te tinh cất của chất thải được tái chế, đâu đâu cũng nồng nặc mùi hơi người chua loét, nổi lên rõ nhất là sự nhiễu loạn của mùi hương được và mùi những hợp chất giống như hương được.

“Sao chúng ta lại đợi hờ Farok?” Paul hỏi.

“Chắc là đợi Mẹ Chí tôn. Anh đã nghe thông điệp rồi đó - tội nghiệp Chani.”

Tội nghiệp Chani? Paul tự hỏi. Cậu nhìn quanh, tự hỏi cô đang ở đâu, mẹ cậu đã biến đi đâu trong cái đám đông này.

Farok hít một hơi dài. “Mùi của nhà mình,” anh ta nói.

Paul thấy người này đang thích thú tận hưởng mùi hôi thối trong bầu không khí, không có chút mĩa mai nào trong giọng anh ta. Rồi thì cậu nghe tiếng mẹ húng hắng ho, và giọng bà vọng đến tai cậu qua đám đông chen chúc: “Những mùi trong sietch của các vị thật phong phú làm sao, Stilgar ạ. Tôi thấy các vị làm rất nhiều thứ với hương được... các vị làm giấy... nhựa... rồi thì... đó không phải là chất nổ hóa học đấy chứ?”

“Bà nghe mùi mà biết được à?” giọng một người đàn ông khác nói.

Và Paul nhận ra rằng mẹ đang nói vì lợi ích của cậu, rằng bà muốn cậu nhanh chóng chấp nhận cái mùi nồng nặc đang tấn công không thương tiếc vào mũi cậu.

Có tiếng ồn ào khi người ta làm gì đó ở phía đầu đám đông, và một hơi thở kéo dài dường như lan qua tất cả những người Fremen, rồi Paul nghe những giọng xì xào cổ nén phía cuối dòng người: “Đúng thật rồi - Liet đã chết.”

Liet, Paul nghĩ. Rồi: *Chani*, con gái của *Liet*. Những mẫu rời rạc đó ráp lại với nhau trong tâm trí cậu. *Liet* là tên mà người Fremen gọi nhà sinh thái học.

Paul nhìn Farok, hỏi: “Có phải Liet còn có tên là Kynes không?”

“Chỉ có một Liet thôi,” Farok nói.

Paul ngoảnh đi, nhìn chăm chăm vào tấm lưng mặc áo choàng của người Fremen đứng trước. *Vậy là Liet-Kynes đã chết*, cậu nghĩ.

“Đó là do bọn Harkonnen phản bội,” ai đó rít lên. “Chúng ngụy trang như một vụ tai nạn... lạc trong sa mạc... tàu bị rơi...”

Paul cảm thấy bùng bùng giận dữ. Người đã giúp họ như một người

bạn, đã cứu họ thoát khỏi bọn Harkonnen truy sát, người đã cử quân đi tìm hai kẻ lạc trong sa mạc... lại thêm một nạn nhân của bọn Harkonnen.

“Có phải Usul lại thêm khát trả thù?” Farok hỏi.

Paul chưa kịp trả lời thì một tiếng gọi trầm cất lên và đoàn người tiến lên phía trước vào một gian phòng rộng hơn, mang Paul theo cùng họ. Cậu thấy mình đang ở trong một không gian thông thoáng, trước mặt là Stilgar và một người đàn bà lạ mặt quần quanh người bộ áo dài lưng thụng màu cam và xanh sắc sỡ. Tay chị ta để trần tới vai, và cậu thấy chị ta không mặc sa phục. Da chị ta màu ô liu nhạt. Mái tóc sẫm vuốt ngược ra sau để lộ vầng trán cao, khiến người ta chú ý vào hai gò má sắc nét và chiếc mũi khoằm chen giữa bóng tối dày đặc của cặp mắt.

Chị ta ngoảnh sang Paul, và cậu thấy những chiếc vòng vàng có râu khuyen đo nước lũng lẳng ở tai chị ta.

“Kẻ đã hạ Jamis của ta đây ư?” chị ta hỏi.

“Im lặng nào, Harah,” Stilgar nói. “Đó là do Jamis tự làm - chính *anh ta* đã đòi quyết đấu tahaddi al-burhan.”

“Nó chỉ là thằng nhóc thôi!” chị ta nói. Chị lắc đầu quây quây, khiến những vòng đo nước kêu lanh canh. “Đàn con tôi đã bị mất cha vì một đứa trẻ con khác ư? Nhất định rồi, đó chỉ là một rủi ro!”

“Usul, anh bao nhiêu tuổi?” Stilgar hỏi.

“Mười lăm tuổi chuẩn,” Paul nói.

Stilgar lướt nhìn khắp đám đông. “Có ai trong các người muốn thách đấu với tôi không?”

Im lặng.

Stilgar nhìn người đàn bà. “Chừng nào tôi chưa học được những kiểu thức huyền thuật của Usul, tôi sẽ không thách đấu với cậu ấy.”

Chị ta chăm chăm nhìn lại ông. “Nhưng...”

“Cô đã thấy người đàn bà lạ mặt đi cùng Chani đến gặp Mẹ Chí tôn rồi chứ?” Stilgar hỏi. “Bà ta là một Sayyadina ngoại tộc, mẹ của cậu trai này. Hai mẹ con là bậc thầy của những phương pháp giao chiến huyền thuật.”

“Lisan al-Gaib,” người đàn bà thì thầm. Mắt chị ta lộ vẻ kính sợ khi lại nhìn về phía Paul.

Lại truyền thuyết nữa, Paul nghĩ.

“Có lẽ vậy,” Stilgar nói. “Tuy nhiên điều đó chưa được kiểm tra.” Ông lại hướng sự chú ý vào Paul. “Usul, theo tập quán của chúng tôi, giờ thì anh chịu trách nhiệm về vợ của Jamis đây và hai đứa con anh ấy. Yali của anh ta... nhà của anh ta, giờ đây là nhà anh. Phần cà phê phục vụ anh ta nay là của anh... và cả đây nữa, người đàn bà của anh ta.”

Paul vừa quan sát người đàn bà vừa tự hỏi: *Tại sao chị ta không than khóc người đàn ông của chị ta? Tại sao chị ta không tỏ vẻ căm hận mình?* Đột nhiên, cậu nhận ra người Fremen đang chăm chú nhìn cậu, chờ đợi.

Ai đó thì thầm: “Cậu có việc cần làm đấy. Hãy nói xem cậu tiếp nhận cô ta ra sao.”

Stilgar nói: “Anh nhận Harah làm người chung sống hay người phục vụ?”

Harah nâng hai tay lên, chậm chậm xoay người trên một gót chân. “Tôi còn trẻ, Usul ạ. Người ta nói tôi trông vẫn trẻ như hồi tôi còn ở với Geoff... trước khi Jamis hạ thủ anh ấy.”

Jamis đã giết một người khác để giành được chị ta, Paul nghĩ.

Paul nói: “Nếu tôi nhận cô ấy làm người phục vụ thì liệu sau này tôi có thể đổi ý không?”

“Anh có một năm để thay đổi quyết định,” Stilgar nói. “Sau đó, cô ta sẽ là người phụ nữ tự do có quyền tùy ý lựa chọn... hoặc bất cứ lúc nào anh cũng có thể giải phóng cô ấy để cô ấy tự lựa chọn. Nhưng dù thế nào đi nữa, trong vòng một năm, cô ấy là trách nhiệm của anh... và anh sẽ phải luôn luôn chia sẻ một phần trách nhiệm với các con của Jamis.”

“Tôi nhận cô ấy làm người phục vụ,” Paul nói.

Harah giậm một chân, lắc vai đầy giận dữ. “Nhưng tôi còn trẻ mà!”

Stilgar nhìn Paul, nói: “Cẩn trọng là một phẩm chất xứng đáng ở người lãnh đạo.”

“Nhưng tôi còn trẻ!” Harah lặp lại.

“Im nào,” Stilgar ra lệnh. “Cái gì vốn đã giá trị thì vẫn sẽ có giá trị. Hãy chỉ cho Usul nhà anh ấy, cho anh ấy thay quần áo sạch và có chỗ nghỉ ngơi.”

“Ôi-ôi-ôi!” chị ta nói.

Paul đã ghi nhận về chị ta đủ để có một đánh giá gần đúng đầu tiên. Cậu cảm thấy sự nôn nóng của đám đông, biết rằng ở đây có nhiều cái đang bị trì hoãn. Cậu băn khoăn không biết có dám hỏi xem mẹ và Chani đang ở đâu không, và từ dáng đứng bồn chồn của Stilgar cậu nhận ra nếu hỏi vậy thì hẳn là sai lầm.

Cậu đối diện Harah, bắt giọng với thanh điệu và độ rung sao cho làm nổi bật nỗi sợ hãi và kính nể của chị ta rồi nói: “Chỉ cho ta xem nhà của ta nào, Harah! Khi khác chúng ta sẽ bàn về tuổi trẻ của cô.”

Chị ta lùi lại hai bước, ném một cái nhìn sợ sệt về phía Stilgar. “Anh ta có giọng huyền thuật,” chị thì thầm.

“Stilgar,” Paul nói. “Phụ thân của Chani đã đặt nghĩa vụ nặng nề lên vai tôi. Nếu có chuyện gì...”

“Chuyện đó sẽ được quyết ở hội đồng,” Stilgar nói. “Khi đó anh có thể phát biểu.” Ông gật đầu ra hiệu cho đi, rồi quay lưng bước, đám đông còn lại nối theo.

Paul nắm lấy cánh tay Harah, để ý thấy da thịt chị mát rượi, cảm thấy chị đang run rẩy. “Tôi không làm hại cô đâu, Harah ạ,” cậu nói. “Chỉ cho tôi xem nhà chúng ta nào.” Và cậu dùng những yếu tố thư giãn để làm giọng mình trở nên dịu dàng hơn.

“Anh sẽ không vứt bỏ tôi khi thời hạn một năm qua đi chứ?” chị hỏi. “Tôi biết chắc mình không còn trẻ như xưa nữa.”

“Chừng nào tôi còn sống, cô sẽ có một chỗ ở bên tôi,” cậu nói. Cậu buông lỏng tay chị. “Đi nào, nhà chúng ta ở đâu?”

Chị ta quay đi, dẫn đường dọc theo hành lang, rẽ phải vào một đường hầm rộng rãi cắt ngang được những quả cầu màu vàng treo cách quãng đều đặn trên đầu chiếu sáng. Sàn đá phẳng lì, tĩnh không một hạt bụi.

Paul tiến lên ngang chị ta, quan sát kỹ nét mặt như chim ưng của chị trong khi họ bước bên nhau. “Cô không ghét tôi à, Harah?”

“Sao tôi lại phải ghét anh?”

Chị ta gật đầu với một đám trẻ đang đứng nhìn họ chầm chầm trên cái gờ nhô cao ở một hành lang bên cạnh. Paul thoáng thấy bóng những người lớn đằng sau bọn trẻ, được che khuất một phần nhờ những tấm rèm dùng đục.

“Tôi... đã thắng Jamis.”

“Stilgar nói tang lễ đã được tiến hành và anh là bạn của Jamis.” Chị liếc nhìn cậu. “Stilgar nói anh đã trao hơi ấm cho người chết. Có đúng vậy không?”

“Phải.”

“Tôi thì sẽ không làm thế... không thể làm thế được.”

“Cô có thương tiếc anh ấy không?”

“Đến lúc than khóc thì tôi sẽ than khóc cho anh ấy.”

Họ đi ngang qua một ô cửa vòm cung. Paul nhìn qua ô cửa thì thấy nhiều người đàn ông, đàn bà đang làm việc bên những cỗ máy lắp trên bệ trong một căn phòng rộng, sáng sủa. Dường như ở họ có một nhịp độ khẩn trương đặc biệt.

“Họ đang làm gì trong đó vậy?” Paul hỏi.

Chị ta ngoái lại nhìn khi họ đã đi qua khỏi ô cửa, nói: “Họ đang cố hoàn tất chỉ tiêu của phân xưởng sản xuất đồ nhựa trước khi chúng ta trốn khỏi đây. Chúng ta cần nhiều thiết bị thu sương để trồng trọt.”

“Trốn?”

“Chừng nào bọn đồ tể còn chưa thôi săn bắt chúng ta hoặc chưa bị đuổi sạch khỏi xứ ta.”

Paul bỗng dừng thấy mình như bị hẫng, cảm thấy một khoảnh khắc thời gian bị tóm giữ, nhớ lại một mẫu vụn, một hình chiếu thị giác tiên tri hiển hiện trước mắt - nhưng rồi nó bị thay thế, giống như thước phim đang chạy. Những mẫu ký ức tiên tri của cậu không hẳn đúng như cậu nhớ về chúng.

“Bọn Sardaukar đang săn lùng chúng ta,” cậu nói.

“Chúng sẽ chẳng tìm thấy gì nhiều ngoài một, hai sietch rỗng không,” chị nói. “Và chúng sẽ tìm thấy phần cái chết của chúng ở trong cát.”

“Chúng có tìm ra nơi này không?” cậu hỏi.

“Chắc là có.”

“Thế mà chúng ta lại phí thì giờ...” Cậu hất đầu ra hiệu về phía vòm cửa giờ đã ở phía xa sau lưng họ, “để làm... những thiết bị thu sương?”

“Vẫn phải trồng trọt chứ.”

“Thiết bị thu sương là gì vậy?” cậu hỏi.

Cái nhìn đáp lại của chị đầy ắp ngạc nhiên. “Người ta chẳng dạy gì cho anh ở... ở nơi nào đó mà trước kia anh sống hay sao?”

“Về thiết bị thu sương thì không.”

“Chao!” chị ta nói, và một chữ đó hàm chứa cả một cuộc đối thoại.

“Vậy, nó là gì vậy?”

“Mỗi bụi cây, mỗi cọng cỏ dại anh nhìn thấy trên biển cát ngoài kia, anh cho là nó sống như thế nào khi chúng ta rời bỏ nó?” chị ta nói. “Mỗi bụi cây, bụi cỏ đều được trồng một cách hết sức nâng niu trong một cái hốc con riềng. Những hốc này chứa đầy các thể lập sắc hình ô van phẳng phiu. Ánh sáng làm chúng chuyển sang màu trắng. Nếu đứng trên cao nhìn xuống, anh có thể thấy chúng lấp lánh trong ánh bình minh. Màu trắng thì phản xạ. Nhưng khi Thái Dương Lão Phụ ra đi, lập sắc lại chuyển thành trong suốt trong bóng tối. Nó lạnh đi cực nhanh. Bề mặt nó làm ngưng tụ hơi ẩm trong không khí. Hơi ẩm ấy chuyển thành nước, rỉ xuống để giữ cho cây sống.”

“Thiết bị thu sương,” cậu lẩm bẩm, thích thú cái vẻ đẹp giản dị của một ý tưởng như vậy.

“Tôi sẽ khóc thương Jamis vào lúc thích hợp,” chị nói, như thể tâm trí chị ta vẫn chưa quên câu hỏi kia của cậu. “Lúc còn sống anh ấy là người tốt, Jamis ấy, chỉ có điều dễ nóng giận quá. Anh ấy là trụ cột vững chắc của gia đình, và với con cái thì anh ấy thật tuyệt. Anh ấy không hề phân biệt giữa con riêng của tôi, tức đứa đầu của tôi với Geoff, và con ruột của anh

ấy. Anh ấy coi chúng như nhau.” Chị hướng cái nhìn dò hỏi về phía Paul.
“Anh sẽ như vậy chứ, Usul?”

“Giữa chúng ta không tồn tại vấn đề đó.”

“Nhưng nếu...”

“Harah!”

Chị chùn lại trước vẻ gay gắt trong giọng cậu.

Họ đi ngang qua một căn phòng khác được thắp sáng trưng, có thể nhìn thấy rõ từ ô cửa vòm bên trái. “Ở đây người ta làm gì?” cậu hỏi.

“Họ chữa máy dệt,” chị ta nói, “nhưng người ta sẽ phải tháo nó ra trước đêm nay.” Chị ra hiệu về phía một đường hầm nhánh ở bên trái. “Suốt cả đêm đó và xa hơn nữa là nơi chế biến thực phẩm và bảo trì sa phục.” Chị nhìn Paul. “Bộ đồ của anh trông còn mới. Nhưng nếu cần chỉnh sửa gì thì tôi khá rành chuyện quần áo. Tôi làm việc trong nhà máy theo thời vụ mà.”

Giờ thì họ bắt đầu đến gần những nhóm người, những cụm ô cửa dọc hai bên đường hầm cũng trở nên dày đặc hơn. Một tốp đàn ông đàn bà đi ngang qua hai người, mang những cái túi kêu òng ọc rất to, mùi hương được xộc lên nồng nặc.

“Chúng sẽ không cướp được nước của chúng ta đâu,” Harah nói. “Hương được cũng không. Anh có thể tin chắc thế.”

Paul liếc nhìn những ô cửa hai bên vách hầm, nhìn những tấm thảm nặng trải trên các gờ nhô cao, thoáng thấy những căn phòng tường có treo các tấm vải màu sặc sỡ và đệm xếp thành chõng. Những người đứng nơi ô cửa im bật khi họ đi qua, nhìn chòng chọc theo Paul chẳng cần che đậy.

“Người ta thấy anh thắng được Jamis thì thật lạ,” Harah nói. “Có lẽ khi chúng ta đã an cư ở sietch mới thì anh sẽ phải làm gì đó để tự chứng tỏ mình.”

“Tôi không thích giết chóc,” cậu nói.

“Stilgar cũng nói vậy,” chị nói, nhưng giọng để lộ sự hoài nghi.

Những tiếng đọc ồn ã càng lúc càng vang to trên đầu họ. Họ bước đến gần một ô cửa khác ở bên vách, rộng hơn bất cứ ô cửa nào Paul đã thấy. Cậu chậm bước, nhìn đắm đắm vào một căn phòng chật ních bọn trẻ con ngồi bắt chéo chân trên mặt sàn trải thảm màu hạt dẻ.

Cạnh tấm bảng tựa vào bức tường phía xa có một phụ nữ mặc áo choàng màu vàng đang đứng, tay cầm một cây bút trở. Tấm bảng đầy những hình vẽ - hình tròn, hình nêm, đường cong, đường ngoằn ngoèo như rắn, hình vuông, hình vòng cung thanh thoát bị những đường song song cắt làm đôi. Người phụ nữ trở vào các hình vẽ, lần lượt từng cái, dờ bút nhanh hết mức, trong khi bọn trẻ đồng thanh đọc hòa nhịp theo bàn tay chuyển động của cô.

Paul lắng tai, nghe những giọng ê a đó mỗi lúc một nhỏ dần phía sau trong khi cậu cùng Harah tiến sâu hơn vào trong lòng sietch.

“Cây,” bọn trẻ ê a. “Cây, cỏ, cồn cát, gió, núi, đồi, lửa, sét, đá, bụi, cát, nóng, nơi trú ngụ, nóng, đầy, mùa đông, lạnh, trống, xói mòn, mùa hạ, hang, ngày, căng thẳng, trắng, đêm, chỏm đá, triều cát, dốc, trống trọt, dây buộc...”

“Dân Fremen các cô cho bọn trẻ con học vào lúc này sao?” Paul hỏi.

Khuôn mặt chị trở nên ủ rũ, giọng nhuốm buồn: “Những gì Liet đã dạy chúng tôi, chúng tôi không thể ngừng dù chỉ trong khoảnh khắc. Chúng tôi không được phép quên Liet, người đã khuất. Đó là Đạo Chakobsa.”

Chị băng sang bên trái đường hầm, bước lên một cái gờ, vạch những tấm màn màu cam mỏng tang rồi đứng sang bên. “Yali của anh đã sẵn sàng để đợi anh, Usul.”

Paul ngần ngừ một chút rồi mới theo chị bước lên gờ đá. Đột nhiên cậu

cảm thấy miễn cưỡng khi phải ở một mình với người đàn bà này. Cậu chợt hiểu, mình đang bị vây quanh giữa một lối sống mà cậu chỉ có thể hiểu nếu mặc nhiên công nhận cả một hệ thống ý niệm và giá trị. Cậu cảm thấy cái thế giới Fremen này đang giương câu nhử cậu, cố giăng bẫy tóm cậu, buộc cậu phải theo cung cách của nó. Và cậu biết cái gì nằm trong cái bẫy đó - cuộc thánh chiến rồ dại, cuộc chiến tranh tôn giáo mà cậu cảm thấy mình phải tránh bằng mọi giá.

“Đây là yali của anh,” Harah nói. “Sao anh chần chừ vậy?”

Paul gạt đầu, trèo lên gờ đá cạnh chị. Cậu nâng những tấm rèm ở ngay trước mặt chị lên, cảm thấy những sợi kim loại trong thớ vải, theo chị vào một hành lang ngắn rồi vào một phòng lớn hơn, hình vuông, mỗi cạnh chừng sáu mét, sàn trải thảm dày màu xanh dương, những tấm vải màu xanh dương và xanh lục che kín bốn bức tường đá, những chiếc đèn cầu chĩnh sang màu vàng treo trên đầu bập bồng lắc lư dưới lớp vải màu vàng xếp nếp trên trần nhà.

Tất cả mang lại không khí một căn lều thời cổ.

Harah đứng trước mặt cậu, tay trái chống lên sườn, mắt sầm soi nhìn cậu. “Bọn trẻ đang có bạn,” chị nói. “Chúng sẽ trình diện sau.”

Paul che giấu nỗi bối rối bằng cách đưa mắt nhìn nhanh căn phòng. Cậu nhận thấy những tấm rèm mỏng bên phải che khuất một phần căn phòng lớn hơn với những chiếc nệm con chắt đồng dọc các bức tường. Cậu cảm thấy một làn gió nhẹ thoảng ra từ một ống dẫn khí, thấy đầu ra của nó được giấu khéo léo trong một dãy rèm nhiều lớp ngay phía trước cậu.

“Anh có muốn tôi giúp anh cởi sa phục ra không?” Harah hỏi.

“Không... cảm ơn.”

“Tôi dọn đồ ăn cho anh nhé?”

“Ừ.”

“Có một gian tái chế cạnh căn phòng kia.” Chị ra hiệu. “Để anh nghỉ ngơi thoải mái khi đã cởi bỏ sa phục.”

“Cô đã nói chúng ta phải rời sietch này,” Paul nói. “Chúng ta không phải gói ghém đồ đạc hay gì gì sao?”

“Chuyện đó khi nào đến lúc hẵng làm,” chị nói. “Bọn đồ tể vẫn chưa xâm nhập khu vực của chúng ta mà.”

Chị vẫn ngẩn ngừ, nhìn cậu dăm dăm.

“Có chuyện gì vậy?” cậu hỏi.

“Anh không có cặp mắt của Ibad,” chị nói. “Lạ, nhưng không phải hoàn toàn không hấp dẫn.”

“Dọn đồ ăn đi,” cậu nói. “Tôi đói.”

Chị mỉm cười với cậu - một nụ cười hiểu biết, rất đàn bà khiến cậu thấy trong lòng không yên. “Tôi là gia nhân của cậu,” chị nói, rồi xoay người đi khỏi bằng dáng đi uyển chuyển, cúi mình băng qua một bức rèm nặng dùng làm tường, bức rèm nhấc lên lưng chừng để lộ một hành lang nữa rồi lập tức rơi về chỗ cũ.

Cảm thấy tức giận với chính mình, Paul gạt tấm rèm mỏng phía bên phải rồi bước vào căn phòng rộng hơn. Cậu đứng đó một lúc, tần ngần. Và cậu tự hỏi Chani đang ở đâu... Chani, người vừa mất cha.

Về chuyện đó chúng ta giống nhau, cậu nghĩ.

Một tiếng kêu rền rĩ vang lên từ những hành lang ngoài, âm lượng của nó bị những tấm rèm ngăn làm nghẹt bớt. Nó lặp lại, có phần xa hơn. Rồi lại lặp lại. Paul nhận ra ai đó đang nhắc nhở về thời gian. Cậu tập trung vào sự thật rằng cậu không hề thấy chiếc đồng hồ nào.

Mùi bụi cây creosote bị đốt thoảng bay đến mũi cậu, vượt trên cái mùi

hôi thối ngự trị khắp sietch. Paul nhận ra mình đã đè nén được cuộc tấn công của các mùi lên giác quan mình.

Và cậu lại băn khoăn về mẹ, cái chuỗi hình di chuyển của tương lai kia sẽ hợp nhất mẹ vào nó như thế nào... cả đứa con gái mà bà sinh ra nữa. Nhận thức-thời gian khả biến nhảy múa xung quanh cậu. Cậu lắc mạnh đầu, tập trung chú ý vào những bằng chứng nói lên chiều rộng và chiều sâu thăm thẳm của nền văn hóa Fremen này, nền văn hóa đã nuốt chửng họ.

Với những sự kỳ quặc tinh tế của nó.

Cậu đã thấy một điều về những cái hang và về căn phòng này, một thứ gợi lên cho cậu những khác biệt lớn lao hơn gấp bội so với bất cứ cái gì cậu từng gặp trước đây.

Không một dấu hiệu nào cho thấy có máy dò độc được ở đây, không điều gì chỉ ra rằng người ta dùng nó ở bất cứ đâu trong toàn bộ cái hang này. Thế nhưng cậu vẫn ngửi thấy mùi độc được trong mùi khẳm của sietch - những độc được mạnh, những độc được thường gặp.

Cậu nghe thấy tiếng rèm sột soạt, nghĩ rằng Harah bê đồ ăn quay lại bèn xoay người để quan sát chị ta. Thế nhưng, từ dưới một dây rèm nhiều lớp bị vén lên, cậu thấy hai cậu bé - trạc chín và mười tuổi - nhìn cậu chăm chăm bằng cặp mắt hau háu. Mỗi đứa mang một con dao pha lê kiểu dao găm ngắn, một tay đặt lên cán dao.

Và Paul nhớ lại những câu chuyện về người Fremen - rằng trẻ con Fremen cũng biết giao chiến ác liệt như người lớn.

Tay chuyển động, môi chuyển động -

Ý nghĩ tuôn ông ộc từ lời lẽ ngài,

Và mắt ngài ăn tươi nuốt sống!

Ngài là một hòn đảo Tự ngã.

- bản mô tả trích từ “Sổ tay của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Những ống đèn phốt pho ở các mép xa trên trần hang hắt ánh sáng lờ mờ lên lòng hang chật ních người, gợi ý về kích thước to lớn của không gian bốn bề toàn đá này... Jessica nhận thấy còn rộng hơn cả Đại Sản Đường của trường Bene Gesserit nàng từng học. Nàng ước tính có đến hơn năm ngàn người đang tụ tập ở đây, dưới gờ đá nơi nàng đang đứng cùng Stilgar.

Thế mà người ta vẫn đang vào thêm.

Bầu không khí đầy ắp tiếng người râm ran.

“Con trai bà sẽ được triệu tập từ nơi cậu ấy nghỉ ngơi, thưa Sayyadina,” Stilgar nói. “Bà có muốn cậu ấy dự phần vào quyết định của bà không?”

“Nó có thể thay đổi quyết định của tôi không?”

“Nhất định rồi, không khí thoát ra khi bà nói xuất phát từ phổi của chính bà kia mà, nhưng...”

“Quyết định vẫn nguyên giá trị,” nàng nói.

Nhưng nàng thấy lòng đầy nghi ngại, tự hỏi liệu nàng có nên dùng Paul như một cái cớ để thoái lui trước một con đường nguy hiểm hay không. Lại còn phải nghĩ tới đứa con gái chưa ra đời nữa. Cái gì gây nguy hiểm cho thân xác người mẹ thì cũng gây nguy hiểm cho thân xác đứa con.

Những người đàn ông tiến ra vác theo những tấm thảm cuộn tròn, càu nhàu dưới sức nặng của đồng thảm, thả phịch chúng xuống gờ đá làm bụi tung mù mịt.

Stilgar nắm tay dẫn nàng vào góc sừng dẫn âm tạo thành khu vực trong cùng của gờ đá. Ông chỉ vào một băng ghế dài bằng đá bên trong góc sừng dẫn âm. “Mẹ Chí tôn sẽ ngồi ở đây, nhưng bà có thể ngồi chừng nào Mẹ chưa tới.”

“Tôi thích đứng hơn,” Jessica nói.

Nàng quan sát mấy người đàn ông trải các tấm thảm che kín mặt gờ đá, rồi nhìn ra đám đông. Giờ thì có ít nhất mười ngàn người trên sàn đá.

Thế mà họ vẫn đến nữa.

Nàng biết, ngoài sa mạc lúc này là lúc chập tối màu đỏ ối, nhưng nơi đây, ở sảnh đường trong hang này là hoàng hôn vĩnh cửu, một vùng xám xịt mênh mông dày đặc những người đến để xem nàng đánh liều tính mạng mình.

Một con đường được mở xuyên qua đám người bên phải nàng, và nàng thấy Paul đang tiến lại, hai bên là hai đứa bé trai. Hai thằng bé có vẻ vênh vang của kẻ tự thấy mình quan trọng. Chúng đặt tay lên cán dao, cau có nhìn hai bên bức tường người.

“Các con của Jamis nay là con của Usul,” Stilgar nói. “Chúng nghiêm túc thi hành nghĩa vụ hộ tống cha,” ông đánh liều mỉm cười với Jessica.

Jessica nhận ra ông đang cố làm cho tâm trạng nàng dễ chịu hơn, cảm thấy biết ơn về điều đó, nhưng nàng không thể dứt tâm trí ra khỏi mối nguy trước mặt.

Nếu không làm thế này thì ta chẳng còn cách nào khác, nàng nghĩ. Chúng ta phải hành động nhanh nếu muốn bảo đảm chắc chắn vị trí của mình giữa những người Fremen này.

Paul trèo lên gờ đá, để mấy đứa trẻ lại bên dưới. Cậu dừng lại trước mặt mẹ, liếc sang Stilgar, rồi lại nhìn Jessica. “Chuyện gì đang xảy ra vậy? Con cứ nghĩ con được triệu tập đến hội đồng.”

Stilgar giơ tay yêu cầu giữ im lặng, rồi ra hiệu về bên trái, nơi một lối đi khác vừa được mở xuyên qua đám đông. Chani từ xa tiến lại theo lối đi này, khuôn mặt nhỏ nhắn của cô đầy những nếp nhăn buồn khổ. Cô đã cởi bỏ sa phục mà vận bộ áo choàng duyên dáng màu xanh dương quăn

quanh người, để lộ đôi tay mảnh dẻ. Trên cánh tay cô, gần vai trái, có buột một chiếc khăn tay màu xanh lục.

Xanh lục là màu tang chế, Paul nghĩ.

Đó là một trong các phong tục mà hai đứa con của Jamis đã gián tiếp giải thích cho cậu, bằng cách bảo cậu rằng chúng không vận màu xanh lục bởi chúng đã chấp nhận cậu là cha đồng thời là người giám hộ.

“Chú có phải là Lisan al-Gaib không?” chúng hỏi. Và Paul cảm thấy cuộc thánh chiến trong lời chúng, lời câu hỏi đó đi bằng cách đặt câu hỏi của chính mình - nhờ vậy mới biết rằng thằng anh, Kaleff, năm nay mười tuổi, là con ruột của Geoff. Orlop, đứa bé hơn thì tám tuổi, con ruột của Jamis.

Thật là một ngày kỳ lạ khi hai đứa trẻ kia đứng ra làm vệ sĩ cho cậu theo đúng lời cậu yêu cầu, không cho những kẻ tò mò được lại gần, cho phép cậu có thì giờ để ấp ủ những suy tư, những ký ức tiên tri của cậu và để vạch ra kế hoạch nhằm ngăn ngừa cuộc thánh chiến.

Lúc này, đứng cạnh mẹ trên gờ đá trong hang mà nhìn xuống đám đông, cậu tự hỏi liệu có kế hoạch nào ngăn nổi những đoàn quân cuồng chiến đó tràn ra.

Chani đang tiến lại gần gờ đá, theo sau cô một quãng là bốn phụ nữ khênh một chiếc kiệu trên đó có một phụ nữ khác ngồi.

Jessica lơ đi việc Chani đang lại gần mà tập trung chú ý vào người đàn bà ngồi kiệu - một bà già, một món đồ cổ quái queo khú đế trong chiếc áo thụng đen, mũ trùm lật ra sau để lộ mớ tóc rối bù màu xám và cái cổ khẳng khiu.

Những người khênh kiệu nhẹ nhàng hạ chiếc kiệu xuống gờ đá, rồi Chani giúp bà già đứng dậy.

Vậy ra đây là Mẹ Chí tôn, Jessica nghĩ.

Mụ già tựa riết vào Chani trong khi khập khiễng đi về phía Jessica, trông như một bó củi bọc trong chiếc áo dài đen. Mụ ta dừng lại trước mặt Jessica, ngẩng lên nhìn chòng chọc một hồi lâu rồi mới cất tiếng bằng giọng thều thào khàn đặc:

“VẬY cô là người đó.” Cái đầu già nua gật một cái trông như sắp rụng tới nơi trên chiếc cổ gầy. “Shadout Mapes đã có lý khi thương hại cô.”

Jessica nói nhanh, vẻ khinh miệt: “Tôi không cần ai thương hại.”

“Cái đó còn để xem,” mụ già nói khàn khàn. Mụ quay lưng đi nhanh một cách bất ngờ, đối diện với đám đông. “Nói cho họ đi, Stilgar.”

“Tôi phải nói à?” ông hỏi.

“Chúng ta là con dân của Misr,” mụ kêu lên the thé. “Từ khi tổ tiên Sunni của chúng ta trốn khỏi Nilotic al-Ourouba, chúng ta đã biết sự bay và cái chết. Người trẻ tiếp tục bay và chết, để dân tộc chúng ta không chết.”

Stilgar hít một hơi dài, tiến lên hai bước.

Jessica cảm thấy sự im lặng trùm lên cái hang chật ních người - giờ thì có tới khoảng hai vạn người, đứng lặng lẽ, hầu như không nhúc nhích. Nó khiến nàng tự dừng thấy mình nhỏ bé và đầy thận trọng.

“Đêm nay chúng ta phải rời khỏi sietch này nơi chúng ta đã trú ngụ từ lâu để đi về phía Nam, vào trong sa mạc,” Stilgar nói. Giọng ông âm vang trên những khuôn mặt ngẩng cao, dội qua dội lại bằng sức mạnh có được nhờ góc sừng dẫn âm phía sau gờ đá.

Đám đông vẫn im lặng.

“Mẹ Chí tôn nói với tôi người không thể sống hết một hajra nữa,” Stilgar nói. “Trước đây chúng ta đã sống không có Mẹ Chí tôn, nhưng một dân tộc cứ mãi đi tìm quê nhà mới cho mình trong tình trạng đó thì thật không hay.”

Giờ thì đám đông động dậy, gợn lên những tiếng xì xào, những sóng ngầm lao xao lo lắng.

“Để điều này không thể xảy ra,” Stilgar nói, “Jessica Huyền thuật, vị Sayyadina mới của chúng ta, đã chấp thuận gia nhập nghi lễ lần này. Bà sẽ cố gắng qua bên trong để chúng ta không bị mất sức mạnh của Mẹ Chí tôn.”

Jessica Huyền thuật, Jessica nghĩ. Nàng thấy Paul nhìn mình chòng chọc, mắt cậu đầy nghi vấn, nhưng miệng cậu bị toàn bộ vẻ kỳ lạ vây quanh họ làm cho nín lặng.

Chani dẫn Mẹ Chí tôn già nua đến một chiếc ghế dài bằng đá nằm sâu trong góc sừng dẫn âm, rồi quay lại đứng bên Stilgar.

“Để chúng ta không mất tất cả nếu chẳng may Jessica Huyền thuật thất bại,” Stilgar nói, “lần này, Chani, con gái của Liet, sẽ được thánh hóa trong Sayyadina.” Ông bước sang bên một bước.

Từ sâu trong góc sừng dẫn âm, giọng bà già vang đến chỗ họ, một giọng thì thầm được khuếch đại, chói gắt, the thé: “Chani vừa từ hajra của nó trở về - Chani đã nhìn thấy nước.”

Tiếng thì thầm đáp lại dậy lên từ đám đông: “Cô ấy đã nhìn thấy nước.”

“Ta thánh hóa con gái của Liet trong Sayyadina,” mẹ già nói khàn khàn.

“Cô ấy được chấp nhận,” đám đông đáp lại.

Paul chỉ loáng thoáng nghe thấy những trao đổi theo nghi thức đó, tâm trí cậu còn bận tập trung vào những gì người ta nói về mẹ cậu.

Nếu bà thất bại?

Cậu quay lại nhìn người được gọi là Mẹ Chí tôn, nghiên cứu kỹ những đường nét khô héo của mẹ già, màu xanh ngưng đọng không đáy của cặp

mắt. Mụ ta trông như thể chỉ cần một cơn gió nhẹ cũng bị thổi bay, thế nhưng ở mụ có gì đó gọi ra rằng mụ có thể đứng nguyên không lay chuyển ngay giữa đường tiến của một cơn bão coriolis. Mụ mang cũng một vòng hào quang sức mạnh mà cậu còn nhớ rõ, giống như của Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam, người đã thử thách cậu bằng sự cận kề cái chết theo lối gom jabbar.

“Ta, Mẹ Chí tôn Ramallo, người mà giọng nói cất lên thay muôn người, nói điều này với người,” mụ già nói. “Chani thể nhập vào Sayyadina là điều hợp lẽ.”

“Đó là điều hợp lẽ,” đám đông đáp lại.

Mụ già gật đầu, rồi thì thầm: “Ta cho cô ấy những bầu trời màu bạc, sa mạc vàng cùng những vách đá chói ngời của nó, những cánh đồng xanh rồi sẽ có. Ta trao tất cả cho Sayyadina Chani. Và để cho cô ấy chớ quên rằng cô ấy là tôi tớ của tất cả chúng ta, nghĩa vụ hầu hạ trong buổi Lễ Hạt giống này sẽ được giao cho cô ấy. Hãy để như vậy bởi Shai-hulud sẽ có nó.” Mụ nhắc một cánh tay gầy như que củi nâu lên rồi hạ xuống.

Cảm thấy cái nghi lễ này đang xích gần lại quanh nàng với một dòng chảy cuốn phăng nàng ra khỏi mọi ngã thoái lui, Jessica ngoảnh nhìn khuôn mặt đầy câu hỏi của Paul rồi chuẩn bị mình cho thử thách này.

“Hãy để các thầy quản nước tiến lên,” Chani nói bằng giọng trẻ con-thiếu nữ, chỉ với một thoáng rung rung cực nhỏ để lộ sự thiếu tự tin trong đó.

Giờ thì Jessica thấy mình đang ở trong tiêu điểm của mối hiểm nguy, biết sự hiện diện của nó trong hành vi theo dõi sát sao của đám đông, trong nỗi im lặng.

Từ cuối đám đông, một nhóm đàn ông len lỏi qua một lối đi quanh co như rần mở ra giữa đám đông, tiến tới thành từng cặp. Mỗi cặp mang một túi da nhỏ có lẽ lớn gấp đôi đầu người. Những chiếc túi kêu óc ách nặng nề.

Hai người dẫn đầu ném chiếc túi họ mang xuống dưới chân Chani trên

gờ đá rồi lùi lại.

Jessica nhìn chiếc túi, rồi nhìn những người đàn ông. Mũ trùm của họ lật ra sau, để lộ mái tóc dài cột một dải băng phía sau đầu. Những hố mắt đen ngòm của họ nhìn lại nàng chăm chăm không nao núng.

Mùi quế thơm phức từ chiếc túi dậy lên, thoảng bay qua Jessica. *Hương được ư?* nàng tự hỏi.

“Có nước không?” Chani hỏi.

Thấy quần nước bên tay trái, một người đàn ông có một lần sẹo đồ tía vắt ngang qua sống mũi, gật đầu. “Có nước, thưa Sayyadina,” ông nói, “nhưng chúng ta không uống được.”

“Có hạt giống không?” Chani hỏi.

“Có hạt giống,” người đàn ông nói.

Chani quỳ xuống đặt tay lên chiếc túi kêu óc ách. “Cầu phúc cho nước và hạt giống của nước.”

Có gì đó quen thuộc trong nghi thức này, và Jessica ngoái lại nhìn Mẹ Chí tôn Ramallo. Cặp mắt mù già nhắm lại, mù ngồi gục đầu về phía trước như đang ngủ.

“Sayyadina Jessica,” Chani nói.

Jessica quay lại thì thấy cô gái đang dăm dăm nhìn lên nàng.

“Bà đã nếm nước được ban phúc chưa?” Chani hỏi.

Jessica chưa kịp trả lời thì Chani đã nói: “Không thể có chuyện bà đã nếm nước được ban phúc. Bà là người từ thế giới ngoài và không có đặc quyền.”

Một tiếng thở dài xuyên qua đám đông, tiếng áo soàn soạt khiến Jessica

sởn tóc gáy.

“Vụ mùa thì lớn mà Ngài tạo thì đã bị tiêu diệt,” Chani nói. Cô bắt đầu tháo sợi dây quấn quanh cái vòi ở miệng chiếc túi kêu óc ách.

Giờ thì Jessica cảm thấy mối hiểm nguy đang sôi sục lên quanh nàng. Nàng liếc sang Paul, thấy cậu đang đắm vào sự huyền bí của nghi lễ và mắt chỉ dán vào Chani.

Nó đã nhìn thấy khoảnh khắc này trong thời gian chưa? Jessica tự hỏi. Nàng đặt một tay lên bụng, nghĩ đến đứa con gái chưa ra đời nằm trong đó mà tự hỏi: *Mình có quyền mạo hiểm sinh mạng cả hai mẹ con không?*

Chani nâng vòi túi về phía Jessica, nói: “Đây là Nước của Sự sống, thứ nước còn vĩ đại hơn cả nước - Kan, nước làm linh hồn được tự do. Nếu Người là Mẹ Chí tôn, nó sẽ mở vũ trụ ra cho Người. Bây giờ hãy để Shai-hulud phán xét.”

Jessica cảm thấy bị giằng xé giữa nghĩa vụ với đứa con chưa chào đời và nghĩa vụ với Paul. Nếu với Paul, nàng biết mình nên cầm lấy miệng vòi ấy mà uống thứ chứa trong túi, nhưng khi nàng cúi người về phía cái vòi chìa ra kia, giác quan báo cho nàng biết về những hiểm nguy của nó.

Cái đựng trong túi có mùi đắng, phảng phất giống nhiều thứ độc được nàng biết, mà cũng không giống.

“Bà phải uống ngay bây giờ,” Chani nói.

Không thể thối lui được nữa, Jessica tự nhắc mình. Nhưng trong toàn bộ vốn liếng khổ luyện Bene Gesserit của nàng không có một cái gì nàng có thể huy động để giúp mình vượt qua khoảnh khắc này.

Đây là gì? Jessica tự hỏi. *Rượu? Hay một thứ thuốc?*

Nàng cúi người trên miệng vòi, ngửi thấy mùi quế, rồi nhớ lại cơn say của Duncan Idaho. *Rượu hương được ư?* nàng tự hỏi. Nàng cho cái ống

truyền nước vào miệng, chỉ hút một ngụm cực nhỏ. Nó có mùi hương được, hơi cay, hơi tê tê nơi lưỡi.

Chani ấn lên chiếc túi da. Một ngụm to chất lỏng đó trào vào miệng Jessica và chưa kịp tự hút lấy thì nàng đã phải nuốt nó, cố giữ nguyên vẻ bình thản đường hoàng.

“Chấp nhận một ít cái chết thì tệ hơn là chấp nhận bản thân cái chết,” Chani nói. Cô nhìn Jessica chằm chằm, chờ đợi.

Và Jessica nhìn lại, vẫn giữ nguyên cái vòi trong miệng. Nàng nếm vị thứ đựng trong túi kia trong lỗ mũi mình, trong vòm miệng, trong hai má, trong hai mắt - giờ thì nghe ngọt khé.

Mát lạnh.

Một lần nữa, Chani lại cho thứ chất lỏng đó trào vào miệng Jessica.

Ngon.

Jessica nhìn kỹ khuôn mặt Chani - những đường nét nhỏ nhắn linh lợi - nhìn ra dấu ấn của Liet-Kynes ở đó, cho dù Channi chưa đủ lớn để định hình rõ nét.

Đây là một thứ thuốc hợ cho ta uống, Jessica tự nhủ.

Nhưng nó không như bất kỳ thứ thuốc nào khác nàng từng biết, dù hồi học ở trường Bene Gesserit nàng đã được cho nếm vị của nhiều thứ thuốc rồi.

Những đường nét của Chani trở nên quá rõ nét, như thể được tô đường viền trong ánh sáng.

Một thứ độc dược.

Im lặng xoáy tròn trùn xuống quanh Jessica. Từng sợi cơ của thân thể nàng chấp nhận sự thực rằng có một cái gì đó sâu xa đã xảy ra với nó.

Nàng cảm thấy mình là một hạt bụi có ý thức, nhỏ hơn bất kỳ hạt hạ nguyên tử nào, nhưng lại có khả năng chuyển động và cảm nhận thế giới xung quanh. Như một sự khải ngộ đột ngột - những bức màn che bị đánh bật đi - nàng nhận ra mình đã trở nên ý thức được về phần khai triển vận động tâm thức của bản thân mình. Nàng là hạt bụi, nhưng không là hạt bụi.

Hang đá vẫn còn đó quanh nàng - những con người. Nàng cảm thấy họ: Paul, Chani, Stilgar, Mẹ Chí tôn Ramallo.

Mẹ Chí tôn!

Ở trường từng có lời đồn đại rằng một số người đã không qua được thử thách của Mẹ Chí tôn, độc dược đã lấy mạng họ.

Jessica tập trung chú ý vào Mẹ Chí tôn Ramallo, giờ đây nàng ý thức rằng toàn bộ điều này đang xảy ra trong một khoảnh khắc thời gian đông cứng lại - khoảnh khắc tạm ngừng, cho riêng nàng thôi.

Sao thời gian lại bị tạm ngừng? nàng tự hỏi. Nàng nhìn chăm chăm vào những nét mặt đông cứng quanh mình, thấy một hạt bụi lửng lơ trên đầu Chani, dừng lại ở đó.

Chờ đợi.

Câu trả lời về khoảnh khắc này chợt nổ bùng ra trong ý thức nàng: thời gian của chính nàng được ngừng lại để cứu mạng nàng.

Nàng tập trung vào phần khai triển vận động tâm thức của bản thân mình, nhìn vào bên trong, và lập tức đương đầu với một lõi tế bào, một cái hố đen ngòm khiến nàng chùn lại.

Đó là nơi chúng ta không thể nhìn vào, nàng nghĩ. Đó là nơi mà các Mẹ Chí tôn gần gũi không muốn nhắc tên đến thế- nơi mà duy một mình Kwisatz Haderach có thể nhìn.

Nhận thức này khiến nàng tự tin trở lại một chút, và một lần nữa nàng

đánh liều tập trung vào phần khai triển vận động tâm thức, trở thành một hạt bụi-cái tôi tìm kiếm mối hiểm nguy trong mình.

Nàng thấy nó trong thứ thuốc nàng vừa nuốt.

Thứ thuốc đó là những phần tử nhảy múa bên trong nàng, chuyển động của nó nhanh đến nỗi ngay cả thời gian đóng băng cũng không thể buộc chúng dừng lại. Những phần tử nhảy múa. Nàng bắt đầu nhận ra những cấu trúc quen thuộc, những liên kết nguyên tử: đây là một nguyên tử các bon, kia là nguyên tử hê li dao động... một phân tử glucozơ. Cả một chuỗi phân tử đối mặt với nàng, và nàng nhận ra một protein... một cấu trúc protein metyl.

À-à-à-à!

Đó là một tiếng thở dài vô thanh trong nàng khi nàng nhìn ra bản chất của thứ thuốc độc này.

Với khả năng thăm dò bằng vận động tâm thức, nàng dẫn vào bên trong nó, di chuyển một hạt bụi ô xy, gắn một hạt bụi các bon khác vào, lắp ghép lại một liên kết ô xy... hy đrô.

Sự thay đổi lan ra... càng lúc càng nhanh khi phản ứng xúc tác mở ra diện tiếp xúc của nó.

Sự ngưng đọng thời gian đã buông lơi nàng ra, và nàng lại cảm thấy sự chuyển động. Ông vùi gấn với chiếc túi đang chạm vào miệng nàng - nhẹ, thu thập một giọt hơi ẩm.

Chani đang lấy chất xúc tác từ cơ thể mình để chuyển hóa độc được trong chiếc túi, Jessica nghĩ. Tại sao?

Ai đó giúp nàng chuyển sang tư thế ngồi cho thoải mái. Nàng thấy Mẹ Chí tôn Ramallo già nua được đưa tới ngồi cạnh nàng trên gờ đá trải thảm. Một bàn tay khô héo chạm vào cổ nàng.

Và lại có một hạt bụi vận động tâm thức khác bên trong ý thức nàng!

Jessica cố cự tuyệt nó, nhưng hạt bụi cứ tiến lại gần... gần nữa.

Nàng và nó chạm nhau!

Nó như một thể *đồng khí đồng tâm* tối hậu, là hai người cùng một lúc: không phải là thần giao cách cảm, mà là ý thức tương thông.

Với bà Mẹ Chí tôn già!

Nhưng Jessica nhận thấy Mẹ Chí tôn không coi mình là già. Một hình ảnh mở ra trước con mắt của tâm thức tương thông: một cô thiếu nữ tinh thần phấn chấn và hóm hỉnh dịu dàng.

Bên trong ý thức tương thông này, cô thiếu nữ nói: “Phải, ta là thể này đây!”

Jessica chỉ có thể tiếp nhận lời đó mà không thể trả lời.

“Chẳng bao lâu nữa người sẽ có tất cả, Jessica ạ,” hình ảnh nội tâm nói.

Đây là ảo giác, Jessica tự nghĩ.

“Người biết rõ mà,” hình ảnh nội tâm nói. “Ngay bây giờ, đừng đánh lại ta. Không có nhiều thời gian đâu. Chúng ta...” Có một quãng lặng dài, rồi: “Đáng lẽ người phải bảo chúng ta rằng người đang có thai!”

Jessica tìm ra giọng nói cất lên trong cõi ý thức tương thông. “Tại sao?”

“Điều này thử thách cả hai người! Ôi Mẹ Thiêng liêng, chúng ta đã làm gì vậy?”

Jessica cảm thấy một sự dịch chuyển do bị ép buộc trong ý thức tương thông, sau đó bằng con mắt nội tâm nàng thấy một hạt bụi-thực thể khác. Hạt bụi khác này lao như chớp, loạn xạ thoắt đây thoắt đó, lượn vòng. Nó toát ra sự kinh hoàng thuấn túy.

“Người cần phải mạnh mẽ,” hình ảnh-thực thể của Mẹ Chí tôn già nói.

“Hãy biết ơn vì đứa con người đang cứu mạng là con gái. Nếu là phôi nam giới thì thử thách này đã giết nó rồi. Giờ thì... cẩn thận, nhẹ nhàng... hãy chạm vào đứa con gái-thực thể của người. Hãy là con gái-thực thể của người. Hãy hấp thu nỗi sợ... xoa dịu nỗi đau... dùng lòng can đảm và sức mạnh của người... nhẹ nhàng thôi... thật nhẹ...”

Hạt bụi xoay tít kia lướt lại gần, và Jessica cố buộc mình chạm vào nó.

Nỗi kinh hoàng đe dọa chiếm lĩnh nàng.

Nàng chống lại nó bằng cách duy nhất mà nàng biết: *“Ta sẽ không sợ. Sợ hãi giết chết tâm trí...”*

Lời cầu nguyện mang lại cái gì đó giống như bình tĩnh. Hạt bụi kia nằm im lìm áp vào nàng.

Ngôn từ không có tác dụng, Jessica tự nhủ.

Nàng tự thu mình thành những phản ứng cảm xúc cơ bản, phát ra tình yêu thương, niềm an ủi, sự vỗ về bảo vệ ấm áp.

Nỗi kinh hoàng thoái lui.

Một lần nữa, sự hiện diện của Mẹ Chí tôn già vẫn tự khẳng định mình, nhưng giờ đây có tới ba ý thức tương thông - hai chủ động và một nằm yên, hấp thụ.

“Thời gian thúc bách ta,” Mẹ Chí tôn nói bên trong ý thức. “Ta có nhiều thứ để trao cho người. Ta không biết liệu con gái người có thể thụ nhận tất cả những thứ này trong lúc vẫn tỉnh táo không. Nhưng nhất thiết phải vậy: nhu cầu của bộ tộc là quá lớn.”

“Cái gì...”

“Im lặng thụ nhận đi!”

Những trải nghiệm bắt đầu trải ra trước mắt Jessica. Nó như một đoạn

phim thuyết trình được phát bằng máy chiếu đào tạo tiềm thức ở trường Bene Gesserit... nhưng nhanh hơn... nhanh hơn đến chóng mặt.

Nhưng... rất khác.

Nàng nhận biết mỗi trải nghiệm đó trong khi nó diễn ra: có một người yêu - cường tráng, râu rậm, với đôi mắt Fremen, và Jessica thấy sức mạnh cùng sự dịu dàng của anh, thấy toàn thể con người anh trong một nháy mắt, thông qua ký ức của Mẹ Chí tôn.

Giờ thì không có thời gian để nghĩ đến chuyện điều này có thể gây ra cái gì cho phôi thai của đứa con; chỉ có thời gian để thụ nhận và ghi lại. Những trải nghiệm tuôn ào ạt vào trong Jessica - sự sinh thành, cuộc sống, cái chết - những việc quan trọng và không quan trọng, tất cả tuôn ra trong một lần nhìn duy nhất.

Tại sao một dải cát rơi từ đỉnh vách đá cũng phải in sâu vào ký ức? nàng tự hỏi.

Đã quá muộn, Jessica nhận thấy điều gì đang xảy ra: bà lão đang hấp hối và, trong cơn hấp hối, đang trút hết các kinh nghiệm của mình vào ý thức Jessica như trút nước vào trong cốc. Hạt bụi kia mờ lịm dần vào ý thức trước lúc ra đời trong khi Jessica quan sát nó. Và, giữa khi hấp-hối-trong-ý-niệm, Mẹ Chí tôn già để lại cuộc đời mình trong ký ức Jessica với những lời lặp lặp cuối cùng qua tiếng thở dài.

“Ta đã đợi người từ quá lâu rồi,” bà nói. “Cuộc đời ta đây.”

Vậy đó, một lời thấu tóm tất cả.

Kể cả khoảnh khắc của cái chết.

Giờ đây ta là Mẹ Chí tôn, Jessica nhận ra.

Và bằng ý thức thông thường, nàng biết rằng thật ra nàng đã trở thành chính kẻ mà người ta vẫn thường hàm ý khi dùng chữ Mẹ Chí tôn Bene Gesserit. Độc được đã khiến nàng chuyển hóa.

Đây không hẳn là cách người ta đã làm ở trường Bene Gesserit, nàng biết. Chưa ai từng truyền dạy cho nàng những bí ẩn của nó, nhưng nàng biết.

Kết quả cuối cùng là một.

Jessica cảm thấy hạt bụi-đưa con gái vẫn đang chạm vào ý thức nội tại của nàng bèn thăm dò nó nhưng không được đáp lại.

Một cảm giác cô đơn khủng khiếp choán lấy Jessica khi nàng nhận ra điều gì đã xảy ra với nàng. Nàng thấy sự sống của chính mình như một mẫu hình đã bị ghìm chậm lại còn toàn bộ sự sống quanh nàng thì tăng tốc nhanh đến nỗi sự tác động lẫn nhau như nhảy múa kia càng rõ rệt hơn.

Cảm giác về hạt bụi-ý thức hơi mờ nhạt đi, độ mãnh liệt của nó dịu đi khi cơ thể nàng lơ lửng dần khỏi mối đe dọa của độc dược, nhưng nàng vẫn cảm thấy cái hạt bụi kia, trong khi chạm vào nó với cảm giác có lỗi vì những gì nàng đã cho phép xảy ra với nó.

Mẹ đã làm điều đó, con gái yêu dấu, bé bỏng tội nghiệp, chưa thành hình của mẹ, mẹ đã mang con vào vũ trụ này và phơi trần ý thức của con dưới tất cả sự phức tạp của vũ trụ mà không có gì bảo vệ.

Như phản xạ của những gì nàng đã tuôn vào nó, một dòng nhỏ bé của tình yêu thương-an ủi từ phía hạt bụi kia tuôn chảy vào nàng.

Jessica chưa kịp đáp lại thì đã cảm thấy sự hiện diện của adab, cái ký ức nghiệt ngã. Có cái gì đó cần phải làm. Nàng mò mẫm tìm nó, đồng thời nhận ra mình đang bị cản trở do thuốc đã chuyển hóa thắm đẫm các giác quan khiến nàng mù mẫm.

Mình có thể chuyển hóa điều đó, nàng nghĩ. Mình có thể triệt tiêu tác dụng của thuốc và làm nó trở nên vô hại. Nhưng nàng cảm thấy làm vậy thì sẽ sai lầm. Mình đang ở trong nghi thức kết nối.

Rồi nàng nhận ra mình phải làm gì.

Jessica mở mắt, ra hiệu về phía chiếc túi nước mà Chani đang giữ phía trên nàng.

“Nó đã được ban phúc,” Jessica nói. “Hãy trộn các thứ nước vào nhau, để cho tất cả đều thay đổi, sao cho mọi người đều có thể tham gia và được dự phần ân phúc.”

Hãy để chất xúc tác làm việc của nó, nàng nghĩ. Cứ để người ta uống nó, để nhận thức của họ về nhau được nâng cao lên trong chốc lát. Giờ thì thuốc an toàn rồi... khi đã có một Mẹ Chí tôn chuyển hóa nó.

Thế nhưng, cái ký ức nghiệt ngã kia vẫn tác động lên nàng, thúc đẩy nàng. Nàng nhận ra còn một việc nữa phải làm, nhưng thuốc khiến nàng khó tập trung.

À-à-à-à-à... Mẹ Chí tôn già...

“Ta đã gặp Mẹ Chí tôn Ramallo,” Jessica nói. “Bà đã ra đi, nhưng bà vẫn còn đó. Hãy tôn vinh ký ức về bà trong nghi lễ này.”

Thế đấy, mình lấy đâu ra những lời đó vậy? Jessica tự hỏi.

Và nàng nhận ra những lời đó đến từ một ký ức khác, từ cái cuộc đời đã được trao cho nàng và giờ đây là một phần của chính nàng. Tuy nhiên, trong món quà này hình như có gì đó chưa trọn vẹn.

“Cứ để họ mặc sức truy hoan,” cái ký-ức-khác kia nói bên trong nàng. “Họ được hưởng quá ít lạc thú từ cuộc sống. Phải, ta và người cần chút ít thời gian này để quen dần trước khi ta rút lui và tuôn chảy thông qua các ký ức của người. Hiện giờ ta đã cảm thấy ta đang bị gắn liền với nhiều mảnh của người rồi. Ái chà chà, người có một tâm trí đầy những điều thú vị. Quá nhiều điều mà ta chẳng bao giờ tưởng tượng ra.”

Và cái tâm trí-ký ức gói gọn bên trong nàng tự mở ra cho Jessica, cho phép nàng nhìn thấy một hành lang rộng thênh thang dẫn tới những Mẹ Chí tôn khác cho tới khi con số các Mẹ này dường như vô tận.

Jessica thụt lùi lại, sợ mình sẽ mất hút trong một đại dương của cái đồng nhất thể. Thế nhưng cái hành lang vẫn còn nguyên đó, để lộ cho Jessica thấy rằng nền văn hóa Fremen lâu đời hơn nàng tưởng nhiều.

Nàng nhận ra từng có người Fremen ở Poritrin, một dân tộc đã đâm ra yếu đuối vì sống trên một hành tinh nơi cuộc sống quá dễ dàng, làm mỗi ngon cho bọn kẻ cướp của Đế quốc đến vơ vét mang đi để thành lập thuộc địa của loài người trên Bela Tegeuse và Salusa Secundus.

Ôi, cái tiếng than van mà Jessica cảm thấy trong sự chia ly đó.

Xa mãi cuối hành lang, một giọng nói-hình ảnh thét lên: “Họ không cho chúng ta thực hiện chuyển đi thần thánh!”

Dọc theo cái hành lang nội tại đó, Jessica nhìn thấy những khu nhà ổ chuột của nô lệ trên Bela Tegeuse, nhìn thấy cuộc thanh lọc và lựa chọn đã khiến người ta phải phân tán lên Rossak và Harmonthep. Những cảnh đã man tàn bạo mở ra trước mắt nàng như cánh cửa một đóa hoa kinh khủng. Và nàng thấy sợi dây quá khứ được mang hết từ Sayyadina này đến Sayyadina khác - đầu tiên qua truyền miệng, ẩn giấu trong những bài hò trên cát, rồi được tinh lọc thông qua các Mẹ Chí tôn của họ cùng với sự phát hiện ra độc dược trên Rossak... và giờ đây phát triển thành sức mạnh tinh vi trên Arrakis nhờ phát hiện ra Nước của Sự sống.

Mãi xa cuối hành lang nội tại, một giọng khác thét: “Không bao giờ tha thứ! Không bao giờ quên!”

Nhưng Jessica tập trung chú ý vào việc khám phá Nước của Sự sống, nhìn thấy nguồn của nó: chất thải lỏng của một con sâu cát, một Ngài tạo, đang hấp hối. Và khi Jessica thấy người ta giết nó trong ký ức mới của nàng, nàng nén một tiếng thở hỗn hển.

Con vật đang bị trấn nước!

“Mẹ à, mẹ ổn chứ?”

Giọng Paul xâm nhập vào nàng, và Jessica giăng mình ra khỏi nhận thức nội tại để ngược lên nhìn cậu, ý thức được nghĩa vụ của mình với cậu, nhưng bức tức vì sự có mặt của cậu.

Ta như một người mãi tê liệt đôi tay, không hề cảm thấy gì ngay từ khoảnh khắc đầu tiên ta biết nhận thức - cho đến một ngày kia người ta dồn ép cái khả năng cảm nhận đó vào trong chúng.

Ý nghĩ đó lơ lửng trong tâm trí nàng, một nhận thức đang bao bọc lấy nàng.

Và ta nói: “Nhìn kìa! Mình không có tay!” Nhưng mọi người quanh ta thì nói: “Tay là cái gì?”

“Mẹ ổn chứ?” Paul lặp lại.

“Ừ.”

“Con uống cái đó có sao không?” Cậu ra hiệu về phía chiếc túi trong tay Chani. “Người ta muốn con uống.”

Nàng nghe thấy ý nghĩa ẩn giấu trong lời cậu, nhận ra cậu đã phát hiện được độc dược trong thứ tinh chất nguyên thủy, chưa chuyển hóa, rằng cậu đã lo cho nàng. Bỗng dưng Jessica tự hỏi giới hạn khả năng tiên tri của Paul là ở đâu. Câu hỏi của cậu làm bực lộ nhiều điều đối với nàng.

“Con uống được,” nàng nói. “Nó đã được chuyển hóa.” Và nàng nhìn ra sau lưng cậu, thấy Stilgar đang nhìn nàng chòng chọc, cặp mắt quá ư là thăm đang dò xét.

“Giờ thì chúng tôi biết bà không thể là kẻ giả mạo,” ông nói.

Cả ở đây nàng cũng cảm nhận được ý nghĩa ẩn giấu, nhưng tác dụng của thuốc vẫn đang làm các giác quan của nàng mù mịt. Ấm áp xiết bao, êm dịu xiết bao. Phúc đức làm sao vì những người Fremen này đã đưa nàng vào giữa những con người đầy lòng ái hữu đến thế này.

Paul nhận thấy thuốc đang chế ngự mẹ cậu.

Cậu tìm kiếm trong ký ức mình - quá khứ định hình, những dòng chảy của các tương lai có thể xảy ra. Giống như là quét qua những khoảnh khắc thời gian bị tóm giữ, gây hoang mang cho thủy tinh thể của con mắt nội tâm. Những mẫu rời rạc ấy thật khó lòng hiểu được nếu bị tách khỏi dòng chảy.

Thứ độc dược này - cậu có thể huy động tri thức về nó, hiểu được nó đang làm gì với mẹ cậu, nhưng cái tri thức đó thiếu một nhịp điệu tự nhiên, thiếu một hệ thống phản xạ hỗ tương.

Cậu bất ngờ nhận ra nhìn thấy quá khứ chiếm lĩnh hiện tại là một chuyện, nhưng thử thách đích thực đối với năng lực tiên tri là nhìn thấy quá khứ trong tương lai.

Sự vật khẳng khẳng không chịu là cái mà ta nghĩ dựa theo vẻ ngoài của nó.

“Uống đi,” Chani nói. Cô vung vẩy cái vòi sừng của một túi nước dưới mũi cậu.

Paul thẳng người lên, nhìn chăm chăm vào Chani. Cậu cảm thấy sự hưng phấn kiểu hội hè trong không khí. Cậu biết điều gì sẽ xảy ra nếu cậu uống thứ thuốc hương dược này, với phần tinh túy của cái chất đã mang lại sự chuyển hóa trong cậu. Cậu sẽ quay lại cái thị kiến về thời gian thuần khiết, về thời-gian-trở-thành-không-gian. Nó sẽ đặt cậu ngồi chót vót trên đỉnh cao chóng mặt và thách thức cậu hiểu được nó.

Từ sau lưng Chani, Stilgar nói: “Uống đi, chàng trai. Anh đang trì hoãn nghi lễ đấy.”

Khi đó Paul lắng tai về phía đám đông, nghe thấy sự cuồng nhiệt trong giọng họ - “Lisan al-Gaib,” họ nói. “Muad’Dib!” Cậu nhìn xuống mẹ. Bà có vẻ đang ngủ yên lành trong tư thế ngồi - hơi thở bà đều và sâu. Một

lời nói từ tương lai vốn là quá khứ cô độc của cậu văng vào tâm trí cậu:
“*Bà đang ngủ trong Nước của Sự sống.*”

Chani kéo tay áo cậu.

Paul đưa cái vòi sừng vào miệng, nghe tiếng mọi người gào thét. Cậu cảm thấy chất lỏng chảy ùng ục vào cổ họng trong khi Chani ấn lên chiếc túi, cảm thấy choáng váng trong hơi thuốc. Chani nhấc vòi khỏi miệng Paul, trao chiếc túi cho những bàn tay chìa ra từ dưới nền hang. Mắt cậu xoáy vào cánh tay cô, dải băng tang màu xanh lục đeo ở đó.

Khi đứng thẳng lên, Chani nhận thấy hướng nhìn của cậu, liền nói: “Em có thể than khóc cha ngay cả trong niềm hạnh phúc của nước. Đó là một thứ Người đã ban cho chúng ta.” Cô đặt tay vào tay cậu, kéo cậu dọc theo gờ đá. “Chúng ta giống nhau ở một điều, Usul ạ: Mỗi chúng ta đều mất một người cha vào tay bọn Harkonnen.”

Paul đi theo cô. Cậu cảm thấy đầu mình đã bị tách khỏi cơ thể rồi được đặt lại chỗ cũ với những mối liên kết kỳ lạ. Chân cậu vừa xa xăm vừa mềm oặt.

Họ bước vào một hành lang hẹp bên đường, hai vách được những quả đèn cầu cách quãng nhau soi sáng lờ mờ. Paul cảm thấy thuốc bắt đầu phát huy cái tác dụng độc nhất vô nhị của nó lên cậu, mở thời gian ra như một đóa hoa. Cậu cảm thấy cần phải giữ cho mình vững vàng trước Chani trong khi hai người rẽ qua một đường hầm tranh tối tranh sáng khác. Sự hòa hợp giữa rắn rỏi và mềm mại mà cậu cảm thấy dưới lớp áo cô mặc làm máu cậu râm ran. Cái cảm giác đó quyện với tác dụng của thuốc, gộp tương lai và quá khứ vào hiện tại, chỉ dành lại cho cậu vùng biên cực mảnh của tiêu điểm tam nhãn thức.

“Tôi biết em, Chani ạ,” cậu thì thầm. “Chúng ta đã ngồi trên một gờ đá vươn cao trên cát, lúc đó tôi đang trấn an nỗi sợ của em. Chúng ta đã âu yếm nhau trong bóng tối của sietch. Chúng ta đã...” Cậu thấy mình đang đánh mất tiêu điểm, cổ lắc đầu, rồi bị vấp chân.

Chani giúp cậu lấy lại thăng bằng, dẫn cậu đi qua những tấm rèm dày

vào một gian phòng riêng ấm áp màu vàng - những chiếc bàn thấp, những chiếc gối tựa, một cái nệm ngủ bên dưới tấm khăn trải giường màu cam.

Paul dần nhận ra rằng họ đã dừng lại, rằng Chani đang đứng đối diện cậu, và mắt cô bộc lộ một cái nhìn hoảng hốt câm lặng.

“Anh phải cho em biết,” cô thì thầm.

“Em là Sihaya,” cậu nói, “con suối trong sa mạc.”

“Khi bộ tộc chia nhau Nước, chúng ta ở bên nhau - tất cả chúng ta,” cô nói. “Chúng ta... chia sẻ. Em... cảm thấy được những người khác ở bên em, nhưng em sợ chia sẻ với anh.”

“Tại sao?”

Cậu cố tập trung vào cô, nhưng quá khứ và tương lai đang nhập làm một với hiện tại khiến hình ảnh cô mờ đi. Cậu thấy cô trong vô vàn cách, vô vàn tư thế và bối cảnh.

“Có cái gì đó đáng sợ ở anh,” cô nói. “Khi em tách anh ra khỏi những người khác... em làm vậy là bởi em cảm thấy được những người khác muốn gì. Anh gây sức ép lên mọi người. Anh... khiến dân của em *nhìn thấy sự vật!*”

Cậu buộc mình nói thật rõ ràng: “Em thấy những gì?”

Cô nhìn xuống hai bàn tay mình. “Em thấy một đứa bé... trong tay em. Nó là con của chúng ta, của anh và em.” Cô đặt một tay lên miệng. “Làm sao em có thể biết hết mọi điều của anh được?”

Họ có một ít cái năng lực đó, tâm trí mách bảo cậu. Nhưng họ dè dặt nó bởi nó làm họ sợ.

Trong một khoảnh khắc tỉnh táo, cậu thấy Chani đang run rẩy.

“Em muốn nói gì?” cậu hỏi.

“Usul,” cô thì thầm, vẫn còn run rẩy.

“Em không thể quay trở lại tương lai được,” cậu nói.

Một nỗi cảm thông sâu xa tràn ngập lòng cậu. Cậu kéo cô vào lòng, vuốt tóc cô. “Chani, Chani ơi, đừng sợ.”

“Usul ơi, giúp em với,” cô bật khóc.

Trong khi cô nói, cậu cảm thấy thuốc đã hoàn thành công việc của nó bên trong cậu, xé toang những tấm rèm để cho cậu thấy vùng rối loạn xám xịt phía xa xăm của tương lai mình.

“Anh trầm lặng quá,” Chani nói.

Cậu giữ cho mình cân bằng trong nhận thức, nhìn thời gian trải dài ra trong kích thước khác thường của nó, cân bằng một cách tinh tế nhưng xoay tít, chật hẹp nhưng trải rộng như một tấm lưới thau tóm vô số thế giới và vô số lực, một sợi dây căng mà cậu phải đi qua, nhưng cũng là một chiếc ván bập bênh mà trên đó cậu giữ được thăng bằng.

Ở một phía cậu nhìn thấy Đế quốc, một người Harkonnen tên là Feyd-Rautha, kẻ này lao vút về phía cậu như một lưỡi dao chết chóc, quân Sardaukar hùng hổ rời hành tinh của chúng để làm cỏ Arrakis, Hiệp hội thông đồng tính kế bày mưu, Bene Gesserit với mưu đồ gây giống có chọn lọc của mình. Tất cả nằm đó dày đặc như một khối mây đen sừng sững trên đường chân trời của cậu, khối mây đó chỉ được ghìm lại không bởi ai khác ngoài người Fremen và Muad'Dib của họ, cái khối Fremen khổng lồ còn say ngủ nhưng trong tư thế sẵn sàng cho cuộc thánh chiến cuồng dại trên khắp cùng vũ trụ.

Paul cảm thấy mình ở ngay tâm điểm, ngay trục giữa nơi toàn bộ cái cơ cấu đó xoay quanh, bước trên một sợi dây bình an mỏng manh chỉ với một phần nhỏ hạnh phúc là Chani ở bên cậu. Cậu cảm thấy sợi dây đó căng dài trước mặt, một khoảng thời gian tương đối êm ả trong một sietch kín đáo, một khoảnh khắc bình an giữa hai thời kỳ khốc liệt.

“Chẳng có nơi nào khác cho sự bình an,” cậu nói.

“Usul, anh đang khóc kìa,” Chani lẩm bẩm. “Usul, sức mạnh của em, anh trao hơi ấm cho người chết sao? Cho người chết của ai?”

“Cho những người chưa chết,” cậu nói.

“Thế thì hãy cho họ có thời gian để sống,” cô nói.

Qua làn sương mù do thuốc, cậu cảm thấy cô nói đúng, liền kéo cô vào lòng, siết chặt một cách dữ dội. “Sihaya!” cậu nói.

Cô đặt một bàn tay lên má cậu. “Em không còn sợ nữa. Usul ơi. Nhìn em này. Em thấy được những gì anh thấy khi anh ôm em như thế này.”

“Em thấy gì?” cậu hỏi.

“Em thấy chúng ta trao tình yêu cho nhau trong một khoảng thanh bình giữa hai cơn bão. Chúng ta sinh ra là để làm như vậy.”

Thuốc lại chi phối cậu và cậu nghĩ: *Quá nhiều lần em đã cho ta niềm an ủi và sự lãng quên.* Cậu lại cảm thấy cảnh tượng thời gian được soi sáng quá tràn trề với những hình ảnh nổi rõ mồn một đó, cảm thấy những tương lai của mình trở thành ký ức - những sỉ nhục tinh tế của tình yêu xác thật, sự chia sẻ và đồng cảm giữa những cái tôi, sự dịu dàng và sự dữ dội.

“Em là người mạnh mẽ, Chani ạ,” cậu lẩm bẩm. “Hãy ở bên anh.”

“Luôn luôn ở bên anh,” cô nói, rồi hôn lên má cậu.

Quyển Ba: NHÀ TIÊN TRI

Không đàn bà, không đàn ông, không đứa trẻ nào thân thiết với cha ta. Người gần gũi nhất, tiến đến mức bạn bè với Hoàng đế Padishah, là Bá tước Hasimir Fenring, người vốn là bằng hữu của Hoàng đế từ khi còn bé. Mức độ thân hữu của Bá tước có thể thấy trước hết trong một điều tích cực: ông đã làm dịu mối nghi ngờ của Landsraad sau Vụ Arrakis. Mẹ ta nói rằng phải mất hơn một tỉ solari để mua hương được đút lót, rồi lại còn những món quà khác nữa: nữ nô, huân chương hoàng gia, những bằng chứng về chức vị. Bằng chứng quan trọng thứ hai về tình bạn của Bá tước thì tiêu cực. Ông từ chối giết một người mặc dù việc đó nằm trong khả năng ông và cha ta đã ra lệnh cho ông. Ta sẽ kể chuyện đó ngay bây giờ.

- “Bá tước Fenring: Mô tả sơ lược” của Công chúa Irulan

Nam tước Vladimir Harkonnen dùng dùng thịnh nộ bước dọc hành lang dẫn từ khu phòng riêng của ngài, lướt qua những mảnh nắng xế chiều từ những ô cửa sổ cao rơi xuống. Ngài lắc lư vắn vẹo trong bộ đai treo với những cử động dữ dội.

Sầm sầm ngài bước qua căn bếp riêng, qua thư viện, qua phòng tiếp khách nhỏ, tiến vào phòng nghỉ của các gia nhân nơi bọn thuộc hạ đang nghỉ ngơi thư giãn vào buổi chiều.

Iakin Nefud, đội trưởng cận vệ, ngồi chồm hổm trên chiếc đi văng cuối phòng, trạng thái thờ ơ do semuta gây ra hiện rõ trên khuôn mặt bệt của y, tiếng nhạc semuta rền rĩ nghe quái đản vây quanh y. Bộ sậu lâu la của y ngồi gần bên để làm theo mệnh lệnh y.

“Nefud!” Nam tước gầm lên như sấm.

Đám người bò đi chỗ khác.

Nefud đứng dậy, mặt trông bình thần do ma túy nhưng nhuốm chút tái nhợt cho thấy y đang sợ hãi. Nhạc semuta đã ngừng.

“Vâng, thưa Nam tước,” Nefud nói. Chỉ nhờ thuốc mà giọng y mới không run.

Nam tước nhìn quanh một lượt các khuôn mặt quanh y, nhận thấy những vẻ mặt im lặng đầy kích động. Ngài quay lại chú ý vào Nefud, nói giọng ngọt xớt:

“Mi làm đội trưởng cận vệ cho ta được bao lâu rồi, Nefud?”

Nefud nuốt nước bọt. “Từ hồi ở Arrakis, thưa Nam tước. Gần hai năm rồi ạ.”

“Vậy mi có luôn luôn tiên liệu được những nguy cơ đe dọa bản thân ta không?”

“Đó luôn luôn là ước nguyện của tôi, thưa Chúa công.”

“Nếu vậy thì Feyd-Rautha đâu?” Nam tước găm lên.

Nefud rụt người lại. “Bẩm Chúa công?”

“Mi không cho rằng Feyd-Rautha là một nguy cơ đối với bản thân ta sao?” Một lần nữa, giọng ngài lại êm như nhung.

Nefud liếm môi. Một chút chờ đợi vì semuta còn sót lại trong mắt hần. “Feyd-Rautha đang ở khu nô lệ, thưa Chúa công.”

“Lại với đám đàn bà hủ?” Nam tước run lên bần bật vì cố sức kìm cơn tam bành.

“Bẩm Chúa công, có thể chỉ là...”

“Câm mồm!”

Nam tước tiến thêm một bước vào phòng, nhận thấy mọi người đã lùi lại, tạo thành một khoảng trống tể nhị xung quanh Nefud, tách mình ra khỏi đối tượng của cơn thịnh nộ.

“Chẳng phải ta đã ra lệnh cho mi bất cứ lúc nào cũng phải biết *đích xác* chuẩn Nam tước đang ở đâu sao?” Nam tước hỏi. Ngài tiến thêm một bước. “Chẳng phải ta đã bảo mi rằng bất cứ lúc nào mi cũng phải biết *đích xác* chuẩn Nam tước đang nói gì và với ai sao?” Lại một bước nữa. “Chẳng phải ta đã bảo mi rằng mi phải cho ta biết bất cứ khi nào hần đến khu nữ nô lệ sao?”

Nefud nuốt nước bọt. Mồ hôi túa ra trên trán hần.

Nam tước giữ giọng đều đều, hầu như không chút nhấn giọng: “Chẳng phải ta đã nói những điều đó với mi sao?”

Nefud gật đầu.

“Và chẳng phải ta đã bảo mi rằng mi phải kiểm tra bất cứ thằng nhóc nô lệ nào được gửi đến cho ta và rằng mi phải *đích thân* làm việc đó... *đích thân* mi sao?”

Nefud lại gật.

“Liệu có phải ngẫu nhiên mà mi không thấy vết bớt trên đùi thằng nhóc được cử đến cho ta tối nay không?” Nam tước hỏi. “Có thể nào mi...”

“Thưa Bá phụ.”

Nam tước quay ngoắt lại, nhìn trừng trừng vào Feyd-Rautha đang đứng nơi ngưỡng cửa. Sự hiện diện của đứa cháu tại đây, lúc này - cái nhìn sốt ruột mà chàng trai trẻ không thể giấu - tất cả nói lên rất nhiều. Feyd-Rautha có hệ thống gián điệp riêng tập trung vào Nam tước.

“Có một cái xác trong phòng ta, ta muốn dẹp nó đi,” Nam tước nói, và

ngài đặt tay lên vũ khí phóng phi tiêu dưới áo choàng, lấy làm mừng vì tẩm chẩn của ngài thuộc loại tốt nhất.

Feyd-Rautha liếc nhìn hai tên cận vệ đứng tựa vào bức tường bên phải, gật đầu. Hai người này rời khỏi chỗ, hối hả ra khỏi phòng, đi dọc hành lang về phía khu phòng của Nam tước.

Hai tên đó hả? Nam tước nghĩ. Ái chà, con quái vật trẻ tuổi này còn phải học lắm thứ về chuyện mưu đồ!

“Ta cho rằng mọi chuyện ở khu nô lệ vẫn bình an sau khi cháu đi khỏi, Feyd à,” Nam tước nói.

“Cháu đang chơi cờ kim tự tháp với lão chủ nô,” Feyd-Rautha nói, và cậu nghĩ: *Có gì không ổn vậy? Hiển nhiên thằng nhóc chúng ta gửi tới cho lão đã bị giết. Nhưng để làm việc này thì thằng bé ấy thật tuyệt. Ngay cả Hawat cũng không thể chọn kẻ nào tốt hơn. Thằng bé thật tuyệt!*

“Chơi cờ kim tự tháp,” Nam tước nói. “Hay quá. Cháu có thắng không?”

“Cháu... à có, thưa Bá phụ.” Và Feyd-Rautha cố dần nỗi lo lắng.

Nam tước búng mấy ngón tay. “Nefud, mi có muốn lại được ta chiếu cố đến không?”

“Bẩm Chúa công, tôi đã làm gì?” Nefud run rẩy hỏi.

“Chuyện đó giờ không quan trọng nữa,” Nam tước nói. “Feyd đã đánh bại lão chủ nô trong môn cờ kim tự tháp. Mi đã nghe chưa?”

“Vâng... thưa Chúa công.”

“Ta muốn mi lấy ba người rồi đến chỗ tay chủ nô,” Nam tước nói. “Hãy thắt cổ lão chủ nô. Mang xác hắn về cho ta khi các người làm xong để ta có thể thấy tận mắt việc đó được làm đâu ra đấy. Chúng ta không thể dùng những kẻ chơi cờ kém cỏi như vậy.”

Feyd-Rautha tái nhợt cả người, tiến lại một bước. “Nhưng, thưa Bá phụ, cháu...”

“Sau đã, Feyd,” Nam tước nói, rồi phẩy tay. “Để sau.”

Hai tên cận vệ ban nãy đến phòng Nam tước tìm xác thằng bé nô lệ lúc này lặc lè đi ngang qua cửa phòng nghỉ, cái xác nặng thông xuống giữa họ, hai tay kéo lê trên mặt đất. Nam tước quan sát cho đến khi họ đi khuất.

Nefud tiến lại sau lưng Nam tước. “Chúa công muốn tôi giết tên chủ nô ngay bây giờ ạ?”

“Ngay bây giờ,” Nam tước nói. “Và khi đã xong việc, bổ sung hai tên vừa đi qua vào danh sách của mi. Ta không ưa cái kiểu chúng khiêng cái xác. Những việc như vậy người ta phải làm cho gọn ghẽ. Ta muốn thấy cả xác chúng nữa.”

Nefud nói: “Bẩm Chúa công, nếu như tôi đã có...”

“Làm như chủ mi ra lệnh đi,” Feyd-Rautha nói. Và cậu nghĩ: *Tất cả những gì ta có thể hy vọng lúc này là giữ được mạng ta.*

Tốt lắm! Nam tước nghĩ. Nó vẫn chưa biết cách cắt giảm tổn thất của nó. Và Nam tước vừa cười thầm với chính mình vừa nghĩ: Thằng nhóc cũng biết cái gì sẽ làm ta vui lòng và thích hợp nhất để ngăn không cho cơn thịnh nộ của ta trút lên nó. Nó biết ta phải giữ gìn nó. Ta còn có ai khác đủ khả năng cầm lấy cái dây cương mà một ngày nào đó ta phải buông ra? Ta không còn ai khác có năng lực như thế. Nhưng nó phải học hỏi! Và ta phải giữ gìn chính mình trong khi nó còn đang học hỏi.

Nefud ra hiệu cho thủ hạ giúp y, dẫn họ ra khỏi cửa.

“Cháu có theo ta về phòng ta không Feyd?” Nam tước hỏi.

“Bá phụ sai bảo gì, cháu xin vâng,” Feyd-Rautha nói. Cậu cúi đầu, thầm

nghĩ: *Mình bị tóm rồi.*

“Ta đi sau cháu,” Nam tước nói, rồi ra hiệu về phía cánh cửa.

Feyd-Rautha biểu lộ nỗi sợ hãi chỉ qua sự chần chừ rất nhỏ. *Liệu ta có thất bại hoàn toàn không? cậu tự hỏi. Liệu ông ấy có thọc một lưỡi dao tẩm độc vào lưng ta không... thọc chậm chậm, xuyên qua tẩm chắn? Liệu ông ấy có người thừa kế khác không?*

Cứ để nó nếm trải cái khoảnh khắc khiếp sợ này, Nam tước nghĩ trong khi đi sau lưng đứa cháu. Nó sẽ kế vị ta, nhưng vào lúc nào là tùy ta chọn. Ta sẽ không để nó vứt bỏ những gì ta đã gây dựng nên!

Feyd-Rautha cố không đi quá nhanh. Cậu cảm thấy da lưng sồn gai ốc, như thể chính cơ thể cậu đang tự hỏi khi nào thì cú đâm sẽ đến. Cơ bắp cậu hết căng rồi lại giãn.

“Cháu đã nghe tin mới nhất từ Arrakis chưa?” Nam tước hỏi.

“Chưa ạ, thưa Bá phụ.”

Feyd-Rautha buộc mình không ngoái lại. Cậu rẽ vào hành lang dẫn ra khỏi chái nhà dành cho gia nhân.

“Đám Fremen đã có một nhà tiên tri hay một thứ lãnh tụ tôn giáo mới nào đó,” Nam tước nói. “Họ gọi hắn là Muad'Dib. Ngộ thật đấy chứ. Thế có nghĩa là ‘Con Chuột’. Ta đã bảo Rabban cứ để chúng có tôn giáo của chúng. Nó sẽ khiến chúng bận rộn.”

“Rất thú vị, thưa Bá phụ,” Feyd-Rautha nói. Cậu rẽ vào hành lang riêng dẫn đến khu phòng của ông bác, tự hỏi: *Tại sao ông ta lại nói về tôn giáo? Liệu có ý bóng gió tinh vi nào đó với ta không?*

“Ừ, thú vị phải không,” Nam tước nói.

Họ bước vào khu phòng của Nam tước, ngang qua một phòng tiếp khách rồi vào buồng ngủ. Những dấu hiệu khó nhận thấy của một cuộc vật lộn

đón chào họ ở đây - một chiếc đèn treo bị dời khỏi chỗ, một chiếc nệm giường chổng chơ giữa sàn, một ống thuốc an thần tung tóe trên khắp chiếc tủ đầu giường.

“Kế hoạch thông minh lắm,” Nam tước nói. Ngài vặn tấm chắn bảo vệ cơ thể lên mức tối đa, dừng lại, đối diện với đứa cháu. “Nhưng chưa đủ thông minh. Nói ta nghe nào, Feyd, tại sao tự cháu không quật ngã ta đi? Cháu có đủ cơ hội mà.”

Feyd-Rautha tìm thấy một chiếc ghế treo, vừa làm một động tác nhún vai trong tâm trí vừa ngồi xuống ghế mà không đợi ông bác bảo.

Giờ thì ta phải gan lì, cậu nghĩ.

“Bá phụ đã dạy cháu rằng bàn tay của chính cháu thì phải sạch,” cậu nói.

“À, phải,” Nam tước nói. “Khi đối mặt với Hoàng đế, cháu phải có khả năng nói rất thành thật rằng việc đó cháu không làm. Mụ phù thủy đứng sát nách Hoàng đế sẽ nghe những lời cháu nói mà biết là nói thật hay nói dối. Phải. Ta đã cảnh báo cháu về điều đó.”

“Tại sao Bá phụ chưa bao giờ mua cho mình một Bene Gesserit ợ?” Feyd-Rautha hỏi. “Nếu như có một Người Nói Sự thật ở bên mình thì Bá phụ...”

“Cháu biết sở thích của ta mà!” Nam tước cắn cẩu nói.

Feyd-Rautha quan sát kỹ ông bác, rồi nói: “Dù sao, một Bene Gesserit thì sẽ có giá trị vì...”

“Ta không tin họ!” Nam tước gầm gừ. “Cháu thôi cái trò cố đổi đề tài đi!”

Feyd-Rautha nói nhẹ nhàng: “Tùy ý người, thưa Bá phụ.”

“Ta nhớ có một lần trên đấu trường cách đây mấy năm,” Nam tước nói.

“Hình như là cái hôm một tên nô lệ được sắp đặt sẵn để giết cháu. Có thực là thế không nhỉ?”

“Chưa lâu lắm đâu, thưa Bá phụ. Xét cho cùng, cháu...”

“Đừng lảng tránh nào,” Nam tước nói, và sự căng thẳng trong giọng ngài bộc lộ sự kiềm chế cơn giận của ngài.

Feyd-Rautha nhìn ông bác, nghĩ thầm: *Ông ta biết, không thì đã chẳng hỏi.*

“Chuyện ấy là giả mạo, thưa Bá phụ. Cháu đã thu xếp vụ đó để làm Bá phụ mất lòng tin ở tay chủ nô của Bá phụ.”

“Thông minh lắm,” Nam tước nói. “Gan dạ nữa. Tên đầu sĩ-nô lệ đó suýt lấy mạng cháu, phải không?”

“Vâng.”

“Nếu cháu có sự mưu lược và tinh tế sánh ngang với lòng can đảm đó thì cháu sẽ thật sự đáng sợ.” Nam tước lắc đầu. Và giống như bao nhiêu lần kể từ cái ngày khủng khiếp đó ở Arrakis, ngài nhận ra mình tiếc rằng đã mất Piter, một Mentat. Ấy là một người tinh tế, quá ư tinh tế đến hầu như quý quýệt. Nhưng điều đó đã không cứu được hắn ta. Một lần nữa, Nam tước lại lắc đầu. Số phận đôi khi thật khôn lường.

Feyd-Rautha liếc quanh căn phòng ngủ, nghiên cứu những dấu vết của cuộc vật lộn, tự hỏi làm cách nào ông bác lại chế ngự được tên nô lệ mà bọn họ đã chuẩn bị kỹ càng đến thế.

“Làm sao ta thắng được hắn ư?” Nam tước hỏi. “Ái chà chà, Feyd ơi - hãy để ta giữ lại vài món vũ khí để tự vệ lúc tuổi cao sức yếu chứ. Tốt hơn là chúng ta hãy dùng khoảng thì giờ này để ký kết một giao kèo.”

Feyd-Rautha nhìn Nam tước chăm chăm. *Giao kèo! Vậy thì nhất định ông ta vẫn có ý giữ ta làm người thừa kế. Chứ không thì giao kèo giao kết*

làm gì. Người ta chỉ ký giao kèo với những kẻ ngang hàng hoặc gần ngang hàng mình thôi!

“Giao kèo gì, thưa Bá phụ?” Và Feyd-Rautha cảm thấy tự hào rằng giọng cậu vẫn bình thản và chừng mực, không để lộ chút hân hoan nào đang tràn ngập lòng cậu.

Nam tước cũng nhận thấy sự tự kiểm chế đó. Ngài gật đầu. “Cháu là chất liệu tốt, Feyd ạ. Chất liệu tốt thì ta không bỏ phí. Tuy nhiên, cháu cứ khẳng khẳng không chịu tìm hiểu giá trị đích thực của ta đối với cháu. Cháu thật cứng đầu. Cháu không hiểu tại sao phải giữ gìn ta như một kẻ có giá trị tốt cùng đối với cháu. Chuyện này...” Ngài ra hiệu về phía bằng chứng của cuộc vật lộn trong phòng ngủ. “Chuyện này thật ngu xuẩn. Ta không thưởng cho sự ngu xuẩn.”

Vào chuyện chính đi, thằng già ngu xuẩn! Feyd-Rautha nghĩ.

“Cháu nghĩ ta là một thằng già ngu xuẩn,” Nam tước nói. “Ta phải khuyên cháu đừng nghĩ như vậy nữa.”

“Bá phụ đã nói đến chuyện giao kèo.”

“Ái chà, sự nôn nóng của tuổi trẻ,” Nam tước nói. “Thôi được, vậy thì thực chất của giao kèo là thế này: Cháu phải thôi những mưu toan ngu xuẩn nhằm lấy mạng ta. Còn ta, khi cháu đã sẵn sàng, ta sẽ tránh sang bên để nhường cho cháu. Ta sẽ rút lui về vị trí cố vấn, dành cho cháu chỗ ngồi quyền lực.”

“Rút lui ư, Bá phụ?”

“Cháu vẫn đang nghĩ ta là thằng ngu,” Nam tước nói, “và chuyện này chỉ càng xác nhận điều cháu nghĩ, phải không? Cháu nghĩ ta đang van xin cháu! Bước cho cẩn thận vào, Feyd. Thằng già ngu xuẩn này nhìn thấu cây kim được bảo vệ bằng tấm chắn mà cháu đã cắm vào bắp đùi thằng nô lệ đó. Ngay chỗ ta đặt tay lên, hả? Chỉ cần ép vào thật nhẹ là - phập! Một mũi kim tấm độc sẽ cắm lút vào lòng bàn tay thằng già ngu xuẩn! Ái chà chà, Feyd ơi...”

Nam tước vừa lắc đầu vừa nghĩ: *Nếu Hawat không cảnh báo ta thì cái kim đã cắm vào tay ta rồi. Chà, cứ để thằng nhóc tin rằng tự ta đã nhìn thấu âm mưu của nó. Theo cách nào đó, đúng là tự ta thấy đấy chứ. Ta chính là người cứu sống Hawat từ đống hoang tàn của Arrakis. Và thằng nhóc này thì cần phải tôn trọng sự tinh thông thao lược của ta nhiều hơn nữa.*

Feyd-Rautha vẫn im lặng, đấu tranh với chính mình. *Ông ta có thành thật không? Có thật là ông ta định rút lui không? Sao lại không chứ? Ta tin chắc nếu hành động cần trọng thì một ngày nào đó ta sẽ kế vị ông ta. Ông ta không thể sống đời đời được. Có lẽ đúng là ngu xuẩn nếu cứ cố đẩy ông ta vào chỗ chết sớm hơn.*

“Bá phụ đang nói đến chuyện giao kèo,” Feyd-Rautha nói. “Chúng ta đưa ra lời cam kết nào nhằm ràng buộc nó?”

“Làm sao chúng ta có thể tin cậy nhau, hử?” Nam tước hỏi. “Được thôi, Feyd ạ, về phần cháu: Ta đang cắt đặt Thufir Hawat giám sát cháu. Trong việc này thì ta tin ở năng lực Mentat của Hawat. Cháu hiểu ta không? Còn về phần ta, cháu sẽ phải tin tưởng ta. Nhưng ta không thể sống đời đời được, phải không nào, Feyd? Và giờ thì có lẽ cháu sẽ bắt đầu ngờ rằng có những điều ta biết mà cháu cũng nên biết.”

“Cháu trao cho Bá phụ lời cam kết của cháu, còn Bá phụ trao gì cho cháu đây?” Feyd-Rautha hỏi.

“Ta cho cháu tiếp tục sống,” Nam tước nói.

Một lần nữa, Feyd-Rautha nghiên cứu kỹ càng ông bác. *Ông ta cắt đặt Hawat theo dõi ta! Ông ta sẽ nói gì nếu ta bảo rằng chính Hawat đã bày ra cái mẹo dùng tên đấu sĩ mà rớt cuộc khiến ông ta phải trả giá bằng chính tên chủ nô của mình? Hẳn ông ta sẽ bảo rằng ta nói dối nhằm khiến Hawat bị mất tín nhiệm. Không, Thufir tài giỏi là một Mentat nên đã lường trước được khoảnh khắc này.*

“Nào, cháu nói gì đây?” Nam tước hỏi.

“Cháu còn nói gì được chứ? Dĩ nhiên là cháu chấp thuận.”

Và Feyd-Rautha nghĩ: *Hawat! Hắn ta khích hai bên đấu đá nhau để hắn đứng giữa mà hưởng lợi... có phải vậy không? Có phải hắn đã chuyển sang phe ông bác vì ta đã không hỏi ý hắn cái chiêu sử dụng thẳng nô lệ?*

“Cháu chưa nói gì về việc ta cử Hawat giám sát cháu,” Nam tước nói.

Feyd-Rautha để lộ nỗi tức giận bằng cách phình mũi ra. Cái tên Hawat từng là dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm trong gia tộc Harkonnen trong suốt bao nhiêu năm... thế rồi giờ đây nó lại có một ý nghĩa mới: vẫn nguy hiểm.

“Hawat là một món đồ chơi nguy hiểm,” Feyd-Rautha nói.

“Đồ chơi! Đừng có ngu ngốc nào. Ta biết ta có được gì ở Hawat và làm cách nào làm chủ nó. Hawat có những cảm xúc sâu sắc, Feyd ạ. Người không có cảm xúc mới đáng sợ. Nhưng còn cảm xúc sâu sắc... ái chà, cái ấy thì có thể uốn nắn được tùy theo nhu cầu của ta.”

“Cháu không hiểu người, thưa Bá phụ.”

“Phải, chuyện đó thì đủ rõ rồi.”

Chỉ một cái rung mí mắt là để lộ nỗi căm uất vừa tràn qua Feyd-Rautha.

“Và cháu cũng không hiểu Hawat,” Nam tước nói.

Ông thì cũng chẳng hiểu! Feyd-Rautha nghĩ.

“Hawat đổ lỗi cho ai về hoàn cảnh hiện giờ của hắn ta?” Nam tước hỏi.
“Ta ư? Chắc chắn rồi. Nhưng hắn là một công cụ Atreides và đã thắng ta suốt nhiều năm mãi cho tới khi Đế quốc nhúng tay vào. Hắn thì hắn thấy như vậy đó. Hắn thù ghét ta là chuyện thường tình. Hắn tin rằng hắn có thể thắng ta bất cứ lúc nào. Tin như vậy nhưng rồi hắn đã bị ta đánh bại. Bởi ta đã hướng sự chú ý của hắn vào nơi ta muốn - chống lại Đế quốc.”

Sự căng thẳng của một thông tin mới mẻ khiến trán Feyd-Rautha nhăn lại, làm miệng cậu mím chặt. “Chống lại Hoàng đế ư?”

Cứ để thằng cháu yêu dấu của ta nắm thử mùi vị của điếu đó, Nam tước nghĩ. Cứ để nó tự nhủ: “Hoàng đế Feyd-Rautha Harkonnen!” Cứ để nó tự hỏi điếu đó đáng giá bao nhiêu. Nhất định là đáng giá cái mạng một lão bác già nua, kẻ có thể làm cho giấc mơ đó trôi qua mất!

Chầm chậm, Feyd-Rautha liếm môi. Liệu những gì lão già ngu xuẩn nói có thật không? Hình như không chỉ có vậy mà còn gì đó hơn thế.

“Nhưng Hawat thì liên quan gì đến chuyện này?” Feyd-Rautha hỏi.

“Hắn nghĩ hắn đang lợi dụng chúng ta để trút sự báo thù lên Hoàng đế.”

“Vậy khi nào điếu đó sẽ được thực hiện?”

“Hắn không nghĩ xa hơn sự báo thù của hắn. Hawat là kẻ phải phục vụ người khác, và thậm chí hắn không biết điều này về chính hắn.”

“Cháu đã học được nhiều từ Hawat,” Feyd-Rautha đồng ý, và cảm thấy sự thực của những lời cậu nói ra. “Nhưng càng học, cháu càng cảm thấy chúng ta nên loại bỏ y... càng sớm càng tốt.”

“Cháu không thích bị hắn giám sát à?”

“Hawat giám sát bất cứ ai.”

“Nhưng hắn có thể đặt cháu lên ngôi. Hawat là kẻ khôn ngoan. Hắn nguy hiểm, thủ đoạn. Nhưng ta vẫn chưa ngưng cho hắn uống thuốc giải độc. Gươm thì nguy hiểm, Feyd ạ. Nhưng với thanh gươm này chúng ta có bao gươm. Độc được đang nằm bên trong hắn. Khi nào chúng ta ngưng cho hắn uống thuốc giải độc, cái chết sẽ tra hắn vào vỏ.”

“Theo cách nào đó thì cũng như trên đấu trường,” Feyd-Rautha nói. “Đòn

nhử bên trong đòn nhử trong đòn nhử. Ta quan sát để xem tên đấu sĩ cúi người ra sao, hấn nhìn theo cách nào, hấn cầm dao thế nào.”

Cậu gật gù, nhận ra những lời đó làm ông bác hài lòng, nhưng bụng nghĩ: *Phải, như trên đấu trường! Và cạnh chém là tâm trí!*

“Giờ thì cháu thấy cháu cần ta như thế nào chứ,” Nam tước nói. “Ta chưa hết hữu dụng đâu, Feyd ạ.”

Một thanh gươm cần được vung lên chừng nào nó chưa quá cùn đến nỗi không dùng được, Feyd-Rautha nghĩ.

“Vâng, thưa Bá phụ,” cậu nói.

“Giờ thì chúng ta sẽ đi xuống khu nô lệ, hai bác cháu ta,” Nam tước nói. “Và ta sẽ quan sát trong khi cháu, bằng chính đôi tay cháu, giết tất cả bọn đàn bà ở khu vui vẻ đó.”

“Bá phụ!”

“Sẽ có những con đàn bà khác, Feyd ạ. Nhưng ta đã nói rằng cháu chớ phạm sai lầm do khinh suất với ta.”

Mặt Feyd-Rautha sạm lại. “Thưa Bá phụ, người...”

“Cháu phải chấp nhận hình phạt và học lấy đôi điều từ đó,” Nam tước nói.

Feyd-Rautha bắt gặp cái nhìn hằm hê trong mắt ông bác. *Và ta phải nhớ cái đêm này, cậu nghĩ. Và, đã nhớ nó, ta cũng phải nhớ cả những đêm khác.*

“Cháu không được từ chối,” Nam tước nói.

Lão có thể làm gì nếu ta từ chối, hử lão già? Feyd-Rautha tự hỏi. Nhưng cậu biết có thể sẽ có một hình phạt khác, có lẽ tinh vi hơn, một cái đòn bẫy tàn bạo hơn để bắt cậu phải khuất phục.

“Ta biết cháu, Feyd ạ,” Nam tước nói. “Cháu sẽ không từ chối đâu.”

Được rồi, Feyd-Rautha nghĩ. Giờ thì ta cần lão. Ta hiểu. Giao kèo thế là ký xong. Nhưng không phải ta sẽ luôn luôn cần lão. Và... một ngày nào đó...

Sâu thẳm trong vô thức con người là nhu cầu sâu xa về một vũ trụ logic có ý nghĩa. Nhưng vũ trụ thực thì luôn luôn vượt trước logic một bước.

- trích “Dụ ngôn của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Ta từng ngồi đối diện với nhiều nhà cai trị của các Đại Gia tộc, nhưng chưa bao giờ thấy một con lợn nào ục ịch hơn và nguy hiểm hơn kẻ này, Thufir Hawat tự nhủ.

“Người có thể nói thẳng thắn với ta, Hawat ạ,” Nam tước nói giọng trầm trầm. Ngài ngả người vào chiếc ghế treo, cặp mắt löt thòm trong những nếp mỡ nhìn xoáy vào Hawat.

Vị Mentat già nhìn xuống chiếc bàn chấn giữa ông và Nam tước Vladimir Harkonnen, ghi nhận sự sang trọng của các thớ gỗ. Ngay cả điều này cũng là một nhân tố đáng phải xét tới khi đánh giá về Nam tước, cũng như những bức tường màu đỏ của phòng họp riêng này, như mùi cam thảo phảng phất trong không khí, che đậy một mùi xạ sâu hơn thế.

“Không phải ngẫu nhiên mà người bảo ta chuyển lời cảnh cáo đó tới Rabban,” Nam tước nói.

Khuôn mặt già nua thô kệch của Hawat vẫn bình thản, không để lộ chút ghê tởm nào trong lòng ông. “Tôi nghi ngờ nhiều thứ, thưa Chúa công,” ông nói.

“Phải. Thôi được, ta muốn biết Arrakis có liên quan thế nào đến những mối nghi ngờ của người về Salusa Secundus. Nếu người bảo ta rằng Hoàng đế đang sôi sục lên vì mối liên hệ nào đó giữa Arrakis và hành tinh giam tù bí ẩn của ông ta thì chưa đủ đâu. Vậy đây, ta đã vội vàng chuyển lời cảnh cáo đến Rabban chỉ vì tên đưa tin phải đi trên chiếc đại thương thuyền đó. Nhưng người đã nói chuyện này không thể chậm trễ. Được lắm. Nhưng giờ thì người phải giải thích cho ta rõ.”

Hắn lải nhải nhiều quá, Hawat nghĩ. Hắn không như Leto, ông ấy thì chỉ cần nhướn lông mày hay vẫy tay là đã đủ nói cho ta một điều gì đó rồi. Cũng không như Lão Công tước, người có thể diễn đạt cả một câu bằng cách nhấn giọng một từ độc nhất. Còn đây, một tên bị thật! Hủy diệt hắn sẽ là phụng sự loài người.

“Người sẽ không rời khỏi đây chừng nào ta chưa có được lời giải thích đầy đủ và trọn vẹn.”

“Ngài nói về Salusa Secundus thần nhiên quá,” Hawat nói.

“Đó là một thuộc địa dùng để giam tội nhân,” Nam tước nói. “Những thành phần bất hảo tồi tệ nhất trong thiên hà này đều bị đưa tới Salusa Secundus. Chúng ta cần biết gì khác nữa chứ?”

“Cần biết rằng điều kiện sống trên hành tinh nhà tù đó tàn tệ hơn bất cứ nơi nào khác,” Hawat nói. “Ngài nghe nói tỷ lệ chết ở số tù nhân mới đến là trên sáu mươi phần trăm. Ngài nghe nói Hoàng đế thi hành đủ thứ hình thức áp bức ở đó. Ngài nghe tất cả những điều đó mà không đặt câu hỏi nào ư?”

“Hoàng đế không cho phép các Đại Gia tộc thanh sát nhà tù của ngài,” Nam tước găm gù. “Nhưng Người cũng chưa điều tra các nhà ngục của ta.”

“Và tò mò về Salusa Secundus là... à...” Hawat đặt một ngón tay lên môi, “... không được phép.”

“Vì vậy Hoàng đế không tự hào về một vài điều Người phải làm ở đó!”

Hawat cho phép một nụ cười cực nhẹ thoáng qua cặp môi thâm. Mắt ông lóe sáng dưới ánh đèn cầu trong khi ông nhìn chăm chú vào Nam tước. “Và ngài chưa bao giờ tự hỏi Hoàng đế lấy đâu ra đội quân Sardaukar của Người sao?”

Nam tước trề cặp môi múp. Động tác này khiến nét mặt ngài giống như

của một đứa bé đang phụng phịu, và giọng ngài mang vẻ hờn dỗi khi ngài nói: “Ừ thì sao... Hoàng đế tuyển mộ... tức là, có những quân đoàn, và Người tuyển lựa ra từ...”

“Chậc!” Hawat ngắt lời. “Những chuyện ngài nghe kể về các kỳ tích của quân Sardaukar, ấy không phải là đồn suông phải không? Mà đó là lời kể trực tiếp từ đám ba kẻ còn sống sót sau khi đánh nhau với quân Sardaukar, phải không nào?”

“Quân Sardaukar là những chiến binh kiệt xuất, nhất định là thế,” Nam tước nói. “Nhưng ta nghĩ quân của chính ta...”

“So ra thì chỉ là một đám người đi chơi ngày nghỉ thôi!” Hawat vạch lại. “Ngài tưởng tôi không biết tại sao Hoàng đế quay ra chống lại Gia tộc Atreides sao?”

“Đây không phải lĩnh vực người được phép luận bàn,” Nam tước cảnh cáo.

Có thể nào ngay cả hắn cũng chẳng biết trong vụ này đâu là động cơ thúc đẩy Hoàng đế? Hawat tự hỏi.

“Bất cứ lĩnh vực nào cũng là lĩnh vực tôi được phép luận bàn nếu đó là việc mà ngài thuê tôi làm,” Hawat nói. “Tôi là Mentat. Ngài đừng giấu giếm thông tin hay những cách tính toán đối với một Mentat.”

Trong một phút dài dằng dặc, Nam tước nhìn chăm chăm Hawat, rồi nói: “Nói cho ta nghe điều người phải nói đi, Mentat.”

“Hoàng đế Padishar đã quay sang chống lại Gia tộc Atreides bởi các Bạc thầy Binh pháp của Công tước là Gurney Halleck và Duncan Idaho đã huấn luyện một lực lượng chiến đấu - một lực lượng chiến đấu *nhỏ* - tinh nhuệ đến mức chỉ chênh lệch không hơn sợi tóc so với Sardaukar. Vài người trong số đó thậm chí còn tinh nhuệ hơn. Và Công tước lại ở trong thế có thể mở rộng lực lượng của ông ấy, làm cho nó hùng mạnh chẳng kém chút nào so với của Hoàng đế.”

Nam tước ngẫm nghĩ về tiết lộ này, rồi nói: “Arrakis thì liên quan gì ở đây?”

“Nó là cả một kho cung cấp những tân binh đã quen với sự huấn luyện nghiệt ngã nhất để sống còn.”

Nam tước lắc đầu. “Người không định nói bọn Fremen đấy chứ?”

“Tôi muốn nói người Fremen.”

“Hà hà! Thế thì sao lại cảnh cáo Rabban? Không thể sót lại nhiều hơn một dúm Fremen sau khi quân Sardaukar tàn sát và Rabban đàn áp chúng.”

Hawat tiếp tục im lặng nhìn chăm chăm vào Nam tước.

“Không hơn một dúm!” Nam tước lặp lại. “Chỉ riêng năm ngoài Rabban đã giết sáu ngàn đứa!”

Hawat vẫn nhìn chăm chăm vào ngài.

“Còn năm kia thì chín ngàn,” Nam tước nói. “Và trước khi bỏ đi, quân Sardaukar chắc cũng đã giết ít nhất hai mươi ngàn đứa.”

“Tổng thất của quân Rabban trong hai năm qua là bao nhiêu?” Hawat hỏi.

Nam tước chà tay lên cơ hàm. “Ừ thì nó cũng phải tuyển thêm khá nhiều, chắc vậy. Các đại diện của nó đưa ra những lời hứa quá ư là hậu hĩ, cho nên...”

“Ta hãy nói cho tròn số là ba mươi ngàn chứ?” Hawat hỏi.

“Thế thì có vẻ hơi nhiều quá,” Nam tước nói.

“Ngược lại,” Hawat nói. “Tôi có thể đọc những gì không được nói tới trong báo cáo của Rabban cũng chuẩn xác chẳng kém gì ngài. Và chắc

chấn ngài phải biết những báo cáo của tôi thu thập được từ các đặc vụ của chúng ta.”

“Arrakis là một hành tinh hung dữ,” Nam tước nói. “Tổn thất vì bão có thể...”

“Cả hai chúng ta đều biết bão có thể phát triển lên tới mức nào,” Hawat nói.

“Cứ cho Rabban đã mất ba mươi ngàn lính, thì đã sao?” Nam tước hỏi, và máu làm mặt ngài sạm lại.

“Theo cách tính của chính ngài, hai năm qua Rabban đã giết mười lăm ngàn trong khi hẳn mất gấp đôi số đó. Ngài nói quân Sardaukar giết thêm hai mươi ngàn nữa, có thể nhiều hơn một chút. Và tôi đã thấy bản kê khai chuyển quân khi họ từ Arrakis trở về. Nếu giết hai mươi ngàn người Fremen thì họ hầu như đã mất năm người để đổi lấy một. Sao ngài không đối mặt với những con số đó để hiểu rằng chúng có nghĩa gì, hử Nam tước?”

Nam tước nói bằng ngữ điệu đều đều lạnh lùng: “Đó là việc của người, Mentat. Chúng có nghĩa gì?”

“Tôi đã cho ngài số đầu người mà Duncan Idaho tính được tại sietch anh ta đến thăm,” Hawat nói. “Tất cả đều khớp. Nếu họ chỉ có hai trăm năm mươi cộng đồng sietch như vậy, dân số họ sẽ vào khoảng năm triệu. Theo ước tính gần đúng nhất của tôi, họ có ít nhất gấp đôi số cộng đồng như thế. Ngài cho dân của ngài tứ tán trên một hành tinh như vậy đấy.”

“Mười triệu?”

Cơ hàm Nam tước run run vì sửng sốt.

“Ít nhất.”

Nam tước trề cặp môi núc ních. Cặp mắt tròn ươn ướt của ngài nhìn

chòng chọc không nao núng vào Hawat. *Đó có thật là cách tính toán của Mentat không?* ngài tự hỏi. *Nếu đúng vậy thì tại sao không ai ngờ tới?*

“Thậm chí chúng ta đã không can thiệp mạnh vào mức tăng tỉ lệ sinh của họ,” Hawat nói. “Chúng ta chỉ loại bỏ một số mẫu kém thành công của họ, nhưng chừa lại những mẫu khỏe mạnh để chúng lớn lên còn mạnh hơn - hết như trên Salusa Secundus.”

“Salusa Secundus!” Nam tước vặc lại. “Chuyện này thì can dự gì tới hành tinh giam tù của Hoàng đế cơ chứ?”

“Một người sống sót ở Salusa Secundus thì ngay từ đầu đã dạn dày hơn hầu hết kẻ khác,” Hawat nói. “Khi ngài bổ sung vào đó sự huấn luyện quân sự tốt nhất thì...”

“Bậy bạ! Cứ theo lập luận của người thì ngay cả *ta* cũng có thể tuyển quân từ bọn Fremen sau khi chúng đã bị thằng cháu ta đàn áp theo cách đó.”

Hawat nói giọng ôn tồn: “Ngài không đàn áp bất kỳ đội quân nào của ngài sao?”

“Ờ thì... ta... nhưng...”

“Đàn áp là một vấn đề tương đối,” Hawat nói. “Những chiến binh của ngài vẫn vượt trội so với những kẻ quanh họ, phải không nào? Họ thấy làm lính cho Nam tước là một lựa chọn không mấy dễ chịu sao?”

Nam tước im lặng, mắt lơ đãng. Các khả năng... liệu có phải Rabban đã vô tình trao cho Gia tộc Harkonnen thứ vũ khí tối hậu của nó không?

Ngay sau đó ngài nói: “Làm sao người tin chắc về lòng trung thành của những tân binh như thế?”

“Tôi sẽ tuyển họ thành từng nhóm nhỏ, không đông hơn quân số một trung đội,” Hawat nói. “Tôi sẽ đưa họ thoát khỏi hoàn cảnh bị áp bức và cách ly họ ra với một ban huấn luyện gồm những người hiểu rõ lai lịch

họ, tốt nhất là những người đi trước xuất thân từ chính hoàn cảnh bị áp bức như thế. Rồi tôi sẽ khiến tâm trí họ tràn ngập cái huyền thoại rằng hành tinh của họ thực ra là một cơ sở đào tạo bí mật để cho ra những sinh vật ưu việt như họ. Đồng thời tôi sẽ cho họ thấy những sinh vật ưu việt như vậy thì có thể được gì: ăn sung mặc sướng, gái đẹp, nhà cao cửa rộng... muốn gì được nấy.”

Nam tước bắt đầu gật gật. “Kiểu như Sardaukar vẫn sống ở nhà vậy.”

“Dần dà đám tân binh sẽ đâm ra tin rằng một nơi như Salusa Secundus tồn tại là có lý bởi vì nó sinh ra những người như họ - những người ưu việt. Xét trên nhiều phương diện, một binh sĩ Sardaukar tầm thường nhất cũng sống một cuộc sống xa hoa chẳng kém bất cứ thành viên nào của Đại Gia tộc!”

“Thế mới là ý tưởng chứ!” Nam tước thì thầm.

“Ngài bắt đầu chia sẻ những ngờ vực của tôi rồi đó,” Hawat nói.

“Một chuyện như thế bắt đầu từ đâu?” Nam tước hỏi.

“À vâng: Gia tộc Corrino xuất phát từ đâu? Có phải Salusa Secundus từng có người ở từ trước khi Hoàng đế đưa những đợt tù nhân đầu tiên lên đó không? Ngay cả Công tước Leto, một người anh em họ về bên ngoại, cũng không bao giờ biết chắc. Những câu như vậy không nên hỏi.”

Mắt Nam tước đờ đẫn vì suy nghĩ. “Phải, một bí mật được cẩn thận giữ gìn. Người ta sẽ dùng bất cứ phương tiện nào...”

“Vớ lại, có chuyện gì phải giấu cơ chứ?” Hawat hỏi. “Rằng Hoàng đế Padishah có một hành tinh giam tù ư? Chuyện đó ai cũng biết. Rằng người có...”

“Bá tước Fenring!” Nam tước buột miệng.

Hawat ngừng bật, nhú mày bối rối, nhìn kỹ Nam tước. “Bá tước Fenring thì sao?”

“Vào ngày sinh nhật của cháu ta cách đây mấy năm,” Nam tước nói, “gã công tử bột thay mặt cho Đế chế, cái tay Bá tước Fenring ấy, đã đến với tư cách quan sát viên chính thức và để... ái chà, để ký kết một thỏa thuận làm ăn giữa Hoàng đế với ta.”

“Rồi sao?”

“Ta... ờ, trong cuộc trò chuyện nào đó giữa ta với hắn, chắc là ta đã nói gì đó về chuyện biến Arrakis thành một hành tinh nhà tù. Fenring...”

“Đích xác là ngài đã nói gì?” Hawat hỏi.

“Đích xác ư? Cũng lâu rồi thành thử...”

“Thưa Nam tước kính mến, nếu ngài muốn tận dụng tối ưu sự phụng sự của tôi, ngài phải cho tôi đầy đủ thông tin. Cuộc trò chuyện đó có được ghi âm lại không?”

Mặt Nam tước sa sầm vì giận dữ. “Người cũng tồi chả kém Piter! Ta không ưa những...”

“Piter không còn bên ngài nữa, thưa Chúa công,” Hawat nói. “Về chuyện đó, thật ra điều gì đã xảy ra với Piter vậy?”

“Hắn đã trở nên quá suồng sã, quá nhùng nhể đối với ta.” Nam tước nói.

“Ngài quả quyết với tôi rằng một kẻ hữu ích thì ngài không phung phí,” Hawat nói. “Liệu ngài có phung phí tôi bằng những lời đe dọa và loanh quanh ngụy biện không? Chúng ta đang bàn về những gì ngài đã nói với Bá tước Fenring.”

Chậm chậm, Nam tước lấy lại vẻ bình tĩnh. *Khi tới lúc, ta sẽ nhớ cái kiểu tên này cư xử với ta*, ngài nghĩ. *Phải, ta sẽ nhớ.*

“Đợi một chút,” Nam tước nói, rồi ngài cố hồi tưởng về cuộc gặp gỡ

trong đại sảnh. Nhờ hình dung cái nón lạng nơi họ đã đứng, ngài nhớ lại dễ hơn. “Ta đã nói thế này,” Nam tước nói. “‘Hoàng đế biết rằng xưa nay giết chóc ở mức độ nhất định luôn luôn là một phần quan trọng của kinh doanh.’ Ấy là ta đang nói tới những tổn thất về lực lượng lao động của chúng ta. Rồi ta nói gì đó về chuyện nên cân nhắc một giải pháp khác đối với vấn đề Arrakeen, và ta có nói là hành tinh giam tù của Hoàng đế đã gợi ý cho ta bắt chước người.”

“Thật quý quýệt!” Hawat bật ra. “Thế Fenring nói gì?”

“Chính khi đó hãn bắt đầu hỏi ta về người.”

Hawat ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại suy nghĩ. “Ra là vì vậy mà họ bắt đầu để mắt tới Arrakis,” ông nói. “Được, thế là xong rồi.” Ông mở mắt ra. “Hiện giờ họ ắt phải có gián điệp ở khắp Arrakis. Đã hai năm còn gì!”

“Nhưng nhất định cái đề xuất vô hại của ta...”

“Trong mắt Hoàng đế thì chẳng có gì là vô hại cả! Ngài đã chỉ thị những gì cho Rabban?”

“Chỉ là hãn cần phải dạy cho Arrakis biết sợ chúng ta.”

Hawat lắc đầu. “Bây giờ ngài có hai cách, thưa Nam tước. Ngài có thể giết hết dân bản địa, quét sạch hoàn toàn bọn họ, hoặc...”

“Phung phí toàn bộ một lực lượng lao động sao?”

“Ngài có muốn Hoàng đế cùng các Đại gia tộc mà Người vẫn còn sai khiến được theo Người tới đây để nạo Giedi Prime như nạo quả bầu rỗng ruột không?”

Nam tước sầm soi vị Mentat của mình, rồi nói: “Hoàng đế không dám đâu!”

“Người không dám ư?”

Môi Nam tước khẽ run. “Cách kia của người là gì?”

“Từ bỏ đứa cháu yêu của ngài, Rabban.”

“Từ...” Nam tước nói không hết câu, nhìn Hawat trừng trừng.

“Đừng gửi thêm quân cho hắn nữa, không giúp đỡ gì hết. Đừng trả lời thư của hắn, ngoại trừ cho biết ngài nghe nói hắn đang xử lý mọi việc trên Arrakis tệ hại đến thế nào và ngài có ý định tiến hành những biện pháp chấn chỉnh ngay khi có thể. Tôi sẽ thu xếp để một số thư của ngài bị các gián điệp của Đế quốc đọc trộm.”

“Nhưng còn hương được, còn doanh thu, còn...”

“Hãy đòi hỏi phần lãi ngài có quyền hưởng với tư cách Nam tước, nhưng hãy cẩn thận, phải đòi hỏi cho đúng cách. Hãy yêu cầu những khoản tiền cố định từ Rabban. Chúng ta có thể...”

Nam tước lật ngửa hai bàn tay lên. “Nhưng làm sao ta biết chắc được thằng cháu lẩn như chạch của ta không...”

“Chúng ta vẫn có gián điệp của mình trên Arrakis. Bảo Rabban là hắn phải đáp ứng được hạn ngạch hương được mà ngài ấn định, nếu không hắn sẽ bị thay bằng người khác.”

“Ta biết cháu ta,” Nam tước nói. “Điều này chỉ khiến hắn càng áp bức dân chúng dữ hơn thôi.”

“Dĩ nhiên hắn sẽ làm thế!” Hawat nói sảng. “Ngài có cần chuyện đó chấm dứt đâu nào! Ngài chỉ cần đôi tay ngài sạch sẽ. Cứ để Rabban thay ngài tạo ra Salusa Secundus của ngài. Thậm chí chẳng cần gửi thêm tù nhân cho hắn nữa. Hắn đã có toàn bộ đám dân cần có rồi. Nếu Rabban vắt kiệt sức dân của hắn hầu đáp ứng được hạn ngạch hương được của ngài, Hoàng đế sẽ không phải ngờ tới động cơ nào khác nữa. Một lý do đó là đủ để cả hành tinh thành địa ngục trần gian. Còn ngài, Nam tước, ngài sẽ

không để một lời nói hay hành động nào lộ ra rằng việc đó còn có lý do khác.”

Nam tước không nén nổi âm điệu khâm phục kín đáo trong giọng nói. “Ái chà, Hawat, người là kẻ ranh ma thủ đoạn. Vậy, làm cách nào chúng ta chuyển đến Arrakis để mà tận dụng những gì Rabban chuẩn bị?”

“Đó là vấn đề đơn giản nhất, Nam tước ạ. Nếu ngài ấn định hạn ngạch cứ năm sau lại cao hơn năm trước một chút, mọi chuyện chẳng mấy chốc sẽ lâm vào khủng hoảng. Sản lượng sẽ giảm sút. Ngài có thể đuổi cổ Rabban rồi tự mình tiếp quản... để chấn chỉnh mớ bòng bong.”

“Khớp lắm,” Nam tước nói. “Nhưng ta cảm thấy mệt mỏi với toàn bộ chuyện này rồi. Ta đã chuẩn bị sẵn một người khác để tiếp quản Arrakis thay ta.”

Hawat quan sát bộ mặt béo ị tròn xoay phía bên kia bàn. Chậm rãi, tay gián điệp-chiến binh già gật gật đầu. “Feyd-Rautha,” ông nói. “Vậy đó là lý do để áp bức đám dân đen. Chính ngài là một tay rất ranh ma thủ đoạn, thừa Nam tước. Hẳn chúng ta có thể kết hợp hai ý đồ này lại với nhau. Phải. Feyd-Rautha của ngài có thể đến Arrakis như là vị cứu tinh của họ. Hẳn có thể lấy lòng dân chúng. Phải.”

Nam tước mỉm cười. Và đằng sau nụ cười của ngài, ngài tự hỏi: *Giờ thì, điều này sẽ khớp như thế nào với ý đồ cá nhân của Hawat đây?*

Và Hawat, nhận ra Nam tước vừa đuổi mình đi, liền đứng dậy rời khỏi căn phòng tường đỏ. Trong khi đi, ông không sao xua được những điều chưa biết khiến ông lo âu, chúng cứ len vào bất cứ phép tính nào về Arrakis. Vị lãnh tụ tôn giáo mới mà Gurney Halleck bóng gió nhắc tới từ chỗ ẩn nấp của ông ta giữa đám buôn lậu, vị Muad'Dib đó.

Có lẽ đúng ra ta không nên nói với Nam tước rằng cứ để cái tôn giáo này hưng thịnh ở nơi nó sẽ hưng thịnh, thậm chí giữa đám dân ở pan và graben, ông nghĩ. Nhưng ai cũng biết, đàn áp chỉ khiến cho một tôn giáo càng hưng thịnh.

Và ông nghĩ tới các báo cáo của Halleck về những chiến thuật của người Fremen. Những chiến thuật sắc mùi Halleck... và Idaho... và thậm chí là Hawat.

Idaho còn sống không? ông tự hỏi.

Nhưng đó là một câu hỏi vô ích. Ông còn chưa tự hỏi mình liệu Paul có thể còn sống hay không. Ông biết Nam tước tin rằng toàn gia tộc Atreides đã chết. Mụ phù thủy Bene Gesserit đã là vũ khí của lão, chính Nam tước thừa nhận vậy. Điều đó chỉ có thể có nghĩa là chấm dứt rồi, chấm dứt cả rồi - ngay cả với đứa con trai của chính mụ đàn bà đó.

Mụ ắt phải mang nỗi thù ghét độc địa nhường nào với nhà Atreides, ông nghĩ. Cái gì đó giống như nỗi thù ghét của ta với lão Nam tước này. Liệu cú đánh của ta có là cú đánh tối hậu và trọn vẹn như của mụ không?

Trong mọi vật đều có một mẫu hình nào đó vốn là một phần của vũ trụ. Nó có sự cân đối, thanh lịch và tao nhã, những phẩm tính mà ta luôn thấy ở những gì người nghệ sĩ đích thực nắm bắt được. Ta có thể tìm thấy nó vào những lúc chuyển mùa, trong dáng vẻ cát trườn dọc theo gờ đá, trong những chùm nhánh của bụi cây creosote hay trong mẫu hình những chiếc lá của nó. Chúng ta cố sao chép những mẫu hình đó trong cuộc sống và xã hội của chúng ta, tìm kiếm những tiết tấu, vũ điệu, những hình thức mang lại niềm thanh thản. Thế nhưng, cũng có thể nhìn thấy hiểm họa ẩn trong việc đi tìm sự hoàn hảo tối hậu. Rõ ràng mẫu hình tối ưu hàm chứa sự bất biến của nó. Trong sự hoàn hảo như vậy, mọi vật đều tiến về cái chết.

- trích từ “Tuyển Dụ ngôn của Muad’Dib” của Công chúa Irulan

Paul Muad’Dib nhớ lại rằng đã có một bữa ăn nồng đượm tinh chất hương được. Chàng bám lấy ký ức này bởi nó là một mỏ neo và từ vị trí này chàng có thể tự nhủ rằng trải nghiệm vừa rồi của chàng ắt phải là một giấc mơ.

Ta là một nhà hát của các vở diễn, chàng tự nhủ. Ta là con mồi của sự thâu thị bất toàn, của ý thức giống nòi và cái mục đích kinh khủng của nó.

Thế nhưng, chàng không thoát khỏi nỗi sợ rằng bằng cách nào đó chàng đã vượt quá chính mình, đã đánh mất vị trí của mình trong thời gian, nên quá khứ, tương lai và hiện tại đã hòa nhập vào nhau không phân biệt được. Đó là một kiểu mỗi một về thị giác và, chàng biết, nó bắt nguồn từ sự cần thiết phải liên tục nắm giữ tương lai tiên tri như một loại ký ức mà về thực chất là một cái thuộc về quá khứ.

Chani đã sửa soạn bữa ăn cho ta, chàng tự nhủ.

Thế nhưng Chani đang ở mãi phía Nam - ở cái xứ lạnh nơi mặt trời thì nóng - nấu mình ở một trong các thành trì sietch mới, an toàn cùng đứa con của hai người, Leto II.

Hay đó là điều vẫn chưa xảy ra?

Không, chàng tự trấn an mình, bởi Alia-Kẻ-Xa-Lạ, em gái chàng, đã đến đó cùng mẹ chàng và Chani - một chuyến đi dài hai mươi dùi gọi về phía Nam, ngồi trên chiếc kiệu dành cho Mẹ Chí tôn gắn chặt lên lưng một Ngài tạo chưa thuần.

Chàng gạt sang một bên ý nghĩ về việc cưới những con sâu khổng lồ, tự hỏi: *Hay Alia vẫn chưa ra đời nhỉ?*

Khi đó mình đang trong cuộc razzia, Paul nhớ lại. Chúng ta đang đột kích nhằm giành lại nước của những người phe ta đã chết ở Arrakeen. Và ta tìm thấy di hài của cha ta trên giàn hỏa táng. Ta cất giữ sọ cha ta vào một mô đá Fremen nhìn xuống Đèo Harg.

Hay chuyện đó chưa xảy ra?

Những vết thương của ta là thật, Paul tự nhủ. Những vết sẹo của ta là thật. Ngôi miếu thờ đầu lâu cha ta là thật.

Vẫn trong trạng thái như mơ, Paul nhớ lại rằng Harah, vợ của Jamis, đã có lần xộc vào phòng chàng mà nói đang có một trận đánh nhau trong hành lang của sietch. Đó là sietch trung gian trước khi phụ nữ và trẻ em được cho tiến sâu hơn về phía Nam. Khi đó Harah đứng nơi lối vào buồng trong, những món tóc đen của chị ta cột ra phía sau bằng chuỗi vòng đếm nước. Chị ta vệt những tấm rèm ngăn cửa buồng sang bên, bảo rằng Chani vừa giết ai đó.

Điều này đã xảy ra, Paul tự nhủ. Điều này là thực, không phải sinh ra ngoài dòng thời gian của nó và có thể thay đổi được.

Paul nhớ lại chàng đã học tốc lao ra, thấy Chani đang đứng dưới những chiếc đèn cầu hành lang màu vàng, quần quanh người tấm áo dài xanh rực rỡ, mũ trùm hất ra sau, khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng đỏ bừng lên vì gắng sức. Nàng đang tra dao vào vỏ. Một nhóm người lộn xộn đang hối hả khiêng một vật nặng đi về phía cuối hành lang.

Và Paul nhớ khi đó chàng tự nhủ: Mỗi khi người ta đang khiêng một cái xác đi, chỉ nhìn là biết.

Những vòng đếm nước của Chani - mà nàng mang công khai trong sietch này trên một sợi dây đeo quanh cổ - kêu lanh canh khi nàng ngoảnh lại phía chàng.

“Chani, chuyện gì vậy?” chàng hỏi.

“Em loại bỏ một kẻ đến thách anh đấu tay đôi, Usul ạ.”

“*Em* đã giết anh ta?”

“Vâng. Nhưng có lẽ em nên nhường hẳn lại cho Harah.”

(Và Paul nhớ lại khuôn mặt những người đang đứng quanh họ biểu lộ lòng cảm kích khi nghe những lời đó. Ngay cả Harah cũng bật cười.)

“Nhưng anh ta tới thách thức *anh* mà.”

“Chính anh đã dạy em cung cách huyền thuật kia mà, Usul.”

“Thì hẳn thế! Nhưng em không nên...”

“Em sinh ra trong sa mạc, Usul ạ. Em biết cách dùng dao pha lê.”

Chàng nén giận, cố nói ôn tồn. “Có thể đúng vậy, Chani à, nhưng...”

“Em không còn là đứa trẻ sẵn bọ cạp trong sietch dưới ánh sáng đèn cầm tay nữa, Usul ạ. Em không chơi trò trẻ con nữa.”

Paul nhìn nàng trờ trờ, nhận thấy sự tàn bạo kỳ quặc ẩn dưới vẻ tự nhiên như không của nàng.

“Hẳn không xứng đáng, Usul ạ,” Chani nói. “Em sẽ không quấy rầy những lúc trầm tư mặc tưởng của anh vì những hạng người như vậy

đâu.” Nàng lại gần hơn, lén nhìn chàng, hạ giọng xuống để chỉ mình chàng nghe.

“Và, anh yêu ạ, khi người ta biết được rằng một kẻ thách đấu có thể sẽ phải đối mặt với em và sẽ bị đẩy đến cái chết ô nhục bởi tay người đàn bà của Muad'Dib thì số kẻ thách đấu sẽ bớt đi.”

Phải, Paul tự nhủ, nhất định điếu đó đã xảy ra. Đó là quá khú-sự thật. Và con số những kẻ thách đấu nhằm kiểm tra lưỡi dao mới của Muad'Dib quả thật đã giảm rất nhiều.

Ở đâu đó, trong một thế giới không-phải-của-giấc-mơ, dường như có gì đó chuyển động, tiếng kêu của một con chim đêm.

Mình mơ, Paul tự trấn an mình. Ấy là do bữa ăn bằng hương được.

Thế nhưng, đâu đó trong chàng vẫn có cảm giác bị bỏ rơi. Chàng tự hỏi liệu có thể nào linh hồn-ruh của chàng bằng cách nào đó đã chuỗi vào cái thế giới nơi người Fremen tin rằng hiện hữu đích thực của chàng ở đấy - vào alam al-mithal, thế giới của những cái tương đồng, cõi siêu hình nơi mọi giới hạn vật lý đều bị triệt tiêu. Và chàng biết nỗi sợ khi nghĩ về một nơi như thế, bởi triệt tiêu mọi giới hạn cũng có nghĩa là triệt tiêu mọi điểm tham chiếu. Trong quang cảnh một huyền thoại chàng không thể xác định được vị trí của chính mình mà nói: “Ta là ta bởi ta ở đây.”

Mẹ chàng từng nói: “Người ta vốn bị chia rẽ, một số người, trong cách họ nghĩ về con.”

Mình phải thức tỉnh khỏi giấc mơ, Paul tự bảo mình. Bởi điều này đã xảy ra - những lời đó từ mẹ chàng, Lệnh bà Jessica mà nay là Mẹ Chí tôn của người Fremen, những lời đó đã đi qua thực tại.

Paul biết, Jessica sợ mối quan hệ tôn giáo giữa chàng với người Fremen. Bà không ưa cái sự thật rằng người dân cả vùng sietch lẫn graben đều gọi Muad'Dib là *Người*. Và bà đi dò hỏi khắp các bộ tộc, cử gián điệp Sayyadina của mình đi, thu thập những câu trả lời của họ rồi nghiền ngẫm về chúng.

Bà đã trích dẫn một châm ngôn Bene Gesserit cho chàng: “Khi tôn giáo và chính trị đi trên cùng một cỗ xe, những người ngồi trên xe tin rằng không gì có thể cản đường họ. Chuyển động của họ trở nên nhanh đến điên rồ; nhanh nữa, nhanh nữa, nhanh hơn nữa. Họ đẹp sang bên mọi ý nghĩ về trở ngại mà quên rằng vực thẳm chỉ bày ra trước mắt kẻ đang mù quáng lao vùn vụt khi đã quá muộn.”

Paul nhớ lại lúc đó chàng đang ngồi ở nhà mẹ, nơi căn buồng trong che rèm thẫm màu, bề mặt thẫm có những bức dệt hoa văn lấy cảm hứng từ huyền thoại Fremen. Chàng ngồi đó, nghe mẹ nói từ đầu tới cuối, lưu ý cách mẹ chàng luôn luôn quan sát - ngay cả khi mắt bà hạ xuống. Khuôn mặt trái xoan của bà có những nếp nhăn mới nơi khóe miệng, nhưng tóc bà vẫn giống như đồng sáng bóng. Tuy nhiên, đôi mắt to màu xanh lục của bà bị ẩn dưới lớp phủ màu xanh nước biển do hương được.

“Người Fremen có một tôn giáo đơn giản, thực tế,” chàng nói.

“Chẳng có gì ở tôn giáo là đơn giản hết,” bà cảnh cáo.

Nhưng Paul, nhìn thấy cái tương lai bị che phủ vẫn đang treo lơ lửng bên trên họ, thấy bưng bưng tức giận. Chàng chỉ có thể nói: “Tôn giáo thống nhất các lực lượng của chúng ta. Nó là bí thuật của chúng ta.”

“Con cố ý nuôi dưỡng cái phong thái này, cái vẻ anh hùng đảm lược này,” bà bắt bẻ. “Con chẳng bao giờ thôi tiêm nhiễm giáo điều cho kẻ khác.”

“Chính mẹ dạy con như thế mà,” chàng nói.

Nhưng hôm đó bà đã quá đủ những cãi cọ và tranh luận. Đó là ngày làm lễ cắt bao quy đầu cho Leto bé. Paul ít nhiều đã hiểu nguyên do khiến bà bứt rứt. Bà chưa bao giờ chấp nhận mối quan hệ của chàng - cuộc “hôn nhân non trẻ” - với Chani. Nhưng Chani đã cho ra đời một đứa con trai của nhà Atreides, và Jessica nhận ra bà không đủ sức khước từ đứa con cùng với mẹ nó.

Jessica cuối cùng đã xao động dưới cái nhìn đăm đăm của chàng, bà nói:

“Con nghĩ ta là một người mẹ quái dị.”

“Dĩ nhiên là không.”

“Mẹ thấy cách con nhìn mẹ mỗi khi mẹ ở bên em gái con. Con không hiểu về em gái con.”

“Con biết vì sao Alia lại khác biệt,” chàng nói. “Nó hãy còn chưa sinh ra, vẫn là một phần của mẹ, khi mẹ chuyển hóa Nước của Sự sống. Nó...”

“Con chẳng biết gì về chuyện đó hết!”

Và Paul, đột nhiên không thể diễn đạt những điều chàng biết được ngoài thời điểm của nó, chỉ nói: “Con không nghĩ mẹ là người quái dị.”

Bà nhận thấy nỗi đau buồn của chàng, liền nói: “Có một điều, con ạ.”

“Vâng?”

“Mẹ yêu Chani của con. Mẹ chấp nhận nó.”

Điều này là thực, Paul tự nghĩ. Đây không phải là cái thị kiến bất toàn cần phải được thay đổi bằng cách vận mình hầu thoát khỏi thời điểm ra đời của thời gian.

Sự yên lòng đó giúp chàng bám chắc được vào thế giới này theo một cách mới. Từng mẫu thực tại đặc quánh bắt đầu rỏ qua trạng thái mơ mà rơi vào nhận thức của chàng. Chàng đột nhiên biết mình đang ở trong một hiereg, một trại sa mạc. Chani đã dựng lều sa mạc trên cát bột vì chỗ đó mềm. Điều đó chỉ có nghĩa là Chani đang ở gần đây - Chani, linh hồn chàng, Chani sihaya của chàng, ngọt như dòng suối trong sa mạc, Chani vươn dậy từ những vườn quả mãi phía Nam.

Giờ đây chàng nhớ lại nàng đã hát một bài hò sa mạc cho chàng trong giấc ngủ.

“Linh hồn em ơi,

Đêm nay đừng nếm thiên đường,

Em thể có Shai-hulud

Rằng anh sẽ đi tới đó,

Tuân theo mối tình em.”

Và nàng đã hát bài hát đi đường mà những kẻ yêu nhau cùng hát trên mặt cát, tiết tấu bài hát giống như những đụn cát trôi chậm chậm dưới chân:

“Nói em nghe về cặp mắt anh

Rồi em sẽ nói anh nghe về trái tim anh.

Nói em nghe về đôi chân anh

Rồi em sẽ nói anh nghe về đôi tay anh.

Nói em nghe về khi anh ngủ

Rồi em sẽ nói anh nghe về khi anh thức.

Nói em nghe anh ước mong gì

Rồi em sẽ nói anh nghe anh cần có những gì.”

Chàng đã nghe ai đó gảy đàn baliset trong một căn lều khác. Và khi đó chàng nghĩ đến Gurney Halleck. Được nhạc cụ thân quen gợi nhớ, chàng nghĩ đến Gurney mà chàng đã thấy mặt giữa một băng buôn lậu nhưng Gurney thì không thấy chàng, không thể thấy hay biết về chàng, nếu không thì hẳn ông đã vô tình dẫn bọn Harkonnen đến chỗ đưa con của vị Công tước mà chúng đã giết.

Nhưng phong cách của người chơi đàn trong bóng đêm, nét khác biệt của những ngón tay trên các dây đàn baliset khiến ký ức Paul nhớ lại người

chơi kia trên thực tế là ai. Đó là Chatt Nhảy xa, chỉ huy quân Fedaykin, thủ lĩnh biệt đội tử thần bảo vệ cho Muad'Dib.

Khi đó chúng ta đang ở trong sa mạc, Paul nhớ lại. Chúng ta đang ở trong biển cát trung tâm ngoài tầm bắn tuần tra Harkonnen. Ta đang ở đây, bước đi trên cát, dự một Ngày tạo tới để cưỡi bằng chính tài khéo léo của ta, để ta có thể là một Fremen toàn vẹn.

Giờ thì chàng cảm thấy khẩu súng maula trên thắt lưng, con dao pha lê. Chàng cảm thấy sự im lặng bao trùm quanh mình.

Đó chính là sự im lặng đặc biệt trước buổi sáng khi những con chim đêm đã bay đi còn sinh vật ban ngày thì vẫn chưa tỏ dấu hiệu cảnh giác trước kẻ thù của chúng, mặt trời.

“Anh phải cưỡi cát dưới ánh sáng ban ngày để Shai-hulud có thể thấy mà biết rằng anh không sợ,” Stilgar đã nói. “Vậy nên chúng ta sẽ thay đổi lịch sinh hoạt thường ngày mà ngủ trong đêm nay.”

Lặng lẽ, Paul ngồi dậy, cảm thấy cái lơ lửng của một bộ sa phục mặc chùng bao quanh người chàng, đằng sau đó là cái vách mờ của căn lều sa mạc. Chàng đi thật nhẹ, nhưng Chani vẫn nghe thấy.

Nàng nói từ trong ánh nhá nhem của căn lều, lại thêm một cái bóng nữa ở đó: “Trời chưa sáng hẳn mà, anh yêu.”

“Sihaya,” chàng đáp, giọng nửa nói nửa cười.

“Anh đã gọi em là dòng suối sa mạc của anh, nhưng hôm nay em là con dê của anh,” nàng nói. “Em là Sayyadina, kẻ trông coi sao cho nghi lễ được tuân thủ.”

Chàng bắt đầu siết chặt bộ sa phục. “Có lần em nói với anh những lời trong Kitab al-Ibar,” chàng nói. “Em đã bảo anh: ‘Đàn bà là cánh đồng của người; hãy đi đến cánh đồng của người mà cày cấy.’ ”

“Em là mẹ đứa con đầu lòng của anh,” nàng tán thành.

Chàng thấy nàng vận bộ đồ màu xám, đang chuẩn bị bộ sa phục của nàng trước khi tiến ra sa mạc, từng động tác một đều khớp với động tác của chàng. “Có thể nghỉ được bao nhiêu thì anh nên nghỉ hết bấy nhiêu.”

Chàng nhận thấy tình yêu nàng dành cho mình khi nàng nói vậy, liền nhẹ nhàng khiển trách nàng: “Sayyadina Người Canh giữ thì không được can thiệp hay cảnh báo ứng viên.”

Nàng lướt đến bên chàng, chạm lòng bàn tay lên má chàng. “Hôm nay, em sẽ vừa là người canh giữ vừa là người phụ nữ của anh.”

“Lẽ ra em nên dành nhiệm vụ này cho người khác,” chàng nói.

“Dù trong hoàn cảnh tốt nhất đi nữa thì chờ đợi cũng là khổ lắm rồi,” nàng nói. “Em chỉ mong sớm được ở bên anh thôi.”

Chàng hôn lòng bàn tay nàng trước khi buộc chắc tấm che mặt trong bộ sa phục của mình, đoạn quay lại phá cái niêm bịt kín lều. Không khí tràn vào họ mang theo cái lạnh lạnh chưa-hẳn-là-khô-ráo sẽ làm ngưng tụ những giọt sương li ti lúc bình minh. Cùng với nó mùi hương của khối tiền-hương được cũng tràn vào, cái khối mà họ đã phát hiện ra về phía Đông Bắc, và điều đó cho họ biết hẳn sẽ có một Ngài tạo đâu đó gần đây.

Paul bò qua cửa lều, đứng trên cát, đuổi các cơ để xua giấc ngủ. Ánh dương mờ nhạt xanh như ngọc khắc lên chân trời phía Đông. Những chiếc lều của dân tộc Fremen chàng là những đụn cát giả nhỏ bao quanh chàng trong ánh sáng nhá nhem. Chàng thấy bên trái có chuyển động - đội cảnh vệ, và biết họ đã nhìn thấy chàng.

Họ biết mỗi hiểm nguy chàng đối mặt hôm nay. Người Fremen nào cũng đều từng đối mặt với nó. Họ cho chàng dăm khoảnh khắc riêng tư vào giờ chót này để chàng có thể chuẩn bị.

Việc đó phải được làm trong hôm nay, chàng tự nhủ.

Chàng nghĩ đến cái sức mạnh chàng đã sử dụng khi đối mặt với cuộc thăm sát - những người già gửi con trai đến chỗ chàng để được huấn luyện cách giao chiến huyền thuật, những người già giờ đây lắng nghe chàng trong cuộc họp hội đồng và làm theo các kế hoạch của chàng, những người quay trở lại gặp chàng với lời khen cao nhất của người Fremen dành cho chàng: “Kế hoạch của Người đã thành công, thưa Muad'Dib.”

Thế nhưng ngay cả những chiến binh Fremen tầm thường non nớt nhất cũng có thể làm một việc mà chàng chưa bao giờ làm. Và Paul biết, vị thế thủ lĩnh của chàng bị phương hại bởi vì bất cứ ai cũng biết sự khác biệt này giữa chàng và họ.

Chàng chưa hề cưỡi sâu cát.

Ồ, chàng đã đi cùng những người khác trong các chuyến hành trình và cuộc đột kích nhằm huấn luyện, song chàng chưa hề thực hiện chuyến đi của riêng chàng. Chừng nào việc đó chàng còn chưa làm, chừng đó thế giới của chàng vẫn bị ràng buộc bởi khả năng của những người khác. Không một người Fremen đích thực nào dung thứ điều đó được. Chừng nào chính chàng chưa tự làm điều đó thì ngay cả những vùng đất rộng lớn ở phía Nam - rộng tới khoảng hai mươi dùi gọi bên ngoài erg - vẫn còn ngoài tầm với của chàng trừ phi chàng ra lệnh người ta đưa kiệu tới để chàng ngồi lên đó như một Mẹ Chí tôn hay như một kẻ ốm, kẻ bị thương.

Ký ức đưa chàng quay lại cuộc vật lộn với ý thức nội tại của chàng trong suốt đêm qua. Chàng nhìn thấy một sự song hành kỳ lạ ở đây - nếu chàng làm chủ được Ngài tạo, sự cai trị của chàng sẽ được củng cố; nếu chàng làm chủ được con mắt hướng nội, điều đó tự nó hàm chứa thước đo sức mạnh chỉ huy. Nhưng bên ngoài cả hai thứ đó vẫn là khu vực bị che mờ, cái Bất An Vĩ Đại nơi toàn vũ trụ dường như bị kéo vào.

Những khác biệt trong các phương cách chàng lĩnh hội vũ trụ ám ảnh chàng - sự chính xác sánh với sự không chính xác. Chàng thấy nó *trong nguyên trạng*. Thế nhưng, khi cái *bây giờ* đã ra đời, khi nó gặp những áp

lực của thực tại, nó có sự sống của riêng nó và phát triển với những khác biệt tinh tế của riêng nó. Cái mục đích kinh khủng vẫn còn đó. Ý thức giống nòi vẫn còn đó. Và trên tất cả vẫn sừng sững cuộc thánh chiến, đẫm máu và cuồng dại.

Chani lại gần chàng bên ngoài lều, hai tay ôm lấy hai cùi chỏ, liếc nhìn chàng bằng khóe mắt theo đúng kiểu nàng vẫn nhìn mỗi khi muốn tìm hiểu tâm trạng chàng.

“Kể em nghe lần nữa về nước trên thế giới quê hương anh đi, Usul,” nàng nói.

Chàng nhận thấy nàng đang cố làm chàng nghĩ đến chuyện khác, cố làm cho tâm trí chàng bớt căng thẳng trước cuộc sát hạch chết người. Tâm trạng chàng nhẹ nhõm dần, và chàng nhận thấy một số người trong đám Fedaykin của chàng đang dỡ lều.

“Anh muốn em kể cho anh về sietch và về con của chúng ta hơn,” chàng nói. “Leto của chúng ta đã giữ gìn mẹ ta trong lòng bàn tay nó chưa?”

“Nó còn gìn giữ cả Alia nữa,” nàng nói. “Với lại nó lớn nhanh lắm. Nó sẽ là một đấng nam nhi cao lớn.”

“Ở phía Nam thì thế nào?” chàng hỏi.

“Khi cưới Ngài tạo thì anh sẽ tự thấy,” nàng nói.

“Nhưng anh muốn thấy nó trước tiên qua mắt của em kia.”

“Cô đơn cùng cực,” nàng nói.

Chàng chạm tay vào chiếc khăn choàng nezhoni lộ ra trên trán nàng, dưới chiếc mũ sa phục. “Sao em không nói về sietch nhỉ?”

“Em đã nói rồi mà. Sietch là chốn cô đơn không có đàn ông. Nó là nơi làm việc. Chúng em làm việc trong các nhà máy và phòng trồng trọt. Có những vũ khí cần phải chế tạo, những cây cột cần phải trồng để chúng

em có thể tiên đoán thời tiết, có hương được cần thu thập để mang đi mua chuộc. Có những côn cát cần phải trồng cho lớn lên rồi sau đó neo chúng lại. Có vài vóc và mền thằm cần phải dệt, những tế bào nhiên liệu cần phải nạp. Có trẻ con cần được huấn luyện để sức mạnh của bộ tộc không bao giờ mai một.”

“Vậy trong sietch không có gì thú vị sao?” chàng hỏi.

“Bọn trẻ con thì thú vị. Chúng em theo đúng các nghi thức. Chúng em có đủ thức ăn. Đôi khi một người trong bọn em có thể đi về phía Bắc để được ở bên người đàn ông họ yêu. Cuộc sống phải tiếp diễn.”

“Em gái anh, Alia, nó đã được dân em chấp nhận chưa?”

Chani ngoảnh lại phía chàng dưới ánh bình minh đang rạng. Mắt nàng xoáy sâu vào chàng. “Đó là một chuyện cần phải bàn vào lúc khác, anh yêu ạ.”

“Ta hãy bàn ngay bây giờ.”

“Anh nên để dành sức lực cho cuộc sát hạch,” nàng nói.

Chàng nhận thấy mình đã chạm đến một điều nhạy cảm, nghe thấy sự dè dặt trong giọng nàng. “Điều chưa biết mang lại những mối lo riêng của nó,” chàng nói.

Ngay sau đó nàng gật đầu nói: “Hãy còn sự... hiểu lầm bởi sự kỳ lạ của Alia. Đám phụ nữ sợ vì con bé chưa lớn hơn đứa nhỏ còn ẵm ngửa bao nhiêu mà đã... đã nói về những chuyện chỉ người lớn mới nên biết. Họ không hiểu... sự chuyển hóa trong dạ con đã khiến Alia trở thành... khác biệt.”

“Có chuyện không hay sao?” chàng hỏi. Và chàng nghĩ: *Mình đã thấy những viễn cảnh có chuyện không hay xảy ra với Alia.*

Chani nhìn về phía đường nét ngày càng rõ của bình minh. “Một số phụ nữ đã tụ tập lại để gửi lời thỉnh cầu lên Mẹ Chí tôn. Họ đòi bà phải yểm

trừ con quý ẩn trong đứa con gái của bà. Họ dẫn lời trong kinh sách: ‘Chớ để cho một mụ phù thủy sống giữa chúng ta.’ ”

“Và mẹ anh nói gì với họ?”

“Bà trích dẫn luật, xong thì lệnh cho đám phụ nữ về, khiến họ bỏ đi mà trong bụng rối bời. Bà nói: ‘Nếu Alia khơi dậy điều bất trắc, thì đó là lỗi của kẻ cầm quyền đã không tiên đoán được mà ngăn chặn điều bất trắc.’ Và bà cố giải thích cho họ sự chuyển hóa đã tác động thế nào đến Alia trong dạ con. Nhưng đám phụ nữ tức tối vì đã bị bà làm cho bế mặt. Họ vừa bỏ đi vừa lầm bầm.”

Sẽ có bất trắc xảy ra vì con bé Alia, chàng nghĩ.

Một đợt cát rần như pha lê thổi qua, xát vào phần mặt lộ ra ngoài của chàng, đưa lại mùi của khối tiền hương được. “El Sayal, cơn mưa cát đem lại buổi sáng,” chàng nói.

Chàng nhìn ra ánh sáng nhợt nhạt của quang cảnh sa mạc, cái quang cảnh không biết đến lòng trắc ẩn, cái thứ cát vốn dĩ là hình thức mãi chìm đắm vào chính nó. Ánh sét khô khốc lóe lên vạch rõ một góc tối phía Nam, dấu hiệu cho thấy một cơn bão đã hình thành điện tích tĩnh ở đó. Sấm ì ùng nổ từng tràng sau đó một hồi lâu.

“Cái giọng nói làm cho đất này thật đẹp,” Chani nói.

Thêm nhiều thuộc hạ nữa của chàng đang rục rịch ra khỏi lều. Đám cận vệ đang từ các rìa xung quanh tiến lại. Ai nấy quanh chàng đều di chuyển nhịp nhàng theo tập quán cổ xưa mà không cần ai ra lệnh.

“Ra lệnh càng ít càng tốt,” cha chàng từng có lúc bảo chàng... cách đây lâu lắm. “Một khi đã ra lệnh về việc gì, con phải luôn luôn ra lệnh về việc đó.”

Điều đó thì người Fremmen biết tự bản năng.

Thầy quản nước của cộng đồng bắt đầu bài kinh buổi sáng, song giờ đây

thêm vào đó lời gọi tiến hành nghi lễ khai tâm cho một kỵ sĩ cát.

“Thế giới này là một tấm thân đã chết,” thầy quản nước ngâm nga, giọng ông ta rền rĩ vang khắp các đụn cát. “Ai có thể cự tuyệt Thiên thần Chết? Điều gì Shai-hulud ra lệnh thì phải được thực hiện.”

Paul lắng nghe, nhận ra đó cũng là những lời bắt đầu bài ca chết chóc của đội quân Fedaykin dưới trướng chàng, những lời mà đội quân cảm tử thường hô vang khi lao mình vào chiến trận.

Hôm nay liệu sẽ có một ngôi miếu thờ bằng đá ở đây để đánh dấu sự ra đi của một linh hồn khác không? Paul tự hỏi. Liệu trong tương lai người Fremen có dùng chân ở đây, mỗi người đắp thêm một tảng đá và tưởng nhớ đến Muad'Dib người đã chết ở nơi này?

Chàng biết điều đó nằm trong những khả năng khác nhau của ngày hôm nay, một *sự thực* nằm dọc theo những con đường tương lai tỏa ra từ vị trí này trong không-thời gian. Cái thị kiến bất toàn này ám ảnh chàng. Chàng càng cố gắng lại cái mục đích kinh khủng của mình, càng chiến đấu hòng ngăn không cho cuộc thánh chiến xảy ra thì cơn nhiễu loạn giăng chằng chịt qua tâm năng lực tiên tri của chàng càng lớn. Toàn bộ tương lai của chàng đang trở nên giống như một dòng sông hối hả tuôn về phía vực thẳm - cái điểm nút dữ dội mà bên ngoài đó chỉ có mỗi sương mù và mây phủ.

“Stilgar đang tới,” Chani nói. “Giờ thì em phải đứng tách ra, anh yêu Ạ. Giờ thì em phải là Sayyadina trông coi nghi lễ sao cho nó được thuật lại một cách trung thực trong Biên niên sử.” Nàng nhìn lên chàng và, trong một khoảnh khắc, sự kiềm chế của nàng trôi tuột mất, nhưng rồi nàng lấy lại tự chủ. “Khi chuyện này kết thúc, em sẽ tự tay làm bữa sáng cho anh,” nàng nói. Nàng quay đi.

Stilgar tiến lại gần chàng ngang qua mặt cát bột, làm vẩn lên những đám bụi nhỏ. Hai hốc mắt đen thẳm của ông nhìn chăm chăm vào Paul bằng cái nhìn hoang dã. Bộ râu xồm đen nhánh thấp thoáng phía trên mặt nạ sa phục, những đường nét gồ ghề của đôi má, từ mọi cử động của chúng thì trông chúng như được gió tạc nên từ đá tự nhiên của hành tinh này.

Trên gậy của ông ta mang lá cờ của Paul - lá cờ xanh lục và đen kèm theo một ống dẫn nước trong chiếc gậy - vốn đã là một truyền thuyết ở đất này. Nửa phần tự hào, Paul nghĩ: *Ta không thể làm dù chỉ một việc đơn giản nhất mà không khiến nó trở thành truyền thuyết. Họ sẽ để ý xem ta sẽ chia tay thế nào với Chani, ta chào hỏi Stilgar thế nào khi ông ta đến - nhất cử nhất động của ta ngày hôm nay. Dù ta sống hay chết, nó vẫn là truyền thuyết. Ta không được chết. Chừng đó nó sẽ chỉ là truyền thuyết và không gì ngăn được cuộc thánh chiến.*

Stilgar cầm cây gậy xuống cát bên cạnh Paul, buông lỏng tay xuống hai bên sườn. Cặp mắt màu-xanh-trong-màu-xanh vẫn bình tĩnh, chăm chú. Và Paul chợt nghĩ cặp mắt của chính chàng cũng đã nhuộm cái mặt nạ màu sắc này do hương được.

“Người ta khước từ ban cho chúng ta chuyển đi thiêng,” Stilgar nói với vẻ nghiêm trang theo nghi thức.

Như Chani đã dạy, Paul trả lời: “Ai có thể khước từ trao cho một người Fremen quyền đi bộ hay cưỡi Ngải tạo đến bất cứ nơi nào anh ta muốn?”

“Tôi là một Naib,” Stilgar nói, “không bao giờ để ai bắt sống. Tôi là một chân của tam vị chết, người sẽ hủy diệt kẻ thù của chúng ta.”

Im lặng trùm xuống họ.

Paul liếc nhìn những người Fremen khác đứng rải rác trên cát phía xa Stilgar, cách họ đứng bất động trong khoảnh khắc cầu nguyện cá nhân này. Và chàng nghĩ người Fremen là một dân tộc mà sự sống của họ bao hàm giết chóc, toàn bộ một dân tộc mà từng ngày một đều sống với nỗi căm hận và thống khổ, chưa từng một lần suy ngẫm xem cái gì có thể thay thế cho thống khổ hay căm hận, ngoại trừ một giấc mơ mà Liet-Kynes đã truyền cho họ trước khi ông chết.

“Vị Chúa tể từng dẫn dắt chúng ta qua sa mạc và hầm nô lệ, người đó đâu rồi?”

“Người mãi mãi cùng chúng ta,” những người Fremen ngâm nga.

Stilgar thẳng vai lên, bước lại gần Paul hơn rồi hạ giọng. “Giờ thì, hãy nhớ những gì tôi đã nói với anh. Hãy làm một cách đơn giản và dứt khoát - chẳng có gì khó cả. Người Fremen chúng tôi cưới Ngài tạo ngay từ mười hai tuổi. Anh thì lớn hơn sáu tuổi so với độ tuổi đó và không sinh ra cho cuộc sống này. Anh không phải gây ấn tượng với ai về lòng gan dạ của anh. Chúng tôi biết anh là người dũng cảm. Anh chỉ phải làm một việc là gọi Ngài tạo đến rồi cưới lên Ngài.”

“Tôi sẽ nhớ.”

“Hãy cố làm cho được. Tôi đã dạy anh thì sẽ không để anh làm xấu mặt tôi đâu.”

Stilgar rút từ dưới áo choàng ra một cây gậy bằng nhựa dài chừng một mét. Cây gậy có một đầu nhọn, đầu kia có một quả chuông buộc bằng lò xo. “Đích thân tôi đã chuẩn bị cái dùi gọi này. Đồ tốt đấy. Cầm đi.”

Paul cảm thấy bề mặt nhựa trơn nhẵn ấm áp khi chàng nhận chiếc dùi gọi.

“Shishakli cầm các móc của anh,” Stilgar nói. “Cậu ấy sẽ đưa cho anh ngay khi anh bước lên đụn cát đằng kia.” Ông chỉ về bên phải. “Hãy gọi một Ngài tạo lớn, Paul ạ. Hãy chỉ đường cho chúng tôi.”

Paul để ý giọng điệu của Stilgar - nửa theo nghi thức, nửa là của một người bạn đang lo lắng.

Trong khoảnh khắc đó, mặt trời dường như bất chợt vụt lên trên chân trời. Bầu trời nhuộm màu xanh xám như bạc, báo trước hôm nay sẽ là một ngày cực nóng, cực khô ngay cả với Arrakis.

“Đến lúc ban ngày thiêu đốt rồi,” Stilgar nói, lúc này giọng ông hoàn toàn theo nghi thức. “Đi đi, Usul, hãy cưới Ngài tạo, hãy chu du trên cát như một thủ lĩnh của con người.”

Paul chào ngọn cờ của chàng, nhận thấy lá cờ hai màu xanh lục và đen đang rủ xuống bởi cơn gió bình minh lúc này đã lặng. Chàng quay về phía đụn cát mà Stilgar đã chỉ - một sườn dốc bần thiu màu nâu vàng với cái chỏm hình chữ S. Hầu hết đám người thì đang di chuyển theo hướng ngược lại, trèo lên đụn cát đối diện, nơi họ hạ trại.

Một dáng người mặc áo choàng vẫn nán lại trên lối đi của chàng: Shishakli, đội trưởng Ferdaykin, duy chỉ cặp mắt có hàng mi xếch là lộ ra giữa chiếc mũ và mặt nạ của bộ sa phục.

Khi Paul lại gần, Shishakli chìa ra hai chiếc que mảnh trông như cây roi. Hai chiếc que dài khoảng một mét rưỡi, một đầu bịt thép dẻo lấp lánh, đầu kia xù xì để cầm cho chắc.

Paul nhận lấy cả hai bằng tay trái theo nghi thức yêu cầu.

“Đó là móc của tôi,” Shishakli nói bằng giọng khàn khàn. “Chưa bao giờ làm hỏng việc đâu.”

Paul gật đầu, vẫn giữ sự im lặng cần thiết, đi ngang qua anh ta để trèo lên sườn đụn cát. Trên mỏm đụn cát, chàng ngoái lại, thấy đám đông đang tản mác như một bầy côn trùng, áo dài của họ đập dờn. Giờ đây chàng đứng một mình trên đỉnh cát, chỉ có đường chân trời trước mặt, đường chân trời phẳng lì, bất động. Stilgar đã chọn cho chàng một đụn cát tốt, cao hơn các đụn xung quanh nên có điểm nhìn thuận lợi hơn.

Paul khom mình cắm sâu chiếc dùi gọi vào mặt đón gió nơi cát nén chắc hơn nên sẽ truyền tiếng trống ở mức tối đa. Đoạn chàng do dự, ôn lại những bài học, ôn lại những nhu cầu có ý nghĩa sinh tử đang đối mặt với chàng.

Khi chàng ném cái chốt đi, chiếc dùi gọi sẽ bắt đầu gọi. Băng qua cát, một con sâu khổng lồ - một Ngài tạo - sẽ nghe tiếng trống mà tìm tới. Với những que móc giống như cây roi, Paul biết, chàng có thể cưỡi lên cái lưng nhô cao uốn cong của con sâu. Chừng nào mép trước một khoang thân của sâu còn bị một cái móc mở banh ra, khiến cát lọt vào làm đầy

lớp bên trong nhay cảm hơn, con vật sẽ không chui xuống dưới bề mặt sa mạc. Trên thực tế, nó sẽ rướn cao tấm thân khổng lồ để cho phần khoang bị mở banh kia nhô lên khỏi bề mặt cát càng xa càng tốt.

Ta là kỵ sĩ cát, Paul tự nhủ.

Chàng nhìn xuống cặp móc cầm nơi tay trái mà nghĩ, chàng chỉ việc dịch chuyển những cái móc đó xuống đường cong ở mạn sườn khổng lồ của Ngài tạo là có thể buộc con vật vắn mình, rẽ ngoặt, lái nó đến nơi chàng muốn. Chàng đã thấy người ta làm vậy. Chàng đã được người ta giúp leo lên sườn một con sâu rồi cưỡi một đoạn ngắn nhằm huấn luyện cho chàng. Ta có thể cưỡi con sâu bị bắt cho đến khi nó kiệt sức nằm im trên bề mặt sa mạc và ta phải gọi một Ngài tạo mới.

Paul biết, một khi đã qua được cuộc sát hạch này, chàng sẽ đủ tư cách để tiến hành chuyển đi dài hai mươi dùi gọi vào vùng phía Nam - để nghỉ ngơi và hồi phục - về phía Nam nơi đàn bà con gái cùng các gia đình ẩn náu tránh cuộc thảm sát, giữa những vườn quả và khu sietch mới.

Chàng ngẩng đầu lên nhìn về phía Nam, tự nhắc mình rằng Ngài tạo chưa thuần được gọi từ biển cát kia tới là một đại lượng chưa biết, và kẻ gọi nó tới cũng là đại lượng chưa biết y như vậy đối với cuộc sát hạch này.

“Anh phải phán đoán Ngài tạo đang đến gần cho cẩn thận,” Stilgar từng giải thích. “Anh phải đứng đủ gần để có thể cưỡi lên nó khi nó đi ngang qua, nhưng không quá gần khiến nó có thể nuốt chửng anh.”

Với một sự kiên quyết đột ngột, Paul tháo chốt dùi gọi ra. Cái chuông bắt đầu quay tròn và dùi gọi bắt đầu cất tiếng gọi như gõ trống, một thứ tiếng “ùng... ùng... ùng” đều đặn xuyên qua cát.

Chàng thẳng người lên, nhìn khắp chân trời, nhớ lại lời Stilgar: “Hãy phán đoán cho kỹ đường tiến của Ngài tạo. Hãy nhớ, chẳng mấy khi sâu cát tiến tới gần dùi gọi mà ta không nhìn thấy nó. Nghe thấy cũng vậy. Thường thì ta có thể nghe tiếng nó trước khi nhìn thấy.”

Và tâm trí chàng tràn ngập những lời thì thầm căn dặn của Chani giữa đêm khuya khi lòng nàng chất chứa nỗi lo sợ cho chàng: “Khi vào vị trí đứng đợi trên đường đi của Ngài tạo, anh phải đứng thật im. Anh phải suy nghĩ giống như một trảng cát suy nghĩ vậy. Hãy giấu mình dưới áo choàng và trở thành một đụn cát nhỏ ngay trong bản thể anh.”

Chầm chậm, chàng nhìn khắp chân trời, lắng nghe, dõi nhìn những dấu hiệu mà người ta đã dạy chàng.

Nó đến từ phía Đông Nam, một tiếng xì xì xa xa, một tiếng cát xào xạc. Ngay sau đó chàng trông thấy hình dáng đằng xa báo hiệu đường tiến của con vật, nổi bật dưới ánh bình minh, và nhận ra rằng trước đây chàng chưa bao giờ thấy một Ngài tạo nào lớn đến thế, chưa bao giờ nghe nói tới một con nào có kích thước này. Nó có lẽ dài tới hơn hai cây số; làn sóng cát cuộn lên ở chỗ cái đầu nó đang trồi dậy trông như cả một ngọn núi lưng lửng tiến lại gần.

Đây là điều ta chưa hề thấy cả trong thị kiến tiên tri lẫn trong đời thực, Paul tự cảnh báo mình. Chàng vội vã tiến về phía đường đi của con vật để lấy thế đợi sẵn, lòng bị xâm chiếm hoàn toàn bởi những nhu cầu cấp thiết của khoảnh khắc này.

“Hãy kiểm sát hệ thống tiền tệ và tòa án - để cho đám dân đen nghỉ ngơi.” Đó là lời Hoàng đế Padishah khuyên các vị. Và Người bảo các vị: “Nếu các người muốn lợi nhuận, các người phải thống trị.” Có sự thật trong những lời này, nhưng ta tự hỏi: “Ai là dân đen và ai là kẻ bị thống trị?”

- Thư mật của Muad'Dib gửi đến Landsraad, trích trong “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

Một ý nghĩ tự dưng nảy ra trong tâm trí Jessica: *Hiện giờ thì bất cứ lúc nào Paul cũng đều có thể đang trải qua cuộc sát hạch kỳ sữ cát của nó. Người ta cố giấu ta chuyện này, nhưng nó quá rõ ràng.*

Và Chani đã đi làm một việc bí ẩn nào đó.

Jessica ngồi trong buồng nghỉ của bà, tranh thủ một khoảnh khắc yên tĩnh giữa những buổi học tối. Đó là một căn phòng dễ chịu, nhưng không rộng như căn phòng bà rất thích hồi còn ở Sietch Tabr trước khi họ chạy trốn cuộc thảm sát. Tuy nhiên, nơi này có những tấm thảm dày trên sàn, những chiếc gối mềm để ngồi, một chiếc bàn cà phê thấp ngay trong tầm tay, những tấm rèm nhiều màu treo trên tường, trên đầu là những chiếc đèn cầu màu vàng. Căn phòng thấm đẫm mùi lông thú găn gắt đặc thù cho một sietch của người Fremen mà bà đã bắt đầu đồng nhất với cảm giác an toàn.

Thế nhưng bà biết mình sẽ không bao giờ thắng nỗi cảm giác đang ở một nơi xa lạ. Ấy chính là sự xù xì thô ráp mà những tấm thảm và tấm rèm kia cố che đi.

Một tiếng leng keng-thì thùm-đôm độp xuyên thấu vào buồng nghỉ. Jessica biết đó là buổi lễ đón đứa bé sắp chào đời, có lẽ là con của Subiay. Gần đến lúc nó ra đời rồi. Và Jessica biết chẳng mấy chốc nữa bà sẽ thấy đứa bé - một thiên thần bụ bẫm mắt xanh mà người ta đưa tới để Mẹ Chí tôn ban phước lành. Bà cũng biết rằng con gái bà, Alia, sẽ có mặt ở buổi lễ rồi về thuật lại với bà.

Vẫn chưa đến giờ cầu nguyện buổi tối dành cho cuộc chia ly. Người ta sẽ chỉ bắt đầu buổi lễ sinh thành vào gần thời điểm tiến hành nghi lễ than khóc những cuộc vây bắt nô lệ ở Poritrin, Bela Tegeuse, Rossak và Harmonthep.

Jessica thở dài. Bà biết bà đang cố tự ngăn mình đừng nghĩ đến đứa con trai cùng những mối nguy mà nó đang đối mặt - những cái bẫy sập tua tua gai tằm độc dược, những cuộc đột kích của bọn Harkonnen (dù các cuộc đột kích đó ngày càng ít bởi người Fremen ngày càng tiêu diệt nhiều tàu bay và tàu chiến của chúng nhờ có những vũ khí mới Paul trao cho họ), và những hiểm họa tự nhiên của sa mạc - sâu cát, cái khát và những vực cát sâu.

Bà nghĩ đến việc gọi cà phê, và cùng với ý nghĩ đó là cái nhận thức luôn hiện hữu về nghịch lý trong lối sống Fremen: họ sống trong những hang

động sietch này dễ chịu biết bao so với dân pyon sống trong các graben; nhưng những gì họ phải chịu đựng trong cảnh lang thang trên sa mạc cũng nhiều hơn bất cứ điều gì đám lê dân của nhà Harkonnen phải chịu.

Một bàn tay đen đúa lùa qua đám rèm bên cạnh bà, đặt một chiếc tách lên bàn rồi rút lui. Từ chiếc tách dấy lên mùi cà phê pha hương được.

Một món đồ cúng dâng cho buổi lễ sinh thành, Jessica nghĩ.

Bà cầm tách nhấp từng ngụm, tự mỉm cười với mình. *Trong vũ trụ của chúng ta liệu có xã hội nào khác nơi một người ở cương vị ta có thể chấp nhận một thứ đồ uống vô danh rồi nốc cạn mà không hề sợ hãi? Giờ thì ta có thể làm thay đổi bất cứ thứ độc được nào trước khi nó gây hại cho ta, dĩ nhiên, nhưng người dâng không biết điều này.*

Bà uống cạn tách, cảm thấy sinh lực và sự lâng lâng chứa trong tách - nóng và ngon.

Và bà tự hỏi có xã hội nào khác biết tôn trọng sự riêng tư và tự do thoải mái của bà một cách tự nhiên đến nỗi người phục vụ chỉ len vào vừa đủ để đặt quà xuống mà không buộc bà phải tiếp kẻ dâng quà. Lòng tôn trọng cùng tình yêu thương đã đưa món quà đến, chỉ nhuộm thêm chút nào đó nỗi e sợ.

Một yếu tố khác của sự kiện này khiến bà buộc phải nhận thức ra: bà vừa nghĩ tới cà phê thì nó liền xuất hiện. Ở đây chẳng có gì là thần giao cách cảm cả, bà biết. Đó là tau, tính đồng nhất thể của cộng đồng sietch, một sự đền bù có được nhờ thứ chất độc tinh tế của thực đơn hương được mà họ cùng sử dụng. Đám đông quần chúng không bao giờ có thể mong đạt tới sự khai ngộ mà hạt mầm hương được đem tới cho bà; họ không được huấn luyện, không được chuẩn bị sẵn sàng cho việc đó. Tâm trí họ khước từ những gì họ không thể hiểu hay lĩnh hội. Thế nhưng đôi khi họ vẫn cảm nhận và phản ứng như thể là một sinh vật đơn nhất.

Và ý nghĩ về sự trùng hợp ngẫu nhiên không bao giờ nảy ra trong tâm trí họ.

Paul đã vượt qua cuộc sát hạch trên cát chưa? Jessica tự hỏi. Nó có khả năng, nhưng tại bi ến có thể hạ gục ngay cả người có khả năng nhất.

Chờ đợi.

Chờ đợi thật u uất ảm đạm, bà nghĩ. Người ta không thể đợi quá lâu. Nếu đợi quá lâu, cái u uất ảm đạm của sự chờ đợi sẽ hạ gục ta.

Có đủ cách chờ đợi trong đời họ.

Mẹ con ta ở đây đã hơn hai năm, bà nghĩ, và ít nhất còn cần gấp đôi khoảng thời gian đó trước khi ta có thể mong giành lại được Arrakis từ tay thống đốc Harkonnen, Mudir Nahya, Rabban Thú dũ.

“Bẩm Mẹ Chí tôn.”

Giọng nói từ ngoài các tấm rèm che cửa phòng bà là giọng Harah, người đàn bà khác trong nhà Paul.

“Ta đây, Harah.”

Rèm vén lên và Harah như lướt xuyên qua chúng. Chị mang dép xăng đan dùng trong sietch, quấn quanh người chiếc áo choàng màu vàng pha đỏ để lộ hai cánh tay hầu như đến tận vai. Mái tóc đen của chị rẽ ngôi chính giữa, chải lật về phía sau như đôi cánh côn trùng, phẳng lì và bóng loáng ép chặt vào đầu. Những đường nét gồ lên, như của loài ăn thịt, hẳn rõ thành một cái cau mày chăm bẵm.

Sau lưng Harah là Alia, một đứa bé-cô gái chừng hai tuổi.

Nhìn thấy con gái, lòng Jessica lại bị xâm chiếm bởi cái cảm giác thường gặp trước sự giống nhau giữa Alia với Paul khi thằng bé ở tầm tuổi này: cũng cái vẻ nghiêm trang qua cặp mắt mở to đáp lại cái nhìn dò hỏi của bà, cũng mái tóc sẫm màu và nét miệng kiên quyết. Nhưng cũng có những khác biệt tinh tế, và chính ở những khác biệt đó mà hầu hết người lớn cảm thấy Alia khiến họ bất an. Đứa trẻ này, dù chỉ lớn hơn đôi chút so

với đứa bé mới lẫm chẫm tập đi, có một vẻ đỉnh đạc và hiểu biết vượt xa độ tuổi nó. Người lớn phát hoảng khi thấy nó bật cười trước một trò chơi chữ tinh tế giữa đàn bà với đàn ông. Hoặc họ bất chợt thấy mình đang lắng nghe giọng nói nửa ngọng nghịu của đứa trẻ, cái giọng hầy còn chưa rõ ràng mạch lạc do vòm miệng mềm chưa định hình, và phát hiện trong lời nó nói có những nhận xét ranh mãnh vốn chỉ có thể dựa trên những kinh nghiệm mà không đứa trẻ lên hai nào từng trải được.

Harah buông mình xuống một chiếc đệm, thở dài tức tối, cau mày nhìn đứa bé.

“Alia,” Jessica ra hiệu cho con gái.

Đứa bé đi về phía chiếc đệm bên cạnh mẹ, ngồi xuống, ôm chặt bàn tay mẹ. Sự động chạm của da thịt làm phục hồi ý thức tương thông từng có giữa hai mẹ con từ trước khi Alia chào đời. Đó không phải chuyện hai bên cùng có chung ý nghĩ - mặc dù cũng có những lúc đột khởi như vậy nếu họ chạm vào nhau trong khi Jessica đang chuyển hóa chất độc hương được cho một nghi lễ. Đó là một cái gì đó lớn hơn thế, cái nhận thức tức thời về một tia sáng sự sống khác, một thực thể rõ ràng sắc cạnh, một *sự tương đồng* về thần kinh khiến họ tuy hai mà như một về cảm xúc.

Bằng sự trang trọng thích hợp với một thành viên trong gia đình con trai, Jessica nói: “Subakh ul kuhar, Harah. Tối nay chị khỏe chứ?”

Với sự trang trọng tương tự, chị nói: “Subakh un nar. Tôi khỏe.” Những lời nói gần như thiếu sinh khí. Lại một lần nữa, chị thở dài.

Jessica cảm thấy sự thích thú của Alia.

“Ghanima của anh con đang phát điên lên với con đấy,” Alia nói bằng giọng nửa ngọng nghịu.

Jessica chú ý đến chữ Alia thường dùng để ám chỉ Harah - ghanima. Trong sự tinh tế của ngôn ngữ Fremen, từ đó có nghĩa là “cái gì đó giành được trong cuộc chiến” và với ngụ ý thêm rằng nó không được sử dụng

cho mục đích nguyên thủy nữa. Một món trang trí, một mũi giáo dùng làm vật nặng giữ yên rèm cửa.

Harah quắc mắt nhìn đứa trẻ. “Đừng cố lăng mạ ta, bé con. Ta biết vị trí của mình.”

“Lần này thì con làm gì hử Alia?” Jessica hỏi.

Harah trả lời: “Hôm nay nó chẳng những không chịu chơi với những đứa trẻ khác mà còn xâm nhập vào nơi...”

“Con trốn sau rèm quan sát đứa bé của Subiay đang được sinh ra,” Alia nói. “Nó là con trai. Nó cứ khóc mãi khóc mãi. Bộ phổi mới khỏe làm sao! Khi nó khóc đủ lâu rồi...”

“Con bé bước ra chạm vào thằng bé,” Harah nói, “thế là thằng bé nín khóc. Mọi người đều biết, nếu sống trong sietch thì đứa trẻ Fremmen nào cũng phải khóc trong ngày sinh, bởi vì nó không bao giờ có thể khóc nữa kể rồi nó sẽ làm chúng tôi bị lộ trong hajr.”

“Nó khóc đủ rồi,” Alia nói. “Con chỉ muốn cảm thấy tia sáng của nó, cuộc sống của nó. Chỉ có vậy. Và khi nó cảm thấy con, nó không muốn khóc thêm nữa.”

“Chuyện đó chỉ khiến cho mọi người thêm bàn tán,” Harah nói.

“Thằng bé con Subiay có khỏe không?” Jessica hỏi. Bà nhận ra có gì đó làm Harah rất lo lắng và bà lấy làm băn khoăn về điều đó.

“Khỏe như bất kỳ người mẹ nào có thể mong chờ,” Harah nói. “Họ biết Alia không làm đứa bé đau. Họ không phiền lòng lắm về việc Alia chạm vào đứa bé. Ngay lúc đó thằng bé nguôi khóc và trông nó rất vui vẻ. Đó là...” Harah nhún vai.

“Đó là sự kỳ lạ của con gái ta, phải thế không?” Jessica hỏi. “Đó là cái kiểu nó nói về những chuyện vượt quá lứa tuổi nó và những chuyện mà một đứa trẻ bằng tuổi nó không thể biết - những chuyện về quá khứ.”

“Làm sao nó biết một đứa bé ở Bela Tegeuse trông thế nào?” Harah gắng hỏi.

“Nhưng thằng bé giống thật mà!” Alia nói, “con của Subiay trông giống hệt đứa con mà Mitha sinh ra trước cuộc chia ly.”

“Alia!” Jessica nói. “Mẹ đã nhắc con rồi mà.”

“Nhưng, thưa mẹ, con nhìn thấy thế, đó là sự thật và...”

Jessica lắc đầu, nhận ra những dấu hiệu lo âu trên khuôn mặt Harah. *Ta đã sinh ra cái gì thế này?* Jessica tự hỏi. *Một đứa con gái mà ngay khi ra đời đã biết mọi thứ ta biết... và còn hơn thế nữa: mọi thứ từ những hành lang của quá khứ đã được Mẹ Chí tôn ở trong ta mở ra cho nó.*

“Không chỉ những chuyện nó nói,” Harah nói. “Mà còn các động tác nữa: cái kiểu nó ngồi nhìn chăm chăm vào một tảng đá, chỉ cử động một cơ cạnh mũi, hoặc một cơ ở mặt sau một ngón tay, hay...”

“Đó là cách huấn luyện Bene Gesserit,” Jessica nói. “Chị biết đấy, Harah. Chị phủ nhận quyền thừa kế của con gái ta sao?”

“Bẩm Mẹ Chí tôn, bà biết rằng đối với tôi những chuyện này không quan trọng,” Harah nói. “Ấy là do đám người kia và cái kiểu bọn họ thì thâm với nhau. Tôi cảm thấy mối nguy hiểm trong đó. Họ nói con gái bà là một con quỷ, rằng những đứa trẻ khác không chịu chơi đùa với nó, rằng nó...”

“Nó cũng còn bé như những đứa trẻ khác vậy,” Jessica nói. “Nó không phải con quỷ. Đó chỉ là...”

“Tất nhiên nó không phải!”

Jessica nhận ra mình ngạc nhiên trước sự sôi nổi trong giọng Harah, liền liếc xuống Alia. Đứa bé dường như chìm đắm trong suy nghĩ, bộc lộ một ý thức... chờ đợi. Jessica chuyển sự chú ý sang Harah.

“Ta tôn trọng việc chị là một thành viên trong gia đình con trai ta,” Jessica nói. (Alia ngọ nguậy sát bên tay bà.) “Dù phiền muộn vì những chuyện gì thì chị cũng đều có thể nói thẳng thắn cho ta nghe.”

“Tôi sắp không còn là thành viên trong gia đình con trai bà nữa,” Harah nói. “Tôi đã đợi lâu đến độ này là vì các con tôi, vì sự huấn luyện đặc biệt mà *chúng* được hưởng do là con của Usul. Tôi chỉ có thể cho chúng gần đó mà thôi, bởi ai cũng biết tôi không được chung chăn gối với con trai bà.”

Alia lại ngọ nguậy bên cạnh Jessica, nửa thức nửa ngủ, người ấm áp.

“Tuy nhiên chị là người bạn đồng hành tốt của con ta,” Jessica nói. Và bà nói thêm với chính mình bởi những ý nghĩ như vậy luôn luôn canh cánh trong bà: *Bạn đồng hành... không phải vợ*. Rồi những ý nghĩ của Jessica tiến thẳng vào tâm điểm, vào nỗi đau xuất phát từ những lời đồn của miệng trong sietch rằng sự gần gũi giữa con bà với Chani đã trở thành một điều thường trực, một mối hôn nhân.

Ta yêu Chani, Jessica nghĩ, nhưng bà tự nhắc mình rằng tình yêu phải nhường chỗ cho nhu cầu của hoàng gia. Hôn nhân của hoàng gia có những lý do khác ngoài tình yêu.

“Bà nghĩ tôi không biết bà trù tính những gì cho con trai bà sao?” Harah hỏi.

“Ý chị là gì?” Jessica gặng hỏi.

“Bà có kế hoạch thống nhất các bộ tộc dưới quyền lãnh đạo của *Người*,” Harah nói.

“Như thế không nên ư?”

“Tôi thấy nguy hiểm cho anh ấy... và Alia là một phần của mối nguy hiểm đó.”

Alia nép sát hơn vào mẹ, giờ thì mắt mở to quan sát Harah.

“Tôi đã quan sát hai mẹ con bà bên nhau, cách mẹ con bà chạm vào nhau,” Harah nói. “Và Alia cũng như xác thịt của tôi bởi nó là em gái của một người giống như em trai tôi. Tôi đã trông nom canh chừng nó từ khi nó còn bé xíu, từ thời razzia khi chúng ta đến nơi này tị nạn. Tôi đã thấy nhiều điều về nó.”

Jessica gật đầu, nhận thấy nỗi bất an bắt đầu dậy lên trong Alia bên cạnh bà.

“Bà biết tôi muốn nói gì,” Harah nói. “Cái kiểu nó biết ngay từ đầu rằng chúng ta đang nói gì với nó. Có đứa bé nào còn nhỏ vậy mà đã biết tới kỷ luật nước không? Có đứa bé nào mà lời đầu tiên nói với bảo mẫu của mình là ‘Con yêu cô, Harah’?”

Harah nhìn chòng chọc vào Alia. “Tại sao bà nghĩ tôi chấp nhận những lời xúc phạm của nó? Là bởi tôi biết không có ác ý nào trong đó cả.”

Alia ngược nhìn mẹ.

“Phải, tôi có khả năng lập luận, thưa Mẹ Chí tôn,” Harah nói. “Lẽ ra tôi có thể nằm trong số các Sayyadina. Tôi đã thấy điều mình đã thấy.”

“Harah à...” Jessica nhún vai. “Ta chẳng biết nói gì.” Và bà thấy ngạc nhiên về chính mình, bởi điều này quả là sự thực.

Alia thẳng người dậy, kênh ngang vai lên. Jessica nhận thấy ý thức chờ đợi ở nó đã chấm dứt, một mối xúc cảm pha trộn giữa sự quả quyết và nỗi buồn.

“Chúng ta đã phạm sai lầm,” Alia nói. “Giờ chúng ta cần Harah.”

“Ấy là lẽ hạt giống,” Harah nói, “khi bà chuyển hóa Nước của Sự sống, thưa Mẹ Chí tôn, khi Alia còn chưa ra đời, vẫn đang ở trong bà.”

Cần Harah? Jessica tự hỏi.

“Còn ai khác có thể nói giữa mọi người, khiến họ bắt đầu hiểu con?” Alia hỏi.

“Con muốn chị ấy làm gì?” Jessica hỏi.

“Chị ấy biết phải làm gì rồi,” Alia nói.

“Tôi sẽ nói cho họ biết sự thật,” Harah nói. Khuôn mặt chị dường như đột nhiên trở nên già sọm, u buồn, với làn da màu ô liu chau lại thành những nếp nhăn, một vẻ mê hoặc ẩn trong những đường nét sắc sảo. “Tôi sẽ nói với họ rằng Alia chỉ giả vờ là một đứa bé con, rằng nó chưa bao giờ là một đứa bé cả.”

Alia lắc đầu. Lệ chảy tràn xuống má cô, và Jessica cảm nhận được những làn sóng u buồn tràn ra từ đứa con gái, như thể đó chính là cảm xúc của bà.

“Con biết con là quái vật,” Alia thì thầm. Câu tóm tắt đầy người lớn đó, thốt ra từ cái miệng trẻ con, nghe như một lời xác nhận cay đắng.

“Con không phải quái vật!” Harah đập lại. “Ai dám nói con là quái vật chứ hả?”

Một lần nữa, Jessica kinh ngạc trước vẻ bảo vệ đầy dữ tợn trong giọng Harah. Đến lúc đó thì Jessica nhận ra Alia đã phán đoán đúng - quả thực họ cần Harah. Bộ tộc sẽ hiểu Harah - hiểu cả lời nói lẫn cảm xúc của chị - bởi rõ ràng chị yêu Alia như yêu đứa con chính mình rút ruột đẻ ra.

“Ai nói thế?” Harah nhắc lại.

“Không ai cả.”

Alia cầm một góc áo aba của Jessica lau nước mắt trên mặt. Cô bé vuốt thẳng chỗ vải áo bị cô làm nhàu ứ.

“Thế thì đừng nói vậy,” Harah ra lệnh.

“Vâng, thưa cô Harah.”

“Giờ thì,” Harah nói, “con có thể kể cho ta nghe chuyện là thế nào để ta biết mà nói cho những người khác. Kể cho ta nghe điều gì đã xảy ra với con.”

Alia nuốt nước bọt, ngược nhìn mẹ.

Jessica gật đầu.

“Có lần con thức dậy,” Alia nói. “Giống như con vừa ngủ dậy vậy, chỉ có điều con không thể nhớ ra mình có đi ngủ hay không. Con đang ở một nơi ấm, tối. Và con sợ.”

Lắng nghe cái giọng có phần ngọng nghịu của đứa con gái, Jessica nhớ lại cái ngày hôm đó trong hang lớn.

“Khi thấy sợ, con cố thoát khỏi đó, nhưng chẳng có cách nào thoát được,” Alia nói. “Rồi con thấy một tia sáng... nhưng không hẳn là con thấy. Tia sáng kia ở ngay đó cùng con và con cảm thấy những cảm xúc của tia sáng ấy... xoa dịu con, an ủi con, bằng cách đó nó bảo con rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Đó là mẹ con.”

Harah dụi mắt, mỉm cười khích lệ Alia. Thế nhưng vẫn có một vẻ hoang dại nào đó trong đôi mắt người đàn bà Fremen, một cảm xúc mãnh liệt như thể cặp mắt đó cũng đang cố lắng nghe Alia nói.

Và Jessica nghĩ: *Thực ra chúng ta biết được gì về suy nghĩ của một kẻ như vậy... từ những trải nghiệm độc nhất vô nhị của kẻ đó, từ những gì kẻ đó được dạy dỗ, từ tổ tiên kẻ đó?*

“Ngay khi con cảm thấy an toàn, thấy yên tâm, thì lại có một tia sáng khác cùng với hai mẹ con ta... và mọi chuyện xảy ra cùng một lúc,” Alia nói. “Tia sáng kia là Mẹ Chí tôn già. Người đang... trao đổi những cuộc

đời với mẹ con... mọi thứ... và con ở đó cùng với họ, nhìn thấy tất cả... mọi thứ. Rồi chuyện đó kết thúc, và con là chính họ, là tất cả những người khác và là chính con... chỉ có điều phải mất một thời gian dài con mới lại tìm thấy chính mình. Có quá nhiều người khác.”

“Việc đó thật tàn nhẫn,” Jessica nói. “Không một sinh linh nào nên tỉnh dậy để bước vào ý thức bằng cách đó. Điều kỳ diệu là con đã có thể tiếp nhận tất cả những gì xảy ra với con.”

“Con có làm được gì khác đâu!” Alia nói. “Con không biết phải cự tuyệt bằng cách nào, không biết làm sao để giấu ý thức của con đi... hoặc đóng kín nó lại... mọi thứ cứ thế xảy ra... mọi thứ...”

“Chúng ta không biết,” Harah lẩm bẩm. “Lúc đưa Nước cho mẹ con để bà chuyển hóa nó, chúng ta không biết con đã có mặt bên trong bà.”

“Đừng buồn vì chuyện đó, Harah,” Alia nói. “Lẽ ra con không nên cảm thấy tủi thân. Nói gì thì nói, ở đây có lý do để cho con hạnh phúc: con là Mẹ Chí tôn. Bộ tộc ta có hai Mẹ...”

Cô bé ngừng bật, nghiêng đầu lắng nghe.

Harah trở người trên đệm, tì lên gót chân, nhìn chăm chú vào Alia, rồi lại hướng sự chú ý vào khuôn mặt Jessica.

“Chị không nghi ngờ gì sao?” Jessica hỏi.

“Su...u...y...t...t,” Alia nói.

Một tiếng ngân nga nhịp nhàng từ xa vẳng tới qua những tấm rèm ngăn giữa họ với các hành lang của sietch. Tiếng ngân nga càng lúc càng to, giờ thì đưa lại những âm thanh rõ rệt: “Ya! Ya! Yawm! Ya! Ya! Yawm! Mu zein, wallah! Ya! Ya! Yawm! Mu zein, Wallah!”

Những người đang hát đi ngang qua cánh cửa ngoài, giọng họ vang đến tận những buồng trong. Chầm chậm, tiếng hát xa dần.

Khi âm thanh đã đủ xa không còn nghe rõ, Jessica bắt đầu nghi lễ, giọng nhuốm buồn: “Giờ là thời kỳ Ramadhan và tháng Tư trên Bela Tegeuse.”

“Gia đình tôi ngồi trên sân nhà, bên cạnh hồ, trong bầu không khí ẩm hơi ẩm tỏa lên từ tia nước hồ phun,” Harah nói. “Có một cây cam portigul, tròn trịa, sẫm màu, vươn tay là chạm tới. Có một chiếc giỏ đựng quả mơ mish mish, bánh baklawa và những cốc vại đựng liban - đủ thức ăn ngon. Trong vườn chúng tôi và trong lũ dân tôi luôn luôn có hòa bình... hòa bình khắp trên mảnh đất này.”

“Cuộc sống ngập tràn hạnh phúc, cho đến khi bấy cướp kia xuất hiện,” Alia nói.

“Máu lạnh điếng trước tiếng kêu của bạn bè,” Jessica nói. Và bà cảm thấy các ký ức từ tất cả những quá khứ khác mà bà đang chia sẻ ào ạt tuôn chảy khắp trong bà.

“La, la, la, phụ nữ khóc than,” Harah nói.

“Quân cướp đến, băng qua mushtamal, nhảy bổ vào chúng ta với những con dao rỏ máu đã cướp đi mạng sống những người đàn ông của chúng ta,” Jessica nói.

Im lặng trùm lên ba người cũng như trùm khắp mọi gian phòng của sietch, cái im lặng trong khi họ nhớ lại và kìm nén nỗi đau hãy còn sống sót nhờ kia.

Ngay sau đó, Harah thốt lên lời kết thúc lễ theo nghi thức, đưa vào những lời đó sự khắc nghiệt mà Jessica chưa từng nghe thấy ở chúng.

“Chúng ta sẽ không bao giờ tha thứ và chúng ta sẽ không bao giờ quên,” Harah nói.

Trong sự im lặng ưu tư theo sau những lời của chị, họ nghe thấy tiếng nhiều người thì thầm, tiếng nhiều chiếc áo dài sột soạt. Jessica cảm thấy có người đang đứng ngoài các tấm rèm ngăn cách buồng của bà.

“Bẩm Mẹ Chí tôn.”

Một giọng phụ nữ, và Jessica nhận ra nó: giọng Tharthar, một trong các bà vợ của Stilgar.

“Gì vậy hở Tharthar?”

“Có chuyện không hay, thưa Mẹ Chí tôn.”

Jessica cảm thấy tim mình thắt lại, một nỗi sợ đột ngột cho Paul. “Paul...” bà thở dốc.

Tharthar vạch rèm ra, bước vào buồng. Trước khi rèm buông xuống, Jessica thoáng thấy một đám người xúm xít ở phòng ngoài. Bà ngược nhìn Tharthar, một phụ nữ da sẫm nhỏ bé mặc áo choàng màu đen có vẽ hình màu đỏ, màu xanh tuyệt đối của cặp mắt nhìn xoáy vào Jessica, hai lỗ mũi nhỏ xíu nở to để lộ những vết sẹo do nút thông hơi để lại.

“Chuyện gì thế?” Jessica hỏi gặng.

“Có tin từ ngoài cát,” Tharthar nói. “Usul gặp Ngài tạo trong cuộc sát hạch của anh ấy... vào hôm nay. Đám thanh niên nói anh ấy không thể thất bại, trước khi đêm xuống anh ấy sẽ trở thành kỵ sĩ cát. Đám thanh niên đang họp lại để tổ chức razzia. Họ sẽ tấn công về phía Bắc và gặp Usul ở đó. Họ nói họ sẽ làm tiếng khóc dậy lên ở đó. Họ nói họ sẽ buộc anh ấy thách đấu với Stilgar để giành quyền lãnh đạo các bộ tộc.”

Thu thập nước, trồng những đụn cát, thay đổi thế giới của họ một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, chừng đó việc bây giờ không được coi là đủ nữa, Jessica nghĩ. Những cuộc chinh phạt nhỏ, những cuộc chinh phạt không thể tránh khỏi, chừng đó giờ đây không còn đủ nữa một khi Paul và ta đã huấn luyện họ rồi. Họ cảm thấy sức mạnh của mình. Họ muốn đánh nhau.

Tharthar chuyển trọng tâm từ chân này sang chân nọ, hắng giọng.

Chúng ta biết cái nhu cầu cần chờ đợi một cách thận trọng, Jessica nghĩ, nhưng đó chính là cốt lõi nỗi thất vọng của chúng ta. Chúng ta cũng biết cái hại mà sự chờ đợi kéo dài quá lâu có thể gây ra cho chúng ta. Chúng ta đánh mất ý thức về mục đích của mình nếu sự chờ đợi bị kéo dài.

“Đám thanh niên bảo nếu Usul không thách đấu Stilgar thì chắc hẳn anh ấy đã sợ hãi,” Tharthar nói.

Cô ta cụp mắt xuống.

“Ra vậy,” Jessica lầm bầm. Và bà nghĩ: *Ta đã thấy rõ chuyện này sẽ xảy ra. Stilgar cũng vậy.*

Một lần nữa, Tharthar hắng giọng. “Ngay cả em trai tôi là Shoab cũng nói vậy,” cô nói. “Họ sẽ không để Usul được lựa chọn.”

Vậy thì chuyện đó đã xảy ra rồi, Jessica nghĩ. Và Paul sẽ phải tự mình giải quyết. Mẹ Chí tôn không dám dính líu vào chuyện kế vị này.

Alia rút tay ra khỏi tay mẹ, nói: “Con sẽ đi với Tharthar để nghe các thanh niên nói. Có lẽ có cách nào đó.”

Jessica bắt gặp cái nhìn của Tharthar, nhưng nói với Alia: “Vậy đi đi. Rồi báo lại cho mẹ biết càng sớm càng tốt.”

“Chúng tôi không muốn chuyện này xảy ra đâu, thưa Mẹ Chí tôn,” Tharthar nói.

“Chúng ta không muốn,” Jessica đồng ý. “Bộ tộc cần toàn bộ sức mạnh của nó.” Bà liếc sang Harah. “Chị đi cùng họ chứ?”

Harah trả lời phần không được nói ra của câu hỏi: “Tharthar sẽ không cho phép ai làm hại đến Alia. Chị ấy biết chẳng bao lâu nữa hai chúng tôi, chị ấy và tôi, sẽ là vợ chung của một người đàn ông. Tharthar với tôi, chúng tôi đã bàn chuyện đó rồi.” Harah nhìn lên Tharthar, rồi nhìn lại Jessica. “Chúng tôi hiểu nhau.”

Tharthar chìa một tay ra cho Alia, nói: “Ta phải nhanh lên. Đám thanh niên đang ra đi đấy.”

Họ lách qua những tấm rèm, đứa bé đặt tay mình vào bàn tay nhỏ nhắn của người đàn bà, nhưng có vẻ như đứa bé mới là kẻ dẫn đường.

“Nếu Paul Muad’Dib giết Stilgar, điều đó sẽ không có lợi cho bộ tộc,” Harah nói. “Trước đây bao giờ cũng vậy, đó là cách để người này kế vị người kia, nhưng thời thế đã thay đổi.”

“Thời thế cũng đã thay đổi đối với chị,” Jessica nói.

“Bà không thể nghĩ rằng tôi có hoài nghi gì về kết cục một trận đấu như vậy,” Harah nói. “Usul chỉ có thể thắng mà thôi.”

“Đó là điều ta muốn nói.”

“Và bà nghĩ cảm xúc cá nhân của tôi đã can thiệp vào phán đoán của tôi.” Harah nói. Chị lắc đầu, những vòng đếm nước kêu lạnh canh trên cổ. “Bà mới nhầm lẫn làm sao chứ! Có lẽ bà cũng nghĩ rằng tôi lấy làm tiếc mình không phải là người được Usul chọn, rằng tôi ghen với Chani?”

“Chị tự lựa chọn lấy bởi chị có thể làm thế,” Jessica nói.

“Tôi thương cho Chani,” Harah nói.

Jessica cứng đờ người. “Ý chị là sao?”

“Tôi biết bà nghĩ gì về Chani,” Harah nói. “Bà nghĩ cô ta không phải người vợ thích hợp cho con trai bà.”

Jessica ngả về phía sau, thả lỏng người trên đồng đệm. Bà nhún vai. “Có lẽ vậy.”

“Có thể bà đúng,” Harah nói. “Nếu đúng vậy, bà có thể tìm thấy một

đồng minh bất ngờ - ấy là chính Chani. Cô ấy muốn bất cứ điều gì miễn đó là điều tốt nhất cho *Người*.”

Jessica nuốt nước bọt qua cổ họng đột ngột siết chặt lại. “Chani rất thân thiết với ta,” bà nói. “Con bé không thể...”

“Thảm ở đây bẩn quá,” Harah nói. Chị lướt nhìn khắp phòng, tránh ánh mắt của Jessica. “Lúc nào cũng có quá nhiều người giẫm lên đây. Bà phải cho người ta giặt thảm thường xuyên hơn mới được.”

Ta không thể tránh khỏi tương tác chính trị bên trong một tôn giáo chính thống. Cuộc đấu tranh quyền lực này thấm nhuần trong sự huấn luyện, giáo dưỡn và duy trì kỷ cương của cộng đồng chính thống giáo. Do áp lực này, các lãnh tụ của một cộng đồng như vậy không tránh khỏi phải đối mặt với cái vấn đề nội bộ tối hậu: hoặc thuận theo chủ nghĩa cơ hội tuyệt đối như là cái giá để duy trì quyền lực của họ, hoặc liêu hy sinh thân mình vì đạo lý chính thống.

- trích “Muad’Dib: Những vấn đề tôn giáo” của Công chúa Irulan

Paul đợi trên cát bên ngoài đường tiến của Ngài tạo khổng lồ. *Ta không được đợi như một tên buôn lậu, nôn nóng bồn chồn, chàng tự nhắc mình. Ta phải là một phần của sa mạc.*

Con vật giờ chỉ còn cách chàng vài phút, làm cho buổi sáng tràn ngập tiếng rìn rít do ma sát ở những nơi nó đi qua. Những chiếc răng to tướng bên trong cái mồm tròn to như miệng hang của nó giương ra tua tủa như một đóa hoa khổng lồ. Mùi hương được từ nó tỏa ra nồng nặc trong không khí.

Bộ sa phục của Paul bỗng bệnh nhẹ bẫng trên người chàng và chàng chỉ mơ hồ cảm thấy hai cái nút gấn vào lỗ mũi, chiếc mặt nạ thở. Những lời dạy của Stilgar, những giờ huấn luyện gian khổ trên mặt cát, chúng làm lu mờ mọi thứ khác.

“Anh phải đứng trên cát hạt đậu cách Ngài tạo bao xa?” Stilgar từng hỏi chàng.

Và chàng đã đáp đúng: “Cứ mỗi mét đường kính của Ngài tạo thì ta đứng cách xa nửa mét.”

“Tại sao?”

“Để tránh cơn lốc xoáy trên đường đi của Ngài mà vẫn đủ thì giờ để chạy tới cưỡi lên Ngài.”

“Anh đã cưỡi những Ngài nhỏ được nuôi để cung cấp hạt mầm và Nước của Sự sống,” Stilgar nói. “Nhưng Ngài mà anh sẽ gọi tới để cưỡi khi sát hạch là một Ngài hoang dã, một lão ông sa mạc. Anh phải có lòng kính trọng thích đáng với một Ngài như vậy.”

Giờ thì tiếng trống thì thùng trầm sâu của chiếc dùi gọi đã hòa lẫn với tiếng xì xì của con sâu đang tiến lại gần. Paul hít thở sâu, ngửi thấy mùi khoáng chất hăng hắc của cát dù đã thông qua bộ lọc. Ngài tạo hoang dã, lão ông sa mạc, sừng sững hầu như ngay bên trên chàng. Những khoang trước vươn cao của nó tung ra một làn sóng cát thiếu chút nữa là quét ngang đầu gối chàng.

Lại đây nào, con quái vật yêu quý, chàng nghĩ. Đến đây. Mi nghe tiếng ta gọi mà. Lại đây. Lại đây.

Làn sóng nhấc bổng chân chàng lên. Bụi trên bề mặt quét ngang qua chàng. Chàng lấy lại thăng bằng, thế giới của chàng bị ngự trị bởi đường đi của bức tường vòng cung bị cát phủ mù mịt kia, vách đá cao ngất ngưỡng bị cắt thành khúc kia, trên đó hiện rõ nét những đường vòng định ranh giới giữa các khoang.

Paul nhấc những cây móc lên, ngắm dọc theo chúng, ngả người về phía trước. Chàng cảm thấy những cây móc cắm chặt vào thân con vật, kéo chàng đi. Chàng nhảy phóc lên, trụ chắc chân lên bức tường đó, ngả người ra tựa vào những lưỡi gạnh đang bám chắc kia. Đây là khoảnh khắc thực sự của cuộc thử thách: nếu chàng cắm móc vào đúng cái ngấn đằng trước của một khoang thân, mở banh khoang đó ra, thì con sâu sẽ không lộn vòng xuống dưới và nghiền nát chàng.

Con sâu bò chậm lại. Nó lướt qua chiếc dùi gọi, làm tiếng trống bị ìm đi. Chậm rãi, nó bắt đầu xoay mình - lên cao, lên nữa - nâng những cái gạnh khó chịu kia lên cao hết mức, rồi xa mặt cát bởi cát đe dọa làm tổn thương phần mềm bên trong của khoang thân đang bị banh ra.

Paul nhận ra mình đang chễm chệ trên chòm lưng con sâu. Chàng thấy hân hoan, như một vị đế vương đang tuần du thế giới của mình. Chàng

cố kìm một nỗi thôi thúc đột ngột muốn nhảy cẫng lên ngay ở đó, muốn bắt con sâu phải xoay tròn, để phô cho thiên hạ thấy chàng đang hoàn toàn làm chủ sinh vật này.

Đột nhiên chàng hiểu tại sao Stilgar có lần cảnh cáo chàng về những thanh niên ngổ ngáo nhảy múa và chơi đùa với những con quái vật này, trồng cây chuối trên lưng chúng, rút cả hai cây móc ra rồi cắm trở lại trước khi con sâu kịp cho họ ngã lộn cổ.

Để một cây móc nguyên tại chỗ, Paul rút cây móc kia ra rồi cắm xuống thấp hơn nơi sườn con vật. Khi cây móc thứ hai đã cắm chắc và được kiểm tra kỹ lưỡng, chàng rút cây thứ nhất xuống, bằng cách đó chàng dời chỗ xuống bên sườn. Con vật quặn mình, và trong khi quặn mình, nó đổi hướng, tiến về phía dải cát mịn nơi những người khác đang đợi.

Paul thấy họ lại gần, thấy họ dùng móc treo lên, nhưng tránh những đường ngắn tròn phân khúc nhảy cảm của con vật cho đến khi họ đã leo lên đỉnh. Cuối cùng họ xếp thành hàng ba sau lưng chàng mà cười con vật, ai nấy tựa vào những cây móc của mình để giữ thăng bằng.

Stilgar dời lên phía trên len qua những hàng người, kiểm tra vị trí các cây móc của Paul, liếc nhìn khuôn mặt tươi cười của Paul.

“Anh làm được rồi nhỉ?” Stilgar hỏi, cất cao giọng để át tiếng di chuyển rìn rít do con vật gây ra. “Anh nghĩ vậy phải không? Anh làm được rồi à?” Ông thẳng người lên. “Giờ tôi phải nói cho anh biết, làm như anh ban nãy là xoàng lắm. Chúng tôi có những đứa trẻ mười hai tuổi còn làm tốt hơn thế. Hồi nãy lúc anh đứng đợi, có một chỗ cát trống ở bên trái anh. Anh không thể rút lui vào đấy nếu con vật quay sang hướng đó.”

Nụ cười biến mất khỏi mặt Paul. “Tôi có thấy chỗ cát trống.”

“Thế sao anh không ra hiệu cho một người trong bọn tôi chiếm vị trí phụ bên cạnh anh? Ngay cả trong cuộc sát hạch thì anh cũng có thể làm chuyện đó mà.”

Paul nuốt nước bọt, đối mặt với làn gió trên đường đi của họ.

“Anh đang nghĩ bây giờ mà tôi nói đến chuyện này thì chẳng hay ho gì,” Stilgar nói. “Đó là bốn phần của tôi. Tôi nghĩ đến giá trị của anh đối với mọi người. Nếu anh vấp vào chỗ cát trống đó thì Ngài tạo hản đã quay sang phía anh rồi.”

Dẫu cho cơn giận bùng lên, Paul biết Stilgar đang nói sự thật. Phải mất trọn một phút cộng với toàn bộ công phu khổ luyện nhờ mẹ truyền cho, Paul mới lấy lại được cảm giác bình thản. “Tôi xin lỗi,” chàng nói. “Chuyện này sẽ không xảy ra nữa.”

“Khi đứng ở vị trí cam go, hãy luôn luôn dành cho mình một trợ thủ, một người để xử trí với Ngài tạo nếu anh không làm được,” Stilgar nói. “Hãy nhớ rằng chúng ta cùng làm việc với nhau. Nhờ vậy mà chúng ta chắc thắng. Chúng ta cùng làm việc với nhau chứ hử?”

Ông vỗ vai Paul.

“Chúng ta làm việc cùng nhau,” Paul tán thành.

“Giờ thì,” Stilgar nói, và giọng ông cực cần, “cho tôi xem anh biết cách điều khiển Ngài tạo ra sao. Chúng ta đang ở bên nào?”

Paul liếc nhìn xuống bề mặt khoang thân có vảy nơi họ đang đứng, lưu ý đến tính chất và kích thước của các vảy, nhận thấy chúng to dần về bên phải và nhỏ dần về bên trái chàng. Chàng biết khi di chuyển mỗi con sâu đều có đặc tính nhấc một bên mình lên thường xuyên hơn. Sâu càng lớn thì việc nhấc một bên mình lên càng trở thành một đặc tính gần như không thay đổi. Những chiếc vảy ở mặt dưới trở nên lớn hơn, nặng hơn, nhẵn hơn. Còn nếu là một con sâu lớn thì vảy ở mặt trên chỉ có thể nhận ra qua kích thước.

Paul chuyển vị trí các móc rồi dời sang bên trái. Chàng ra hiệu cho những người ở phía sau chuyển xuống mở các khoang dọc mạn sườn để giữ cho con vật dù có vặn mình thì vẫn đi thẳng đường. Khi đã buộc con sâu đổi hướng, chàng ra hiệu cho hai hoa tiêu ra khỏi hàng để tiến lên những vị trí phía trước.

“Ach, haiiiii-yoh!” chàng hét to lời gọi theo truyền thống. Hoa tiêu bên trái mở banh một khoang thân ở đó.

Bằng một cú lượn uy nghi, con sâu vặn mình để bảo vệ khúc thân bị mở ra. Nó xoay tròn một vòng, và khi nó lại hướng về phía Nam, Paul thét: “Geyrat!”

Người hoa tiêu nhấc móc của mình ra. Ngài tạo vờn mình tiến theo đường thẳng.

Stilgar nói: “Tốt lắm, Paul Muad'Dib. Nếu tập luyện thật nhiều, may ra anh có thể trở thành kỵ sĩ cát.”

Paul cau mày nghĩ: *Chẳng phải ta là người đầu tiên cưỡi lên nó đấy sao?*

Từ sau lưng chàng đột nhiên vang lên tiếng cười. Đám người bắt đầu đồng thanh hô tên chàng, tiếng kêu vang dội bầu trời.

“Muad'Dib! Muad'Dib! Muad'Dib! Muad'Dib!”

Và tận phía cuối bề mặt thân sâu cát, Paul nghe tiếng những người thúc sâu đang lấy gậy nện xuống đốt đuôi con vật. Con sâu bắt đầu tăng tốc. Áo choàng của họ bay phần phật trong gió. Tiếng kin kít của thân con sâu ma sát lên mặt cát nghe to hơn.

Paul ngoái lại nhìn toàn bộ đoàn người, nhận ra khuôn mặt Chani trong đó. Chàng nhìn nàng trong khi vẫn nói chuyện với Stilgar. “Thế tôi đã là kỵ sĩ cát chưa, Stil?”

“Hal yawm! Hôm nay anh là kỵ sĩ cát.”

“Thế thì tôi có thể chọn đích đến cho chúng ta chứ?”

“Lệ là thế.”

“Và tôi là một người Fremen được sinh ra ngày hôm nay ở đây, nơi erg

Habbanya này. Trước ngày này tôi chưa hề sống thực thụ. Tôi vẫn là đứa trẻ cho mãi đến ngày này.”

“Không hẳn là đứa trẻ đâu,” Stilgar nói. Ông buộc chặt một góc mũ trùm bị gió giật ra.

“Nhưng đã có một cái nút bít kín thế giới của tôi, song cái nút đó đã bị rút ra.”

“Chẳng có cái nút nào hết.”

“Tôi sẽ đi về phía Nam, Stilgar ạ - hai mươi dùi gỏi. Tôi sẽ thấy vùng đất chúng ta tạo ra, cái vùng đất mà cho tới giờ tôi chỉ thấy qua mắt người khác.”

Và ta sẽ gặp con trai ta, gia đình ta, chàng nghĩ. Giờ ta cần thời gian để xem xét cái tương lai vốn dĩ là một quá khứ trong tâm trí ta. Còn nhiều loạn đang đến, và nếu ta không ở nơi mà ta có thể tháo gỡ nó, nó sẽ trở nên bất kham.

Stilgar nhìn chàng với một cái nhìn điềm tĩnh, xét đoán. Paul vẫn chú tâm vào Chani, nhìn thấy niềm vui thích sống động trên mặt nàng, và cũng nhận thấy niềm hứng khởi mà lời lẽ của chàng đã khơi dậy trong đoàn người.

“Mọi người đang háo hức muốn cùng anh tấn công vào các sink của bọn Harkonnen,” Stilgar nói. “Những sink đó chỉ cách chúng ta một dùi gỏi thôi.”

“Quân Fedaykin đã tiến hành chinh phạt cùng tôi,” Paul nói. “Họ sẽ tiếp tục cùng tôi chinh phạt cho tới khi không còn một tên Harkonnen nào hít thở bầu không khí Arrakeen nữa.”

Stilgar chăm chú quan sát chàng trong khi họ tiếp tục cưỡi sâu, và Paul nhận ra ông đang nhìn khoảnh khắc này thông qua ký ức về việc ông đã leo lên vị trí chỉ huy sietch Tabr và lãnh đạo Hội đồng Thủ lĩnh như thế nào khi giờ đây Liet-Kynes đã chết.

Ông ta đã nghe báo cáo về chuyện đám thanh niên Fremen đang náo loạn, Paul nghĩ.

“Anh có muốn tổ chức cuộc họp các thủ lĩnh không?” Stilgar hỏi.

Mắt những chàng thanh niên trong đoàn người sáng rực lên. Họ đứng đưa người trong khi cưỡi sâu, và họ quan sát. Và Paul thấy cái nhìn bồn chồn trong mắt Chani, nhận thấy cách nàng nhìn từ Stilgar, vốn là chú ruột nàng, sang Paul, người phối ngẫu của nàng.

“Ông không đoán được tôi muốn gì đâu,” Paul nói.

Và chàng nghĩ: *Ta không thể thối lui được nữa. Ta phải làm chủ được những người này.*

“Anh là mudir của cuộc du hành trên cát hôm nay,” Stilgar nói. Về khuôn thức lạnh lùng vang lên trong giọng ông: “Anh dùng quyền lực này như thế nào?”

Chúng ta cần thời gian để thư giãn, thời gian để điếm tĩnh chiêm nghiệm, Paul nghĩ.

“Chúng ta sẽ đi về phía Nam,” Paul nói.

“Cho dù nếu tôi bảo chúng ta sẽ quay lại phía Bắc khi ngày hôm nay chấm dứt?”

“Chúng ta sẽ đi về phía Nam,” Paul nhắc lại.

Ý thức không tránh khỏi về phẩm giá bản thân bao trùm lấy Stilgar trong khi ông kéo áo choàng ôm chặt quanh người. “Sẽ có cuộc họp thủ lĩnh,” ông nói. “Tôi sẽ gửi thư.”

Ông ta cho rằng ta sẽ thách đấu ông ta, Paul nghĩ. *Và ông ta biết sẽ không địch nổi ta.*

Paul quay về hướng Nam, cảm thấy gió ập vào đôi má để trần của chàng, nghĩ về những nhu cầu thiết yếu đã tham gia vào các quyết định của chàng.

Họ không biết nó là thế nào, chàng nghĩ.

Nhưng chàng biết chàng không thể để bất cứ sự suy xét nào khiến chàng chệch hướng. Chàng phải luôn trụ lại ở tuyến trung tâm của cơn bão thời gian mà chàng có thể nhìn thấy ở tương lai. Sẽ đến cái khoảnh khắc chàng có thể tháo gỡ nó, nhưng chỉ khi nào chàng ở đúng nơi có thể cắt đứt nút thắt trung tâm của nó.

Ta sẽ không thách đấu ông ta nếu có thể tránh điều đó, chàng nghĩ. Nếu có một cách nào khác để ngăn cuộc thánh chiến...

“Chúng ta sẽ cắm trại để ăn tối và cầu nguyện ở Hang Chim bên dưới Rặng Habbanya,” Stilgar nói. Ông vừa dùng một cây móc để lấy lại thăng bằng cho mình trước sự đung đưa của con sâu cát, vừa ra hiệu về phía trước, nơi một hàng rào đá thấp nhô lên trên nền sa mạc.

Paul quan sát kỹ vách đá đó, những vĩa đá lớn cắt ngang qua nó như những làn sóng. Không màu xanh cây lá nào, không trắng hoa nào làm mềm cái đường chân trời khắc nghiệt kia. Phía bên kia vách đá là con đường trải dài dẫn tới sa mạc phía Nam - một con đường dài ít nhất mười ngày đêm, ấy là nếu họ có thể thúc sâu đi nhanh nhất.

Hai mươi dùi gọi.

Con đường đó dẫn đi xa khỏi nơi có lính tuần tiểu Harkonnen. Chàng biết điều đó là thế nào. Những giấc mơ đã cho chàng thấy. Một ngày nọ, trong khi họ đang đi, sẽ có một sự thay đổi màu sắc rất nhỏ trên đường chân trời đằng xa - thay đổi nhỏ nhoi đến mức chàng có thể cảm thấy chẳng qua đó là mình quá mong mà tưởng tượng ra thôi - và ở đó sẽ có sietch mới.

“Quyết định của tôi có hợp ý Muad'Dib không?” Stilgar hỏi. Chỉ có một

thoáng mĩa mai nhuộm trong giọng ông, song những đôi tai Fremen quanh ông, vốn đã quen nắm bắt từng thanh điệu trong tiếng chim hay tiếng kêu lạnh lạnh truyền tin của con dơi cielago, đã nghe thấy sự mĩa mai ấy và quan sát phản ứng của Paul.

“Stilgar đã nghe tôi tuyên thệ trung thành với ông ấy khi chúng ta làm lễ cung hiến quân Fedaykin,” Paul nói. “Các binh sĩ cảm tử của tôi biết rõ tôi đã nói với lòng danh dự. Stilgar nghi ngờ điều đó sao?”

Nỗi đau thực sự lộ rõ trong giọng nói Paul. Stilgar nghe thấy nó, liền cúp mắt xuống.

“Usul, bầu bạn cùng chung sietch của tôi, người ấy thì tôi chẳng bao giờ nghi ngại,” Stilgar nói. “Nhưng anh là Paul Muad'Dib, Công tước Atreides, và anh còn là Lisan al-Gaib, Giọng nói Từ Thế giới Khác. Những con người đó thì thậm chí tôi chưa hề biết.”

Paul ngoảnh đi, ngấm Rặng Habbanya nhô ra trên sa mạc. Con sâu bên dưới họ vẫn còn thấy khỏe, còn đầy hăng say. Nó có thể mang họ đi thêm hầu như gấp đôi quãng đường mà bất cứ người Fremen nào xưa nay từng cưỡi sâu cát. Chàng biết điều đó. Không có gì ngoài những câu chuyện thường kể cho bầu con trẻ có thể sánh với ông già sa mạc này. Paul nhận ra nó là chất liệu cho một truyền thuyết mới.

Một bàn tay siết chặt vai chàng.

Paul nhìn bàn tay đó, lần theo cánh tay mà ngược lên khuôn mặt bên trên nó - đôi mắt thăm màu của Stilgar lộ ra giữa chiếc mặt nạ lọc và mũ trùm của bộ sa phục.

“Con người từng lãnh đạo sietch Tabr trước tôi, ông ấy là bạn tôi,” Stilgar nói. “Chúng tôi từng vào sinh ra tử bên nhau. Ông ấy chịu ơn cứu mạng của tôi nhiều lần, và tôi cũng nhiều lần nợ ơn cứu mạng ông ấy.”

“Tôi là bạn ông, Stilgar ạ,” Paul nói.

“Không ai nghi ngờ điều ấy,” Stilgar nói. Ông nhấc tay ra, nhún vai. “Tập

quán là vậy.”

Paul nhận thấy Stilgar quá chìm đắm trong tập quán Fremen đến nỗi không còn có thể xét đến khả năng làm theo cách nào khác. Nơi đây, một thủ lĩnh nắm quyền bính từ tay người tiền nhiệm đã khuất, nếu không thì giết chóc những người mạnh nhất của bộ tộc mình nếu một thủ lĩnh qua đời trong sa mạc. Stilgar đã leo lên vị trí naib bằng cách đó.

“Chúng ta nên để Ngài tạo nòi ngoài sa mạc,” Paul nói.

“Phải,” Stilgar tán thành. “Từ đây đến hang ta có thể đi bộ.”

“Chúng ta đã cưỡi nó đủ xa khiến nó sẽ vùi mình vào cát mà hờn dỗi khoảng một hai ngày gì đó,” Paul nói.

“Anh là mudir trong chuyến du hành trên cát này,” Stilgar nói. “Hãy cho biết khi nào chúng ta...” Ông ngừng bật, nhìn chăm chăm lên vùng trời phía Đông.

Paul ngoảnh phắt lại. Cái quầng xanh hường được phủ trên mặt chàng khiến bầu trời có vẻ thẫm lại, một màu xanh da trời được lọc trong vắt mà xa xa trên đó hiện lên rõ nét một tia sáng chớp tắt theo nhịp đều đặn.

Tàu chim!

“Một chiếc tàu chim nhỏ,” Stilgar nói.

“Có thể là tàu do thám,” Paul nói. “Ông có nghĩ là chúng thấy ta không?”

“Ở khoảng cách này thì chúng ta chỉ là một con sâu trên mặt cát thôi,” Stilgar nói. Ông ra hiệu bằng bàn tay trái. “Xuống đi. Tản ra trên cát.”

Đoàn người bắt đầu rời hai bên sườn sâu cát, buông mình xuống, hòa lẫn vào cát dưới áo choàng. Paul ghi nhớ nơi Chani nhảy xuống. Chẳng mấy chốc, chỉ còn chàng và Stilgar ở lại.

“Ai lên đầu tiên thì xuống sau cùng,” Paul nói.

Stilgar gặt đầu, tì lên hai cây móc tụt xuống, nhảy lên mặt cát. Paul chờ đến khi con sâu đi xa khỏi khu vực ẩn nấp của những người Fremen, rồi mới rút hai cây móc của chàng ra. Đó là một khoảnh khắc khó khăn, nếu con sâu chưa hoàn toàn kiệt sức.

Được giải thoát khỏi những cây gậy thúc và ngạnh móc, con sâu bắt đầu luồn sâu vào cát. Paul nhẹ nhàng chạy ngược trở lại dọc bề mặt thân hình to bè của con sâu, cẩn thận chọn đúng thời điểm rồi nhảy phóc xuống. Chàng tiếp cát trong khi chạy, đâm bổ vào bề mặt trơn chuội của một đụn cát theo đúng cách người ta dạy, rồi nấp dưới làn thác cát đổ trùm lên áo chàng.

Giờ thì, chờ đợi...

Paul quay người, nhẹ nhàng, khẽ nhấc một nếp áo choàng làm lộ ra một khe trời hẹp. Chàng hình dung những người khác tản mác dọc đường đi của họ cũng đang làm như vậy.

Chàng nghe tiếng chiếc tàu chim vỗ cánh trước khi nhìn thấy nó. Có tiếng động cơ phản lực kêu khe khẽ, rồi con tàu bay ngang qua khoảng sa mạc nơi chàng trú ẩn, đảo một vòng cung rộng về phía rặng núi.

Một chiếc tàu không có đặc điểm nhận dạng, Paul nhận xét.

Nó bay sang bên kia Rặng Habbanya thoát khỏi tầm nhìn.

Một tiếng chim kêu vang lên trên sa mạc. Một tiếng nữa.

Paul rũ sạch cát khỏi người, trèo lên đỉnh đụn cát. Những dáng người khác hiện ra thành một đường kéo dài xa khỏi rặng núi. Chàng nhận ra Chani và Stilgar trong số đó.

Stilgar ra hiệu về phía rặng núi.

Họ tập hợp lại rồi bắt đầu đi trên cát, trượt trên bề mặt với nhịp độ

không đều để không quấy rầy sâu cát. Stilgar bước lên sóng đôi với Paul dọc theo gờ của một đụn cát bị gió lèn chặt lại.

“Đó là tàu của dân buôn lậu,” Stilgar nói.

“Có vẻ vậy,” Paul nói. “Nhưng đối với dân buôn lậu thì vào tận chỗ này trong sa mạc là quá sâu.”

“Họ cũng gặp rắc rối với lính tuần tiểu nữa,” Stilgar nói.

“Một khi họ đã vào sâu thế này thì có thể sẽ còn đi xa hơn,” Paul nói.

“Phải.”

“Một khi họ đã liều mạng tiến quá sâu về phía Nam thì chẳng hay ho gì cho họ nếu nhìn thấy những gì ở đây. Dân buôn lậu cũng đem bán thông tin mà.”

“Họ đang săn lùng hương dược, anh không nghĩ vậy sao?” Stilgar hỏi.

“Sẽ có tàu chim và một con bộ chờ con tàu này ở đâu đó,” Paul nói. “Chúng ta có hương dược. Hãy lấy một trảng cát làm mồi để tóm vài tên buôn lậu cho chúng ta. Cần phải dạy cho chúng biết đây là đất của chúng ta, và người của chúng ta cũng cần thực tập các vũ khí mới.”

“Giờ thì Usul lên tiếng,” Stilgar nói. “Usul nghĩ như người Fremen nghĩ.”

Nhưng Usul phải nhường lối cho những quyết định phù hợp với một mục đích kinh khủng, Paul nghĩ.

Và cơn bão đang tụ lại.

Khi tôn giáo hợp nhất luật pháp và nghĩa vụ, người không bao giờ trở nên hoàn toàn có ý thức, không bao giờ nhận thức đầy đủ về chính mình. Người luôn luôn kém hơn đôi chút so với một cá nhân.

**- trích “Muad’Dib: Chín mươi chín điều kỳ diệu của vũ trụ” của
Công chúa Irulan**

Xưởng khai thác hương dược của dân buôn lậu, cùng với tàu vận tải mẹ và đội tàu chim của nó, bay tới chỗ các đụn cát gồ lên, trông hết như một bầy côn trùng nối đuôi theo con chúa. Phía trước bầy côn trùng là một trong những rặng đá thấp trời lên từ nền sa mạc giống như những hình thu nhỏ của Tường Chấn. Những bãi đá khô cằn của rặng này đã bị trận bão vừa mới đây quét sạch.

Trong đài quan sát trong suốt hình mái vòm của xưởng khai thác, Gurney Halleck cúi về phía trước, điều chỉnh các thấu kính đầu của ống nhòm rồi khảo sát cảnh quan. Bên ngoài rặng đá, ông nhìn thấy một khoảnh tối có thể là một vụ nổ hương dược, liền phát tín hiệu cho một chiếc tàu chim đang liệng bên ngoài, ra lệnh cho nó bay đi kiểm tra.

Chiếc tàu ve vẩy cánh để cho thấy nó đã nhận được tín hiệu. Nó tách khỏi bầy, lao về phía trắng cát sẫm màu, vừa lượn vòng quanh khu vực đó vừa thò máy dò xuống lơ lửng gần mặt cát.

Gần như ngay sau đó, nó cụp cánh nhào xuống rồi lượn vòng, để cho xưởng khai thác đang chờ đợi kia biết đã tìm thấy hương dược.

Gurney đút ống nhòm vào bao, biết rằng những người khác đã nhìn thấy tín hiệu. Ông thích nơi này. Rặng đá cho nơi trú ẩn và che chở. Nơi này sâu trong sa mạc, khó lòng bị mai phục được... tuy rằng... Gurney ra hiệu cho một đội tàu bay lượn trên rặng đá, rà soát kỹ, cử quân dự bị đến cắm chốt thành đội hình quanh khu vực này - không quá cao bởi khi đó các máy dò của phía Harkonnen có thể phát hiện ra họ từ xa.

Tuy vậy, ông không tin quân tuần tiễu Harkonnen sẽ tiến xa về phía Nam

đến thế. Đây vẫn là xứ sở của người Fremen.

Gurney vừa kiểm tra vũ khí của mình vừa nguyên rửa số phận vì đã khiến cho tấm chắn thành vô dụng ở đây. Bất cứ cái gì có thể vùi sâu cát đến thì đều phải tránh bằng mọi giá. Ông vừa xoa xoa vết sẹo vì cây nho mực trên hàm vừa nghiên cứu quang cảnh, quyết định rằng an toàn nhất là dẫn một toán đi đường đất bằng qua rặng đá kia. Thăm sát bằng cách đi bộ vẫn là cách chắc ăn nhất. Chừng nào Fremen và Harkonnen vẫn còn muốn cắt cổ nhau thì có cần thận mảy cũng không thừa.

Ở đây chính người Fremen mới làm ông lo lắng. Họ không nề hà gì việc buôn bán hương được với ta, ta muốn mua bao nhiêu cũng có, nhưng họ sẽ là những con quỷ sẵn sàng giao chiến nếu ta đặt chân đến nơi họ cấm ta không được tới. Hơn nữa đạo gần đây họ trở nên láu cá cực kỳ.

Sự láu cá và khéo léo trong chiến đấu của những người bản địa này, nó khiến Gurney khó chịu. Họ cho thấy sự tinh vi trong nghệ thuật chiến tranh, tinh vi chẳng kém bất cứ cái gì ông từng gặp, trong khi chính ông đã được huấn luyện bởi những chiến binh giỏi nhất trong vũ trụ, những kẻ dạn dày máu lửa trong các trận đánh mà chỉ số ít những kẻ ưu việt nhất mới có cơ sống sót.

Một lần nữa Gurney chăm chú nhìn quang cảnh, tự hỏi tại sao ông cảm thấy bồn chồn. Có lẽ đó là do con sâu cát mà họ đã thấy... nhưng ấy là ở phía bên kia rặng đá.

Một cái đầu nhô lên, tiến vào đài quan sát cạnh Gurney - chỉ huy xưởng khai thác, một tay cướp biển già độc nhãn râu rậm, cặp mắt xanh ngắt còn răng trắng như sữa do thực đơn nhiều hương được.

“Xem ra chỗ này khảm phết, thưa ngài,” viên chỉ huy xưởng khai thác nói. “Tôi đưa người vào nhé?”

“Hãy xuống chỗ rìa rặng đá kia,” Gurney ra lệnh. “Để tôi đổ bộ cùng với người của tôi. Từ chỗ đó ông có thể dùng xe tới nơi có hương được. Chúng tôi sẽ đi kiểm tra chỗ tảng đá kia.”

“Vâng.”

“Nếu có chuyện gì, hãy cứu xưởng khai thác,” Gurney nói. “Còn chúng tôi sẽ leo lên tàu chim.”

Chỉ huy xưởng khai thác đứng nghiêm chào. “Vâng, thưa ngài.” Ông ta chui xuống dưới qua cánh cửa sập.

Một lần nữa Gurney quan sát khắp đường chân trời. Ông phải lưu ý đến khả năng ở đây có người Fremen và ông đang xâm phạm nơi này. Người Fremen khiến ông lo lắng, sự bền bỉ dẻo dai của họ, hành tung khôn lường của họ. Trong chuyện làm ăn này có nhiều điều khiến ông lo lắng, nhưng phần thưởng thì lại lớn. Việc không thể cử các tàu cảnh vệ bay cao trên đầu cũng khiến ông lo lắng. Việc cần thiết phải cắt liên lạc bằng vô tuyến càng làm tăng nỗi bồn chồn bất an của ông.

Con bộ-xưởng khai thác xoay mình, bắt đầu bò xuống. Nhẹ nhàng, nó lướt dọc bãi cát khô dưới chân rặng đá. Những bước chân giẫm lên cát.

Gurney mở nắp vòm đài quan sát, tháo các đai đeo bảo vệ ra. Đúng vào lúc xưởng khai thác ngừng chuyển động thì ông bước ra ngoài, đóng sập nắp đài quan sát lại sau lưng, trèo ra trên các tấm chắn bánh xích rồi đu mình xuống cát phía bên ngoài tấm lưới dự phòng sự cố. Năm người thuộc đội cận vệ riêng của ông từ cửa sập đằng mũi chui ra ngoài cùng ông. Những người khác điều khiển cho phi đội vận chuyển của xưởng khai thác tách riêng ra. Nó tách ra, nhấc bổng lên rồi lượn một vòng thăm thắp trên đầu.

Ngay lập tức con bộ-xưởng khai thác kênh càng lắc lư trở dậy, nhún mình rời khỏi chỏm đụn cát, di chuyển về phía trắng hương được tối đen lộ ra trên cát.

Một chiếc tàu chim bổ xuống gần đó, khẽ trượt rồi đứng lại. Một chiếc khác theo sau, rồi thêm chiếc nữa. Chúng phun trung đội của Gurney ra rồi cất mình lên để liệng vòng xung quanh đó.

Gurney đuổi thẳng người kiểm tra các cơ bắp của mình trong bộ sa phục. Ông tháo mặt nạ lọc ra khỏi mặt, khiến hơi ẩm trong người mất đi song bù lại ông làm được điều cần thiết hơn - có được cái sức mạnh vang rền trong giọng nói một khi cần thét to ra lệnh. Ông bắt đầu trèo lên giữa các tảng đá để kiểm tra địa hình - dưới chân là sỏi và cát hạt đậu, mùi hương được.

Địa điểm tốt để đặt căn cứ khẩn cấp, ông nghĩ. *Chôn một ít đồ tiếp tế ở đây hẳn là có lý.*

Ông ngoái lại, quan sát thuộc hạ của mình tản ra trong khi họ theo ông. Những người giỏi, kể cả những người mới mà ông chưa có thời gian kiểm tra. Những người thật giỏi. Không cần ông lúc nào cũng phải nhắc nhở họ hãy làm gì. Chẳng có ánh lấp lánh nào của tấm chắn trên người bất cứ ai trong số họ. Chẳng có tên hèn nhát nào trong đám người này, những thằng hèn cứ phải tha tấm chắn vào sa mạc nơi sâu cát có thể cảm thấy được tấm chắn mà mò tới cướp không chỗ hương được họ tìm ra.

Từ tảng đá hơi nhô ra này, Gurney có thể thấy trắng cát chứa hương được cách mình chừng nửa cây số và thấy con bộ vừa mới mon men tới rìa bên trái của nó. Ông nhìn lên đội bay bảo vệ, ghi nhận độ cao - không cao lắm. Ông gật gù, quay sang tiếp tục leo lên chồm cát.

Đúng vào khoảnh khắc đó, chồm cát sụp đổ.

Mười hai tia lửa gầm vang xẹt thẳng từ dưới lên những chiếc tàu chim cùng bộ phận vận chuyển đang liệng trên cao. Từ chỗ con bộ-xưởng hương được vang lên tiếng kim loại nổ đinh tai, và các tảng đá quanh Gurney tràn ngập những chiến binh đội mũ trùm.

Gurney còn kịp nghĩ: *Thế có cặp sừng của Mẹ Vĩ đại! Tên lửa! Chúng dám dùng cả tên lửa kia à!*

Rồi ông đối mặt với một người trùm đầu đang cúi thấp, con dao pha lê trong tư thế sẵn sàng. Hai người nữa đứng đợi trên các tảng đá phía trên, một bên trái một bên phải. Gurney chỉ thấy được cặp mắt lộ ra giữa mũ

trùm và tấm mạng che mặt trên bộ áo choàng màu cát của tay chiến binh đứng trước mặt ông, nhưng động tác cúi mình và tư thế sẵn sàng kia cảnh cáo ông rằng đây là một chiến binh dày dạn khổ luyện. Đó là đôi mắt màu-xanh-trong-màu-xanh của người Fremen sống sâu trong sa mạc.

Gurney đưa một tay về phía dao của mình, mắt vẫn dán chặt vào con dao của đối phương. Một khi đã dám dùng tên lửa, bọn họ cũng có thể có những vũ khí phóng khác. Khoảnh khắc này đòi hỏi phải cực kỳ cẩn trọng. Chỉ cần nghe các âm thanh, ông cũng biết ít nhất lực lượng yểm trợ trên không của ông đã bị quật ngã. Có cả những tiếng càu nhàu, tiếng vật lộn ồn ã sau lưng ông.

Mắt của chiến binh trước mặt Gurney theo sát cử động tiến về phía con dao của bàn tay ông, trở lại nhìn xoáy vào mắt Gurney.

“Để nguyên dao trong vỏ đi, Gurney Halleck,” người đó nói.

Gurney chần chừ. Giọng nói đó nghe quen thuộc đến kỳ lạ, dù đã qua bộ lọc của sa phục.

“Người biết tên ta?” ông hỏi.

“Thầy không cần phải dùng dao với ta, Gurney ạ,” người đó nói. Anh ta thẳng người lên, rút lại dao vào vỏ bên dưới áo choàng. “Hãy bảo người của thầy đừng kháng cự vô ích.”

Người đó hất mũ trùm đầu ra sau, trật bộ lọc sang một bên.

Sự choáng váng trước những gì Gurney nhìn thấy khiến cơ bắp ông đông cứng lại. Thoạt tiên ông nghĩ mình đang nhìn bóng ma của Công tước Leto Atreides. Phải mất hồi lâu ông mới hiểu trọn vẹn sự tình.

“Paul,” ông thì thầm. Rồi nói to hơn: “Có thật là Paul không?”

“Thầy không tin vào mắt mình sao?” Paul hỏi.

“Người ta nói ngài đã chết,” Gurney kêu lên the thé. Ông tiến lên nửa

bước.

“Bảo người của thầy đầu hàng đi,” Paul ra lệnh. Chàng vẫy tay về phía những khu vực thấp hơn của chòm cát.

Gurney quay lại, miễn cưỡng rời mắt khỏi Paul. Ông chỉ thấy vài đám đánh nhau lẻ tẻ. Những người sa mạc đội mũ tròn dường như có mặt khắp nơi. Con bọ-xưởng khai thác nằm im, người Fremen đứng trên nóc. Không có chiếc máy bay nào trên đầu nữa.

“Ngừng chiến đấu,” Gurney gầm lên. Ông hít một hơi dài, khum hai bàn tay lại làm loa. “Gurney Halleck đây! Ngừng đánh nhau đi!”

Chậm chậm, đầy cảnh giác, những cặp đang giao chiến tách nhau ra. Những đôi mắt quay về phía ông, dò hỏi.

“Đây là bạn,” Gurney nói to.

“Bạn tốt quá nhỉ!” ai đó hét lại. “Phân nửa người của ta bị giết rồi.”

“Đó là do nhầm lẫn,” Gurney nói. “Đừng làm chuyện thêm tệ hại.”

Ông ngoảnh lại Paul, nhìn chăm chăm vào cặp mắt Fremen xanh ngấn ngắt của chàng trai.

Một nụ cười thoáng hiện trên miệng Paul, nhưng trong nét mặt có một sự cứng rắn khiến Gurney nhớ lại Lão Công tước, ông nội của Paul. Rồi Gurney nhận ra trong Paul có một sự khắc nghiệt đầy gân guốc vốn chưa từng thấy ở bất cứ người nào của gia tộc Atreides - vẻ thô kệch của làn da, cái liếc xéo của cặp mắt, sự tính toán trong ánh nhìn lướt qua như thể đang cân lường bất cứ cái gì trông thấy.

“Người ta nói ngài đã chết,” Gurney lặp lại.

“Và dường như cứ để người ta nghĩ vậy chính là cách bảo vệ tốt nhất,” Paul nói.

Gurney nhận ra đó là toàn bộ lời xin lỗi mà ông từng nhận được cho cái nỗi ông đã bị bỏ rơi phải một mình xoay xở, buộc phải tin rằng Công tước trẻ tuổi... bạn của ông, đã chết. Và ông tự hỏi liệu ở con người này có còn sót lại chút gì của cậu thiếu niên ông từng biết, từng huấn luyện theo cung cách chiến binh không.

Paul tiến một bước về phía Gurney, nhận thấy cặp mắt ông toát lên nỗi đau đớn. “Gurney...”

Như thế mọi chuyện cứ thế tự nó xảy ra: hai người ôm lấy nhau, đắm thình thịch lên lưng nhau, cảm thấy yên lòng khi tiếp xúc với thân thể rắn chắc của nhau.

“Thằng oắt con! Thằng oắt!” Gurney nhắc đi nhắc lại.

Còn Paul: “Gurney, ông bạn! Gurney, ông bạn!”

Ngay sau đó họ lùi lại, nhìn nhau. Gurney hít một hơi dài. “VẬY là nhờ ngài mà người Fremen đã đâm ra khôn ngoan đến thế trong chiến thuật giao tranh. Lẽ ra tôi phải biết mới đúng. Họ cứ làm những chuyện mà đáng lẽ chính tôi phải hoạch định ra. Giá như tôi biết...” Ông lắc đầu. “Giá như ngài nói với tôi một tiếng, chàng trai ạ. Sẽ chẳng có gì ngăn nổi tôi. Tôi sẽ chạy ào tới và...”

Một ánh nhìn trong mắt Paul khiến ông khựng lại... cái nhìn đắm đắm khắc nghiệt, tính toán.

Gurney thở dài. “Hẳn rồi, và chừng đó hẳn sẽ có người tự hỏi tại sao Gurney Halleck này sẵn sớ chạy ào tới, một vài người sẽ không chỉ đặt câu hỏi mà còn làm nhiều hơn. Họ sẽ sẵn lòng câu trả lời.”

Paul gật đầu, liếc nhìn những người Fremen đang chờ đợi xung quanh họ - những cái nhìn đánh giá đầy tò mò trên mặt các chiến binh Fedaykin. Chàng chuyển ánh mắt từ các chiến binh cảm tử sang lại Gurney. Tìm thấy thầy dạy kiếm thuật trước đây của mình khiến lòng chàng ngập tràn

hoan hỉ. Chàng coi đó như một điềm tốt, một dấu hiệu cho thấy chàng đang tiến trên con đường tới tương lai nơi mọi cái đều tốt đẹp.

Có Gurney bên cạnh ta...

Paul nhìn xuống chồm cát phía sau đám quân Fedaykin, quan sát đám buôn lậu đi cùng Halleck.

“Người của thầy đứng về phe nào, Gurney?” chàng hỏi.

“Họ đều là dân buôn lậu,” Gurney nói. “Nơi nào có lợi nhuận thì họ đứng về bên đó.”

“Trong công việc mạo hiểm của bọn ta thì lợi nhuận chẳng có mấy đâu,” Paul nói, và chàng nhận thấy cái dấu hiệu tinh tế được truyền tải chớp nhoáng cho chàng từ một ngón tay phải của Gurney - cái mặt mã bằng tay quen thuộc giữa họ trong quá khứ. Có những người cần phải sợ, cần phải dè chừng trong đám buôn lậu kia.

Paul day day môi để chứng tỏ chàng hiểu, rồi ngược nhìn đám người đang đứng bảo vệ ở những tảng đá phía trên họ. Chàng thấy Stilgar ở đó. Ký ức về vấn đề chưa giải quyết với Stilgar làm nguội đi chút ít niềm hân hoan của Paul.

“Này Stilgar,” chàng nói, “đây là Gurney Halleck mà tôi đã nói với ông. Bậc thầy chinh chiến của cha tôi, một trong các kiếm sư đã chỉ dạy tôi, một người bạn cũ. Tôi có thể tin cậy ông ấy trong bất cứ việc mạo hiểm gì.”

“Tôi có nghe.” Stilgar nói. “Anh là Công tước của ông ta.”

Paul nhìn chằm chằm vào khuôn mặt tối màu ở phía trên chàng, tự hỏi lý do gì đã buộc Stilgar nói như vừa rồi. *Công tước của ông ta*. Có một ngữ điệu kỳ lạ phảng phất trong giọng Stilgar, như thể thật ra ông nói một điều khác. Điều đó không hợp với Stilgar, kẻ vốn là thủ lĩnh của người Fremen, một người nghĩ sao nói vậy.

Công tước của ta! Gurney nghĩ. Ông nhìn Paul theo một cách mới. *Phải. Một khi Leto đã chết, tước hiệu đó chuyển sang đôi vai Paul.*

Mẫu hình cuộc chiến của người Fremen trên Arrakis bắt đầu có một dạng thức mới trong trí Gurney. *Công tước của ta!* Một nơi vốn đã chết trong ông giờ đây lại hồi sinh. Chỉ một phần của ý thức ông tập trung vào mệnh lệnh của Paul rằng cần phải tước vũ khí toàn buôn lậu trước khi tiến hành thẩm vấn.

Tâm trí Gurney quay trở lại với cái lệnh đó khi ông nghe thấy vài thuộc hạ của mình phản đối. Ông lắc đầu, quay ngoắt lại. “Các anh điếc à?” ông quát. “Đây là vị Công tước hợp pháp trị vì Arrakis. Làm theo lệnh ngài đi.”

Đám buôn lậu găm gù quy phục.

Paul tiến lên cạnh Gurney, hạ giọng nói. “Ta không chờ đợi thấy bước thẳng vào cái bẫy này, Gurney ạ.”

“Tôi đã bị trừng trị đích đáng,” Gurney nói. “Tôi dám cược rằng cái mằng hương được này của các ngài chẳng dày hơn một hạt cát, chẳng qua là miếng mồi nhử chúng tôi.”

“Thế thì thầy thẳng cược rồi,” Paul nói. Chàng nhìn xuống đám người đang bị tước vũ khí. “Trong đám quân của thầy còn ai khác từng là thuộc hạ của cha ta không?”

“Không. Chúng tôi tận mác mỗi người một ngả. Có vài người ở chỗ các nhà buôn tự do. Hầu hết đã chi hết lợi nhuận của mình để rời bỏ nơi này.”

“Nhưng thầy đã ở lại.”

“Tôi ở lại.”

“Bởi Rabban vẫn đang ở đây,” Paul nói.

“Tôi nghĩ tôi chẳng còn việc gì ngoài trả thù,” Gurney nói.

Một tiếng kêu đứt đoạn lạ lùng vang lên từ phía đỉnh rặng đá. Gurney nhìn lên thì thấy một người Fremen đang vẫy khăn tay.

“Một Ngài tạo đang đến,” Paul nói. Chàng tiến lên một mũi đá, nhìn về phía Tây Nam, Gurney bám theo sau. Có thể nhìn thấy cái ụ trông như hang đùn dưới đất của một con sâu ở khoảng cách vừa phải, một đường đội cát cắt thẳng qua những đụn cát mà tiến về phía rặng đá.

“Khá to đấy,” Paul nói.

Một tiếng lách cách vang lên từ chỗ con bộ-xương khai thác bên dưới họ. Nó xoay mình trên các bánh xích như một con côn trùng khổng lồ, ì ạch tiến về phía những tảng đá.

“Chúng ta không cứu được chiếc tàu thồ, thật dở quá,” Paul nói.

Gurney liếc nhìn chàng, ngoái lại nhìn những vệt khói và đồng mảnh vụn ngoài sa mạc nơi tàu thồ và những chiếc tàu chim đã bị tên lửa của người Fremen bắn hạ. Ông chợt cảm thấy nhói lòng khi nghĩ tới những người đã chết ở đó - thuộc hạ của ông, và ông nói: “Cha của ngài hẳn sẽ quan tâm nhiều hơn tới những người ông ấy không cứu được.”

Paul ném cho ông một cái nhìn nghiêm ngặt, khiến ông cụp mắt xuống. Ngay sau đó, chàng nói: “Họ là bạn thầy, Gurney. Ta hiểu. Tuy nhiên với bọn ta, họ là những kẻ xâm phạm, có thể nhìn thấy những cái họ không nên thấy. Điều đó thầy phải hiểu.”

“Tôi hiểu khá rõ,” Gurney nói. “Giờ thì tôi tò mò muốn thấy cái tôi không nên thấy.”

Paul ngước lên, nhìn thấy trên mặt Gurney nụ cười toe toét như chó sói mà chàng nhớ rõ, thấy nếp nhăn của vết sẹo vì cây nho mực hằn dọc quai hàm Gurney.

Gurney gật đầu về phía sa mạc bên dưới họ. Người Fremen đang ai làm việc nấy khắp trên khu vực đó. Ông kinh ngạc nhận ra chẳng ai trong số họ tỏ ra bận tâm về chuyện sâu cát đang lại gần.

Một tiếng thì thùng vang lên từ phía các đụn cát bên ngoài trảng hương được dùng làm bẫy - một tiếng trống sâu thẳm, dường như nghe thấy được qua chân họ. Gurney thấy người Fremen tản ra trên cát, ngay ở đó trên đường tiến của con sâu.

Con sâu xuất hiện như một con cá răng lông khổng lồ, gồ lên trên bề mặt, các đốt thân của nó gợn sóng, xoắn vặn. Trong khoảnh khắc, từ điểm nhìn thuận lợi phía trên sa mạc, Gurney chứng kiến cảnh tóm bắt con sâu - cú nhảy táo bạo của người cầm móc đầu tiên, cú vặn mình của con vật, rồi cả toán người trèo lên mạn sườn uốn cong loang loáng vảy của con sâu.

“Đó là một trong những thứ mà thầy không nên thấy,” Paul nói.

“Người ta có kể chuyện, có đồn đại,” Gurney nói. “Nhưng chừng nào chưa tận mắt thấy thì khó mà tin được.” Ông lắc đầu. “Con vật mà bất cứ ai ở Arrakis cũng đều khiếp sợ thì các ngài sử dụng làm vật cưỡi.”

“Thầy đã nghe cha ta nói về quyền lực sa mạc,” Paul nói. “Nó đây. Bề mặt hành tinh này là của bọn ta. Không cơn bão nào, không sinh vật nào, không điều kiện nào ngăn nổi bọn ta.”

Bọn ta, Gurney nghĩ. *Ý cậu ta là người Fremen. Cậu ta nói về bản thân như thể là một trong số họ.* Một lần nữa, Gurney nhìn màu xanh vì hương được trong mắt Paul. Mắt của chính ông, ông biết, cũng nhuộm màu đó, nhưng dân buôn lậu có thể kiếm được thức ăn từ thế giới bên ngoài, và có một hàm ý phân biệt đẳng cấp tế nhị giữa dân buôn lậu với nhau dựa theo sắc độ cặp mắt. Họ nói “nét cọ hương được” để ám chỉ một người đã trở nên quá giống dân địa phương. Và luôn luôn có một gợi ý bóng gió về sự nghi ngờ trong câu nói đó.

“Trước đây bọn ta không cưỡi Ngài tạo dưới ánh sáng ban ngày ở vùng

này,” Paul nói. “Nhưng Rabban hiện còn quá ít không lực nên hẳn không thể phí phạm nó vào việc tìm dăm ba dùm hương được ở trong cát.” Chàng nhìn lên Gurney. “Chiếc tàu của các người đã khiến cho bọn ta ở đây choáng váng.”

Cho bọn ta... cho bọn ta...

Gurney lắc đầu để gạt bỏ những ý nghĩ đó. “Sự choáng váng chúng tôi gây ra cho các ngài không bằng của các ngài gây ra cho chúng tôi đâu,” ông nói.

“Ở các sink và làng mạc người ta nói gì về Rabban?” Paul hỏi.

“Họ nói họ đã xây các làng graben kiên cố đến nỗi các ngài sẽ không làm hại họ nổi. Họ nói họ chỉ cần ngồi trong hầm bảo vệ trong khi các ngài tự làm hao mòn lực lượng mình bởi cứ tấn công vô ích.”

“Nói gọn, họ án binh bất động,” Paul nói.

“Trong khi các ngài thì có thể đi đâu tùy thích,” Gurney nói.

“Đó là một chiến thuật ta học được từ thầy,” Paul nói. “Họ đã mất quyền chủ động, nghĩa là họ đã thua trong cuộc chiến này.”

Gurney mỉm cười, một nét biểu hiện chậm rãi, ra vẻ hiểu biết.

“Kẻ thù của bọn ta ở đúng nơi ta muốn hẳn tới,” Paul nói. Chàng liếc nhìn Gurney. “Nào, Gurney, thầy có đầu quân cùng ta trong đoạn kết của chiến dịch này không?”

“Đầu quân?” Gurney nhìn chàng dăm dăm. “Bẩm Chúa công, tôi chưa bao giờ thôi phụng sự ngài. Chính ngài mới là người khiến tôi... nghĩ rằng ngài đã chết. Và tôi, bị bỏ rơi, lang thang phiêu bạt, tôi thề nguyện trung thành được với ai thì cứ thề nguyện trung thành, trong khi đợi đến lúc có thể bán cuộc đời mình để lấy điều đáng giá với nó: cái chết của Rabban.”

Một nỗi im lặng đầy bối rối xâm chiếm lấy Paul.

Một phụ nữ trèo lên các tảng đá về phía họ, đôi mắt lộ ra giữa mũ trùm của bộ sa phục và chiếc mặt nạ lọc liếc nhanh từ Paul sang người đang đứng cùng chàng. Nàng đứng lại trước mặt Paul. Gurney để ý đến vẻ sở hữu toát ra từ nàng, cùng cách nàng đứng cạnh chàng.

“Chani này, đây là Gurney Halleck,” Paul nói. “Em đã nghe anh kể về ông ấy.”

Nàng nhìn Halleck, rồi nhìn lại Paul. “Em có nghe.”

“Mấy người kia cưỡi Ngài tạo đi đâu?” Paul hỏi.

“Họ chỉ đánh lạc hướng nó để chúng ta có thì giờ cứu thiết bị.”

“VẬY THÌ...” Paul ngừng lời, ngửi ngửi không khí.

“Gió đang tới đấy,” Chani nói.

Một giọng vang lên từ đỉnh rặng đá trên đầu họ. “Này, kìa - gió đấy!”

Gurney thấy chuyển động của những người Fremen trở nên nhanh hơn - lảng xảng hơn, gấp gáp hơn. Sự xuất hiện của con sâu không kích động nổi họ như nỗi sợ trước cơn gió. Con bộ-xưởng khai thác ì ạch trèo lên bãi đá khô bên dưới họ và một con đường đã được mở ra cho nó giữa những tảng đá... rồi các tảng đá khép lại đằng sau nó kín bưng đến nỗi mắt ông không nhìn ra được cái lối đi kia.

“Các ngài có bao nhiêu nơi ẩn nấp như vậy?” Gurney hỏi.

“Vô số,” Paul nói. Chàng nhìn Chani. “Tìm Korba đi. Bảo anh ta, Gurney đã cảnh báo anh rằng trong đám buôn lậu này có những người không đáng tin cậy.”

Nàng nhìn nhanh sang Gurney, quay lại Paul, gật đầu, rồi tụt xuống các tảng đá, nhảy thoăn thoắt như con sơn dương.

“Cô ta là người đàn bà của ngài,” Gurney nói.

“Mẹ của đứa con đầu lòng của ta,” Paul nói. “Có một Leto nữa trong gia tộc Atreides.”

Gurney chấp nhận điều đó chỉ bằng một cử chỉ mở to mắt.

Paul quan sát những hoạt động quanh họ bằng cái nhìn phán xét. Một màu cà ri giờ đây thống trị bầu trời phía Nam và những luồng gió giạt từng cơn quất bụi mù mịt quanh đầu họ.

“Cài kín sa phục vào,” Paul nói. Và chàng buộc chặt mặt nạ cùng mũ trùm quanh mặt.

Gurney nghe theo, thấy biết ơn vì có những bộ lọc.

Paul nói, giọng nghệt đi vì bộ lọc: “Ai trong đám thuộc hạ của thầy là người thầy không tin cậy, hử Gurney?”

“Có vài người mới tuyển,” Gurney nói. “Những kẻ từ thế giới ngoài...” Ông ngập ngừng, đột nhiên thấy băn khoăn về chính mình. *Kẻ từ thế giới ngoài.* Từ đó đã bật ra từ lười ông quá dễ dàng.

“Rồi sao?” Paul nói.

“Họ không giống đám người chuyên săn lùng của cải mà chúng tôi thường tìm được,” Gurney nói. “Họ dày dặn hơn.”

“Gián điệp của Harkonnen?” Paul hỏi.

“Bẩm Chúa công, tôi cho rằng chúng chẳng thừa thớt gì với Harkonnen cả. Tôi ngờ chúng là người của Mật vụ Hoàng gia. Chúng có gì đó hao hao Salusa Secundus.”

Paul nhìn ông một cái sắc như dao. “Sardaukar?”

Gurney nhún vai. “Có thể, nhưng được ngụy trang khéo.”

Paul vừa gật đầu vừa nghĩ, Gurney đã quay trở lại cung cách của một lão bộc nhà Atreides dễ dàng đến thế nào... nhưng với sự dè dặt tinh vi... khác biệt tinh vi. Arrakis đã làm thay đổi cả ông ấy nữa.

Hai người Fremen đội mũ trùm nhô lên từ tảng đá vỡ bên dưới họ, bắt đầu trèo lên. Một trong hai người vác trên vai một cái bọc to màu đen.

“Người của tôi giờ đâu rồi?” Gurney hỏi.

“Đang an toàn trong các tầng đá phía dưới chúng ta,” Paul nói. “Bọn ta có một hang ở đây - Hang Chim. Sau khi bão tan bọn ta sẽ quyết định làm gì với họ.”

Một giọng vang lên từ trên đầu họ: “Muad’Dib!”

Paul quay về phía tiếng gọi thì thấy một vệ sĩ Fremen đang ra dấu bảo họ đi xuống hang. Paul ra hiệu rằng đã nghe thấy.

Gurney chăm chú quan sát chàng với một vẻ mặt mới. “Ngài là Muad’Dib?” ông hỏi. “Ngài là ý-chí-của-cát?”

“Đó là tên Fremen của ta,” Paul nói.

Gurney quay đi, lòng nặng trĩu một linh cảm chẳng lành. Nửa số thuộc hạ của ông đã chết trên cát, nửa còn lại thì bị bắt. Ông không quan tâm đến đám quân vừa mới tuyển, những kẻ khả nghi, nhưng trong số còn lại đó có những người tốt, có bạn bè ông, những người ông cảm thấy mình phải có trách nhiệm. “*Sau khi bão tan bọn ta sẽ quyết định làm gì với họ.*” Paul đã nói thế, Muad’Dib đã nói thế. Và Gurney nhớ lại những chuyện người ta kể về Muad’Dib, về Lisan al-Ghaib - ông ta đã lột da một sĩ quan Harkonnen để làm mànng bịt trống, rằng quanh ông ta là Fedaykin, những chiến binh cảm tử, những kẻ xông vào trận đánh miêng hát vang bài hát về cái chết.

Ông ta.

Hai người Fremen đang trèo lên các tầng đá nhẹ nhàng nhảy sang một thêm đá trước mặt Paul. Người có khuôn mặt sạm màu nói: “Tất cả an toàn, thưa Muad'Dib. Tốt nhất chúng ta hãy xuống dưới bây giờ.”

“Phải.”

Gurney lưu ý thanh điệu trong giọng người này - nửa ra lệnh, nửa yêu cầu. Đó là người tên Stilgar, một gương mặt khác trong các truyền thuyết Fremen mới.

Paul nhìn cái bọc mà người Fremen thứ hai vác trên vai rồi nói: “Korba, cái gì trong bọc vậy?”

Stilgar đáp: “Nó ở trong con bọ. Nó có chữ viết tắt tên của bạn anh đây, bên trong đựng một cây đàn baliset. Đã nhiều lần tôi nghe anh nói về tài nghệ chơi baliset của Gurney Halleck.”

Gurney quan sát người đang nói, nhìn thấy mép bộ râu đen nhánh lộ ra phía trên chiếc mặt nạ sa phục, cái nhìn như của chim ưng, cái mũi như chạm bằng đục.

“Ngài có một bạn đồng hành biết suy nghĩ, thưa Chúa công,” Gurney nói. “Cám ơn ông, Stilgar.”

Stilgar ra hiệu cho người đi cùng trao cái bọc cho Gurney rồi nói: “Cám ơn Công tước của ông thì đúng hơn. Nhờ có ngài chấp thuận mà ông mới được kết nạp vào đây.”

Gurney nhận cái bọc, bối rối bởi cái hàm ý khắt khe trong cuộc đối thoại này. Có một vẻ thách thức ở ông ta, và Gurney tự hỏi liệu đó có thể là một cảm giác ghen tị ở người Fremen này không. Đây là một người có tên Gurney Halleck, kẻ từng biết Paul thậm chí từ trước thời Arrakis, người từng chia sẻ với Paul một tình đồng chí keo sơn mà Stilgar không bao giờ có thể xâm phạm được.

“Các ông là hai người mà tôi muốn làm bạn,” Paul nói.

“Stilgar, người Fremen, là một cái tên lừng lẫy,” Gurney nói. “Bất cứ ai giết bọn Harkonnen, tôi đều sẽ lấy làm vinh hạnh được kể là bạn tôi.”

“Ông có bắt tay với Gurney Halleck bạn tôi không, Stilgar?” Paul hỏi.

Chậm chậm, Stilgar chìa tay ra, siết chặt những nốt chai sần trên bàn tay cầm gươm của Gurney. “Ít ai chưa từng nghe tên Gurney Halleck,” ông nói, rồi thả lỏng tay ra. Ông ngoảnh lại Paul. “Bão đang ập tới đấy.”

“Xuống ngay,” Paul nói.

Stilgar quay đi, dẫn họ xuống dưới qua những tầng đá, một lối đi lắt léo nhiều khúc ngoặt đâm vào một khe nứt khuất trong bóng tối dẫn tới cửa hang thấp. Những ngọn đèn cầu soi rõ một khoảng không thoáng đãng có mái vòm, một bên có gờ nhô cao, từ gờ đó có một hành lang dẫn đi nơi khác.

Paul nhảy lên cái gờ, dẫn đường vào hành lang đó, Gurney theo sát đằng sau. Những người khác tiến về phía một hành lang khác đối diện cửa hang. Paul dẫn đường ngang qua phòng đợi, tiến vào một gian phòng mà bốn phía tường treo những bức rèm màu rượu vang sẫm.

“Ở đây chúng ta có thể được chút riêng tư trong chốc lát,” Paul nói. “Những người khác sẽ tôn trọng...”

Tiếng chũm chọe cảnh báo ở phòng ngoài kêu lạnh lạnh, theo sau là tiếng la hét và vũ khí chạm nhau chan chát. Paul quay ngoắt lại, chạy ngược ra phòng đợi, trèo lên gờ phía trên cửa sảnh ngoài. Gurney theo sát chàng, vũ khí rút ra khỏi vỏ.

Trên nền hang bên dưới họ là những dáng người xoáy tít vào nhau trong cuộc hỗn chiến. Paul đứng nhận định tình thế trong một thoáng, phân biệt người Fremen với các đối thủ thông qua áo choàng của họ. Các giác quan mà mẹ chàng đã huấn luyện sao cho phát hiện ra những manh mối

nhỏ nhất liền nhặt ra được một chi tiết hệ trọng: người Fremen đang đánh lại những người mặc áo choàng của dân buôn lậu, nhưng đám buôn lậu này né đòn theo từng nhóm ba người, khi bị đánh rớt thì lui về phòng thủ theo đội hình tam giác.

Thói quen cận chiến đó là dấu hiệu rành rành để phân biệt đội quân Sardaukar của hoàng gia.

Một chiến binh Fedaykin trong đám đánh nhau trông thấy Paul, và tiếng hô chiến trận của anh ta được nâng lên thành tiếng vọng vang khắp căn phòng: “Muad'Dib! Muad'Dib! Muad'Dib!”

Một con mắt khác cũng đã phát hiện ra Paul. Một con dao đen tuyền được ném thẳng cánh vào chàng. Paul lách tránh, nghe tiếng con dao chạm đánh choang vào vách đá sau lưng, chàng liếc lại thì thấy Gurney rút nó ra.

Các nhóm ba người giờ đang bị ép về phía sau.

Gurney giơ con dao lên trước mắt Paul, chỉ vào cái vòng cuộn màu vàng mảnh như sợi tóc mang màu của Đế quốc, chiếc gia huy hình sư tử vàng, những con mắt đa diện trên cái núm tròn ở chuôi dao.

Chắc chắn là Sardaukar.

Paul bước lên mép gờ đá. Chỉ còn sót ba tên Sardaukar. Những đồng vãi đầm máu của cả Sardaukar lẫn Fremen lẫn lộn khắp nền phòng.

“Dừng lại!” Paul hét. “Công tước Paul Atreides ra lệnh các người dừng lại!”

Những cặp đánh nhau dao động, ngẩn ngừ.

“Sardaukar các người!” Paul hét lên với nhóm còn lại. “Các người theo lệnh ai mà dám đe dọa một Công tước đang trị vì?” Và, nhanh như cắt, khi thuộc hạ của chàng bắt đầu sẵn lại vây quanh đám Sardaukar: “Dừng lại, ta đã bảo!”

Một trong ba kẻ đang bị dồn vào chân tường thẳng người dậy. “Ai bảo chúng tôi là Sardaukar?”

Paul cầm con dao từ tay Gurney, giơ cao. “Cái này cho biết các người là Sardaukar.”

“Vậy ai nói anh là một Công tước đang trị vì?” người đó hỏi.

Paul ra hiệu về phía các chiến binh Fedaykin. “Những người này nói ta là Công tước trị vì. Chính hoàng đế của các người đã trao Arrakis cho Gia tộc Atreides. Ta là Gia tộc Atreides.”

Những tên Sardaukar đứng im, bốn chôn.

Paul quan sát kỹ người đó: cao lớn, nét gì cũng nhẵn thín, một vết sẹo bệch bạc hằn ngang má trái. Cơn giận dữ và bối rối lộ rõ trong dáng điệu của y, nhưng ở y vẫn có cái vẻ kiêu hãnh mà nếu thiếu nó thì một chiến binh Sardaukar chẳng khác gì không mặc áo quần, còn nếu có nó thì dầu trần truồng y vẫn có vẻ như mặc đủ quần áo.

Paul quay sang một trong các sĩ quan Fedaykin của chàng, nói: “Korba, sao họ lại có vũ khí?”

“Chúng giấu dao trong mấy cái túi may rất khéo trên sa phục của chúng,” viên sĩ quan nói.

Paul kiểm tra những người chết và bị thương nằm la liệt giữa phòng, rồi lại hướng sự chú ý vào viên sĩ quan. Không cần phải nói gì. Viên sĩ quan cụp mắt xuống.

“Chani đâu?” Paul hỏi, nín thở đợi câu trả lời.

“Stilgar đã bí mật đưa cô ấy tránh ra chỗ khác.” Anh ta gật đầu về phía hành lang bên kia, nhìn lại những người chết và bị thương. “Chính tôi chịu trách nhiệm về lỗi lầm này, thưa Muad'Dib.”

“Có bao nhiêu tên Sardaukar, Gurney?” Paul hỏi.

“Mười.”

Paul nhẹ nhàng nhảy xuống nền phòng, sải bước tiến lại, đứng trong tầm tấn công của tên Sardaukar vừa nói.

Không khí căng thẳng bao trùm đám quân Fedaykin. Họ không thích chàng phơi mình ra trước hiểm nguy như vậy. Đây là điều họ đã thể ngăn chặn, bởi người Fremen muốn giữ gìn sự thông tuệ của Muad'Dib.

Không ngoái lại, Paul nói với sĩ quan của chàng: “Thương vong của chúng ta bao nhiêu?”

“Bốn bị thương, hai chết, thưa Muad'Dib.”

Paul thấy có động tĩnh đằng sau tên Sardaukar. Chani và Stilgar đang đứng ở hành lang phía bên kia. Chàng lại chú ý vào nhóm Sardaukar, nhìn chòng chọc vào lòng trắng của thế giới khác trong đôi mắt kẻ phát ngôn. “Người, tên người là gì?”

Gã đàn ông cứng người lại, liếc trái, liếc phải.

“Đừng cố làm thế,” Paul nói. “Ta thấy rành rành là các người nhận lệnh truy tìm rồi tiêu diệt Muad'Dib. Ta bảo đảm rằng các người chính là kẻ đã đưa ra ý tìm hương dước trong vùng sa mạc sâu.”

Tiếng Gurney thở gấp sau lưng Paul khiến một nụ cười nhạt nở trên môi chàng.

Máu dồn lên mặt tên Sardaukar.

“Kẻ mà người đang thấy trước mặt người không chỉ là Muad'Dib,” Paul nói. “Bảy người bọn người đã chết để đổi lấy hai người bọn ta. Ba đổi một. Địch lại Sardaukar thế cũng không tồi, hử?”

Gã đàn ông nhón chân lên, rồi lại hạ xuống khi quân Fedaykin sẵn tới.

“Ta hỏi tên người,” Paul nói, rồi chàng huy động những tinh vi của Giọng nói: “Nói ta nghe, người tên gì.”

“Đại úy Aramsham, Sardaukar Hoàng gia!” y bật ra. Hàm y trể xuống. Y nhìn Paul chăm chăm, bối rối. Cái dáng điệu của y mà ban nãy khiến cái hang này trở thành một chốn man rợ, giờ đã tan biến.

“Được rồi, đại úy Aramsham,” Paul nói. “Nhà Harkonnen sẽ trả giá cao để biết được điều mà lúc này anh biết. Còn Hoàng đế, ông ta sẽ không từ cái gì để biết được rằng một người của gia tộc Atreides hiện vẫn sống mặc cho sự phản bội của ông ta.”

Viên đại úy liếc trái, liếc phải về phía hai người còn lại bên y. Paul hầu như thấy được những ý nghĩ đang quay cuồng trong đầu kẻ này. Quân Sardaukar không đầu hàng, nhưng Hoàng đế *phải* biết về mối đe dọa này.

Vẫn sử dụng Giọng nói, Paul nói: “Hàng đi, Đại úy.”

Người đứng ở bên trái viên đại úy bất ngờ nhảy phóc về phía Paul, nhưng liền lăn tròn vào giữa ngực mũi dao nhanh như cắt của chính kẻ chỉ huy hắn. Kẻ tấn công ngã vật xuống sàn như một đồng thít đầy nước, mũi dao vẫn còn cắm trên người.

Viên đại úy đối mặt với kẻ đồng hành duy nhất còn lại. “Tôi là kẻ quyết định làm gì để phụng sự tốt nhất cho Hoàng thượng,” y nói. “Hiểu chưa?”

Vai tên Sardaukar kia rũ xuống.

“Hạ vũ khí xuống,” đại úy nói.

Tên Sardaukar tuân lời.

Viên đại úy quay lại về phía Paul. “Tôi đã giết một người bạn vì ngài,” y

nói. “Chúng ta hãy luôn nhớ điều đó.”

“Các người là tù binh của ta,” Paul nói. “Các người đã đầu hàng ta. Các người sống hay chết không quan trọng.” Chàng ra hiệu cho vệ sĩ đưa hai tên Sardaukar đi, ra dấu cho viên sĩ quan trước đó đã lục soát các tù nhân.

Các vệ sĩ tiến vào, đẩy hai tên Sardaukar đi.

Paul nghiêng người về phía viên sĩ quan Fedaykin.

“Muad’Dib,” anh ta nói. “Tôi đã làm ngài thất vọng vì...”

“Lỗi do ta, Korba ạ,” Paul nói. “Lẽ ra ta nên cảnh báo anh phải tìm cái gì. Sau này, mỗi khi khám xét quân Sardaukar, hãy nhớ điều này. Cũng hãy nhớ rằng mỗi tên đều có một, hai cái móng chân giả có thể kết hợp với các thứ bí mật khác giấu trong người chúng để làm thành một máy phát tín hiệu hiệu quả. Chúng sẽ có nhiều cái răng giả chứ không chỉ một. Chúng mang những vòng shigaware trong tóc, mảnh đến độ anh khó mà phát hiện được, nhưng vẫn đủ chắc để thất cổ một người cho đến khi cửa đứt đầu. Với bọn Sardaukar, anh phải rà soát từng li từng tí một - cả bằng tia phản xạ lẫn tia cường độ mạnh - phải chẻ từng mẩu lông mẩu tóc ra. Mà ngay cả khi đã khám xét tận chân lông kể tóc như vậy rồi, hãy tin chắc rằng anh vẫn chưa phát hiện được tất cả mọi thứ.”

Chàng ngược nhìn Gurney, ông đã lại gần để nghe.

“Thế thì tốt nhất là giết quách chúng đi,” viên đại úy nói.

Paul lắc đầu, mắt vẫn nhìn Gurney. “Không, tôi muốn họ thoát.”

Gurney nhìn chàng chăm chú. “Chúa công...” Ông thở ra.

“Sao?”

“Người của ngài nói đúng đấy. Hãy giết ngay các tù binh kia. Tiêu hủy mọi bằng chứng về chúng. Ngài đã làm nhục quân Sardaukar của Hoàng

gia! Khi Hoàng đế biết được điều đó, ông ta sẽ ăn không ngon ngủ không yên chừng nào chưa nướng ngài chín từ từ trên ngọn lửa liu riu.”

“Hoàng đế hẳn không đủ sức làm vậy với ta đâu,” Paul nói. Chàng nói chậm rãi, lạnh lùng. Có cái gì đó đã xảy ra bên trong chàng trong khi chàng đối mặt với quân Sardaukar. Một tổng số của nhiều quyết định đã tích lũy lại trong ý thức chàng. “Gurney,” chàng nói, “có bao nhiêu người của Hiệp hội xung quanh Rabban?”

Gurney thẳng người lên, mắt nheo lại. “Câu hỏi của ngài không...”

“Có không?” Paul gắt.

“Arrakis đầy nhóc gián điệp của Hiệp hội. Họ lòng mua hương được như thể nó là thứ quý nhất trong cả vũ trụ. Chứ ngài nghĩ vì lý do nào khác mà chúng tôi liều đi xa đến nhưỡng này để...”

“Nó chính là thứ quý nhất trong toàn vũ trụ,” Paul nói. “Với họ.”

Chàng nhìn về phía Stilgar và Chani lúc này đang băng qua phòng tiến về phía chàng. “Và chúng ta làm chủ nó, Gurney ạ.”

“Bọn Harkonnen mới làm chủ nó!” Gurney phản đối.

“Kẻ nào có thể hủy diệt một thứ, kẻ đó là người làm chủ nó,” Paul nói. Chàng phẩy tay để Gurney thôi đừng bình luận gì nữa, rồi gật đầu với Stilgar lúc này đã đứng trước mặt chàng, bên cạnh là Chani.

Paul cầm con dao Sardaukar bằng tay trái, chìa ra cho Stilgar. “Ông sống vì lợi ích của bộ tộc,” Paul nói. “Ông có thể lấy máu cuộc sống của ta bằng con dao đó không?”

“Vì lợi ích của bộ tộc,” Stilgar lầm bầm.

“Vậy hãy dùng con dao đó,” Paul nói.

“Anh đang thách đấu tôi đấy à?” Stilgar hỏi.

“Nếu làm vậy, ta sẽ đứng đó, không vũ khí, để mặc cho ông giết ta.”

Stilgar hít một hơi gấp gáp.

Chani nói: “Usul!” rồi liếc sang Gurney, lại nhìn Paul.

Trong khi Stilgar vẫn còn cân nhắc lời mình, Paul nói: “Ông là Stilgar, một chiến binh. Khi quân Sardaukar bắt đầu đánh nhau ở đây, ông không ở hàng đầu cuộc chiến. Ý nghĩ đầu tiên của ông là bảo vệ Chani.”

“Nó là cháu tôi,” Stilgar nói. “Nếu như tôi có chút hoài nghi gì về chuyện quân Fedaykin của ngài xử bầy cặn bã đó...”

“Tại sao ông nghĩ tới Chani trước hết?” Paul hỏi gặng.

“Không phải về nó.”

“Ồ?”

“Mà về anh,” Stilgar thú nhận.

“Ông có nghĩ mình có thể động thủ chống lại ta không?” Paul hỏi.

Stilgar bắt đầu run rẩy. “Đó là phong tục,” ông lẩm bẩm.

“Phong tục là giết chết những kẻ lạ từ thế giới khác đến mà ta gặp trong sa mạc, lấy nước của họ như một món quà của Shai-hulud,” Paul nói. “Thế nhưng một đêm nọ ông đã cho phép hai kẻ như vậy sống, mẹ ta và ta.”

Trong khi Stilgar vẫn nhìn chàng trân trân, lặng thinh, rúng động, Paul nói: “Phong tục có thể thay đổi đấy, Stilgar. Chính ông đã thay đổi chúng.”

Stilgar nhìn xuống cái biểu tượng màu vàng trên con dao đang cầm trên tay.

“Khi ta là Công tước ở Arrakeen với Chani bên cạnh, ông nghĩ ta sẽ vẫn có thời gian để quan tâm tới từng chi tiết nhỏ trong việc cai quản sietch Tabr sao?” Paul hỏi. “Bản thân ông có quan tâm tới những vấn đề nội bộ trong từng gia đình không?”

Stilgar vẫn nhìn con dao chăm chăm.

“Ông nghĩ rằng ta muốn chặt cánh tay phải của ta sao?” Paul hỏi.

Chăm chăm, Stilgar ngược lên nhìn chàng.

“Ông!” Paul nói. “Ông nghĩ rằng ta muốn tước mất của chính ta hay của bộ tộc ta tài trí và sức mạnh của ông sao?”

Stilgar khẽ nói: “Chàng trai của bộ tộc tôi mà tôi biết rõ tên, chàng trai đó tôi có thể giết trên sàn thách đấu, ấy là ý của Shai-hulud. Còn Lisan al-Ghaib, người đó tôi không làm hại được. Ngài đã biết điều đó khi trao con dao này cho tôi.”

“Ta biết,” Paul tán thành.

Stilgar xòe bàn tay ra. Con dao rơi đánh cách xuống sàn đá. “Phong tục có thể thay đổi,” ông nói.

“Chani,” Paul nói. “Hãy đến chỗ mẹ anh, dẫn người tới đây để ta có lời khuyên của người trong...”

“Nhưng anh đã nói chúng ta sẽ đi về phía Nam,” nàng phản đối.

“Anh đã lầm,” chàng nói. “Bọn Harkonnen không có ở đó. Cuộc chiến không ở đó.”

Nàng hít một hơi sâu, chấp nhận điều đó như một phụ nữ sa mạc chấp nhận mọi điều thiết yếu giữa một cuộc sống song hành cùng cái chết.

“Em hãy cho mẹ ta biết một thông điệp, chỉ riêng bà thôi.” Paul nói. “Bảo

bà rằng Stilgar thừa nhận anh là Công tước Arrakis, nhưng phải tìm được cách nào đó sao cho đám thanh niên chấp nhận điều này mà không giao chiến.”

Chani liếc nhìn Stilgar.

“Làm như anh ấy nói đi,” ông lẩm bẩm. “Hai chúng ta đều biết anh ấy có thể đánh bại ta... và ta không thể động thủ chống lại anh ấy... vì lợi ích của bộ tộc.”

“Em sẽ cùng mẹ quay lại đây,” Chani nói.

“Mời mẹ anh tới,” Paul nói. “Bản năng của Stilgar đúng đấy. Khi em được an toàn thì anh mạnh mẽ hơn. Em sẽ ở lại trong sietch.”

Nàng toan phản đối, nhưng kìm lại.

“Sihaya,” Paul nói, dùng cái tên thân mật với nàng. Chàng quay ngoắt về bên phải, bắt gặp ánh mắt trùng trùng của Gurney.

Cuộc trao đổi giữa Paul với người Fremen lớn tuổi hơn như thể đã trôi trong một làn sương bao quanh Gurney từ khi Paul nhắc tới mẹ chàng.

“Mẹ ngài,” Gurney nói.

“Idaho đã cứu mẹ con ta trong cái đêm bị địch đột kích,” Paul nói, còn lơ đãng vì chia tay với Chani. “Ngày bây giờ chúng ta đã...”

“Duncan Idaho thì sao, thưa Chúa công?” Gurney hỏi.

“Anh ấy chết rồi, đổi lấy chút thì giờ cho mẹ con ta thoát.”

Mẹ phù thủy vẫn sống! Gurney nghĩ. Kể mà ta thể báo thù, vẫn sống! Và rõ ràng Công tước Paul không biết cái thứ sinh vật gì đã đẻ ngài ra. Con mẹ quái ác! Bán đứng chính phụ thân Công tước cho bọn Harkonnen!

Paul bước qua trước mặt ông, nhảy lên gờ đá. Chàng ngoái lại, nhận thấy

những người chết và bị thương đã được đưa đi, và chàng cay đắng nghĩ rằng ở đây lại có thêm một chương trong truyền thuyết về Paul Muad'Dib. *Thậm chí ta không hề rút dao ra, nhưng người ta sẽ nói ngày hôm nay một tay ta đã giết hai mươi tên Sardaukar.*

Gurney bám theo cùng Stilgar, bước đi trên cái mặt sàn mà thậm chí ông không cảm thấy. Cái hang với ánh sáng đèn cầu màu vàng này đã bị cơn phản nộ gạt phăng ra khỏi ý nghĩ của ông. *Mụ phù thủy vẫn sống trong khi những kẻ bị mụ phản bội chỉ còn là nắm xương trong những nắm mồ đơn chiếc. Ta phải tính cách sao cho Paul biết được sự thật về mụ trước khi ta giết mụ.*

Thường hay có chuyện cơn thịnh nộ của kẻ đang giận dữ phủ nhận những gì mà bản ngã nội tại của anh ta đang nói với anh ta.

- “Tuyển Dụ ngôn của Muad'Dib” của Công chúa Irulan

Đám đông trong phòng họp của hang toát ra cái cảm giác bầy đàn mà Jessica đã cảm thấy vào hôm Paul giết chết Jamis. Có sự bồn chồn trong những giọng thì thầm. Từng nhóm nhỏ tụ lại như các điểm nút giữa những bộ áo choàng.

Jessica nhét một cái hộp hình trụ chứa thư vào dưới áo choàng khi từ khu nhà riêng của Paul tiến ra chỗ gờ đá. Bà cảm thấy thư thái sau chuyến đi dài từ phía Nam về, nhưng vẫn day dứt bởi Paul vẫn chưa cho phép họ dùng các tàu chim bị tịch thu.

“Chúng ta không hoàn toàn kiểm soát được bầu trời,” chàng đã nói. “Và nữa, chúng ta không được trở nên phụ thuộc vào nhiên liệu từ thế giới ngoài. Cả nhiên liệu lẫn tàu, chúng ta đều phải thu thập và giữ lại cho tới cái ngày cần huy động tối đa.”

Paul đứng cùng một nhóm thanh niên trẻ hơn gần chỗ gờ đá. Ánh đèn cầu nhợt nhạt khiến cho quang cảnh nhuốm chút gì đó không thực. Nó như một bức tranh, song là bức tranh được bồi thêm kích thích của mùi hang trong lòng đất, những tiếng thì thầm, tiếng bước chân qua lại.

Bà quan sát kỹ con trai, tự hỏi tại sao nó vẫn chưa trưng ra cho mọi người thấy cái sẽ khiến họ ngạc nhiên - Gurney Halleck. Ý nghĩ về Gurney khiến lòng bà xáo động bởi những ký ức về một quá khứ thanh thản hơn, những ngày tràn ngập tình yêu và cái đẹp bên người cha của Paul.

Stilgar đợi cùng một nhóm thuộc hạ của mình nơi đầu kia gờ đá. Có một vẻ đường hoàng như vẫn luôn thấy ở ông, ở cách ông đứng mà không trò chuyện với ai.

Chúng ta không thể mất người đó được, Jessica nghĩ. Kế hoạch của Paul phải thực hiện được. Bất cứ điều gì khác đều sẽ là bi kịch khủng khiếp.

Bà sải bước dọc gờ đá, ngang qua trước mặt Stilgar mà không nhìn ông, bước xuống đám đông. Người ta mở lối cho bà khi bà tiến tới chỗ Paul. Và theo gót bà là sự im lặng.

Bà biết ý nghĩa của sự im lặng đó - những câu hỏi không được nói ra của đám đông, nỗi kính sợ Mẹ Chí tôn.

Đám thanh niên lùi lại khỏi Paul khi bà lại gần chàng, và trong khoảnh khắc bà thấy mình mất hết tinh thần khi nhận thấy sự tôn kính mới mẻ này của họ đối với Paul. “*Tất cả những ai nằm dưới vị trí của mi đều thềm địa vị của mi,*” châm ngôn Bene Gesserit nói vậy. Nhưng bà không thấy sự thềm thuồng nào ở những khuôn mặt đó. Họ được giữ cách xa một quãng bởi nỗi kích động mang tính tôn giáo xung quanh địa vị thủ lĩnh của Paul. Và bà nhớ lại một châm ngôn Bene Gesserit khác: “*Các nhà tiên tri có một cách để chết do bạo lực.*”

Paul nhìn bà.

“Đến lúc rồi,” bà nói, rồi trao cho chàng hộp trụ mang thư.

Một trong các chiến hữu của Paul, táo bạo hơn những người khác, liếc ngang về phía Stilgar, nói: “Người có thách đấu ông ta không, Muad'Dib?”

Chắc chắn giờ đã đến lúc rồi. Người ta sẽ nghĩ người là tên hèn nhất nếu...”

“Ai dám gọi ta là tên hèn nhất?” Paul hỏi. Nhanh như chớp, bàn tay chàng tìm đến cán dao.

Im lặng như tờ trùm xuống toàn người, lan ra đám đông.

“Có việc cần phải làm,” Paul nói trong khi người kia lùi khỏi chàng. Paul quay đi, len qua đám đông tiến về phía gờ đá, nhẹ nhàng nhảy lên đối diện với đám đông.

“Làm đi!” ai đó hét to.

Những tiếng lẩm bẩm thì thầm dậy lên đằng sau tiếng hét đó.

Paul chờ sự im lặng. Nó đến từ từ, giữa những tiếng chân xê dịch và tiếng ho rải rác. Khi trong hang đã yên lặng, Paul hất cằm, nói bằng một giọng vang đến tận những góc xa nhất.

“Các người đã mệt mỏi vì chờ đợi,” Paul nói.

Một lần nữa, chàng đợi cho đến khi những tiếng hét đáp lại lặng đi.

Quả thật họ đã mệt mỏi vì chờ đợi, Paul nghĩ. Chàng nhắc chiếc hộp trụ đựng thư lên, nghĩ về cái đựng bên trong nó. Mẹ chàng đã đưa nó cho chàng xem, giải thích rằng nó đã được lấy từ một kẻ đưa thư Harkonnen.

Thông điệp rất rõ ràng: Rabban đang bị bỏ rơi, bị để mặc cho xoay xở một mình ở Arrakis này! Hắn không thể kêu ai giúp đỡ hay cứu viện!

Một lần nữa, Paul cất cao giọng: “Các người nghĩ đã đến lúc ta thách đấu Stilgar và thay đổi quyền lãnh đạo bộ tộc!” Họ chưa kịp trả lời thì Paul đã quát lên với họ đầy giận dữ: “Các người nghĩ Lisan al-Ghaib ngu xuẩn đến thế sao?”

Im lặng sững sờ bao trùm.

Nó đang chấp nhận cái biểu tượng tôn giáo, Jessica nghĩ. Nó không được làm vậy!

“Phong tục là thế!” ai đó la to.

Paul nói khô khan, thăm dò những cảm xúc ngấm ngấm ở đám đông.
“Phong tục có thể thay đổi.”

Một giọng giận dữ cất lên từ góc hang: “Chúng tôi mới có quyền nói cái gì thay đổi!”

Đây đó trong đám đông vang lên tiếng hò la tán thành.

“Tùy các người,” Paul nói.

Và Jessica nghe thấy những ngữ điệu trầm bổng tinh tế khi chàng sử dụng quyền lực của Giọng nói mà bà đã dạy chàng.

“Các người sẽ nói,” chàng đồng ý. “Nhưng trước hết các người phải nghe ta nói.”

Stilgar đi dọc theo gờ đá, bộ mặt râu ria lộ vẻ bình thản. “Đó cũng là phong tục,” ông lên tiếng. “Tiếng nói của bất cứ người Fremen nào cũng được lắng nghe ở Hội đồng. Paul Muad'Dib là người Fremen.”

“Lợi ích của bộ tộc, đó là điều quan trọng nhất, phải không?” Paul hỏi.

Cũng bằng giọng đều đều điềm nhiên, Stilgar nói: “Bước đi của chúng ta được dẫn dắt bằng cách đó.”

“Được,” Paul nói. “Vậy thì, ai cai trị chúng dân bộ tộc chúng ta, ai cai trị mọi bộ tộc và mọi đội quân bằng những chiến thuật mà chúng ta đã rèn luyện theo phương pháp huyền thuật?”

Paul đợi, nhìn khắp trên đầu đám đông. Không có tiếng trả lời.

Ngay sau đó, chàng nói: “Có phải Stilgar cai trị tất cả không? Chính ông nói là không phải thế. Ta cai trị ư? Kể cả Stilgar cũng có lúc vâng lệnh ta, và các nhà hiền triết, thông thái nhất trong những người thông thái cũng lắng nghe ta và kính trọng ta ở Hội đồng.”

Đám đông im lặng, rục rịch bồn chồn.

“VẬY ĐÓ,” Paul nói. “Mẹ ta có cai trị không?” Chàng chỉ xuống Jessica đứng giữa đám đông, mặc áo choàng nghi lễ màu đen. “Hầu như trong mọi quyết định hệ trọng Stilgar và mọi thủ lĩnh khác của bộ tộc đều xin lời khuyên của bà. Các người biết điều đó. Nhưng Mẹ Chí tôn có cưỡi cát hay cầm đầu một cuộc razzia chống lại bọn Harkonnen không?”

Những nét cau mày hằn lên trán đám người nằm trong tầm mắt Paul, nhưng vẫn có những tiếng thì thầm giận dữ.

Làm cách này nguy hiểm quá, Jessica nghĩ, nhưng bà nhớ lại chiếc hộp trụ đựng thư cùng ý nghĩa bao hàm trong nó. Và bà nhận ra ý định của Paul: tiến thẳng đến tận đáy sâu tính không kiên định của họ, sử dụng nó, rồi mọi chuyện khác tự khắc phải đi theo.

“Không ai công nhận kẻ làm thủ lĩnh nếu không thử thách và không quyết đấu, phải không?” Paul hỏi.

“Phong tục là vậy!” ai đó hét.

“Mục đích của chúng ta là gì?” Paul hỏi. “Lật đổ Rabban, con thú dữ Harkonnen, và tái tạo thế giới của chúng ta thành nơi chúng ta có thể nuôi gia đình mình trong hạnh phúc giữa cơ man nào là nước - có phải đó là mục đích của chúng ta?”

“Nhiệm vụ nặng nề thì cần những cách thức nặng nề,” ai đó hét.

“Các người có đập nát con dao của mình trước một trận đánh không?” Paul hỏi vặn. “Ta nói điều này như một thực tế, chẳng hề có ý khoe khoang hay thách thức: không một ai ở đây, kể cả Stilgar, có thể địch

được với ta trong một cuộc đấu tay đôi. Chính Stilgar thừa nhận như vậy. Ông ta biết điều đó, các người cũng biết.”

Một lần nữa, những tiếng thì thầm giận dữ dậy lên từ đám đông.

“Nhiều người trong các người từng đấu tập với ta,” Paul nói. “Các người biết đây chẳng phải khoe hão. Ta nói vậy vì đó là một thực tế ai cũng biết, và nếu chính ta không nhận thấy thì ta là kẻ thậm ngu. Ta bắt đầu rèn luyện theo những phương pháp đó sớm hơn các người, và thầy dạy ta là những kẻ dạn dày hơn bất cứ ai các người từng gặp. Các người thử nghĩ xem, nếu không vậy thì làm sao ta thắng được Jamis khi ta ở độ tuổi mà con trai các người vẫn chỉ đang đánh trận giả?”

Nó dùng Giọng nói khá tốt, Jessica nghĩ, nhưng với những người này thì chừng đó chưa đủ. Họ có độ cách ly khá tốt chống lại sự khống chế thông qua âm thanh. Nó còn phải chinh phục họ bằng cả logic nữa.

“Vậy nên chúng ta đi đến điều này,” Paul nói. Chàng nhắc hộp trụ đựng thư lên, rút mẫu băng trong đó ra. “Cái này được lấy từ một người đưa tin của Harkonnen. Độ trung thực của nó không cần bàn cãi. Nó được gửi cho Rabban. Thư này bảo hãn rằng yêu cầu gửi thêm quân của hãn bị bác bỏ, rằng lượng thu hoạch hương được của hãn quá thấp so với hạn ngạch, rằng hãn phải moi được nhiều hương được hơn từ Arrakis với số người hãn đang có.”

Stilgar tiến lên cạnh Paul.

“Bao nhiêu người trong các người hiểu ra điều này có nghĩa gì?” Paul hỏi. “Stilgar nhận ra ngay lập tức đấy.”

“Chúng đã bị bỏ mặc!” ai đó hét.

Paul nhét bức thư cùng hộp trụ vào khăn thắt lưng. Chàng lôi từ trong cổ ra một sợi dây bện shigawire, rồi tháo một chiếc nhẫn ra khỏi dây, giơ nó lên cao.

“Đây từng là ấn công tước của cha ta,” chàng nói. “Ta đã thể không bao

giờ mang nó chừng nào ta chưa sẵn sàng dẫn dắt đoàn quân của ta đi khắp Arrakis đòi lại mảnh đất này như thái ấp hợp pháp của ta.” Chàng đeo nhẫn vào ngón tay rồi siết chặt nắm tay lại.

Trong hang im phăng phắc.

“Ai cai trị ở đây?” Paul hỏi. Chàng giơ nắm đấm lên. “Ta cai trị ở đây! Ta cai trị trên từng phân vuông xứ Arrakis này! Đây là thái ấp mà ta được hưởng, dù Hoàng đế có đồng ý hay không! Ngài đã trao nó cho cha ta, và thông qua cha ta, nó thuộc về ta.”

Paul nhón chân lên rồi lại hạ gót chân xuống. Chàng quan sát kỹ đám đông, cảm nhận được tâm trạng của họ.

Hầu như được, chàng nghĩ.

“Nơi đây có những người sẽ nắm giữ vị trí quan trọng ở Arrakis khi ta đòi được các quyền lợi thuộc Đế quốc mà vốn dĩ là của ta,” Paul nói. “Stilgar là một trong những người đó. Chẳng phải vì ta muốn mua chuộc ông ta! Cũng chẳng phải vì biết ơn, mặc dù ta là một trong số nhiều người ở đây nợ ơn cứu mạng của ông ta. Không! Mà vì ông ta là người thông thái và mạnh mẽ. Bởi ông ta cai quản dân chúng bằng trí thông minh của chính mình chứ không chỉ bằng luật lệ. Các người nghĩ ta ngu ngốc sao? Các người nghĩ ta sẽ cắt đứt cánh tay phải ta rồi ném cánh tay đang rùng rùng chảy máu đó xuống nền hang này chỉ để cho các người xem một trò xiếc hay sao?”

Paul quét một cái nhìn khắc nghiệt khắp đám đông. “Ai ở đây nói ta không phải người cai trị hợp pháp ở Arrakis? Ta phải chứng minh điều đó bằng cách khiến cho mỗi bộ tộc Fremen ở vùng erg này đều không có người lãnh đạo hay sao?”

Bên cạnh Paul, Stilgar động đậy, nhìn chàng với vẻ dò hỏi.

“Ta sẽ làm cho sức mạnh của chúng ta giảm sút trong khi chúng ta đang cần nó nhất ư?” Paul hỏi. “Ta là thủ lĩnh của các người, và ta bảo các người rằng đã đến lúc chấm dứt việc giết những người giỏi nhất của

chúng ta mà hãy bắt đầu giết kẻ thù đích thực của chúng ta - bọn Harkonnen!”

Bằng một cử động nhanh đến khó nhìn thấy được, Stilgar rút dao pha lê của mình ra, chĩa lên trên đầu đám đông. “Công tước Paul Muad'Dib muôn năm!” ông hét.

Một tiếng gầm đinh tai nhức óc vang lên ngợp cả hang, vang qua vòm lại. Người ta gào, người ta hô theo nhịp: “Ya hya chauhada! Muad'Dib! Muad'Dib! Muad'Dib! Ya hya chuhada!”

Jessica tự dịch lại cho mình: “*Các chiến binh của Muad'Dib muôn năm!*” Cái quang cảnh mà nàng cùng Paul và Stilgar bày mưu tính kế với nhau đã diễn ra đúng như dự tính.

Cảnh ồn ào náo động mãi hồi lâu mới lắng đi.

Khi im lặng được vãn hồi, Paul đối mặt Stilgar, nói: “Quỳ xuống, Stilgar.”

Stilgar quỳ sụp trên gờ đá.

“Đưa dao pha lê cho ta,” Paul nói.

Stilgar tuân lời.

Cái này thì chúng ta không sắp đặt trước, Jessica nghĩ.

“Lặp lại theo ta, Stilgar,” Paul nói, rồi chàng nhớ lại những lời trong lễ tấn phong mà chàng từng nghe cha chàng sử dụng. “Tôi, Stilgar, nhận con dao này từ tay Công tước của tôi.”

“Tôi, Stilgar, nhận con dao này từ tay Công tước của tôi,” Stilgar nói, rồi tiếp nhận con dao màu trắng sữa từ tay Paul.

“Công tước của tôi hạ lệnh đặt ở đâu, tôi sẽ đặt lưỡi dao tôi ở đó,” Paul nói.

Stilgar lặp lại những lời đó, chậm rãi và trang trọng.

Nhớ lại nguồn gốc của nghi lễ này, Jessica vừa cố kìm nước mắt vừa lắc đầu. *Ta biết lý do phải làm thế này, bà nghĩ. Ta không được để nó làm xáo động ta.*

“Tôi dâng lưỡi dao này cho sự nghiệp của Chúa công tôi và cho cái chết của kẻ thù Người chừng nào máu chúng ta còn chảy,” Paul nói.

Stilgar lặp lại theo chàng.

“Hôn dao đi,” Paul ra lệnh.

Stilgar vâng lời, rồi theo cung cách Fremen, hôn cánh tay cầm dao của Paul. Sau cái gật đầu của Paul, ông dứt dao vào bao rồi đứng dậy.

Một tiếng thở dài kính sợ khe khẽ lan khắp đám đông, và Jessica nghe thấy những câu nói: “Lời tiên tri - Một Bene Gesserit sẽ chỉ ra con đường và một Mẹ Chí tôn sẽ nhìn thấy nó.” Và, từ xa hơn nữa: “Người chỉ đường cho ta qua con trai Người!”

“Stilgar dẫn dắt bộ tộc này,” Paul nói. “Chớ để ai lăm lăm về điều đó. Ông ấy hạ lệnh bằng giọng của ta. Ông ấy bảo các người điều gì, đó cũng như chính ta bảo các người.”

Thông minh lắm, Jessica nghĩ. Người cai quản bộ tộc không thể bị mất mặt trước những người sẽ phải tuân lệnh anh ta.

Paul hạ giọng, nói: “Stilgar, ta muốn ông cho những sa hành giả lên đường đêm nay và cử cielago đi triệu tập họp Hội đồng. Xong xuôi thì hãy chọn lấy Chatt, Korba và Otheym cùng hai sĩ quan khác tùy ý ông. Đưa họ đến nhà ta bàn kế hoạch tác chiến. Chúng ta phải có một chiến thắng để cho Hội đồng thủ lĩnh thấy khi họ tới.”

Paul gật đầu về phía mẹ, ra hiệu cho bà đi theo chàng, rồi dẫn lối bước xuống khỏi gờ đá, len qua đám đông về phía hành lang trung tâm và khu

phòng khách đã được chuẩn bị sẵn ở đó. Khi Paul xuyên qua đám đông, những bàn tay chìa ra để chạm vào chàng. Những giọng nói gọi chàng.

“Stilgar ra lệnh cho con dao của tôi đi đâu, nó sẽ đi đến đây, hỡi Muad'Dib! Hãy cho chúng tôi sớm được chiến đấu, Paul Muad'Dib! Hãy để chúng tôi tắm máu Harkonnen cho mảnh đất quê ta!”

Cảm nhận được tâm trạng của đám đông, Jessica nhận ra khía cạnh chiến đấu của những con người này. Họ chưa bao giờ sẵn sàng hơn thế. *Chúng ta đang chiếm lĩnh họ giữa lúc họ đang lên tới đỉnh điếm*, bà nghĩ.

Ở phòng trong, Paul đang ra hiệu cho mẹ ngồi xuống, rồi nói: “Mẹ đợi đây nhé.” Rồi chàng cúi người chui qua rèm đi ra hành lang bên.

Nó sẽ dẫn Gurney Halleck lại đây, bà nghĩ. Và bà kinh ngạc trước sự lẫn lộn cảm xúc kỳ lạ đang chiếm lĩnh mình. Gurney và âm nhạc của ông từng là một phần của biết bao thời khắc an lạc trên Caladan trước khi họ chuyển tới Arrakis. Bà cảm thấy quá khứ trước kia ở Caladan đã xảy ra với một người nào khác. Trong gần ba năm từ đó đến nay, bà đã *trở thành* một người khác. Việc phải đối mặt với Gurney buộc bà phải nhìn nhận lại những gì đã đổi thay.

Bộ ấm chén cà phê của Paul, làm bằng hợp kim từ bạc và jasmium có khắc rãnh mà chàng đã thừa hưởng từ Jamis, đặt trên một chiếc bàn thấp bên phải bà. Bà đắm đắm nhìn nó, nghĩ đến việc bao nhiêu bàn tay đã chạm vào thứ kim loại đó. Chani đã dùng nó để phục vụ Paul trong tháng qua.

Người đàn bà sa mạc của nó có thể làm gì cho một Công tước ngoài việc dâng cà phê cho nó? bà tự hỏi. Cô ta chẳng mang lại gì cho nó, quyền lực không, gia đình không. Paul chỉ có một cơ hội chính yếu duy nhất - tự mình kết thông gia với một Đại Gia tộc quyền lực, thậm chí với Hoàng gia. Nói gì thì nói, vẫn có nhiều công nương có thể kết hôn được, và mỗi người trong số đó đều được huấn luyện theo phương pháp Bene Gesserit.

Jessica tự hình dung mình đang rời bỏ cuộc sống khắc nghiệt của Arrakis để chuyển sang cuộc sống uy quyền và an toàn mà bà có thể biết tới với

tư cách mẹ chồng của một công chúa. Bà vừa nhìn những tấm rèm dày che vách đá của căn buồng trong hang này vừa nghĩ bằng cách nào mình đã đến đây - cưỡi trên sâu cát giữa một bầu sâu cát, những chiếc kiệu và bệ chứa hàng chất cao ngất ngưỡng những thứ nhu yếu cần thiết cho chiến dịch sắp diễn ra.

Chừng nào Chani còn sống, Paul còn chưa nhìn thấy nghĩa vụ của nó, Jessica nghĩ. Chani đã cho nó một đứa con trai, vậy là đủ.

Đột nhiên bà cảm thấy khao khát muốn nhìn thấy thằng cháu trai, đứa trẻ mang quá nhiều nét giống Leto, ông nội nó. Jessica ép chặt lòng bàn tay lên hai má, bắt đầu thở theo nghi thức để làm dịu cảm xúc và thanh lọc tâm trí, rồi cúi thân trên về phía trước trong bài tập cầu nguyện nhằm chuẩn bị thân thể cho những yêu cầu của tâm thức.

Việc Paul chọn Hang Chim làm đại bản doanh không có gì phải bàn, bà biết. Nơi này thật lý tưởng. Vả lại về phía Bắc là Đèo Gió, dẫn vào một ngôi làng được bảo vệ nằm giữa một sink bốn bề toàn vách đá. Đó là một làng then chốt, nơi ở của những thợ thủ công và kỹ thuật viên, trung tâm bảo trì cho toàn bộ quân khu phòng vệ của Harkonnen.

Một tiếng ho vang lên ngoài rèm. Jessica thẳng người lên, hít một hơi sâu, chậm chậm thở ra.

“Vào đi,” bà nói.

Những tấm trướng được vạch ra và Gurney Halleck nhảy thoát vào. Bà chỉ kịp thoáng thấy mặt ông với nét cau có kỳ lạ, rồi ông đã ở sau lưng bà, luồn một cánh tay rắn chắc vào dưới cằm bà, nhắc bà đứng dậy.

“Gurney, đồ ngốc, ông làm cái gì vậy?” bà hỏi.

Rồi bà cảm thấy mũi dao chạm vào lưng mình. Nhận thức lạnh toát tỏa ra từ mũi dao ấy. Ngay tại khoảnh khắc đó bà hiểu ra Gurney muốn giết bà. *Tại sao?* Bà không nghĩ ra được lý do nào, bởi ông không phải hạ người từ trung thành chuyển sang phản bội. Nhưng bà không nghi ngờ gì về ý định của ông. Đã biết điều đó, tâm trí bà rúng động. Đây chẳng phải

một kẻ có thể dễ dàng khuất phục. Đây là một kẻ giết người biết cảnh giác trước Giọng nói, cảnh giác về mọi mưu mẹo giao chiến, mọi thủ đoạn chết chóc và bạo lực. Đây là một công cụ mà chính bà đã góp phần huấn luyện bằng những gợi ý và ám chỉ tinh vi.

“Mụ tưởng mụ có thể thoát được hủ, đồ phù thủy?” Gurney gầm gừ.

Bà chưa kịp dẫn đo suy nghĩ về câu hỏi đó hoặc cố trả lời thì rèm đã bị vệt ra và Paul bước vào.

“Ông ấy đây rồi, thưa m...” Paul ngừng bật, nhận ra sự căng thẳng trong cảnh tượng trước mắt.

“Chúa công đang đứng ở đâu thì xin hãy đứng nguyên ở đấy,” Gurney nói.

“Cái gì...” Paul lắc đầu.

Jessica định nói thì cảm thấy cánh tay kia bóp mạnh vào cổ họng bà.

“Mụ chỉ được nói khi ta cho phép thôi, đồ phù thủy,” Gurney nói. “Ta muốn mụ chỉ nói một điều duy nhất cho con trai mụ nghe, và ta đã sẵn sàng đưa con dao này vào tim mụ theo phản xạ ngay khi có dấu hiệu cho thấy mụ muốn chống lại ta. Giọng của mụ sẽ chỉ được đều đều, không âm sắc. Mụ không được làm căng hay cử động một số cơ. Mụ sẽ phải hành động cực kỳ cẩn trọng để may ra còn sống thêm được vài giây nữa. Và ta cam đoan với mụ, mụ chỉ có chừng đó thôi.”

Paul tiến tới một bước. “Gurney, ông bạn, cái gì...”

“Đứng yên tại chỗ,” Gurney ngắt lời. “Tiến thêm bước nữa là mụ ta sẽ chết.”

Bàn tay Paul luồn xuống chuôi dao. Chàng nói bằng giọng cực kỳ bình thản: “Tốt nhất là chính thầy hãy giải thích, Gurney ạ.”

“Tôi đã thể lấy mạng kẻ phản bội phụ thân của Chúa công,” Gurney nói. “Ngài nghĩ tôi có thể quên người đã cứu mạng tôi từ một hầm nô lệ

Harkonnen, cho tôi tự do, cuộc sống và danh dự... cho tôi tình bạn, điều khiến tôi tự hào hơn hết thảy sao? Tôi đang có kẻ đã phản bội Người dưới mũi dao của tôi. Không ai có thể ngăn tôi...”

“Thầy hoàn toàn nhầm rồi, Gurney,” Paul nói.

Và Jessica nghĩ: *Ra là vậy! Mỉa mai thay!*

“Nhầm, tôi ư?” Gurney hỏi. “Ta hãy nghe điều đó từ chính miệng bà này. Và hãy để miệng nhớ rằng tôi đã mua chuộc, đã do thám, đã lừa gạt bao kẻ hòng xác nhận lời buộc tội này. Thậm chí tôi còn chuốc semuta cho một tay đội trưởng cảnh vệ Harkonnen để biết được một phần câu chuyện.”

Jessica cảm thấy cánh tay siết hòng bà lơ đi một chút, nhưng bà chưa kịp lên tiếng thì Paul đã nói: “Kẻ phản bội là Yueh. Ta sẽ kể ngay cho thầy, Gurney ạ. Bằng chứng là hoàn hảo, không thể bác bỏ. Đó là Yueh. Ta không quan tâm vì sao thầy lại nghi ngờ mẹ ta như thế - bởi điều đó không thể nào khác được - nhưng nếu thầy làm hại đến mẹ ta...” Paul rút dao pha lê ra khỏi vỏ, chìa lưỡi dao ra trước mặt, “... ta sẽ lấy máu thầy.”

“Yueh là một bác sĩ đã đạt tới Tối Thượng Y pháp, xứng đáng với hoàng tộc,” Gurney nói. “Ông ấy không thể trở thành kẻ phản bội!”

“Ta biết một cách để phế bỏ Tối Thượng Y pháp đó,” Paul nói.

“Bằng chứng?” Gurney vẫn khẳng khẳng.

“Bằng chứng không có đây,” Paul nói. “Nó nằm ở sietch Tabr, xa về phía Nam, nhưng nếu...”

“Đây là trò lừa gạt,” Gurney gầm gừ, và cánh tay ông lại siết chặt cổ hòng Jessica.

“Chẳng có trò lừa gạt gì hết, Gurney,” Paul nói, và giọng chàng mang một âm sắc buồn ghê gớm đến độ khiến lòng Jessica đau như xé.

“Tôi đã thấy bức thư tước được từ tay mật thám Harkonnen,” Gurney nói.

“Bức thư được gửi trực tiếp đến...”

“Ta cũng thấy,” Paul nói. “Cha ta đã đưa nó cho ta xem vào cái đêm Người giải thích cho ta tại sao đó nhất định phải là âm mưu của bọn Harkonnen nhằm khiến Người ngờ vực người phụ nữ mà Người yêu.”

“Ái chà!” Gurney nói. “Ngài chưa từng...”

“Im đi,” Paul nói, và sự điềm tĩnh vô cảm trong lời lẽ của chàng mang nhiều uy lực hơn bất cứ giọng nói nào Jessica từng nghe.

Nó có năng lực Điều khiển Lớn, bà nghĩ.

Cánh tay Gurney kẹp trên cổ bà run lên. Mũi dao trên lưng bà ngập ngừng nhấc ra.

“Điều thầy chưa từng trải qua là đêm đêm nghe tiếng mẹ ta khóc vì Công tước quá cố của bà,” Paul nói. “Thầy chưa từng thấy mắt bà rục rủa mỗi khi nhắc đến chuyện giết bọn Harkonnen.”

Vậy ra nó đã nghe, bà nghĩ. Nước mắt đã làm mờ mắt bà.

“Điều thầy chưa từng làm là nhớ lại những bài học thầy đã học trong hầm nô lệ của bọn Harkonnen,” Paul nói tiếp. “Thầy nói đến niềm tự hào là bạn của cha ta! Thầy chưa từng học được sự khác biệt giữa Harkonnen với Atreides sao cho có thể ngửi ra âm mưu của bọn Harkonnen nhờ cái mùi thối hoăng chúng để lại sao? Thầy chưa từng học được rằng lòng trung thành với Atreides được mua bằng tình yêu thương còn đồng bạc của Harkonnen là sự căm thù? Thầy không thể nhìn thấu cái bản chất đích thực của sự phản bội này sao?”

“Nhưng còn Yueh?” Gurney lẩm bẩm.

“Bằng chứng chúng ta có là thư của chính Yueh gửi cho chúng ta thừa nhận rằng ông ta phản bội,” Paul nói. “Ta thể điều này với thầy bằng tình yêu thương của ta đối với thầy, tình yêu thương mà ta vẫn giữ vẹn ngay cả sau khi cho thầy nằm chết trên sàn này.”

Nghe con trai nói, Jessica kinh ngạc trước nhận thức của nó, sự sáng suốt tinh tường của trí tuệ nó.

“Cha ta có một bản năng nhận biết ai là bạn,” Paul nói. “Người trao tình yêu một cách dè xẻn, nhưng không bao giờ nhầm lẫn. Điểm yếu của Người nằm ở chỗ hiểu sai về lòng căm thù. Người cứ nghĩ ai đã căm thù Harkonnen thì không thể phản bội Người.” Chàng liếc nhìn mẹ. “Bà biết điều đó. Ta đã chuyển cho bà lời nhắn của cha ta nói rõ Người chưa bao giờ nghi ngờ bà.”

Jessica cảm thấy mình đang mất tự chủ, liền cắn môi dưới. Nhận thấy vẻ trang trọng cứng nhắc ở Paul, bà nhận ra để nói được những lời đó chàng phải mất những gì. Bà muốn chạy về phía chàng, áp đầu chàng vào ngực bà mà ru, điều bà chưa bao giờ làm. Nhưng cánh tay kẹp cổ họng bà đã thôi run; mũi dao trên lưng bà lại ấn vào, yên vị và sắc nhọn.

“Một trong những khoảnh khắc khủng khiếp nhất trong đời một đứa trẻ là khi nó phát hiện rằng cha mẹ nó là những con người có chung một tình yêu mà nó không bao giờ có thể biết trọn mùi vị,” Paul nói. “Đó là một mất mát, sự thức tỉnh để nhận ra sự thật rằng thế giới vừa ở đó vừa ở đây và chúng ta ở trong đó một mình. Cái khoảnh khắc đó mang trong mình sự thực của riêng nó; ta không thể tránh khỏi nó. Ta đã *nghe* cha ta khi Người nói về mẹ ta. Bà không phải là kẻ phản bội, Gurney ạ.”

Jessica tìm thấy giọng của mình, liền nói: “Gurney, thả ta ra.” Không có uy lực đặc biệt nào trong những từ đó, không có mẻo nào nhằm lợi dụng điểm yếu của Gurney, nhưng bàn tay ông rũ xuống. Bà tiến về phía Paul, đứng trước mặt chàng, không chạm vào chàng.

“Paul,” bà nói, “còn có những sự thức tỉnh khác trong vũ trụ này. Mẹ đột nhiên nhìn ra mẹ đã lợi dụng con, bóp méo con và điều khiển con nhằm đặt con vào con đường do mẹ chọn... con đường mà mẹ phải chọn - nếu như đó là cái cớ - bởi vì mẹ đã được huấn luyện theo Bene Gesserit.” Bà nuốt một khối nghẹn trong cổ họng, ngẩng lên nhìn vào mắt con. “Paul... Mẹ muốn con làm một việc này cho mẹ: hãy chọn con đường hạnh phúc. Người đàn bà sa mạc của con, hãy cưới cô ta nếu đó là ý muốn của con.

Hãy coi khinh bất cứ ai, bất cứ cái gì miễn sao làm được điều đó. Nhưng hãy chọn con đường của riêng con. Mẹ...”

Bà nín bật, bởi tiếng lẩm bầm khe khẽ sau lưng bà ngăn lại.

Gurney!

Bà thấy mắt Paul hướng vào phía sau bà, liến ngoảnh lại.

Gurney vẫn đứng y chỗ cũ, nhưng đã rút dao vào vỏ, trật áo choàng ra khỏi ngực để lộ lần vài xám trơn bóng của bộ sa phục phát một lần, loại mà đám buôn lậu thường trao đổi giữa các hang động sietch.

“Hãy đưa dao của ngài vào ngực tôi đây,” Gurney lẩm bầm. “Tôi nói hãy giết tôi và kết thúc chuyện này. Tôi đã làm tên mình bị ô uế. Tôi đã phản bội chính Công tước của tôi! Tốt nhất...”

“Im đi!” Paul nói.

Gurney nhìn chàng chằm chằm.

“Khép áo choàng lại và thôi xử sự như một thằng ngốc đi,” Paul nói. “Ta đã có quá đủ chuyện ngốc nghếch trong một ngày rồi.”

“Tôi bảo hãy giết tôi đi!” Gurney nổi xung lên.

“Thầy biết ta quá rõ mà,” Paul nói. “Thầy nghĩ ta là loại ngốc nào đây? Ta phải làm chuyện này với bất cứ người nào ta cần hay sao?”

Gurney nhìn Jessica, nói bằng giọng đau khổ, van xin, hoàn toàn không giống ông chút nào: “Thế thì bà, thưa Lệnh bà... hãy giết tôi đi.”

Jessica tiến lại, đặt tay lên hai vai ông. “Gurney, tại sao ông cứ khẳng khái đòi người của gia tộc Atreides phải giết những người họ yêu quý?” Nhẹ nhàng, bà cầm mép chiếc áo choàng đang bị trật phăng, dứt ra khỏi những ngón tay ông, khép lại rồi buộc chặt lớp áo trên ngực ông.

Gurney nói đứt quãng: “Nhưng... tôi...”

“Ông nghĩ ông đang làm một việc vì Leto,” bà nói, “và ta kính trọng ông vì điều đó.”

“Lệnh bà,” Gurney nói. Ông gục cầm xuống ngực, khép chặt lông mi để ngăn nước mắt.

“Chúng ta hãy coi chuyện này như một sự hiểu lầm giữa những người bạn cũ,” bà nói, và Paul nghe thấy sự xoa dịu, âm sắc hòa giải trong giọng của bà. “Chuyện qua rồi, và chúng ta có thể lấy làm vui rằng sẽ không bao giờ còn có kiểu hiểu lầm đó giữa chúng ta.”

Gurney mở cặp mắt long lanh mọng nước, nhìn xuống bà.

“Gurney Halleck mà trước kia tôi biết là người lão luyện không chỉ với lưỡi dao mà cả đàn baliset,” Jessica nói. “Đó là người chơi đàn baliset mà tôi ngưỡng mộ nhất. Liệu chàng Gurney Halleck đó có nhớ trước kia tôi vẫn thích anh ta chơi cho tôi nghe cả giờ liền không? Ông vẫn còn một cây baliset chứ, Gurney?”

“Tôi có một cây mới,” Gurney nói. “Mang từ Chusuk tới, tiếng rất du dương. Chơi như một cây Varota chính hiệu, tuy trên đàn không có chữ ký. Tôi thì nghĩ nó được một học trò của Varota làm ra, người đó đã...” Ông ngừng bật. “Tôi có thể nói gì với Người đây, thưa Lệnh bà? Ở đây chúng ta nói chuyện tầm phào về...”

“Không tầm phào đâu Gurney,” Paul nói. Chàng bước lại đứng bên mẹ, mắt nhìn vào mắt Gurney. “Không phải tầm phào, mà là một chuyện mang lại niềm vui giữa những người bạn hữu. Ta nghĩ nếu thầy có thể chơi cho mẹ ta nghe bây giờ thì thật là hay. Bàn kế hoạch tác chiến thì có thể đợi chút nữa. Dù thế nào thì đến mai chúng ta mới vào trận mà.”

“Tôi... tôi sẽ đi lấy đàn,” Gurney nói. “Nó để trong hành lang.” Ông vòng qua họ rồi bước qua rèm.

Paul đặt một tay lên cánh tay mẹ, nhận thấy bà đang run lên.

“Chuyện kết thúc rồi, mẹ ạ,” chàng nói.

Không quay đầu lại, bà ngược nhìn chàng qua khوة mắt. “Kết thúc rồi ư?”

“Dĩ nhiên. Gurney...”

“Gurney? Ở ... phải.” Bà hạ mắt xuống.

Những tấm rèm kêu sột soạt khi Gurney mang đàn quay lại. Ông bắt đầu so dây, tránh nhìn vào mắt họ. Những tấm rèm trên tường làm tiếng vang bị ỉm đi, khiến tiếng đàn nghe nhỏ và thân thiết.

Paul dẫn mẹ đến một chiếc đệm con, đặt mẹ ngồi ở đó, lưng tựa vào những tấm rèm dày trên tường. Đột nhiên chàng cảm thấy dường như bà mới già làm sao, với những đường nét khô héo vì sa mạc bắt đầu hằn trên khuôn mặt, đuôi cặp mắt phủ màu xanh đã có vết chân chim.

Bà mệt mỏi rồi, chàng nghĩ. Chúng ta phải tìm được cách nào đó để làm với bớt gánh nặng của bà.

Gurney gảy một hợp âm.

Paul liếc nhìn ông, nói: “Ta có... vài việc cần giải quyết. Đợi ta ở đây.”

Gurney gật đầu. Tâm trí ông dường như ở đâu đó xa xôi, như thể trong khoảnh khắc này ông đang ở dưới bầu trời bao la của Caladan, mây nhẹ như bông ở phía chân trời báo hiệu mưa sắp tới.

Paul buộc mình quay lưng đi, lách qua những bức rèm nặng trĩu bước ra hành lang bên. Chàng nghe thấy Gurney gảy một giai điệu sau lưng chàng, liền đứng lại một chút bên ngoài phòng để lắng nghe tiếng đàn hát bị rèm chặn lại:

“Vườn quả vườn nho,

Mỹ nữ ngực đầy,

Cốc tràn trước mặt.

Sao ta cứ hoài lải nhải

Về những trận giao tranh

Những núi tan thành bụi?

Sao ta thấy sợ những này?

Thiên đường rộng mở

Cửa thiên đường khép;

Chỉ cần gom lại là xong.

Sao ta lại nghĩ đến đòn phục kích,

Và độc dược trong chiếc cốc sáng ngời?

Sao ta thấy sợ những này?

Vòng tình vẫy gọi

Khoái cảm lửa lồ,

Đạp đàn hứa hẹn ngất ngây.

Sao ta nhớ những vết sẹo,

Giấc mơ về tội lỗi xưa...

Sao ta ngủ với bao nỗi sợ nhường này?”

Một người đưa tin Fedaykin mặc áo choàng xuất hiện từ góc hành lang phía trước Paul. Mũ trùm của anh ta trệt ra sau lưng còn những chiếc khóa cài sa phục thì rơi lỏng quanh cổ, cho thấy anh ta mới từ ngoài sa mạc trở về.

Paul ra hiệu cho anh ta đứng lại, rời khỏi chỗ rèm cửa, tiến dọc hành lang về phía người đưa tin.

Người đó cúi chào, tay chấp lại trước ngực theo cách chào Mẹ Chí tôn hoặc Sayyadina trong nghi lễ. Anh ta nói: “Thưa Muad’Dib, các thủ lĩnh đang bắt đầu đến họp Hội đồng.”

“Sớm thế sao?”

“Có những vị mà Stilgar đã cử người đi mời từ trước, khi người ta còn nghĩ rằng...” Anh ta nhún vai.

“Ta hiểu.” Paul ngoảnh lại về phía tiếng đàn baliset khe khẽ, nghĩ đến bài hát xưa mẹ chàng vẫn thích - một quãng dài kỳ lạ mà âm nhạc thì vui còn lời hát thì buồn. “Stilgar sẽ đến đây ngay cùng những người khác. Hãy dẫn họ đến nơi mẹ ta đang đợi.”

“Tôi sẽ đợi ở đây, thưa Muad’Dib,” người đưa tin nói.

“Phải... phải, cứ đợi.”

Paul vượt qua anh ta tiến vào sâu trong hang, đến cái nơi mà mỗi hang như thế này đều có - một nơi gần bề chứa nước. Ở nơi này sẽ có một Shai-hulud còn nhỏ, một sinh vật không dài quá chín mét, bị những hào nước xung quanh giam hãm và làm cho còi cọc không lớn được. Con sâu cát đó, sau khi từ vật chủ trung gian Ngài tạo bé chui ra, luôn luôn tránh nước bởi với nó nước là thuốc độc. Và việc trấn nước một Ngài tạo là bí mật lớn nhất của người Fremen bởi nhờ đó sinh ra thứ chất liệu làm họ

liên kết lại - Nước của Sự sống, thứ độc được mà chỉ một Mẹ Chí tôn mới có thể làm biến đổi.

Paul đã nảy ra quyết định khi chàng đối mặt với sự căng thẳng do mối hiểm nguy xảy ra với mẹ chàng. Không một tuyến tương lai khả dĩ nào chàng từng thấy xưa nay lại bao hàm khoảnh khắc hiểm họa đó từ Gurney Halleck. Tương lai - cái tương lai màu mây xám - cùng với cảm giác rằng toàn vũ trụ tiến tới một điểm kết nối phức tạp sôi sùng sục, nó vây quanh chàng như một thế giới không có thực.

Ta phải nhìn thấy nó, chàng nghĩ.

Thân thể chàng đã chậm chậm đạt được một mức dung chứa hương được nhất định, nó khiến cho những thị kiến tiên tri ngày một ít đi... ngày một mờ đi... Giải pháp đó có vẻ hiển nhiên đối với chàng.

Ta sẽ chìm chết Ngài tạo. Chúng ta sẽ thấy liệu ta có phải Kwisatz Haderach, kẻ có thể sống sót qua bài sát hạch mà các Mẹ Chí tôn đã qua khỏi hay không.

Và chuyện xảy ra vào năm thứ ba cuộc Chiến tranh Sa mạc là Paul Muad'Dib nằm một mình trong Hang Chim dưới những tấm rèm kiswa ở một buồng trong. Và chàng nằm như người đã chết, miên man chìm trong cơn khải ngộ của Nước của Sự sống, bản thể của chàng được cái chất-độc-mang-lại-sự-sống kia chuyển sang bên kia ranh giới của thời gian. Vậy đó lời tiên tri đã thành sự thật rằng Lisan al-Gaib có thể vừa chết vừa sống cùng một lúc.

- “Tuyển Truyền thuyết về Arrakis” của Công chúa Irulan

Chani ra khỏi vùng lòng chảo Habbanya trong bóng tối trước rạng đông, nghe thấy tiếng chiếc tàu chim đã đưa nàng từ phía Nam tới giờ đây đang vù vù bay đến một nơi trú ẩn ngoài vùng cát bao la. Quanh nàng, đội hộ tống giữ một khoảng cách, tản ra theo hình cánh quạt trong những tầng đá trên rặng núi để kiểm tra xem có mối nguy hiểm nào không, cũng là để cho người bạn đời của Muad'Dib, thân mẫu đứa con đầu lòng của ngài, có được điều nàng đã yêu cầu: một chút thời gian để đi dạo một mình.

Tại sao anh ấy gọi mình tới? nàng tự hỏi. Anh ấy chẳng đã bảo mình phải ở lại phía Nam cùng với Leto bé và Alia đó sao.

Nàng khép áo choàng cho gọn rồi nhẹ nhàng nhảy phóc qua một tảng đá chướng ngại vật, thả mình xuống lối mòn để trèo mà chỉ những ai được huấn luyện để sống trong sa mạc mới có thể nhận ra trong bóng tối. Sỏi trượt dưới chân nàng và nàng nhảy qua chúng mà không nghĩ đến sự nhanh nhẹn khéo léo cần phải có.

Nàng thấy vui vì được leo trèo, nó giúp nàng vơi đi những sợ hãi vốn đã dậy lên trong nàng bởi sự rút lui lặng lẽ của đội hộ tống và bởi việc người ta đã cử tới cả một chiếc tàu chim quý giá chỉ để đưa nàng về đây. Nàng cảm thấy bên trong mình như nhảy cẫng lên vì sắp sửa được tái hợp cùng Paul Muad'Dib, cùng Usul của nàng. Cái tên của chàng có thể là một tiếng hô xung trận trên toàn xứ sở này: "*Muad'Dib! Muad'Dib! Muad'Dib!*" Nhưng nàng biết một con người khác mang một cái tên khác - cha của con trai nàng, người tình rất dịu dàng.

Từ những tảng đá phía trên nàng xuất hiện một dáng người cao lớn, ra hiệu bảo nàng mau lên. Nàng rảo bước nhanh hơn. Những con chim bình minh đang vừa kêu vừa cất cánh bay lên bầu trời. Một dải ánh sáng mờ càng lúc càng tỏa rộng dọc chân trời phía Đông.

Dáng người trên kia không phải một trong các vệ sĩ của nàng. *Otheym chẳng?* nàng tự hỏi khi nhận ra nét quen thuộc trong cử chỉ và dáng vẻ người đó. Nàng lên chỗ anh ta, nhận ra trong ánh sáng đang tỏ dần những đường nét bè bè, thẳng đuột của viên sĩ quan Fedaykin, mũ trùm đầu trật ra sau, bộ lọc nơi miệng được nối lỏng như người ta vẫn làm đôi khi mạo hiểm ra ngoài sa mạc chỉ trong chốc lát.

"Nhanh lên," anh nói khẽ, rồi dẫn nàng đi xuống khe nứt bí mật tiến vào một hang kín. "Trời sáng ngay thôi," anh thì thầm trong khi giữ van bịt cửa mở cho nàng vào. "Bọn Harkonnen đang tiến hành những cuộc tuần tra liều mạng ở một số nơi trong vùng này. Lúc này chúng ta không dám liều để chúng phát hiện ra."

Họ tiến vào cửa hành lang hẹp dẫn tới Hang Chim. Những quả đèn cầu bật sáng. Otheym băng qua nàng tiến lên phía trước, nói: “Theo tôi. Nhanh lên nào.”

Họ rảo bước dọc hành lang, băng qua một cánh cửa van khác, một hành lang khác rồi vén rèm bước vào chỗ từng là góc hang dành cho Sayyadina vào thời nơi đây còn là hang nghỉ qua đêm. Nay thì thảm và đệm ngồi phủ khắp sàn. Những bức rèm dệt có hình chim ưng màu đỏ che kín các bức tường đá. Ở một đầu là chiếc bàn đã chiến thắng trên rải đầy những tờ giấy sực mùi thơm cho thấy chúng có nguồn gốc hương được.

Mẹ Chí tôn ngồi một mình đối diện lối vào. Bà ngẩng lên với cái nhìn chăm chăm hướng vào bên trong thường khiến những kẻ nào chưa được khai tâm phải run lên.

Otheym ép hai lòng bàn tay vào nhau, nói: “Tôi đã đưa Chani đến.” Anh ta cúi chào, rồi rút lui qua những tấm rèm.

Và Jessica nghĩ: *Làm sao ta cho Chani biết đây?*

“Cháu trai ta thế nào rồi?” Jessica hỏi.

Vậy là phải chào hỏi theo nghi thức đây, Chani nghĩ, và nỗi sợ của nàng quay lại. Muad'Dib đâu? Tại sao anh ấy không có ở đây để đón mình?

“Nó khỏe mạnh và hạnh phúc, thưa mẹ,” Chani nói. “Con đã để nó lại với Alia, có Harah chăm sóc.”

Mẹ, Jessica nghĩ. *Phải, nó có quyền gọi ta như thế khi chào hỏi theo nghi thức. Nó đã cho ta một thằng cháu trai.*

“Ta nghe nói sietch Coanua có gửi tới ít vài làm quà,” Jessica nói.

“Vài đẹp lắm ạ,” Chani nói.

“Alia có nhận gì không?”

“Không ạ. Nhưng hiện người ta đang bắt đầu chấp nhận sự kỳ lạ của thân thể nó nên mọi chuyện ở sietch đang diễn ra suôn sẻ hơn.”

Sao mẹ cứ kéo rề rà chuyện này ra như vậy? Chani tự hỏi. Có chuyện gì cấp bách lắm nên người ta mới cử tàu chim tới đón mình. Thế mà giờ chúng ta lại cứ kéo dài những giao đãi theo nghi thức.

“Chúng ta phải có một ít vải mới ấy để may quần áo cho Leto bé,” Jessica nói.

“Xin tùy ý người, thưa mẹ,” Chani nói. Nàng nhìn xuống. “Có tin gì về chiến trận không ạ?” Nàng giữ cho nét mặt mình không biểu cảm để may ra Jessica không thấy điều nàng có thể lộ ra - rằng đây là một câu hỏi về Paul Muad'Dib.

“Những chiến thắng mới,” Jessica nói. “Rabban đã gửi tới những đề nghị dè dặt về việc ngừng chiến. Các sứ giả của hãn đã được gửi trả về mà không có nước trong người. Rabban thậm chí còn giảm nhẹ gánh nặng cho dân chúng ở một số làng ở vùng sink. Nhưng đã quá muộn với hãn. Dân chúng biết hãn làm vậy chỉ vì sợ chúng ta.”

“Mọi điều xảy ra như Muad'Dib đã nói,” Chani nói. Nàng nhìn đắm đắm vào Jessica, cố kìm nỗi sợ. *Mình đã nói ra tên anh ấy, nhưng bà không phản ứng. Người ta không thể nhìn thấy cảm xúc gì nơi cái tảng đá trơ trơ kia mà bà gọi là khuôn mặt... nhưng bà giá lạnh quá. Tại sao bà cứ im lìm vậy? Chuyện gì đã xảy ra cho Usul của mình?*

“Ta ước gì chúng ta đang ở miền Nam,” Jessica nói. “Hồi chúng ta ra đi, các ốc đảo mới đẹp làm sao. Con không mong đến cái ngày toàn bộ đất này có thể nở hoa như vậy sao?”

“Vùng đó quả là đẹp,” Chani nói. “Nhưng có quá nhiều khổ đau ở đó.”

“Khổ đau là cái giá của chiến thắng,” Jessica nói.

Bà đang chuẩn bị cho ta đón nhận khổ đau sao? Chani tự hỏi. Nàng nói:

“Có quá nhiều đàn bà không có đàn ông. Người ta ghen tị khi nghe nói con được gọi về miền Bắc.”

“Chính ta gọi con,” Jessica nói.

Chani cảm thấy tim đập thình thình. Nàng muốn lấy tay bịt kín hai tai, sợ cái điều tai mình có thể nghe. Thế nhưng, nàng vẫn giữ giọng bình thản: “Bức thư ký tên Muad’Dib.”

“Ta đã ký như vậy trước sự hiện diện của các sĩ quan phụ tá của nó,” Jessica nói. “Đó là một sự lừa dối vì cần thiết.” Và Jessica nghĩ: *Thật là một người đàn bà gan góc, người đàn bà của Usul đây. Cô ta vẫn giữ vững sự tinh tế ngay cả khi nỗi sợ hãi như choán trọn tâm trí cô ta. Phải. Cô ta có thể là người chúng ta cần lúc này.*

Chỉ có một chút thanh điệu cam chịu nhuốm vào giọng Chani khi nàng nói: “Giờ mẹ có thể nói điều cần phải nói.”

“Con cần có mặt ở đây để giúp mẹ hồi sinh Paul,” Jessica nói. Và bà nghĩ: *Đấy! Ta đã nói điều đó bằng cách đúng nhất. Hồi sinh. Nói vậy thì con bé sẽ biết Paul vẫn sống và cũng biết rằng đang có một mối nguy, tất cả bao hàm trong chỉ một từ.*

Chani chỉ mất một khoảnh khắc để tự trấn tĩnh, rồi nói: “Con có thể làm gì?” Nàng muốn nhảy bổ vào Jessica, muốn lay bà mà thét: “*Đưa con đến chỗ anh ấy!*” Nhưng nàng im lặng chờ câu trả lời.

“Ta ngờ rằng bọn Harkonnen đã tìm được cách cài một gián điệp vào người của chúng ta để đầu độc Paul,” Jessica nói. “Đó là cách giải thích duy nhất có vẻ thích hợp. Một thứ độc được hết sức khác thường. Ta đã kiểm tra máu của Paul bằng những cách tinh vi nhất mà vẫn không phát hiện được.”

Chani quỳ sụp xuống. “Độc được? Anh ấy có đau đớn không? Liệu con...”

“Nó mê man bất tỉnh,” Jessica nói. “Các quá trình sống của nó chậm đến

mức chỉ có thể phát hiện ra chúng bằng những kỹ thuật cao nhất. Ta rùng mình khi nghĩ điều gì đã có thể xảy ra nếu không phải chính ta là người phát hiện nó bị đầu độc. Dưới con mắt không được huấn luyện thì nó trông chẳng khác gì đã chết.”

“Mẹ gọi con về không chỉ bởi tôn trọng con mà còn vì những lý do khác,” Chani nói. “Con biết người, thưa Mẹ Chí tôn. Đây là việc mà theo mẹ con làm được, còn mẹ thì không?”

Nó gan góc, đáng yêu và, Ồi chà, sâu sắc quá, Jessica nghĩ. Lẽ ra nó có thể trở thành một Bene Gesserit giỏi.

“Chani ạ,” Jessica nói, “con có thể thấy khó tin, nhưng ta không biết đích xác tại sao ta cho người gọi con về. Đó là một bản năng... một bản năng cơ bản. Ý nghĩ này tự nó nảy ra: ‘Cử người đưa Chani về.’ ”

Lần đầu tiên Chani thấy nỗi buồn trên nét mặt Jessica, nỗi đau không che giấu làm thay đổi cái nhìn hướng vào nội thể.

“Ta đã làm tất cả những gì có thể,” Jessica nói. “Làm *tất cả*... có nghĩa là nhiều hơn gấp bội so với những gì người ta vẫn cho là *tất cả*, đến nỗi con khó mà tưởng tượng ra được. Thế nhưng... ta bất lực.”

“Người bạn già ấy, Halleck... liệu ông ta có thể là kẻ phản bội không?”

“Không phải Gurney,” Jessica nói.

Ba từ đó bao hàm trong chúng toàn bộ một cuộc đối thoại, và Chani nhìn thấy những cuộc lùng soát, những cuộc kiểm tra... ký ức về những thất bại trước kia để có thể dẫn tới lời phủ định thẳng thừng này.

Chani thì người trở lại lên hai chân, đứng dậy, vượt phẳng chiếc áo choàng bị sa mạc làm lấm bẩn. “Đưa con tới chỗ anh ấy,” nàng nói.

Jessica đứng dậy, bước qua những tấm rèm trên bức tường bên trái.

Chani theo sau, nhận ra mình đang ở một nơi vốn là phòng chứa đồ, nay

thì các bức tường đá của nó được giấu kín sau những bức rèm nặng trĩu. Paul nằm trên một tấm đệm trải sát vào bức vách phía trong. Chiếc đèn cầu duy nhất trên đầu soi sáng khuôn mặt chàng. Một chiếc áo choàng đen phủ kín đến ngực chàng, để lộ hai cánh tay duỗi dài dọc hai bên sườn. Chàng có vẻ không mặc quần áo gì dưới tấm áo ấy. Làn da chàng, những chỗ lộ ra ngoài trông như bằng sáp, cứng đờ. Không nhìn thấy một cử động nào ở chàng.

Chani nén nỗi khao khát muốn chạy ào tới, ôm chầm lấy chàng. Thay vào đó, nàng nhận thấy ý nghĩ lại hướng về con nàng - Leto. Và chính lúc đó nàng nhận ra Jessica cũng từng đối diện một khoảnh khắc như vậy - người đàn ông của bà bị cái chết đe dọa, buộc tâm trí bà phải cân nhắc xem có thể làm gì để cứu đứa con còn trẻ dại. Nhận thức đó tạo thành một mối ràng buộc bất ngờ giữa nàng với người phụ nữ lớn tuổi kia, khiến Chani chìa tay ra siết chặt tay Jessica. Cái siết tay đáp lại mạnh đến mức đau đớn.

“Nó vẫn sống,” Jessica nói. “Ta cam đoan nó vẫn đang sống. Nhưng sợi chỉ sự sống của nó quá mỏng manh đến nỗi khó mà dò ra được. Trong số thủ lĩnh có người hiện đã xâm xì rằng ấy là người mẹ đang lên tiếng chứ không phải Mẹ Chí tôn, rằng con ta thực tình đã chết và ta không muốn trao nước của nó cho bộ tộc.”

“Anh ấy bị thế này bao lâu rồi?” Chani hỏi. Nàng rút tay khỏi tay Jessica, tiến sâu hơn vào phòng.

“Ba tuần,” Jessica nói. “Ta đã mất gần một tuần cố làm nó sống lại. Đã hội họp, bàn cãi... điều tra, khám nghiệm. Rồi ta cho người gọi con về. Đội Fedaykin tuân lệnh ta, nếu không thì có khi ta đã không thể kéo dài...” Bà liếm môi, quan sát Chani tiến lại gần Paul.

Giờ thì Chani cúi xuống trên chàng, nhìn xuống bộ râu mềm mại của tuổi trẻ đóng khung quanh mặt chàng, đưa mắt lần theo hàng lông mày cao, chiếc mũi rắn rỏi đầy sức mạnh, cặp mắt nhắm nghiền của chàng - những đường nét quá đối bình an trong giấc ngủ cứng đờ này.

“Anh ấy ăn uống bằng cách nào?” Chani hỏi.

“Nhu cầu của thể xác nó quá nhỏ nên nó chưa cần được tiếp thức ăn,” Jessica nói.

“Có bao nhiêu người biết chuyện?” Chani hỏi.

“Chỉ những cố vấn thân cận nhất, vài vị thủ lĩnh, đội Fedaykin và, dĩ nhiên, kẻ đã chuốc độc được cho nó, dù đó là kẻ nào đi nữa.”

“Không có manh mối nào về kẻ chuốc độc sao?”

“Không, mà cũng không phải là do điều tra chưa đủ,” Jessica nói.

“Đội Fedaykin nói sao?” Chani hỏi.

“Họ tin rằng Paul đang trong một cơn hôn mê thiêng liêng, đang thu thập các năng lực thần thánh của mình trước những trận đánh cuối cùng. Đó là ý nghĩ mà chính ta gieo rắc.”

Chani quỳ xuống bên chiếc đệm, cúi lại gần mặt Paul. Nàng cảm thấy một sự khác biệt trong không khí ngay sát mặt chàng... nhưng đó chỉ là hương được, cái hương được đâu cũng có mà mùi của nó thấm đẫm vào mọi thứ trong đời sống Fremen. Thế nhưng...

“Mẹ không phải người sinh ra là đã sống cùng hương được như chúng con,” Chani nói. “Mẹ đã xét đến khả năng thân thể anh ấy nổi dậy chống lại vì có quá nhiều hương được trong khẩu phần của anh ấy chưa?”

“Mọi xét nghiệm phản ứng do dị ứng đều cho kết quả âm tính,” Jessica nói.

Bà nhắm mắt lại, vừa để thôi đừng nhìn thấy cảnh này vừa bởi đột nhiên nhận ra mình mệt mỏi xiết bao. *Đã bao lâu rồi mình không ngủ?* bà tự hỏi. *Lâu quá rồi.*

“Khi mẹ chuyển hóa Nước của Sự sống,” Chani nói, “mẹ làm việc đó

bên trong chính mình, bằng ý thức hướng vào nội thể. Mẹ có dùng cái ý thức đó để kiểm tra máu anh ấy không?”

“Máu Fremen bình thường,” Jessica nói. “Hoàn toàn thích nghi với chế độ ăn uống và cuộc sống ở đây.”

Chani ngồi tì lên gót chân, nhấn chìm nỗi sợ của mình vào suy nghĩ trong khi xem xét kỹ gương mặt Paul. Đây là một thủ thuật nàng học được nhờ quan sát các Mẹ Chí tôn. Có thể buộc thời gian phải phục vụ cho tâm trí. Người ta có thể hoàn toàn tập trung tư tưởng.

Ngay sau đó, Chani nói: “Có Ngài tạo nào ở đây không?”

“Có mấy con,” Jessica nói, giọng có phần kiệt sức. “Thời buổi này chúng ta chẳng bao giờ thiếu chúng được. Mỗi chiến thắng đều cần phải được chúng ban phước. Mỗi một nghi lễ trước một cuộc xuất chinh...”

“Nhưng Paul Muad’Dib đã lánh xa những nghi lễ ấy rồi,” Chani nói.

Jessica gật đầu với chính mình, nhớ lại cảm xúc đầy mâu thuẫn của con trai bà đối với hương được và cái nhận thức tiên tri do bị hương được thúc đẩy nên đã đến quá nhanh.

“Làm sao con biết điều đó?” Jessica hỏi.

“Người ta nói thế.”

“Người ta nói quá nhiều chuyện,” Jessica nói tiếp một cách cay đắng.

“Lấy cho con Nước nguyên chất của Ngài tạo,” Chani nói.

Jessica lặng người khi nghe giọng ra lệnh của Chani, rồi bà quan sát kỹ sự tập trung cao độ ở người thiếu phụ và nói: “Ta lấy ngay.” Bà vén rèm đi ra ngoài để sai người gọi thầy quản nước đến.

Chani ngồi nhìn Paul trân trân. *Nếu anh ấy đã thử làm chuyện này, nàng nghĩ. Mà một chuyện như thế thì anh ấy dám làm thử lắm...*

Jessica quỳ xuống cạnh Chani, chìa ra một bình đựng nước kiểu dáng đơn giản. Mùi độc được nồng nặc xộc vào lỗ mũi Chani cay sè. Nàng nhúng một ngón tay vào thứ chất lỏng đó, rồi chìa ngón tay lại gần mũi Paul.

Làn da dọc theo sống mũi chàng hơi nhăn lại. Chầm chậm, hai lỗ mũi nở ra.

Jessica thở hắt ra.

Chani lấy ngón tay thắm ướm sờ lên môi trên của Paul.

Chàng hít vào một hơi dài, nghe như tiếng nấc.

“Cái gì vậy?” Jessica hỏi.

“Yên nào,” Chani nói. “Mẹ phải chuyển hóa một ít nước thiêng. Nhanh lên!”

Không hỏi han gì, bởi nhận ra âm điệu đầy ý thức trong giọng của Chani, Jessica nâng bình nước lên miệng, uống một ngụm nhỏ.

Mắt Paul bừng mở. Chàng ngược nhìn Chani chăm chăm.

“Mẹ không cần phải chuyển hóa Nước đâu,” chàng nói. Giọng chàng yếu ớt, song bình thản.

Jessica vẫn còn giữ ngụm nước trên lưỡi, cảm thấy thân thể mình tập trung toàn lực, chuyển hóa cái độc được kia một cách hầu như tự động. Trong cảm giác nhẹ nhàng hưởng thụ mà nghi lễ này luôn mang lại, bà cảm nhận được cái ánh sáng-sự sống tỏa ra từ Paul - một thứ phát xạ hiển hiện đó đang được ghi vào các giác quan của bà.

Ngay trong khoảnh khắc đó, bà hiểu ra.

“Con đã uống nước thiêng!” bà thốt lên.

“Chỉ một giọt thôi,” Paul nói. “Rất ít... một giọt.”

“Sao con có thể làm một việc ngu ngốc như vậy chứ?” bà gặng hỏi.

“Anh ấy là con của mẹ,” Chani nói.

Jessica nhìn nàng chăm chăm.

Một nụ cười hiếm hoi, ấm áp và đầy hiểu biết nở trên môi Paul. “Nghe người yêu của con nói đi,” chàng nói. “Nghe cô ấy đi, thưa mẹ. Cô ấy biết đấy.”

“Điều người khác có thể làm, anh ấy phải làm,” Chani nói.

“Khi con đã đưa giọt đó vào miệng rồi, khi con đã cảm nhận được nó và ngửi nó, khi con biết nó đang làm gì với con, thì con biết con có thể làm điều mẹ đã làm,” chàng nói. “Các Tổng quản Bene Gesserit như mẹ thường nói về Kwisatz Haderach, nhưng họ không sao có thể đoán ra con đã đến được bao nhiêu nơi đâu. Trong vòng ít phút con đã...” Chàng ngừng bật, chau mày bối rối nhìn Chani. “Chani? Làm sao em về đây được? Lẽ ra em phải... Sao em lại ở đây?”

Chàng cố tì cùi chỏ nhôm dậy. Chani nhẹ nhàng ấn chàng xuống.

“Làm ơn nào, Usul của em,” nàng nói.

“Anh thấy yếu quá,” chàng nói. Chàng đưa mắt nhìn quanh phòng. “Con ở đây đã bao lâu rồi?”

“Suốt ba tuần, con đã hôn mê sâu đến nỗi tia sáng sự sống hầu như tắt ngấm,” Jessica nói.

“Nhưng mà... con chỉ mới uống cách đây có một chút thôi và...”

“Một chút đối với con, ba tuần lo sợ đối với mẹ,” Jessica nói.

“Chỉ một giọt thôi, nhưng con đã chuyển hóa nó,” Paul nói. “Con đã làm biến đổi Nước của Sự sống.” Và Chani hay Jessica chưa kịp ngăn thì chàng đã nhúng bàn tay vào bình nước họ đặt trên sàn bên cạnh chàng rồi đưa bàn tay đang nhỏ nước ròng ròng lên miệng, nuốt chỗ nước chứa trong lòng bàn tay chụm lại.

“Paul!” Jessica thét lên.

Chàng túm lấy tay bà, đối diện bà với nụ cười toe toét như nụ cười của một cái đầu lâu, và chàng gửi ý thức của chàng cho nó tuôn trào sang bà.

Mối tương giao đó không êm dịu, không chia sẻ, không ôm chứa như mối tương giao trong hang giữa Jessica với Alia và với Mẹ Chí tôn già... nhưng nó vẫn là một sự tương giao: sự chia sẻ cảm thức giữa toàn bộ hai bản thể. Nó làm bà rung động, khiến bà yếu hèn đi, và bà co rúm lại trong tâm trí, khiếp sợ chàng.

Chàng nói lớn: “Mẹ thường nói về một nơi mà mẹ không thể bước vào? Cái nơi mà Mẹ Chí tôn không thể nhìn tận mặt, hãy chỉ nó cho con.”

Bà lắc đầu, kinh hãi trước ý nghĩ đó.

“Chỉ nó cho con!” chàng ra lệnh.

“Không!”

Nhưng bà không thoát được chàng. Bị sức mạnh khủng khiếp của chàng thúc ép, bà nhắm mắt lại mà tập trung vào bên trong - vào cái-hướng-vốn-dĩ-tối-tăm.

Ý thức của Paul tuôn trào qua bà, tuôn trào quanh bà rồi chảy vào bóng tối. Bà lơ mơ thoáng thấy nơi đó trước khi tâm trí bà tự đóng sập lại vì khiếp sợ. Không biết vì sao, toàn bộ bản thể bà rung lên bần bật trước cái bà vừa thấy - một vùng có gió thổi và những tia lửa lóe lên, nơi có những vòng ánh sáng giãn ra co lại, nơi từng hàng những hình thể màu

trắng căng phồng trôi bên trên, bên dưới, xung quanh những ánh sáng đỏ, được bóng tối và một làn gió chẳng từ đâu đến dẫn dắt.

Ngay sau đó bà mở mắt, thấy Paul đang dăm dăm nhìn lên bà. Chàng vẫn nắm tay bà, nhưng mối tương giao đáng sợ đó đã qua. Bà dần cơn run xuống. Paul thả tay bà. Như thể một chiếc nặng vừa được cất bỏ đi. Bà lảo đảo, suýt nữa đã ngã nếu Chani không vội nhảy tới đỡ.

“Mẹ Chí tôn!” Chani nói. “Có chuyện gì vậy?”

“Mệt,” Jessica thì thầm. “Mệt... quá.”

“Đây,” Chani nói. “Mẹ ngồi đây.” Nàng giúp Jessica ngồi xuống một chiếc đệm tựa vào tường.

Đôi tay trẻ trung khỏe mạnh này làm Jessica thấy dễ chịu xiết bao. Bà bấu lấy Chani.

“Có thật là anh ấy đã nhìn thấy Nước của Sự sống không?” Chani hỏi. Nàng gỡ mình ra khỏi vòng tay siết của Jessica.

“Nó đã thấy,” Jessica thì thầm. Tâm trí bà vẫn còn chong chênh dập dềnh vì sự tiếp xúc kia. Như thể bà đang bước trên đất cứng sau nhiều tuần lênh đênh trên biển cả sóng cồn. Bà cảm thấy Mẹ Chí tôn già bên trong mình... cùng tất cả các Mẹ khác, tất cả đều thức dậy mà gặng hỏi: *“Chuyện gì vậy? Có gì xảy ra vậy? Nơi ấy là ở đâu?”*

Thông qua đó tất cả bọn họ xâu chuỗi được nhận thức rằng con trai bà là Kwisatz Haderach, người có thể ở nhiều nơi cùng một lúc. Chàng là thực tại thoát thai từ giấc mơ Bene Gesserit. Và thực tại đó khiến bà không thể an tâm.

“Điều gì xảy ra vậy?” Chani hỏi.

Jessica lắc đầu.

Paul nói: “Trong mỗi chúng ta đều có một lực cổ xưa luôn luôn cho và

một lực cổ xưa luôn luôn nhận. Người đàn ông ít gặp khó khăn hơn khi đối mặt với cái nơi bên trong anh ta vốn là chỗ cư trú của lực nhận, nhưng nhìn thấu vào lực cho là việc hầu như không thể nếu anh ta không chuyển hóa thành cái gì đó khác chứ không chỉ là đàn ông. Với phụ nữ thì tình hình ngược lại.”

Jessica ngước lên, thấy Chani đang nhìn bà chăm chú trong khi vẫn lắng nghe Paul.

“Mẹ có hiểu con không, thưa mẹ?” Paul hỏi.

Bà chỉ có thể gật.

“Những điều đó là quá xa xưa bên trong chúng ta đến nỗi chúng được nhồi nhét vào từng tế bào một trong cơ thể chúng ta,” Paul nói. “Chúng ta được tạo hình bởi những lực đó. Mẹ có thể tự nhủ: ‘Phải, ta biết một lực như vậy có thể là thế nào.’ Nhưng khi mẹ nhìn vào bên trong mình và đối mặt với cái lực nguyên sơ bắt nguồn từ sự sống của chính mẹ trong trạng thái không che chắn, thì mẹ thấy nguy cơ của mẹ. Mẹ thấy rằng cái đó có thể chôn vùi mẹ. Nguy cơ lớn nhất với Người cho là cái lực luôn luôn nhận. Nguy cơ lớn nhất với Người nhận là cái lực luôn luôn cho. Khi cho cũng như khi nhận, ta đều có thể dễ dàng bị chôn vùi giống như nhau.”

“Còn con, con của ta, con là người cho hay người nhận?” Jessica hỏi.

“Con nằm ở điểm tựa,” chàng nói. “Con không thể cho mà không nhận và con không thể nhận mà không...” Chàng chợt im bặt, nhìn về bức tường bên phải.

Chani cảm thấy một luồng gió lùa vào má, liền quay lại thì thấy những bức rèm khép lại,

“Đó là Otheym,” Paul nói. “Anh ta đang lắng nghe.”

Khi tiếp nhận những lời đó, Chani chợt cảm nhận được đôi điều tiên tri đã ám ảnh Paul, và nàng biết một điều-chưa-xảy-ra như thế nó đã xảy ra

rồi. Otheym sẽ kể lại những gì anh đã nhìn và nghe thấy. Những người khác sẽ loan truyền câu chuyện cho tới khi nó thành ngọn lửa bùng bùng cháy trên mặt đất. Paul Muad'Dib không giống người thường, họ sẽ nói thế. Không thể nghi ngờ gì nữa. Chàng ta là người, nhưng chàng ta có thể nhìn thấu Nước của Sự sống theo cách của một Mẹ Chí tôn. Chàng đích thực là Lisan al-Gaib.

“Con đã thấy tương lai, Paul ạ,” Jessica nói. “Con có nói cho ta nghe con đã thấy gì không?”

“Không phải tương lai,” chàng nói. “Con đã thấy cái Bây giờ.” Chàng tự buộc mình ngồi dậy, vẫy tay bảo Chani tránh sang một bên khi nàng tiến lại để giúp chàng. “Không gian trên Arrakis đầy rẫy tàu của Hiệp hội.”

Jessica run rẩy trước sự chắc như đinh đóng cột trong giọng chàng.

“Đích thân Hoàng đế Padishah đang ở đây,” Paul nói. Chàng nhìn bức trần đá của phòng chàng. “Cùng với Người Nói Sự thật mà ông ta sủng ái và năm binh đoàn Sardaukar. Lão Nam tước Vladimir Harkonnen đang ở đây cùng Thufir Hawat và bảy chiếc tàu lên chặt bất cứ gã tân binh nào lão ta huy động được. Mỗi Đại Gia tộc đều có tàu đột kích bay trên đầu chúng ta... chờ đợi.”

Chani lắc đầu, không thể rời mắt khỏi Paul. Sự kỳ lạ ở chàng, thanh điệu đều đều trong giọng nói, cái kiểu chàng nhìn xuyên qua nàng, tất cả khiến nàng kính sợ.

Jessica cố nuốt khan, nói: “Chúng đợi cái gì?”

Paul nhìn bà. “Đợi lệnh của Hiệp hội cho phép đổ bộ. Hiệp hội sẽ giam giữ bất cứ lực lượng nào đổ bộ mà không xin phép.”

“Hiệp hội bảo vệ chúng ta sao?” Jessica hỏi.

“Bảo vệ chúng ta ư! Bản thân Hiệp hội đã gây ra chuyện này bằng cách đem điều đặt chuyện về những gì chúng ta làm ở đây và giảm lệ phí

chuyển quân đến mức ngay cả những Gia tộc nghèo nhất giờ cũng đang quanh quẩn trên kia chờ chờ cướp bóc chúng ta.”

Jessica nhận thấy giọng chàng không có vẻ chua chát, lấy làm lạ về điều đó. Bà không thể nghi ngờ lời chàng nói - chúng có cùng một sự mãnh liệt mà bà đã thấy ở chàng vào cái đêm chàng tiết lộ về con đường tương lai đã đưa họ đến với người Fremen.

Paul hít một hơi dài, nói: “Thưa mẹ, mẹ phải chuyển hóa một lượng Nước cho chúng ta. Chúng ta cần chất xúc tác. Chani, bảo người ta cử một trinh sát đi... để tìm một khối quặng tiền hương được. Nếu chúng ta cấy một lượng Nước của Sự sống lên trên một khối quặng tiền hương được, mẹ biết điều gì sẽ xảy ra không?”

Jessica nghiêng ngẫm lời chàng, rồi đột ngột nhận ra ý chàng. “Paul!” bà thốt không ra hơi.

“Nước của Cái chết,” chàng nói. “Nó sẽ là một phản ứng dây chuyền.” Chàng chỉ xuống sàn. “Rải cái chết ra giữa các Ngài tạo bé, giết chết một véc tơ chu kỳ sự sống bao gồm hương được và các Ngài tạo. Arrakis sẽ chỉ còn là chốn hoang tàn - không hương được, không Ngài tạo.”

Chani đặt một tay lên miệng, sững sờ đến không nói nên lời trước những lời báng bố tuôn ra từ miệng Paul.

“Kẻ nào có thể hủy diệt một vật thì mới thực sự làm chủ nó,” Paul nói. “Chúng ta có thể hủy diệt hương được.”

“Cái gì ngăn được bàn tay của Hiệp hội?” Jessica thì thầm.

“Họ đang truy lùng con,” Paul nói. “Hãy nghĩ đến điều đó! Những hoa tiêu tài giỏi nhất của Hiệp hội, những người có thể truy về phía trước xuyên qua thời gian đang tìm ra lộ trình an toàn nhất cho những Đại thương thuyền nhanh nhất, tất cả đều đang truy lùng con... và không thể tìm thấy con. Chúng run như cây sậy chưa kìa! Chúng biết con nắm giữ bí mật của chúng ở đây!” Paul chìa bàn tay đang khum lại ra. “Không có hương được thì chúng là kẻ đui mù.”

Chani đã thốt được nên lời. “Anh nói anh thấy được cái *bây giờ*?”

Paul nằm xuống, tìm kiếm cái *hiện tại* đang căng trải ra, những giới hạn của nó mở tận vào tương lai và tận vào quá khứ, chàng bám lấy ý thức một cách chặt vật bởi sự mặc khải nhờ hương được đã bắt đầu yếu đi.

“Làm như con đã ra lệnh đi,” chàng nói. “Tương lai đang trở nên rồi ren đối với Hiệp hội cũng như đối với con. Những tuyến thị kiến đang thu hẹp lại. Mọi vật đều tập trung vào đây, nơi có hương được... nơi trước đây bọn chúng chưa dám xâm phạm tới... bởi xâm phạm có nghĩa là đánh mất cái mà chúng phải có được. Nhưng giờ thì chúng cùng đường rồi. Mọi con đường đều dẫn vào bóng tối.”

Và đã đến cái ngày Arrakis nằm ở trục vũ trụ với bánh xe trong tư thế sẵn sàng xoay.

- trích “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

“Anh nhìn cái này xem!” Stilgar thì thầm.

Paul nằm cạnh ông trong một kẽ đá cao trên mép Tường Chấn, mắt dán vào bộ phận thu của một kính viễn vọng Fremen. Các thấu kính đều đang tập trung vào một chiếc xà lan tàu vũ trụ phôi mình dưới ánh bình minh trong vùng lòng chảo bên dưới họ. Mặt cao về phía Đông của con tàu lấp lánh dưới ánh mặt trời đơn điệu, nhưng ở mặt tối thì vẫn còn thấy rõ những ô cửa sổ màu vàng do ánh đèn cầu thấp ban đêm. Xa xa phía sau con tàu, thành phố Arrakeen giá lạnh, sáng lập lờ dưới ánh mặt trời phương Bắc.

Paul biết, cái làm cho Stilgar kinh ngạc chẳng phải con tàu kia mà chính là cái cấu trúc mà với nó chiếc xà lan chỉ là cột trung tâm. Một ngôi nhà tạm độc nhất làm bằng kim loại, cao nhiều tầng, vươn ra một chu vi có tới ngàn mét kể từ chân đế xà lan - một chiếc lều bao gồm nhiều phiến kim loại khớp vào nhau - nơi trú ngụ tạm thời cho năm quân đoàn Sardaukar và Hoàng thượng, Hoàng đế Padishah Shaddam Đệ Tứ.

Đang ngồi xổm bên trái Paul, Gurney Halleck nói: “Tôi đếm được có chín tầng. Chắc chỉ có một ít quân Sardaukar trong đó thôi.”

“Năm quân đoàn,” Paul nói.

“Trời sáng rồi,” Stilgar khẽ nói. “Chúng tôi không thích ngài để lộ mình ra như thế, Muad'Dib. Chúng ta quay về các tầng đá thôi.”

“Ta hoàn toàn bình an vô sự ở đây,” Paul nói.

“Cái tàu đó có nhiều vũ khí phóng đạn,” Gurney nói.

“Chúng tin rằng chúng ta được tấm chắn bảo vệ,” Paul nói. “Dù có nhìn thấy chúng ta thì chúng cũng sẽ không phung phí đạn bắn vào một bộ ba không thể xác định.”

Paul lia kính viễn vọng quan sát bức tường phía xa của vùng lòng chảo, thấy những vách đá lở rỗ, những vết đá trượt nơi ghi dấu biết bao nhiêu năm mồ binh lính của phụ thân chàng. Và trong khoảnh khắc chàng cảm nhận được cái phần số đích đáng của sự vật mà vong hồn những người đó hẳn sẽ nhìn xuống đầy khinh khi vào lúc này. Những pháo đài và thành phố Harkonnen ở phía bên kia các vùng đất có rào chắn cẩn mật đó hiện nằm trong tay người Fremen hoặc bị cắt đứt khỏi nguồn cội chúng như những cuống lá bị cắt lìa khỏi thân rồi để mặc cho tàn héo. Chỉ có lòng chảo này cùng thành phố nằm trong đó là vẫn thuộc về kẻ thù.

“Chúng có thể thử xuất kích bằng tàu chim,” Stilgar nói. “Nếu chúng thấy ta.”

“Cứ mặc chúng,” Paul nói. “Hôm nay chúng ta có tàu để mà đốt... và chúng ta biết bão đang đến.”

Giờ thì chàng lia kính viễn vọng về phía xa của bãi đáp tàu Arrakeen, về phía các tàu vũ trụ của Harkonnen đậu thành hàng ở đó, lá cờ của công ty CHOAM bay phấp phới nơi đỉnh cột cờ cắm trên mặt đất bên dưới chúng. Và chàng nghĩ tới nỗi tuyệt vọng đã buộc Hiệp hội phải cho phép hai nhóm này hạ cánh trong khi mọi nhóm khác đều được để dự phòng. Hiệp hội giống như một người đang dùng ngón chân chọc chọc vào cát nhằm đo nhiệt độ của nó trước khi dựng lều.

“Nhìn từ đây có thấy gì mới không?” Gurney hỏi. “Chúng ta nên vào chỗ có che chắn. Bão đang đến rồi.”

Paul lại hướng sự chú ý vào ngôi nhà tạm khổng lồ. “Chúng thậm chí mang cả đàn bà theo,” chàng nói. “Cả tôi tớ, kẻ hầu người hạ. Ái chà chà, Hoàng đế thân mến ơi, ngài mới tự tin làm sao.”

“Có những người đang lên đây bằng đường bí mật.” Stilgar nói. “Có lẽ

Otheym cùng Korba đang trở về.”

“Được rồi, Stil,” Paul nói. “Chúng ta quay lại thôi.”

Nhưng chàng nhìn quanh một lần cuối qua kính viễn vọng - quan sát kỹ vùng bình nguyên với những chiếc tàu cao, ngôi nhà tạm bằng kim loại lấp lánh, thành phố câm lặng, các tàu vũ trụ của lính đánh thuê cho Harkonnen. Rồi chàng nhẹ nhàng trượt về phía sau, vòng qua một dốc đá dựng đứng. Một vệ sĩ Fedaykin đứng thay vị trí của chàng ở chỗ kính viễn vọng.

Paul tiến vào một vùng trũng nông trên bề mặt Tường Chấn. Đó là một nơi đường kính khoảng ba mươi mét và sâu chừng ba mét, một hình thái tự nhiên của đá mà người Fremen đã che giấu bên dưới một tấm phủ ngụy trang trong suốt. Thiết bị liên lạc được tập trung quanh một lỗ trống trên bức vách bên phải. Các vệ sĩ Fedaykin dàn trận khắp chỗ trũng này, đợi lệnh tấn công của Muad'Dib.

Hai người nhô ra từ lỗ trống bên cạnh thiết bị liên lạc, nói chuyện với các vệ sĩ ở đó.

Paul liếc sang Stilgar, gật đầu về phía hai người kia. “Nhận báo cáo của họ đi, Stil.”

Stilgar tuân lệnh, đi về phía đó.

Paul khom mình tựa lưng vào đá, căng các cơ ra, thẳng người lên. Chàng thấy Stilgar cử hai người kia quay trở lại chỗ lỗ trống đen ngòm trên vách đá, nghĩ đến việc họ phải trèo cả một quãng dài theo đường hầm hẹp đào bằng tay thì mới xuống được nền lòng chảo.

Stilgar trở lại chỗ Paul.

“Có gì quan trọng đến nỗi họ không thể cho cielago đem thư về?” Paul hỏi.

“Họ để dành lũ chim đến khi vào trận,” Stilgar nói. Ông liếc sang thiết bị

liên lạc, rồi nhìn lại Paul. “Ngay cả với một tia hạn chế thì vẫn không nên dùng những thứ này, Muad’Dib ạ. Chúng có thể tìm ra chúng ta bằng cách xác định vị trí phát ra nó.”

“Chẳng bao lâu nữa chúng sẽ bận đến nỗi chẳng còn hơi đâu để tìm ta,” Paul nói. “Mấy người kia báo cáo gì?”

“Quân Sardaukar yêu quý của chúng ta đã được thả ra gần Đèo Cũ ở mạn thấp của mép đèo và hiện đang trên đường về với chủ. Các bộ phóng tên lửa và vũ khí bắn đạn khác đều đã vào vị trí. Quân ta đã được triển khai như Người ra lệnh. Tất cả là thủ tục thôi.”

Paul nhìn khắp vùng trũng nông hình lòng bát, quan sát kỹ đội quân của chàng dưới ánh sáng lọc qua lớp ngụy trang. Chàng cảm thấy thời gian như con côn trùng đang bò ngang qua một tảng đá phôi trần.

“Mấy gã Sardaukar ta thả ra đó sẽ phải đi bộ một đoạn rồi mới có thể gửi tín hiệu đến tàu chuyển quân,” Paul nói. “Chúng ta vẫn đang theo dõi chúng đấy chứ?”

“Chúng ta vẫn đang theo dõi chúng,” Stilgar nói.

Bên cạnh Paul, Gurney Halleck hắng giọng. “Chẳng phải tốt nhất là chúng ta nên tìm đến một chỗ an toàn sao?”

“Chẳng có nơi nào như vậy,” Paul nói. “Dự báo thời tiết vẫn thuận lợi chứ?”

“Một cơn bão thuộc hàng cố nội đang đến,” Stilgar nói. “Người không cảm nhận được nó sao, Muad’Dib?”

“Cảm nhận bằng không khí thì thật bấp bênh,” Paul tán thành. “Nhưng ta thích dự báo bằng cách nhìn các cột cảm trên cát cho chắc chắn.”

“Bão sẽ đến đây trong một giờ tới,” Stilgar nói. Ông gật đầu về phía khe hở nhìn ra ngôi nhà tạm của Hoàng đế và dãy tàu vũ trụ của nhà Harkonnen. “Chúng cũng biết là sắp bão. Không còn chiếc tàu chim nào

trên trời. Mọi thứ đều được kéo vào, buộc chặt. Chúng nhận được báo cáo thời tiết do bạn bè ngoài không gian gửi tới.”

“Có thêm chuyển xuất kích thăm dò nào không?” Paul hỏi.

“Chẳng có thêm chuyển nào từ đêm hôm qua,” Stilgar nói. “Bọn chúng biết chúng ta ở đây. Tôi nghĩ lúc này bọn chúng chờ đợi để lựa chọn thời điểm hành động.”

“Chính chúng ta lựa chọn thời điểm,” Paul nói.

Gurney liếc lên phía trên, lầm bầm: “Nếu *bọn chúng* để chúng ta lựa chọn.”

“Đội tàu bay đó sẽ ở lại trong không gian,” Paul nói.

Gurney lắc đầu.

“Bọn chúng không thể lựa chọn gì hết,” Paul nói. “Chúng ta có thể phá hủy hương được. Hiệp hội không dám mạo hiểm đến thế đâu.”

“Những kẻ tuyệt vọng là những kẻ nguy hiểm nhất,” Gurney nói.

“Chúng ta chẳng không tuyệt vọng hay sao?” Stilgar hỏi.

Gurney quắc mắt nhìn ông giận dữ.

“Ông chưa sống với giấc mơ Freemen,” Paul cảnh báo. “Stil đang nghĩ về tất cả số lượng nước mà chúng ta đã dành dụm làm cửa đứt lót, những năm tháng chờ đợi mà chúng ta thêm vào trước khi Arrakis có thể nở hoa. Ông ấy không...”

“Hừm,” Gurney cau có.

“Tại sao ông ấy lại u sầu đến thế?” Stilgar hỏi.

“Ông ấy luôn u sầu trước một trận chiến,” Paul nói. “Đó là hình thức hài

hước duy nhất mà Gurney cho phép mình thể hiện.”

Gurney chậm chậm nở nụ cười toe toét như chó sói, bộ răng sáng trắng bên trên chiếc chén con của bộ sa phục. “Tôi thật u sầu khi nghĩ đến tất cả bọn Harkonnen khốn khổ mà chúng ta sẽ kết liễu nhanh chóng không để cho kịp xưng tội,” ông nói.

Stilgar tủm tỉm cười. “Ông ta nói giống như một Fedaykin vậy.”

“Gurney sinh ra đã là một lính đặc công gieo rắc cái chết,” Paul nói. Và chàng nghĩ: *Đúng vậy, cứ để cuộc trò chuyện vật vãnh choán đầy tâm trí họ trước khi chúng ta thử thách chính mình chống lại lực lượng đó trên vùng bình nguyên này.* Chàng nhìn về phía lỗ hổng trên bức tường đá rồi quay lại nhìn Gurney, nhận thấy người chiến binh hát rong đã lại tiếp tục cau mày ủ ê.

“Lo lắng làm hao mòn sức mạnh,” Paul thì thầm. “Thầy đã một lần nói với ta như vậy, Gurney ạ.”

“Công tước của tôi,” Gurney nói, “nỗi lo lắng chính của tôi là nguyên tử. Nếu Người dùng chúng để làm nổ tung một cái hang trong Tường Chấn...”

“Bọn người trên đó sẽ không dùng vũ khí nguyên tử chống lại chúng ta,” Paul nói. “Bọn chúng không dám... và cũng vì lý do đó chúng không thể lĩnh lĩnh để chúng ta phá hủy nguồn hương được.”

“Nhưng lệnh của tòa cấm...”

“Lệnh của tòa!” Paul quát lên. “Các Gia tộc không dám phóng vũ khí nguyên tử chống lại nhau chẳng phải do lệnh của tòa mà là do họ sợ. Ngôn ngữ của Đại Hiệp định là rất rõ ràng: ‘Dùng vũ khí nguyên tử chống lại con người sẽ là nguyên nhân phá hủy hành tinh.’ Chúng ta cho nổ tung Tường Chấn, chứ không phải con người.”

“Đó là một điểm quá hay,” Gurney nói.

“Những người ưa chẻ sợi tóc làm tư ở trên kia thì điếm nào họ cũng hoan nghênh,” Paul nói. “Không cần nói thêm gì về chuyện đó nữa.”

Chàng quay đi, thầm ước mình thực sự cảm thấy tự tin như thế. Ngay sau đó chàng nói: “Thế còn những người thành thị thì sao? Họ đã vào vị trí chưa?”

“Rồi,” Stilgar nói khẽ.

Paul nhìn ông. “Cái gì đang làm ông lo ngay ngáy vậy?”

“Tôi chưa bao giờ biết là có thể tin tưởng hoàn toàn vào người thành thị,” Stilgar nói.

“Trước kia chính tôi cũng là người thành thị,” Paul nói.

Stilgar thẳng người lên. Gương mặt ông ta sạm lại màu máu. “Muad’Dib biết là tôi không có ý...”

“Tôi biết ông có ý gì, Stil. Nhưng thử thách đối với một con người không nằm ở chỗ ông nghĩ anh ta sẽ làm gì. Thử thách là ở chỗ anh ta thực sự làm gì. Những dân thành thị đó có dòng máu Fremen. Chỉ có điều họ vẫn chưa học được cách thoát khỏi cảnh nô lệ. Chúng ta sẽ dạy họ.”

Stilgar gật đầu, nói giọng buồn bã: “Những thói quen của đời người, Muad’Dib ạ. Trên Bình nguyên Tang chế đó chúng ta đã học được cách xem thường bọn người sống trong những cộng đồng.”

Paul liếc Gurney, thấy ông đang quan sát Stilgar. “Này Gurney, hãy cho chúng tôi biết tại sao đám dân thành thị dưới kia bị bọn Sardaukar đánh đuổi ra khỏi nhà?”

“Một mảnh lời xưa cũ, thưa Công tước. Bọn chúng nghĩ sẽ chất thêm gánh nặng cho chúng ta bằng đám dân tị nạn này.”

“Cái thời quân du kích hành động có hiệu quả đã qua quá lâu đến nỗi

những kẻ quyền thế đã quên mất phải đánh nhau với họ như thế nào,” Paul nói. “Bọn Sardaukar làm vậy chỉ có lợi cho chúng ta thôi. Chúng vô lấy vài người đàn bà thành phố làm trò giải trí, trang hoàng cờ trận bằng đầu của những người đàn ông chống lại chúng. Và bọn chúng gây nên cơn sốt căm hờn ở đám dân mà nếu không vì những chuyện đó thì họ đã chỉ coi cuộc chiến sắp tới này không hơn gì một mối phiền phức lớn... không hơn gì việc đổi chủ nhân này lấy chủ nhân kia. Bọn Sardaukar đang tuyển quân cho chúng ta, Stilgar ạ.”

“Đám dân thành thị có vẻ hăm hở,” Stilgar nói.

“Lòng căm hờn của họ còn sôi sục và thật rõ ràng,” Paul nói. “Đó là lý do chúng ta dùng họ làm quân xung kích.”

“Sự tàn sát họ gây ra sẽ cực kỳ đáng sợ,” Gurney nói.

Stilgar gật đầu đồng ý.

“Họ đã nghe nói về tỉ lệ cược,” Paul nói. “Họ biết cứ mỗi tên Sardaukar họ giết được thì bên ta sẽ bớt một kẻ thù. Các vị biết đấy, thưa các vị, họ có một điều gì đó để hy sinh vì nó. Họ vừa nhận ra họ là một dân tộc. Họ đang thức tỉnh.”

Người quan sát kính viễn vọng khẽ reo lên. Paul đi về phía khe nứt hỏi: “Có gì ngoài đó vậy?”

“Có sự rung chuyển dữ dội, thưa Muad'Dib,” người quan sát thì thầm. “Tại căn lều kim loại khổng lồ đó. Một chiếc xe xuất hiện từ phía Tây Trường Rìa, giống một con chim ưng tiến vào tổ gà gô đá.”

“Lính Sardaukar bị ta giam giữ đã đến,” Paul nói.

“Bây giờ chúng có một tấm chắn vây quanh toàn bộ sân đáp,” người quan sát nói. “Tôi có thể thấy bầu không khí đang nhảy múa thậm chí tới tận mép kho dự trữ nơi chúng cất hương dược.”

“Giờ thì chúng đã biết chúng đang đánh nhau với ai,” Gurney nói. “Hãy để

chính lũ Harkonnen tàn bạo phải run sợ bất an vì có một người nhà Atreides vẫn còn sống!”

Paul nói với binh sĩ Fedaykin ở chỗ kính viễn vọng. “Quan sát cột cờ ở đỉnh tàu của Hoàng đế. Nếu cờ của ta được giương lên ở đó...”

“Sẽ không có chuyện đó đâu,” Gurney nói.

Paul nhìn nét cau mày bối rối trên gương mặt Stilgar rồi nói: “Nếu Hoàng đế công nhận yêu sách của ta, ông ấy sẽ ra hiệu bằng cách phục hồi lá cờ Atreides cho Arrakis. Sau đó chúng ta sẽ thực hiện kế hoạch thứ hai, chỉ hành động chống lại bọn Harkonnen. Lính Sardaukar sẽ đứng sang một bên và để chúng ta tự dàn xếp vấn đề.”

“Tôi không có kinh nghiệm về những chuyện của thế giới bên ngoài,” Stilgar nói. “Tôi có nghe về chúng, nhưng dường như khó mà...”

“Ông không cần có kinh nghiệm thì mới biết họ sẽ làm gì,” Gurney nói.

“Họ đang giương một lá cờ mới trên con tàu cao,” người quan sát nói. “Lá cờ màu vàng... có một vòng tròn đỏ và đen ở trung tâm.”

“Đó là một động thái làm ăn khôn khéo,” Paul nói. “Cờ công ty CHOAM.”

“Nó giống lá cờ ở những con tàu khác,” vệ sĩ Fedaykin nói.

“Tôi không hiểu,” Stilgar nói.

“Quả là một động thái làm ăn khôn khéo,” Gurney nói. “Nếu ông ta giương ngọn cờ Atreides, ông ta sẽ phải làm theo đúng ý nghĩa của hành động đó. Có quá nhiều người theo dõi chuyện này. Ông ta cũng có thể ra hiệu bằng cờ Harkonnen trên cọc tiêu, nhưng làm vậy khác nào một lời tuyên bố quá rõ ràng. Nhưng, không - ông ta giương cờ CHOAM. Ông ta đang nói với những người trên đó...” Gurney chỉ vào khoảng không, “... rằng lợi nhuận nằm ở đâu. Ông ta đang nói ông ta không quan tâm liệu có tên Atreides nào ở đây hay không.”

“Còn bao lâu nữa thì cơn bão đánh vào Tường Chấn?” Paul hỏi.

Stilgar quay ra, trao đổi với một trong những lính Fedaykin gác ở chỗ trưng hình chiếc bát. Ngay sau đó, ông quay lại nói: “Sắp rồi, Muad'Dib ạ. Sớm hơn chúng ta nghĩ. Một cơn bão thuộc hàng cố nội... thậm chí có thể lớn hơn Người mong đợi.”

“Nó là cơn bão của ta,” Paul nói, và nhìn thấy nỗi kính sợ câm lặng trên những gương mặt Fedaykin đang lắng nghe chàng nói. “Dù có làm cả thế giới kinh hoàng thì nó vẫn không thể lớn hơn ta mong đợi. Nó sẽ đánh trực tiếp vào Tường Chấn chứ?”

“Nó tới rất gần nên không thể chệch hướng được,” Stilgar nói.

Từ cửa hầm dẫn xuống vùng lòng chảo, một người đưa tin băng tới, nói: “Đội tuần tra Sardaukar và Harkonnen đang kéo về phía sau, thưa Muad'Dib.”

“Chúng sợ cơn bão sẽ làm quá nhiều cát tràn vào vùng lòng chảo khiến tầm nhìn giảm,” Stilgar nói. “Chúng nghĩ chúng ta sẽ ở trong cùng tình thế khó khăn như chúng.”

“Hãy bảo pháo thủ của ta bố trí những vị trí quan sát tốt trước khi tầm nhìn giảm,” Paul nói. “Bọn họ phải nhanh chóng bắn vỡ mũi từng chiếc tàu một ngay khi cơn bão phá hủy những tấm chắn.” Chàng bước về phía vách căn hầm hình bát, vệt một nếp gấp của nắp đậy ngụy trang ra rồi nhìn lên bầu trời. Có thể nhìn thấy cát bay về thành những vòng xoắn hình đuôi ngựa nổi bật trên nền trời tối om. Paul đặt nắp đậy vào chỗ cũ rồi nói: “Bắt đầu phái người của chúng ta xuống đi, Stil.”

“Người không đi cùng chúng tôi sao?” Stilgar hỏi.

“Ta sẽ đợi ở đây một lúc với lính Fedaykin,” Paul nói.

Stilgar nhún vai về phía Gurney ra vẻ hiểu ý, đi về phía cửa hang trong bức tường đá, biến vào bóng tối.

“Cú bắn phá hủy một bên Tường Chấn, ta giao cho thầy, Gurney,” Paul nói. “Thầy sẽ làm chứ?”

“Tôi sẽ làm.”

Paul ra hiệu cho một phụ tá Fedaykin, nói: “Otheym, bắt đầu chuyển các đội tuần tra ra khỏi vùng bị tàn phá đi. Họ phải ra khỏi đó trước khi cơn bão đánh vào.”

Viên phụ tá cúi chào, đi theo Stilgar.

Gurney tì vào khe đá nứt, nói với người đứng ở chỗ kính viễn vọng: “Cứ tiếp tục quan sát bức tường phía Nam. Nó sẽ hoàn toàn không được bảo vệ cho tới khi chúng ta cho nó nổ tung.”

“Hãy gửi một con dơi mang theo tín hiệu thời gian,” Paul ra lệnh.

“Vài chiếc xe đi trên mặt đất đang tiến về bức tường phía Nam,” tay thuộc hạ đứng ở chỗ kính viễn vọng nói. “Một số đang sử dụng vũ khí phóng đạn, đang thử vũ khí. Người của chúng ta đang dùng tấm chắn hộ thân như ngài ra lệnh. Những chiếc xe đi trên mặt đất vừa dừng lại.”

Trong im lặng đột ngột, Paul lắng nghe những con quỷ gió nô đùa phía trên đầu - mặt trước của cơn bão. Cát bắt đầu giạt xuống căn hầm hình bát xuyên qua những kẽ hở ở nắp hầm. Một cơn gió đột ngột xô tới quật xuống nắp hầm, giạt nó tung ra.

Paul ra hiệu cho đội Fedaykin tìm chỗ ẩn náu, đi đến chỗ đám thuộc hạ đứng ở nơi đặt thiết bị truyền thông gần miệng hầm. Gurney đứng cạnh chàng. Paul khom người phía trên những người đánh tín hiệu.

Một người nói: “Một cơn bão cố cố nội, thưa Muad'Dib.”

Paul nhìn lên bầu trời tối đen rồi nói: “Gurney, cho những người quan sát bức tường phía Nam rút đi.” Chàng phải nhắc lại mệnh lệnh, quát to át tiếng cơn bão đang lớn dần.

Gurney tuân lệnh quay đi.

Paul cài chặt bộ lọc trên mặt, thắt chặt chiếc mũ sa phục.

Gurney quay lại.

Paul chạm vào vai ông, chỉ về phía cò súng đặt trong miệng hầm phía bên kia nhóm người đánh tín hiệu. Gurney đi vào hầm, dừng lại ở đó, một tay đặt lên cò súng, nhìn Paul chăm chăm.

“Chúng ta không nhận được tin gì,” người đánh tín hiệu bên cạnh Paul nói. “Khí quyển rất nhiễu loạn.”

Paul gật đầu, mắt gắn chặt vào bộ phim thời gian chuẩn ở phía trước người đánh tín hiệu. Ngay sau đó, Paul nhìn Gurney rồi giơ tay lên, chuyển sự chú ý vào bộ phim. Bộ đếm thời gian chậm chạp nhích quanh vòng tròn cuối cùng.

“Bắn!” Paul hét lên rồi thả tay xuống.

Gurney bóp cò.

Dường như có một giây trơ trọi trôi qua trước khi họ cảm thấy đất dưới chân mình khẽ lay động, sau đó thì rung lên dữ dội. Một tiếng động ầm ầm hòa vào tiếng gầm rú của cơn bão.

Người quan sát Fedaykin từ chỗ kính viễn vọng xuất hiện bên cạnh Paul, kính viễn vọng kẹp dưới cánh tay. “Trường Chấn bị bắn trúng rồi, thưa Muad'Dib!” anh ta hét lên. “Cơn bão đang ở bên trên chúng và pháo thủ của ta đã nổ súng rồi.”

Paul nghĩ về cơn bão đang quét qua vùng lòng chảo, điện tích tĩnh trong bức tường cát đã phá hủy mọi hàng rào chắn trong trại quân thù.

“Bão!” người nào đó hét lên. “Chúng ta phải núp dưới nắp hầm thôi, Muad'Dib!”

Paul cảm nhận trở lại bằng giác quan, cảm thấy cát như những mũi kim châm vào hai bên má phôi trăn. *Chúng ta thật tận tâm*, chàng nghĩ. Chàng khoác một tay vòng qua vai người đánh tín hiệu rồi nói: “Cứ để thiết bị lại! Trong hầm còn nhiều hơn.” Chàng cảm thấy mình bị đẩy ra xa, quân Fedaykin siết chặt xung quanh để bảo vệ chàng. Họ len vào miệng hầm, cảm thấy sự tĩnh lặng tương đối của nó, rẽ qua một góc để vào một phòng nhỏ có những ngọn đèn cầu trên đầu và một đường hầm khác mở ra ngoài.

Có một người đánh tín hiệu khác ngồi ở đó bên thiết bị.

“Khí quyển nhiều loạn quá,” anh ta nói.

Một xoáy cát tràn vào bầu không khí xung quanh họ.

“Bịt kín đường hầm lại!” Paul hét lên. Sức ép đột ngột của sự tĩnh lặng cho thấy mệnh lệnh của chàng đã được thi hành. “Đường dẫn xuống vùng lòng chảo vẫn thông chứ?” Paul hỏi.

Một Fedaykin đi ra quan sát rồi quay lại nói: “Vụ nổ khiến một khối đá nhỏ rơi xuống, nhưng đội kỹ thuật nói nó vẫn thông. Họ đang dọn đường bằng chùm laze.”

“Bảo họ dừng tay đi!” Paul quát lên. “Dưới đó có tấm chắn đang hoạt động đấy.”

“Họ đang làm việc rất cẩn thận, thưa Muad’Dib,” tay thuộc hạ nói, nhưng anh ta tuân lệnh quay ra.

Đội đánh tín hiệu ở phía ngoài đang hối hả băng qua họ mang theo thiết bị.

“Ta đã bảo những người đó bỏ thiết bị lại mà!” Paul nói.

“Người Fremen không muốn bỏ lại thiết bị, thưa Muad’Dib,” một người trong đội Fedaykin nhắc nhở chàng.

“Lúc này con người quan trọng hơn thiết bị,” Paul nói. “Hoặc chúng ta sẽ có quá nhiều thiết bị dùng không xuể, hoặc sẽ không còn cần tới thiết bị nào nữa cả.”

Gurney Halleck tiến đến cạnh chàng nói: “Tôi nghe họ nói đường dưới đó thông rồi. Chúng ta ở rất gần bề mặt, thưa Tướng công, bọn Harkonnen sẽ cố gắng ăn miếng trả miếng.”

“Cái thế của bọn chúng bây giờ thì không thể trả miếng được,” Paul nói. “Bây giờ chúng mới nhận ra rằng chúng không có tấm chắn và không thể thoát khỏi Arrakis.”

“Dù vậy sở chỉ huy mới cũng sẵn sàng rồi, thưa Tướng công,” Gurney nói.

“Họ vẫn chưa cần ta có mặt trong cái sở chỉ huy đó,” Paul nói. “Không có ta thì kế hoạch vẫn tiến hành. Chúng ta phải đợi...”

“Tôi nhận được một tin nhắn, thưa Muad'Dib,” người đánh tín hiệu ở chỗ thiết bị truyền thông nói. Anh ta lắc đầu, ép chặt ống nghe vào tai. “Nhiều quá!” Anh ta bắt đầu viết nguệch ngoạc lên một tờ giấy đặt trước mặt, lắc đầu chờ đợi, viết... chờ đợi.

Paul bước tới chỗ người đánh tín hiệu. Đội Fedaykin lùi lại, nhường chỗ cho chàng. Chàng nhìn xuống những gì tay thuộc hạ đã viết, đọc lên:

“Cuộc đột kích... tại Sietch Tabr... bắt giữ... Alia (để trống) những gia đình của (để trống) người chết là... họ (để trống) con trai của Muad'Dib...”

Lại một lần nữa, người đánh tín hiệu lắc đầu.

Paul ngước lên thấy Gurney nhìn mình chằm chằm.

“Tin bị cắt,” Gurney nói. “Nhiều khí quyển. Người không biết rằng...”

“Con trai ta chết rồi,” Paul nói, và ngay khi nói, chàng biết đó là sự thật. “Con trai ta chết rồi... và Alia bị bắt... làm con tin.” Chàng cảm thấy trống rỗng, một cái vỏ không cảm xúc. Mọi thứ chàng chạm vào đều mang lại chết chóc tang thương. Và nó giống như một căn bệnh có thể lan tràn khắp vũ trụ.

Chàng có thể cảm thấy sự thông thái như của ông già, sự tích lũy qua kinh nghiệm từ vô số những cuộc đời chàng có thể sống qua. Có cái gì đó như đang cười lặng lẽ và xoa hai tay bên trong chàng.

Và Paul nghĩ: *Vũ trụ này biết về bản chất của sự hung ác đích thực mới ít ỏi làm sao!*

Và Muad'Dib đứng trước họ, rồi Người nói: “Dù chúng ta cho rằng đứa bé bị bắt đã chết, nó vẫn còn sống. Bởi hạt giống của nó là hạt giống của ta và giọng nói của nó là giọng nói của ta. Và nó nhìn thấu những tâm xa nhất của những điều có thể. Đúng thế, nó nhìn thấu tới thung lũng của điều không thể biết, bởi vì ta.”

- trích “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

Nam tước Vladimir Harkonnen cụp mắt xuống đứng trong phòng yết kiến của Hoàng gia, căn phòng nam giới hình ô van trong trại của Hoàng đế Padishah. Bằng những cái liếc vụng trộm, Nam tước quan sát căn phòng có tường kim loại và những người tụ tập trong đó - các noukker, các thị đồng, vệ sĩ, quân Sardaukar đứng thành hàng quanh các bức tường trong tư thế nghỉ, bên dưới những lá cờ trận tả tơi đầm máu đoạt được của đối phương, thứ trang hoàng duy nhất cho căn phòng.

Những giọng nói vang ra từ bên phải căn phòng, dội lại từ một hành lang có trần cao: “Đẹp đường! Đẹp đường cho Người của Hoàng gia!”

Hoàng đế Padishah Shaddam IV từ hành lang tiến vào phòng yết kiến, theo sau là đoàn tùy tùng. Ông đứng đợi trong lúc ngai vàng của ông được mang tới, phớt lờ Nam tước, dường như cũng phớt lờ bất cứ ai khác trong phòng.

Nam tước nhận thấy ông không thể phớt lờ Người Của Hoàng gia, và quan sát Hoàng đế xem có dấu hiệu gì, có manh mối nào cho thấy mục đích của cuộc tiếp kiến này không. Hoàng đế đứng đĩnh đạc, chờ đợi - một dáng người mảnh khảnh tao nhã vận trang phục Sardaukar màu xám có đồ trang trí bằng vàng và bạc. Khuôn mặt mỏng và đôi mắt lạnh lẽo của ông nhắc Nam tước nhớ về Công tước Leto đã chết từ lâu. Có cùng một cái nhìn như của loài chim ăn thịt. Nhưng tóc Hoàng đế màu đỏ, không phải màu đen, và gần như cả bộ tóc đó được giấu trong chiếc mũ sắt đen sì của một vị Burség, trên chóp mũ có huy hiệu Đế quốc bằng vàng.

Các thị đồng khiêng ngai vàng tới. Đó là một chiếc ghế đồ sộ tạc từ một tảng thạch anh Hagal nguyên khối, ánh trong mờ màu xanh da trời lẫn xanh lá cây có xen những đường sọc vàng như lửa. Họ đặt nó lên bục và Hoàng đế trèo lên, ngồi xuống ghế.

Một bà lão mặc áo choàng aba đen, mũ trùm kéo sụp xuống trán, tách ra khỏi đám tùy tùng của Hoàng đế, chiếm một chỗ đằng sau ngai vàng, một bàn tay gầy nhằng đặt trên lưng ghế thạch anh. Khuôn mặt mù ló ra ngoài mũ trùm đầu trông như một bức biếm họa chân dung phù thủy - gò má hóp, mắt trũng sâu, mũi dài quá khổ, làn da lốm đốm có những đường gân nổi hẳn ra ngoài.

Nam tước nén nỗi run sợ trước cái nhìn của mẹ. Sự có mặt của Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam, Người Nói Sự thật của Hoàng đế, cho thấy tầm quan trọng của cuộc tiếp kiến này. Nam tước quay đi không nhìn mẹ ta, quan sát đám tùy tùng để tìm manh mối. Có hai mặt vụ của Hiệp hội, một người cao và béo, người kia thấp và béo, cả hai đều có đôi mắt xám lịch thiệp. Và ở giữa đám hầu cận là một trong những người con gái của Hoàng đế, Công chúa Irulan, người ta nói cô là người được huấn luyện theo phương pháp Bene Gesserit thâm sâu nhất, người mà số phận đã an bài là sẽ trở thành một Mẹ Chí tôn. Cô cao ráo, tóc vàng, mặt đẹp như tạc, đôi mắt xanh lục như nhìn thấu và xuyên qua ngài.

“Nam tước yêu quý của ta.”

Hoàng đế đã hạ cố chú ý đến ngài. Người nói giọng nam trung và có sự điều khiển cực kỳ tinh tế trong giọng nói. Dù vẫn đang chào hỏi ngài nhưng giọng nói đó như muốn nói ngài chẳng là cái gì và không đáng được Hoàng đế lưu tâm tới.

Nam tước cúi thấp người, tiến đến vị trí yêu cầu cách ngai vàng mười bước. “Thần đến theo lệnh triệu tập của người, thưa Bệ hạ.”

“Lệnh triệu tập!” mẹ phù thủy già cười khúc khích.

“Thôi nào, Mẹ Chí tôn,” Hoàng đế khiển trách, nhưng Người mỉm cười

trước vẻ lúng túng của Nam tước, rồi nói: “Đầu tiên, hãy nói cho ta biết ông vừa phái thuộc hạ của ông đi đâu, tay Thufir Hawat ấy.”

Nam tước phóng cái nhìn chăm chăm sang trái rồi sang phải, tự sỉ vả vì đã đến đây mà không mang theo đội cận vệ của mình, dù bọn chúng chẳng hữu dụng cho lắm trong việc chống lại quân Sardaukar. Tuy nhiên...

“Thế nào?” Hoàng đế hỏi.

“Ông ta được phái đi năm ngày nay rồi, tâu Bệ hạ.” Nam tước liếc về phía hai mật vụ Hiệp hội, rồi quay lại phía Hoàng đế. “Ông ta phải ghé vào một căn cứ buôn lậu và cố thử thâm nhập vào trại của tên cuồng tín Fremen đó, tay Muad'Dib.”

“Không thể tin được!” Hoàng đế nói.

Một bàn tay giống như vuốt chim của mụ phù thủy đập nhẹ vào vai Hoàng đế. Bà ta cúi người về phía trước, thì thầm vào tai vua.

Hoàng đế gật đầu rồi nói: “Năm ngày, Nam tước. Hãy nói cho ta nghe, tại sao ông không lo lắng về sự vắng mặt của ông ta?”

“Nhưng thần có lo lắng đấy chứ, thưa Bệ hạ!”

Hoàng đế vẫn nhìn Nam tước chăm chăm, chờ đợi. Mẹ Chí tôn cười khúc khích.

“Ý thần là, thưa Bệ hạ,” Nam tước nói, “là dù thế nào thì vài giờ nữa tay Hawat đó cũng sẽ chết.” Và ngài giải thích về chất độc tiềm tàng trong cơ thể Hawat, rằng Hawat luôn cần thuốc giải độc.

“Ông thật thông minh, Nam tước ạ,” Hoàng đế nói. “Hai đứa cháu của ông ở đâu rồi, Rabban và thằng em Feyd-Rautha?”

“Bão đến rồi, thưa Bệ hạ. Thần phái chúng đi xem xét kỹ vành đai của chúng ta, phòng trường hợp bọn Fremen tấn công dưới vỏ bọc cát.”

“Vành đai,” Hoàng đế nói. Từ đó phát ra như thể nó làm cho miệng Người rúm ró lại. “Cơ bản đó sẽ không ảnh hưởng nhiều lắm ở đây trong vùng lòng chảo này, và bọn Fremen thấp hèn đó sẽ không tấn công trong lúc ta đang ở đây với năm quân đoàn Sardaukar.”

“Không chắc đâu, thưa Bệ hạ,” Nam tước nói. “Nhưng người ta không thể chỉ vì quá cần trọng mà bị phê bình.”

“Chà chà,” Hoàng đế nói. “Phê bình. Thế thì ta không thể nói về việc ta đã phải tốn bao nhiêu thời gian cho cái chuyện ngu dại này trên Arrakis ư? Và ta cũng không thể nói về những nguồn lợi nhuận của công ty CHOAM đổ xuống cái hang chuột này ư? Không thể nói về những lễ trọng của triều đình và những chuyện quốc gia đại sự mà ta phải trì hoãn - thậm chí phải hủy bỏ - vì cái chuyện xuẩn ngốc này ư?”

Nam tước hạ ánh mắt xuống, hoảng sợ trước sự giận dữ của Hoàng đế. Ngài cảm thấy khó chịu trước vị thế mong manh của ngài ở đây, đơn độc, lệ thuộc vào Hiệp định và lời tuyên bố chính thức của các Đại Gia tộc. *Liệu ông ta có ý giết ta không?* Nam tước tự hỏi. *Ông ta không thể! Không thể giết ta trong khi các Đại Gia tộc khác đang đợi trên đó, khao khát tùm được bất kỳ lý do gì để kiếm lợi từ vụ lộn xộn trên Arrakis này.*

“Ông có bắt giữ con tin không?” Hoàng đế hỏi.

“Vô ích thôi, thưa Bệ hạ,” Nam tước nói. “Bọn Fremen điên rồ này tổ chức nghi lễ chôn cất dành cho mỗi kẻ bị bắt làm con tin, chúng hành động như thể người này đã chết rồi.”

“Vậy sao?” Hoàng đế nói.

Và Nam tước chờ đợi, liếc sang trái, sang phải, vào những bức tường kim loại của căn phòng, nghĩ về căn lầu kim loại hình quạt khổng lồ bao quanh ngài. Nó phơi bày một sự giàu sang vô hạn mà ngay cả Nam tước cũng phải kính sợ. *Ông ta mang theo thị đồng,* Nam tước nghĩ, *và bọn đầy tớ vô tích sự trong cung, những người đàn bà của ông ta và bọn bám váy họ - thợ cắt tóc, nhà thiết kế, đủ thứ... tất cả bọn ăn bám châu rìa trong*

Cung điện. Tất cả đều ở đây - nịnh hót, bày mưu tính kế quỵ quyệt, “sống cho qua ngày đoạ tháng” với Hoàng đế... tới đây để xem ông ta đặt dấu chấm hết cho vụ này, để phun ra những lời dĩ dỏm về các trận đánh và tôn sùng những kẻ bị thương.

“Có thể ông chưa bao giờ tìm kiếm loại con tin thích hợp,” Hoàng đế nói.

Ông ta biết điều gì đó, Nam tước nghĩ. Nỗi sợ hãi như một tảng đá nằm trong dạ dày ngài cho đến khi ngài khó lòng chịu nổi cái ý nghĩ về ăn uống. Dù vậy, cảm giác đó giống như cơn đói, và đã vài lần ngài lấy tư thế trong bộ dây treo như thể sắp sửa ra lệnh mang thức ăn đến cho ngài. Nhưng ở đây chẳng có ai làm theo mệnh lệnh của ngài.

“Ông có ý tưởng gì về việc vị Muad’Dib này là ai không?” Hoàng đế hỏi.

“Chắc chắn là một tên trong Umma,” Nam tước nói. “Một tên Fremen cuồng tín, một kẻ bịp bợm mộ đạo. Bệ hạ biết điều đó mà.”

Hoàng đế liếc Người Nói Sự thật rồi quay lại nhìn Nam tước giận dữ. “Ông không biết gì khác về vị Muad’Dib này sao?”

“Một gã điên,” Nam tước nói. “Nhưng tất cả bọn Fremen đều có chút điên.”

“Điên ư?”

“Người của hãn hô vang tên hãn khi lao vào trận đánh. Đám đàn bà ném lũ con của họ vào chúng thần và tự lao vào lưỡi dao của chúng thần để mở đường cho bọn đàn ông tấn công chúng thần. Họ không có... không có... phép tắc văn minh!”

“Tệ đến thế kia à,” Hoàng đế lẩm bẩm, và Nam tước nhận ra giọng điệu chế nhạo của Người. “Hãy nói cho ta nghe, Nam tước yêu quý, ông có kiểm tra kỹ những vùng cực Nam Arrakis không?”

Nam tước trân trối nhìn Hoàng đế, choáng váng bởi sự thay đổi chủ đề quá nhanh này. “Nhưng..., người biết đấy, thưa Bệ hạ, toàn bộ vùng đó

không thể ở được, chỉ để ngỏ cho gió và sâu cát. Thậm chí cũng chẳng có chút hương được nào trong vùng đó.”

“Ông không nhận được báo cáo nào từ bọn săn lùng hương được nói rằng ở đó có những đám cây cỏ, phải không?”

“Luôn có những bản báo cáo nói thế. Một vài bản được điều tra - từ rất lâu rồi. Người ta có thấy ít cây cối. Nhiều tàu chim bị mất tích. Rất hao tiền tốn của, thưa Bệ hạ. Đó là nơi mà con người không thể sống sót lâu dài.”

“Ra vậy,” Hoàng đế nói. Người bật ngón tay và cánh cửa bên trái đằng sau ngai vàng liền mở ra. Hai tên Sardaukar bước qua cánh cửa, lôi theo một bé gái chừng bốn tuổi. Đứa bé mặc áo aba đen, mũ trùm lật ra đằng sau để lộ những phụ kiện của bộ sa phục treo lơ lửng bên cổ. Mắt nó xanh như mắt người Fremen, từ khuôn mặt tròn, dịu dàng nhìn đắm đắm ra phía trước. Đứa bé dường như không hề sợ sệt, và cái nhìn đắm đắm của nó làm Nam tước cảm thấy bứt rứt mà không giải thích được tại sao.

Ngay cả Người Nói Sự thật Bene Gesserit cũng lùi lại khi đứa bé đi qua và phác một cử chỉ như muốn chống đỡ về phía nó. Rõ ràng mụ phù thủy già rung động vì sự có mặt của đứa bé.

Hoàng đế hắng giọng định nói, nhưng đứa trẻ đã lên tiếng trước - giọng nói nhỏ, còn chút ngọng nghịu do vòm miệng còn mềm, tuy nhiên vẫn rõ ràng. “VẬY ra ông ta đây,” nó nói. Đứa bé tiến đến mép bục. “Ông ta trông chẳng oách gì lắm, phải không, chỉ là một lão già béo ị đang khiếp vía, yếu xìu không mang nổi cái thân lão nếu không có bộ dây treo giúp đỡ.”

Một phát ngôn hoàn toàn bất ngờ đến thế phát ra từ miệng một đứa trẻ khiến Nam tước trừng trừng nhìn nó, không thốt nên lời mặc dù đang giận dữ. *Nó là người lùn chăng?* ngài tự hỏi.

“Nam tước thân mến,” Hoàng đế nói, “hãy làm quen với em gái của Muad'Dib.”

“Em gái...”, Nam tước chuyển sự chú ý sang Hoàng đế. “Thần không

hiếu.”

“Ngay cả ta đôi khi cũng cẩn thận quá đáng,” Hoàng đế nói. “Người ta đã báo với ta rằng những vùng cực Nam *không có người ở* nhưng lại phô ra bằng chứng về hoạt động của con người.”

“Không thể có chuyện đó!” Nam tước phản đối. “Lũ sâu cát... chỉ toàn cát cho đến...”

“Bọn người này dường như có thể tránh được sâu cát,” Hoàng đế nói.

Đứa bé ngồi xuống bực bên cạnh ngai vàng, đu đưa chân trên mép bực, đá đá hai chân. Có một vẻ đĩnh đạc tự tin trong cung cách nó đánh giá những gì xung quanh mình.

Nam tước nhìn chòng chọc vào đôi chân đang đá, cái kiểu chúng làm di động chiếc áo choàng đen, màu hồng của đôi xương đòn bên dưới lớp vải.

“Thật không may,” Hoàng đế nói, “ta chỉ gửi năm tàu chở quân với một lực lượng tấn công tầm thường để bắt giữ tù nhân nhằm thẩm vấn. Khó khăn lắm chúng ta mới thoát thân được với ba tên tù nhân và một tàu chở quân. Nay Nam tước, ông nhớ kỹ cho, quân Sardaukar của ta gần như bị áp đảo bởi một lực lượng chủ yếu là đàn bà, trẻ con và những lão già. Đứa bé ngồi ở đây là chỉ huy của một trong những nhóm tấn công đó.”

“Người thấy đấy, tâu Bệ hạ!” Nam tước nói. “Người thấy bọn chúng là thế nào rồi đấy!”

“Ta tự để cho bọn chúng bắt ta,” đứa bé nói. “Ta không muốn đổi diện với anh trai ta và phải nói cho anh ấy biết là con trai anh ấy đã bị giết.”

“Chỉ một dúm người của chúng ta thoát được,” Hoàng đế nói. “Thoát được! Ông nghe thấy chưa?”

“Lẽ ra bọn ta cũng đã tóm được chúng rồi,” đứa bé nói, “nếu như không có ngọn lửa.”

“Quân Sardaukar của ta dùng động cơ phản lực trên tàu làm bộ phận phóng lửa,” Hoàng đế nói. “Một hành động liều lĩnh tuyệt vọng, và là cái duy nhất giúp họ thoát được mang theo ba tù nhân. Hãy nhớ điều này, Nam tước yêu quý: Quân Sardaukar buộc phải nháo nhào rút lui trước đám đàn bà, con nít và những lão già!”

“Chúng ta phải tấn công bằng vũ lực,” Nam tước rít lên. “Chúng ta phải phá hủy đến vết tích cuối cùng của...”

“Im đi!” Hoàng đế gầm lên. Người chồm về phía trước trên ngai vàng. “Đừng có lãng mại trí thông minh của ta thêm nữa. Người đứng trơ khấc đó trong sự ngây thơ ngu dốt mà...”

“Bẩm Bệ hạ,” Người Nói Sự thật lên tiếng.

Hoàng đế ra hiệu bảo mọi im lặng. “Người nói người không biết gì về những hoạt động mà chúng ta tìm thấy, cũng không biết gì về phẩm chất chiến binh của bọn người kiệt xuất này!” Hoàng đế nhắc nửa người khỏi ngai vàng. “Vậy người coi ta là cái gì hở Nam tước?”

Nam tước lùi hai bước, trầm nghĩ: *Chính là Rabban. Nó đã làm chuyện này với ta. Rabban...*

“Còn cuộc tranh chấp giả mạo với Công tước Leto nữa,” Hoàng đế gầm gừ, ngồi lại vào ngai vàng. “Người đạo diễn cái trò đó mới tuyệt làm sao.”

“Bẩm Bệ hạ,” Nam tước biện hộ. “Bệ hạ...”

“Im đi!”

Mụ Bene Gesserit già đặt một tay lên vai Hoàng đế, tỉ sát xuống thì thầm vào tai vua.

Đứa bé ngồi trên bục ngưỡng đá chân, nói: “Cứ làm ông ta sợ thêm chút

nữa đi, Shaddam. Lẽ ra ta không nên tỏ ra thích thú, nhưng niềm vui thích này ta thấy không thể nào nén được.”

“Yên nào, nhóc,” Hoàng đế nói. Người cúi về phía trước, đặt một tay lên đầu đứa bé, rồi nhìn Nam tước chăm chăm. “Có thể như vậy không, Nam tước? Người có thể là một kẻ chất phác ngây thơ như Người Nói Sự thật của ta nghĩ không? Người không nhận ra đứa bé này là con gái bạn đồng minh của người, Công tước Leto, hay sao?”

“Cha ta không bao giờ là đồng minh của ông ta,” đứa bé nói. “Cha ta đã chết và tên Harkonnen già tàn bạo kia chưa từng nhìn thấy ta.”

Nam tước nhìn tròng tròng sửng sốt. Khi ngài lại mở miệng được thì nó chỉ là tiếng kêu rền rĩ: “Ai?”

“Ta là Alia, con gái Công tước Leto và Lệnh bà Jessica, em gái của Công tước Paul-Muad'Dib,” đứa bé nói. Nó nhấc người lên khỏi bực, tụt xuống sàn phòng yết kiến. “Anh trai ta đã hứa bêu đầu người trên đỉnh lá cờ chiến trận và ta nghĩ anh ấy sẽ làm thế.”

“Im nào, nhóc,” Hoàng đế nói, rồi ngồi xuống ngai vàng, tay đưa lên cằm, quan sát Nam tước.

“Ta không thi hành mệnh lệnh của Hoàng đế,” Alia nói. Nó quay lại, ngược nhìn Mẹ Chí tôn. “Bà ta biết điều đó.”

Hoàng đế nhìn lên Người Nói Sự thật. “Nó nói thế là có ý gì vậy?”

“Đứa trẻ kia đúng là đồ chướng tai gai mắt!” mẹ già nói. “Mẹ nó đáng phải chịu sự trừng phạt khắc nghiệt hơn bất kỳ sự trừng phạt nào trong lịch sử. Cái chết! Nó phải đến với *đứa trẻ* kia hay với kẻ sinh ra nó, dù có nhanh mấy cũng không thừa!” Mẹ già chỉ một ngón tay vào Alia. “Hãy biến khỏi tâm trí ta!”

“Ngoại cảm?” Hoàng đế thì thầm. Người lại chú ý sang Alia. “Thế có Mẹ Vĩ đại!”

“Người không hiểu, râu Bệ hạ,” mụ già nói. “Không phải ngoại cảm. Đứa trẻ nằm ngay trong tâm trí ta. Nó giống những người sống trước ta, những người đã trao cho ta ký ức của họ. Đứa trẻ nằm trong đầu ta! Nó không thể ở đó, nhưng nó lại ở đó!”

“Những kẻ nào thế?” Hoàng đế gặng hỏi. “Điều vô lý này là thế nào đây?”

Mụ già thẳng người lên, hạ bàn tay đang chỉ xuống. “Ta vừa nói quá nhiều, nhưng sự thật vẫn là *đứa trẻ* này, vốn không phải là đứa trẻ, phải bị tiêu diệt. Từ lâu nay chúng ta đã được cảnh báo về một đứa bé như thế và cần phải ngăn chặn sự ra đời của nó, nhưng một kẻ trong chính chúng ta đã phản bội chúng ta.”

“Người nói nhầm rồi, mụ già,” Alia nói. “Người không biết chuyện đó là thế nào, tuy nhiên người vẫn nói huyền thuyên như một kẻ ngớ ngẩn mù dờ.” Alia nhắm mắt, hít một hơi sâu, rồi nín thở.

Mẹ Chí tôn già rên rỉ, loạng choạng.

Alia mở mắt. “Chuyện là thế này,” nó nói. “Một sự ngẫu nhiên của vũ trụ... và các người có dự phần trong đó.”

Mẹ Chí tôn giơ cả hai tay ra, lòng bàn tay đầy không khí về phía Alia.

“Ở đây đang xảy ra chuyện gì vậy?” Hoàng đế hỏi. “Bé con, người có thể thực sự phóng chiếu suy nghĩ của người vào đầu kẻ khác không?”

“Hoàn toàn không phải vậy,” Alia nói. “Trừ phi ta được sinh ra như ngài, ta không thể nghĩ như ngài.”

“Giết nó đi,” mụ già thì thầm, bám chặt lưng ngài vàng làm chỗ dựa. “Giết nó đi!” Đôi mắt già nua sâu hoắm nhìn chòng chọc vào Alia.

“Im nào,” Hoàng đế nói, và Người quan sát Alia. “Này nhóc, người có thể liên lạc với anh trai người không?”

“Anh ta biết ta ở đây,” Alia nói.

“Người có thể bảo hãn đầu hàng để đổi lấy mạng sống cho người không?”

Alia mỉm cười với Người bằng sự ngây thơ trong sáng. “Ta sẽ không làm thế,” nó nói.

Nam tước loạng choạng tới đứng cạnh Alia. “Tâu Bệ hạ,” ngài cầu xin, “thần biết không gì...”

“Này Nam tước, người mà ngắt lời ta thêm lần nữa là sẽ mất luôn quyền ngắt lời đó... vĩnh viễn,” Hoàng đế nói. Hoàng đế tập trung chú ý vào Alia, quan sát nó qua hai mí mắt ti hí. “Người không làm thế, hử? Người có thể đọc được trong đầu ta điều ta sẽ làm nếu người không tuân lệnh ta không?”

“Ta vừa nói ta không thể đọc được tâm trí người khác,” đứa bé nói, “nhưng chẳng cần đến ngoại cảm người ta cũng có thể đọc được ý định của ngài.”

Hoàng đế quắc mắt. “Này bé con, đại nghiệp của các người không còn hy vọng nữa rồi. Ta chỉ cần tập hợp lực lượng và làm cho cái hành tinh này chỉ còn là...”

“Không đơn giản thế đâu,” Alia nói. Nó nhìn hai mặt vụn của Hiệp hội. “Hỏi họ xem.”

“Thật không khôn ngoan khi đi ngược lại nguyện vọng của ta,” Hoàng đế nói. “Người không nên từ chối ta ngay cả điều nhỏ nhất.”

“Anh trai ta đến đây ngay bây giờ,” Alia nói. “Thậm chí một Hoàng đế có lẽ cũng phải run sợ trước Muad'Dib, vì anh ấy có sức mạnh của sự công chính và Thượng đế ban phước lành cho anh ấy.”

Hoàng đế đứng bật dậy. “Trò chơi này đi quá xa rồi. Ta sẽ bắt anh trai

người và nắm giữ hành tinh này rồi nghiền cả hai thành...”

Căn phòng rung lên và chao đảo xung quanh họ. Cả một ngọn thác cát bất ngờ xuất hiện sau ngai vàng, nơi căn trại được buộc vào tàu của Hoàng đế. Áp suất trên da mạnh lên đột ngột trong khoảnh khắc cho thấy có một vùng tấm chắn rộng đang được kích hoạt.

“Ta đã bảo mà,” Alia nói. “Anh trai ta đang đến.”

Hoàng đế đứng trước ngai vàng, tay phải ép chặt vào tai phải, bộ thu phụ ở tai đang léo nhéo báo cáo tình hình cho Người. Nam tước tiến hai bước đến đằng sau Alia. Quân Sardaukar lao vào vị trí cạnh các cánh cửa.

“Chúng ta sẽ rút lui vào không gian và chặn chính lại,” Hoàng đế nói. “Nam tước, hãy cho ta tị lỗi. Bọn điên này đang tấn công dưới vỏ bọc cơn bão. Vậy thì chúng ta hãy cho chúng thấy cơn thịnh nộ của Hoàng đế.” Người chỉ vào Alia. “Ném nó vào cơn bão.”

Trong khi Hoàng đế nói, Alia bỏ chạy về phía sau, giả vờ sợ hãi. “Hãy để cơn bão giành được cái nó có thể mang đi!” Alia hét lên. Và nó lẩn vào đôi tay Nam tước.

“Thần tóm được nó rồi, thưa Bệ hạ!” Nam tước la lên. “Thần sẽ giết chết nó ngay bây giờ - aaaaa!” Ngài ném đứa bé lên sàn nhà, chộp lấy cánh tay trái của mình.

“Ta xin lỗi, ông già,” Alia nói. “Người vừa gặp gom jabbar của Atreides.” Nó đứng dậy, thả một mũi kim đen ngòm rơi khỏi tay.

Nam tước ngã ra đằng sau. Mắt Ngài lồi ra trong khi Ngài nhìn trừng trừng vào vết đỏ trên lòng bàn tay trái. “Người... người...” Ngài lăn lộn trong mớ dây treo, cả một khối thịt nặng nề chực đổ xuống nhưng lại được bộ dây treo đỡ lên cách sàn nhà vài phân, cái đầu ngật ngưỡng, miệng há hốc.

“Bọn người này thật điên rồ,” Hoàng đế cau kinh. “Nhanh lên! Vào trong tàu. Chúng ta sẽ gột sạch hành tinh này khỏi mọi...”

Có cái gì đó lấp lánh phía bên trái Hoàng đế. Một tia chớp hình cầu từ bức tường phía đó nảy ra, kêu tanh tách khi chạm vào sàn nhà bằng kim loại. Mùi chất cách điện cháy khét lẹt tràn ngập khắp phòng yết kiến của Hoàng đế.

“Tắm chắn!” một sĩ quan Sardaukar hét lên. “Tắm chắn phía ngoài bị hạ rồi! Bọn chúng...”

Lời nói của hắn bị át đi trong tiếng gầm rú như kim loại khi bức tường của con tàu phía sau Hoàng đế giần giật rung chuyển.

“Chúng vừa bắn vỡ mũi tàu!” ai đó kêu lên.

Bụi sôi sục khắp căn phòng. Dưới màn bụi, Alia nhảy lên, chạy về phía cánh cửa ngoài.

Hoàng đế quay ngoắt người, ra hiệu cho đám thuộc hạ rút vào một cửa thoát hiểm vừa mở ra ở vách tàu phía sau ngai vàng. Người lấy tay ra hiệu cho một sĩ quan Sardaukar đang nhảy qua màn bụi. “Chúng ta sẽ chống cự ở đây!” Hoàng đế ra lệnh.

Một tiếng nổ khác làm căn lều rung chuyển. Những cánh cửa đôi ở vách bên kia phòng ầm ầm bật ra làm cát bị gió thổi ùa vào cùng với tiếng la hét om sòm. Trong chớp mắt có thể thấy một dáng người nhỏ nhắn mặc áo choàng đen nổi bật dưới ánh sáng - Alia lao ra ngoài để tìm một con dao và, thật đúng với cách huấn luyện Fremen, giết những tên Harkonnen và Sardaukar bị thương. Lính Sardaukar tấn công qua màn bụi vàng xanh về phía lối cửa mở, vũ khí lăm lăm trong tay, tạo thành một hình cung ở đó để bảo vệ nơi ẩn trốn của Hoàng đế.

“Hãy cẩn trọng, tàu Bị hạ!” một sĩ quan Sardaukar hét lên. “Xin hãy vào trong tàu!”

Nhưng lúc này Hoàng đế vẫn đứng một mình trên bục, chỉ tay về phía cửa. Một đoạn dài bốn mươi mét của căn lều đã bị bắn ra xa và lúc này những cánh cửa phòng yết kiến đã bật tung đón luồng cát giạt vào. Một

đám mây bụi lơ lửng thâm thấp phía trên khung cảnh bên ngoài, thối tới từ những khoảng xa màu xám nhạt. Chớp tĩnh điện từ đám mây kêu tanh tách, và qua màn bụi mờ mịt có thể thấy các tấm chắn lóe sáng thành từng tia do bị chập mạch khi va chạm với điện tích của cơn bão. Vùng bình nguyên tràn ngập những dáng người đang giao chiến - quân Sardaukar và những người mặc áo choàng đang hết nhảy lại xoay tròn nhanh thoăn thoắt, dường như bước xuống từ cơn bão.

Tất cả điều này như một bức khung cho tấm bia mà tay Hoàng đế đang chỉ vào.

Bên ngoài bức màn cát xuất hiện một chuỗi những hình dạng chói lòa có trật tự - những đường cong vĩ đại ngày một nhô cao tua tủa những cái chìa nhọn trong suốt như pha lê, chúng nhanh chóng chuyển thành những cái miệng sâu cát mở toang hoác, những con sâu cát kín nghịt như cả một bức tường, mỗi con đều có lính Fremen cưỡi trên lưng để tấn công. Họ tiến quân tạo thành một hình nêm phát ra tiếng sin sít trên mặt cát, áo choàng bay phần phật trong gió khi họ cắt xuyên qua cuộc hỗn chiến giữa vùng bình nguyên.

Hướng về phía trại của Hoàng đế, quân Fremen rùng rùng tiến tới trong khi, lần đầu tiên trong lịch sử, quân Sardaukar đứng ngây người kinh sợ trước một cuộc tấn công dữ dội mà tâm trí họ khó lòng chấp nhận được.

Thế nhưng những hình dáng nhảy từ lưng sâu cát xuống là con người, và những lưỡi dao lóe lên cái ánh sáng vàng đầy điểm gờ kia là thứ mà quân Sardaukar đã được đào tạo để đương đầu. Họ đâm bổ vào trận đánh. Và đó là một trận chiến giữa người với người trên bình nguyên Arrakeen trong lúc một cận vệ Sardaukar tinh nhuệ nhất ép Hoàng đế trở về tàu rồi đóng chặt cửa lại, sẵn sàng chết bên cánh cửa đó, lấy thân mình làm một phần tấm chắn cho Hoàng đế.

Trong sự tĩnh lặng tương đối bên trong con tàu, Hoàng đế nhìn chằm chằm vào những gương mặt mắt mở to trên trời của đám tùy tùng, nhìn thấy đứa con gái cả với đôi má đỏ bừng do phải ráng sức, Người Nói Sự thật già nua đang đứng như một cái bóng đen ngòm, mũ trùm đầu kéo sụp xuống mặt, cuối cùng Hoàng đế cũng thấy hai khuôn mặt Người đang cố

tìm - hai mặt vù của Hiệp hội. Họ mặc bộ quần áo màu xám của Hiệp hội, không trang trí, và dường như bộ đồ đó thích hợp với sự bình tĩnh mà họ vẫn giữ được bất chấp những mối xúc cảm đang dâng cao quanh họ.

Tuy vậy, tay mặt vù Hiệp hội đáng cao đưa một tay lên mắt trái. Trong khi Hoàng đế quan sát, một người nào đó huých vào cánh tay hắn, bàn tay bị xô lệch đi, và con mắt trái bị lộ ra. Hắn đã mất một trong hai kính sát trùng dùng để ngụy trang, và con mắt nhìn ra thô lỗ toàn màu xanh tối sẫm gần như đen.

Tên mặt vù thấp nhỏ hơn hích khuỷu tay len qua đám người, tiến một bước lại gần Hoàng đế rồi nói: “Chúng ta không thể biết sự thể sẽ ra thế nào.” Tên đáng cao, tay lại đặt lên mắt, chêm vào bằng giọng lạnh lùng: “Nhưng ngay cả vị Muad’Dib này cũng không thể biết.”

Những lời đó khiến Hoàng đế choáng váng đến nỗi Người hết hẳn mụ mẫm. Người nén sự khinh bỉ không để nó bật ra khỏi miệng bằng một nỗ lực thấy rõ bởi chẳng cần phải có khả năng tập trung cao độ của một hoa tiêu Hiệp hội thì mới thấy được cơ hội chính hầu thoát khỏi vùng bình nguyên này trong tương lai trước mắt. *Liệu hai tên này có quá dựa vào năng lực của chúng đến nỗi mất khả năng dùng đôi mắt và lý trí rồi không?* Người tự hỏi.

“Mẹ Chí tôn,” Hoàng đế nói, “chúng ta phải đặt ra một kế hoạch.”

Mụ kéo mũ ra khỏi mặt, bắt gặp cái nhìn chăm chăm không chớp của Hoàng đế. Cái nhìn vụt qua giữa họ mang theo sự hoàn toàn hiểu ý nhau. Họ có một thứ vũ khí còn lại và cả hai cùng biết đó là gì: sự phản bội.

“Triệu tập Bá tước Fenring từ địa phận của ông ta,” Mẹ Chí tôn nói.

Hoàng đế Padishah gật đầu, ra hiệu cho một trong các sĩ quan hầu cận làm theo lệnh.

Người là chiến binh và kẻ thần bí, ác quỷ và vị thánh, xảo quyệt và ngây thơ, nghĩa hiệp, tàn nhẫn, kém một vị thánh, hơn một con người. Không thể đo hành động của Muad'Dib theo những tiêu chuẩn thông thường. Trong khoảnh khắc chiến thắng, Người nhìn thấy cái chết dành sẵn cho mình, tuy nhiên Người chấp nhận sự phản bội. Người ta có thể nói người làm chuyện này bởi một ý thức về công lý không? Vậy công lý của ai? Hãy nhớ, lúc này chúng ta đang nói về Muad'Dib, người ra lệnh làm trống trận bằng da của kẻ thù, Muad'Dib, người khước từ các tục lệ thuộc về quá khứ Công tước của Người bằng một cái phẩy tay, Người chỉ nói: “Ta là Kwisatz Haderach. Thế là đủ lý do rồi.”

- trích “Arrakis thức tỉnh” của Công chúa Irulan

Vào cái đêm Paul-Muad'Dib chiến thắng, người ta hộ tống chàng đến chính lâu đài của thống đốc Arrakeen, tòa Phủ Thống sứ cũ kỹ nơi gia tộc Atreides đã cư ngụ đầu tiên khi mới đến Xứ Cát. Tòa nhà vẫn như khi Rabban phục hồi lại nó, gần như không bị chiến trận chạm tới mặc dù bị dân thành phố cướp phá. Vài đồ đạc trong đại sảnh bị lật đổ hay đập vỡ.

Paul sải bước qua cửa chính, Gurney Halleck và Stilgar theo sau cách một bước chân. Đội hộ tống của họ tản vào Đại sảnh, sắp xếp nơi này cho ngăn nắp và dọn dẹp một chỗ dành cho Muad'Dib. Một đội bắt đầu kiểm tra kỹ để đảm bảo rằng không có cái bẫy bí mật nào được gài ở đây.

“Tôi nhớ lại cái ngày lần đầu tiên chúng ta đến đây với cha ngài,” Gurney nói. Ông liếc một lượt những cái xà và khung cửa sổ hé mở ở trên cao. “Tôi vốn đã không thích nơi này, bây giờ lại càng không. Nếu là một trong các hang của chúng ta thì sẽ an toàn hơn.”

“Nói như một người Fremen chính cống,” Stilgar nói, và ông để ý thấy nụ cười lạnh lùng trên môi Muad'Dib khi nghe lời của ông. “Người sẽ xem xét lại chứ, Muad'Dib?”

“Nơi này là một biểu tượng,” Paul nói. “Rabban đã sống ở đây. Bằng

việc chiếm lĩnh nơi này, ta chính thức khẳng định chiến thắng của mình để tất cả mọi người đều hiểu. Hãy cử người đi khắp tòa nhà này. Đừng chạm vào thứ gì. Chỉ kiểm tra để chắc chắn rằng không còn tên Harkonnen hoặc món đồ chơi Harkonnen nào còn lại.”

“Xin tuân lệnh,” Stilgar nói, và sự miễn cưỡng nặng trĩu trong giọng nói khi ông quay ra làm theo lệnh Paul.

Đám người liên lạc vội vã vào phòng mang theo thiết bị, bắt đầu sắp đặt gần chiếc lò sưởi đồ sộ. Nhóm cận vệ Fremen, đơn vị bổ sung cho số Fedaykin còn sống, chiếm giữ các trạm xung quanh căn phòng. Họ thì thầm với nhau, nhiều người ném ra những ánh mắt nghi ngờ. Nơi này đã thuộc về kẻ thù của họ trong một thời gian quá dài đến nỗi họ khó lòng chấp nhận sự có mặt của mình ở đó một cách tự nhiên.

“Này Gurney, cho một người hộ tống mẹ ta và Chani đến,” Paul nói. “Chani biết về chuyện con trai chúng ta chưa?”

“Tin đã được gửi đi, thưa Tướng công.”

“Các Ngài tạo được đưa ra khỏi vùng lòng chảo chưa?”

“Rồi ạ, thưa Tướng công. Bão gần như tan rồi.”

“Cơn bão gây thiệt hại ở những đâu?” Paul hỏi.

“Theo đúng hướng đi của nó - ở sân đáp và khắp các kho dự trữ hương được trên vùng bình nguyên - thiệt hại trên phạm vi rộng,” Gurney nói. “Thiệt hại do trận chiến cũng nhiều như thiệt hại do cơn bão gây ra.”

“Ta cho rằng không có gì là không sửa chữa được nếu có tiền,” Paul nói.

“Ngoại trừ tính mạng con người, thưa Tướng công,” Gurney nói, và có âm sắc trách móc trong giọng ông, như thể ông muốn nói: *“Tự bao giờ một người của gia tộc Atreides quan tâm trước hết đến các đồ vật trong khi tính mạng con người đang treo sọt tóc?”*

Nhưng Paul chỉ có thể tập trung chú ý vào con mắt bên trong và những lỗ hổng chàng thấy rõ trong bức tường-thời gian vẫn nằm vắt ngang con đường của chàng. Qua mỗi lỗ hổng, cuộc thánh chiến tràn xuống những hành lang của tương lai.

Chàng thở dài, đi qua đại sảnh, thấy một chiếc ghế dựa vào tường. Đã có thời chiếc ghế đó đứng trong phòng ăn, thậm chí có thể chính cha chàng đã ngồi lên đó. Tuy nhiên, lúc này nó chỉ là một vật để chàng nghỉ ngơi và giấu không cho đám thuộc hạ biết chàng mệt mỏi. Chàng ngồi xuống, kéo áo choàng vòng quanh chân, nới lỏng bộ sa phục nơi cổ.

“Hoàng đế vẫn nấp trong phần còn lại của con tàu,” Gurney nói.

“Tạm thời cứ để ông ta ở đó,” Paul nói. “Họ đã tìm thấy bọn Harkonnen chưa?”

“Họ vẫn đang kiểm tra người chết.”

“Có hồi âm gì từ những con tàu trên đó không?” Chàng hất cằm về phía trần nhà.

“Vẫn chưa có hồi âm, thưa Tướng công.”

Paul thở dài, dựa vào lưng ghế nghỉ ngơi. Ngay sau đó, chàng nói: “Mang một tên tù binh Sardaukar lại đây cho ta. Chúng ta phải gửi một thông điệp cho Hoàng đế. Đã đến lúc thảo luận về các điều kiện.”

“Vâng, thưa Tướng công.”

Gurney quay ra, ra hiệu bằng tay với một người trong đội Fedaykin đang đứng ở vị trí cận vệ bên cạnh Paul.

“Gurney,” Paul thì thầm. “Từ khi chúng ta trở lại với nhau, ta vẫn chưa nghe thấy thấy đưa ra một lời trích dẫn thích hợp nào cho sự kiện đó.” Chàng quay lại, nhìn thấy Gurney nuốt nước bọt, thấy quai hàm của ông bất ngờ đánh lại về dữ tợn.

“Nếu người muốn nghe, thưa Tướng công,” Gurney nói. Ông hắng giọng, nói the thé: ““Vào ngày hôm đó, chiến thắng chuyển thành niềm thương tiếc tới tất cả người dân: vì dân chúng nghe nói ngày hôm đó đức vua đã đau buồn về con trai người đến thế nào.””

Paul nhắm mắt, ép nỗi đau buồn ra khỏi tâm trí, để nó chờ đợi, cũng như lần chàng đã phải đợi đến khi có thể khóc thương cha. Lúc này đây, chàng hướng suy nghĩ của mình về những phát hiện đã tích lũy dần trong ngày này - những tương lai lẫn lộn cùng *sự có mặt ẩn giấu* của Alia trong tâm thức chàng.

Trong mọi cách sử dụng thị kiến-thời gian, đây là cách kỳ lạ nhất. “Em vừa chạm ngực vào tương lai, để đặt lời của em vào nơi mà chỉ anh mới nghe thấy được,” Alia đã nói thế. “Ngay cả anh cũng không thể làm được điều đó, anh của em ạ. Em thấy nó là một trò chơi hay. Và... Ồ, đúng vậy - em vừa giết ông ngoại của chúng ta, lão Nam tước già điên cuồng ấy. Ông ta chịu một chút đau đớn thôi.”

Im lặng. Ý thức thời gian của chàng đã nhìn thấy em gái chàng rút lui.

“Muad’Dib.”

Paul mở mắt thì thấy khuôn mặt có bộ râu đen nhánh của Stilgar ở phía trên chàng, đôi mắt sẫm màu bùng bùng ánh sáng chiến trận.

“Ta vừa nhìn thấy xác lão Nam tước,” Paul nói.

Một sự im lặng đột ngột trùm lên Stilgar. “Bằng cách nào ngài biết được?” ông thì thầm. “Chúng tôi chỉ vừa thấy cái xác đó trong tòa nhà kim loại vĩ đại do Hoàng đế xây đằng kia.”

Paul phớt lờ câu hỏi, nhìn thấy Gurney quay trở lại cùng hai người Fremen, họ giữ chặt một tù binh Sardaukar.

“Đây là một tên trong đám tù binh, thưa Tướng công,” Gurney nói. Ông ra

hiệu để người lính giữ kẻ bị bắt đứng trước mặt Paul cách chàng năm bước.

Paul để ý thấy mặt tên Sardaukar mang nét kinh hoàng đờ đẫn. Một vết bầm màu xanh kéo dài từ sống mũi đến khóe miệng. Hắn có tóc vàng, đường nét như tạc, vẻ ngoài dường như đồng nghĩa với tước vị trong đám Sardaukar, tuy nhiên không có phù hiệu nào trên bộ trang phục rách nát ngoài trừ những nút vàng có huy hiệu Đế quốc và dải viền quần rách tả tơi.

“Tôi nghĩ tên này là một sĩ quan, thưa Tướng công,” Gurney nói.

Paul gật đầu, chàng nói: “Ta là Công tước Paul Atreides. Người có hiểu điều đó không, tên kia?”

Tên Sardaukar nhìn chàng chằm chằm bất động.

“Nói đi,” Paul nói, “nếu không Hoàng đế của người có thể chết.”

Tên Sardaukar chớp mắt, nuốt nước bọt.

“Ta là ai?” Paul hỏi.

“Ngài là Công tước Paul Atreides,” hắn thì thào.

Hắn ta dường như quá dễ phục tùng Paul, nhưng quân Sardaukar chưa bao giờ chuẩn bị tinh thần đón nhận những điều như đã xảy ra trong ngày hôm nay. Chúng chưa bao giờ biết tới gì khác ngoài chiến thắng; nhưng Paul nhận ra chính điều đó có thể là một nhược điểm. Chàng gạt ý nghĩ đó qua một bên, để xem xét nó sau trong chương trình huấn luyện của chính chàng.

“Ta có một thông điệp muốn người chuyển đến Hoàng đế,” Paul nói. Và chàng diễn đạt lời nói theo cách cổ xưa: “Ta, Công tước của một Đại Gia tộc, người mang dòng dõi Hoàng gia, trao lời giao ước của ta theo các điều khoản của Hiệp định. Nếu Hoàng đế và quân của Người hạ vũ khí và đến gặp ta ở đây, ta sẽ dùng chính mạng sống của ta để bảo vệ mạng

sống cho họ.” Paul giơ bàn tay trái mang ấn công tước lên cho tên Sardaukar thấy. “Ta xin thể trước vật này.”

Tên Sardaukar liếm môi, liếc Gurney.

“Đúng vậy,” Paul nói. “Có ai khác ngoài một người họ Atreides có thể xứng đáng nhận lòng trung thành của Gurney Halleck?”

“Tôi sẽ chuyển thông điệp đó,” tên Sardaukar nói.

“Đưa anh ta đến sở chỉ huy và cho anh ta vào,” Paul nói.

“Vâng, thưa Tướng công,” Gurney ra hiệu cho tay thuộc hạ làm theo lệnh, dẫn họ ra ngoài.

Paul quay lại phía Stilgar.

“Chani và mẹ ngài vừa đến,” Stilgar nói. “Chani yêu cầu có thời gian được ở một mình với nỗi đau buồn. Mẹ Chí tôn yêu cầu được ở một lát trong phòng huyền thuật; tôi không biết tại sao.”

“Mẹ ta phát ốm vì khao khát một hành tinh mà bà có thể không bao giờ gặp lại nữa,” Paul nói. “Nơi đó nước từ bầu trời trút xuống và cây cối mọc dày đến nỗi người ta không thể len qua.”

“Nước từ trên trời,” Stilgar thì thầm.

Trong khoảnh khắc đó, Paul nhận thấy Stilgar đã biến đổi từ naib Fremen thành một *sinh thể* của Lisan al-Gaib như thế nào, một vật chứa nỗi kính sợ và sự phục tùng. Đó là sự giảm bớt giá trị của con người này, và Paul cảm thấy ngọn gió-bóng ma của *thánh chiến* bên trong nó.

Ta vừa thấy một người bạn trở thành một kẻ sùng bái, chàng nghĩ.

Trong nỗi cô đơn trào dâng, Paul nhìn khắp căn phòng, chú ý thấy đội lính trở nên chĩnh tề, đứng nghiêm rầm rập trước mặt chàng. Chàng cảm thấy

giữa họ phảng phất sự đua tranh đầy kiêu hãnh - ai nấy đều hy vọng nhận được sự chú ý của Muad'Dib.

Muad'Dib, con người toát ra mọi phúc lành, chàng nghĩ, và đó là ý nghĩ cay đắng nhất trong suốt cuộc đời chàng. Họ cảm thấy ta phải chiếm lấy ngai vàng, chàng nghĩ. Nhưng họ không thể biết ta làm thế là để ngăn cuộc thánh chiến.

Stilgar hằng giọng nói: “Rabban cũng chết rồi.”

Paul gật đầu.

Nhóm lính phía bên phải đột ngột dẹp sang một bên, họ đứng nghiêm mở ra một lối đi cho Jessica. Bà mặc áo choàng đen, bước đi hao hao giống cách sải bước trên mặt cát, nhưng Paul nhận thấy ngôi nhà này đã phục hồi cho bà vị trí bà từng có ở đây trước kia - tì thiếp của một Công tước trị vì. Sự hiện diện của bà mang ít nhiều sự tự tin quyết đoán như xưa.

Jessica dừng lại trước mặt Paul, nhìn xuống con trai. Bà thấy sự mệt mỏi của con và cách chàng che giấu nó, nhưng bà không thấy thương xót chàng. Như thế bà không còn khả năng có được bất kỳ cảm xúc nào với con trai.

Jessica bước vào Đại sảnh mà tự hỏi tại sao nơi này không chịu làm cho chính nó phù hợp với những ký ức của bà. Nó vẫn là một căn phòng xa lạ, như thể bà chưa từng sống ở đây, chưa từng sống ở đây với Leto yêu dấu, chưa từng đối chất với Duncan Idaho say rượu ở đây - chưa từng, chưa từng, chưa từng...

Cần phải có một đô-căng-ngôn-từ đối lập trực tiếp với adab, cái ký ức nghiệt ngã, bà nghĩ. Cần phải có một lời cho những ký ức vốn phủ nhận chính mình.

“Alia đâu?” bà hỏi.

“Nó ở bên ngoài, đang làm cái điều mà bất cứ đứa trẻ Fremen cừ khôi nào

nên làm trong những thời điểm như thế,” Paul nói. “Nó giết những kẻ thù bị thương và đánh dấu thi thể chúng cho các đội đi thu nước.”

“Paul!”

“Mẹ phải hiểu nó làm chuyện đó vì lòng tốt,” chàng nói. “Chẳng phải kỳ quặc sao khi chúng ta hiểu lầm sự thống nhất ẩn giấu giữa lòng tốt với sự tàn ác?”

Jessica nhìn con trai giận dữ, bà cảm thấy sửng sốt bởi sự thay đổi hoàn toàn của chàng. *Phải chăng do con trai nó chết nên nó mới như vậy?* bà tự hỏi. Và bà nói: “Bọn thuộc hạ kể những chuyện kỳ lạ về con, Paul ạ. Họ nói con có tất cả sức mạnh của truyền thuyết đó - người ta không thể che giấu con bất cứ điều gì, rằng con nhìn thấy nơi mà những người khác không thể thấy.”

“Một Bene Gesserit mà lại hỏi về những truyền thuyết ư?” chàng hỏi.

“Mẹ cũng góp phần trong việc tạo ra con là người như thế nào,” bà thừa nhận, “nhưng con không được nghĩ rằng mẹ...”

“Làm sao mẹ lại muốn sống hàng tỉ tỉ cuộc đời cơ chứ?” Paul hỏi. “Có cả một hệ truyền thuyết về mẹ! Hãy nghĩ về tất cả những kinh nghiệm đó, sự thông thái mà chúng mang lại. Nhưng thông thái làm nhẹ bớt tình yêu thương, có phải vậy không? Và nó mang lại một dạng thức mới cho lòng căm thù. Làm cách nào mẹ biết cái gì là tàn nhẫn nếu mẹ chưa từng dò tận đáy chiều sâu của cả sự tàn nhẫn lẫn lòng tốt? Mẹ nên sợ con, thưa mẹ. Con là Kwisatz Haderach.”

Jessica cố nuốt khan. Ngay sau đó, bà nói: “Trước kia con không chịu thừa nhận với mẹ con là Kwisatz Haderach.”

Paul lắc đầu. “Con không thể phủ nhận gì được nữa.” Chàng ngược nhìn mắt bà. “Hoàng đế và người của ông ấy sẽ tới ngay bây giờ. Người ta sẽ thông báo họ đến bất cứ lúc nào. Hãy đứng cạnh con. Con muốn nhìn thấy họ cho rõ. Cô dâu tương lai của con sẽ có mặt trong bọn họ.”

“Paul!” Jessica cúi kính. “Đừng phạm phải sai lầm mà cha con đã phạm phải!”

“Cô ấy là công chúa,” Paul nói. “Cô ấy là chìa khóa dẫn con tới ngai vàng, và cô ấy sẽ chỉ là thế mà thôi. Sai lầm ư? Mẹ nghĩ chính vì con là cái do mẹ tạo ra nên con không thể cảm thấy nhu cầu trả thù ư?”

“Ngay cả với người vô tội sao?” bà hỏi, và bà nghĩ: *Nó không được phạm phải những sai lầm mà ta phạm phải.*

“Chẳng còn ai là vô tội hết,” Paul nói.

“Hãy nói chuyện đó với Chani,” Jessica nói, và ra hiệu về phía hành lang ở phía sau Phủ Thống sứ.

Chani bước vào Đại sảnh, đi giữa đội bảo vệ Fremen như thể không ý thức về sự có mặt của họ. Mũ trùm đầu và mũ sa phục của nàng hất ngược ra sau, khăn che mặt buộc một bên. Nàng đi với vẻ yếu ớt, không vững lắm khi bước ngang qua căn phòng tới đứng bên cạnh Jessica.

Paul thấy những ngón lệ trên gò má nàng - *Nàng trao nước cho người chết.* Chàng cảm thấy nỗi thương tiếc tràn ngập trong chàng, nhưng cứ như là chàng chỉ có thể cảm thấy nỗi thương tiếc đó thông qua sự có mặt của Chani.

“Con chết rồi, anh ơi,” Chani nói. “Con chúng ta chết rồi.”

Tự kiềm chế bằng sự tự chủ cứng rắn, Paul đứng lên. Chàng giơ tay ra chạm vào má Chani, cảm thấy sự ẩm ướt của những giọt nước mắt. “Không ai thay thế được nó,” Paul nói, “nhưng chúng ta sẽ có những đứa con khác. Usul xin hứa điều này.” Nhẹ nhàng, chàng dẫn nàng sang một bên, ra hiệu với Stilgar.

“Muad’Dib,” Stilgar nói.

“Họ từ con tàu đó đến đây, Hoàng đế và đám thuộc hạ của Người,” Paul

nói. “Ta sẽ đứng ở đây. Tập hợp tù binh vào một khoảng trống giữa phòng. Giữ bọn chúng đứng cách ta mười mét trừ phi ta ra lệnh khác.”

“Tuân lệnh, thưa Muad’Dib.”

Khi Stilgar quay ra làm theo mệnh lệnh, Paul nghe thấy đám lính Fremen thì thào kính sợ: “Các anh thấy không? Người biết! Không ai nói cho Người, nhưng Người biết!”

Lúc này có thể nghe thấy tiếng đám tùy tùng của Hoàng đế đang tới, quân Sardaukar của ngài ngân nga một trong những điệu hành quân để giữ vững tinh thần. Có tiếng xì xào tại lối vào và Gurney Halleck băng qua đội cận vệ, đi tới bàn bạc với Stilgar, sau đó đến đứng bên Paul, một cái nhìn kỳ lạ trong mắt ông.

Ta cũng sẽ đánh mất Gurney sao? Paul tự hỏi. Theo cách ta đánh mất Stilgar - mất một người bạn để tăng thêm một thuộc hạ sao?

“Bọn họ không mang theo vũ khí,” Gurney nói. “Tôi đích thân đảm bảo điều đó.” Ông nhìn quanh phòng, thấy sự chuẩn bị của Paul. “Feyd-Rautha Harkonnen đi cùng họ. Tôi sẽ tách hẳn ta ra chứ?”

“Để hẳn lại.”

“Cũng có vài tên trong Hiệp hội đang đòi hỏi những đặc quyền, họ đe dọa cấm vận chống lại Arrakis. Tôi bảo họ tôi sẽ chuyển thông điệp của họ cho ngài.”

“Cứ để họ đe dọa.”

“Paul!” Jessica thì thầm đằng sau chàng. “Ông ấy đang nói về Hiệp hội!”

“Ta sẽ nhốt nhanh bọn họ ngay lập tức,” Paul nói.

Và sau đó chàng nghĩ về Hiệp hội - cái thế lực đã chuyên biệt hóa quá lâu đến nỗi nó đã thành một kẻ ăn bám, không thể sống độc lập với cái sự sống vốn xưa nay nuôi dưỡng nó. Bọn họ chưa bao giờ dám nắm chặt

thanh gươm... và bây giờ họ không thể nắm chặt nó. Họ đã có thể chiếm lấy Arrakis khi nhận ra mình đã sai lầm trong việc chuyên vận chuyển chất melange gây nghiện mang lại quang phổ nhận thức cho những người lái tàu của họ. Họ *lẽ ra có thể* làm điều này, sống một thời về vang rồi chết. Thay vì thế, họ cứ sống qua từng khoảnh khắc, hy vọng rằng những vùng biển nơi họ bơi qua có thể sinh ra một vật chủ mới khi vật chủ cũ chết đi.

Những người lái tàu của Hiệp hội, với khả năng tiên tri giới hạn, đã có một quyết định tai hại: họ luôn chọn đường lối an toàn, chắc chắn, cái đường lối đã khiến họ càng lún sâu hơn vào trì trệ.

Hãy để họ nhìn thật sát vật chủ mới của họ, Paul nghĩ.

“Cũng có cả một Mẹ Chí tôn Bene Gesserit, bà ta nói bà ta là bạn của mẹ ngài,” Gurney nói.

“Mẹ ta không có bạn Bene Gesserit nào cả.”

Lại một lần nữa, Gurney nhìn quanh Đại sảnh, rồi cúi sát tai Paul. “Thufir Hawat đi cùng bọn họ, thừa Chúa công. Tôi không có cơ hội gặp riêng ông ấy, nhưng ông ấy ra hiệu bằng tay theo kiểu cũ của chúng ta để nói rằng ông ấy đang làm việc cho bọn Harkonnen, ông ấy cứ nghĩ rằng ngài đã chết. Ông ấy nói cứ để ông ấy trong đám họ.”

“Ông để Thufir trong đám...”

“Ông ấy muốn thế... và tôi nghĩ như thế là tốt nhất. Nếu... có sai lầm nào đó, thì ông ấy có mặt ở nơi chúng ta có thể khống chế ông ấy. Nếu không - chúng ta có một cái tai gài vào phía bên kia.”

Ngay khi đó Paul nghĩ đến những hình ảnh tiên tri thoáng hiện trong đầu chàng tương ứng với các khả năng khác nhau của khoảnh khắc này - và một tuyến thời gian mà ở đó Thufir mang theo một cây kim tẩm độc, cây kim mà Hoàng đế ra lệnh ông ta dùng để chống lại vị “Công tước mới phất” này.

Đội lính bảo vệ lối vào đứng sang một bên, tạo thành một hành lang ngăn bằng những ngọn giáo. Ở đó vang lên tiếng quần áo sột soạt khe khẽ, tiếng những bàn chân miết trên lớp cát đã dạt vào Phủ Thống sứ.

Hoàng đế Padishah Shaddam IV dẫn đoàn tùy tùng vào sảnh lớn. Chiếc mũ sắt burseg đã bị mất nên bộ tóc đỏ đỏ ra lò xoà. Tay áo bên trái bị rách toạc dọc đường may phía trong. Ông không mang thắt lưng và vũ khí, nhưng đám tùy tùng di chuyển cùng ông giống như một bong bóng khiên chắn-lực nhằm bảo vệ khu vực trống sát cạnh ông.

Một cây giáo Fremmen buông xuống chắn ngang đường đi của ông, chặn ông lại ở chỗ Paul đã ra lệnh trước. Những người khác chụm ở đằng sau, một bức tranh ghép đầy màu sắc, sự xáo động và những khuôn mặt nhìn chăm chặp.

Paul lia mắt qua đám người, nhìn thấy đám phụ nữ cố che đi dấu vết họ vừa khóc lóc, nhìn thấy đám người hầu mà trước đó từng thích thú ngồi trên khán đài khi quân Sardaukar chiến thắng, giờ đây đứng im thin thít vì bại trận. Paul nhìn thấy đôi mắt sáng như mắt chim của Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam lấp lánh bên dưới chiếc mũ trùm đầu màu đen, và bên cạnh bà ta là khuôn mặt choắt lén lén lút lút của Feyd-Rautha Harkonnen.

Đó là khuôn mặt mà thời gian để lộ ra cho ta biết, Paul nghĩ.

Rồi chàng nhìn ra phía sau Feyd-Rautha, có một sự di chuyển làm chàng chú ý, chàng thấy ở đó có một khuôn mặt choắt, xảo trá mà trước đó chàng chưa từng gặp - không có trong hay ngoài thời gian. Đó là khuôn mặt mà chàng cảm thấy chàng nên biết và cái cảm giác đó mang theo một nỗi sợ.

Tại sao ta sợ người đó? chàng tự hỏi.

Chàng cúi về phía mẹ, thì thầm: “Gã đàn ông đứng bên trái Mẹ Chí tôn, kẻ có cái nhìn của quý dữ - hẳn là ai vậy?”

Jessica quan sát, nhận ra gương mặt này từ những bộ hồ sơ của Công tước Leto. “Bá tước Fenring,” bà nói. “Ông ta từng ở đây ngay trước chúng ta. Một thái giám di truyền... và là một kẻ giết người.”

Tên chạy việc vặt cho Hoàng đế, Paul nghĩ. Và ý nghĩ đó là một cú sốc vụt qua ý thức chàng bởi chàng đã nhìn thấy Hoàng đế trong vô số sự kết hợp trải khắp những tương lai có khả năng xảy ra - nhưng Bá tước Fenring chưa lần nào xuất hiện trong những thị kiến tiên tri đó.

Rồi Paul chợt nảy ra ý nghĩ chàng đã nhìn thấy xác chết của chính mình dọc theo vô số khoảng xa của mạng lưới thời gian, nhưng chưa lần nào chàng nhìn thấy khoảnh khắc mình chết.

Ta từ chối thấy người này bởi ông ta là kẻ giết ta chăng? Paul tự hỏi.

Ý nghĩ đó khiến chàng băn khoăn day dứt như một điềm báo trước. Chàng ép mình thôi không chú ý đến Fenring nữa, lúc này chàng nhìn vào đám tàn quân Sardaukar và những tên sĩ quan, nhìn sự cay đắng trên nét mặt họ và sự tuyệt vọng. Đây đó trong đám, có những khuôn mặt làm Paul chú ý trong một thoáng: những tên sĩ quan Sardaukar đang dò xét sự chuẩn bị trong căn phòng này, vẫn đang hoạch định, đang mưu tính cách nào đó hòng chuyển bại thành thắng.

Cuối cùng Paul chú ý vào một thiếu nữ tóc vàng, dáng cao, mắt xanh, một khuôn mặt mang vẻ đẹp quý tộc, cổ điển trong vẻ kiêu kỳ của nó, nước mắt không thể làm hề hấn, không gì có thể đánh bại được. Chẳng cần ai nói, Paul biết cô ấy - Công chúa Hoàng gia, được huấn luyện theo phương pháp Bene Gesserit, một khuôn mặt mà thị kiến thời gian đã chỉ cho chàng thấy trong rất nhiều diện mạo của nó: Irulan.

Đó là chìa khóa của ta, chàng nghĩ.

Sau đó chàng thấy có sự di chuyển trong đám người đứng túm tụm, một khuôn mặt và dáng người hiện ra - Thufir Hawat, khuôn mặt già nua nhăn nheo với đôi môi biến màu tối sẫm, đôi vai còng, cái nhìn mang nặng tuổi tác.

“Đó là Thufir Hawat,” Paul nói. “Hãy để ông ấy đứng thoải mái, Gurney.”

“Chúa công,” Gurney nói.

“Để ông ấy đứng thoải mái,” Paul nhắc lại.

Gurney gật đầu.

Hawat lướt về phía trước khi một cây giáo Fremen được nhấc lên rồi trở về chỗ cũ đằng sau ông. Đôi mắt ẩm ướt liếc Paul, thăm dò, tìm kiếm.

Paul tiến lên phía trước một bước, cảm thấy hồi hộp, chờ đợi phản ứng của Hoàng đế và đám tùy tùng.

Cái nhìn chằm chằm của Hawat xuyên thấu qua Paul, và ông lão nói: “Thưa Lệnh bà Jessica, đến tận hôm nay tôi mới biết mình đã hiểu sai về bà như thế nào. Bà không cần tha thứ cho tôi.”

Paul đợi, nhưng mẹ chàng vẫn im lặng.

“Này Thufir, người bạn già,” Paul nói, “như thầy thấy đó, lưng ta không quay về phía cửa.”

“Vũ trụ đầy rẫy những cánh cửa,” Hawat nói.

“Ta có phải là con của cha ta không?” Paul hỏi.

“Giống ông nội của ngài hơn,” Hawat kêu lên the thé. “Ngài có phong thái của Lão Công tước, cái nhìn của Lão Công tước trong đôi mắt ngài.”

“Thế nhưng ta là con của cha ta,” Paul nói. “Vì ta nói với thầy, Thufir ạ, rằng để trả lại cho những năm tháng thầy phụng sự gia đình ta, giờ thầy có thể yêu cầu ta bất cứ điều gì thầy muốn. Bất cứ điều gì. Giờ thầy có cần mạng ta không, Thufir? Nó là của thầy đó.” Paul tiến lên một bước, hai tay buông thõng, cảm thấy cái nhìn thấu hiểu lớn dần lên trong mắt Hawat.

Ông ấy nhận ra rằng ta biết chuyện phản bội, Paul nghĩ.

Lấy giọng nửa thì thầm mà chỉ mình Hawat nghe thấy, Paul nói: “Ta nói thật đấy, Thufir ạ. Nếu thầy muốn hạ thủ ta, hãy làm ngay bây giờ.”

“Tôi chỉ muốn được đứng trước mặt ngài thêm lần nữa, thưa Công tước,” Hawat nói. Và lần đầu tiên Paul nhận ra ông già này đang cố hết sức để khỏi ngã. Paul đưa tay ra, đỡ lấy vai Hawat, cảm thấy sự run run của bắp thịt dưới tay chàng.

“Đó có phải là nỗi đau đớn không, hỡi bạn già?” Paul hỏi.

“Đó là nỗi đau đớn, thưa Công tước,” Hawat tán đồng, “nhưng niềm vui sướng còn lớn hơn.” Ông quay nửa người trong cánh tay Paul, duỗi bàn tay trái ra, lòng bàn tay ngửa lên, hướng về phía Hoàng đế, để lộ mũi kim bé xíu kẹp giữa các ngón tay khum thành hình chén. “Người thấy không, thưa Bệ hạ?” ông ta gọi. “Thấy mũi kim phản bội của Người không? Người nghĩ rằng thần, kẻ từng trao cả cuộc đời mình để phục vụ dòng họ Atreides, trong lúc này sẽ trao cho họ ít hơn sao?”

Paul lão đảo khi ông thầy già rũ xuống trong tay chàng, cảm thấy cái chết ở đó, ở cái cơ thể hoàn toàn mềm nhũn. Nhẹ nhàng, Paul hạ Hawat xuống sàn, thẳng người lên, ra hiệu cho đội cận vệ đưa cái xác đi.

Bầu không khí im lặng trùm lên đại sảnh trong lúc người ta thi hành mệnh lệnh của chàng.

Lúc này trên khuôn mặt Hoàng đế có một vẻ chờ đợi chết chóc. Đôi mắt vốn chưa bao giờ thừa nhận chúng biết sợ rốt cuộc đã thừa nhận rằng chúng sợ.

“Thưa Bệ hạ,” Paul nói, và nhận thấy cái giật mình chú ý đầy ngạc nhiên của cô Công chúa Hoàng gia đáng cao kia. Lời nói được chàng thốt ra không theo bất cứ điệu thức điều khiển Bene Gesserit nào, chỉ mang trong nó mọi sắc thái khinh rẻ và miệt thị mà Paul có thể đưa vào.

Quả thực là được huấn luyện theo Bene Gesserit, Paul nghĩ.

Hoàng đế hăng giọng nói: “Có lẽ người họ hàng đáng kính của ta tin rằng lúc này anh ta có mọi thứ theo cách của chính anh ta. Không gì có thể xa rời thực tế hơn thế. Người đã vi phạm Hiệp định, dùng vũ khí nguyên tử chống lại...”

“Thần dùng vũ khí nguyên tử chống lại một nét đặc trưng tự nhiên của sa mạc,” Paul nói. “Đó là phương pháp của thần và thần gấp rút diện kiến người, thưa Bệ hạ, để yêu cầu Người giải thích về vài hành động kỳ lạ của Người.”

“Ngay lúc này có cả một phi đội lớn của các Đại Gia tộc bay trên khắp Arrakis,” Hoàng đế nói. “Chỉ cần ta nói một lời là họ sẽ...”

“Ồ, được thôi,” Paul nói, “Suýt nữa thần quên mất bọn họ.” Chàng tìm kiếm trong đám tùy tùng của Hoàng đế cho đến khi nhìn thấy khuôn mặt hai mật vụ của Hiệp hội, liền nói riêng với Gurney. “Gurney, có phải mật vụ của Hiệp hội là hai tên béo mặc đồ xám đứng đằng kia không?”

“Phải, thưa Chúa công.”

“Hai người kia,” Paul nói, chỉ về phía họ. “Bước ra khỏi đó ngay lập tức, gửi ngay các thông điệp mà cái phi đội đó sẽ nhận được trên đường họ quay về. Sau việc này, các người hãy xin phép ta trước khi...”

“Hiệp hội không nhận lệnh của ngài!” tên đáng cao quát lên. Hăn và người bạn len lỏi qua hàng rào giáo mà các vệ sĩ nâng lên cao khi Paul gật đầu. Hai tên mật vụ bước ra, tên đáng cao chìa một cánh tay về phía Paul, nói: “Ngài ắt sẽ bị cấm vận để trả giá cho...”

“Nếu ta còn nghe thêm bất cứ điều vô nghĩa nào phát ra từ một trong hai người,” Paul nói, “ta sẽ ra lệnh phá hủy toàn bộ cơ sở sản xuất hương được trên Arrakis... mãi mãi.”

“Ngài điên à?” tên mật vụ đáng cao hỏi. Hăn lùi lại nửa bước.

“VẬY người công nhận rằng ta có khả năng làm chuyện đó, phải không?” Paul hỏi.

Tên mặt vụ dường như nhìn chằm chằm vào khoảng không trong một lát, sau đó hắn nói: “Đúng, ngài có thể làm chuyện đó, nhưng ngài không được làm thế.”

“Chà chà,” Paul nói và gật gù. “Cả hai người đều là kẻ lái tàu vũ trụ của Hiệp hội à?”

“Đúng thế!”

Tên thấp hơn nói: “Làm vậy ngài cũng sẽ tự làm đui mù mình và kết án tử hình tất cả chúng ta. Ngài có biết bị tước mất rượu hương được một khi ngài đã nghiện nó là như thế nào không?”

“Đôi mắt chỉ chăm chăm tìm lối an toàn là đôi mắt bị khép kín mãi mãi,” Paul nói. “Hiệp hội bị què quặt rồi. Con người trở thành những đàn người cô độc nhỏ nhoi trên những hành tinh cô độc. Các người biết đấy, ta có thể làm điều này hoàn toàn vì thù hận... hoặc vì buồn chán.”

“Chúng ta hãy thảo luận riêng về chuyện này,” tên đáng cao nói. “Tôi đảm bảo rằng chúng ta có thể đạt được sự thỏa hiệp nào đó...”

“Hãy chuyển thông điệp đó tới người của các người đang bay trên Arrakis,” Paul nói. “Ta phát mệt vì cuộc tranh luận này rồi. Nếu phi đội ở bên trên chúng ta không rời đi ngay, bọn ta sẽ chẳng cần nói chuyện nữa.” Chàng gật đầu về phía nhóm người liên lạc đứng một bên đại sảnh. “Các người có thể sử dụng thiết bị của bọn ta.”

“Trước tiên chúng ta phải thảo luận chuyện này,” tên đáng cao nói. “Chúng ta không thể...”

“Làm đi!” Paul quát. “Khả năng phá hủy một thứ chính là sự làm chủ hoàn toàn thứ đó. Các người vừa thừa nhận rằng ta có khả năng đó. Bọn ta không có mặt ở đây để tranh luận hay thương lượng hay thỏa hiệp.

Các người phải tuân theo lệnh ta không thì sẽ chịu hậu quả *ngay tức khắc!*”

“Ông ta làm vậy thật đấy,” tên mật vụ Hiệp hội thấp hơn nói. Và Paul nhìn thấy nỗi sợ hãi siết chặt lấy họ.

Hai tên mật vụ chậm chậm đi tới thiết bị liên lạc của người Fremen.

“Họ sẽ làm theo lệnh chứ?” Gurney hỏi.

“Họ chỉ có thị kiến thời gian hạn chế,” Paul nói. “Họ có thể nhìn thấy phía trước một bức tường trắng cho biết những hậu quả nếu họ không tuân lệnh. Mỗi một tên lái tàu của Hiệp hội trong mỗi chiếc tàu trên đầu chúng ta có thể nhìn thấy trước cùng một bức tường đó. Họ sẽ tuân lệnh.”

Paul quay trở lại nhìn Hoàng đế, nói: “Khi người ta cho phép Người leo lên ngai vàng của phụ thân Người, ấy chỉ là dựa trên sự đảm bảo rằng Người sẽ giữ cho nguồn hương được luôn tuôn chảy. Người đã làm họ thất vọng, thưa Bệ hạ. Người có biết những hậu quả không?”

“Không ai *cho phép* ta...”

“Dừng ngay việc diễn trò hề đi,” Paul quát. “Hiệp hội giống như một thị trấn bên dòng sông. Họ cần nước, nhưng chỉ có thể múc lên cái họ cần. Họ không thể xây một con đập ngăn sông và làm chủ nó, bởi họ chỉ tập trung chú ý vào cái họ đang nắm giữ, cuối cùng thì điều đó mang lại sự tàn phá. Dòng chảy hương được, đó là dòng sông của họ, và thần vừa xây một con đập. Nhưng con đập của thần là một vật mà Người không thể phá hủy nếu không phá hủy dòng sông.”

Hoàng đế dùng tay vuốt lại mái tóc đỏ, nhìn hai tấm lưng của hai tên mật vụ.

“Ngay cả Người Nói Sự thật của Người cũng đang run sợ,” Paul nói. “Mẹ Chí tôn có thể sử dụng những chất độc khác cho những mảnh lối

của họ, nhưng một khi họ đã dùng rượu hương được thì các chất độc khác không phát huy tác dụng được nữa.”

Mụ già quần những chiếc áo choàng đen quái gở quanh người, vội vã len ra khỏi đám người để tới đứng ở hàng rào giáo.

“Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam,” Paul nói. “Kể từ cuộc gặp ở Caladan, đã rất lâu rồi chúng ta không gặp nhau, phải không?”

Mụ nhìn ngang qua chàng, chú mục vào mẹ chàng, rồi mụ nói: “Được rồi Jessica, ta thấy con trai người quả thật là người đó. Chỉ cần vậy thôi là người có thể được tha thứ thậm chí cho cả đứa con gái kinh tởm của người.”

Paul cố nén một cơn giận lạnh lẽo, ghê gớm mà nói: “Người chưa bao giờ có quyền hay lý do để tha thứ cho mẹ ta về bất cứ điều gì!”

Mụ già nhìn trừng trừng vào mắt chàng.

“Đừng cố giở trò với ta, mụ phù thủy,” Paul nói. “Gom jabbar của người đâu rồi? Hãy cố nhìn vào cái nơi mà người không dám nhìn! Người sẽ thấy ta ở đó chăm chăm nhìn người!”

Mụ già cụp mắt xuống.

“Người không có gì để nói sao?” Paul gặng hỏi.

“Ta đã chúc mừng người lên hàng ngũ con người,” mụ ta thì thầm. “Đừng có bôi nhọ điều đó.”

Paul lên giọng: “Hãy nhìn bà ta xem, hỡi quý vị! Đây là Mẹ Chí tôn Bene Gesserit, kiên nhẫn vì một lý do bệnh hoạn. Bà ta có thể chờ đợi cùng các chị em mình - suốt chín mươi thế hệ dành cho việc kết hợp đúng cách các gen với môi trường nhằm sinh hạ một con người duy nhất cần thiết cho ý đồ của họ. Nhìn bà ta đi! Giờ thì bà ta biết chín mươi thế hệ đã sinh ra người đó. Ta đứng ở đây... nhưng... ta... sẽ... không... bao... giờ... làm... theo... lệnh... của... bà... ta!”

“Jessica!” mẹ già hét lên. “Bắt nó im miệng lại!”

“Bà hãy tự bắt nó im miệng đi,” Jessica nói.

Paul nhìn mẹ ta giận dữ. “Về phần người trong toàn bộ chuyện này, ta có thể vui sướng bóp cổ người,” chàng nói. “Người không thể ngăn việc đó đâu!” chàng nói câu kính khi mẹ chờ người lại trong cơn thịnh nộ. “Nhưng ta nghĩ tốt hơn là trừng phạt bằng cách để người sống sót qua năm tháng mà không bao giờ có thể chạm đến ta hoặc uốn nắn ta thành vật duy nhất mà mưu đồ của các người mong muốn.”

“Jessica, người đã làm trò gì thế?” mẹ ta gặng hỏi.

“Ta sẽ cho người một thứ duy nhất,” Paul nói. “Người đã thấy một phần những nhu cầu của nòi giống loài người, nhưng người hiểu nó mới ít ỏi làm sao. Các người toan kiểm soát sự sinh sản của loài người và pha trộn số ít những người đặc tuyển theo cái kế hoạch xuất sắc của các người! Các người hiểu quá ít về...”

“Người không được nói về những chuyện này!” mẹ già rít lên.

“Im đi!” Paul gầm lên. Lời nói của chàng dường như trở nên có tính vật chất khi nó xoắn vặn qua bầu không khí giữa họ dưới sự điều khiển của Paul.

Mẹ già lão đảo ngả vào cánh tay những người đứng sau lưng, gương mặt đỏ ửng vì nổi kinh hoàng trước cái quyền năng chàng sử dụng để tóm linh hồn mẹ. “Jessica,” mẹ thì thầm. “Jessica.”

“Ta nhớ gom jabbar của người,” Paul nói. “Người hãy nhớ gom jabbar của ta. Ta có thể giết người chỉ bằng một từ.”

Nhóm người Fremen đứng xung quanh đại sảnh liếc nhau đầy hiểu biết. Truyền thuyết chẳng đã nói: “*Và lời của người sẽ mang cái chết vĩnh viễn đến cho những ai chống lại sự công chính*” đó sao.

Paul chuyển sự chú ý về phía Công chúa Hoàng gia đáng cao đang đứng cạnh Hoàng đế cha nàng. Giữ đôi mắt tập trung vào nàng, chàng nói: “Thưa Bệ hạ, cả hai chúng ta đều biết cách để thoát khỏi nỗi khó khăn của chúng ta.”

Hoàng đế nhìn con gái rồi nhìn Paul. “Người đùa đấy à? Người! Một kẻ gian hùng không gia đình, một kẻ tầm thường...”

“Người vừa công nhận ta là ai rồi,” Paul nói. “Người đã nói ta là người thuộc dòng dõi Hoàng gia. Hãy dừng cái trò vớ vẩn này lại.”

“Ta là vua của người,” Hoàng đế nói.

Paul liếc hai tên mật vụ của Hiệp hội lúc này đang đứng bên thiết bị liên lạc, quay mặt về phía chàng. Một trong hai người gật đầu.

“Thần có thể ép Người làm điều đó!” Paul nói.

“Người không dám đâu!” Hoàng đế giận dữ.

Paul chỉ nhìn ông ta chằm chằm.

Công chúa Hoàng gia đặt một tay lên cánh tay cha. “Thưa cha,” nàng nói, giọng nàng mềm như lụa, nghe êm ái.

“Đừng cố đánh lừa ta,” Hoàng đế nói. Ông ta nhìn con gái. “Con không cần làm chuyện này, con ạ. Chúng ta có những phương cách khác mà...”

“Nhưng đây là người phù hợp để làm con trai cha,” nàng nói.

Mẹ Chí tôn già nua đã lấy lại bình tĩnh, mặt tới bên Hoàng đế, cúi sát xuống tai ông thì thầm.

“Mặt ta cãi về trường hợp của con,” Jessica nói.

Paul vẫn nhìn nàng Công chúa tóc vàng. Đứng sang một bên cạnh mẹ,

chàng nói: “Đó là Irulan, công chúa cả, phải không?”

“Phải.”

Chani tiến tới đứng bên Paul, nói: “Chàng có muốn em rời đi không, Muad'Dib?”

Chàng liếc nàng. “Rời đi ư? Nàng sẽ không bao giờ rời ta một lần nữa.”

“Chẳng có gì ràng buộc giữa hai ta,” Chani nói.

Paul im lặng nhìn nàng một lát rồi nói: “Hãy nói nàng tuyệt đối tin ta đi, Sihaya của ta.” Khi nàng định trả lời, chàng đặt một ngón tay trên môi nàng buộc nàng im lặng. “Điều ràng buộc hai ta không thể bị lung lay,” chàng nói. “Bây giờ, hãy quan sát những đối tượng này thật kỹ vì ta muốn nhìn mọi người trong căn phòng này bằng sự thông thái của nàng.”

Giữa Hoàng đế và Người Nói Sự thật của ông đang xảy ra một cuộc tranh luận sôi nổi tuy họ nói khể khàng.

Paul nói với mẹ: “Mẹ ta đang nhắc nhở ông ấy rằng một phần trong giao kèo của họ là đặt một Bene Gesserit lên ngai vàng, và Irulan là người họ đã chuẩn bị cho giao kèo đó.”

“Đó có phải là kế hoạch của họ không?” Jessica nói.

“Nó chẳng không rõ ràng rồi sao?” Paul hỏi.

“Mẹ có thấy những dấu hiệu đó!” Jessica cáu kỉnh. “Mẹ hỏi thế là có ý nhắc con đừng nên cố gắng dạy mẹ những điều mà chính mẹ đã chỉ dẫn cho con.”

Paul liếc bà, bắt gập nụ cười lạnh lẽo trên môi mẹ.

Gurney Halleck nghiêng vào giữa họ nói: “Tôi xin nhắc ngài, thưa Chúa công, rằng có một tên Harkonnen trong đám người kia.” Ông gật đầu về phía tên Feyd-Rautha tóc sẫm đang bị ép chặt vào một hàng rào giáo bên

tay trái. “Cái tên có đôi mắt lác đứng bên trái. Giống như một khuôn mặt quỷ dữ tôi từng nhìn thấy. Ngài có lần hứa với tôi rằng...”

“Cám ơn, Gurney,” Paul nói.

“Hắn là chuẩn Nam tước... là Nam tước vì bây giờ lão già đó chết rồi,” Gurney nói. “Hắn ta sẽ làm cái điều mà tôi...”

“Thầy có thể bắt hắn ta không, Gurney?”

“Chúa công đùa đấy sao!”

“Cuộc tranh luận giữa Hoàng đế và mục phù thủy già đã diễn ra đủ lâu rồi, mẹ không nghĩ vậy sao, thưa mẹ?”

Bà gật đầu. “Đủ rồi.”

Paul lên giọng, nói với Hoàng đế: “Thưa Bệ hạ, có một tên Harkonnen trong đám tùy tùng của người phải không?”

Sự khinh bỉ mang vẻ vua chúa hiện rõ trong cung cách Hoàng đế quay lại nhìn Paul. “Ta tin rằng đám tùy tùng của ta được đặt dưới sự bảo vệ qua lời hứa của người, lời hứa của một Công tước,” ông nói.

“Thần hỏi vậy chỉ để biết thêm thông tin thôi,” Paul nói. “Thần muốn biết liệu có phải một tên Harkonnen được công nhận chính thức như một thành viên trong đoàn tùy tùng của Bệ hạ hay hắn chỉ đơn thuần là hèn nhát lẫn trốn sau một kẻ hở của luật pháp.”

Nụ cười của Hoàng đế mang đầy vẻ tính toán. “Bất cứ người nào được chấp nhận vào công ty của Đế quốc đều là thành viên trong đoàn tùy tùng của ta.”

“Bệ hạ có lời hứa của một Công tước,” Paul nói, “nhưng Muad'Dib là chuyện khác. *Người* có thể không công nhận cách định nghĩa của Bệ hạ về những ai tạo thành một đoàn tùy tùng. Người bạn Gurney Halleck của ta muốn giết một tên Harkonnen. Liệu ông ta...”

“Kanly!” Feyd-Rautha thét lên. Hắn ta ép chặt người vào thanh giáo. “Chính cha người gọi đây là mối thù truyền kiếp, tên Atreides kia. Người gọi ta là kẻ hèn nhất trong khi người trốn giữa đám đàn bà và đề nghị cử một tên đầy tớ đấu với ta!”

Người Nói Sự thật già nua thì thầm gì đó vào tai Hoàng đế, nhưng ông đẩy bà ta sang một bên rồi nói: “Đó có phải là kanly không? Có những điều luật khắt khe dành cho kanly.”

“Paul, chấm dứt chuyện này đi,” Jessica nói.

“Thưa Tướng công,” Gurney nói, “Người hứa với tôi rằng sẽ cho tôi có một ngày chống lại Harkonnen.”

“Thầy đã có cái ngày chống lại chúng rồi,” Paul nói và chàng cảm thấy cung cách xử sự thiếu tự chủ như một tên hề choán trọn cảm xúc của chàng. Chàng cởi áo choàng và mũ trùm ra khỏi vai, trao mũ áo cùng dây đai và dao pha lê cho mẹ, rồi bắt đầu cởi bộ sa phục. Giờ đây chàng cảm thấy cả vũ trụ tập trung vào khoảnh khắc này.

“Không cần làm vậy,” Jessica nói. “Có những cách dễ hơn, Paul ạ.”

Paul bước ra khỏi bộ sa phục, rút nhanh dao pha lê ra khỏi chiếc vỏ trong tay mẹ. “Con biết,” chàng nói. “Dùng chất độc, dùng sát thủ, tất cả các phương pháp cổ xưa tương tự.”

“Ngài đã hứa dành cho tôi một tên Harkonnen!” Gurney giận dữ nói, và Paul để ý cơn thịnh nộ trên gương mặt ông, vết sẹo vì roi nhô mưng nổi lên tạo thành một lần tối trên khuôn mặt. “Ngài nợ tôi điều đó, thưa Chúa công!”

“Thầy có phải chịu đựng đau khổ do chúng gây ra nhiều hơn ta không?” Paul hỏi.

“Chị tôi,” Gurney rít lên. “Những năm tháng tôi sống trong các hầm nô lệ...”

“Cha ta,” Paul nói. “Những người bạn tốt và bằng hữu đồng cam cộng khổ với ta, Thufir Hawat và Duncan Idaho, những năm tháng ta sống như một kẻ chạy trốn không danh phận, không ai giúp đỡ... và thêm điều này nữa: giờ là vấn đề kanly, và thầy cũng rõ như ta về những điều luật mà tất cả phải tuân thủ.”

Vai Halleck chùng xuống. “Chúa công, nếu kẻ đáng ghét kia... hắn ta không hơn gì một con vật mà ngài chỉ cần dùng chân đá phứt đi rồi vút luôn chiếc giày vì nó đã bị vấy bẩn. Hãy triệu một đao phủ đến nếu ngài thấy cần, hoặc để tôi làm chuyện đó, nhưng xin ngài đừng đưa mình vào...”

“Muad'Dib không cần làm chuyện này,” Chani nói.

Chàng liếc Chani, nhìn thấy nỗi lo lắng dành cho chàng trong mắt nàng. “Nhưng Công tước Paul thì phải làm chuyện này,” chàng nói.

“Đây là một con thú Harkonnen!” Gurney rít lên.

Paul do dự suýt để lộ ra chính mình mang dòng dõi Harkonnen, dừng lại trước cái nhìn sắc nhọn của mẹ, chàng chỉ nói: “Nhưng con thú này mang hình dáng con người, Gurney ạ, và nó xứng đáng bị hoài nghi như với con người.”

Gurney nói: “Nếu hắn ta đến độ...”

“Xin hãy đứng sang một bên,” Paul nói. Chàng nhắc dao pha lê lên, khẽ đẩy Gurney sang một bên.

“Gurney!” Jessica nói. Bà chạm vào cánh tay Gurney. “Cái tính này thì Paul giống cha. Đừng làm nó sao nhãng. Đó là điều duy nhất ông có thể làm cho nó trong lúc này.” Và bà nghĩ: *Mẹ vĩ đại ơi! Thật trớ trêu làm sao.*

Hoàng đế đang quan sát Feyd-Rautha, thấy đôi vai u lên, những múi cơ cuộn cuộn. Ông quay sang nhìn Paul - chàng thanh niên giống như một

loại dây bền chặt, mảnh, gân guốc dùng để quất ngựa, không khô nước như thổ dân Arrakeen, nhưng các dễ xương sườn nhô ra đếm rõ từng chiếc một, và hai bên sườn hóp vào đến nỗi có thể lẩn ra đường gợn và các múi cơ dưới lớp da.

Jessica nghiêng người sát vào Paul, nói cho chỉ mình Paul nghe thấy: “Có điều này, con trai. Đôi khi một kẻ nguy hiểm được Bene Gesserit chuẩn bị sẵn, Bene Gesserit cấy một từ vào hốc sâu nhất của hắn bằng phương pháp lạc-thú-và-đau-đốn cổ xưa. Cái từ-âm thanh mà Bene Gesserit thường dùng nhất là Uroshnor. Nếu tên này là kẻ được Bene Gesserit chuẩn bị, ta hết sức nghi ngờ thế, thì khi con thốt từ đó vào tai hắn, nó sẽ làm cho các cơ của hắn nhũn ra và...”

“Con không muốn có bất kỳ lợi thế đặc biệt nào khi đấu với tên này,” Paul nói. “Mẹ hãy lùi lại tránh đường cho con.”

Gurney nói với bà: “Tại sao Paul làm chuyện này? Có phải cậu ấy định để chính cậu ấy bị giết và trở thành đấng tuấn đạo? Cái chuyện tâm phào theo tín ngưỡng Fremen này, nó có phải là điều che mờ lý trí của cậu ấy không?”

Jessica giấu mặt trong đôi tay, nhận ra bà hoàn toàn không biết tại sao Paul chọn cách giải quyết này. Bà có thể cảm thấy cái chết trong căn phòng này và biết rằng Paul, vốn không còn là Paul ngày trước, có thể làm một chuyện như Gurney nói. Mọi năng lực trong bà tập trung vào cái nhu cầu cần bảo vệ con trai, nhưng bà chẳng thể làm gì được.

“Có phải là do cái chuyện tôn giáo tâm phào đó không?” Gurney gặng hỏi.

“Im lặng,” Jessica thì thầm. “Và cầu nguyện đi.”

Đột nhiên Hoàng đế thoáng cười. “Nếu Feyd-Rautha Harkonnen... một thành viên trong đoàn tùy tùng của ta... đã muốn,” ông nói, “thì ta giải phóng anh ta khỏi mọi mối ràng buộc và trao cho anh ta quyền tự do lựa chọn cách giải quyết trong chuyện này.” Hoàng đế vẫy tay ra hiệu về phía đội cận vệ Fedaykin của Paul. “Một tên trong đám lâu la hạ tiện của

người đã tước thắt lưng và dao ngắn của ta. Nếu Feyd-Rautha muốn, anh ta có thể cầm dao của ta trong trận giao đấu với người.”

“Tôi muốn có nó,” Feyd-Rautha nói, và Paul nhìn thấy vẻ phẫn chấn trên gương mặt hắn.

Hắn ta quá tự tin, Paul nghĩ. Đó là một thuận lợi tự nhiên mà ta có thể chấp nhận.

“Lấy dao của Hoàng đế đi,” Paul nói, và quan sát khi mệnh lệnh của chàng được tuân theo. “Đặt lên sàn nhà ở kia.” Chàng dùng chân chỉ vào một chỗ. “Dồn lũ người của Hoàng gia lùi lại sát tường và để tên Harkonnen này đứng tách ra.”

Có tiếng áo choàng di chuyển, tiếng bước chân xào xạc trong lúc họ làm theo lệnh của Paul, tiếng người khe khẽ ra lệnh, tiếng người khe khẽ phản đối. Hai tên mật vụ của Hiệp hội vẫn đang đứng gần thiết bị liên lạc. Họ cau mày nhìn Paul, rõ là do dự không biết nên quyết định thế nào.

Bọn họ quen với việc nhìn thấy tương lai, Paul nghĩ. Trong nơi này và khoảng thời gian này bọn họ không nhìn thấy gì... thậm chí cả ta cũng thế. Và chàng lấy mẫu những ngọn gió-thời gian, cảm thấy sự rối loạn, cái trung tâm bão tập trung ở đây, lúc này. Thậm chí bây giờ những lỗ hổng mờ nhạt cũng đóng lại. Đây chính là cuộc thánh chiến hãy còn chưa ra đời, chàng biết. Nơi đây là cái ý thức dòng giống mà chàng từng biết đến như là mục đích kinh khủng của chính chàng. Ở đây có đủ lý do cho một Kwisatz Haderach hay Lisan al-Gaib hay thậm chí những âm mưu què quặt bất toàn của Bene Gesserit. Dòng giống loài người đã cảm thấy tình trạng tạm ngừng hoạt động của chính mình, tự cảm thấy mình đã trở nên cũ rích và chỉ biết một điều rằng giờ đây nó cần trải qua sự hỗn độn để các gen trộn lẫn với nhau và những hỗn hợp mới nào mạnh mẽ thì sẽ sống sót. Trong khoảnh khắc này, mọi con người đều sống như một cơ thể đơn lẻ không có ý thức, trải qua một loại nhiệt tính dục có thể vượt qua bất cứ rào chắn nào.

Và Paul nhận thấy mọi nỗ lực của chàng hòng thay đổi bất kỳ mắt xích nhỏ nào trong chuyện này đều thật vô ích. Chàng từng toan chống lại

cuộc thánh chiến trong chính mình, nhưng cuộc thánh chiến vẫn sẽ xảy ra. Đạo quân của chàng sẽ từ Arrakis ồ ạt tràn ra mà thậm chí không cần có chàng. Họ chỉ cần truyền thuyết, mà chính chàng đã trở thành truyền thuyết đó. Chàng đã chỉ cho họ con đường đó, cho họ nắm quyền thao túng thậm chí cả Hiệp hội, cái bọn người vốn không thể sống thiếu hương được.

Một cảm giác thất bại tràn ngập trong chàng, và chàng nhìn xuyên qua nó thấy tên Feyd-Rautha Harkonnen đã cởi bỏ bộ trang phục rách nát, chỉ còn để lại thắt lưng giao đấu có lõi bằng sắt.

Đây là đỉnh điểm, Paul nghĩ. Từ đây, tương lai sẽ mở ra, những đám mây rẽ ra dẫn tới một kiểu vinh quang. Và nếu ta chết ở đây, họ sẽ nói ta hy sinh thân mình để linh hồn ta có thể dẫn đường cho họ. Còn nếu ta sống, họ sẽ nói không ai có thể chống lại Muad'Dib.

“Tên Atreides kia đã sẵn sàng chưa?” Feyd-Rautha gọi, dùng những ngôn từ mang tính nghi lễ kanly cổ xưa.

Paul trả lời hần ta theo cách Fremen: “Cầu cho con dao của người sút mẻ và vỡ tan!” Chàng chỉ vào lưỡi dao của Hoàng đế trên sàn nhà, ra hiệu cho tên Feyd-Rautha tiến lên cầm lấy dao.

Vẫn chú ý vào Paul, Feyd-Rautha nhấc con dao lên, giữ cân bằng nó trong tay một lát để có cảm giác về nó. Sự phấn khích rục lên trong hần. Đây là một trận đấu mà hần đã từng mơ - người chống lại người, kỹ năng chống lại kỹ năng, không có sự can thiệp của tấm chắn. Hần có thể thấy con đường đưa tới quyền lực mở ra trước mặt bởi vì chắc chắn Hoàng đế sẽ thưởng công cho bất kỳ ai giết được vị Công tước phiền phức này. Phần thưởng thậm chí có thể chính là cô con gái kiêu kỳ kia và một phần ngai vàng. Và cái gã công tước quê kệch này, thằng đánh thuê tỉnh lẻ này không thể là đối thủ của một Harkonnen đã được huấn luyện về mọi mưu chước, mọi trò đối trá qua hàng ngàn cuộc chiến nơi đấu trường. Và tên quê mùa kia không có cách nào biết được hần đang đối mặt không chỉ với một con dao mà còn với những vũ khí khác nữa.

Hãy để chúng ta thấy liệu người có chịu đựng được chất độc không!

Feyd-Rautha nghĩ. Hắn giơ con dao của Hoàng đế chào Paul và nói: “Hãy gặp thần chết của người đi, tên khốn ngu ngốc.”

“Chúng ta giao đấu chứ, ông anh họ?” Paul hỏi. Và chàng tiến lên bằng bước chân của loài mèo, nhìn trừng trừng vào con dao ngắn đang chờ đợi, thân chàng cúi thấp cùng với con dao pha lê màu trắng sữa chìa ra như phần nối dài của cánh tay.

Họ vờn nhau theo vòng tròn, chân trần di trên sàn nghe xào xạo, quan sát nhau bằng mắt, chú ý tìm kẽ hở nhỏ nhất.

“Người nhảy múa mới đẹp làm sao,” Feyd-Rautha nói.

Hắn là một kẻ ba hoa, Paul nghĩ. Lại thêm một nhược điểm. Hắn trở nên bứt rứt khi phải đối mặt với sự im lặng.

“Người đã xưng tội chưa?” Feyd-Rautha hỏi.

Paul vẫn im lặng đi vòng tròn.

Và Mẹ Chí tôn già, trong khi quan sát cuộc giao đấu từ chỗ đám tùy tùng của Hoàng đế, cảm thấy chính mình đang run lên. Tên thanh niên Atreides kia đã gọi gã Harkonnen là anh họ. Điều đó chỉ có nghĩa là hắn biết về dòng dõi chung của cả hai, điều dễ hiểu bởi vì hắn là Kwisatz Haderach. Nhưng lời nói đó buộc mọi ta phải tập trung vào điều duy nhất có ý nghĩa quan trọng với mọi.

Chuyện này có thể là một thảm họa nghiêm trọng đối với kế hoạch gây giống của Bene Gesserit.

Mọi đã nhận ra điều gì đó về cái Paul đã nhìn thấy ở đây, rằng tên Feyd-Rautha có thể giết chàng nhưng không giành được chiến thắng. Nhưng rồi một ý nghĩ khác hầu như choán trọn tâm trí mọi. Hai sản phẩm cuối cùng của cái chương trình dài đằng đặc và vô cùng tốn kém này giờ đây đang đứng đối diện nhau trong một trận đấu dẫn tới cái chết, cái chết có thể dễ dàng xảy ra với cả hai người. Nếu cả hai cùng chết thì sẽ chỉ còn

lại đưa con gái ngoài giá thú của Feyd-Rautha, vẫn là một đứa bé, một nhân tố chưa biết, chưa ước lượng được, và Alia, đứa con gái ghê tởm.

“Có lẽ ở đây người chỉ có những nghi thức ngoại giáo,” Feyd-Rautha nói. “Người có muốn Người Nói Sự thật của Hoàng đế chuẩn bị cho linh hồn người bước vào cuộc hành trình của nó không?”

Paul mỉm cười, vòng về phía phải, đẩy cảnh giác, những suy nghĩ ảm đạm bị nén lại bởi những gì cần thiết nhất trong khoảnh khắc này.

Feyd-Rautha lao vào, tung một đòn nhử bằng tay phải, nhưng loáng cái con dao lại chuyển sang tay trái.

Paul tránh đòn dễ dàng, chàng nhận ra nhát đâm của Feyd-Rautha có sự do dự như ở trong điều kiện giao đấu có tấm chắn. Dù vậy, sự do dự đó không lâu như ở vài người mà Paul đã gặp, và chàng cảm thấy trước đây tên Feyd-Rautha này đã giao chiến với những đối thủ không mang tấm chắn.

“Một tên Atreides sẽ chạy hay đứng lại chiến đấu đây?” Feyd-Rautha hỏi.

Paul vẫn tiếp tục đi vòng tròn trong im lặng. Những lời của Idaho vọng đến chàng, lời huấn luyện trên sàn tập hồi còn ở Caladan: *“Hãy dùng những phút đầu tiên để quan sát. Nếu làm thế, tuy ngài có thể bỏ lỡ nhiều cơ hội chiến thắng nhanh chóng, nhưng khoảng thời gian quan sát đó đảm bảo cho ngài chiến thắng. Cứ từ từ, thấy chắc thì hãy đánh.”*

“Có lẽ người nghĩ điệu nhảy này kéo dài cuộc sống của người thêm vài phút nữa,” Feyd-Rautha nói. “Được lắm.” Hắn thôi không đi vòng tròn nữa, thẳng người lên.

Paul đã quan sát đủ để có một phép tính gần đúng đầu tiên. Feyd-Rautha nhảy sang bên trái, phoir hông phải ra như thể chiếc thắt lưng giao đấu bằng lưới có thể bảo vệ toàn bộ sườn hấn. Đó là hành động của một kẻ được đào tạo với tấm chắn và sử dụng dao thành thạo cả hai tay.

Hay là... Paul do dự... cái thắt lưng đó thật ra có tác dụng nhiều hơn ta tưởng.

Tên Harkonnen dường như quá tự tin trong cuộc đấu với Paul, người vừa lãnh đạo lực lượng mình đánh thắng hàng mấy quân đoàn Sardaukar.

Feyd-Rautha nhận ra sự lưỡng lự của chàng, bèn nói: “Tại sao cứ kéo dài việc không thể tránh khỏi này? Làm thế người chỉ ngăn ta thực thi quyền của ta đối với cái quả cầu cút đá này thôi.”

Nếu đó là phi tiêu tẩm độc, đó là một trò xảo quyết, Paul nghĩ. Nhìn cái thắt lưng thì không thấy có dấu vết nào chứng tỏ hắn gài thứ gì đó vào.

“Sao người không nói?” Feyd-Rautha gặng hỏi.

Paul tiếp tục đi theo vòng tròn để thăm dò, cho phép mình mỉm cười lạnh lùng trước giọng điệu bức bối của Feyd-Rautha, chứng tỏ việc chàng im lặng đang gia tăng áp lực đối với hắn.

“Người cười gì hử?” Feyd-Rautha hỏi. Và chưa nói dứt câu thì hắn đã lao vào.

Chờ đợi giây phút hắn do dự, suýt chút nữa Paul không kịp tránh lưỡi dao bổ xuống, cảm thấy mũi dao làm sứt da cánh tay trái. Chàng im lặng chịu đựng cơn đau bất chợt ở đó, tâm trí chàng tràn ngập nhận thức rằng sự do dự của hắn ban này là một mảnh lối - một đòn nhử trên cơ một đòn nhử. Hắn là đối thủ nguy hiểm hơn chàng nghĩ. Hắn có vô vàn mảnh lối.

“Chính tên thầy Thufir Hawat của người đã dạy ta vài chiêu,” Feyd-Rautha nói. “Ông ta cho ta đổ máu lần đầu tiên. Thật tệ khi cái tên già ngu ngốc đó không còn sống để chứng kiến cảnh này.”

Và Paul nhớ lại Idaho đã một lần nói: “Chỉ trông đợi vào những gì xảy ra trong cuộc chiến. Theo cách đó ngài sẽ không bao giờ bị bất ngờ.”

Lại một lần nữa hai người vờn nhau theo đường tròn, thu mình, thận

trọng.

Cảm nhận được đối thủ phẫn chấn trở lại, Paul tự hỏi tại sao. Chẳng lẽ đối với hắn một vết thương nhỏ của chàng lại quan trọng đến thế sao? Trừ phi con dao có tẩm độc! Nhưng tẩm độc lên dao bằng cách nào? Chính người của chàng đã giữ con dao và xem xét cẩn thận trước khi trao cho hắn. Họ cũng được đào tạo kỹ lưỡng nên không thể bỏ qua điều hiển nhiên như thế.

“Cô gái vừa nói chuyện với người ở đằng kia,” Feyd-Rautha nói. “Cô gái có dáng người nhỏ nhắn ấy. Có phải cô ta là cái gì rất đặc biệt đối với người không? Chắc là một cục cưng hử? Cô ả có đáng cho ta đặc biệt chú ý không nhỉ?”

Paul vẫn im lặng, thăm dò bằng khả năng phán đoán bên trong, xem xét dòng máu chảy ra từ vết thương, nhận thấy có dấu vết của thuốc ngủ từ con dao của Hoàng đế. Chàng sắp xếp lại quá trình trao đổi chất trong cơ thể mình để chống lại mối đe dọa này và thay đổi những phân tử của thuốc ngủ, nhưng chàng thấy rằng mình nghi hoặc. Bọn họ đã chuẩn bị sẵn con dao tẩm thuốc ngủ. Một chất gây ngủ. Máy dò chất độc chẳng phát hiện được, nhưng đủ mạnh để làm chậm các bắp thịt mà nó chạm vào. Những kẻ thù của chàng có vô vàn âm mưu, cả núi những trò dối trá.

Lại một lần nữa Feyd-Rautha lao vào đâm chàng.

Paul vẫn giữ nụ cười lạnh giá trên khuôn mặt, tránh đòn với vẻ chậm chạp như thể bị chậm lại do tác dụng của thuốc, vào phút cuối chàng lách người tránh đòn khiến cánh tay cầm dao đang bổ xuống gặp ngay mũi dao của chàng.

Feyd-Rautha cúi nhanh người sang một bên rồi vòng ra xa, hắn chuyển dao sang tay trái, và hắn cựa đến mức chỉ một chút tái đi ở quai hàm để lộ cơn đau ghê gớm nơi Paul vừa chém hắn.

Hãy để hắn biết khoảnh khắc nghi hoặc của chính hắn, Paul nghĩ. Để hắn nghi ngờ có chất độc.

“Đồ phản bội!” Feyd-Rautha la lên. “Hắn ta đầu độc tôi! Tôi cảm thấy chất độc trên cánh tay!”

Paul trút bỏ vỏ bọc im lặng, nói: “Chỉ là một chút a xít đáp trả thuốc ngủ trên con dao của Hoàng đế thôi.”

Feyd-Rautha nhận ra nụ cười lạnh lẽo của Paul, hắn nâng con dao trong bàn tay trái lên theo một kiểu chào nhạo báng. Đôi mắt hắn quắc lên giận dữ đằng sau con dao.

Paul chuyển dao sang tay trái, giống kẻ địch. Họ lại đi vòng tròn, thăm dò.

Feyd-Rautha bắt đầu thu hẹp khoảng cách giữa hai người, dịch lại gần, dao giữ ở vị trí cao, nổi tức giận lộ ra trong con mắt lác và bộ quai hàm. Hắn đánh nhử sang phải rồi xuống dưới, và hai người ép chặt vào nhau, những bàn tay cầm dao kẹp chặt nhau, căng thẳng.

Cảnh giác trước vùng hông bên phải của Feyd-Rautha vì ngờ ở đó có phi tiêu tẩm độc, Paul buộc chàng quay về phía phải. Suýt chút nữa chàng không nhìn thấy mũi kim thò ra dưới mép thắt lưng. Cách di chuyển và một chút hờ hênh trong cử động của Feyd-Rautha đã cảnh báo chàng. Mũi kim nhỏ xíu thiếu chút nữa đã đâm vào da Paul.

Bên phía hông trái!

Đối trá trong đối trá trong đối trá, Paul nhắc nhở mình. Sử dụng các cơ được đào tạo theo phương pháp Bene Gesserit, chàng nghiêng hẳn về một bên để ăn khớp với phản xạ của Feyd-Rautha, nhưng do phải tránh mũi kim nhỏ xíu thò ra từ hông đối thủ nên chàng thụt lùi lại, trượt chân và nhận ra mình bị ngã mạnh xuống sàn nhà, Feyd-Rautha ở trên chàng.

“Người nhìn thấy mũi kim ở hông ta rồi chứ?” Feyd-Rautha thì thầm. “Cái chết của người đó, đồ ngốc.” Và hắn bắt đầu vặn vẹo người, ép chiếc kim tẩm độc ngày càng sát chàng hơn. “Nó sẽ làm các cơ của người ngừng hoạt động và con dao của ta sẽ kết liễu người. Sẽ không để lại chút dấu vết nào nên chẳng ai phát hiện ra đâu!”

Paul gắng sức, lắng nghe những tiếng thét câm lặng trong đầu, các vị tổ tiên in dấu trong tế bào chàng đang yêu cầu chàng sử dụng cái từ bí mật đó để khiến Feyd-Rautha chậm lại, bảo vệ mạng sống của chàng.

“Ta sẽ không nói từ đó!” Paul thở hỗn hển.

Feyd-Rautha há hốc miệng nhìn chàng, hấn ngập ngừng trong một khoảnh khắc cực nhỏ. Chỉ thế thôi cũng đủ để Paul tìm ra điểm yếu trong thế thăng bằng của một trong các cơ chân của đối thủ, và vị trí của họ bị hoán đổi. Một phần người của Feyd-Rautha nằm bên dưới, hông phải ở phía cao, không thể xoay lại vì mũi kim bé xíu đâm xuống sàn nhà bên dưới hấn ta.

Paul xoay bàn tay trái uyển chuyển, được bôi trơn nhờ máu từ vết thương trên cánh tay, chàng đâm ngược một nhát lên quai hàm Feyd-Rautha. Mũi dao đâm thấu vào não. Feyd-Rautha giật nảy mình rồi rũ về phía sau, vẫn tì một phần hông lên mũi kim đâm xuống sàn nhà.

Thở sâu để lấy lại bình tĩnh, Paul nhai người đứng dậy. Chàng đứng trên cái thi thể, tay cầm dao, ngược mắt lên một cách cố ý chậm chạp, nhìn ngang qua phòng về phía Hoàng đế.

“Thưa Bệ hạ,” Paul nói, “thêm một lần nữa lực lượng của người lại giảm đi rồi. Bây giờ chúng ta sẽ gỡ bỏ cái mặt nạ giả vờ và khoe khoang đi chứ? Chúng ta sẽ thảo luận về điều phải xảy ra chứ? Việc con gái Người lấy thân là con đường mở ra cho một Atreides ngồi lên ngai vàng.”

Hoàng đế quay sang nhìn Bá tước Fenring. Bá tước bắt gặp cái nhìn chăm chăm của ông - đôi mắt xám tương phản với mắt xanh. Cái suy nghĩ nằm giữa hai cái nhìn thật rõ ràng, họ kết giao với nhau lâu đến nỗi chỉ cần một cái liếc mắt là họ hiểu nhau nghĩ gì.

Hãy giết kẻ mới phát này cho ta, Hoàng đế nói. Tên Atreides này còn trẻ và có tài xoay sở, đúng vậy - nhưng hấn đã quá mệt do phải gắng sức

suốt một thời gian dài và dù thế nào hãn cũng không địch lại ông. Bây giờ hãy thách đấu hãn... ông biết cách làm điều đó. Giết hãn đi.

Fenring chậm chậm quay đầu, cho đến khi đối mặt với Paul.

“Làm đi!” Hoàng đế rút lên.

Vị Bá tước tập trung vào Paul, quan sát chàng bằng đôi mắt đã được Phu nhân Margot của ông đào tạo theo phương pháp Bene Gesserit, ông biết điều huyền bí và vẻ cao quý ẩn giấu của vị Atreides trẻ tuổi này.

Mình có thể giết anh ta, Fenring nghĩ - và ông biết điều này là sự thật.

Có gì đó tận trong những đáy sâu bí ẩn của chính Bá tước ngăn ông lại, và ông thoáng thấy một cách ngăn ngừi, không đầy đủ, lợi thế của mình đối với Paul - ông có cách để tránh chàng trai, ông có sự kín đáo và những động cơ mà không con mắt nào có thể hiểu thấu.

Nhận biết chút gì đó về điều này xét theo cách sôi sục của điểm kết nối thời gian, Paul cuối cùng cũng hiểu tại sao chàng chưa bao giờ nhìn thấy Fenring trong mạng lưới các thị kiến tiên tri. Fenring là một trong những người-lẽ-ra-đã-là-Người-đó, gần như một Kwisatz Haderach, nhưng không hoàn toàn là Kwisatz Haderach, bị què quặt do một sai sót trong mẫu gen - một thái giám, tài năng của ông ta lặn cả vào bên trong. Một mối thương cảm sâu sắc dành cho vị Bá tước tràn ngập trong Paul, đó là cảm giác đầu tiên về tình anh em mà chàng từng nếm trải.

Fenring đọc được những cảm xúc của Paul, ông nói: “Bẩm Bệ hạ, thần phải từ chối việc này.”

Cơn thịnh nộ của Shaddam IV trào lên. Ông ta tiến hai bước ngắn qua đám tùy tùng, tát Fenring một cú trời giáng vào quai hàm.

Khuôn mặt vị Bá tước đỏ bầm lại. Ông nhìn thẳng vào Hoàng đế, cố ý nói mà không nhấn giọng: “Chúng ta từng là bạn, thưa Bệ hạ. Điều thần làm bây giờ là vì tình bạn. Thần sẽ quên việc Người đã đánh thần.”

Paul hăng giọng nói: “Chúng ta đang bàn về ngai vàng, thưa Bệ hạ.”

Hoàng đế xoay người, quắc mắt nhìn Paul giận dữ. “Ta đang ngồi trên ngai vàng!” ông quát.

“Bệ hạ sẽ có một ngai vàng ở Salusa Secundus,” Paul nói.

“Ta đã hạ vũ khí và đến đây theo lời hứa của người về giao ước!” Hoàng đế hét lên. “Người dám đe dọa...”

“Long thể của người an toàn khi thần có mặt ở đây,” Paul nói. “Một Atreides đã hứa điều đó. Tuy nhiên, Muad'Dib kết án lưu đày Bệ hạ trên hành tinh tù ngục của người. Nhưng người đừng sợ, thưa Bệ hạ. Thần sẽ giảm bớt sự khắc nghiệt của hành tinh đó bằng tất cả sức mạnh trong quyền hạn của thần. Nơi đó sẽ trở thành một thế giới xanh tươi, toàn những điều dễ chịu.”

Khi ý nghĩa ẩn giấu trong những lời của Paul lớn dần lên trong đầu Hoàng đế, ông giận dữ nhìn ngang qua phòng về phía Paul. “Giờ thì chúng ta đã thấy những động cơ thực sự,” ông chế nhạo.

“Đúng vậy,” Paul nói.

“Thế còn Arrakis?” Hoàng đế hỏi. “Thêm một thế giới xanh tươi toàn những điều dễ chịu nữa sao?”

“Người Fremen có lời hứa của Muad'Dib,” Paul nói. “Nơi đây sẽ có dòng nước chảy lộ thiên dưới bầu trời và một ốc đảo xanh tươi với những thứ tuyệt vời. Nhưng chúng ta cũng cần nghĩ về hương được nữa. Do đó, sẽ luôn có sa mạc trên Arrakis... và những cơn gió dữ dội, những thử thách làm con người trở nên dẻo dai. Người Fremen chúng thần có một châm ngôn: ‘Thượng đế tạo ra Arrakis để rèn giũa người trung tín.’ Người ta không thể làm trái lời Thượng đế.”

Lúc này Người Nói Sự thật già nua, Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam, đã có quan điểm của chính mẹ về ý nghĩa ẩn giấu trong những lời của Paul.

Mụ thoáng thấy cuộc thánh chiến, liền nói: “Người không thể buông lỏng bọn người này trên vũ trụ!”

“Người hãy nghĩ lại cách hành xử lịch thiệp của quân Sardaukar đi!” Paul cúi kính.

“Người không thể,” mụ thì thầm.

“Người là Người Nói Sự thật,” Paul nói. “Hãy cân nhắc lời nói của mình.” Chàng liếc Công chúa Hoàng gia rồi quay sang Hoàng đế. “Tốt nhất là tiến hành nhanh chóng, thưa Bệ hạ.”

Hoàng đế buồn rầu nhìn con gái. Nàng chạm vào tay cha, nói nhẹ nhàng: “Về việc này con đã được đào tạo rồi, thưa Cha.”

Hoàng đế hít một hơi sâu.

“Người không thể trì hoãn chuyện này,” Người Nói Sự thật thì thầm.

Hoàng đế thẳng người lên, đứng cứng đờ với dáng vẻ của một người vừa nhớ lại tước vị của mình. “Ai sẽ thương lượng cho người đây, hỡi người họ hàng?” ông ta hỏi.

Paul quay lại nhìn mẹ, mí mắt bà sưng mọng, bà đang đứng với Chani trong đội cận vệ Fedaykin. Chàng đi ngang qua họ, đứng lại nhìn Chani.

“Em biết lý do,” Chani thì thầm. “Nếu đó là điều phải làm... Usul.”

Paul nghe thấy những giọt nước mắt thấm kín trong giọng nàng, bèn chạm vào má nàng. “Sihaya của ta không cần lo lắng gì cả,” chàng thì thầm. Chàng thả tay xuống, đối diện với mẹ. “Mẹ sẽ thương lượng cho con chứ, thưa mẹ, cùng với Chani bên cạnh mẹ. Nàng có sự thông thái và đôi mắt tinh anh. Thật sáng suốt khi nói rằng không ai thương lượng cứng rắn hơn một người Fremen. Nàng sẽ nhìn bằng con mắt của tình yêu nàng dành cho con và bằng suy nghĩ về những đứa con nàng sẽ ra đời, những gì chúng sẽ cần. Hãy lắng nghe nàng.”

Jessica cảm thấy sự tính toán tàn nhẫn trong con trai, bà cố nén cơn rùng mình. “Chỉ thị của con là gì?” bà hỏi.

“Toàn bộ cổ phần của công ty CHOAM mà Hoàng đế đang nắm giữ làm của hồi môn,” chàng nói.

“Toàn bộ sao?” Bà choáng váng đến nỗi gần như không nói được gì.

“Bây giờ ông ta sẽ chẳng còn gì. Con muốn Gurney Halleck có địa vị bá tước và giữ chức giám đốc công ty CHOAM, ban cho ông ấy thái ấp Caladan. Tất cả người của gia tộc Atreides còn sống sót sẽ có tước vị và quyền hạn đi kèm, không loại trừ người lính mang cấp bậc thấp nhất.”

“Thế còn người Fremen thì sao?” Jessica hỏi.

“Người Fremen là dân của con,” Paul nói. “Họ sẽ được Muad'Dib ban bổng lộc. Đầu tiên là phong cho Stilgar làm Thống đốc Arrakis, nhưng chuyện đó có thể đợi được.”

“Còn mẹ?” Jessica hỏi.

“Mẹ muốn gì?”

“Có lẽ là Caladan,” bà nói, nhìn Gurney. “Mẹ không chắc. Mẹ đã quá giống người Fremen... và quá giống Mẹ Chí tôn. Mẹ cần có khoảng thời gian yên bình, tĩnh lặng để suy nghĩ.”

“Mẹ sẽ có điều đó,” Paul nói, “cùng bất cứ điều gì mà Gurney và con có thể trao cho mẹ.”

Jessica gật đầu, bất chợt cảm thấy mình già nua một mối. Bà nhìn Chani. “Dành cái gì cho người thiếp Hoàng gia đây?”

“Con không cần tước vị,” Chani thì thầm. “Không cần gì. Con xin mẹ.”

Paul nhìn chằm chằm vào mắt nàng, bất chợt nhớ lại hình ảnh một lần

nàng đứng bế Leto bé bỏng trong tay, đưa con của họ đã chết trong cuộc giao tranh ác liệt này. “Bây giờ ta thể với nàng,” chàng thì thầm, “nàng sẽ không cần tước vị. Cô gái đứng đằng kia sẽ là vợ ta và nàng chỉ là một người thiếp bởi đây là vấn đề chính trị và trong giờ phút này chúng ta phải hàn gắn hòa bình, thuyết phục các Đại Gia tộc của Landsraad hợp tác. Chúng ta phải tuân theo nghi thức. Tuy nhiên nàng công chúa kia sẽ không có được gì ngoài cái tên của ta. Không có đứa con nào với ta, không đụng chạm, không liếc mắt tình tứ, không phút giây khao khát.”

“Giờ thì chàng nói vậy thôi,” Chani nói. Nàng nhìn qua căn phòng hướng về phía nàng công chúa đáng cao.

“Con hiểu quá ít về con trai ta phải không?” Jessica thì thầm. “Hãy nhìn nàng công chúa đứng đằng kia, quá kiêu kỳ, quá tự tin. Nghe nói nàng ta có tài chữ nghĩa. Ta hãy hy vọng nàng ta tìm thấy niềm an ủi trong những việc như thế; nàng ta còn có chút gì khác nữa đây.” Jessica bật cười cay đắng. “Nghĩ mà xem, Chani: nàng công chúa kia sẽ có danh phận, nhưng cuộc sống của nàng ta sẽ còn kém cả một người thiếp - không bao giờ biết dù chỉ một khoảnh khắc âu yếm của người đàn ông nàng ta cưới làm chồng. Trong khi chúng ta, Chani ạ, chúng ta mang danh phận người thiếp, nhưng lịch sử sẽ gọi chúng ta là những người vợ.”

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook](#) để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.

Phụ lục

PHỤ LỤC I: HỆ SINH THÁI XỨ CÁT

Vượt quá điểm tới hạn bên trong một không gian hữu hạn, tự do gì ảm khi số lượng tăng. Điều này đúng với những con người trong không gian hữu hạn của một hệ sinh thái hành tinh cũng như đúng với các phân tử khí bên trong một chiếc bình kín. Đối với con người, vấn đề không phải là bao nhiêu người có thể sống sót bên trong hệ, mà là những ai sống sót thì có thể tồn tại theo kiểu nào.

- Pardot Kynes, nhà hành tinh học đầu tiên ở Arrakis

Đối với người mới đến, ấn tượng ban đầu về Arrakis thường là một vùng đất cằn cỗi choáng ngợp. Người xứ khác có thể cho rằng tại nơi đây không thứ gì có thể sống hay mọc ngoài trời, rằng đây quả thật là chốn hoang địa chưa bao giờ và sẽ không bao giờ màu mỡ.

Với Pardot Kynes, hành tinh này chỉ đơn thuần là sự hiển bày của năng lượng, một cỗ máy được vận hành bởi mặt trời của nó. Điều nó cần là phải thay đổi lại cấu trúc cho phù hợp với nhu cầu của con người. Tâm trí ông lập tức nghĩ đến cộng đồng dân cư di chuyển tự do, người Fremen. Thử thách lớn làm sao! Họ có thể là một công cụ tuyệt vời đến thế nào! Người Fremen: một lực lượng sinh thái và địa chất có tiềm năng hầu như vô hạn.

Một con người ngay thẳng và đơn giản xét trên nhiều phương diện, Pardot Kynes. Muốn tránh những ràng buộc của nhà Harkonnen ư? Tuyệt. Thì cứ lấy một phụ nữ Fremen làm vợ. Khi cô ta cho anh một đứa con trai Fremen thì anh hãy bắt đầu với nó, với Liet-Kynes, và những đứa con khác, dạy cho chúng kiến thức về sinh thái, tạo ra một ngôn ngữ mới với những biểu tượng làm cho trí tuệ có khả năng chi phối toàn bộ một cảnh quan, khí hậu của nó, những giới hạn theo mùa của nó, và cuối cùng vượt

qua mọi cách nghĩ về sức mạnh để đến với nhận thức choáng váng về *trật tự*.

“Có một vẻ đẹp được thừa nhận từ bên trong về sự vận động và tính cân bằng trên bất cứ hành tinh nào có ảnh hưởng tích cực tới con người,” Kynes nói. “Ta thấy trong cái đẹp này một hiệu ứng cân bằng động vốn dĩ thiết yếu đối với mọi sự sống. Mục đích của nó đơn giản thôi: duy trì và tạo ra những mẫu hình kết hợp ngày càng đa dạng hơn. Sự sống nâng cao khả năng duy trì sức sống của hệ khép kín. Sự sống - mọi sự sống - là nhằm phục vụ cho sức sống. Các dưỡng chất cần thiết *được* sự sống tạo ra cho sự sống và sự đa dạng của sự sống ngày càng tăng thì các dưỡng chất cũng ngày càng phong phú hơn. Toàn bộ cảnh quan trở nên sống động, tràn ngập những mối quan hệ và quan hệ bên trong quan hệ.”

Đây là bài giảng của Pardot Kynes cho một lớp học trong sietch.

Tuy nhiên, trước khi giảng, ông đã phải thuyết phục người Fremen. Để hiểu chuyện này xảy ra như thế nào, trước tiên bạn phải hiểu sự chuyên chú và ngây thơ mà ông sử dụng để tiếp cận bất kỳ vấn đề nào. Chẳng phải ông ngờ nghệch, mà chỉ là ông không cho phép mình sao lãng.

Một buổi trưa nóng bức, khi ông đang khảo sát cảnh quan Arrakis trên chiếc xe mặt đất một chỗ ngồi thì bắt gặp một cảnh tượng quen thuộc như cơm bữa: Sáu tên giết thuê Harkonnen, được bảo vệ bằng khiên chắn và vũ khí tận răng, đã bắt được ba chàng thanh niên Fremen ngoài sa mạc phía sau Tường Chắn gần làng Túi Gió. Với Kynes, đó là một trận đấu thắng bại bất phân, giống trò hề hơn là thực, cho tới khi ông tập trung chú ý vào cái thực tế rằng bọn Harkonnen định giết chết những người Fremen. Cho đến lúc này, một chàng trai Fremen đã ngã xuống với động mạch bị cắt đứt, hai tên lính đánh thuê cũng đã gục, nhưng vẫn còn bốn kẻ có vũ trang chọi lại hai chàng trẻ tuổi.

Kynes không phải kẻ gan dạ; ông chỉ đơn thuần cẩn trọng và chú tâm vào mục đích. Người Harkonnen đang giết người Fremen. Họ đang hủy diệt những công cụ ông định dùng để tái tạo một hành tinh! Ông kích hoạt tấm chắn của mình, nhảy vào tấn công và giết chết hai tên Harkonnen bằng một lưỡi dao mảnh trước khi chúng nhận ra sau lưng có người. Ông

né nhất gươngm của một trong hai tên còn lại, cắt đứt họng y bằng một cú *entrisseur* gọn gàng, rồi để tên đánh thuê còn lại cho hai chàng Fremen giải quyết trong khi ông dồn hết tâm ý cứu chữa chàng trai đang nằm trên mặt đất. Và ông cứu được chàng ta... trong khi sáu tên Harkonnen đã bị kết liễu.

Giờ thì lại đến tình thế khó xử! Mấy người Fremen không biết làm gì với Kynes. Họ biết ông là ai, dĩ nhiên. Không ai đặt chân đến Arrakis mà tập hồ sơ đầy đủ về họ lại không tìm được đường tới các dinh lũy Fremen. Họ biết ông: ông là bầy tôi của Hoàng đế.

Nhưng ông đã giết bọn Harkonnen!

Nếu là những người trưởng thành thì hẳn họ đã nhún vai và, với đôi chút hối tiếc, cho linh hồn ông nhập bọn cùng linh hồn sáu người chết nằm trên mặt đất. Song nhóm Fremen này lại là những chàng trai trẻ người non dạ, và tất cả những gì họ nhìn ra được đó là họ đã nợ kẻ bầy tôi của Hoàng đế này một món nợ sinh tử.

Hai ngày sau Kynes được đưa đến một sietch nhìn xuống Đèo Gió. Với ông, điều này hoàn toàn tự nhiên. Ông nói với người Fremen về nước, về những cồn cát bị cỏ neo chặt, về những khu vườn đầy cây chà là, về những con kênh lộ thiên chảy qua sa mạc. Ông nói, nói hoài, nói mãi.

Xung quanh Kynes bùng lên một cuộc tranh cãi mà ông chưa từng thấy. Phải làm gì với gã điên này? Hẳn biết vị trí của một sietch trọng yếu. Làm gì đây? Những lời nói của hắn, câu chuyện điên khùng về một thiên đường trên Arrakis này là cái quái gì chứ? Chỉ nói suông thôi. Hẳn biết quá nhiều. Nhưng hắn đã giết bọn Harkonnen! Gánh nặng nước là cái gì chứ? Chúng ta mang nợ Đế chế từ đời nào vậy? Hẳn đã giết bọn Harkonnen. Bọn Harkonnen thì ai mà chẳng giết được. Chính tôi cũng đã làm thế còn gì.

Nhưng còn những gì hắn nói về việc Arrakis sẽ đơm hoa kết trái thì sao?

Rất đơn giản: Lấy nước đâu ra để có hoa có trái?

Hắn nói nước ở ngay đây! Và hắn đã cứu ba người của chúng ta.

Hắn đã cứu ba thằng ngu tự đặt mình vào tay bọn Harkonnen! Và hắn đã nhìn thấy dao pha lê!

Quyết định cần thiết đã được biết tới từ hàng giờ trước khi nó được thốt ra. Tau của cộng đồng sietch cho các thành viên của nó biết những gì họ phải làm; ngay cả nhu cầu thiết yếu tàn bạo nhất cũng được người ta biết rõ. Một chiến binh dạn dày kinh nghiệm được cử đi hoàn thành việc này, mang theo một con dao đã được làm phép thiêng. Hai thầy quần nước đi theo anh ta để hứng nước từ cái xác. Nhu cầu thiết yếu tàn bạo.

Chẳng ai biết chắc liệu Kynes có để tâm gì đến người-suýt-nữa-là-kẻ-hành-hình ông hay không. Ông đang nói chuyện với một nhóm người rải rác xung quanh cách ông một khoảng đầy thận trọng. Ông vừa đi vừa nói: một vòng tròn ngắn, khoa tay múa chân. Nước ở giữa trời, Kynes nói. Đi bộ ngoài trời không cần mặc sa phục. Nước vốc ngay từ dưới ao lên! Rồi thì những quả cam!

Người mang dao đối diện với ông.

“Đi đi,” Kynes nói, rồi vẫn tiếp tục câu chuyện về những cái bầy gió bí mật. Ông khẽ chạm vào người mang dao. Lưng Kynes lồ lộ bày ra để hứng nhát dao theo nghi lễ.

Điều gì xảy ra trong tâm trí người-suýt-nữa-là-kẻ-hành-hình đó, giờ đây không ai có thể biết được. Liệu có phải cuối cùng anh ta đã lắng nghe Kynes và tin tưởng? Ai mà biết được? Nhưng điều anh ta đã làm thì thật vô tiền khoáng hậu. Tên anh là Uliet. LietGià. Uliet bước ba bước rồi cố tình ngã lên chính con dao của mình, bằng cách đó buộc chính mình “đi”. Tự sát ư? Có người nói Shai-hulud đã đưa anh ta đi.

Cứ thử nói về những điếm báo nữa đi!

Từ giây phút đó trở đi, Kynes chỉ cần đưa tay chỉ, miệng nói: “Hãy đến

đó”. Hàng hàng bộ tộc Fremen lũ lượt đi. Đàn ông chết, đàn bà chết, con trẻ chết. Nhưng họ vẫn đi.

Kynes quay lại với những công việc phục vụ Đế chế của ông, chỉ huy các Trạm Thử nghiệm Sinh học. Thế nhưng giờ đây người Fremen bắt đầu xuất hiện trong số nhân sự của các Trạm. Người Fremen nhìn nhau. Họ đang thâm nhập vào “hệ thống”, một khả năng họ chưa bao giờ tính tới. Dụng cụ của trạm bắt đầu tìm được con đường tiến vào các hang động sietch, đặc biệt là các cutteray dùng để đào lòng chảo hứng nước dưới lòng đất và bẫy gió khuất.

Nước bắt đầu tích lại trong các lòng chảo.

Người Fremen bắt đầu nhận ra Kynes không phải một kẻ điên hoàn toàn mà chỉ điên ở mức vừa đủ để là một thánh nhân. Ông là một người thuộc umma, đoàn ái hữu các nhà tiên tri. Linh hồn Uliet được đưa vào sadus, nhóm phán quan thiên đường đông đảo.

Kynes - Kynes thẳng thắn, kiên quyết đến độ hung hăng - biết rằng công cuộc nghiên cứu được tổ chức cao kia chắc chắn sẽ chẳng tạo ra cái gì mới. Ông thiết lập những cuộc thử nghiệm theo từng đơn vị nhỏ, có sự trao đổi dữ liệu đều đặn hầu đạt hiệu ứng Tansley nhanh, để cho mỗi nhóm tự tìm con đường của mình. Họ phải tích lũy hàng triệu sự kiện cỏn con. Ông chỉ tổ chức những cuộc thí nghiệm khái quát, có tính tóm lược, cách ly để hiểu đúng khó khăn của họ.

Người ta làm những tiêu bản lỗi trên khắp vùng sa mạc. Người ta vẽ đồ thị những chiều hướng thời tiết dài hạn được gọi là khí hậu. Ông nhận thấy ở vùng vành đai rộng nằm giữa các đường vĩ tuyến 70 độ Bắc và Nam, trong suốt hàng ngàn năm nhiệt độ chưa bao giờ ra khỏi phạm vi 254 - 332 độ (tuyệt đối); vành đai này có những mùa sinh trưởng kéo dài khi nhiệt độ dao động từ 284 đến 302 độ tuyệt đối: phạm vi “năng suất cao” đối với các dạng sống của trái đất... nếu họ giải quyết được vấn đề nước.

Bao giờ chúng ta mới giải quyết được? người Fremen hỏi. Khi nào chúng ta sẽ được thấy Arrakis là một thiên đàng?

Với cung cách của ông thầy đáp lại một chú học trò hỏi hai cộng hai là mấy, Kynes bảo họ: “Từ ba trăm đến năm trăm năm nữa.”

Một giống dân non kém hơn thì hẳn đã kêu la, chí cùn khí nhụt. Nhưng người Fremen đã học được đức kiên nhẫn từ những kẻ cầm roi. Chừng đó thì lâu hơn một chút so với họ dự tính, nhưng tất cả họ đều hiểu thời sung sướng kia sẽ tới. Họ thắt chặt khăn rồi quay lại với công việc. Bằng cách nào đó, nỗi thất vọng khiến cho viễn cảnh thiên đường trở nên thật hơn.

Mối lo về Arrakis không phải nước mà là hơi ẩm. Người ta hầu như không biết đến thú cảnh, gia súc cũng hiếm hoi. Một số dân buôn lậu sử dụng loài lừa sa mạc đã thuần hóa, kulon, nhưng ngay cả khi lừa đã được trang bị sa phục có cải tiến thì giá nước vẫn quá cao.

Kynes từng nghĩ đến việc lắp đặt thiết bị khử nhằm phục hồi nước từ khí hydrô và ô xy bị giam trong đá tự nhiên, nhưng nhân tố chi phí-năng lượng vẫn quá cao. Hai điểm địa cực (bất chấp cái cảm giác sai lầm về an ninh nước mà chúng đem lại cho đám tiện dân pyon) chứa lượng nước quá nhỏ so với dự án của ông... và ông đâm ngờ rằng nước phải nằm ở đâu đó. Vẫn có sự gia tăng độ ẩm một cách nhất quán ở các độ cao trung bình, và trong một số ngọn gió nhất định. Lại còn cái manh mối căn bản nằm trong sự cân bằng không khí - 23 phần trăm ô xy; 75,4 phần trăm ni tơ và 0,023 phần trăm đi ô xít các bon - còn lại là một chút khí ga.

Có một loài thực vật bản địa rất hiếm, thuộc dạng cây có củ, mọc ở độ cao trên 2.500 mét ở vùng ôn đới phía Bắc. Một thân củ dài hai mét cung cấp nửa lít nước. Và có những loài cây sa mạc giống như cây ở trái đất: những loài dẻo dai hơn trong số đó có dấu hiệu tăng trưởng mạnh nếu được trồng ở những vùng trũng có lắp thiết bị thu sương.

Thế rồi Kynes nhìn thấy lòng chảo chứa muối.

Chiếc tàu chim của ông đang bay giữa các trạm xa xôi trên bled thì bị một trận bão đánh bật khỏi lộ trình. Khi bão tan thì xuất hiện lòng chảo đó - một vùng trũng khổng lồ hình bầu dục, đường trục dài khoảng ba trăm ki

lô mét - một nỗi ngạc nhiên màu trắng sáng lóa giữa sa mạc trống trơ. Kynes hạ cánh, nếm thử bề mặt lòng chảo đã được bão rửa sạch bong.

Muối.

Giờ thì ông chắc chắn.

Từng có nước trên Arrakis - một thời từng có. Ông bắt đầu xem xét lại bằng chứng về những cái giếng khô nơi có nước rỉ ra rồi biến mất, không bao giờ trở lại.

Kynes cho các chuyên gia nghiên cứu về hồ người Fremen mới qua huấn luyện bắt tay vào việc: manh mối chính của họ, những mẫu vật chất giống như da đôi khi được tìm thấy cùng với quặng hương dục sau vụ nổ. Người ta từng cho nó thuộc về một loài “cá hồi cát” tưởng tượng trong truyền dân gian Fremen. Khi các sự kiện đã trở thành bằng chứng, người ta nhận thấy có một loài sinh vật đã sinh ra những mẫu giống như da đó - một loài bơi trên cát chuyên giam nước vào những túi quặng màu mỡ nằm trong lớp địa tầng xốp ở dưới thấp, dưới mức 280 độ (tuyệt đối).

Kẻ “ăn cắp nước” này chết có đến hàng triệu trong mỗi vụ nổ hương dục. Nhiệt độ chỉ cần thay đổi năm độ là đủ giết nó rồi. Những con ít ỏi còn sống sót thì rơi vào một giấc ngủ dài trong bào xác mà kỳ thực là nửa thức nửa ngủ, để rồi sáu năm sau hóa thành những con sâu cát nhỏ (dài cỡ ba mét). Trong số sâu cát này, chỉ một vài con tránh được những người anh em to xác hơn và các túi chứa nước tiền hương dục để phát triển thành shai-hulud khổng lồ. (Nước là chất độc đối với shai-hulud, theo như người Fremen đã biết từ lâu, sau khi chìm chết con “sâu còi” hiếm hoi của Erg Nhỏ để tạo ra chất gây mê quang phổ nhận thức mà họ gọi là Nước của Sự sống. “Sâu còi” là dạng sơ khai của shai-hulud, chỉ mới đạt độ dài chừng chín mét).

Giờ thì họ đã có mối liên hệ vòng tròn: giữa Ngài tạo bé với quặng tiền hương dục; giữa Ngài tạo bé với shai-hulud; shai-hulud với sự phân tán hương dục mà nhờ đó cung cấp thức ăn cho các vi sinh vật gọi là phiêu

sinh cát; phiêu sinh cát - vốn là thức ăn cho shai-hulud - ngày một lớn, đào bới, trở thành Ngài tạo bé.

Kynes và người của ông không chú ý đến những mối liên hệ lớn lao đó nữa mà chuyển sang tập trung vào vi sinh thái. Đầu tiên là khí hậu: bề mặt cát thường đạt nhiệt độ từ 344 đến 350 độ (tuyệt đối). Dưới mặt đất chừng 30 xăng ti mét có thể mát hơn 55 độ; trên mặt đất chừng 30 xăng ti mét thì mát hơn 25 độ. Lá cây hoặc bóng râm có thể làm mát thêm 18 độ nữa. Kế đó là các dưỡng chất: cát ở Arrakis hầu hết là sản phẩm từ sự tiêu hóa của sâu cát; bụi (cái vẩn nặn quả thực ở nơi này đi đâu cũng gặp) sinh ra từ sự lở bề mặt liên tục, chuyển động “nhảy vọt” của cát. Các hạt thô được tìm thấy ở những triền cát phía đón gió. Phía có gió thì được nén phẳng và rắn. Cồn cát già có màu vàng (bị ô xy hóa), cồn cát non thì có màu như đá đã sinh ra chúng - thường là xám.

Những triền cát già phía đón gió cung cấp các khu trồng trọt đầu tiên. Người Fremen thoạt tiên muốn thực hiện một chu trình sinh trưởng cho loại cỏ đất cần có lông mao giống như than bùn nhằm đan kết, nén chặt và cố định các cồn cát bằng cách tước khỏi gió cái vũ khí lợi hại của nó: những hạt cát di động.

Các khu vực có khả năng thích ứng được bố trí ở sâu trong sa mạc về phía Nam, khuất tầm mắt bọn canh gác Harkonnen. Cỏ đất cần biến dị trước hết được trồng dọc theo (bề mặt dốc) phía đón gió của các cồn cát đã chọn vốn nằm chắn ngang đường những ngọn gió Tây thường xuyên thổi trong vùng. Bởi mặt dưới gió đã bị neo lại, mặt đón gió mỗi lúc một cao hơn và cỏ cũng tiến lên theo để bắt kịp. Những sif khổng lồ (các cồn cát dài có đỉnh ngoằn ngoèo) cao trên 1.500 mét đã được tạo ra bằng cách đó.

Khi các cồn cát làm rào chắn đã đạt đủ độ cao, người ta trồng loài cỏ kiểm rắn rồi hơn lên mặt đón gió. Mỗi cấu trúc dựa trên một cái nền dày gấp sáu lần chiều cao của nó đều được neo lại - được “cố định” lại.

Giờ thì họ bắt đầu gieo trồng đa dạng hơn - những loài cây có vòng đời ngắn (trước hết là rau muối, rau bina, rau dền), kế đó là đậu chổi, đậu lupin lùn, khuynh diệp (loại thích nghi với các vùng phía bắc Caladan),

thánh liễu lùn, thông biển - rồi các loài cây sa mạc thứ thiệt: cây nến, xương rồng, và lưỡi quỳ, loài xương rồng đại. Ở đâu trồng được, họ trồng cả cây xô thơm lạc đà, yến mạch đại, cỏ vũ mao Gobi, cỏ linh lăng đại, cỏ roi ngựa sa mạc, anh thảo, bụi hương trầm, cây hoa khói, bụi creosote.

Kể đó họ chuyển sang đời sống động vật cần thiết - các sinh vật đào hang để mở đất và làm cho đất thông hơi: chồn, chuột căng gu ru, thỏ sa mạc, rùa cát... các loài ăn thịt để kiểm chế số lượng chúng: điều hâu sa mạc, cú lùn, đại bàng và cú sa mạc; các loài côn trùng để lấp đầy những hang hốc mà các loài trên không tới được: bò cạp, rết, nhện bầy, ong bắp cày cái và sâu bay... cùng với đời sa mạc để giám sát các loài này.

Giờ mới đến cuộc thử nghiệm quyết định: cây chà là, cây bông, dưa, cà phê, thảo dược - hơn 200 loài cây lương thực được chọn lọc để thử nghiệm và làm cho thích nghi.

“Điều mà những kẻ dốt nát về sinh thái không thể nhận ra ở một hệ sinh thái,” Kynes nói, “ấy là: nó là hệ thống. Một hệ thống! Một hệ thống duy trì một sự ổn định linh hoạt nhất định mà chỉ cần một bước sai trong chỉ một khâu là có thể bị hủy diệt. Một hệ thống có trật tự, một dòng chảy từ điểm này đến điểm kia. Nếu có gì đó ngăn dòng chảy lại là trật tự sụp đổ. Kẻ không được huấn luyện có thể bỏ sót sự sụp đổ đó cho đến khi đã quá muộn. Chính vì vậy chức năng cao nhất của sinh thái học là thấu hiểu các hệ quả.”

Họ đã đạt được một hệ thống chưa?

Kynes và người của ông quan sát, chờ đợi. Giờ đây người Fremen đã hiểu ý ông khi ông tiên đoán quá xa rằng phải chờ năm trăm năm nữa.

Có một báo cáo từ các khu vườn gửi đến:

Ở rìa tiếp giáp sa mạc của các khu trồng trọt, phiêu sinh cát đang bị nhiễm độc do tương tác với các dạng sống mới. Nguyên nhân: không tương thích về protein. Ở đó đang hình thành thứ nước độc mà ngay cả

sự sống của Arrakis cũng không thể đứng tới. Một vùng khô cằn bao quanh các khu trồng trọt mà ngay cả shai-hulud cũng không xâm phạm.

Kynes đích thân đến vườn - một chuyến đi dài hai mươi cú thúc (ngồi trên kiệu như một người bị thương hay như Mẹ Chí tôn bởi ông không bao giờ trở thành kỵ sĩ cát). Ông kiểm tra vùng khô cằn đó (nó hơi thối vô cùng tận) và nhận được một phần thưởng, món quà của Arrakis.

Việc bổ sung sulfua và ni tơ cố định đã biến vùng khô cằn đó thành một lớp đất trồng màu mỡ cho các dạng sống của trái đất. Họ có thể đẩy mạnh việc gieo trồng tùy thích!

“Chuyến này có thay đổi thời hạn không?” người Fremen hỏi.

Kynes quay lại với các công thức hành tinh của ông. Đến khi đó thì các số liệu về bão gió đã khá đáng tin cậy. Ông hào phóng với những dung sai, biết rằng ông không thể vạch những giới hạn rõ ràng quanh các vấn đề sinh thái. Phải dành một lượng phủ xanh nhất định để giữ cho các cồn cát không di chuyển; một lượng nhất định dùng làm thức ăn (cho cả người lẫn thú); một lượng nữa để giữ hơi ẩm trong hệ thống rễ cây và tiếp nước cho các vùng khô nẻ xung quanh. Đến lúc này họ đã vẽ được lên bản đồ các điểm lạnh lưu động ngoài sa mạc. Phải tính thêm chúng vào công thức. Ngay cả shai-hulud cũng có chỗ trong các biểu đồ. Không bao giờ được hủy diệt Ngài, nếu không thì của báu hương được sẽ chấm dứt. Nhưng cái “nhà máy” tiêu hóa bên trong của Ngài, với sự tập trung rất lớn các chất an đề hyt và a xít, là nguồn ô xy khổng lồ. Một con sâu trung bình (dài khoảng 200 mét) thải vào không khí lượng ô xy tương đương với sự quang hợp của một diện tích cây xanh rộng mười cây số vuông.

Ông còn phải tính tới Hiệp hội nữa. Khoản hương được để mua chuộc Hiệp hội nhằm ngăn không cho vệ tinh thời tiết và các dụng cụ quan sát khác hiện diện trên bầu trời Arrakis đã chiếm một phần rất lớn.

Và cũng không thể phớt lờ người Fremen. Nhất là người Fremen, với bão gió và những vùng đất chiếm hữu không theo quy tắc bố trí quanh nguồn nước; người Fremen với tri thức họ mới có về sinh thái, cùng giấc mơ tái

tạo những vùng rộng mênh mông của Arrakis trải qua giai đoạn đồng cỏ để biến thành rừng.

Một con số hiện lên từ các biểu đồ. Kynes thông báo. Ba phần trăm. Nếu đưa được ba phần trăm nhân tố cây xanh trên Arrakis tham gia vào việc hình thành hợp chất các bon thì họ đã có được chu trình sống độc lập.

“Nhưng bao lâu?” người Fremen gặng hỏi.

“Ồ: khoảng ba trăm năm mươi năm nữa.”

Thế là quả đúng như vị umma này đã nói từ đầu: điều đó sẽ không xảy ra trong cuộc đời của bất cứ ai đang sống bây giờ, cũng không xảy ra trong thời tám đời hậu duệ của họ, nhưng nó sẽ đến.

Công việc tiếp tục: xây dựng, trồng trọt, đào bới, huấn luyện trẻ em.

Thế rồi Kynes-vị-Umma chết trong vụ sập hầm ở lòng chảo Thạch cao.

Khi đó thì con trai ông, Liet-Kynes, đã mười chín tuổi, một người Fremen thuần túy, một kỵ sĩ cát từng giết chết hơn trăm tên Harkonnen. Chức vụ trong Đế chế mà Kynes bố từng nộp đơn xin nhận danh đưa con trai đã được trao cho Liet như một chuyện đương nhiên. Ở đây cơ cấu giai cấp faufreluche nghiệt ngã đã đạt được mục đích duy trì tôn ti trật tự. Người con được đào tạo để nối gót cha.

Đến lúc này tiến trình đã được vạch rõ, những người Fremen-Nhà sinh thái đã được nhả sẵn vào con đường của họ. Liet-Kynes chỉ phải quan sát, nhắc khéo và để mắt theo dõi nhà Harkonnen... cho đến cái ngày hành tinh của ông khổ sở vì một vị Anh hùng.

PHỤ LỤC II: TÔN GIÁO XỨ CÁT

Trước khi Muad'Dib xuất hiện, người Fremen ở Arrakis theo một tôn giáo mà học giả nào cũng có thể nhận ra nó có nguồn gốc từ đạo Maometh Saari. Nhiều người đã lần ra được những dấu vết vay mượn từ các tôn giáo khác. Ví dụ thường gặp nhất là Tụng ca Nước, một bản sao trực tiếp từ Sách Nghi lễ Toàn Nhân Loại Màu Cam, để cầu những đám mây mưa mà Arrakis chưa bao giờ biết đến. Nhưng còn có những điểm tương đồng sâu xa hơn giữa Kitab al-Ibar của người Fremen với giáo lý của Kinh thánh, Ilm và Fiqh.

Bất kỳ so sánh nào về các tín ngưỡng tôn giáo quan trọng trong Đế quốc trước thời Muad'Dib cũng đều phải bắt đầu từ các thể lực chính hình thành nên những tín ngưỡng này:

1. Các tín đồ của Mười bốn Hiền giả, sách của họ là Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam, và quan điểm của họ được thể hiện trong các Chú giải và những văn bản khác do Ủy ban Dịch giả Đại đồng Tôn giáo (U.D.Đ.T.) soạn thảo;
2. Bene Gesserit, những người kín đáo phủ nhận mình là một dòng tôn giáo, nhưng lại hoạt động đằng sau một bức màn nghi lễ huyền thuật hầu như không thể vượt qua; và nội dung huấn luyện của họ, hệ thống biểu tượng của họ, cách tổ chức và các phương pháp giảng dạy nội bộ của họ hầu như hoàn toàn mang tính tôn giáo;
3. Giai cấp lãnh đạo theo thuyết bất khả tri (trong đó có Hiệp hội) mà với họ tôn giáo là trò múa rối mua vui cho dân chúng và làm cho người dân trở nên ngoan ngoãn dễ bảo; và là những người rất mực tin rằng mọi hiện tượng - kể cả hiện tượng tôn giáo - đều có thể quy giản về những giải thích mang tính cơ giới;
4. Cái gọi là những Giáo lý Cổ - trong đó có những giáo lý được các Phiêu dân Zensunni duy trì từ các phong trào Hồi giáo thứ nhất, thứ hai và thứ ba; đạo Kitôna của Chusuk; các Dị bản Phật Hồi thuộc những loại hình

phổ biến tại Lankiveil và Sikun, Hợp Thư Mahayana Lankavatara; sách Zen Hekiganshu của Delta Pavonis III, sách Tawrah và Zabur Talmud còn sót lại ở Salusa Secundus, Nghi thức Obeah rộng khắp; bộ Muadh Quran với các bản Ilm và Fiqh thuần khiết được lưu giữ bởi những nông dân trồng lúa pundi ở Caladan, các chi phái Ấn giáo có thể gặp ở khắp cùng vũ trụ trong những nhóm pyon nhỏ biệt lập; và cuối cùng là Thánh chiến Butler.

Còn có lực lượng thứ năm hình thành nên tín ngưỡng tôn giáo, nhưng tác động của nó quá phổ quát và sâu xa đến nỗi nó xứng đáng đứng một mình một cõi.

Đó dĩ nhiên là du hành không gian - và trong bất cứ cuộc thảo luận tôn giáo nào, nó xứng đáng được viết thế này:

DU HÀNH KHÔNG GIAN!

Sự di chuyển của con người trong vũ trụ đã in dấu ấn độc nhất vô nhị lên tôn giáo trong suốt một trăm mười thế kỷ trước Thánh chiến Butler. Trước hết, việc du hành không gian ở thời kỳ đầu tuy đã phổ biến nhưng phần lớn vẫn chưa được kiểm soát, còn chậm chạp, không chắc chắn, và, trước khi Hiệp hội nắm độc quyền, vẫn được thực hiện nhờ một mớ phương pháp hổ lốn. Những kinh nghiệm không gian đầu tiên, được truyền đạt một cách kém cỏi và bị bóp méo ghê gớm, đã mạnh mẽ khích lệ người ta đi vào những suy niệm thần bí.

Ngay lập tức, không gian mang lại một hương vị và cảm nhận khác đối với những ý nghĩ về Đấng Sáng tạo. Khác biệt đó có thể thấy rõ ngay cả ở những thành tựu tôn giáo cao nhất của thời kỳ này. Khắp mọi góc ngách trong tôn giáo, cảm nhận về thần thánh thiêng liêng đều bị tác động bởi tình trạng hỗn loạn của bóng tối ngoài vũ trụ.

Dường như Jupiter, trong mọi dạng hậu duệ của mình, đã rút lui vào bóng tối của người mẹ để rồi bị thay thế bởi một nội tại có tính nữ mang đầy sự đa nghĩa và với một khuôn mặt mang nhiều nỗi kinh hoàng.

Các công thức cổ xoắn xuýt, quấn bện vào nhau bởi chúng phù hợp với

nhu cầu của những cuộc chinh phục mới và các biểu tượng huy hiệu mới. Đó là thời kỳ đấu tranh giữa một bên là các con quý-thú dữ còn một bên là những lời cầu nguyện và thần chú cổ.

Chưa bao giờ có một quyết định rõ ràng.

Trong thời kỳ đó, người ta nói rằng sách Khải huyền đã được diễn giải lại, cho phép Thượng đế nói:

“Hãy gia tăng và nhân lên, hãy lấp đầy vũ trụ, và khuất phục nó, hãy cai trị mọi loài thú lạ và mọi sinh vật trong những không gian vô tận, trên và dưới những địa cầu vô tận.”

Đó là thời của những thầy phù thủy, quyền lực của họ là có thật. Có thể thấy rõ khả năng của các phù thủy này qua việc họ chẳng bao giờ huênh hoang họ đã tóm được kẻ xúi giục nổi loạn như thế nào.

Thế rồi đến thời Thánh chiến Butler - hai thế hệ hỗn loạn. Thượng đế của logic-máy móc bị quần chúng lật đổ và một ý niệm mới được nêu lên:

“Con người không thể bị thay thế.”

Hai thế hệ bạo lực đó là một quãng tạm ngưng đối với toàn thể loài người. Con người nhìn các vị thánh thần của mình cùng những nghi thức của các ngài và rồi nhận thấy rằng cả hai đều chứa đầy cái phương trình kinh khủng nhất trong mọi phương trình: sợ hãi lớn hơn tham vọng.

Với thái độ do dự, lãnh tụ các tôn giáo - mà tín đồ của chúng đã làm đổ máu hàng tỉ người - bắt đầu gặp nhau để trao đổi quan điểm. Đó là một động thái nhận được sự khuyến khích từ Hiệp hội Không gian, cái thực thể vốn đang bắt đầu xác lập sự độc quyền của mình trên toàn bộ vấn đề du hành giữa các vì sao, và từ Bene Gesserit, cái tổ chức đang tiến hành tập hợp các phù thủy.

Các cuộc gặp gỡ hiệp đồng tôn giáo đầu tiên đó đã đạt được hai bước tiến chính:

1. Sự nhận thức rằng mọi tôn giáo đều có ít nhất một điều răn chung: “Người không được phép làm dị dạng linh hồn.”

2. Ủy ban Dịch giả Đại đồng Tôn giáo.

U.D.Đ.T được triệu tập trên một hòn đảo trung lập của Trái Đất Cũ, ra đời trên nền móng các tôn giáo mẹ. Họ gặp nhau “trong niềm tin chung rằng có một Thực tánh Thiên thiêng hiện hữu trong vũ trụ.” Mọi tín ngưỡng thu hút được trên một triệu tín đồ đều có người đại diện, và, một cách nhanh chóng đến kỳ lạ, họ đạt được một thỏa thuận dựa trên tuyên ngôn về mục đích chung:

“Chúng ta có mặt ở đây để tước một thứ vũ khí quan trọng nhất khỏi tay các tôn giáo đang còn tranh chấp. Thứ vũ khí đó - khẳng khẳng khẳng định mình là tôn giáo sở hữu sự khai thị duy nhất.”

Niềm hân hoan trước “dấu hiệu hòa đồng sâu xa” này tỏ ra là quá vội. Trong hơn một Năm Chuẩn, tuyên ngôn đó là thông báo độc nhất của U.D.Đ.T. Người ta nhắc đến sự chậm chạp này một cách chua chát. Giới hát rong sáng tác những bài hát hài hước và chua cay về một trăm hai mươi mốt tay “Già dịch” - danh xưng dành cho các đại biểu của U.D.Đ.T. (Cái tên này phát sinh từ một chuyện đùa thô tục, chơi chữ dựa trên từ “dịch” trong tên gọi chính thức của Ủy ban.) Một trong các bài hát đó, Yên Nghỉ Màu Nâu, được hồi sinh đi hồi sinh lại nhiều lần và lưu truyền đến tận ngày nay:

“Kìa xem những vòng hoa

Yên nghỉ màu nâu

Bi kịch cho bao nhiêu là

Già dịch!

Biết bao nhiêu

Già dịch!

Lười ôi chao ôi

Lười thối lười thây

Lười trợn bao ngày

Ngày đã rung chuông

Ôi ôi ngày đã rung chuông

Cho Đức Ông Sandwich!”

Thỉnh thoảng những lời đồn lại xì ra từ các phiên họp của U.D.Đ.T. Nghe nói họ đang đối chiếu văn bản và, thật tắc trách, các văn bản đều được nhắc tên. Những đồn thổi như thế không tránh khỏi làm dấy nên những cuộc nổi loạn chống chủ nghĩa đại đồng tôn giáo và, dĩ nhiên, khơi nguồn cảm hứng cho những nhận xét sâu cay mới.

Hai năm trôi qua... rồi ba năm.

Các đại biểu Ủy ban, trong lớp đại biểu đầu tiên thì chín người đã chết và được thay thế, ngừng mọi việc lại để tiến hành lễ nhậm chức chính thức của những người thay thế và công bố họ đang lao động cật lực để cho ra một cuốn sách sẽ loại bỏ “mọi triệu chứng bệnh lý” của quá khứ tôn giáo.

“Chúng tôi đang tạo ra một nhạc cụ của Tình thương yêu để nó được chơi theo mọi cách,” họ nói.

Nhiều người cho rằng thật kỳ quặc khi lời tuyên bố này lại làm bùng phát những cuộc bạo động tồi tệ nhất chống chủ nghĩa đại đồng tôn giáo. Hai mươi đại biểu bị các giáo đoàn của họ triệu hồi. Một người tự sát bằng cách đánh cắp tàu không gian rồi lái nó lao thẳng vào mặt trời.

Các sử gia ước tính những cuộc nổi loạn đã cướp đi tám mươi triệu sinh mạng. Con số này tương đương với sáu ngàn người cho mỗi thế giới thuộc Liên minh Landsraad tại thời điểm đó. Xét tình trạng bất an của thời kỳ này, đây có thể không phải là ước lượng quá đáng, tuy nhiên bất kỳ sự kỳ vọng nào đối với độ chính xác đích thực về con số rốt lại cũng chỉ đến thế mà thôi: kỳ vọng. Việc trao đổi thông tin giữa các thế giới đang nằm ở một trong những hồi suy thoái nhất.

Với giới nghệ sĩ hát rong, âu cũng là lẽ tự nhiên, thì đây là thời đại hoàng kim. Trong một vở nhạc kịch được ưa thích vào thời đó, có cảnh một đại biểu U.D.Đ.T. ngồi dưới gốc cọ trên bãi biển cát trắng, hát:

“Vĩ Thượng đế, đàn bà và sự huy hoàng của tình yêu

Chúng ta lần đầu tiên ở đây không sợ hãi chẳng âu lo.

Người hát rong! Người hát rong ơi, hãy cất giai điệu khác

Vĩ Thượng đế, đàn bà và sự huy hoàng của tình yêu!”

Bạo loạn và hài kịch chỉ là triệu chứng của thời đại, có tính khai mở sâu xa. Chúng tiết lộ giọng điệu tâm lý, những bất định sâu sắc... và sự gắng gỏi đấu tranh cho điều tốt đẹp hơn, cộng với nỗi sợ rằng rốt cuộc điều đó sẽ không đưa lại bất cứ cái gì.

Trong các thời kỳ đó, những đập ngăn chủ yếu chống lại tình trạng vô chính phủ là Hiệp hội thời kỳ phôi thai, Bene Gesserit và Landsraad, trong đó Landsraad vẫn tiếp tục duy trì kỷ lục nhóm họp trong suốt 2000 năm liên tục bất chấp những trở ngại nghiêm trọng nhất. Đóng góp của Hiệp hội có vẻ rõ ràng: họ cung cấp dịch vụ vận chuyển miễn phí cho toàn bộ công vụ của Landsraad và U.D.Đ.T. Vai trò của Bene Gesserit thì khó hiểu hơn. Hẳn nhiên đây là thời họ củng cố ảnh hưởng đối với các phù thủy, thử nghiệm những loại thuốc gây mê tinh vi, phát triển lối đào tạo prana-bindu và thai nghén Missionaria Protectiva, chi phái đen tối chuyên gieo rắc sự mê tín. Nhưng đó còn là thời chứng kiến việc soạn thảo Kinh

Chống Nỗi sợ và sự kết tập cuốn Sách Azhar, kỳ tích thư tịch học đã bảo tồn những bí ẩn lớn lao của các tín ngưỡng cổ xưa nhất.

Nhận xét của Ingsley có lẽ là nhận xét hợp lý duy nhất:

“Đó là những thời nghịch lý sâu xa.”

Thế rồi, trong hầu suốt bảy năm, U.D.Đ.T. làm việc cật lực. Và khi sắp đến dịp kỷ niệm bảy năm thành lập, họ chuẩn bị cho toàn vũ trụ loài người một tuyên bố vô cùng hệ trọng. Vào dịp kỷ niệm bảy năm đó, họ trình ra trước bàn dân thiên hạ cuốn Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam.

“Đây là một công trình đầy phẩm giá và ý nghĩa,” họ nói. “Đây là cách để nhân loại nhận thức về bản thân mình như một sáng tạo tuyệt đối của Thượng đế.”

Người của U.D.Đ.T được so sánh với các nhà khảo cổ chuyên khai quật ý tưởng, được Thượng đế truyền cảm hứng về sự vĩ đại của tái phát kiến. Nghe nói họ đã mang ra ánh sáng “cái sinh khí của những lý tưởng vĩ đại bị trầm tích của nhiều thế kỷ phủ lên”, rằng họ đã “mài sắc những đòi hỏi đạo đức xuất sinh từ lương tri tôn giáo.”

Cùng với Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam, U.D.Đ.T còn trưng ra Sách Nghi lễ và Chú giải - xét trên nhiều phương diện thì tác phẩm này còn kiệt xuất hơn nhiều, không chỉ vì sự ngắn gọn (chưa bằng phân nửa Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam), mà còn bởi sự trung thực và khả năng kết hợp giữa thái độ tự thương mình với tự cho mình là đúng.

Đoạn đầu rõ ràng là lời kêu gọi các lãnh tụ theo thuyết bất khả tri.

“Con người, do không tìm thấy câu trả lời cho sunnan [mười ngàn câu hỏi về tôn giáo trong Shari-ah] nên giờ đây áp dụng lập luận riêng của họ. Con người ai cũng mong mỗi được khai minh. Tôn giáo chẳng qua là phương pháp cổ xưa nhất và chính trực nhất mà theo đó con người gắng gỏi tìm ra ý nghĩa nơi vũ trụ của Thượng đế. Các nhà khoa học thì tìm tính hợp quy luật của các sự kiện. Nhiệm vụ của Tôn giáo chính là làm con người tương hợp với tính hợp quy luật đó.”

Tuy nhiên, trong phần kết luận, sách Chú giải lại dùng một giọng gay gắt rất có thể đã báo trước số phận của nó.

“Hầu hết những gì gọi là tôn giáo đều mang thái độ thù địch vô thức đối với sự sống. Tôn giáo đích thực phải dạy rằng sự sống tràn đầy niềm phúc lạc làm vui mắt Thượng đế, rằng tri thức mà không có hành động thì không có ý nghĩa gì hết. Mọi người phải thấy rằng, tôn giáo mà truyền giảng bằng luật lệ và học vẹt thì phần lớn là lừa bịp. Không khó để nhận ra thế nào là cách truyền giảng đúng đắn. Ta có thể nhận ra nó mà không hề nhầm lẫn bởi nó làm thức tỉnh trong ta cái cảm thức cho ta hiểu được đây là điều ta vốn vẫn luôn luôn biết.”

Có một cảm giác bình yên kỳ lạ khi nhà in và các máy in shigawire chạy hết tốc lực và Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam được truyền bá khắp mọi thế giới. Vài người diễn giải điều này như một dấu hiệu từ Thượng đế, một điềm báo về sự thống nhất.

Nhưng chính các đại biểu của U.D.Đ.T. đã cho thấy sự bình yên đó là hư ngụy ngay sau khi người nào quay trở về giáo đoàn người nấy. Chỉ trong vòng hai tháng, mười tám người trong số đó bị hành hình. Năm mươi ba người khác thì tuyên bố khước từ tín ngưỡng ngay trong năm đó.

Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam bị lên án là một công trình được tạo ra bởi “sự xấc xược của lý tính”. Nghe nói các trang sách tràn ngập mối quan tâm đầy cảm dỗ đối với logic. Bắt đầu xuất hiện những bản hiệu chỉnh phục vụ cho sự tin tưởng mù quáng của nhân dân. Các bản hiệu chỉnh này dựa trên những biểu tượng đã được chấp nhận (Thập tự, Lưỡi liềm, Lắc gấn lông vũ, Mười hai vị Thánh, Phật gầy, vân vân) và không mất nhiều thời gian để thấy rõ rằng những mê tín và tín ngưỡng cổ xưa đã không bị chủ nghĩa đại đồng tôn giáo mới có này nuốt chửng.

Cái danh hiệu mà Halloway dùng để gọi thành quả suốt bảy năm rông của U.D.Đ.T. - “Thuyết tất định Pha Thiên hà (Galactophasic Determinism)” - đã được hàng tỉ người háo hức vô ngay lấy, diễn các chữ viết tắt của cái tên này (G.D.) thành “God-Damned (Chết bầm chết tiệt)”.

Chủ tịch của U.D.Đ.T., Toure Bomoko, một Ulema của đạo Zensunni và một trong mười bốn đại biểu không bao giờ khước từ tín ngưỡng (“Mười bốn vị Thánh hiền” trong sử dân gian) hình như rốt cuộc cũng thừa nhận rằng U.D.Đ.T đã sai lầm.

“Chúng tôi lẽ ra không nên cố tạo ra những biểu tượng mới,” ông nói. “Chúng tôi lẽ ra phải hiểu, việc của chúng tôi không phải là đưa những thứ không chắc chắn vào trong tín ngưỡng đã được chấp nhận, rằng chúng tôi không được khuấy động sự tò mò về Thượng đế. Chúng ta phải hàng ngày đối mặt với sự bất ổn đáng sợ của tất cả những gì thuộc về con người, thế nhưng chúng ta lại để cho các tôn giáo của mình trở nên cứng nhắc và chặt chẽ hơn, cưỡng buộc và áp chế hơn. Bóng đen chắn ngang con đường của Lời răn Thiên liêng này là cái gì vậy? Thật đáng báo động khi mà các thiết chế cứ trường tồn, các biểu tượng cứ trường tồn dù nghĩa của chúng đã mất, khi mà chúng ta không có được tổng kết nào từ vốn tri thức có thể thủ đắc.”

Cái giọng điệu lập lờ chua cay trong lời “thú nhận” này không qua nổi con mắt của những người phê phán Bomoko và chẳng bao lâu sau ông buộc phải bỏ trốn, tự lưu đày, mạng sống của ông phụ thuộc vào cam kết của Hiệp hội rằng sẽ giữ bí mật. Người ta nói ông chết ở Tupile, được trọng vọng và yêu mến, những lời cuối cùng của ông là: “Tôn giáo trước sau vẫn phải là một lối thoát cho những người tự bảo mình: ‘Ta không phải loại người ta muốn.’ Nó không bao giờ được phép suy đồi thành một bầy đoàn những kẻ tự mãn.”

Thật thú vị khi nghĩ rằng Bomoko thấu hiểu sự tiên tri trong lời ông: “Các thể chế vẫn trường tồn.” Chính mười thế hệ sau, Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam và sách Chú giải đã tràn lan khắp cùng vũ trụ tôn giáo.

Khi Paul Muad'Dib đứng đặt bàn tay phải lên ngôi đền đá bao bọc sọ của phụ thân Người (bàn tay phải của người được ban phúc, chứ không phải bàn tay trái của kẻ bị nguyên rủa), Người đã trích dẫn từng lời trong “Di sản của Bomoko”:

“Các người, kẻ đã đánh bại chúng ta, tự nhủ rằng Babylon đã bại vong và

các công trình của nó đã bị lật đổ. Ta nói cho các người biết rằng con người vẫn ngồi nơi tòa án, mỗi người trên ghế bị cáo của riêng mình. Mỗi người là một cuộc chiến tranh nhỏ.”

Người Fremen nói rằng Muad'Dib giống như Abu Zide, người từng chỉ huy chiếc tàu chiến đánh bại Hiệp hội, người từng bay đến nơi đó rồi trở lại. Từ nơi đó dùng theo cách này, được giải thích trực tiếp từ huyền thoại Fremen có nghĩa là vùng đất của linh hồn-ruh, cái alam al-mithal nơi mọi giới hạn bị triệt tiêu.

Có thể dễ dàng nhìn thấy sự song hành giữa người này và Kwisatz Haderach. Kwisatz Haderach, người mà Nữ giáo đoàn tìm kiếm trong suốt chương trình nhân giống của họ, được hiểu là “Sự rút ngắn con đường” hay “Người có thể ở tại hai nơi cùng một lúc.”

Nhưng, có thể chỉ ra rằng cả hai cách hiểu này đều phát sinh trực tiếp từ sách Chú giải: “Khi luật pháp và nghĩa vụ tôn giáo là một, thì cái ngã của người bao trùm vũ trụ.”

Về chính mình, Muad'Dib nói: “Ta là một cái lưới trong biển thời gian, tự do ôm trọn tương lai và quá khứ. Ta là một cái màng di động mà không một khả năng nào có thể thoát ra khỏi nó.”

Những tư tưởng đó tất cả đều là một, và chúng đồng vọng với Kalima 22 trong Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam, viết rằng: “Dù một tư tưởng có được nói ra hay không thì nó vẫn là một thực thể và có các quyền năng của thực tại.”

Chính khi đọc các chú giải của Muad'Dib trong “Các trụ cột của vũ trụ”, có nghĩa là Qizara Tafwid theo như cách diễn giải của những tín đồ tôn sùng người, ta mới vỡ lẽ rằng thực ra Người mang nợ U.D.Đ.T. và truyền thống Zensunni của người Fremen.

Muad'Dib: “Luật pháp và nghĩa vụ là một; mong sao như thế. Nhưng hãy nhớ những giới hạn này - Rằng người không bao giờ hoàn toàn tự ý thức về mình. Rằng người vẫn đắm chìm trong tau cộng đồng. Rằng người luôn luôn kém hơn một cá nhân.”

Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam: Ngôn từ đồng nhất. (Khải ngôn 61).

Muad'Dib: “Tôn giáo thường dự phần vào huyền thoại về tiến bộ, cái huyền thoại che chở ta trước sự khủng khiếp của một tương lai bất định.”

Sách Chú giải của U.D.Đ.T: Ngôn từ đồng nhất (Sách Azhar truy nguyên lời nói này tới tác gia tôn giáo từ thế kỷ thứ nhất là Neshou; được phát biểu lại bằng những từ ngữ khác).

Muad'Dib: “Nếu một đứa trẻ, một người chưa được huấn luyện, một người dốt nát hay một kẻ điên rồ gây nên chuyện phiền hà, thì giới cầm quyền mới là kẻ có lỗi vì đã không tiên liệu và ngăn chặn được chuyện phiền hà đó.”

Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam: “Bất cứ tội ác nào cũng có thể quy - ít nhất là một phần - cho một khuynh hướng xấu tự nhiên vốn là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được Thượng đế chuẩn thuận.” (Sách Azhar truy nguyên câu này tới sách Tawra cổ của người Xêmit).

Muad'Dib: “Hãy vươn tay ra trước mà ăn thứ Thượng đế đã cho người; và khi người đã được no, hãy tạ ơn Thượng đế.”

Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam: Diễn giải bằng một câu khác có cùng ý nghĩa. (Sách Azhar truy nguyên tới một câu có hình thức hơi khác từ thời Hồi giáo thứ nhất).

Muad'Dib: “Lòng nhân từ là khởi đầu của sự tàn ác.”

Kitab al-Ibar của người Fremen: “Ảnh hưởng của một Thượng đế nhân từ là điều thật đáng sợ. Chẳng phải Thượng đế đã cho ta vầng mặt trời thiêu đốt (Al-Lat) sao? Chẳng phải Thượng đế đã cho ta những người Mẹ của Hơi ẩm (các Mẹ Chí tôn) sao? Chẳng phải Thượng đế đã cho ta Shaitan (Iblis, Xa Tăng) sao? Chẳng phải từ Shaitan ta đã có sự tàn hại của tốc độ hay sao?”

(Đây là nguồn gốc của câu châm ngôn Fremen: “Tốc độ từ Shaitan mà đến”. Hãy xem: cứ mỗi một trăm calo nhiệt năng sinh ra từ vận động [hay tốc độ], cơ thể lại bốc hơi chừng 170 gam mồ hôi. Theo ngôn ngữ Fremen mồ hôi là *bakka* hay nước mắt và, theo một cách phát âm, được dịch thành: “Tinh chất của sự sống mà Shaitan vắt ra từ linh hồn mi.”)

Sự xuất hiện của Muad'Dib được Koneywell gọi là “đúng lúc về mặt tôn giáo”, nhưng chuyện đúng lúc hay không chẳng có mấy can hệ ở đây. Như chính Muad'Dib đã nói: “Ta ở đây; cho nên...”

Tuy nhiên, điều cốt tử để có thể thấu hiểu tác động của Muad'Dib về mặt tôn giáo là đừng bao giờ bỏ sót một điều: Fremen là dân tộc sống trong sa mạc, toàn bộ tổ tiên họ đã quen với những cảnh quan thù địch. Chủ nghĩa thần bí chẳng phải là khó nếu như ta phải sống sót từng giây một bằng cách vượt qua sự thù địch khắp xung quanh. “Người ở đó, cho nên...”

Với một truyền thống như vậy, sự thống khổ là điều được chấp nhận - có lẽ như sự trừng phạt vô thức, nhưng được chấp nhận. Và cũng nên lưu ý rằng nghi lễ của người Fremen cho phép người ta hầu như không phải mang chút cảm giác tội lỗi nào. Điều đó không nhất thiết bởi vì luật pháp và tôn giáo của họ giống hệt nhau, khiến cho sự bất tuân trở thành tội lỗi. Hẳn sẽ đúng hơn nếu nói rằng họ dễ dàng tự gột rửa tội lỗi cho mình bởi vì sự sinh tồn hàng ngày của họ đòi hỏi phải có những phán xét tàn bạo (thường là chết chóc) mà nếu ở một xứ sở ôn hòa hơn thì ắt đã khiến con người mang gánh nặng tội lỗi không thể nào chịu nổi.

Đây có lẽ là một trong những căn nguyên khiến người Fremen chú trọng sự mê tín (bất chấp sự chăm nom của Missionaria Protectiva). Cát huyết lên là một điềm báo, thì đã sao nào? Nếu lần đầu tiên nhìn thấy trăng thứ nhất thì phải làm hiệu bằng nắm đấm, vậy đã sao nào? Xác thịt của một người là của riêng anh ta, còn nước của anh ta thì thuộc về bộ tộc - và huyền nhiệm của sự sống không phải bài toán cần giải mà là thực tại cần trải nghiệm. Các điềm báo giúp ta nhớ điều này. Và chính vì ta ở đây, chính vì ta có tôn giáo ấy, nên chung cuộc thì chiến thắng không thể không thuộc về ta.

Như dòng Bene Gesserit đã dạy suốt nhiều thế kỷ, từ lâu trước khi họ đụng đầu với người Fremen:

“Khi tôn giáo và chính trị đi trên cùng một chiếc xe, khi chiếc xe đó được một vị thánh sống (baraka) dẫn dắt, thì không gì có thể chặn ngang đường của nó.”

PHỤ LỤC III: TƯỜNG TRÌNH VỀ CÁC ĐỘNG CƠ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA BENE GESSERIT

Sau đây là một trích đoạn từ bản Tổng thuật do các đại diện của Lệnh bà Jessica soạn thảo theo yêu cầu của chính bà ngay sau Vụ Arrakis. Sự vô tư không thiên vị của bản tường trình này đã đưa giá trị của nó vượt ra ngoài cái thường tình.

Do Bene Gesserit đã hoạt động hàng bao thế kỷ sau sự che chắn của một ngôi trường nửa thần bí trong khi thực hiện chương trình nhân giống chọn lọc trên con người, chúng ta có xu hướng trao cho họ nhiều uy thế hơn so với những gì họ xứng đáng nhận được. Những phân tích về cái “thử nghiệm dựa trên sự kiện” của họ trong Vụ Arrakis cho thấy trường này đốt nát một cách sâu xa về vai trò của chính mình.

Người ta có thể biện luận rằng Bene Gesserit chỉ khảo sát được những sự kiện có sẵn chứ không thể tiếp cận trực tiếp Nhà tiên tri Muad'Dib. Nhưng ngôi trường này đã từng vượt qua những thử thách lớn hơn và sai lầm của nó ở đây còn đi xa hơn.

Chương trình của Bene Gesserit nhằm mục đích tạo ra một người mà họ gọi là “Kwisatz Haderach”, một thuật ngữ có nghĩa là “người có thể ở nhiều nơi cùng một lúc”. Nói đơn giản hơn, cái mà họ tìm kiếm là một con người có những năng lực tâm linh cho phép anh ta thấu hiểu và sử dụng những chiều thứ tự cao hơn.

Họ đang gây giống nhằm tạo ra một siêu Mentat, một máy tính-con người mang một số khả năng tiên tri vốn có ở những người lái tàu của Hiệp hội. Giờ xin hãy lưu ý kỹ đến các dữ kiện sau:

Muad'Dib, tên khai sinh Paul Atreides, là con của Công tước Leto, người mà huyết thống đã được theo dõi cẩn thận suốt hơn một ngàn năm. Mẹ của Nhà tiên tri, Lệnh bà Jessica, là con ruột của Nam tước Vladimir Harkonnen và mang những đặc tính di truyền mà tầm quan trọng cốt tử của chúng đối với chương trình gây giống đã được biết đến hầu như

suốt hai ngàn năm qua. Bà là một Bene Gesserit được gây giống và huấn luyện, và *lẽ ra đã là công cụ tự nguyện cho dự án này.*

Lệnh bà Jessica được lệnh sinh hạ một người con gái thuộc dòng họ Atreides. Kế hoạch là cho đứa con gái này phối giống với Feyd-Rautha Harkonnen, cháu của Nam tước Vladimir, với khả năng rất cao là từ cuộc phối ngẫu đó một Kwisatz Haderach sẽ ra đời. Nhưng thay vì vậy, vì những nguyên nhân mà bà thừa nhận chính bà cũng chưa bao giờ hiểu rõ, thì thiếp Lệnh bà Jessica đã bất tuân mệnh lệnh mà sinh ra một đứa con trai.

Nội một điều này hẳn đã khiến Bene Gesserit phải cảnh giác trước khả năng có một biến tố bất kham đã bước vào mưu đồ của họ. Nhưng có những chỉ báo khác còn quan trọng hơn gấp bội mà họ hầu như đã bỏ qua:

1. Ngay từ nhỏ, Paul Atreides đã tỏ ra có khả năng tiên báo tương lai. Chàng nổi tiếng là có những thị kiến tiên tri chuẩn xác, thấu suốt và không thể giải thích bằng hệ bốn chiều.

2. Mẹ Chí tôn Gaius Helen Mohiam, đức Tổng quản Bene Gesserit từng sát hạch tính người của Paul khi chàng mười lăm tuổi, khẳng định rằng trong cuộc sát hạch đó chàng đã vượt qua nhiều đau đớn hơn bất cứ người nào từng được ghi nhận trước đây. Vậy mà bà lại không lưu ý đặc biệt gì về điều đó trong báo cáo của mình!

3. Khi Gia tộc Atreides dời đến hành tinh Arrakis, dân Fremen ở đó nghênh đón chàng Paul trẻ tuổi như nghênh đón một nhà tiên tri, “giọng nói từ thế giới bên ngoài”. Dòng Bene Gesserit biết rõ rằng sự khắc nghiệt của một hành tinh như Arrakis, với cảnh quan hoàn toàn là sa mạc, không hề có nước trên bề mặt, với đòi hỏi gặt gao của những nhu cầu nguyên thủy nhất cho sự sống còn, không tránh khỏi sản sinh ra một tỉ lệ lớn những người nhạy cảm với cái siêu nhiên. Thế nhưng phản ứng này của người Fremen, cùng cái nhân tố hiển nhiên là khẩu phần ăn ở Arrakeen có hàm lượng hương dược cao, lại bị các nhà quan sát Bene Gesserit né tránh, không nhắc tới.

4. Khi nhà Harkonnen cùng đám binh lính cuồng tín của Hoàng đế Padishah tái chiếm Arrakis, giết chết phụ thân của Paul và hầu hết quân đội Atreides, Paul và mẹ chàng đã biến mất. Nhưng gần như ngay sau đó xuất hiện những báo cáo về một lãnh tụ tôn giáo mới của người Fremen, tên gọi là Muad'Dib, người mà một lần nữa được nghênh đón như “tiếng nói từ thế giới bên ngoài”. Các báo cáo này nói rõ rằng đi cùng với ông ta còn có một Mẹ Chí tôn mới thuộc Sayyadina, “là người phụ nữ đã sinh hạ Người”. Các hồ sơ mà Bene Gesserit thu thập được nói thẳng ra rằng các truyền thuyết Fremen về Nhà tiên tri bao hàm lời này: “Người sẽ được sinh hạ từ một phù thủy Bene Gesserit.”

(Người ta có thể tranh luận rằng từ hàng bao nhiêu thế kỷ trước, Bene Gesserit đã cử đoàn Missionaria Protectiva của mình đến Arrakis để ươm mầm một thứ giống như truyền thuyết này nhằm có được sự bảo vệ phòng trường hợp bất kỳ thành viên nào của trường này bị kẹt ở đó và cần nơi trú ẩn, và rằng cái truyền thuyết về “tiếng nói từ thế giới bên ngoài” này có thể bỏ hẳn sang một bên được, bởi hình như nó chỉ là cái mồi mà Bene Gesserit hay dùng. Nhưng điều này chỉ đúng nếu ta công nhận rằng Bene Gesserit đã đúng khi bỏ qua những manh mối khác về Paul Muad'Dib.)

5. Khi Vụ Arrakis bùng lên, Hiệp hội Không gian tiến hành đàm phán với Bene Gesserit. Hiệp hội bóng gió rằng những người lái tàu của họ, những kẻ dùng hương được của Arrakis nhằm tạo ra năng lực tiên tri giới hạn cần thiết để lái tàu vũ trụ qua không gian, đều “lo ngại về tương lai” hoặc nhìn thấy “những vấn nạn ở chân trời”. Điều này chỉ có thể có nghĩa là họ thấy một điểm kết nối, nơi gặp gỡ của vô số quyết định tinh vi, mà ở bên ngoài đó thì con đường bị che khuất trước con mắt tiên tri. Đây là dấu hiệu rõ ràng cho thấy một tác nhân nào đó đang can thiệp vào những chiều thứ tự cao hơn!

(Một vài Bene Gesserit từ lâu đã biết rằng Hiệp hội không thể can thiệp trực tiếp vào nguồn hương được trọng yếu bởi những người lái tàu của Hiệp hội xưa nay vẫn biết ứng phó với các chiều thứ tự cao hơn theo cách vụng về của riêng mình, ít nhất là đến mức nhận ra rằng một sơ suất nhỏ nhất của họ trên Arrakis cũng có thể dẫn tới tai họa. Điều ai

cũng biết là, những người lái tàu của Hiệp hội không thể tiên đoán nổi liệu có phương cách làm chủ hương được nào mà lại không cần tạo ra một điểm kết nối phức tạp như thế không. Kết luận hiển nhiên là, một ai đó có năng lực thứ tự cao hơn *đang* kiểm soát nguồn hương được, thế nhưng Bene Gesserit đã hoàn toàn không thấy được điểm này!)

Trước những sự kiện đó, người ta không khỏi đi đến kết luận rằng cách hành xử kém cỏi của Bene Gesserit trong vụ này là sản phẩm của một mưu đồ còn cao hơn mà họ hoàn toàn không biết tới!

PHỤ LỤC IV: NIÊN LỊCH EN-ASHRAF

(Trích đoạn chọn lọc về các Hoàng tộc)

SHADDAM IV (10.134 - 10.202)

Hoàng đế Padishah, vị thứ 81 trong dòng họ ngài (Gia tộc Corrino) ngự ở Ngai Kim Sư, trị vì từ năm 10.156 (ngày mà phụ thân ngài, Elrood IX, qua đời vì độc dược chaumurky) cho tới năm 10.196 thì bị thay thế bởi thời kỳ Nhiếp chính được thiết lập nhân danh ái nữ đầu lòng của ngài là Irulan. Trong thời trị vì của ngài đáng chú ý nhất là sự kiện Loạn Arrakis, bị nhiều sử gia quy kết là do Shaddam IV chìm đắm trong những lễ lạc xa hoa và do sự hào nhoáng của cung đình. Số người mang cấp bậc Burseg tăng gấp đôi trong mười sáu năm đầu ngài trị vì. Ngân sách huấn luyện quân Sardaukar teo tóp dần trong ba mươi năm cuối trước Loạn Arrakis. Ngài có năm ái nữ (Irulan, Chalice, Wensicia, Josifa và Rugi) nhưng không có hoàng nam chính thức. Bốn ái nữ theo ngài về ẩn cư. Phụ nhân của ngài, Anirul, một Bene Gesserit Cấp bậc Ẩn, mất năm 10.176.

LETO ATREIDES (10.140 - 10.191)

Một người họ hàng bên đằng ngoại của dòng Corrino, ông thường được gọi là Công tước Đỏ. Hai mươi thế hệ Atreides đã cai trị Caladan như một thái ấp siridar cho tới khi bị buộc phải chuyển sang Arrakis. Ông được biết đến chủ yếu với vai trò phụ thân của Công tước Paul Muad'Dib, Nhiếp chính Umma. Di hài của Công tước Leto nằm trong "Mồ Sọ" trên Arrakis. Cái chết của ông được cho là bởi sự phản bội của một bác sĩ trưởng Suk, và do âm mưu của Nam tước-Siridar Vladimir Harkonnen.

LỆNH BÀ JESSICA (thành viên danh dự của Gia tộc Atreides) (10.154 - 10.256)

Con gái ruột (có liên hệ với Bene Gesserit) của Nam tước-Siridar

Vladimir Harkonnen. Thân mẫu của Công tước Paul Muad'Dib. Bà tốt nghiệp trường Bene Gesserit Wallach IX.

CÔNG NƯỞNG ALIA ATREIDES (10.191 -

Con gái hợp pháp của Công tước Leto-Atreides và Lệnh bà Jessica, từ thiếp chính thức của ngài. Công nương Alia sinh hạ ở Arrakis khoảng tám tháng sau khi Công tước Leto tạ thế. Ngay từ lúc chưa ra đời bà đã tiếp xúc với chất gây mê quang phổ nhận thức, người ta thường cho rằng đó là lý do khiến các Bene Gesserit gọi bà là “Kẻ đáng nguyên rủa”. Trong sử dân gian người ta thường gọi bà bằng cái tên Thánh Alia hay Thánh Alia Con Dao (Muốn biết tiểu sử chi tiết, xem *Thánh Alia, Người săn một tỷ thế giới* của Pander Oulson).

VLADIMIR HARKONNEN (10.110 - 10.193)

Thường được gọi là Nam tước Harkonnen, tước hiệu chính thức của ông là Nam tước-Siridar (tức Thống đốc hành tinh). Vladimir Harkonnen là hậu duệ nam giới trực hệ của Bashar Abulurd Harkonnen, người từng bị trục xuất sau Trận chiến Corrino vì thái độ hèn nhát. Việc Gia tộc Harkonnen trở lại nắm quyền thường được cho là nhờ sự khéo léo léo lái thị trường da cá voi và sau đó được củng cố bằng nguồn của cải hương được từ Arrakis. Nam tước-Siridar mất ở Arrakis trong thời Nổi loạn. Ít lâu sau đó tước hiệu của ông được truyền cho chuẩn Nam tước Feyd-Rautha Harkonnen.

BÁ TƯỚC HASIMIR FENRING (10.133 - 10.225)

Một người họ hàng về bên ngoại của Gia tộc Corrino, ông là bạn thuở nhỏ của Hoàng đế Shaddam IV (*Lịch sử sao chép về Corrino*, một cuốn sách thường xuyên bị ngờ vực, kể lại câu chuyện thú vị rằng Fenring là người phải chịu trách nhiệm về việc dùng chaumurky để loại bỏ Hoàng đế Elrood IX). Mọi cứ liệu đều thống nhất rằng Fenring là người bạn thân nhất của Shaddam IV. Những công việc mà Bá tước Fenring thực hiện cho Đế chế bao gồm làm Đại diện của Đế chế tại Arrakis trong thời kỳ nhà Harkonnen cai trị ở đó và rồi làm Siridar-Absentia ở Caladan. Ông cùng Shaddam IV về quy ẩn ở hành tinh Salusa Secundus.

BÁ TƯỚNG GLOSSU RABBAN (10.132 - 10.193)

Glossu Rabban, Bá tước vùng Lankiveil, là cháu trai lớn nhất của Vladimir Harkonnen. Glossu Rabban và Feyd-Rautha Rabban (người này lấy họ Harkonnen khi được chọn làm thành viên của gia đình Nam tước-Siridar) là con hợp pháp của Abulurd, bán huynh đệ nhỏ tuổi nhất của Nam tước-Siridar. Khi được giao chức thống đốc tiểu hạt Rabban-Lankiveil, Abulurd đã từ bỏ họ Harkonnen và mọi quyền hạn đối với tước hiệu này. Rabban là một họ bên dòng ngoại của gia đình.

Thuật ngữ của Đế quốc

Khi nghiên cứu về Đế quốc, Arrakis, và toàn bộ nền văn hóa đã sản sinh ra Muah'Dib, bạn sẽ gặp nhiều thuật ngữ lạ. Nâng cao hiểu biết là một mục đích đáng được tán dương, vì vậy mới có các định nghĩa và giải thích dưới đây.

A

ABA: loại áo dài không bó, phụ nữ Fremen hay mặc; thường màu đen.

ACH: rẽ trái; hiệu lệnh của người cưỡi sâu cát.

ADAB: ký ức nghiệt ngã tự đến với chúng ta.

AKARSO: một loài cây xuất xứ từ Sikun (thuộc chòm sao 70 Ophiuchi A), nét đặc trưng là hầu hết lá đều có hình chữ nhật. Những sọc xanh lục và trắng của cây này cho biết trạng thái thường trực của nó là sự tồn tại song song của các vùng diệp lục tố hoạt động và diệp lục tố không hoạt động.

ALAM AL-MITHAL: thế giới huyền bí nơi mọi vật giống nhau, mọi giới hạn vật lý không còn nữa.

AL-LAT: mặt trời nguyên thủy của con người; nghĩa mở rộng: đại cổ sinh của bất cứ hành tinh nào.

AMPOLIROS: “Người Hà Lan bay” huyền thoại trong vũ trụ.

AMTAL hay LUẬT AMTAL: một luật chung chi phối các thế giới sơ cấp, theo đó mọi vật đều được kiểm tra để xác định những hạn chế hoặc khiếm khuyết của nó. Nghĩa thường dùng: kiểm tra trước khi phá hủy.

ÁO CHOÀNG JUBBA: áo choàng đa dụng (có thể điều chỉnh để phản

chiếu hay hấp thụ nhiệt bức xạ, có thể chuyển thành vông hay lều), ở Arrakis người ta thường mặc ngoài bộ sa phục.

AQL: bài kiểm tra lý trí. Nguyên thủy là “Bảy câu hỏi huyền bí” mở đầu bằng “Ai là kẻ tư duy?”

ARRAKEEN: khu định cư đầu tiên trên Arrakis; có ghế dài hạn trong chính phủ hành tinh.

ARRAKIS: hành tinh được gọi là Dune (Xứ Cát); hành tinh thứ ba của hệ Canopus.

AULIYA: trong tôn giáo của các Hành giả Zensunni, là người nữ bên tay trái Thượng đế; hầu gái của Thượng đế.

AUMAS: thuốc độc được chuốc vào thức ăn (đặc biệt là thuốc độc trong thức ăn ở thể rắn). Một số phương ngữ gọi là Chaumas.

AYAT: dấu hiệu của sự sống. (*Xem* Burhan).

B

B.G.: cách viết tắt dùng riêng cho Bene Gesserit, trừ khi dùng với ngày tháng. Nếu đi kèm ngày tháng, B.G. có nghĩa là Trước thời Hiệp hội (Before Guild) và được dùng để chỉ hệ thống lịch của Đế quốc dựa trên thời điểm ra đời nền độc quyền của Hiệp hội Không gian.

BAKKA: trong truyền thuyết Fremmen, là người khóc mướn khóc than cho toàn nhân loại.

BAKLAWA: một thứ bánh ngọt khó tiêu làm bằng xi rô chà là.

BALISSET: nhạc cụ chín dây, hậu duệ trực hệ của đàn zithra, được chỉnh theo điệu thức Chusuk, chơi bằng cách gảy dây. Nhạc cụ ưa thích của những người hát rong thuộc Đế quốc.

BÁN HUYNH ĐỆ: con cái của các tì thiếp trong cùng một gia đình và

được chứng nhận là cùng một cha.

BÃO CORIOLIS: bất kỳ trận bão cát lớn nào trên hành tinh Arrakis, nơi gió thổi qua những vùng đồng bằng rộng lớn được phóng đại bởi chuyển động quay vòng của chính hành tinh nên có thể đạt tới vận tốc 700 km/giờ.

BARAKA: một vị thánh sống, có những năng lực thần bí.

BASHAR (thường gọi là Đại tá Bashar): sĩ quan của đội quân Sardaukar, cao hơn một chút so với Đại tá trong hệ thống cấp bậc quân đội Chuẩn. Là cấp bậc được đặt ra cho lãnh tụ quân sự của một tiểu khu thuộc hành tinh. (Bashar của quân đoàn là một chức vị chỉ dành riêng cho giới quân sự).

BÃY CÁT: bất kỳ kẽ nứt sâu hay chỗ lõm nào trên sa mạc Arrakis bị bụi lấp đầy, có vẻ như không có gì khác với bề mặt xung quanh; một cái bẫy chết người vì người hay thú có thể sẩy chân rơi xuống và bị chết ngột. (Xem Trùng cát có sa triều).

BÃY GIÓ: một thiết bị đặt trên đường di chuyển của một loại gió thường thổi trong khu vực, có khả năng làm ngưng tụ hơi ẩm từ không khí bên trong nó, thường bằng cách làm nhiệt độ bên trong bẫy giảm xuống đột ngột và đáng kể.

BEDWINE: *xem* Ichwan Bedwine.

BELA TEGEUSE: hành tinh thứ năm của hệ Kuentsing: nơi dừng chân thứ ba trong cuộc di cư bắt buộc của người Zensunni (tức Fremmen).

BENE GESSERIT: ngôi trường cổ chuyên đào tạo về tâm thức và thể chất, được sáng lập dành cho học viên nữ, sau khi cuộc Thánh chiến Butler phá hủy cái được gọi là những “cỗ máy biết nghĩ” và robot.

BHOTANI JIB: *xem* Chakobsa.

BI-LA KAIFA: Amen. (Nghĩa đen: “Không cần giải thích thêm gì nữa.”)

BIÊN BẢN LUẬN TỘI: một bản báo cáo nửa chính thức quy cho ai đó tội chống lại Đế quốc. Về mặt luật pháp: là một tuyên bố ở giữa lời buộc tội mơ hồ bằng miệng và lời buộc tội chính thức.

BIỂN CÁT (ERG): một vùng cồn cát kéo dài.

BINDU: liên quan đến hệ thống thần kinh của con người, đặc biệt là khi nói về sự rèn luyện hệ thần kinh. Thường được diễn đạt bằng cụm từ *bindu-nervature*, nghĩa là sự làm chủ hệ thần kinh. (Xem Prana).

BLED: sa mạc phẳng, trơ trụi.

BỘ CÁT: từ dùng gọi chung các máy móc được thiết kế để hoạt động trên bề mặt Arrakis trong việc săn tìm và thu thập melange.

BOURKA: áo choàng không tay cách nhiệt mà phụ nữ Fremen mặc ở vùng sa mạc.

BURHAN: những thử thách của cuộc sống. (Thường dùng: *ayat* và *burhan* của cuộc sống. Xem Ayat).

BURSEG: một tướng chỉ huy của đội quân Sardaukar.

C

CAID: cấp bậc sĩ quan Sardaukar, dành cho một sĩ quan quân đội có nhiệm vụ chủ yếu là quan hệ với dân thường; tổng trấn quân sự cai quản trọn một khu của hành tinh; trên cấp Bashar nhưng không ngang hàng với Burseg.

CALADAN: hành tinh thứ ba của hệ Delta Pavonis; nơi chôn nhau cắt rốn của Paul Muad'Dib.

CANTO và RESPONDU: một nghi thức cầu khẩn, một phần Tổng bộ Thánh thư của Missionaria Protectiva.

CÁT TRỐNG: lực tác động của cát khiến cho bất kỳ va đập bất ngờ nào trên bề mặt cát cũng làm phát ra tiếng trống rất rõ ràng.

CẨM CỘC ĐOÁN THỜI TIẾT: nghệ thuật xếp những chiếc cộc bằng chất dẻo và vật liệu sợi trên những vùng sa mạc hoang vu của Arrakis rồi đọc các mẫu hình do bão cát khắc vào cột mà tiên đoán thời tiết.

CẶN LA BÀN: loại la bàn định hướng bằng sự bất thường của từ trường cục bộ; được dùng ở nơi có các đồ thị liên quan và ở nơi từ trường chung của một hành tinh không ổn định hoặc bị những trận bão từ mạnh gây nhiễu.

CÂY NHO MỰC: một loài cây bò, gốc gác ở hành tinh Giedi Prime, thường được dùng làm roi ở các khu nô lệ. Vết đánh để lại trên mình nạn nhân giống như những hình xăm màu củ cải đường, đau âm ỉ suốt nhiều năm.

CHAKOBSA: cái được gọi là “ngôn ngữ nam châm”, một phần xuất phát từ ngôn ngữ cổ Bhotani (Bhotani Jib - *jib* có nghĩa là phương ngữ). Một tập hợp các phương ngữ cổ được sửa đổi do nhu cầu giữ bí mật, nhưng chủ yếu là ngôn ngữ đi săn của Bhotani, các sát thủ đánh thuê trong những cuộc Chiến tranh Sát thủ đầu tiên.

CHAUMAS (*Aumas* theo một số phương ngữ): độc được cho vào thức ăn dạng rắn, phân biệt với độc được sử dụng theo cách khác.

CHAUMURKY (*Musky* hay *Murky* theo một số phương ngữ): độc được cho vào nước uống.

CHÂN NGÃ ẢNH: bức chân dung được tạo ra từ máy chiếu shigawire, loại máy có khả năng tái tạo những chuyển động tế vi được cho là truyền tải bản chất của cái ngã.

CHEOPS: cờ kim tự tháp; môn cờ gồm chín cấp độ, với mục đích kép là đưa con hậu của mình lên đỉnh và chiếu tướng của đối phương.

CHEREM: hội ái hữu của những người chung một mối thù (thường là để trả thù).

CHỈ SỐ CẤP ĐÔI: sổ ghi chính của dòng Bene Gesserit về chương trình nhân giống loài người nhằm mục đích tạo ra Kwisatz Haderach.

CHIẾN TRANH SÁT THỦ: hình thức chiến tranh hạn chế được phép tiến hành trong khuôn khổ Đại Hiệp định và Hòa ước Hiệp hội. Mục tiêu giảm thiểu sự liên lụy đến những người ngoài vô tội. Luật quy định phải công bố chính thức mục đích giết người và hạn chế vũ khí được phép.

CHOAM: tên viết tắt của Combine Honnette Ober Advancer Mercantiles - tập đoàn phát triển vũ trụ, do Hoàng đế và các Đại gia tộc cai quản, với các đối tác hùn vốn là Hiệp hội và Bene Gesserit.

CHUẨN (Na): một tiền tố có nghĩa là “được chỉ định” hay “người kế tiếp trong hàng”. Như vậy, chuẩn Nam tước có nghĩa là người sẽ thừa kế tước Nam.

CHUSUK: hành tinh thứ tư của hệ Theta Shalish; được gọi là “Hành tinh Nhạc” nổi tiếng về chất lượng nhạc cụ (*Xem Varota*).

CHUYÊN VIÊN THỜI TIẾT: người được huấn luyện các phương pháp đặc biệt để tiên đoán thời tiết ở Arrakis, trong đó có khả năng đóng cọc xuống cát rồi luận từ các hình do gió vẽ ra trên cọc.

CIELAGO: loài dơi Arrakis được làm cho thích nghi với việc truyền tin.

CỘT LỬA: một loại tên lửa đơn giản dùng làm pháo hiệu trên sa mạc.

CUTTERAY: một kiểu súng laze tầm gần, chủ yếu được dùng làm công cụ cắt và dao mổ của bác sĩ phẫu thuật.

CỬA AN TOÀN hay RÀO AN TOÀN: một tấm chắn năm lớp đặt ở lối thoát hiểm, dành cho những người được lựa chọn khi bị truy đuổi. (*Xem Tấm chắn năm lớp*).

D

DAO CON: loại dao lưỡi mỏng, ngắn (mũi thường tẩm độc) dành cho tay trái trong khi giao đấu có sử dụng tấm chắn.

DAO PHA LÊ: con dao thiêng của người Fremen trên Arrakis. Nó được làm từ răng con sâu cát đã chết, chế tác thành hai dạng. Hai dạng đó là “cố định” và “bất định”. Con dao bất định phải luôn luôn đặt kề cận điện trường của cơ thể người nếu không sẽ bị phân rã. Dao cố định thì được xử lý để có thể giữ lâu dài. Cả hai dạng đều dài khoảng 20cm.

DAR AL-HIKMAN: ngôi trường chuyên về chuyển dịch và diễn giải [các văn bản] tôn giáo.

DERCH: rẽ phải; hiệu lệnh của người cưỡi sâu cát.

DICTION FAMILIA: điều khoản của Đại Hiệp định, ngăn cấm việc ám sát hoàng thân hoặc thành viên một Đại Gia tộc bằng cách phản bội không chính thức. Luật này vạch ra khuôn khổ hình thức và giới hạn những biện pháp ám sát.

DISTRANS: thiết bị dùng để gây dấu ấn thần kinh tạm thời lên hệ thần kinh của những con chim Chiroptera. Khi đó tiếng kêu bình thường của con vật sẽ mang dấu ấn thông điệp, dấu ấn này có thể được một distrans khác lọc ra khỏi sóng âm.

DÙI GỌI: chiếc cốc ngắn một đầu có gắn quả lắc điều khiển bằng lò xo. Mục đích: khi được cầm xuống cát, nó sẽ phát những tiếng “thùng thùng” để gọi Shai-hulud đến. (Xem Móc bắt Ngài tạo).

DỤNG CỤ SA PHỤC: bộ dụng cụ sửa chữa và thay thế thiết yếu cho sa phục.

Đ

ĐẠI GIA TỘC: kẻ nắm giữ các thái ấp hành tinh; doanh nhân liên hành

ting (*Xem Gia tộc ở dưới*).

ĐẠI HIỆP ĐỊNH: thỏa ước vũ trụ được thực thi dưới sự cân bằng quyền lực giữa Hiệp hội, các Đại Gia tộc và Đế quốc. Điều khoản chính của nó nghiêm cấm sử dụng vũ khí nguyên tử nhằm vào mục tiêu con người. Mỗi điều khoản của Đại Hiệp định đều bắt đầu bằng câu: “Các thể thức này phải được tuân thủ...”

ĐẠI THƯƠNG THUẬN: tàu chở hàng cỡ lớn thuộc hệ thống vận tải của Hiệp hội Không gian.

ĐÈN CẦU: thiết bị chiếu sáng dạng phao treo, hoạt động bằng cách tự nạp năng lượng (thường bằng pin hữu cơ).

ĐỊA HÀO: một rãnh địa chất kéo dài, hình thành khi mặt đất sụt xuống vì những vận động trong các lớp địa chất bên dưới.

ĐIỀU ĐEN TỐI: uyển ngữ dùng để chỉ những điều mê tín dễ lây truyền mà Missionaria Protectiva dạy cho các nền văn minh dễ bị ảnh hưởng.

ĐỘC DƯỢC THẶNG DƯ: một phát minh được cho là của Mentat Piter de Vries, kẻ nào bị cấy chất này vào cơ thể thì sau đó sẽ phải tiêm thuốc giải độc liên tục. Bất cứ lúc nào ngừng tiêm thuốc giải độc, nạn nhân sẽ chết.

E

ECAZ: hành tinh thứ tư của hệ Alpha Centauri B; thiên đường của nhà điêu khắc, gọi như vậy vì đây là quê hương của fogwood, loài cây có khả năng biến hình ngay tại chỗ chỉ nhờ sức mạnh tư duy của con người.

EL-SAYAL: “mưa cát”. Một trận mưa bụi, do bão coriolis mang xuống độ cao trung bình (khoảng 2.000m). El-sayal thường đem độ ẩm đến cho mặt đất.

ELACCA (THUỐC): loại thuốc mê được chế ra bằng cách đốt gỗ elacca có hạt đỏ như máu của hành tinh Ecaz. Nó có tác dụng triệt tiêu gần như

toàn bộ khả năng tự bảo tồn. Da của người uống thuốc có màu cà rốt đặc trưng. Thường dùng cho các đấu sĩ nô lệ sắp ra đấu trường.

F

FAI: cổng vật bằng nước, loại hình thuế chính ở Arrakis.

FAUFRELUCHES: quy tắc phân chia giai cấp nghiêm ngặt mà Đế quốc buộc phải tuân theo. “Một chỗ cho mỗi người, và mỗi người ở đúng chỗ mình.”

FEDAYKIN: Những chiến binh cảm tử Fremen; trong lịch sử: một nhóm được thành lập và tuyên thệ hy sinh mạng sống để chấn chỉnh điều sai trái.

FIQH: tri thức, lễ luật tôn giáo; một trong những nguồn gốc nửa truyền thuyết của tôn giáo Phiêu dân Zensunni.

FREMEN: các bộ tộc tự do của hành tinh Arrakis; cư dân sa mạc, hậu duệ còn sót lại của Phiêu dân Zensunni. (“Sa Tặc” theo Từ điển Đế quốc).

FREMKIT: bộ công cụ để sống sót trong sa mạc, sản phẩm của người Fremen.

G

GALACH: ngôn ngữ chính thức của Đế quốc. Là ngôn ngữ lai Inglo-Slavic, với dấu vết rõ rệt của các thuật ngữ văn hóa-chuyên môn từng được sử dụng trong suốt chuỗi di cư dài của loài người.

GAMONT: hành tinh thứ ba của hệ Niushe; đáng chú ý bởi nền văn hóa chuộng khoái lạc và những kiểu cách ái ân kỳ lạ.

GÁNH NẶNG NƯỚC: tiếng Fremen: một nghĩa vụ trọng đại.

GẠO PUNDI: một giống gạo đột biến, hạt có hàm lượng đường tự nhiên

cao, dài tới 4cm; sản phẩm xuất khẩu chính của Caladan.

GARE: đôi có đỉnh bằng.

GEYRAT: tiến thẳng phía trước; hiệu lệnh của người cưỡi sâu cát.

GHAFLA: tự để mình bị sao lãng. Nghĩa rộng: người hay thay đổi, kẻ không đáng tin cậy.

GHANIMA: thứ gì đó có được trong chiến trận hoặc trong trận tử thí tay đôi. Thường là một vật kỷ niệm từ cuộc chiến được giữ để kêu gọi kỷ ức.

GIA TỘC: đặc ngữ dùng để chỉ Bộ tộc cai trị một hành tinh hay hệ hành tinh.

GIA TỘC GINAZ: từng một thời là đồng minh của Công tước Leto Atreides. Họ bị đánh bại trong cuộc Chiến tranh Sát thủ với Grumman.

GIEDI PRIME: hành tinh của hệ Ophiuchi B (36), quê hương của Gia tộc Harkonnen. Là một hành tinh có thể sống được ở mức trung bình, với phạm vi quang hợp tích cực thấp.

GIỌNG NÓI: kỹ năng phối hợp đặc biệt do Bene Gesserit phát minh, cho phép người thành thạo kỹ năng này có thể sai khiến người khác chỉ bằng cách lựa chọn những âm sắc của giọng nói.

GIUDICHAR: một sự thật thần thánh. (Thường gặp trong thành ngữ Giudichar mantene: một chân lý nguyên tuyền và phụ trợ).

GOM JABBAR: kẻ thù cây quỳên; chiếc kim độc đặc biệt tẩm chất siêu cyanide ở mũi, thường được các Tổng quân Bene Gesserit dùng để kiểm tra ý thức của con người, ai không qua được thì sẽ chết.

GRIDEX PLANE: thiết bị tách điện vi sai dùng để tách cát ra khỏi quặng hương được; sử dụng trong giai đoạn tinh lọc hương được thứ hai.

GRUMMAN: hành tinh thứ hai trong hệ Niushe; đáng chú ý chủ yếu bởi mối thù truyền kiếp giữa gia tộc cai trị hành tinh này (Moritani) với Gia tộc Ginaz.

H

HAGAL: “Hành tinh Ngọc” (II Theta Shaowei), được khai thác dưới thời Shaddam I.

HAIIII-YOH!: lệnh hành động; hiệu lệnh của người cưỡi sâu cát.

HAIJ: hành trình thần thánh.

HAIJRA: hành trình tìm kiếm.

HAL YAWM: “Rốt cuộc thì!..” Một câu ca thán của người Fremen.

HARJ: chuyển hành trình, di cư qua sa mạc.

HARMONTHEP: Insley đã lấy tên này theo tên của một hành tinh để gọi trạm dừng chân thứ sáu trong cuộc di cư của người Zensunni. Nó được cho là một vệ tinh không còn tồn tại của Delta Pavonis.

HIEREG: trại tạm thời của người Fremen trên sa mạc.

HIỆP HỘI: Hiệp hội Không gian, một nhánh trong thế kiềng ba chân về chính trị duy trì Đại Hiệp định. Hiệp hội là trường thứ nhì chuyên đào tạo về tinh thần-thể chất (Xem Bene Gesserit) sau cuộc Thánh chiến Butler. Ngày bắt đầu sự độc quyền của Hiệp hội trong du hành và vận tải không gian cũng như trong hoạt động ngân hàng quốc tế được coi là điểm khởi đầu của Lịch Đế quốc.

HIỆP HỘI KHÔNG GIAN: xem Hiệp hội.

HIỆU ỨNG HOLTZMAN: hiệu ứng đẩy cực âm của một máy phát tấm chắn.

HỢP THỦ LĨNH: khác với hợp Hội đồng. Là hội nghị chính thức của các lãnh tụ Fremen để chứng kiến một trận tử thí qua đó xác định lãnh tụ tối cao của bộ tộc (Hợp Hội đồng là cuộc họp nhằm đạt đến những quyết định liên quan đến tất cả các bộ tộc).

HỘI ĐỒNG TỐI CAO: nhóm chớp bu của Landsraad, được trao quyền hành động như tòa án tối cao trong những cuộc tranh chấp giữa các Gia tộc.

HUẤN LUYỆN: khi dùng để nói về Bene Gesserit, danh từ vốn dĩ thông thường này mang một nghĩa đặc biệt, ý nói sự rèn luyện đối với thần kinh và hệ cơ (Xem Bindu và Prana) được tiến hành ở cấp độ khả dĩ cuối cùng mà chức năng tự nhiên cho phép.

HUYỀN THUẬT: đặc ngữ, dùng để chỉ một cái gì đó dự phần vào cái thần bí hoặc ma thuật.

HƯƠNG DƯỢC: xem Melange.

I

IBN QIRTAIBA: “Lời thiêng nói như sau...” câu khởi đầu theo nghi thức mỗi khi niệm chú trong tôn giáo của người Fremen. (Lấy từ panoplia propheticus).

ICHWAN BEDWINE: hội ái hữu của toàn thể người Fremen trên hành tinh Arrakis.

IJAZ: lời tiên tri mà chính bản chất của nó khiến người ta không thể phủ định nó; lời tiên tri bất biến.

IKHUT-EIGH!: tiếng rao của người bán nước trên Arrakis (không rõ từ nguyên). Xem Soo-Soo Sook!

ILM: thần học; khoa học về truyền thống tôn giáo; một trong những nguồn gốc nửa truyền thuyết của tín ngưỡng Phiêu dân Zensunni.

ISTISLAH: một quy tắc vì phúc lợi chung; thường là mở đầu cho sự tất yếu cần phải tàn bạo.

IX: *Xem Richese.*

K

KANLY: hành động trả thù hợp pháp theo luật của Đại Hiệp định, được tiến hành trong khuôn khổ những hạn định khắt khe. (*Xem Phán quan Phụ trách Thay đổi*). Ban đầu các luật này được lập ra nhằm bảo vệ những người ngoài cuộc vô tội.

KARAMA: một phép màu; một hành vi được khởi đầu bởi thế giới tâm linh.

KHALA: lời niệm chú truyền thống để chiêu an những linh hồn giận dữ ở một nơi mà ta đang nhắc tên.

KHĂN QUÀNG NEZHONI: miếng đệm-khăn quàng buộc trước trán, bên dưới mũ trùm đầu của bộ sa phục, những phụ nữ Fremmen đã lấy chồng hoặc “đã cặp đôi” thường mang sau khi sinh con trai.

KHÓA MÃ TAY: loại khóa hay dấu niêm có thể mở bằng cách áp lòng bàn tay - nếu gập lòng bàn tay mà khóa đã được ghi nhớ, nó sẽ mở.

KIM LOẠI CĂNG: kim loại hình thành bằng cách cấy tinh thể jasmium vào duraluminum; đáng chú ý bởi sức căng cực lớn trong tương quan với trọng lượng. Cái tên này xuất phát từ chỗ nó thường được dùng trong các cấu trúc có thể gập lại, khi cần mở thì “căng” nó ra.

KINDJAL: đoản kiếm (hoặc dao dài) có hai lưỡi, tay cầm hơi cong dài khoảng 20cm.

KINH THÁNH TOÀN NHÂN LOẠI MÀU CAM: cuốn “Sách Tích lũy”, văn bản tôn giáo do Ủy ban Dịch giả Đại đồng Tôn giáo biên soạn. Nó chứa những yếu tố của các tôn giáo cổ nhất, bao gồm truyền thống

Maometh Saari, Thiên chúa Đại thừa, Cơ đốc Zensunni và Phật Hồi. Lời răn tối cao của nó được cho là: “Người không được phép làm méo mó linh hồn.”

KISWA: bất cứ hình tượng hoặc mẫu hình nào trong thần thoại Fremen.

KITAB AL-IBAR: cuốn cẩm nang của người Fremen ở Arrakis, kết hợp huấn dụ tôn giáo với những chỉ dẫn cần thiết để sống còn.

KULL WAHAD: “Tôi bị khuấy động sâu xa!” Một lời cảm thán chân thành biểu lộ sự ngạc nhiên, thường gặp ở Đế quốc. Ý nghĩa cụ thể còn tùy theo văn cảnh. (Nghe nói có lần Muad'Dib, khi quan sát một con chim ưng sa mạc từ trong trứng chui ra, đã nói thăm: “Kull wahad!”)

KULON: loài lừa hoang của thảo nguyên châu Á trên Trái đất, được làm cho thích nghi với điều kiện của Arrakis.

KWISATZ HADERACH: “Rút ngắn Con đường”. Đây là danh hiệu được dòng Bene Gesserit dùng để gọi *cái chưa biết* mà họ đang cố tìm cho nó một giải pháp về mặt di truyền: một Bene Gesserit nam giới mà năng lực tâm linh nội tại có thể làm cầu nối giữa không gian và thời gian.

KỶ LUẬT NƯỚC: sự huấn luyện nghiệt ngã nhằm làm cho cư dân Arrakis có thể sống ở đó mà không phí phạm hơi ẩm.

KỶ SĨ CÁT: thuật ngữ Fremen dùng để gọi người có khả năng bắt và cưỡi sâu cát.

L

LA, LA, LA: tiếng kêu biểu lộ nỗi đau buồn của người Fremen. (“la” có thể dịch ra như một lời phủ nhận tối hậu, một tiếng “không” mà ta không thể nào cưỡng lại).

LÁI XE HƯƠNG DƯỢC: bất cứ người nào ở Xứ Cát quản lý và điều khiển các máy móc có khả năng di chuyển trên bề mặt sa mạc của Arrakis.

LẼU SA MẠC: chiếc lều nhỏ bằng vải micro-sandwich, có thể bịt kín, được thiết kế nhằm mục đích thu hơi ẩm do người ở trong lều thở ra rồi tái chế thành nước uống.

LIBAN: bột liban Fremen là nước hương được pha bột yucca. Ban đầu là một loại sữa uống lên men.

LINH HỒN RUH: theo tín ngưỡng Fremen, là phần của cá thể luôn luôn cắm rễ vào (và có khả năng cảm nghiệm) thế giới siêu hình (*Xem Alam al-Mithal*).

LISAN AL-GAIB: “Tiếng nói Từ Thế giới Bên ngoài.” Trong các truyền thuyết về nhà tiên tri của người Fremen, là một nhà tiên tri từ thế giới khác. Đôi khi được dịch là “Người Cho Nước” (*Xem Mahdi*).

LITERJON: một loại bình chứa dung tích 1 lít, dùng để vận chuyển nước trên Arrakis, làm bằng loại nhựa polypropylene, không vỡ, có van chống rò rỉ.

M

MAHDI: trong truyền thuyết về nhà tiên tri của người Fremen, là “Người sẽ dẫn dắt chúng ta đến Thiên đàng”.

MANTENE: tri thức sơ đẳng, lối biện luận hỗ trợ, nguyên lý đầu tiên (*Xem Giudichar*).

MAULA: nô lệ.

MÁY DÒ ĐỘC DƯỢC: thiết bị phân tích mùi bằng phóng xạ, dùng để phát hiện chất độc.

MẮT IBAD: hệ quả đặc thù của một chế độ dinh dưỡng giàu chất melange, trong đó tròng trắng và con ngươi của mắt chuyển sang màu xanh nước biển (cho thấy mức độ nghiện melange cao).

MẸ CHÍ TÔN: nguyên là Tổng quản của trường Bene Gesserit, người đã chuyển hóa một “chất độc khai sáng” bên trong cơ thể mình, nâng mình lên một cấp độ nhận thức cao hơn. Danh hiệu này được người Fremen dùng để gọi các lãnh tụ tôn giáo của họ, những người đã đạt tới sự “khai sáng” tương tự. (Xem thêm Bene Gesserit và Nước của Sự sống).

MẸ VĨ ĐẠI: nữ thần có sừng, nguyên lý nữ của không gian (thường gọi là Mẹ Không gian), khuôn mặt nữ của bộ ba nam-nữ-trung tính được nhiều tôn giáo trong Đế quốc chấp nhận như là Thực thể Tối cao.

MELANGE: “hương dược của mọi hương dược”, loại tài nguyên mà Arrakis là nguồn cung cấp duy nhất. Hương dược, đáng chú ý chủ yếu nhờ khả năng duy trì tuổi thọ, có tính gây nghiện nhẹ nếu dùng với số lượng nhỏ, gây nghiện nặng nếu hấp thụ với liều lượng trên 2g một ngày cho mỗi 70kg trọng lượng cơ thể (Xem Ibad, Nước của Sự sống, Quặng Tiền Hương dược). Muad'Dib tuyên bố hương dược là chìa khóa cho những năng lực tiên tri của ngài. Những người lái tàu của Hiệp hội cũng tuyên bố như vậy. Giá của melange trên thị trường Đế quốc đạt tới mức 620.000 solari cho 1dkg.

MENTAT: tầng lớp công dân Đế quốc được đào tạo để đạt tới cấp độ logic tối cao. “Máy tính-người”.

MIHNA: mùa sát hạch những thanh niên Fremen muốn được công nhận đã đến độ trưởng thành.

MISH-MISH: quả mơ.

MISR: thuật ngữ xưa người Zensunni (Fremen) dùng để gọi chính mình: “Dân tộc”.

MISSIONARIA PROTECTIVA: một nhánh của dòng Bene Gesserit chịu trách nhiệm gieo rắc tín ngưỡng dị đoan vào những thế giới sơ khai, qua đó khai thác các tôn giáo này để phục vụ lợi ích của Bene Gesserit. (Xem Panoplia propheticus).

MÓC BẮT NGÀI TẠO: móc được dùng để bắt, cưỡi và điều khiển sâu cát ở Arrakis.

MUAD'DIB: loài chuột túi đã thích nghi với điều kiện của Arrakis, trong truyền thuyết về hồn-đất của người Fremen là sinh vật gắn liền với một hình ảnh có thể thấy rõ trên vầng trăng thứ hai của hành tinh. Sinh vật này được người Fremen khâm phục bởi khả năng sống còn trên sa mạc.

MUDIR NAHYA: tên người Fremen dùng để gọi Rabban Thú dữ (Bá tước Rabban xứ Lankiveil), họ hàng với nhà Harkonnen, làm thống đốc-Siridar của Arrakis trong nhiều năm. Cái tên này thường được dịch là “Kẻ cai trị như Ác quỷ”.

MUSHTAMAL: khoảng hè nhỏ hay sân trước của một khu vườn.

MUSKY: thuốc độc trong thức uống. (Xem Chaumurky).

MU ZEIN WALLAH!: Mu zein nghĩa là “chẳng có gì tốt đẹp”, còn wallah là một tiếng cảm thán về chính mình, đặt ở cuối câu. Phần mở đầu thường gặp trong lời nguyện rửa kẻ thù của người Fremen này, Wallah chuyển ngược sự nhấn mạnh vào bản thân hai chữ Mu zein, làm cho cả câu có nghĩa: “Chẳng có gì tốt đẹp, không bao giờ tốt đẹp, chẳng tốt cho bất cứ cái gì.”

N

NAIB: người đã thề sẽ không bao giờ để cho kẻ thù bắt sống; lời tuyên thệ truyền thống của một lãnh tụ Fremen.

NGÀI TẠO: xem Shai-hulud.

NGÀI TẠO BÉ: những vật chủ nửa cây nửa thú của loài sâu cát trên Arrakis, sống sâu dưới cát. Phân của Ngài tạo bé tạo thành khối quặng tiền hương được.

NGÔN NGỮ CHIẾN TRẬN: bất cứ loại ngôn ngữ đặc biệt nào, với vốn

từ hạn chế, dành riêng cho việc giao tiếp rõ ràng, dễ hiểu trong chiến tranh.

NGƯỜI GÓP SƯƠNG: những công nhân chuyên dùng thiết bị thu sương hình dáng như chiếc hái để “gặt” sương đọng trên cây cối ở Arrakis.

NGƯỜI MÓC: một người Fremen trang bị lưỡi móc bắt Ngài tạo, sẵn sàng bắt sâu cát.

NGƯỜI NÓI SỰ THẬT: một Mẹ Chí tôn đủ tư cách để thể nhập vào tình trạng Xuất thần Truy Sự thật và phát hiện sự không thành thật hay giả dối.

NGƯỜI XỨ CÁT: tên dùng để gọi những người làm việc ngoài trời trên cát, người săn hương được và những người tương tự trên Arrakis. Công nhân cát. Công nhân hương được.

NÓN LẶNG: trường của một bộ phận gây nhiễu có tác dụng hạn chế độ vang xa của giọng nói hay bất cứ vật rung nào khác bằng cách làm giảm độ rung với một chấn động ảnh lệch pha 180 độ.

NOUKKER: sĩ quan đội cận vệ của Đế quốc, có quan hệ huyết thống với Hoàng đế. Con trai các tù thiếp của Hoàng đế thường được phong chức này.

NỔ DÂY LỚN, (CUỘC): từ thường dùng để gọi cuộc Thánh chiến Butler.

NƯỚC CỦA SỰ SỐNG: một chất độc “khai sáng” (Xem Mẹ Chí tôn). Cụ thể là chất lỏng do một con sâu cát (Xem Shai-hulud) thở ra khi nó chết đuối; chất này được chuyển hóa trong cơ thể một Mẹ Chí tôn để trở thành thuốc mê dùng trong cuộc truy hoan tập thể của người Fremen sống trong sietch. Thuốc mê “quang phổ nhận thức”.

O

OPAFIRE: một trong những loại ngọc opan hiếm của hành tinh Hagal.

OUT-FREYN: theo tiếng Galach có nghĩa là “kẻ ngay bên ngoài ta”; nghĩa là: không thuộc cộng đồng gần gũi nhất của ta, không nằm trong số người được lựa chọn.

ỐNG DẪN NƯỚC: ống bên trong sa phục hay lều sa mạc, có chức năng vận chuyển nước đã tái chế vào túi hứng hoặc từ túi hứng đến người mặc.

ỐNG THÔNG HƠI CÁT: thiết bị thở dùng để bơm không khí trên bề mặt vào một lều sa mạc bị cát vùi.

P

PAN: trên hành tinh Arrakis, từ dùng để gọi một vùng đất thấp hay đất trũng hình thành do sự sụt lún của tầng địa chất bên dưới. (Trên những hành tinh có đủ nước, một vùng *pan* cho thấy ngày xưa khu vực đó từng bị nước bao phủ. Người ta tin rằng Arrakis có ít nhất một khu vực như vậy, tuy nhiên điều này vẫn còn gây tranh cãi).

PANOPLIA PROPHETICUS: thuật ngữ bao hàm các tín ngưỡng dị đoan mà dòng Bene Gesserit dùng để lợi dụng những khu vực còn sơ khai (*Xem Missionaria Protectiva*).

PHÁN QUAN PHỤ TRÁCH THAY ĐỔI: một chức vụ do Hội đồng Tối cao Landsraad và Hoàng đế bổ nhiệm để giám sát sự thay đổi của một thái ấp, một cuộc đàm phán về *kanly*, hay một trận đánh hợp pháp trong Chiến tranh Sát thủ. Quyền phán xử của Phán quan này chỉ có thể bị bãi miễn bởi Hội đồng Tối cao với sự có mặt của Hoàng đế.

PHÍCH LỌC: bộ lọc đeo bên trong sa phục để thu giữ hơi ẩm trong hơi thở người.

PHIM MINIMIC: làm bằng shigawire với đường kính một micrômet, thường dùng để chuyển thông tin tình báo và phản gián.

PHƯƠNG PHÁP BENE GESSERIT: sự lưu ý đến những chi tiết cực nhỏ

khi quan sát.

PLENISCENTA: một loài hoa màu xanh độc nhất vô nhị của hành tinh Ecaz, nổi tiếng với mùi thơm ngọt.

PORITRIN: hành tinh thứ ba của hệ Epsilon Alangue, được nhiều Phiêu dân Zensunni coi là hành tinh gốc của mình, mặc dù ngôn ngữ và huyền thoại của họ chứa đựng những manh mối cho thấy hành tinh cội nguồn của họ còn cổ xưa hơn nhiều.

PORTYGUL: Quả cam.

PRANA (hệ cơ-Prana): hệ cơ của thân thể, với hàm ý coi đó là những đơn vị cần thiết cho sự tu tập tối hậu (*Xem Bindu*).

PYON: các nông dân hoặc công nhân bị gắn chặt vào một hành tinh nhất định; một trong các giai cấp cơ bản theo hệ thống giai cấp Faurefluches. Thuật ngữ pháp lý: “những người được hành tinh bảo trợ”.

Q

QANAT: một con kênh lộ thiên dẫn nước tưới cây xuyên qua sa mạc, trong những điều kiện được kiểm soát.

QIRTAIBA: *xem* Ibn Qirtaiba.

QUẶNG TIỀN HƯƠNG DƯỢC: giai đoạn tăng trưởng mạnh của khối mầm hương dược, khi nước tràn vào bãi phân của các Ngài tạo bé. Ở giai đoạn này, hương dược Arrakis hình thành một “cú nổ” đặc trưng, trong đó vật chất nằm sâu dưới đất được trao đổi với vật chất trên mặt đất. Chất “quặng” này, sau khi được phơi dưới ánh nắng và không khí, sẽ trở thành melange (*Xem thêm Melange và Nước của Sự sống*).

QUÂN ĐOÀN ĐẾ CHẾ: đơn vị gồm mười lữ đoàn (khoảng 30.000 người).

QUIZARA TAFWID: tu sĩ Fremmen (theo Muad'Dib).

R

RACHAG: loại đồ uống có tính kích thích kiểu như cà phê, làm từ loại quả mọng akarso màu vàng (*Xem Akarso*).

RAMADHAN: thời kỳ ăn chay và cầu nguyện theo tôn giáo cổ; thường là tháng thứ chín theo lịch âm-dương. Người Fremen thì tiến hành nghi thức này vào chu kỳ thứ chín khi mặt trăng thứ nhất lên thiên đỉnh.

RAZZIA: một cuộc đột kích nửa cướp bóc của quân du kích.

RECATH: ống chức năng cơ thể nối hệ bài tiết của người với các bộ lọc tái chế của sa mạc.

RICHESE: hành tinh thứ tư của Eridani A, được xếp hạng Ix bởi nền văn hóa cơ khí đạt mức tối cao. Đáng chú ý bởi nghệ thuật vi tiểu hóa (Muốn tìm hiểu chi tiết về việc Richese và Ix đã thoát khỏi những hậu quả nghiêm trọng hơn của Thánh chiến Butler, xem *Cuộc Thánh chiến cuối cùng* của Sumer và Kautman).

S

SA CHỦ: người phụ trách tối cao các hoạt động khai thác hương dược.

SA HÀNH GIẢ: bất cứ người Fremen nào đã được huấn luyện để sống sót trên sa mạc.

SA PHỤC: bộ quần áo bọc kín người, được phát minh ở Arrakis. Được may bằng chất liệu micro-sandwich có chức năng tản nhiệt và lọc các chất thải của cơ thể. Hơi ẩm do cơ thể thải ra, sau khi tái chế, sẽ được trữ lại trong các túi hứng để uống.

SÁCH PHIM: bản in shigawire được dùng trong huấn luyện, mang một xung ghi nhớ.

SADUS: danh hiệu người Fremen dùng để gọi các phán quan linh thiêng,

tương đương với các thánh.

SALUSA SECUNDUS: hành tinh thứ ba của hệ Gamma Waiping; được chỉ định là Hành tinh Ngục thất của Đế quốc sau khi Tòa án Hoàng gia dời đến Kaitain. Salusa Secundus là quê hương của Gia tộc Corrino và nơi dừng chân thứ hai trên đường di cư của các Phiêu dân Zensunni. Theo truyền thuyết Fremen, họ từng là nô lệ trên S.S. trong suốt chín thế hệ.

SAPHO: chất lỏng giàu năng lượng chiết xuất từ rễ chần của hành tinh Ecaz.

SARDAUKAR: các binh sĩ cuồng tín của Hoàng đế Padishah. Họ xuất thân từ một môi trường tàn bạo đến nỗi cứ mười ba người thì có sáu người chết khi chưa tới tuổi mười một. Khi huấn luyện quân sự cho họ, người ta nhấn mạnh tính tàn nhẫn và việc không đếm xỉa tới an toàn của bản thân đến độ gần như là tự sát. Từ nhỏ họ đã được dạy phải sử dụng sự tàn ác làm vũ khí chuẩn mực, lấy sự khùng bố làm đối phương khiếp nhược. Ở thời kỳ đỉnh cao thống trị của họ với các vấn đề trong vũ trụ, kiếm thuật của họ được cho là ngang với đệ thập đẳng Ginaz, còn khả năng dùng thủ đoạn xảo quyệt khi tham chiến thì có tiếng là gần như tương đương một bậc thầy Bene Gesserit. Bất cứ ai trong số họ đều tương đương với mười binh sĩ thông thường của quân đội Landsraad. Đến thời Shaddam IV, tuy họ vẫn còn rất đáng sợ, song sức mạnh của họ đã suy yếu bởi sự tự tin quá đáng, và sự thần bí của thứ tôn giáo chiến binh lâu nay vẫn duy trì sức mạnh của họ đã bị xói mòn sâu sắc bởi tính hoài nghi.

SARFA: hành vi xa rời Thượng đế.

SAYYADINA: tầng lầu nữ giới trong hàng giáo phẩm Fremen.

SÂU CÁT: *xem* Shaid-Hulud.

SCHLAG: loài thú què ở Tupile, từng bị săn bắt đến gần như tuyệt chủng để lấy bộ da mỏng và chắc của nó.

SELAMLIK: phòng yết kiến của Hoàng đế.

SEMUTA: chất dẫn xuất gây mê thứ hai (bằng cách chiết xuất tinh thể) từ những gì sót lại sau khi đốt gỗ elacca. Hiệu quả (được mô tả là trạng thái ngây ngất phi thời gian kéo dài) được gây ra bởi những dao động phi điều thức nhất định gọi là âm nhạc semuta.

SERVOK: thiết bị định giờ dùng để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản; một trong những thiết bị “tự động” được phép sử dụng hạn chế từ sau cuộc Thánh chiến Butler.

SHADOUT: “người mức giếng”, từ xưng hô tôn kính của người Fremen.

SHAH-NAMA: cuốn Đệ Nhất Kỳ Thư có tính bán truyền thuyết của những Phiêu dân Zensunni.

SHAIID-HULUD: loài Sâu cát ở Arrakis; “Ông già vùng Sa mạc”, “Lão phụ Vĩnh hằng”, “Lão ông Sa mạc.” Cái tên này, khi được nhắc đến bằng một giọng điệu nhất định hoặc viết bằng chữ hoa, ám chỉ vị thần đất trong tín ngưỡng về bếp lửa của người Fremen. Sâu cát trưởng thành có thể đạt kích thước cực lớn (người ta đã gặp những cá thể dài tới trên 400m ở sâu trong sa mạc) và sống rất lâu nếu không bị đồng loại giết hoặc chết đuối, bởi nước là chất độc đối với chúng. Người ta cho rằng hầu hết cát trên Arrakis được hình thành từ các hoạt động của loài sâu cát. (Xem Ngài tạo bé).

SHAITAN: Xa Tăng.

SHARI-A: một phần của panoplia propheticus quy định các nghi thức mê tín. (Xem Missionaria Protectiva).

SHIGAWIRE: chiết xuất kim loại từ một loài dây leo trên mặt đất. (*Narvi narvium*) chỉ mọc trên Salusa Secundus và III Delta Kaising. Đáng chú ý bởi lực căng cực lớn.

SIETCH: tiếng Fremen nghĩa là “Nơi tụ họp khi nguy hiểm”. Bởi người Fremen từ quá lâu đã phải sống trong tình cảnh hiểm nguy, nên từ này trở

nên thông dụng để chỉ bất cứ hang đá nào có một trong các cộng đồng của bộ tộc họ sinh sống.

SIÊU KÍNH: loại kính được hình thành từ sự tổng hợp gas nhiệt độ cao trong những tấm thạch anh jasmium. Đáng chú ý bởi sức căng cực lớn (khoảng 450.000kg trên 1cm vuông với độ dày 2cm) và khả năng dùng làm bộ lọc phóng xạ có lựa chọn.

SIHAYA: tiếng Fremen dùng để gọi thời kỳ mùa xuân ở sa mạc, mang những hàm ý tôn giáo, ám chỉ thời kỳ cây cối đơm hoa kết quả và “thiên đường sẽ đến”.

SIRAT: đoạn trích trong Kinh thánh Màu Cam mô tả cuộc sống con người như hành trình qua một cây cầu hẹp (Sirat) với “Thiên đường bên phải, Địa ngục bên trái, và Thần Chết phía sau ta.”

SOLARI: đơn vị tiền tệ chính thức của Đế quốc, giá trị của một đơn vị tiền tệ này được ấn định bởi các cuộc đàm phán bốn trăm năm một lần giữa Hiệp hội, Landsraad và Hoàng đế.

SOLIDO: hình ảnh ba chiều từ máy chiếu solido sử dụng các tín hiệu tham chiếu 360 độ in trên một cuộn shigawire. Máy chiếu Ixian solido thường được coi là tốt hơn cả.

SONDAGI: hoa uất kim hương thuộc giống dương xỉ ở Tupali.

SOO-SOO-SOOK!: tiếng rao của người bán nước rong ở Arrakis. Sook là một khu chợ. (Xem Ikhut-eigh!)

SỔ TAY SÁT THỦ: tài liệu biên soạn từ thế kỷ III về các loại thuốc độc thường dùng trong một cuộc Chiến tranh Sát thủ. Về sau được mở rộng để chỉ cả những công cụ giết người được phép dùng theo Hòa ước Hiệp hội và Đại Hiệp định.

SƠ ĐỒ SINK: bản đồ bề mặt Arrakis, trong đó vẽ các con đường cận la bàn đáng tin cậy nhất nối liền các nơi trú ẩn (Xem Cận la bàn).

SỢI KRIMSKELL hay THƯỜNG KRIMSKELL: loại “sợi quắp” được bện từ dây leo hufuf của hành tinh Ecaz. Các nút được buộc bằng sợi krimskell sẽ “quắp” lại càng lúc càng chặt để định vị trước giới hạn khi người ta kéo sợi dây được thắt nút. (Để nghiên cứu chi tiết hơn, xem “Dây leo siết cổ của hành tinh Ecaz” của Holjance Vohnbrook).

SUBAKH UL KUHAR: “Anh có khỏe không?”: một lời chào của người Fremen.

SUBAKH UN NAR: “Tôi khỏe. Còn anh?”: lời đáp theo truyền thống.

SÚNG BẮN PHI TIÊU: vũ khí phóng phi tiêu ở tốc độ chậm, chuyên bắn phi tiêu có đầu tẩm thuốc độc hay chất gây mê. Hiệu quả bị hạn chế bởi những biến thiên trong thông số cài đặt tẩm chần cũng như những chuyển động tương đối giữa mục tiêu và vũ khí.

SÚNG LAZE: loại vũ khí phát ra sóng laze duy trì. Hạn chế sử dụng ở những nơi có áp dụng lá chắn dưới dạng trường bảo vệ, bởi phản ứng nổ (từ kỹ thuật là phản ứng tổng hợp hạ nguyên tử) sẽ xảy ra khi dòng laze cắt vào tấm chắn.

SÚNG LỤC BARADYE: một loại súng bắn bụi có điện tích tĩnh, được chế tạo ở Arrakis nhằm tạo ra một vùng rộng đánh dấu bằng thuốc nhuộm trên mặt cát.

SÚNG LỤC MAULA: súng lục nạp lò xo để bắn phi tiêu tẩm thuốc độc; tầm bắn khoảng 40m.

T

TAHADDI AL-BURHAN: một thử thách tối hậu mà người ta không thể kháng cự (thường là bởi nó mang lại cái chết hay sự hủy diệt).

TAM VỊ CHẾT: ban đầu dùng để chỉ chiếc giá ba chân mà trên đó các đao phủ vùng sa mạc treo cổ tội nhân. Nay dùng để chỉ ba thành viên của một Cherem đã tuyên thệ cùng trả một mối thù.

TAQWA: nghĩa đen: “Cái giá của tự do”. Một cái gì đó có giá trị lớn lao. Điều mà thần linh đòi hỏi ở con người (và nỗi sợ do đòi hỏi đó khơi nên).

TAU: trong thuật ngữ Fremen, là *tính nhất thể* của cộng đồng sietch, được tăng cường bởi thức ăn có hương được và đặc biệt là cơn cuồng hoan của tinh thần nhất thể được khơi dậy nhờ uống Nước của Sự sống.

TÀU CẢNH VỆ: loại orhihopter nhẹ trong một nhóm săn hương được, chịu trách nhiệm quan sát và bảo vệ.

TÀU CHIM: máy bay có khả năng bay bằng cách đập cánh liên tục giống như chim.

TÀU CHUYỂN QUÂN: tàu của Hiệp hội dành riêng để vận chuyển quân đội giữa các hành tinh.

TÀU NGHIỀN: tàu vũ trụ quân sự, gồm nhiều tàu nhỏ hơn ghép vào nhau, được thiết kế để cho rơi vào vị trí của quân địch, nghiền nát mục tiêu.

TÀU THIẾT GIÁP: một tàu chiến vũ trụ gồm mười cấu kiện, bọc giáp hạng nặng và có trường bảo vệ. Được thiết kế sao cho có thể tách ra thành từng cấu kiện rồi để phóng lên sau khi rơi xuống bề mặt hành tinh.

TÀU THỔ: một thiết bị bay, “ngựa thổ” ở hành tinh Arrakis, thường chuyên chở các thiết bị lớn để khai thác, săn lùng và tinh cất hương được.

TÀU TRÚT: thuật ngữ chung dùng để gọi bất cứ vật chứa hàng nào có hình dáng bất thường, được trang bị bề mặt chịu cháy mòn và hệ thống treo giảm xóc. Tàu trút được dùng để đổ vật liệu từ không gian lên bề mặt hành tinh.

TÀU VŨ TRỤ: tàu lớn, có thể hạ cánh xuống hành tinh và cất cánh mà không cần có bộ phận nào tách ra.

TẮM CHẮN (BẢO VỆ): trường bảo vệ được tạo ra bằng máy phát

Holtzman. Trường này xuất phát từ Pha Thứ nhất của hiệu ứng vô hiệu hóa lực treo. Tấm chắn chỉ cho phép những vật thể di chuyển ở tốc độ chậm xuyên qua (tùy theo thông số cài đặt, tốc độ này dao động từ 6 đến 9cm một giây) và chỉ có thể vượt qua bằng một điện trường cỡ shire. (Xem Súng laze).

TẤM CHẮN NĂM LỚP: một trường tạo tấm chắn gồm năm lớp, thích hợp cho những khu vực nhỏ như ngưỡng cửa hay hành lang (những tấm chắn gia cố lớn thì càng nhiều lớp lại càng kém ổn định) và gần như không ai có thể vượt qua nếu không đeo một bộ hóa giải được kích hoạt cùng mã số với tấm chắn. (Xem Cửa an toàn).

THÁNH CHIẾN: một cuộc chiến lớn mang tính tôn giáo; cuộc chiến lớn mang tính cuồng tín.

THÁNH CHIẾN BUTLER (Xem thêm Nổi dậy Lớn): cuộc đại chiến chống lại máy vi tính, máy biết suy nghĩ và robot có ý thức, khởi đầu vào năm 201 B.G., kết thúc vào năm 108 B.G. Điều răn chính của cuộc chiến này còn lưu lại trong Kinh thánh Toàn Nhân loại Màu Cam như sau: “Người không được làm ra chiếc máy giống như tâm trí con người.”

THẤU KÍNH DẦU: dầu huful được giữ ở độ căng tĩnh bởi trường lực khép kín bên trong ống quan sát, vốn là bộ phận của một hệ thống phóng đại hay hệ thống xử lý ánh sáng khác. Do mỗi yếu tố của thấu kính có thể được điều chỉnh riêng rẽ mỗi lần một micrômet, nên thấu kính dầu được cho là giải pháp tối ưu về độ chính xác khi xử lý ánh sáng nhìn thấy được.

THẦY QUẢN NƯỚC: một người Fremen được tôn phong và chịu trách nhiệm tiến hành các nghi lễ liên quan đến vấn đề nước và Nước của Sự sống.

THÉP DẪO: loại thép đã được ổn định hóa bằng những sợi stravidium cấy vào cấu trúc tinh thể của nó.

THIỆT BỊ THU SƯƠNG: không nên nhầm với *người góp sương*. Thiết bị thu sương là những thiết bị hình quả trứng, trục dài khoảng 4 cm. Chúng

được làm bằng chất dẻo đa sắc, dưới ánh sáng thì phản xạ màu trắng, trong bóng tối thì chuyển sang trong suốt. Thiết bị thu sương tạo nên một bề mặt khá lạnh nơi sương sớm sẽ đọng lại. Chúng được người Fremen bố trí dọc các chỗ đất trũng hình lòng chảo dùng để trồng trọt; cung cấp cho cây trồng một lượng nước nhỏ nhưng ổn định.

THỦ THÁCH MASHED: một thử nghiệm mà trong đó danh dự (được định nghĩa là vị thế tinh thần) được đưa ra làm vật bảo đảm.

THỦ THÁCH TAHADDI: lời thách đấu một mất một còn của người Fremen, thường là để kiểm chứng một vấn đề hệ trọng nào đó.

THƯƠNG NHÂN TỰ DO: uyển ngữ dùng để chỉ những kẻ buôn lậu.

TIỂU GIA TỘC: giai cấp doanh nhân trong phạm vi mỗi hành tinh (“Richece” theo ngôn ngữ Galach).

TIỂU MA ĐAO: một công cụ giết người thông dụng; là một mảnh kim loại tự treo, điều khiển từ xa, biết tự tìm đến mục tiêu.

TLEILAX: hành tinh duy nhất của sao Thalim, nổi tiếng với vai trò trung tâm đào tạo kẻ nổi loạn dành cho các Mentat; nguồn xuất thân của các Mentat “biến chất”.

TỐI THƯỢNG Y PHÁP: một sự khai triển của trường y Suk; mức rèn luyện cao nhất nhằm chống lại việc cướp đi sinh mạng con người. Người đã đạt tới cấp độ này được đánh dấu bằng một vết xăm hình tinh thể kim cương trên trán, được phép để tóc dài, buộc một vòng Suk bằng bạc.

TỔNG QUẢN TỐI CAO: là một Mẹ Chí tôn Bene Gesserit đồng thời là quản lý khu vực của một trường B.G. (Thường được gọi là Bene Gesserit Thấu thị).

TRĂNG THỨ HAI: vệ tinh nhỏ hơn trong số hai vệ tinh của Arrakis, đáng chú ý ở chỗ trong các ký hiệu trên bề mặt có hình con chuột cẳng gu ru.

TRĂNG THỨ NHẤT: vệ tinh chính của Arrakis, mọc đầu tiên trong đêm, đáng chú ý bởi có một hình nắm tay người rõ rệt trên bề mặt.

TRẬN CORRIN: trận chiến không gian được dùng để đặt tên cho Hoàng tộc Corrino. Trận đánh diễn ra năm 88 B.G. gần Sigma Draconis, qua đó Gia tộc ở Salusa Secundus lên nắm quyền cai trị.

TREO BINDU: một dạng đặc biệt của chúng giữ nguyên tư thế, do chủ thể tự gây ra.

TRIỀU CÁT: từ dùng để gọi một cơn triều của bụi cát: sự dao động mực cát ở một số vùng lòng chảo phủ đầy cát trên Arrakis do hiệu ứng hấp dẫn của mặt trời và các vệ tinh gây ra (*Xem Trùng cát có Sa triều*).

TRÙNG CÁT CÓ SA TRIỀU: từ dùng để gọi bất cứ vùng đất trùng rộng nào trên bề mặt Arrakis bị bụi cát phủ kín suốt nhiều thế kỷ và ở đó người ta đã đo được những cơn triều cát thực sự (*Xem Triều cát*).

TRƯỜNG TREO: pha (cực máng thấp) thứ hai của một máy phát trường Holtzman. Nó vô hiệu hóa trọng lực trong những giới hạn nhất định được quy định bởi khối lượng tương đối và sự tiêu thụ năng lượng.

TÚI HỨNG: chiếc túi trên sa phục, dùng để hứng và lưu trữ nước đã tinh lọc.

TUPILE: cái gọi là “hành tinh thánh địa” (có thể có đến vài hành tinh) dành cho các Gia tộc bị đánh bại của Đế quốc. Các nơi này chỉ Hiệp hội biết, được duy trì tình trạng bất khả xâm phạm theo Hòa ước Hiệp hội.

TƯỜNG CHẴN: một đặc điểm địa lý ở vùng phía Bắc Arrakis, đó là những ngọn núi tạo thành bức tường bảo vệ một khu vực nhỏ tránh không phải hứng chịu trọn vẹn ảnh hưởng của các cơn bão coriolis trên hành tinh này.

TƯỜNG RÌA: bậc thượng thứ nhì của các dốc bảo vệ trên Tường Chặn Arrakis (*Xem Tường Chặn*).

U

ULEMA: tiến sĩ thần học Zensunni.

UMMA: một người thuộc hội ái hữu nhà tiên tri (Một từ miệt thị trong Đế quốc, ám chỉ bất cứ kẻ “mọi rợ” nào hiến mình cho những lời tiên tri cuồng tín).

UROSHNOR: một trong nhiều âm thanh không có nghĩa chung, được các Bene Gesserit cấy vào tâm thức những nạn nhân được chọn nhằm mục đích làm chủ họ. Kẻ nhiễm Uroshnor khi nghe thấy âm thanh này thì sẽ bị tê liệt tạm thời.

USUL: tiếng Fremen: “Bệ cột”.

V

VAN BỊT CỬA: một tấm van nhỏ gọn bằng chất dẻo, dùng để bảo đảm độ ẩm an toàn trong các trại nghỉ của người Fremen trong hang động.

VAROTA: người làm đàn baliset nổi tiếng; quê ở Chusuk.

VERITE: một trong những thứ thuốc mê của xứ Ecaz nhằm tiêu diệt ý chí. Nó khiến người ta không còn khả năng nói dối.

VÒNG ĐẾM NƯỚC: những vòng kim loại nhiều kích cỡ, mỗi vòng biểu thị một lượng nước cụ thể có thể mua từ các kho của người Fremen. Vòng đếm nước có tầm quan trọng sâu sắc (vượt xa ngoài ý niệm về tiền bạc), nhất là trong những nghi thức liên quan đến chuyện sinh tử và tìm bạn phối ngẫu.

VÙNG ĐẤT THẤP: một khu vực đất thấp có thể sinh sống được trên Arrakis, bao quanh là vùng đất cao bảo vệ nó thoát khỏi các cơn bão thường thổi ở nơi này.

W

WALI: một thanh niên Fremen chưa được thử thách.

WALLACH IX: hành tinh thứ chín của Laoujin, nơi tọa lạc Trường Mẹ của dòng Bene Gesserit.

X

XUẤT THẦN TRUY SỰ THẬT: trạng thái xuất thần nửa thôi miên, do một trong vài loại thuốc mê “quang phổ nhận thức” gây nên. Người nhập vào trạng thái này sẽ có khả năng thấy rõ ngay cả những biểu hiện nhỏ nhất của sự giả dối cố tình ở kẻ khác (Lưu ý: thuốc mê “quang phổ nhận thức” thường nguy hiểm chết người, chỉ trừ đối với những cá nhân đã được miễn nhiễm, có khả năng chuyển hóa thành phần của chất độc trong cơ thể mình).

XUỞNG HƯƠNG DƯỠC: *xem* Bọ cát.

XUỞNG KHAI THÁC: một cỗ máy khai thác hương dược lớn (khoảng 120m x 40m), thường được dùng ở các mỏ có trữ lượng cao, chưa bị ô nhiễm. (Thường được gọi là “con bọ” bởi khi lắp trên những đường ray độc lập hình dáng nó trông giống con bọ).

Y

Ý THỨC LỬA: cấp độ tối cao mà Tối thượng Y pháp có thể đạt tới. (*Xem* Tối thượng Y pháp).

YA HYA CHOUHADA: “Các chiến sĩ muôn năm!” Tiếng hô xung trận của quân Ferdaykin. Từ “ya” (bây giờ) trong tiếng thét này được tăng cường bởi từ “hya” (cái bây giờ kéo dài vô tận). Chouhada (chiến sĩ) ở đây mang nghĩa bổ sung là những chiến sĩ đấu tranh *chống* sự bất công. Từ này có sự khác biệt ở chỗ, các chiến sĩ ở đây không chiến đấu vì một cái gì, mà hiến mình để *chống* một cái gì đó cụ thể, và chỉ vậy mà thôi.

YALI: khu vực dành cho cá nhân trong sietch của người Fremen.

YA! YA! YAWM!: câu ngân nga của người Fremen sử dụng trong những nghi thức có tầm quan trọng sâu xa. “Ya” có nghĩa gốc là “Bây giờ hãy chú ý!”; “yawm” là một từ biến thể dùng để kêu gọi một cách khẩn thiết. Câu ngân nga này thường được dịch là “Giờ hãy nghe đây!”

Z

ZENSUNNI: các môn đồ của một giáo phái ly khai đã tách ra khỏi những giáo huấn của Maometh (người được gọi là “Muhammed III”) vào khoảng năm 1381 B.G. Tôn giáo Zensunni nổi bật chủ yếu ở chỗ chú trọng cái thần bí và bởi sự trở lại “con đường của những người cha”. Hầu hết học giả coi Ali Ben Ohashi là lãnh tụ của nhóm ly giáo nguyên thủy, nhưng có một số bằng chứng cho thấy Ohashi có thể chỉ là người phát ngôn nam giới cho bà vợ thứ hai của mình là Nisa.

Chú thích bản đồ

Cơ sở tính vĩ độ: kinh tuyến đi qua Núi Đài thiên văn.

Đường chuẩn để xác định độ cao: Bled Lớn.

Vùng thấp Địa cực: 500m dưới mực bề mặt Bled.

Carthag: cách Arrakeen khoảng 200km về phía Đông Bắc.

Hang Chim: ở Rặng Habbanya.

Bình nguyên Tang lễ: vùng erg rộng, trơ trụi.

Bled Lớn: vùng sa mạc bằng phẳng, trơ trụi, trái ngược với vùng erg nhiều cồn cát. Sa mạc bằng phẳng chạy dài từ khoảng 60° Bắc đến 70° Nam. Nơi này hầu hết là cát và đá, đôi khi có những vĩa cấu trúc nền phức hợp trồi lên bề mặt.

Đất Thấp Lớn: một vùng đá trũng sâu rộng lớn nhập vào vùng erg. Nằm ở bên trên Bled chừng 100m. Đôi chỗ ở vùng Đất Thấp là những vùng pan có muối mà Pardot Kynes (cha của Liet-Kynes) phát hiện ra. Từ Sietch Tabr xuôi về phía Nam tới chỗ các cộng đồng sietch chỉ định có những vĩa đá nhô cao đến 200m.

Đèo Harg: Đền thờ Sọ Leto nhìn xuống đèo này.

Khe Cũ: một khe nứt trong Tường Chắn Arrakeen sâu tới 2240m; bị Paul Muad'Dib cho nổ tung.

Vườn quả phía Nam: không xuất hiện trên bản đồ này. Nằm ở khoảng vĩ độ 40° Nam.

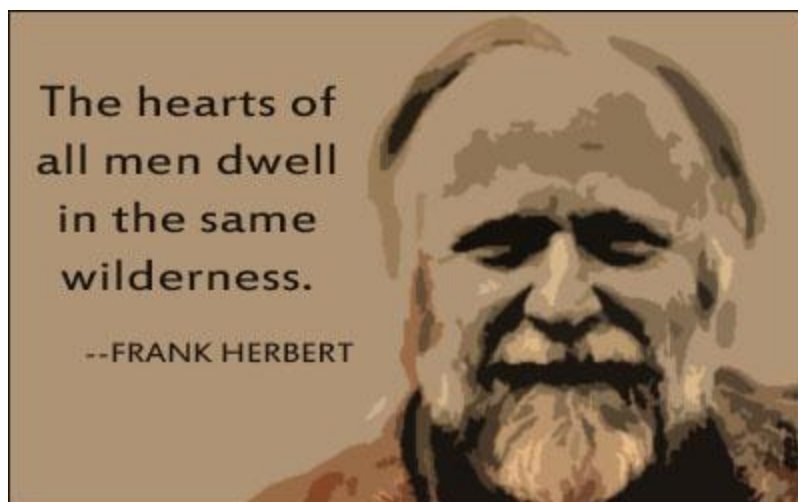
Vực Đổ: 1582m dưới mực bề mặt Bled.

Tường Rìa Tây: vách đá cao (4600m) nằm phía trong, nhô lên vượt hẳn Tường Chấn Arrakeen.

Đèo Gió: hai bên là vách đá, dẫn tới các làng vùng đất thấp.

Đường Sâu cát: biểu thị các điểm xa nhất về phía Bắc nơi người ta từng ghi nhận có sâu cát. (Độ ẩm là yếu tố quyết định, chứ không phải nhiệt độ thấp).

HẾT



" I must not fear. Fear is the mind-killer. Fear is the little-death that brings total obliteration. I will face my fear. I will permit it to pass over me and through me. And when my fear is gone I will turn and face fear's path, and only I will remain. "

- Frank Herbert

